MỐI HY-VỌNG CỦA AN-NAM TẠP-CHÍ Ở NĂM 193

nột sự tình-cờ trên li[illegible] ớc Pháp tự đảm nhận cái [illegible] hiệm mở đường giắt lối [illegible] tộc An-nam, hẳn cũng [illegible] ho ta một ngày một hay, [illegible] i cứng cánh dầy lông [illegible] g người bay cao lượn [illegible] ân-tộc An-nam, thừa-[illegible] giang-sơn gấm vóc của tổ-tiên trên mấy nghìn năm để lại, hẳn cũng mong cho mình một ngày một khá, để không đến nỗi đeo tiếng ươn hèn, ngu dại, mà giữ được một cái địa-vị xứng-đáng ở dưới bóng mặt giời. Hai mối hy-vọng ấy, tưởng rất là thành thực mà chính đáng. Nhờ đấy, sự hội-ngộ của hai nước Pháp, Nam ở trên bờ bể Thái-Bình-Dương này mới có ý-nghĩa, cũng nhờ đấy, cái giây liên-lạc của hai dân tộc Pháp, Nam mới mong mỗi ngày thêm mật-thiết vững-bền.

Ngảnh lại trước đây sáu, bảy mươi năm, đem cái tình-hình sinh-hoạt c[illegible] rớc ta bấy giờ mà so với [illegible] tình bấy giờ, chắc ai cũ[illegible] ải công-nhận rằng: về phầ[illegible] c-kế dân-sinh, nước Pháp [illegible] p cho ta thực-hành được [illegible] điều tiến-bộ. Đưa mắt [illegible] giải đất chạy dài từ [illegible] m-quan đến vũ[illegible] đốc, bức dư-đồ quả [illegible] tươi tốt hơn xưa. Ta [illegible] e nhận rằng cái quãng sáu, bảy mươi năm vừa qua đây, không phải là một cái thời gian hư phí của dân tộc An-nam vậy.

Song, vài năm gần đây, trong đám không-khí quang tạnh, thỉnh thoảng bỗng hiện vẻ khói ám xường mù. Con thuyền xã-hội và kinh-tế, tuy chưa đến nỗi gặp cơn giông tố, mà những kẻ tay chèo tay lái, cũng đã phải nhọc lòng gắng sức, mới giữ cho khỏi có lúc chòng chành. Vậy vì phong-trào sôi-đầy, thời thế bức-bách, nên sự sinh-hoạt của dân ta bỗng [illegible] ra những trạng-thái bất-a[illegible] chăng? Hay vì chính-sách bảo-hộ, đối với trình-độ tiến-hóa của dân ta, còn có chỗ chưa thật là hay là tốt chăng?

Đáp lại hai câu hỏi ấy, tôi xin mượn lời của nguyên Toàn-quyền **Sarraut**, đọc ở trong kỳ đại hội-nghị của đảng Xã-hội Cấp-tiến mới họp ở bên Pháp vừa rồi. Ngài nói:

« *Trong các qu[illegible] khách đến* « *thăm cuộc đấu[illegible] ảo thuộc-địa,* « *ít người đã lưu[illegible] âm nghĩ đến* « *cái tấn đại bi-[illegible] h của nhân* « *loại hiện đươ[illegible] phô-diễn ở* « *mặt sau cái [illegible] nh thần-tiên* « *này.*

« *Tấn bi-kịch [illegible] tức là món* « *tiền thường-[illegible] ản của cuộc* « *tiến hóa. Nhữn[illegible] m-nặng của* « *các giống ngu[illegible] ản-xứ, nhờ* « *cái động-lực [illegible] i-tây đánh* « *thức dậy, bây giờ [illegible] thế phản*

« lòng, nguyên-nhân cái tấn bi-« kịch là ở đây. Mà cái tấn kịch « ấy càng bành - trướng bao « nhiêu, thì ta lại càng nên lấy « làm lo sợ bấy nhiêu, bởi vì « nếu các nước Âu-châu mà « mất hết các thuộc địa, là những « nơi sản-xuất các nguyên-liệu « và tiêu-thụ các hóa-vật cho ta, « thì sự sinh-hoạt của toàn Âu « sẽ vì đấy mà kém cơ hoạt « động.

. . . . . .

« Nay muốn giải-quyết vấn-« đề ấy cho hợp với quyền-lợi « của ta, mà cũng thích hợp với « những điều ước-vọng chính-« đáng của các dân tộc ấy ta phải « cậy ở cái trí-hướng khoan-« hồng bác-ái, là cái đặc-tính « của chính-sách thuộc-địa ta. « Hợp công-lý, thuận nhân-tình « theo ý tôi, cái cách giải-quyết là ở đấy. » (Peu de visiteurs de l'Exposition coloniale ont eu conscience du grand drame humain qui se joue derrière ce décor féerique. — Ce drame, c'est la rançon du progrès. Son origine c'est la contre-offensive des énergies indigènes éveillées par le dynamisme européen. Et son développement est d'autant angoissant que si l'Europe perdait à la fois ces producteurs de matières premières et ces débouchés pour ses marchandises que sont les territoires d'outre-mer, elle en resterait paralysée. . . .

. . . . . .

C'est dans l'esprit libéral et humain, qui caractérise notre politique coloniale que devons lui (la crise) donner une solution conforme à nos intérêts, comme aussi aux justes aspirations de ces peuples. C'est dans la justice et l'équité qu'est la solution.)

Giải-thích và tìm phương bổ-cứu tình hình khủng-hoảng ở các thuộc-địa, mà nhất là ở Đông-pháp này, mấy lời tóm tắt ấy sác đáng và thành thực hơn biết bao bài trường-thiên đại-luận. Mà đó không phải là những câu nói «lấy-lòng» trong đám đón rước linh-đình, hay những câu chuyện cao-hứng trong cuộc tiệc vui chè chén, mà là nhời nói chân-thành của một nhà chuyên-môn về vấn - đề thuộc-địa, tuyên-bố ở trong kỳ đại-hội của một chính-đảng có thế-lực nhất ở bên Pháp bây giờ. Vậy, nếu đến kỳ đại tuyển-cử sắp tới đây, đảng Xã hội Cấp-tiến là cái chính đảng đã công-nhận mấy nhời trên kia làm tiêu-chuẩn cho cái chính-kiến của đảng về vấn-đề thuộc-địa, được chiếm thắng-số trong trốn nghị-trường, thì chắc chính sách thuộc-địa sẽ có một phen thay đổi, mà cái số phận các dân-tộc đặt dưới quyền bảo-hộ ngọn cờ ba sắc, chắc cũng sẽ hiện ra nhiều vẻ khả-quan. Thấy tán mừng mưa, trông mơ đỡ khát, ta há chẳng nên mong cho tiền-đồ các dân-tộc khuộc-địa, sẽ cùng với năm 1932 bước vào một thời kỳ mới hay sao ?

Song, đó còn là một điều ước vọng cao xa ; hãy nhìn ngay gần đây, ta cũng thấy ở chân giời, đã lập lòe một vài tia sáng hy-vọng. Sau khi tiếp-xúc với dân An-nam, quan Tổng-trưởng **Reynaud**, lên tầu về Pháp, đã ngỏ ý cho ta biết rằng: trong các chính-sách hiện thi-hành ở địa-hạt Đông-pháp, có một vài chỗ cần phải cải-lương. Trong kỳ hội-đồng Chính-phủ vừa đây, quan Toàn-quyền **Pasquier** cũng đã thể-ý quan **Reynaud** mà tuyên bố đại khái những chỗ cốt yếu về vấn đề cải cách ấy. Vậy ta cũng nên nhân khi Chính-phủ còn đương nghiên-cứu các vấn-đề ấy, mà bầy tỏ, một vài điều ước vọng chung.

Về phương-diện **Chính-trị**, ta mong: rồi đây chính-phủ sẽ mở rộng các cơ quan bảo-cử nới rộng quyền tuyển cử và cho dân ta được hưởng các quyền lợi tầm thường mà cần thiết cho sự sinh hoạt, . . .

. . . . . .nhưng, về phía quốc dân, ta càng mong sao cho người mình, khi đã được những quyền ấy rồi, đừng lạm-dụng, mà biết lợi-dụng một cách khôn ngoan cẩn trọng.

Về công việc **hành-chính** đối với những kẻ nào là tham-quan ô-lại, mấy cái án nghiêm-khắc gần đây, cũng đã đủ biết cái chính - sách vì lương - dân, nhưng, cái ung độc mấy mươi năm, không phải mấy liều thuốc mạnh chữa cho khỏi được. Mong sao từ đây, về đường hình - phạt, giơ cao đập mạnh, pháp luật vẫn giữ cái thái-độ cương-quyết ấy, nhưng về đường tuyển cử, Chính-phủ cũng phải chú-trọng vào nhân phẩm, vào tư-cách các quan-lại thì mới mong khôi - phục lại cái quan - kỷ tôn - nghiêm của ngạch quan-

lại mà dân gian mới được an-cư lạc-nghiệp, không đến nỗi lầm than.

Về phương-diện **giáo-dục**, cho cái nền học phổ-thông chữ Pháp, có nhiều chỗ không thích hợp với não-chất và hoàn-cảnh dân ta, nên rồi đây Chính-phủ sẽ bằng ở cái kiến-giải ấy mà sửa đổi lại chương-trình học-khóa : nhưng ngặt một nỗi, nền học Quốc-văn còn đương lúc phôi thai, tinh thần Hán-học lại gần tiêu-diệt, nay nếu lại thu hẹp cái phạm-vi Pháp-học lại, thì cái món nuôi trí-não cho các hạn trẻ mình, chả hóa ra nghèo ngặt lắm ru ? Vậy mong sao việc canh-cải sau này, sẽ kiếm cho thiếu-niên ta một nền giáo-dục hoàn-toàn thích-hợp, để không đến nỗi, đối với Hán-học, đã bỡ ngỡ như chim lìa tổ, mà đối với Pháp-học, lại hư phí mất cả cái công-phu đào-tạo trong gần nửa thế-kỷ nay.

Về phương-diện **kinh-tế**, Chính-phủ hiện nay đã dùng phương-pháp để mong giúp cho xứ Đông-pháp chóng khôi-phục lại cái mực thăng-bằng trong việc giao-dịch thương-mại với các lân-bang, lại đương dự-bị lập ra các ngân-hàng cho vay dài hạn, để giúp cho các nhà điền-chủ, các nhà công nghệ có đủ tư-bản mà đứng vững trong lúc khủng-hoảng này. Song, đó chỉ là các chính-sách cứu cấp tạm-thời mà thôi. Mong rằng : rồi đây Chính-phủ sẽ thực-hành ngay cái chương-trình đại công-tác đã dự-định ở trong món tiền thuộc-địa công thái, để một bên các bần dân nhờ đấy mà có công ăn việc làm, một bên, cái công cuộc khai-thác thuộc-địa cũng nhờ đấy mà chóng có hiệu quả.

Đó, đại-lược mấy điều ước-vọng của Bản-chí ở cái năm đã cùng với bản-chí lại ra đời. Chắc đọc qua trên đây, phần đông Quốc-dân ta cũng cùng với Bản-chí đồng-nhân nghe thấy trong trái tim hồi-hộp biết bao nhiêu mối hy-vọng.

Vậy đồng-thanh với An-nam quốc dân, An-nam tạp-chí mong rằng : năm 1932 sẽ là một cái kỷ-nguyên đáng ghi-chép trong lịch-sử tiến-hóa của nước ta.

NGÔ-THÚC-ĐỊCH

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng :

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay, và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa hồng nhất định là 15 %. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20 %. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự chám-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

CÁC SĨ PHU VỀ BÊN HÁN-HỌC TRONG NƯỚC TA BUỔI NAY, NÊN NHƯ SAO TỰ ĐỐI VỚI THỜI-CỤC?

Nước ta có Hán-học, kể xa thời từ đời vua Sĩ-vương, mà kể thật có thể gọi là có thời từ đời nhà Lý. Hán-học truyền sang ta, trọng ở hai bộ sách Tứ-thư và Ngũ-kinh, mà một bộ Tứ-thư lại càng là thiết yếu. Trong bộ Tứ-thư thời hai pho sách Luận-ngữ và Mạnh-tử lại càng là thiết-cận hơn. Riêng trong thời-kỳ Hán-học mấy nghìn năm, các sĩ phu lập thân, xuất thân, thực lấy đó làm cái nêu để theo mà con đường tất qua vậy. Nay xin lược dẫn ít nhời nói có quan thiết về thân thế của sĩ phu, trong hai sách Luận-ngữ và Mạnh-tử.

天下有道則見
« *Thiên-hạ hữu đạo tắc hiện,*
無道則隱
vô đạo tắc ẩn. »

Trong thiên-hạ có đạo thời ra, không có đạo thời đi nau.

Nghĩa là: gặp cái đời thịnh trị, trên có ông vua hiền minh trị thiên-hạ, thời ta ra mà làm quan để làm việc với đời; nếu gặp phải cái đời biến loạn không ra gì, thời đem thân đi nương náu ở nơi lâm-tuyền, cho qua ngày tháng.

窮則獨善其身，達
« *Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt*
則兼善天下
tắc kiêm thiện thiên-hạ ».

Cùng thời hay lấy một mình; đạt thời làm hay cả cho thiên-hạ.

Nghĩa là: cảnh-ngộ khốn cùng mà không ra với đời được thời xửa mình theo đạo nghĩa, mà hay lấy cho một mình; nếu hiển đạt mà được ra làm việc đời, thời đem cái đạo học của mình mà làm hay cả cho thiên-hạ.

用之則行，舍之
« *Dụng chi tắc hành; xả chi*
則藏
tắc tàng ».

Đời mà dùng thời đem ra làm; đời bỏ thời ta cất lại.

Nghĩa là: đời mà dùng đến cái đạo-học của mình, thời ta đem ra mà làm việc cho đời; đời bỏ mà không dùng đến ta, thì cái tài năng đạo đức của ta, ta xếp lại cất đi mà không cần làm việc cho đời nữa.

得志與民由之。不得
« *Đắc chí dữ dân do chi; bất đắc*
志獨行其道。
chí độc hành kỳ đạo ».

Được thỏa chí thời cùng với dân cùng noi theo cái đạo hay; chẳng được thỏa chí thời một mình làm theo cái đạo của mình.

Nghĩa là: được thỏa như cái chí nguyện của mình ra, thời ta đem cái đạo học cho dân chúng cùng theo; chẳng được thỏa như cái chí nguyện của mình thời ta chỉ xửa mình theo riêng với đạo-học.

Đó đều là những lời nói của đức Khổng, ông Mạnh, mà những lời nói ấy, tự đức Khổng và ông Mạnh lập thân xử thế như thế, cho nên tự lấy mình làm cái nêu cao, con đường cái mà giậy cho các môn-đồ học-giả hiện-tại và hậu-lai. Vậy nay thử xem như các sĩ phu nước ta từ khi có Hán-học.

Riêng một hạng người như ông *Trần Hưng-đạo*, ông *Nguyễn-Trãi*, là hạng đại nhân-vật của nước ta, thời cũng là được ở Hán-học mà ra, nhưng không phải là người truyền theo đạo Khổng, Mạnh; không phải là người lập thân do Tứ-thư, Ngũ-kinh; những người ấy xem với người Tầu, có lẽ như *Phạm-Lãi, Trương-Lương, Gia-cát-Lượng, Quách-tử-Nghi* vậy. Những người trong Hán-học mà truyền về tính chất nho-học, tức là cái cách lập thân xử thế của người ấy, có thể bảo là được ở Tứ-thư Ngũ-kinh mà ra. Hạng nhân-vật ấy thời nước ta có nhiều, hãy kể mấy người như ông *Chu-An*, ông *Nguyễn-công-Trứ* vậy.

Cứ học-thuật như thế, cho nên có nhân-vật như thế, thực cũng là kết-quả theo với tạo-nhân; các danh-công đời xưa không phụ cái sự giậy của thánh hiền vậy. Song nay ta lại xét cái nguyên-nhân ở trên nữa trong Hán-học, như các sách Luận, Mạnh: đức Khổng ông Mạnh tại sao mà lập cái phương-pháp của thân thế như thế, để làm cái tiêu-truẩn giậy người? Thời là do thời-thế khiến phải như thế vậy.

Nguyên nước Tầu và nước ta ngày xưa, hoàn-toàn là chánh-thể quân-chủ; phàm sĩ phu muốn đem thân ra làm việc thiên-hạ, nếu không gặp ông vua hiền minh đãi cho cái chức-vị trọng yếu mà nói sao nghe thế, thời cái tài và cái đức cũng chỉ đến xếp lại mà than vì « bất ngộ » mà thôi. Đức Khổng-tử đối với các ông vua chư-hầu đời xuân-thu, ông Mạnh-tử đối với ông vua chư-hầu đời Chiến-quốc, muốn nhận việc mà nhận không được việc, muốn giúp người ta mà người ta không nhờ, tự mình không có cơ-sở, không có quyền lực, cho nên không có phương-cách gì mà thi-thố cái đạo học ra để kinh-luân công việc trong thiên-hạ, để làm ích lợi cho sinh-dân. Cái quyền thân-thế, phát đạt hay khốn cùng, đều là trông ở người khác; cho nên cái đạo xuất xử, cái cách lập thân xử thế mới chia làm có hai: Tiến ra mà làm việc cho đời, thời là đời có dùng ta mà hay như thế kia; nếu gặp cái đời không ra gì, nghĩa là chẳng ai dùng mình, hoặc người ta có dùng mà mình nói người ta

chẳng nghe, thời cái đạo-học của ta lại đem về vui thú với ta vậy. Ấy vì thời-thế của sĩ phu khi xưa như thế, cho nên sự giậy của thánh hiền trong sách như thế, cho nên nhân-vật về Hán-học ở nước ta trước kia như thế. Vậy thời cá nguyên-nhân ở trên học-thuật đó chẳng là *thời-thế* ru?

Trải mấy nghìn năm, thời-thế như một, cho nên học-thuật không đổi, mà khuôn phép của sĩ phu như xưa. Ấy là trong cái thời-kỳ Hán-học độc hành ở nước ta, tức là cái thời-kỳ kể từ đời Lý giở về sau, cho đến trước khi có cuộc chánh-trị bảo-hộ vậy.

Phong-trào Âu-hải, tự trùng-dương vạn lý ập chàn vào cửa bể Thuận-an. Cái chánh-thể cổ xưa đã pha mầu văn-minh mới mẻ, mà thân-thế của sĩ phu Việt-nam cũng từ trong cái khuôn kinh Thánh truyện Hiền, mở cạnh góc rộng toang đường xử thế. Đời có dùng ta hay không, chỗ đó không cần kể; nếu thật quả tự mình có tài có đức, thời ta tự kiếm lấy phương-cách mà kinh-luân công việc trong thiên-hạ. Can chi mà 獨行 «*độc hành*»? Can chi mà 獨善 «*độc thiện*»? Can chi mà 隱 «*ẩn*»? Can chi mà 藏 «*tàng*»? Nếu mà *tàng*, mà *ẩn*. chỉ là tự mình không có tài; *độc thiện*, *độc hành*, cũng chỉ là không có đạo đức chi chi vậy. Cho nên cứ như mấy câu trong Luận-ngữ, Mạnh-tử, mà tôi dẫn giải ở trên đây, đối với sĩ phu về bên Hán-học trong nước ta hiện nay, ý tôi muốn có thể đổi đi rằng:

天下有道則見。無道則見
Thiên-hạ hữu đạo tắc hiện; vô đạo tắc hiện.

Nghĩa là: gặp cái đời hay thời ta ra mà làm việc với đời; gặp cái đời dở thời ta ra mà làm việc cho đời.

窮兼善天下。達兼善天下
Cùng, kiêm thiện thiên-hạ, đạt kiêm thiện thiên-hạ

用之則行。舍之不藏
Dụng chi tắc hành, xả chi bất tàng.

Nghĩa là: Đời mà dùng cái đạo của ta, thời đem ra mà làm việc cho đời. Đời mà bỏ cái đạo của ta, thì mình cũng chẳng xếp lại.

得志與民由之。不得志與民由之
Đắc chí, dữ dân do chi; bất đắc chí, dữ dân do chi.

Nghĩa là: Ta mà được thỏa chí thời cùng với dân chúng cùng noi theo cái đạo hay; ta chẳng được thỏa chí, cũng cùng với dân chúng cùng nói theo cái đạo hay.

Cứ như thế mà làm cái cách lập thân xử thế trong cái thời-cục của ta này, có lẽ mới hợp với như câu «隨之義大矣哉 *Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai*» ở trong kinh Dịch của Hán-học ta vậy.

☆☆

Xin lại nói về hai nhẽ *đáng quý và đáng tiếc* của thời-cục:

Nhẽ đáng quý là vì sao?

Đạo-học như ông *Chu Văn-Trinh*, tài danh như ông *Nguyễn-công-Trứ*, kể thực là hạng người biểu biểu trong Hán-học ta khi xưa; ngoài hai ông đó ra, đạo-học tài-danh tuy chưa được như hai ông, song cũng có thể bảo là có rất nhiều người không ít vậy. Nay hãy xem như hai vị biểu biểu đó: ông *Chu Văn-Trinh* lúc lui về ở núi Chí-linh, mà làm sách Tử-thư-thuyết-ước, đó là bất đắc-chí mà thoái tàng, mà độc thiện; song như lúc được vua Minh-tôn mời ra làm Quốc-tử-giám Tư-nghiệp thời chẳng cũng là cái thời *đắc chí* mà là *đạt* đó ru? Ông *Nguyễn-công-Trứ* lúc kinh-lý Kim-sơn, Tiền-hải và đánh giặc Hải-dương, Chấn-tây, tức là khi đắc chí hành thời; song như đương ở chức An-giang Tuần-phủ-sứ mà phạt làm Quảng-ngãi thú-binh đó chẳng lại là «*xả chi tắc tàng*» đó ru? Vậy thời như thân thế hai ông, *dụng xả hành tàng* đều có cả, mà lại đúng như lời ông *Chu-Hy* thích nghĩa sách Luận-ngữ về câu của đức Khổng «*dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng*» rằng: 用舍無與於己行藏安於命遇 *Dụng xả vô dự ư kỷ, hành tàng an ư sở ngộ.*» Nghĩa là *dùng hay bỏ không bận ở phần ta; làm ra hay cất đi, gặp sao yên thế*». Câu giải nghĩa đó vẫn là đúng, song chẳng qua cũng là nói hay cho phần mình. Cứ thực thời dùng hay bỏ, cái quyền đã ở người ta; thời làm ra hay cất đi, mình chẳng gặp sao yên thế mà còn biết tính sao?! Chỉ là cái thời-cục của sĩ phu ta khi xưa như kia, cho nên cái đạo-lý của sĩ phu ta khi xưa phải như thế vậy.

Nay ta lại nghĩ như: ông *Chu-An* lúc dâng tờ sớ chém các kẻ nịnh-thần, mà không được vua nhà Trần nghe lời, mà đem thân về ở núi Chí-linh, vui cùng sơn thủy. Như thế thời đời chẳng dùng ta, mà ta cũng chẳng cần đời làm chi; thật là «*xả chi tắc tàng, an ư sở ngộ*» vậy. Đến như ông *Nguyễn-công-Trứ* đương ở chức Tuần-phủ An-giang mà bị cách phạt làm lính thú ở duyên biên Quảng-ngãi, hông đeo dao tu, đầu đội nón dấu, — các bạn sĩ phu ta ngày nay tưởng còn nên rỏ một giọt lệ đồng tình thương người thiên cổ, — còn gọi là «*xả chi tắc tàng*» mà «*an ư sở ngộ*» được sao? Than ôi! thời-thế hạn anh-hùng, anh-hùng khó thay tạo được thời-thế vậy!

Càng nghĩ đến các vị tiền-bối của chúng ta khi xưa như thế, mà chúng ta càng nên biết quý cái thời-thế của chúng ta hiện nay. Trong hàng sĩ phu Hán-học ta hiện nay, chưa dễ đã mấy ai tự để mình sánh như hai ông Chu-Văn-trinh, Nguyễn-công-Trứ. Vậy mà lấy thời-thế mà nói, thời chúng ta có phần hơn. Không những là không ai chế định cái sự hành tàng của ta; mà chữ *hành* của chúng ta

ngày nay tức là tự mình trực-tiếp đối với đời mà làm việc cho mình, không phải là vì giúp gì ai mà đứng cái địa-vị làm công vậy. Cho nên như cụ *Nguyễn-công-Trứ*, công-danh sự-nghiệp có thể là 得志澤加於民 *đắc chí trạch gia ư dân* (1), đến nay chỉ thấy có ở *Kim-sơn* Tiền-hải. Còn đến như những công-lao thao-lược đánh đông dẹp bắc, chẳng qua cũng chỉ như câu « *quốc-sĩ vô song, là anh Hàn-Tín* (2) đó mà thôi! Bạn sĩ phu ta ngày nay nếu ai có làm nên đôi chút công nghiệp ở đời, thời cái công nghiệp ấy hoàn-toàn là của ta, mà cũng hoàn-toàn ân trạch đến dân vậy. Cho nên như câu «*dụng chi tắc hành, xã chi tắc tàng*», nếu đem nghĩ về cái đạo-lý của sĩ phu ta hiện nay, thời *hành tàng* đành đã ở ta, mà dụng xả cũng tự ở ta vậy. Tự mình biết dùng cái sự học của mình thời đem ra mà làm; tự mình mà bỏ thời là cất xếp đi đó thôi. Mấy nghìn năm kinh thánh truyện hiền, cái tinh-thúy của sự học lọc chút lại ở một cái thì giờ cuối cùi. Vậy thời những ai sinh đương vào cái thời-cục được hưởng-thụ cái hạnh-phúc ấy, nên biết quý là nhường bao!

Nhẽ đáng tiếc là vì sao ?

Lấy cái thời-cục của chúng ta mà xem với các vị tiền-bối ta khi xưa, thời chúng ta có những chỗ hơn như thế. Lại lấy ta xem với các sĩ phu ở Trung-quốc thời như sao ?

Các sĩ phu Trung-quốc, từ cuối đời *Mãm-thanh* giở về xưa, cùng với các vị tiền-bối ta, thời-thế cũng như một, tức vẫn là thời-thế của đức Khổng ông Mạnh ở Xuân-thu Chiến-quốc vậy. Lại nghĩ như hai đời Xuân-thu Chiến-quốc, tức là thời-thế của đức Khổng ông Mạnh đó, các nước chư-hầu chia nhau có nhân-dân thổ-địa. Cho nên những sĩ phu đời ấy, cũng là phải nhờ người mới làm nên công-nghiệp; song không đắc chí với nước nọ, còn có thể bỏ đến nước kia. *Vu-Thần* là người Sở, sang làm quan nước Tấn; *Ngũ-Viên* là người Sở, sang làm tướng nước Ngô; *Thương-Ưởng* là người Vệ, sang làm tướng nước Tần; *Nhạc-Nghị* là người Triệu, sang làm tướng nước Yên. Kẻ sĩ chỉ lo không có tài, không lo không có chỗ tiêu dụng. Cái thế phân-tranh đã thành ra nhất thống, chỗ dùng tài duy có một, tức là cái triều-đình độc nhất, mà cái phạm-vi thân thế của kẻ sĩ so với trước lại càng là hẹp hơn. Trung-quốc từ đời Tần giở xuống, từ Mãn-Thanh giở lên, (trung-gian cũng có hồi phân tranh, như Tam-quốc Lục-triều, song không rộng như Xuân-thu Chiến-quốc); nước ta trong mấy nghìn năm xưa, thực là cảnh-thế như nhau vậy.

Từ ông Lương-khải-Siêu ở Trung-quốc, bỏ triều-đình Mãn-Thanh, chạy sang nhờ Nhật-bản, ngồi nhà Ẩm băng-thất, viết sách Tự-do-thư, cái thân-thế của sĩ phu Trung-hoa thực từ đấy mở ra đường lối mới. Đến như nay thời cái thời-cục của sĩ phu bên nước đó thật là: 海闊從魚。躍天空任鳥。«*Hải khoát tùng ngư dược, thiên không nhiệm điểu phi*».

(*Bể rộng tha hồ con cá nhảy,*
Giời cao mặc sức cánh chim bay).

Sĩ phu Trung-hoa! sĩ phu Hán-học ở Trung-hoa! Nay về sau thiên vạn cổ sẽ cùng một cái thời-cục như nay vậy.

Nghĩ về các sĩ phu ở Trung-hoa như thế, mà chúng ta lại càng nên tự tiếc cái thời-cục của sĩ phu Hán-học ta ngày nay. *Đám bạc đi đến nơi*, thời *tiếng gà vừa giục sáng*. Nay về sau, ngoài khoảng hai mươi năm nữa, nói về Hán-học ở bản-quốc, biết còn ai nữa là sĩ phu? Thế-cục biến-thiên, chúng ta không phải là hạng người tiền-tri, thời lấy đâu biết trước hẳn rằng sau này sẽ ra sao; song cứ nhân-sự bình thường mà ngẫm ra, chắc cũng có nhiều người cùng một ý tưởng như tôi vậy. Cái thời-cục rất đáng qúi mà rất là vắn-tắt như nay đó, chúng ta chẳng nên coi là đáng tiếc lắm ru?

Thời-cục đáng qúi và đáng tiếc như thế, mà chúng ta lấy thân xử đương vào giữa đó, tự nghĩ nên như sao? Lại nghĩ: trên đối với mấy nghìn năm giáo-dục, sao cho không phụ công phu? Dưới đối với thiên vạn thế hậu-lai, sao được cho còn mạnh-mạch? Cái trách-nhiệm của sĩ-phu về bên Hán-học ta buổi nay, thực là trọng đại vậy. Vậy thời phàm những ai là người trong Hán-học, đã có chút học-vấn do chữ Hán mà ra, có thể tự liệt vào hạng sĩ phu trong quốc-dân, chính đều nên nhân cái thời-cục, tìm cái phương-cách, tự đem cái học-vấn mà làm việc với đời, kiếm đôi chút nhỏ to công-nghiệp. Ấy là mình không phụ mình, khônh phụ cái sự học, cũng không phụ thời-cục vậy. Trong sách có câu rằng:

時者難得而易失。時乎時乎不再來。« *Thời giả nan đắc nhi dị thất, thời hồ thời hồ bất tái lai!* »

Cái «thời» khó được,
Mất dễ như chơi!
Cái «thời qúi lắm! ai ơi,
Nó đi chẳng lại cùng ai bao giờ!

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) *Câu này cũng chữ ở trong sách Mạnh tử, nghĩa là: mình được thỏa chí-nguyện mà có ân trạch xuống đến dân.*

(2) *Lời ông Nguyễn-công-Trứ trong khi ngồi hầu đức Minh-Mạng.*

Đức hi-sinh của phụ-nữ nước ngoài, và hội Tế-sinh của đồng-bào Nam-Việt

Trời phú cho người đàn bà, một cái tính đáng quý là tính « hi-sinh ». Song, tính đó phải theo trình-độ mà đứng vào bực cao, bực thấp. — Gần đây, ta trông gương phụ-nữ các nước tiên-tiến thấy phần nhiều các chị-em trí-thức, chịu dấn thân ra làm việc nghĩa cho xã-hội, như: Lập ra nhiều viện nuôi trẻ mồ-côi, giữ hộ con cho những người mẹ vì kế sống phải đi kiếm gạo. Và, chẳng những nuôi cả mọi đứa con hoang không bố; lại còn lập ra những nhà hộ-sinh, không cần bắt có khai sinh tên bố-mẹ các trẻ, để ngăn những người đàn bà sợ tiếng xấu lam oan mạng đứa hài-nhi.

Ngoài những việc đó, chị-em còn làm nhiều công-nghiệp đáng trọng nữa. Đại-khái như: Lập bần-nhân viện để nuôi nấng những người tàng-tật cùng-khổ. Hay là, buổi tối đi giạo các nơi đầu đường só chợ, dâng cơm dâng cháo, cho những đồng-bào đói rét mất-nghiệp không-nhà.

— Chị-em lại còn họp từng bọn phụ-nữ đã am-hiểu về y-học, để đem nghề-nghiệp ra hi-sinh, như là: các bà bác-sĩ, chuyên đi chữa giúp cho đàn-bà con trẻ nghèo-nàn, và các bà khán-hộ đi từng nhà, từ tỉnh-ly đến thôn-quê, bảo cho các bà mẹ biết dọn-dẹp chỗ ở và nuôi dạy con trẻ, cho hợp cách vệ-sinh. Các bà lại, dọn-dẹp nhà, tắm-rửa trẻ, cho các nhà tối mắt về lo cơm, không đủ thời giờ làm cho cửa nhà gọn-ghẽ.

Đối với xã-hội một phần riêng các bà nhân-từ là thế, ân đức là thế. Mà, đối với nhân-loại, các bà cũng chan-chứa cảm-tình. Kìa, thử trông: những đội quân Hồng-thập-tự trong khi nước có chiến-tranh, bao nhiêu bà Khán-hộ đã liều mình, đi an-ủi những vết thương đau, đi cứu-chữa trong cơn súng-đạn; cho nhân-loại được sống êm-ái, trong khi đã vì nước hiến-thân.

Đó là mới kể phác qua, chứ còn nhiều công-nghiệp kể ra không xiết. — Cao thượng thay! đức bác-ái của phụ-nữ nước ngoài!

Còn nước mình?

Nước mình, vì cái trình-độ trí-thức đang còn ngây-thơ! Nên chị em trừ việc bo-bo chi-chút trong gia-đình, chưa mấy ai chịu để mắt đến xã-hội. Mà cho dẫu, mắt có nhìn thấy nỗi khổ, lòng cũng khó thể động thương. Bởi cái tư-tưởng «giọt máu đào, bằng ao nước lã» nó đã chôn sâu trong chí các bà; nên dễ đối với đồng-bào bằng tấm lòng buốt như nước đá! — Than ôi! Đó cũng là cái lỗi trong sự giáo-dục của ta, ta chỉ hay bỏ con gái vào hòm đạy kín nắp lại! Còn, mấy ai biết tự mình dụng trí, mở to mắt, nới rộng óc, mà để tâm sót-sa nâng đỡ kẻ đồng-loại cơ-hàn!

Nhưng, giống người đã có tình, mà óc bị che mờ, chưa có phen gợi cái tình-cảm phát ra, cũng như giống cây tốt bị nắng thiêu cằn-cội. — Song một ngày kia, cây héo gặp mưa, thì sự tốt-tươi không khó. Nên chi, phụ-nữ ngày nay, phần nửa vì hoàn-cảnh xã-hội ngoài khích-thích, phần nửa vì có học, có nghĩ đôi chút, nên cũng đã có ý hiểu đến: *cái người ở ngoài nhà mình, cũng là người cùng máu, chứ không phải người dưng*. Chị-em bởi vậy, đối với việc nghĩa đã không như trước vô-tình. Xem như mấy năm gần đây, nào nạn đói nọ, nạn bão kia, nạn lụt này, nạn cháy khác, chẳng nạn nào là nạn không có tay phụ-nữ giúp vào. Công-lênh chút-đỉnh đó, dẫu chẳng đáng bao, nhưng cũng là một điều hay, tỏ rõ ra chị-em đã chẳng vô-tình cùng xã-hội.

Cao hơn bậc nữa, chị em còn lo-lập nhiều bảo-anh quan, bần-nhân viện, để nuôi đỡ một số ít con nghèo dân khổ của quốc-gia. Xem ngay như, hồi này các bà họp sức với các ông anh-em, hết sức cổ-động lập viện **Tế-Sinh**, để nuôi giữ trẻ nghèo, và giúp đỡ người tàng-tật. Công-cuộc nặng-nề như thế! kinh tế khủng-hoảng như thế! mà trọn nửa năm trời, chị-em chịu lải-nhải làm dần, không đến nỗi chán-nản. Bây giờ hội đã thành, số hội-viên cũng không đến nỗi vắng-vẻ quá. Hội định cuối tháng Giêng tây này, sẽ họp đại-hội đồng, để bầu ban trị-sự mới, và lập dưỡng-đường. — Vậy cái ngày đại-hội ấy, cũng là ngày đáng mừng của chị-em; vì công-việc dẫu chưa nom thấy kết-quả hẳn-hoi, nhưng, có đầu rồi mới có đuôi, việc là việc chị-em, nếu buổi mới chị-em chịu ra sức, gom tài, góp trí cho thành công-quả, và mai sau mỗi người mỗi việc, chớ có nản-lòng, thì làm gì mà chả đạt được mục-đích.— Nói tóm lại, hội Tế-Sinh thành hay bại, thọ hay yểu, dở hay hay, là trông cậy ở tấm lòng nóng hay nguội của đồng-bào; một cây làm chẳng nên non! Dẫu chị-em có một hai người cao-thượng đến bực nào, mà chả có số đông người phù-trợ thì cũng không thành công-quả

Vậy thì, đồng-bào còn tiếc gì, mà chẳng hợp sức với những anh-em chị em sáng-lập của hội *Tế-Sinh*, để nuôi cho hội sống, giúp cho hội mạnh; còn tiếc gì mà chả nhận vào chân hội-viên, góp tiền cho hội, làm việc cho hội!

(Đoạn cuối bài này, xem ở trang 14. Sự dồn bài bất-đắc-dĩ, Độc-giả lượng-thứ).

TIN ANH EM HỌC-SINH VIỆT-NAM Ở PHÁP

Thi-sĩ Đào-văn-Phúc

(Bài này chúng tôi trích ở báo l'Ami de la jeunesse studieuse. Nguyên văn chữ Pháp. Lúc dịch ra quốc văn có thay đổi ít nhiều cho hợp với phần đông độc-giả, ông Hàn-sĩ, tác-giả, cũng lượng thứ cho.)

Sáng nào cũng như sáng nào, vào khoảng sáu, bẩy giờ, mấy chị gái non ở xóm La-tinh, và đàn chim nhẩy nhót ở vườn Luxembourg hẳn cũng nhận ra được bóng dáng một gã thanh-niên, thường lui tới nơi đó. Gió, thổi, xương rơi.... mái tóc bơ phờ, gã thanh-niên thục hai tay vào túi quần, thủng thỉnh đưa chân, đôi con mắt như đưa tâm-trí vào cơn mộng ảo. Có lúc, hồn thơ lai láng, người tuổi trẻ chẳng ngại ngùng gì với khách qua đường, mà cất giọng ngâm nga. Mấy đoạn thơ-văn, dưới cái sức mạnh của hồn thơ, phá tan bầu không khí êm đềm một buổi sáng mùa Đông. Khách qua đường dừng chân tự hỏi :«Một nhà văn chăng? hay chẳng qua một bác điên cuồng?» Nhà văn cũng phải, mà điên rồ cũng phải. Nhà thi-sĩ «thực hiệu» ít ra cũng phải điên cuồng! Mà người tuổi trẻ kia lại được Hóa-công ban cho một cái hồn thơ quá mạnh.

Đến «La Capoulade», người tuổi trẻ dừng chân, cất tiếng gọi : anh Joseph! anh vẫn mạnh giỏi chứ..... anh cho tôi cốc cà phê với một bình nước lã.

Rồi ngồi chứ một só, chàng tuổi trẻ rút túi ra một cặp giấy, cắm cúi ngồi viết. Khách vào tiệm ngạc nhiên. Nhà thi-sĩ vẫn chẳng trông thấy gì, vẫn chẳng nghe thấy gì, nét miệng ghi một nụ cười, cười với mình; chẳng khác gì thi-sĩ Verlaine gửi hồn thơ cho «Thanh-nữ», chén rượu absinthe xanh lè, gã tuổi trẻ cũng gửi hồn thơ cho...cho «Hắc-nữ», cốc cà-phê đen kịt. Gã thanh-niên cắm cúi ngồi viết,... viết mãi

Gã thanh-niên lạ lùng đó là Đao-văn-Phúc.

Hóa-công đã cho ta một bực thi-gia!

Ông Đào-văn-Phúc đã từ trong só tối bay ra như một luồng hào-quang rực rỡ. Thiên-tư đã phú cho ông cái vinh-dự đó,

Hôm trước, ai biết đến ông. Hôm nay, ông là người ai ai cũng biết. Chúng tôi có thể chắc rằng: ông Đào-văn-Phúc sẽ «khánh thành» cho nhà văn Nam-việt sau này.

Nhà phê bình J.Desthieux, trong tờ L'Homme libre, đã nói về ông Đào-văn-Phúc: «... ông ta có đủ cốt cách một nhà đại-văn-hào. Văn ông đượm đà, sáng láng và êm đềm thấm thía. Một ông giáo-sư trường Đại học, hay một ông bác-sĩ chắc viết tưởng cũng chưa đến thế. «Đoạn thơ-văn» ông viết theo lối văn xuôi có thể đem ký tên thi-sĩ Baudelaire ở dưới...» Nguyên-văn : «... Il a tout l'étoffe d'un grand écrivain. Son style est pittoresque, chatoyant et d'une harmonie pénétrante. Un agrégé ou un docteur n'écrirait pas mieux. Et ses poèmes en prose pourraient être signés Baudelaire..»

Tài thì thế, mệnh thì thế nào» ?

...Cuộc đời ông là một thiên tiểu-thuyết «khóc thầm».

Ông Đào-văn-Phúc người Huế. Sông Hương, núi Ngự, tự lúc trái đào, đã ghi nét thơ tình trong trái tim hầu vỡ. Sang pháp, ông theo học trường Trung-học ở Bordeaux (trường Lycée national) ông theo đuổi đến lớp học Văn-tứ (clace de Rhétorique). Sau ông học lấy. Thật chưa có ai tự học lấy được như ông. Ông đọc sách không biết mệt, thường chuyên-chú về văn học, xã-hội học và triết học, ý tưởng lạ lùng và táo bạo của ông các giáo sư dạy ông phải ngạc nhiên. Ai cũng công nhận cái thiên tài của ông.

Rồi tấm thân hàn-sĩ than ôi! cũng qná mỏng manh nhà không đủ tiền cho ông ăn học, ông Phúc đành tự kiếm miếng ăn nuôi miệng cũng như ông đã tự kiếm chữ nuôi cái tài-hoa.

Nghề làm báo ? — Nghề làm báo bên pháp với một tên phóng-viên «tiểu tốt vô-danh» như ông, không sao có thể đi đôi mà nuôi sống một anh «nhặt tin chó chết».

Sau ông Phúc làm nghề rao hàng, đại-lý nhà buôn; nhân dịp đó, ông được đặt gót chân khắp tỉnh miền Nam nước Pháp. Trong lúc nhàn rỗi, ông vẫn đánh bạn với thơ văn.

Mãi về sau, ông đến ngụ ở Paris, rồi thành ra một khách «quý» thường lui tới «tiệm Sorbonne», cái chỗ mà các bạn học sinh thường lui tới. Muốn mưu cái lấy cái «sống» chốn phồn-hoa, ông Phúc đành giấn thân làm đủ các nghề, nếm đủ mùi cay đắng. Trước ông Phúc làm «con người mẫu» cho các nhà họa-sĩ; hết giờ nọ đến giờ kia, ông Phúc phơi... trần truồng trước mắt con nhà hội-họa. Sau, ông xin được một chân «xếp khách» trong một nhà chiếu bóng, cái nghề này nhàn rỗi nên ông được thư thả viết văn. Bây giờ, ông đang viết bài cho nhiều tờ tạp chí.

Cảnh-huống của ông Đào-văn-Phúc khiến cho ta phải để vào tri-nghĩ. Ta ôm lòng tự hỏi: cái con túng-bấn kia có lôi kéo ông Đào vào một thiên mệnh-số ám mờ như nó đã lôi kéo cái gã Malfilâtre (1) và

Chatterton (2) chăng? Cái « mệnh» của ông Đào có phải là cái «mệnh» của Tử-Tang đời Xuân-Thu vừa đánh đàn vừa khóc cái nỗi «trời mưa nhà túng » không?

Chúng ta nên mong rằng: cuộc phong trần sẽ làm nổi danh người tài-trí

Vũ-lang

(1) Malfilâtre : Thi-sĩ nước Pháp. Ông tên là Jacques Louis de Malfilâtre, sinh ở thành Caen (1741), tác giả cuốn Narcisse, úng bẩn mà mệnh bạc (1767). Ông mới có 27 tuổi.

(2) Chatterton : ông Thomas Chatterton, thi-gia nước Anh, sinh ở Bristol (1752). Người đời không biết tài ông ; sau nghèo khó quá ông uống thuốc độc tự tử (1770) Ông mới có 29 tuổi.

Truyện ông Chatterton, nhà thi-sỹ Alfred de Vigny có đem ra làm một quyển kịch đại-ý nói về truyện một nhà văn ít người biết tài, khốn khó, nên tự tử để «báo thù» cái chỗ dửng dưng của người đời.

Bài « La paille »

của ông **Đào-văn Phúc**

Intrigué, le voyageur s'arrête et tend l'oreille. Dans le silence de la campagne, un bruit sec, continu, douloureux, un râle, s'étale comme une vague.

La route est plate, soyeuse et banale, comme une vie quiète. Le soleil rougeoie, et le voyageur, soudain, passe un mouchoir sur son front.

Il se demande :

— Serait-ce le râle de mon cœur?

C'est le bruit de paille que foulent les rayons.

Lời kẻ chép .— Đáng lẽ bài này chúng phải dịch ra quốc-văn làm thành một điệu huyền - ca (un fragment lyrique). Song, đôi cánh gắn sáp của chàng Ica, không bay tới được ánh sáng mặt trời chúng tôi đành để nguyên - văn và xin lỗi cùng độc - giả.

Sau khi đọc khúc văn, khúc văn như ôm chầm, như vò nát, như thả lỏng trái tim khô héo, sau khi đọc khúc van kia, chúng tôi tự hỏi: khách qua đường nghe tiếng « ánh nắng vò séo mảnh rơm » lại tưởng nghe thấy tiếng « trái tim thổn thức » phải chăng là nhà thi-sỹ họ Đào?

LƯ'-THOA TỰ' THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

(Les confessions de J.J. Rousseau)

Lời người dịch. — Học thuyết ông Lư-Thoa tuy có chỗ đã cũ và có người chê, nhưng, thân thế một bực vĩ-nhân cái-thế như ông, thì tưởng ai cũng nên để ý. Huống chi, tập tự-thuật (Confessions) nà lại có cái giá-trị độc-nhất vô-song trong áng-văn tả thực, vậy xin dịch ra để công đồng-lãm. Bản ý người dịch, muốn dịch toàn bộ, hoặc có nhẽ gì bắt buộc phải bỏ bớt một vài đoạn, xin nói trước sẽ là sự bất-đắc-dĩ.

Ngugễn-tiến-Lãng

Tôi định làm một việc mà trước tôi, chưa thấy ai làm, sau tôi, rồi có nhẽ cũng không ai bắt chước. Tôi muốn cho nhân-loại, có một phen được xem thân-thế và tâm-tính của một người, tả rõ y như sự thực, y như là con Tạo đã sinh ra người ấy — Người ấy chính là tôi. Chỉ là một tôi mà thôi. Tâm-sự tôi, tự tôi, tôi biết; mà lòng người, tôi cũng hiểu rồi. Chưa từng thấy ai giống tôi, mà dám chắc tôi cũng không giống ai ở trong đời. Chẳng phải tôi tự-phụ hơn người, nhưng hẳn tôi khác người vậy. Con Tạo đúc tôi theo một cái khuôn riêng, mà đúc xong, có nhẽ đập ngay cái khuôn ấy, rồi chẳng dùng để nặn đúc một ai giống như tôi nữa, cho nên đời chẳng có ai như tôi. Đời không có ai như tôi, là may cho đời, hay rủi cho đời, mặc người đời tự-nghĩ, nhưng chỉ xin đời hãy đọc tập lịch-sử tôi cho xong, rồi hãy phán đoán về chỗ ấy.

Sách Thánh nói : « *Sẽ có một ngày kia, tiếng kèn vang lừng trên trời, làm hiệu bắt hết các vong-hồn đến trước tòa-án Thiên-đình để cân phúc tội* ». Ngày ấy đến, tôi sẽ đem mình tôi và đem tập sử này mà ra trước đấng Chí-công, tôi sẽ thưa cùng đấng Chí-công rằng : « Đó việc tôi làm ở đời như thế, tư-tưởng tôi như thế, cả cái đời tôi như thế. Tôi làm điều hay tôi cũng kể, tôi làm điều xấu tôi cũng cứ thực mà bầy ra. Điều dở tôi không giấu bớt đi điều hay tôi không đặt thêm ra tí nào; hoặc một đôi khi, tôi có mượn văn-chương mà tô-điểm một vài đoạn lịch-sử này, chẳng qua vì trí nhớ kém đi, có chỗ không nhớ hết; nhưng, tuy có thêu dệt chút đỉnh cũng vẫn không dám hại đến chân-lý bao giờ. Khi nào tôi ngờ rằng : một việc nào có nhẽ là sự-thực thì tôi tạm kể lại coi cũng như sự thực; nhưng không khi nào, một việc tôi biết đích là không thực mà dám bảo là thực. Đời tôi thế nào, thì tôi kể lại : có lúc thật đáng khinh, thật đê-mạt; có khi thật tốt, thật có đại-lượng, thật nên thánh-thần. Lúc nào thế nào, tôi chép y như thế; tấm lòng tôi xin ông Hóa-công xét rõ sẽ biết. Thật tôi đã đem phô rãi trong tập lịch-sử này. Đấng Thiên-nhiên thử họp hết cả loài người lại quanh mình tôi, để họ nghe hết những nhời tôi tình-tự, để cho họ tha hồ thấy tôi đê hèn mà than thở, thấy tôi nhơ nhuốc mà hổ thẹn; nhưng nghe truyện tôi xong rồi, xin bắt các người ấy, người nào cũng lại đem thân thế và tâm-tính của mình, mà phô rãi dưới bệ-ngọc của đức Thượng-đế như tôi đã phô rãi ra đó, không được giấu giếm điều gì. Xong rồi, thử hỏi xem có người nào dám sánh với tôi rồi mở miệng mà nói rằng : « *Ta tốt hơn người ấy* ».

Tôi sinh ở Giơ-ne (Genève) nước Thụy-sĩ (Suisse) năm 1712.— Cha

VĂN-ĐÀN

Du-ký

Một sự đi chơi Lào-kay

Thuộc về tháng Septembre năm 1931, trong khi đợi nghị-định quan Toàn-quyền ký chữ cho phép đem An-nam tạp-chí ở Nam-định lại về Hà-nội, tôi thừa nhàn có đi chơi mấy nơi thượng-du ở Bắc-kỳ: qua Thái-Nguyên, đi *Chợ-Chu*; lên *Tuyên-quang*, về *Phú-thọ*, lại đi *Lào-kay*. Ở Lào-kay thì giờ rất ít có hai đêm một ngày. Thì giờ có ít mà hứng-vị có nhiều, thời *một sự đi chơi Lào-kay*, đủ làm một thiên du-ký con con vậy.

Đại-phàm người ta ăn ở với nhau, cùng ở trong làng thời tình có bấy nhiêu, ở nơi khác cùng nhau thời thân-tình có hơn, càng ở nơi xa thời ăn ở với nhau càng thêm có chút tình thân-ái. Chơi Lào-kay có hứng-vị, có lẽ một phần vì đó chăng?

Nguyên sự đi Lào-kay của tôi, chủ-ý tìm ông **Nguyễn-công-Hoan** là Trưởng-giáo trường Pháp-Việt tỉnh đó, mà ông tức là một người bạn lai-cảo của An-nam tạp-chí, các độc-giả chắc còn nhớ tên ông trong «*Xã-hội ba-đào*». Bấy giờ tối xe lửa đến Lào-kay, tìm đến chỗ các ông giáo cùng ở chung với nhau thời ông Hoan không có. Hỏi thăm các ông Giáo ở đấy thời ông Hoan đã đổi về Kinh-môn ở Hải-dương trong khi nghỉ hè. Thay ông Hoan, là ông **Hoàn**. Ông giáo Hoàn hỏi tôi chu-tất, cùng uống nước rồi ông đưa đến chơi một chỗ công-chúng, là chỗ họp bàn về sự diễn kịch để lấy tiền giúp nạn-dân trong Nghệ Tĩnh của các anh em tùng-sự các công-sở ở Lào-kay. Trong các ông họp đó chừng khoảng gần ba mươi người, Mr **Đào-văn-Thái**, médecin, với tôi là chỗ cựu-thức. Tan buổi họp, tôi theo ông Thái về nghỉ, rồi các ông tiếp-tục đến chơi sau. Kể ngày hôm ấy, mới sáng còn ở Tuyên-quang, mà đêm khuya họp chơi ở Lào-kay, cuộc nói truyện tuy vui, song có ý hơi mệt. Sáng hôm sau nghỉ-ngơi, buổi chiều cùng các anh em tản-bộ xem phong-cảnh. Bữa cơm tối ăn ở *Chấn-phòng*, đã là địa-giới Trung-hoa vậy.

Lào-kay với Chấn-phòng, cách nhau một con sông *Nầm-thi*, là chỗ nước ta với nước Tàu phân giới. Sông Nầm-thi, chảy vào sông *Thao*. Bên kia sông Thao là *Cốc-lếu*, cũng là địa-giới của ta đó, có dinh trại của nhà nước Bảo-hộ đóng binh phòng biên. Trên núi bên Chấn-phòng có lô-cốt của người Tầu, nghe nói có đại-bác ở trong, cũng là một sự phòng biên vậy. Con sông Nầm-thi có thông qua một cái cầu sắt, tức là đường xe lửa ở ta đi *Vân-nam*. Hai bên đầu cầu đều có lính canh gác, bên này lính ta, bên kia lính tầu, đều có cửa để đóng. Dân cư đi lại giao-thông, cứ đến mười giờ tối có hiệu kèn đóng cửa cầu, ai đâu về đấy. Nếu người ở bên nọ sang chơi bên kia mà ở quá giờ ấy, thời phải ở lại không được về. Đó là lệ thường lúc ngày bình. Nếu hai nước có sự bất bình, biến động lôi-thôi, thời chỗ cầu đó nghiêm cấm. Khoảng hơn 5 giờ chiều, đứng chơi ở trên cầu, trông sang khúc đường xe lửa trên bờ sông Nầm-thi bên kia, bồi-hồi cảm-tưởng, lại nhớ đến câu văn trong bài lục-bát Chơi Huế: «*Tiền-trình vạn lý anh còn chơi xa!*»

Mr **Nguyễn-văn-Giai** là Phán-sự đầu tòa Sứ ở Lào-kay, có gia-quyến ở tại Chấn-phòng, mà hồi ấy ông lại đứng hội-trưởng việc diễn kịch. Bữa ăn cơm tối ở Chấn-phòng, tức là tại nhà M. Giai, có đông các anh em họp vui: sở Thú-y, M. **Ngà**, sở Lục-lộ M. **Đạt**, đều là những người dự tiệc vậy. Ăn cơm song đi chơi xem quang-cảnh buổi tối ở bên đó, rạp hát tuồng, sòng đánh bạc, chợ hoa quả, dân chúng vui vầy. Hồi chín giờ về Lào-kay, chủ-nhơn có qua cầu tiễn khách.

Tối hôm ấy lại ngủ ở nhà M. Thái. Ông Thái lấy chỗ tình thân, ngỏ ý của công-hội muốn cậy tôi đặt một bài hát để hát vui sau khi diễn kịch đối với các khán-quan Tây Nam. Sáng hôm sau ra ga, từ biệt Lao-kay vậy.

Nghĩ như từ khoảng đường trên Yên-bái đi Lào-kay, núi to rừng nhớn, một giòng sông Thao nước chảy, hai bên lau lách rậm rì. Ai là người đổi lên trên đó đi làm quan, có lẽ coi là cảnh trích-hoạn. Lại khí hậu chỗ Lào-kay rất xấu, vì chung quanh bao bọc những núi lớn, cho nên không-khí khó lưu thông. Xuốt ngày hầm hập nặng nề, tưởng như ở Trung-châu lúc hầm giời, muốn mưa không mưa vậy. Vì là nơi biên-giới xa-xôi, lại khí hậu không tốt như thế, cho nên các ông lên đó tùng sự các công-sở ít có ai đem theo gia-quyến, đều chỉ sẵn lòng

mong đợi cho hết hạn thì về. Duy có M. Giai ở đó đã hơn 20 năm, trong nhà lại có việc buôn bán, chắc là phong-thổ đối với ông có hợp-nghi, cho nên địa cửu thành gia, không như các người khác. Cũng vì đó là nơi biên-viễn, các chức-viên ít ai đem gia-quyến, cho nên tình tương-đối với nhau có thân hơn sự-thể ở Trung-châu; toàn tỉnh chức-viên cũng là bè bạn với nhau vậy. Cũng vì chút thân-tình của các ông ăn ở với nhau như thế, cho nên đối với một người xa lạ, cũng tỏ ra ân ý đậm-đà. Sáng hôm ở Lào-kày đi xuôi, ngồi trên xe trông xuống giòng sông Thao, tưởng nhớ những ai người ở lại, có mấy câu lục-bát ghi tình rằng:

Sông Thao lòng nước như son,
Lòng son ai cũng như còn nhớ ai.
Nhớ ai hôm ở Lào-kay,
Lào-kay ai có nhớ người hôm xưa?

Tiếc rằng trong sự đi chơi đó, không gặp M. **Nguyễn-công-Hoan**, cho nên những chỗ như *Chapa, Mường-khơi*, chỉ mới có nghe mà chưa tới. Ước-ao có một ngày nào sẽ lại lên Lào-kay truyến nữa, cùng đôi ba bạn hữu chơi xem cho biết những nơi đó, hân-khoái là nhường bao!

BÀI CA CỔ-BẢN

Vì sự diễn kịch ở Lào-kay, để lấy tiền giúp nạn-dân trong Nghệ, Tĩnh.

Ơn ái, ơn đồng bạn. Vì mối thương-hoài, kịch tân-thời, giúp người xa khơi. Thuật đôi lời, tỏ lòng vì ai.

Ta An-nam cùng họ, chỉ khác trong ngoài; đó Trung-kỳ, đây miền Lào-kay. Nhìn rậm đường xa giải, nỗi ngậm-ngùi ngậm-ngùi.

Tai hại vì đâu, non sông oán sầu. Thần-Thiên-đế, thiên-đế cơ-cầu. Quanh vùng Nghệ, Nghệ Tĩnh liền nhau. nắng thiêu đồng mạ, hư Ini vườn rau. Dân tình khó-khăn, đói cùng nhau.

Đâu trận cuồng phong, mờ mịt, lầm cát tung trời, gần xa bời bời. Gió cuồng-phong, đến miền đường trong, hung độc, thạch mộc tơi bời. Thôn quê thiệt thòi, ấy nhiều nơi.

Kinh kinh tế, kinh kinh-tế, kinh-tế nguy nàn! Khó làm ăn, lúc tiền khan. Dân cùng thất nghiệp, như số muôn vàn.

Cuộc sinh tồn, cậy nhờ cùng nhau. Nhìn người hơn, ngắm vào ta, chung lòng hợp giúp, xum bọc giống nhà. Giống tiên rồng may mà...

Đêm trường làm vui, mướn trò chơi; ca đôi lời, nghe đôi lời; chơi bời vui vẻ, như rãi tâm hoài. Cuộc mua cười, vì người an-nam, hợp người Tây, Nam.

Người nhiều nơi, đất Lào-kay. Xum vầy ơn ái, Nghệ Tĩnh phương trời!

TẢN-ĐÀ

Chơi Lạng-sơn

Từ trấn từ xưa tiếng vẫn đồn
Rạo qua thành Lạng buổi hoàng-hôn.
Kỳ-cùng chầy ngược sông kìa đó,
Đồng-trụ chôn sâu cột chẳng còn.
Phố sá mở mang thêm vẻ mới,
Bể dâu biến đổi bận lòng son.
Chiều giời muốn rịu cơn nồng nực
Khách khỏi soay chần với nước non.

Hương-trì
Vương-thưởng-Liên

Dịch thơ tây

Beau chevalier qui partez pour la guerre.
Qu'allez vous faire.
Si loin d'ici
Ne voyez pas que la nuit est profonde.
Et que la monde
N'est que souci

Vous qui croyez qu'une amour délaissée.
De la pensée.
S'enfuit ainsi,
Hélas! Hélas! chercheurs de renommée:
Votre fumée
S'envole aussi.
Beau chevalier qui partez pour la guerre.
Qu'allez vous faire.
Si loin de nous?
J'en vois pleurer, mais qui me laissais dire
Que mon sourire
Etait si doux.

AFRED de MUSSET

Dịch

Chinh-phụ ca

Thanh gươm yên ngựa lên đường,
Ai ơi! rong-ruổi sa trường ích chi!
Ham danh mà nhẹ phân-ly,
Công hầu chưa thấy, sầu chia vắn dài.
Ghê thay cuộc thế chông gai,
Bốn phương mù mịt mà ai phong trần.
. . . . . .
Phụ tình theo cái phù-vân,
Công hầu mà cũng dám cân với tình.
Ai ơi! mỏi mệt vì danh,
Đố ai biết được cái danh có bền?
Khói mây rồi đấy nát tan,
Tình này tạc đá ghi vàng treo gương
. . . . . .
Thanh gươm yên ngựa lên đường,
Ấy ai rong ruổi có thương ai buồn?
Mạch sầu lai láng mưa tuôn,
Nụ cười hoa nở thôi còn nữa đâu?

Nguyễn-tiến-LÃNG
Commis des Résidences
à Yên-Bay

Câu-Đối

Mừng học-trò làm lý-trưởng

Ấy mới hay! dạy dỗ làm sao, thày khóa hóa thày lý.
Thôi cũng được! công việc cho rồi, giấy trắng gắng giấy vàng.

Thụy-lôi PHAN HIẾU-LIÊM nguyên tác
MAI-KHÊ cung lục

(tiếp theo trang 9)

Giúp hội *Tế Sinh* là giúp ai ?

Là giúp những người cùng giống cùng nòi, mà bị những số-phận thiệt thòi đau-đớn hơn mình. Nào cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, ốm không ai nhìn, thiếu không ai giúp. Đẻ con, không đủ gạo sữa nuôi con thơ, không có thời-giờ ôm con dại, không được như những chị-em no ăn đủ mặc, và những chị em lắm của thừa tiền. Tình cảnh ấy, những người có lương tâm, mà bo-bo chỉ biết riêng mình ăn trắng mặc chơn, hỏi rằng có hả ?

Thôi, cái nghĩa-vụ đối với loài người, chị-em đã làm thì chớ chán, đã hiểu thì đừng làm lơ, chị-em há chẳng thừa hiểu rằng: các hội mục-đích như hội *Tế-Sinh*, mà lỡ ra không sống được lâu dài, đó chẳng là lỗi riêng mình ai; mà chính là sự buồn chung của quốc-dân và là mối nhục chung của đồng-bào ta đối với chị-em ngoại-quốc.

Mong chị-em anh-em không cần đợi ai nài-ép, mà tự hiểu: giúp hội *Tế-Sinh* là bổn-phận bắt mình phải làm.

Tô-thị

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUẢNG-VẠN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính Dần 1926
120 phố Bonnal 120
Haiphong

Có bán trẻ « *Việt-Nam* », sà phòng « *Rồng-Nam* » v. v.

Nội-tình việc quan Thủ-tướng Pierre Laval sang công-cán bên Mỹ

Nạn kinh-tế khủng-khoảng làm khủng-khoảng cả hoàn-cầu, - nhất là ở nước Đức, tình-hình kinh-tế lại càng nguy-ngập lắm.

Bạn độc-giả hẳn còn nhớ năm ngoái hồi tháng Juin, ở Paris Hội-Nghị Triền-trái. Thủ-tướng Brüning nước Đức cùng với tổng trưởng Brutus đưa nhau sang khất nợ với Pháp, nằn-nì xin hai điều:

1.— cho khất số tiền bồi-khoản sau cuộc Âu-chiến;

2.— cho triền-hạ những món nợ vặt phải trả hồi tháng Février sắp tới đây.

Nhưng một vấn-đề quan-hệ nhường ấy, khônh phải một nước Pháp có thể quyết định được. Các ông chủ-nợ còn phải hỏi y-kiến nhau. Bởi vậy, quan thủ-tướng Pierre Laval mới cưỡi tầu sang Mỹ.

Sau khi đã cùng nhau suy-xét, bàn-định kỹ-càng. Hai ông Tổng-thống Hoover và Thủ-tướng Laval cùng nhau ký giấy nhận rằng: việc điều-đình cho nước Đức khất nợ là cần phải có. Nhưng cách điều-đình ấy ra sao? tất phải hỏi đến các liệt-cường Âu-châu có can-thiệp đến việc đó. Hai ông đã đinh:

1.— Khi cái hạn khất Hoover đã đến kỳ, sẽ lại quay về thi-hành các điều-khoản bản chương-trình Young.

2.—Vì cái tình-hình khủng-hoảng, tìm cách so-sánh, sao cho cân nhau, món ngoại-trái (các món Âu-châu nợ Mỹ) với món bồi khoản mà Đức phải nộp cho các đồng-minh cũ. Cách so-sánh ấy, cố-nhiên là phải do chính-phủ và nghị-viên các nước sở quan có chuẩn-y rồi mới thi hành.

3.— Để cho Âu-châu cái trách-nhiệm tìm cách điều-đình với Mỹ.

Ngày đầu tháng Novembre 1931, ông Laval đã cùng sứ-thần Đức, M. Von Hoech, thương-thuyết. Sứ-thần Đức đã đưa trình nhiều khoản những điều khoản ấy đã đăng trong các báo Đức, đại-khái cũng như những lời yêu-cầu của Thủ-tướng Brüning.

Như tin các báo, thì sứ-thần Đức nhường có ý thỏa thuận để đem chương-trình Young thay cho hạn khất bây giờ.

Theo chương-trình Young, tức là Liệt-cường phải cử một Hội-đồng Tư-vấn đến xét nội-tình nước Đức xét về hết các phương-diện xem nước Đức có thể trả được chút nợ nào chăng. Cuộc tra xét xong, tờ trình của Hội-đồng đã đệ về các Chính-phủ, Liệt-cường sẽ nhóm Hội-nghị Quốc-tế để quyết-định.

Về việc lại đem thi-hành các điều-khoản trong chương-trình Young, chúng tôi thiết-tưởng bất tất phải kể dài. Ta chỉ cần biết: số tiền bồi-khoản Liệt-cường có thể bớt cho nước Đức tất phải bằng ở số ngoại-trái mà Hoa-kỳ sẵn lòng bớt cho Âu-châu, vậy lẽ tất nhiên, kết-cục việc này chỉ trông vào một nước Mỹ.

Đến việc xin triền-hạn món nợ ngót bảy ngàn triệu mã-khắc, tuy không thấy nhắc tới, nhưng nghe đâu Sứ-thần Von Hoesch cũng đã có nói lót với quan Tổng-trưởng Laval.

Nếu có, chẳng hóa là một cái nhầm của Sứ-thần Đức ư? Các ngân-hàng Mỹ và Anh (nhất là Anh) còn cho Đức vay nhiều tiền hơn, thì trước hết, Đức phải khẩn-khoản với các nhà ngân-hàng này đã chứ! Khi một thương-gia cáo cùng hay sắp cáo cùng, tất ở các ông chủ nợ phải tự-vấn xem có nên giúp cho người ấy đứng lại không, hay để mặc họ ngoi-ngóp trong cơn quẫn-bách.

Các nhà ngân-hàng sẽ quyết-định ra sao? Nếu số đông không bằng lòng triền-hạn cho Đức, tất Liệt-cường phải can-thiệp vào. Liệt-cường đương băn-khoăn, lo có một việc quan-hệ hơn nữa sẩy ra, lúc ấy tất phải quay lại hỏi Đức: «Bác có cái gì làm bảo-đảm không?»

Chính ở chỗ ấy, trước vấn-đề rắc-rối khó khăn ấy, người ta sẽ thấy mặt phải của « Pháp-Đức thân-thiện » thế nào.

H.H.

THỜI-SỰ

Nội-các Laval bị lung-lay

Ở nước Pháp nhiều người đã phả-kêu: « Tình-hình Nội-các khủng-khoảng!» vì không mấy tòa Nội-các được trường-cửu. Các nhà chính-trị nối nhau tổ-chức đều phải lắc đầu! Nội-các Laval đứng vững được đến ngày nay, thực cũng là may mắn lắm vậy.

M. PIERRE LAVAL Cl. A. N.

Nội-các Laval liên hợp đảng xã-hội với các đảng dân-chủ cộng-hòa khác, bấy lâu vẫn không lấy lòng được đảng Xã-hội Cấp-tiến (Radical-Socialiste) trong đó có nguyên Thủ-tướng Herriot và hai anh em ông Sarraut.

Đảng X. H. C. T. nhất định đứng ngoài không hợp tác cùng chính-phủ.

Thế mà mới đây, sau kỳ tổng tuyển-cử quản-hạt (Election cantonnale) phái cấp-tiến lại chiếm số nhiều, thì đến kỳ đại-tuyển-cử Hạ-nghị-viện hồi tháng Avril này phái ấy có lẽ được thắng số. Cũng bởi thế các đảng phái khác ủng-hộ Nội-các hiện thời, thường có ý do-dự hoài-nghi, xem như mấy lần gần đây Nội-các bị chất-vấn, nghị-viện họp bỏ phiếu tín-nhiệm, số người mến chính-phủ cũng không hơn số người ghét được bao nhiêu.

Các nhà chính-trị, các nhật trình đã phải cất tiếng thở than, lo cho Nội-các Laval khó lòng đứng được đến tháng tư này nữa.

Giữa lúc nguy-nan ấy bỗng chốc M. Maginot binh-bộ Tổng-trưởng — « Người lính lớn nhất của nước Pháp » — mắc bệnh từ trần. M. Briand lại bị đau cần phải tĩnh-dưỡng nộp giả ấn tín bộ Ngoại-giao, tòa Nội-các bỗng chốc khuyết ngay hai ghế!

Trước tình-thế ấy, nhiều người đoán rằng ông Laval sẽ nộp đơn xin cho toàn thể Nội-các từ chức. Rồi chờ quan Giám-quốc Doumer cử ông tổ-chức lại, ông sẽ mời thêm phái Cấp-Tiến hợp-tác với mình.

Thành hay không chỉ ở thái-độ cương-quyết hay ôn-hòa của đảng Xã-Hội-Cấp-Tiến.

Một người học sinh Việt-Nam bị án tại Pháp

Hôm 19 Novembre vừa rồi tòa án Trừng-trị Toulouse có đem xử việc M. Đỗ-đình-Thiện học trò năm thứ 3 trường Đại-học Toulouse, can tội tuyên truyền chủ-nghĩa Vô-Chính-phủ (Anarchisme) và xui giục quân lính bất tuân thượng lệnh. M. Thiện bị cáo đã rắc truyền-đơn ở nhiều trại lính. Ngày 7 Octobre 1931, được tin mấy toán lính Đông-dương sắp xuống tầu về nước, M. Thiện giấu truyền đơn trong ruột bánh mì, toan ra bến tàu để phát, chẳng ngờ bị bắt ngay ở ga Matabian.

Sở Mật-thám đến khám nhà M. Thiện có bắt được nhiều truyền đơn và hai cái máy chữ.

Ra trước tòa, M. Thiện nhận hết mọi tội:

« Tôi thực không thuộc về phái Vô-chính-Phủ. Vô-chính-Phủ và Cách-mệnh, hai tiếng nghĩa rất khác nhau.

« Chính tay tôi viết truyền-đơn. Tôi chịu lệnh của người khác, nhưng xin tòa cho phép tôi không khai tên các người đã ra lệnh và đem lệnh đến cho tôi.

« Tôi bị bắt trước khi phạm tội phát truyền đơn, tòa chưa biết tôi sẽ dùng làm gì, mà buộc rằng bắt được quả tang rắc truyền-đơn, thật vô-lý quá!

« Còn những truyền-đơn phát ở các trại lính, thực tôi không rõ là của ai. Hai cái máy để ở nhà tôi không phải chỉ có mình tôi dùng đến... »

Bị-cáo-nhân cãi xong, M. Thabaut, biện lý, đứng lên luận tội rất nghiêm, ông lại phản đối việc tuyên-truyền « gian-giảo, ám-muội hèn-nhát » ấy. Trong phòng án hình như có người cười, ông cả tiếng nói rằng:

— Tôi không thể tin được rằng chính những người Pháp thành-thực lại có bụng riễu-cợt thế được..

Tiếp đó, trạng sư Péreau cãi rất hùng-hồn, cố gỡ hết các tội-trạng tòa buộc cho bị-cáo nhân.

Kết cục, tòa tuyên án phạt M. Đỗ-đình-Thiện 4 tháng tù, không được hưởng án-treo, tuy tội-nhân mới can-phạm lần thứ nhất.

Nữ-họa-sĩ Mộng-Hoa Cl. A. N.

Lưỡng-tôn-Cung ra thăm cuộc Đấu-sảo Nử-công. Cliché A. N.

Đấu xảo nữ-công tại Huế

—«Mục-đích cuộc đấu-xảo này trước là khuyến-khích công-nghệ phụ-nữ Việt-nam, sau để lấy tiền giúp hội Nữ-công và dân Nghệ-tĩnh» Đó là lời nói của bà Cao-xuân-xang, người coi-sóc công-việc trong nhà đấu-xảo.

Từ ngày bà Đạm - Phương từ chức bà Phương-Thanh lên thay, đến nay tòa nhà hội Nữ-công mới lại thấy vẻ sầm-uất.

Giữa gian phòng rộng, cái hòm đựng tiền nép tấm hình xấu-xí vào bên chiếc chậu giồng hoa. Ngảnh sang bên tả, loang-lổ cửa hàng đồi-mồi Đỗ-vạn-Tham (Hà-Đông); đối với bên hữu, sặc-sỡ hàng thêu Lê-văn-Thuần, con rồng con phượng... Đi rẽ sang tay trái, này vải đen của bà Lê-thanh-Cảnh phô vẻ nữ-công bánh chay của sư-nữ Diệu-Viên, nếm có mùi thanh-đạm, tiếp đó, ba nhà Thái-Long, Vĩnh-Thành, Sanh-tài họp nhau trong một buồng, bày la-liệt đồ thêu, đồ sơn, bánh, kẹo... Qua cửa hàng bán hoa, cửa phòng hát bội, thấy sừng-sững tấm biển: «*Nữ-công Bắc-kỳ Việt-nữ học-hiệu*». Trong căn phòng, hoa bằng bấc kết chữ, này quả bằng sáp, này cây bằng bột, này giày cườm, lụa thêu. Đối diện, bao nhiêu người xúm-xít xem hàng kẹo của mấy bà Trung-kỳ, hộp kẹo mà làm thành cuốn tự-vị. Hết dẫy, quay sang tay phải, mùi nước hoa thơm phức,—Kìa cái lọ dầu Khuynh-Diệp biết đi! ông Viễn-Đệ khéo làm quảng cáo. Ngay bên cạnh, một cái động, bao nhiêu tranh vẽ rất đẹp, vẽ cái cô soi gương, trải đầu mặc áo... cái hoa, hoa tay của nhà nữ-họa-sĩ Mộng-Hoa. Sát cánh, gian buồng Saigon, bà Triệu-v-Yên và Huỳnh-ngọc-Nhuận bày dép-dừa giầy cườm la-liệt trong nữa, gian nhà đồi mồi của hiệu Thành-Long, Hà-thành....

Cuộc Đấu-xảo bắt đầu mở từ chiều hôm 27 Décembre để quan Toàn-quyền tiện dịp dắt các quan Thượng Nam - Triều vào xem. Dòng-dã 13 ngày, nhà hội-quán đóng cửa, nghe đâu kết-quả được viên-mãn, đáng mừng.

Án tham-tang

Một độ gần đây, ba cái án tham-tang bị phơi ra ngoài ánh-sáng:

Ngoài Bắc-kỳ, Trần-văn-Trinh, Bố-chánh Hưng-Yên, đã bị kết 5 năm tù; Đỗ-đình-Nghiêm, tri-châu, đã bị huyền-chức để chờ ngay xét-xử.

Trong Trung-kỳ, Lưu-đức-Vinh, tri-huyện Vạn-Ninh (Nha-trang) đã bị triệt-hồi hậu-cứu.

Khám phá một cơ-quan hội-kín

Hà-tĩnh. — Vừa rồi một cơ-quan hội-kín huyện-bộ Can-Lộc, thuộc tổng Phù-Lưu, bị khám-phá. Dưới chân núi Hồng-Lĩnh, trong một hang-đá rộng, dung được 15 người ở dễ chịu, có đủ mùng-màn, bát đĩa, nồi niêu. Lại thêm bàn in thạch và sổ sách giấy mực rất nhiều. Bốn người bị bắt, trong đó có huyện-bộ Nguyễn-Bích, người làng Yên-Dũng (Nghệ-An) trước làm tổng-bộ Yên-Trường, từ lâu vẫn bị truy-nã.

Người và tang-vật đã đưa về Hà-Tĩnh để xét hỏi.

Cuộc Trung Nhật xung đột

Nhật-bản, nằm giài trên phía bắc Viễn-Đông, vẫn ngấp-nghé ngôi bá-chủ cả các giống người trên châu Á. Bá-tước Tanaka, nguyên thủ-tướng nước Nhật, trước khi tạ thế để lại bức di-biểu dặn dò đại-khái mọi điều quan yếu trong chính-sách thôn-tính sau này, cốt lấy Đông-Tam-Tỉnh làm nơi khởi-điểm.

Ngày nay, cơ-hội đã đến: việc Vạn-Bảo-Sơn tức là mồi lửa đã, châm ngòi cho tham-tâm người Nhật nó nổ tung ra trước mắt các dân-tộc Hoàn-cầu.

Mã-chiếm-Sơn Cl. A. N.

Mới trong hồi tháng Juin, chỉ vì một người thực-dân Triều-Tiên tự ý đào một cái kênh qua ruộng người Trung-Hoa ở huyện Trường-Xuân (Vạn-Bảo-Sơn), hai bên cảnh sát Hoa, Hàn gây cuộc xung-đột. Cuộc xung-đột cũng nhỏ, quan địa-phương hai nước còn đương giao-thiệp cùng mở cuộc điều-tra. Bỗng chốc, ở mấy nơi đô-hội Triều-Tiên người Hoa-kiều bị thảm-sát! Nhật-Bản, nấp trong só tối, rật giây xúi giục dân Hàn. Muốn báo thù Trung-hoa xướng xuất tẩy-chay hàng Nhật. Tẩy-chay, cái lợi khí

Trung-hoa xướng-xuất tẩy-chay hàngNhật.— Tẩy-chay, cái lợi khi độc-nhất của hạng người k ém vế, nước Nhật đã từng phen biết cái lợi hại của nó rồi: mới trong một tháng giời, Nhật đã thiệt mất 40 triệu bạc.

Được dịp, vin sự thiệt-hại ấy làm cớ tạ-khẩu quân Nhật đột-nhiên dương buồm qua bể, kéo ùa nhau sang đất Mãn-châu. Một ngày 18 Septembre, tỉnh Phụng-thiên đã vào tay người Nhật. Rồi, luôn luôn, Thẩm-dương, Cát-Lâm, Tề-Tề-Cáp-Nhĩ,... quân Nhật cứ tiến mà quân Tàu cứ lui! Trương-học-Lương mỏi mắt nhìn về kinh-đô nước Pháp, Thái-Tây, Viễn-Đông, điện-tín rẽ từng không đi, lại; «Vua Hòa-Bình» đã hết sức dàn-sếp, mà ngọn cờ «mặt giời đỏ» vẫn hăng-hái thẳng trỏ về phía Hắc-long-Giang.

Hắc-long-Giang! tiếng sét rậy giời; Mã-chiếm-Sơn, một vị cứu-quốc anh-hùng xuất-hiện. Như quan thống-chế Joffre đứng trên sông Tùng-Mạc. Mã-chiếm-Sơn khảng khái thề với quân-sĩ, trên bờ sông Nộn-giang: «Giải nước này, địch-quân không bao giờ qua được!» (Ils ne passeront pas!)

Than ôi! địch-quân vẫn qua được.... Tuy Mã-chiếm-Sơn đã liều thân huyết-chiến, làm cho quân Nhật mấy phen tán-đảm nhưng thế cô, lương thực thiếu, đan được hết, Mã-tướng đành phải dắt tàn-quân lui về chân núi Khắc-sơn.

— «Một là tỉnh Hắc-long-giang của người Tàu, hai là tỉnh Hắc-long-giang hóa ra do!» Ấy là lời từ biệt của Mã.

Ở chân núi Khắc, Mã vẫn huấn-luyện quân sĩ, đợi ngày trả thù cho nước, đợi ngày phản-công. Đã nhiều lần, Vương-sủng-Huệ ưng khuyển của quân Nhật. Nguyên soái nước Nhật cho thuyết-khách đem lợi, đem uy vũ đến dụ hàng, Mã-chiếm-Sơn chẳng khác Trần Bình Trọng của ta, thề quyết phơi gan «giết giặc»!

Đằng kia, bánh xe thần công quân Nhật vẫn từ từ lăn xuống Cẩm châu.

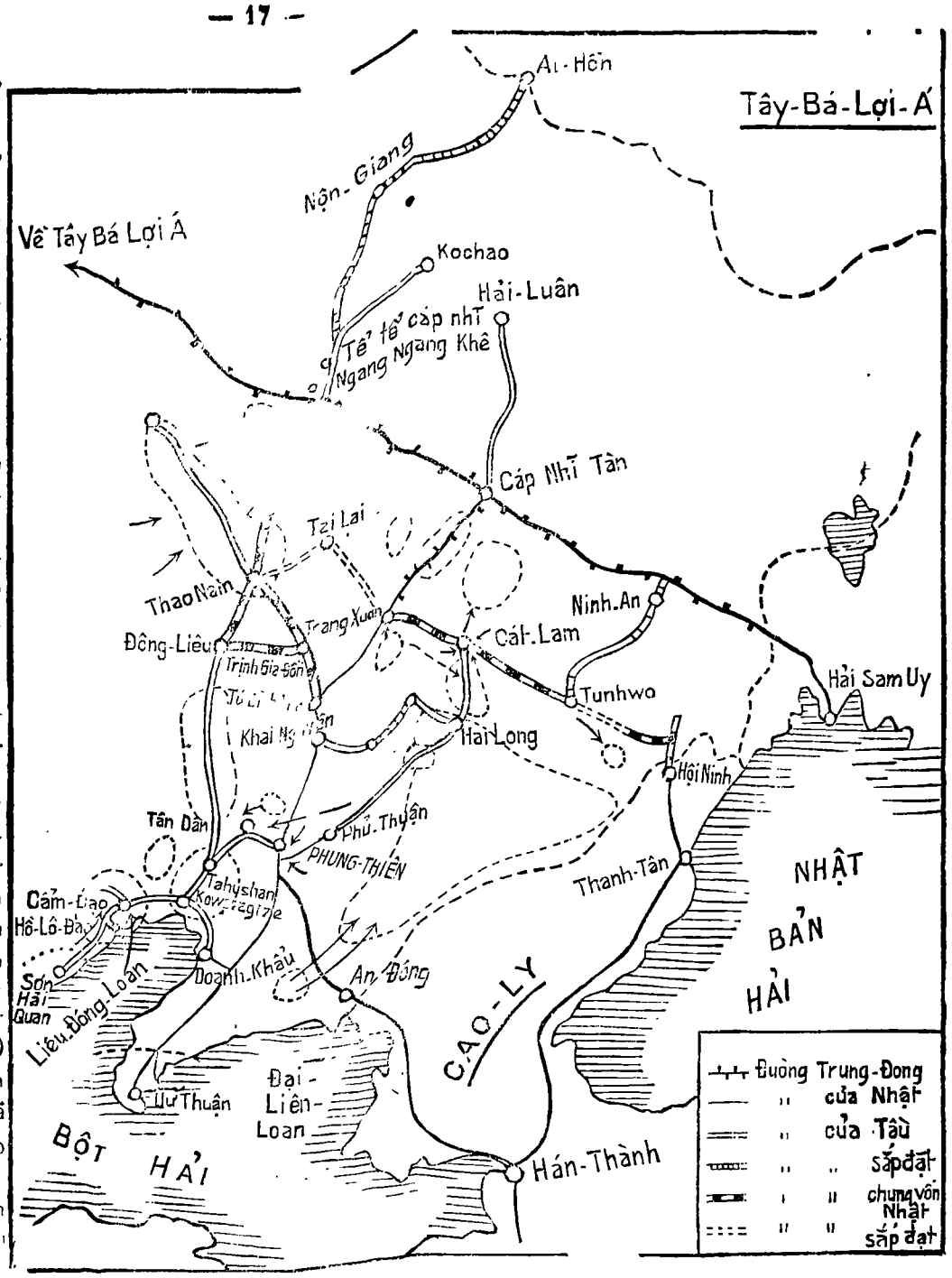

Địa-đồ đường hỏa-xa ở Đông-Tam-Tỉnh

(Các vòng chấm tức là nơi quân Tàu đóng khi trước để đối-địch với quân Nhật. — Các quý-độc-giả xem địa-đồ này sẽ thấy nhiều tên tỉnh các báo thường nhắc tới luôn.

Mã-chiếm-Sơn có quay được về Hắc-long-giang không? Quân Nhật có còn tiến được nữa không? Nước Tàu tuy không mạnh bằng nước Nhật, nhưng dân khí Tàu không phải là kém: Các bà già bắt con phải liều thân cứu nước, các học sinh lăn ra đường sắt bắt chính phủ phải trở mình về Đông, phái phụ-nữ cũng hăng-hái xin tùng chinh, hơn ba trăm sư cũng quyết vào đội tiên phong, quân sĩ miền Nam từ chức để kéo nhau về Bắc.... Chỗ này họp biểu-tình cứu-quốc, chỗ kia quyên tiền gửi giúp Mã-chiếm-Sơn, các viên chức của chính phủ lo nơm nớp bị dân đánh ....

Giữa lúc ấy, bên Nhật lại có bọn học sinh họp biểu tình công-kích chánh phủ mình vô cớ ăn hiếp nước lân bang.

Đ.H.H.

Ả HẰNG

Xưa có người ở Bắc-kinh, tên là *Hồng-đại-Nghiệp*, có vợ người họ *Chu*, cũng hơi có nhan-sắc. Hai vợ chồng thân yêu nhau, sắt cầm vui-vẻ. Sau *Đại-Nghiệp* lấy một người vợ bé tên là *Bảo-Đái*, nhan sắc thua Chu xa, mà Đại-Nghiệp qui mến; Chu không thể chịu được, trong nhà từ đấy kém vui, bát đĩa đã nhiều khi sô-sát. Đại-Nghiệp dẫu không dám công-nhiên tối nào cũng ngủ với vợ lẽ, song càng ngày càng qui mến Bảo-Đái mà không tưởng nhìn đến Chu.

Nhà họ Hồng sau đổi chỗ ở, ở gần với một người lái buôn lụa. Người ấy họ Địch, vợ là ả Hằng. Hằng sang chơi nhà Chu làm quen. Chu trông Hằng người độ ba mươi tuổi, không lấy gì làm đẹp, nhưng mà ăn nói nhẹ-nhàng, xem ra rất đáng yêu. Hôm sau Chu lại sang chơi nhà Hằng để đáp lễ, thấy trong nhà cũng có một người vợ bé, tuổi độ hai mươi, rất xinh đẹp. Hai nhà cùng ở láng-giềng với nhau gần nửa năm, Chu không nghe thấy bên nhà Hằng có tiếng sô-sát gì bao giờ; mà anh chàng họ Địch chỉ cú yêu qui vợ cả, chớ không mến vợ bé.

Một hôm. Chu sang chơi thăm Hằng, ân-cần hỏi rằng:

« Tôi trước kia vẫn cho rằng: người chồng mà hay yêu vợ lẽ, vì rằng nó là lẽ. Cho nên nhiều lúc muốn đổi tiếng vợ cả, nhận gọi mình là « *lẽ* ». Đến nay xem như bên nhà Bà, thời ra không phải thế. Không biết Bà có cái mẹo gì, nếu có thể dạy được, xin cho tôi được làm học-trò!

Hằng nói:

— *Lạ thật! Tự Bà làm cho ra lạnh nhạt, trách gì người đàn ông! Này như hết sớm đến tối, chỉ những eo-óc bên cạnh tai người ta; như thế chỉ càng làm cho cái người chồng nó xa mình, mà nó lại gần con vợ lẽ lắm. Bây giờ bà về, mặc-kệ tha-hồ cho người chồng cứ tùy ý; dẫu hắn có đến với mình nữa, cũng không cho được gần. Như thế, sau một tháng, rồi tôi lại bàn liệu hộ bà.* »

Chu theo lời Hằng dạy, về nhà xắm-sửa cho Bảo-Đái, tối cứ cho Bảo-Đái ngủ theo với chồng. Đại-Nghiệp ăn uống gì, cho Bảo-Đái được cùng cả. Người chồng ấy có khi hỏi han gần gụi Chu. Chị chàng ta không khiến. Vậy rồi cả nhà đều khen bà cả có đức hiền.

Như thế hơn một tháng, Chu sang thăm hầu Hằng. Hằng vui mừng nói rằng:

« *Được lắm! Bây giờ bà về, bỏ hết những sự trang-điểm, đừng ăn mặc quần áo đẹp, đừng phấn sáp, cứ lam lũ chịu khó cùng làm mọi việc hèn hạ theo như người nhà. Sau một tháng nữa, bà lại sang chơi đây.* »

Chu về nhà lại theo y như nhời Hằng dạy. Anh chồng ta nghĩ thấy ái-ngại, sai Bảo-Đái phải cùng làm lụng theo với Chu. Chu không cần khiến, không cho cái Bảo-Đái đụng tay. Như thế hơn một tháng, chị học-trò ấy lại sang để hầu thầy.

Hằng nói:

« *Người chị em này dạy được thật! Hôm mai đây là ngày đạp-thanh, muốn mời chị cùng sang rạo chơi vườn với tôi. Chị nên bỏ hết những đồ mặc cũ rách; quần áo, giầy, bít-tất, nên toàn dùng những đồ mới tốt đẹp cả. Rồi buổi sáng sang tôi.* »

Chu xin vâng. Về nhà liệu sự ăn mặc theo đúng như lời của Hằng. Buổi sáng hôm sau sang.

Hằng vui mừng nói rằng:

« *Được lắm!* »

Hằng lại vì Chu quấn lên cái mái tóc phượng, sửa lại cái tay áo; đem đôi giầy của mình ở trong hòm ra, đưa cho Chu bỏ đôi kia mà đi. Lúc Chu ở nhà Hằng ra về, Hằng rót rượu mời Chu uống, dặn kỹ rằng:

« *Chị về nhà, gặp qua người chồng một cái, rồi nên đóng cửa đi ngủ sớm ngay. Hắn có đến gõ cửa, mình làm hình như không nghe. Ba lần gọi, nên cho vào một lần. Miệng đòi hôn, tay đòi muốn mon men, mình đều nên phải làm ra rất khó. Cứ thế độ nửa tháng nữa, bà lại sang đây* ».

Chu về. Anh chồng ta nhìn trên ngắm dưới, vui cười khác mọi ngày xưa. Chị vợ ấy nói qua ít câu chuyện về sự đi chơi, rồi làm ra cái bộ nhọc mệt; ngày chưa tối đã đứng dậy vào buồng, đóng chặt cửa đi ngủ. Chốc lát, anh chồng họ Hồng quả-nhiên đến gõ cửa. Chị vợ họ Chu cứ nằm gan không dậy. Hồng đợi lâu phải đi. Tối hôm sau lại thế. Ngày mai, anh chàng ta trách giận. Chu nói:

« Ngủ một mình đã quen, không muốn có người quấy nhiễu nữa ».

Đến hôm sau nữa, mặt giời vừa sẽ chiều, Hồng vào buồng ngồi giữ trước. Rồi tắt đèn lên giường, như vui cùng người vợ mới, ân ái mặn mà. Hồng lại hẹn đến tối hôm sau. Chu không nghe. Hẹn cho Hồng cứ ba ngày làm chừng.

Chừng nửa tháng. Chu lại sang thăm Hằng. Hằng đứng trong cửa nói truyện ra với Chu rằng:

« *Thôi từ nay có thể chiếm hết được bao nhiêu ân ái chốn phòng loan. Tuy vậy, chị dẫu đẹp, chưa được lẳng. Cứ như cái đẹp của*

HIỆU THUỐC MẶT GIỜI

BÍCH-HẠNH DƯỢC-CỤC

Tổng-cục 214 sau bà đầm vườn hoa cửa Nam, Hanoi

CHỮA KHOÁN BỆNH LAO

Dụ nặng bậc nào, nguy kịch tính mệnh, xương bọc lấy da, thở ra chẳng còn thở vào, bổn cục chữa khoán sẽ tiêu diệt hết vi-trùng lao và khỏe-mạnh lại. Không khỏi không mất tiền. Ngài nào nghi ngờ bị bệnh lao, (tuberculose) nên kíp lại bổn cục soi rãi đờm xem có vi trùng lao không? Giá xem 0p.32. Nếu mới bị chỉ uống một hai chai thuốc số ba trị lao giá 3p.00 là tuyệt bệnh căn. Chữa khoán bệnh phong và các bệnh kinh niên hoặc mới mắc, khỏi hẳn mới mất tiền. Bệnh nhân không sợ tiền mất tật mang. Thực là không còn nghi ngại gì nữa. Danh-y án mạch, bốc thuốc và c ế đủ cao, đan, hoàn, tán, đóng chai, hộp. Xa biên thơ kể rõ bệnh căn sẽ gửi thuốc lĩnh hóa giao ngân. Cần nhiều Đại-lý và Quản-lý chi-điểm

Đừng ngần ngại gì nữa ! ! !

Hễ mắc phải bệnh lậu hay giang-mai, bất câu nặng nhẹ, hoặc mới hay đã lâu, thì nên lại ngay **Thanh-Hà Dược-Phòng**, *55 Route de Hué; (Trên chợ Hôm)* mà điều-trị, vì đó là một nhà chuyên-môn chữa bệnh tình kinh-nghiệm, nên thuốc uống tùy chứng dụng phương, đã tróng khỏi mà lại không hại đường sinh-dục. Lại có buồng riêng khám và chữa cả đàn-ông, đàn-bà. — Ở xa viết thư kể rõ bệnh-căn sẽ có thuốc gửi lĩnh-hóa-giao-ngân đến nơi ngay. Ai có sự gì nghi-ngờ hỏi đến, xin gửi 0$05 tem sẽ giả lời cẩn-thận. — Có bán đủ cao, đan, hoàn, tán và nhiều môn ngoại-khoa gia-truyền rất thần-hiệu.

chị, mà nếu thêm được tý lẳng nữa: thời dẫu Tây-thi chẳng an đứt, nữa chi bực dưới ru?»

Hằng nói rồi, thử bảo Chu liếc

. . . . . .

Rằng *liếc thế không phải, hỏng ở mý bên ngoài.*

Lại thử bảo cười.

. . . . . .

Rằng *cười thế không phải, vụng ở mép bên trái.*

Ả lúc ấy mới tự long-lanh đôi mắt, đưa làn sóng thu; chúm-chím miệng hạt bầu hơi hé. Bảo Chu cứ theo thế mà bắt chước. Làm đi làm lại, đến vài mươi lần, mới hơi phảng-phất được đôi chút. Xong rồi, Hằng nói:

«Thôi bây giờ chị về, cứ soi gương mà tập mãi cho càng quen. Cái mẹo có đến thế là hết. Còn như ở nơi chăn gối, tùy cơ lựa ý mà khéo cách yêu chiều, chỗ đó không thể lấy lời nói mà dậy nhau được.

Chu về, các cách theo như ả Hằng dạy, Hồng thích quá, hình thần cùng mê, chỉ sợ có lúc bị chống cự. Mỗi ngày gần triều thời đã cùng nhau ngồi đùa cười, không xa cách cửa buồng nửa bước, dẫu có muốn đẩy cho đi nữa mà dẫu đẩy cũng không đi.

Đã vậy, Chu càng xử tử-tế với Bảo-Đái, mỗi khi tiệc vui trong phòng, gọi cho cùng ngồi: mà Hồng thời coi Bảo-đái càng thấy xấu; mỗi bữa tiệc chưa xong, đã đuổi đi. Chu đánh lừa chồng vào trong buồng của Bảo-đái, khóa trái lại. Hồng xuốt đêm không có đụng dính. Bảo-Đái đến đấy oán giận Hồng, thường sinh ra có những lời nói xấu. Hồng càng ghét bỏ, lâu rồi có dùng đến roi vọt. Bảo-Đái tức bực, không thiết gì làm ráng nữa; đầu bù áo rách, lam-lũ trông không còn ra người.

Ả Hằng một hôm bảo Chu rằng:

—*Chị xem cái mẹo của tôi thế nào?*

Chu nói:

– Mẹo của thầy thời rất hay! nhưng sao tôi chỉ biết học được, mà rút lại vẫn không biết nó tại ra làm sao. Bây giờ xin hỏi lại Thầy:

Buông thả cho người đàn ông được tự ý, là làm sao?

— *Thế chị không xét à? Thường-tình con người ta chán cái cũ mà thích cái mới, chuộng cái khó mà coi dễ cái dễ. Những người đàn ông mà hay yêu vợ lẽ, có phải cứ là đẹp đâu? Nó chỉ là thú về cái chỗ như bắt được, mà ham về cái nhẽ khó gặp luôn. Buông thả cho ăn no, thời dù các thức ngon vật qúi mà rồi cũng phải chán, nữa chi là những cái rau hái ở nyoài đồng!*

—Làm mình cho tiều tụy, mà rồi lại sắm-xanh chang-điểm cho thật lòe, là làm sao?

—*Cái nhẽ bỏ lâu không nhìn đến, thời như lá cách biệt đã lâu: bỗng chốc trông thấy chang-điểm lạ thường, thời như thể gặp người mời đến. Nay ví như người nhà nghèo mà được bữa chả chim cơm trắng, bát canh khoa còn tưởng đến chi chi! Đã thế mà lại không dễ-dùng cho thường, thời ra nó cũ mà mình mới, nó dễ mà mình khó. Đó tức là theo cái bụng của chị muốn « đổi cả làm lẽ đo mà thôi! »*

Bà Chu lấy làm mát ruột quá.

Dịch văn Liêu-trai

TẢN ĐÀ

Tản-Đà quốc-văn đặc-biệt quảng-cáo

Trước đây, trong khi tôi ở Báo-quán *Bờ-Hồ* và *Nam-Định*, hằng tiếp thư của các ngài quá yêu, muốn cùng tôi giao-du riêng về các lối văn quốc-văn. Trong các lúc đó thực là ít thì giờ, cho nên chưa được tiện giả lời các ngài.

Nay tôi ở Báo-quán hiện tại, liệu nay có chút thì giờ để đối với việc quốc-văn như các ngài đã hỏi khi trước, vậy xin ngài nào có ý muốn, tiện cứ viết thư, sẽ xin phúc,đáp.

Nay kính-cáo.

TẢN-ĐÀ NGUYỄN KHẮC-HIẾU

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trả-sơn
dịch

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Một chàng gầy ốm người da trắng kia đang cưỡi trên mình một người da đen tóc xoắn.

Hai giái tai tên mọi nọ đều xiên thủng và nong rộng, đến nỗi một bên rách sã ra; một bên còn đeo chiếc vòng gỗ đường kính đo tới 3 đốt ngón tay, để làm đồ trang điểm. Bên tai rách lại còn sâu thủng lần nữa để guợng đeo một cái điếu bằng đất.

Con « ngựa người » này, vừa bẩn vừa nhờn, mình trần trùng-trục, duy ở ngang lưng có vấn một mảnh vải trắng, chật hẹp và dơ-dáy. Chàng da trắng bám chặt vào lưng người da đen, song mình còn yếu nên, thỉnh thoảng chàng lại gục mặt xuống cái đầu lởm trởm tròn xoe của tên mọi.

Cũng có lúc chàng ta ngẩng cổ lên đưa cặp mết lờ-đờ, nhìn dặng cây dừa thấp thoáng, thì thấy những cây ấy hình như nhẩy múa ở dưới ánh nắng giữa trưa.

Chàng chỉ mặc một cái áo nịt mỏng sát vào người, dài chấm gối, đầu chàng đội một cái mũ rơm đã rách. Lưng chàng đeo một khẩu súng lục-liên nòng lớn, lại có những hộp đạn, hình như chỉ sẵn sàng để ứng-dụng trong khi nguy-cấp.

Theo sau có một tên mọi nhỏ, chừng 14, 15 tuổi, mang những chai thuốc và một thùng nước nóng, cùng là những đồ phụ - tùng để buộc thuốc.

Ba người ở trong nhà đi ra, khi qua cái cổng dậu vườn hoa thì lại đi quanh queo ở trong một cái vườn dừa non dãi nắng.

Giời nóng như nung như nấu, một mảy gió cũng không có, lại thêm một thứ lệ-chướng gớm ghê làm cho không-khí có vẻ nặng nề.

Về phía ba người đi lại, văng-vẳng nghe thấy tiếng kêu than, rền rĩ gớm ghê, thảm thiết, hình như tiếng quỷ khóc ma gào. Một lát thì hiện ngay ra một căn nhà dài, thấp lụp sụp, vách liếp, mái lau. Cái tiếng ồn ào rền rĩ ở đấy mà ra. Lúc bấy giờ mới nghe rõ: nào là tiếng than ai oán, nào là tiếng khóc nức nở, nào là tiếng hầm hè bực dọc, tiếng này chen tiếng khác, hoặc ở miệng những kẻ còn triền miên đau đớn hoặc ở miệng những kẻ thất vọng nằm đợi chút hơi tàn.

Khi bước chân vào trong căn nhà ấy, chàng da trắng nghe mình ê ẩm tưởng đâu như sắp ngất người đi. Bởi vì những phu làm trong đồn-điền Bế-Rang-Đệ đương mắc bệnh lỵ, là một thứ bệnh truyền-nhiễm rất ghê gớm ở quần đảo Sa-Lô-Mông Chính mình là chủ-nhân, riêng phải đảm đang cái trách-nhiệm trừ-khử tai-nạn, mà chàng cũng không thoát khỏi bệnh ấy.

Vẫn ở trên lưng tên mọi, chàng cố cúi rạp xuống mới đi qua được cái cửa thấp. Chàng vội vàng bảo tên mọi nhỏ theo hầu, đưa cho một lọ con nước đái quỷ, rồi hít thật mạnh thì thấy trong mình hơi dễ chịu. Chàng liền thét lên rằng: Im mồm tất cả!...

Tiếng ồn-ào lộn-xộn im lặng dần dần.

Một cái sàn ván chênh chếch, bắc là lã mặt đất, suốt tự đầu nhà bên này đến đầu bên kia; ở cạnh có một lối đi chay dọc, rộng chừng một thước. Trên sàn có chừng 20 người da đen nằm chen-chúc ngồn ngang.

Liếc mắt qua, cũng biết ngay rằng: trên bức thang nhân-loại những người da đen này, còn ở vào bậc cuối cùng. Đó là giống mọi ăn thịt người; mặt mũi trông méo mó lệch lạc, bất thành nhân-rạng; thân-thể thì lòng lá gớm ghê như loài khỉ. Đầu sống mũi họ có đeo những vòng làm bằng mai rùa, hoặc bằng ốc bể; hai bên mũi lại có xiên thủng và đeo vòng sắt sâu hạt, để cong lên như hai chiếc sừng.

Tai họ cũng trễ xuống và có lỗ thủng; trong cái lỗ thủng ấy, cũng lại nong những vòng gỗ khá lớn, những điếu bằng đất; cùng các đồ trang-điểm khác; trông thật mọi-rợ mà buồn cười, như tên mọi cõng người da trắng kia. Trong thân-thể, ngoài mày - mặt họ đều có thích những hình trông gớm chết.

Ốm-yếu như họ mà quần áo không bận; thậm-chí cái vải quấn ngang lưng họ cũng không dùng. Tuy rằng mình mẩy trần như rộng, mà họ vẫn cố đeo những vật ở mũi, ở tai, những vòng tay trắng hạt, đại loạt to bằng nhau, những cái thắt lưng da có đeo lủng lẳng những con dao trần.

Nhiều người trong bọn họ mình mẩy đầy những ung-nhọt; từng đàn ruồi xúm xít bâu vào, bay đi bay lại, trông như những đám mây đen ngòm.

Chàng da trắng đi suốt dọc sàn, phát cho mỗi người một thứ thuốc; những người yếu thì cho thuốc đỏ, những người còn có sức, thì cho thuốc mửa. Chàng cũng phải mệt trí mới nhớ rõ ràng, từng bệnh nhân, để khỏi phát nhầm thuốc của người này cho người khác.

Ngay lúc ấy có một bệnh-nhân chết. Chàng quay ra bảo lũ mọi đen còn khỏe mạnh, đứng ở ngoài cửa, vào khiêng ngay xác đi.

Chàng nói giọng chủ-nhân, dõng-dạc, cương-quyết, hình như không chịu để cho ai vật-nài.

Bọn mọi nghe thấy thế có vẻ bất-bình đứng ý đấy, duy có một tên cả-quyết tiến vào. Trong mồm còn cầu nhầu, nó cầm hai cẳng người chết mang đi được chừng vài thước lại đặt phịch xuống.

Chàng da trắng thấy vậy, nổi giận thét mắng ầm-ỹ. Thế cũng đã đủ mệt rồi, song chàng cố vằng cánh tay, tát trái vào mồm tên mọi kia một cái thật mạnh, rồi quát lên rằng:

— Thằng An-Gia-Ra kia, mày làm cách gì? Mày dám nói gì? Tao căng xác mày ra bây giờ!

Quắc đôi con mắt, chẳng khác gì con thú dữ bị người chêu chọc, tên mọi tức-thì đứng thủ-thế, chực nhẩy chồm vào, song chàng da trắng cũng nhanh cầm ngay khẩu súng lục đeo ở thắt lưng, nên không dám nhẩy vào nữa; bao nhiêu cái hăng hái bận nẩy bỗng biến đi đâu mất, nó liền cúi xuống kéo cái xác ra ngoài. Ra ý ám chỉ cả giống da đen ở quần đảo Sa-lô-Mông, chàng liền nghiến răng mà quát mắng rằng: Bỗ một đàn cẩu-trệ!

Trong mình chàng còn yếu lắm. Tuy rằng chàng vẫn săn sóc thuốc thang cho bọn da đen nằm lịm đó, nhưng thật ra, chàng cũng chẳng khỏe hơn gì họ.

Khi bước chân vào cái «ổ chuột» hôi hám này, chàng không tự-biết có đủ sức mà đi xem xét cho khắp được không? Cái điều chàng biết chắc là: nếu mình bị ngất người, trước mặt bọn vũ-phu này, thì có lẽ chúng sẽ nhẩy chồm lên cổ, nuốt sống mình đi như loài chó đói vậy.

Cách đấy một quãng, lại có một người trong bọn phu đang hấp hối; chàng bèn ra lệnh: khi nào người ấy chết, thì phải đem chôn ngay.

Lúc ấy, một người da đen tóc xoắn, thò đầu vào cửa báo rằng: cách ta-tô bố-cu ma lách (1)

Bốn bệnh-nhân thì đứng xúm-xít quanh người vừa nói. Chàng da trắng lựa một người yếu nhất trong bọn cho vào nằm ngay cái giường người chết, xác vừa mang đi khỏi. Rồi chàng chỉ vào người yếu nặng thứ hai mà phán-bảo gia-nhân rằng: nếu có chỗ, thì phải để dành cho người này. Phán bảo xong, chàng lại ra lệnh cho một bọn phu khỏe-mạnh trong đồn-điền, phải làm thêm ngay một cái chái nối vào căn nhà thương hiện có.

Sau đó, chàng đi xem xét một lần nữa, và phát thuốc cho kẻ này người khác.

Thỉnh-thoảng, gặp người nào ốm lắm, chàng lại đưa đẩy mấy câu pha-trò để cho họ hài lòng.

Đầu nhà, một người da đen đang ngả mình vào một người ốm mà «hát giọng não nùng.»

Chàng da trắng lấy thế làm giận hỏi rằng:

— Tại sao mi «hát»?

Người da đen trả lời:

— Luý phờ re xê-ri moa. Luý sắp phe-moor, moa ba vù-lòa sà (2)

Chàng da trắng gắt lên rằng:

— Đồ đại ngu! Mi hát tức làmi giết nó đấy! Mi là đồ bị-thịt, có hiểu không? Câm mồm đi, nếu không, ta khóa họng mi lại ngay bây giờ.

Nói xong, chàng giơ nắm tay dọa tên mọi. Tên mọi cúi mặt xuống, không khóc nữa, rồi đưa mắt nhìn chàng ta, ra dáng âu-sầu buồn-bã.

Chàng da trắng nguôi cơn giận, dịu-dàng bảo hắn rằng:

— Mi than khóc làm gì vô-ích, chi bằng ở đây nhiều ruồi, mi hãy sua bớt đi. Rồi mi đi xách nước mà tắm rửa kỳ cọ cẩn-thận cho người anh yêu quý của mi.

Bỗng chàng ta lại đổi ra giọng dõng dạc mà rằng:

— Mau lên, he!

Cái oai của chàng da trắng có một cái sức làm cho tên mọi thông-minh tầm-thường kia hiểu ngay, và giật mình đứng choàng dậy mà đi sua ruồi.

Kinh-lý xong, chàng ở trong căn nhà đi ra, giữa lúc trời đang nắng dữ. Chàng ôm chặt lấy cổ tên mọi, rồi phồng ngực ra hô-hấp thật mạnh.

Nhưng, ở trong không-khí nóng-bức, như nung như nấu ấy, chàng không thấy dễ chịu hơn được chút nào.

Chàng lại gục xuống đầu tên mọi, mà ngủ gà ngủ gật cho mãi đến khi về tới nhà. Dụng-lực một tý là trong mình thấy đau đớn khổ sở, tuy vậy mà chàng cũng cứ phải dụng-lực luôn.

Chàng thưởng cho con « ngựa người» một ngụm rượu thường, chế riêng để xuất cảng. Việt-Bửu-Ri, một thằng ở trong nhà, mang thuốc và nước ra, chàng tự lau rửa mình mẩy thật là kỹ-lưỡng.

Uống xong một liều thuốc, chàng tự xem mạch lấy, ngậm chiếc hàn-thử biểu, xem nóng-lạnh thế nào rồi nằm vật xuống giường, ra dáng mỏi mệt, tuy muốn rên rỉ mà chàng cũng cố nén đi.

Bấy giờ trời đang giữa chiều, mà chàng đi kinh-lý lần này là lần thứ ba trong ngày hôm ấy.

Sau khi chợp ngủ được một tý, chàng liền kêu người ở lại, mà phán rằng:

—Việt-Bửu-Ri! Con khá lấy thiên-lý-kính ra nhòm xem có phải tầu Dịch-sĩ tới kia không.

Thằng ở vâng lời, vào lấy thiên-lý kính ra ngoài hiên, chiếu ra biển mà thưa rằng:

— Con thấy có một chiếc tầu, ở đằng xa, như ý con tưởng, thì chiếc tầu đó, chính là tầu Dịch-sĩ.

Chàng da trắng hơi tỏ ý vui lòng mà rằng:

— Nếu phải tầu Dịch-sĩ, thì ta thưởng cho con 5 gói thuốc lá.

Chàng đợi mãi mới thấy tên người nhà trù-trừ đáp:

— Chiếc tầu kia có thể là tầu Dịch-sĩ, mà cũng lại có thể là một chiếc tầu khác nữa.

Chàng da trắng quay mình như con sâu, quỳ hai đầu gối xuống sàn, rồi víu vào một chiếc ghế mà lần đứng dậy. Chàng vẫn víu vào cái ghế, để đỡ bớt cái sức nặng của mình

(1) Bọn người ốm nặng lắm.

(2) Nó là người anh yêu qui của tôi. Nó sắp chết. Tôi không muốn như thế.

rồi cứ thế đẩy chiếc ghế đi về phía cửa phòng mà lần ra ngoài hiên.

Ra tới nơi, mồ hôi toát ra nhễ nhại, chẩy qua vai thấm cả xuống áo di-lê.

Chàng cố ngồi lên được cái ghế, trong mình mệt lử, rồi thở hổn hển. Mấy phút sau, chàng cố gượng dậy.

Thằng Việt-Bửu-Ri ghếch đầu thiên-lý-kính lên một cái cột bao-lơn ngoài hiên mà giữ cho cân, để chàng da trắng ngắm ra phía chân trời.

Ngắm nghía hồi lâu, chàng nhìn thấy những lá buồm trắng tầu kia. Chàng điềm-nhiên nói to lên rằng:

— Không phải là tầu Dịch-sĩ, đây là tầu Mã-La Cự-La. Chàng từ chiếc ghế này sang chiếc ghế Xích-đu kia. Dưới chỗ chàng ngồi, chừng 100 thước tức là dẫy đá phân-biệt giới-hạn cửa sông Bá-Lê Suy-Mã.

Ở đằng xa, cái hình lởm-trởm của đảo Xã-Vô hiện ra trên mặt biển. Giữa đảo này và đảo Phố-Lô Ri-Đa có một cái eo rộng chừng 12 hải-lý.

Xa ra tý nữa, về phía tay phải người ta trông thấy lờ mờ cù-lao Má-Lai-Tạ, là hòn đảo còn dã-man hơn hết, vì đây là nơi sào-huyệt của giống mọi chỉ thích trộm cướp và ăn thịt người. Hai trăm phu làm ở đồn-điền Bế-Rang-Đệ, đều mộ ở đấy cả.

Vườn hoa nhà chàng da trắng, chỉ cách xa bãi biển một cái rào tre.

Lúc ấy cửa hàng rào đang mở, chàng sai người đóng lại.

Hai bên đường đi ra lối cửa ấy, có hai cái cột cờ lớn, giồng lên trên hai gò đất, cao độ mười bước chân. Dưới chân có giồng những cọc sơn trắng, giây xích buộc giằng cái nọ vào cái kia.

Hai cột cờ này cũng có then, giây trăng thẳng như cột buồm vậy. Trên đỉnh có treo hai lá cờ sắc thắm, giỏ thõng xuống, ra vẻ u-sầu.

Một lá cờ trông như cái bàn cờ, có những ô-vuông xanh, trắng chen lẫn nhau. Lá kia thì trắng tuyền, ở giữa có một cái vành mùi đỏ. Theo luật Quốc-tế thì cờ treo như thế là cái hiệu báo cho biết có tầu gặp nạn.

Ở trong xó vườn, một con chim mồi ủ-rũ, đậu trên mặt đất, trông có vẻ ốm yếu. Chàng da trắng nhìn con chim mà mình lại hỏi bỡn mình rằng: bên người bên vật, bên nào liệt-vị hơn; thì chàng thấy mình với nó chẳng qua cũng là đồng-bệnh.

Trời đã gần tối, chàng ra lệnh báo hiệu cho bọn phu da đen làm trong đồn điền nghỉ việc. Xong rồi, chàng lại cưỡi con «ngựa người» đi kinh-lý lần nữa.

Ở nhà thương, vẫn được yên, duy còn 2 người ốm chàng phải cho uống thuốc tẩy. Tóm lại ngày hôm ấy kể ra còn là khá, chỉ có 3 người da đen chết mà thôi.

Chàng xem xét đến đống cùi dừa phơi tự sáng ngày, rồi chàng thân xuống tận chỗ phu ở, soát qua xem có người phu nào ốm, sợ phải đi nhà thương, còn lẩn trốn ở đó chăng.

Về đến nhà, chàng nghe lời trình-báo của bọn đốc-công và dặn dò họ về các việc làm ngày mai. Chàng lại cho gọi cả người cai thuyền lại để hỏi xem thuyền bè đã kéo cả lên cạn và khóa cẩn-thận ở trong bến chưa. Phải phòng xa như thế, là vì tụi da đen, bất cứ ở trình-độ nào, thường hay buồn bực vẩn vơ; nếu ban đêm bỏ quên một chiếc thuyền, ở bãi bể, tức là ngày mai mất 20 người phu mọi. Vả lại, một chiếc thuyền không phải là vô giá-trị, ở quần đảo Sa-Lô-Mông, một người da đen đáng giá trên dưới 30 Mỹ-kim, ấy là tùy theo cái ngày giờ làm việc của họ. Nếu mất một thuyền phu thì thiệt hại lớn, và đồn điền Bế-Rang-Đệ tất phải lụn bại.

Tuần lễ trước đã có bẩy tên phu trốn đi các nơi mất. Bốn tên trong bọn trở về, ốm bò đi không được. Chúng thuật truyện rằng: 2 tên trong bọn phu trốn, đả bị người trong rừng giết ăn thịt rồi. Tên phu thứ bẩy vẫn còn chạy trốn, lang thang ẩn-nấp ngoài bờ biển; nó chỉ rình ăn trộm một chiếc thuyền để quay về xứ sở mình.

Thằng Việt-Bưu-Ri mang lại hai chiếc đèn treo. Chàng đưa mắt nhìn thấy đèn thắp to ngọn và sáng, khẽ gật đầu ra hiệu cho là được. Một cái giồng giây rút lên đỉnh cột cờ; một cái nữa thì treo ở khuôn cửa ngoài hiên.

Tàu bè vào bến Bế-Rang-Đệ phải theo cái ánh sáng đèn ấy mà bỏ neo. Bởi vậy tối nào hai chiếc đèn này cũng phải đem ra soát lại cẩn thận rồi mới đem treo vào chỗ.

Chàng da trắng thở dài một cái, tỏ ra dáng dễ chịu, rồi nằm ườn xuống giường. Công việc làng ngày như thế là xong.

Trên giường, bên cạnh chàng có để một khẩu súng trường, chỗ tầm tay chàng, có để một khẩu súng lục.

Suốt trong một tiếng đồng hồ, chàng mệt lử, nằm im không nhúc nhích và dở thức dở ngủ.

Bỗng chốc chàng choàng dậy, vì chàng nghe thấy có tiếng động khả-nghi ở ngoài ban-công, chỗ giáp hàng hiên. Giường chàng da trắng nằm thì kê lọt trong một cái khuỷu thụt vào, ở trong phòng ngủ. Chỗ này nửa tối nửa sáng. Giữa phòng, ở trên trần có treo một ngọn đèn sáng choang, bên dưới là một cái bàn bi-a. Chàng da trắng lặng yên một lúc, lắng tai nghe, thì lại thấy tiếng động ở ngoài, biết là có kẻ rình liền thét lên rằng:

— Đứa nào đấy?...

(kỳ sau sẽ tiếp)

HÀ-LẠC-LÝ-SỐ

DƯỠNG-NGUYÊN-ĐƯỜNG

123 Phố-Khách — Nam-định

Một sự « *lấy số* » thịnh hành ở xã-hội ta đã lâu. Số *Tử-vi* thời những người hơi có biết chữ nho có thể lấy được. Số Hà-Lạc thời trừ phi người nào có học-vấn cao minh, tinh thấu về nghĩa lý trong kinh Dịch, không thể muốn học mà hay. Nay bản-đường muốn cùng chư Qui-vị trong xã-hội, rộng thêm đường giao du, ngoài **việc thuốc**, có mở thêm việc **lấy số Hà-Lạc**, thể-lệ như dưới:

1. — Sự lấy số thường đối với những vị nào muốn biết đại-lược về *số mạnh tốt xấu, niên thọ dài ngắn, vận hạn thăng trầm, họa phúc lành dữ*, của mình, thời bút-phí định là mỗi lá số: . . . . . **5$00**

2. — Vị nào muốn hỏi tường về hành-vận trong từng năm trước sau, thời mỗi năm định thêm số phí là: . . . . . **1$00**

Vị nào ở gần, đến chơi Bản-Đường cùng nói truyện là nhất. Vị nào ở xa, viết giấy về hỏi, xin chú ý kê rõ **năm, tháng, ngày, giờ** về khi sinh của mình, cần được sác-thực.

Thư tín gửi cho Bản-đường chủ-nhân: **Mr Nguyễn-xuân-Dương.**

Dưỡng-nguyên-đường quảng-cáo

AI CẦN TÌM THẦY CHẠY THUỐC ??

Chúng tôi xin lấy lòng thành thực mà giới thiệu cùng bà con một vị danh-y là ông HỨA-GIA-NGƯ chủ nhiệm Bào-Chế Thiên-Hòa-Đường ở số nhà 25 phố Hàng-Gạo (Chợ Đồng-Xuân) Hanoi. Ông HỨA-GIA-NGƯ làm thuốc tại Hanoi sáu bẩy năm nay, cái tài xem bệnh chữa thuốc, cái đức trọng nghĩa khinh tài của ông, chắc bà con cũng từng nghe tiếng. Nay muốn cho các nhà được tiện lợi ông mới mở ra nhà Bào-Chế « Thiên-Hòa-Đường » này. Ai muốn bắt mạch xin đơn, đến lúc nào cũng được, không hạn giờ khắc và không mất tiền nong chi cả. Còn thuốc của hiệu ông thì bào-chế đúng phép, tính giá phải chăng và một điều tốt nhất là không hề làm sự giả giối. Hiệu ấy lại có bán đủ các thứ thuốc cao, đan, hoàn, tán của các danh gia và những các thứ thuốc kinh nghiệm về khoa phụ nữ do tay ông chế ra, như thuốc điều kinh chủng tử, bạch đới (tức gọi nó là bệnh khí hư) thuốc sản hậu vân vân. Chả dám nói là hiệu nghiệm như thần. Nhưng thực mắt chúng tôi đã từng thấy nhiều người uống mà khỏi bệnh. Vậy tưởng bà con nên lưu ý đề phòng lúc cần dùng trong khi có bệnh.

Bùi-đan-Quế phán sự tòa án Hanoi, Ng-xuân-Huy thông phán Thống-sứ Hanoi, Đào-văn-Nhung 45 Rue Maréchal Joffre Hanoi, Trần-văn-Long phán sự tòa án Hanoi, Lương-tấn-Nguyên Commis Greffier Hanoi. Đặng-trần-Cư thông phán tòa án Hanoi, Ng-văn-Hanh thông phán tòa án Hanoi, Ng-huy-Quyên thông phán tòa án Hanoi, Trần-hữu-Bình thông phán tòa án Hanoi, Trần-hữu-Phương thông phán tòa án Hanoi, Lê-văn-Nguyên Travaux Publics Hanoi, Phạm-gia-Kiên Agent technique Hanoi, Phạm-gia-Lang Etudiant à l'Ecole Saint Pierre Hanoi, Lê-thuận-Khoát Négociant Hanoi, Tế-Mỹ Hoàng-quang-Thịnh 30 Ngõ Trạm Hanoi, Ngọc-Thanh 5 phố hàng Gai Hanoi, Tạ-duy-Tư giồng giăng 13 bờ Hồ Hanoi, Lê-đình-Thăng Đốc-học trường Tư-Thục Hanoi, Ng-gia-Phụng Gouvernement général Hanoi, Lê-đình-Côn phán sự Điện báo Hanoi, Công-Hưng 180 Rue du Coton Hanoi, Phạm-hữu-Ninh 22 Nguyễn-Trãi Hanoi.

MEUBLES DE STYLE

LAQUÉS ET MODERNES

AU SELECT STYLE

13, Rue Rondony, 13

(PHỐ PHÚC-CHÂU CŨ)

HANOI — TONKIN

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

NĂM TÂN-VỊ
SỐ 26

23 JANVIER 1932
GIÁ 0$10

AN NAM TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU *Administrateur :* NGÔ-THÚC-ĐỊCH

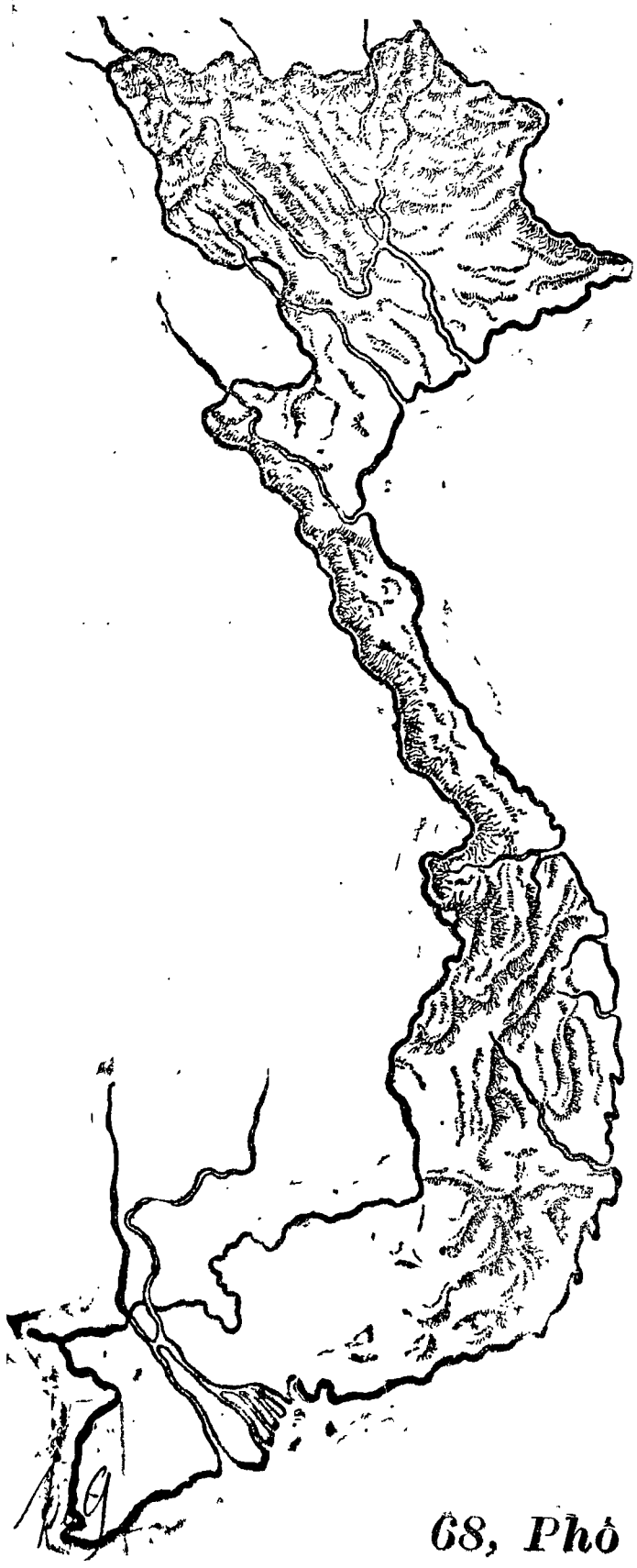

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Một cái tai nạn lưu-hành ở Nam-kỳ : Phan-Khôi.
Cách tổ chức một tờ báo lớn ở Pháp.
Lịch-sử ông Táo.
Nhật, Nga thân-thiện.
Lư-Thoa tự-thuật.

Dịch thuật : Nhan súc, người nước Tề, người nước Tống.
Thơ. — Dịch Đường-thi.
Hài-văn : Duyên nợ ba sinh.
Thi giải: Sen còn yêu tiếc bóng gương chong.

Một cái mầm họa của thế-giới.
Thời-sự trong ngoài.

Ông vua trên màn ảnh : Charlie Chaplin.
Đâu có lạ-lùng! (Trường-thiên).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO
68, Phố hàng Khoai — Hanoi

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay, và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

MỘT CÁI TAI-NẠN LƯU-HÀNH Ở' NAM-KỲ : PHAN-KHÔI

Xưa nay những con ngựa chạy rỏi, thường hay có cái chứng bất-kham. Hạng ngựa ấy, nếu gặp được người cầm cương cũng thật là cứng tay, thời một xe trong cõi hồng-trần, như bay như biến. Giời sinh ra tài, vẫn là để cho đời dùng. Vật có tài mà gặp vào người không đủ sức dùng, thời là không may cho tài, cũ g không may cho đời vậy. Con ngựa bất-kham mà rỏi, nếu gặp người cầm cương không thật phải là tay thiện-ngự, thời không những cái *rỏi* kia đáng tiếc; mà cái bất-kham ấy tất có đến làm tai, làm hại, làm vạ, làm nạn cho một số nhiều người không may. Hiện nay ông **Phan-Khôi** ở viết bài trong một tờ *Tân-văn* ở trong Nam, mà tờ *Tân-văn* ấy là của hai vợ chồng ông *Nguyễn-đức-Nhuận* chủ-trương, cái trạng-huống không may chính như thế. Một số nhiều những người bị cái nạn không may ấy, phần nhiều chẳng là các bạn quần-thoa trong Nam mà ai? vì tờ tân-văn là tờ *Phụ-nữ tân-văn* vậy.

Nghĩ như ông *Phan-Khôi* là một ông Tú-tài hay chữ ở xứ Quảng-nam ở Trung-kỳ, về chữ Pháp ông cũng có biết, trước kia ông từng có viết báo Nam-phong ở Bắc-hà. Học-vấn, duyệt-lịch, văn-chương, trong buổi Hán-học đã tàn như nay, mà có được người như ông, thực là đáng quí. Nếu đời biết dùng tài mà chữ *tài* 才 có chữ *ngộ* 遇,(1) thời thân-thế ông *Khôi* chỉ theo bước êm-đềm mà tiến-thủ, đối với xã-hội hiện-tại có giá-trị, đối với sử-sách hậu-lai chưa hẳn đã là không có tên. Tiếc thay! con Tạo ghen tài, mà «*hữu tài bất ngẫu* (2); đã bất ngẫu, làm nên tai vạ, thành ra ngã vào như câu ở trong một quyển tiểu-thuyết lục-bát : « *Chữ tài* 才 *liền với chữ tai* 災 *một vần*(3)»!

Nay nghĩ về thân-thế ông *Phan-Khôi*, đáng tiếc đáng buồn; mà những người có can-liên đến cái chỗ đáng tiếc đáng buồn trong thân-thế ông Khôi, là ai? Một là ông *Phạm-Quỳnh*, hai là ông *Hoàng-thúc-Kháng*, ba là vợ chồng ông *Nguyễn-đức-Nhuận* vậy.

Đương khi ông *Phan-Khôi* còn viết báo *Nam-phong*, báo *Nam-phong* cũng đương lúc thổi mạnh; nếu ông *Phạm-Quỳnh* mà là người có lượng, có cái lượng *dung tài*, thời thân-thế ông *Khôi* cứ ở với *Nam-phong* là đủ. Sau này Giời cho ông *Quỳnh* mười, ông *Khôi* cũng có được sáu, bảy; ít ra nữa cũng được đến ba, bốn. Vậy thời thân-thế có hạnh-phúc, mà đối với xã-hội kể cũng là người có sự-công. Tiếc thay! ông *Quỳnh* là người *học rộng* mà *lượng hẹp*, thực là ông không có cái lượng dung tài. Cho nên cái sự phú quí của ông *Quỳnh* từ gió *Nam-phong* mà thổi lên; mà thân-thế ông *Khôi* thời gió *Nam-phong* kia thổi bạt đi vậy!

Ông *Huỳnh-thúc-Kháng* là một người lão-thành danh-vọng ở trong xứ Trung-kỳ, kết họp bao nhiêu hằng-tâm hằng-sản của một xứ Trung-kỳ để làm nên cái báo *Tiếng-dân* đó. Vậy thời cái báo *Tiếng-dân*, do ông *Huỳnh-thúc-Kháng* đứng chủ-trương, mà phàm các sĩ phu xứ Trung-kỳ đều nên được có dự quyền-lợi trách-nhiệm. Trong các sĩ phu xứ Trung-kỳ, *tài học* như ông *Khôi* tưởng thực là có ít. Ông *Huỳnh-thúc-Kháng* nếu là người khoát-đạt, có cái bụng *ái tài*, thời ở trong tòa-soạn báo *Tiếng-dân* nên có ông *Khôi* là thứ nhất. Tiếc thay! ông *Kháng* là người có đạo-đức mà kém phần khoát-đạt, cũng là ông không có cái bụng ái tài. Cho nên ông *Khôi* là người

Quảng-nam, ông *Kháng* cũng là người *Quảng-nam*; mà ông *Kháng* ở *Tiếng-dân*, mà ông *Khôi* ở *Phụ-nữ tân-văn* vậy!

Nghĩ về thân-thể ông *Phan-Khôi*, hữu tài bất ngẫu; ông *Quỳnh* và ông *Kháng* tránh khỏi là có lỗi được sao?

Hai vợ chồng ông *Nguyễn-đức-Nhuận*, lấy địa-vị nhà tư-bản, tự đởm-nhiệm công việc văn-học của xã-hội. Cứ sự tiến-thủ của ông đã biểu trước công-chúng trong báo-giới; trong Nam ngoài Bắc, các nhà văn-học, nhà tư-bản, ít có ai đã bằng. Ông *Nguyễn-đức-Nhuận* thật là một người *hữu tâm* trong quốc-dân ta vậy. Tuy vậy, ông *Lê-công-Đắc* có nói: « *Chủ báo mà vô học, rất hại cho xã-hội* (4) ». Xin cứ việc ông *Phan-Khôi* viết bài trong *Phụ-nữ tân-văn*, chiều theo *tình lý* suy cứu.

Một tờ báo công việc không ít; về phần ông *Chủ-nhiệm* nguyên đã ít có thì giờ để xem xét những bài vở trong tòa Soạn viết ra. Ông *Nhuận* lại còn có việc buôn bán, việc các trại cao-su, thời ông dẫu đủ sức để xét xem bài vở của ông *Khôi*, mà thì giờ chắc cũng ít. Huống chi các bài của ông tủ *Khôi* viết, phần nhiều là tính-cách *luận-lý* mà có nhiều tính-chất *khảo-cứu*, không như những các bài « *ý-kiến đối với thời-sự...* » mà dễ hiểu hết cho mọi người. Bà *Nguyễn-đức-Nhuận* là chủ-nhân thời chắc lại càng không đủ sức quan-sát. Trong tòa báo lại không có chủ-bút. Bởi vậy mà ông *Khôi* muốn viết sao thì thế, như con ngựa muốn chạy đâu thì đó. Đó là do *sự-lý* mà ông *Khôi* có đủ tự-do để viết ra những lời «*tầm-bậy*» ở trong tờ Tân-văn.

Cứ những lời của ông *Khôi* viết ở trong tờ Tân-văn, có nhiều những tính-chất tầm-bậy (như bài *Cái cười của con rồng cháu tiên*); mà hại cho phụ-nữ về phần nhiều (như lời bài-kích Tống-nho về câu *ngạ tử sự thậm tiểu, thất tiết sự thậm đại*)... Sự hại đó, không phải là ông *Khôi* có định chí làm hại; chỉ là ông quá dụng sức về nhẽ « *ăn cây nào, rào cây ấy* », viết bài cho Tân-văn Phụ-nữ thời chiều theo tâm chí của phần nhiều phụ-nữ đó mà thôi. Phần nhiều phụ nữ tân-thời nay, muốn *tự-do*, muốn *giải-phóng*; ông *Khôi* phun *giải-phóng*, phun tự-do. Đối với các độc-giả có được lòng thời tờ Tân-văn mới phát đạt; tờ Tân-văn có phát đạt thời giá mua bán bài mới cao. Tờ Tân-văn được lòng độc-giả vì ai, thời giá bài của người ấy tất phải đắt. Huống chi chủ-nhân là Mme *Nguyễn-đức-Nhuận* tức cũng lại là một vị độc-giả phụ-nữ tân-thời. Ngoài chiều ý người mua báo, trong chiều ý người mua bài, ông *Phan-Khôi* mới hết sức viết những lời tầm-bậy. Lời tầm-bậy đã in lên báo, thời chiều ai mà tức thì hại ai. Đó là do tâm-tình mà những lời viết báo của ông *Khôi* thành ra làm hại cho phụ-nữ-lưu vậy.

Xét theo sự-lý của tờ Tân-văn kia như kia, tâm-tình của ông tủ *Phan-Khôi* ấy như thế. Song nếu ông *Khôi* là người không có chút giá-trị về tài-học, thời các bài vở của ông trên cuốn báo, dẫu có làm hại cho xã-hội cũng không hại được là bao. Ác vì ông *Khôi* là người có *tài-học*, cho nên về phần ông thời lấy sức tài-học mà viết; về phần độc-giả thời tin ở tài-học của ông mà nghe, mới thành ra cái « *nạn Phan-Khôi* » lưu-hành lai-láng ở xã-hội ta vậy.

Hiện nay *Phụ-nữ tân-văn* không lưu hành ra đất Bắc, thời các phụ-nữ xứ Bắc cũng không cùng bị cái *nạn Phan-Khôi*. Vậy mà An-nam tạp-chí, chức-vụ đối với đồng-bang, nghĩa phải có Trung, Nam, Bắc ba xứ như một. Bắc-kỳ phụ-nữ dẫu không còn bị ảnh ưởng cái nạn ấy, mà Tòa-báo An-nam ở Bắc không thể thấy thế mà điềm-nhiên. Vậy rồi đây An-nam tạp-chí sẽ xin với Chính-phủ ở Bắc cho phép riêng mua tờ *Phụ-nữ tân-văn*, để xét xem hết thảy những bài của ông *Khôi*, để vì chư phụ-nữ Trung, Nam, bài-trừ cái nạn ấy.

Thuộc về phần riêng của từng người, thời nghĩ như ông tủ *Khôi* cùng tôi, có thể cùng kể là hạng sĩ phu về ben Hán-học trong nước ta ở cái thời-kỳ hiện-tại; nếu ông *Khôi* mà có làm điều không phải với công-chúng, tôi cùng các người khác trong Hán-học đều không được tự bảo mình là vô-can. Cho nên muốn bài-trừ những lời tầm-bậy của ông *Khôi*, tức là tôi cũng có tự vì một phần riêng, mà vì cả các anh em sĩ phu trong phái Hán-học.

Nay xin hãy có lời báo-cáo để Phụ-nữ Tân-văn và các bạn phụ-nữ trong Nam cùng biết trước; công việc bài-trừ còn nhiều, cần phải tra xét tường bạch, và cũng không phải việc cấp bách; xin ai nấy ung-dung chờ coi.

TẢN-ĐÀ
Nguyễn khắc-Hiếu

(1) — *Ngộ* 遇 nghĩa là ngộ hợp, tức là gặp-gỡ duyên may.

(2) — 有才不偶 *Hữu tài bất ngẫu. Bất ngẫu* tức là không được ngộ hợp. Bốn chữ này nói người có tài mà không được có duyên may gặp gỡ, Lời của một người đàn bà ở Trung-quốc thủa xưa, tức là *Võ-hậu*. Ông *Khôi* đã từng vì người đó thân oan.

(3) — Chữ *tài* liền với chữ *tai* một vần. Câu này ở trong truyện Kiều, thời chữ *tai* 災 là *hại* ngụ ý nói về phần mình là người có tai phải chịu ý dẫn đây là nói về phần người khác phải chịu, tức là làm hại cho người.

(4) — Lời nói của ông *Lê-công-Đắc* trong vở kịch (*Tiểu-thư-di bô.*)

Tản-Đà quốc-văn đặc-biệt quảng-cáo

Trước đây, trong khi tôi ở Báo-quán *Bờ-Hồ* và *Nam-định*, hằng tiếp thư của các ngài quá yêu, muốn cùng tôi giao-du riêng về các lối văn quốc-văn. Trong các lúc đó thực là ít thì giờ, cho nên chưa được tiện giả lời các ngài.

Nay tôi ở Báo-Quán hiện tại liệu may có chút thì giờ để đối với việc quốc-văn như các ngài đã hỏi khi trước, vậy xin ngài nào có ý muốn, tiện cứ viết thư, sẽ xin phúc, đáp.

Nay kính-cáo
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

CÁCH TỔ CHỨC MỘT TỜ BÁO LỚN Ở PHÁP

Nghề làm báo ở bên Pháp ngày nay cực kỳ phát đạt. Mỗi tờ nhật báo lớn, ít ra có mấy chục vạn, nhiều ra có hàng triệu người đọc. Báo chí sở-dĩ được phát đạt như thế là nhờ ở sự tổ-chức. Cách tổ-chức thì mỗi tờ mỗi khác, tuy vậy cũng có chỗ giống nhau. Nay thử xét xem cách tổ-chức các báo ở Pháp giống nhau ở chỗ nào.

Muốn lập thành tờ báo lớn thì trước hết phải thế nào ?

Theo lời ông Latzarus, một nhà làm báo chuyên môn, chủ nhiệm tờ Le Figaro là một tờ báo lớn ở Pháp, thì muốn lập một tờ nhật-báo 6 trang phải có 5 triệu quan. Ấy là cái vốn tính tự năm 1914 bây giờ nguyên-liệu các thứ đều cao thì phải có tới 15 triệu mới đủ.

Nói đến báo ở Pháp thì man-mác không biết đâu là bờ bến.

Nay hãy tạm chia ra làm 2 thứ: Một là báo đăng các tin tức thì có 4 tờ lớn nhất là: Le Petit Parisien, Le Matin, Le Petit Journal, Le Journal. (Ngoài bốn tờ này, còn có tờ Echo de Paris, tuy bài vở có ý thiên về phía hữu nhưng tin tức nhanh nên cũng có nhiều người đọc).

Về phương-diện chính-trị, kinh-tế, văn-học, mỹ-thuật, triết-học và tôn-giáo những tờ báo này thường tự-xưng là không thiên về đảng phái nào, mà chỉ chuyên báo cho các độc-giả biết những tin-tức xảy ra hàng ngày. Vậy nó có thể bán cho hết thảy mọi người và số người đọc kể có hàng triệu.

Hai là các báo có một tôn-chỉ riêng. Mục-đích các báo này là để tuyên truyền một chủ nghĩa gì hoặc bênh-vực một đảng-phái nào. Hạng báo này mỗi tờ mỗi vẻ. Nay ta hãy tạm lấy vài tờ làm thí dụ. Một là tờ Action Française của phái bảo-hoàng, hai là tờ Le temps, Le Journal des Débats của phái bảo-thủ, ba là tờ La croix của các tín-đồ đạo Gia-tô.

Các báo có tôn-chỉ không có nhiều người đọc bằng các báo chuyên đăng tin tức, vì nó chỉ có thể bán cho người trong đảng phái mình. Phân-biệt báo ở Pháp ra làm hai thứ, cũng chưa hẳn là đúng vì các báo của các đảng-phái cũng phải chú-trọng cả về mặt tin tức Mà các báo chuyên đăng các tin-tức tuy nói không thiên về đảng phái nào, kỳ thực vẫn có ý thiên về phe chính-phủ, nhưng thiên quá về một bên thì mất khách. Tức như tờ Le Petit Journal năm xưa, chỉ vì viên chủ-bút cực-lực phản-đối việc xét lại cái án Dreyfus mà mất hẳn một phần độc giả.

Tiền mở báo ở đâu ra ?

Ở bên Pháp, có một vài tờ báo mỗi năm lợi kể có hàng triệu, nên có người vì lợi, hoặc vì muốn có cơ-quan cổ-động về chính-trị, tôn-giáo, mới chịu bỏ tiền ra lập báo. Đó là nói số ít. Còn phần nhiều các báo đều do các hội vô-danh tập-cổ lập ra.

Hội làm báo cũng như các hội buôn. Cũng có điều-lệ, ban trị-sự. Nhất-thiết các việc chi, thu đều do hội-đồng trị-sự chuẩn-y. Đại đa số các người có cổ-phần được định việc tiến-hành về chính-trị, kinh-tế của tờ báo; lắm khi một người, hay một bọn người trong hội mua rõ nhiều cổ-phần để lấy đa-số; thành thế cái người đó, hoặc bọn người đó, thu cả quyền-bính tờ báo trong tay. Còn các báo thuộc về các chính-đảng thì do các đảng-viên bỏ tiền ra lập lấy.

Khi tiền đã có sẵn rồi việc, để trước nhất là tìm một cái nhà để làm báo-quán. Có báo-quán rồi lập đến nhà in. Nếu không có nhà in, thì phải kiếm một cái nhà in

ở gần đâu bên cạnh, để tiện việc đi lại. Rồi đặt tên báo. Cái tên cần phải cho kêu. Đặt xong tên báo thì làm giấy khai tại tòa. Trong giấy phải nói rõ tên báo, tên nhà in, tên và chỗ ở của viên quản-lý. Viên quản-lý thường có khi chỉ là một người vô-danh hạ-tốt nào đó, đứng ra đảm-nhận cái trách nhiệm làm bung xung, lương-lậu không được là bao; ấy thế mà có ai kiện báo, thì phải nai lưng ra mà ở tù. Khi gửi giấy khai tại tòa, lại phải gửi theo cả một bản kiểu báo. Giấy má xong xuôi lúc ấy mới phát chương-trình, đăng cáo-bạch. Kể nguyên cái tiền phí-tổn về việc quảng-cáo một tờ báo mới ra đời, vào quãng năm 1914 cũng phải mất 10 vạn, bây giờ thì phải hơn thế.

Trước khi báo tuyên-bố ra đời, ban trị-sự của hội phải bầu một viên chủ-nhiệm. Viên chủ-nhiệm là người trọng-yếu nhất của tờ báo. Tất cả các việc thuộc về chính-trị kinh-tế của tờ báo đều do người ấy quản-đốc. Một đôi khi viên chủ-nhiệm cũng viết bài. Điều đó hơi nguy cho hội, vì một đôi khi viên chủ-nhiệm có thể lạm-dụng cán-viết để cổ động riêng cho mình

Đã có một lần, viên chủ-nhiệm một tờ báo, lại là nghị-viện, mỗi khi viết tờ trình nghị-viên về việc gì, tất « bệ » cả lên trên báo, để khoe cái việc làm của mình, khiến cho độc giả xem mà phát chán.

Vì thế phần nhiều các viên chủ-nhiệm các báo ở Pháp không viết bài, hoặc viết ít thôi. Còn thì chỉ phác qua đại-ý cho người khác viết.

Bài vở các báo của các đảng-phái thì do một ủy-ban của đảng, cử rao xem xét kỹ lưỡng. Bài nào có hợp với tôn-chỉ của đảng phái mới được đăng lên báo.

Nói về bộ biên-tập

Dưới quyền viên chư-nhiệm có bộ biên-tập và ban trị-sự,

Đứng đầu bộ biên-tập, có viên *chủ bút*. Viên chủ-bút thường ở bên viên chủ-nhiệm. Có khi viên chủ-bút lại kiêm cả chức chủ-nhiệm. Cái đó ta thường thấy ở các tờ báo chỉ trông mong ở người chủ-bút có nhiều cảm-tình với công-chúng.

Viên chủ-bút thường viết các bài tiếng Pháp kêu Editorial (bởi chữ Editor, tiếng Anh kêu là chủ-bút)

Những bài này vtết rất ngắn, và thường nghị-luận về các vấn-đề hiện thời, một đôi khi không ký tên tác-giả. Có tờ báo lớn, nhiều công việc quá. một người trông nom bộ biên-tập không suể, phải có hai viên chủ-bút cắt, canh nhau, mỗi người làm nửa tháng. Tức như báo Le Matin có hai ông; Stéphane Lausanne và Henri de Jouvenel, làm chủ-bút,

Dưới quyền viên chủ-bút có viên *thư-ký bộ biên-tập*, cũng là một người quan-hệ trong tờ báo. Viên thư-ký bộ biên-tập phải nhận và xem qua các bài lai-cảo giục người viết bài, thu-xếp việc ấn-hành, nếu cần đến, thì phải sửa, hoặc cắt bớt các bài ấy đi, để vừa chỗ đăng báo. Viên thư-ký bộ biên-tập tức là người coi về việc giao-thông của bọn thợ làm việc *bằng óc* với bọn thợ làm việc *bằng tay* ở trong báo. Chính viên này cùng người giữ việc bố-trí tờ báo (metteur en page) phải trông nom việc sắp đặt các bài; bài nào nên sắp lối chữ nào thì cho sắp lối chữ ấy; bài nào đáng đặt chỗ nào thì cho đặt chỗ ấy; tranh vẽ ở bài nào thì cho đặt theo vào bài ấy.

Viên thư-ký bộ biên-tập thường có cái kéo cầm tay, để cắt bài ở các báo khác, hoặc dùng để *trừng-dẫn*, hoặc dùng để *phê-bình*, hoặc dùng để *công-kích*, và phải ở lại đến lúc báo nhận được các tin điện sau cùng để xem có tin gì hệ-trọng thì bảo nhà in gác các bài sắp trước đi, mà thay những tin ấy vào.

Nếu báo ra buổi sáng, thì viên thư ký bộ biên tập phải ở lại làm việc đến 2 giờ đêm mới được đi ngủ nếu báo ra buổi chiều, thì viên thư ký bộ biên tập phải ở lại đến 2 giờ chiều mới được về ăn.

Tóm lại, công việc của viên thư-ký bộ biên tập rất là nặng nề, khó nhọc, lương-lậu tuy cũng khá, nhưng thường vì dùng tâm-lực quá mà tổn-thọ. Các nhân-viên trong bộ biên-tập thường vì-nể, mà các thợ-thuyền trong nhà in thì phải tuân theo mệnh-lệnh viên thư-ký này.

Bây giờ nói đến các viên *trợ-bút* là những người viết bài trong báo.

Ở Pháp, số trợ-bút trong một tờ báo ra hàng ngày nhiều lắm. Năm 1914, báo Le Matin có 150, mà báo Le Petit Parisien có 75 viên trợ-bút.

Trong đám trợ bút, trước hết có những người, tiếng Anh kêu là *Leaders*, người mình thường dịch là lĩnh tụ; người Pháp kêu là *Articliers*; nghĩa là những người viết bài xã-thuyết. Đa số là các nhà văn-sĩ hoặc chính-trị có danh tiếng. Có ông đã từng làm đến Thượng-thư. Giám-quốc. Bài của các ông viết rất có ảnh-hưởng đến thời-cục, song giá đắt lắm. Như năm xưa bên Pháp có xảy ra việc xét lại cái án Dreyfus, ông Emile Zola viết mỗi bài về việc này lấy cũng tới 1000 quan.

Thường thường các ông này có cái khí khái tự do nghĩ thế nào thì viết thế. Mỗi ông ở một nơi, ít khi gặp nhau. Có khi không ông nào quen ông nào. Các ông chỉ viết bài ở nhà ký tên rồi gửi đến tòa báo. Trừ ra chỉ có báo Le Temps là bài vở ít khi ký tên tác-giả. Vì giá trị cái tên của cá-nhân đem hy-sinh cả cho cái giá trị công-cộng của tờ báo.

Giở trang nhất tờ báo ra người ta thường thấy bài tiếng Pháp kêu là *Chronique*, nghĩa là bài nói về những việc xảy ra độ trong một tuần. Bài này viết theo giọng văn trào-phúng đọc lên nghe rất buồn cười, hoạt-bát, mạnh-mẽ.

Tài về ngôn văn này, ở Pháp trước kia có: Villemot, Rochefort, bây giờ báo Le Journal có : Clément Vautel, báo Le Matin có : Louis Forest, báo L'œuvre có : De la Fouchardière.

Các ông nay phần nhiều viết bài ở nhà, nếu báo đổ thì mất tiền nhuận bút. Những viên trợ bút ăn lương tháng và ăn lương dòng thì không thế; nếu báo đổ thì họ vẫn được lĩnh đủ lương. Bọn này quen biết nhau lắm. Họ kết bè cánh để liên-lạc nhau cho có thế-lực.

(Còn nữa)

Trà-sơn

LỊCH - SỬ ÔNG TÁO QUÂN

Hiện tại ở nước ta, ý-kiến, phần nhiều người, đối với các chuyện thần thánh ma qủy, có thể chia làm hai-phái, quan niệm trái hẳn với nhau. Ở các thôn quê, đại đa số nhân-dân, chưa có chịu qua cái ảnh hưởng của nền giáo-dục mới, cho nên các truyện qủy thần từ xưa truyền lại, vẫn còn hoan-toàn có thế lực. Không những họ thành tâm mê-tín những nhời quảng-xiên bịa đặt của các tụi tăng ni đạo, giáo, mà động thấy điều gì quái tai lạ mặt là họ nhìn ngay thấy cái *thần thông quảng đại* thế lực của các vị qủy thần. Vì thế các vị thần thánh đời xưa để lại, vẫn được thờ phụng kính sợ, mà các vị thần tiên ma qủy mới, cũng nhờ lòng mê-tín ấy mà vẫn thường thường xuất hiện. Phản đối hẳn phái này, là phái những người có học-thức tư-tưởng mới, hoặc tự cho mình là có học-thức tư-tưởng mới. Đối với các truyện thần quái, họ nhất thiết bài-bác cho là các lời giả-giối của một bọn người lợi dụng bầy đặt ra để làm mê-hoặc lòng người cho nên các truyện qủy thần, họ không thèm nói đến, không thèm bàn đến, mà theo ý họ, lại cần trừ cho tiệt cái vạ mê-tín.

Ngoài hai phái ấy, ít người chịu đứng về phương diện khách quan, sưu-tầm tài-liệu để nghiên-cứu cái vấn đề qủy thần. Mà đối với khoa-học lịch-sử và phong-tục một dân tộc, sự nghiên-cứu ấy tưởng không phải là một việc vô-ích. Các truyện tín ngưỡng và sùng bái qủy-thần, ta không có thể nhất-quyết cho toàn là những lời bịa-đặt của một tụi tăng, ni, đạo, giáo được. Đó chính là cái vết-tích, cái hình-ảnh những tư-tưởng, tập-quán của các thời-đại quá-khứ; nếu ta có thể tìm ra mành mối sự tín-ngưỡng thờ-phụng ấy, thì ta cũng có thể hiểu biết được ít nhiều về cái tâm-lý và cái cách sinh-hoạt của người đời xưa. Vả ta dẫu có cho cái truyện qủy thần là các lời bịa-đặt đi nữa, nhưng đối với một điều có quan-hệ đến tư-tưởng và tập-quán của một phần đông quốc-dân, thì nói đến bàn đến, tưởng cũng không phải là lời thừa.

Vậy nhân sắp đến ngày các nhà sắm sửa hành-trang lễ-vật để tiễn Táo-quân lên chầu giời tôi xin cùng các-độc giả nói truyện về tung-tích hình-dung và chức-phận ông «vua bếp»

Tung-tích và lai-lịch ông Táo

Người đời xưa đối với cái vật có sinh-mạnh, các hiện-tượng của tạo-hóa, đều cho là có một vị thần đứng chủ-chương. Ông Giăng ông Giời, ông sấm bà sét; núi có Sơn-thần, sông có Hà-Bá, cửa có thần Cửa, giếng có thần Giếng. Bếp có ông vua Bếp, hẳn cũng nguyên-do ở cái quan-niệm ấy. Trong kinh Lễ (Thiên Lễ khí) có câu rằng: «*Táo-giả lão-phụ chi tế*», nghĩa: lễ Táo để tế bà Lão-phụ, mà Lão-phụ tức là bà thần về việc thổi nấu (suy-mẫu). Trong thiên Tế-pháp lại có câu rằng: «*Táo chủ ẩm thực chi sự*», nghĩa là ông thần Táo trông-coi về việc ăn uống. Xem vậy biết rằng: ông thần Táo khi xưa giữ việc cơm nước thổi nấu, mà chắc vì nhẽ rằng: các việc bếp nước là là việc đàn bà, nên người xưa tưởng-tượng hình dạng ông Táo là một bà-già. Vả, lúc cổ xưa, ông thần Bếp và ông thần Lửa hình không phân-biệt nhau, cho nên trong sách Hoài-Nam-Tử có câu: «*Viêm đế tác hỏa, tử nhi vi Táo*» nghĩa là: vua Viêm đế chế ra lửa, lúc chết hóa làm thần Táo. Cứ theo đây, thì thần Lửa và thần Bếp vẫn chung là một. Mãi đến đời Xuân-thu, ông Tăng-văn-Trọng, còn dùng lễ tế thần Hỏa để tế thần Táo, vì thế bị đức Khổng-Tử chê là người không biết lễ. Đời sau, người ta mới đem Hỏa-thần hợp với, bốn vị Kim, Mộc, thủy, Thổ làm năm thần *Ngũ hành* và đem thần Táo hợp với bốn vị Môn (cổng), Hộ (cửa) Tỉnh (giếng) Trung-lưu (sân) làm năm thần *Ngũ-tự*, từ bấy giờ thần Hỏa và thần Táo mới mỗi ông có một chức phận riêng.

Hình-trạng và tính-chất ông Táo

Thoạt tiên, ta chỉ biết hình-dạng là một bà già. Đến đời nhà Đường, trong sách *Tạp Ngũ-hành-thư* có câu: *Táo thần ý hoàng y, giạ phi phát tùng táo chung xuất*», nghĩa là thần Táo mặc áo vàng, ban đêm xoã tóc ở trong bếp ra. Xem thế, hình như thầu-Táo lúc bấy giờ vẫn là một người đàn bà xấu-xí. Nhưng trong sách «*Ngũ-hình dị nghĩa* của ông Hứa-Thuận đời Hán có nói rằng: thần Táo có vợ, thì hình như từ đời nhà Hán; thần Táo đã biến ra thân thể người con trai rồi. Lại ông Tư-mã-Vưu đời nhà Đường thích nghĩa thiên «Đạt sinh» sách Trang-Tử có nói: «*Táo thần kỳ trang như mỹ-nữ, trước xích y*» nghĩa là: thần Táo hình trạng giống như người con gái đẹp, mặc áo đỏ. Thế đủ biết ở về thời-đại nhà Đường, thần Táo đã thành ra hình thể một người trẻ tuổi đẹp trai. Hiện nay, tranh ông Táo thường vẽ một người đàn ông đứng tuổi. Vậy cái hình-dạng thần Táo chuyển-thiên đi cũng kỳ, từ bà-già hóa thành một người trẻ tuổi đẹp-trai, rồi lại từ đấy hóa ra một người đàn ông đứng tuổi, Nguyên do sự đổi thay ấy, không bằng vào đâu mà tìm ra được; hoặc-giả các nhà văn-nhân không muốn cho các vị-thần có cái hình dung xấu-xí, nên mới đổi thần Táo Bà-già làm thành ra thần Táo trai-trẻ, hình-dạng giống người con gái đẹp, rồi lại sợ thần trẻ-trung quá, không được nghiêm trang, nên mới cho hóa một lần nữa, thành ra người đàn ông đứng tuổi chăng?

Về đường tính-cách, thì hình như ngay từ đời Xuân-thu, thần Táo cũng đã không được chính trực cho lắm, cũng đã nhiễm cái thói đổi trắng thay đen. Cứ xem câu : « *giữ kỷ mị ư áo, ninh mị ư Táo* » nghĩa là : « nếu mà nịnh ông thần Áo, (1) thà nịnh ông Táo con hơn », chép ở trong sách Luận-ngữ thì đủ rõ. Về sau, sách *Sử-ký* có câu : « *Tự Táo khả dĩ đắc phúc* » nghĩa là : thờ thần Táo có thể được phúc. Trong sách *Hán-thư* có câu : « *Tự Táo khả dĩ chí vật* », nghĩa là : thờ thần Táo có thể cầu được của. Lại cũng trong sách ấy, về truyện người Tức-phu-Cung, có chép rằng : « *Cung mẫu tọa sự Táo chú chớ thượng* », nghĩa là : mẹ người Cung bị khép vào tội thờ thần Táo để trài rủa vua. Xem thế đến đời nhà Hán, về khoa ăn của đút, thần Táo thật đã *thành thần* rồi ! Thờ ngài thì được phúc, thờ ngài thì cầu sao được vậy, thờ ngài thì có thể trài rủa người mà mình oán, thế chả cầu ngài thì cầu ai ! Bởi vậy ông Phạm-thành-Đại có bài văn tế thần Táo rằng :

Táo-quân triều thiên dục ngôn sự...
Gia hữu bôi bàn phong điền tự,
Trư đầu lạn thục, song ngư tiên,
Đạu xa cam tùng phấn nhị viên...
Dạu tửu thiêu tiền Táo-quân hỷ,
Tỳ tử đấu tranh quân mạc văn,
Miêu khuyển súc uế quân mạc sân !
Tống quân tuý-bão đăng thiên-môn.
Trước trường trước đoạn vật phục vân !

Nghĩa là :

« Lập-bô » ngài sắp lên trời,
Cỗ bàn gọi chút xin ngài trứng cho...
Cá tươi, thủ lợn luộc nhừ,
Đạu vừa mềm ngọt, bánh vừa tròn tươi.
Đốt vàng chuốc rượu, ngài vui,
Tớ hầu tranh trọi xin ngài mần ngơ.
Chó mèo hoặc có dây nhơ,
Cũng xin đại lượng mà tha thứ hoài.
No say lên gõ cửa trời,
Hẳn không bẩm vắn thưa dài truyện tôi.

Đến đời nhà Tống, thần Táo đã kiêm sang giữ cả chức trông coi số mạnh người ta (Tư-mạnh). Nhưng chỉ cốt lúc ngài sắp lên chầu giời, tống cho ngài thực no say, thì việc gì ngài cũng ngơ cho cả. Ông Mạnh Nguyên-lão đã chơi đùa đem bã rượu chát đầy cả cửa lò bếp, rồi đặt tên ông Táo-quân là « *Túy tự mạnh* » (Quan Tự-mạnh say nhè). Thế đủ rõ thần Táo quả có hôn-mê điên-đảo đến thế nào, nên mới bị khinh nhờn giễu cợt như vậy.

Địa vị và quyền-chức ông Táo

Xét ra địa-vị ông Táo ở trong họ nhà Thần, cũng không cao quý gì cho lắm. Trong thiên Tế-pháp kinh Lễ có câu « *Thứ sĩ thứ nhân lập nhất tự, hoặc lập hộ, hoặc lập táo* » nghĩa là : kẻ học trò thường và người dân thường lập một bàn thờ hoặc thờ thần Cửa hoặc thờ thần Bếp. Theo câu ấy có nhời chua rằng « Đây không phải là các bực Đại-thần, chức phận là tâu báo các việc lớn, mà chỉ là các vị thần nhỏ ở gần người ta để xem xét các lỗi nhỏ mà tìm cách trừng phạt ; như thần Tư-mạnh đốc-sát tam mạnh, thần Táo chuyên chủ việc ăn uống »

Như vậy thì thần Táo nguyên là một vị thần nhỏ mà chức quyền chỉ ở việc trông coi bếp nước mà thôi. Sau vì thờ ông thì được phúc, thờ ông thì cầu sao được vậy, thờ ông thì có thể trài rủa làm hại những kẻ thù, thờ ông thì con cháu làm nên quan to, thành ra quyền-chức của ông càng ngày càng lan rộng ra mãi. Đến đời nhà Tấn, thần Táo mới cướp cả chức-quyền của thần Tư mạnh. Xem trong câu kinh Lễ dẫn ở trên kia, thì thần Táo với thần Tử-mạnh vốn là bạn đồng-liêu. Mà chức-trách thần Tư-mạnh, thì trong thiên "Đối-tục" của Bảo-phác-Tử có nói rằng :

« Đối với các kẻ làm bậy, thần Tự-mạnh xem nếu tội nặng thì rút đi một kỷ (300 ngày), tội nhẹ thì rút đi một toán (3 ngày) nghĩa là tuỳ lỗi nặng hay nhẹ mà rút tuổi đi nhiều hay ít ».

Vậy mà trong thiên "Vi-chỉ", lại thấy nói rằng :

« Tối hôm ba mươi tết, thần Táo cũng lên trời bẩm bạch tội trạng người ta. Tội nặng thì rút đi một kỷ, tội nhẹ thì rút đi một toán.... »

Thì ra ngay từ lúc ấy (nhà Tấn), thần Táo cũng đã kiêm sang việc chủ-trưởng thọ mạnh người ta, mà đã lăm le cất chân ông bạn đồng-nghiệp. Đến đời nhà Tống xem như người ta gọi ông Táo là "Túy-tư-Mạnh" thì rõ ràng thần Táo và Tư-mạnh đã hoàn toàn hỗn hợp làm một. Rồi từ đấy trở đi vận ông Táo một ngày một "tấy" quyền chức một ngày một to, đến nỗi không việc gì là ông không can-thiệp đến. Ốm đau cầu ông, thì được qua khỏi, mất đồ lạc người cầu ông thì ông dun dủi cho lạc lại về, mất lại thấy, đàn-bà hiếm hoi, cầu ông thì được lợi phần sinh nở, gà mái mới đẻ đem chứng cúng ông thì ông phù hộ cho gà mắn đẻ luôn, cho nên bên cạnh tượng ông Táo, ta thường thấy đề bốn chữ « *Nhất gia chi chủ* »

Bởi đâu, từ việc bếp nước, ông Táo được đặc biệt tăng lên cái ngôi làm chủ một nhà ? Muốn hiểu điều đó, ta chỉ đoán có hai lẽ, mốt là vì người xưa giàu long mê-tín, lỡ gặp việc gì khó khăn nguy cấp là bất cứ thần nào cũng cầu cũng cúng, rồi may ra mà tai nạn qua khỏi, tin ngay rằng những việc đó là ở trong quyền của ông thần. Hai nữa là vì ông Táo là một vị thần cong queo, có thể can cầu phỉnh hót được : ông đã vì ăn lễ mà lạm dụng quyền chức, tất nhiên những kẻ thỉnh cầu xu phụ ngày một tấp nập, mà cái quyền hạn của ông càng ngày một lan rộng ra !

Việc tế lễ ông táo

Các nghi lễ tế thần Táo, ở trong kinh Lễ đã có thiên « Tế khí » có chép rằng : « *tế táo thỉnh ư bồn, tôn ư bình* » nghĩa là : Rượu lễ tế thần Táo đựng vào cái chậu, rồi rót vào bình mà rằng lên. Sách « Bạch hổ thông đức » cũng nói : nhà vua Tế thần táo bằng trâu, các quan Khanh, Đại phu tế bằng dê hoặc chim trĩ, từ đời nhà Đường người ta thường lễ ông Táo vào tối ba mươi tết, đồ lễ thì dùng rượu lợn.

Từ đời nhà Tống cho đến ngày nay, bên Tàu cũng như bên ta, việc lễ ông Táo, đại khái nơi nào cũng na-ná giống nhau. Ngày lễ nhất định là ngày 23 thánh chạp. Vì tối hôm ấy ông Táo lên chầu giời để tâu các công việc hàng năm ở trong nhà, cho

(1) ông thần thờ ở sổ cửa.

nên phải tiễn ông con ngựa cá, sắm cho ông cỗ mũ áo mới, để ông vui lòng châm chước cho nhà chủ. Người ta lại thường đem cúng các thứ bánh đường rượu ngọt, để bịt miệng ông lại, cho đừng tâu bầy các chuyện thị phi. Ngoài ra các đồ lễ, còn có các thứ cá, thịt, quả phẩm. Các nhà văn-sĩ lại thường có tiễn ông một bài văn tế, nhưng trong các bài văn truyền tụng lại, bao giờ cũng có một vài câu nhạo báng riễu cợt. Đại khái như những câu:

Trước trường trước đoản vật phục vân, khất thư lợi thị lợi quy phân (vắn dài xin chớ rườm nhời, cố van được lợi, ta thời chia nhau!)

Câu *(hảo đa thuyết bất hảo mạc thuyết)* điều hay thì nói, điều không thì đừng) vân vân

Thì ra ông Táo cũng vì dễ dãi suồng xã quá, nên mới kém vẻ tôn nghiêm mà bị người ta nhờn cợt như vậy.

* * *

Xưa nay trong họ nhà Thần, cũng có nhiều vị gặp vận may, mà cũng nhiều vị gặp vận không may. Có vị tiếng tăm lừng lẫy một thời, rồi sau dần dần lặng tiếng im hơi, đến nỗi không ai nhớ đến tên họ mình nữa. Lại có vị gặp thời bay nhảy, đổi ngôi thay bực, thành ra quên cả cái thân-phận, cái bản-lai diện-mục của mình khi xưa. Ngay như ông Táo, kể cái thời-vận của ông, tưởng cũng may-mắn thật. Thanh-danh quyền-chức, trải mấy nghìn năm, vẫn một ngày một lừng-lẫy, cho đến ngày nay là thời-đại khoa-học, mà cái địa-vị của ông, vẫn còn giữ được vững bền. Vả có một điều đáng phục, là tuy ông trở nên chức trọng quyền cao, mà ông vẫn không bao giờ vứt-bỏ cái bản thể của ông, là một « ông Vua Bếp » !

Ta cứ xem cái cung-cách thờ phụng ông Táo, đủ rõ cái quan-niệm của người xưa đối với quỷ-thần, thật lắm điều trái-ngược. Đã cho rằng quỷ thần khác hẳn người ta, nên mới có thể tác ny tác phúc, nhưng lại cho thần chẳng qua cũng như người, nên mới dám đem cái cách đối-đãi với người mà đối với thần. Nào là đem các thức ngon ngọt thù phụng, để mong cho thần « Tắc-khẩu » mà không tâu nộp các chuyện thị phi, nào là tìm cách nịnh-hót tán tỉnh để mong cho thần nói điều hay mà im điều dở. Xin hỏi cách thờ phụng như thế, đáng gọi là kính thần hay là mạn thần !

Vậy mà người xưa cho đến người nay, vẫn khư khư theo tục, một lòng kính-cẩn phụng-thờ, mà không trông thấy cái chỗ hài-hước ở trong đó, tưởng cũng là việc đáng tức cười thật.

Ngô Thúc-Địch

Nga có thực tình thân-thiện với Nhật không ?

Từ khi xẩy ra cuộc xung-đột Trung-Nhật đến giờ, các nước lớn Âu Mỹ vẫn thường phải để ý luôn đến cách hành-động của chính-phủ Tô-Nga tại Viễn-Đông. Nạn kinh tế khủng-hoảng chưa giải quyết xong, mà đã phải lo ngay đến cái nạn thế-giới chiến-tranh lần thứ hai !

Trung-Nhật xung-đột tại Mãn-châu là một việc rất nguy cho cuộc hòa-bình của thế-giới. Đất Mãn-châu vẫn là nơi cạnh tranh của mấy Đại-cường quốc, Ngoài Nhật Bản và người Trung-hoa, còn hai tay chủ-động rất đáng cho ta chú ý là : Mỹ và Nga.

Thái độ nước Mỹ thì rất là rõ rệt. Ai cũng biết rằng : Mỹ hết sức bênh Trung-hoa mục-đích là để chiếm thêm quyền lợi ở Viễn-Đông.

Còn như thái độ Nga thì không muốn gây chuyện thẳng ngay với bọn quân-nhân nước Nhật.

Chính-phủ Tô-Nga vẫn mong cho thế-giới phải trải qua một cuộc chiến-tranh long trời lở đất nữa, để thừa cơ phá đổ nền kinh-tế của xã-hội hiện-thời. Ngày nay thật là một dịp rất tốt để cho chính-phủ ấy bắt đầu hành động. Nhưng Liệt-cường thế-giới vẫn biết cái thâm-ý của Nga đã từ lâu rồi, nên đương ra sức phòng bị. Cũng vì lẽ đó mà cuộc xung đột Mãn-châu chưa lan rộng ra được.

Song, liệt cường Âu Mỹ phải nghĩ sao cho ra một kế thần diệu, có thể làm cho chính-phủ Tô-Nga phải bối rối không còn thì giờ mà gây cuộc rối ren.

Phải kiếm chuyện cho Nga sinh sự với Nhật. Song chú Nga rất tinh quái liền giả vờ làm thân với Nhật. Hai bên điều đình với nhau và hứa rằng : sẽ giữ thái-độ ôn-hòa để giải quyết mọi việc. Nhân đó các báo Âu mỹ và Trung-Hoa liền bàn đến vấn đề Nga Nhật thân-thiện Một phần đông các báo ấy cố buộc cho Nga là muốn thân với Nhật để cùng nhau xâm lấn Mãn-châu.

Nếu vậy thì dân Trung-hoa phải coi Nga là một kẻ tử thù, bề ngoài giả vờ là bạn mà thực bề trong là giặc. Mấy tờ báo kia nói ra như vậy có lẽ để cho Nga mất tín nhiệm với một phần dân Trung-hoa chăng ? Nga cố điều đình với Nhật, chắc là để giữ cho mình khỏi dây trước vào cuộc đổ máu ở Mãn-châu, trong khi Anh và Mỹ còn đứng « đợi thời ». Thế nghĩa là : anh nào cũng muốn cho hàng xóm đánh nhau trước, để mình đứng giữa mà lợi dụng cả hai bên.

Xem vậy thì Nga không thực tình muốn thân-thiện với Nhật. Chính-phủ Nhật thì quả quyết dùng võ-lực xâm lấn Mãn-châu mà Nga thì cứ ngấm ngầm dì xui dân Trung-hoa nổi loạn, phản đối chính-phủ Nam kinh và tuyên chiến với Nhật-Bản. Hai đằng khác nhau như vậy mà thực tình ra thân thiện với nhau làm sao được ? Mục đích nước Nga có lẽ là chỉ đứng giữa, đợi khi nào tiện dịp sẽ ra làm rối loạn cả hoàn cầu .....

Kỳ-viên

BÊN HỮU NGẠN SÔNG RHIN

MỘT CÁI MẦM HỌA CỦA THẾ-GIỚI

Giữa lúc Thế-giới đương lo cho nước Đức, thì bên này giải sông Rhin, người Đức vẫn kèn cựa trong cảnh nguy-nan. Ngày một ngày hai, ngọn trào chính-trị càng tung lên rất dữ. Còn nhiều việc rắc-rối! Còn nhiều điều trở-ngại! Chính phủ Đức khó lòng đứng vững được. Trong vòng hiến-pháp Weimar, Chính-phủ bị lung-lay dữ lắm rồi. Theo những lời phỏng-đoán, cuộc tương-lai đây, chẳng chóng thì chầy, tất sẽ đem theo cho nước Đức một cảnh hoán-cải rất lớn. Chính-phủ thay, Nội-các đổi, thời-cục xoay hẳn sang mặt khác, ông Brüning chẳng biết có còn ở trọng Chính-phủ nữa không, cái quyền cầm cân nẩy mực cho cục-diện cũng không biết sẽ lọt vào tay đảng nào nữa. Vẫn-nổi thời-cục, chỉ còn trông cậy ở ba cách: đảng Hitler lên cầm quyền, đảng Quốc-gia Xã-hội với đảng Trung-Ương Gia-Tô liên-hiệp, các đảng Trung-lập với đảng Xã-hội Dân-chủ thân-thiện. Nhưng cách cuối cùng này khó lòng mà điều-đình cho nổi, tuy quan Thủ-Tướng đã hết lòng tỏ ý nhượng-bộ với đảng Xã-hội ở vấn-đề bớt lương.

Tình-hình Chính-trị nước Đức càng thêm bối-rối. Nỗi khủng-hoảng về kinh-tế và tài-chính làm loạn lòng người, các lý-thuyết xưa nay vẫn được hoan-nghênh vì thế bị mất tín-nhiệm. Cơ nguy-nan trông thấy! Dân-chúng lo sợ sô nhau về các phái cực-đoan. Thì, một đảng Cộng-Sản, một đảng Hitler, mạt cưa mướp đắng, hai đảng cũng chẳng kém gì nhau; dù đảng nào lên cầm quyền, mặt ngoại-giao nội-trị kết-quả cũng chẳng khác gì nhau mấy. Nhất là đảng Hitler, mỗi lần bảo-cử là một lần thêm mạnh. La cho một đảng không chương-trình, không chủ-nghĩa, bỗng chốc nhân lúc chính-thể bối-rối, hoành-hành ở giữa đám người bảo-thủ bên này sông Rhin. Đó có lẽ cũng chỉ là một sự a-dua cuồng-dại của đại-đa số công-chúng. Muốn hiểu thấu hiện-tượng ấy, ta nên biết các đảng phái tuy xu-hướng khác nhau, phương-pháp hành-động cũng khác hẳn nhau, đều muốn nhờ thế lực đảng Hitler để đạp đổ chế-độ hiến-pháp Weimar cả. Một phen chế-độ hiện-thời đổ, họ mới quay lại sâu-sé nhau, mong theo chương trình của mình lập thành cục-diện mới. Thực ra, không một ai tin rằng: đảng Quốc-gia Xã-hội có thể lập nổi một chính-thể kiến-thiết. Người ta mong ở họ là chỉ mong họ hành-động ngay lập tức, rọn cho sạch đất, rồi sẽ theo đường lối mới mà tiến-hành.

Nhưng ông Hitler nào có mnốn thế. Ông vẫn hết sức để hành động, để dương thanh-thế mình và mưu cơ trường-cửu cho đảng. Tự bấy đến nay, đảng «Ra-Xit» sở dĩ tồn-tại được, là chỉ nhờ ở những việc quấy rối và những việc phiến loạn; vậy mà nay ông lại tìm cách trục xuất hết các tay có tư tưởng bạo-động. Cái tôn-chỉ mới của đảng ông bây giờ, không phải là dùng võ-lực để chiếm đoạt lấy quyền chính, mà là danh-chính ngôn-thuận, cầu lấy lòng số đông các đảng viên và hành động theo ý quốc-dân. Đã khôn lại ngoan, các lãnh-tụ của đảng Quốc-gia Xã-hội muốn kéo hai phái Gia-tô Trung-ương và Cực-Hữu về bè đảng với mình. Đối với phái sau này thì chưa biết, nhưng đối với phái Gia-tô thì rất dễ. Bất cứ với đảng phái nào, họ hợp-tác được cả, quý hồ họ có quyền chỉ-huy công-việc và có cơ giữ được lợi quyền cho đạo-giáo là đủ rồi. Hiện nay trong chính-giới nước Đức, đã thấy xôn-xao câu chuyện «giao kết Hitler-Brüning» và bàn tán các điều yêu-cầu của đảng «Ra-Xit.» Đảng này, nếu có hợp-tác, chắc sao cũng đòi mấy bộ Nội-vụ, bộ Chiến-tranh, có lẽ lại ngấp-nghé cả đến ghế thủ-tướng trong tòa Nội-các nữa. Những ước vọng ấy tưởng còn hơi sớm quá, Thủ-tướng Brüning là tay chính-trị rất khôn-khéo trước khi bước vào con đường ấy, chắc cũng còn đợi cơ-hội tốt và cân nhắc kỹ càng những mối quyền-lợi mà đảng Gia-tô có thể giữ vững được ở sự cải-tổ Nội-các và thay đổi phương-hướng chính-trị của nước Đức sau này. Bây giờ, hiện còn ở thời-kỳ tranh-biện và công kích lẫn nhau trên báo-chí, nghĩa là thời-kỳ tranh-biện vậy. Song, ta cũng nên để ý ngay đến một điều là: Bọn Quốc-gia Đức chắc chả chịu cái nhục tự hy-sinh để làm lợi cho bọn Quốc-gia Xã-hội. Dầu ông Hugenberg, mới được tái cử làm lãnh-tụ đảng Quốc-gia, thực có lòng giúp cho sự thắng-lợi của ông Hitler, thế mà bây giờ ông Hitler lại ra ý khủng khỉnh, tự-phụ không cần đến viện-lực của đảng Quốc-gia mới đạt tới được mục-đích. Ông Hugenberg tuy có tuyên-ngôn rằng: ông chẳng có ý gì mưu sự chia rẽ «phái phản-đối» đã thành-lập ở Bad-Harzburg, nhưng sự hợp-tác các đảng bên tả-dực để cùng mưu công-cuộc chung, ngày nay đã thành một câu nói xuông rồi. Người đảng Hitler hiện vẫn mạnh bạo tiến-hành, lo đoạt lấy quyền-chính, mà đối với đảng Quốc-gia và đảng Quần-chúng họ không hề quan tâm một chút nào.

Thực ra, đảng Quốc-gia Xã-hội có chiếm được quyền-chính và có hiệp tác với đảng Gia-tô hay không, trước hết đảng ba trang tư này ta không thể biết được. Từ nay đến bấy giờ, còn nhiều vấn-đề

quan-trọng cần phải giải-quyết, chắc không ai đã giám xui giục nên cuộc nổi biến để cho tình-thế rắc-rối thêm. Trước hết nước Đức còn mong thu-xếp cho êm việc lý-tài của mình và trông ở sự may rủi trong hội-nghị Tài-binh. Song đó, Hitler mới cùng đồng-đảng bước lên sân-khấu. Đã nhiều lần nhà Lãnh-tụ đảng Quốc-gia Xã-hội đi chơi ngoại-quốc, cốt tỏ cho các chính-phủ khác biết rằng: dù đảng mình có lên cầm quyền ở Bá-linh chăng nữa, chính-sách ngoại-giao vẫn không hề thay đổi chút nào.

Nhưng mập-mờ với ai kia, chứ những con mắt chính-trị bấy lâu vẫn đăm đăm nhìn thời-cục Đức quốc, ông Hitler bưng sao nổi. Thời-cục nước Đức, Âu-Châu bình hay loạn trông cả vào đây.

Nước Đức ở dưới quyền độc-tài đảng «Ra-Xit», mà còn hứa với các nước một cuộc hòa-bình, một cuộc hiệp-tác, thì lời nói ấy chẳng hóa là một lợi hứa phượu hay sao?

Cho nên, một sự đảng Hitler thắng lợi ở Đức đã làm cho các nước Âu-Châu ngày thêm để ý.

Đ. H. H.

ĐẶC-BIỆT XUẤT-BẢN

ĐỂ BIẾU TẾT

LỮ-TRUNG KÝ-SỰ

Liệt vào bộ sách đặc-biệt của Nam-Ký Thư Quán năm Nhâm-Thân, sách khổ-rộng 160 trang giá bán 0$50 của ông Xích-Việt soạn khi ông du-học tại trường Hoàng-Phố bên Tàu.

Sách CHƠI-XUÂN năm Nhâm-Thân 1932 có nhiều mục rất hay, rất bổ-ích, nhiều chuyện lạ. Sách giấy 100 trang, in rất đẹp, có tới 4 bức ảnh các yếu-nhân Thế-giới và phong-cảnh đẹp.

Giá bán . . . . . 0$30

Nam-Ký Thư-quán 17 Phố bờ hồ Hanoi

XIN CHÚ Ý:

Từ kỳ sau sẽ có những tranh vẽ của nhà họa-sĩ *A. S. Lemur*

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra:

Les confessions de J.J. Rousseau»

(tiếp theo)

Số là, người em giai mẹ tôi bỗng nặng tình cùng một người em gái cha tôi. Cô tôi liền nhất định, có bằng lòng đính đôi hai bên, cho cha tôi và mẹ tôi được phỉ-nguyền; đám cưới nọ có thành thì đám cưới kia cũng mới thành được. Chữ tình làm cho mọi việc đều dễ, hai đám cưới cùng cưới một ngày.

Được một năm chú tôi và cô tôi sinh ra một em, cha mẹ tôi cũng sinh ra anh cả tôi ngay năm ấy.

Chú tôi làm nghề kỹ-sư, vì phận sự sang Pháp và sang Hung-gia-Lợi làm việc với Hoàng-thân Ơ-den(*Engène*) đã lập công trong khi đánh thành Belgrade. Cha tôi sau khi sinh được anh tôi rồi, thì được vời sang nước Thổ-nhĩ-Kỳ (*Turquie*), ở Kinh-đô Constantinople để làm thợ chữa đồng-hồ cho Hoàng-đế nước ấy.

Cha tôi đi vắng, một mình mẹ tôi ở nhà; thấy mẹ tôi sắc tài gồm hai, mà còn trẻ, mà cha tôi lại vắng nhà, cũng lắm kẻ xôn xao anh yến. Có một vị quan người Pháp cũng là người ngấp-nghé, mà xem ra chung tình lắm — vì ba mươi năm về sau tôi thấy ông ta nhắc đến mẹ tôi, cảm-động còn lộ ra trong nhời nói — Nhưng mẹ tôi chẳng những đã có cái đức tốt để làm mực thước, lại có cái tình nồng nàn yêu chồng, làm cái giữ mình. Mẹ tôi nhắn cha tôi về; nhắn đi nhắn lại, cha tôi bỏ hết công việc làm ăn tìm về ngay. Cái kết quả của cuộc trùng-phùng ấy, là tôi đây; buồn cho kết-quả! Sau khi cha tôi về nhà được mười tháng thì tôi ra đoi, lúc mới sinh ra, yếu ớt quặt quẹo, lại có tàng-tật. Than ôi! tôi ra đời khó khăn, mẹ tôi vì sinh tôi mà mất. Cái ngày sinh-nhật của tôi, là cái tai nạn thứ nhất trong đời tôi vậy.

Tôi không biết rõ cái đau lòng của cha tôi, sau khi mẹ tôi về trời, nó đến bực nào; nhưng, mắt tôi được thấy suốt đời không lúc nào cha tôi khuây được cái đau lòng ấy. Cha tôi trông thấy tôi thì lại tưởng như trông thấy bóng mẹ tôi, nhưng lại không thể quên rằng: chính tôi đã cướp cái đời của mẹ tôi. Không khi nào cha tôi hôn hít tôi mà tôi không thấy tiếng thở ngắn than dài, không khi nào cha tôi hôn hít tôi mà tôi không thấy cha tôi ôm thật chặt lại vừa run lẩy-bẩy; khiến cho tôi hiểu rằng: cha tôi vuốt ve tôi bao nhiêu thì trong lòng lại có một mối tiếc thương cay đắng bấy nhiêu; nhưng vì thế mà lại càng vuốt ve yêu-dấu tôi. Có khi cha tôi bảo tôi: «*Con ơi! ta cùng nhau nói chuyện mẹ mày nào*». Thì tôi lại đáp: «*Thầy ơi! nếu thế nghĩa là: chúng ta lại cùng nhau khóc bây giờ đây, thầy ạ!.*» Tôi nói thế là cha tôi đã xụt xùi rồi. — Cha tôi rên-rỉ nói rằng «*Con ơi! con làm thế nào đền cha đi, con làm thế nào cho cha khuây khỏa đi, con làm thế nào cho cái hồn cha tự khi mẹ con mất, cứ bâng khuâng, nó đừng bâng khuâng nữa đi! Cha yêu con đến thế này, không phải chỉ vì con là máu mủ cha mà thôi đâu!*» (1) Mẹ tôi mất đi được bốn mươi năm thì mới đến ngày cha tôi về cõi hạc. Khi cha tôi chết, tuy có vợ kế, nhưng tên người chính-thất hãy còn bập bẹ trên miệng, bóng người chính-thất hãy còn phảng phất trong tim.

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng

dịch thuật

(1) Nghĩa là: nhớ người chết mà càng yêu.

VĂN-ĐÀN

DỊCH THUẬT

Nhan-súc

Vua *Tuyên-vương* nước Tề tiếp kiến *Nhan-Súc*, (người nước Tề) nói rằng:

—Súc đến gần đây.

(Nhân hai người ngồi xa nhau, cho nên gọi mà bảo lại gần,)

Súc cũng nói rằng:

—Vua đến gần đây!

Tuyên-vương không bằng lòng.

Các tả hữu nói:

— *Vua là vua. Súc là bầy tôi. Vua bảo Súc đến gần. Súc cũng bảo vua đến gần. Có nghe được không?*

Súc thưa rằng:

—Nghĩ như: Súc đi đến, là xu-mộ quyền thế; vua đi đến, là chiều chuộng kẻ sĩ. Một đằng để cho Súc là mộ thế; chẳng bằng để cho vua là chuộng sĩ.

Vua tức mình nổi giận nói rằng:

— *Ông vua là sang? Hay kẻ sĩ là sang?*

— *Chỉ có kẻ sĩ là sang! Ông vua không sang.*

—*Có sự gì làm trứng không?*

Có! Xưa kia nước Tần đánh nước Tề, ra lệnh «có kẻ nào dám cách chỗ mả ông Liễu-hạ-Qui năm mươi bước mà chặt củi, giết chết không tha. Lại xuống lệnh: *«Có ai lấy được đầu vua nước Tề, phong cho làm tước hầu muôn nóc nhà (1), cho vàng một nghìn dật (2). Cứ xem như thế, thời cái đầu của ông vua sống, có khi không bằng cái mả của kẻ sĩ đã chết.*

Tuyên-vương nói:

— *Ở thế ra, người quân-tử có khinh thế nào được! Quả-nhân chỉ tự mua lấy cái dở vào mình! Thôi xin nhận làm kẻ học-trò. Lại nghĩ như Nhan Tiên-sinh bây giờ ở chơi với quả-nhân, bữa ăn, cỗ thái-lao (3); đi ra ngoài, ngồi xe; vợ con ăn mặc sang-trọng.*

Súc từ chối rằng:

—*Tôi nghĩ như: hòn ngọc sinh ra ở núi, đem lấy ra thời phải đập vỡ ra; vẫn không phải là không quí báu, nhưng không còn nguyên khối như xưa. Kẻ sĩ sinh ở chỗ quê mùa, đem nhắc lên thời có lương lộc ăn; vẫn không phải là không sung-sướng, nhưng mà hình-chất tinh-thần không còn toàn. Súc tôi muốn xin được về chậm bữa mà ăn, cho được như ăn thịt; thong thả mà bước, cho được như ngồi xe; không có tội vạ, cho được là sang-trọng; trong sạch đứng đắn, cho được vui với mình.»*

Nói rồi, chào hai lạy đi luôn.

Người quân-tử bảo rằng: «*Như Nhan-Súc thế là biết sự đủ. Ta về với ta, thời xuốt đời không nhục.*»

(Văn Chiến-quốc-sách)

Người nước Tề

Người nước Tề, có kẻ có một vợ cả và một vợ lẽ, mà cùng ở với nhau một nhà. Người chồng mỗi lần đi ra ngoài, thường cứ no say rượu thịt mà rồi mới về. Người vợ hỏi ăn uống với những ai ở đâu, thời toàn là những người giầu sang cả.

Người vợ cả bảo người vợ lẽ rằng:

«*Chồng mình đi ra ngoài, lần nào cũng no say rượu thịt rồi mới về; hỏi cùng ăn uống với những ai, thời hết thảy là người phú quý. Vậy mà chưa từng thấy có người sang trọng nào đến nhà! Nay tao định đi rình xem anh chàng này đi đâu.*»

(Chị vợ ấy) dậy sớm, lén theo người chồng xem đi đâu; thời ra khắp trong nước không ai cùng đứng nói truyện với. Sau rốt, anh ta đi đến một đám cùng ở chỗ mả ở cánh đồng về xóm Đông, xin những thức ăn của người ta còn thừa; không đủ, lại quay đi chỗ khác. Ấy thế là cái cách kiếm no đủ của anh chàng ta.

Ngvời vợ cả về bảo người vợ lẽ rằng:

«*Nghĩ như người chồng là mình còn mong nhờ về xuốt đời, mà bây giờ như thế!*»

Nói rồi, cùng với người vợ lẽ đay giận cho người chồng, mà cùng nức-nở khóc với nhau ở giữa sân. Mà anh chồng ta chưa biết đâu, hơn hớn ở đâu về, lại lên mặt với hai vợ.

«*Cứ người quân-tử xem truyện đó thời nghĩ như cái cách của những kẻ kiếm giầu sang sung-sướng, bọn vợ ở nhà (nếu được trông thấy) chẳng xấu hổ mà chẳng cùng nhau khóc, có ít thay!*»

(Câu cuối đây là lời do bụng nghĩ của thầy Mạnh.)

(*Văn Mạnh-tử*)

Người nước Tống

Người nước *Tống*, có kẻ tên là *Tào-Thương* thừa mạnh vua Tống đi sứ sang nước Tần. Lúc hắn đi, được xe (của vua Tống cho) có vài cỗ. Vua (*Tần*) yêu thích hắn cho thêm xe, có đến trăm cỗ. Lúc (*Thương*) giở về Tống, đến chơi hầu *Trang-tử*, nói truyện rằng:

— *Tôi nghĩ như tôi, ở chỗ thôn cùng ngõ hẻm, khốn quẫn phải đan dép (để kiếm ăn), cổ ngóng ra, tai vàng ra, ấy là cái chỗ tôi kém người. Một truyền làm vui lòng ông vua nước lớn, mà có xe theo hầu sau đến trăm cỗ, ấy là cái chỗ tôi hơn người.*

1. Tước là hầu, mà được có lợi-quyền một vạn nóc nhà. 2. Hai mươi bon (24) lạng là một *dật*. (3) Thái-lão tức là tam-sinh.

Trang-tử nói :

—*Vua nước Tần có bệnh, gọi các thầy thuốc. Kẻ nào chữa vỡ được nhọt, tan cái chỗ ở dưới mông, thì được xe một cỗ. Kẻ nào liếm chỗ chĩ, thời được xe năm cỗ. Càng chữa xuống chỗ dưới, thời được xe càng nhiều. Anh có lẽ là chữa chỗ chĩ đó chăng ? Sao mà được xe đến nhiều thế !..* »

(Một cái xe mắc bốn con ngựa, là một cỗ.)

(Văn Trang-tử)

Tản-Đà

THƠ

Danh lợi

Trẻ tạo ghen gì những cợt chêu,
Sinh người lại khoác lợi danh theo.
Đường mây thâm-thẳm thang lần bước.
Bể hoạn mênh-mông sóng lẫn chèo.
Ngoài cuộc nghĩ vui chừng ngấp-nghé.
Trong vòng biết dại vẫn hò-reo.
Sự đời ai tỉnh ai say nhỉ ?
Vì lợi nên danh cố phải đèo.

Hương-trì

Dịch Đường-thi

I

故人西辭黃鶴樓
烟花三月下楊州
孤帆遠影碧空盡
惟見長江天際流

Cố-nhân tây từ Hoàng-hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương-châu.
Cô phàm viễn ảnh bích-không tận,
Duy kiến trường giang thiên-tế lưu.

Mái tây lầu Hạc tiễn người,
Châu Dương hoa liễu đương giời tháng ba,
Cánh buồm bóng tít xa xa.
Chân giời mặt nước đâu là cô-nhân !

II

昔聞洞庭水
今上岳陽樓
吳楚東南坼
乾坤日夜浮
親朋無一字
老病有孤舟
戎馬關山北
憑軒涕泗流

Tích văn Động-đình thủy,
Kim thượng Nhạc-dương lâu ;
Ngô Sở đông nam tích,
Càn-khôn nhật dạ phù.
Thân-bằng vô nhất tự,
Lão bệnh hữu cô chu,
Nhung mã quan sơn bắc,
Bằng hiên thế tứ lưu.

Hồ Động-đình bấy lâu nghe mãnh,
Lầu Nhạc-dương phong-cảnh là đây.
Ngô đông nọ. Sở nam này,
Nổi bềnh giời đất ngày ngày đêm đêm.
Thơ bạn cũ một tem chẳng có,
Chiếc thuyền xuông vô-vô canh dài.
Trống chiêng mái Bắc vang giời,
Tựa hiên thơ-thẩn sụt-sùi lệ sa.

Ngô Khê-Ngư dịch

MAI-KHÊ *cung lục*

HÀI-VĂN

Duyên nợ ba sinh.

Ngày 16 Janvier năm 1932, chừng khoảng bảy, tám giờ tối, ở phố hàng Đào Hanoi, hai vị nữ-sĩ cùng ngồi đàm-đạo về học-vấn văn-chương. Trong hai vị nữ-sĩ ấy, có một người là con một cụ Tú. Nhân nói đến văn-chương của truyện Kiều và truyện Hoa-tiên, vị nữ-sĩ kia hỏi rằng :

— Trong Hoa-tiên có câu «*ví chăng duyên nợ ba sinh.* » trong truyện Kiều có câu «*ba sinh âu hẳn duyên giời...*» Không biết chữ «*ba sinh*» có điển-tích gì ở trong sách chữ nho hay không? mà hai cuốn văn-chương có giá-trị ấy đều có dùng, mà như nay người ta cũng thường nói.

Vị nữ-sĩ nhà nho đáp rằng:

— Cứ tôi có nghe ở gia-đình giảng thuyết, thì hai chữ ấy cũng có điển, nhưng không phải là một cái điển chắc-chắn, chỉ là cái điển-tích có thể lấy chữ mà dùng chơi trong thơ văn.

—Đã gọi là điển-tích mà lại còn là không chắc-chắn. Chị thử nói cho nghe.

— Nguyên chữ đó ở trong một bộ sách chép những tích truyện của nhà Phật. Bộ sách ấy do một người sư soạn ra. Về chữ « *ba sinh* » này thời các tích rằng :

Có một ông quan nằm mơ thấy mình đi đến ở một chỗ dưới cái vách núi, thấy có một người sư thật già ngồi ở đó, đằng trước mặt có mấy cái nhang tàn còn hơi cháy, tia khói rất nhỏ như cái tóc. Người đó nói rằng : «Cái nhang này là của đàn-việt (1) *châm đó để cầu nguyện. Khói nhang còn như đây, mà đàn-việt đã là kiếp thứ ba sinh ở nhân-thế».* Ấy hai chữ «*ba sinh* » gốc ở đấy, mà tức là cái nghĩa nói *luân-hồi* của nhà chùa. Cái tích mơ-hồ như thế, thời bây giờ hai chữ « *ba sinh* » của người ta thường nói, cũng là trong các truyện có dùng, chỉ nên lấy đại-khái mà hiểu rằng: ấy là có duyên kiếp từ trước, như thế là phải.

—Ừ, cứ như chị nói, thời câu văn trong truyện Kiều có lẽ hơn câu trong Hoa-tiên.

—Tại sao?

—Câu trong truyện Kiều chỉ nói rằng «*ba sinh âu hẳn duyên giời*»; trong Hoa-tiên lại thêm một chữ «*nợ*». Thế thì cái nghĩa chữ «*nợ*» ở đâu mà ra?

—Duyên tức là nợ. Ở đời đã có duyên, phải có nợ. Cho nên cũng nhân cái điển-tích ấy mà trong chữ nho lại có câu thơ rằng: 俗緣了脫三生債 « *Tục duyên bất thoát tam sinh trái*», nghĩa là *duyên trần còn vướng nợ ba sinh*». Ấy bốn chữ « *duyên nợ ba sinh* » lại là bóc ở câu ấy.

Câu chuyện của hai nữ-sĩ vừa đương nói đến đấy, thời nghe có người nói rằng *An-nam tạp-chí* đã lại bắt đầu ra số mới ở trên Báo-quán ở hàng Khoai. Tức-thời nữ-sĩ cho người đi xe lên mua ngay. Cuốn tạp-chí đem về đến nơi, hai người cùng cầm xem; xem qua ở nhan xong, giở xem đại-lược bên trong. Một vị nữ-sĩ, không thuộc về phái nho, mỉm cười mà nói rằng:

—Cứ cái nghĩa chữ *ba-sinh*, tôi cho như chị nói chả chắc đã đúng. Tôi chẳng cứ điển-tích gì, chỉ biết chữ 生 *sinh* có thể có hai nghĩa: Một là *sinh* là *sinh ra đời*; hai là *sinh* là *sống*.

1. Đàn-việt là tiếng của nhà chùa gọi người khách Thập-phương đến lễ-bái bố-thí.

Hai nghĩa đó theo nghĩa nào cũng được, tức là An-nam tạp chí đây! Xưa kia ở *hàng Lọng* thôi đi đã lâu, sau lại thấy ra ở *bờ Hồ*; ở bờ Hồ lại thôi, ai cũng cho rằng chết, sau lại thấy ra ở *Nam định*; ở Nam-định lại thôi, ai cũng lại cho là thật chết, nay lại mới ra ở *hàng Khoai*. Thế mới thật gọi là *ba sinh!*

— Ừ! câu nói khôi-hài mà nghĩ thật rất đúng. Tôi lại nghĩ như An-nam-tạp-chí mà kể cả từ lúc mới ra ở hàng Lọng, giải về nghĩa chữ *sinh* là *sinh ra đời*, thời phải gọi là *bốn sinh*, cứ gì *ba!*)

Nói rồi, hai nữ-sĩ cùng nhau cả cười, rồi lần lần giở cuốn tạp-chí, vừa xem vừa đọc; chỗ xem tường, chỗ đọc lược, xuốt mãi từ đầu đến gần cuối. Đêm đã khuya, hai mặt phù-dung, bốn lông mày liễu, cơn vui đã hết, thơ-thần sinh sầu. Không biết cảm-hoài vì đâu, hai nữ-sĩ cùng ngồi thâu đêm mà cùng nghĩ viết ra một thiên lục-bát con con rằng:

Vì chăng duyên nợ ba-sinh,
Làm chi đem cái tài-tình chêu ai!
Hỏi ai trên phố hàng Khoai,
Có ai hàng Lọng là người năm xưa?
Biết bao gội gió rầm mưa,
Bức dư-đồ giữ bây giờ còn đây!
Bờ Hồ những lúc sương bay!
Con tầu Nam-định những ngày hết than!
Khen cho vững giạ bền gan!
Ngọc vàng chửa nát, giang san hãy còn!
Thương cho ruột héo gan mòn!
Lửa nung ngày hạ, sóng vồn đêm đông!
Nợ đời còn giả chưa xong!
Con tằm còn phải đau lòng vương tơ!
Khối tình ôm nặng từ xưa,
Tuyết sương bao nả bây giờ đầu xanh?
Đêm khuya ngồi nhận tàn canh,
Bút hoa thảo bức thơ tình gửi ai.
Chúc cho Tạp-chí lâu giài!
Báo An-nam sống cùng người An-nam!
Sông Đà non Tản nghìn năm!

TẢN-ĐÀ

THI GIẢI

Sen còn yêu tiếc bóng gương trong.

An-nam tạp-chí số 16, mục Thi-đàn giảng tập, trong bài «**Sáng mùa thu đứng trên hồ tức sự**» của ông **Đông-xuyên**, có câu: «*Sen còn cười gương mãi non sông.*» Tôi có sửa đổi rằng: *Sen còn yêu tiếc bóng gương trong.*

Đến khi vào chơi trong Nam, thấy một người anh em trong làng báo ở Saigon nói truyện, mới biết rằng: câu thơ ấy, trong một tờ báo hàng ngày ở ngoài Bắc có người chê bẻ, đại-ý nói « mùa thu làm gì còn sen? mà các ông xướng hoa!» Giả lời câu chuyện trong lúc ấy, tôi cũng chỉ nói qua mà thôi. Sau đến khi ra về Bắc, chính là hồi giữa thu, tức là hồi tôi đi chơi Thái-nguyên, Chợ-chu, Tuyên-quang, Lao-kay đó; từ bên cầu Gia-lâm thấy các đầm sen còn đương đua nở, nhân để ý xem xét, thời từ Thái-nguyên lên Chợ-chu, từ Phú-thọ lên Tuyên-quang, từ trên Yên-bái con đường đi Lào-kay, các đầm sen còn đương đua nở cả. Sang khoảng tháng chín ta, từ Hanoi đi Phủ-lý, Phủ-lý đi Nam-định, sen bên đường nhan sắc còn tươi. Vậy thời biết câu thơ nguyên-tác của ông *Đông-xuyên*, không phải lời chê bẻ đó có thể đánh đổ. Huống chi trong một câu bảy chữ đó, ngẫm như chữ « *còn* », chữ « *gương* », nhà làm thơ cũng đã trinh-trọng thay!

Lại như câu thơ của tôi sửa đổi lại lời ông *Đông-xuyên*, tức là câu *Sen còn yêu tiếc bóng gương trong*, có chữ *sen* mà không có chữ *cười*, thời có phần cẩn-thận hơn chút nữa. Nguyên cứ chữ *cười* mà nhận nghĩa, thời chữ *sen* đó phải đoán định là *hoa sen*. Bỏ chữ *cười* không dùng, thời chữ *sen* có thể giảng là *hoa sen*, *lá sen*, hoặc là cái *cẫng sen* cũng được cả. «*Sen còn yêu tiếc bóng gương trong*» tức như câu thơ Tầu: 敗荷臨水照殘妝 « *Bại hà lâm thủy chiếu tàn trang* ». Nghĩa là: *Cái sen rách đứng trông xuống nước mà soi xem cái trang-sức đã tàn.* Vậy thời chữ «*bại hà*» là *sen rách* đó, có thể tưởng tượng là cái *lá sen*, mà không phải là *hoa*. Nếu nói về cái lá sen rách soi gương xuống nước mà tự yêu tiếc cái bóng, thời dẫu khoảng mùa đông đặt như thế cũng được, huống nữa là thu ru?

Lời giải đây là tôi chủ đối với chư vị Độc-giả trong làng thơ nói truyện, cũng nhân để ông *Đông-xuyên* biết qua. Còn như lời chê bẻ của ai trong tờ báo nào đâu, tưởng không phải cần nên biện luận chi chí vậy.

Tản-ĐÀ

HỘI «TẾ-SINH»

Xin nhắc lại rằng đúng 2 giờ 30 chiều ngày chủ-nhật 24 tháng giêng tây năm 1932, tức là 17 tháng chạp ta này, Hội Tế-sinh sẽ họp đại hội-đồng tại nhà Nhạc-hội, phố Bờ hồ Hà-nội.

Trương trình kỳ đại hội đồng ấy sẽ có những việc sau này:

1o) Nghe tờ-trình của ban trị-sự tạm thời, về các công việc đã làm, như việc đã xin được đất và nhà họa địa-đồ cho hội;

2o) Xét về việc lập Bảo-anh-viện và Dưỡng-đường;

3o) Bàu ban trị-sự thực-thụ;

4o) Bàn luận các việc linh tinh.

Vì đại-hội-đồng ấy bàn nhiều việc quan trọng nên xin kính mời các quý-vị *nam và nữ có hội rồi hay chưa có*, đến dự cho thật đông để đại-hội-đồng được thành lập và thi hành được mụ-đích của hội.

Hội Tế-Sinh kính cáo.

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG

77 RUE SARRAUT — VINH

Là một nhà bán thuốc bắc, lớn nhất từ *Vinh* vào *Huế*.

THỜI-SỰ

TIN TRONG NƯỚC

VINH

Sở Mật thám khám nhà một người tên là Lê-tỵ ở làng Yên-dũng phủ Hưng-nguyên bắt được các giấy má quan trọng và 7 nghìn bạc chôn ở dưới sàn lát gạch.

LAOKAY

TIN NGUYỄN-THẾ-LONG VƯỢT NGỤC

Nguyễn-thế-Long là một người chính-trị phạm bị Hội-đồng Đề-hình khép 20 năm khổ-sai. Trong lúc cùng các tội-nhân khác chờ ngày đi côn-lôn, Nguyễn-thế-long bị giam ở nhà pha Hai-phòng, bỗng vượt ngục trốn mất.

Đêm 11 Janvier mới rồi viên mật-thám Denhas đi tuần ở miền Cốc-lếu sực bắt được một người đương lưng thững qua cầu. Ai cũng tưởng Nguyên-thế-Long đã bị bắt. Nay xét ra thì người ấy lại là Vũ-ngọc-Sâm, có chân trong một hội-kín khác, đã tốt-nghiệp ở Hoàng-phố, nay tìm đường về nước.

MỘT NGƯỜI BỊ BẮT BÊN TÀU

Nguyễn-văn-Dương 25 tuổi, người làng Hưng-phu huyện Thanh-liêm (Hà-nam) sang ở Vân-nam làm thợ may đã lâu. Năm 1929 Dương vào hội-kín, có giúp Nguyễn-thế-Nghiệp một vài việc. Ngày 19 Septembre năm ngoái ở Ho-Kéou Dương cầm súng-lục vô-ý bắn chết một người khách, nên bị tù. Hết hạn Dương bị giao trả quan tỉnh Lào-kay và bị kết án 5 năm khổ-sai, 10 năm quản-thúc.

NAM-ĐỊNH

MỘT NGƯỜI CAN ÁN TỬ-HÌNH VỪA BỊ BẮT

Một người giáo-học ở Thanh-hóa vì có chân trong Hội-kín và can vào nhiều việc biến động ở Nghệ-Tĩnh, bị khép án vắng-mặt tử-hình, bấy lâu vẫn trốn-tránh. Mới đây, y cùng hai người đồng-đảng, một người đàn-ông và một người đàn bà, đem nhiều giấy má quan-trọng trốn ra ngoài Bắc, đến Nam-định bị sở Mật thám bắt được.

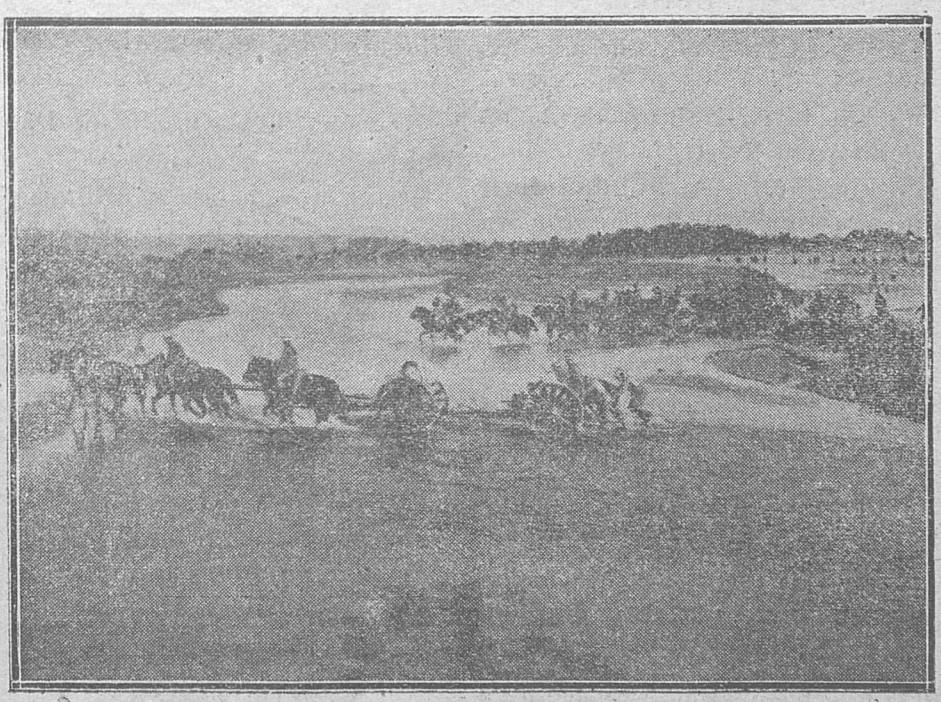

Mấy ngàn quân Nhật qua cầu sông Nộn-giang. Cầu đổ, quân sĩ chết gần hết. Viện Đại-tướng tức mình tự-vẫn — Cl, A. N.

TRUNG-HOA

VIỆC TRUNG-NHẬT XUNG-ĐỘT

«Bàn-châu mất rồi, Cẩm-châu nguy lắm, quân ta đã tháo lui, cửa nước rất là nguy cấp! Bọn «ăn thịt» quá ư tham-bỉ, không còn trông cậy được nữa! Hỡi nghĩa-sĩ toàn quốc! mau-mau lên cứu-viện Liêu-Tây!» Giữa lúc ấy, giữa lúc nghĩa-sĩ Quảng-Đông là Khâu-Tôn hò-hét, trên mặt đất Nam-Mãn, quân Nhật đương tung đạn đuổi rồn quân Trung-Quốc về Nam.

Ngày 31 Décembre 1931 quân Quốc-Dân ở Cẩm-châu lục tục rút vào Sơn-Hải-Quan, do quân Nghĩa-Dũng đóng giữ. Đêm hôm ấy, tế cờ ở Câu-Bang-tử, tướng Nhật là Da-Môn kéo quân đến đánh Cẩm-châu. Đồng thời, 13 chiếc máy bay Nhật ném bom xuống Đả-Hồ-Sơn, đường sắt Bắc-Ninh, Đả-Thông bị nổ tung đứt đến vài chục đoạn, giây điện dọc đường bị tan nát hết. Quân Nghĩa Dũng liều chết đánh rát dòng dã năm ngày, quân Nhật vẫn cố sức tiến. Nhất là ở Câu-Bình, đánh nhau dữ-dội đến nỗi tuyết phủ mặt đất pha với máu hóa ra tuyết đỏ. Một giải Tuy-Hòa bị bom rẫy sạch. Lục-quân Nhật chiếm Hồ-Lô-Đảo rồi xe đại bác đến bắn thị oai. Ngày mồng 3, quân Nghĩa Dũng thế cùng lực kiệt, đã lùi ra khỏi Cẩm-châu, nhưng ở Nữ Nhi Hà, quân dân vẫn cùng Nhật huyết-chiến.

Vinh-Trăn, tướng trấn-thủ Cẩm-châu, rỏ nước mắt khóc: «Không quân của Nhật mạnh quá mà quân ta không có chiếc máy bay nào; sông nước bây giờ đều đóng băng quân Nhật tiến sang rất dễ; ngong ngóng chờ tin cứu-viện mà chính-phủ Trung-ương thì chỉ nghĩ đến việc tranh vị cướp quyền; quân ta có tài nào giữ lấy Cẩm-châu cho được?...»

... Quân Nhật thừa thắng, chỉ ngọn cờ về Nhiệt-Hà. Nhiệt-Hà là một cái rào ngăn đất Mãn-châu, Nhật có chiếm cứ được mới được nằm yên trên Nam-mãn.

Một mặt, Bản-trang cho thuyết-khách đến hàng dụ Mã-Chiếm-Sơn hòng đem uy-vũ, đem lợi-lộc làm chuyển lòng vị anh-hùng Trung-quốc. Nhưng Mã khéo dùng lời cự-

tuyệt. Bề trong, Mã vẫn hết sức huấn-luyện lấy đội quân dũng-cảm, nhẫn nại; phương-pháp huấn-luyện rất tề-chỉnh, nghiêm-ngặt, nên quân Mã đối với mọi cách khổ-sở đau đớn như đã quen lắm rồi....

Một mặt, Khuyển-Dưỡng-Nghị phái người thân-tín là Huyên-Giã đến Nam-Kinh thăm mấy ông bạn già ở Quốc-Dân-Đảng. Huyên-Giã lại đến thăm Tôn-Khoa, ngỏ ý quan Thủ-tướng mình rất cảm-phục cái chủ-nghĩa «Đại Á-Tế-Á» của ông bạn quý Tôn-Văn. Nghe đâu Tôn-Khoa cũng hơi động-lòng, mà chính-phủ Nam-kinh cũng muốn theo phương-châm của Trần hữu-Nhân, muốn bằng lòng thân-thiện với Nhật. Vậy vấn-đề Trung-Nhật có lẽ sẽ xoay sang một cục-diện khác chăng?

Nhưng, người Nhật nếu còn có lòng muốn cho dân-tộc láng giềng «sống còn chung, vẻ vang chung» sao còn chiếm lấy Nam-mãn? Theo chủ-nghĩa «Đại Á-Tế-Á»! không khéo bọn chính-khách Nam-kinh bị mắc lừa. Nhật dùng cách ấy có lẽ chỉ để đẩy các nước Âu, Mỹ ra ngoài cuộc.

Hiện nay, Nhật đã bị các nước Âu-Mỹ trất-vấn.

Anh, Pháp, Mỹ cảnh-cáo Nhật, nói cách hành-động của Nhật làm thiệt-hại đến quyền-lợi các nước Trung-hoa không ít, vậy chính-phủ Nhật định xử-trí ra sao?

Từ ngày 18 Septembre, nghĩa là ngày bắt đầu sẩy cuộc Nam-Mãn Nhật đã phạm vào các hiệp-ước «Convenant», bản hiệp-ước «Cửu-quốc» và bản «Briand-Kellog». Vin vào bản hiệp-ước «Cửu-quốc» ký ở Hoa-thinh-Đốn, Mỹ tuyên-ngôn quyết không thừa-nhận một bản mật-ước nào của hai nước Trung-Nhật về cái án Mãn-Châu.

Nhưng, Nhật nào có sợ. Tuy vẫn gườm-gườm nhìn Ham-đội Mỹ sắp đem toàn bộ họp ở Thái-Bình-Dương, mà Nhật vẫn không bỏ thái-độ cương-ngạnh: «Việc vận-động bài Nhật ở Tr ng-Q ốc làm cho các nhà buôn Nhật thiệt-hại rất nhiều. Nhật bị bó-buộc phải dùng cách hành-động quyết-đoán. Đã gọi là hành-động quyết-đoán, thì hoặc phái thủy-quân lên bộ, hoặc dùng hải-quân khóa chặt các cửa thông-thương Trung-quốc cũng chưa biết chừng!»

Thì vừa ngày đầu tháng, ở công-viên Tây-hồ có hội, học-sinh Phúc-kiến tuyên-truyền việc kháng Nhật Lãnh-sự Nhật và chánh, phó hạm-trưởng tàu binh Nhật mặc áo thường lên chơi, làm nhiều sự lăng-ngược, để sẩy ra cuộc xô-xát xoảng. Vin việc này, ba chiếc khu-trục-hạm của Nhật đã đến Phúc-kiến, hơn trăm lính thủy kéo lên bộ lấy cớ bảo-hộ kiều-dân, tình-hình rất nghiêm-trọng.

Cũng hồi ấy, ở Thẩm-Dương sẩy ra việc ba tên lính bộ-tiểu Nhật đánh viên tổng-lãnh-sự Mỹ. Bộ Ngoại-giao Đông-Kinh lập-tức điện cho viên đại-sứ Mỹ, tỏ ý phàn-nàn những việc đã chót sẩy ra và đã chừng-trị ba tên lính bạo-hành. Nhưng quan Quốc-Vụ-Trưởng Mỹ rất chú-ý đến việc này, có lẽ thời-cục lại thêm một việc quan-trọng.

Ta cũng nên nhớ lại trong tờ di-biểu của Thủ-tướng Tanaka có đoạn dặn vua Nhật về việc diệt Mỹ cũng như ngày trước đánh Nga.

. . . . . .

Tin thêm.

Theo tin Cẩm-châu, đêm mồng 9 mới rồi, 6 nghìn quân Nghĩa-Dũng Tàu thình-lình úp đánh hộ Tư-lệnh quân Nhật. Hai bên giao-chiến kịch-liệt, đến nỗi đạn được hết, quân Tầu phải rút gươm ra đánh nhau. Kết-quả, một Liên-đội kỵ-binh Nhật gần chết sạch. Liên-đội-trưởng là Cổ-Hạ, 4 tướng hiệu, và 15 hạ-sĩ-quán bị tử-trận. Lá cờ Liên-đội kỵ-binh Nhật vốn của Nhật-Hoàng ngự ban, bỗng mất tích. Quân Nhật tuyên-cáo thề sẽ diễu quân đi khắp nước Trung-hoa để cướp lá cờ ấy về cho được.

CHÍNH-PHỦ TRUNG-ƯƠNG MỚI

Chính-phủ Trung-ương mới đã tổ-chức xong, xét ra quyền chính hầu hết bị người phái Nam-Kinh và phái Quảng-Đông chiếm lấy hết cả. Ta hãy xem bản nghị-án sau này:

Chủ-tịch: Lâm-Xâm;

Hành-chính viện-trưởng: Tôn-Khoa; Phó-Viện-Trưởng: Trần-Minh-Khu;

Lập-Pháp Viện-Trưởng: Trương-Kế; Phó Viện-Trưởng: Đàm-Chấn;

Tư-Pháp Viện-Trưởng: Ngũ-Triều Khu; Phó Viện-Trưởng: Cư-Chính;

Khảo-thí Viện-Trưởng: Đái-Tuyền-Hiền; Phó viện-Trưởng: Lưu Lư-Ẩn;

Uông-Tinh-Vệ Cl. A. N.

Giám-sát Viện-Trưởng: Vũ-hữu-Nhiệm; Phó Viện-Trưởng: Đinh-Duy-Phần;

Ủy-viên Chính-phủ Quốc-Dân 33 người.

Trung-ương chính-trị thường-vụ uỷ-viên 3 người: Hồ-Hán-Dân, Uông-Tinh-Vệ, và Tưởng-Giới-Thạch.

Nhân-viên các bộ chia như sau này:

Nội-chính: Lý-văn-Phạm;

Ngoại-giao: Trần-hữu-Nhân;

Quân-chính: Hà-ứng-Khâm;

Hải-quân: Trần-thiện-Khoan;

Giao-thông: Trần-minh-Khu kiêm;

Giáo-dục: Chu-gia-Hoa;

Tư-pháp: La văn-Can;

Thực-nghiệp: Trần-công-Bác;

Thiết-đạo: Điệp-cung-Xước;

Tài-chính: Hoàng-Hán-Lương quyền.

Bấy lâu, Chính-phủ đã có nhưng cũng chẳng khác gì chưa có. Ba tay quan-yếu nhất tức là Uỷ-viên Trung-ương chính-trị thường-vụ vẫn không chịu gánh lấy trách-nhiệm nặng nề. Hồ-hán-Dân thì cáo bệnh nằm ở Hương-cảng, Uông-tinh-Vệ cũng kêu ốm nằm ở Thượng-Hải, còn Tưởng-giới-Thạch thì sau ngày từ-chức đã cùng vợ lên phi-cơ về ẩn ở quê hương, báo gửi đến không xem, khách đến nhà không tiếp.

Chính-Phủ không có uỷ-viên, các nhà Ngân-Hàng Thượng-Hải dại gì mà cho Chính-phủ vay tiền, bởi vậy Hành chính Viện-Trưởng Tôn-Khoa đã xin từ-chức.

Trần-minh-Khu lên thay, vội-vã đến Hàng-châu cố xin hội-kiến Tưởng-giới-Thạch. Tưởng đáp: nếu Uông, Hồ cùng bằng lòng nhận chức thì Tưởng xin sẵn lòng đến Nam-Kinh.

Ngày 18 mới đây, đã có tin Hồ và Uông thương-nghị với Tưởng ở Hàng-châu. Ba người hẹn sẽ đến Nam-Kinh giữ trách-nhiệm mình, nhưng cần phải để Tống-tử-Văn thay Tôn-Khoa đứng đầu ban Hành-chính.

ẤN-ĐỘ

TIN THÊM VỀ VIỆC ÔNG GANDHI BỊ BẮT

Chính-phủ Anh đã tuyên-ngôn không bằng lòng tha ông Gandhi vì cũng biết ông là tay không vừa, dù ở lúc nào, cảnh nào, ông cũng yên lòng giữ được chí-hướng.

Chính-Phủ vẫn thẳng-cánh. Ngày 11 Janvier, ở Karachi, cảnh-sát bắn vào đám người đi dự Hội-nghị, 28 người bị thương. Ở Bombay, có lệnh cấm rước-sách và cấm tụ-họp trên năm người, lệnh ấy còn thi-hành sau đây hai tháng. Các nhà làm báo Ấn-Độ hễ viết bài hay vẽ tranh có tính-cách cổ-động cho cuộc bất-hợp-tác sẽ bị trọng-phạt, nặng nhất là hai năm tù.

M. Anfari, Hội-trưởng tạm-thời của Hội-nghị bị dam 6 tháng và phạt 200 roupies; M. Rajendra Prasad thay M. Pâtel làm chủ-tịch hội-nghị cũng bị dam 6 tháng. Bà Gandhi bị bắt tuần lễ trước, ngày 15 mới rồi, tòa kết án dam 6 tuần lễ, cô Pâtel cùng bị bắt với bà bị 3 tháng rưỡi tù.

Một đằng, hai Chính-phủ vẫn hết sức điều-đình với ông Gandhi, cho thời-cục bớt nghiêm-trọng.

TRUNG-HOA

NƯỚC TẦU CÓ LẼ LẠI CHIA RẼ !

Đáng ngán cho bọn cầm quyền nước Tầu, đối với nạn nước nguy-ngập là thế, mà vẫn chúi đầu cùng nhau vật lộn. Cánh Quảng-Đông tuy đã chiếm được một phần uy-quyền lớn, còn sợ cánh Tưởng lại hoạt động, bèn mượn tiếng tiêu-cộng, xướng lên thuyết « Tây-Nam Ngũ-tỉnh liên phòng. » Tâm-phúc của Tưởng là Hà-thành-Tuấn chẳng chịu kém nào, cũng mượn tiếng Tiễu-phỉ, xướng thuyết « Cứu-Tỉnh liên phòng ». Kế đó, được ngay tin ở mạn bờ bể phía trên, Trương-Học-Lương lập cuộc « Đông-Bắc liên phòng ». Dư-luận Tàu lo cho nước lại một phen chia rẽ.

NHẬT

NỘI-CÁC KHUYẾN-DƯỠNG NGHỊ VẪN ĐỨNG

Vì thời cục đương rối, tình thế trong ngoài rất khó khăn, nên theo lệnh Nhật-hoàng, nội-các Khuyến Dưỡng-Nghị thôi không từ chức.

PHÁP

NỘI CÁC LAVAL

Trong hội-đồng Nội-các ngày 12 Janvier, ông Laval trình bày tình thế hiện thời và ngỏ ý trong lúc sắp có Hội-nghị Quốc-tế, ông muốn liên-lạc hết các chính-đảng để cùng lo toan công việc nước nhà. Các quan Tổng-trưởng đều vui lòng chờ quan Thủ-tướng điều đình xong với các Chính đảng rồi sẽ xin từ chức.

Trưa hôm ấy, ông Laval hội kiến cùng ông Herriot, ngỏ ý mời ông thay « Vua Hòa-Bình » trông coi ngoại-cục. Ông Herriot muốn nhận, nhưng toàn thể hội-đồng Đảng Xã-hội Cấp-tiến không bằng lòng. Đảng Xã-hội Cấp-tiến đã chối từ thì điều đình với các chính đảng khác cũng vô ích, nên vừa rồi quan Thủ-tướng đệ đơn xin từ chức lên quan Giám-quốc Doumer.

M. Herriot Cl. A. N.

Đổ hôm trước, hôm sau lại thành-lập. Nội-các mới, vẫn ông Laval giữ chức Thủ-tướng, kiêm thêm mộc bộ Ngoại-giao. Ông Cathala, trước thứ-trưởng bộ Nội-vụ, nay lên tổng-trưởng bộ ấy. Ở bộ Canh nông, ông Tardieu sang lĩnh bộ Chiến-tranh, nhường ghế tổng-trưởng cho ông Fould nguyên thứ trưởng.

Ngay chiều hôm 14, quan Thủ tướng đến mời ông Briand, nhưng nghe đâu ông nhất định chối từ, nay mai sẽ về Cocherel, dưỡng bệnh ở biệt-thự.

CHỨC VIỆN-TRƯỞNG THƯỢNG, HẠ NGHỊ-VIỆN

Ông Lebrun được tái-cử viện-trưởng Thượng-nghị viện.

Ông Bouisson được tái-cử viện trưởng Hạ-nghị viện, các ông Moncelle, Henri Pâté, de Castellance và Dalimier đều trúng-tuyển phó viện-trưởng.

ÔNG VUA TRÊN MÀN ẢNH: CHARLIE CHAPLIN

Tôi có xem phim ảnh La Ruée vers l'or, tôi có xem phim Le cirque (The circus). Hai cái phim ảnh đó do Charlie Chaplin tức là hề charlot thủ-bổn.

Hề Charlot! Nói đến tên đó ai cũng tưởng-tượng được ra một anh lố-bịch, râu hoa kỳ, mũ mơ lông, cái quần thùng thình chân kéo đôi giầy kếch sù... cái dáng đi « chữ bát ». Anh chàng lố-bịch đó là «ông vua trên màn ảnh» (le roi de l'écran) cũng như Mary Picfork là «bà chúa trên màn ảnh» (la reine de l'écran)

Cái huy-hiệu đó, trước kia tôi tưởng là một cái huy-hiệu do mấy cậu bé con «sinh si nê» hay là do mấy ông ròn cười—cái cười vô vị—như tôi, đặt ra để tặng hề charlot.

Nhưng vừa rồi, nhân dịp Charlot sang chơi Paris, báo Mon ciné có cho tôi biết rằng cái huy-hiệu «vua màn ảnh» tặng cho Charlot là của mấy nhà sành kịch bên Pháp.

Tôi vẫn cứa hiểu với ý-vị của câu «vua màn ảnh». Sao người ta không gọi là «vua cười»? Trên màn ảnh thiếu gì ông sao sáng (star) mà chỉ riêng có anh chàng Charlot lố-bịch được hưởng cái huy-hiệu chói lọ như thế?

Mãi vừa rồi, mãi tối chủ-nhật 4 Octobre 1931 vừa rồi, sau khi xem phim ảnh «Le gosse» do hề Charlot thủ-bổn tôi mới biết được ý-vị câu «vua màn ảnh».

Trong Phụ-nữ Thời-đàm ra ngày 7 Octobre 1931, trong cuốn Mon cœur trang 53, ông Lê-văn Hòa, đã có bài tường-thuật về phim «Le gosse» (ông dịch «Le gosse» là «Cu cậu». Tôi gọi nó là bài tường-thuật, vì ông Lê-văn-Hòa chỉ kể lại nội-dung của «thiên trường-hận» đó.

Trong bài tường-thuật của ông Hòa có nhiều chỗ sai lầm. Tôi nhân dịp này tường-thuật và phê-bình phim «Le gosse» và nhân tiện nói về cái tài của Charlot.

...Trên màn ảnh bật lên mấy chữ:

L'homme

La femme

Le gosse (chứ không phải là l'enfant như ông Hòa đã kể lại)

Tiếp theo, có mấy câu này có ý-vị nhất mà ông Hòa quên không kể:

La loi

La fatalité

Le pauvre bougre

(Cái định-lệ, cái định mệnh, cái anh chàng só chợ đầu đường).

Anh chàng só chợ đầu đường, anh chàng nghèo-kiết, cái hình-ảnh của mệnh-số, của phong-trần, anh chàng đó là ai? — Charlot!... Từ đấy trở đi, chàng Charlot sẽ hết sức lột cái tinh-thần của vai kịch chàng ta đang đóng.

Sau mấy chữ trên kia, tiếp theo mấy câu mở đầu:

«*La femme. Elle a commis la seule faute: celle de trop croire à l'amour*» (Người đàn bà. Nàng chỉ phạm vào một tội: cái tội quá tin về tình-ái).

Người đàn-bà đó là ai? Phim ảnh quay cuồng hiện ra một nhà đục-tế đường... cánh cửa sắt từ từ mở, nhường lối cho một người thiếu-nữ tuy đã phong-trần nhuộm sắc song nét mặt rầu rầu còn in giữ vẻ yêu-kiều. Tay thiếu-nữ ôm chặt một đứa con thơ còn đỏ hỏn.

Đứa con thơ, hình-ảnh của một cơn mê-mộng. Đứa con thơ, kết quả của một cuộc tình-ái bẽ bàng! Đứa con thơ kia, biết ai nuôi ai nấng? Biết ai?

Nàng ngoảnh mặt lại. Cánh cửa nhà tế-đường đóng chặt. Qua chấn song cửa ta còn trông thấy vợ chồng bác gác cổng thì thào bĩu môi, so vai muốn như chế nhạo, muốn như chê cười: tính ích kỷ của loài người!

Đôi chân lê con trên con đường nửa thoái nửa lùi.

Đi. Đi đâu? về. Về đâu?

... Loài người ích kỷ, này chỉ còn nương nâu bóng « chúa ». Thiếu nữ lần lần đến trước cửa nhà thờ.

Cánh cửa «Chúa» mở tung. Một đôi vợ chồng mới bước ra. Theo sau, quan khách dập dìu.

Người đàn bà sắp hưởng thú chăn gối, nhìn thấy người đàn bà đã đau lòng vì chăn gối. Bốn mắt nhìn nhau, khóe mắt của cô dâu như muốn đầy đưa suối lệ.

Người thiếu-nữ cúi gằm mặt nhìn con. Hạt lệ xé lòng đã tưới đầm đôi má hóp...

... Nàng quay đi. Biết gửi nhờ ai? Đứa con thơ kia biết gửi nhờ ai? Nuôi nó, giữ nó... song tiền của đâu, mặt mũi nào? Thôi thì trong cái xe « hòm kính » lượt là, đành đem gửi đứa trẻ thơ vô tội.

... Còn người đàn ông (*l'homme!*). Người đàn ông gật gù ngậm cái « bíp » kếch sù. Người đàn ông đắc-trí vì làm được một sự «nghiệp» (*L'homme. Il est fier de son « œuvre »*). Anh chàng bạc tình, anh chàng hộ Sở cũng chẳng ngại ngùng gì mà không ném bức ảnh « người xưa » vào đống tham hồng đốt tan mối tình « thừa thãi ».

Nhưng, còn một «người đàn ông» khác. Một anh chàng ngoại cuộc, cầu bơ cầu bất, chân nam đá chân xiêu, chàng Charlot bắt đầu lo trên màn ảnh. Một hồi vỗ tay chào người « tái tử con cưng » (l'artiste prodigue) như muốn đẩy cái cảnh đau lòng hồi nãy ra ngoài trí nhớ.

Anh chàng chân nam đá chân xiêu đi chơi. « Một cuộc đi chơi tình tứ của hoàng đế só chợ đầu đường «*Promenade sentimentale de Sa Majesté le pauvre bougre.*»

Đôi chân « tranh phần trưởng-nam » thủng-thỉnh bước đi. Đến một góc đường kia « hoàng-đế đầu đường só chợ » chợt thấy đứa bé vô-tội nằm khoanh tròn trong một só tường, chàng Charlot bế lấy nó.

Đến đây, tôi dừng cán bút, tôi trách ông Hòa: Trong bài tường-thuật, ông Hòa có cho chàng Charlot đóng một vai «du-thủ du-thực» « chúa soái » những phường trộm cắp. Riêng tôi, chàng Charlot không có sắm vai đó, chàng Charlot chỉ hết sức tả cái « gan vàng ẩn trong manh áo rách .»

Xuốt từ đầu đến cuối, Charlot chỉ là hình-ảnh của «cái ác-mệnh» (la fatalité), Charlot chỉ là một kẻ chịu điêu-đứng với cái định-lệ bất-bình (la loi). Mấy chữ «giới-thiệu» in trên mảnh vải, chắc ông Hòa còn nhớ.

Tự nhiên, hề Charlot phải nuôi một đứa con vô thừa nhận. Tự-nhiên, hề Charlot phải tìm hết cách xoay xu (cho con đi ném đá vào cửa kính nhà người ta, để «bố» được hàn kính lấy tiền). Tự nhiên hề Charlot, một anh cùng-dân, phải đối đầu với thầy đội-xếp quá nóng để hộ-vệ đứa «con ai». Tự-nhiên, hề Charlot yếu đuối mảnh khảnh, phải chịu đấm chịu đạp để binh thằng Jack, con người. Mà đến về sau, lúc thằng Jack bị người bắt đi, lúc thằng Jack bị người « trộm » đi, hề Charlot cũng phải đâm bổ khốn khổ đi tìm con. Từng ấy cái mãnh-lực « tự-nhiên » ta có thể gọi là « tấm lòng thương trẻ » của Charlot. Mà từng ấy cảnh huống « tự-nhiên » ta có thể gọi tóm là một cái định-lệ bất-bình.

Trong bao nhiêu cảnh thảm-thê như thế, chàng Charlot vẫn là anh hề làm cho khán quan được một mẻ cười nắc nẻ. Song qua những tiếng cười đó, ta nên nhận ra mấy tiếng khóc nức-nở âm-thầm của một hai người « biết rõ chàng Charlot » hơn chúng ta.

Lúc mang đứa bé « vô-tội » về, mấy chị bép xép bên cạnh nhà bàn ra tán vào: hừ! lại « con riêng » rồi!

Mặc nhời ra tiếng vào, mặc cái cảnh nghèo bó buộc... mặc, chàng Charlot nuôi đứa con nhặt ở đầu đường, thằng Jack.

... Bố « chính-hiệu » thằng Jack sau trở nên một nhà họa-sĩ đại tài. Mà cô ả ta vừa thấy lôi thôi lếch thếch ở trong nhà tế-đường ra, ngày nay cũng trở nên một vai đào tài sắc một thì. Run rủi, cụ Trời già lại khiến hai « thủ-phạm » gặp gỡ nhau.

Chàng nói: Ngày nay, nếu ta đọc lại cuốn sách « quá khứ » (the pater) thì mấy trang xưa kia chúng ta đọc qua loa, ngày nay, chỉ còn mấy chữ:

Hạt châu-lệ
Câu sám-hối

cùng với chữ « Quên »

(*Maintenant, si nous rouvrons le livre du Passé, chaque page jadis vite lue ne contient que ces mots*:

Larme
Regret
Oubli.....)

Nhưng không, còn đứa con thơ, cô đào nọ không sao quên khuấy đi được. Một cách chuộc tội xưa: tìm thằng bé, và bố-thí cho kẻ nghèo.

Trên màn ảnh lại bật lên mấy giòng chữ: « Bố-thí, đối với người này, nó là một nguồn hạnh phúc, mà đối với người khác, nó lại là một phận-sự ». (*Faire la charité, pour les uns, c'est un devoir, pour les autres, c'est une joie*).

Một câu chan chứa biết bao nhiêu tình ý.

... Một hôm thằng Jack bị đau, cái người gọi thầy thuốc cho thằng Jack lại là mẹ nó — đứa con trước mắt sờ sờ, mà than ôi! cụ Giời già còn không cho gặp gỡ.

Quan đốc-tờ hỏi hề Charlot: anh là bố nó phải không?

— *Phải, nghĩa là không phải. Tôi là bố nó, song không phải là bố nó, dầu tôi là bố nó.* (*Oui, c'est-à-dire non. Je le suis, mais sans l'être, tout en l'étant*).

Một câu trả lời ngớ-ngẩn lố-bịch mà chan chứa biết bao nhiêu y-tứ.

Nghe câu trả lời, quan đốc ngạc nhiên. Sau hỏi truyện mới biết rõ thằng Jack là đứa bé người ta đang treo giải thưởng một vạn Mỹ-kim cho kẻ nào tìm thấy.

« Cóc vàng » đây rồi «quan đốc» ngại gì mà chẳng giơ tay bắt lấy. Quan đốc ngài giơ cả hai tay..... Thằng Jack bị kéo lên ô-tô, cái bộ-điệu mếu-máo thảm-thương của Jackie Coogan đóng vai này thật là đáng khen.

Hề Charlot chống cự. Sức yếu...

Sau bao nhiêu nỗi gian-truân, chàng Charlot lại đoạt được thằng Jack mang về.

Tối đến ở viện «Tế-bần», thằng Jack lại bị người ta bắt trộm. Đang lúc đêm lạnh canh dài, chàng Charlot chạy hết chỗ này đến chỗ kia, lại tìm thằng Jack. Lần này thật bặt tăm. Sáng lần mò về đến nhà, mệt quá, chàng Charlot gục đầu vào cánh cửa đánh một giấc. Chàng ta mơ màng thấy thằng Jack có hai cánh, thằng Jack rủ chàng ta đi đến cảnh thần tiên.

... Kết cục, sau cái giấc mộng bất-bình, chàng Charlot được thầy đội dẫn về nhà cô đào hội họp cùng « con ».

Cánh cửa nhà tế-đường trước kia đã đóng cửa đuổi cô-đào, thì ngày nay cánh cửa hạnh-phúc cũng từ-từ mở ra mời chàng Charlot yên-vị.

Musset trong bài «một buổi tối vô-vị» (Une soirée perdue) có tặng cho Molière hai câu thơ:

«Quelle mâle gaite si triste et si profonde.
Que, lorsqu'on vient d'en rire, on devrait en pleurer.»

(Trận cười nắc nẻ buồn rầu thấm thía thay! Đến nỗi sau trận cười đó ta còn phải ôm mặt khóc thầm.)

Charlie Chaplin, ngày nay, là «Molière thứ hai». «Phim ảnh La ruée ver l'or, le cirque, le gosse, mấy phim ảnh tuyệt tài đó do chàng ta đặt ra rồi tự xắm một vai chủ-động» «Mon ciné». Lắm khi đứng trước gương, nhăn nhó, tươi cười, anh hề Charlot cố tập cho hệt vai mình xắm.

Làm kịch lấy, xắm kịch lấy, chàng Charlie Chaplin là hình-ảnh của Molière; về phần tinh-thần, phim ảnh của Charlot không phải là một phim hài-hước, xem như phim Le gosse thì trong tiếng cười nắc nẻ ta còn nghe thấy tiếng khóc âm-thầm.

Charlie Chaplin không khứng xắm một vai nào trong phim nói film parlant). Hồi phóng-viên báo Petit Parisien đến phỏng-vấn, Charlot chỉ trả lời có một câu: tôi vẫn câm» *(Je reste toujours muet)*. Từng, ấy điệu-bộ, từng ấy tiếng cười, Charlot tuy «câm» song thấm thía bằng mấy mươi lời nói. Ta cũng lấy làm lạ: một nước «guồng máy» như nước Hoa-kỳ mà bỗng sản-xuất ra một bác hề đa-cảm. Sau lúc đóng trò, trong gian buồng kín, ta thấy Charlot giữ cái bộ mặt khóc thầm. Cái tài đóng trò của Charlot khiến cho lắm người ngạc nhiên: trên phim ảnh ta thấy một anh Charlot lố lăng hắng nhắng, mà trong buồng kín ta thấy một anh Charlot ủ rột âu sầu một anh Charlot đã từng được Gandhi đến thăm hỏi trò-truyện.

Không như các bọn đồng-nghiệp. —chàng Busler Keaton (le roi de pince-sans-rire) cố tập nghiêm để xin tiếng cười khán-giả, gã Douglas Fairhanks nhảy nhót con châu-chấu ở trên màn ảnh — Charlie Chaplin người đi xem sau mộ. trận cười lại được một phen gạt thầm nước mắt.

Vũ-lang

Ảnh Gandhi và Charlie Chaplin Cl. A. N.

Tản-Đà quảng-cáo.

Ai gửi cho quyển **Trần-ai tri-kỷ** và tập **Giấc-mộng-con thứ hai** (viết trong Đông-Pháp thời-báo khi xưa), xin có hậu tạ.

Tản-đà thư-cục chủ-nhân

Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính cáo.

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUẢNG-VĂN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính Dần 1926
120 phố Bonnal 120
Haiphong

Có bán trẻ «*Việt-Nam*», phòng «*Rồng-Nam*» v. v. . .

Anh em nhà quê
từ nay hết sợ bị mắc lừa

Có điều gì oan ức? Có cần biết việc gì chưa hiểu rõ?

Cố tìm cho được sở **Cố vấn pháp luật** số 16 phố Há-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi.

Tổng giám đốc Joseph **Trần-Đình-Trúc** *Luật-khoa cử-nhân trường Cao-đẳng Paris.*

Sở ấy cũng nhận tiếp những người nào muốn lo việc với trạng-sư Tây.

(Hỏi pháp luật và nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho Trạng-sư Tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi đều không phải giả tiền).

1. — Nhận đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, văn tự mua bán bất động-sản, giấy hợp đồng, giấy lập hội, tờ chia gia-tài v. v. . .

2. — Thay quyền cho các nhà buôn, giúp việc kế toán, giậy làm quảng cáo theo kiểu Hoa-kỳ.

3. — Quản-lý nhà cho thuê và đồn-điền, giúp việc người nghèo không tính tiền.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà - sơn
dịch

(Tiếp theo kỳ trước)

Chiếc nhà này là nhà sàn, làm trên một tá cọc, cách mặt đất chừng 12 bước chân, nên khi quân gian vội vàng chạy trốn, thì chàng thấy long chuyển hết cả nhà. Chàng lẩm bẩm một mình rằng:

— Quân này táo gan thật! Cần phải trị chúng đi mới được.

Ngoài khơi, về phía đảo Mã-lai-tạ, mặt giặng mọc tròn vành vạnh. Xa trông hòn đảo này như ẩn như hiện; gần thì đảo Bế-rang-đệ nhờ có bóng giăng soi giỗi, bao nhiêu cái cảnh-tượng thanh-thú hiện ra như giữa ban ngày.

Bốn bề im lặng, chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ của người ốm ở phía nhà thương luôn luôn đưa lại. Trong các căn nhà phu ở, mái lợp lá, ngót hai trăm mọi ăn thịt người đầu tóc xoắn chôn ốc, đang thiêm thiếp giấc nồng. Tuy nhiên, không phải bằng ấy đứa đều ngủ say cả. Có nhiều đứa ngóc đầu lên chiếu để nghe một tên trong tụi nó đương nguyền-rủa chàng da trắng, mà chúng chưa bắt sống được, vì hình như chàng không ngủ bao giờ.

Hai ngọn đèn treo vẫn sáng vòi vọi ở trước cửa. Chàng da trắng nằm lo ngay ngáy, dở thực dở ngủ, một bên khẩu súng trường một bên khẩu súng lục.

Sáng hôm sau chàng Đa-vit Xen-đôi (chàng da trắng), xem những việc xảy ra đủ biết tình-hình càng ngày càng tệ. Chắc là chàng cũng tự thấy trong mình càng ngày càng yếu; vả lại, các trứng-triệu đáng lo ngại lại thấy hiện ra.

Chàng lại bắt đầu đi quan-sát, và dự-bị sẵn sàng để đợi chiến đấu; chàng chỉ mong sao một việc bất như ý xảy ra. Lúc bình-nhật, bọn phu da đen rắc rối điều gì, chàng chỉ lấy làm bực rọc, nhưng hôm nay vì cần phải cho chúng một bài học, cho nên chàng lại sẵn lòng ước ao có dịp để thị-uy.

Bọn phu da đen càng ngày càng láo-xược, và cử-chỉ khả-nghi. Cứ cái việc đêm qua, những quân mạt kiếp dám cả gan chực lẻn vào nhà chàng (đó là cái tội rất nặng ở đảo Bế-rang-đệ) đủ là cái điềm không tốt.

Nếu chàng không trị chúng trước, nếu chàng không trương ngay cái uy-thế của người da trắng ra cho chúng biết, thì hoặc chóng hoặc chậm, chúng cũng giết chàng.

Một giờ sau, chàng trở lại nhà, ra chiều ngao ngán. Từ khi trong đồn điền có bệnh lỵ, ngày nào cũng có những sự hỗn-hào, bất-phục-lệnh xảy ra, mà tiếc thay, hôm ấy không xảy ra việc gì cả.

Cái thái-độ hiền-từ bất-thường ấy đáng ngờ lắm. Cái thái-độ ấy có biểu-lộ một cái cơ-mưu đáng sợ hơn là sự bạo-động hiển-nhiên.

Chàng Đa-vit Xen-đôn chỉ tiếc rằng: đêm qua không để cho chúng vào hẳn trong nhà, rồi nhân đấy, giết đi một vài đứa, để cho chúng một bài học mà ngẫm-nghĩ.

Một mình chống với bằng ấy quân vũ-phu, hình như chàng không còn biết cái sinh-thú là gì, lúc nào cũng nơm-nớp sợ, nếu ngày mốt ngày hai, mà ốm nằm đó, thì tính-mệnh tất ở trong tay chúng. Chàng tưởng tượng vẩn-vơ thấy hai trăm phu da đen nổi loạn, chiếm lấy đồn-điền, cướp đốt các kho, rồi lên thuyền kéo nhau trốn về đảo Mã-lai-tạ.

Đáng ghê hơn nữa là: chàng tưởng tượng thấy đầu chàng bị đem phơi khô dưới ánh mặt giời, hoặc đem hun khói. Hun xong rồi, để làm đồ trang-điểm trong xưởng chứa thuyền của một làng mọi ăn thịt người.

Vì tầu Dich-sĩ chậm đến, nên lại cần phải hành-động.

Lúc ấy vừa tầm vào, chàng nằm trên tấm phản kê ở ngoài hiên, bỗng thấy một toán thuyền độc mộc bơi vào bến.

Bốn chục tên mọi có đủ dáo mác và thiết-lĩnh ở thuyền lên xúm đông ở trước cửa vườn hoa nhà chàng, nhưng chỉ có một đứa trong bọn được vào (đó là cái luật chung ở các đảo trên bể Thái-bình-dương chứ không riêng gì ở Bế-rang-đệ.) Luật ấy người da đen không người nào không biết.

Khi người da đen bước lên cái lối đi vào trong nhà, chàng nhận ngay ra là tên Xi-lê, đầu-mục làng Bá-lê-suy-mã. Đi đến chân bực thang trước hiên, tên đầu-mục không dám tiến nữa, nó đứng dưới nói với lên.

Xi-lê là một đứa thông-minh hơn những kẻ thông minh tầm-thường người giống nó; cái thông minh ấy càng làm thêm bộc-lộ cái chỗ hèn-hạ thiên-nhiên trong tâm địa của nó.

Mắt nó thì nhỏ và sát vào nhau, trông có vẻ dữ-tợn và tinh-quái. Tất cả đồ y-phục, nó chỉ có mỗi một cái thừng và một cái dây lưng đeo đạn.

Hai cái vòng nặng làm bằng sà cừ rung-rinh trên mũi và dưới cằm làm cho nó nói năng ra vẻ ngượng nghịu. Lỗ tai nó có đeo một cái điếu và thuốc lá. Răng nó sứt sẹo, và nhuôm nhuôm đen; bởi nó ăn trầu, quyết trầu nhổ cả xuống đất.

Lúc nó nói hay lúc nó nghe người ta nói, nó nhăn nhăn nhó nhó như là con khỉ vậy. Muốn nói: vâng nó lại sụp mi mắt xuống và ngẩng cằm lên.

Nó nói có vẻ láo-xược trẻ-con, trái hẳn với các địa-vị thấp kém của nó ở dưới bờ hè.

Nhờ có bọn đông người đi hộ-vệ kia mà nó trở nên một vị chúa-tể, một chủ-nhân-ông làng Bá-lê-suy-mã

Còn chàng da trắng tuy không có người canh gác uy-nghiêm nhưng cũng là chúa-tể và chủ-nhân ở Bế-rang-đệ, mà cái oai quyền của chàng lại còn lan sang cả Bá-lê-suy-mã nữa.

Cái cách phát-biểu cái oai-quyền ấy lại là một cái kỷ-niệm đáng buồn cho Xi-lê, nên nó không muốn nhắc tới làm gì,

Chuyện ấy xẩy ra tự hồi nó còn chưa biết rõ tính tình người da trắng ra làm sao và họ đáng ghét đến thế nào.

Một lần nó đã can tội chứa chấp ba tên phu bỏ đồn điền trốn đi. Những tên phu này có bao nhiêu tiền của cho nó tất cả, để tạ cái ơn nó đã hứa giúp mình trở về Mã-lai-tạ.

Nhân thế nó tưởng rằng: nếu dùng Bá-lê-suy-mã làm một cái giây liên-lạc ám-muội cho đảo Ga-đa-ca-na (1) với đảo Mã-lai-tạ thì sau này tất có lợi to.

Nhưng không may, nó chưa biết cách xử trí của những người da trắng, cái cách ấy, chàng da trắng chủ ba tên phu kia, liền dạy cho nó biết ngay.

Mới sớm tinh xương nó đã trông thấy chàng Đa vít Xen-đôn đến trước cửa. Thoạt trông thấy chàng, nó lấy làm vui vẻ lắm. Nó tưởng là ngồi vững ở trong làng thì còn gì lo ngại! Nhưng một lát sau nó chưa kịp kêu cứu, thì chàng da trắng đã thụi ngay cho nó một quả vào mồm, làm cho nó nghẹn họng không kêu lên được nữa.

Một tay chàng da trắng túm ngay lấy tai nó, chàng túm chặt quá đến nỗi ngay từ lúc ấy nó ngất người đi

Đến khi tỉnh dậy nó đã thấy mình ở trên một chiếc thuyền đang bơi về Bế-rang-đệ.

Tới đó nó bị hành hạ đủ điều; nào là xích tay, nào là cùm chân. Mãi về sau dân làng đem nộp trả ba tên phu kia, bấy giờ nó mới được tha. Không những thế, nó lại còn phải nộp cho chàng da trắng một vạn quả dừa làm tiền phạt.

Tự đó nó không dám chứa - chấp những phu phen bất đắc-chí, muốn trở về Mã-lai-tạ.

Trái lại mỗi khi có dịp, nó lại bắt chúng đem về trả đồn điền. Thế chả khôn hơn ư! Vả lại cứ mỗi người phu bắt về trả nó lại được thưởng một hòm thuốc lá.

Tuy vậy, nếu có một ngày kia nó tìm cách bắt sống được chàng da trắng, nếu có một ngày kia chàng ốm, hoặc có một ngày kia nó đi lén được ở đằng sau lưng chàng, trong lúc chàng lững thững một mình ở trong rừng rậm mà chượt chân ngã nằm soài ra đất, thì có người sẽ bị mất đầu! Cái đầu ấy vô giá.

Ngay lúc ấy nó đến báo cho chàng da trắng biết một tin mừng. Tức là tên phu thứ bẩy trong bọn phu đi trốn đã bị bắt và đang chờ ở ngoài cửa.

Theo lệnh chàng da trắng, tên phu kia thấy dẫn vào, nét mặt nặng nề và có vẻ sợ hãi, cánh tay bị trói bằng thừng sơ dừa, mình mẩy đầy vết máu đã khô. Vết máu ấy là vết máu trong khi nó kháng cự với những người bắt nó.

Chàng da trắng thưởng cho tên Xi-lê cốc rượu nguyên và phán rằng:

— Ta biết mi là con người khá. Mi đã có đủ can đảm bắt nổi thằng mạt kiếp này là đứa lực lưỡng, vậy ta thưởng cho mi một hòm thuốc lá. Phải, ta thưởng cho mi tuốt cả hòm đấy; ngoài ra ta lại cho mi ngót sáu thước vải cát-bá và một con dao phạng lớn.

Hai thằng ở xuống kho lấy thuốc lá, dao và vải lên đưa cho tên đầu-mục làng Bá-lê-suy-mã, tên đầu-mục đỡ lấy đồ ngoại-thưởng, ậm ừ một tiếng tỏ ý muốn cho thế nào thì cho, rồi cùng tụi nó ra thuyền.

Chàng Xen-đôn sai đầy tớ trói cả chân tay tên phu vừa bị bắt vào một cái cột chân nhà. Rồi đến 11 giờ, khi bọn phu làm ở đồn điền về tầm, chàng cho chiêu-tập tất cả trong vườn, ngay trước mái hiên.

Những người phu nào khỏe mạnh đều có mặt. Bọn phu đứng làm hai hàng, chừng hai trăm người, không kể đàn bà con trẻ. Đàn bà con trẻ cũng phải sắp hàng như thế.

Ngoài những đồ trang điểm họ dùng theo lối cổ như: hạt trai, hạt vàng, ở tai và lỗ mũi, họ lại có đeo đầy những ghim, đinh, châm gài đầu, cán soong rỉ, khóa mở hộp đồ ăn, có kẻ lại gài dao con trên mái tóc soắn. Trên ngực một người da đen có đeo một cái quả đấm cửa bằng sứ; trên mỏ-ác một người khác lại có đeo một chiếc bánh xe đồng-hồ báo thức bằng đồng.

Chàng da trắng người còn ốm, tựa mình vào chiếc lan-can ngoài hiên nhìn xnống tụi phu da đen.

Lúc ấy bất cứ một đứa phu nào trong bọn ấy, cũng có thể chỉ búng tay một cái là đánh ngã chàng liền; rồi, súng ống mặc lòng, cả đám phu kia kéo ùa vào, thì chàng chỉ phút chốc là tan xương nát thịt.

Trong trái tim ung-độc của bọn phu, chứa toàn những mối thù oán, chỉ khát khao những chuyện sát nhân báo thù. Song, bọn vũ-phu này thiếu hẳn một cái đức-tính một cái đức-tính tối-cao của chàng da trắng, là: cái đức tự-cường, cái ngọn lửa cương-nghị không cái gì làm tắt được. Tuy thân thể vì tật bệnh ốm-yếu cũng mặc, ngọn lửa ấy lúc nào cũng sẵn sàng phun lên để nung, đốt tất cả những sự bực mình.

Chàng Xen-đôn thét to lên rằng:

— Bớ Na-ra-đa và Bi-ly, chúng bay đâu? Hai tên mọi tiến vào, ra vẻ ngần ngại cảu nhảu rồi đứng đợi đó.

Chàng đưa cho một tên mọi chiếc thìa khóa xích để nó ra cởi cho tên phu trốn bị bắt kia, và áp giải vào, rồi truyền rằng:

— Na-ra-đa và Bi-ly, hai bay dắt tên này ra treo cổ nó lên cái cây kia cho ta.

Giữa lúc hai thằng ấy thủng thỉnh phụng lệnh, bọn phu ở ngoài thì thầm tỏ ý bất hình, thì thằng Việt-bửu-ri chạy đi kiếm một cái roi bấy giờ chàng Xen-đôn dõng dạc nói cho chúng biết rằng:

(Kỳ sau sẽ tiếp)

(1) Ga-đa-ca-na là một hòn đảo trện hòn đảo ấy là Bê-rang-đệ

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

HÀ-LẠC-LÝ-SỐ

DƯỠNG - NGUYÊN - ĐƯỜNG

123, Phố-Khách — Nam-định

Một sự «*lấy số*» thịnh hành ở xã-hội ta đã lâu. Số *Tử-vi* thời những người hơi có biết chữ nho có thể lấy được. Số Hà-Lạc thời trừ phi người nào có học-vấn cao minh, tinh thấu về nghĩa lý trong kinh Dịch, không thể muốn học mà hay. Nay bản-đường muốn cùng chư Quí-vị trong xã-hội, rộng thêm đường giao du, ngoài **việc thuốc**, có mở thêm việc **lấy số Hà-Lạc**, thể-lệ như dưới :

1. — Sự lấy số thường đối với những vị nào muốn biết đại-lược về *số mạnh tốt xấu, niên thọ dài ngắn, vận hạn thăng trầm, họa phúc lành dữ*, của mình, thời bút-phí định là mỗi lá số : . . . . . **5$00**

2. — Vị nào muốn hỏi tường về hành-vận trong từng năm trước sau thời mỗi năm đnh thêm số phí là : . . . . . **1$00**

Vị nào ở gần, đến chơi Bản-Đường cùng nói truyện là nhất. Vị nào ở xa viết giấy về hỏi, xin chú ý kê rõ **năm, tháng, ngày, giờ** về khi sinh của mình, cần được sác-thực.

Thư tin gửi cho Bản-đường chủ-nhân : **Mr Nguyễn-xuân-Dương**.

Dưỡng-nguyên-đường quảng-cáo

MEUBLES DE STYLE

LAQUÉS ET MODERNES

devis franco sur demande

AU SELECT STYLE

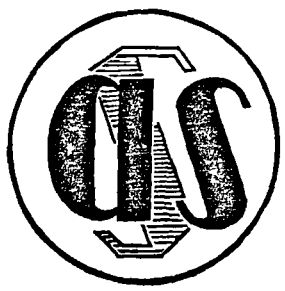

Dépôt légal :
Le 23 Janvier 1932
L'Administrateur-Gérant

13, Rue Rondony, 13

HANOI — TONKIN

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

NĂM TÂN-VỊ
SỐ 27

30 JANVIER 1932
GIÁ 0$10

AN-NAM TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU *Administrateur :* NGÔ-THÚC-ĐỊCH

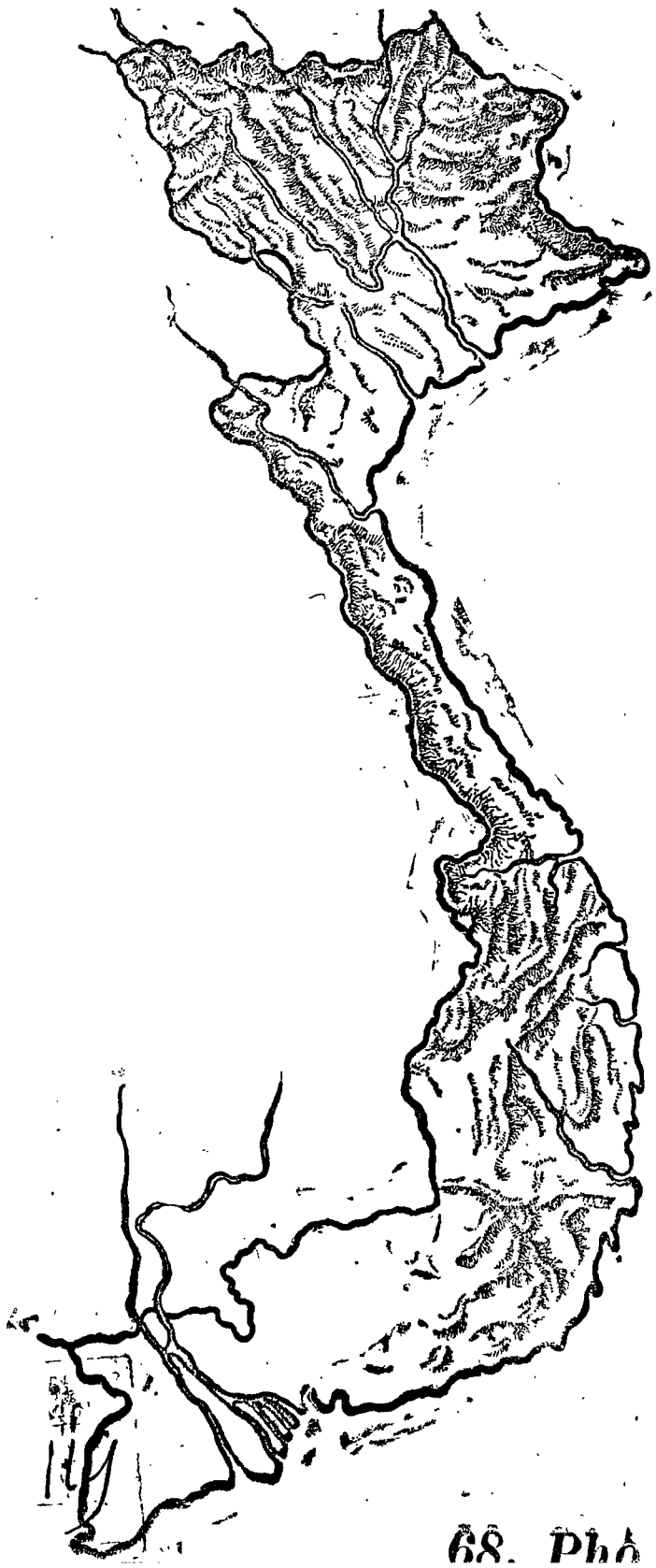

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Tại sao kinh-tế thế-giới đến nay cũng chưa hồi-phục ?
Xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán.
Cũng nên để ý đến bạn thân nước Đức.
Cách tổ-chức một tờ báo lớn ở Pháp.

Thư ngỏ cùng người có quen biết (thư dản).
Thơ. — Hát nói. — Câu đối. — Văn-tế. (tập Kiều).

Thời sự trong ngoài.
Dạy pháp-luật cho dân cũng là một cách trừ nạn hối-lộ.

Con sông Mang..... nước chảy lững lờ (đoản-thiên).
Đâu có lạ-lùng! (Trường-thiên).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO

68, Phố hàng [illegible] — Hanoi

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay, và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

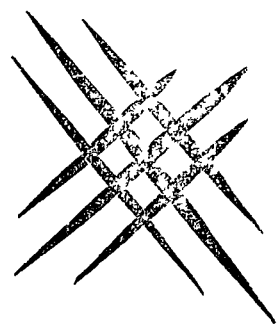

Trừ ra mấy chỗ đặc-biệt, báo gửi tặng lẻ đến kỳ rày là thôi. Vậy ngài nào sẵn lòng nhận mua báo, xin cho biết ngay, để tiện gửi số tiếp.

☆☆☆

Nhân dịp tết Nguyên-đán ta, Bản-chí nghỉ một kỳ, số tiếp sau ra vào ngày mồng 8 tháng Giêng, sẽ là một số đặc-biệt, in mùi, có nhiều tranh ảnh và văn thơ Xuân.

A. N. T. C.

TẠI SAO NỀN KINH-TẾ THẾ-GIỚI ĐẾN NAY CŨNG CHỬA HỒI-PHỤC ?

Theo sự kinh-nghiệm của các nhà nghiên-cứu khoa kinh-tế học, cái đặc-tính các cuộc khủng-hoảng trong nền kinh-tế, là sự tuần-hoàn. Gần một thế-kỷ nay, tình-hình kinh-tế khắp các nước trên thế-giới, mà nhất là ở các nước Âu, Mỹ, trải một thời-kỳ thịnh-vượng, lại đến một thời-kỳ khủng-hoảng. Hai thời-kỳ ấy cứ theo đuổi nhau, trong khoảng tấp-tểnh trên dưới mười năm, gần như cái động-lực tự-nhiên đi đi lại lại của quả-lắc đồng-hồ vậy.

Cái hiện-tượng ấy, cũng không có gì đáng lấy làm lạ. Từ trước đến nay, cái guồng máy kinh-tế có khi chạy nhanh đến nỗi làm cho ta nghĩ đến mà chóng mày chóng mặt, nhưng sở dĩ không vượt qua ra ngoài tốc-độ hữu-hạn, là nhờ ở cái «định-lệ cung cầu» (loi de l'offre et de la demande) làm cái máy điều-hòa. Vì các sự cơ-khí phát-minh, giao-thông tiện-lợi, tình-hình kinh-tế, đâu đâu cũng thấy có vẻ hưng-vượng. Bấy giờ các nhà tư-bản mới sô nhau chung phần góp vốn, chế-tạo ra các hóa-vật mới lạ, để chiều đón cái sự nhu-dụng của mọi người

Về phía bên kia thị-trường, các nhà tiêu-thụ cũng vì cái tấm lòng ưa mới, mà đua nhau chuốc lấy các hóa-vật mới lạ ấy. Lúc ban đầu, bên « cung » chưa theo kịp bên « cầu », thì tất-nhiên các hóa-vật bán được giá ; mà các nhà sản-xuất được hưởng nhiều lợi. Thấy có lợi thì sô nhau vào, đó là cái tính giời sinh của các nhà tư-bản, hóa-vật vì đấy sản-xuất ra một ngày một nhiều. Nhưng ngặt vì về bên các người tiêu-thụ, những người muốn tiêu-dùng tuy cũng vẫn một ngày một tăng, nhưng các người có thể mua dùng được, thì có phần lại một ngày một kém, bởi vì công nghệ càng phát-đạt, đồ hàng ứ lên . . . . . Lúc đó là lúc bên « cung » nặng hơn bên « cầu », mà cái mực thăng-bằng của cán cân kinh-tế tất bị nghiêng-lệch. Hàng-hóa chế-tạo ra mà không có người mua, tất phải ế, ế tất phải bán hạ giá xuống Lại vì sự chế-tạo bằng cơ-khí không phải mỗi lúc mà dừng lại được, cho nên hàng tuy ế, giá tuy hạ, mà việc sản-xuất, vẫn cứ phải theo đuổi hoài Hạ mãi, hạ mãi, rồi một vài nhà máy đóng cửa, rồi các nhà công-nghệ đua nhau cáo-cùng, thế là bên sản-xuất bị nghẽn lại. Bên kia thị-trường, các nhà tiêu thụ, lại vì các hóa-vật sút giá, mà cái quyền mua (pouvoir d'achat) thấy nới rộng ra. Người mua mỗi ngày một tăng lên, các hóa-vật ế, còn đọng lại ngày một bán chạy, thế là dần dần bên « cầu » lại vượt qua bên « cung », hàng-hóa lại dần dần tăng giá, các nhà chế-tạo lại dần dần sô nhau vào làm việc, mà nền kinh-tế lại khôi-phục lại cái vẻ thịnh-vượng khi trước.

Đó đại-khái công-dụng cái «định-lệ cung cầu» nhờ đấy mà nền kinh-tế, bấy lâu nay, tuy nhiều phen khủng-hoảng cũng không đến nỗi bại-trụy hẳn. Nay ta thử xét xem cái định-lệ ấy, vì sao đối với cuộc khủng-hoảng hiện thời, lại hình như thành ra bất-hiệu ?

Thật vậy, tình-hình kinh-tế trên thế-giới, ngắc-ngoải đã gần hai năm nay, đến nay trông chừng không những chưa có cơ hồi-phục, lại còn một ngày một thêm trầm-trọng. Hãy xem ngay tình-cảnh riêng trong nước ta. Hiện nay các công việc công thương, đâu đâu cũng thấy có vẻ hững-hờ vắng-vẻ. Trong các nơi thành-thị, không kể biết bao nhà công-nghệ thương-mại đã lục-tục theo nhau cáo-cùng phá-sản, ngay các nhà còn đứng lại được, tuy nay « bán hạ giá » mai lại «đặc-biệt đại giảm-giá» mà trước cửa hàng trông vẫn

vắng teo. Còn ở nơi thôn-quê, thóc lúa tuy sẵn-sàng, mà đồng tiền thì hình như vẫn «nạy không đâu ra», cho nên mấy năm trước đây, vào độ này, đương tấp nập lo tết đợi tết, để được nghỉ ngơi bù lại cái công phu bồ-hôi nước-mắt trong xuốt một năm, mà năm nay đến đâu cũng thấy nhăn nhó về tết; bây giờ giá có ai xướng ra việc bỏ tết, chắc con cháu nhà Nam ta điều vui lòng biểu đồng tình. Trên đến chính-phủ, tuy đã thực-hành các chính-sách tiết-kiệm, mà cái lỗ-thủng ở trong ngân-sách trừ bị, cũng vẫn chưa hàn lại được. Gần thì vậy, xa thì sao?

Nói đến tình-hình kinh-tế hiện tại bên Âu, Mỹ, tôi xin trích dịch một đoạn sau này của một tờ báo bên Pháp: «*Từ khi khắp các thị-trường, đâu đâu các hóa vật cũng bị sụt giá, cái số tài-sản của thế-giới bị thiệt hại, làm cho ta nghĩ đến mà choáng óc. Trong một năm, số tổng-cộng các thị-hóa giao-dịch ở một thành Nữu-ước, đã từ 89 nghìn, sụt xuống đến 32 nghìn triệu, nghĩa là kém mất đứt 67 nghìn-triệu Mỹ-kim, tức là 1.450 nghìn triệu quan tiền tây. Cứ theo đấy mà tính phác ra đến cả các thị-trường lớn khác, ta sẽ biết rằng đại-khái trong một năm, cả thế-giới thiệt mất 3 triệu-triệu tiền vốn và 63 nghìn triệu tiền lãi. Ở Ba-lê, thời-giá cổ-phiếu các công-ty chắc chắn nhất cũng sụt mất 3 phần 5, còn các cổ phiếu tầm-thường, thì có cái sụt xuống mất 3 phần 4, hoặc 9 phần 10. Suốt các hóa-vật, thứ gì cũng bị sụt giá, từ các của bất-động-sản như nhà, cửa, ruộng đất, đồn-điền, mỏ, cho đến các động-sản, như kim-cương, các đồ mỹ-thuật. Trong nhiều khi và ở nhiều nước, sự sụt giá lây cả đến lương-bổng các người làm việc và công lênh các thợ-thuyền. Cái quyền-mua của dân chúng, thì hoặc vì các trái phiếu và các cổ phiếu mất giá, hoặc vì công lương giảm bớt, hoặc vì nạn thất nghiệp, mà bị thu hẹp lại. Tóm lại, chỉ trừ một số ít kẻ biết đầu-cơ đón lấy sự sụt giá ấy, còn gần hết mọi người, ai ai cũng bị khủng-hoảng cả. Vì thế mà gần hết mọi người, ai ai cũng phải thắt túi lại và tỉnh giảm cái cách sinh-hoạt tiêu-dụng hàng ngày đi.*

Nhưng, mọi người ai cũng giảm bớt sự chi-phí mặc lòng, riêng các quốc-gia (Etat) hình như lại hoang-toàng vung-phí hơn trước. Trông thế, có khác gì cái cảnh-tượng một con sâu ký-sinh ăn hại, chỉ nhờ sự khốn-quẫn chung mà ngày một béo đầy thêm. Mà cái cảnh-tượng ấy là một cái cảnh-tượng vô nhân-đạo! (le spectacle immoral d'un parasite s'engraissant de la misère commune). Ấy có lẽ cũng vì sự vô-lý ấy, nên cuộc khủng-hoảng mới dai-dẳng một cách thất-thường đến bây giờ.»

Xem vậy, sự kinh-nghiệm của các nhà kinh-tế-học hoặc còn có chỗ chưa đến chăng? Hay vì nhẽ gì đặc-biệt, mà cái định-lệ «cung cầu liên - lạc», không đủ thế-lực để bổ-cứu cái tình-hình kinh-tế hiện-thời chăng?

Cứ bình-thường ra, mỗi khi các nhà thương-mại gặp phải lúc tài - chính quẫn - bách, tất bán hạ giá để cho chạy các hàng đọng, mà sự hàng-hóa bán hạ giá tất làm nẩy ra các người mua. Phần tiêu-thụ vì đấy ngày một tăng lên: nhưng muốn cho cái «định-lệ cung-cầu» được lưu-động nhanh-chóng như thế tất hai cái cốt-yếu ở trong định lệ ấy là: *thị-giá* các hóa-vật và *quyền-mua* của các người tiêu-thụ, cũng phải tăng lên rút xuống nhanh chóng như thế mới được. Nay ta nhìn đến nền kinh-tế hiện-thời, thì tình-thế hai cái cốt-yếu ấy có phần khác hẳn khi trước.

Về thời-đại các nhà kinh-tế đã khám phá ra cái «định lệ cung cầu», các phí-khoản làm bằng cứ cho sự lập-định thị-giá các hóa - vật còn đơn - giản lắm. Thuế má nhẹ, tạp-phí ít, thị-giá một thứ hàng-hóa, so với thị-giá các nguyên-liệu dùng vào việc chế - tạo ra hàng - hóa ấy, sê sếch cũng không chênh nhau mấy. Cho nên mỗi khi hàng ế các chủ buôn có thể hạ-giá cho đúng với quyền mua của đại-đa-số nhân chúng, mà vẫn không đến lỗ-vốn quá, hoặc còn có lời. Nhờ đấy, tùy tình hình trên thị-diện, thị-giá các hóa-vật tăng lên rút xuống cũng dễ, mà cái mực thăng - bằng cũng chóng hồi-phục lại. Hiện nay, trong sự định ra thị-giá các hóa-vật, cái phần thuế-khóa phải nộp cho nhà nước, chiếm một phần rất lớn; cái phần ấy không phải ở quyền các nhà chế-tạo và các nhà thương-mại có thể tự mình giảm bớt đi được. Cứ theo thời giá các hóa-

vật bán cho các người tiêu-thụ thì nguyên-giá vật-liệu chỉ chiếm một phần cỏn con mà thôi. Ví dụ như một trăm cân *bánh mì*, giá bán là 157 quan, đã trừ đi 80 quan tiền thuế thương-chánh là phần quan trọng nhất. Ngoài ra lại còn tiền thuế số xuất-nhập của cửa hàng, thuế lợi tức của người chủ, thuế giao-thông xuất-cảng nhập cảng, thì ra giá cái bột dùng để làm bánh, chỉ đáng một phần ba, hoặc một phần tư giá bánh thôi. Cứ bằng ở đấy mà suy ra, các thứ hàng-hóa khác, như vải, đường, muối, rượu, v...v... cũng là các đồ chế-tạo khác, đủ biết trong thị-giá các hóa-vật bây giờ, có một phần lớn không thể rút đi được, cái phần ấy là phần của nhà nước. Mà các khoản công-nhu của nhà nước thì chỉ một ngày có tăng không giảm, thành ra sự sản-xuất bị gánh vác nặng quá, hàng-hóa mới không có thể hạ giá xuống cho ngang với quyền mua của phần nhiều người tiêu-thụ, mà bên « cầu » mới không thấy ngày một nâng lên được.

Về bên các người tiêu-thụ, là cái cốt-yếu thứ hai trong định-lệ đã nói trên, cái quang-cảnh bây giờ cũng khác hẳn trước. Đương lúc bắt đầu vào thời đại cơ-khí, cái tài-sản riêng của phần đông từng người không đến nỗi eo-hẹp quá. Bởi thế, cái quyền mua của đại-đa-số nhân-loại cũng còn rộng rãi, các người tiêu-thụ cũng dễ nảy ra ở trong đám bình-dân. Hiện nay ở bên Âu, Mỹ mỗi nước tính ra có đến mười triệu người thất-nghiệp, thì hỏi hàng hóa tuy có bán hạ-giá chăng nữa, những người tiêu-thụ kiếm ở đâu ra ? Đối với các anh cu-ly xe, các bác phu-gạo, các tay «cùng vô sở-xuất» ở thôn-quê ta, — mà các hạng ấy vì khủng-hoảng lại nảy ra nhiều, — thì gấm-vóc tơ lụa, sì-gà sâm banh, tuy có cho không nữa, chắc đâu đã có người tiêu-thụ !

Tình-hình kinh-tế thế-giới sở dĩ triền-miên mãi đến bây giờ là vì thế. Cái «định-lệ cung cầu» sở dĩ không cứu-chữa lại được, cái cuộc khủng hoảng bây giờ cũng vì thế !

Nay muốn cho « cái định-lệ cung cầu » ấy lại khôi-phục được cái công-dụng mầu-nhiệm khi xưa, ta trông ở cái lòng ưa hòa-bình của các dân-tộc trên thế-giới, ta lại trông ở tấm lòng bác-ái của các nhà từ-thiện và các nhà phục-tùng chủ-nghĩa xã-hội. Các dân-tộc trọng hòa-bình, tức là các quốc-gia giảm được một phần to trong sổ chi-tiêu về khoản võ-bị, sổ chi-thu bớt được một khoản chi-phí vô ích, tức là các người phải nộp thuế cũng nhẹ được một phần gánh vác đi. Như vậy, tức là giúp cho các nhà chế-tạo, các nhà thương-mại có thể hạ hẳn giá các hàng-hóa xuống cho ngang với cái quyền mua thật thấp của các người tiêu-thụ. Nhưng thế cũng chưa đủ, ta còn mong ở các nhà từ-thiện, các nhà xã-hội, mau mau trù-liệu phương-pháp, cứu vớt các nạn thất-nghiệp, thì một phần to nhân-loại, mới thoát-ly ra khỏi vòng cùng-khốn, mà cùng nhau chia sẻ cái hạnh-phúc sinh-hoạt ở đời.

Hai điều ước-vọng ấy có thực-hiện, thì cái cảnh quẫn-bách khủng-hoảng bây giờ mới mong có ngày liễu-kết.

Ngô-thúc-Địch

Nữ-lưu Bắc-kỳ vào dự cuộc đấu-xảo Nữ-Công Huế.
cl. A. N.

XÉT VỀ CÁCH DÙNG CHỮ ĐẶT CÂU TRONG SỰ HỌC CHỮ HÁN

Địa-vị chữ Hán ở trong sự học của ta ngày nay, phần nhiều người trong quốc-dân đã rõ. Nay xét về cách *dùng chữ đặt câu* trong sự học thứ chữ ấy, mong có giúp các người sơ-học được đôi chút. Chỗ nào sai lẫn, xin Thức-giả chính cho.

Phàm mỗi thứ chữ, đều có văn-pháp riêng, tức là cách dùng chữ đặt câu. Nếu cách dùng chữ đặt câu mà không tường, thời sự học khó mong cho chóng biết. Người nước ta xưa kia học chữ Hán, thường có người học mãi đến già cũng không thông, chính vì cớ ấy. Hiện nay các bạn thanh-niên trong Pháp-học, ai có muốn học thêm về chữ Hán, cho được hiểu văn-nghĩa, thì giờ nguyên đã rất ít, nếu lại không nhận xét về cách dùng chữ đặt câu nữa, thời còn mong thông hiểu được bao. Vậy nên tôi có bài xét đây, cũng mong các anh em chú-ý vậy.

Cách dùng chữ đặt câu, ở chữ Hán là *văn-pháp*(文法), tức ở chữ Pháp là *grammaire*. Nay mượn *grammaire* bên chữ Pháp, để nói về chữ Hán.

Mỗi thứ chữ đều có văn-pháp riêng, mà tính-cách của từng chữ thời đại-lược lại đều có giống nhau, cho nên có thể mượn *grammaire* bên chữ Pháp để giải về chữ Hán. Trong sự làm như thế, cần đem hai thứ chữ so sánh, cho biết chỗ cùng nhau, biết chỗ khác nhau. Biết như vậy thời biết cách dùng chữ đặt câu. Đã biết cách dùng chữ đặt câu, thời văn-nghĩa tự khắc dễ hiểu. Sự xét đây là truyên vì các bạn thanh-niên trong Pháp-học những ai muốn học thêm về chữ Hán, cho nên về sự giải nghĩa, làm như thế là tiện; lại theo tiện-nghi, cứ nguyên-văn chữ Pháp khiến dùng các chữ chia mối trong *grammaire*.

Các mối chữ trong *grammaire* của Pháp-văn, không cứ thứ văn-tự nào, nhận ra đều cũng có đủ cả; đó là cái chỗ cùng giống nhau. Còn như cái chỗ khác nhau, thời chữ Pháp có thay đổi, mà chữ Hán không thay đổi. Nay trước nói về chữ Pháp, để chiếu sang chữ Hán.

*
* *

Trong chữ Pháp có *năm* mối chữ có thay đổi, số *nhiều* số *ít*, giống *đực* giống *cái*, phần *ta* phần *người*, khi *sau* khi *trước*, tùy theo nghĩa mà chữ viết đổi khác. Những mối chữ ấy, ở chữ Hán thời không có thay đổi khi nào; không cứ nghĩa thế nào mà chữ viết duy chỉ như một. Nay đem chỗ khác nhau ấy của hai thứ chữ, so sánh như dưới:

1). Nói về mối chữ *Nom* — Ở chữ Pháp, *nom commun*: *Mon père*, ông bố tôi : *leurs pères*, những ông bố của các người ấy. *Ma mère*, bà mẹ tôi ; *vos mères*, những bà thân-sinh của các ông. — Ở chữ Hán : 哀哀父母o生我劬勞o *Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao*. Xót thương cha mẹ, đẻ ra ta nhọc-nhằn. (1) 遂令天下父母心不重生男重生女 *Tuy linh thiên hạ phụ mẫu tâm, bất trọng sinh nam trọng sinh nữ*. Bèn khiến cho cái lòng của các người bố mẹ trong thiên-hạ, không chuộng sinh con giai mà chuộng sinh con gái.(2)

Hai chữa 父母, số ít số nhiều, nghĩa có khác nhau, mà chữ viết không khác.

2) Nói về mối chữ *verbe*. — Ở chữ Pháp, *verbe neutre: Depuis quand es-tu venu ?* Anh lại đây từ bao giờ ? *Il viendra demain vous voir*. Ngày mai hắn sẽ lại thăm ông. — Ở chữ Hán : 子來幾日矣o *Tử lai kỷ nhật hỹ*. Anh lại đây đã mấy ngày rồi?(3) 曹公雖來亦能 也 *Tào công tuy lai, vô năng vi dã*. Ông họ Tào (Tào-Tháo) dầu có lai, cũng không làm gì được. (4) Chữ 來, thì giờ sau trước, ý có khác nhau, mà chữ viết không đổi khác.

3) Nói về mối chữ *Adjectif*.— Ở chữ Pháp : *adjetif qualificatif* : *Un petit garçon*, một người con giai bé; *les petites filles*, những người con gái bé.— Ở chữ Hán: 小娃撐艇o偷採白蓮回o *Tiểu nhai sanh tiểu đĩnh, thâu thái bạch liên hồi*. Người con gái đẹp bé nhỏ đánh cái thuyền con, đi hái trộm xen trắng đem về. (5) 彗彼小星三五在東 *Tuệ bỉ tiểu tinh, tam ngũ tại đông*. Nhấp nhánh ngôi sao bé, ba ngôi năm ngôi ở về phía đông. (6) Chữ 東, số ít, số nhiều, nghĩa có khác nhau, mà chữ viết không khác.

4) Nói về mối chữ *Pronom* — Ở chữ Pháp. *pronom personnel: je*, tôi, ta; *tu*, anh, mày; *il, elle*, nó kẻ ấy, người ấy, *Nous*, chúng tôi, chúng ta, chúng tao; *vous*, các anh, các ông, chúng bay; *ils, elles*, chúng nó, những người ấy, các ông ấy, các bà ấy. Ở chữ Hán: 我 *ngã*, ta, tôi, tao, 爾 *nhĩ*, mày; 君 *quân*, anh, ông, 公 *công*, ông; 彼 *bỉ*, nó, kẻ người ấy, ông ấy, bà ấy. Nói về số nhiều thời thường thêm một chữ ở dưới, như 我等 *ngã đẳng*, lũ chúng ta, chúng tôi, chúng tao; 爾曹 *nhĩ tào*, bọn chúng bay; 君輩 *quân bối*, lũ các anh; 公等 *công đẳng*, bọn các ông; 彼輩 *bỉ bối*, lũ chúng nó. Lại thường khi thêm một chữ ở trên, như *chư quân*, 諸君 các anh, các ông; các người ấy. 諸公 *chư công* các ông. Lại có khi không thêm chữ gì ở trên dưới, mà cũng là nói về số nhiều. 何事張皇o彼自來送死耳o *Hà sự trương-hoàng, bỉ tự lai tống tử nhĩ*. Việc gì mà trương-hoàng! chúng nó chỉ tự đến để nộp sác! (7) Chữ 彼 *bỉ* đó cũng là ý nói về số nhiều, mà không cần phải có chữ gì ở trên dưới. Còn như những chữ 我, chữ 爾, chữ 君 chữ 公, chữ 彼, thời bao giờ mặt chữ cũng chỉ viết như thế, không có thay đổi.

5) Nói về mối chữ *Article*. — Hai thứ *article défini* và *article partitif*, trong chữ Hán ít khi thấy dùng,

1. Câu trong kinh Thi, về thư *Lục-nga* trong Tiểu-nhã. 2. Hai câu ở trong bài *Trường-hận-ca* của ông Bạch-cư-Dị người đời Đường. 3. Câu trong sách *Mạnh-tử*, lời ông *Mạnh* hỏi Nhạc-chính-tử. 4. Câu trong *sử Tàu*, lời ông *Lưu-Bị*, 5. Câu trong Đường-thi. 6. Câu trong kinh *Thi*, về thơ *Tiểu-tinh* trong Thiệu-nam. 7. Lời vua *Quang-trung* trong sử ta. Ngô-văn-Sở giữ thành Bắc-hà, cấp cáo về thanh-thế quân Thanh sang đánh, Vua Quang-trung nói như vậy.

mà có lẽ là không có. *Article indéfini;* ở chữ Pháp: *un homme*, một ng. đàn ông; *une femme*, một người đàn bà. — Ở chữ Hán - 夫不獲則曰時予之辜o *Nhất phu bất hoạch, tắc viết thời dư, chi cô.* Nếu có một thằng dân nào không được yên thỏa, thời (*ông Y-Doãn*) nói rằng: ấy là cái tội của ta (8). 有美一人o 美如之何o *Hữu mỹ nhất nhân, thưởng như chi hà.* Có một người xinh đẹp, ngùi thương nhường bao. (9) Chữ —, nói về giống đực giống cái có khác nhau, mà chữ viết không có đổi khác.

Cứ năm mối chữ có thay đổi ở chữ Pháp, chiếu sang chữ Hán, đại-khái có khác nhau như thế. Nay lại xét về mối chữ nọ với mối chữ kia, biến thiên thông dụng, hai thứ chữ khác nhau như sao.

Ở chữ Pháp, *nom* là *nom*, *verbe* là *verbe*. Mối chữ *nom* không thể dùng làm *verbe*. Nếu theo nghĩa như chữ ấy trong mối *nom* mà là chữ *verbe*, thời chữ viết phải khác. *Sabre*, gươm, thanh gươm; *sabrer*, đâm. *Incendie*, sự cháy nhà, *incendier*, đốt cho cháy.— Ở chữ Hán: 兵 *binh*, gươm, thanh gươm. 士兵之 *sĩ binh chi*, quân lính đâm nó đi (10). 火 *Hỏa*, lửa. 火其廬 *hỏa kỳ lư*, đốt nhà nó đi (11). 波 *Ba*, sóng; 輦 *liễn*, cái xe. 波任郎o 使西施o *Ba ngũ-tướng, liễn Tây-thi*; vất ông Ngũ-tướng xuống sóng, xe nàng Tây-thi về. (12). Chữ *binh*, chữ *hỏa*, chữ *ba*, chữ *liễn* trong mấy câu đó, đều là *nom* dùng làm *verbe*, mà chữ viết không đổi khác.

Đó là nói về *nom commun*. — Lại như *nom propre*, có khi cũng dùng làm *verbe* 爾欲吳王乎 *Nhĩ dục Ngô vương ngã hồ.* Mày muốn vua Ngô ta chăng? Tức là nói «mày muốn giết ta chăng?» (13). Hai chữ *vua Ngô* đó, là *nom propre* mà dùng làm *verbe*. Song như câu đó ít thấy, có lẽ không phải là văn-pháp thông thường.

Ở chữ Pháp: *adjectif* là *adjectif*, *adverbe* là *adverbe*. *Adjectif* không thông dùng làm *adverbe*. Nếu theo nghĩa như chữ ấy trong mối *adjectif* mà là *verbe* thời chữ viết phải khác. *Lointaine*, *lointain* (*adj. qualificatif*) *Loin*, xa, (*adv. de lieu*).

— Ở chữ Hán: 遠 *viễn*, xa; thường dùng về nghĩa (*adj. qualificatif*) 黃河清上白雲門 *Hoàng-hà viễn thượng bạch vân gian.* Sông Hoàng-hà xa thông lên tận khoảng mây trắng (14). Chữ *viễn* đó lại là *adverbe*, mà chữ viết không đổi khác

Trong chữ Hán, các mối chữ thông dùng sang nhau rất nhiều. Như chữ 小 *tiểu* là nhỏ, nghĩa thường dùng cũng là *adj. qual.* 孔子登東山而小魯o登泰山小天下 *Khổng-tử đăng Đông-sơn nhi tiểu Lỗ; đăng Thái-sơn nhi tiểu thiên-hạ.* Đức Khổng chèo lên núi Đông-sơn mà coi nhỏ nước Lỗ; lên núi Thái-sơn mà coi nhỏ trong thiên-hạ (15). những chữ *tiểu* trong câu đó lại là *verbe*, mà chữ viết cũng không đổi khác.

*
* *

Ở chữ Pháp có tất cả *chín* mối và các giấu để chấm câu, *les signes de ponctuation*. Ở chữ Hán có hơn một mối chữ nữa, là *mười*; mà mối chữ thứ mười nhiều hơn bên chữ Pháp đó, cũng tức như các giấu chấm câu ở chữ Pháp. Các chữ thuộc về mối ấy là:

者 Giả	乎 Hồ	耳 Nhĩ
也 *Dã*	哉 *Tai*	云 *Vân*
矣 *Hữ*	焉 *Iên*	然 *nhiên*
已 *Dĩ*	與 *Dư*	兮 *Hề*
歟 *Ru*	爾 *nhĩ*	

Những chữ trên đây, người nước ta từ xưa học chữ Hán vẫn chỉ có mấy tiếng để đọc nghĩa, là:

Ấy, vậy, vậy thay! Vậy ru, Vậy ôi!

Như thế, nghĩ sao đủ tỏ rõ được ý-nghĩa. Nay nhân các giấu chấm câu bên chữ Pháp, chiếu xem các chữ thuộc về mỗi chữ ấy ở chữ Hán.

Ở chữ pháp, giấu chấm đánh về sự hỏi (?) *point d'interrogation*.

Giấu chấm đánh hết nghĩa câu:

(.) *un point*.

Giấu chấm đánh tỏ ý ngợi khen, ngậm ngùi, quái lạ, tức giận:

(!) *Point d'exclamation*.

Giấu chấm đánh dừng hơi câu:

(,) *Virgule*

Giấu chấm đánh dừng mạch câu:

(;) *Point virgule*

Giấu hai chấm để dẫn bạch nhời nói sau, hoặc việc kể ra sau:

(:) deux points

Tất cả có sáu thứ giấu để đánh về sự chấm câu, rất là đơn dản minh bạch.

Ở chữ Hán, các chữ dùng làm giấu chấm câu đó, mỗi chữ đều có ý-nhị riêng, mà một chữ lại thường kiêm có bao nhiêu sự trỏ ý. Lại thường khi hai chữ, ba chữ đặt luôn nhau, thực rất là phức-tạp. Lại thường có nhiều khi những chữ ấy đặt ở đầu câu, cuối câu, hoặc lẫn vào giữa câu, mà có đứng một nghĩa riêng, cũng như các mối chữ khác, chớ không phải là cái giấu chấm câu. Như thế, thực càng rất là khó nhận. Cho nên sự học chữ Hán, muốn được thông hiểu văn-nghĩa, phải tốn thì-giờ hơn sự học chữ Pháp, thực cũng ở chỗ đó một phần nhiều.

*
* *

Bài đây tuy gọi là « xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán »; song chỉ mới là bài nói đầu, để các bạn thanh-niên trong Pháp-học ta biết qua rằng chữ Hán với chữ Pháp đem chiếu nhau, thời đại-lược có những chỗ khác nhau như thế. Sau đây, tôi sẽ xin có không biết bao nhiêu bài « *thực xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán* », để gọn là: «Hán văn dẫn-giải», mượn grammaire bên chữ Pháp để *trứng dẫn từng nghĩa, giải thích từng chữ* trong Hán-văn. Sự làm đó được phần nào, hay phần ấy, trộm kể là một phần việc trong công việc văn-học, nhờ cuốn An-nam tạp-chí, làm duyên cùng các bạn thanh-niên. Song tiếc rằng ở chữ Hán từ xưa không có quyển văn-pháp (grammaire), mà về chữ Pháp thời tôi không hiểu được là bao, cho nên việc làm chỉ cứ làm, muốn cho có thực-ích đến đồng-bang, tất phải nhờ các bực cao-minh trong quốc-dân, Pháp-văn Hán-văn cùng tinh thông, tường xét mà bổ-chính cho vậy.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

8. Câu trong kinh *Thư*, thiên *Duyệt-mạnh-hạ*. 9. Câu trong kinh *Thi*, về thơ *Trạch-bi* ở Trần-phong. 10. Câu trong *Tả-truyện*, lời đức *Khổng*. 11. Câu trong bài *Nguyên-đạo* của Hàn-Dũ. 12. Câu trong Đường-phú, bài « *Câu-liên tiễn Tây-thi* ». 13. Câu này trong *Tả-truyện*, lời của *Công-nhược-Diều*. Nguyên xưa vua nước Ngô, tên là Liêu, bị thích-khách là Truyên-Chư dùng gươm đâm giết chết. Công-nhược-Diều là quan nước Lỗ sau đời ấy ít lâu), một hôm đương ngồi trong chốn triều, thấy có kẻ đưa gươm cho xem mà đưa đằng lưỡi; biết rằng kẻ đó định hại mình, cho nên rật mình mà nói như thế. Ý câu nói là mượn hai tiếng « *vua Ngô* » thay làm tiếng *giết* hoặc tiếng *đâm* vậy. Nhưng câu đó thực ít thấy. — 14. Câu trong *Đường-thi*. 15. Câu trong sách *Mạnh-tử*, lời ông Mạnh.

BÊN KIA DẢY NÚI OURALS

CỦNG NÊN ĐỂ Ý ĐẾN BẠN THÂN NƯỚC ĐỨC

Thế-kỷ này có lẽ là thế-kỷ chiến tranh. Bên phía trời Tây, cuộc đạn lửa Đại-chiến hơn mười năm trước tuy đã tàn song hãy còn lờ-đờ bốc khói, mà bên bờ bể Đông đã thấy rầm-rầm rộ-rộ, ngất giời sát-khí, người ta đương lo một kỳ « Đại-chiến thứ hai». Mở tờ báo chỉ thấy những chuyện «tài binh», «hòa-bình», thế-giới ước-ao được an-cư lạc-nghiệp.

Nhưng nước nào cũng nói «hòa bình», mà nước nào cũng muốn giữ phần hơn. Nước này muốn giữ phần hơn, muốn gồm nuốt láng-giềng, tất nước khác phải lo chịu phần kém, phải mưu thủ thế. Các ông sói chán ngồi trong phòng thí-nghiệm hì-hục pha thuốc độc, các ông dắt kiếm ngoài sa-trường hò-hét luyện quân-binh, rút lại nước nào cũng giữ nhau như miếng mộc.

Kỳ trước, trên tờ báo này đã có dịp nói về nước Đức, một cái mầm họa cho thế-giới hòa-bình. Nhưng nếu cái họa ấy một ngày kia có nảy-nở ra, thì nước nào phải chịu nặng nhất? Chẳng nói, ai cũng kể được nước Pháp mà hòa-ước Versaille đã để lại cho nước Đức một mối tử-thù. Hai nữa là nước Ba-Lan (Pologne) đã tách ở Đức ra sau hồi Đại-chiến. Nước Ba-Lan bị chết chẹt trong hai ông láng-giềng «qui-hóa», hai ông láng giềng ấy bây giờ lại đương kết mối tình thân. Nguy-hiểm đến sau lưng, Ba-Lan điên người, đưa mắt nhìn ngay sang nước Pháp. Bởi vậy ở Âu-châu mới có cái vấn-đề «Ba-lan—Pháp-Lan-Tây thân-thiện»(Alliance Polono-Française) Muốn cho thêm rõ, chi bằng tôi để lời cho ông đại-tướng Sikorski, nguyên Thủ-tướng và chiến-tranh bộ Tổng-trưởng nước Ba-Lan. Ông nêu cái đầu-đề «Nên đề-phòng nước Nga!» mà viết thành một bài đại-luận rất rõ-ràng, tha-thiết:

«Chúng ta hẳn ai cũng biết cái hiểm-tượng gây nên bởi bọn Cộng-sản, vì khắp bốn mặt, ta thấy đảng Cộng hết sức cổ-động cuộc cách-mệnh. Nhưng tôi dám chắc không ai hiểu rõ được cái hiểm-tượng ấy quan-trọng đến nhường nào và không mấy ai có định-kiến sác-đáng về việc Đức—Nga thân-thiện.

Đã 11 năm, Đức Nga ký một tờ hiệp-ước ở Rapallo, hiệp-ước tuy vẫn có tính-cách kinh-tế, mà lại có nhiều mật-khoản về vấn-đề binh-bị, khiến cho một số đông người Đức coi đó như bản «hiệp-ước báo-thù».

Một tay yếu-nhân đã ký bản hiệp-ước ấy, hầu-tước Brockdorff-Rantzau, trước khi từ trần, có tuyên-ngôn rằng: «Mối hận vì hòa-ước Versaille, chính-phủ Moscou sẽ rửa sạch!»

Bề ngoài bản hiệp-ước Rapallo vẫn phù-hợp với tinh-thần bản Locarno, vì chủ-ý thuộc về kinh-tế; vả lại, bốn năm sau, hai nước lại ký thêm bản giao-ước nữa, bổ-khuyết cho bản trước, nói sẽ đứng địa-vị trung-lập trong những thời-kỳ chiến-tranh.

Song le, mặt sau những điều-ước về kinh-tế, còn có nhiều mật-ước chủ-ý phá-hoại cuộc hòa-bình Âu-châu. Bởi các mật-ước ấy, thủy-lục quân của hai nước sẽ cùng nhau liên-hợp mãi, và những khi có cuộc trinh-phạt các nước thù-địch, mật-ước ấy đã định rõ phương pháp hai nước sẽ ứng-tiếp với nhau ra thế nào. Tuy Nghị-viện Đức đã có phen phản-đối, mà sự hòa-ước ấy lại không bao giờ chắc-chắn bằng bây giờ; mới đây, Staline đã tuyên-cáo: «Dưới quyền nội-các Brüning, giây liên-lạc hai nước Nga Đức không bao giờ bền chặt bằng lúc này!» Các đại-

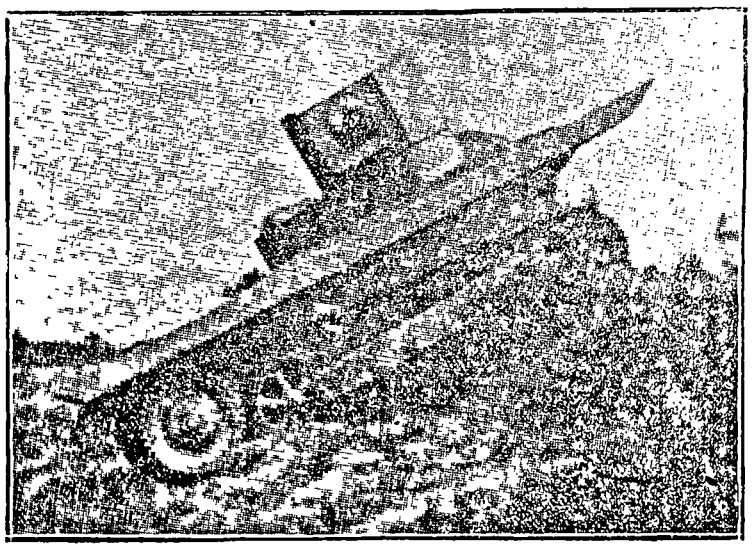

Đây là thứ xe phá-lũy của Đại-Uý Tidel-Hart nước Anh mới chế ra. Xe này vừa đi được trên cạn, vừa đi được dưới nước, sẽ đi tiên-phong trước các đạo bộ-binh, vượt sông, vượt đồi, vào tận ổ quân địch, phá tan súng cối-say, khai đường cho lục-quân. (Cl. A.N).

tướng Đức như Von Seeckt, Hammerstein, Blomberg và Schleicher hết sức tán-thành và cố làm cho sự hợp-tác thêm có kết-quả mỹ-mãn.

Lẽ tất-nhiên, sự hòa-hiếu này cốt hủy-bỏ hòa-ước Versailles, và mục-đích hai nước đương theo đuổi không thể che được mắt những người như tôi bấy lâu vẫn chăm-chỉ xem-xét tình nước Nga-Sô-Viết.

Cái mục-đích chính của người Đức là quay về Đông cướp lại địa giới cũ như các tỉnh Dantzig và Kœnigsberg, xứ Poméranie của Ba-Lan, xứ Đông Phổ-lỗ-sĩ cùng là xứ Haute Silésie.

Nhưng trước hết họ còn cần trang-trải xong món nợ bồi-thường của các nước, phá-hủy các điều-ước tài-binh và sát-nhập nước Áo đã. Bởi lẽ đó họ mới vận-động giúp cho nước Áo và cầu-cứu ông Hoover.

Một phen đạt tới những mục-đích ấy rồi, người Đức còn nghĩ đến cách phá cái hiệp-ước qui-định địa-vị họ ở phương Tây, nhưng về phương diện ấy, họ muốn dùng phương-pháp ngoại-giao.

Người Nga thì tìm cách tuyên-truyền chủ-nghĩa ra toàn Âu và gây cuộc cách-mệnh lung-tung để giữ thế-lực mình thêm bền-vững để đối với nước Đức giữ được quyền-thế quân-bình.

Song cả hai nước, không nước nào có lòng thành-thực đối với nhau cả. Anh Đức thì muốn dùng Nga làm khí-cụ mà gây nên cuộc tranh-chiến, có tranh-chiến mới có cơ hủy-bỏ các hòa-ước đương thực-hành ngày nay. Từ lâu, họ vẫn hết sức làm tăng thêm ảnh-hưởng mình ở Nga, và tự-tín rằng nếu có cuộc biến-loạn xảy ra, họ sẽ xoay cục-diện Nga ra thế nào cũng dễ. Nhưng người Đức nhầm đó thôi, họ cũng nhầm như Ludendorff, hồi năm 1918, toan gây cuộc phản-cộng mà không thành. Ở Bá-linh, ở Dantzig và ở Munich, các viên-chức Đức vẫn cộng-tác với những người Nga thuộc phái quân-chủ.

Về phần nước Nga họ vẫn trung thành với chủ-nghĩa. Các tay tuyên-truyền vẫn hăng-hái hành-động ở Đức cũng như ở mọi nơi. Cũng nhờ về tình-thế phân-vân như vậy, mà cái hiểm-tượng ở cuộc Đức-Nga liên-hiệp kém mạnh đi đôi phần.

Tuy vậy, cũng cần phải xét đến binh-lực hai nước liên-hiệp này, đó là một sự rất quan trọng mà ta không nên lầm-lẫn: ta chớ tưởng cái hiểm tượng ấy là tầm-thường. Trái hẳn như thế, nó rất ghê gớm !

Tôi không cần nói đến đội quân Đức chi nữa, vì các bộ ngoại-giao các nước đồng-minh chắc cũng biết rõ cái nguy-cơ nó đã hiện ra, và những mưu kế các viên tướng Đức dùng để tăng thêm chiến-lực. Hẳn ai cũng biết cách khôn khéo của người Đức đã trừ bị-được cơ-man nào là người để chờ lúc động-binh. Hẳn ai cũng biết người Đức đã gắng-gỏi đến bực nào để trừ-bị những tiềm-lực có thể dành cho họ một địa-vị thắng lợi trong cuộc chiến-chanh sau này. Nhưng tôi tưởng không ai ngờ đến binh-sĩ Nga cũng có sức mạnh lạ thường. Vậy trộm xin đem chút ý-kiến bày tỏ.

Quân đội Nga ngày nay khác hẳn với đội quân ô-hợp đặt dưới quyền Trotsky thủa trước đã đánh, đến so ngay với toán-quân có quy-pháp tràn sang Ba-Lan tiến đánh kinh-đô Varsovie ta năm 1920, cũng có khác một giời một vực. Thời kỳ ấy, kể cũng đã xa lắm, các tay chỉ huy quân Nga chưa hiểu rõ quân-đội cần phải có trật-tự, cần phải giao toàn-quyền cho một viên thống-soái chỉ-huy; họ tưởng làm như thế là trái với cộng-hòa chủ-nghĩa. Trong lúc tôi giao-chiến với quân Nga, tôi nhận thấy chính-phủ trung-ương Nga không tin tướng-sĩ,—phần nhiều là tướng-sĩ của Nga-hoàng nhập bọn cho khỏi chết — không tin đến nỗi không một cơ, một ngũ nào không có một viên đại-biểu sô-viết. Các «ông cầm» ấy thường can-thiệp cả vào mệnh-lệnh các tướng-sĩ, nhân tiện làm thám-tử cho Hội-nghị Trung-ương. Cũng nhờ sự khó-khăn trắc trở này mà quân ta dễ được thắng trận.

Ngày nay, khắp Âu-châu, không còn có đội quân nào có kỷ-luật hơn đội quân Nga nữa. Tuy rằng Chính-phủ chưa bỏ cách tình-thám, nhưng bù lại, nếu người chủ-suý là một tay cộng-sản đáng tin thì quyền chỉ-huy tất được chuyên-nhất.

Hiện nay, cách chỉnh-đốn binh bị của Xích Nga đều chú trọng vào hai tờ chỉ dụ. Một tờ lập ra sự cưỡng-bách đầu quân vào ngày tháng chín năm 1922, một tờ định chia quân đội Nga làm hai phần, phần tinh luyện hơn kén vào quân đội thường-chực, còn phần kém để vào ngạch dự-bị địa-phương.

Đàn ông từ 20 tuổi đến 40 tuổi, đều bị bắt buộc phải tòng binh, mà ở thời-kỳ chiến-tranh thì đàn bà cũng bị bó buộc theo luật ấy. Trong hai mươi năm tòng binh, hai năm đầu là thời-kỳ luyện-tập, năm năm sau là thời kỳ tại ngũ. Hết 7 năm ấy, người lính mới được sang ngạch dự bị, về sau chỉ còn phải gọi đến dưới cờ trong 60 ngày thôi.

Cách cắt cử binh lính từng khu hạt rất giống với cách dùng binh của Thụy-sỹ. Hàng năm, 90 vạn lính mới mộ vào quân-đội, thì 30 vạn cắt vào đội thường chực, 30 vạn phân vào các đội địa-phương, còn phần thứ ba vào ngạch trừ-bị. Có nhiều đàn-bà tự-ý ứng-mộ vào hết các cơ đội, kỷ-luật cũng một mực theo như đàn ông.

Quân đội Nga có 70 sư-đoàn bộ-binh, 7 trăm đội pháo-thủ, 89 cơ kỵ-mã, 60 đội thần-công (artillerie montée) và 86 đội đại-bác (artillerie lourde); ấy là cộn chưa kể những đội phụ thuộc, những đội công binh và 250 chiếc tầu phá luỹ. Nhờ có trợ lực của Đức bộ hàng-không Nga mạnh gấp bốn hồi năm 1920, người Sô-viết hiện đã có 1.200 chiếc máy bay. Cái số ấy vẫn một ngày một tăng, vì người Nga tự coi sự làm cho thêm mạnh bộ không quân như một bổn-phận mình đối với nước. Tôi không biết nói thế nào để đủ tả sức bành chướng ấy nữa, vì không một chủ-nhật nào Hội-Hàng-Không (Osoviachim) không đem «làm quà» cho chính-phủ một vài chiếc máy bay. Nếu người ta lại biết thêm rằng Hội ấy—được Chính-phủ công-nhận, — hiện đã có 5

triệu hội-viên, mà theo như chương trình định sẵn cho năm 1933, số hội-viên sẽ tăng lên 17 triệu, trong đó 10 triệu phải luyện hóa-học chiến-pháp, người ta sẽ tin rằng tôi tả nỗi nguy cơ kia chẳng ngoa ngoắt chút nào. Ấy chính trong vòng không-chiến và hóa-học-chiến trợ lực của Đức có ảnh-hưởng nhiều nhất, vì lẽ tất nhiên nếu không có trợ-lực Đức. đội quân Nga chưa có sức mạnh như ngày nay. Những phi-công và các nhà chuyên môn hóa-học Đức đều giữ địa-vị cao trong các cơ-đội quan-trọng và một phần lớn số phi cơ ấy là phi-cơ Đức chế-tạo ở . . Nga.

Quân-đội thường chực của xích-quốc hiện có 60 vạn người, thêm vào đấy còn có các đội quân địa-hạt và đội quân cảnh-sát « Guépéou », 15 vạn người, chuyên môn bài trừ phong-trào phản-cộng, và thường-thường giữ việc trinh-thám,

Tóm lại, đội quân Nga tinh-luyện đã đứng vào hàng nhất, và các tay chuyên-môn, các tay thực-hành hóa-học Đức, trong khi giúp việc chỉ-huy quân đội Nga hàng bao nhiêu năm nay, đã biết làm cho các xưởng chế-tạo binh-khí các phương-pháp dùng binh của họ có một giá-trị đặc-biệt trước con mắt người Nga. Người Đức cũng mong nhờ cách ấy nhúng tay vào việc chính-trị nước Nga và chế-tạo cho quân đội mình các khí-cụ đạn được mà hiện nay họ không được phép làm ở trong nước.

Song may thay, quân-đội Nga tuy tinh về mặt thao luyện nhưng lại kém về mặt tinh-thần. Quân-đội Nga đã nhiều lần bị đem dùng để dẹp nội loạn nên phần đông quốc-dân mang lòng oán-giận. Lại số đông các sĩ quan cũng cứ bị thải dần; cho nên tuy các viên tướng mới cũng có người giỏi, tuy người Đức có hết sức yêu cầu để mỗi cơ-binh Sô-viết có một viên tướng Đức chỉ-huy, mà rất nhiều tướng-súy Nga còn kém phần thao-luyện. Quân sĩ lại thiếu hẳn mất tinh-thần hợp-nhất, vì trong một trăm viên tướng, chỉ có 40 người thuộc đảng Cộng-sản thôi.

Nội-tình nước Nga hiện đương bối-rối lắm, chỉ vì chế-độ hiện-thời làm cho lũ dân quê phẫn-uất, quân lính chỉ vì sợ uy-vũ mà phải miễn-cưỡng ở lại trong ngũ đó thôi. Quân sĩ đã kém hăng-hái đi nhiều lắm. Song le, lúc nào cần phải đánh, họ cũng đánh, — cũng như bọn quân lính thuê tiền, — nhờ có chín nghìn tướng Đức khéo dẫn-đạo và lợi-dụng những « kho » người đã trừ-bị sẵn ở trong nước. Hiện thời, Chính-phủ Nga đã có thay đổi chính sách nội-trị ít nhiều, nhất là đối các dân quê, họ đã bỏ đi một vài phương-pháp trong chủ-nghĩa cộng-sản, phí đi bao nhiêu thì-giờ nghị-lực để hnấn-luyện bọn thiếu-niên Nga sớm quen công việc binh-nhung. Cái nguy-cơ nước Nga đương gây nên cho thế-giới cang ngày càng đáng sợ. Tên lính trong đội quân đỏ tức là tên lính tiên-phong trong cuộc cách-mệnh hoàn-cầu, và, khi nào đến thời-vận, khi nào công-cuộc phá giá và chương-trình năm năm có kết-quả, người Sô-Viết sẽ khai thế-công rất kịch-liệt ở mặt trận kinh-tế, rồi tiếp đó dùng ngay binh-lực mà đánh tan cái chế-độ tư-bản đi.

Đó, cái hiện-tượng bọn cộng-sản gây nên đáng sợ là thế, Âu-Châu cần phải biết rõ. Các ông nên nhớ lời ông Foch: « Người sở-dĩ chết, nước sở-dĩ mất, chỉ vì *quên* ! » Vậy chúng ta chớ nên quên những điều báo-cáo của cuộc di-vãng, chúng ta nên họp nhau lại mà quay về phòng nạn phương Đông. Bởi vậy, muốn giữ cho chắc cuộc thế-giới hòa-bình, việc « Ba-lan — Pháp-Lan-Tây liên-hiệp » là cần phải có. »

Đ. Huy-Hạo

XIN CHÚ Ý :

ĐẶC-BIỆT XUẤT-BẢN

ĐỂ BIẾU TẾT

LỮ-TRUNG KÝ-SỰ

và sách CHƠI-XUÂN năm Nhâm Thân 1932 có nhiều mục rất hay, rất bổ-ích, nhiều chuyện lạ. Sách giầy 100 trang, in rất đẹp, có tới 40 bức ảnh các yếu-nhân Thế-giới và phong-cảnh đẹp. Giá bán . 0$30

Nam-Ký Thư-quán 17 Phố hờ hồ Hanoi

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUẢNG-VẠN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính-Dần 1926
120, phố Bonnal 120
Haiphong

Có bán trà « *Việt-Nam* », sà phòng « *Rồng-Nam* » v. v. . .

Anh em nhà quê

từ nay hết sợ bị mắc lừa

Có điều gì oan ức ? Có cần biết việc gì chưa hiểu rõ ?

Cố tìm cho được sở **Cố vấn pháp luật** số 16 phố Há-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi.

Tổng giám đốc Joseph **Trần-Đình-Trúc** *Luật-khoa cử-nhân trường Cao-đẳng Paris.*

Sở ấy cũng nhận tiếp những người nào muốn lo việc với trạng sư Tây.

(Hỏi pháp luật và nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho Trạng-sư Tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi đều không phải giả tiền).

1. — Nhận đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, văn tự mua bán bất động-sản, giấy hợp đồng, giấy lập hội, tờ chia gia-tài v. v. . .

2. — Thay quyền cho các nhà buôn, giúp việc kế toán, giậy làm quảng cáo theo kiểu Hoa-kỳ.

3. — Quản-lý nhà cho thuê và đồn-điền. giúp việc người nghèo không tính tiền.

Bóng tà như giục cơn buồn,
Vó câu (1) thẳng ruổi nước non quê người.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Lại mang những việc tầy giời đến sau.
Những điều trông thấy mà đau;
Mưu sâu đành giả nghĩa sâu cho vừa.
Hùm thiêng khi đã sa cơ,
Ruột tằm đòi-đoạn như tơ rối bời.
Nỗi thương nói chẳng hết nhời,
Tài tình chi lắm cho giời đất ghen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Giạ-đài còn biết sẽ đền lai-sinh.
Khóc than khôn xiết sự-tình,
Ấy hồn Thục-Đế hay mình Đỗ-Quyên.
Mái ngoài kia đã giục liền,
Lấy nhời hung-hiểm, ép duyên Châu Trần.
Chót nhời nặng với lang-quân,
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn.
Dù khi gió kép mưa đơn,
Làm chi nhỡ dịp cho đờn ngang cung.
Đã sinh ra số long-đong,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi.
Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
Thân này thôi có ra gì mà mong.
Trăm năm tạc một chữ đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai dung chẳng rời.
Tấm lòng đã thấu đến giời,
Khâm ban sắc-chỉ tới nơi rành-rành.
Dạy rằng: hương lửa ba sinh,
Đạo tòng-phu lấy chữ «Trinh» làm đầu.
Bình thành công đức bấy lâu,
Mấy nhời hạ tứ nêm châu reo vàng.
Vâng trình hội-chủ xem tường.
Đường kia nỗi nọ ngổn-ngang bời-bời.
Rằng trong tác hợp cơ giời,
Dẫu thay mái tóc dám rời lòng tơ.
Nỗi-niềm tâm-sự bây giờ,
Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao.
Nhời vàng vâng lĩnh ý cao,
Mừng mừng tủi tủi xiết bao nhiêu tình...
Văn-chương nết đất thông-minh,
Ngỡ là phu quí phụ vinh ai ngờ.....
Giăng thề còn đó trơ-trơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?
Khối tình mang xuống tuyền-đài,
Một giời thu để riêng ai một người.
Trên đầu có bóng mặt giời,
Dám xin gửi lại một nhời cho mình.

Cử-Nhân **LÊ-TƯ-KIẾN**
nguyên tác
Lam-Xuyên **LÊ-GIA-CỬ**
sao lục

(1) Ông Đỗ tên là Mã

HÀI-VĂN

Tôi là ai ?

. . . . . .

— Tôi là ai ?
— Tôi là Tôi.
— Tôi là tôi, là ai ?
— Tôi là Tôi, mà lại !
— Thế ông không có tên à ?
— Tên tôi là Tôi.
— Ông này gàn bướng quá ! ai mà chẳng là tôi; người ta phải có tên riêng chứ !
— Tên riêng tôi là Tôi.
— Thôi, không nói với ông nữa.
— Thế có tức không chứ ! Tên mình là Tôi thật, mà nói họ không tin.
— Ông này dở người quá ! ở đời lại có ai đặt tên là « **tôi** » bao giờ !
Thế ông ở đâu ? ông hỏi việc gì ?
— Tôi ở phố dưới, tôi có cái bệnh nguy, cần phải lên đây để hỏi lấy thuốc chữa.
— Thế có lẽ ông nhầm. Ở đây là phố hàng Khoai, làm gì có thầy thuốc !
— Ông bạn tôi có bảo nên lên trên hàng Khoai đây mà tìm, thời có thầy thuốc chuyên-môn chữa rất hay.
— Thế cái bệnh của ông là bệnh gì ? mà sao lại tìm thuốc ở hàng Khoai ?
— Để tôi nói cho cậu nghe : nguyên tôi là một người viết báo. Mới đây, tôi có viết một bài hài-đàm đăng báo chơi, cũng là « *câu chuyện vui* ». Sau đưa tờ báo ấy cho một người bạn của tôi coi, thời ông bạn tôi bảo rằng : « Bài ấy dại lắm ! Có lẽ là trong lúc « *ngứa mồm* » mà viết ra. » Tôi tự xét lâu nay hình như thấy có cái bệnh « *ngứa mồm* » thật.
— À phải ! Ngứa mồm thời chỉ lấy dọc khoai sát vào là khỏi. Nghĩa là lấy cái *ngứa* hơn để chữa cả *ngứa* ấy đấy mà thôi. Nhưng đây tuy gọi là hàng Khoai mà bây giờ có ai bán khoai đâu ? Vả lại, cũng không phải là lúc mùa.
— Vẫn biết thế. Nhưng ông bạn tôi dặn rõ rằng : cứ lên hỏi tại số nhà đây.
— Ở đây chính là nhà báo. Các ông chủ tôi đi vắng cả. Các ông tôi có dặn rằng : Có một cái phong-thư viết sẵn để ở bàn giấy, nếu có ai đến hỏi thời đưa. Nhưng không biết có phải là để đưa cho ông không ?
— Đâu ? cậu thử đưa cho xem ; nếu không phải, tôi lại đưa giả.
— Ừ, thế ông đợi đây.

Cậu hầu sở báo, vào lấy phong-thư ra đưa cho ông khách. Ngoài bì thư đề rằng :

Monsieur Tôi
E. V.

— Phải ! Chính là thư đề đưa cho tôi đây. Cả Hà-nội này chỉ có một mình tôi tên là Tôi, cho nên ngoài bì thư đề như thế này là đủ.
— Nếu thật phải, thời ông cứ cầm.

Ông khách cầm lấy bức thư về, vừa đi vừa mở xem, thời trong cái phong-bì đề adresse lại còn có một cái phong-bì nữa, ngoài viết bốn câu ngũ-ngôn rằng :

Nhà báo cho đơn thuốc,
Chữa bệnh trong tâm-hồn.
Ngày ngày nên tụng-niệm,
Lâu lâu khỏi ngứa mồm.

Lại bóc phong-bì ấy ra xem, thời trong có mảnh giấy viết bốn câu lục-bát rằng :

Hài-đàm ôi ! hài-đàm ôi !
Ngứa mồm dại đến thằng tôi là cùng.
«Chim-chích mà ghẹo bồ-nông !»
Từ đây biết dại, «lạy ông xin chừa!»

Tản-Đà

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG

77 RUE SARRAUT — VINH

Là một nhà bán thuốc bắc, lớn nhất từ *Vinh* vào *Huế*.

THỜI-SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Hà-tĩnh

LẠI MỘT CHI BỘ HỘI-KÍN BỊ KHÁM PHÁ

Tại làng Phan-xá huyện Nghi-xuân có một chi bộ hội kín. Mới đây quan huyện đem 50 người lính về vây, nhưng chỉ bắt được 2 khẩu súng lục và mấy chục viên đạn thôi. Bên hội kín biết trước nghi cho viên xã-đoàn trong làng báo quan, giết chết viên ấy rồi bỏ đi nơi khác.

Hôm sau một viên quan cùng quan huyện và lính tập đến vây làng Khải-Mông (gần làng Phan-xá) thấy mấy người trong chi bộ đương nhóm hội-đồng. Một người toan trốn bị lính bắn chết, còn những người khác đều đứng nộp mình.

Trích báo Trung-kỳ

HAI VỤ TỐNG TIỀN

Vừa rồi có 4 người trẻ tuổi ăn bận lịch sự vào nhà M. Cử Lập, một nhà giầu ở làng Phúc-hội huyện Hương-khê, gần ga Thanh Luyện, đưa súng lục ra dọa lấy một món tiền lớn.

Lại một bọn 4 người ăn mặc ra lối thợ thuyền vào nhà M. Cửu Khiêm, một nhà giầu ở làng Địa-lợi cùng huyện ấy, giơ súng lục ra lấy thêm một món tiền nữa.

Sở mật-thám đương cho truy nã thủ-phạm.

Vinh

KHÁM PHÁ MỘT CHI BỘ HỘI KÍN

Sở mật thám mới khám phá một chi bộ hội kín, bắt được bốn người là Ngô-Hà, Quang, Lục, Tâm, và tìm được ở nhà Ngô-Hà nhiều giấy má quan trọng. Bốn người hiện bị dam ở đồn Phúc-Trạch.

Hải-dương

BỌN TÁO GAN!

7 giờ tối hôm 23 Janvier.5 người ăn mặc lịch sự gõ cửa vào chơi nhà ông giáo Biên ở phố ga Cẩm-giàng, Xong một tuần nước 5 vị « khách-quý » đưa súng lục ra, trói gô vợ chồng chủ-nhân vào góc nhà nhét rẻ vào miệng. Rồi các «ngài» lục hòm phá tủ vét hết bốn ngàn bạc và đồ nữ-trang. Đồng thời mấy ông bạn đứng chiến ngoài sân vô-tình chẹt được cô em ông Giáo lấy thêm được mấy trăm bạc nữa. Công việc xong xuôi, khách không đợi mời đem rượu thuốc ra uống ngồi xem nhật-trình có vẻ ung-dung lắm. Tiếng còi tàu rít, khách từ dã ra ga lên xe lửa đi. Hồi lâu ông Giáo mới gỡ được mình ra lật đật đi trình quan, quan huyện gọi điện-thoại về Hải-dương, sở cảnh-sát Hải-dương lên ga đón bắt được 3 người lấy vé từ Cẩm-giàng lên, đã cho giải về quan huyện sở tại để nhận-diện.

Hanoi

MỘT ĐẠO NGHỊ-ĐỊNH MỚI

Giờ tập võ. Trong sân trường Tiên-tảo (Thành-hà, Hải-dương) thầy giáo Phạm-văn-Đắc dở võ phạt học trò Nguyễn-văn-Nhâm một cái đá. Chẳng may bị đá vào chỗ phạm, trò Nhâm bị sưng lá gan thiệt đời. Trong cuộc điều-tra quan huyện địa-phương tìm được một bài thơ «*không tết thầy*» của thầy giáo Đắc:

« *Song thập ở đây đáng chán a?*
« *Cải-lương bỏ tết chẳng sôi gà.....*
« *Hoài công dạy-dỗ quân vô-đạo.vv.*

Vì việc này mà vừa rồi có một đạo nghị-định tư về các trường cấm học trò không được lễ tết thầy và cấm các thầy không được đánh học trò, nếu trò có lỗi chỉ phải phạt hay phải đuổi là hết.

TRONG NGÀY KỶ-NIỆM HỘI-KÍN

Trong ngày kỷ-niệm hội-kín, các nhà chuyên-trách hết sức tuần phòng, nên không đâu có xẩy ra việc quan-trọng. Chỉ có một vài nơi như ở Ngã-tư-sở, đường Thanh-trì có nhặt được ít truyền-đơn.

Sở mật-thám cho khám mấy nhà ở Chợ-dừa và ở Yên-phụ bắt được giấy má quan-trọng, truyền đơn và mấy đảng viên, trong đó có một người can việc tống tiền ở Nam-định vẫn bị truy-nã.

Trần-văn-Dương, quán-quân quần-vợt Bắc-kỳ năm 1932.
Cl. A. N.

Lao-kay

CƯỚP Ở PHÀ-LONG

Có tin đồn: một chỗ biên-thùy bị phá. Mới đây theo tin phủ Thống-sứ, thì sự thực, chỉ là một đám cướp ở nhà giây thép Phà-long đó thôi. Chúng làm nhanh lắm, trong mấy phút đồng hồ đã vơ vét hết tài sản nhà viên chủ-sự. Vợ viên chủ sự bị một phát đạn ở chân đến đêm thì mất. Khi lính đến, chúng đã chạy thoát cả rồi.

TIN NƯỚC NGOÀI

Tây-Ban-Nha

LẠI CÓ BIẾN-ĐỘNG

Hôm 22 Janvier mới rồi, khắp nước Tây-Ban-Nha bỗng có biến-động. Ở Gibraltar, bọn cộng-sản và lính cảnh-sát bắn nhau. Ở Madrid, tờ báo cộng-sản « Mundo Rojo » và

cơ-quan liên-đoàn cộng-sản bị đóng cửa; bọn giáo-sĩ bỏ nhà tu đi; nhiều thợ-thuyền bị bắt. Ở Barcelone, bọn phiến-loạn ném tạc đạn vào lính tuần-cảnh, đoạn kéo nhau vào nấp trong một nhà bắn ra. Vì quân lính vây bọc rất dữ, họ phải chịu hàng, đem nộp 4 quả bom, 52 viên đạn và mấy khẩu súng lục. Hội Liên-đoàn lao-động định tổ chức cuộc tổng bãi-công, và hô-hào bọn phiến-loạn chớ kháng-cự quân lính. Có 35 người bị bắt. Hiện tình đã hơi yên, cờ quốc-dân đã thấy bay phấp-phới. Ở Cardona, bọn phiến-loạn đốt cháy mất nhà thờ. Ở Mansera, cuộc tổng bãi-công vẫn kéo dài. Ở San Salvador, ngày 25 Janvier, quân chánh-phủ đánh lấy lại được 10 nơi của bọn cộng-sản đã chiếm lấy và bắt được người thủ-lĩnh. Tại Valence, đảng viên cộng-sản đi cổ-động các thợ-thuyền đình-công. Họ hành-động hăng-hái ở miền cửa bể, tầu bỏ neo, việc vận-tải hàng-hóa bị đình-trệ. Nhưng cứ xét đại-thể thì cuộc tổng-bãi-công không thành.

PHÁP

NỘI-CÁC LAVAL ĐƯỢC THẮNG SỐ Ở HẠ-NGHỊ-VIỆN

Hôm thứ sáu 22 Janvier, Hạ-nghị-viện đã xét các đơn chất-vấn Chính-phủ. M. Louis Marin hỏi Chính-phủ sẽ dùng thái-độ nào để đối-phó với cái «ý» của Đức. M. Paul Reynaud đáp: vấn-đề ấy chẳng hề thấy có, mà tất cũng chẳng có. Tiếp đến M. Herriot nói về vấn-đề tài-chính. Buổi trưa, M. Laval đọc một bài diễn-văn cực quan-trọng. Đến lượt các ông Georges Leygues và Franklin Bouillon chất-vấn Chính-phủ. Lúc đầu-phiếu, Nội-các được 303 phiếu hoan-nghênh, và 565 phiếu phản-đối bản dự-án của M. Herriot. Bản dự-án hoan-nghênh những lời tuyên-cáo của Chính-phủ được 312 phiếu tán-thành và 261 phiếu phản-đối.

TRUNG-HOA

NỘI-TÌNH CÒN BỐI-RỐI LẮM.

Theo lời quyết-nghị trong hội Trung-Ương đoàn-thể, thì sau khi chính-phủ thống-nhất thành-lập ở Nam-kinh rồi, chính-phủ quốc-dân ở Quảng-đông phải thủ-tiêu đi. Nay tuy Chính-phủ Quảng-đông đã thủ-tiêu, nhưng bọn Hồ-hán-Dân, Lý-tôn-Nhân xét ra chưa thể đạp đổ được Tưởng-giới-Thạch, muốn gây thế-lực riêng, bèn tự tiện lập ra ba cơ-quan là bộ đảng-vụ chấp-hành, hội quân-sự ủy-viên, hội chính-trị ủy-viên. Uông-tinh-Vệ có phản đối mà không phá được. Hồ nhất định không ra nhận việc, tỏ ý không thể hợp-tác được với Tưởng. Hiện nay, Tưởng đã đến Nam-kinh, tuyên-ngôn lấy danh-nghĩa một người công-dân mà đến chứ không cốt nhận một quan-chức nào trong chính-giới. Mới có tin ở Nam-kinh, Hội-nghị cứu-quốc sắp họp do Tưởng chủ-tọa. Trong chính-phủ, Trần-hữu-Nhân lại từ chức, La-văn-Cán, tổng-trưởng bộ Tự-pháp về đảng Trương-học-Lương lên thay. Trần-minh-Khu, về bè với Tưởng, sắp kế chân Tôn-Khoa giữ bộ Hành-chính.

Lại có tin ở Bắc-Bình rằng Ngô bội-Phu, ở ẩn đã 5 năm nay, sắp ra cùng Diêm-tích-Sơn và Trương-học-Lương chủ-trương một hội đồng quản-đốc miền Đông-bắc.

Một cảnh Vạn-lý trường thành. Thành này do vua Tần-Thuỷ-Hoàng đắp để ngăn rợ Hung-nô, nay thành một chiến-địch quan-trọng trong cuộc Trung Nhật xung-đột. Cl. A. N.

CUỘC TRUNG NHẬT XUNG-ĐỘT

Mặt trận hiện nay đã xoay hẳn. Ngày 13, trong thành Cẩm-tây bỗng đưng bốc lửa, ngoài thành đánh nhau rất dữ-dội. Đạo quân Nghĩa-Dũng thứ tám vì hết đạn phải kéo ra khỏi Thông-Liêu, các đạo khác nghe tin vội đến cứu, ngăn được hai nghìn quân Nhật. Nhật ném 40 quả tạc đạn, 34 người dân bị trọng thương. Đạo thứ nhất quân Nghĩa-dũng đánh lui được quân Nhật ở Đả-Hổ-Sơn, giết hơn 40 người, bắt được 13 khẩu súng và phá được một đoàn xe thiết-giáp của Nhật. Đạo thứ tư bắn rơi được 2 chiếc máy bay Nhật, sau vì hết đạn phải lui. Ở Tiềm-Gia-Điếm, quân hai nước đánh nhau thật rát, tuy Nhật dùng xe bọc sắt yểm hộ ba đội bộ, kỵ, pháo và phái 10 chiếc máy bay đi phá các ga Thông-Liêu và Mộc-lí-đồ, mà quân Nghĩa-Dũng vẫn giữ được ưu-thế.

Đoàn quân Nhật ở Cẩm-tây do đường Cẩm-triều vào đánh Nhiệt-Hà, đến Liên-Ninh bị quân Nghĩa-dũng đánh cho đại bại, Nhật phải đổi phương-lược, theo đường Đại-thông chia quân ba đạo tiến lên. Tổng-tư-lệnh là Bản-trang đến Cẩm-châu quyết đại-cử đánh quân Nghĩa-Dũng, bao nhiêu máy bay ở Thẩm-dương đều kéo về Nhiệt-Hà. Tuy vậy, quân Nghĩa-Dũng vẫn có sợ, quyết nội nhật ngày 15 đánh lấy lại Cẩm-châu.....

Ngày hôm ấy, thủ-lĩnh quân Nghĩa-Dũng là Hùng-Phi thông-điện xin Chính-phủ và các nhà đương-cục mau định cái phương-châm cuối cùng, giúp lương-thực và khí-giới cho, chớ để 14 vạn quân phải hy-sinh nhẫn-nhục mà không có ích gì cho nạn nước.

Ngày 18, ở Nam-kinh, Phùng-ngọc-Tường diễn-thuyết rất tha-thiết: «Xin anh em đồng-chí đồng-tâm mưu-sự sinh-tồn cho dân bị Trung-Hoa kẻo cái họa duyệt-chủng đã bày ra trước mắt!.....»

Về phần Mã-Chiếm-Sơn, Mã quyết chống nhau với Nhật đến kỳ-cùng, hiện đã mua được một số to đạn-dược và khí-giới. Trương-cảnh-Huệ sắp giao chính-quyền Hắc-long-Giang cho Mã, một đội quân tiện-y của Mã đã kéo đến ngoài thành Hắc-Long-Giang, đợi quân Nhật ut lui là quay vào tiếp nhận.

PHÁP LUẬT DẪN GIẢI

Dạy pháp-luật cho dân cũng là một cách trừ nạn hối-lộ.

Trước khi đem các điều luật-pháp cần-thiết ra dẫn giải, chúng tôi hãy xin nói qua về cách tổ-chức các tòa án trong địa-phận xứ Bắc-kỳ.

Mấy điều dặn đầu.—Trong xứ Bắc kỳ, trừ ra thành-phố Hanoi và Haiphong là hai nơi đã nhường cho nước Pháp, những người dân nào không thuộc quyền tòa án Tây thì đều thuộc về quyền xét xử của các tòa án ta (tòa Nam-án)

Tòa Nam-án, không có quyền xử những việc có can-thiệp đến một sở công nhà nước, hoặc đến một người Âu-tây và tất cả những người không thuộc về quốc-tịch An-nam; khi gặp những việc như vậy, chỉ có tòa án tây mới có quyền xét xử.

Nói về tòa Sơ-cấp

Mỗi một địa hạt (phủ, huyện, châu), ít ra cũng có một tòa án Sơ-cấp có: quan phủ, quan huyện, hoặc quan châu đứng đầu.

Công việc tòa Sơ-cấp.—Tòa Sơ-cấp chuyên xử những việc riêng của người dân; những việc buôn bán (dân sự, thương sự) thì luật định như sau này: ai có điều gì oan ức hoặc bị thiệt thòi về cách nào thì cứ làm một cái đơn kể rõ tên tuổi, nơi ở của mình và đầu đuôi việc đã xảy ra, ký tên rồi đem nộp, hoặc gửi cho quan tòa Sơ-cấp, tức là: quan phủ, quan huyện, hoặc quan châu trong địa hạt mình. Địa hạt nào có 2 quan huyện, hoặc 2 quan phủ thì phải nộp hoặc gửi đơn cho quan phủ áu hoặc quan huyện án.

Những việc kể sau này mà giá-ngạch không quá 30 đồng, thì thuộc về quyền xét xử của tòa Sơ-cấp:

1. - Việc kiện dân-sự, thương sự, về động-sản và về người.

2.— Việc kiện đòi tiền thuê, hay đòi chia hoa-lợi và những việc lôi thôi khác của người cho thuê và người đứng thuê.

3. - Việc xin bỏ tờ hợp-đồng về sự thuê mướn, hay thuê rẽ vì cớ không giả tiền thuê, không phân rẽ, hoặc vì cớ không đủ trâu bò và các đồ cần dùng về việc cấy bừa, hoặc vì cớ vật-hạng cho thuê đã bị phá hoại tất cả, hay một phần.

4. – Việc kiện thuộc về sự giao-kèo của chủ thuê và người làm công nhật, công tháng, công năm.

5.— Việc kiện xin đền sự tổn-hại về vườn ruộng, hoa quả, và nông-vụ tại người hay là súc-vật làm ra.

6. — Việc kiện của khách đi đường với chủ hàng cơm, hay là với người chủ vận-tải đường thủy, đường bộ.

Những việc quan tòa Sơ-cấp không có quyền xử

Khi giá-nghạch những sự thỉnh-cầu cộng lại quá 30 đồng bạc, thì quan tòa Sơ-cấp không có quyền xử.

Nếu giá-vật bị kiện không nói rõ trong đơn, mà xét ra là quá số 30 đồng thì quan tòa Sơ-cấp phải giao việc lên tòa án Tỉnh.

Nói về phiên tòa.— Mỗi tuần lễ ít ra phải có 2 phiên tòa công tại tòa Sơ-cấp.

Quan tòa Sơ-cấp có thể xử hằng ngày được, và cũng có thể xử kiện ở nơi xa cách dinh, gần nơi có đông người ở, để tiện cho dân đến thưa.

Nói về Tòa Đệ-nhị-cấp
(tòa án tỉnh)

Tòa Đệ-nhị-cấp thường có quan chánh Công-sứ sung chức chánh án đứng đầu.

Những việc tòa án tỉnh có quyền xét xử

Tòa án tỉnh có quyền xét xử:

1°—Những việc kiện mà giá-ngạch quá 30 đồng bạc và không tới một trăm bạc.

2.— Các việc kiện về bất động-sản (của không có thể mang đi mang lại được, như nhà, đất, ruộng) mà trị-giá không quá 30 đồng bạc.

3.—Các việc kháng-cáo án tòa Sơ-cấp xử về tội vi-cảnh (kháng cáo án tòa Sơ-cấp nghĩa là: không thuận theo án của tòa ấy, và xin đệ việc mình lên cho tòa án tỉnh xét lại.)

Những việc kể trên này, khi tòa án tỉnh đã xử rồi, thì người đi thưa không có quyền xin kháng-cáo, để đem việc mình lên tòa đệ-tam-cấp.

Tòa án tỉnh lại có quyền xử những việc như sau này, những người đi thưa có quyền kháng-cáo:

1°—Những việc kiện đã kể ở trên thuộc về khoản thứ nhất mà giá ngạch tới một trăm đồng bạc (100$), thuộc về khoản thứ hai (2°) mà giá-ngạch quá 30 đồng.

2°— Các việc kiện không thể định được giá-ngạch.

3°—Các việc kiện về vấn đề tế-tự.

4°—Các việc kiện có quan hệ đến thân mệnh và căn-cước một người

5°—Các tội nhẹ về trừng-trị.

6°—Các tội trọng.

Cách định giá-ngạch việc kiện. — Cứ chiếu theo những giấy mà đã trình ra, hoặc chiếu lời khai của hai bên.

Lời dặn. — Các đơn khởi kiện, kể cả những đơn thuộc về quyền xét xử của tòa án tỉnh, đều phải nộp cho quan tòa Sơ-cấp đã để quan thử hòa giải. Giải – hòa không xong thì quan tòa Sơ-cấp sẽ phải đệ đơn mình lên tòa án tỉnh.

Cách tổ-chức tòa án Tỉnh. — Tòa đệ-nhị-cấp thường lấy quan chánh Công-sứ tỉnh làm chức chánh án, khi nào quan Chánh - sứ bận việc tạm thời thì có quan Phó đứng thay.

Cũng có tỉnh chức Chánh - án không phải là quan Công-sứ kiêm giữ thì có một quan Tư-pháp của trên Đông- pháp Tư-Pháp tạm ủy xung vào chức ấy (1)

Tòa án tỉnh lại có một chức quan ta (lấy ở các quan cao chức nhất trong hàng tỉnh (tuần - phủ, tổng-đốc); nếu không thì có một quan Trợ-thẩm do quan Thống-sứ xin bổ.

Trần-đình-Trúc
Luật-khoa cử-nhân

(1) Gần đây, vì muốn thực-hành việc pháp chính phân quyền, chính phủ đã lập ra ngạch quan Tư-pháp người bản - xứ và đã có một vài ông được bổ sung chức chánh án tòa Đệ-nhị-cấp.

Con sông Mang . . . . nước chảy lừng-lờ

Con sông Mang . . . nước chảy lừng-lờ,
Bờ sông Mang.. hờ-hững, hững hờ tủi với ba-sinh.
Bến sông Mang... phiến tơ-duyên sao chẳng vẹn mối tơ-tình,
(mà) Tình sông Mang... nỡ để bất bình... đến đứa con thơ.
Con sông Mang . . . nước chảy lừng-lờ . . .

Mười sáu năm về trước.

Lúc bấy giờ, làng Ninh-Dương cạnh tỉnh-lỵ Moncay, chỉ là một xóm tiêu-điều bên làn nước sông Mang lạnh-lẽo.

Một buổi tối mùa đông, ngọn bắc phong từ ngoài bể Bắc đưa vào đã thổi bạt con quạ lửa buổi chiều hôm vào phía non tây thăm-thẳm. Lúc đó, khóm tre già kẽo-kẹt bên làn nước sông Mang, dưới trận gió cuồng, thỉnh-thoảng lại đưa giọng ủ-ê như muốn ru người trong bóng tối.

. . . . . Cánh cổng tre nhà thầy chánh Nòng-tắc-Trần đã ngả xuống, thầy Chánh đã co rò trong cái chăn bông chỉ còn chờ cô Chánh tắt đèn là nhắm nghiền đôi mí-mắt.

Chợt có tiếng người gõ cửa, có tiếng chó sủa vang, thầy Chánh tung chăn nhỏm dậy cất tiếng hỏi.

Ngoài cánh cổng tre vẫn có tiếng người gõ.

— Ai? — Trả lời thầy Chánh có con chó sủa vang ngoài ngõ.

Thầy Chánh cầm đèn ra sân. Ngọn gió thổi ào-ào muốn tắt phụt ngọn đèn dầu nhỏ tí. Thầy lần ra đến cổng thì đèn tắt. Vừa đặt đèn xuống đất để nâng cánh cổng, thầy Chánh nghe thấy tiếng chân người chạy ra ngoài bến sông . . . cánh cổng nâng lên rồi, thầy nhìn ra ngoài ngõ. Không có bóng người. Trong khoảng đêm tối, mấy cái bóng cây sừng-sững như muốn bịt lấy mắt thầy Chánh. Song . . .

Song, dưới cái phên tre dựng thẳng, lù-lù một vật gì đen đen. Thầy Chánh cố ý nhận kỹ...Thì ra, vật đen-đen đó là một cái xe trẻ con. Trong xe, giữa đống gối chăn ấm áp một đứa trẻ đương nhoẻn miệng cười với ngọn gió đông, con ai?

Thầy Chánh lắng tai nghe.

Trong ngọn gió lạnh-lùng từ bến sông Mang đưa lại, có tiếng ai cười khanh-khách . . .

Cũng năm đó, nhưng về mấy tháng trước. Bà con Moncay có thấy chuyến đò từ Mũi-ngọc đi vào tỉnh-lỵ chở một người thiếu-niên quần trắng áo sô.

Thiếu-niên ở đâu đến, người ta không biết. Hỏi thằng bé theo hầu, thằng bé ở cũng chẳng hay. Duy nó biết được một điều là nó theo hầu cậu nó từ Haiphong lúc sắp sửa lên tầu đi Moncay.

Chàng thiếu-niên thuê một cái nhà con ở gần phố Gốc-Rừa, rồi lục-tục cùng thằng ở đem hòm xiểng chăn-gối lại ở. Hàng xóm láng giềng muốn làm thân với chàng, chàng cũng ừ-hữ như không muốn trả lời ai. Mấy cô tây ở xóm Gốc-Rừa tặng cho chàng cái mỹ-danh là thầy Hải, vì thầy ở Hải-cảng đến.

Thường khi, thầy Hải đi vắng, có người nào tò mò nhìn vào trong nhà thầy, cũng chỉ thấy thằng nhỏ nghêu ngao hát láo, nằm dài trên cái giường mục. Thầy Hải chẳng đi chơi xa, thỉnh thoảng chỉ sang phà qua sông Mang đến Ninh-Dương chơi là hết hạn. Tình cờ thầy Hải biết thầy chánh Nòng-Tắc-Trần — biết thầy Chánh vì vợ chồng thày Chánh có tiếng là từ-thiện. Song thầy Chánh không để ý đến chàng thiếu-niên, vì thường thường các thày phán, thầy thông sang chơi Ninh-Dương cũng nhiều, thầy Chánh cho chàng thiếu-niên đó cũng là một thầy phán thầy ký làm việc ngoài tỉnh.

« Thầy Hải » ở Moncay được gần sáu tháng. Trong gần sáu tháng trời dòng-dã, không hề có một bức thư nào gửi đến cho thầy, mà thằng nhỏ cũng không thấy thầy gửi đi một bức thư nào cho ai. Duy có một ngày . . .

Một ngày kia, chàng thiếu-niên tiếp được một bức thư không biết từ đâu gửi đến. Xem xong, chàng đốt ngay. Sau khi tiếp được bức thư ấy, chàng thiếu-niên ôm mặt khóc mấy ngày trời; thằng nhỏ thỉnh thoảng đưa lời khuyên-can thì thầy chợn mắt quát: « Việc gì đến mày! Cút ngay đi. »

Thằng nhỏ lấy làm lạ, vì trong sáu tháng trời bây giờ cậu nó mới nặng lời cả tiếng mắng nó. Trước kia có thế đâu, cậu nó vẫn là người rất mực ôn-hòa.

Cậu nó vẫn nức nở ôm mặt khóc trong chăn. Hai bữa cơm, có khi bỏ lửng không nuốt được một hột nào, thằng nhỏ lại đành bưng mâm cơm xuống.

Một hôm, cậu nó chùm kín chăn khóc nức nở ở trong màn, thằng nhỏ ngồi buồn tựa cửa nhìn ra ngoài đường. Chợt có một cái xe đi lại, trong xe có một người thiếu-phụ ẵm một đứa bé, hình như muốn tìm nhà. Cái xe đỗ phịch ngay trước cửa. Thằng nhỏ giật mình, giụi mắt nhìn ra; phải rồi, « bà » này vào nhà cậu ta đây mà.

« Bà » trả tiền xe, « bà » bước thẳng vào nhà, chẳng hỏi han gì thằng nhỏ, « bà » sồng sộc chạy vào lên tiếng:

— Cậu-Đàm quân đâu rồi ?

Mấy tiếng đó như có cái mãnh-lực gì khiến cho chàng thiếu-niên choàng dậy, tay ôm chặt cái giải màn, đôi mắt chừng-chừng nhìn thẳng vào người thiếu-phụ, rồi lại nhìn vào đứa bé đang cọ quạy trên tay thiếu-phụ.

Mấy tiếng lanh-lảnh của người thiếu-phụ lại đưa lên :

—Cậu Đàm-quân,con cậu đây..... cậu nuôi lấy nó . . . cậu nuôi lấy nó. Tôi về.

Đàm-quân — tên thật của thầy Hải. Đàm-quân vùng đứng dậy, co chặt cái giải màn, cái giải màn đứt, chàng ngã lăn ra giường . . . thiêm-thiếp.

Người thiếu-phụ nghiễm-nhiên đặt đứa con xuống giường bước ra cửa, gọi xe đi thẳng.

Giữa lúc đó, đứa bé cựa quẫy trên giường bật tiếng khóc oe oe. Chàng thiếu-niên sực tỉnh vùng dậy, chạy ra đường.

Đàm-quân nức-nở gọi.

— Thu-khanh!... Thu-khanh!,... Em....

Đầu phố, xe người thiếu-phụ lẫn trong đám bụi bay mù.

..... Thiếu-niên gạt nước mắt quay vào. Tiếng đứa trẻ khóc thét như xé ruột xé gan. Nước mắt rưng rưng, chàng thiếu-niên lần đến bên giường ôm đứa trẻ..., khóc.

Trong nhà, tiếng trẻ khóc, tiếng người than, cái không-khí trước kia ủ-rột lại thêm phần ảm-đạm.

Thằng nhỏ từ nẫy vẫn giữ địa-vị khán-giả, lần vào trước, cúi xuống giường sẽ nhắc đứa bé ra ngoài sân dỗ. Trong nhà, Đàm-quân vẫn nức nở khóc.

Một lát, thằng nhỏ bước vào trong nhà đã thấy cậu nó lôi ở gầm giường ra một cái xe trẻ con, một cái xe xinh xắn, cậu nó mang theo ra từ ngày đến Moncay, trong có đủ chăn nệm, gối. Thằng nhỏ trong sáu tháng trời, thỉnh thoảng có hỏi cậu nó về cái xe kia, cậu nó chỉ lắc đầu rồi sa sầm nét mặt. Ngày nay, nó mới rõ..... rõ lắm,...rõ cái xe kia là của đứa bé này, mà đứa bé này là con gái bé của cậu nó.

...., Thiếu-niên đặt đứa bé vào trong xe, rồi ngẩng nhìn thằng nhỏ. Thằng nhỏ rơm-rớm nước mắt. Hạt nước mắt nặng chĩu chảy trên gò má xanh xao của thằng bé ở từ từ rỏ xuống đống chăn.

Cất cái tiếng âm-thầm từ trong trái tim thổn-thức đưa ra, thiếu-niên dịu-dàng hỏi:

— Nhỏ, con khóc ?

Thằng nhỏ thổn-thức thưa:

— Thưa cậu «cô con» đói ạ.

«Cô con» đói thật. Trong cái xe xinh xắn, «cô con» đang giơ hai cái tay trắng nõn bé tý, với thằng nhỏ.

Đàm-quân móc túi đưa cho thằng nhỏ mấy hào mua chai sữa. Thằng nhỏ gạt nước mắt đẩy cửa đi ra.

.....Thiếu-niên nhìn cánh cửa từ từ khép lại.....

..... Lúc thằng nhỏ về, nó thấy cậu nó đang cắm-cúi ngồi viết...viết mãi, thỉnh thoảng lại gạt nước mắt, cái hạt nước mắt xé lòng nó sắp-thấm nhòa tờ giấy.

Đứa bé ngậm vòi sữa... ngủ im.

Một lát, thằng nhỏ thấy cậu nó gọi, chạy ra. Đôi mắt thiếu-niên chừng-chừng nhìn cái ví da trong có mấy cái giấy bạc « còn lại ». Thiếu-niên rút ra mấy đồng, rồi nhìn thằng nhỏ, cất tiếng nói, trong hai tiếng nấc:

— Cậu cho con về,... con về.... quê nhà!

Như nghe tiếng sét đánh bên tai, thằng nhỏ ôm chặt hai tay cậu nó:

— Con về? chết, con về....cậu?

— Ừ, con về, con về....quê nhà. Tiền đây, cậu còn mấy đồng, cậu cho con. Con về.

Nức-nở, thằng nhỏ gượng-gạo:

— Không, thưa cậu, con không về...

Thình lình, thằng nhỏ lại nghe thấy tiếng quát-tháo của cậu nó trong mấy hôm nay, cái tiếng quát tháo lạ lùng nó đã được nghe sau khi cậu nó tiếp được bức thư của ai gửi đến.

— Mày không về à, cút ngay!

Thằng nhỏ hoảng-hồn vừa cầm mấy đồng bạc vào tay thì cậu nó đã đẩy ra khỏi cửa. Thằng nhỏ chưa kịp nhìn lại thì cái cánh cửa đã đóng sập.

Tiếng cửa đập tuy mạnh, song thằng nhỏ còn nghe rõ tiếng cười, cười khanh khách.

,...Ngay tối hôm đó, mấy cô me-tây xóm Gốc Rừa đi qua nhà « thầy Hải » nhìn vào thấy cửa đóng kín mít như chủ nhà đã bỏ nhà đi từ mấy tháng rồi.

....Mà cũng ngay tối hôm đó thầy chánh Nòng-tắc-Trần làng Ninh-Dương «nhận được» đứa bé nằm trong chiếc xe nhỏ, đứa bé đương nhoẻn miệng cười với ngọn gió đông.

Con ai? Một mảnh giấy gài bên gối đứa bé nói cho thầy Chánh họ Nòng biết.

Thư rằng:

Trăm lạy tôn-ông,

«Non nước ngàn trùng, quê người vò-võ, rứt đứt tấm lòng đau-đớn, gạt đôi hàng lệ thẹn-thùng, kẻ viết bức thư này, chỉ còn có mong nhờ được tôn-ông tưởng tình thương tới đứa trẻ thơ vô-tội.

Máu nóng tình thâm, than ôi! gửi con thơ gạt giọt lệ thầm, cái cảnh-huống tôi, nếu ai có biết cũng chau mày tím dạ.

....Đứa trẻ thơ, đứa trẻ thơ mà tôn-ông nhận được trong buổi chiều đông này, đứa trẻ thơ đó là hình ảnh của một mối tơ lòng tan-tác. Mẹ nó, vợ tôi — than ôi! nhắc đến càng đau — mẹ nó đã giao trả nó cho tôi sau một giấc mộng tình hờ-hững. Xưa kia, tôi cũng tưởng ái-ân chung một kiếp, nào ngờ người trăm năm lại ăn ở hai lòng. Tấm duyên thừa nay còn lại hạt máu hồng, thân lao khổ không còn lòng nào mà ẵm bồng nuôi nấng nữa. Huống chi: thân cô, thế cô, mẹ già thì trăm tuổi về tiên, tang-tóc mấy năm trời, đã trăm phần đau-đớn, mà ngày nay, con thơ người giao trả một mình tôi sao dựng nổi cơ-đồ :

..,Về quê nhà chăng?... Than ôi! phương trời lưu-lạc, hồn quê theo ngọn mây Tần, đòi phen lòng muốn dậm tuy muốn gửi mộng-hồn về chốn: tử-phần cũng không được. Về quê nhà :

Bao nhiêu cảnh-huống bưởi bòng
Ngày nay đập nát tấm lòng mà thôi!

. . . . . .

Cũng đành: muôn dậm phương trời, lần lần lữa lữa, cố giữ lấy

ngày thừa, mà mong còn người trở lại nhìn nhận đứa con thơ. Chứ còn như ngày nay, chiếc bách giữa vời, dầu có ôm-ấp đứa trẻ thơ-ngây cũng chỉ làm khổ một đời vô-tội.

Thôi... trăm ngàn gửi lạy tôn-ông, nét bút tả lòng gửi lại mấy lời nức-nở. Dầu mai sau quê người xương trắng cũng được an lòng rằng có nơi gửi chút máu thừa.

. . . Đàm-quân này !

Đàm-quân này !

Tấm lòng Đàm-quân tuy hồ chết, song suối lệ của Đàm-quân chửa hồ khan, nên «con sông Mang... nước chẩy lững-lờ» ngày ngày vẫn mang hầu tôn-ông mấy giọt lệ đáy lòng của một kẻ ngậm vành ngoài bến nước.

Tỉnh H. . . , có một anh điên.

Quê-quán anh, người ta không rõ; cha mẹ anh, người ta không hay. Tiếng Tây, anh nói thạo; chữ Tây, anh viết thạo. Thỉnh-thoảng anh ngâm-nga lắm bài nghe cũng «cảm»

Nhưng . . . anh điên.

Lang-thang hết phố nọ đến phố kia, tuy anh chẳng đánh đập ai, làm hại ai — vì anh «điên lành» anh chẳng quấy rối nhà ai, song ai ai thấy anh cũng phỉ, nhổ, mà lảng tránh.

Vì . . . . . anh điên.

Anh điên, anh chạy nhăng ngoài phố. Theo lưng anh, lũ trẻ reo hò chạy theo lấy bùn đất ném anh. Lũ trẻ gọi anh là «thầy-ký» vì anh ta có chữ-nghĩa. Anh điên, song lắm lúc dịu, anh ta cũng biết thương trẻ. Lắm lúc, chân chạy chừng đã mỏi, «thầy-ký» ngồi phệt xuống vệ đường, bóc cái bánh chưng mốc đã nhão như hồ xanh, «thầy-ký» chia phần cho lũ trẻ ăn mày xúm quanh «thầy-ký».

Khách qua đường, ái-ngại, ném cho đồng kẽm. «Thầy-ký» ngửa mặt giở giọng tây: «mét sì».

Nếu khách có ân-cần hỏi thầy-ký, thầy-ký lại giở chứng điên, nửa khóc, nửa cười, mếu-máo:

«. . . . Con. , ,. co. . . .on tôi! Hu-hu ! Hì-hì: vợ. . .ợ tôi!»

Lũ trẻ lại cười rầm lên. Anh điên cũng cười. . . . .cười khanh-khách. Nhưng anh chẳng được phép cười lâu, vì trên lưng anh đã in lằn mấy vết roi thầy đội.

Cút).—. . , . ông lại cho vào nhà điên bây giờ).

Anh điên khép- nép đứng dậy, lắc-lư cái đầu cạo trọc, thủng thỉnh đi nơi khác. Song, lúc đó, lũ trẻ có theo anh hẳn cũng nghe anh điên cất cái giọng âm thầm, nức-nở:

. . . Con sông Mang . . . nước chẩy lững-lờ
Bờ sông Mang. . ,hờ-hững, hững-hờ tủi với ba-sinh.
Bến sông Mang. . . .phiến tơ duyên chẳng vẹn mối tơ-tình,
(mà) Tình sông Mang. . . nỡ để bất-bình đến đứa con thơ,
. . . Con sông Mang. . . nước chẩy lững-lờ,

Mười sáu năm đã qua.

Mắt thầy chánh Nòng-tắc-Trần đã đeo bộ mục-kỉnh, đầu thầy Chánh đã có hai thứ tóc. Làng Ninh-Dương đã bắt đầu gọi «cụ Chánh Nòng».

«Cụ Chánh» hiếm hoi, nuôi đứa con «nhặt được» trong một buổi chiều đông mười sáu năm về trước. Song cụ chẳng ngỏ cho ai biết rằng: đứa con đó là cụ «nhặt được». Cụ nói con một người bà con ở tỉnh Hà, người làng cũng tin là thế, mà đứa bé cũng đinh-ninh là thế.

Đứa bé bây giờ đã mười sáu năm ngây thơ của một gái đồng chua nước mặn. Cụ Chánh đặt cho cái tên là cô Nòng-Chân. Thường thường, cô Nòng-Chân ra tỉnh mua bán, các thầy phán thầy ký vẫn tặng cho cô cái danh «đóa hoa rừng biết nói». Cái nụ cười ngây thơ mà ta đã được trông thấy buổi tối mùa đông mười sáu năm về trước, nay còn in trên vẻ miệng hoa đào.

. . . Mười sáu năm qua. Một hôm ta lại được trông «một cảnh cũ»

. . . Một buổi tối mùa đông, ngọn bắc phong từ ngoài bể đưa vào đã thổi bạt con quạ lửa buổi chiều hôm vào phía non tây thăm-thẳm. . . Lúc đó, khóm tre già kéo kẹt bên làn nước sông Mang, dưới trận gió cuồng, thỉnh-thoảng lại đưa giọng ủ-ê như muốn ru người trong bóng tối.

. . . Cánh cổng tre nhà «cụ» chánh Nòng-tắc-Trần đã ngả xuống.

. . . Chợt có tiếng người gõ cửa. Cụ Chánh cất tiếng hỏi. Tiếng chó sủa trả lời.

Cụ Chánh rùng mình, tự-nhiên nhìn cô Nòng-Chân khâu bên cạnh đèn đương cắm cúi. Cô Nòng-Chân vươn vai, chực đứng dậy ra ngõ mở, cụ Chánh kéo lại bảo ngồi im. Lắng tai nghe . . .

Cánh cửa tre vẫn có tiếng người gõ, cái tiếng gõ cửa âm thầm như nhắc cụ Chánh nhớ lại 16 năm về trước. Cụ Chánh lần ra sân, quả tim hồi hộp.

. . . Cánh cửa tre dựng đứng. Cụ Chánh nhìn ra ngoài . . . nhưng lần này có bóng người, chạy vụt vào nhà. Cụ Chánh hốt- hoảng lên tiếng hỏi, Khách không trả lời, sồng-sộc tiến vào.

Cô Nòng-Chân chợt thấy giữa khung cửa một người đàn ông đầu bạc mặt võ nhìn thẳng vào mắt cô. Cô kêu rú lên, thì cụ Chánh vừa vào,

Khách ôm chầm lấy cụ Chánh nức nở .

Cụ Chánh hiểu lắm . . . hiểu lắm rồi. Cụ trỏ cho khách trông cái xe con trẻ mười sáu năm về trước lăn lóc bên góc nhà. Khách khóc òa lên chạy vào nhắc cái xe lên kéo ra giữa nhà. Giữa lúc đó, cụ Chánh chạy vào giường, mở chập lấy « bức thư gài bên gối mười sáu năm về trước » Khách gật gù. Cụ Chánh vẫn tươi cười, chỏ vào cô Nòng-Chân, bảo khách : «nó đây.»

Khách lại nhìn thẳng vào mặt cô Nòng- Chân. Cô Nòng- Chân ngơ-ngác hết nhìn khách lại nhìn cụ Chánh. Khách tiến dẫn đến. . . giơ hai tay nắm chặt hai tay cô Nòng-Chân lại cất tiếng khóc òa. Cô Nòng-Chân vừa giật được tay ra thì trong tiếng khóc nức-nở của khách, cô nghe thấy mấy tiếng thổn thức :

« Con. . . co. . . on. . . tôi ! »

Trong bóng tối, cụ Chánh khoanh hai tay mặc cho hai giọt lệ nặng chĩu từ từ tưới đôi má răn reo.

. . . Khách lần lại gần cụ Chánh vẫn nức nở :

«Trăm lạy tôn-ông, tôi... ôi điên!»

Rồi khách lại chừng chừng nhìn cô Nòng - Chân, rồi khách vùng chạy ra ngõ. Cụ Chánh lê chân chạy theo gọi khách. . .khách chạy. Cụ Chánh gọi : « ông. . . ông Đàm-quân »

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà - sơn
dịch

(Tiếp theo kỳ trước)

Thằng này tên là A-dong-ga, chính nó làm cho ta nổi giận. Ta không có đi ăn trộm nó về đây. Ta cũng không đánh lừa gì nó. Ta đã bảo nó thế này: mày có bằng lòng đến Bế-rang-đệ làm với tao trong ba năm không? Nó trả-lời ta rằng:

— Được lắm, con bằng lòng đi làm với ông trong 3 năm.

Thế rồi nó đến làm, ta cho nó ăn uống hẳn-hoi, tiền nong sòng phẳng. Làm sao nó trốn? Ta giận nó lắm. Ta phải làm cho nó mất cái tính quỷ quyệt ấy đi. Ta phải thuê Xi-lê, đầu-mục ở Ba-lê-suy-mã, một hòm thuốc lá, để nó bắt tên này. Được lắm! Thằng A-dong-ga phải đền ta hòm thuốc lá ấy. Thằng A-dong-ga phải nộp sáu đồng bạc phạt. Thằng A-dong-ga phải làm ở Bế-rang-đệ thêm một năm nữa. Được lắm!

Bây giờ A-dong-ga phải chịu 10 lần 3 roi. Mày, Bi ly, lấy roi ra đây, đánh cho thằng A-dong-ga 10 lần 3 roi. Còn chúng bay, tất cả đàn ông đàn bà coi đó!

Thằng ở đưa cho tên Bi-ly một cái roi to, nhưng nó không cầm lấy, chàng Xen-đôn ngồi đợi xem sao. Tất cả tụi mọi ăn thịt người đỗ mắt nhìn chàng chòng chọc, nửa ngờ nửa sợ.

Phút cuối cùng đã đến, một là sống, một là chết, cái vận mệnh của hàng da trắng qnan-hệ ở cái lúc này.

Chàng Xen-đôn nhắc lại rằng:

— Bi-ly! Mi đánh cho nó 10 lần 3 roi, chàng nói có giọng khuyến-khích mà lộ vẻ cay-nghiệt khác nào như dao chém đá.

Thằng Bi-ly vẫn cẩu nhảu, hết nghênh giới lại nghênh đất không nhúc-nhích.

Chàng Xen-đôn lại quát lên rằng:

— Bớ Bi-ly!

Tiếng chàng quát, khác nào một tiếng súng lục nổ. Tên mọi rật nẩy mình nhưng vẫn đứng nguyên không cựa cậy.

Những người đứng nghe, nét mặt khả-ố nhăn nheo ra vẻ đắc chí, vẳng ngke lại thấy điểm tiếng cười thầm.

Thằng Bi-ly đáp lại một cách vô-lễ rằng:

— Nếu ông muốn cho tên A-dong-ga bị đánh đập, thì ông giải nó sang Tuy-la-gi (1) tới đó đã có người của chính-phủ (sở tại) đánh nó. Theo luật phải thế. Tôi biết.

Theo luật thì thế thật, chàng Xen-đôn cũng biết lắm; nhưng chàng không có thể thư thả chờ trong 8 hay 15 hôm luật ấy mới thi-hành. Ngay ngày hôm nay, tùy xem chàng có được chúng vâng lời hay không, cái vận-mệnh của chàng trông cả vào đấy. Nhưng, khi nào chàng lại muốn chết, chàng liền nói át rằng:

— Bi-ly, mi nói nhiều quá! Việc gì đến mi mà mi can-thiệp?...

Tên mọi lại gân cổ đáp:

— Tôi biết luật lắm.

— Được, được lắm! chàng Xen-đôn gọi: bớ A-sĩ-tố!...

Một tên mọi đen khác vùng vằng tiến lên, nhìn chàng một cách láo-xược.

Nguyên chàng Xen-đôn vẫn lập-tâm định chọn mấy tên cứng đầu cứng cổ trong bọn, để trị cho chúng một mẻ, chàng nói:

— Thằng A-sĩ-tố và thằng Na-ra-đa đâu, treo cổ thằng Bi-ly lên cây, bên cạnh thằng A-dong-ga cho tao, thằng A-sĩ-tố thì lấy roi quật cho nó 10 lần 3 roi, hiểu không?

Thằng A-sĩ-tố cẩu nhảu nói:

— Không.

Chàng Xen-đôn vớ lấy khẩu súng để dựa ở bên chiếc lan-can ngoài hiên, và lắp đạn vào, rồi điềm-nhiên nói rằng:

— Tao biết mày rồi, A-sĩ-tố. Trước kia mày đã từng làm việc mười năm ở Cổ-yến-lăng.

Tên mọi đen trả lời một cách hỗn hào rằng:

— Đây đã từng làm tới đạo sĩ....

— Khi ở Cổ-yến-lăng, mày bị tù một năm, người chủ mày cũng còn hớ, sao không treo cổ bớt một đứa đê-mạt như mày đi! Mày là là đứa không biết cải quá tự tân; sau mày ăn cắp hai lần nữa, nhân thế 2 lần mày lại phải tù sáu tháng. Cái mặt mày mà làm đạo-sĩ ư? Được lắm! Vậy mày có biết cầu kinh không?

...Trong ngọn gió lạnh lùng từ bến sông Mang đưa lại, cụ Chánh lại nghe có tiếng ai cười khanh khách...

Sáng hôm sau, người ta thấy ở bến sông Mang một cái sác người

Nếu mấy cô me tây ở xóm Gốc Rừa, nếu mấy lũ trẻ ở tỉnh H..., nếu cụ chánh Nòng-tắc-Trần, nếu cô Nòng-Chân, có nhìn thấy sác người đó ắt cũng phải kêu: « Thầy Hải, » « Thầy Ký, Đàm-quân...

Anh điên!

Gạt giòng lệ đầm-đìa trên đôi má hóp, cụ Chánh kể chuyện cho cô Nòng-Chân nghe, cụ kể:

«Mười sáu năm về trước.

«Lúc bấy giờ, làng Ninh-Dương.. chỉ là một xóm tiêu-điều bên làn nước sông Mang lạnh lẽo....

Làn ở bờ sông Mang, năm 1928

Vũ-Lang

(1) Tuy-la-gi thuộc đảo Pnố-lô-ri-đa là nơi thủ-phủ của quần-đảo Sa-lô-mông.

—Có, biết chứ.

—Thôi này tao bảo! Mày hãy cầu kinh đi. Mau, mau lên! Bởi vì khi mày cầu kinh xong rồi, tao sẽ giết mày đó.

Chàng Xen-đôn để súng lên và ngắm rồi đứng đợi.

Tên mọi đen đưa mắt nhìn những người đứng xung quanh. Nhưng, không người nào nhúc nhích, không người nào đến giúp sức nó. Hết thảy bằng ấy người đều chú-ý xem cái cảnh-tượng sắp phô-diễn ra trước mắt và chỗm mắt nhìn chàng đứng một mình ở dưới mái hiên, trong tay cầm cái vật giết người.

Chàng dọa thế mà trúng.

Thằng A-sĩ-tố còn đương do-dự đứng lắc-lư chân nọ đá chân kia, phóng tầm con mắt nhìn lên chàng, nó thấy miệng súng nhấp nhoáng chiếu vào con ngươi.

Biết lúc này là lúc cần phải dùng tâm-lý-học, chàng liền gọi to lên rằng:

— A-sĩ-tố! Ta đếm một hai ba. Đếm xong ba thì ta giết mày đó. Chàng cũng định nói sao làm vậy. Mà thằng A-sĩ-tô cũng biết thế. Vì vậy nên mới tránh được cái việc đáng lẽ xảy ra. Quả nhiên khi mới đếm được một tiếng thì thằng A-sĩ-tố quờ tay vớ lấy cái roi. Giận một nỗi trong anh em chẳng một ai bênh-vực, nó bèn hết sức đánh.

Mỗi một roi nó đánh tức là hả bớt cái lòng giận ấy. Chàng Xen-đôn đứng trên hàng hiên lại càng thúc cho nó đánh thẳng tay. Đến nỗi hai tên mọi trói ở gốc cây phải kêu la ầm ỹ. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Trừng-trị xong, khi lũ mọi và hai tên bị trừng phạt, tuy còn rên rỉ, vừa bước ra khỏi cửa vườn, thì chàng mệt lả, nằm vật xuống giường, mồm lẩm bẩm mình lại bảo mình rằng:

— Bác ốm lắm. Thật ốm....

Nửa giờ sau, khi trong mình hơi tỉnh, chàng lại nói thêm rằng:

— Nhưng, hôm nay bác có thể ngủ yên giấc, không còn lo ngại gì nữa.

CHƯƠNG THỨ BA

Thấm thoắt tám hôm, bệnh tình chàng Đa-vít Xen-đôn cũng không thấy khá hơn chút nào. Nếu chàng cứ mỗi ngày một yếu thì có lẽ chàng không có đủ sức, mỗi ngày bốn buổi, đi xem xét ở căn nhà thương; mà chẳng bao lâu nữa chàng cũng hồn về chín suối.

Hiện nay số phu da đen chết mỗi ngày tới bốn ngươi, mà cái số người mới mắc bệnh lại nhiều hơn số người qua khỏi.

Bọn mọi đen thấy thế rất là kinh hoàng. Hễ mắc phải bệnh lỵ chúng đều cho là không thể cứu được. Bước chân lên giường bệnh, bao nhiêu nghị-lực của chúng đều biến đi đâu mất cả, chúng yên-trí rằng: sắp chết nên lại càng dễ chết lắm.

Ngay những tên phu hiện vẫn bình-an vô-sự cũng yên trí rằng: ngày mốt ngày hai, bệnh lỵ cũng đến đưa chúng nó về trời. Tuy yên-trí như thế mặc lòng, troug tâm thần yếu ớt của chúng, cũng không có đủ can-đảm mà chộp lấy con ma còm da trắng giết đi, rồi lên thuyền lánh xa cái đất ôn-hoàng dịch-lệ

Ngồi đợi cái chết thủng thẳng đến, còn hơn là nổi loạn để mua lấy cái chết tức thì.

Chúng biết người chủ không bao giờ ngủ, đã nhiều lần chúng thử dùng cách nguyền rủa cho chàng chết mà chàng vẫn không chết. Mà kỳ thay, cả đến cái bệnh lỵ đã làm cho chúng chết như dạ cũng không giết nổi chàng.

Từ hôm trừng phạt ở vườn nhà chàng da trắng, kỷ-luật trong đồn điền đã thấy khá khá.

Bọn phu da đen đều cúi đầu dưới cái bàn tay sắt của chủ; chỉ lúc nào chúng ngoảnh mặt ra chỗ khác, hoặc khi nào chàng quay lưng vào phía chúng, thì chúng mới dám nhăn nheo cái mặt khả-ố hoặc trợn mắt tỏ lòng tức giận mà thôi.

Ban ngày thì chúng không dám ho he một điều gì, tối đến về trại, chắc rằng không ai để ý nghe, mới dám rủa thầm. Tự đấy trở đi, không có tên phu nào trốn, hoặc đêm đến rình mò ở trước nhà như trước.

Chợt một hôm dưới ánh sáng mặt giới rạng đông, thấy xa xa thấp thoáng cánh buồm trắng của tàu Dịch-sĩ.

Tầu đứng yên ở cách bờ chừng 8 hải-lý. Mãi 2 giờ chiều nhờ ngọn gió bắc hiu hiu thổi, chiếc tầu mới ghé vào và thả neo cách bờ chừng một góc hải-lý.

Thấy tầu đến, chàng mới được vững giạ, vì chàng vẫn hết sức chờ mong. Chàng ra lệnh cho bọn đốc công và người ở như mọi khi, rồi lại đi xuống quan sát căn nhà thương.

Bao nhiêu nỗi phiền lòng, bỗng tiêu tán đâu mất cả; rồi đây, chàng có thể ngủ yên, tĩnh-dưỡng cho đến khi khỏi bệnh. Tầu Dịch-sĩ đến bến Huy-ghi Đuy-mông, người cùng chung vốn với chàng là người lực lưỡng mạnh khỏe hiện ở trên tầu.

Đã 6 tuần lễ nay Đuy-mông sang Mã-lai-tạ mộ thêm phu về. Rồi đây, chàng lên quản-đốc thì mọi việc ở đồn điền Bế-rang-đệ sẽ được chu tất.

Chàng Đa-vít Xen-đôn nằm trên chiếc ghế xích-đu, nhìn xem chiếc xuồng rời tầu Dịch-sĩ bơi vào.

Thấy trên tầu chỉ có 5 người, một người khác ngồi đằng lái, bốn tên mọi đen thì đang bơi, chàng lấy làm ngạc nhiên. Khi thuyền ghé vào bờ chàng mới hiểu tại làm sao. Ở xuồng lên người da trắng đi trước, bốn tên mọi đi sau trên vai khiêng một chiếc băng-ca (cáng) có một người nữa nằm trong đó. Bằng ấy người đi qua vườn vào nhà.

Chàng Xen-đôn nhận ngay ra người kia tức là chàng Ô-lê-dông, quan ba tầu Dịch-sĩ, người nằm trên băng ca tức là Hung-ghi Đuy-mông vậy.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA
Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

L'AMI DE LA JEUNESSE STUDIEUSE

BUI-CAM-CHUONG
DIRECTEUR

Direction
8, Tiên-Tsin
HANOI

Abonnement
Un an 1$20
Le numéro 0$05

Ami lecteur,

Voulez-vous avoir un abonnement gratuit de 6 mois ou d'un an au bulletin A. J. S.

Voulez-vous avoir un Dictionnaire Darmesteter au prix de 25p.00.

Voulez-vous avoir un des cent prix décernés par l'A. J. S.

Voulez-vous participer au Grand Concours de Rédaction organisé pour tous les élèves des écoles privées et publiques de l'Indochine.

Demandez la brochure

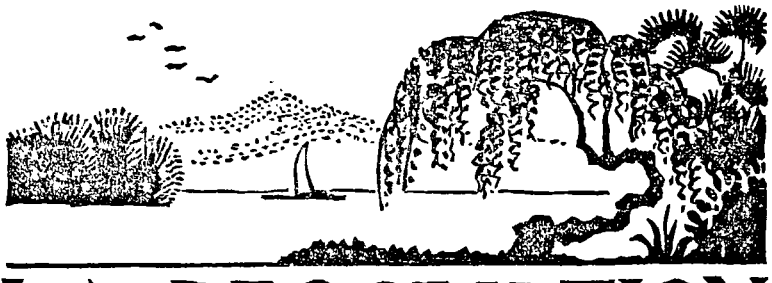

LA DESCRIPTION

que vous trouverez dans la librairie la plus proche de votre quartier pour avoir tous les renseignements concernant le concours.

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant, Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

NĂM NHÂM-THÂN
SỐ 28

13 FÉVRIER 1932
GIÁ 0$10

AN NAM TẠP-CHÍ

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 16902

Dépôt légal
Hanoi 18 Février 1932

IMPRIMERIE TRUNG BẮC TÂN VĂN
中北新聞館印
HANOI

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Đưa mắt nhìn thế-giới hiện-tại và tương-lai.
Hán-văn dẫn-giải.
Một bức bí-thư.

Sỹ-Diện. — Nặng chĩu hai vai giả nợ đời.
Lư-thoa tự-thuật.
Chuyện câm : Hai đôi giầy.

Hài-văn : Hội hoa-đào.
Thơ. — Dịch thơ chữ Hán và chữ Pháp.
— Song thất lục bát.
Thi-đàn giảng-tập.

Thời-sự
Tôi nói dối bà thì tôi làm kiếp .....
(Xã-hội ba-đào ký)

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

BL DÉPOT LÉGAL HANOI
109

TÒA BÁO
68, Phố hàng Khoai — Hanoi

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cho để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

ĐƯA MẮT NHÌN THẾ-GIỚI HIỆN-TẠI VÀ TƯƠNG-LAI

Cuộc Âu-châu đại chiến vừa qua, ngoài những sự tàn-phá khốc-hại về tài-sản và sinh-mạng, còn làm lay-động cái tấm óc quan-sát và phán-đoán của các người học-giả. Trước kia, trông thấy thế-giới nhờ được công-phu mầu-nhiệm của khoa-học, ngày một gấp bước trên con đường văn-minh tiến-bộ, trong óc mọi người đều chứa-chất những mối kỳ-vọng sâu-xa cho cái tương-lai như hoa như gấm của nhân-loại sau này. Cái hy-vọng ấy, đã theo khói đạn hồi Âu-chiến mà tiêu-diệt đi mất cả. Những công-cuộc của người ta kinh doanh gây-dựng ra trong mấy mươi năm, có thể lại vì tay người ta mà trong giây-phút tàn phá đi, đến nỗi không còn một chút dấu-vết gì để lại. Vì thế mà nghĩ đến vận-mệnh các dân-tộc sau này, dù văn-minh hay man-dã cũng vậy, phần nhiều kẻ thức-giả bất-giác tự-nhiên thấy trong tâm-trí nẩy ra cái quan-niệm hoài-nghi. Ông Valéry, một tay thi-hào Pháp, đã phải ngậm-ngùi than rằng: «Chúng ta là các dân-tộc văn-minh, bây giờ chúng ta mới biết rằng những cái văn-minh của ta, không phải là trường sinh bất-tử. Một nền văn-minh cũng mỏng mảnh như một đời người mà thôi». (Nous autres, civilisations, nous savons maintenant que nous sommes mortelles... Une civilisation a la même fragilité qu'une vie.)

Cho đến giá-trị phần nhiều các đức hay tính tốt về luân-lý, hình như cũng bị cái quan-niệm hoài-nghi ấy làm cho lay chuyển. Thật thế, nếu không có luân-lý và tư-tưởng khoa-học xui-giục, thì chắc đâu đã gây nên cái vạ tầy trời! «Giá không có biết bao nhiêu là đạo-đức, thì biết bao nhiêu là tội ác ghê gớm kia, chưa chắc đã phát-sinh ra được. Vẫn biết cần phải nhiều thứ khoa-học, nên trong một thời-gian ngắn-ngủi, mới giết được từng ấy sinh-mạng, huỷ-hoại được từng ấy tài sản, tàn-phá được từng ấy đô-thị, nhưng làm nên «công-trạng» ấy, cũng còn cần phải có nhiều đức-tính chứ! Vậy thì, Bác-học và Nghĩa-vụ, công-dụng của các ngươi chẳng cũng còn đáng ngờ lắm sao?». (Savoir et Devoir, vous êtes donc suspects?). Đó cũng là nhời nhà thi-hào Paul Valéry buộc tội cái tư-tưởng khoa-học và các đức-tính luân-lý đã gây nên cho nhân-loại cái vạ tương tàn tương sát dòng dã trong mấy năm trời.

Nay ta thử dùng con mắt hoài-nghi ấy để nhìn cái cảnh-tượng thế-giới hiện-tại và tưởng-tượng cái cục-diện thế-giới tương-lai. Từ lúc khai-thiên lập-địa, hình dạng thế-giới vẫn ngày một thay đổi. Nhất là gần một thế-kỷ nay, cái nhịp canh-cải ấy lại một ngày một gấp. Cứ theo cái nhịp ấy, chưa biết rồi đây, cuộc biến-đổi sẽ đưa thế-giới, sẽ đưa các nước tân-tiến bên Âu, Mỹ đến chỗ nào?

Muốn phỏng-đoán việc tương-lai, ta thường có cái tính quay nhìn về cuộc dĩ-vãng. Nhưng cái quan-niệm của ta đối với lịch-sử, từ trước đến nay, không khỏi có điều nhầm nhặt. Vì bị lao-lung trong cái câu: «*Ở dưới mặt giời, không có gì mới cả*» nên phần nhiều người, mà nhất là trong vòng chính-trị, hay bị xéo vào cái gót xấu của người xưa. Hễ gặp một cảnh-ngộ gì khó-khăn cấp-bách, thường họ không chịu coi cái trường-hợp của mình như một trường-hợp xưa nay chưa từng có, rồi tùy thời liệu thế, mà tìm phương đối-phó, nhưng lại cầu-cứu ngay đến cái tính ký-ức vơ-vẩn, để tìm ra một trường-hợp nào tương-tự ở đời trước, rồi cố gò sao cho cái cách hành-động của mình, phù-hợp với công việc người xưa. Vì thế nên trong vòng chính-trị, ta thường thấy hiện ra cái ảnh-hưởng của lịch

sử. Mà cái ảnh-hưởng ấy phần tốt thì ít, phần xấu thì nhiều.

Vậy ta nên biết rằng: lịch-sử chỉ giúp cho biết rõ mành-mối những công việc quá-khứ, nghĩa là các công việc đã xẩy ra trong một trường-sở nhất-định. Muốn cho cái gương lịch-sử có bổ-ích cho cuộc hiện tại và tương-lai, tất cần phải sao cho trường-sở mới này cũng giống in hẳn như trường-sở của các công việc đã qua. Nhưng khốn-nỗi, những trường-hợp không bao giờ giống nhau, vì trái-lại với cái định-kiến trên kia, phần nhiều các nhà Bác-học bây giờ đã công-nhận rằng: «Ở dưới mặt giới, không có cái gì là không mới cả.»

Đứng về phương-diện cái quan-niệm mới ấy, giá-trị lịch-sử chẳng qua cũng như quyển nhật-ký ghi-chép những công-việc hành vi của nhân-loại đối phó với quả đất mà mình sinh-tụ ở trên. Rò-xét dần-dần hình diện bề ngoài quả địa-cầu; quan-sát và nghiên-cứu hình-thể riêng từng bộ-phận một; đoán-phỏng và thí-nghiệm rõ ràng những định-lệ về cách chuyển-động của quả-đất; khám-phá ra, rồi tìm phương lợi-dụng những sản vật thiên-nhiên và những kho-tàng hiểm-bí chứa chất ở cái lượt đất mỏng phủ ngoài; đó rút lại những điều ở vào trong phạm-vi công-dụng của lịch-sử.

Nếu ta bằng ở chính-lý mà nói, cái công việc của nhân-loại rút lại chỉ có thế, thì nghĩa-vụ của nhân-loại ắt là phải theo đuổi các công-cuộc ấy cho đến kỳ cùng. Rồi đây, cái trí rò xét suy nghĩ của loài người càng ngày càng thêm tỏ tường đích-thực, cái phạm-vi quyền lực của loài người càng ngày càng thêm mở mang rộng-rãi, mà cái thế-giới tương-lai tất hiển-hiện ra dưới một cảnh-tượng mỗi ngày thêm đẹp thêm tươi. Nhưng thực ra nào có được thế! Các công việc tiến-hóa đã chia loài người ra hai phần có thể bảo là cách nhau một giới một vực. Một phần hình như đã đi gần đến đích, còn một phần hãy còn lếch-thếch chưa vượt ra khỏi bước ban đầu. Cái trình-độ tiến-hóa của nhân-loại không được đều nhau, cho nên phần nhiều các việc xô-xát xung đột thường thường xẩy ra là vì thế.

Muốn cho thế-giới được hưởng cái hạnh-phúc hòa-bình tất phải hai phần nhân-loại, phần nọ theo kịp phần kia, mà cùng nhau chen vai khoác-cánh trên con đường tiến-bộ. Nhưng cái giới-hạn phân-biệt hai thời-kỳ ấy cũng khó mà nhìn cho rõ được. Hiện nay, ta chỉ để ý đến một cái hiện-tượng rất đáng nên để ý, là ta đã bắt đầu bước vào cái thế-giới hữu-hạn rồi. (Le monde fini commence) Trên mặt địa-cầu, hầu hết các chỗ đất có thể ở được, đều bị các dân-tộc chiếm cứ hoặc chia tay nhau. Cái thời-kỳ còn có những khu đất bỏ không, cái thời-kỳ tự-do phát-triển (libre expansion) ngày nay đã bế-mạc rồi.

Vậy từ nay, các nước trên thế-giới đã bị đặt vào một cái cảnh địa mới, cảnh-địa ấy làm cho họ không còn có thể tự-do bành trướng ra ngoài cái giới-hạn tự-nhiên. Vì thế, từ nay các dân-tộc muốn khuếch-trương cái thế-lực mình, chỉ còn một cách là thực-hành cái chính-sách *hòa-bình giao-dịch*. Trên trường giao-tế liệt-quốc, sẽ nẩy ra cái tình liên-lạc rất quan-yếu, cần-thiết, bắt buộc các nước phải thay đổi các phương-pháp chính-trị và kinh-tế vẫn nhân-tuần từ trước đến giờ. Trước kia các việc xẩy ra ở trong một nước nào, đối với các nước ngoài, có thể coi như bể bắc, bể đông, bất-tương can-thiệp. Bây giờ thì không thế! Một hiện tượng gì, hơi quan-trọng một chút, dù phát sinh ở nước nào cũng vậy, đối với tình-hình toàn thế-giới, tất nhiên cũng có thể gây nên nhiều ảnh-hưởng sâu xa. Trong cái đám nhân-quả vấn-vít như tơ-vương ấy, tuy các nhà đại chính-trị, đại kinh-tế, cũng khó lòng bằng ở một việc mà đoán trước được những vấn-đề có thể theo đấy phát hiện ra trong chốc lát. Các trường-hợp cứ luôn luôn thay đổi như vậy, cho nên các thâm-mưu diệu-kế tuy trù-liệu đã chắc chắn hàng mấy mươi năm tháng, nhiều khi cũng chịu cái số phận bấp-bênh, không khác gì các điều dự-tính trong một cuộc đỏ đen. Tình hình chính-trị thế-giới, gần đây thường hiện ra nhiều vẻ không ngờ, đến nỗi các nhà đầu bạc trong chính-giới, cũng phải bó tay, không thi-thố gì được, cũng vì lẽ đó.

Vả chăng cái lẽ bắt buộc các dân-tộc phải liên-lạc, phải giao-dịch với nhau, không phải chỉ

Hội-đồng hội Tế-Sinh

3 giờ rưỡi chiều ngày chủ-nhật 24 Janvier. Trong nhà nhạc-hội Bờ-Hồ, hội Tế-Sinh họp đại-hội-đồng rất trọng-thể. Trước hai bức vẽ kiểu nhà Dưỡng-Đường và nhà Bảo-Anh, một dãy bàn dài. Bên tả các cụ ban bảo-trợ, bên hữu ban trị-sự tạm-thời, hai ông Lê-thành-Ý Phạm-huy-Lục ngồi ở đầu bàn, ông Trần-văn-Lai ngồi chính giữa. Đối diện, hai hàng hơn trăm chiếc ghế. Các bà các cô hôm nay đến dự khá đông, ngồi thu ở đầu hàng bên trái, nhận thấy mấy người sắc-sảo, nhanh-nhảu: Bà Lê-Dư, bà Đoàn-tâm-Đan, cô Đào-thị-Thuận, cô Việt-An, cô Thụy-An. Quay lại bên nam-phái, mấy mặt người quen: các ông Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Cung-đình-Quỳ, cụ Phan Thi, ông Ngô-thúc-Địch, ông Đinh-huy-Hạo.. Liếc lên cái bàn nhà báo kia các ông Nguyễn-văn-Đa, Bùi-x-Học, Tế-xuyên... Chen vào các bộ tóc thường, còn có một bộ tóc «học-giả» trên khuôn mặt một chàng thiếu-niên trắng-trẻo.

Tiếng chuông rung. Hội-đồng khai mạc. Ông Lai đứng dậy trình bày công việc ban Trị-sự tạm-thời đã làm. Một hồi vỗ tay! Kế đến việc bàn sửa điều-lệ. Hai ông Cung-đình-Quỳ và Phạm-Tá như đã dự định sẵn, đứng lên phô bầy ý-kiến mình — hăng-hái nhất là ông Tá:

— Tôi xin hỏi Hội có nuôi trẻ-con đẻ hoang không? chờ ông Lai trả lời, ông nói tiếp: Nếu hội cho khai-báo sơ-sài, chẳng hóa là dung-túng cho bọn dâm-ô làm việc bậy đó ư?

Rõ lầm-cầm! xin lỗi ông Tá. Lúc làm bậy, bọn dâm-ô há còn nghĩ đến chỗ gửi hạt máu rơi. Nhưng này lời cô Việt-An lanh-lảnh nói:

— Thưa ông, hội ta cốt ở hai chữ «nhân-đạo», cứ việc gì hợp với «nhân-đạo» thì làm. Sao ông cứ đem những việc tủn-mủn làm mất thì-giờ thế?

— Tôi xin nói thêm câu nữa, lời nói hơi có vẻ giận của ông Tế-Xuyên, trước khi buộc cái tội dung-túng ấy cho hội Tế-Sinh, xin ông Phạm hãy kết tội các nhà chứa, nhà xăm, các hạng người đê-mạt....

Một hồi vỗ tay! Câu chuyện nhỏ, xin hòa!

Đến việc bầu ban trị-sự. Bà Nguyễn-đình-Liên lấy cớ việc Hội nên giao cho nữ-giới làm là phải, ban trị-sự nên trọn toàn các bà, các cô. Mọi người đương mải suy nghĩ, nhanh trí khôn, ông có mái tóc «học-giả» (xin lỗi ông vì tôi không được quen) đã vội quyết tán-thành, cắm đầu vỗ tay «đốp! đốp!» Trong lúc lặng ngắt như tờ, có một hồi vỗ tay rất kêu, nghe cũng thú! — Đối với ý-kiến trên, cử-tọa có phần lưỡng-lự, mấy ông như có vẻ rỗi ngỏ ý tán-thành. Cô Việt-An đứng dậy nối lời, xin hội-đồng công-nhận ý kiến này, nói hơi thiên về vấn-đề «nữ-quyền» một chút.

Lúc cô đương nói: Ông tóc «học-giả» gật-gù chêm mấy tiếng dành-dọt: «cám ơn cô!» té ra ông có ý bênh nữ-quyền!

Sau một hồi bàn bạc. Việc sếp-đặt bên trong đã đành, còn việc giao-thiệp bên ngoài? Hội-đồng nhất-định chia đôi trách-nhiệm nặng-nề cho cả hai phái.

Trước hết, mọi người nhất định bầu cụ Cả Mọc làm Chánh-hội-trưởng, tuy cụ hết sức chối từ. Chức Phó-hội-trưởng xin để dành ông Trần-văn-Lai, người có công nhất với hội.

Chánh phó thư ký: ông Cung-đình-Quỳ và bà Đoàn-tâm-Đan, chánh phó thủ-quỹ: bà Phạm-Quỳnh và ông Lê-thàng-Ý, v. v...

Coi vẻ sốt-sắng của các hội-viên, ai cũng mừng cho hội Tế-Sinh có cơ được cùng non-sông vĩnh-viễn.

P. V.

---

thấy riêng ở trong trường kinh-tế mà thôi. Về các phương-diện trí-thức và tinh-thần, cái tinh-thế ấy cũng không tránh khỏi được. Có thể, mới nhờ cái phần riêng của các dân-tộc đem góp vào món gia-tài công-cộng, mà cái nền văn-hóa chung của nhân loại mỗi ngày thêm vẹn vẻ tốt-tươi.

Vậy ta mong rằng: chính-sách vũ-lực từ nay sẽ cùng với thế-giới hiện-tại sa vào trong vực dĩ-vãng, mà chính-sách «hòa-bình giao-dịch» sẽ làm chủ-trương cho cái vận-mạnh của thế-giới tương-lai. Có lẽ cũng vì không chịu công-nhận cái lẽ hiển-nhiên đó, nên nước Nhật mới đem quân đến Mãn Mông; có lẽ cũng vì thế mà các nước Âu, Mỹ mới còn theo đuổi nhau ganh đua nhau trong việc võ-bị.

Giữa lúc ngọn lửa chiến-tranh đương dầm-dộ sắp bốc tung lên ở một phía bầu trời, nói đến cuộc hòa-bình giao-dịch của các dân-tộc, có lẽ cũng chưa khỏi là một lời bàn phiếm. Nhưng một việc thị vũ điên cuồng trong chốc lát, chưa chắc đã đánh đổ được cái nền hòa-bình vĩnh-viễn của nhân-loại, thì ta cẵng biểu đồng-tình cùng cảnh vật mà nuôi mối hi-vọng ở cuộc tương-lai.

Ngô-thúc-ĐỊCH

Hoa-Khôi nước Pháp năm 1932
Cô Lyne Caisson de Souza Cl. A. N.

HÁN-VĂN DẪN-GIẢI

Kỳ trước đây, An-nam tạp-chí số 27, tôi có bài «*xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán*», đó chỉ mới là bài nói đầu; nay xin bắt đầu thực hành cái công-việc theo như ý trong bài nói ấy, để đối cùng các bạn thanh-niên ta.

Muốn xét về cách dùng chữ đặt câu như thế, là mong có hai điều lợi ích cho sự học: một là để xem các sách, truyện, văn, thư của người khác đặt ra, viết ra, mà mình nhận rõ được ý nghĩa. Hai là để tự mình muốn đặt ra, viết ra những văn, thư, sách, truyện, mà dùng chữ đặt câu không sai. Muốn như thế thời không gì bằng chỉ đem những câu trong sách cổ, mà nhận kỹ từng chữ: chữ ấy thuộc về mối nào, chữ nọ thuộc về mối nào; chữ ấy địa-vị ở trong câu như sao, chữ nọ địa-vị ở trong câu như sao. Tức là cách *analyse* bên chữ Pháp. Trong sự làm *analyse* như thế, chỗ nào văn-pháp của chữ Hán có khác với grammaire bên chữ Pháp, thời ghi tường ngay ở khoảng dưới, đặt làm câu chú ý, mong được tường minh. Ấy là một phần *chính* trong công-việc dẫn-giải. Một phần này công-việc có hạn-định, làm đến đủ thời thôi, mà không được có thiếu.

Ngoài một phần chính ấy, lại có thêm một phần *phụ*, cũng là công-việc dẫn-giải mà chuyên đối với từng chữ, suy tìm những nghĩa khác của chữ ấy; xem rằng: cùng một chữ, ở trong câu này, đặt như thế, là về mối ấy, địa-vị như thế; nếu ở câu khác, đặt như kia, thời về mối nào, địa-vị như sao. Một phần này, công-việc không có hạn-định, rộng hẹp nhiều ít, tùy theo những chữ ở trong câu; khinh trọng phồn dản, bài nọ với bài kia có khác nhau. Hoặc có chữ, cứ nghĩa riêng còn nên nói rộng nhiều, song vì còn phải nhường bớt chỗ cho chữ khác, thời ở trong bài này hãy cứ phu-diễn ra bấy nhiêu, còn nghĩa khác lại nói ở bài khác. Như vậy thời các nghĩa riêng của một chữ, tuy không nói hết trong một bài; mà chữ ấy xuất-hiện ở nhiều câu, thời lâu lâu cũng đến thấu hết vậy. Đó là phần việc làm để rộng thêm cho sự suy xét, tức cũng như phần phu-giải trong grammaire.

Xin thử bắt đầu làm dẫn-giải một câu trong sách *Mạnh-tử*, tức là câu đã có dẫn ở trong bài nói kỳ trước đây.

Phần chính

子來幾日矣

Tử lai kỷ nhật hỹ.

Anh lại đây đã mấy hôm rồi?

子 — *Tử* — Anh, nhà ngươi. *Pronom pers. 2e personne, sujet* của chữ 來 *lai*

來 — *Lai* — Lại, đi đến *Verbe neutre, participe passé, singulier 2e pers.*

幾 — *Kỷ* — Mấy, bao nhiêu. *Adverbe de quantité, modifie* chữ 日 *nhật*

日 — *Nhật* — Ngày. *Nom commun, pluriel, complément circonstanciel de temps* của chữ 來 *lai.*

矣 — *Hỹ* — Vậy, rồi. Giấu chấm câu, tỏ ý hết nghĩa.

Chú ý

1. — Ở chữ Pháp, *adverbe* không đặt luôn với *nom*, như chữ *combien* mà muốn đặt với chữ *jours* thời phải có một chữ thuộc về mối *préposition* để làm chữ nối (mot de rapport) ở giữa. *Combien de jours.* — Ở chữ Hán thời *adverbe* đặt luôn với *nom* mà không cần có chữ préposition, như chữ 幾 *kỷ* đứng trên chữ 日 *nhật* đây. Phàm đó là chỗ hai thứ chữ có khác nhau. Người hiếu học nên chú ý.

2. — Ở chữ Pháp, giấu *un point* chỉ dùng để đánh chấm hết câu; nếu muốn có tỏ ý hỏi thời phải dùng đến *point d'interrogation* (?). Đó là cách chấm câu nhất định. — Ở chữ Hán, 矣 *hỹ* là một giấu chấm câu tỏ ý *hết nghĩa, quyết định* và có ý *đã qua*; mà như trong câu đây, thời dùng để chấm cuối câu hỏi. Lấy rằng: ở trong câu đã có chữ *kỷ*, là *mấy*, là *bao nhiêu*, đủ tỏ ý về sự hỏi, cho nên dùng chữ *hỹ* để chấm cuối câu cũng là đủ, mà lại hơn các chữ giấu chấm khác về nghĩa *quyết định* và *đã qua*. Vì rằng như câu đây, lời ông Mạnh (thầy) bảo Nhạc-Chính-tử (học-trò) có ý gắt và giận rằng: *Anh đến đây đã bao hôm rồi?* (mà bây giờ mới thấy anh đến tôi!). Vậy thời hữ 矣 *hỹ* đó lại có thể giảng về nghĩa *point d'exclamation* bên chữ Pháp. Ấy các chữ dùng làm giấu chấm câu bên chữ Hán, có ý-nhị riêng và bất-định như thế. Hay ở đó; khó cũng ở đó. Người hiếu học nên chú ý.

Phần phụ

子 — *Tử* — *Pron. pers. 2e personne*, là tiếng thông-thường để gọi trỏ vào người đàn ông, như trong câu đây là lời ông Mạnh gọi trỏ vào Nhạc-Chính-tử. Cũng có khi chữ ấy dùng để gọi trỏ vào người đàn bà, như câu trong kinh *Thi*:

子之不淑。云如之何。

Tử chi bất thục, vân như chi hà!

Cô ơi, cô chẳng hay nào!
Thời thôi còn nói thế nào hỡi cô!

Chữ 子 *tử* đó gọi trỏ vào nàng *Tuyên-Khương* là vợ vua Tuyên-công nước Vệ. Vậy thời chữ ấy thông-dùng cả hai bên đàn ông, đàn-bà, có giống như những chữ *tu, vous* bên chữ Pháp.

Chữ 子 *tử* này hằng khi đứng dưới một chữ *nom prop.* mà chữ *nom prop.* ấy là họ của một người nào, như thế, thời là để gọi trỏ vào người ấy. 孔子。*Khổng-tử*, 孟子。*Mạnh-tử*, 夷子 *Di-tử*, 許子 *Hứa-*

tử... Chữ 子 tử dùng như thế thời chỉ chuyên để nói về bên đàn ông; mà có lẽ ở chữ Pháp không có.

Chữ 子 *tử* là con, thời là về mố *nom*.

來 — *Lai* — Lại, đi đến nơi. Chữ 來 *lai* trong câu đây, là về mối *verbe*. — Hằng khi đứng ở trên một chữ *nom* thời chữ' 來 *lai* đó là về mối *adjectif*. 來日 *Lai nhật*, ngày hôm sau; 來年 *lai niên*, năm sau. — Hằng khi có chữ' 者 *giả* đặt theo sau thời chữ' 來 *lai* đó lại là dùng làm như chữ' *nom*. 來者 *Lai giả*, kẻ lại, kẻ sẽ tới, kẻ sau này. 焉知來者之不如今也。 *Yên tri lai-giả chi bất như kim dã.* Biết đâu rằng nhữ'ng kẻ sau này mà rồi lại không được như ngày nay. (Lời đức Khổng trong sách Luận-ngữ').

幾 — *Kỷ* — Mấy, bao nhiêu. Chữ' 幾 này đứng trên một chữ' *nom*, hoặc một chữ' *adj. numéral* mà trỏ nghĩa thành-số (như *mười, trăm, nghìn, vạn*...) thời thường cùng nghĩa như ở trong câu đây. 幾人 *kỷ nhân*, mấy người, bao nhiêu người; 幾里 *kỷ lý*, mấy rậm, bao nhiêu rậm; 幾千人 *kỷ thiên nhân*, mấy ngàn người; 幾萬里 *kỷ vạn lý*, mấy vạn rậm. — Hằng khi đứng trên chữ' 何 *hà*, thời chữ' kỷ cũng nghĩa thế ấy mà có phần đậm-đà hơn. 曾幾何時而江山不可復識矣 *Tằng kỷ hà thời nhi giang sơn bất khả phục tri hỹ*. Mới bao nhiêu lâu nay mà núi sông không lại nhận được nữa! (Câu trong bài phú Xích-bích). Nhữ'ng chữ' 幾 đó đều đọc là *kỷ* mà nghĩa cùng như nhau. Đó là chữ về *adv. de quantité* 幾何 *kỷ hà* thời là *locution adverbiale*.

Chữ' 幾 hằng khi đứng ở trên một chữ' *verbe* hay là *préposition*, thời âm và nghĩa đều khác hẳn. Khi nào làm dẫn-giải đến câu có chữ ấy, sẽ tường

日 — Nhật — Ngày. Trong câu đây, chữ 日 *nhật* về mối *nom*. — Hằng khi đứng ở trên một chữ *verbe* thời chữ 日 *nhật* đó là *adverbe de temps*. 日知其所亡。 *Nhật tri kỳ sở vô*. Hằng ngày nhận biết cái điều mình không có. (Câu trong Luận-ngữ, lời ông *Tử-hạ.*) — Lại hằng khi hai chữ 日 *nhật* đặt đi luôn nhau. 日日 *nhật nhật*, ngày ngày. Vậy tức là *loc. adverbial* bên chữ Pháp.

矣 — Hỹ — Vậy. Giấu chấm câu có ba sự tỏ ý:

Một là chấm hết ở cuối câu, hoặc dừng ở dữa câu, mà đều để tỏ ý *đã rồi* 今既數月矣 *Kim ký sổ nguyệt hỹ*. Nay đã vài tháng vậy. (Câu trong sách Mạnh-tử, lời ông Mạnh nói truyền với Kỳ-oa). Chữ *vậy* đó tức là ý tiếng *rồi*. 久矣吾不復夢見周公 *Cửu hỹ ngô bất phục mộng kiến Chu công*. Lâu vậy, ta chẳng lại nằm mơ thấy ông Chu-công. (Câu trong Luận-ngữ, lời đức Khổng) Chữ *vậy* đó cũng tức là *rồi*, mà xưa ta quen đọc nghĩa như thế.

Hai là chấm hết ở cuối câu, hoặc là dừng ở dữa câu mà đều để tỏ ý quyết định。吾生矣 *Ngô sinh hỹ Ta sống vậy* (Câu trong Mạnh-tử, ông Mạnh dẫn lời của Tử-Trac-nhu-tử). 死矣盆成括 *Tử hỹ Bồn-thành-Quát*! Chết vậy ngươi Bồn-thành-Quát! Đều là sự chưa hẳn đã thế, mà quả quyết rằng tất như thế. — Như hai câu chữ Hán đây, mà nói về sự dịch, thời phải nên dịch là: *Ta sống rồi*! Thằng Bồn-Thành-Quát chết rồi. Chữ *rồi* đó, nghĩa là coi như cái sự đã rồi. Cứ lấy đúng nghĩa hơn thì dịch là chữ *hẳn*. *Ta sống hẳn*! *Bồn-thành-Quát chết hẳn*! Dịch như thế thời nghĩa đúng hơn, song ý-vị kém hay, vì từ-khí không đúng.

Ba là chấm hết ở cuối câu, hoặc dừng ở dữa câu, đều tỏ ý vui, buồn. 甚矣。吾衰矣。 *Thậm hỹ, ngô xuy hỹ*. Quá lắm vậy! ta xuy vậy. Như câu này dịch là: *Ta xuy quá lắm rồi*! Như thế đủ ý.

Tóm lại, thời chữ 矣 *hỹ* so với giấu chấm bên chữ Pháp, gồm cả chức-vị *point, virgule, point d'exclamation*, mà cái ý nghĩa « *quyết định* », và « *đã rồi* » thời là ý-nhị riêng của chữ ấy!

Giở lên các lời dẫn-giải, phần chính phần phụ, thực là tôi đã hết tâm-tư. Lại nhờ được có ông bạn đồng-sự là ông cử Ngô, lại là nhà Tây-học, để chất-chính những điều hồ-nghi, vậy thời may cũng ít sai lỗi. Tuy vậy, một việc làm phiền trọng như đó, khó thể do hai người chúng tôi hợp nhau ý-thức mà mong được như nguyện nào. Vả chăng, một việc dẫn-giải đây, cốt vì sự học Hán-văn mong có ít nhiều bổ ích; không phải là chủ đem hai thứ chữ đối-chiếu văn-pháp, mà khảo về văn-tự đông tây. Cho nên gọi là « *mượn grammaire bên chữ Pháp để giải thích chữ Hán* » vậy. Từ kỳ Tạp-chí này giở đi, cách tiếp mục này thường có; mong rằng các bạn Thanh-niên độc-giả đều sẵn lòng lượng xét đến chỗ đó. May cho ai nhường bao!

Nguyễn-khắc-Hiếu

Phòng chữa mắt
Từ-ngọc-Liên
Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

NGÀY TẾT LÀ NGÀY ĐÁNG MỪNG HAY ĐÁNG LO

Ngày nào chẳng như ngày nào, tháng nào chẳng như tháng nào.— Tối rồi, rồi lại sáng ra, xuân qua hạ tới thu đà sang đông — Hóa-công cứ ngồi trót vót trên cao, chẳng phải nói năng câu gì mà bốn mùa cứ việc thay đổi, vạn vật cứ việc hóa sinh; đó thật là lẽ huyền-diệu tự-nhiên.

Theo học-thuyết tự-do khám-phá cái lẽ huyền-diệu tự-nhiên ấy, thì, quả đất xoay quanh một vòng đường quỹ-đạo trong 365 ngày là một năm. Mỗi năm tức là một bậc thang sinh-hoạt của đời người, đời người chỉ hạn cho noi theo cái thang có một 100 bậc, như thế là cùng. Cái thang ấy bắc từ mặt đất cho đến đáy hố chết; mà ai cũng phải noi theo, bước dần từng bậc thang một. Mỗi khi quả đất bắt đầu quay vòng khác đường quỹ-đạo tức là thế-nhân bắt đầu bước một bậc thang, mà ta thường gọi là thêm một tuổi.

Phong-tục xứ ta, từ đời «ăn sống uống tươi» tới nay, cứ đến ngày bắt đầu thêm một tuổi thì gọi là ngày Tết, mà là ngày vui-vẻ nhất trong 365 ngày. Cho nên hễ đến ngày ấy thì thiên-hạ vui-vẻ vô cùng, vui vẻ mà có lẽ quên bẵng cuộc tang-thương, mà chỉ biết cùng chúa Xuân hết sức ganh đua muôn hồng nghìn tía.

Ngày Tết, họ vui mừng nhẩy nhót, náo-nức gần xa, ăn uống chơi bời, rồi tìm kiếm những câu diễm-lệ hạnh-phúc, chúc mừng cho nhau: Già thì mừng thêm thọ thêm lộc, quai đôi hàm răng móm nhấm-nháp thế-vị, dương đôi mắt kính ngắm cuốc đời; trai-trẻ thì mừng mạnh chân khỏe tay, để chen vai thích cánh chợ lợi trường danh, phồng má trợn mắt, nuốt chửng miếng đỉnh-chung; giai mừng đến tuổi lấy vợ, vợ đẹp; gái mừng đến tuổi lấy chồng, chồng ngoan; con trẻ mừng đến tuổi nhớn khôn, khôn; đến tuổi học hành, học.

Đại-lược cái vui mừng ngày Tết bất-ngoại-hồ cái vui mừng ấy. Nói tóm lại, người nào nghèo hèn thì còn nuôi cái hy-vọng giầu sang, người nào giầu sang rồi thì, mong sống lâu như ông Bành-Tổ, 8 nghìn năm là mùa xuân, 8 nghìn năm là mùa thu, hay quá nữa, thì đổi lốt, miễn là cứ đội đá ngồi bắt chân chữ ngũ tiêu-thụ cho chán miếng đỉnh-chung là mãn-nguyện.

Nói cho đúng ra, cổ nhân đặt ra có ngày Tết vui vầy như vậy, thật cũng có ý-vị lắm. Vì làm ăn cậm cụi xuốt một năm tròn cũng phải có vài ba ngày nghỉ ngơi chân tay, vui mừng cùng tuế-nguyệt, có lẽ nào như con trâu con bò, cứ nai lưng ra kéo cầy mà chỉ quai hàm ra nhai kẽo-kẹt mớ cỏ già hay sao?

Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái già sồng sộc nó thì theo sau!

Nhưng mà than ôi! từ lúc lọt lòng oe-oe ba tiếng khóc, Hóa-công đã nhét vào tay cho cái phận sự hẹn ngầm phải làm trong mấy vòng quả đất quanh đường quỹ-đạo, lại sai luôn ông thần Chết kèm thúc bên mình. Người nào khôn ngoan thì được thanh nhàn, mà người nào ngu đần thì phải chịu vất vả.

Thẳng gia bụng, trùng gia lưng, san đi sẻ lại, thế nào mặc dầu, hễ cứ đến hạn là ông thần Chết kéo cổ đi.

Lắm người vội vàng phú quý, lăn lóc công danh; lắm người kiệt lực gánh vác; lắm người sợ việc trốn trước; lại lắm người lười việc quá, lăn ra vệ đường kêu gào cầu cứu. Nói tóm lại, trong một đời dù sang hèn hay dở, hết hạn là ông thần Chết núm lấy phần hồn mang đi, còn phần sác, dù trắng, đen, gày, béo cũng vùi sâu ba thước đất. Hoặc có còn để lại cho thì chỉ để cho cái tiếng «hay» hay «dở» gửi ở miệng người sau.

Người ở đời vẫn cho là ở trong bể khổ, vì phải gánh vác việc đời trong một thời hạn hẹn ngầm của Hóa-công, hòa lẫn bao nhiêu nỗi khóc cười cay đắng. Việc đời được như ý, nào có mấy khi, sở ích cho tâm thân là mấy; ăn bất quá thích khẩu, mặc bất quá ấm thân, nhà cửa lâu đài bất quá mát mặt, ngựa xe võng lọng bất quá đỡ chân, sắc đẹp đủ nuôi con mắt, âm nhạc đủ khoái lỗ tai.

Ăn cơm thịt lo ngay ngáy, ăn cơm với cáy thì ngáy o-o — Con Yến-thử uống nước sông bất quá đầy bụng, chim Tiêu-liêu làm tổ vắt-vẻo rừng xanh bất quá một cành.

Sự nghiệp vĩ-đại như ông Napoléon; văn chương lừng lẫy như ông Victor Hugo, gian hùng như ông Tào-Mạnh-Đức, phóng đãng như Tô-Đông-Pha, giầu như ông Vương-Khải, nghèo như ông Nguyên-Hiến; than ôi! những người thủa trước bây giờ nào đâu?

Đời người như ngựa qua cửa sổ, như bông hoa sớm nở tối tàn, như bóng phù-du phấp-phới mặt địa-cầu, như hạt thóc rơi sớt bể đông. Vậy mỗi khi quả đất bắt đầu quay vòng khác đường quỹ-đạo tức là ngày ông thần chết giục sau lưng bảo: «Mau lên, mau lên!». Đường còn xa, gánh còn nặng, ân oán chưa đền, non sông còn đợi, mái đầu đã bạc, cuộc tang-thương chỉ rình đổi thay, thế mà còn mừng nỗi gì?

Vẫn hay rằng: ngày Tết là ngày kỷ-niệm cho sự sinh-hoạt của nhân-loại, nhưng tôi thiết tưởng ngày Tết tức là cái dấu chấm câu của đời người mà Tạo-hóa nhắc cho ta biết, thì phải nên lo lắng phận-sự của ta phải làm. . . .

Tây-Viên
Nguyễn-Duy-Tường

VẤN-ĐỀ ĐIỀU-ƯỚC TRONG VIỆC TRUNG-NHẬT CHIẾN-TRANH

MỘT BỨC BÍ-THƯ

Trong việc Trung-Nhật chiến-tranh, cái điều-ước thuộc về quyền-lợi hai nước đã nêu lên một vấn-đề rất quan trọng,

Trước ngày lá cờ «mặt trời» bay phấp phới ở Cẩm-châu, đứng trước Hội-đồng vạn-quốc, Nhật có bầy tỏ cái thái-độ của mình : Nhật sở-dĩ phải động-binh ở Mãn-châu là vì Nhật phải dẹp yên bọn «giặc cỏ» đang hoành-hành ở tô-giới Nhật. Đến ngày nay, Nhật vẫn còn viện lẽ đó.

Song, sau khi thế-trận của Nhật đã chàn khắp Đông-tam-Tỉnh, chính phủ Đông-kinh không thể vin cái cớ «dẹp giặc cỏ», một cái cớ nhỏ mọn như thế để bênh-vực thái-độ mình. Chính phủ Đông-kinh viện đến lẽ khác, cái lẽ «phải binh vực quyền-lợi của 203.000 kiều-dân Nhật ở Mãn-châu».

Ngày 26 Octobre, chính-phủ Nhật có điện sang Genève, đại-ý nói: Nhật không chịu lui binh ở đất Mãn về, Nhật còn chờ khi nào Trung-Hoa tỏ nhiều thái-độ hiển nhiên trứng rằng: Trung-Hoa đã biết «kính-trọng cái quyền lợi nhượng cho Nhật trong **các bản điều-ước**» (des preuves positives de son «respect des droits concédés au Japon **par les traités**» Như thế tức là Nhật công-nhiên binh-vực cái thái-độ của mình ở đất Mãn: Nhật sở-dĩ phải động binh cũng vì phải theo cái khoản trong «điều ước».

Điều ước nào? Ông Briand ngạc-nhiên. Trong báo Le temps ngày 6 Novembre, ông Briand cho đăng một bức thư của ông gửi cho chính-phủ Nhật:

«...Từ trước đến nay, quan đại-sứ Nhật chỉ nói về các khoản-ước của Nhật tại Mãn-châu. Các khoản-ước đó không đích đáng tý gì đến cái quyền lợi của kiều dân Nhật tại đất Mãn»

Một hôm, tại hội-đồng vạn-quốc, nước Nhật có yêu-cầu biên vào biên bản rằng: từ nay trở đi, «các bản điều-ước phải nên kính-trọng»

Nhân tiện, ông Briand hỏi:

—Kính-trọng các bản điều-ước, thì kính-trọng bản điều-ước nào?

Đại-sứ Nhật trả lời, gọn thon lỏn:

—Tất cả các bản điều-ước,

Hỏi thêm, đại-sứ Nhật trả lời: còn chờ lịnh ở Đông-kinh sang mới có thể nói rõ là bản điều-ước nào được. Hội vạn-quốc không cho câu trả lời đó vào đâu, nên không cho vào biên-bản.

Các bản điều-ước? điều-ước nào?

Trả lời câu hỏi đó, có người coi về đường xe-lửa Nam-mãn, ông Sakamato, người Nhật. Trong cuốn «vấn-đề Mãn-châu» (Affaire de Mandchourie), Sakamato có nói chắc chắn rằng: các bản điều-ước đó có can-hệ đến nền tảng của tình thân, thiện vạn-quốc.

Sakamato kể hai bản điều-ước: điều ước năm 1905 và điều-ước năm 1915. Nói rằng hai, song thực ra chỉ có một, chỉ có bản năm 1915 là dính-dáng đến việc này. Theo lời Sakamato, tờ điều-ước đó là một tờ biên-bản thuộc về tờ-ước ký ở Bắc-bình năm 1905. Trong tờ biên-bản đó có đoạn nói rằng:

« *Về quyền-lợi của Nhật, ở con đường xe lửa Nam-mãn chính-phủ Trung hoa tự cam-đoan: trước khi chuộc lại con đường xe lửa Nam-mãn, không được làm một con đường sắt nào gần hay ngang với con đường đó, hay là đặt một con đường phụ nào vào con đường đó mà có thể làm thiệt hại đến quyền-lợi của chính-phủ Nhật*», (Le gouvernement chinois s'engage, en vue de protéger les intérêts du chemin de fer de la Mandchourie du Sud, à ne construire, avant qu'il ait recouvré ledit chemin de fer, aucune ligne voisine et parallèle, non plus qu'aucun chemin qui puissent être préjudiciables aux intérêts du chemin de fer ci-dessus dénommé)

Lẽ của Nhật «cứng» lắm. Theo tờ biên-bản đó thì Trung-Hoa không được đặt một con đường sắt nào ngang hay phụ vào con đường xe lửa Nam-mãn, Trung-Hoa không được ngó ngàn gì đến quyền-lợi của Nhật ở con đường xe lửa Nam-mãn. Thế mà từ năm 1925, Trung-Hoa đã đặt bốn con đường sắt gần đó rồi, nay lại đương dự-định đặt thêm nhiều con đường nữa. Ngày nay, Nhật viện tờ biên-bản đó ra, Trung-Hoa đuối lý chỉ còn chờ một ngày kia tự-thú: tôi là kẻ có tội.

Trung-Hoa là «kẻ có tội? Tội hay không, ta chưa biết, ta còn chờ xem tờ biên-bản kia «có thực hay không» đã.

Ông Henri Rohrer (báo Progrès Civique) có đi tìm tờ biên-bản thuộc về điều-ước (1905) đó, và nhân tiện xem cái điều-ước Portsmouth (1905) thuộc về quyền-lợi Nhật ở con đường xe lửa Nam-mãn.

Tờ điều-ước 1905 ký ở Bắc-bình tờ điều ước Portsmouth, bầy ra trước mặt, ông Rohrer dùng kính hiển-vi để soi tìm mãi, mà cũng chẳng thấy khoản-ước đã nói trên kia. Không những thế, ông Rohrer lại hình như tìm thấy nhiều điều trái ngược với khoản-ước có. Quả vậy, trong tờ hòa ước 1905 chỉ có câu: phải kính-trọng quyền-lợi của Trung-Hoa, dù quyền lợi đó thuộc về chính-trị hay về thương-mại cũng vậy. Trên kia, Nhật nói: theo tờ hòa-ước, 1905 ký ở Bắc-bình Trung-Hoa phải kính trọng quyền-lợi của Nhật, sao trong tờ điều-ước đó lại nói: Nhật phải kính trọng quyền-lợi của Trung-Hoa!

Một sự lạ.

Nhật phải kính-trọng quyền-lợi của Trung, hay Trung phải kính trọng quyền-lợi của Nhật? chưa biết.

Trong việc Quốc-tế có điều gì khuất-khúc chăng? chưa biết.

Ông Rohrer lại phải đi tìm manhc mối khoản-ước đó trong cuốn «Nước Trung-Hoa và cái luật quốc-tế»

(La Chine et le droit international par Jean Escarra). Trong cuốn đó có một đoạn về các khoản-ước bí-mật, trong « nhà nghề » thường gọi là «bí-thư». Khoản-ước nói trên kia có phải là một tờ bí-thư không? Muốn biết rõ đầu đuôi ông Henri Rohrer lại phải đi phỏng-vấn hai nhà đương-cục Trung và Nhật ở Pháp.

Nhà đương-cục Trung-Hoa, một nhà triết-học, nói: «Chỉ có báo-giới « nước Pháp là chưa biết các điều « bí-ẩn của các tờ bí thư. Điều-« khoản nói trên kia không có « trong hòa-ước. Mà mãi đến năm « 1907, nước Trung-Hoa mới biết « rằng có điều-khoản đó. Năm 1907 « nước Nhật mới viện điều-khoản « đó ra để ngăn ngừa công-cuộc « đặt một con đường sắt Trung-« Hoa ở Nam-Mãn. Chính-phủ Tô-« Nga cũng kéo bè với chính-« phủ Nhật-bản để ngăn-ngừa « công-cuộc đó. Nước Trung-« Hoa tôi đành phải bỏ dở việc « đặt thêm đường sắt mà công-« nhận rằng có điều-khoản đó. « Chúng tôi có lục-lọi các giấy má « để tìm, song chưa tìm thấy, may « có một người thư-ký của một « nhà chính-trị đương-cục có ký « vào điều-ước 1905 có nói với « chúng tôi rằng: điều-khoản đó « có nhắc đến trong lúc hội-nghị « thảo-luận điều ước 1905; song, « người đó không nhớ rằng điều-« khoản đó có ghi trong biên-bản « hay không, hay chẳng qua cũng « là một điều-khoản « nói mồm » « thôi.

« Theo ý tôi, một là Nhật đã tự « đặt ra điều-khoản đó để binh-« vực thái-độ của mình, hai là từ « năm 1907, Nhật đã rút lấy bản « điều-khoản đó ở trong thơ-trát « gửi cho Nhật-sứ trong năm 1905, « mà cố-sức làm cho ai cũng tưởng « đó là một khoản chân-chính « trong tờ hoà-ước ấy ».

« Song cứ thực ra, nước Trung-« Hoa không khi nào nhận có một « bản khế-ước nhục nhã đó ».

Hôm sau, ông Rohrer tìm đến nhà đương-cục Nhật. Nhà đương-cục Nhật có hẹn sẽ gửi cho một bản nói về điều-khoản đó.

Hai ngày hôm sau, ông Rorher có nhận được một bản của Nhật yêu-cầu cải-chính lại một bức điện của chính-phủ Nam-kinh gửi cho Hội-đồng Vạn-quốc. Nhật cải-chính:

« Cứ theo như một bức điện ở « Nam-kinh gửi đi ngày 30 Octobre « Cố-duy-Quân có nói rằng: theo « phương-diện Nhật, Trung-hoa đã « không tuân theo điều-ước mà đặt « nhiều đường sắt ganh với con « đường xe lửa của Nhật, nhưng Cố « không nhận là có những bản điều « ước đó.

«Đại-sứ Nhật tưởng cần phải thanh-« minh rằng nói cả quyết như vậy « viên đại-sứ Trung-hoa đã miệt-thị « hẳn bản điều-ước và các công-« điệp phụ thêm vào điều ước Trung-« Nhật có can-thiệp đến Mãn-châu « ký ngày 22 décembre 1905 . . .

« Vả lại, trong các tờ biên-bản do « hai chính-phủ công-đồng khởi-« thảo, thiêm-ký và công-nhận có « can-hệ đến các khoản-ước trong « ngày 22 Décembre 1905 đã có ghi « chép một khoản rõ ràng rằng:

« *Vì quyền lợi của Nhật ở con đường xe lửa Nam-Mãn, chính-phủ Trung-hoa tự cam-đoan: không được làm một con đường nào phụ-thuộc hay ngang gần với đường xe lửa Nam-mãn mà có thể làm thiệt hại đến quyền-lợi của Nhật*».

Nếu ta có để ý đến mấy câu cuối thì ta sẽ thấy không có câu: « **Trước khi Trung-hoa chưa lấy lại được con đường xe lửa đó** » (avant d'avoir recouvré ledit chemin de fer) không hiểu Nhật vô-tình hay hữu-ý mà bỏ sót một đoạn đó. Nhưng cái sự « bỏ quên » ấy rất là quan hệ, bởi vì theo như giấy hợp-đồng con đường xe lửa Nam-mãn, thì cái kỳ-hạn cho thuê chỉ có 40 năm thôi.

Nhật có ý nhắc đi nhắc lại cái điều-khoản đó, mà thật ra Nhật có cho ai trông thấy tờ bí-thư ghi cái điều-khoản đó đâu,

Ông Henri Rohrer lại tìm. Tìm đâu?

Cứ theo bức điện trên kia, thì hai nước Trung Nhật có làm một tờ biên-bản trong đó có ghi một cái điều-khoản thuộc về quyền-lợi của Nhật tại con đường xe lửa Nam-Mãn.

Song tờ biên-bản đó chưa tìm thấy, hoặc là Nhật chưa muốn cho ai trông thấy tờ biên-bản đó chăng?

Ta có thể tin rằng: nếu tờ bí-thư đó một ngày kia ló ra ánh sáng mặt trời, thì cuộc xung-đột ở Mãn-châu mới dàn xếp được.

Vũ-Lang

GIÁ-TRỊ ĐỜI NGƯỜI

Một nhà bác-học Hồng-Mao, ông F.E. Lawson đem hóa-học phân-chất tấm thân người. Ông lấy một người nặng 65 cân làm trung-bình mà tính rằng thân người ấy có cả thẩy:

— nước 45 lít;

— chất mỡ đủ làm 7 bánh sà-phòng;

— thán chất đủ làm 9 nghìn cái ruột bút chì,

— lân-chất đủ làm 2.200 cái đầu diêm;

— chất mĩ (1) đủ làm một liều thuốc tẩy;

— chất sắt bằng một cái đanh nhỡ;

— chất vôi đủ quét một cái trần nhà con;

và sau rốt, một chút diêm-hoàng đủ giết dận cho một con «khuyển»!

Rồi bác-sĩ kết bài diễn-thuyết:

Cứ lấy giá hàng bây giờ mà trị-giá thì tất cả các chất trong tấm thân người ta chỉ bán được 40 hay 50 quan tiền tây. Vậy dù tấm thân một kẻ thái-ngu hay tấm thân nhà bác-học Einstein, lẽ tất-nhiên, cũng chung một giá như nhau cả.»

Đ. H. H.

(1) 鎂 Magnésium=Một loài kim dẫn, sắc trắng như bạc, trọng lượng 1, 7, dung độ 631°, đốt lên thấy sáng rực chói mắt, pha với lưu-chất thành một thứ thuốc tẩy gọi là Sel d'Epsom.

SỸ-DIỆN

Năm tôi mười tám tuổi, tôi đã có cái vẻ mặt đứng đắn của con người hai mươi. Nhất là khi khăn áo chỉnh tề, thì các bạc ngàn, người lạ cũng chả dám đánh cuộc rằng tôi còn phải mài quần ở ghế trường học.

Sở dĩ tôi nhớ lại truyện cũ, là vì độ này bên tai tôi ai ai cũng còn nói đến Tết.

Nguyên từ nhà quê tôi ra đến Hà-nội, có hai mươi cây số. Muốn đi xe lửa, thì thuê một hào xe ra ga, lấy vé mất hào bẩy; nhưng nếu sợ phu xe bắt chẹt, thì cứ đứng ở Chợ Đường-cái, mà chờ ô-tô hàng Hưng-yên và Hải-dương đến. Vừa chóng mà chỉ tốn có hai hào rưỡi thôi.

Hôm ấy là mồng hai tháng Giêng, tôi phải ra Hà-nội để lễ Tết người nhà họ.

Tôi chờ ở giữa đường, mãi không có xe qua. Có lẽ vì năm mới, các hãng xe còn nghỉ việc chăng.

Nhưng may quá, đương nóng ruột, thời bỗng có cái ô-tô hòm đi tới, mà đến gần tôi, người tài-xế hãm xe lại, ngó cổ ra, hỏi có đi Hà-nội thì lên. Tôi mừng quá, vội lên ngay.

Các ngài thử tưởng-tượng mà xem, một người ăn mặc lịch-sự như tôi, giầy ban khăn nhiễu, trong gấm ngoài xa-tanh, mà chỉnh chện ngồi giữa cái xe hòm, thì phỏng ngay các ngài có dám thách chục bạc mà nói dựng đứng rằng: không phải xe nhà tôi không?

Đi được một ít, anh tài xế dặn tôi:

—Đây là xe của ông chủ tôi ở Hải-phòng, hôm qua lên Hà-nội có việc, nay bảo tôi đi đón; vậy giữa đường nhỡ có gặp ai hỏi, thì ông cứ nhận là người nhà tôi:

—Được.

—Ông lên Hà-nội có việc gì?

—Tôi đi lễ Tết, chiều về. Hôm nay ngày xấu, sao ông đã vội đi xuất-hành thế?

—Nếu cứ chờ ngày tốt, thì còn gì là ngày nghỉ nữa.

Anh Tài thấy tôi nói đến tiếng «nghỉ» cơ chừng anh đoán là tôi cũng đã có địa-vị chi đây, phi ông tham, thì ông phán, ông ký, không cũng ông giáo hẳn,—chứ chắc chả dám đoán tôi là học-trò, cho nên anh hỏi ngay:

—Ông làm gì ở đâu?

Cái sỹ-diện của tôi mới bơm được có một ít, chẳng nhẽ nay tôi lại trả lời thực thà để nó sỳ mất hết a? Tôi liền thụt ngay cho thêm vài nhát nữa, mà đã nói khoác thì tội gì không nói mình thực sang, cho nó bõ chuyến, tôi liền đáp:

—Tôi làm tham-tá phủ Thống-sứ.

Lúc đó, anh Tài quay ngay lại nhìn tôi. Cơ chừng anh ấy không ngờ đâu cái ô-tô của anh ấy đã được hân-hạnh một vị «oai» thế đặt cái quý-đít lên trên, cho nên tuy bụng anh ta không nói ra, nhưng cứ đọc ở đôi con mắt, tôi cũng đoán được là anh ta vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi. Quả thực, vì từ đó, mỗi câu nói, anh ta lại: thưa quan, và lại xưng là con nữa.

Thấy thế, tôi tự phụ là tuy ít tuổi, nhưng ra ngoài xã-hội đã khôn khéo hơn người, biết làm cho kẻ khác vị-nể.

Rồi, từ đó đến Hà-nội, trong nửa giờ, tôi cứ hô-hấp, nói năng, cử chỉ một cách tham-tá, mà anh Tài càng nghe tôi nói khoác bao nhiêu, lại càng lễ-phép, khúm-núm bấy nhiêu. Rồi xe vào cầu Đu-me, anh ta nói:

— Bẩm quan, người ta thì đến đầu cầu bên kia, phải xuống ngay, nhưng quan đây thì con vững tâm lắm, con xin đánh xe hầu quan đến tận nhà.

Đấy, các ngài đã phục lăn ra chưa? Cái sỹ-diện của tôi cũng thời-gian mà to dần, cho nên đến các phố, tôi càng lấy dáng bảnh chọe, ta đây kẻ giờ, cái mặt vênh-vênh, cái tay khuỳnh-khuỳnh, con mắt gấp-gay, rõ ra con người khó tính không chịu nổi gió bụi. Xe qua nhà các vị tiểu-thư ngày thường bốn buổi tôi cắp sách qua, các cô còn chổ mắt lên nhìn theo, không biết có phải chính hẳn không!

Đến nhà tôi. Xe vừa dừng bánh, thì anh Tài chạy vội ngay xuống để mở cửa. Nhưng về phần Quan Tham thì tính sao? Quan phải chi tiền xe chứ? Lúc bấy giờ Quan mới sực nghĩ ra rằng: trong túi Quan, đếm đi đếm lại, chỉ có đồng tư bạc.

Thì giá các ngài vào địa-vị tôi, các ngài định trả bao nhiêu? Giá từ trước, cứ ngồi cạnh anh tài-xế, đừng chồm chỗm như con chó tiền rưỡi ở yên sau, hoặc cứ ngồi yên sau mà nói rằng: tôi học ở trường Cao-đẳng, cũng sỹ-diện chán, mà không nguy-hiểm đến tính-mệnh số tiền tý siu kia, chết một nỗi làm những Quan Tham mất rồi! Chả nhẽ Quan Tham ngài lại xử-nhọ, đưa bốn hào, hoặc đưa đồng bạc, lại bắt anh Tài trả lại mấy hào, coi không tiên. Thôi đành cắn răng mà lôi cả đồng bạc vậy. Ô-hô!

Anh Tài thấy tôi chỉ sang, giơ hai tay ra nâng một cách cung-kính mà rằng:

— Bẩm Quan, năm mới Quan mở hàng, con xin bái-lĩnh.

Nói đoạn, anh vái rồi đánh xe đi, để tôi với cái tham-tá của tôi lại giữa đám cát bay mù.

Xe đi khuất phố; tôi phủi bụi áo, chợt nghĩ đến cái sỹ-diện Quan Tham ban nẫy, thôi, nó theo anh tài-xế đi đằng nào mất rồi? Thực là dại! Tiếc quá, được làm Quan Tham trong nửa tiếng đồng hồ, thành ra túi nhẹ mất một đồng bạc!

Thì ra có dại mới nên khốn, nhưng khốn nạn, lúc khôn thì đã dại quách rồi. Tôi nghĩ còn dại hơn anh chàng thiếu niên trong truyện Gil Blas nọ, được là «cái kỳ-quan thứ tám trên thế giới» mà phải trả tiền cơm ăn kẹ cho con chó đói nó ninh minh. Nhưng chàng thiếu-niên ấy còn hơn tôi ở chỗ được người lạ tự-nhiên đến biếu cái sỹ-diện thì mất tiền cũng đáng, chứ mà như tôi, tự mình mua cái sỹ-diện cho mình đến nỗi đánh gẫy mất ba phần tư cơ-nghiệp mới dại làm sao?

Bây giờ tôi lớn lên, nhân nhớ lại truyện cũ mà lại buồn cười. Té ra là hai bên cùng lầm cả, cho nên mới thành câu chuyện. Anh Tài lầm vì anh chỉ biết trọng ông quan Tham, mà anh không biết khinh thằng nói khoác; mà tôi lầm là vì ai lại đi trả đắt cái sỹ-diện đối với những kẻ xét lầm mình!

Ấy cũng chỉ vị người đời đều lầm như anh tài-xế và tôi, cho nên mới đánh giá những cái không đáng quý khí cao quá. Bởi vậy mà xung quanh tôi đây, từ năm ấy đến nay, tôi đã hằng gặp biết bao là tôi và anh tài-xế! Trong những hạng người ấy, không thiếu gì anh to đầu hơn tôi, cỗ râu rồi, có con rồi, có cháu rồi, mà còn dại như đứa trẻ thơ, cố mua hộ một tý sỹ-diện hão hiền.

Các cô tiểu-thư! các cô cứ kệ cái nước da ngăm ngăm cho có duyên, các cô cứ mặc cái làn tóc tự nhiên của giống đẹp nỏ phất-phơ trước gió có được không? Các cô lại muốn đánh lừa chúng tôi mà tô son điểm phấn, để lấy cái bộ mặt khác, các cô lại đánh sáp bôi nước hoa để làm lạc cái vẻ nhu-mị tự-nhiên của các cô đi. Các cô đẹp thực, thơm thực. Vậy cái sỹ-diện các cô đã bắt các cô tiêu phí bao nhiêu tiền, về trang điểm, về thì giờ, về mất việc? Các cô đi qua mặt chúng tôi, việc gì trong ngực các cô phải bồi hồi, việc gì các cô phải lấy dáng cho yểu-điệu, việc gì các cô phải làm nét mặt cho nghiêm chỉnh? Chúng tôi tưởng rằng các cô đoan trang thực đấy, nhưng các cô có biết cái sỹ-diện ấy đã xui các cô giết chết mất cái dáng điệu tự nhiên không?

Các ông nhà quê! các ông không muốn ngồi yên chiếu dưới, các ông phải cố xoay lấy cái lý-trưởng phen này. Nhưng nào các ông đã thỏa cho, cụ Chánh còn có điều có cháp kia, vào quan không phải tụt giầy, được bạn với cụ Thừa cụ Lục kia; mà lúc các ông được làm Chánh tổng, các ông có ngồi yên đâu? Các ông lại còn nhấp nhổm lên cái ghế nghị-viên hàng-xứ. Phải Quan Nghị oai lắm! Nhưng các ông muốn được cái sỹ-diện lâu và to gấp trăm gấp nghìn cái Quan Tham nửa giờ của tôi, thì hẳn các ông phải sủy một món tiền cũng gấp trăm gấp nghìn cái đồng bạc ấy. Bấy giờ các ông thử vỗ túi xem còn gì không?

Lại còn nữa; lại còn những anh kiết sác, muốn được cái sỹ-diện tư-bản, cố vay mượn để xe nhà, để ô-tô, để Đồ-sơn, Xá-pả, để vợ con ăn mặc ngang bà nọ bà kia; thì ra anh ấy đã tiêu phí mất cái tự-do về tinh-thần. Ông Chủ báo dốt đặc muốn lấy sỹ-diện với quốc-dân, đã liều thân làm cái bia cho đời mai mỉa. Một ông võ-tướng, muốn lấy sỹ-diện với hoàn cầu hậu thế, đã tiêu tốn mấy vạn sinh-linh!

Ấy, các cô và các ông đừng dại như tôi, trước khi chui vào cái ô-tô hòm mà chễm chện, ta hãy bấm lưng để lượng xem có bao nhiêu vốn cái đã, mà anh Tài có hỏi cũng cứ sự thực mà nói, thì ở đời làm gì có những cảnh ba-đào? Nhưng nếu không thế, thì sao đã có câu chuyện tôi hiến các ngài đây?

Nguyễn-công-Hoan

Tin tức bạn đồng-nghiệp

Ngày 1er Février 1932 tờ Tân-Thanh tạp chí lại xuất-bản, bắt đầu từ số 35. — Theo như thư báo tin mừng của bạn đồng-nghiệp — «từ nay tờ Tân-Thanh tạp-chí chẳng như tờ Tân-Thanh trước; từ nay khuôn-khổ to và theo một mục khác, riêng chú-trọng về văn-chương, tư-tưởng và cách-vật chí-chi».

Hôm sau, một bạn Đồng-nghiệp nữa là tờ Tân-Báo cũng ra đời, làm «cơ quan phổ-thông của cái đời mới, cái đời hoạt-động ở xứ Tân-Việt». Theo tờ cáo-bạch thì nhân-viên trong tòa soạn có «một ông Thực-thụ Hội-viên liên-hiệp các nhà Tân-văn Văn-sĩ Tây ở Paris» với 5 vị khuê-các, còn toàn các ông Nghè, ông Bảng, ông Cử tân cựu cả.

Bản-chí xin thành-thực giới-thiệu với các quý-độc-giả và chúc mừng hai bạn đồng-nghiệp.

LÝ THỦ

NẶNG CHĨU HAI VAI GIẢ NỢ ĐỜI

Xưa có một anh chàng nhà quê, nhà giầu, có hai vợ. Mỗi bữa anh ta ăn cơm, thường nằm cái võng mắc ở giữa gian nhà, đưa sang bên tay phải thời người vợ cả ngồi đó cầm bát cơm và một miếng cơm; đưa sang bên tay trái thời người vợ lẽ ngồi đó bưng đĩa rỏ bón một miếng rỏ.

Sau đến khi anh chàng phải vận nghèo, đi ở với nhà người ta làm thằng gánh nước. Mỗi bận anh ta đi gánh nước, hai vai hai đòn gánh, gánh bốn thùng nước.

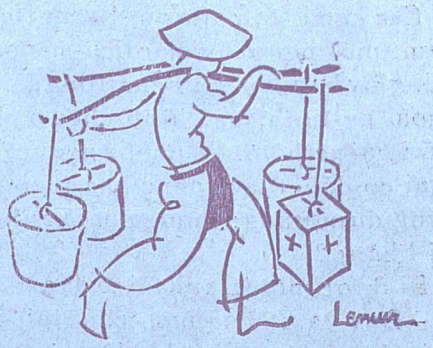

Người hỏi sao tự làm khổ quá như thế.

Anh chàng ta nói rằng: « Lúc tôi sướng, sướng bằng hai người khác: cho nên bây giờ làm, cũng muốn làm bằng hai người khác. Nghĩ như thế mới phải, chớ có ai bắt mình ».

Nghĩ như anh chàng đó, thật là giả nợ đời nặng chĩu hai vai vậy.

Tản-Đà

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra:

Les confessions de J.J. Rousseau»

(tiếp theo)

Hai thân tôi là người thế nào, tôi đã kể đó. Giời sinh ra hai thân tôi, biết bao là tài đức, nhưng hai thân tôi truyền lại cho tôi chỉ được có một nết, là cái nết đa-cảm đa-sầu. Nết ấy đã gây nên hạnh-phúc cho hai thân tôi, nhưng với tôi thì cuộc đời chịu xiết bao cay đắng.

Khi tôi mới sinh thì ai cũng tưởng không sống được. Từ nhỏ đã mang bệnh, mà bệnh ấy đến nay càng thêm nặng (1); có khi giảm một tí, thì lại có khi tăng lên một cách khác.

Một bà cô bên nội tôi khôn ngoan mà tử tế, chăm chút cho tôi lắm, mới cứu được mạng tôi. Lúc tôi biên chép tập này, cô tôi vẫn còn mạnh khỏe, tuy đã tám mươi tuổi mà vẫn tận tâm trông nom cho một người chồng ít tuổi hơn cô tôi, nhưng rượu chè bê tha, cho nên yếu mệt.

Cô ơi! Cô yêu quý của con ơi! Con tha lỗi cho cô đã làm cho con phải sống ở cõi đời này, con lại buồn thay lúc tuổi già cô chẳng được nhờ con, mà con thì lúc trẻ bé đã nhờ cô bao xiết kể!

Người vú của tôi cũng còn sống mà còn mạnh khoẻ có nhẽ lúc nào tôi chết, cái tay đã giúp tôi mở mắt, thời có nhẽ lại vuốt mắt cho tôi trong phút cuối cùng.

Tôi chưa có trí nghĩ đã có cảm-tình: con người ta ai cũng thế. Duy tôi có phần đa-cảm hơn người. Tự lúc mới sinh cho lúc lên năm lên sáu, những việc mắt thấy tai nghe, không còn thấy tý gì. Duy cái cảm động thứ nhất nó khiến thích tôi là cái cảm vì đọc sách; tự lúc có cái cảm động ấy mới là lúc bắt đầu tôi biết tôi.

(1) Bệnh ông ám-chỉ đây là bệnh bí-tiểu.

Mẹ tôi mất đi rồi, còn để lại nhiều tập tiểu-thuyết; cha tôi và tôi cùng nhau mỗi khi cậu tôi sang, thì đem những sách đó ra đọc. Lúc mới đầu là cốt để cho tôi thích truyện mà mau biết đánh vần và biết đọc nhưng càng đọc thì càng ham, cả hai cha con về sau đều lần lượt đọc truyện luôn luôn không rời, có khi thức xuốt cả đêm. Không bao giờ đọc chưa hết quyển sách mà cầm lòng gấp lại được; có khi mải xem tiểu thuyết mãi canh tàn, vừng đông ló, nghe tiếng chim ríu rít đầu cành, cha tôi có ý thẹn mà bảo tôi rằng: Thôi con, ta phải đi ngủ đi chứ, cha cũng trẻ con quá con, con nhỉ?

Nhờ cái cách tập đọc nguy hiểm ấy, chẳng bao lâu không những là tôi đọc sách rất nhanh mà nghĩa cũng hiểu rõ lại có sự lịch duyệt về những nỗi niềm tâm sự, thật không trẻ con nào tỏ tường bằng. Tôi chưa biết những sự-vật mà đã hiểu hết những mối cảm súc. Tôi chưa nghĩ ra điều gì, nhưng bẩy tình thì tưởng như đã trải hết, những sự cảm động ấy, nhờ mờ như tỏ... mà kế tiếp luôn trong lòng tôi; nó không làm hại đến trí-khôn của tôi, vì lúc đó tôi chưa có trí-khôn nhưng nó đào tạo cho tôi một cái trí-khôn riêng khác thường: nó khiến cho tôi có cái tư-tưởng lạ là tin rằng: việc đời cũng tựa như những điều tôi thấy trong tiểu-thuyết; rồi về sau tuy có lịch-duyệt và biết suy-nghĩ hơn, những cái nhầm ấy có lẽ cũng không phá đi được ở trong trí.

Hết mùa hè năm 1719, cha tôi và tôi đã xem hết những tiểu-thuyết của mẹ tôi để lại. Đến mùa đông sau, lại đọc thứ sách khác. Bấy giờ cha tôi lục đến những sách của ông ngoại tôi để lại, vì tủ sách của ông ngoại tôi thì cha tôi cũng được thừa-tự một phần, sách đó toàn là những sách tốt; như vậy là nhẽ tất nhiên, vì ông ngoại tôi là người sùng đạo, lại là người học-thức sành-sỏi tinh-anh. Những sách «Truyền giáo lịch-sử» «Đế quốc lịch-sử» của Le Sueur, «Hoàn-cầu Đại-Toàn Lịch-sử diễn-thuyết» của Bossuet, «Danh nhân sử» của Plutarque,» «Venise sử» của Nani, «Biến-Hoa» của Ovide, sách của La Bruyère, sách «Vũ-trụ luận» của Fontenelle và «Người chết nói chuyện» cũng của tác-giả ấy, cả mấy tập hài-kịch của Mô-li-e, cha tôi đem vác cả vào trong buồng, rồi ngày nào tôi cũng đem đọc cho cha tôi nghe trong khi làm việc. — Nhờ các sách ấy, tôi có phần sành về văn-chương hơn cả các trẻ con khác cùng tuổi tôi — Tập truyện «Danh-nhân» của Plutarque tôi thích nhất, đọc đi đọc lại, cái thú ấy nó chữa cho tôi khỏi cái bệnh xem tiểu-thuyết; mà chẳng bao lâu những bậc vĩ-nhân tiền-bối, tôi lại yêu hơn mấy mươi những giai-nhân tài-tử trong các truyện tình. Những quyển sách lý-thú ấy, và những câu chuyện mà cha con tôi bàn-luận trong khi đọc sách, nó đào-tạo nên cho tôi được cái tinh khảng-khái tự-cao, không chịu nổi những cái gì áp-bách, cái gì bắt mình phải nô-lệ. — Tính ấy xuốt đời tôi đã làm cho tôi gian-nan mấy độ, mà dẫu trong cảnh gian-nan thật không có cơ nào tự-lập, tính ấy của tôi cũng vẫn không sờn. — Luôn luôn đọc lịch-sử Hi-Lạp và La-Mã, tức cũng như sống luôn với những bực danh nhân đời ấy, mà lại vốn sinh vào một dân-quốc, và một gia-đình rất ái-quốc, trong lòng cha tôi có sự yêu nước là mạnh hơn hết các tình, tôi cũng nhiệt thành mà nối gót cha tôi. Tôi lắm lúc thì tưởng như mình đã hóa ra một người La-Mã hay Hy-Lạp; Đọc lịch-sử người nào thì tưởng như chính mình là người ấy, thấy kể những công việc trung-nghĩa hay

là bạo-dạn thì trong lòng kích-thích, mà chính mình cũng quắc mắt kêu to. Một hôm đương lúc tôi kể lại truyện ông Secvola tự đốt một bàn tay trước mặt quân giặc đã bắt được mình, để tỏ cho nó biết nước mình có lắm người can-đảm, trước mặt lại có cái hỏa-lò, tôi liền giơ tay ra mà thí-dụ, khiến cho cả nhà hoảng-hốt thất kinh.

Tôi có một người anh nhớn hơn tôi 7 tuổi đầu. Anh tôi cùng học theo nghề của cha tôi. — Cha tôi yêu tôi quá, thành ra đối với anh tôi cũng có phần bỏ liều, nay tôi còn lấy điều ấy làm ân hận. Anh tôi không ai trông nom đến, cho nên dễ sinh hư. Chưa đến tuổi thành-nhân, đã ra điều phóng-túng chơi-bời, cha tôi đem gửi một ông thầy khác, thì anh tôi lại bỏ nhà ông thầy ấy mà trốn đi. Tôi ít khi thấy mặt anh tôi, anh em chỉ như hai người có quen biết nhau mà không có thân mật, nhưng trong lòng tôi vẫn yêu hết sức, mà anh tôi thì cũng rất mực yêu tôi; lòng người du-đãng yêu ai đến bực nào thì lòng anh tôi đối với tôi cũng đến bực ấy. Tôi còn nhớ có một lần cha tôi nóng lên đánh anh tôi một trận ghê quá, tôi liền xông vào giữa hai người, ôm ghì lấy anh tôi, lấy mình tôi mà tre trở anh; cha tôi đánh cái nào thành ra đánh tôi cả, mà tôi cứ nhất định ôm anh tôi như thế mãi, đến nỗi cha tôi phải thả cho anh tôi, vì phần thì thương tôi kêu khóc, phần thì sợ tôi bị đau hơn người có tội. — Nhưng về sau, anh tôi lêu lổng quá, lại bỏ nhà đi đâu mất, thế là hỏng cả một đời. Ít lâu có người đồn rằng: anh tôi chốn sang ở bên Đức. Nhưng mãi đến sau cũng không thấy anh tôi có tin tức gì về, rồi tự đấy về sau vắng bặt tăm hơi, mà tôi là em út mà hóa ra con một vậy.

Anh tôi chẳng may không được có ai chăm nom đến, trái lại, tôi lại được hưởng bao nhiêu cái sung-sướng, thật là được nũng nịu như con vua cháu chúa không bằng, quanh mình chỉ thấy những người chăm chút yêu mến. Tuy kẻ quý người yêu như vậy, nhưng tôi không phải là đứa con nuông chiều. Khi tôi còn ở dưới gối cha tôi, không bao giờ được một mình chạy ra đường chơi với những trẻ con hàng phố; cũng không bao giờ có những cung cách ngang ngược đến nỗi để cho nhà phải trừng phạt, hay là đành phải gượng chiều một đứa trẻ có cái tính ngang-ngược ấy. Người ta tưởng là do thiên-tính, nhưng chẳng qua chỉ vì người trên không biết uốn-nắn mới đến nỗi làm hư con trẻ. Về phần tôi, không phải là tôi không có những cái nết xấu thường của con trẻ về tuổi ấy, như là nói lém, ăn tham, có khi lại nói dối nữa — Lúc thèm cùng có thể hạ thủ mà ăn trộm hoa quả, kẹo bánh, các thức ăn; nhưng thật không bao giờ tôi vui lòng mà làm càn hay làm hại ai, quấy rối ai; hay làm khổ các con súc-vật. Tuy vậy có một lần tôi nhớ tôi tiểu-tiện vào trong nồi cơm một bà mụ hàng xóm gọi là mụ Cốt, trong khi mụ đi nghe kinh vắng nhà. Mà tôi thú thật rằng: ngay bây giờ nhớ lại cái lúc nghịch tinh ấy, tôi vẫn còn bật cười, bởi vì cái mụ già ấy, kể ra thì cũng là một người đàn bà hiền lành, nhưng mụ ta cáu nhảu lạ, bình sinh tôi chưa thấy ai như thế. Đó là xin nói tóm tắt và thành-thực hết những tội-ác của tôi lúc còn thơ-ấu.

Vả lại, tôi có thể nào hiện ra ác được, vì chung quanh mình tôi, chỉ có như những người hiền-hậu, những gương nhân-từ — Cha tôi, cô tôi, thím tôi, em tôi, họ hàng thân thích, cho chí hàng xóm láng giềng của tôi, tất cả những người quanh mình tôi kể ra thì không phải cái gì cũng vâng mệnh một phép đâu, nhưng mà yêu tôi thì ai nấy đều yêu thật, mà tôi cũng yêu trả lại. Cho nên những điều sở-ước của tôi không có cái gì khiêu-động và không có cái gì ngăn-trở vì thế thành ra trong bụng tôi không hề nẩy ra cái ý-tưởng đòi cái gì, xin cái gì bao giờ. — Tôi thề rằng: trước khi tôi bị câu-thúc dưới quyền một ông thầy, thì tôi không biết cái gì là cái ước-ao bằng lòng vô-lý (1.) Khi nao không ngồi đọc, ngồi viết với cha tôi, hay không đi chơi với em tôi, thì tôi lại đến ngồi bên cô tôi, xem cô tôi thêu, nghe cô tôi hát, hoặc đứng cạnh cô tôi, thế là tôi đủ thỏa lòng — Cô tôi người tươi-tỉnh mà dịu-dàng, mặt trông cũng xinh; tôi mến yêu cô tôi lắm; cho nên đến bây giờ vẫn nhớ từng nét mặt, từng dáng-điệu, từng khóe mắt đưa nhìn; nhớ những câu chuyện ngắn đem nói, nghe truyện du em như là được người vuốt ve; tôi có thể nói rõ cách ăn mặc, cách đội khăn của cô tôi thế nào, mà cả hai cái món tóc đen rủ xuống cong cong ở bên thái-dương, cô tôi theo «mốt» lúc bấy giờ, tôi vẫn còn tưởng-tượng trong trí-não.

Nguyễn-tiến-Lãng *dịch thuật*

(còn nữa)

(1) Thuyết của ông Lư-Thoa về giáo-dục là người ta vốn tính lành «tính bản thiện» cũng như câu kinh ba chữ đó, mà vì câu-thúc cho nên hóa ra mất cái bản-tính tốt, phát ra những cái sở-ước vô-lý và mọi nết xấu khác.

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUẢNG-VẠN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính-Dần 1926
120, phố Bonnal 120

Haiphong

Có bán trẻ « *Việt-Nam* », sà phòng « *Rồng-Nam* » v. v. . .

CHUYỆN CÂM : HAI ĐÔI GIẦY

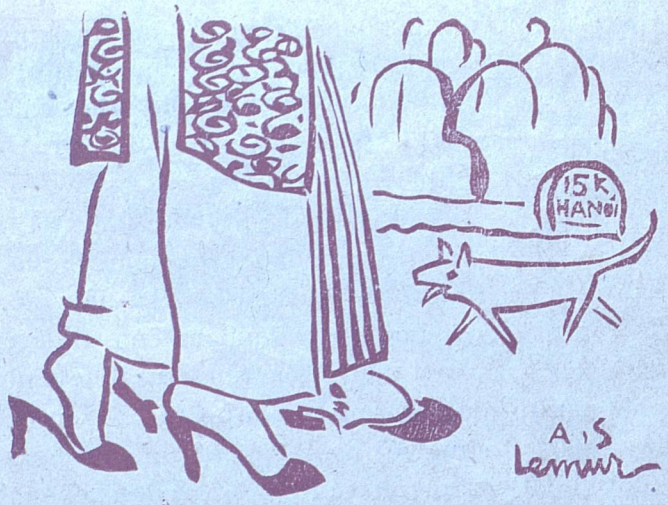

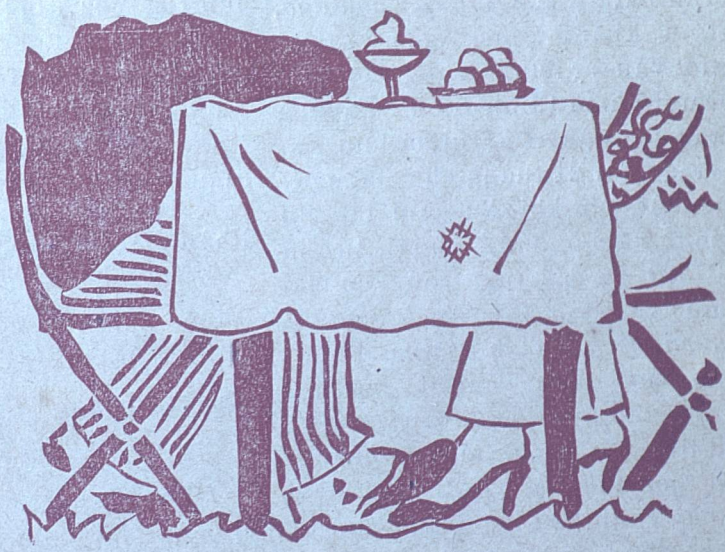

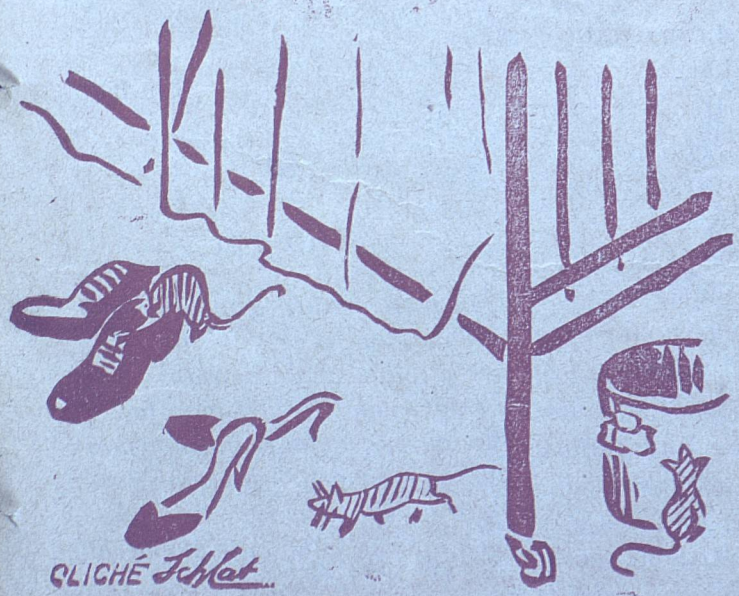

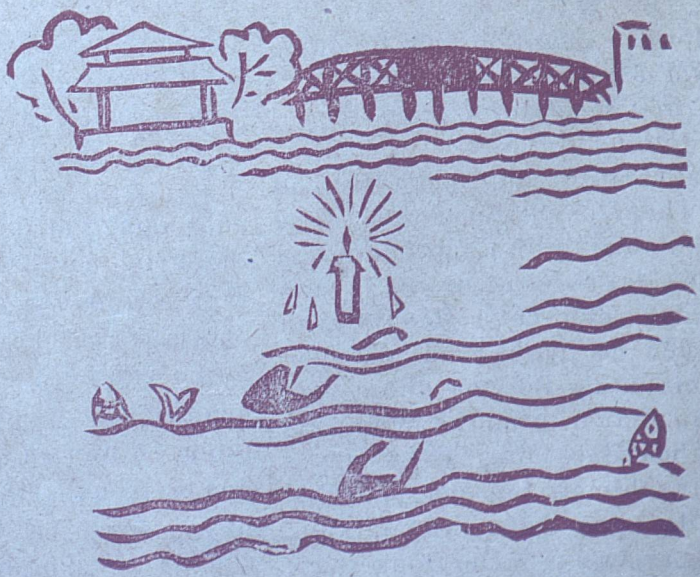

VĂN-ĐÀN

HÀI-VĂN

Hội hoa - đào

Thịnh tình của xã-hội An-nam đối với An-nam tạp-chí.

Ngày 16 Janvier 1932 An-nam tạp-chí tiến-hành xuất bản ở Ha-nội, báo-quán trụ tại phố hàng Khoai, khúc đường bên trong đường xe điện chợ Đồng-xuân. Ngày 31 tháng ấy, tức là ngày 24 tháng chạp An-nam ta, năm Tân-vị, sĩ dân gần quanh bất kỳ khai *đại Hội hoa-đào*, tỏ tình khánh-chúc. Nghĩ đó thực là một vận-sự ít thấy trong báo-giới, mà một phiến thịnh-tình của công chúng chẳng nên kỷ-niệm lắm ru?

Sáng hôm 24 tháng chạp ta, ngày chủ-nhật, sau khi An-nam tạp-chí ra số thứ ba ở hàng Khoai, tức là số 27 từ hàng Lọng, trong có bài về mục văn-đàn: *Bức thư đưa người có quen biết*, của một nhà Thi-sĩ trong Báo - quán. Thi-sĩ, sau khi gửi bức thư ấy cho người quen biết, khối tình ôm nặng, hồn còn phảng-phất theo thơ; lại chợt sáng hôm ấy thấy cành hoa mai trắng toát từ đâu ra đến ở trước song.

相思一夜梅花發
Tương tư nhất giạ mai hoa phát,
忽到窗前疑是君
Hốt đáo song tiền nghi thị quân.
Một đêm hoa nở cành mai,
Trước song chợt đến, ngỡ người nhớ thương.

Cái cảnh-thú thốt-nhiên làm cho nhà Thi-sĩ ta phải vội-vàng đứng dậy ra xem, thời ra ngoài cành hoa mai ấy, lại có vô số những là cành hoa đào; mỗi cành đào và cành mai đều có người cầm mà ngồi, cầm mà đứng. Rồi mà không biết từ đâu đến vô số những người cầm cành hoa đào, cũng lại có người cầm cành mai. Rồi mà suốt hai bên dẫy phố hàng Khoai, khúc đường ấy, từ ngã tư chợ Đồng-xuân, đầu hàng Giấy, chạy sang cống chéo hàng Lược, toàn là đào và mai. Tranh hồng đua thắm, điểm trắng pha xanh, hoa có cành mà không thấy có cây, cành toàn hoa mà lơ-thơ có lá vậy. Đại-để trong mười phần thời chín phần đào, có một phần mai.

Từ khoảng tám chín giờ sáng giở đi, cho đến 10 giờ, 11 giờ, ngoài cửa Báo - quán thật thiên - nhiên hiện cảnh Đào-nguyên. Rồi mà tài-tử giai - nhân, người Nam, người Pháp, người Trung-hoa, xem hoa, thưởng hoa, mua hoa; hoa như rừng, người như hội vậy! Bóng mặt giời buổi sáng từ trên cao chiếu xuống, rực-rỡ những bông đào đỏ thắm, ói lộn hai má hồng của những ai giai-nhân.

人面桃花相映紅
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Hồng hồng ói lộn hoa lồng mặt ai.

Câu thơ của cổ-nhân mà tình-cảnh hiện-tại.

Đố ai chẳng chút động lòng!
Ngồi trong cửa sổ văn-phòng trông ra.

Ở khoảng giữa đường phố, người đi, người lại, người đi chân, người đi xe, người đi xe ô-tô, phần nhiều có cầm cành hoa đào, hoặc là cành hoa mai; nép xuống cửa song mà trông, cũng có thể tưởng-tượng là thuyền ai đi lại hái hoa vậy. Cho nên gọi là cái cảnh Đào-nguyên.

Từ hồi 12 giờ giở đi, cho đến 2, 3 giờ, 4, 5 giờ chiều, cái quang-cảnh đông vui dần dần thưa vãn, đào hồng mai bạch lần lượt cùng theo với những nam thanh nữ tú, chia tan từ giã chốn hàng Khoai. Lúc ấy lại vừa hồi tan đuổi chợ Đồng-xuân, các gồng gánh rau rưa, các thúng rổ tôm cá, các xe chở hàng hóa từ trong chợ toé ra, hợp với những tiếng kẹo kèu, phở rao, chuông xe đạp, còi ô-tô, lại gió chiều bụi bay, cảnh hồng-trần tranh thắng. Cho nên cũng là cảnh Đào-nguyên, mà không phải Đào-nguyên Tần Tấn, chỉ là Hội hoa đào phố hàng Khoai An-nam.

Qua ngày 24, sang ngày 25, qua ngày 25 sang ngày 26; qua ngày 26, sang ngày 27; tình-cảnh trong mấy hôm, từ sớm đến chiều đại khái cùng như nhau. Sang ngày 28 Tết, nhà Thi-sĩ xin phép với đồng nhân trong Báo-quán, về chơi Tết ở nơi thôn quê; khoảng chín giờ sáng từ phố hàng Khoai ra đi, ngoảnh trông lại chỗ đào mai đua nở, sĩ nữ thứ-dân, lão-nhân đồng-ấu chính còn đương chen chúc đua vui dưới cái biển có bức địa-đồ treo cao, chữ đề **An-nam Tạp-Chí** vậy. Ôi thịnh thay!

Hiện nay đã Nhâm-thân năm mới, Hội hoa đào trong năm đã qua, thịnh-tình của xã-hội An-nam đối với Báo-quán An-nam còn như ở trước mắt. Mong rằng: sự tiến-hành của **An-nam Tạp-Chí** sẽ được cùng với ngày tháng năm mới cùng đi nhanh như tên bay, chóng chóng lại tới khoảng giáp Tết, để mà xem:

Hoa đào năm ngoái còn cười.

Tản-Đà

Thơ Tết

Tiếng pháo cành nêu mới lúc nào,
Gió đông nay lại cợt hoa đào.
Cuộc đời dâu bể đà bao độ,
Quả đất xoay vần biết mấy tao.
Nước cũ một ngày thêm một mới,
Non xanh càng tuổi lại càng cao.
Trước sân hòe quế đua tươi cả,
Hớn hở mừng xuân mỉm miệng chào.

Hương-trì

Đón Xuân

Hoa đào hé miệng báo xuân sang,
Thiên-hạ nghinh xuân rộn khắp làng;
Tranh, pháo, thủy-tiên, chè giấy mã
Sông Ngô gánh đổ biết bao vàng.

Hoàng quang Đức

Ngẫu thuật

Ai cũng kêu rằng: «Gớm bác Thống
«Người sao lấc-cấc, tính sao ngông!
«Học ngày không đúng vài ba chữ,
«Lương tháng tiêu bay mấy chục đồng.
«Xoay giở cáo già, chơi giở bịp,
«Ăn như hổ đói nói như rồng.
«Thế mà vẫn cứ «ta đây» mãi,
«Nay tán, mai bàn truyện núi sông!»

Đông-Xuyên

Đợi sáng

I

Tiếng gà sao-sác, tiếng chuông đưa,
Đối ngọn đèn xanh giạ ngẩn-ngơ.
Nhớ bạn viết chơi vài mảnh giấy,
Buồn tình ngâm hão mấy câu thơ.
Trông về núi Bắc mây đen kịt,
Ngoảnh lại ngàn Đông ánh sáng mờ.
Đốt đóm muốn đi khua chúng dậy,
Ai ơi! đợi sáng đến bao giờ?

Đinh Huy-Hạo

II

Lạnh-lẽo hơi xương gió lọt mành,
Canh tàn thơ-thẩn ngọn đèn xanh.
Hắt-hiu án sách đầu vơi đĩa,
Lác-đác sân hoa lá rụng cành.
Người cứ trông hoài đêm vẫn tối,
Giời còn trêu mãi sáng chưa tinh.
Bực mình suốt cả năm canh vắng,
Ngủ chẳng yên cho, dậy chửa đành.

Vô-danh

DỊCH THƠ

Đường thi

I

銅臺宮觀委灰塵
魏主園陵漳水濱
只今西望猶堪思
況復當時歌舞人

Đồng-đài cung quán ủy hôi trần,
Ngụy-chủ viên-lăng Chương-thủy tân.
Tức kim tây vọng do kham tứ,
Huống phục đương-thời ca vũ nhân.

Gio than một nắm đền Đồng,
Ấy mồ Ngụy-chúa lạnh-lùng bên, Chương,
Bây giờ trông thấy còn thương,
Nữa người tay múa miệng gang bấy giờ!

II

烽火照西京
心中自不平
牙璋辭鳳闕
鐵騎繞龍城
雪暗凝旗盡
風多雜鼓聲
寧爲百夫長
勝作一書生

Phong hỏa chiếu Tây-kinh.
Tâm-trung tự bất bình.
Nha-trương từ Phượng-khuyết.
Thiết-kỵ nhiễu Long-thành.
Tuyết ám điêu kỳ họa.
Phong đa tạp cổ-thanh.
Ninh vi bách phu trưởng.
Thắng tác nhất thư-sinh.

Lửa binh ầm chốn Tây-kinh,
Đố ai giẹp nổi bất-bình cho ta!
Trước sân vâng lĩnh ấn ngà,
Phết roi ngựa sắt ruổi ra thành rồng.
Cờ mao hơi giá lạnh-lùng.
Gió hiu-hiu thổi trống thùng-thùng đi.
Thà làm ông quản cu-li,
Kẻo khăng-khăng mãi làm chi anh đồ.

Kim thi

Bài thơ quan Phụ-Đạo Bùi-Dị đề núi Đội-sơn

宛轉群龍作隊飛
山容今古碧依依
皇黎蹕道花空落
仙李碑文蘚自肥
秋水滄茫浮一點
江流曲折抱三圍
深深竹院僧房小
拂石看雲坐翠微

Uyển-truyển quần-long tác đội phi,
Sơn dung kim cổ bích y y,
Hoàng Lê tất đạo hoa không lạc,
Tiên Lý bi văn tiền tự phi.
Thu-thủy thương mang phù nhất điểm,
Giang lưu khúc-triết bão tam vi.
Thâm thâm trúc-viện tăng-phòng tiểu,
Phất thạch khan vân tọa Thúy-vi.

Mưỡu

Đồng chiêm nổi đám treo leo,
Trúc xô dịp phách, thông reo tiếng đàn,
Có văn-chỉ có thiền-quan,
Đầu non sáo Mục, chân ngàn trải Ngư.

Rồng bay một đội, trải xưa nay, giăng núi vẫn trơ trơ; lối vua Lê hoa rụng vắng như tờ, bia họ Lý rêu xanh mờ mặt đá. Con nước mông mênh bềnh một quả, cái sông quanh quất lượn ba vòng, trúc xanh om kìa viện Tăng-phòng, ngồi phẩy đá đứng xem mây trót vót. Bia ai đựng sườn non đột ngột, có thơ hay chữ tốt để về sau? Ấy quan Phụ-đạo Châu-cầu.

Bài thơ quan Thiếu-Bảo Đoàn-Triển về hưu gửi bạn

夢想無今日
風波幾歷回
懸車知己晚
專闢愧無才
民隱鴻鴻鴻
予情倦鳥催
江鄰逢潦盡
攜杖看園梅

Mộng tưởng vô kim nhật,
Phong ba lịch kỷ hồi,
Huyền sa chi dĩ vãn,
Chuyên khổn quý vô tài,
Dân ẩn minh hồng cấp,
Dư tình quyện điểu thôi,
Giang-thôn phùng lạo tận,
Huề trượng khán viên-mai.

Mơ-màng đâu tưởng có rầy,
Sóng xa gió táp từ đây qua rồi,
Gác xe bóng đã xế đoài,
Sượng-sùng cửa đóng then cài với ai.
Mỏng kêu thêm nhức bên tai,
Cánh chim mỏn-mỏi, tình người ngẩn-ngơ,
Chòm sông nước cạn lờ-lờ,
Sớm hôm chống gậy xem mơ vườn nhà.

Ngô-khê-Ngư *dịch*
Mai-Khê *cung lục*

DỊCH THƠ PHÁP

Bài Đoản-thi của Arvers

Bà Charles Nodier mở một cuộc thi-đàn để họp các bậc văn-nhân, mặc-khách. Một nhà thi-sĩ thiếu-niên Arvers thấy bà tài sắc kiêm toàn đem lòng thầm yêu trộm nhớ. Yêu, nhớ, nhưng chẳng dám hé môi, chỉ chôn sâu trong gan một mối tình tuyệt-vọng. Bài thơ sau đây tức là bài tự-tình của chàng:

Mon cœur a son secret, mon âme
a son mystère,
Un amour éternel en un moment
conçu.
Le mal est sans espoir aussi j'ai dû
le taire,
Et celle qui l'a fait n'en a jamais
rien su.
Hélas! j'aurais passé près d'elle ina-
perçu,
Toujours à ses côtés et pourtant
solitaire.
Et j'aurais jusqu'au bout fait mon
temps sur la terre,
N'osant rien demander et n'ayant
rien reçu.
Pour elle, quoique Dieu l'ait faite
douce et tendre,
Elle ira son chemin distraite et sans
entendre
Ce murmure d'amour élevé sur ses
pas.
A l'austère devoir pieusement fidèle
Elle dira lisant ces vers tout remplis
d'elle :
Quelle est donc cette femme ? et
ne comprendra pas.

Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành
thiên thu.
Tình tuyệt-vọng nỗi thảm sầu,
Mà người gieo thảm như hầu không
hay.
Hỡi ơi ! người đó ta đây !
Mà ta thui-thủi đêm ngày chiếc
thân !
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng dễ dám một lần hé môi.
Người dù ngọc nói hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không
quen.
Đường đời lặng-lẽ bước tiên,
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối-
tình !
Một niềm tiết-liệt trung-trinh,
Xem thơ nào biết có mình ở trong.
Lanh-lùng lòng mới hỏi lòng :
«Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ?»

Trần-khánh-Dư

Câu chuyện non cùng nước

Non xừng-xững vừa cao vừa lớn,
Đứng xa trông chơm chởm Nam-
sơn.
Biết bao hoa lá bên sườn,
Giây leo lẫn bóng, cỏ chen nhờ
mầu.
Nước lóng-lánh hơn chiều sắc sảo
Rõ mười phần thông thấu khác
thường,
Chứa-chan đạo-đức, văn-chương
(1)
Gương thua mầu sáng, ngọc
nhường vẻ thanh.
Tình quyến-luyến non xanh bến
cũ.
Tiếng chào mừng sóng vỗ hang
reo.
Xiết bao nông nỗi cao sâu,
Cùng nhau trò chuyện trước sau
ân-cần.
Non khen nước: tinh-thần hoạt bát.
Tính khoan hòa, lưu loát, nhẹ
nhàng.
Thâm-trầm hồn-hậu lạ dường,
Ai dò rốn bể, ai lường đáy sông.
Lượng bà hải bao dung rộng rãi,
Chí giang hồ vùng-vẫy dọc ngang.
Tình-hoài lai-láng lênh - lang,
Việc đời-hăng-hái, bước đàng xa-
xôi.
Quý vì đức mà tài thêm mến,
Mến thương nhau, can dán
nhau cùng.
Suối còn ở núi nước trong :
Suối ra khỏi núi, khó lòng!
nước ơi,
Dám khuyên hãy nghỉ ngơi tĩnh
dưỡng,
Lấy thanh nhàn làm sướng là hơn.
Xưa nay đầy ắt phải tràn,
Lở bồi là nhẽ tuần. hoàn đó thôi.
Ngồi mà nghĩ cuộc đời mộng-ảo,
Sân khấu kia, láo-nháo trò đùa.
Hơi đâu sóng đuổi giòng đua!
Mà chiều ngọn suối, mà trưa mặt
ghềnh!
Nay mong-mỏi mông-mênh bể Sở,
Mai quẩn-quanh lần-lữa sông Ngô.
Sóng to biển rộng mịt-mù,
Luống công theo đuổi giang hồ
ngược xuôi.
Chi bằng cứ như tôi đứng rảnh,
Riêng bầu giời một khoảnh ngồi yên.
Dưới chân sẵn thú điền-viên,
Cỏ, hoa, cây, đá, thiên-nhiên tháng
ngày.
Non nói rứt, nước bầy nông-nỗi,
Giọng nỉ-non muốn nói chưa thông.
Nhân khi gió mát giăng chong,
Thung-dung nước giãi tấm lòng
cùng non.
Rằng: động tĩnh nước non tính
khác,
Giời phú sinh tôi bác từ xưa.
Thanh-nhàn là cái non ưa,
Nước ưa sô-sát ganh đua việc đời.
Non ưa tĩnh, non ngồi một chỗ;
Nước đi cho biết đó biết đây.
Khi vơi, nước lại khi đầy;
Non xanh tháng tháng ngày ngày
non xanh.
Non cùng nước đêm thanh câu
chuyện,
Nước cùng non chí-nguyện đôi nơi.
Nước xin non cứ non ngồi,
Nước vì việc nước, việc đời, nước đi.

Nguyễn-x-Dương

1.— Sách Tôn-khanh-Tử có câu :«Người quân-tử thấy nước lớn tất là coi xem. Kìa lồng-lộng không chịu khuất phục, đáng như có đạo; mềm-mại mà không làm gì, đáng như có đức.» — Sách Thuật-dị có câu :«Sóng nước như ngũ sắc, người nơi đó rất nhiều văn-chương.»

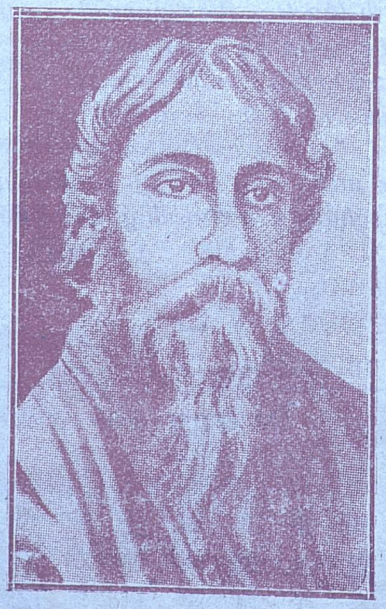

Nhà thi-sỹ Ấn-Độ Tagore

THI-ĐÀN GIẢNG - TẬP

I

Cảm-đề

(Bài này đã đăng vào báo T. D. khoảng năm 1928)

Cương tỏa chưa ra trót khỏi vòng,
Tấm riêng riêng biết tỏ ai cùng!
Non xanh nước biếc trời man-mác,
Gánh nặng đường xa bước ngại-ngùng.
Mắt trước (1) buồn trông tuồng chợ búa,
Thân còn vướng mắc (2) nợ non-sông.
Chung quanh bao nả người quen thuộc,
Biết mặt nào ai dễ biết lòng!

(1) Nguyên tác của tôi là: mắt *dẫu*..... báo T. D. sửa lại chữ *trước*. — (2) Nguyên tác của tôi là: vương *lấy*... báo T. D. sửa lại chữ *mắc*.

II

Chùa cổ

(Chùa Long-Khánh ở tổng Phủ-long, tỉnh Nghệ-an, tôi có dịp đi qua đấy, vào xem, cảm tác)

Ba gian chùa cổ cảnh tiêu sơ,
Trải mấy phong xương mãi đến giờ.
Mõ mục, chuông mòn, sư vắng tẻ,
Tường siêu, ngói đổ, bụt ngồi trơ.
Tòa sen dện bủa tơ ngang dọc,
Bia đá rêu phong nét tỏ mờ.
Nhắn hỏi ai đây người tín ngưỡng,
Phật nhà sao nỡ để thờ ơ.

Kỳ-Sơn

BÀI THỨ NHẤT

Câu thứ nhất. — Hai chữ « *cương tỏa* » không hợp dùng trong quốc-văn, lại càng không hợp dùng trong câu thơ, vì rằng hai chữ đó còn nguyên là tính chất chữ nho, và nghe ra nặng lời, thời làng thơ lại rất nên kiêng kỵ. Huống chi, chữ ấy chỉ là ý nói danh lợi, mà hai chữ « *danh lợi* » thời rất là quen tai rõ nghĩa, lại có câu sẵn: « *cái vòng danh lợi cong cong.* » thời cần chi bỏ sự tự-nhiên không dùng, mà lại thêm việc chi cho ra nặng lời vậy. Vậy thời hai chữ « *cương tỏa* » chỉ nên đổi làm hai chữ « *danh lợi* » là hơn. — Chữ « *trót* » nên đổi làm chữ « *thoát,* » vì *trót* với *khỏi*, hai chữ tức là một.

Câu thứ hai. — Năm chữ « *riêng biết tỏ ai cùng* », nên đổi là « *khôn tỏ với ai cùng* » như thế, ý cũng vậy mà xuôi lời rõ nghĩa hơn; lại để dành được chữ « *biết* » đem dùng xuống câu thứ *bảy*.

Hai câu tam tứ. — Nếu câu trên muốn đặt « *non xanh nước biếc* » cho đẹp lời, thời câu dưới cũng phải tìm những chữ adjectif có trỏ nghĩa mầu sắc, như: *vàng, trắng,* vân vân, mới có thể đối nhau được. Nay bốn chữ ở câu dưới là « *gánh nặng đường xa* » thời bốn chữ câu trên nên đổi là « *non cao nước thẳm* », như thế cân nhau hơn. — Lại chữ «*trời*» ở câu trên mà đối với chữ «*bước*» ở câu dưới, sao cho cân? Vậy chữ đó nên đổi làm chữ «*hồn*», như thế thời một câu thứ tư, bảy chữ để nguyên được.

Hai câu ngũ lục. — Câu trên, nguyên-tác chữ «*dẫu*» đứng thứ hai, lời yếu mà nghĩa lại quá đáng, thực không thích-hợp. Báo T. D. sửa làm chữ «*trước*» thời lại thành ra không có nghĩa gì cả! Câu dưới, nguyên-tác chữ «*lấy*» đứng thứ tư, nhận ra thực là nặng lời. Vì chữ «*lấy*» có ý bất-đắc-dĩ, nghĩa như không muốn mà phải làm. Cái nợ non-sông, tự ai có muốn vương thời vương, nào phải là sự ai bắt ai, mà đặt chi đến tiếng nặng lời vậy. Báo T. D sửa bỏ chữ ấy, thực là chữa được một cái lỗi rất to. Song như chữ chữa vào của T. D. là chữ «*mắc*», thời xem ra thực cũng cẩu-thả. Chữ « *mắc* » với chữ «*vướng*» cùng một nghĩa như nhau. Hai chữ *verbe* cùng một nghĩa mà đặt đứng luôn nhau trong câu thơ bảy chữ, nghĩ đã là kém thay. Lại để đối với hai chữ ở câu trên «*buồn trông*», chữ «*buồn*» đó là adverbe. Như thế thực là cẩu-thả vậy. Hai câu đó, muốn giữ nguyên-ý mà đặt cho xuôi lời, thời nên đổi lại là:

Mắt những ngán trông tuồng chợ búa,
Thân còn ham vướng nợ non sông.

Có lẽ hơn.

Hai câu thất bát. — Chữ *thuộc* ở cuối câu trên, đổi làm chữ « *biết,* » thời vừa dẫn khởi được hai chữ *biết* ở câu dưới, mà ưởng cũng kêu hơn. — Câu dưới, hai chữ « *nào ai* », nên đổi làm *ai đâu*.

Toàn bài sửa là:

Danh lợi chưa ra thoát khỏi vòng.
Tấm riêng khôn tỏ với ai cùng.
Non cao nước thẳm hồn man-mác,
Gánh nặng đường xa bước ngại-ngùng.
Mắt những ngán trông tuồng chợ búa;
Thân còn ham vướng nợ non sông.
Chung quanh bao nả người quen biết,
Biết mặt ai đâu dễ biết lòng.

Bài thơ này sửa lại như thế, cũng chỉ là so với nguyên-văn in ở báo Tiếng-dân có xuôi chỉnh hơn đôi chút mà thôi. Bảo rằng hay, thời chưa câu nào có thể kể là hay vậy. Thơ cảm-đề quí ở cái khí lăng-tẳng, mà nguyên-tác có kém.

BÀI THỨ HAI

Bài này toàn đề êm ái; bốn câu đều có vẻ thanh tao u nhã, kể không cần phải sửa-đổi mà có thể kể là bài thơ hay. Duy ý tôi muốn đổi chữ *bụt*, ở câu thứ *tư*. Đem xuống chỗ chữ «*Phật*» ở câu thứ *tám*, mà chữ «*Phật*» ấy đổi lên câu thứ tư. Vì trong câu thứ tư, chữ thứ *năm* thời đặt chữ «*Phật*» chữ «*bụt*» đều như nhau; mà chữ «*bụt*» đem xuống đầu câu thứ bảy, thời hơn chữ « *Phật* », Hai chữ «*Bụt nhà*» liền nhau, có chữ, sẵn nghĩa hơn.

Tản-Đà

THỜI-SỰ

VINH

Một tổ hội kín bị khám phá

Sở mật thám Vinh vừa khám phá một cơ-quan hội kín ở trong rừng Sa-lung gần bến đò Địa-Lợi thuộc huyện Hương-khê. Người đầu đảng là Ng. Niệm toan chạy trốn, bị bắn gục xuống, đem vào nhà thương được một lát thì chết, một người trong bọn tên là Suất đứng nộp mình. Các nhà chuyên trách có khám bắt được nhiều giấy má quan-trọng.

NGHỆ-AN

Tự tử trong nhà pha

Lê-Thuật, một tay đầu đảng Hội kín, bị bắt hồi tháng Décembre, vẫn bị giam tại nhà pha tỉnh, hôm mới rồi lấy giây thắt cổ tự tử.

Lại một người nữa tên là Liêu, đảng-viên Hội-kín, bị bắt giam tại nhà pha, mới rồi cũng cắt cổ tự tử. Lúc người ta biết, Liễu đã thác cứng ra rồi.

BÌNH-THUẬN

Bản án hội kín dả ở Phan-ri

Tri-Phủ Hòa-da Thân-trọng-Dược sẽ bị đem ra Hội-đồng Đề-hình viện Cơ-mật xử, còn bọn vi-tùng bị tòa Khâm-phúc y án như sau này:

Phạm-võ-Du, đồng mưu với Phủ Dược bày đặt việc hội kín dả, bị cách chức thừa phái, bằng sắc thủ-tiêu, lạc hồi dân tịch;

Nguyễn-Ích-Bình tức giáo Xứng, người đứng tố giác việc hội kín dả bị ba năm khổ sai; Lê-Giáp, Phan-Nai và Hội-đồng Quản-Hạt Nguyễn Hán sáu mồi cho cho Phủ Dược đều bị khổ sai, Giao 1 năm, Nai 7 tháng và Hán 18 tháng.

Nghe đâu án ấy tư về Huế đều bị viện Cơ-mật tăng thêm cả. Đáng kiếp bọn gắp lửa bỏ bàn tay!

SAIGON

Một người hội kín bị tử hình

Vụ án Ngnyễn-v-Banh bị ám sát ở Bahom tới nay đã kết-liễu.

Nguyên ngày 20 Octobre 1929, Nguyễn-văn-Banh ở Gia-định có việc đi Đức-Hòa, rồi mất tăm không thấy về nữa. Người vợ là Phạm thị Sỏi có ý lo ngại, đi báo làng. Qua ngày 30 Octobre, làng tìm thấy thây Banh, tuy tử thi đã nát mà thày thuốc còn nhận được vết cứa cổ rất tàn nhẫn. Làng nghi cho Huỳnh-văn-Dảm giết, vì hồi tháng giêng năm 1928, y đã đe dọa giết Banh.

Bị bắt đầu năm 1931, Dảm thú nhận là đảng viên Hội kín, theo lệnh đảng cùng Võ-văn-Tám đi ám-sát Banh.

Phiên tòa ngày 12 Janvier 1932, Dảm bị kết án tử hình, còn Tám xét ra oan được tha bổng.

Một đảng ăn cắp bị khám - phá

Hai đứa kẻ cắp tên là Thục và Ba bị bắt khai ra thằng «trùm» tên là Chính mới 11 tuổi đầu! Thằng này còn bé loắt-choắt nom chỉ độ lên 7 lên 8, nó làm dáng lắm, hàm răng có điểm mấy chiếc vàng. Bị bắt, «cậu trùm» tố cáo ra 11 tay đồ đảng, đều một loạt 17, 18 cả. Sở mật thám lại bắt được 2 tên khách là Trương-chan ở phố Vannier và Vương-châu ở phố Paris vẫn oa trữ các đồ vật chúng ăn cắp ở các hiệu.

HANOI

Ông Trần-văn-Chinh tự tử

Tại căn nhà riêng ở số 52 phố hàng Điếu, một ngao thuốc phiện, một cốc dấm thanh, 1 giờ sáng hôm 12 Février, ông Trần văn Chinh nguyên bố-chính Hưng yên đã thoát được ra ngoài bể khổ.

Sợ chăng? Hối chăng? Non gan chăng? . . ?. . ?

Nhưng thôi, ông Trinh đã chết rồi.

Dương-hạc-Đính

Dương Hạc-Dính, một yếu nhân trong Hội kín, đã bị kết án khổ sai chung thân, vì có can tội cùng em mưu hành động nhiều việc ghê gớm ở trong Nam, nên sắp bị giải vào Saigon để chờ xét xử.

ẤN-ĐỘ

Phong-trào Ấn-độ

Việc biến-động ở Ấn-độ càng ngày càng thêm nghiêm-trọng.

Ở Hardoi, lính cảnh-sát đến bắt những người dự vào việc đề-chế, bị công-chúng sâu-sé đánh đập. Lính bắn, 3 người chết, nhiều người bị thương. Ở Allahabid, hơn một trăm người dự cuộc biểu-tình bị bắt. Tại Cachemire, 4000 người cầm gậy đánh lính cảnh-sát và các viên-chức sở Quan-thuế. Một viên quan võ bị trọng thương, 72 người bị bắt. Tại Uri, nhân dân phá cả chợ, lấy đá ném vào các viên - chức của chính-phủ, nhiều người bị thương. Lính cảnh-sát bắn chết 2 người, 6 người bị thương.

Khi lính cảnh-sát đến tiếp ứng nhân dân kéo lại rất đông, vác khí-giới và bồ-cào đến đánh. Một viên cảnh-sát bị giết. Số người bị lính bắn chết không rõ là bao nhiêu. Chính-phủ đã phái tầu bay lượn qua các vùng có biến-động.

Hôm vừa rồi, Sir Stanly Jackson, Toàn-quyền xứ Bengale đang diễn-thuyết tại trường Đại-Học, bị một cô nữ-học-sinh tên là Bira Deva bắn luôn 5 phát súng lục, may không trúng phát nào. Cô Deva bị bắt ngay.

Hội-đồng lập-pháp xứ Bengale đồng-thanh bác bản dự-án thỉnh cầu ân - xá các tội - nhân chính-trị. Chính - phủ nhất định dùng phương-pháp cương-quyết, từ nay chỉ dùng súng giải-tán các đám biểu-tình.

VIỆC TRUNG-HOA

Ở Mãn-châu, quân Nghĩa-Dũng vẫn chiếm ưu-thế.... Người Nhật có ý lo rằng kế-hoạch tổ-chức chính-phủ Mãn-Mông sẽ bị thất-bại.

Quân Nhật tiến sang Cáp-Nhĩ-Tân bị bọn Đinh-Siêu đánh cho đại-bại ở Cát-Lâm, quân sĩ chết hại rất nhiều.

Ở Thượng-Hải, Nhật hoành-hành dữ, kéo đóng khắp dọc sông đến tận Nam-kinh. Quân hai nước bắn nhau dữ-dội ở Ngô-Tùng và ở Hạp-Bắc. Ngót hai chục máy bay Trung-Hoa đã bay về Nam-kinh. Chính-phủ Tàu định rời về Lạc-dương.

Các nước Mỹ, Anh, Pháp tỏ ý kháng-đối thái-độ Nhật và đã kéo chiến hạm đến bến Thượng-Hải.

Tôi nói dối Bà thì tôi làm kiếp....

— Bác Khóa ơi!

— Ơi! Ai gọi đấy?

— Ra ngõ tôi hỏi cái này.... U tôi bảo bác giả u tôi tiền đi. Bác ra Hà-nội buôn bán đắt hàng, u tôi không để cho chịu đâu.

— Ấy, chị cứ về đi, tôi toan lại đằng nhà bây giờ đây mà!

— Tôi không về, bác có giả thì bác bảo, không có u tôi đến, thì bác chẳng ra gì đâu, năm hết tết đến rồi.

— Gớm, có mấy đồng bạc mà làm như nặc-nô ấy. Chị cứ về trước đi, tôi ngần này tuổi đầu, chả nhẽ tôi lại nói dối à!

— Thế bác nói dối u tôi thì bác làm sao?

— Tôi nói dối bà thì tôi làm kiếp chó! Chị phải biết tôi phải giữ danh giá cho tôi nhiều chứ!

Mà bác Khóa Lan nói đúng đấy. Không bao giờ bác quên bác là thầy Khóa, cho nên không bao giờ bác làm những việc mà thầy Khóa không nên làm. Đại khái, đói thì nhịn, chứ quyết bác không chịu khi nào làm nhục nhà nho mà bán rẻ cho ông chủ báo nọ mỗi bài thơ bát cú là hai hào, gọi nhã là tiền nhuận bút! Giấy rách thì giữ lấy lề, mà cực chẳng đã lắm, năm đói trước bác mới phải gạt nước mắt mà bán thằng con đi lấy hai hào tám (1). Nhưng cũng vì việc bán con cho nên bác Khóa mới «nổi danh» là nghèo kiết, mà một người nghe đồn mới động lòng đón bác về dạy con học. Từ đó, cái số bát cơm nó chui vào trong bụng bác, tuy chỉ vừa vặn với cái số chữ nghĩa phải tuôn ra ngoài miệng mà thôi, nhưng cái óc không phải lo nghĩ, thì cái mặt cũng đỡ nhăn nhó lo buồn.

Nhưng, những cái chơi khoăm của số-phận bao giờ cũng hay bắt nạt bọn lép-vế, bởi vậy bác Khóa Lan vừa được tạm tha trong ít lâu đã bị nó «chuy» ngay lượt nữa. Nguyên là ông chủ nhà bác ngồi dạy học, rồi đến giữa năm, — bây giờ gọi là năm ngoái rồi, — ông chủ nhà bị một cơn ốm nặng, mà ba hôm sau ông chủ tạ thế, thì bà chủ cũng tạ thầy vậy.

Thế rồi đến tháng chạp, bác cố vay bà Lý-Tư mấy đồng bạc, tuy nó bóp lãi đến lè cổ ra đấy, nhưng được cái vốn để mua giấy, bút, mực rồi hấp tấp ra ngay Hà-nội, mở trước tiên ở phố Hàng Bồ một ngôi hàng câu đối tết.

Bởi vậy, từ hôm nọ, ta thấy bác ấy ngồi cù rù trên cái chiếu rải dưới mái hiên phố hàng Bồ, khoác cái chăn chiên, khoàng cái khăn sếp vào cánh tay, và nếu không khua ruồi hoặc bóc ghẻ, thì bác lại khoanh tay đặt trên hai gối bó rò, để kê cái má áp nghiêng xuống mà lắc la lắc lư cái lưng, như có ý trầm tư mặc-tưởng vậy. Khách nhà quê ra tỉnh sắm tết đông như đám hội, kẻ sách vài củ thủy-tiên, người mang giăm ba bánh pháo, mà khỉ quá, — ấy, năm mới, phỉ thui! — mà «khởm» quá, có cái đồ «nội-hóa» là câu đối, thì chả có ma nào nó hỏi, đến nỗi những tờ giấy đỏ cheo la liệt đằng lưng với hai bên cạnh sườn bác Khóa, nó cứ giẫy đành đạch ở trước ngọn bắc-phong!

Vì vậy, bao nhiêu câu đối ế, bác định ngày hăm tám, bác bán hạ giá đi tất cả, để mai, hăm chín, nhưng kể là ba-mươi, về nhà quê ăn tết. Nhưng thực trời chả thương bác tý nào, mờ mờ sáng hôm ấy, bác vừa treo xong hàng lên trên giây, thì ác quá, một trận mưa như trút nước giáng xuống, làm ướt cả giấy, nhòe cả chữ, rồi, vừa mới hong ra gió được một lát chưa khô, thì bất thình lình đến gần mười một giờ, ông ấy lại chơi cho trận nữa, mà chính trận mưa tình cờ này, tác giả đây cũng cùng bị cái nạn chung với bác Khóa, ở trước ngõ Tràng-An, cho nên cũng đoán hẳn rằng: câu đối của bác ấy, tất là đi đời cả!

Chiều hăm chín, bác Khóa Lan vừa thò về đến đầu làng, họ đã kháo nhau, rồi đến ngõ réo ỏm tỏi lên đòi nợ.

Khất vừa chôi được món bà Nhiêu Đình, lại đến con Đĩ-Con nhà bác Khán Vy nó réo ngoài ngõ; rồi anh Xã Đan đến nói khó chịu vừa ra khỏi thì vợ lão Hương Quả đã gọi rầm rầm, làm ùm cả xóm, dậm dọa lôi thôi, mất cả giá-trị!

«Chẳng lẽ mình là đàn ông đàn ang, lại đi sinh sự với con đàn bà lắm miệng, vả chăng, lại là thầy Khóa, có học. Thôi thì túng bấn, ta chịu xử nhũn vậy, chứ mà vào cái thời buổi chữ nho còn thịnh như hai ba mươi năm về trước, thì, úi chào, sợ đếch gì đứa nào? Đồ chó!»

Ấy, nhà nho hay có lối nghĩ kiểu như thế đấy!

Lúc sầm tối, bác Khóa Lan đang nằm co trên phản, vắt tay lên chán mà ngẫm cái đời đáng chán như thế, thì bỗng cái tai bác đã rật nhồm cái lưng bác dậy:

— Ơi! Ai gọi gì đấy!...

Cái món nợ của bà Lý Tư này mà bác vừa thề làm kiếp chó bạn nẫy mới là ngặt đấy. Bà ấy ghê gớm có tiếng ở làng; không những ông Lý Tư đã phải khom lưng dưới cái hung-hãn của bà ấy, mà người làng, kẻ nào có dính đến tiền nong, cũng đều sợ cái oai của con người mắt trắng, môi thâm ấy. Không trả xong thì khó mà yên

1. Xem mục **Xã-hội ba đào kỳ** trong A.N.T.C. số 12, bài **Hai thằng khốn nạn.**

được từ nay đến giao-thừa. Nhưng tiền đâu mà trả? Con bé vừa về, thì bác cũng xỏay kế:

«Hay là ta tạm, trốn quách đi xong? Nhưng trốn vào đâu?»

Nghĩ vậy, bác đứng phắt dậy, cuộn chiếc chiếu giấu ra đằng sau, gấp chiếc chăn xếp gọn lên xà nhà, mang bát hương với ba cái đài rượu xuống bếp vùi trong đống gio, rồi lên nhà, đương xoát lại xem còn gì đáng giá nữa hay không, thì ngoài cổng đã có tiếng gọi:

—Bác Khóa ơi!

Bác rật mình, vì chính là tiếng lão Lý Tư, cho nên không trả lời. Lách mắt nghé qua khe liếp, thì trời ơi, lão Lý chẳng đi một mình, lại kèm thêm cả người tuần nữa. Bác Khóa hoảng người lên, không biết họ định bắt mình hay sao?

—Bác Khóa ơi!

Thôi, trốn ra ngoài thì chậm mất rồi, nhưng, trông trước trông sau thì nhà chống hoác, trốn vào đâu? À phải rồi, chỗ trốn đây rồi, ẩn tạm đấy, chỉ khổ độ năm phút thôi.

—Bác Khóa ơi! ơ hay, sao mà không thưa thẽ?

Bác Khóa Lan thấy bọn họ vào. Mau! Mau! hỏng việc bây giờ! Bác Khóa giật vội cái chăn chiên, cuộn tròn vào người, rồi cố chui cho lọt vào cái cũi chó để ở xó buồng tối, khóa tách trốt lại.

—Ơ hay! không có nhà thực à?

Bác nằm phục-vị ở trong cũi, co coắp, im thin-thít, trống ngực thình thình, mồ hôi ứa ra như tắm, lắng tai để nghe. Tiếng gót chân nện xuống đất thình thịch, rồi tiếng xôn xao hỏi nhau.

—Tối quá, ông có riêm cho xin một cái...Ừ, mà không có nhà thực.

—Nó lại đi trốn đâu đấy chứ gì? Nhưng chẳng nhẽ ta về không?

—Bà Lý đã dặn xem nhà nó có gì đáng giá thì bắt đem về mà?

Tiếng gót chân lại xa dần. Bác Khóa lỏ một mắt nhìn ra, thì thấy ông Lý và chú tuần đang soi khắp nhà. Soi chán rồi nói:

—Tiên-nhân nó! chả nhẽ đem mà đốt nhà đi, chứ chả có gì đáng nửa đồng kẽm!

Bác Khóa-Lan nằm trong cũi, thấy nó chửi, tức quá, hơi đầy đến cổ, nhưng chẳng nhẽ thò mồm ra mà chửi giả nó? Tuy nén dạ, nhưng bác cũng phát cáu mà trả lời thầm lại rằng:

—Tiên-nhân mày! hút máu mủ người ta lắm, để làm ma bố mày à!

Rồi thấy chúng vào buồng, bác vội bịt kín cái chăn lại, nén ngực cố thở rõ khẽ, thì nghe thấy tiếng chân càng tới gần. Rồi thấy tiếng gậy đập vào cũi, tiếng nói:

—Hay là ta bê cái này về? Cả nhà nó chỉ có cái này đáng giá.

—Bê về làm gì?

—Mà rốt chó chứ làm gì?

—Trong cũi có gì không?

Riêm lại đánh sòe. Anh tuần nói:

—Quái, cái gì đen đen ấy, ông ạ, ờ, mà lại có khóa.

—Chú thử chọc xem cái gì?

—Cái chăn gói cái gì mà nhùn nhũn ấy!

—Thôi, mặc kệ, ta khênh về đi.

Bác Khóa-Lan cố phục-vị ở trong cũi, nhịn hơi từ nẫy đến giờ, mỏi quá; lúc họ đến, thì sợ quá, hóa quên cả đi, chỉ cố sao nằm được yên lặng mà thôi. Khi nghe họ bàn nhau khênh về, thì lo quá. Ấy mới nguy! Hay là mình nói dối thì làm kiếp chó thực? Mà làm kiếp chó đến bao giờ? Mai có chắc được ăn tết không? Hay là họ biết mình ở trong cũi mà dọa thế?

Nhưng mà họ khênh đi thực! Họ khênh bác đi, rập lên rập xuống, thịt cọ vào thang cũi, đau chói lên mà không dám kêu! Mà sao họ ác thế! họ đi nhanh quá, càng rập mạnh, đau không thể nói được! Nhất là mỏi quá, co - coắp đến hơn mười phút rồi, còn gì là người nữa! Mà càng nghĩ càng thấy mỏi! Lắm lúc muốn đâm mặt liều, thôi thì mày muốn làm tình làm tội gì thì làm, ông hãy giở mình một cái cho sướng đã! Nhưng đã liều sao không liều từ đầu? Thôi đành vậy.

Hai người lề - mề bê được đến nhà, giời đã tối mịt. Vừa đặt cái cũi lên trên bờ hè, ông Lý gọi bà Lý, có ý khoe-khoang lấy công mà rằng:

— U mày làm khổ tao với chú ấy tao đã bắt cái này về đây.

Bà Lý mừng lắm, soi đèn chạy ra, lưởng là cái gì, hóa ra cái cũi chó. Bà Lý giận đầy lên đến cổ, nổi trận lôi đình lên mà rằng:

— Khổ quá! Giời ơi là giờờời! không biết người hay là ngợm mà rước cái này về làm giiii?

Nói đoạn, hung-hăng như con sư-tử cái thực hiệu, bà giơ thẳng chân, đạp một cái rõ mạnh, cái cũi từ trên hè lăn kềnh xuống sân; rồi bà hộc tốc lên một hồi, mắng chồng rầm-rĩ, những là ngu, suẩn, chán rồi nằm kềnh lên giường, hờ cha khóc mẹ.

Cái ngã không ngờ, làm cho bác Khóa đau điếng người đi. Nhưng bác thấy được dễ chịu hơn trước, vì tự-nhiên được giở mình lại.

Anh tuần thấy cái tấn kịch ghê gớm ấy diễn ra, muốn hạ màn ngay, bèn gọi ông Lý, để hỏi xem nên để cái cũi ấy ở chỗ nào, thì bà Lý quát:

— Quẳng mẹ nó vào chuồng lợn ấấấy!

Bác Khóa vừa được dễ chịu một tý, đã lại bị lật sấp phục vy như cũ, rồi vào nằm với lợn.

Một lúc, bác kéo chăn thò mặt ra ngoài, nhìn bốn bên, thấy im cả mới cựa đầu, vặn lưng, bẻ khục tay, chân, thở mạnh. Tuy được tự do hơn trước, song cái mùi chuồng lợn nó xông lên khó ngửi quá; nhất là mấy con lợn, cơ chừng muốn khoe là được sung-sướng hơn bác, nó cứ ụt-ịt châu đầu chung quanh bác mà nhìn, thỉnh thoảng lại thò mõm vào trong mà ngửi ngửi, hình như muốn biết rõ có phải đấy là một dân mới hay không?

Cách độ một giờ, trên nhà êm tĩnh cả, bác mới tính đến nước đánh tháo. Ừ, chả nhẽ cứ chịu giam cái thân quý hóa vào trong xà-lim mãi, bác bèn lấy thìa mở khóa cũi, rồi cố chui ra, lui lủi rón rén đi quanh bờ rào, chỉ sợ động chó nó sổ ra thì hỏng việc.

Bờ rào kín quá, không thể nào kiếm được một khe hở để lách ra được. Nhưng may lạ, chân lần lần từng bước, tay cứ sờ soạng các tre

nào, bác Khóa Lan sờ thấy một khe hở. Hết sức se-sẽ, bác cuộn hỏ cái chăn chiên đút ra ngoài trước, rồi nằm ép người xuống sát đất, lách thò cái đầu, lựa vai vươn hai cánh tay sang, rồi, hai chân co lại đạp nhoài một cái, bác đã bò hẳn ra đến đường cái.

Rồi ông Kha-Luân-Bố đặt bước chân thứ nhất lên đất Mỹ-châu, bác Khóa Lan khoái chí ôm chăn đứng dậy, vươn vai, vặn lưng, thấy nở nang cả gân cốt. Nhưng muốn cẩn thận, trước khi đi, bác cúi xuống ròm lại lỗ hàng rào vừa chui ra, xem có vết tích gì mới không. Thì ra may quá, không, bởi vì lỗ ấy vẫn là lỗ cũ chui được, lỗ ấy mọi khi vẫn là cái cửa ra vào riêng của con chó nhà ông Lý vậy!

Nguyễn-công-Hoan

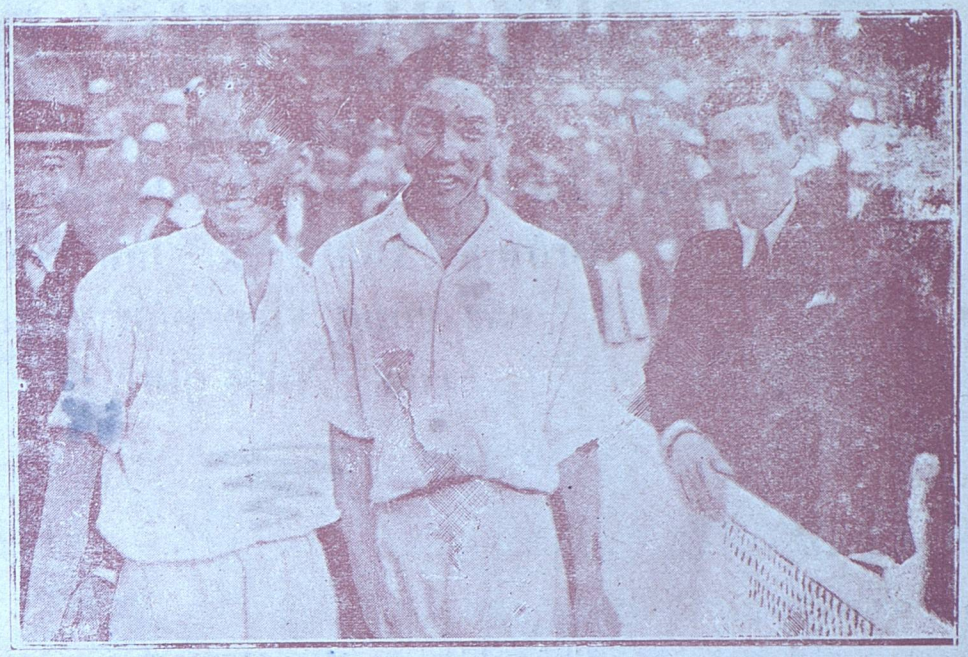

Đọc đến ba tên Samarcq, Fleutôt, Roumengous ở T. C. H. hẳn không ai còn lạ. Từ năm 1912, hội T. C. H. vẫn nắm chặt giải Peyroux. Nhưng năm nay, ba tay kiện-tướng Dương, Giáo, Bính đã rật lại cho hội C. S. A. giữ.

Ảnh trên nhà vô địch đứng giữa, Giáo đứng sát bên, còn Bính đứng bên kia lưới.

Cl. A. N.

Anh em nhà quê

từ nay hết sợ bị mắc lừa

Có điều gì oan ức? Có cần biết việc gì chưa hiểu rõ?

Cố tìm cho được sở **Cố vấn pháp luật** số 16 phố Hà-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi.

Tổng giám đốc Joseph **Trần-Đình-Trúc** *Luật-khoa cử-nhân trường Cao-đẳng Paris.*

Sở ấy cũng nhận tiếp những người nào muốn lo việc với trạng sư Tây.

(Hỏi pháp luật và nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho Trạng-sư Tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi đều không phải giả tiền).

1. — Nhận đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, văn tự mua bán bất động-sản, giấy hợp đồng, giấy lập hội, tờ chia gia-tài v. v. . .

2. — Thay quyền cho các nhà buôn, giúp việc kế toán, giấy làm quảng cáo theo kiểu Hoa-kỳ.

3. — Quản-lý nhà cho thuê và đồn-điền. giúp việc người nghèo không tính tiền.

Nhật-Hoàng S. M. Hiro-Hito là một nhà bác-học đã từng phát-minh ra mấy thứ vi-trùng, đến khánh-thành viện Khoa-Học và Phát-Minh ở Đông-Kinh; cách cử-động rất tự-nhiên như một người bình-dân vậy.

Cl. A. N.

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ - nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

DIRECTEUR PROPRIÉTAIRE :

ĐINH - BƯỞI

RIZERIE MODERNE

Livraison à domicile à
toutes quantités et qualités

70, Rue des Tubercules — Hanoi

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Tauc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hano

Năm Nhâm-Thân Số 29

Ngày 20 Février 1932

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

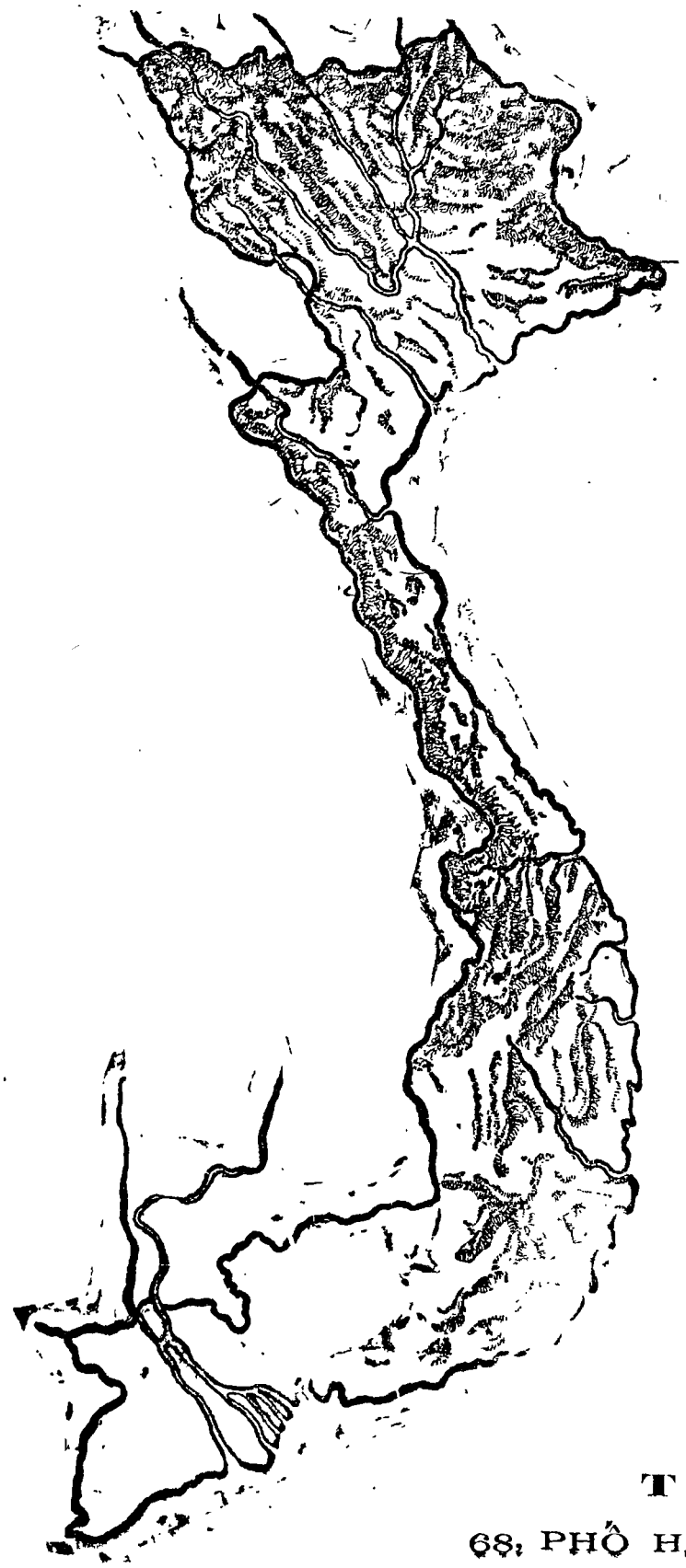

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Bài-trừ cái nạn Phan-Khôi ở Nam-Kỳ.
Ban trị-sự của một tờ báo lớn ở Pháp.

Một cái khổ-tâm của con nhà nghề.
Rở vội mấy trang sử-ký.
Lư-thoa tự-thuật.

Giá-trị của sự chết (văn xuôi).
Thơ (bốn câu và tám câu) — Câu hát tạp. — Các thơ dịch. — Văn tập Kiều. — Hài-văn (2 bài) — Thi-đàn giảng-tập (1 bài xướng và 2 bài họa).

« Bố anh ấy chết » (Đoản-thiên tiểu-thuyết).
Người lấy ma (Truyện vui).
Thời-sự
Đâu có lạ-lùng ! (Trường-thiên tiểu-thuyết).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO

68, PHỐ HÀNG KHOAI - HANOI

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa-hồng nhất định là 15°/₀. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20°/₀. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

BÀI-TRỪ CÁI NẠN PHAN-KHÔI Ở NAM-KỲ

Muốn bài-trừ cái *nạn Phan-Khôi* ở trong Nam, cần phải giết (1) bỏ ông *Phan-Khôi* ở trên đàn ngôn-luận. Trước khi muốn giết ông *Khôi* ở trên đàn ngôn-luận, lòng tôi cảm-tưởng bồi-hồi, lại nhớ đến khi xưa trong hồi xem tập văn Âm-băng, thấy truyện *Viên-sùng-Hoán* giết Mao-văn-Long (2) vậy.

Nghĩ như ông Phan-Khôi là người có tài-học trong buổi Hán-học đã tàn này (xem lại bài nói về ông Phan-Khôi trong An-nam tạp-chí số 26), nếu trên đàn ngôn-luận giết bỏ hẳn ông đi, thực rất đáng là thương tiếc. Lại biết đâu rằng không vì một chỗ đó mà sau này thành ra tôi có mang phần tội lỗi với quốc-dân. Cho nên nghĩ đến truyện Viên-sùng-Hoán giết Mao-văn-Long mà càng thêm cảm-tưởng bồi-hồi vậy. — Tôi đã nghĩ biết đến như thế, lại nghĩ trái lại rằng: như ông Khôi thật là người có tài, mà rộng xem trong xã-hội ta hiện nay, ai là người có đủ sức (chữ *sức* đây gồm cả hai tính-chất văn-học và tư-bản) để dùng được cái tài của ông Khôi, thực là khó có. Nếu tài không đắc-dụng mà truyền làm tai-nạn, thời chẳng giết để chi? Đó là nghĩ về phần công-chúng. — Tôi lại riêng tự nghĩ: phàm người ta muốn làm một việc gì, chỉ cần nên biết rõ việc ấy có quả là nên làm hay không; còn như an nguy lợi hại về phần riêng một mình, sau rồi có xẩy ra như sao, nhất-thiết không cần nên tính đến. Theo các sự nghĩ như trên đó, xin xét về tội-án ông Phan-Khôi.

Cứ trong tội-án ông Khôi viết bài ở *Phụ-nữ tân-văn*, phần nhiều ở về phương-diện làm hại phụ-nữ-lưu; nhưng nay cẳng nói về một khoản can trọng hơn, là bài « **Cái cười của con Rồng cháu Tiên.** » đăng trong *Phụ-nữ tân-văn* số *84*, ra ngày *28 Mars 1931*. Nay xin hãy cứ một bài ấy, tra xét, nghĩ xử.

Trong Phụ-nữ tân-văn đăng bài ấy của ông Khôi, dưới cái đầu đề in chữ to là «*Cái cười của con Rồng cháu Tiên*», lại có một giòng cũng là đầu đề mà in bằng thứ chữ nhỏ hơn, là: «**Một cái cảm-tưởng trong khi đọc «Cay đắng mùi đời »**. Cứ như hai giòng chữ đầu đề ấy nhận ra, cái gian-tình của ông Khôi đã phơi trắng ra ở mặt giấy. Đó là ông muốn cổ-động cho cuốn tiểu-thuyết «*Cay đắng mùi đời*» ấy, mà ông mượn bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*», đặt làm đại đề-mục, khiến cho các độc-giả phải để mắt, để ý mà xem tới trong bài, mà đọc tới những lời cổ-động của ông phục-tàng khôn-khéo ở trong văn. Một sự lợi-dụng đó đã hiển-nhiên ở hai giòng chữ đầu đề, bốn chữ «*cay đắng mùi đời*» đi theo với bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*», ông Khôi dẫu muốn cãi thế nào, cũng không thể cãi gỡ được.

(1.— Chữ «*giết*» đây, truyên đối với cái mình tinh-thần của ông Khôi mà nói, cho nên bảo là « *giết bỏ ông Phan-Khôi ở trên đàn ngôn luận.*» Nếu nói về cái mình hình sác của ông Khôi, thời tôi không có quyền được nói *giết*. Vả chăng, cái mình hình-sác thời ông Phan-Khôi cùng với người vô-học, vô tội khác, cũng không lấy gì làm khác nhau, thời cũng không can gì mà cần giết. Trong bài đây, phàm đối với ông Khôi mà nói đến chữ *giết*, hoặc những chữ thuộc về sự *giết*, đều ý-nghĩa như thế. Xin Độc-giả cẩn-thận để ý.

(2.— *Viên-sùng-Hoán* 袁崇煥 *giết Mao-văn-Long* 毛 龍 là sự-tích ở trong sử Trung-quốc về cuối đời nhà Minh. Nếu vị Độc-giả nào muốn biết tường, đợi có thì giờ, xin sẽ tường-thuật ở kỳ khác. Đây chỉ nói qua để Chư-vị biết rằng: Hai người này cùng là tướng-thần của Minh. Mao-văn-Long cũng là người có tướng-tài, chức *Bình Liêu tổng-binh-quan*, coi quân-chấn ở Song-đảo. Viên-sùng-Hoán phụng mạnh sung chức *Đốc-sư ở Kế, Liêu*. Đó một mặt chống nhau với quân Mãn-Thanh trong khi hai nước đương tranh địch. Viên-sùng-Hoán lấy chức-vị Đốc-sư, ra Song-đảo, chiêu Mao-văn-Long tới nơi, chém chết ở dưới trướng. Tới sau Sùng-Hoán đắc tội, tuy vì một nhẽ khác mà vua Minh đem lòng ngờ, song lấy sự giết Mao-văn-Long làm cớ. — Song-đảo là một cái cù-lao giữa bể, ở về mạn tây-nam phủ Phụng-thiên.

Nguyên một sự viết bài trong báo mà lần lời quảng-cáo ở trong, cái lỗi chỉ là *lạm dụng công-quyền của Báo-quán mà mưu - đồ sự tiện - lợi về phần riêng.* Cái lỗi ấy, chỉ trong đối với Chủ-nhân Báo-quán, ngoài đối với các bạn Độc-giả mua năm, mua lẻ của tờ báo ấy, mà có lỗi về sự man-trá theo tính-cách tiểu-nhân. Nếu về phần người viết thật khôn ngoan, về phần người xem không xét tới, thời chỉ như một sự ăn cắp rất chơn chu, không thành câu chuyện. Nếu về phần người viết kém khôn ngoan, về phần người xem có xét tới mà bỏ qua làm một sự buồn cười, không cần chê trách, thời cũng không thành câu chuyện. Hoặc về phần người viết không khôn ngoan, về phần người xem xét ra tới, ông chủ-nhân trong Báo-quán quở trách người viết bài qua-loa, độc-giả của tờ báo viết bài để chỉ-trích, như hế thời dù có có câu chuyện, mà câu chuyện cũng rất là nhỏ-nhen. Những câu chuyện như đó, ai muốn biết thời biết, ai muốn nghe thời nghe, không quan-hệ đến sự cần biết cần nghe của công chúng. Vậy thời một cái lỗi nhỏ-nhen ấy, tuy rằng tôi có xét ra, song xin giao giả về cho Phụ-nữ tân-văn. Một bên, phần người được xét xử, là hai vợ chồng ông *Nguyễn-đức-Nhuận* và các bạn *Độc-giả* của Phụ-nữ tân-văn; phần người ấy rộng lượng hay hẹp lượng thế nào, tùy ý. Một bên, phần người bị xét xử, là M. Phan - Khôi, có phục tinh hay không phục tinh thế nào, mặc ý. Tóm lại, một cái trường-hợp đó không cần đem ra trước tòa-án công-luận của quốc-dân trong ba kỳ. — Cần đem ra trước tòa-án công-luận của quốc-dân trong ba kỳ, là : cái tội ông Phan-Khôi dám lạm dùng bốn chữ « *con Rồng cháu Tiên* » làm quảng-cáo cho cuốn tiểu-thuyết kia, mà lại đem những giọng mỉa-mai, lời cợt riễu, để đối với bốn chữ ấy.— Nay tôi xin, trước mặt quốc-dân, đỡ lời công chúng, quyền làm sự thẩm-án thuộc về tòa Sơ-cấp, mong ai nấy cùng nghe:

Nguyên bốn chữ « *con Rồng cháu Tiên* » trong quốc - văn thường dùng ngày nay, là gốc ở chữ Hán trong Quốc-sử. Lời vua *Lạc-Long* bảo bà vợ là bà *Âu-cơ* rằng: 我是龍類。爾是仙類。 *Ngã thị long loại, nhĩ thị tiên loại* = « *Ta là loài rồng, mình là loài tiên.* » Đó là chữ chính trong Quốc-sử. Về sau, gần đây, những người làm sử, làm sách, làm văn bài bằng chữ Hán, mới thuật ở hai chữ 龍仙 đó, mà có như câu 龍父仙母之子孫 « *Long phụ tiên mẫu chi tử tôn.* » Ấy bốn chữ « *con Rồng cháu Tiên* » lại là do ở câu chữ Hán ấy dịch ra, mà nói lọn như vậy. Nay cứ bốn chữ Quốc-văn ấy mà làm sự giảng giải, thời có hai nghĩa :

Một là nói về nghĩa *hiện-tại*, thời bốn chữ đó trỏ khắp vào mấy mươi triệu đồng-bào giai gái, cùng là con cháu nhà Lạc-Long.

Hai là nhận về nghĩa *gốc tích*, thời một chữ « *con* » đó, tức là các cụ tổ chúng ta ngày xưa, cùng hàng anh em với vua Hùng - vương mà chính vua Hùng - vương cũng là một vị người trong chữ « *con* » đó. Vì rằng ở sử cũ, vua *Lạc - Long* cùng bà *Âu-cơ* chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo bố ở Nam ; tôn người con trưởng lên làm *Hùng-vương* để nối ngôi trị vì.

Cứ nhận kỹ như đó, thời biết bốn chữ « *con Rồng cháu Tiên* » của dân-tộc Việt-Nam, thực là tôn quí không có vật gì ở trên nữa. Nay hãy xem như có một hoàng - phái nào, đặt ra bốn chữ 金枝玉葉 « *kim chi ngọc diệp* » để tự tôn cái giòng giống nhà mình ; thời bốn chữ ấy đối với giòng giống nhà kia, hẳn cũng rất là tôn quý. Huống chi chữ gốc ở Quốc-sử mà chùm cả dân-tộc, thời tôn-quý biết là nhường bao ! Cho nên như bốn chữ « *con Rồng, cháu Tiên* », người An-nam ai có muốn nói đến, hoặc viết ra câu văn, câu thơ, chỉ nên dùng về bên nghĩa tốt, như tự tôn, tự ái, tự quý, tự trọng, ngợi khen, chúc tụng, âu yếm, yêu đang, như thế mới là hợp dụng. Nếu có kẻ nào trong Quốc-dân dám đem bốn chữ đó dùng làm cái bia để mỉa-mai, để chế riễu, tức là kẻ đó có can tội với toàn-thể Quốc-dân, với Thủy-tổ của nước vậy. Như kẻ đó, kết vào tội « *đại bất kính* » 大不敬, thực rất là không oan!

Cứ việc cũ ở Á-đông, ở trong sử Trung-quốc, về đời vua Văn-đế nhà Hán, Quan Thừa-tướng là Thân-đồ-Gia 申屠嘉 quở mắng Đặng-Thông 鄧通 (một

kẻ bày tôi yêu riêng của vua Văn-đế) rằng:

通小臣戲殿上大不敬當斬

Thông, tiểu-thần, hý điện thượng, Đại bất kính! Đương trảm.

Nghĩa rằng:

«Thông, mày là một kẻ bầy tôi nhỏ mọn, dám đùa bỡn ở trên chỗ cạnh vua. Cả là bất kính! tội nên chém!»

Ấy chữ «*đại bất kính*», nghĩa như thế, tội đáng là như thế.

Đoạn gần cuối ở trong bài của ông Phan-Khôi có nói rằng:

« Có một phần đông người Pháp ở đây, ta hằng ngày cũng có thể chiêm nghiệm được cả một dân-tộc Pháp. Ví dụ như gặp khi giời mưa đường chơn, có người nào đó, bất kỳ đi vô ý mà trợt té, bấy giờ có năm ba người Pháp đứng đó, họ có cười hay không? Tôi và có nhiều người như tôi nữa, dám chắc rằng họ chẳng những không cười, mà lại còn chạy lại để đỡ người bị té ấy lên nữa. Còn như con Rồng cháu Tiên ta, ai không biết, chớ tôi cầm chắc rằng trước khi chạy lại đỡ, họ phải cười một chập cho nonné đã.»

Như lời trong đoạn đó, ông Khôi khen người Pháp, sao chẳng rất là phải. Còn như ông mai-mỉa *con Rồng cháu Tiên* về cái tội cười đó, thời tôi dẫu không bênh được hết, cũng có thể nói lại được ít nhiều. Quốc-dân ta trình-độ chửa văn-minh, thời hạng người hạ-lưu, cái thói xấu biết kể sao cho xiết. Sự cười đó chưa lấy gì làm quá lắm, nhất là như một sự «*đi tiểu*» của một phần người đàn bà Hà-nội, những người đầu đội thúng, vai mang gánh, hoặc đi chân tay không, bất cứ ở tại đường phố nào, nếu không thấy ông Phú-lít ở bên, thời là vén quần đi tiểu luôn, coi như chỗ bờ dậu của nhà mình vậy. Một phần người như thế thực không ít; song cũng có phần nhiều người khác như các hạng nữ-giáo-viên, nữ-học-sinh sa-đờ-phăm (sage femme), bà Tham, bà Phán, các con gái các nhà buôn bán ở thành phố, thời cái sự *đi tiểu ở đường phố* như thế, thực là ít thay! Suy một sự «*đi tiểu*» mà nhận sang sự «*cười*», thời những người có cái thói cười xấu như ông Khôi đã nói, chẳng qua là một hạng người hạ-lưu, tư-cách cũng chính như những người đàn bà đầu đội vai mang mà đi ở đường phố Hà-nội vậy. Nếu do một sự *cười* đó có thể đem bốn chữ «con Rồng cháu Tiên» mà diếc móc, thời một sự *đi tiểu* của một phần người đàn bà Hà-nội, ông Khôi khó gì không mỉa-mai đến cả nòi giống được ru? — Đến như sự *đi tiểu* của đàn bà nước Pháp thời thật tôi chưa từng được trông thấy một người đàn bà Pháp đi tiểu ở đâu bao giờ. Ông Khôi đã biết khen người Pháp về sự không cười sằng, thì như sự *không đi tiểu sằng* của các bà đầm kia, ông tú Khôi lại càng nên hương hoa mà đính chúc lắm vậy!

Một câu thật cuối ở trong bài của ông Khôi, tức là đoạn tiếp luôn với đoạn trên, có nói rằng:

«*Nội một cái biểu-hiệu để tỏ ra người ta khác với vật mà mình cũng đã không biết dùng bằng họ rồi.*»

Ngẫm kỹ cái ý nói của câu ấy, tức là ông Khôi vói lên chữ «*con Rồng cháu Tiên*» ở đoạn trên, mà cho là không khác giống vật vậy.

Dân-tộc Việt-Nam ta, kể từ sau đời Hùng-vương, cũng đã có nhiều phen lừng-lẫy, như những hồi Lý-Thường-Kiệt đánh Tống, Trần Hưng-đạo phá Nguyên, Lê Thái-Tổ bình Ngô, Nguyễn Quang-Trung trừ Thanh. Đương những lúc như ấy thời trong quốc-dân ta, «*con Rồng cháu Tiên*», chác không có ai kể xấu nhau về tiếng nói câu cười. Bụt nhà đến lúc không thiêng, thời bệ lở tòa nghiêng, thằng nhỏ chăn trâu mới dám lấy gai mà chọc mát. Hai nhăm triệu lòng người chưa chết cả, nghe giọng lưỡi của Phan-Khôi như vậy; vui, buồn, cười, khóc nên nhường sao?

Cứ cái tội-án Phan-Khôi do ở bài «*Cái cười của con Rồng cháu Tiên*», về phần tôi sơ-thẩm như thế, nghĩ nên kết theo lời Thân-đô-Gia bảo Đặng-Thông: «*Đại bất kính! Đương chảm!*» Duy trong Luật lại có điều «*chảm, giam, hậu*». 斬監候.. nghĩa là: *kết tội chém, nhưng còn giam đó, để đời quyết.* Vậy cái tội Phan-Khôi, xin nghĩ kết **Chảm, giam, hậu.** Một là: để đợi quyết. Hai là: để trong quốc-dân ta, ai có vì Phan-Khôi thương tiếc, xin cứ vì Phan-Khôi thân oan. Phan-Khôi có tự lấy mình làm oan, xin cứ hết lời thân-oan.

Le Directeur de la Revue d'Annam
Nguyễn-khắc-Hiếu

BAN TRỊ-SỰ CỦA MỘT TỜ BÁO LỚN Ở PHÁP

Ngoài bộ biên-tập, (1) nhà báo còn có một ban *trị-sự* do viên *quản-lý* đứng đầu.

Về phương-diện kinh-tế, ở trong ban trị-sự có viên quản-lý, cũng như về phương-diện tinh-thần, ở trong bộ biên-tập có viên thư-ký vậy.

Viên thư-ký bộ biên-tập có những người viết bài, những viên trợ-bút những người phóng-viên đỡ tay, thì viên quản-lý ban trị-sự, có những người trông nom về sổ-sách, tiền nong, mua bán giúp việc.

Năm 1914, báo Le Matin có 150 viên trợ-bút, thì có 500 người giúp việc ban trị-sự, ấy là chưa kể 200 người thợ làm về việc in. Cũng trong thời-gian ấy, báo Le Petit Parisien có 75 viên trợ-bút, thì có 400 người giúp việc ban trị-sự, ấy là không kể 376 người thợ làm về việc in.

Không những viên quản-lý trông nom bằng ấy người trong ban trị-sự, mà một đôi khi lại còn phải để mắt đến công-việc trong bộ biên-tập nữa.

Cái nhiệm-vụ cốt-yếu của viên quản-lý là: làm thế nào cho bên *chi* và bên *thu* giữ được *mực tháng bằng*, và nếu có thể ra, lại còn phải làm sao cho báo *có lợi*.

Cái lợi ấy có khi lớn lắm. Tờ Le Petit Parisien, một năm 1914 mà lợi đến 3.342.264 quan.

Tờ báo sở-dĩ có lợi đến thế, là nhờ ở sự quảng-cáo cho các nhà buôn. Thật ra, một tờ báo in rồi đem bán, nếu không trông vào tiền quảng-cáo, thì không thể nào thu đủ vốn về.

Trước hồi Âu-chiến, một tờ báo Pháp bán có một xu (5 centimes) nếu có được 80.000 hay 100.000 độc-giả, thì mới đủ sức sống.

(1) Xem hai kỳ báo số 26 và 27.

Ông Latzarus, một nhà làm báo lâu năm, đã phác-họa cái nỗi khó-khăn thứ nhất của các nhà làm báo như sau này:

«60 tấn hàng dự-bị trong 12 tiếng đồng-hồ, chế-tạo trong 3 tiếng đồng-hồ, gửi đi cho 2 vạn người trong 5 tiếng đồng-hồ, mà phải gửi đi ngay hôm ấy, vì rằng: hôm nay một tạ hàng (báo) đáng giá 75 quan, để đến mai, mỗi tạ chỉ còn đáng giá có 6 quan 75».

Nay thử xét về các khoản *chi-tiêu* của các nhà báo.

Nói đến các khoản chi-tiêu của các nhà báo, thì trước hết là món tiền tiêu về việc xếp-đặt báo-quán. Số tiền ấy lớn lắm, đã đành nhà báo chỉ phải bỏ ra có một lần đầu, nhưng về sau, còn phải trả tiền những người trông nom quét tước cho được sạch-sẽ, tiền đốt sưởi thắp đèn, mà nếu báo không có nhà, thì lại phải trả tiền thuê nhà nữa.

Hai là nếu báo-quán có nhà in riêng, thì viên quản-lý phải cho mua sẵn các nguyên-liệu như: giấy, mực, trì để đúc ảnh (cliché).

Ba là tiền trả các hãng thông-tin. Đến đây tưởng cũng nên nói qua về các hãng này đôi chút.

Trong các hãng thông-tin ở Pháp có hãng Havas ở phố Lư-Thoa, ở Ba-lê là to hơn hết.

Hãng này lập ra tự năm 1835, mục-đích cốt nhặt các tin-tức ở ngoại-quốc và ở các tỉnh, để ai mua thì bán.

Muốn cho tin-tức được nhanh chóng, kỳ-thủy hãng này phải dùng chim bồ câu, buộc thư vào chân cho nó mang tự kinh-đô các nước bay về Ba-lê. Sau nhờ có máy vô-tuyến-điện phát-minh, nên hai người làm công trong hãng mới bỏ vốn ra lập nên hai chi-điểm. Một chi-điểm ở Luân-đôn tức là hãng Reuter. Một chi-điểm nữa ở Bá-linh tức là hãng Wolf bây giờ vậy.

Đến năm 1873 người lên kế-nghiệp hãng Havas mới mở ra một sở bán các bài-vở, tiểu-thuyết trường-thiên, cùng là các tin-tức viết đủ các giọng, theo đúng tôn-chỉ của mỗi tờ báo; báo nào thích kịch-liệt thì hãng có văn kịch-liệt, báo nào thích ôn-hòa thì hãng có văn ôn-hòa.

Ngoài bài-vở, tiểu-thuyết, tin-tức ra, hãng này còn bán các tranh ảnh nữa.

Gần đây, biết nghề này có lợi, nhiều hãng khác đã xuất-hiện ra nhưng, thiết-tưởng nói một hãng, Havas cũng đủ.

Tin tức các hãng thông-tin bán rất đắt. Báo nào muốn cho mình có riêng tin ấy tin nọ, thì phải trả các hãng thông-tin một số tiền cực lớn. Như năm xưa báo Le Matin ký với hãng Le Times bản hợp-đồng về các tin riêng cho một mình, mà phải trả tới 125.000 quan, và thuê hãng ấy nối cho mình một cái giây điện riêng từ Luân-đôn về Ba-lê, mà phải trả thêm 25.000 quan nữa.

Ngoài các hãng thông-tin ra, còn có các hãng như: Le Courrier, L'argus de la Presse mục-đích là: xem hết các thứ báo ở trên hoàn-cầu, rồi tóm tắt lại, hoặc đoạn nào hay thì trích ra, để có ai mua thì bán.

Lại nói đến những món tiêu-vặt ở quyền-hạn chi-phát của viên quản-lý.

Trừ ba món chi đã nói ở trên kia,

viên quản-lý còn phải trả tiền *vận-tải* cho báo.

Riêng về khoản tiền vận-tải, mỗi năm báo Le Petit Parisien phải trả tới 3 triệu.

Khi báo in xong, gập vào, quấn băng, đóng dấu tem từng số, rồi lựa xem những số báo nào gửi trong thành-phố, hoặc ở các miền phụ-cận, thì cho vào xe hơi riêng của nhà báo đem phát cho những người mua.

Còn những số báo nào gửi đi các tỉnh thì cuốn thành bó, bỏ vào xe hơi đem ra tận ga, trước giờ tầu chạy. Về việc gửi báo này, riêng có một người đứng trông nom chịu trách-nhiệm.

Bởi sự gửi báo ở Bê-lê gặp nhiều nỗi khó khăn, nên gần đây các báo đều giao cả cho hàng Messageries Hachette là một hãng chuyên nghề vận-tải báo-chí.

Hãng này có mấy trăm người làm, từ 3 giờ đến 5 giờ sáng; từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối, chạy khắp thành phố Ba-lê phát báo cho các người mua, các đại-lý, và các ga để gửi đi các tỉnh.

Ở Ba-lê hay là ở các tỉnh cũng vậy, các phố, các ga xe-điện, xe-lửa không chỗ nào là không có người làm đại-lý bán báo. Đại-lý bán báo phần nhiều là các hàng cà-phê, các hàng sén, hàng bán sách v.v... Như ở Ba-lê là nơi đô-hội thì không mấy nơi là không có những cái đài bát-giác làm bằng gỗ, của thành phố lập ra cho các tư-gia thuê để bán báo-chí.

Món chi thứ năm của nhà báo là: tiền quảng-cáo các bài vở, hoặc cuốn trường-thiên tiểu-thuyết sắp sửa đăng, hoặc mục-lục số báo ra ngày hôm ấy, cùng là công-sá các người làm trong bộ biên-tập và ban trị-sự. Ấy là chưa kể số tiền báo bị phạt hoặc bị bồi-thường vì đã đăng những tin tức không đúng, hoặc những bài công-kích vô-bằng-chứng có phạm đến danh-dự và quyền-lợi của một cá-nhân hay một đoàn-thể nào.

Trước kia vì số tiền phạt ấy mà có khi báo phải chết. Bây giờ luật làm báo có rộng rãi hơn trước, nên tùy tính-chất từng việc, mà số tiền phạt ấy đã nhẹ hơn trước nhiều,

Đại-khái các khoản chi-tiêu trong báo là thế. Nay nói đến các khoản *thu vào*.

Tiền thu vào có hai khoản quan-trọng :

1. — Tiền bán báo.

2. — Tiền quảng-cáo.

Muốn cho báo chạy viên quản-lý có ba cách :

1. — Tổ-chức việc bán cho khéo.

2. — Làm thế nào cho số báo in ra mỗi ngày mỗi tăng thêm.

3. — Làm thế nào kiếm được các nhà đăng quảng-cáo cho nhiều và tính theo giá cao.

Muốn như vậy, cần phải biết báo của mình định bán cho hạng người nào. Như báo Le Figaro, Le Temps, chỉ cốt bán riêng cho các người giàu có, nên giá tính đến 8 xu (40 centimes) một số. Còn như các báo khác định bán cho hạng bình-dân, nên giá bán có 5 xu (25 centimes) một số.

Thường thường, những người mua báo dài hạn hay giả tiền trước, nên viên quản-lý hết sức làm cho số những người này tăng lên.

Ở Ba-lê thì người đọc báo hay mua báo lẻ hơn là mua báo dài hạn, để có thể nay xem báo này, nếu có điều gì không thích, mai lại mua ngay báo khác. Lại còn một lẽ nữa. Những người đi làm thuê, làm mướn ông Ký, ông Thông, sáng ngày ra mua một tờ báo ở ga hay ở các đại-lý gần ga, lại có thể mua luôn được cả vé xe-điện, xe-hầm, ô-tô xe-lửa khứ hồi, mà không phải mất công chen-chúc chờ-đợi.

Vì người đọc báo ưa mua báo lẻ như thế nên các viên quản-lý các báo có đặt ra nhiều đại-lý ở trong thành-phố, ở ngoại ô, ở các tỉnh và ở ngoại-quốc. Năm 1914 báo Le Petit Parisien có 25.000 đại-lý. Các đại-lý nhận được báo lại phát cho các nhà bán báo lẻ. Những đại-lý và những nhà bán báo lẻ tính từ 5 đến 15 phần trăm tiền hoa-hồng và mỗi một tạ báo ế gửi về trả, nhà báo lại phải trả cho họ 10 quan nữa.

Tổ-chức việc bán cho chu-đáo cũng chưa đủ, viên quản-lý còn phải hiệp-ý với viên chủ-nhiệm, làm sao cho số báo in ra mỗi ngày mỗi tăng lên. Lúc này là lúc viên quản-lý can-thiệp cả đến công-việc bộ biên-tập.

Thí-dụ như : viên quản-lý chấm-chước với một bọn các nhà buôn, hoặc các nhà công-nghệ, xướng-xuất ra công-kích một món hàng gì, rồi cử bộ biên-tập viết bài đăng báo. (Những bài viết công-kích như thế, ít khi nhà báo đăng không lấy tiền.) Cái lối công-kích này rất nguy-hiểm. Một là số báo in ra tăng lên, hai là sụt hẳn xuống. Vì đăng những bài công-kích thì được lòng hạng người này, mà mất lòng hạng người khác, đó là lẽ thường. Như năm xưa, có một nhà báo nọ đứng ra công-kích sự chế-tạo các thứ rượu mùi, mà chỉ trong vòng một tháng, nhà báo mất hẳn 100.000 độc-giả. Vì những bài ấy ra, các nhà buôn bán và chế-tạo các thứ rượu đều bảo nhau tẩy-chay không mua báo ấy nữa.

Bởi thế, các viên quản-lý phải nghĩ ra những cách làm cho báo chạy, mà ít nguy-hiểm hơn.

Như là: thưởng sách vở, đồ dùng hữu-ích cho các người mua báo dài hạn. Như báo Le Bien-Être lại hứa với các độc-giả như sau này: ai mua báo lâu năm, bất ngờ gặp tai nạn, nhà báo sẽ tư-giúp cho ít nhiều ; ai mua báo 30 năm, lúc chết nhà báo sẽ làm ma cho, và sẽ tư-giúp cho người vợ góa 100 quan. Nhưng, cái đó chẳng qua chỉ là những cái kế tạm-thời. Đến sáu tháng sau báo ấy chết vẫn hoàn chết.

Người ta lại còn nghĩ ra nhiều lối khác nữa.

Có lần người ta thấy thiên-hạ xúm quanh ở các gốc cây trong các phố Ba-lê, vì có một tờ báo giấu một số tiền ở những gốc cây đó, số tiền ấy giấu ở gốc cây nào, đã có hình vẽ ở trong báo.

Cũng có nhà báo lại mở ra các cuộc đố như là : đố biết 10 bực vĩ-nhân của nước Pháp là những ông nào ? hay là ông chủ nào xấu-bụng nhất thành Ba-lê ? Người nào đoán trúng trước tiên là người ấy được thưởng.

Hoặc giả cũng có nhà báo dùng những câu hỏi, đố các độc-giả, ai trả lời trúng thì được thưởng : người ta khi ngủ, nằm ngửa hơn, hay là nằm nghiêng hơn ? Ở xã-hội này có 10 nghề cần hơn hết, là những nghề gì ? Nếu tả lấy một cái vỏ trứng rồi đè ngón tay lên thì nó vỡ ra làm mấy mảnh con ? Cái lối chiêu-hàng của các nhà báo như thế kể cũng đã đủ cách rồi, nhưng còn có nhiều cách lạ-lùng hơn thế nữa.

Năm xưa báo Le Matin và báo Le Journal vốn có thù-hằn với nhau thách nhau cử người đi khắp hoàn-cầu xem người của bên nào đi mau hơn. Hai người cùng phải cử-hành trong một lúc, ở một chỗ ở Ba-lê, một người đi về phía Đông, một người đi về phía Tây, xem người nào về đến nơi trước. Hai người ấy là ông Henri Turot và ông Gaston Stiegler, đi đến mỗi chỗ lại gửi giây thép về, cho mọi người biết. Sau ông Stiegler đi tất cả mất có 63 ngày, được cuộc ; còn ông Turot gặp lúc sông Amour đang cạn nên chậm lại mất hơn 2 tuần lễ, thua cuộc.

Thiết tưởng những cách trên đây chả qua chỉ là những cách tạm-thời làm cho báo chạy một lúc, để cho đỡ túng, thật ra thì tờ báo không bao giờ vì đấy mà tăng giá-trị hoặc sống lâu thêm lên. Tiền làm quảng-cáo cho các nhà buôn, mới thật là cái tiền nó nuôi tờ báo.

Về phương-diện này, báo Pháp chịu thua kém báo Anh, Mỹ nhiều lắm, như báo New - York Hérald dầy 23 trang, mà 24 trang quảng-cáo. Một tờ báo Le Times năm 1924 được ngót 15 triệu, về tiền quảng-cáo. Thế mà cùng trong năm ấy tất cả báo-giới Pháp, tiền quảng-cáo chỉ thu được có dưới 150 triệu. Cái đó cũng không có chi lạ. Một là các nhà buôn Pháp xưa kia ít biết lợi-dụng sự làm quảng-cáo. Hai là người Hoa-kỳ và người Anh thì dùng đủ lối để làm quảng-cáo cho các nhà buôn. Gần đây, người Pháp đã chịu lưu-tâm đến việc quảng-cáo, đã chịu tìm các phương-pháp khoa-học làm cho sự quảng-cáo có hiệu-nghiệm, cho các độc-giả phải chú-ý.

Phụ-nữ Thể- Thao tại Nhật (Cl. A. N.

Ở Pháp hiện nay các nhà báo thường trông ở mục nói về các việc tài-chính tức là mục bình-phẩm về thị-giá các cổ-phần các hội buôn-bán, công-nghệ. Mục này viên chủ-nhiệm và viên chủ-bút không bao giờ nhận trách-nhiệm.

Nguyên một mục này mà năm 1919 báo Le Journal, Le Petit Journal, Le Petit Parisien thu được tới 600.000 quan của các hội buôn-bán và công-nghệ. Cái lợi ấy không phải là nhỏ, nên báo nào cũng thường có mục này.

Song, nếu các nhà buôn cổ-phần các hội không mua bán quen, chỉ bằng ở lời tán-tụng ở trong mục tài-chính ở các báo, thì nhiều khi mất cả vốn lẫn lời. Tức như năm xưa vì các báo cổ-động, người ta đổ xô nhau vào mua trái-phiếu của Nga, đến bây giờ muốn bán lại, không có người mua nữa.

Còn một khoản thu-nhập nữa. Những khoản này bất-thường mà cũng có thể gọi là phi-nghĩa. Mỗi khi nghe thấy ở nhà nào xảy ra một chuyện bí-mật, viên quản-lý liền phái ngay các phóng-viên đến «mở cuộc điều tra», rồi cố dùng những mánh khóe khôn khéo dọa nạt người khổ-chủ. Muốn cho những điều bí-mật của mình khỏi bị phô bầy ra trước cửa miệng bình-phẩm của công-chúng, người nhà có việc tất bị bắt buộc phải đem tiền mua lấy cái «im» của các tay nhà nghề ; số thu này thường không vào quỹ nhà báo, mà lại lọt vào túi viên quản-lý.

Về công-việc của ban trị-sự và nhiệm-vụ của viên quản-lý một tờ báo lớn ở Pháp, nói thế cũng đã tạm đủ. Còn cái «khóe-tinh» của con nhà nghề, tất phải nhờ ở sự lịch-luyện, ở tài thông-biến của mỗi người, không thể bút nào tả cho hết được.

Trà-sơn

Thái-độ Hội-Đồng Vạn-quốc

Hội-đồng Vạn-quốc vẫn điều-đình, giữ cho cuộc xung-đột khỏi hành-trướng mà không được. Thái-độ Nhật-bản vẫn ương-ngạnh lắm có ý muốn ra hội. Ủy-ban điều-tra của Hội-đồng Vạn-quốc đã đáp tầu Paris sang Viễn-đông. Trung-hoa yêu-cầu H.Đ.V.Q. họp lần nữa. Ban-trị-sự do ông Paul Boncour chủ-tịch vừa họp ở Genève định rằng không thể bác đơn thỉnh-cầu của Tàu được. Vậy nay mai sẽ có một phiên hội - đồng bất - thường của H. Đ. V. Q.

Phần tỏ trách-nhiệm cuộc chiến-tranh nầy, sứ-đoàn Tàu nói quyết rằng : từ nay Tàu sẽ dùng đủ phương-pháp giữ cho Nhật không xâm lấn được.

DANH - NHÂN DẬT - SỰ

MỘT CÁI KHỔ - TÂM CỦA CON NHÀ NGHỀ

Bản kịch «Trưởng-giả học làm sang» (Le Bourgeois Gentilhomme) diễn lần đầu ở đài Chambord, vào hồi tháng mười năm 1670. Chưa từng bao giờ một bản kịch bị thất bại như thế và trong các bản kịch của ông Molière, không bản nào làm cho ông buồn bực như bản này. Bữa giạ yến tối hôm ấy, vua Lỗ-ý không dả-động một câu gì đến bản kịch ấy cả. Thấy vậy, các cận-thần cũng hùa nhau vào bài-bác, chỉ còn kém một việc là xé tan vở kịch thành ra từng mảnh nữa thôi.

Cách năm hôm sau, vở kịch ấy mới lại được khai-diễn lần thứ hai. Trong năm hôm giời ấy ông Molière buồn-bực phẫn-uất, không thò mặt ra ngoài cửa buồng.

Lủi-thủi một mình trong căn buồng-áp mái, ông Molière ngồi lù khù trên chiếc ghế bành, một cái chăn phủ hai đầu gối. Không bao giờ ông thấy thì-giờ dài đằng-đẵng bằng hôm ấy! Bấy giờ đương giữa tháng mười, giời rét. Dưới bầu giời u-ám, rừng Chambord trông ra vẻ âu-sầu ảm-đạm. Những trận gió thổi ù-ù qua các ống khói bằng đá trạm, làm cho cảnh vật thêm vẻ đìu-hiu. Không muốn xuống ăn ở bàn các người con hát, ông sai người đem lên cho một cốc sữa.

Giữa lúc ấy, ông đương ngồi một mình buồn-rầu tức-bực, thì người bạn gái già là cô Cathérine de Brie từ ngoài cửa bước vào. Trông thấy, ông cất tiếng thở-than :

— Chà, cô đấy ạ? Cô Cathérine đáng thương của ta ơi, cô tử-tế với ta quá! . . . Nhưng sao Armande (Bà vợ ông) không đến?

— Vì bà ấy giận ông.

— Sao vậy ? Vì tôi không được sung-sướng có phải không? Tôi biết mụ ấy rồi.

— Vả, cũng bởi trong vở kịch, ông lại mượn miệng Cổ-Viên, mà bảo rằng: bà ấy mồm rộng và ti-hí mắt lươn.

— Nhưng nhờ có mấy lời tán khéo của Cơ-lê-ông mụ ấy đã ưng thế rồi kia mà.

— Ấy thế mà bây giờ bà ấy lại không ưng thế nữa.

— Cái đó lỗi tôi thật. Đáng lẽ mình đắc thắng mới phải... Nhưng này. Cathérine, trong vở kịch khốn nạn ấy, có gì đáng làm cho chúng nó (các nịnh-thần) không hài lòng? Hay vì cái vai quý-phái sỏ siên dưng ấy chăng? Nhưng, nói đáng tội, phần nhiều chúng nó bẩm-sinh như thế cả. Tôi biết chúng nó lắm chứ! Mọi lần trước, Hoàng-Thượng thấy tôi vạch những điều ẩn-bí của chúng thì lấy làm đắc-ý lắm. . . Lần này, Ngài không hé môi nói một nhời. Hay cả đến ngài nữa, cũng có điều gì làm cho ngài bất-bình chăng? Vì Ngài, tôi đã làm biết bao là công việc. . . mà đáng lẽ tôi không nên. . . Thật là một vị Hoàng-Đế lúc nào muốn nhân-từ thì rõ ra nhân-từ, mà kỳ trung rất là ác-nghiệt. . . Nhưng này, Cathérine, nhà tôi nó làm gì ở nhà thế?

— Nào tôi có biết đâu.

— Hẳn hẳn đương trò chuyện với thằng Guiches thì phải.

— Chàng Guiches đi vắng kia mà.

— Hay thằng Baron?

— Tôi chắc chả có thế.

— Chao ôi! Cái thằng Baron mà tôi đã cứu vớt ở đâu ra, chắc cô cũng biết đấy, cái thằng Baron mà tay tôi đã đào-tạo nên, cái thằng Baron mà tôi coi như con đẻ ra, ấy chính cái thằng ấy lại là nhân-tình vợ tôi . . . . . hay rồi nay mai nó cũng đóng vai ấy, tôi chắc thế.

Nói xong, ông Molière lấy hai tay bưng mặt, cô Cathérine de Brie đoán ngay là ông khóc, liền nói rằng:

— Ơ hay! cái nghề mình cốt làm cho người ta cười, mà nay tự mình lại khóc, thế chả tức cười lắm ư?

— Phải, làm cho chúng cười rồi để chúng phang cho mấy gậy hay đưa cập móng-giò vào đ. . . . . cái nghề ấy thảm độc lắm, con ạ. Thế mà họ còn bảo rằng: ta vì bám bả vinh - hoa nên mới chuốc lấy cái nghề ấy! . . . Bề ngoài trông ra, chúng ta vẫn được các bậc vương-hầu đón đưa chiều chuộng. Nhưng họ chiều chuộng mình, là để bắt mình phải phục - tùng những cái khoái-lạc của họ, mà làm nô-lệ cho những điều ưa muốn bất-thường của hạng người ấy, thì còn gì đáng thương đáng buồn hơn! Có tiền thì cái thằng mạt hạng nhất đòi cũng dịch-xử được mình. Thế gian họ coi mình là hạng người thùa mà khinh bỉ mình. Ốm đau hay mạnh khỏe cũng mặc, bao giờ cũng phải trực sẵn để ứng-mệnh họ, cũng phải trực sẵn để làm cho người vui-thú, mà chính mình, thì nhiều khi trong lòng chứa chất những nỗi sầu-bi.

— Rõ truyện, có phải ngày nào cũng thế đâu. Vả chăng, ai thì không nói, chứ tôi, thì tôi dám quyết với ông rằng: đối với các hạng vương-hầu, không bao giờ tôi đóng vai nô-lệ, mà có khi chính họ, họ lại đóng trò cho tôi coi.

Nhưng trong lòng ông Molière lúc bấy giờ, hình như bao nhiêu những nỗi cay đắng ở đâu dồn lại cả. Ông nói:

—Cô xem đấy, xuốt đời, tôi có biết cái gì là sung-sướng bao giờ. Tôi có thể thổ-lộ hết cả với cô được có phải không? Tôi biết cô đã hai mươi năm rồi. Tôi gặp cô ở Lyon, đồng-thời với con Marquise là một con phường xiếc nhãi-ranh, con gái một thằng làm trò quỷ-thuật. Ấy lại con ấy nữa, nó cũng lừa tôi, nó lừa tôi để đi với thằng oắt Racine.. Không, tôi thật không sung-sướng bao giờ. Từ năm mười một tuổi, đã bồ côi mẹ, rồ; lọt vào tay một bà mẹ ghẻ..... Ông cha tôi thì cho tôi theo đòi sự giáo-dục của hạng quý tộc. Cái cách giáo dục ấy mới ích lợi cho tôi làm sao! Vì đấy mà những cảnh cùng quẫn, những sự khinh bỉ rẻ rúng mà tôi đã nếm trải trong khi lang-thang nơi này nơi khác trong mười hai năm giời càng thấy thêm màu cay đắng.

—Thôi, lúc bấy giờ mình còn trai trẻ.

—Phải, tôi cũng biết một người đàn bà có nhan sắc không thể nào bị người ta khinh được, nhưng tôi, tôi đã chịu biết bao nỗi đau đớn vì bị chúng khinh. Đến bây giờ tuy tôi đã khinh giả lại chúng mà giả lại một cách công nhiên, một cách có phần quá lạm, mà cái vết đau ấy cũng vẫn còn.., . Rồi đến lượt cái cuộc nhân-duyên thê-thảm của tôi,..

—Cái cuộc nhân-duyên ấy thoạt-tiên cũng thú-vị lắm chứ! Anh Jean Baptiste ạ. . .

—Chị tưởng thế à? Cái lạc-thú ấy hoặc có chăng nữa, tôi cũng quên bẵng đi rồi, trong trái tim này, đến nay chỉ còn những vết-thương của con dao tình để lại. . .Này, tôi hỏi thật chị nhé, chị có tin rằng: con vợ tôi nó yêu thằng nhãi Baron ấy không?

—Tôi chả-tin một chút nào cả.

—Vậy mà tôi, thì tôi, chắc lắm... Thôi, tất cả chúng nó thì-thầm với nhau thế nào, tôi biết cả.

Tất cả chúng nó là ai?

Đấy ! những thằng quỷ phái, những mụ ở trong Triều, có lẽ cả Hoàng-thượng nữa. . . Tôi dám đánh cuộc với chị, chắc họ thì-thào với nhau rằng: thật là một điều lạ, một điều hiếm có mà có, lẽ là một điều quả-báo, cho nên cái thằng ở trên sân-khấu, hay chế giễu nhất những anh chồng bị quỷch, lại là cái thằng chồng bị quỷch nhất ở trong nước Pháp này.

—Thôi đi anh, đừng giở cái kiêu ngạo khờ dại ấy ra nữa.

—Lại nói đến cái bản-kịch khốn nạn ấy, chị có biết rồi chúng nó còn bình-phẩm thế nào nữa không? Tôi dám chắc có, hình như chính tai nghe thấy rồi vậy. Bởi vì tôi thích sự phù-hoa, thích mặc áo đẹp thích dùng đồ tốt, vả, tuy xuất thân là con hát, tôi lại muốn tự-phụng ra vẻ trang-nhã, nên tôi chắc, ngay lúc này, đã có thằng nào độc miệng đương khảo nhau rằng: chính anh chàng viết ra vở «Trưởng-giả học làm sang» vẫn tự mình diễn vở kịch «thằng hề học làm quý-phái» mà không biết.

—Anh tưởng chúng nó có đủ tài lém mà nói được câu ấy ư?

— Chúng nó sẽ có đủ tài để làm cho tôi đau đớn trong lòng... Tôi thề với chị rằng, đương lúc này, chúng nó đã bàn soạn để tìm cách cho con Armande và thằng Baron có dịp mà trò chuyện lơi lả với nhau.., Vả chăng, thật tình ra, thì con vợ tôi và thằng học trò tôi còn kiêng nể gì mà chúng nó chả tự do? Có phải trong một đời tôi, tôi có kiêng nể gì ai đâu? Có phải từ xưa đến nay, tôi vẫn hành-động tùy ý sở thích của mình không? Cathérine ạ, chị hẳn còn nhớ trong khi chúng mình còn gánh hòm đi hát đám, thì cái tình-cảnh hý-kịch của ta lúc bấy giờ còn mách-qué (chiennerie) như thế nào?... Năm 18 tuổi, tôi không có một chút tín-ngưỡng nào cả, tôi là một thằng vô-đạo, ấy cũng nhờ ở các bài học của thầy giáo Gassendi, vì thầy có ngờ đâu cái cách tôi hiểu biết những bài học của thầy... Cũng vì thế nên bây giờ, linh-hồn tôi rỗng tuếch không có một tý gì là hy-vọng... Nếu tôi được mạnh mẽ thì còn nói gì! Nhưng tôi lại cứ ốm yếu luôn, ngày chỉ cầm hơi vài cốc sữa... Tuy vậy, tôi vẫn muốn sống... sống khổ sống sở... Ấy đấy, Cathérine ạ, tình sợ chết... và tình nhục-dục, công việc đời ta rốt cục lại có thế đấy thôi.

— Đừng nói thế, anh Jean Baptiste, anh phải biết rằng tôi là người có đạo.

— Giữ lấy đạo của ngươi, con ạ... Nhưng ta...

Nói đến đấy, ông giơ tay ra đáng rất mực buồn rầu.

Giữa lúc ấy, chàng Baron bước vào trong buồng, mặt-mày hớn hở. Ông Molière hỏi:

— Hè, có tin gì lạ không?

— Thưa thầy, có mà rất đáng mừng. Hoàng-thượng đã ban truyền rồi.

— Ngài phán gì?

— Ngài phán rằng nội trong các vở kịch tay thầy thảo ra, chưa có vở nào đã làm cho ngài vui lòng bằng vở «Trưởng giả học làm sang».

— Nhưng sao ngài không phán ngay ?

—Có lẽ để thưởng thích cái thái-độ di-du luống-cuống của tụi nịnh-thần, nên ngài vừa ra lệnh cho diễn lại vở ấy tối hôm nay.

Nét mặt đương ủ-rũ bỗng biến hẳn ra tươi-cười vui-vẻ, ông Molière từ từ bảo chàng Baron rằng:

— Con ơi, con thật đã vì ta cải tử hoàn sinh !

Mai-khê *thuật*

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUANG-VAN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính-Dần 1926
120, phố Bonnal 120
Haiphong

Có bán trà « *Việt-Nam* », sà phòng « *Rồng-Nam* » v. v. . .

RỞ VỘI MẤY TRANG SỬ-KÝ

Nội-các mới nước Nhật là nội-các bảo-thủ...

Nội-các cũ nước Nhật, thuộc phái tự-do, chiếm đại-đa-số trong Nghị-Viện mà bị đổ, Nội-các Khuyển-Dưỡng-Nghị (Inakaï) thuộc phái bảo-thủ thành-lập, sau một thời-kỳ rất khó-khăn, cho nên Nội-các này đứng được yên, lẽ tất-nhiên Nghị-Viện phải giải-tán.

Nội-các cũ bị chất-vấn về bao nhiêu khoản tày trời: Mặt Ngoại-giao thì nhu-nhược không biết giữ quyền-lợi cho nước, nào đối với Hội-Nghị Hải-quân ở Luân-Đôn, nào đối với cuộc xung-đột ở Mông-Mãn. Lại trước việc can-thiệp vô-nghĩa-lý của Hội-Đồng Vạn-Quốc, nước Nhật ở Paris chỉ là cái bung-xung chịu đạn, — quá ư hiền-lành !

Mặt Nội-trị thì kém hèn, không đủ phương-pháp ngăn-ngừa nạn kinh-tế, lại có ý mặc cho chi-khoản trong ngân-sách tăng lên. Ông Inoué có hiến một bản chương-trình, nhưng bản chương-trình ấy lại càng dở nữa: có việc vô hiệu-quả (như việc sát-nhập bộ Thương-mại vào bộ Kỹ-nghệ), có việc không thể thực-hành được (như việc bỏ bộ Thuộc-Địa), có việc hại cho sự quốc-phòng (như việc bớt binh-phí, bớt tàu phá-lũy, tàu bay v. v....)

Đã thế, các viên-chức trong Nội-các, lại người này từ-chức, người kia bất-hòa. Sau ngày bị nạn (1), Thủ-tướng Homaguchi ốm liệt giường luôn mấy tháng, phải nhường ghế cho Nam-tước Wakatsuki. Sang tháng chín, thượng-thư bộ Hỏa-xa là Dr Egi từ-chức, để ông Kara thượng-thư bộ Thuộc-Địa sang thay. Nhưng thượng-thư bộ Nội-vụ là ông Adatchi phản-đối sự hỗn-độn nầy, xin để cho xong kỳ bảo-cử hãy bàn đến sự tiết-kiệm trong chính-trị. Muốn vậy, ông « bẩy » ngay ông thứ-trưởng Ushio về Nguyên-Lão Nghị viện và lấy người cùng cánh là ông Tsugita kế chân. Nhưng việc ông làm chỉ là công dã-tràng, lúc đấu-phiếu phái phản-đối vẫn thắng số.

Thêm vào cơ nguy nan ấy, sảy ngay ra việc tiền Anh hạ giá, làm hạ giá cả tiền vàng nước Nhật, phong-trào phản-đối Nội-các lại càng sôn-sao, đến nỗi chính ông Adatchi phải công nhận rằng cần phải có một Nội-các hợp hết các chính-đảng. Cũng vì thế mà Nội-các Dân-hữu từ-chức.

Nhưng các ông lãnh-tụ các đảng lại không thèm cộng-tác với Chính-phủ. Thành thử Nhật-Hoàng phải quay về phái Chính-Hữu, ủy việc tổ-chức Nội-các cho ông *Khuyển dưỡng-Nghị*.

Khuyển-dưỡng-Nghị là một nhà danh-vọng trên quần-đảo Nhật, năm nay đã 73. Sinh ở Okoyama năm 1855, ông đã dự vào việc Chính-trị ngay từ hồi niên-thiếu: chủ-bút nhật báo Hochi, nghị-viên, thượng-thư, rồi lãnh-tụ phái Kakushin Club - phái này sát-nhập vào đảng Chính-Hữu năm 1925.

Ghế Ngoại-giao trong Nội-các mới để dành cho con rể ông là Yoshizawa ở Paris về, ông này trước đã làm lãnh-sự Nhật ở Bắc-kinh nên hiểu rõ tình-hình Viễn-Đông lắm.

Tài-chính bộ Tổng-trưởng, ông K. Fakahashi, là anh Thủ-Tướng, vốn đã thạo nghề lắm, đã trải bao nhiêu năm tổng lý việc ngân-hàng và đã làm tài-chính Tổng-Trưởng. Năm 1924, ông mới từ chính-giới vào Nguyên-Lão Nghị-viện và làm lãnh-tụ đảng Chính-Hữu này.

Đến Thượng-thư bộ Nội-vụ là ông Naka Hashi cũng đã từng phen ngồi ghế trong Nội-các ông vào chính-giới đã hơn 14 năm rồi. Tóm lại các viên-chức trong Nội-các mới này đều là những tay danh-vọng, bạc đầu, rỗ gót trên con đường chính-trị cả.

Lấy tư-cách nhà lãnh-tụ đảng Chính-Hữu ông Khuyển-dưỡng-Nghị thường phô-diễn chương-trình của đảng mình. Ông muốn yêu-cầu cho được rộng quyền địa-phương tự-trị và bớt các chi-khoản của nhà nước. Cứ theo chương-trình năm năm của Đảng thì cả mặt chính-trị lẫn mặt tài-chính tất có một cuộc hoán-cải rất to, các độc-quyền sẽ bãi bỏ hết, các thuế má sẽ dảm bớt đi; nhờ đó, kỹ-nghệ trong nước sẽ được dễ thở hơn trước. Còn ở mặt trường ngoại-giao, Thủ-tướng nước Nhật vẫn hứa với quốc-dân xin nắm chắc quyền-lợi Nhật ở Trung-hoa và ở Mông-Mãn . . . . . .

... mà ở Nam-Kinh thì người tả-đảng cầm quyền

Chính-phủ Tàu ở Nam-kinh vốn vẫn ở dưới quyền kiểm-soát của Quốc-Dân-Đảng, Đảng Quốc-Dân lập lên bởi mấy tay thiếu-niên dưới đời Mãn-Thanh sau kỳ Trung Nhật đại-chiến năm 1894-1895 (ngày đó Tàu bị đại bại). Tôn-Dật-Tiên chính là một tay sáng-lập, phải bỏ nước xuất-dương, khi sang Mỹ, khi sang Nhật, lênh-đênh hải-ngoại mười mấy năm trời, đến năm 1911 mới cùng đồng-chí đạp đổ được chính-phủ. Từ đó, Quốc-Dân-Đảng lên cầm-quyền.

Năm 1918, Quốc-Dân-Đảng phản-đối Chính-phủ Bắc-kinh, 7 đại biểu 7 tỉnh miền Nam họp thành Chính-phủ biệt-lập ở Quảng-đông, ông Tôn Dật-Tiên một lòng vì nước vì dân, được quốc-dân tôn-sùng lắm.

Nhưng chẳng bao lâu, phong-trào Cộng-sản đã lan đến, do mấy tay du-học-sinh ở Moscou đem hạt giống về. Lại năm 1923, chính Tôn-Văn cũng cầu người Nga chỉnh-đốn hộ binh-nhung và chính-thể.

(1) ông suýt bị ám-sát.

Bởi vậy, chính-sách Quốc-Dân-đảng đã phác theo quy-củ Cộng-sản ít nhiều.

Năm 1925, ông Tôn-Văn thác! Quốc-Dân-Đảng bắt đầu lục-đục, phái Cộng-sản và phái Phản-cộng sô-sát nhau. Hồ-hán-Dân lúc ấy làm lãnh-tụ, vì một tờ tuyên-ngôn có ý bênh Cộng-sản mà kết cục phải trốn biệt sang Moscou.

Chính lúc này, Tưởng-giới-Thạch xuất thế. Tưởng đã khéo rút mình ra ngoài cánh Cộng, gây lên phong-trào phản-cộng, rồi sau hết dùng ngay binh-lực «tẩy» hẳn Cộng-sản ra ngoài chương-trình đảng Quốc-Dân. Năm 1927, Đảng đã chục-xuất Tưởng một độ, nhưng lại triệu về ngay. Tưởng về, Tưởng tìm đường trừ luôn ngay các đảng-viên cộng-sản, dẹp tan các ông «sứ-quân», một tay cầm quyền cai trị gần khắp phía nam nước Tàu, suốt từ sông Hoàng-hà trở lại. Tưởng lại liên-kết với Trương-học-Lương (con Trương-tác-Lâm) lúc ấy đương ung dung cầm quyền xứ Bắc và Mãn châu. Nước Tàu lúc ấy đã gần được hợp-nhất. Nhưng... nhưng ở Quảng-Đông bỗng có phái phản Tưởng, con ông Tôn-Văn cũng ở trong phái đó, thành thử chính-giới nước Tàu lại chia rẽ lung-tung.....

Giữa lúc ấy sảy ra việc Mông, Mãn. Người Nhật nhất-quyết sâm-chiếm, Hội-đồng Vạn-quốc đánh bài «*vờ*». Nước Tàu mới tỉnh-ngộ, mới hợp-nhất rồi chánh-phủ Nam-Kinh thành-lập hẳn, rồi hội-nghị Quốc-gia nhóm thành.... ngày 2 Novembre, Tưởng-giới-Thạch tuyên-ngôn từ-chức Tổng tư-Lệnh. Phái Cấp-tiến trong Quốc-Dân-Đảng lên cầm-quyền, lại cộng-tác với người Nga.

Em vợ Tưởng là Tống Tử-Văn từ bộ Tài-chính; Cố Duy-Quân cũng đã từ bỏ ngoại-giao, nhường ghế cho Trần-Hữu-Nhân thuộc phái cực-tả.

Vậy, hiện nay, đại thể nước Tàu chia ba chân vạc: 1) Tả phái Quốc-Dân-Đảng ở Nam-Kinh cai-trị miền Nam 2) Trương-học-Lương ở Bắc-Kinh chiếm-cứ xứ Bắc; và 3) Trương-Cảnh-Hiệu là Tổng-đốc châu Mãn, do người Nhật cầm cương.

Đ.H.H.

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra:
Les confessions de J.J. Rousseau »

(*tiếp theo*)

Tôi sở-dĩ về sau này yêu âm-nhạc, mê âm-nhạc, chắc là vì chịu ảnh-hưởng của cô tôi. Cô tôi thuộc nhiều câu hát, nhiều điệu hát, cô tôi lại có giọng êm-ái, mỗi khi hát nghe rất có hứng-vị. Cô tôi không biết cái gì là cái lo sầu bông-lông vơ-vẩn; tấm lòng cô tôi phẳng-lặng như tờ, cho nên ai ở gần cô tôi cũng phải quên những nỗi lo sầu. Những câu hát của cô tôi đối với tôi đã in sâu trong tấm cảm-tình, đến nỗi mãi về sau, chẳng những lúc tôi đã nhớn, nhiều câu hát ấy vẫn còn ghi trong trí nhớ, mà đến nay, tuổi đã già, trí nhớ đã như mất, nhiều câu hát kia vẫn còn phảng-phất hiện ra trong ký-ức, những cái hồi-tưởng bất-kỳ trong ký-ức như vậy, êm-ái thay, tôi không sao tả hết mối cảm của tôi được. Có ai ngờ rằng tôi đây đã già lẫn-cẫn như thế này, đã có trăm sợ nghìn lo, như đánh như rũa, như cắt như mài, thế mà thốt nhiên có lúc cất tiếng phì-phào run-run lẩm-nhẩm ngâm-nga mấy câu hát ấy, là lại lụy rơi chan-chứa, khóc nức-nở như đứa trẻ thơ. — Có một câu hát, điệu thì tôi nhớ nguyên cả mà câu thì chỉ có một nửa là nhớ, còn cái nửa kia làm thế nào cũng không nghĩ ra được, dẫu đã có vần mà cũng vẫn không sao nhớ lại được cả câu. Đây câu đầu và mấy câu sau mà tôi còn nhớ thì như thế này:

«Tiếng tiêu đâu khéo dạt-dìu,
Gốc cây đứng thổi như chiều gọi ai.
Ai ơi! có biết cho ai,
Muốn tìm ai lại sợ người lân-bang.
Lân-bang chê thiếp với chàng,
Ràng dâu, rằng tộc... đoạn-trường lắm thay!

Rồi lại có những chữ «*gã mục-đồng*», chữ «*thề-nguyền*», chữ «*nguy-hiểm*», và một câu rằng:

«Nếm mùi tình có sợ cay?
Tìm hoa hồng, có biết gai trên cành?»

Bây giờ tôi ngồi nghĩ xét xem do đâu mà cái câu hát ấy gây cho tôi một mối cảm đến như thế: cái cảm không có lý ấy, tôi không hiểu là vì đâu, nhưng thật tôi không thể sao hát câu ấy cho hết mà không thủy-lệ cho đến phải nghẹn nhời ngừng lại. Đã bao phen tôi định viết thư về Ba-lê hỏi mua hay nhờ người tìm kiếm cậu hát ấy cho trọn bài, hoặc giả còn có người nào bây giờ vẫn còn biết đến bài hát cũ-kỹ ấy. — Nhưng tôi chắc hẳn là tôi yêu câu hát ấy chỉ vì cô Thúy-Dung của tôi vẫn hát câu ấy, trong cái cuộc đời vất-vả, nếu tôi biết rõ rằng ngoài cô Thúy-Dung tôi, cũng có nhiều người trước vẫn ca khúc ấy, thì có nhẽ cái thú của tôi những khi nhớ lại câu ca ấy, sẽ giảm bớt nhiều.

Tôi vào trong cuộc đời những sự yêu-mến trước đầu là thế đó. Nhân đấy mà bắt đầu tư rèn-đúc nên một tấm lòng vừa khảng-khái nhưng lại vừa đa-tình, một nết người vừa đa-cảm như đàn-bà, nhưng vừa cương-cường rất mực, rồi khi thì nhu-nhược quá, khi thì bạo-dạn quá, khi thì mải vui quên hết mọi việc, khi thì hăng-hái vì thế-đạo, rút lại xuốt đời tự mình thường có khi như là lại phản lại mình, mà do cái chỗ ấy hóa ra tu không ra tu, mà chẳng tu cũng không được là chẳng tu, cái khôn không đến mình mà cái xướng ở đời cũng không đến mình.

Nguyễn tiến-Lãng *dịch thuật*

(còn nữa)

VĂN-ĐÀN

TẢN-VĂN

Giá-trị của sự chết

Người ta có sống thời có chết, chết nghĩa là hết sống. Nếu sự sống đã kể là có giá-trị, thời sự chết cũng là có giá-trị. Giá-trị của sự sống bao nhiêu, giá-trị của sự chết tức cũng bấy nhiêu. Sách Trang-Chu có nói rằng : «*Giời đất chở ta bằng cái hình, làm nhọc ta bằng cái sự sống, cho ta nhàn bằng cái sự già, cho ta nghỉ bằng cái sự chết*»

Lời nói đó cũng đã hiểu đến cái giá-trị của sự chết vậy.

Con người ta đã chót sinh ra đời, dẫu có oán giời nữa cũng không được. Đã như thế, nếu cứ phải sống mãi mà không bao giờ được chết, thời sự phải chịu nhọc biết bao giờ cho được thôi? Cho nên Tạo-vật chí nhân, đã chót cho người ta sống, phải cho người ta chết ; cũng chí công, đã cho ai nấy sống, đều cho ai nấy chết. Cho nên người ta ở trong đời, ai cũng được có một phần sống, được có một phần chết, hưởng-thụ hết cái sống thời hưởng đến cái chết vậy. Phần sống của mọi người, dài ngắn hơn kém nhau có xa ; phần chết của mọi người, dài ngắn hơn kém nhau không mấy. Phần sống của mọi người, so với phần chết đều dài hơn ; phần chết của mọi người so với phần sống đều ngắn. Xem thế lại đủ biết cái giá-trị của sự chết, có phần quí hơn sự sống vậy.

Chúng sinh cùng sống ở trong đời, tức như một đàn trẻ con cùng ăn cơm với nhau. Tạo-hóa thời là bà mẹ trông coi cho chúng ăn cơm đó. Bà mẹ ấy bảo các con rằng: « *Các con, đứa nào đứa ấy, hãy cứ cùng ăn cho no ; dù hoặc có chỗ không được công, thế nào mẹ cũng để cho mỗi đứa một miếng rò để ăn trót trong khi đứng dậy* » Miếng rò đó là gì? tức là sự chết của Giời cho khắp cả mọi người vậy. Nghĩ như thế, thời càng biết cái giá-trị của sự chết, quí-trọng là nhường bao!

Sự chết có giá-trị quí-trọng như thế, thời sự hưởng-thụ tất là có thú-vị đặc-biệt. Vậy mà sao có phần nhiều người thường như cứ sợ chết? Như vậy chẳng là chúng-sinh dại lắm ru?

Bảo rằng « dại » không phải ; chỉ là trong chúng-sinh phần nhiều có kẻ *nhát*. Nguyên sự chết đã như miếng rò, mà như miếng rò nóng. Nghĩa là cái miếng ăn ngon như thế, Giời không muốn cho chúng bỏ lỏm vào mồm mà nuốt ngay ; cho nên hơi làm nóng một chút, khiến cho chúng vừa xuýt-xoa vừa ăn, có thế mới nhận biết cái vị ngon quí. Lại vì trong chúng-sinh, tính-căn không đều nhau, có kẻ táo-bạo, có kẻ nhút - nhát ; có kẻ nhút - nhát nhiều, có kẻ nhút-nhát ít. Cho nên trong sự chết, Tạo-hóa bất-đắc-dĩ mà lại phải chia ra làm ba hạng, hơi có khác nhau : một là mượn sự tật bệnh hoặc tai nạn bất-kỳ mà làm cho kẻ ấy được chết ; hai là mượn ở tay kẻ ấy mà làm cho kẻ ấy được chết; ba là mượn ở cái tay kẻ khác mà làm cho kẻ ấy được chết. Ba sự chết đó tuy có khác nhau, mà đều phải có qua một lần thống-khổ. Sự thống-khổ đó ít hay nhiều, tức như miếng rò kia nóng vừa hay nóng lắm. Cho nên phần nhiều người sợ chết không phải là sợ ở cái chết, mà sợ ở cái lúc được chết, tức là sợ ở cái thống-khổ. Chính cũng như kẻ sợ rò, không phải sợ ở miếng rò, mà sợ ở cái lúc ăn rò, tức là sợ ở cái sự nóng. Vậy thời chỉ là trong chúng-sinh có nhiều kẻ nhát, cho nên nhân sợ sự thống-khổ mà sợ lây cả đến sự chết, cũng như kẻ được ăn rò, nhân sợ nóng mà sợ cả miếng rò vậy.

Cứ cái lòng sợ chết của chúng-sinh như thế, nếu Tạo-hóa không thật là chí công, chí nhân và thêm có cái đức cương-kiện, thời có khi vì chúng sợ chết, mà không cho có kẻ được chết. Song mà Tạo-vật không như thế, cho nên mới gọi là Thiên-công.

Đấng Thiên-công đã cho khắp mọi người đều được có một sự chết là cái phần quí-trọng, là cái phần hưởng-thụ có thú-vị hơn nhất trong đời người, thời phàm cùng là người với nhau, dù kẻ nào có ghét kẻ nào đến đâu, cũng không thể cấm không cho nó được chết. Đó thực là cái ơn riêng của Thiên-công, cái quyền riêng của Tạo-vật, nghĩ chẳng là một vật có giá-trị hơn hết trong đời người ta ru?

Nay chúng ta đã đều biết trước rằng ; mọi người trong chúng ta đều có một phần hưởng-thụ ấy, mà không thể có kẻ nào cướp mất của ta được, thời trong khi còn đương hưởng-thụ cái sự sống, chúng ta hãy cứ nên để dành nó ở một bên. Khi nào sự sống của ta hưởng-thu đã thấy vừa, thời cái phần có giá-trị quí hơn kia, Thiên-công sẽ bảo cho mà hưởng-thu. Nhân vậy, có mấy câu cảm tưởng về sự sống chết, viết ra như dưới; ai là người đương sống mà cũng sẽ có chết, thử cùng nghe chơi :

Trăm năm cõi tục còn dài,
Con đường vô-hạn trên đời còn xa.
Núi non, giăng cũng chưa già !
Đầu ai tóc bạc vẫn là xuân xanh !
Giang sơn còn nặng gánh tình.
Giời chưa cho nghỉ thời mình cứ đi.
Bao giờ Giời bảo thôi đi,
Giang san cất gánh, ta thì nghỉ ngơi:
Nợ đời là thế, ai ơi.
Khách tình nhắn-nhủ trong đời biết qua,
Có ai là kẻ cùng ta ?

Tản-Đà

THƠ

Vịnh cô Tiểu

(Con một vị Bố-chính
vì tình duyên chắc trở đi tu.)

Giọt nước cành dương tưới lửa duyên.
Tam qui ngũ dới phận thuyền quyên.
Bể trần chìm nổi liều thân thế ;
Hương sớm hoa hôm giở sắc Thuyền

Phương-lang Mai-Thanh-Hồng
(Hải-dương)

Chơi cảnh Sầm-sơn

Vui chân lên đỉnh non Sầm,
Vời trông giời bể muôn tầm xa xa.
Nước non vẫn nước non nhà,
Chút tình non nước ai mà nước non?

HƯƠNG-TRÌ

Đến thăm Loa-thành lần thứ hai

Dắt díu anh em bạn mấy người,
Loa-thành lại đến rạo quanh chơi.
Đường lông ngỗng cũ còn đâu nữa,
No móng rùa xưa cũng mất rồi.
Tiếng quốc đêm hè văng vẳng gọi,
Mảnh giăng giếng ngọc tỏ mờ soi.
Một tòa cổ miếu nguy nga đó,
Dâu bể bao phen đã đổi rời.

HƯƠNG-TRÌ

Nỗi đời

Giời làm chi lắm cảnh cheo-leo,
Thấy cảnh trần-ai những chán phèo.
Lạnh-lẽo dân tình cơn gió táp,
Rầm-rìa thế-lộ trận mưa reo.
Ấm thân nghĩ đến người run rét,
No giạ thương thay kẻ đói nghèo.
Nếu biết đường giời lên hỏi được,
Cho cao mấy mấy cũng thang chèo.

Lê-cấm-Hoàng
(Vinh)

CÂU HÁT TẠP

Tát ao

Bên kia cái ao,
Bên nọ cái ao.
Cái ao bên nọ tát vào bên kia.
Chưa thấy con riếc,
Chẳng thấy con chê,
Nhìn trông chỗ tát lê-bê những bèo.

Tản Đà

THƠ DỊCH

Thơ khai bút

Vi thường nhất nhật bế mao trùy,
Tân tuế hà khai sở bất tri.
Vạn sự quả năng dai cú đắc,
Ngã ưng liên bích mãn đề thi.

Dịch :

Bút chưa từng thắp một ngày nào,
Khai bút đầu năm bởi nhẽ sao ?
Câu ước ví chăng muôn sự ứng,
Tường ta ta viết khắp thơ vào.

Ngọc-sơn

BĂNG-HỒ HÀN-VẬN

(*Tập thơ của các bậc hiền nữ*)

Người xưa nói rằng : « *Thi ngôn chí* », nghĩa là làm thơ là để giải tỏ cái chí minh. Cho nên tư-tưởng người ta làm sao thì phát ra lời thơ làm vậy. Trong tập thơ này toàn là lời các bậc hiếu-nữ hiền-phụ thuở xưa. Lời thơ hoặc trong vắt như tiếng vượn lưng giời ; hoặc véo von như tiếng hạc đầu núi ; hoặc tỉ-tê như tiếng đế kêu nguyệt ; hoặc khoắc-khoải như tiếng quốc gọi hè ; tả được hết cõi lòng của người xưa. Xem đó mà có thể tưởng biết được tiết-tháo, phẩm-hạnh của cổ-nhân cao-thượng, trong sạch là dường nào ! Thật là một tấm « *gương đức-dục* » cho khách thoa-quần vậy. Tiếc rằng lời dịch non-nớt không lột được hết tinh-thần của nguyên-văn.

Dịch-giả cẩn chí

1 — *Vệ-cầm-Nương* người Thiên-Thai, gặp loạn bị giặc bắt, giữ tiết không chịu nhục. Đi đến chùa Cam - Lộ, lấy than viết tiểu-tự lên vách và đề hai bài thơ tuyệt-mạnh.

Bài thứ nhất

Y phiến bài phong bán ủy nê,
Linh-đinh bạt-thiệp tổng phi nghi.
Kỷ hồi gia quốc đê đầu ức,
Vạn khổ thiên tân thục cá tri ?

Dịch-nghĩa

Áo giày bê bết những bùn lầy,
Chìm nổi lênh-đênh bước chẳng may.
Ngồi ngẫn luống lo nhà với nước,
Nghìn cay muôn đắng có ai hay !

Bài thứ hai

Mục đoạn Thiên-Thai lữ nhạn trường,
Xuân sơn lục thủy hận mang mang.
Bất tri tiêu-tụy trung đồ tử,
Hồn-mộng hà thời phản cố-hương.

Dịch nghĩa

I

Thiên-Thai mỏi mắt nhạn bay xa,
Nước biếc non xanh những xót-sa !
Ai biết giữa đường nông nỗi ấy ?
Mộng-hồn bao thuở tới quê nhà !

II

Mỏi mắt Thiên-Thai chiếc nhạn thâu,
Non xanh nước biếc luống âu-sầu.
Giữa đường nông-nỗi, ai người rõ ?
Hồn mộng bơ vơ biết gửi đâu !

2 — *Tôn-lam-Tiên* người Côn-sơn tự là Ngọc-Điền, vợ ông hiếu-liêm Uông-Bình-Ân.

Thơ « tư-thân » rằng:

Cửu biệt đình vi thán viễn ly,
Bất tri hà nhật hữu qui kỳ ?
Tạc tiêu chẩm thượng tư thân lệ,
Do thị khiên y tích biệt thì !

Dịch nghĩa

Song-thân xa cách bấy lâu nay,
Mong mỏi về thăm biết có ngày ?
Châu lệ đêm qua dầm áo gối,
Ngậm ngùi còn nhớ lúc chia tay !

3 — *Chu Thự-Vân*, người Trường-Châu, là vợ Lý Nghiễn-Vân. Góa sớm, cha mẹ muốn bắt tái-giá, cắn ngón tay mà thề, nổi tiếng trinh tiết.

Thơ vịnh nhạn rằng :

Phong cao nguyệt bạch đống vân khai,
Châm chử thanh trung nhất nhạn ai.
Văn nhĩ quan-bà hữu thư ký,
Khả năng vị ngã ký tuyền-đài ?

Dịch nghĩa

Gió cao mây tạnh bóng giăng soi,
Tiếng nhạn kêu sương lít giữa giời,
Đã biết đem thư ra cửa ải,
Lại đây ta gửi xuống tuyền-đài.

(Còn nữa)

Trực-viên Phạm-văn-Nghị

VĂN TẬP-KIỀU

Mừng một bà Tiết-phụ được sắc phong

Chữ « Trinh » đáng giá nghìn vàng,
Nở nang mày mặt rỡ - ràng mẹ cha.
Nguyên người quanh - quất đâu xa,
Ở vào khuôn-phép nói ra mối-giường.
Người yểu-điệu, khách văn - chương,
Một nhời vàng tạc đá vàng thủy chung.
Bấy lâu khang - khít dải đồng,
Trượng - phu thoát đã động lòng bốn phương,
Vó câu vừa ruổi dặm trường,
Bơ-vơ lữ thấn tha hương đề huề. . . .
. . Một mình ngọn đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
Phòng văn hơi giá như đồng,
Nước non để chữ tương-phùng kiếp sau.

Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau
Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm.
Khấu đầu lậy ta cao thâm :
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
Tóc thề đã chấm ngang vai,
Đêm thâu dằng dẵng, nhặt cài then mây,
Đin vàng giữ ngọc cho hay,
Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.
Nền phú-quí, bậc tai-danh,
Giây loan xin nối cầm ' lành cho ai?
Thương vì nết trọng vì tài,
Đá vàng chi nữa ép nài mưa mây !
Ngoài tai để mặc gió bay,
Tóc tơ bất động mảy-may sự tình.
Nhớ nhời nguyên-ước ba-sinh,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời,
Chứng-minh có đất có giời,
Nỗi lòng khấn chửa cạn lời vân vân . . . . .
Có quan Tổng-đốc trọng - thần (3),
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi :
Phẩm đề xin một vài lời,
Nam mấy bỗng thấy chiếu giời khâm ban.
Tấm thân nầy đã nhẹ nhàng,
Nỗi lòng luống nhưng bàn-hoàn niềm tây.
Phong-trần kiếp đa chịn đầy,
Sống thừa (4) còn tưởng có rầy nữa sao !
Rằng trong thanh - trạch đồi-dào,
Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay,
Lứa đôi ai lại dẹp tầy,
Đời xưa mấy mặt, đời nầy mấy gan ? ? ! !

Cử-nhân Lê-Tư-Kiếm *nguyên-tác*
Lam-xuyên Lê-Gia-Cử *sao-lục*

(1) Xin xem tiểu-dẫn về bà tiết-phụ này đang trong Bản-chí số 27, mục « Văn Đàn » đoạn « văn Tập Kiều »,

(2) Ông chồng bà tên là ông Đồ-Mã.

(3) Có Quan Thượng đầu tỉnh tư vào Bộ xin sắc ban phong cho Bà để làm gương soi khách « hồng-quần »

(4) Người đàn bà hóa chồng gọi là « vị vong nhân» 未亡人

HÀI-VĂN

1 — Đá ngựa

Ngựa mới đá, biết đá mới là ngựa.

Đi đâu thế ! mày cũng là ăn cướp đấy à ! Ông lại « đá » cho mấy cái giờ !

Đó là nhời nói của con ngựa ông Huyện cưỡi đi khám đám cướp tức quở một con ngựa khác đi trước mình.

— Cùng nói giống ngựa bị người cưỡi cả, cậy lốt quan chọc nhau làm gì thế ? ! Này móng tôi cũng vừa bịt đây ! . . . . .

«Khôn ngoan đá đáp người ngoài»
«Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau»

Thế ra gà cũng biết đá như ngựa à !

Ngọc-sơn

2 — Nhớ ông bạn ở phố Mã-mây Hà-nội

An-nam tạp chí ra đời,
Xa thời ai nhớ, gần thời nhớ ai.
Mã-mây với phố hàng Khoai,
Quan hà gang thước cho người sầu riêng.
Trách cho ông bạn láng giềng,
Giận nhau chi đó ? mà kiềng nhau ra.
Ước gì hợp mặt đôi ta,
Cốc men quế-lộ, chén trà liên-tâm.
Ngày xuân nhắn bạn tri-âm.

Tản-Đà

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Sinh con giai

Tiếng ồ xen lẫn tiếng oa oa,
Nào phải liu-điu vẫn giống nhà.
Tính cả trăm trai vừa lẻ một,
Kể cùng hai gái nữa thì ba.
Nhà đương cột đỗ giường xiêu đó,
Con hãy mau khôn, chóng lớn mà...
Hun đúc khí thiêng trời đất Việt,
Hai mươi lăm triệu họ hàng ta.

Bài họa thứ nhất

Thoạt mới đầu sinh một tiếng oa,
Nhìn xem cốt-cách rõ con nhà.
Nhờ ra một tuổi hay thêm một,
Hẹn với ba sinh nợ giả ba.
Hội Á, Âu đây, mừng gặp nhỉ,
Phúc Hồng-Lam đấy, biết đâu mà,
Còn nhiều hưởng-thụ về sau nữa.
Lan ngọc xum vầy đất nước ta.

Bài họa thứ hai

Mới bước ra đời đã khóc oa,
Nỗi thương vì nước, nỗi vì nhà...
Trăm trai so với... đây mừng một,
Hai gái thêm vào nữa được ba.
Tên cỏ, cung dâu đành phải thế,
Cồn thay, bể đời biết đâu mà...
Nghiệp nhà thư kiếm lâu nay vẫn...
Tạo vật vô-tình dễ một ta.

Kỳ-Sơn

* * *

Bài nguyên-vận

Hai câu *đệ nhất, đệ nhị*. Hùng-hồn tự-đắc, ý-khí lưu-động trên mặt giấy. Thực là hai câu phá, thừa rất hay !

— Theo về sự đọc, thời như hai câu thơ này là đủ. Theo cách viết ra giấy, thời cách đánh giấu chấm còn nên để ý tường hơn.

Hai câu *tam, tứ*. Ý tuyệt hay ! Lời cũng không kém. Duy tiếng « *thì* » ở câu dưới, nghe còn có vấp gợn. Ý tôi muốn đổi chữ ấy làm chữ « *là* », có lẽ chơn xuôi hơn.

Hai câu *ngũ, lục*, có ý mà kém lời. Trong một câu thơ 7 chữ, bốn chữ giữa (từ chữ thứ ba đến chữ thứ sáu) đặt đi với nhau, chỗ đó rất là bệnh. Đặt như thế thời câu thơ thành ra hình con *rùa*, rất nặng mình mà không hoạt-động được. Trong hai câu đây, bốn chữ « *cột đỗ giường xiêu* » và bốn chữ « *mau khôn chóng lớn* », tức là thế. Đó là nói về *hình-thế* của câu thơ. — Còn như sự dùng chữ ở trong hai câu đây, như chữ « *cột* » chữ « *giường* » ở câu trên, là tiếng *nom*, mà đối với chữ «*mau*», chữ «*chóng*» ở câu dưới, là tiếng *adverbe*. Sao không trỉnh đến thế ?! Đó là người làm thơ, trong lúc đặt câu không tự trọng, không phải chỉ là có lỗi về chỗ không sành mà thôi. — Hai câu ấy, theo nguyên-ý, tôi muốn sửa lại rằng :

Ba gian nhà đó, xiêu là thế ;
Bẩy thước con ơi, lớn dậy mà.,.

Câu thứ *bẩy*, chỉ đứng riêng ra một mình thời có nghĩa. Đặt như đây thời đối với trên dưới, không có thừa tiếp gì cả ; mà làm phí một câu thứ *tám* là một câu thơ hay... Nay tôi muốn đổi hẳn câu ấy rằng: *Dân nước sau này ra góp mặt.*

Câu thứ *tám* để nguyên, rất hay !

Toàn bài sửa là :

Tiếng « ồ » xen lẫn tiếng « oa oa ».
Nào phải liu-điu, vẫn giống nhà !
Tính cả trăm trai vừa lẻ một ;
Kể cùng hai gái nữa là ba.
Ba gian nhà đó, xiêu là thế ;
Bẩy thước con ơi, lớn dậy mà,
Dân nước sau này ra góp mặt,
Hai mươi lăm triệu họ hàng ta.

Bài họa thứ nhất

Câu thứ *nhất*, được ba chữ sau hơi khéo ; còn bốn chữ trước nghe thấy lủng-củng mà chưa xuôi nghĩa.

Câu thứ *hai*. Lời thơ rất tươi mà không mất vẻ trang-nhã; ba chữ « *rõ con nhà* » cũng thật khéo. Thơ họa được đến như thế, thật là câu thơ hay!

Hai câu *tam, tứ*. Ý cũng hay mà lời cũng xuôi; song nhận ra không xứng địa-vị. Cứ như ý nghĩa của hai câu ấy, phải đem xuống làm câu đệ ngũ, đệ lục, thời mới có thể kể là hay.— Đã vậy, nếu cầu trách hoàn-toàn, thời hai câu cũng đều còn có chỗ kém. Câu trên nghe ra thấy lòng - thòng mà yếu; câu dưới thời lại thấy ra khô-khắc. Lại chữ «*hay*» ở câu trên, là tiếng *adjectif*, mà đối với chữ «*nợ*» ở câu dưới là tiếng *nom*, không cân.

Hai câu *ngũ, lục*, kém quá!

Câu thứ *bảy* cũng kém,

Câu thứ *tám* có thể gọi là được; song duy có ba chữ sau cuối có thể hay.

Bài họa thứ hai

Hai câu đệ *nhất* đệ *nhị*, rất là không hay! Vì theo như đầu bài đây, không nên có cái cảm-tưởng về bên buồn. Đó là Tác-giả sẵn có cảm-tình mà dùng sai, thực là một cái bệnh lớn trong làng thơ thường có như thế.

Hai câu *tam, tứ*. Một câu dưới thật hay! có thể gọi là hay hơn câu nguyên - vận: vừa có lực, vừa có vẻ đắc ý hơn. Cái chỗ hay của câu này ở một chữ « *được* ». Có lực ở đấy; đắc ý cũng ở đấy. Một chữ ấy thực rất có giá trị! — Câu trên là câu thứ *ba*, chắc Tác-giả đặt sau, cố để đối với câu dưới, song mà không đủ sức đặt nữa, thành ra không ra làm sao. Cứ tôi nghĩ: câu thứ *tư* đã theo ý nghĩa của nguyên-vận, thời câu trên cũng lại theo ý nghĩa của nguyên-vận mà chỉ xếp đặt lại niêm luật, như thế thực tiện hơn. Vậy câu ấy, ý tôi muốn sửa đặt là:

Trăm trai tính cả, vừa hơn một.

Hai câu *ngũ, lục* trong bài đây cũng kém. Ba chữ « *biết đâu mà* », giọng rất buồn, mà bài họa này, cùng bài họa trên đều dùng như nhau, vậy biết sự «bộ vận » là khó.

Câu thứ *bảy* hay, mà hay một cách sang-trọng!

Câu thứ *tám*, nghe lại nhạt-nhẽo không ra sao.

Cứ hai bài họa đây, mỗi bài có câu được câu thua, chữ hơn chữ kém, mà niêm luật cùng nhau, Vậy tôi muốn lựa trọn trong cả hai bài, thêm bớt và xếp đặt lại làm một.

Toàn bài xếp lại là :

Thoát lộ đầu ra, một tiếng oa,
Nhìn xem cốt-cách rõ con nhà!
Trăm trai tính cả vừa hơn một,
Hai gái thêm vào nữa được ba.
Nòi giống Rồng Tiên còn nối mãi...
Gió mưa Âu, Á cố theo mà...
Nếp nhà thư kiếm lâu nay vẫn,
Lòng bố thân con đất nước ta.

Tản - Đà

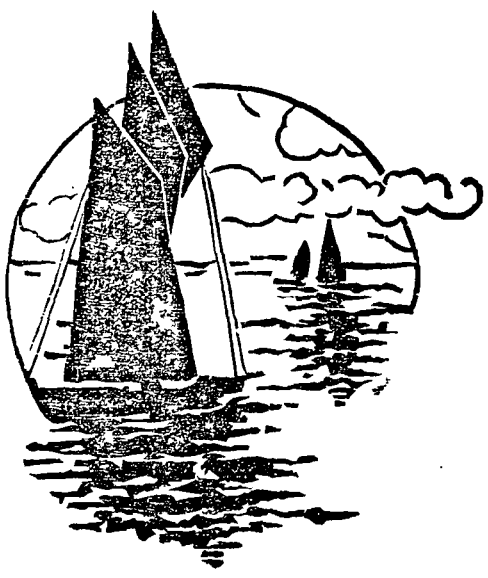

MỘT VIỆC PHÁT-MINH RẤT CÓ ÍCH-LỢI CHO CÁC NGƯỜI LÒA

Trong các người tàng-tật, ai cũng biết rằng các người mù-lòa là hạng người khổ-não hơn nhất, suốt đời hình như bị giam-hãm vào trong cái địa-ngục mù-mịt tối-tăm. Từ ngày nhờ được ông giáo-sư *Braille* phát-minh ra thứ chữ lồi để in các thứ sách cho những người lòa dùng, cái cảnh khổ-não của hạng người không may ấy, cũng đã giảm được đôi chút. Nhờ đấy, các trường-học dạy người mù đã lục-tục thành-lập ở gần hết các nước văn-minh bên Âu-Mỹ, mà trong các người mù, đã có người trở nên bác-học thông-thái, có người làm đến cả chức giáo-sư trong các trường. Song, vì việc in các sách vở bằng thứ chữ Braille tốn kém lắm, nên các tàng-thư viện để riêng cho các người mù kể ra rất còn eo-hẹp.

Mới đây, ông *Thomas*, một nhà Bác - học Pháp, vừa phát - minh ra một phương-pháp có thể làm cho những người mù, không những đọc được các sách in bằng thứ chữ Braille, mà còn đọc được hết thẩy các sách vở báo chí in bằng mực đen nền trắng. Phương-pháp này xem ra rất giản-dị và thần-hiệu. Nhờ sức mạnh ánh-sáng của cái máy điện ảnh (photoélectrographe) người ta làm cho các chữ ở trong quyển sách hay tờ báo biến ra thành những chữ lồi; rồi đem thu vào những cái đĩa như các đĩa máy hát, có thể sờ mà đọc được. Như vậy, bất cứ một quyển sách hay một tờ báo nào, hễ chiếu qua vào cái máy mới phát-minh ấy, tức-thì biến thành ra chữ Braille cả. Hiện cái máy này đã đem thí-nghiệm ở trường dạy người mù ở Ba-lê, và đã được công-nhận là có thực-hiệu.

Vậy nhờ ông Thomas, cái món nuôi trí-não cho các người mù-lòa, từ nay sẽ hoàn-bị hơn trước ; các người học-thức, không may bị kém hai con mắt, cũng có thể tùy thích xem báo đọc sách, không kém gì người lành.

MAI-KHÊ

« BỐ ANH ẤY CHẾT »

... Ngày ấy tôi học năm thứ tư trường Sư-Phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư-Phạm, không biết bây giờ còn được thế nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá, nhất là các «cụ cát-dem» chúng tôi, làm như ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái luật, cái bướng bỉnh, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ừ, được thể sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông giáo, cho nên chả sợ, chả nể ai cả, mà cũng chả ai buồn dây với chúng tôi làm gì cho thêm ác-cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách-nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành-hành như «ông Tướng Quảng-Lạc»!

Chín giờ tối hôm thứ bẩy ấy; trống ngủ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đã lên trên gác, bỏ màn nằm yên-tĩnh cả, lúc bấy giờ chúng tôi mới «khệnh khạng» lên, lê giầy sền sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu, người thì còn xuống nhà dưới ăn phở, người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu: cạnh chuồng tiêu, ba bốn anh còn quây chung quanh anh Đoan «Bà-một» để chờ anh đánh diêm «khao» nốt mẩu thuốc lá ban chiều; bên vòi nước, anh Bách «Tu-via», miệng lúng búng ngụm nước, tay cầm cái điếu cầy cán chổi, còn chờ anh Vũ «Oẳn» lấy diêm để «tẽ» một tuần. Ngoài hiên, bên dẫy tủ quần áo, anh Văn, trắng trẻo và đẹp giai, đương mắm môi mắm lợi, giở hết sức bình-sinh, đánh đôi giầy giôn cho bóng lộn, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giầy xem đã được như gương chưa; anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít xì-đạt đen để «cộng-sản». Trong buồng, mấy anh nghịch tinh, xúm-xụm nhau để cố lật chăn anh Thọ là tín-đồ đạo «thờ quần» vì sợ «vỡ hộp» hôm chủ nhật, nên tối thứ bẩy anh vẫn chịu khó nằm vo, mốt ông Táo!

Lúc ấy tôi cũng ruỗi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nốt mấy anh vài ngón đàn tam-thập-lục, mà chung quanh các bạn ngồi chồm chỗm như lũ cọp đắp ở tường các đền. Ấy, trong bọn «ma-cà-cúi», chỉ còn thiếu có anh Đếnh, anh Rũng, anh Khải, mà thôi. Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị «công-sinh», nên không còn hy-vọng gì ra ngày chủ-nhật mà hoài công sắm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rũng là liều-lĩnh nhất. Thì đến nơi rồi, mà anh chả lo lắng gì cả; chỉ nay trả lời cái thư tim-tím, mai học thuộc cái thư hồng-hồng. Cả buổi chỉ giở quyển Kiều, ra công khảo-cứu những câu tình-tứ. Bài làm thì «cóp», bài thi thì «phim», cho nên bao giờ anh bị «truy», mặt anh cũng sám như gà cắt tiết. Nhưng anh Rũng vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen vỡ bụng. Cho nên anh Rũng tuy thầy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thời bỗng thấy có tiếng gọi, tôi dừng tay, lắng tai nghe:

— Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tý!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi:

— Tôi nhờ cậu, cậu ơi!

Tôi hỏi:

— Ai đấy? Hỏi gì?

— Nhờ cậu bảo cậu Rũng rằng thầy cậu ấy mới mất, cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ-dội của bạn, anh nào anh nấy rật nẩy mình, kinh-hoảng, ngơ-ngác nhìn nhau và hỏi:

— Rũng lên ngủ chưa?

Tôi bảo thằng bé con:

— Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ, chạy tán-loạn đi tìm anh Rũng. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy; rồi kháo nhau:

— Bố anh Rũng «cát-dem» chết.

Anh Rũng lúc ấy còn đương ở buồng học, xem cuốn tiểu-thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, mếu máo, hấp tấp xếp sách vở, gập năm sáu cái thư kín vào cập sách, rồi tất tả hỏi tôi:

— Đâu? Thằng bé con nào đâu?

Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rũng tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con ban nẫy đâu, tôi bèn hỏi to:

— Ai là người nhà cậu Rũng đâu rồi?

Không thấy ai thưa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo:

— Nó về rồi.

Anh Rũng lập cập chạy lên gác, nằm ềnh trên giường, lăn lộn khóc nức khóc nở. Chúng tôi hết lời khuyên-giải; nhưng, những lời khuyên-giải ấy đối với tâm-lý anh Rũng lúc bấy giờ, chỉ là vô-hiệu, chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thì thảo tờ giấy phép hộ, rồi giục anh Rũng sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà ký giấy cho anh

nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở cổng ra ngay.

Chúng tôi nhìn theo anh Rũng mà ái ngại cho anh. Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nẫy vui vẻ, cười khanh-khách ngồi trong lớp còn tán truyện ầm ầm, chế hết người nọ, lại chêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh g'a-biến, vật mình vật mẩy, nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm?

Vả chăng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghỉ hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc-giang chơi. Ông cụ phúc-hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ốm, mà bỗng đánh đùng thấy nói mất, thì tuy không máu mủ, nhưng cũng đều thở dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tầu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền dủ nhau cả xuống buồng học, để bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng-viếng.

Anh Mộng, có tài hùng-biện ngồi cao làm chủ hội-đồng. Cái hội đồng này cũng có tính-chất êm-đềm như hội đồng các ông dân-biểu; anh Mộng nói ra điều gì, chúng tôi cũng bằnglòng ngay không ai phản-kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai buổi trưa, anh Thuận đáp xe lửa đi Bắc-giang.

Hội-đồng giải-tán, ai nấy đều im lặng lên gác, bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc người thiên-cổ, ái-ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rũng cũng thực đáng ái-ngại. Bà thân-sinh ra anh cũng đã mất sớm, nay nếu ông cụ lại quy-tiên, thì thực là anh ấy vô phúc quá. Vả, còn nửa tháng nữa thì thi, giá ông cụ cố ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành-đạt, có phải vui vẻ thỏa lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần-lễ để học dấn lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rũng ở vào cái cảnh-ngộ sầu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa! Thực là con Tạo oái oăm, hay bầy chò cho thêm rắc rối!

*
* *

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau:

— Bây giờ Rũng đến nhà chưa nhỉ?

— Bây giờ Rũng chắc đương lăn lộn bên quan tài!

Sáng sớm hôm chủ-nhật, trước khi tôi ra phố, anh em lại rặn tôi rằng:

— Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp!

Tôi mượn được xe đạp, thượng-khẩn cuốc đi sắm sửa lễ-vật. Xong xuôi, tôi liền về trường định giao giả anh Mộng để anh cắt anh Thuận đi. Nhưng lúc qua phố sông Tô-lịch, tôi sực nhớ ra nên qua nhà có anh Rũng ở phố hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

— Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi:

— Cậu Rũng đi lúc mấy giờ?

— Thưa, chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi!

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vơ-vẩn thế, tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rũng ngồi ở trường-kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi có ý biến sắc mặt và nói tiếng tây khẽ rằng:

— Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương móc óc tôi, thì anh Rũng đã mặc xong áo, anh liền cầm mũ, dủ tôi đi.

Ra đến cửa, anh có ý lo, vật đầu vật tai nói:

— Nguy quá, anh ạ.

— Sao? Cụ bây giờ thế nào?

— Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi!

— Sao? Nó không cho anh về à?

— Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng-váng đầu như bị chóng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rũng. Trời ơi! thế ra nhân-tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu! Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rũng chẳng cãi sao, chỉ nhăn nhó, hối-hận và xin lỗi. Rồi anh nói:

Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường, thì ông Đốc thấy tôi khăn thâm áo thâm, mà biết là tôi nói dối, có lẽ lôi thôi, không khéo tôi phải đuổi mất; kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công, thì thầy tôi mắng chết; rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi, thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Vẻ lo sợ của bạn, tôi không mấy khi được trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bây giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhăn nhó chỉ vì chữ tình, tôi nghĩ một lát, rồi nói:

— Chỉ còn cách là: tối nay anh về thú thật với ông Đốc, nói là anh bị đứa nào nó thù, nó đánh lừa báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm truyện.

— Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kế gì hơn, tôi nói:

Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rũng vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ, anh cho kế ấy là diệu, nên anh lậy van, và dặn tôi rằng về trường chớ nói với ai. Anh nói:

Sau này có xẩy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai; mà việc lên Bắc-Giang, tôi cũng tìm cách ngăn-trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gởi ngay xe hỏa cho tiện. Thế là tôi dìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt

nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận thấy tiếng giầy tây lộp cộp của một anh ở phố vào đến lớp, là tôi lại rật mình hộ anh Rũng. Anh mà bị anh em hỏi truyện, thì không biết anh trả lời làm sao cho chôi? Nhưng quái, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rũng đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta nghị định làm thế nào.

Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư, ... chả thấy anh Rũng vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm anh nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em, ai ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rũng mà ái-ngại.

Đến tối chủ nhật sau, gần tám giờ khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cụi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ:

—À! Rũng!

Rồi một vài anh:

—Ê !. Rũng ! tôi chia buồn cùng anh !

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rũng mặt mũi xanh xao, bơ phờ rầu rĩ, chẳng hay anh lo hay anh buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại-tang, đầu chít khăn ngang sô, mình mặc áo sồ gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân-vân như mê mê hoảng hoảng. Ơ hay, thế là nghĩa làm sao ? Hay là bố anh ấy chết thật chăng? Tôi chố mắt lên nhìn anh Rũng. Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi bấm tôi ra hè. Đến hè, anh hất hàm hỏi khẽ tôi :

—Không ai biết đấy chứ ?

— Phải, nhưng sao lại khăn áo này ?

Anh Rũng tắc lưỡi đáp

—Không! còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm câu chuyện trong mấy hôm cuối cùng !

Nguyễn-Công-Hoan

NGƯỜI LẤY MA

Một câu nói dối tuy nhỏ nhặt, có thể đưa ta đi xa lắm ...

Ấy chính anh chàng Jean Barra, một người đi đưa hàng ở Ba-lê, vừa mới thực-nghiệm một cách chua cay, những điều tai-hại của cái trí tưởng-tượng bông lông.

Vì cuộc nhân-duyên không được như nguyện chàng ta vừa xin ly-dị với vợ và thề rằng từ đây không bao giờ bị dại mà vướng chân vào cái bẫy gia-đình nữa. Hai chữ gia-thất, theo ý chàng, thực là cái địa-ngục cho những kẻ trượng-phu ! Ấy thế mà ngay hôm ở phiên tòa ra, chàng ta liền phải lòng một cô ngồi giữ máy điện - thoại, ở sở Điện-báo. Cô này người thanh-tú thuần - thục. tên gọi là cô Armandine.

Thấy chàng Barra ngỏ lời gắn bó, cô ta cũng không cự-tuyệt, nhưng cô quyết - chí rằng người chồng cô phải là hiền-hậu không có giăng-gió với ai bao giờ.

Anh chàng đã mê-tơi, nên cô kia muốn thế nào cũng cố thề sống thề chết cho xong chuyện, rồi cùng nhau định ngày cưới. Nhưng gần đến ngày ấy, anh chàng mới thấy lúng túng. Các giấy má còn sờ sờ kia, rồi đây sao cô ta chả biết rõ hết công-chuyện của mình! Bây giờ vẫn biết dối dá cho suôi, nhưng sau này trong lúc thân-mật, giấu giếm thế nào mãi được! Cũng may phúc đáo tâm linh, chàng nhớ ngay ra có một người anh em thúc bá, đi lính-thủy, hồi năm 20 tuổi và đã tử trận ở trận đánh Saint Gond hồi Pháp-Đức chiến-tranh năm 1914. Trừ một mình chàng, cả thiên-hạ bây giờ, không ai còn nhớ đến người lính thiếu-niên dũng-cảm ấy nữa. Chàng liền viết thơ về tòa Đốc-lý tỉnh La Garnache xin bản trích-lục khai-sinh của người ấy. Thế là từ đấy về sau, trước mắt pháp - luật cũng như trước mắt người vị - hôn thê, chàng Jean Joseph Barra biến thành Henri Joseph Barra.

— Chắc mình chả vì thế mà chết được nào, chàng bụng bảo giạ thế! Không, chàng có vì thế mà chết đâu, nhưng có khi lại có điều khó chịu gấp mười cái chết.

Số là người vợ mới của chàng, ban đầu thì thuần-thục, dần dần sinh ra ghen tuông đanh đá, mà không những ghen với truyện trước mắt, lại ghen với cả truyện đã rồi. Lục-lọi các giấy má của ông chồng, nàng ta khám-phá ra rằng chàng đã có một lần vợ rồi, đã ly-dị rồi lại thêm một cô nhân-tình mới nữa.

Này này sự đã quả nhiên... nàng Armandine lập-tức đầu đơn ly-dị.

—*Ấy chết*, sau khi xét qua giấy má, quan Tòa trả-lời nàng thế, *cô ly-dị sao được, cô kết hôn với một người đã chết rồi.*

Nghe tin như sét đánh, cô Armandine ngã đùng ra, ngất người đi.

Khi cô hồi lại, quan Tòa phán rằng:

—Tuy vậy, cô có thể xin tiêu-hủy việc giá-thú ấy cũng được.

Quan Biện-lý biết truyện, liền buộc Jean Barra vào tội «mạo-dụng giấy khai-sinh của người khác» và giao sang Toà án Trừng-Trị. Nhờ có Trang-sư Edgar Faure cãi hộ. Barra chỉ bị phạt có 250 quan tiền phạt thôi. Còn việc giá-thú, thì trước mắt pháp-luật anh Jean Barra không từng tái-thủ bao giờ.

Về phần cô Armandine, cô ta cũng đã nhờ Trạng-sư Vigne xin được Toà-Hộ cho xóa- bỏ cái cuộc nhân-duyên ấy đi. Trong phiên tòa này, Trạng-sư Faure cũng không kháng-biện gì cả, mà anh chàng Barra thì cứ tự-do tự-tại đóng vai người đi xem.

Có lẽ trong bụng chàng đã đương tính-toán việc tục-huyền nay mai. Còn cô Armandine, chắc từ đây có lấy chồng, cũng phải xem xét kỹ-càng xem « ma » hay « người! »

Mai-khê

THỜI-SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Tin Chính-trị

Hà-nội. — Sáng hôm 13 Février 50 người tù chính-trị ở nhà pha Hanoi bị giải lên Sơn-la và Hòa-bình Lúc vừa ra khỏi nhà pha, một người rút tờ giấy trong mình ra toan biểu-tình, nhưng lính lại dẹp yên được ngay.

Vĩnh-yên. — Một chi-bộ Hội-kín thuộc làng Đồng-vệ, phủ Vĩnh-tường bị khám phá, Sở Mật-thám bắt được 31 người và đào được một thùng tô-nô chứa bom, dao, mác.

Hà tĩnh. — Hôm 23 Janvier, Chân Giao đạp xe đạp qua làng Trại-mới (tổng Xuân-lang, Huyện Hương-khê) gặp một đám tụ họp, bị họ giết chết đem đầu trôn trong rừng. Hiện đã bắt được ba người.

Vụ cướp ở huyện Gia-Lộc

Hải-dương. — Giữa hôm mồng 3 tết, một bọn cướp có bom, súng, ăn mặc rất lịch-sự, vào nhà lý-trưởng đương thứ xã Phạm-trung, huyện Gia-lộc, tên là Phạm-văn-Mạch. Chủ-nhân thấy động, kêu cứu, tuần đinh và dân làng kéo đến đánh nhau với quân cướp rất hăng, bọn cướp bắn mấy phát súng, may không tin ai, họ lại ném bom nhưng bom không nổ. Một tên cướp là Phạm-văn-Thước bị bắt giữa trận tiền. Hai tên Phạm-quang-Chiếu và Nguyễn-văn-Tam bị bắt khi chạy qua xã Đoàn-bái.

Sáng hôm sau người ta lại tìm thấy một cái tử thi bị đâm lòi ruột lòi óc nằm ở đầu làng Cát-khê.

Vì đám cướp này có tính-cách quan-trọng, nên việc điều-tra phải giao cho sở Mật-thám Hanoi. Hiện đã bắt được cả thảy 13 người, trong bọn có cả con nhà tử-tế giầu có nữa.

Thuyền đắm

Hongay. — Sáng hôm 28 tháng chạp, ba người tây coi mỏ cùng với một người bạn rủ nhau đi chơi bể. 4 người xuống một chiếc thuyền con trong có một người lái và bốn người con. Thấy giời êm-ả, thuyền tung-tăng ra mãi ngoài khơi, các ông đương cao hứng bắn cá. Chẳng ngờ đến giữa trưa, cơn dông nổi, thuyền đắm, chỉ còn một người lái thuyền và một người tây bám được vào đá sống sót, còn bẩy người kia nước cuốn đi không thấy tăm hơi gì.

Chức vô địch quần vợt ở Nam-kỳ.

Trần-văn-Chim từ khi biệt M. Yên thì cắp cây vợt sang hội Tàu Chin-Wo, nên kỳ này, đánh đôi mới đứng cùng Kaai ở hội ấy. Vào chung-kết cùng Chim-Kaai, có Giao-Nữa, ai cũng đoán rằng Giao-Nữa sẽ bị thua.

« Chim sẽ ra Bắc » đó là lời đoán của nhiều người. Ảnh trên vẽ Chim, Dương, Samacq và Roumengous. (Từ tay phải trở lại) Cl. A. N.

Nhưng Giao lại tin thế khác : « Tôi đã khỏi tay, dượt trong 15 ngày tất thắng Nữa và hết thảy các tay múa vợt ở Đông-dương, dượt trong 1 tháng sẽ hạ được anh Ba-Chim không khó ». Còn Nữa ? Thì Nữa đã hạ Tứ hôm trước, chiếm giải độc-chiến Nam-kỳ, nhiều người khen Nữa chơi không kém gì Dương ở Bắc.

5 giờ chiều hôm thứ hai 8 Février, hai cặp gà đã chạm trán nhau. Chim chơi rất hay, nhất là ngón volée haute, cướp được cho Chin wo set đầu 6-3. Nhưng bù lại, Kaai chơi lại quá dở, đánh hỏng lại hay nóng, thành thử cặp Giao-Nữa cứ chĩa về phía Kaai mà vụt ban, thắng set nhì 6-4. Tả xung hữu đột, Chim đã nhoài người mới giữ được đến «4 jeux partout», tiếp hai jeux sau đã được 5-5 thì bỗng Kaai hỏng luôn 4 quả service. C. S. A. lại được avantagne jeu cuối cùng, thành thử cặp Giao-Nữa chiếm ngay, được giải vô-địch.

Chật vật thay ! Thế mà Huỳnh-văn-Giao bảo « hạ anh Ba-Chim không khó ! »

TIN NƯỚC NGOÀI

PHÁP

Nội-các Laval bị đổ

Hồi 3 giờ chiều hôm 16 Février. Thượng-Nghị-Viện họp để nghe ông Peyrounet chất-vấn Chính-phủ. Quan Thủ-tướng xin hoãn đến 26, nhưng bị Nghị-Viện bác đi. M. Laval xin bỏ phiếu hỏi ý-kiến Nghị-Viện xem có còn tín nhiệm Nội-Các nữa không. Chẳng may, Nghị-Viện bỏ 157 phiếu bác lời yêu-cầu của Chính-phủ và 134 phiếu thuận. Tức khắc M. Laval cùng các quan Tổng-trưởng ra khỏi Viện, đến thẳng điện quan Tổng-thống nộp đơn xin từ-chức.

IRAK

Nước Irak được độc-lập

Irak là một tiểu-quốc ở cạnh Thổ-nhĩ-kỳ, gồm có xứ Mésopotomie và đất Moussoul, diện-tích 37 cây số vuông, dân cư 3 triệu người, kinh-đô là Bagdad, từ sau hồi Âu-chiến bị đặt dưới quyền người Anh bảo-hộ. Hôm 28 Janvier vừa qua, đã được Hội-đồng Vạn-quốc tuyên-bố cho độc-lập. Ông Hội-trưởng Paul Boncour có ngợi khen Hội-đồng và Chính-phủ Anh. Ông lại ngỏ ý nước Pháp rất mong sẽ mau mau giải-phóng cho các nước ở phương Đông đặt dưới quyền mình cai-trị.

Đó là một lời nói của ông Paul Boncour !

MỸ

Động đất ghê-gớm ở đảo Cuba

Mới đây, tại Santigo có động đất,

một đêm cả thảy năm lần, đường giao-thông bị hư hỏng cả, nhà cửa bị đổ nát và cháy rất nhiều.

Chết độ 500 người và bị thương độ 1.000, số công-sở bị đổ độ 150 cái.

TRUNG-HOA

Việc xung-đột ở miền Bắc

Quân Nhật ngày càng làm dữ, cử một trung-đội hơn 300 người đến Bắc-bình bảo-hộ sứ-quán và kiều-dân. Luôn mấy ngày, quân Nhật tiến đánh Nhiệt-Hà rất gấp, hơn vạn quân Nghĩa-dũng ở đường Cẩm-triều dùng thuật du-kích xuất một ở mặt sau quân Nhật quấy-rối, giết-hại, chiếm lại được Câu-bang-tử (Kowpaztze) và Hưng - thành. Lại ở đường Đại-đao, ngày 20, phản công rất dữ-dội, thừa-thế cướp lại được Liên-sơn. Quân Nhật từ Cẩm-châu đại-cử đến cứu-viện, máy bay ném bom rất nhiều, quân Nghĩa-dũng phải lui vào Hàn-gia-câu, hôm 21 đã lùi đến Điền-Môn.

Một tay đại-hiệp ở Quan-Đông là Lão-bác-Phong mang đồ đảng lục-lâm hơn 1500 người ngày 18 kéo đánh Ngưu-trang, cùng quân Nghĩa-Dũng vây giết quân Nhật ở Doanh-khẩu chia một toán đánh phá Hải-thành. Quân Nhật rẽ ba đương cứu-viện, quân Lão hết đạn phải giải vây tháo lui.

Cũng hôm 19, Lữ-đoàn quân Cát-lâm do Trương-Tác-Chu đốc xuất đánh nhau với quân Hi-Hợp (phái thân Nhật) được luôn mấy trận, sau phi-cơ Nhật đến trợ-chiến Trương phải lui về.

Sớm hôm 22, cầu sắt và đường sắt Hàn-gia-câu bị Nhật ném bom hủy, một pháo-đội Nhật từ Cẩm-châu, Nũ-nhi-Hà tiến sang phía tây bị nghẽn, hai liên đội bộ binh đi trước vì không có pháo đội đi kèm bị quân Nghĩa-Dũng giết chết quá nửa. Đêm 23, quân Nghĩa-Dũng chặt đứt đường Hưng-thành và hủy hết đường điện-báo điện-thoại. Quân Nhật ở Liên-sơn, Hưng-thành tin tức cách tuyệt, trước sau bị đánh chết hại rất nhiều. Bốn chiếc tuần-dương-hạm và một chiếc hàng-không mẫu hạm Nhật vội vàng từ Tần-hoàng-Đảo đến Tuy-Trung, hai chiếc nữa đến Hồ-lô-đảo, 600 hải-quân kéo lên bộ, chẳng may lại bị quân Nghĩa-dũng phá cầu sắt úp đánh, giết hết gần 500, phá tan một đoàn xe thiết-giáp. Một đội máy bay Nhật ở Cẩm-châu được tin đến cứu, quân Tàu bị hại rất to.

Ngày 17, quân hai nước đánh nhau kịch-liệt ở Đại-Lăng-Hà, một đoàn Thanh-niên ở Nam-kinh Thượng-hải toan lên Hải - luân giúp Mã-chiếm-sơn, đến Bắc-bình lại thay kế-hoạch quyết đến Cẩm-Tây giúp quân Nghĩa-dũng. Cả đoàn Tam-dân thiết-huyết cũng đến giúp đội quân Liêu-Tây.

Tổng-tư-lệnh quân Nhật là Bản-Trang đã mở cuộc quân-sự hội-nghị ở Thẩm-Dương bàn việc quân và kế-hoạch đánh Nhiệt-hà.

Cũng trong hồi ấy sảy ra cuộc biểu tình ở Cáp-nhĩ-tân, hàng vạn người Bạch-Nga kéo nhau đi làm náo-động cả thành - phố. Lính cảnh sát Tàu phải dùng võ-lực, bắn vào vào bọn biểu tình. Kiều-dân Nhật sợ không dám ra ngoài phố. Lấy cớ ấy quân Nhật dùng ô-tô trở quân đến. Bộ Nhoại-giao Nga tuyên-bố nếu Nhật vào Cáp-nhĩ-Tân thì Nga sẽ phản - kháng. . . . . nhưng xét ra sự phản-kháng đó chỉ làm vì mà thôi, vì Nga đã cho Nhật mượn đường Trung - đông để vận tải quân sĩ. Hộ-lộ Tư-lệnh Trung-hoa là Đinh-Siêu hành động rất dữ, Bọn Hi-hợp và Trương-cảnh-Huệ muốn dụ nhưng không được. Đinh-Siêu đã cùng toán quân Cát-lâm cũ liên-hiệp với toán quân Hắc-long-Giang của Mã-chiếm-sơn lấy trừ tuyệt Trương-cảnh-Huệ làm mục - đích. Ngày 26 Đinh đuổi Trương ra ngoài Cáp-nhĩ-tân, suốt ngày 27 quân Trung Nhật đánh nhau rất dữ dội ở các miền phụ-cận, đến hôm 28 vì có phi-cơ Nhật đến giúp Đinh lại phải tháo lui cùng Lý-Đồ chia quân giữ Cáp-nhĩ-Tân và Đông Thiết-Lộ. Trưa ngày 31, Lý đại-thắng quân Nhật ở Lão-hỏa-Câu. Đến đêm, một sư-đoàn và một lữ-đoàn quân Nhật theo đường sắt Cáp-tường tiến lên bị Hình-chiếm-Thanh và Đinh-Siêu đón đánh, chết hết vài nghìn. Liên-quân Cát-lâm cũng bị thương và chết mất hơn nghìn người. Ngày hôm sau, quân Nhật vẫn tiến, Dân-đoàn và Nghĩa-quân ở Bắc-Mãn đua nhau nổi lên giúp Liên-quân. Đinh-Siêu thề chết chống quân Nhật, và vẫn hết sức hãm Trương-cảnh-Huệ không thông được với ngoài . . . . . .

. . . . . .

Chính-phủ Mãn-Mông hiện chưa thành-lập, vì có tin rằng các sứ-quán ở Bắc-kinh có mật-lệnh cho các lãnh-sự ở Thẩm-dương nói nếu đế-quốc Mãn - Mông thành - lập thì lập tức hạ cờ triệt về . . . . . .

. . . . . .

Mới rồi một chiếc máy bay Tàu thả truyền-đơn xuống thành-phố Nhật kể tội bọn Quân-phiệt Nhật áp-chế dân lành phải chịu bao nhiêu tội lỗi, và dọa nếu quân Nhật không sớm rút khỏi Mãn-châu sẽ liệng bom xuống các tỉnh nước Nhật.

Tin thêm

Đêm hôm 31 Janvier, lúc quân-Nhật rút đi Cáp-Nhĩ - Tân, quân Nghĩa-dũng đường Dả-Thông-Nhân kéo đến úp đánh, chiếm được Hắc-Sơn, Tây-Lập-Đồn, Bảo-Tử. Suốt hai hôm sau, quân đôi bên đánh nhau dữ ở Dả-Hồ-Sơn.

Các nhà đương-cục Nhật thấy thanh-thế quân Cát-Lâm ngày thêm to, quyết dùng toàn-lực quân Liêu-Ninh để đối-phó.

Nghe tin quân Nhật ở Thượng-Hải bị thua, quân Nghĩa-dũng các nơi càng hăng-hái nổi dậy ngày 1 Février Phùng - Dung mang toàn - bộ từ Bắc-Bình đến Thượng-Hải. Hội công-nhân liên-hợp tổ-chức đội cảm-tử, cũng kéo xuống miền Nam.

Tám nghĩa-sĩ ở đông-bắc là Lão-Bắc-Phòng, Tiểu Bạch Long, Hùng Phi, Cảnh kế chu, Hùng Hiền Thanh, Cáp Tám tỉnh, Triêu-Bằng, Lưu-Kiến Công, vẫn hết sức chống nhau với Nhật. Sợ quân-sĩ các nơi thấy thế quân Nhật mạnh mà nản lòng, hôm mới đây, Lão-Bắc-Phòng mở cuộc hội-nghị quân-sự ở Hồng-Loa, 7 nghĩa-sĩ kia có phái đại-biểu đến dự, Lão cắn tay lấy máu pha vào rượu mời các đại-biểu uống thề cùng nhau hiến thân thờ nước....,

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

Tiếp theo

Trông thấy thế, chàng hoa mắt choáng đầu, khác nào sét đánh. Vì bị cảm-súc mạnh quá, chàng bỗng có chí muốn chết quách đi cho rồi. Hiện đương ốm như thế này, mà lại mất một tay giúp đỡ vẫn chờ mong, thì chắc chàng không có thể cáng đáng nổi cái công việc của mình được nữa. Thôi thế là đồn điền Bế-rang-đệ phen này đi đứt. Nhưng, cái nghị-lực cương quyết của chàng lại chiếm phần mạnh, nên chàng liền sai bốn tên mọi khiêng băng-ca hiện đương trèo lên bờ hè, đặt băng-ca xuống sàn nhà.

Lúc cùng nhau từ biệt, chàng Huy-ghi Đuy-mông vẫn mạnh khỏe như thường. Đến bây giờ thì chỉ còn có..... mắt thì chũng, môi thì thâm, để hở cả răng, hai gò má thì chồi lên hình như muốn sé rách lần da bọc ngoài.

Chàng Xen-đôn sai một thằng ở lấy cái hàn-thử-biểu ra, và đưa mắt hỏi thầm viên quan-ba tầu Dịch-sĩ.

Chàng Ô-lê-dông đáp:

— Ông ta mắc bệnh sốt rét ngã nước. Suốt mười hôm giời nay, ông ta cứ nằm lỳ như thế này đây. Vả, trên tầu lại có bệnh dịch-ly, mà tôi xem hình như ông ở đây cũng chung một số-phận ấy.

— Có thế thật. Mỗi ngày tôi phải trôn tới 4 người phu.

Đáp xong, chàng Xen-đôn nghiêng mình xuống để chiếc hàn-thử-biểu vào miệng bạn. Một lát chàng nói:

—107 độ (theo độ Fabrenteit) tội nghiệp thay cho Huy-ghi, thôi thế là xong đời.

Chàng Ô-lê-dông nghe thấy thế thở dài một cái và lấy một cốc rượu mạnh ra pha nước suối để uống cho đỡ khát.

Chàng Xen-đôn thì sai người đi tìm một người đốc-công mà bảo hắn đi đào lấy một ngôi mộ và phá mấy cái thùng gỗ cũ đóng một cái quan-tài.

.....

.....

Nói xong, chàng Xen-đôn nằm vật xuống chiếc ghế xích-đu mà nhắm mắt lại.

Vừa rót cốc rượu khác chàng Ô-lê-dông thuật chuyện rằng:

— Chuyến này chúng tôi đi, lúc thì gió ngược, lúc giời lại im, không biết xoay-giở thế nào được nữa. Dòng dã 10 hôm giời nay, chúng tôi bị lênh đênh trong vụng, ở đằng sau tầu, lại còn không biết cơ man nào là cá mập theo sau để đớp những sác người chết trên tầu quẳng xuống. Ngay lúc nẫy, khi tôi vừa bước chân xuống xuồng, những con quái-vật ấy còn xúm quanh lại mà đớp các mái chèo. Giá bây giờ có một trận cuồng phong nổi lên quét sạch đảo Sa-lô-mông, cho tiệt loài cá ấy, thì tôi có phải xa vào nơi địa ngục cũng không oán hận chút nào.

—.....

Ấy chỉ vì ăn phải cái nước sông U-ga mà chúng tôi mắc phải bệnh ly khốn-nạn này.

Ở đảo Mã-lai-tạ ra về, tôi có cho vợi nước vào thùng; khốn nạn, nào tôi có biết đâu! Đã nhiều lần tôi dùng nước con sông ấy, đều không việc gì cả.

Lúc tầu khởi-hành, mọi sự đều được như-ý. Trên tầu lúc bấy giờ có đủ 60 tên phu, 15 người làm. Dọc đường bệnh mới phát-sinh. Suốt ngày đêm chúng tôi phải quẳng chúng xuống biển. Tôi dám thề rằng: chúng tự để cho chết cố-ý làm rầy tôi! Thôi cho quỉ-sứ nó bắt chúng đi cũng phải!

« Bẩy người làm trong tầu chết. Bốn người thì nằm só, số-mệnh chưa biết ra sao. Còn bốn người sống lưởng-vưởng thì cùng về với tôi đây. Thật là cái cảnh địa-ngục! Nhưng thở-than nào có ích chi? »

Chàng Xen-đôn khẽ hỏi:

— Thế còn những tên phu thì sao? Còn lại được bao nhiêu tên cả thảy?

— Đi đứt mất một nửa. Ba mươi tên sống sót thì hai mươi tên ốm nằm đó. Còn mười tên nữa ốm chỉ còn bò lê đi được mà thôi.

Chàng Xen-đôn thở dài đáp:

— Như vậy nghĩa là phải mở rộng thêm căn nhà thương ra. Thôi chả hề gì! Ta phải làm thế nào mà đưa ngay chúng lên bờ... Việt-bửu-ri! Bớ Việt-bửu-ri! Mi khá lắc chiếc chuông lớn, gọi phu về. Lắc mạnh vào!

Bọn phu bị gọi về trước giờ nghỉ mọi khi, bèn chia ra làm ba toán. Toán thứ nhất thì vào rừng đẵn cây, giác qua-loa để làm kèo cột căn nhà thương mới.

Toán thứ hai thì đi đẵn tre lấy cả cành lá để làm mái.

Còn 40 người nữa thì đội chiếc xuồng lên đầu khiêng ra biển. Tuy gặp lắm sự không may, mà chàng Xen-đôn vẫn cắn răng chịu vậy, không hề nản chí ngã lòng.

Bỗng chốc quan-ba Ô-lê-dông hỏi chàng Xen-đôn rằng:

— Ngài có nhìn qua phong-vũ-biểu không?

— Không, làm sao? Nó xuống sao?

— Nó xuống vùn-vụt mắt trông cũng có thể thấy được.

Chàng Xen-đôn lại nói:

— Như vậy, thì ông nên trở lại tầu trước khi giời tối, thế có lẽ cẩn-thận hơn. Ông không nên phiền lòng cho chàng Huy-ghi làm gì. Tôi sẽ lo mai táng cho chàng chu-tất.

Quan-ba Ô-lê-dông nói:

— Khi tôi từ-biệt tầu Dịch-sĩ thì có một đứa ốm sắp chết. Tôi có cần đem nó lên bờ cùng với những đứa khác không?

Chàng Xen-đôn liền đáp:

— Ồ thôi, không cần... ông cứ quẳng nó xuống biển. Chúng tôi ở đây đào bằng ấy ngôi mộ cũng đã đủ khướt người rồi!

— Thôi được, thôi được... bất tất phải gắt, ông nói thế tôi đủ hiểu rồi.

Chàng Xen-đôn lại dịu-dàng nói:

— Nếu ngày mai ngài còn ở đó, thì xin ngài làm ơn lên bộ để giúp tôi một tay, bằng như ngài không lên được, thì ngài phái ông Hai lên giúp tôi cũng được.

— Thôi được! Tôi sẽ xin thân-trình lên. Lao Hai của tôi là ông Dương-sơn mất đã 3 hôm nay rồi. Tôi lấy làm buồn mà báo cho ông hay cái tin ấy, nhưng cơ sự là thế đấy.

Nói đến đó, quan-ba Ô-lê-dông đi ra bãi bể, khoa cánh tay nguyền rủa om xòm và cầu Giời dưng nước lên làm ngập quách quần-đảo Sa-lô-mông đi cho rồi.

Chàng Xen-đôn nhìn thấy tầu Dịch sĩ ngồi ngóp một cách nặng-nề trên mặt bể sóng dồn cuồn cuộn. Ở chân giời, về phía Tây-Bắc, ngay trên hòn đảo Phố-lô-ri-da chàng nhìn thấy một đám mây đen kịt.

Chàng Huy-ghi đang hấp hối. Hơi thở chỉ còn thoi thóp một chút; chàng Xen-đôn nắm lấy tay thì thấy ban nẫy nóng như thế, mà bây giờ đang bắt đầu lạnh dần.

Rồi trong phút chốc bệnh-nhân tắt nghỉ, hơi thở im hẳn như chiếc đèn hết dầu. Chàng Xen-đôn liền quỳ xuống bên cạnh. Trông thấy thế lũ người nhà cũng xúm nhau quỳ lại chung quanh cái sác người chết. Cái màu trắng tinh những chiếc áo phủ ngoài càng làm lộ hẳn cái màu gia đen nhoáng cái vẻ mặt mọi rợ của chúng; một vài đứa lại có khoác thêm cái áo cộc, thì cái vẻ làm đỏm ấy phản-đối hẳn với những vành gỗ nặng nề đeo lủng-lẳng ở hai tai và những vòng xà-cừ lấp loáng ở đầu sống mũi.

Cầu kinh xong, chàng Xen-đôn đứng dậy trong người choáng váng. Từ mấy hôm nay khí giời đã thấy khó chịu, mà lúc bấy giờ chàng lại càng thấy khó chịu hơn, hình như không thở được nữa. Chàng thì thỉnh-thoảng lại nghển cổ lên hình như người sắp chết ngạt, còn tụi mọi thì mặt mũi chân tay, nhễ-nhại bồ hôi bồ kê.

Chợt cái, một tên mọi đột-nhiên nói:

— Thưa chủ-nhân sắp có bão to.

Chàng gật đầu ra ý cho là nói phải. Đưa mắt nhìn chòng chọc cái thây chàng Huy-ghi một người bạn thân-ái, chàng không sao ngảnh mặt đi được. Cái chết này làm cho cái gánh nặng về tinh-thần bấy lâu chàng vẫn đeo đẳng, bây giờ lại thấy nặng gấp hai.

Đương lúc tâm-thần uể-oải chàng thấy tự-nhiên nẩy ra cái quan-niệm chắc rằng cuộc phấn-đấu của mình chung-quy rồi cũng vô-ích. Chi bằng vứt bỏ hết cả, đành nhắm hai con mắt chui vào cái vực mênh-mông « trường vảng bất phản » cho nó yên thân?

Kể ra cái đó thật là một việc nhẹ nhàng! Hiện nay chỉ có cái nghị-lực của chàng nó còn độc-lực cố bấu-víu lấy cuộc đời, chứ cái thân-thể chàng thì thật đã chết đi một nửa rồi. Đã đòi ba mươi lần rồi, chàng chỉ cách cái vực hư-vô tiêu tán cuối cùng độ một vài đốt ngón tay thôi. Vậy tội gì cứ bướng-bỉnh mãi, mà phỏng có ích gì?

Sau khi đã điềm-nhiên đối với những lúc sống dở chết dở ấy, bây giờ chàng cũng chẳng còn sợ gì cái chết thật, cái chết hoàn-toàn, nó chính là cái cơ giải-thoát cho chàng. Trái lại, chàng lại mong mỏi cái chết ấy. Tâm-thần nhọc-mệt, hình hài hao-kiệt chàng vẫn sẵn lòng gọi cái chết đến để nó rước mình đi. Ngọn đèn tắt vụt một cái thế là hết truyện.

Giữa lúc ấy, ngảnh mặt lên, hàng trông thấy hai chiếc xuồng ghé vào bờ, rồi một dẫy dài những bệnh nhân, kẻ thì nằm ở trên băng-ca, kẻ thì do người cõng, rền-rĩ thở-than, lần-lượt đi vào đồn-điền.

Đằng kia, mây vẫn cứ đùn-đùn bốc lên, gió cứ ào-ào từ bên giời kéo đến.

Dưới cái mệnh-lệnh của nghĩa-vụ, lương-tâm bắt buộc chàng không hề suy-nụy được. Chàng liền đi theo các người ốm đến căn nhà thương. Đến đấy, chàng ra lệnh cho các người cai lấy những túi cát buộc vào giây, quàng qua nóc nhà để phòng khi có bão, cho khỏi bị gió tốc. Muốn cho chắc-chắn, chàng sai lấy cả cái giây neo bằng sắt để dành, vẫn buộc ở những cái cọc chân nhà chàng ở.

Xong đâu đấy, chàng quay về nhà thì vừa hay mọi người mang đến cái quan-tài của chàng Huy-ghi, làm bằng mảnh thùng ghép lại. Chàng cho đặt sác người chung phần của chàng vào đấy, rồi, lắc lư trên lưng một tên mọi, một tay ôm lấy cổ con « ngựa người », một tay cầm quyển kinh thánh, chàng sai sáu người khiêng cái di-hài của Huy-ghi ra cái mả đã đào ở bờ bể.

Đương khi chàng lên tiếng đọc kinh phá-độ, những tên mọi ra vẻ lo sợ, nhìn những đám mây cứ lù lù kéo lên ở trên mặt bể đen sì ở đằng xa.

Chàng vừa đọc kinh xong, thì một trận gió nhẹ nhàng mát mẻ ở đâu đưa đến, như quạt vào cái thân-thể khô-khan, chẳng khác gì một liều thuốc bổ vậy.

Rồi, đương lúc thuổng cuốc vội vàng lấp cho đầy cái hố cát còn hở, cơn gió thứ hai tiếp đến, hình như cái dư-khí của một người đương tức giận.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ - nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

DIRECTEUR PROPRIÉTAIRE :

ĐINH - BƯỞI

RIZERIE MODERNE

Livraison à domicile à toutes quantités et qualités

70, Rue des Tubercules — Hanoi

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

Năm Nhâm-Thân Số 30

Ngày 27 Février 1931

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Xứ Bắc-Kỳ đối với cuộc đức Bảo-Đại hồi-loan.
Chế-độ đại gia-đình phương Đông.
Khóa ông Gandhi lại đã vậy, nhưng cuộc tương-lai sẽ ra sao?

Bàn góp về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán.
Lư-Thoa tự-thuật.
Trinh-thám nước Đức.

Thiên «lực, mạnh» của Liệt-tử.
Thơ. — Dịch thơ chữ Hán (Băng-hồ Hàn-vận 4 bài).— Dịch thơ Pháp (1 bài).— Ca Hành-vân.- Văn Tập-Kiều.

Thời-sự. — Pháp-luật dẫn-giải.
Khóm trúc như tuôn giòng lệ cũ. . .
(Đoản-thiên tiểu-thuyết).
Tại sao các nhà văn-sĩ sinh viết văn?
Đấu có lạ lùng! (Trường-thiên tiểu-thuyết).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO

68, PHỐ HÀNG KHOAI – HANOI

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa-hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-nam Tạp-chí

XỨ BẮC-KỲ ĐỐI VỚI CUỘC ĐỨC BẢO-ĐẠI HỒI-LOAN

Ngô-thúc-Địch

Nước mong mở mặt, kêu gọi nhân-tài. Muốn nước có nhiều nhân-tài, dân nước phải có nhiều người du-học! Trung, Nam, Bắc, anh em, chị em Đồng-bào, ai sẵn bầu máu nóng, ai hằng lo đến tiền-đồ nước nhà, xin hết lòng tán-thành hội Pháp-học Bảo-trợ. Ngày 10 Mars 1932 tới đây, tại hội quán hội Trí-tri phố hàng Quạt Hanoi, hội Pháp-học Bảo-trợ sẽ họp đại-hội-đồng.

Bản-chí cầu-nguyện được thấy lòng sốt sắng của quốc-dân.

TRINH-THÁM NƯỚC ĐỨC

Mấy lời nói đầu

Ở nước ta bây giờ mà nói đến «*Truyện trinh-thám*» thì dễ thường có khi các ngài cho là nhàm. Mà nhàm thật! Trừ ra ít bài đăng ở các báo gần đây, nói về những công-việc hệ-trong của vài sở Trinh-thám lớn trên thế-giới, còn thì biết cơ-man nào là tiểu-thuyết trinh-thám dịch ở sách tây ra, đại loại nó cũng chỉ loanh-quanh trong những việc giết người để lấy của, hoặc vì thù-hằn chẳng hạn, chớ cũng chưa từng thấy nói đến chuyện to-tát lạ tai bao giờ. Ấy tiểu-thuyết trinh-thám của ta trong khoảng vài mươi năm nay trở lại, in bán đã thấy nhiều mà chung-qui vẫn ở vào một cái phạm-vi nhỏ-hẹp là như thế.

Câu chuyện «*trinh-thám*» tôi sắp đem hiến các ngài đây nó là một thứ trinh-thám riêng, trinh-thám «đặc-biệt». Nhà trinh-thám đó tức là ông *Armgard-Karl Graves*, đậu hai bằng bác-sĩ: triết-học và y-học, biết bốn năm thứ tiếng, mà tiếng nào nói, viết cũng thông-thạo như tiếng nào. Graves tài học quán-xuyến đến thế, mà tuổi mới có hai mươi hai. Vì ông ấy không muốn cho ai biết mình ở xứ sở nào, nên khi viết sách cũng tỏ ra ý định giấu kín. Như vậy thì chúng ta cũng không cần biết; duy chỉ biết rằng tình-cờ ông có dịp được chữa thuốc cho một viên quan có tài thao-lược trong bộ Tham-mưu nước Đức. Viên quan ấy thấy ông ta trẻ tuổi, lại thông-minh lanh-lẹ và có tài to như vậy thì đem lòng quý mến, phần thì cảm cái ân đã chữa cho mình khỏi mấy vết thương chí-mệnh, nên mới định tiến ông ta vào làm trinh-thám ngoại-giao cho nước Đức. Đáng lẽ *Graves* cũng không nhận lời, song lại nảy ra cái hi-vọng rằng vào làm như thế, có cơ giúp ích được cho nhà mình, nước mình. Bởi thế mới ưng theo.

Đó là tạm vài câu nói trước; từ kỳ sau trở đi, tôi sẽ thuật theo lời A. K. Graves tự viết ra, một chút cũng không thêm bớt.

Có một điều cần phải để các bạn độc-giả rõ: những việc sắp kể sau đây, toàn là việc xảy ra trước hồi Âu-chiến, tức là từ khi vua *Uy-Liêm đệ-nhị* hãy còn chỉnh-chện trên ngôi cửu-ngũ của nước Đức. Tuy là ăn cơm mới nói chuyện cũ thật, nhưng lục chuyện cũ ra mà nói, đó cũng bởi đôi ba lẽ: việc tuy đã qua nhưng hãy còn nhiều mối liên-lạc mật-thiết với cái đời bây giờ; vua Uy-Liêm tuy ngày nay đã mất hết quyền-lực, chỉ là một vị phế-đế, nhưng hãy còn sống sờ-sờ đó. Cho rằng nay mai chết đi ra nữa, hai chữ tên ấy, kèm thêm hai chữ «đệ-nhị», cũng còn có nhiều dịp khiến cho người đời phải nhắc đến hoài. Cách đây vào quãng ba-mươi năm, cái thế-lực nước Đức ở trên hoàn-cầu quyết nhiên không phải là nhỏ; được như thế là cũng bởi vua Uy-Liêm, mà ông vua đó lại chính là người gây ra cuộc đại-chiến vừa rồi, là một cuộc chiến-tranh có ảnh-hưởng rứt lớn đến khắp thế-giới, và đã làm hao người tốn-của những thế nào, nói không thể xiết. Đem mấy chữ «tàn-khốc», «thảm hại» v. v. ra mà tả những cảnh thiên-ám địa-hôn, thần-sầu quỷ-khốc của cái nạn chiến-tranh đó, thì những chữ kia không thấm-thía vào đâu cả, tự-hồ như nó chẳng còn mùi-mẽ gì nữa vậy. Lại một lẽ nữa nó khiến cho tôi vui lòng thuật lại chuyện Graves, là suốt cả mọi nhân-viên trong ban trinh-thám ngoại-giao nước Đức về thời bấy giờ, duy chỉ có Graves là sắc-sảo linh-lợi hơn cả. Điều này chẳng phải do người viết chuyện kia để lại, có ý tự khoe mình. Thật ra là như thế. Vì Graves có tài đặc-sắc hơn hết thảy các viên-chức trong ban, nên mới được vua Uy-liêm dùng biệt-nhỡn mà đãi, rồi giao cho công-việc rứt lớn-lao. Sau, chỉ vì nhà vua thấy Graves xuất-sắc quá, lại biết rõ ràng những việc bí-mật có quan hệ tới vận nước, nên mới trở-mặt dùng ngay một mẹo phản-gián nho-nhỏ, khiến cho Graves bị bắt ở nước Anh và bị cầm tù tại đó ít lâu. Người Anh lại dụ Graves đầu-thân vào ban trinh-thám nước ấy. Graves có nhận lời hay không, sau vì cớ gì lại sang Mỹ, và tự thử chi hậu, còn làm được những thủ-đoạn gì? Để rồi dần-dà, tôi sẽ thuật lại tỏ-tường, các ngài khắc rõ.

Về việc người Anh bắt được Graves này, các báo-chí bên Âu-Châu từ hồi tháng bẩy năm 1911 trở đi, có nhiều bài bàn ra tán vào, dư-luận dai-dẳng mãi.

Câu chuyện tôi sắp thuật sau đây, từ mấy năm nay, đã nhiều lần tôi muốn cho lên nhật báo. Hiềm một nỗi tờ báo tuy rằng thừa sức mạnh mà thân-phận thật có mỏng-manh. Người nước ta, chưa thấy mấy ai giữ cẩn tờ báo quốc-ngữ để xem đi xem lại bao giờ; dầu ở trong có chứa bài vở hay tới dường nào, thường khi cũng chỉ nay lành mai nát. Thấy An-nam tạp-chí lại ra đời, tôi vui lòng đăng lên để chúng ta cùng xem chơi. Về phần ích-lợi thì tôi chẳng dám chắc rằng đã có ích-lợi gì cho lắm, chỉ quyết được một điều là mỗi kỳ tạp-chí ra, các bạn Độc-giả lại xem «*Truyện trinh-thám*» của A. K. Graves mất mấy phút đồng hồ, nhưng tưởng chút thì-giờ đó cũng không đến nỗi nào uổng-phí vậy.

(Còn nữa)

Đặng-văn-Hinh

Vĩnh-Hưng-Tường
là hiệu
bán thuốc bắc lớn nhất
từ Vinh vào đến Huế.

CHẾ-ĐỘ ĐẠI GIA-ĐÌNH PHƯƠNG ĐÔNG

Trải qua một hội máu sông, xương núi, bên kia giời Tây, văn-minh Đông-phương hình như có giá-trị với thế-giới.

«Phải mau mau đem văn-minh Đông-phương để cứu Tây-phương», một nhời diễu đời của người phương Tây như thế. Nhân câu trào phúng này ta lần lượt nghiên-cứu trong các món văn-minh Đông-Á xem các chỗ hay dở tốt xấu có thật đủ sức sinh-tồn với văn-minh khoa-học không? Và có thể giúp cho dân-tộc phương Đông có thể vĩnh-viễn ở thời-đại tàu bay trái phá này không?

Trong các món văn-minh phương Đông: chế-độ gia-đình là một món đáng chú-ý trước nhất. Gia-đình là gốc xã-hội, thì cách tổ-chức gia-đình tức là cỗi rễ tất cả phong-tục, tập-quán, văn-hóa chính-trị của xã-hội phương Đông.

Chữ phương Đông đây tôi muốn nói riêng nước Việt-nam ta và nước Trung-hoa, bởi chế-độ gia-đình hai nước đó, trái hẳn với phương Tây và có thể đứng ra một mặt.

Ôi! phiền-phức làm sao, chế-độ gia-đình phương Đông! Nay hãy tóm lại một câu: hầu hết theo kiểu đại gia-đình, chú-trọng tinh-thần. còn cách tổ-chức giống chính-thể Quân-chủ, thiên về chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác. Tại sao lại nói thế? Bởi có cái khí-vị chuyên-chế mà chuyên trọng ở sự ăn chung ở lộn.

Nếu một nhà đã gọi là có luân-lý thì phải có một người gia-trưởng. Không cứ tuổi-tác, tài đức, quan-tước, phẩm-hàm, cứ ai hơn vai hơn hết thì người ấy là gia-trưởng.

Quyền của người gia-trưởng đối với trong nhà không khác quyền của vua đối với trong nước. Công ăn việc làm, lời khuyên tiếng dạy, đều do gia-trưởng mà ra, các con em phải cúi đầu nghe theo, trái lại thì bị tội bất-hiếu bất-mục. Vô luận nhà có nhiều người hay ít, đều ở chung một khu. công việc chia nhau gánh vác, ruộng vườn của cải coi như của công, lợi-lộc kiếm ra cả nhà cùng hưởng, không phân kẻ kiếm nhiều người kiếm ít, dù người không kiếm ra cũng thế, ăn tiêu may mặc đều như nhau, không ai hơn ai, mà cũng không ai có của riêng.

Đại-khái gia-đình phương Đông tổ-chức phần nhiều như thế, nếu có khác chẳng qua cũng đại-đồng tiểu-dị. Nhưng có một điều rất kỳ, là vô-luận chính-phủ nào, phải có quân-bị pháp-luật mấy có thể cai-trị được nhân dân, thế mà các gia-đình phương Đông tuy chẳng có thứ hình-phạt nào, hoặc người nhà phải theo gia-pháp mà cũng được êm-thắm, có trật tự. Vậy nhờ ở đâu mà được thế? Nhờ về chữ *tình*, như trên đã nói trọng về tinh-thần chính là chỗ dùng chữ tình (sentiment) đó.

Tình, một vật rất mạnh đi đến đâu cũng phải tan được phong-vũ vân-lôi, gia-đình là một nơi góp nhiều thịt xương máu mủ ở lộn với nhau cho nên chữ tình càng dễ đằm-thắm. Người trên bao dung kẻ dưới, kẻ dưới nhường nhịn người trên, công to việc nhỏ, san sẻ đồ ăn thức mặc chia cấp, sai lầm tội lỗi phân-xử đều lấy chữ tình làm mực-thước cả, cho nên giữ được trật-tự rất nghiêm, còn cái khó khăn cho sự trì-thủ của gia-đình cũng do mực thước ấy sau đây sẽ nói.

Chữ tình chia ra thành nhiều nết. Các đại gia-đình để làm khuôn-phép, người nhà cứ đó mà theo khác chi tín-đồ theo ý-chí của giáo-chủ, quân sĩ theo mệnh-lệnh của chủ-tướng. Nhân đây tôi dẫn chứng vài gia-đình trong lịch-sử Á-Đông đã dùng một nết riêng làm gia-pháp mà được kết quả mỹ-mãn:

Gia-đình Trương-công-Nghệ.— Đời vua Đường Cao-Tôn bên Tàu Trương-Công-Nghệ chín đời ở chung. Số nhân-xuất không biết bao nhiêu. Song cứ sử Tàu chép rằng: vua Đường qua chơi ban cho họ Trương một quả lê thử xem phân xử thế nào thì họ Trương đập nát quả lê, rồi bỏ vào hơn một thùng nước sôi bảo người nhà cùng uống cốt ý cả nhà ai nấy đều được hưởng ân-đức của Triều-đình. Thế cũng đủ biết số người khá đông. Gia-đình họ Trương trọng ở nết *nhẫn*. Một trăm chữ nhẫn dâng lên vua Đường để giả nhời câu hỏi: «sao đông người thế mà cũng ở chung với nhau được?»

Tư-mã Ôn-công bàn việc đó có nói: họ Trương dâng vua một trăm chữ nhẫn, có ý nói họ hàng không được hòa-thuận gốc tại tôn-trưởng ăn mặc không đều, ty-ấu lễ-tiết không đủ, người kia gay gắt người nọ mà ra cãi cọ tranh giành. Nếu ai cũng biết *nhẫn* thì trong nhà tự nhiên hòa thuận. Lời bàn đó có thật đúng với chân-tướng nhà họ Trương chăng?

Gia-đình Trần-Cảnh.— Tống-sử chép rằng: đời Tống-Thái-Tôn có nhà Trần-Cảnh đã trải nhiều đời không chia gia-sản, sau lại còn tậu thêm vườn ruộng, lập ra trường học

dạy-bảo con em. Cả nhà hơn 700 người không có con hầu đứa ở, bữa ăn cùng ngồi chung trong một nhà thật lớn, trẻ con ngồi riêng một chiếu. Đến đời Trần-Cảnh đã được 32 đời mà vẫn cùng ở chung với nhau, vẫn giữ nền nếp cũ. Người làm Tống-sử nói rằng: nhà Trần-Cảnh ở chung được với nhau như thế là bởi nết *công*. Xem như cách xử-trí trong bữa ăn, cũng đủ biết nhà ấy có đức *công bình*.

Gia-đình Trần-Soạn.— Bản-triều có nhà ông Trần-Soạn được ba anh em, ông là cả, thứ 2 ông Nhượng, thứ 3 ông Nhận. Cả ba ông đều hiển đạt, quan to chức trọng, thế mà không ai để riêng vốn, lại vẫn ở chung ăn chung với nhau. Gia-pháp nhà ấy cốt em phải sợ anh. Nếu em có lỗi, anh dăn bảo, dù quan sang mặc lòng, cũng phải cúi rạp xuống thềm mà nghe. Khoảng đời Tự-Đức, ông Nhượng làm Tổng-đốc Hanoi, ông Soạn lĩnh chức Án-sát Quảng-nam, gặp lễ khánh-điển, cha mẹ các quan được phong-tặng cố-lệ của Bản-triều — Triều-đình nghĩ ông Nhượng quan cao hơn ông Soạn, vua Tự-Đức phê cho ông Nhượng bốn chữ «*Bất quý danh Nhượng*», (rất xứng với cái tên là Nhượng!)

Như thế đủ biết gia-đình ông Soạn trọng ở nết *nhượng*.

Cứ ba gia-đình đã nói trên này, đều là gia-đình sang trọng cả, có thể làm tiêu-biểu cho chế-độ gia-đình phương Đông.

Nghĩ cũng quý thay, họp hàng trăm hàng chục con người cùng chung một giọt máu đào ở chung một sở, ăn chung một bàn, sung sướng hoạn nạn, vinh hiển đều có nhau, nếu lại được cha từ, con hiếu, cháu thảo dâu hiền, họ mạc anh em trên kính dưới yêu, trong ấm ngoài êm, thì vui vẻ tốt đẹp biết chừng nào! Hạnh-phúc ở đời tưởng không còn gì hơn nữa. Nhưng mà, xét cho kỹ thì cái cảnh gia-đình hoàn-toàn mỹ-mãn đó, đối với những người tư-cách phổ-thông, cũng như vườn Lẫng, non Bồng đối với những người trần-tục vậy.

Ai cũng biết vườn Lẫng non Bồng phong-cảnh vui đẹp thật, song nào những ai đã lên tới đó. Những cảnh gia-đình mỹ-mãn đã nói trên kia cũng vậy, mô-tả thì dễ, mà thực-tiễn thì khó. Bởi sao? Bởi tạo-thành một gia-đình mỹ-mãn không phải là việc dễ.

Cái chế-độ gia-đình phương Đông có tính-cách quân-chủ chuyên-chế, căn-cứ ở chủ-nghĩa đồng-lao cộng tác, cho nên chính-thể quân-chủ và chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác thường có những nỗi khó khăn thế nào, thì chế-độ gia-đình cũng gặp những nỗi khó khăn thế ấy.

Chính-thể quân-chủ, tức là trong nước có một ông vua cầm-quyền cai-trị muôn dân, nhất-thiết việc gì, cũng do nơi vua ban-bố ra cả; nếu gặp anh-quân, dân nước được thái-bình thịnh-vượng; trái lại nếu gặp hôn-quân, thì quốc-dân phải điên-bái lưu-ly. Những gia-đình theo chế-độ gia-trưởng cũng vậy. Người gia-trưởng công-minh thao-lược, thì trong nhà được tốt đẹp yên vui, nếu đần độn ương gàn, không quản-trị nổi được các con em, thì trong gia-đình tránh sao khỏi trật-tự rối-loạn.

Chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác nghĩa là ai ai cũng làm hết bổn-phận, nhớn việc nhớn, nhỏ việc nhỏ không tranh-giành nhau, không ganh tỵ nhau, cốt làm sao cho nền-tảng chung được vững bền thịnh-vượng; nếu người thì lười biếng, người thì tham-lam, kẻ thích rong chơi, người mưu tư-lợi, không ai đồng lòng với ai, thì việc gì cũng hỏng mà gia-đình tất phải đến bước nguy khốn. Vậy thì những gia-đình thiên về chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác, ắt phải trông vào tất cả người nhà. Nếu mọi người đều siêng năng chăm chỉ, chịu thương chịu khó, lo làm lo ăn, lại yêu mến nhau, nhường nhịn nhau, giốc một lòng vun-vén cho cơ-nghiệp chung, thì sao không có cơ phát-đạt. Coi đó, đủ biết sự thịnh suy của đại gia-đình không những quan-hệ riêng ở một người gia-trưởng, mà tất cả người nhà, cũng đều có chịu một phần trách-nhiệm vậy.

Một người gia-trưởng thao-lược, không nhà nào chắc đời đời có được, cái đó bằng ở sự may rủi; mà cũng không nhà nào dám chắc tất cả người nhà mình đều đồng-tâm hiệp-lực, chịu thương chịu khó, có tài có nết hết cả. Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn, thế thì trong nhà mong sao lúc nào cũng êm-đềm thịnh-vượng được. Vả lại, cái kiểu đại gia-đình chỉ lấy tình mà buộc người nhà phải tuân gia-pháp, cái đó thực rất cao-thượng phong-thể, song cũng là sự khó-khăn cho việc bảo-thủ gia-đình.

Chữ tình chỉ đủ khiến cho người ta vui lòng theo chứ không thể buộc người ta phải theo được. Vả, trong một nhà không phải chỉ có một hai người, nhiều người thì nhiều bụng, cho nên không chắc ai cũng như ai, mà mong lấy tình buộc mọi người phải giữ gia-pháp. Chẳng may có người ương ngạnh, không coi tình làm trọng, bỏ cả gia-pháp, thì đối-phó bằng cách nào? Một điều khó giải-quyết, mà cái ngòi gia-đình bại hoại..... sẽ nổi ở kẽ ngạch khe tường vậy. Cái hại ở chỗ đó. Còn một điều hại hơn nữa là theo kiểu đại gia-đình, con em lúc nào cũng phải nương tựa vào cha mẹ, ấy là nuôi cái tính ỷ-lại cho bọn thiếu-niên.

Đây tôi lại xin nói đến bên Tây. Ở bên Tây người nào đã thành vợ thành chồng, thì phải riêng một gia-đình, hành-động được tự-do, cha anh không can-thiệp, không bù-đỡ, kiểu đó gọi là tiểu gia-đình. Cái kiểu này có vẻ ích kỷ, không có cái phong-thể như kiểu đại gia-đình của phương Đông, song có điều hay hơn, là giúp cho các thiếu-niên bên Tây, phần đông có tính tự-lập, không như bên phương Đông mình, các thiếu-niên tập-nhiễm quen tính ỷ-lại, rồi đến lúc cờ vào tay phải phất, không biết đằng nào xoay-giở, đến nỗi nhiều khi làm bại-hoại cả công-nghiệp của cha ông. Xét các lẽ đó, đủ rõ kiểu đại gia-đình thật khó giữ được mỹ-mãn mãi. Bởi khó giữ được mỹ-mãn

BÀN GÓP VỀ CÁCH DÙNG CHỮ ĐẶT CÂU TRONG SỰ HỌC CHỮ HÁN

Bản-chí được tiếp bài lai-cảo như đây, quý vì trong xã-hội đương có người như ông Ngọc-sơn cùng biểu-đồng-tình về sự học chữ Hán. Vậy xin cứ nguyên-văn của ông đăng lên, để công đồng-lãm. Còn như theo ý-thức của các nhân-viên trong Báo-quán, đối với ông hoặc có dị-đồng, sẽ xin biểu-bạch ở kỳ khác.

An-nam Tạp-chí

Nước ta là nước không có chữ riêng, phải học mượn học nhờ chữ của nước khác. Trước khi nhà nước Đại-Pháp chưa sang bảo-hộ, ta vẫn học nhờ lối chữ Hán, kể từ văn-chương khoa-cử cho đến đơn từ giấy má đều theo toàn lối chữ ấy cả. Dẫu người hiền-trí có nhân lối chữ Hán đặt riêng ra lối chữ «nôm», song kẻ viết với người đọc vẫn còn nhiều chữ sai lầm, chớ không được nhất định như chữ «quốc-ngữ» bây giờ.

Ấy ta học chữ Hán đã lâu, theo phong-hóa Tàu đã lắm, nên muốn biết ý-tưởng cùng sự-tích của các bực tiền nhân tất phải xem nguyên-văn của các cụ di-truyền lại, thời mới hiểu được đại-ý, mà cho được xem hiểu đại-ý của nguyên-văn, thời cái vấn-đề Hán-học lại chẳng phải cái vấn đề có thể để nhẵng qua được.

Tiếc rằng các bạn thiếu-niên theo lối Pháp-học đã tốn công, cái thời giờ có thể bớt ra luyện-tập về Hán-học lại không được mấy, mà cái lối Hán-học có phải dễ đâu? Chẳng nói ai cũng biết rằng: lối Hán-học là lối học không bờ cõi, chẳng mẹo mực gì, cứ học mãi tập luôn tự khắc cái ảnh-hưởng của tinh-thần nó đến lúc nào không biết; ngay như ông Nghè ông Bảng chấm một bài văn cho học trò khuyên khuyên sổ sổ (1) chỉ trong trí-não hiểu ngầm mà thôi, chớ không sao diễn-dụ ra được. Thế thì các bạn trẻ ta nay, làm gì có thì giờ mà kéo dài ra thế được, tất nhiên phải nhờ các bực cao-minh tìm ra bờ cõi đặt ra mẹo mực thời chiếc thuyền giữa bể kia mới có thể theo phương-hướng tới bờ được vậy.

Vừa đây tôi được xem bài «*Xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán.*» của ông Tản-Đà đăng trong cuốn An-nam tạp-chí số 27, ngày 30 Janvier 1932, thấy ông đem Hán-học so với mẹo học của Pháp (grammaire) biết ông đã tìm được cách tài-tình, chẳng những giúp được các bạn trẻ chóng am-hiểu về đường Hán-học mà thôi, cả đến đường Pháp-học cũng nhờ đó mà lại rạng thêm ra nữa. Đây tôi cũng nhận ý ông, bàn góp ít nhiều, họa may có một đời chút công ích trong muôn một nào vậy.

Các mối chữ Hán cũng tương-tự như các mối chữ Pháp cũng có noms *pronoms, adjectifs, adverbes, articles* v. v..... duy có những mối về chữ Pháp có thay đổi hình-dạng mà những chữ Hán dẫu số ít, số nhiều, giống đực, giống cái mặc lòng, chữ nào bao giờ cũng nguyên hình chữ ấy, chớ không thay đổi gì cả.

Ví dụ:

一人橫行於天下武王恥之

Nhất nhân hoành-hành ư thiên-hạ Vũ-vương sỉ chi.

Nhất = một, *article indéfini déterminé* chữ *nhân*.

Nhân = người, *nom commun sujet* của chữ *hành*.

Hoành = ngang; đây nghĩa là ngang ngược (*révolter*) *adverbe de manière modifie* chữ *hành*.

Hành = đi, *verbe 3e personne du singulier*.

Ư = chưng nghĩa chữ *ư* (ở câu này là *préposition à, de, sur, dans* khi dịch sang chữ Pháp tùy dụng)

Thiên = giời, *hạ* = dưới, *thiên-hạ* (trong thiên hạ) *nom composé compl. circ. de lieu* của chữ *hành*

Vũ-vương = vua Vũ-vương *nom propre sujet* của chữ *sỉ*.

Sỉ = xấu hổ, *verbe 3e pers. du singulier*.

Chi = đấy, bao giờ ở cuối câu cũng là *point virgule*.

Nghĩa câu: *Một người ngang đi trưng trong thiên-hạ vua Vũ-vương xấu hổ đấy.*

Đại ý: *Trong thiên-hạ có một người bạn nghịch nào, vua Vũ-vương lấy làm xấu hổ, vì phong-hóa mình chưa được khắp.*

三人同行必有我師焉

Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên.

Tam = ba adj: numéral cardinal déterminé chữ *nhân*.

Nhân = người nom commun sujet của chữ *hành*.

Đồng = cùng adverbe modifie chữ *hành*.

Hành = đi, *verbe 3e pers, du pluriel*.

Tất = ắt, *adverbe de manière modifie* chữ *hữu*

Hữu = có, *verbe infinitif*.

Ngã = ta, có chỗ là *pronom pers.* nhưng đây là *adj. poss. déter. chữ sư*.

Sư = thầy, nom commun compl. của chữ *hữu*

---

cho nên từ xưa sách vở của Tàu và của ta, kể có mấy mươi nghìn xe, mà quá nửa thiên dạy về gia-đình luân-lý. Gia-chi-dĩ phương Đông đã có lắm người tài cao trí lớn, mà suốt đời lo liệu gia-đình không xong; cả đến các thánh-triết Á-Đông cũng than rằng: trị nhà khó, trị thiên-hạ dễ, mà lấy việc tề-gia làm gốc, rồi mới đến trị quốc bình thiên hạ.

Đời này là đời có cạnh-tranh mấy sinh-tồn, vậy làm dân..... ....còn có nhiều việc phải gánh, không phải chỉ một việc gia-đình mà thôi. Thế thì kiểu đại gia-đình hơn, hay kiểu tiểu gia-đình hơn, xin các anh em chị em chọn lấy.

Tân-Thôn-Dân

(1) Lối chấm Hán-văn câu hay thì khuyên (o) câu hỏng thì sổ (|).

Yên 二 vậy, chữ này ở cuối câu, nghĩa là *point d'exclamation* « ! ».

Nghĩa câu : *ba người cùng đi, hẳn có thầy ta* !

Đại ý : *ba người cùng đi, hẳn có điều phải nhề chái, làm gương cho mình !*

Câu thứ nhất và câu thứ nhì hai chữ *nhân* và hai chữ *hành* số ít số nhiều khác nhau, mà chẳng thấy hình chữ thay đổi chi cả ; lại như những chữ :

賢弟 *hiền đệ* 二 em hiền.

賢妻 *hiền thê* 二 vợ hiền.

諸賢弟 *chư hiền đệ* 二 các em hiền.

諸賢妻 *chư hiền thê* 二 các vợ hiền.

Những chữ *hiền* trên này số ít số nhiều, giống đực giống cái khác nhau, cũng chẳng thay đổi gì, cứ xem như thế đủ rõ.

Các đoạn trên này, tôi cũng nhân ý ông Tản-Đà bàn thêm ra ít nhiều đó thôi; còn về các mối *articles* thời *l'article partitif*, trong mối chữ Hán, hay lẫn vào *préposition*, cũng vì mối chữ ấy không bao giờ thay đổi, nên không chỉ rõ ra được.

Ví dụ :

飲河之水 ẩm hà chi thủy.

Nghĩa là : *uống chưng nước sông.*

食君之祿 thực quân chi lộc.

Nghĩa là : *ăn chưng lộc vua,*

Những chữ *chi* đây là *proposition* có nghĩa *l'article partitif* .

Còn những tiếng *articles simples* thời ít khi có, mà nếu có thời nó lại hay đi sau tiếng *nom* (cũng như *adv.* hay đi trước *verbe*, xem những câu trên đã nói) để chỉ cho tiếng *nom* ấy rõ nghĩa ra hơn hết các tiếng *nom* khác trong một câu, một đoạn.

農者天下之大本

Nông giả thiên hạ chi đại bản.

Nghĩa là : *Việc làm ruộng là một gốc nhớn trong thiên-hạ.*

Chữ *nông* đây là *nom*, chữ *giả* là *article simple* (chữ *chi* là *verbe* không phải *préposition*).

學者祿在其中矣

Học giả lộc tại kỳ trung hĩ.

Nghĩa là : *Sự học có bổng - lộc ở trong.*

大者役小者

Đại giả dịch tiểu giả

Nghĩa là : *Kẻ nhớn sai kẻ nhỏ*

往者不追來者不拒

Vãng giả bất truy lai giả bất cự.

Nghĩa là : *Kẻ đi chẳng theo, kẻ lại chẳng đuổi.*

Chữ *học* đây là *nom* mà chữ *giả* đây là *l'article simple.*

Chữ *đại* và chữ *tiểu* đây là *adj. employé comme nom* mà hai chữ *giả* là *art : simple.* Chữ *vãng* và chữ *lai* đây là *verbe employé comme nom* mà hai chữ *giả* là *art. simple.*

Tôi, theo chút kiến-thức muốn bàn góp cùng ông Tản-Đà và hiến các bạn trẻ một đôi phần về Hán-Pháp học, còn sau này nếu được rộng thì giờ, lại sẽ đem cách trông hình dạng chữ đoán nghĩa, để các bà con cùng xem xét

Ngọc-sơn

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

Les confessions de J.J. Rousseau »

5

(*Tiếp theo*)

Cái cuộc giáo-dục đó đang chuyển vần như thế, bỗng xẩy ra một việc bất-kỳ, có ảnh-hưởng đến suốt cả hậu-vận của tôi, cha tôi có bất-bình mà sô-sát với một người tên là Ngô-chi, làm đại-úy ở Pháp-quốc mà có gia-quyến làm chân hội-đồng ở xứ tôi. Gã Ngô-chi, hỗn hào nhưng lại hèn-nhát, nhân chẩy máu mũi liền lấy đấy mà báo-thù, vu-oan cho cha tôi đã rút gươm đâm gã. Theo luật, rút gươm trong châu-thành là có lỗi; người ta muốn đem cha tôi làm tội, nhưng cha tôi lại lấy một điều luật khác mà quyết đòi phải bắt tội cả gã kia, cùng vào nhà pha cả. Cha tôi kêu xin nhưng không được như nhời, ức tình liền ra đi; thà rằng rời bỏ tỉnh *Giơ-ne (Genève)* mà đi lưu-lạc tha phương, còn hơn là chịu kém về một chuyện có thể làm cho danh-dự và tự-do mình đều bị xâm-phạm.

Tôi ở lại tỉnh nhà, cha tôi gửi tôi ở dưới quyền trông nom của chú *Bách-na* tôi, lúc bấy giờ chú tôi làm ở trại lính Giơ-ne. Chú tôi có một người con gái lớn thì đã mất, chỉ còn một người con giai nữa, cũng bằng trạc tuổi tôi.—Hai chúng tôi cùng đem gửi ở *Bồi-tây*, trọ ở nhà ông thày đạo *Lâm-bác-sĩ* để học tiếng la-tinh và những cái món vụn vặt mà người ta vẫn đem kèm theo vào món ấy mà đặt tên cho cả cái bộ là «giáo-dục».

Trong hai năm giời ở chốn thôn-giã ấy, cái tính cương-nghị tôi đã tiêm-nhiễm trong khi sống cùng các danh-nhân La-mã cũng dần dần bớt cứng cỏi đi, tính-tình tôi dần dần bớt cứng để hóa ra dịu-dàng hơn một chút, thế là tôi lại giở lại cái địa vị trẻ con ở *Giơ-ne* chẳng ai bó buộc gì tôi, thì tôi chăm học, tôi ưa xem sách, chỉ lấy sách làm vui ở *Bồi-tây*, cái học cưỡng-bách làm cho tôi thêm thích cuộc chơi tiếp theo các buổi học. — Thú thôn quê mới nếm, cái phong-vị có vẻ mới mẻ, tôi không biết chán.—Càng ngày càng mến cảnh nhà quê, sự mến yêu ấy ngày nay cũng không phai-nhạt.—Nhớ lại những ngày sung-sướng ở cảnh ấy khiến cho tôi suốt đời còn nhớ cảnh mà tiếc cái thú quê-mùa lại tiếc cả người đã lên tỉnh đón tôi đem về chốn ấy, là cụ *Lâm-bác-sĩ*. Cụ là một người có kiến-thức. và biết dạy trẻ; cụ dạy chúng tôi mà không đến nỗi bắt tội chúng tôi bị học nhiều thái-quá. Cái triệu chứng này đủ tỏ là cụ rất thạo trong việc giáo-dục ấy: tôi bình-sinh vốn ghét hết thầy các sự câu-thúc, thế mà những giờ ngồi học cụ, tuy có câu-thúc nhưng về sau không bao giờ nghĩ lại những giờ ấy mà đến nỗi phải lấy làm ghê—Tôi học cụ cũng không học được nhiều, nhưng phàm điều gì cụ đã dạy thì lúc đang

học, học không thấy khó-nhọc gì, mà về sau thì nhớ mãi, nay cũng còn chưa quên.

Cuộc sinh-hoạt ở chốn thôn quê giản-dị thay, có ảnh-hưởng tốt cho tôi không biết chừng nào mà kể; thuở ấy, chính là lúc trong lòng tôi mới nếm biết cái tình bầu-bạn. Trước kia, tôi vẫn có nhiều cảm-tưởng cao-thượng, nhưng chẳng qua ở trong cõi mộng. Lúc ấy, tôi cùng em họ tôi, tức là con chú *Bách-nơ* tôi, cùng chung nhau một cảnh, cùng hưởng với nhau cái cuộc đời thái-bình ấy, thành ra tình thân-mật càng thêm khăng-khít. Chẳng bao lâu tôi yêu-mến người em họ ấy có nhẽ lại hơn là tôi yêu mến anh ruột tôi khi trước; chút tình bầu-bạn, tới nay còn như xưa.— Em họ tôi người cao mà gầy, trông thật mảnh-khảnh, do sác thịt yếu-ớt mà tinh-thần càng dịu-dàng, tính nết càng hiền-hậu; ở trong nhà trọ, người ta nể em tôi hơn tôi. — vì nể chú tôi cho nên biệt-đãi con giai chú tôi, đó là lẽ thường. — Nhưng em tôi cũng không quá-lạm cái sự biệt-đãi ấy. Chúng tôi học cùng học, chơi cùng chơi, thích cái gì cùng thích với nhau.— Chỉ có hai người với nhau, cùng đang tuổi trẻ thơ, hai chúng tôi đứa nào cũng cần có một người làm bạn, nếu chẳng thân-thiết với nhau lại lìa-rẽ nhau có khác gì tự mình lại liều thân hoại thể mình. Tuy ít có dịp để lộ cái tình tương-ái ra ngoài mặt, nhưng tình ấy thật đến cực-điểm; không những là chúng tôi rời nhau một lúc nào cũng không chịu được, chúng tôi lại không thể tưởng-tượng rằng có thể rời nhau ra được. Hai đứa cùng ưa vồn-vã, hai đứa cùng hay chiều ý người, miễn là người ta đừng bó-buộc mình, nên lúc nào chúng tôi cũng tâm-đầu ý-hợp, về chuyện gì cũng vậy. — Vì những người trông nom chúng tôi đối với em tôi có ra chiều biệt-nhỡn, khi trước mặt những người ấy thì em tôi có khi được chỉ-bảo tôi phải nghe; nhưng khi chỉ có hai chúng tôi với nhau, thì tôi bảo, em tôi lại phải nghe tôi; thành ra hai bên lại hóa ra cân nhau. Trong khi học, nếu em tôi đọc bài có ngập-ngừng thì tôi khẽ nhắc cho; khi tôi làm xong bài của tôi thì tôi giúp em tôi làm bài của hắn; những lúc chơi đùa, thì tính tôi hiếu-động hơn em tôi, lại dắt-díu em tôi cùng nô với tôi. Rút lại, chúng tôi hợp tính-nết với nhau, cho nên tình bầu-bạn càng thêm thân-thiết, đến nỗi trong hơn năm năm giời vừa ở *Giơ-ne* vừa ở *Bồi-tây*, chúng tôi không lúc nào xa nhau. Tuy có khi cũng có đánh nhau, tôi xin thú thật, nhưng không bao giờ đánh nhau dữ đến nỗi phải có người can thì mới thôi, không bao giờ cãi nhau mà giận nhau lâu hơn một khắc đồng-hồ, và không bao giờ đứa nọ thù đứa kia mà đi mách tội hay vu oan gì cho nhau cả. Hoặc cũng có người cho những việc ấy là nhỏ-nhen và trẻ con. Nhưng các việc nhỏ ấy kết thành một cái gương, mà tôi dám cho là dễ thường từ khi có trẻ con chưa thấy hai đứa nào treo gương bầu-bạn với nhau được như thế.

Cái cách tôi sinh-hoạt ở *Bồi-tây* hợp với ý-nguyện của tôi lắm, vì phỏng cứ sống như thế mãi, thì có nhẽ tính nết tôi cũng do đấy mà nhất định biến ra một cách khác. — Thuở ấy, bản-tính tôi chỉ đặt những cái cảm-tình êm-ái, đa-cảm, bác-ái, hiếu-nhân. — Tôi thiết tưởng tính tự nhiên, thì không có ai ít hiếu-thắng như tôi. Thỉnh-thoảng có lúc phấn-khởi muốn ước-ao những việc vĩ-đại, nhưng qua những lúc phấn-khởi chốc lát ấy, thì tôi lại rơi vào trong cõi đại-lãn. Mọi điều sở-ước của tôi, chỉ có một điều sốt-sắng nhất: là ước gì ai nấy đều yêu-mến tôi. Tính tôi hiền, tính em họ tôi cũng hiền, tính những người trông nom dạy dỗ chúng tôi cũng hiền, trong hai năm giời, mắt tôi không hề phải thấy một việc gì tàn-bạo, mà tôi cũng không bị điều gì tàn-bạo.— Hoàn-cảnh ở ngoài càng thêm khiến cho tính tự nhiên của tôi đã lành hiền lại càng lành hiền thêm.

Khi còn nhỏ, tôi không biết sự gì thú-vị hơn là được trông thấy mọi người được vui lòng vì tôi và được vui lòng vì cả mọi việc đời...

Tôi còn nhớ khi học bổn-kinh ở nhà thờ hễ đến lượt tôi phải đọc bài vì có lúc nhỡ ra không thuộc mà ngập ngừng, trông nét mặt của cô em gái cụ Lâm-bác-sĩ có vẻ giận và trách, thì tôi bối-rối không biết thế nào mà nói. — Cái xấu-hổ không thuộc bài trước mặt công chúng, tôi không lấy làm e-sợ bằng cái nét buồn của cô. — Không phải là tôi không biết thẹn, vốn tôi thích được người ta khen lắm chứ, mà nếu phải người ta chê thì nhục lắm; tuy vậy, thật quả lúc nào tôi sắp bị cô Lâm quở mắng, tôi đau lòng về nỗi phải mắng thì ít mà đau lòng vì nỗi để phiền cho cô thì nhiều hơn.

Nhưng cô Lâm, và cả cụ Lâm-bác-sĩ nữa, chẳng phải là người không biết dùng roi vọt, lắm lúc rất nghiêm-khắc, nhưng nghiêm mà công-bằng không thiên-lệch, cho nên tôi dù phải phạt cũng không có thể lấy làm ức hay là bực mình mà phải cãi lại bao giờ; chỉ lấy làm buồn, cái buồn không phải là buồn cho thân phải phạt, cái buồn là buồn đã khiến cho người khác không yêu mình nữa, ghét mình ra mặt. Tôi tự biết phân-giải cái tâm-lý-điểm ấy cho rõ, cũng hơi khó.....

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng *dịch*

Cải-chính

Số báo 28 trang 13 cột thứ hai giòng thứ ba «*mỗi khi cậu tôi sang*» xin đọc là «*mỗi khi* **cơm tối xong**»

Trang 14 cột thứ nhất, giòng thứ 28, «*người du-đãng yêu nhau đến bực nào*» xin đọc là « ... *yêu ai* **có thể** *đến bực nào*; giòng gần cuối «*nũng nịu*» đọc là « *nâng niu* » —

Trang 14 cột thứ hai, giòng gần cuối «*ước ao* **bằng lòng** *vô-lý*» xin đọc là « *bông lông vô-lý* »

Trang 14, cột thứ ba, giòng thứ 12: « du em ... » xin đọc là « **đủ êm ái** »

Vì bản-thảo của dịch-giả không được tinh-tả còn nhiều chữ nhầm khác nhưng không quan-trọng. Sau hoặc có khi lại nhầm. Xin lỗi các Độc-giả từ nay và mong Độc-giả lượng cho.

Ng. T. L.

VĂN-ĐÀN

Thiên « Lực, Mạnh » (1) của Liệt-tử

Anh Lực bảo anh Mạnh rằng:

«Công của anh bằng ta thế nào được!»

Anh Mạnh trả lời rằng:

«Anh có công gì với muôn vật, mà dám ví với ta?»

Anh Lực lại nói: «người ta được sống lâu hay chết non, cùng hay đạt, sang hay hèn, giàu hay nghèo, đều là nhờ ở ta cả.»

Anh Mạnh nói: «trí ông Bành-tổ hẳn không hơn được vua Nghiêu, vua Thuấn, mà sống lâu đến 800 năm; tài ông Nhan-Uyên hẳn không kém những người thường mà chết năm 32 tuổi; đức ông Trọng-Nơi (Khổng-Phu-tử) hẳn không ở dưới các vua Chư-hầu, mà bị khốn quẫn ở đất Trần đất Thái; nết vua Trụ nhà Ân hẳn không hơn được ba người Nhân (Vi-tử, Cơ-tử, Tỷ-can) mà ngồi chễm chện ngôi vua; ông Quý-Trát là một người chân trắng ở nước Ngô mà ngươi Điền-Hằng làm vua cả nước Tề; ông Gi, ông Tề chết đói ở núi Thủ-dương mà họ Quý-thị giầu hơn ông Triền-Cầm. Xem thế, nếu anh có giỏi, sao lại làm cho người này sống lâu mà người kia chết non, ông Thánh cùng-quẫn mà quân nghịch hiền-đạt, người hiền hèn-tiện mà thằng ngu tôn-quý, kẻ thiện nghèo-kiết mà đứa ác thì giầu có?»

Anh Lực nói: «Nếu như nhời anh, tôi đã không có công gì với muôn vật, mà nay muôn vật lại hóa ra như vậy, thì chả tại anh ngăn-cản đó ru!»

Anh Mạnh nói: «Đã gọi là mạnh, còn có việc gì phải ngăn cản nữa. Cái gì ngay thì ta cứ đầy thẳng đi, cái gì cong thì ta cứ để mặc tự-nhiên. Thế là họ tự sống lâu, tự chết non, tự cùng, tự đạt, tự sang, tự hèn, tự giầu, tự nghèo, ta biết đâu được những việc ấy! Ta biết đâu được những việc ấy!»

Bắc-Cung tử bảo Tây-Môn tử rằng: «Ta với bác cùng sinh ra một đời, mà người ta làm cho bác được hiển-đạt; cùng một họ mà người ta kính bác; cũng là mặt mà mặt bác được người ta yêu; cũng là nói mà nhời bác được người ta dùng; cũng một nết mà bác được người ta tin; cũng làm quan mà bác được người ta quý; cũng làm ruộng mà bác được người ta làm cho nên giầu; cũng đi buôn mà bác được người ta làm cho có lợi. Ta mặc áo vải ngắn, ăn cơm hầm, ở nhà ranh, đi chân, không mà bác, mặc thì áo gấm hoa, ăn thì cơm trắng thịt béo, ở thì lầu cao cửa rộng, đi thì xe trước ngựa sau; ở nhà, bác đắc-ý, có bụng muốn ruồng bỏ tôi, vào Triều, bác làm ngơ, ra dáng khinh rẻ tôi; đến nhà thường không được tiếp, ra đường chỉ muốn lánh mặt, bác cư-xử như thế đã từ mấy năm nay rồi. Vậy bác tưởng là đức bác hơn tôi chăng?»

Tây-Môn tử trả lời rằng: «Ta cũng không có thể hiểu rõ được sự đó. Bác làm việc thì cùng-quẫn, ta cũng làm việc thì hiển-đạt, có lẽ đó là cái chứng-nghiệm chỗ hơn kém chăng? Vậy mà bác dám bảo cái gì cũng như ta, bác thật mặt dầy lắm!

Bắc-Cung tử không trả lời được, tâng-hẳng đi về. Giữa đường gặp thày Đông-Quách. Thày hỏi rằng: «Anh ở đâu về, đi lủi thủi một mình, mà trông lại có vẻ thẹn thò thế?»

Bắc-Cung tử thuật lại chuyện vừa rồi.

Thày Đông-Quách bảo rằng: «Ta sẽ chữa lại cái thẹn cho anh.» Rồi cùng với Bắc-Cung tử lại đến thăm Tây-Môn tử mà hỏi rằng: «Sao anh làm nhục Bắc-Cung tử quá đến như thế? Anh hãy nói lại chuyện cho tôi nghe.»

Tây-Môn tử thưa rằng: «Anh Bắc-Cung bảo thế-tộc, dung-mạo, ngôn-hạnh, tôi với anh ấy cùng giống nhau mà bần-tiện phú-quý lại khác nhau. Tôi trả lời rằng: «Ta cũng không có thể hiểu được sự đó. Bác làm việc thì cùng-quẫn, tôi làm việc thì hiển-đạt, có lẽ đấy là cái chứng-nghiệm hơn kém chăng? Vậy mà bác dám bảo cái gì cũng cùng với tôi, bác thật mặt dầy lắm!»

Thày Đông-Quách bảo rằng: «Anh nói chỗ hơn kém, chẳng qua chỉ lấy tài đức làm bực, cái chỗ hơn kém, theo ý ta, thời khác hẳn thế. Bắc-Cung tử hơn về đức mà kém về mạnh, anh hơn về mạnh mà kém về đức. Anh được hiển-đạt, không phải vì khôn đâu, Bắc-Cung tử bị cùng-quẫn, cũng không phải vì ngu đâu! Cái đó đều bởi giời cả, không phải ở người. Anh vì được mạnh hơn mà khoe mình, Bắc-Cung tử vì đức hơn mà tự lấy làm thẹn, thế là cả hai anh không biết cái lẽ cố-nhiên rồi.»

Tây-Môn tử thưa rằng: «Thôi, xin thầy đừng dài nhời, từ đây, tôi không dám hé môi nữa.»

Còn Bắc-Cung tử về nhà, mặc áo vải ngắn, cũng thấy ấm như áo hồ-cừu, ăn miếng rau rưa, cũng thấy ngon như cá thịt, ở dưới mái nhà ranh, cũng thấy khoáng đãng như lầu cao cửa rộng, ngồi trên xe củi, cũng thấy lịch sự như chiếc xe tứ-mã vẽ hoa. Cả đời thẳng-thích, cũng không biết rằng cái *vinh* cái *nhục* bởi đâu hay bởi mình nữa.»

Mai-khê

(1) Lực là nhân-lực: sức người. Mạnh là thiên-mạnh: mạnh giời.

Nhời bàn của dịch-giả

Học-thuyết Liệt-tử, trước đây vẫn bị học-giả phương Đông coi lẫn với học-thuyết Trang Lão, chê là thiên về bên điểm đạm hư vô, không thích hợp với thời-đại mới. Nhưng xem đại ý bài trên này Liệt-tử cũng khuyên người ta phải cứ dụng «lực», duy đến cái kết quả, thì phải nên phục-tùng cái «mạnh». Nội trong những điều gì ở vào quyền hạn của ta, ta cứ theo đuổi làm cho hết bổn phận, cho bằng người, còn cái cùng hay đạt, thành hay bại, ta nên cho là tại « mạnh », mà đừng có quan-tâm lắm. Nhất là đoạn kết nói về nhẽ vinh nhục, lại rất phù hợp với chủ nghĩa « thuận ứng tự-nhiên sinh-hoạt » của phái cổ-hiền Tư-đa-Cát (Stoïcisme) nước Hy-lạp ngày xưa. Gắng sức về đường đạo-đức, cầu lấy khoái-lạc tự-do về bên tinh-thần, trừ bỏ nhất thiết các điều dục-vọng gì có thể làm cho ta thành ra nô-lệ những sự vật ở ngoài, cái chỗ hai phái hiền-triết Tây Đông gặp nhau là ở đấy. Xem vậy học-thuyết Liệt-tử khác hẳn với thuyết « khiêm nhượng bất tranh » của Lão-tử, mà cũng không có dính dáng gì với thuyết « tức mạnh » (Fatalisme) ở Tây phương.

Đương lúc quan-niệm vật-chất thịnh-hành người đời vì sô nhau vào đường phú-quí, mà tự chuốc lấy biết bao nhiêu là sự phiền não. Vậy cái thuyết « lực, mạnh » của Liệt-tử thật đáng nên nêu ra, để làm một liều «thuốc giải» cho những tấm óc bị mê mẩn vì cái « bả » vinh hoa.

Mai-khê

DỊCH THƠ PHÁP

Họa bài đoản-thi của Arvers

(An-nam Tạp-chí số 28)

Thiếu niên thi-sĩ Félix Arvers có bài đoản-thi than tình tuyệt vọng đối với bà Marie Nodier, bà Marie Nodier có xem đến thơ đó, mà như vô tình không muốn hiểu. Hơn 60 năm về sau, có người tình nghịch thay lời bà Marie Nodier họa vần đáp lại bài thơ ấy ràng:

Ami, pourquoi nous dire avec tant de mystère,
Que l'amour éternel en votre âme conçu
Est un mal sans espoir, un secret qu'il faut taire.
Et comment supposer qu'elle n'en ait rien su ?
Non, vous ne pouviez point passer inaperçu,
Et vous n'auriez pas dû vous croire solitaire.
Parfois les plus aimés font leur temps sur la terre,
N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
Pourtant, Dieu mit en nous un cœur sensible et tendre.
Toutes, dans le chemin nous trouvons doux d'entendre
Le murmure d'amour élevé sur nos pas.
Celle qui veut rester à son devoir fidèle
S'est émue en lisant ces vers tout remplis d'elle.
Elle avait bien compris... mais ne le disait pas.

Bạn ràng một khối u tình.
Nào tâm não trí mà thành thiên thu.
Tình vô vọng, chôn sâu tấc giạ !
Chắc đâu rằng người đã không hay !

Vả chăng người đấy ta đây,
Can chi phiền nỗi tháng ngày chiếc thân.

Giống đa tình cõi trần bao kẻ,
Đường ái ân xá kể niềm riêng.

Dễ dàng là tính thiên nhiên.
Đố ai chẳng thích người khen yêu mình !

Chữ tiết-liệt đoan-trinh tạc giạ,
Mối cương thường đạo cả muôn năm.

Cảm chàng nặng khối tình thâm.
Ngâm câu giai tác, thương thầm... lạm ngơ.

N. T. G.
Institutrice

THƠ

Ngày Xuân tương-tư

Trách cái tầm xuân nhả mối tơ,
Làm cho bối-rối mối tương-tư.
Xương mù mặt đất người theo mộng,
Nhạn lảng chân giời kẻ đợi thư.
Nghìn dặm dám quên tình lúc ấy,
Trăm năm còn nhớ truyện ngày xưa.
Tương-tư một mối, hai người biết;
Ai đọc thơ này, đã biết chưa ?

Tản-Đà

Nhời nàng Mỵ-Châu

Ai ơi ! có thấu nỗi này không ?
Phụ bạc cộng cha cũng bởi chồng.
Những tưởng Bắc Nam tròn một kiếp,
Nào ngờ Tần Việt ở hai lòng.
Hạt chai đầm lệ, duyên càng tủi,
Giếng ngọc pha bùn, nước chửa chong.
Muôn thuở sử-xanh còn chép để,
Thẹn thùng lây cả đến non sông.

Hương-trì

Thơ mừng quan Tuần Nguyễn-tất-Tế về hưu

Sao sác chiều hôm chợ vắng người,
Quan trường nay cũng rửa mà thôi.
Tuổi làm việc nước vừa ba chục,
Trên có nhà xuân ngoại tám mươi.
Hoa-ngạc lầu thêm vui có bạn,
Cam-đường bóng đã rợp nhiều nơi.
Gác xe thoát khỏi vòng danh lợi,
Trông lại đường mây cát ngập giời.

Đoàn-như-Khuê

Qua phủ Đoan-hùng hoài cảm

Tầu Tuyên vừa chạy mấy ngày nay,
Này phủ Đoan-hùng có phải đây ??
Mấy ngọn chầy xuôi, ơ ! nọ nước !
Một giời xanh biếc, ơi ! kìa mây !
Phong-trần rạn mặt người du-tử.
Tang-hải đau lòng khách mạc-tây.
Trông cảnh lòng riêng thêm bát-ngát,
Kìa đàn chim én nó đang bay.

Kiếm hồ hoài cổ

Cảnh cũ còn trơ dấu cổ-thành,
Mặt hồ Hoàn-kiếm nước chong xanh.
Sen tàn, hương khói, chuông kim cổ,
Mô đất, mai dùa, khách vắng tanh.

Kim-Long Trần-quang-Khải
(Thái-bình)

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Làm giai

男兒生世間
及壯當封侯
戰伐取功業
何必守舊丘

Nam nhi sinh thế gian,
Cập tráng đương phong hầu.
Chiến phạt thủ công-nghiệp.
Hà tất thủ cựu khâu.

Dịch:

Làm giai sinh ở trên đời,
Nhớn lên ta phải liệu thò i lập công.
Ra tay đánh bắc dẹp đông,
Khư-khư sớ bếp còn mong nỗi gì!

Hương-trì

Băng-hồ Hàn-vận

(Tiếp theo)

4.—*Nhan-uyển-Tại*, người Đồng-Hương, tự là Uyển-Tư, con quan Lang-trung Tuyết-Điệu. Lấy phải người không xứng-đáng, buồn-bã mà chết. Thơ cảm hoài rằng:

Bài thứ nhất

Thu nhập trùng môn dạ tự niên,
Sạ lan hương tẫn bất thành miên.
Ngô song tọa thính tiêu-tiêu vũ,
Khiên tận tàn đăng độc ẩm nhiên.

Dịch nghĩa

Buồng thu đằng đẵng suốt năm canh,
Đốt hết lò hương ngủ chẳng đành,
Lách-tách tiếng mưa ngoài cửa sổ,
Đèn tàn khêu cạn những buồn tênh.

Bài thứ hai

Đại ngần tiêu giảm lưỡng mi phong,
Cưỡng khởi lâm trang ý dĩ dung.
Đối kính tự nghi phi tự ngã,
Khả năng trừu thủ cựu thời dọng!

Dịch nghĩa

Son phai phân nhạt nét mày trơ,
Đứng trước đài-trang luống hững hờ.
Đối kính nhìn ta, ta cũng ngợ,
Má hồng đâu nữa vẻ ngày xưa.

5.—*Trịnh-du-Tú*, người Phong-sơn, là vợ Vương-giới-Mi ở Hoài-âm, có tập thơ Tự di thảo.

Thơ tư-thân rằng:

Thập nguyệt sương phong thấu lãng la,
Mộng hồn thường tự Việt-giang ba.
Cận lai lệ vị tư thân lạc,
Khước tỉ Tiêu-tương vũ cánh đa!

Dịch nghĩa

Giời đông mảnh áo lọt hơi xương,
Cồn cộn lòng như sóng Việt-giang,
Giọt lệ nhớ nhà rơi là chả,
Kể gì mưa nặng bến sông Tương.

6—*Khương-Quế*, người Ngô-huyện, tự là Phương-Thùy, hiệu là Cổ-Nghiên Đạo-nhân, con gái ông Hiếu-liêm Khương-bản-Vị. Hứa gả cho Trương-sinh; chưa cưới, Trương-sinh mất. Nàng mười chín tuổi, nghe tin muốn chết theo; cha mẹ cố khuyên can mới thôi ở vậy thờ cha mẹ trọn đời, nổi tiếng là người con gái trinh hiếu; giỏi nghề vẽ sơn thủy.

Thơ đề bức họa rằng:

Noãn phong tình nhật ái lương thần
Song ngoại mai hoa điểm điểm tân.
Cánh tưởng lâm toàn thanh thục trí
Sơn quang thụ sắc tả sơ xuân.

Dịch nghĩa

Mây quang gió tạnh buổi êm giời,
Trắng xóa ngoài hiên mấy khóm mai.
Kìa thú lâm toàn thanh-nhã thế,
Núi cây như vẽ cảnh xuân tươi

(Còn nữa)

CA HÀNH - VẬN

Khuyên sự học

(Điệu cả hành vận)

Một đôi lời, một đôi lời, nhắn bạn mình ơi! Ngày xuân quí, ai chớ ham chơi! Siêng năng rèn luyện, làm nên đấng anh tài, cho thiên-hạ nhìn coi. Công sách đèn, nhà trời không phụ.

Đường văn-học, xa tít mù khơi! Bước theo người hẹn cùng Âu, Á sánh bằng vai, bằng vai.

Rư-đồ cũ, con cháu Tiên Rồng, hồ giấy chung cùng, họp bồi chung, bồi chung. — Nợ tang bồng, gái trai cùng chung. Con đường xa lắc, bước đi từ bậc sơ thông.

Hoàng-quang-Đức

VĂN TẬP KIỀU

Gửi cho bạn gái sa nhau đã 17 năm lại được gặp

Cùng nhau trông mặt cả cười,
Giăng là lại tỏ hơn mười rằm xưa.
Phải người giăng gió vật vờ,
Dám xa xôi mặt mà thơ thớt lòng.
Nước non để chữ tương phùng,
Khát-khao đã thỏa tấm lòng bấy nay.
Đến bây giờ mới thấy đây,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Hữu tình ta lại gặp ta,
Thì chi chút đỉnh gọi là duyên sau.
Yêu nhau xin nhớ nhời nhau.

Mộng-trù

LÝ-THÚ

Ông Gandhi suýt bị ra tòa án Pháp

11 giờ đêm hôm 5 Décembre năm ngoái, ông Gandhi đến thành Ba-lê vào số nhà 165 phố Montparnasse. Bà Guiess mong được hân-hạnh tiếp rước Ông, nên Ông cũng chiều ý.

Lúc ấy, một nhà chật-ních, ông Gandhi đàng dàn.

Mỗi câu Ông nói, công-chúng lại vỗ tay rầm-rầm, cũng như xưa, mỗi lúc vua Auguste nhắp hớp rượu cay, cả nước Ba-an lại say túy-lúy.

Đến hai giờ sáng, mấy bác thợ chớp-ảnh-nói lại khuân máy điện đến, quay máy rầm-rầm. . . . Thành thử mấy ông láng-giềng suốt đêm không nhắm được mắt.

Hai ông láng-giềng, M. Pignot, bác-sĩ, và M. Louis Madet, một nhà công-nghệ, ít chú-ý đến thời-cục Ấn-độ, ít có cảm-tình với « Ông Gandhi », suốt đêm trường vật-vã với trăm nghìn nỗi tức giận.

Cố đợi đến sáng.

Thì 7 giờ sáng, phố xá đã yên lặng, ông Gandhi đã biến mất rồi. Muốn cho hả mối giận hai người thuê trang-sự kiện bà chủ nhà là Mme de Pruines, bắt đền cho mỗi người 500 quan về một đêm mất ngủ.

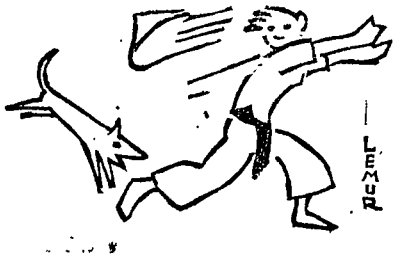

Khóa ông Gandhi lại đã vậy, nhưng cuộc tương-lai sẽ ra sao?

Hội-nghị Bàn-tròn lần thứ hai gặp bao nhiêu nỗi khó khăn. Ông Gandhi đứng dạy cảm ơn thủ-tướng Mac-Donald đã có lòng sốt-sắng điều đình cho hội-nghị có kết quả tốt; nhưng...

—«Nhưng từ nay Anh với Ấn mỗi đằng đi một nẻo!»

Câu nói ấy đủ thâu được hết tinh-thần kỳ hội-nghị này.

Thấy trong chính-giới Anh đa số là bọn bảo-thủ cầm quyền, ta đã có thể đoán trước được thời cục Ấn-độ sẽ có ngày nay. Việc như kia, tất kết quả phải thế.

Giá ông Mac Donald chịu hết sức điều đình với các ông tổng-trưởng, giá ông hứa hẳn một lời rành mạch để người Ấn-độ tin rằng trong một thời-kỳ không lâu, nước Ấn sẽ được tự-trị, để đợi ngày được hoàn-toàn độc-lập, thì có lẽ cũng yên được lòng người, mà ông Gandhi có khuyên dân cố đợi chờ, cũng không sợ mang tiếng phản quốc và đổi thay chí-hướng.

Nhưng trái hẳn thế, người Anh vội giải tán Hội-nghị. Các đại-biểu Ấn trở về, vẫn hai bàn tay trắng, chỉ được một lời hứa sẽ có một Uỷ-ban Anh Ấn đến tận nơi điều tra! Kết quả của chính-sách thẳng tay ấy đã thấy ngay trước mắt. Dã thành Luân-đôn, ông Gandhi vừa trở gót, thì bên châu Á, bắt đầu từ thành Punjab, cuộc biến loạn nổi lên rầm rầm. Thẳng tay, phó-vương lord Willingdon xách cổ các lãnh tụ Hồi-giáo và ông Hội-trưởng Hội-nghị Quốc-gia bỏ ngục.

Đến trong phái Hồi-giáo, tình hình cũng có vẻ nghiêm-trọng. Khác hẳn trước, nhà lãnh tụ Agha Khan bấy lâu vẫn được người ta tôn-sùng, bây giờ khuyên dân nên ôn-hòa, nên thận-trọng, họ không nghe nữa.

Rồi ông Gandhi về nước. Rồi biến loạn, rối xung đột, rồi bạo động, tình-thế rối beng...

Giá lúc ấy phó-vương hội-kiến ngay với nhà lãnh-tụ đảng Quốc-gia thì «biết đâu» chẳng dàn xếp được ổn, hay ít ra cũng có thì giờ để dàn xếp dần dần.

Chúng tôi nói «biết đâu» là vì trước tình-thế nghiêm trọng nhường ấy, vị tất ông Gandhi đã có thể ngăn cản nổi cái phong trào chính ông đã gây nên. Quần chúng phần nhiều là hạng người vô học, ngu muội, mà phong-trào kia hình như lại gây nên bởi sự mê tín, chứ không phải bởi một chủ nghĩa, một tôn giáo, cho nên sự giẹp yên lòng phẫn-nất của dân chúng càng thấy khó khăn.

Tuy vậy mặc dầu, cuộc hội-kiến kia cũng không có. Ông Gandhi lại vào ngục! ông Sardar Vallabhai Patel, chủ-tịch Hội-nghị Quốc-gia cũng theo gót ông! Các ông bị cáo là đã phạm tội ra lệnh cho ban hành-chính trong Quốc-hội thi hành phương-pháp bất tuân thượng lệnh.

Trong bức thư trả lời rất có thể-diện gửi cho phó-vương mấy giờ trước lúc bị bắt, ông Gandhi cãi không hề ra lệnh cho ai hay dọa nạt ai bao giờ. Ông nói:

«Tôi chỉ bày tỏ ý-kiến riêng của tôi đối với thời-cục, mà sự đó là ở trong quyền-hạn của tôi.»

Nhưng, các điều yêu-cầu của ông có làm quan ngại gì cho giá-trị phó-vương không, hay các điều yêu-cầu của phó-vương có làm quan ngại gì cho giá-trị ông không, thiết tưởng ta cũng chẳng cần phải xét. Ta hãy

Hội-nghị bàn tròn, họp các lãnh-tụ Anh Ấn. Từ dưới lên, người ngồi ghế thứ 7, nhác trông đã biết ông Gandhi, bên cạnh ông là nhà nữ-thi-sĩ Naidu, cách hai ghế nữa, thủ-tướng Mac Donald khoanh đứng. Ch. A. N.

thử xét xem chính-sách của lord Willingdon sẽ kết quả ra sao.

Những kết quả ấy chắc là phải quan trọng, to tát lắm! Hiện nay ta đã thấy dục dịch rồi đó. Chính-phủ thẳng cánh, vị tất Hội-nghị đã chịu khoanh tay. Trái lại, bắt lãnh-tụ hạ ngục, chỉ làm cho dân thêm lòng oán giận. Rồi sẽ thấy phong-trào «bất tuân thượng lệnh» thêm lớn, cuộc phản kháng, cuộc bạo động ngày một lan to. Rồi bên kia, các quan chức Anh cũng bắt buộc phải theo đuổi cái chính-sách nghiêm khắc. Bấy giờ Hội-nghị Quốc-gia bị giải tán rồi, các tay lãnh-tụ bị nhốt rồi, các ông thuộc phái «thẳng cánh» tấm tắc khen ngợi lẫn nhau, nhưng liệu có ai nghĩ đến cuộc tương-lai nó sẽ ra sao? Tương lai đây, trong Hội-nghị Bàn-tròn ở Luân-đôn chắc sẽ không thấy mặt người Ấn nữa. Phái Quốc-gia cố nhiên là không có ai trong đó rồi; cho đến những một người Ấn thuộc phái tự-do, bấy lâu vẫn cố nhịn mà bây giờ không nhịn được nữa, tất cũng coi cuộc hội-nghị đó là một trò chơi. Vậy còn ai cao-hứng gì mà mong chiếm lấy một ghế trong Hội-nghị nữa ?

Lại «một đám cưới không có dâu»!

Còn việc điều tra về tình hình tài chính, vấn đề bảo-cử ở Ấn và trăm nghìn vấn đề khác chưa giải quyết được sau ngày hội nghị Saint James? Khó lắm! Các tay đại-biểu Anh có sang chăng nữa, Uỷ-ban «quý báu» vị tất đã thành lập. Người Ấn-độ, bất cứ thuộc phái nào, bất cứ theo đạo nào, ai ai cũng khủng-khỉnh chán-chường, không có ý sốt sắng mong mỏi gì ở Uỷ-ban ấy hết.

Trong vòng cát bụi, rật đầu và gối, rút lại đâu cũng hoàn đấy mà thôi!

Ông Gandhi lắc đầu....

...Tương liên, nhìn thời cục Ấn-độ, ta cũng phải chép lưỡi... cái gương nhân sự chiền-chiền!

Đinh-Huy-Hạo

Trung-Nhật xung-đột

Đưa chiến-hạm vào thẳng mãi đến Thượng-hải, sinh-sự đánh nhau với người Trung-quốc, bắt viên-chức Tàu phải nghiêm-cấm các hội kháng-Nhật, rồi chĩa súng vào bắn... Đó, người Nhật bảo-hộ kiều-dân!

Cuộc xung-đột ngày thêm to, đôi bên cùng có người chết.

Quân khí Tàu ai ngăn cho được, tướng sĩ hăng-hái xin đem máu pha với nước sông Hoàng-phố để giữa hờn nước non.

Hội-nghị giảng-hòa nay họp mai họp, nhưng làm gì có kết quả. Nhật bắn lên các đồn lũy của Tàu. Tức đây cổ, quân Tàu bắn lại. Hai bên bắn nhau. Quân Nhật tiến đánh, đóng quân khắp dẻo sông, suốt dãy Hạp-bắc, Ngô-tùng.... Suốt ngày đêm, súng reo, bom nổ... Bao nhiêu chiến-hạm Nhật chở lính, khí giới và tầu bay sang. Tầu hỏa Nam-kinh luôn luôn đưa quân đội xuống. Mấy vạn người Tàu bỏ Thương-hải đi lánh nạn. Năm chiếc tầu Nhật trở kiều-dân về. Chính-phủ Nam-kinh dời về Lạc-dương. Các tô-giới thiết quân-luật. Các nhà máy ở Thượng-hải đóng cửa, vài ngàn thợ không có việc làm.

Đã ba tuần lễ nay, Ngô-tùng, Hạp-bắc thành nơi chiến địa. Mở tờ báo, nay thấy vài trận đại-chiến, mai thấy mấy trận huyết-chiến, hôm sau nữa thấy trận ác-chiến. Thường thường, suốt ngày đêm, súng đại bác bắn nhau không ngớt. Trên mặt trận-địa, tầu bay bay như đàn ong. Nhật liều chết tiến, Tàu cố sức giữ, cái gan liều chết lại có phần hơn. Sau ba ngày đánh rát, hôm 6 Février, Nhật chiếm được Ngô-Tùng, nhưng lại bị ba mặt Tàu đánh rồn vào, không dàn được trận-thế. Hôm mồng 7, đội quân thứ mười của Tướng-giới-Thạch huấn-luyện, rút lưỡi lê tiến đánh lấy lại được Ngô-tùng, bắt được 643 tù binh, 37 cái súng cối say và vô số khí-giới. Hiện nay, súng đại-bác đều trôn dưới hầm, đạn Nhật bắn vào vô-ích, đồn Ngô-tùng kiên-cố lắm.

Đêm hôm mồng 7, giời xuống tuyết nhiều, hai bên đánh nhau giáp lá cà, thây chết đầy đồng. Hôm sau, 8 giờ sáng, Nhật quanh đường Dương-gia đánh lên phía bắc Ngô-tùng, bị đại bác bắn rát, phải lui một dặm. Trưa hôm ấy, quân Tàu mai phục giết được 700 quân Nhật ở Bảo-hưng. 2 giờ chiều, hai bên đánh nhau dữ dội ở Bảo-tự.

Cũng hôm ấy, ở con đường Hạp-bắc, Ngô-tùng đánh nhau ghê gớm quá, ngay hồi Âu-chiến vị tất đã có trận nào hơn. Tàu giết được 2000 quân Nhật, bắn rơi một máy bay, phá được 4 xe thiết-giáp, 40 xe quân ứng viện Nhật bị đổ xuống chiến-hào.

2 giờ sáng hôm 10 Février, 1000 quân Nhật ngầm qua sông Phố-giang lẻn úp hậu phương Tàu. Quân Tàu lùi 10 dặm, ngầm sai công-binh chăng dây sắt chặn đường, rồi đổ quân phục ra đánh, quân Nhật chết sạch.

Lại 2 giờ sáng hôm 13, Nhật bắn khói mù rồi dùng cầu phao, ngầm kéo quân sang, chẳng may mới sang được một nửa thì bị quân Tàu biết, sông lại đánh rát. 200 quân Nhật bị giết chết và chết đuối. 10 giờ, viện binh Nhật kéo đến, Tàu phải lùi, đến 12 giờ có quân cứu đến, Tàu lại tiến, đánh thẳng vào bộ tư-lệnh quân Nhật, giết hết nhân-viên, cướp được nhiều địa-đồ và sổ-sách.

Tin quân Nhật thua là thực lắm rồi không còn hồ-nghi gì nữa. Theo điện tín, trận ngày 10 quân Nhật do đoàn ô-tô thiết-giáp đi tiên-phong, tiến đánh Hạp-bắc, bị thua to, 40 chiếc xe bị bắt. Chiều có tiến hai lần nữa, đều bị đánh lùi. Đoàn máy bay cũng bị phi-lôi bắn dữ phải chạy (Phi-lôi là thứ binh-khí Tàu mới nghĩ ra để bắn máy bay mạnh hơn đại-bác).

Lại sáng ngày hôm 15, Nhật năm sáu lần tiến đánh, năm sáu lần bị

lùi, quân chết hại vô số. Suốt đêm đến sáng, viện quân Nhật kéo đến hàng vạn người, bị quân Tàu dùng lựu-đạn cứ hai bên sườn quân Nhật mà bắn. Sau đội đại-pháo ở Nam-kinh đến giúp sức, vây chặt được cả một vạn quân Nhật vào vòng. Nhật đem thứ đại-bác nặng bắn vào hậu quân Tàu như vũ như bão mà không phá được vòng vây. Hồi 8 giờ, Tàu giải 1300 tù binh Nhật về Thượng-hải.

Thời thế tạo anh-hùng, trong cuộc không-chiến lại nảy ra mấy tay thiếu niên anh-tuấn: Hoàng-dục-Toàn, — Guynemer trong trận Trung, Nhật — mới 25 tuổi, sinh ở Mỹ, chuyên nghề hàng không, mới về nước cưới vợ được một tháng thì đi tòng chinh, một tay đã hạ được lắm tầu bay Nhật, hôm mới rồi bị bắn ngã từ trần; Đinh-tử-Kỳ, lấy vợ Đức, lúc sắp trèo lên chim sắt, di chúc cho vợ nếu mình chết thì vợ đem con sang Đức cho học đến thành tài — thành tài rồi về hiến thân cho tổ-quốc.

Quân Nhật thua? Phải, chẳng thua sao được? Dân-khí Trung-Hoa đến thế!

Đoàn thiết-huyết quân Nghĩa-dũng-toàn học-sinh, do Ông-Đằng-Huy thủ lĩnh, đã kéo đến Ngô-Tùng. Hoa-kiều các nơi về Quảng-châu lập thành đội Hoa-kiều Nghĩa-dũng. Hoa-kiều ở Gia-nã-đại gửi về 15.000 đồng giúp vào binh phí, Hoa-kiều ở Mỹ trích 250 vạn đồng mua 50 máy bay gửi về. Ở Quảng-đông riêng Trần-tế-Đường đã gửi được 500 vạn đồng để giúp đội quân 19.

Đội quân 19 này do Tưởng-quang-Nại, Thái-đình-Khải, Đái-Kích chỉ huy, đã bao phen làm vang chiến-địa, đánh quân Nhật thua liểng-siểng, kích-thích được lòng ái-quốc của toàn-thể dân Tàu.

— Liệt-cường đổ tội cho Nhật, có biết đâu Tàu chỉ là một miếng đất có tên trong địa-đồ thế-giới đó thôi.

Nhật có ý chê Tàu không sai khiến được quân sĩ. Tống-tử-Văn phản-kháng kịch-liệt: «Tất cả nước Tàu đều nhiệt-thành trợ-lực đạo quân 19, không phải đội quân ấy tự tiện sô ra chiến-trường!»

Quân Tàu được! Thái, Tưởng Đái mỉm cười: «Vì nước liều mình coi như đã chết rồi vậy, quyết đánh đến đạn hết người chết thì khó gì chẳng thành công».

Thị-trưởng Ngô-thái-Thành lại cười mát hơn: «Vạn-quốc nên can-thiệp vào, bắt Nhật tìm quân biết bắn hãy cho mó vào đại-bác, kẻo đạn cứ tương vào tô-giới liệt-quốc, pháo-binh lại kêu: ấy chết, bắn nhầm!»

Ảnh Trương-tôn-Xương

Trương-tôn-Xương trước vẫn ở Nhật, có tin Nhật muốn lợi-dụng Trương, cho làm Hoàng-đế Mãn-châu. Bà mẹ Trương viết thư gọi con về, nói nếu Trương để Nhật lợi-dụng bà sẽ tự-tử. Hiện Trương đã về ở cố-quốc dự-định đánh Nhật. 30 người vợ cũ của Trương đương lục-đục về ở với chồng. Cl. A. N.

Đã hai lần, Nhật hạ tối-hậu-thư, bắt Tàu phải lùi quá 20 dặm, phải triệt hạ các pháo đài, và nhiều việc vô lý nữa; lúc ấy, Nhật sẽ rút vào giữa khoảng Thượng-hải và Ngô-tùng, nhưng... nhưng vẫn chiếm giữ Hồng-khẩu ngoài tô-giới công-cộng.

Vô-lý! Ngô-thái-Thành chẳng nhận điều khoản nào cả: Tàu sẽ đủ sức cự chiến với Nhật mãi, nếu Nhật muốn sự trinh-chiến, nhưng trách-nhiệm tuyệt nhiên không thể đổ được cho Tàu.

Điện tiết, Nhật bắt đầu tổng công-kích. Tàu cự chiến thật rát. Bên «liều mình vì nước» vẫn chiếm thế hơn.

. . . . . .

Từ ngày mới sảy ra cuộc xung đột, chiến-hạm Anh, Mỹ, Pháp, Bồ-đào đã kéo đến Thượng-hải để bảo-hộ kiều-dân. Mỹ hợp-lực cùng Anh phản-kháng Nhật, và bắt Nhật bồi thường các sự thiệt hại trong tô-giới và trong giáo đường, Nhật nằn nì xin khéo.

. . . . . .

Giữa lúc ấy, bên phía trời tây, hội Quốc-tế liên-minh vẫn ung-dung làm việc. Hội-đồng họp rồi lại họp, Nhan-huệ-Khanh trổ tài vặn lý Nhật, Ý-Đằng hết sức cãi đến cái lý cuối cùng, cả từ sự gồm nuốt Mãn-châu, Nhật cũng không chịu trách-nhiệm, vì Mãn vẫn là nước Mãn. Ông Hội-trưởng Paul Boncour gắt, Nhật vùng-vằng có ý: ra hội thì ra!

Cuộc thiệt-chiến tuy kịch-liệt mà không có kết-quả gì.

Hội-đồng còn đương hỏi ý-kiến các nhà chính-khách.

. . . . . .

Ở phía bắc, ngày 19 Février, Chính-phủ Mãn Mông làm lễ tuyên-bố độc-lập tại Phụng-thiên. Phổ-Nghi được cử làm chủ-tịch ban Hành-chính. Tang-thừa-Nghị chủ-tịch Phụng-thiên, khi trước đã nhịn đói đến 5 ngày quyết chết vì nước, bị quân Nhật đưa về Đại-liên dỗ khéo, lại ra nhận chức Thủ-tướng.

Nghe đâu, Chính-phủ Nam-kinh sắp cất quân lên đạp đổ Chính-phủ Mông Mãn. 81 đoàn-thể dân chúng xin Ngô-thiết-Thành đứng đầu để lên lấy lại ba tỉnh miền đông, Ngô nhường muốn chiều ý từ chức.

Còn Mã-chiếm-Sơn? Đã lâu thấy bặt hẳn tin-tức. Mới đây có tin Mã đã nhận lời yêu-cầu của Nhật và đã nhận chức Tổng-tư-lệnh Hắc-long-giang. Một tờ báo Tàu lại nói: Mã đã khôi-phục được tỉnh Hắc-long-giang, vẫn giữ một lòng trung với nước. Mới đây một đội nữ-binh toàn nữ-học-sinh ngót trăm người đến yết-kiến Mã xin đi tiên-phong.

THỜI-SỰ

TIN CHÍNH-TRỊ

Vinh. — Mới rồi viên Bang-tá Đặng-sơn thuộc phủ Anh-sơn, đem lính đến vây bắt Cửu-Tựu một yếu-nhân trong Hội-kín vẫn bị truy-nã. Bắt được Cửu-tựu, viên Bang-Tá lại khám phá được một tổ Hội-kín ở khu rừng thuộc xã Tân-giang. Các đảng-viên Hội-kín chạy tản vào rừng cả, chỉ để lại cho lính ít giấy-má và lương-thực

Saigon. — 42 tội-nhân bị kết tội đồ và khổ-sai mới bị giải xuống tầu «Doumer» để ra Côn-đảo.

ĐẤT KÊU ẦM Ỹ

Quảng-bình. — Làng Hòa-ninh, phủ Quảng-Trạch, có một đám đất hoang độ hai sào liền bờ sông. Hôm mới rồi, bỗng có tiếng thở từ trong các lỗ-nẻ nho-nhỏ phi ra, ầm-ỹ như tiếng tầu bay vậy.

Sự này chưa từng có bao giờ nên nhân dân cho là một điềm lạ.

TỪ CÔN-LÔN VƯỢT BỂ ĐI TRỐN

Saigon. — Ở vịnh Xiêm-La, người ta bắt được hai người Việt-Nam nằm trên bè thả chôi giữa biển. Xét ra là tù Côn-lôn đi trốn.

Đồng thời sở cảnh sát Xiêm lại giao sang sở cảnh-sát Saigon 19 người Việt-Nam nữa đều là tù vượt ngục ở Côn-lôn.

Vì ông Bửu-đình thiện về khoa này nên có lắm người hỏi: « không biết trong số 21 người ấy có ông Bửu-đình không ? »

TIN ĐỨC BẢO-ĐẠI

Huế. — Trong bức thư gửi về chúc niên Thái-Hậu, đức Bảo-Đại nói cuối năm nay vị tất ngài đã hồi loan. Hiện ngài đương tòng học tại trường Đại-học Chính-trị và ở đấy ra, ngài còn đi thăm tất cả các kinh-đô lớn ở Âu-châu.

Liệt-cường lại được một phen chú ý đến đám người trên giải đất Việt ! . . .

GIẢ LÀM QUAN MỘT

Saigon. — Albert Jeandot Ng.-v.-Mười, một gã thiếu-niên 17 tuổi, trên ngực đeo chín cái mề-đay, tự xưng là thiếu-úy và phi-công của Chính-phủ Đông-dương đi lục-tỉnh gắn mề-đay và thưởng huyện-hàm cho nhiều người, mới đây bị sở Mật-thám tóm được. Lúc khám nhà, người ta lại lục được đủ các vật dùng để làm mề đay, văn bằng có mạo chữ ký quan Giám-quốc, vua Bảo-Đại, quan Toàn-quyền, vua Cao-mên và các thứ mề đay giả.

Cách lường gạt ấy tưởng là mới mà cũng không mới. Cái nhục «hiếu hư-danh» chưa gột sạch, án «buôn lọng» sảy ra còn nhiều . . . .

ẤN-ĐỘ

Cuộc biến-loạn

Tình-hình vẫn có vẻ nghiêm-trọng. Tại miền Janmu mới rồi, dân Hồi đánh đội lính đi tuần, bị lính bắn lại, 7 người chết. Cô nữ-học-sinh lớn mật Birna Deva hôm trước bắn năm phát súng lục toan hành-thích quan Toàn-quyền xứ Bengale bị tòa kết án có 4 năm tù thôi.

M. Tardieu Cl. A. N.

PHÁP

Tình-hình Nội-các

Hôm 16 Février, nội các Laval họp kỳ hội-đồng cuối cùng. 5 giờ rưỡi chiều, toàn-thể nộp đơn xin từ-chức.

Sau khi hỏi ý-kiến các chính khách quan Giám-Quốc uỷ việc tổ-chức nội-các mới cho ông Painlevé.

Suốt ngày hôm 19 đến 3 giờ sáng hôm 20, ông Painlevé hết sức điều đình. Ông làm thủ-tướng, kiêm nội-vụ; ông Chautemps Hình-bộ; ông Boncour, ngoại-giao; ông Martin tài chính; ông Sarraut, thuộc địa; ông Steeg, bộ học, v. v. . . Đảng cấp tiến xã-hội tỏ ra thái-độ tán-thành, nhưng đảng ông Marin, cộng hòa dân chính liên hiệp, gây chuyện rắc rối. Tại Nội-các Painlevé có ý thiên về tả đảng nên sự rắc rối thêm to, 3 giờ sáng, ông Painlevé tuyên bố thôi không đứng lập nội-các nữa

Quan Giám-quốc cầu đến ông Tardieu.

6 giờ rưỡi tối ông Tardieu về bộ Binh, quá nửa đêm, Nội-các Tardieu thành lập:

Thủ-tướng kiêm ngoại-giao: M. Tardieu (cộng-hòa tả đảng); Hình-bộ kiêm kiểm-soát các việc hành-chính: M. Reynaud (liên-hiệp dân-chủ và xã-hội); Nội-vụ: M. Mahieu (tả-đảng cấp tiến); Tài-chính: M. Flandin (cộng-hòa tả-đảng); Quốc-phòng: M. Piétri (cộng-hòa tả-đảng); Học-chính: MM. Roustan (cộng-hòa xã-hội); Trợ-cấp: M. Champetier de Ribes (dân-chủ); Lao-động: M. Laval (đảng độc-lập); Y-chính: M. Blaisot (liên-hiệp cộng-hòa dân-chủ); Công-tác kiêm giao-thông và thương-thuyền: M. Guernier (tả-đảng cấp-tiến); Canh-nông: M. Chauveau (cộng-hòa tả-đảng); Thương-mại kiêm bưu-điện: M. Louis Rollin (cộng-hòa tả-đảng); Thuộc-địa: M. de Chapedelaine (tả-đảng cấp-tiến).

Nội-các này rút bớt hơn Nội-các trước 7 vị, lại đặt thêm bộ Quốc-phòng, chức phó-thủ-tướng và ty kiểm-sát các việc hành-chính.

Ngay đêm hôm ấy, ông Tardieu đưa các quan Tổng-trưởng vào yết-kiến quan giám-quốc Doumer.

Thứ ba mới rồi, tòa Nội-các đã yết-kiến hai nghị-viện, và đã tuyên-bố trương-trình làm việc.

Dạy pháp-luật cho dân cũng là cách trừ nạn hối-lộ.

(Tiếp-theo)

Nói về tòa Đệ-tam-cấp

Tòa Đệ-tam-cấp là tòa kháng-tố ở Hanoi

Công việc tòa Đệ-tam-cấp

1. — Xét-xử những việc kháng-cáo án sơ-thẩm của các tòa Đệ-nhị-cấp (án sơ-thẩm là án mà người đi thưa và người bị kiện được phép xin gửi lên cho tòa Đệ-tam-cấp xét lại).

2. — Xét-xử những việc xin thủ tiêu (bãi bỏ) án chung-thẩm của các tòa Sơ-cấp và Đệ-nhị-cấp (án chung-thẩm là án mà người ta không có quyền xin kháng-cáo).

3. — Xét-xử những việc xin xử lại, chiếu theo thể-lệ đã định trong luật hình-sự tố-tụng.

4. — Xét-xử những việc phán-định thẩm quyền (khi hai tòa án cùng xử một việc, thì tòa Đệ-tam-cấp xét xem tòa nào là thực có quyền xử)

Nói về quyền quản-hạt của các tòa án

1. — *Thuộc về việc hình.* — Tòa án có quyền xét-xử là tòa án nơi đã xảy ra việc. Thí dụ như: một người đi đường, qua hạt Hà-đông, bị quân gian bóc lột và đánh bị thương thì tòa Hà-đông sẽ có quyền xử việc ấy.

Chỉ trừ khi nào kẻ phạm tội là một viên-chức một tòa án thì việc sẽ đem ra trước tòa Đệ-tam-cấp Hanoi.

2. — *Thuộc về dân-sự và thương sự.*

a) Vật bị kiện là bất-động-sản thì tòa án sở-tại chỗ bất-động-sản ấy có quyền xử.

Nếu có nhiều bất-động-sản ở rải rắc ra không cùng một quản-hạt thì người đi thưa được chọn.

b) Vật bị kiện là động-sản hay là tiền bạc thì quyền xét xử thuộc về quyền tòa án sở-tại chỗ trú-quán người bị kiện (trú-quán là nơi ở chính).

Hai bên cũng có thể đồng-ý với nhau đem việc kiện thưa ở tòa nào cũng được, hoặc đem việc kiện của mình ra thưa ở tòa Sơ-cấp sở-tại chỗ đã giao-ước với nhau mà sự giao-ước chưa quá 30 ngày và giá ngạch không quá thẩm-quyền của tòa Sơ-cấp.

c) Vật bị kiện vừa động-sản vừa bất-động-sản thì quyền xét-xử thuộc về tòa Sơ-cấp chỗ trú-quán người bị kiện hay là chỗ có bất-động-sản, tùy người đi thưa được chọn.

d) Kiện về việc thừa-kế (hưởng gia-tài người chết để lại) thì quyền xét-xử thuộc về tòa án chỗ phát-sinh ra việc thừa-kế.

e) Khi nào người đương-sự chọn một chỗ trú-quán tạm, để thi-hành những việc trong văn-thư, khế-ước thì quyền xét-xử thuộc về tòa án sở-tại chỗ trú-quán tạm ấy.

Khi người nguyên-cáo hay người bị-cáo lại chính là quan Thẩm-phán sơ-cấp.

Phàm việc kiện dân-sự, thương-sự thuộc về thẩm-quyền tòa Sơ-cấp, mà người nguyên-cáo hay người bị-cáo lại chính là quan Thẩm phán sơ-cấp thì cứ đem việc kiện thưa ở tòa án tỉnh Đệ-nhị-cấp.

Khi kẻ phạm-tội là một quan Thẩm-phán, Bồi-thẩm, Trợ-thẩm An-nam. — Viên-chức nào can tội nặng hay tội nhẹ thì sẽ do quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hanoï tự điều-tra lấy hay là phái một quan tá-lý điều-tra, và chuyển trình bút-lục cho quan Nam-án thủ-hiến, để quyết-định có nên hay không nên truy-tố. Rồi viên-chức can tội sẽ phải đòi ra trước tòa Đệ-tam-cấp.

Đơn kiện các quan phạm tội thì nên gửi thẳng lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hanoï.

Đơn khởi kiện

Cách làm đơn khởi kiện. — Người nguyên-cáo phải kể rõ trong đơn: tên tuổi nghề-nghiệp, làng, chỗ ở chính xin thế nào, duyên-cớ thế nào, kết luận thế nào. Phải kể cả các hạng giấy má đính theo và biên cả họ tên, nơi ở của người bị cáo. Trong đơn người nguyên-cáo sẽ ký tên. Người nào không biết ký thì điểm-chỉ, rồi lý-trưởng ký tên và đóng triện ở sau đơn để nhận thực. Nếu người nguyên-cáo không ký tên thì người viết đơn phải ký tên và chỗ ở chính của mình vào. Đơn đã làm hợp thức rồi thì đem nộp, hoặc gửi nhà giây thép cho quan Thẩm-phán sơ-cấp ở địa-hạt mình,

Lệ hòa-giải ở trước quan Thẩm-phán sơ-cấp

Qnan tòa Sơ-cấp khi nhận được đơn kiện đúng thể-lệ thì phê duyệt và đăng-ký vào quyển sổ dùng về việc ấy, rồi định ngày cho hai bên đến hàu để thử hòa-giải.

Các người đương-sự đợi khi nào có giấy gọi sẽ đến.

Trước Quan-tòa hòa-giải, hai bên phải thân-hành đến nghe,

Bận việc không đi được thì có thể giao quyền cho một người thân thuộc từ hàng chú bác hoặc hàng con cháu giở lại, để thay mặt. Giấy giao-quyền phải có lý-trưởng nhận-thực. Trước khi giao-quyền cho một người, phải có giấy xin phép Quan-tòa.

(1) Xem kỳ báo số 27.

Kháng-cáo tại tòa Đệ-tam-cấp

Phàm những án của tòa Đệ-nhị-cấp chiếu điều thứ 13 luật Pháp-viện Biên-chế (luật nói về cách tổ-chức các tòa án) mà xử sơ-thẩm thì đều được kháng-cáo.

Các sự kháng-cáo ấy chỉ có tòa Đệ-tam-cấp tức là phòng thứ nhì tòa Thượng-thẩm Hanoi được xét-xử mà thôi.

Muốn kháng-cáo phải làm thế nào? Phải khai miệng hoặc khai giấy với quan Chánh-án tòa đã xử việc của mình. Nếu nguyên-án không kể rõ rằng được chấp-hành tạm, thì sự chấp-hành sẽ phải hoãn vì đã có kháng-cáo.

Hạn kháng-cáo là bao nhiêu ngày? Hạn kháng cáo là 15 ngày. Cách tính như sau này:

Thuộc về án đương-tịch cả hai bên đều có mặt, thì kể bắt đầu từ ngày kết án.

Thuộc về án đương-tịch mà khi kết án vắng mặt hai bên thì bắt đầu kể từ ngày nhận được tin kết án.

Thuộc về án khuyết-tịch xử đối với một người hay nhiều người bị cáo vắng mặt, thì kể từ ngày hết hạn kháng-cáo.

Việc đòi gọi ra trước tòa Đệ-tam-cấp. — Cách thức cũng giống như việc đòi gọi ra trước tòa Đệ-nhi-cấp.

Từ ngày giao giấy đòi cho đến ngày phiên tòa phải cách nhau 15 ngày.

Những việc phụ vào việc kiện chính.

I. — Phương-pháp bảo-thủ

Trong khi đương có kiện-chính, nếu một bên đương-sự sợ rằng những thóc lúa đã thu hay chưa thu, của đất bị-kiện bị thất-lạc thì bên đương sự ấy có thể xin tòa sức giao cho một người nào không có can-thiệp đến việc kiện, hoặc lý-dịch sở-tại coi giữ. Thóc lúa ấy có cần phải thu thì do người coi thu rồi giữ lấy, hoặc đem bán, được bao nhiêu tiền phải đem nộp tại phòng Lục-sự tòa-án. Tiền ấy sẽ giao lại cho người được kiện.

Cái đơn xin làm một việc phụ vào việc kiện chính, cũng phải làm theo như cách thức đã kể trong mục nói về đơn khởi-kiện.

II. — Tự mình xin thôi kiện

Người nguyên-cáo có thể khai với tòa án xin rút đơn, và tự xin thôi kiện. Lời khai ấy có thể do người xin thôi kiện hoặc chính mình đến, hoặc giao cho người thân thuộc thay mặt, ra khai miệng trước phiên tòa hay là làm giấy trình tòa.

Người xin thôi phải chịu tiền lộ-phí, và không được lại thưa kiện, hoặc kháng-cáo về cùng một mục-đích với việc kiện đã xin thôi.

III. - Tự ra can-thiệp

Trước tòa Sơ-cấp và Đệ-nhị-cấp một người tự xưng đối với việc kiện có lợi quyền gì có thể tự ra can-thiệp được,

Muốn ra can-thiệp phải làm đơn trình quan Thẩm-phán.

Người tự ra can-thiệp mà thua kiện thì phải chịu lệ-phí.

Lệ xin chống án cách riêng

Sự xin tiêu của người đệ-tam. —

Người nào vì một cái án thiệt hại đến quyền-lợi của mình hoặc quyền-lợi của người mình được chiếu luật thay mặt, thì mình hay là người ấy không dự vào việc kiện đã kết quả làm ra án ấy, nhưng cũng được dùng phương-pháp xin tiêu của người Đệ-tam mà xin tiêu án ấy.

Đơn xin tiêu án cũng làm theo cách thức đơn khởi kiện.

Cách thức chấp-hành

Quyền xử-trí về việc chấp-hành thuộc về tòa án đã kết nguyên án.

Bao nhiêu tài-sản của người mắc nợ, vô luận là động-sản hay là bất-động-sản, vật hữu-hình hay là vô-hình, đều cho là vật bảo chứng chung của các người chủ nợ.

Những vật-hạng mà chủ nợ không được phép bắt:

1°/ Y-phục của người mắc nợ đương mặc trong mình.

2°/ Khí-cụ của thợ thuyền để dùng về nghề thủ-công.

3°/ Vật-liệu của người mắc nợ cần cho mình và gia-quyến ăn dùng trong một tháng.

4°/ Chăn, giường, màn, gối của người mắc nợ và gia-quyến của người ấy dùng.

5°/ Tài-sản cùng đồ dùng để làm hương-hỏa phụng thờ và phần dưỡng lão của người mắc nợ.

Phàm người chủ nợ nào đã được một cái án xử người mắc nợ của mình, thì được xin chấp-hành án ấy, xin bắt của cải của người mắc nợ, và cưỡng-bách thân-thể người ấy, để bắt làm theo những điều người ấy đã cam-đoan.

Muốn chấp-hành, chủ nợ phải xin viên Lục-sự phát cho mình một bản toàn sao, hoặc một bản trích-lục cái án tòa đã xử — Rồi đem bản ấy giao cho viên thừa-phát-lại An-nam (huissier indigène) đi báo cho người mắc nợ biết.

Nơi nào không có thừa-phát-lại, thì đã có lý-trưởng đứng làm việc chấp-hành.

Phát-mại-bất-động-sản. — Phàm người chủ nợ được một cái án hay là định-lệnh (lệnh của tòa án) khác trong có chữ «chuẩn cho chấp-hành», nếu đã xin bắt và bán các động-sản của người mắc nợ, nhưng vẫn chưa lấy đủ tiền vốn, tiền lãi và tiền lệ-phí, thì được xin bắt để bán cả bất-động-sản của người mắc nợ.

Trần-đình-Trúc
Luật-khoa cử-nhân

TẢN-ĐÀ QUỐC-VĂN
ĐẶC BIỆT QUẢNG-CÁO

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Khóm trúc như tuôn giòng lệ cũ...

Vành lược bạc gẫy tan nhịp gõ,
Mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi...

Một giải Châu-giang chảy ở tỉnh Hà-nam bên Tàu vốn là nơi sa-hoa phù-phiếm của bọn làng chơi. Khách qua chơi chẳng ai ai là không nhớ tới viện « Phù-Lưu » tức là một chiếc tầu nguy-nga tráng-lệ lênh-đênh ở giữa giải sông Châu. Trong tầu không thiếu gì các ả buôn phấn bán son cùng khách vương-tôn công-tử.

Một hôm, viện Phù-Lưu được tiếp một người học-sinh ở Hàng-châu về, tên là Trúc-sinh. Trúc-sinh sắp sửa tốt-nghiệp trường Đại học Hàng-châu nhân dịp nghỉ về chơi Châu-giang thăm qua viện Phù-Lưu gọi là tạm trải mùi đời...

Lúc đó đã cuối thu, tiết đã giá, làn nước sông Châu đã man-mác cánh hoa trôi cành lá rụng... Gió thu thổi lạnh lùng.

Con thuyền nhỏ của Trúc-sinh vừa ghé vào Phù-Lưu thì mấy ả mày ngài trên tầu đã nhô nhô ra kéo đẩy mời chào. Khói thuốc phiện, tàn thuốc lá bay mịt mùng. Trúc-sinh ghê tởm muốn quay đi thì chợt một giải áo xanh phấp phới ở mạn tầu khiến cho Trúc-sinh phải để ý. Trúc-sinh chưa kịp bước tới thì bóng người đã lẩn đi đâu mất.

Trúc-sinh tự lấy làm lạ bèn hỏi ai mà e thẹn quá thế. Bọn mày ngài đáp: « Nàng đó là Thanh-nữ, mới tới đây nên chưa biết vồn vã mời chào các quí-khách ».

Trúc-sinh phì cười: « Ta có nghe nói vị Nữ-thần làm xương rơi buổi sớm cũng tên là Thanh-nữ, hay là nàng này chăng? Vậy xin mời Thanh-nữ ra cho ta được tiếp-kiến gọi là gặp chút duyên may ».

Hồi lâu... Lúc đó Trúc-sinh còn mải ngắm cánh hoa trôi tơi tả trên làn nước sông Châu. Giải áo xanh lại thấp thoáng bên cạnh Trúc-sinh. Chàng ngoảnh lại nhìn thấy một thiếu-nữ, người nhỏ nhắn, nét mặt cũng đăm đăm nhìn cánh hoa trôi tơi tả...

Con mắt long lanh dưới vành lông mày lá liễu từ từ nhìn vào mắt Trúc-sinh. Trúc-sinh chưa kịp chào hỏi thì thiếu-nữ đã cất tiếng nhẹ nhàng chào: « Kính chào tiên-sanh » (lệ tục bên Tàu bất cứ ai cũng gọi là « sinh-sáng » tức là tiếng tiên sinh của ta).

Trúc-sinh cũng chào lại. Rồi hai người đứng đó hàng nửa giờ không nói thêm được câu gì. Trúc-sinh phần e-lệ phần ngạc nhiên, mà thiếu-nữ cũng e-lệ thẹn-thùng..... Hồi lâu, Trúc-sinh tự lấy làm ngượng đánh bạo ngỏ lời: « Chốn này tôi không thích đứng lâu. Xin mời cô nương xuống một chiếc thuyền riêng..., tôi mới có thể chuyện trò lâu la được ».

Thanh-nữ liền né mình nhường Trúc-sinh đi trước, rồi thong thả theo sau. Ra đến khoang, Thanh-nữ với tay vẫy một chiếc thuyền gần đấy rồi hai người bước xuống. Trúc-sinh vừa ngồi vào trong khoang đã thấy một ấm trà bầy sẵn, thiếu-nữ rót ra chén mời chàng, rồi đôi mắt lại đăm đăm nhìn xuống. Trúc-sinh muốn kiếm truyện nói mà không biết nói gì, chàng bèn ngó quanh ngó quẩn để tìm một vật gì đáng nói làm câu chuyện mở đầu. Chàng chợt thấy một đôi câu đối giấy đỏ dán trong khoang thuyền mà chỉ thấy có một vế, còn vế bên kia chưa ai đối. Chàng hỏi:

— Câu đối này của ai mà, thưa cô-nương, lại thiếu mất một vế.

Thanh-nữ nghiêng mình đáp:

— Thưa tiên-sanh, chiếc thuyền này là của tiện-nữ thì hẳn tiên-sanh cũng đoán ra câu đối đó là của ai.

Trúc-sinh cười:

— Cô-nương cho phép tôi làm nốt vế kia gọi là nối duyên văn-tự trong buổi sơ-đầu bỡ-ngỡ này, chắc cô-nương cũng dung cho cán bút của một kẻ học-sanh được bôi ba lấm-láp trên tờ giấy đỏ.

Thanh-nữ đưa mắt nhìn Trúc-sinh hồi lâu rồi thong thả trả lời:

— Còn gì hay bằng, tiện-nữ được xem đôi hàng châu ngọc của tiên-sanh thì còn gì hân-hạnh bằng. Sẵn bút nghiên xin tiên-sanh chỉ-giáo cho.

Trúc-sinh liền cầm quản bút viết.

Nguyên vế của Thanh-nữ ra:

Nguyệt chiếu liên-trì, Tố-nga hữu-ý khuynh quân-tử. (1)

Trúc-sinh đối lại:

Xương lâm tùng-bách, Thanh-nữ vô-tâm ngộ trượng-phu. (2)

Viết xong, Trúc-sinh quăng bút xuống, xin lỗi:

— Lời văn có giọng lả-lơi, xin phép cô-nương cho tôi xin lỏ vế đối này đi...

Thanh-nữ hé miệng cười ngăn lại:

— Khoan! Tiên-sanh dạy quá... Lỗi đó tại tiện-nữ, vì tiện-nữ ra đối không được nghiêm-chỉnh để cho tiên-sanh phải bận lòng chỉ bảo. Huống chi, thưa tiên-sanh, bọn giang-hồ trôi nổi như tiện-nữ, lại được tiên-sanh cho vài lời châu ngọc...

— Dạ, cô-nương lại quá khen. Nét bút tả lòng...

— Vâng, thưa tiên-sanh, nét bút tả lòng chỉ có người tâm đầu biết được. Chẳng nói giấu gì tiên-sanh, trong tháng nay, từ ngày tiện-nữ ẩn náu ở chiếc thuyền này, khách vương-tôn không hôm nào là không tấp nập vào viện Phù-Lưu, song cũng trong tháng nay chưa có hề một ai thèm đái hoài bước tới chiếc thuyền mỏng manh của tiện-nữ; ngày nay, tiên-sanh hạ cố chơi đây, tiên-sanh lại chỉ-giáo cho thì tiện-nữ cũng hiểu được đôi phần « nét bút tả lòng » của tiên-sanh khác hẳn với các « nét bút tả lòng » của khách qua chơi

trong tháng trời nay. Tiên-sanh bất tất phải nói thêm, tiện-nữ cũng được đôi phần am-hiểu.

Rồi đôi mắt long-lanh dưới vành lông mày lá liễu của thiếu-nữ lại đăm đăm nhìn vào mắt Trúc-sinh.

Mảnh trăng thu bập bềnh dưới đáy sông Châu, chiếc thuyền của Thanh-nữ ẩn vào một khóm trúc bên sông. Hạt xương rơi tơi-tả.

Trúc-sinh với cái đàn treo trong khoang thuyền đưa mời Thanh-nữ.

... Tiếng tỳ chợt lắng bên sông... Song, trong tiếng đàn, ta còn nghe thấy giọng ca âm-thầm của Thanh-nữ:

... Sông Châu ... Lệ sông Châu,
Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
Ôm mối sầu
(ta) ôm mối sầu.
Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
Cầu cơ cơ cầu... Hóa-nhi sao khéo cầu cơ cơ cầu?
Lòng... lòng đau,
(khiến chi) Lòng... lòng đau.
Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
Sầu gượng... gượng sầu... ngày nay sầu gượng gượng sầu,
Tuy đà gặp nhau,
(đà) tuy đà gặp nhau.
... Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
... Sông châu... Lệ sông châu.

Q

Rằng xưa vốn là người kẻ chợ...

Hàng-châu.

Phong cảnh Hàng-châu có cảnh Tây-hồ. Phong cảnh Tây-hồ có Tam-đàn ấn nguyệt, vài ba tảng đá trên làn nước bập bềnh.

Tây-hồ.

Làn nước Tây-hồ bập-bềnh trên tảng đá. Khóm trúc đượm hạt mưa xuân trước gió. Hạt xương rơi... tơi-tả.

Tây-hồ.

Mặc hạt xương rơi... tơi-tả, Trúc-sinh ngước mắt nhìn làn nước Tây-hồ đưa đẩy một chiếc thuyền... xa xa.

Tây-hồ.

Con thuyền xa như nhắc Trúc-sinh nhớ tới chiếc thuyền Thanh-nữ... chiếc thuyền Thanh-nữ ẩn trong khóm trúc bên bờ sông Châu.

Châu-giang.

Lìa Châu-giang được ba bốn tháng nay, Trúc-sinh không khỏi tưởng-tượng làn nước sông Châu đưa đẩy đóa hoa rơi... tơi-tả.

Châu-giang.

Làn nước sông Châu đưa-đẩy cánh hoa rơi... tơi tả. Một buổi thu tàn... con thuyền buộc chặt mối tình già... khóm trúc như tuôn giòng lệ cũ

Châu-giang.

Giòng lệ cũ tuôn rơi... đôi mắt Trúc-sinh còn đăm-đìa giòng lệ cũ. Bên tai Trúc-sinh còn nghe thấy tiếng đàn tỳ... lanh-lảnh.

Thanh-nữ.

Tiếng đàn tỳ của Thanh-nữ lanh lảnh còn bên tai. Làn nước sông Châu... giòng lệ sông Châu... đưa đẩy cảnh hoa rơi... tơi-tả.

—Trúc-sinh, cho em xin đóa hoa mai.

Lúc đó Trúc-sinh đang mân-mê cành hoa mai, đang nhìn dặng núi xa xa... mái lầu ai lẫn trong khóm tre già...

—Trúc-sinh, cho em xin đóa hoa mai.

Dưới khóm tre già, làn nước Tây-hồ cũng đang đưa đẩy cánh hoa đào.. tơi-tả. Dặng núi xương che... xương che, che khuất.

—Kìa, Trúc-sinh...

Chợt Trúc-sinh thấy có người vỗ mạnh vào vai mình, hoảng hồn..... nhìn lại...

Thanh-nữ!

Thanh-nữ từ sông Châu đến Tây hồ thăm Trúc-sinh. Thanh-nữ nắm chặt tay Trúc-sinh, vừa cười vừa nói:

—Gớm, anh gửi hồn mộng ở đâu thế? Người ta gọi mãi cũng không thèm ngảnh lại.

Trúc-sinh như người ngủ mê mới tỉnh, vừa ngạc-nhiên, vừa mừng rỡ chưa hiểu ra sao thì Thanh-nữ đã nói tiếp theo:

—Ở Hà-nam buồn quá, Phần nhớ anh nên em tìm tới đây. Hỏi nhà trọ, họ bảo anh ra đây, em lại ra đây tìm.

Trúc-sinh cầm cành hoa mai gài vào giải áo xanh của Thanh-nữ rồi ghé vào tai hỏi nhỏ:

—Em chán Châu-giang lắm rồi nhỉ?

Thanh-nữ ngồi xuống một tảng đá bên hồ, Trúc-sinh cũng ngồi sang một bên. Thanh-nữ cởi cành hoa mai ở giải áo ra cầm trong tay, mắt đăm-đăm nhìn mặt hồ sóng gợn. Nàng nói:

—Vâng, em chán Châu giang. Em chán Châu-giang từ hồi mới bước chân vào viện Phù-Lưu. Anh vẫn tưởng em sống nổi trong cái không khí sa hoa đó chăng? Không. Anh nhầm, thân Thanh-nữ tuy ở Phù-Lưu, song hồn Thanh-nữ không ở Phù-Lưu. Tâm hồn Thanh nữ cũng như tâm hồn anh lúc này, tâm hồn Thanh-nữ cũng gửi trên làn nước Tây-hồ gợn sóng... Quê hương của Thanh-nữ vốn ở đất Hàng-châu, mà tấm thân tàn của Thanh-nữ còn trôi nổi trên giong sông Châu.

Nói đến đây nàng cầm cái khăn tay chùi mấy giòng lệ đầm đìa trên má. Trúc-sinh muốn tìm lời khuyên giải, nàng gạt đi nói tiếp:

—Phải, làn nước Châu-giang đưa đẩy cánh hoa rơi... tơi tả. Mà làn sóng Tây hồ mai sau sẽ chôn chặt nắm xương tàn. Hàng-châu! Nơi phần mộ của cha của anh... (nàng nức nở khóc). Thanh nữ... em đã trải qua làn sóng Tây-hồ vì làn sóng Tây-hồ, anh ơi, đã vùi chặt nắm xương tàn của cha anh Thanh-nữ... làn sóng Tây-hồ lại sắp chôn chặt nắm xương tàn của Thanh-nữ.

...

Thầy em vốn người Hàng-châu. Cái lầu nguy nga tráng-lệ bên bờ Tây-hồ kia là của thầy em. Lúc thiếu thời thầy em có làm bạn với một người ca-nữ tài sắc tuyệt vời, thầy em làm cái lầu kia để cho người đó đắp đuổi tháng ngày.

Ăn ở được ba năm, người ca-nữ đó sinh được hai người con. Người con giai tức là anh em, còn người con gái tức là em đây

Lúc sinh em ra, thầy em đi xa, thầy em đi Hồ-nam. Trong năm sáu năm trời, em không biết mặt thầy em, lúc hỏi mẹ em, mẹ em chỉ cho em một người đàn ông chạc ngoài hai-mươi, làm nghề họa mà nói cho em biết đó là thầy em đấy. Em vẫn đinh-ninh là thế.

Năm ấy em lên sáu. Một hôm, thầy em ở Hồ-nam về. Thầy em về em không nhận... vì mẹ em không cho em biết. Thầy em cũng tự lấy làm lạ, hỏi mẹ em, thì mẹ em chỉ cười mà chả lời: ông đi vắng xa, cốn nó

không nhận được là phải, có gì là lạ.

Thầy em cũng biết thế. Một buổi chiều, thầy em và anh em đi chơi thuyền trên hồ ... rồi tối không về. Hai ba hôm sau cũng không về. Mãi sau người ta vớt được sác cha ... và anh Thanh-nữ ... người ta vớt được chiếc thuyền ... một chiếc thuyền thủng một lỗ ở đáy. Ai đục đáy thuyền?

Em còn nhỏ nên chưa hiểu ra sao. Mẹ em cho em mặc đồ tang-phục rồi, bắt em khóc... em cũng khóc. Mà thật ra lúc đó em chỉ biết em khóc anh em thôi, chứ em có biết gì cha em đâu.

... Năm em mười lăm. Mẹ em bắt em học đàn ... học cây đàn tỳ ... mẹ em dạy em học hát.

... Năm mười tám, mẹ em bán chiếc lầu kia đi, rồi đi đâu mất, để em bơ-vơ thân gái đất Hàng-châu. Rồi thì, cánh hoa trôi rạt đến viện Phù-Lưu. ..

Làn nước Châu-giang...cánh hoa trôi... tơi tả.»

Nói đến đây, cánh hoa mai mân-mê dưới ngón tay Thanh-nữ đã rã rời rơi rụng. Trúc-sinh ngẩng lên nhìn Thanh-nữ ... Đôi mắt long-lanh dưới vành lông mày lá liễu đăm đăm nhìn làn sóng Tây-hồ.

Làn sóng Tây-hồ đưa đẩy cánh hoa mai ... tơi tả.

Con thuyền buộc chặt mối tình già...

Một ngày kia, tỉnh Hà-nam bên con Châu-giang được xem một đám cưới linh-đình.

Hai năm qua. Trúc-sinh tốt-nghiệp ở trường đại-học Hàng-châu về. Hai năm qua. Trúc-sinh không gặp mặt Thanh-nữ. Sau khi gặp-gỡ ở Tây-hồ, cánh hoa trôi rụng không biết tơi-tả phương nào, Trúc-sinh cố công tìm kiếm cũng chưa thấy giải áo xanh của Thanh-nữ.

Ngày qua tháng lại, hình ảnh của Thanh-nữ cũng dần dần theo thời-gian mà chìm vào trong làn nước sông Châu lạnh-lẽo.

Trúc-sinh, một ngày kia, lấy vợ.

Cho nên, hôm đó, tỉnh Hà-nam được xem một đám cưới linh-đình.

Mười một giờ đêm, bữa tiệc đang vui vẻ, khách khứa còn tấp-nập ra vào, thì bỗng có người ca-nữ xin vào ca đàn hầu các quan-khách. Trúc-sinh cho vào.

Bức màn châu vừa vén lên, một người thiếu-phụ che mặt bước vào, tay ôm cây đàn tỳ ... phất-phới giải áo xanh. Người ca-nữ đó rón-rén ngồi sang một bên, lên giây đàn.

... Tiếng tỳ khoan nhặt ... âm thầm, như khóc như than. Khách chau mày nhìn lại. Nàng cất tiếng ca lanh-lảnh ca rằng :

... Lệ sông Châu
Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Ôm mối sầu,
(ta) ôm mối sầu
Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Cầu cơ cơ cầu ... tạo nhi sao khéo cầu cơ cơ cầu
Lòng lòng đau
(Khiến chi) lòng ...lòng đau.
Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Sầu gượng sầu... ngày nay sầu gượng sầu,
Tuy đã gặp nhau
(đã) tuy đã gặp nhau ...
...Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Sông châu ... Lệ sông châu

Tiếng ca như khóc như than, trong cuộc rượu nhiều người sa lụy.

Song « *lụy ai chan chứa hơn người* »? Khách bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở của nàng áo xanh. Nàng áo xanh đứng dậy bỏ vạt áo che mặt, bỏ rơi cây đàn. Cây đàn tỳ hãy còn âm-thầm kêu ầm-ĩ... mà giây đàn đã đứt ngang cung...

Thanh-nữ, nàng áo xanh từ từ bước ra, bức màn châu che lấp giải áo xanh ... phất-phới.

Dưới khóm trúc nặng chĩu hạt xương rơi tơi tả ... con thuyền năm xưa vừa lìa bến sông Châu. Mà bên bến sông Châu, Trúc-sinh chỉ còn trông thấy làn nước lạnh-lùng đưa đẩy cánh hoa rơi ... tơi-tả.

Vũ-lang

(1) Giăng chiếu hồ sen. Tố-nga có ý mộ quân-tử ;

(Giăng tức là Tố-nga, sen là thứ cây quân-tử).

(2) Sương reo tùng bách, Thanh-nữ vô-tình gặp trượng-phu.

(Sương tức là Thanh-nữ, tùng bách là thứ cây trượng-phu).

TẠI SAO CÁC NHÀ VĂN-SĨ SÍNH VIẾT VĂN ?

Trước đây ông Jean Bernard ở báo *Presse associee* có mở cuộc điều-tra vì sao các nhà văn-sĩ sính viết văn.

Ra bộ ngớ-ngẩn, ông Ajalbert trả lời rằng: « *Ấy tôi cũng vẫn tự hỏi thế* ».

— « *Tôi viết để cho mỗi ngày viết một khá hơn* », đó là câu trả lời của ông Max Jacob.

Ông Pierre Mille thú-thực rằng: « *Bởi vì tôi không làm nổi một nghề gì khác hết, cho đến các nghề rất đê-mạt cũng vậy* ».

Chẳng hẹn mà nên, ông Eugène Monfort tự-nhận là: « *Tôi có cái óc văn-sĩ, từ lúc còn ở trong bụng mẹ* », còn bà Marcelle Tinayre thì bảo rằng: « *Đó là do cái thiên-tư tôi, tôi viết văn cũng như cây táo mang những quả táo, chứ có lạ gì.* »

Riêng có một cái lý-do đặc-biệt, ông Gauthier Villars trả lời rằng: « *Tôi viết để tỏ cho mấy bạn đồng-nghiệp cả hai giống biết rằng: tuy họ muốn trông thấy tôi bị chôn đi, mà tôi vẫn còn sờ sờ ở đây* ».

Nhân câu trả lời của ông này, tôi lại nghĩ đến một truyện tương-tự. Hồi năm ngoái đây, theo lời xin của ông Tản-Đà, quan Thống-sứ ký nghị-định bãi tờ nghị-định trước cho phép An-nam Tạp-chí xuất-bản ở Nam-định, tức là cho đem Báo-quán về Hà-nội như cũ. Vậy mà một vài bạn đồng-nghiệp vì vội-hiểu, đăng ngay tin báo An-nam Tạp-chí bị đình-bản. Rồi thì kèn đưa trống tiễn, thi nhau người thì phàn nàn cho cái số-phận « ba chìm bảy nổi » của con thuyền An-nam Tạp-chí, người thì ngao-ngán cho cái cán viết giở ra gác lại của nhà Thi-sĩ Tản-Đà.

Vậy nay An-nam Tạp-chí lại ra đời, nếu ai đem cái tò-mò của ông Jean Bernard mà cật-vấn ông Tản-Đà, chắc ông cũng biểu-đồng-tình với ông Gauthier Villars, mà không cần phải tìm một câu trả lời khác nữa.

MAI-KHÊ

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

(Tiếp theo)

Trận gió này thổi mạnh quá, đến nỗi chàng Xen-đô ı tưởng như cả mình, cả tên mọi, đều bị vật lăn xuống đất vậy. Nhìn ra ngoài biển, tầu Dịch-sĩ đã biến hẳn ở trong những cồn sóng trắng phau, cao như núi vây bọc cả chung quanh. Một làn khí nóng ghê gớm từ biển bốc lên, ngay bên bờ, thì từng lớp sóng gắt đập vào, bọt nước tung lên trắng xóa, trông chả khác gì một nồi nước khổng lồ đương sôi vậy.

Về phía trên đất, chỗ nào cũng nghe thấy tiếng lách tách quả dừa rơi. Những cây dừa cao vót, thân mảnh, quằn-quại trước gió, thỉnh-thoảng lại có một vài cây gẫy đánh rắc một cái, như tiếng quất cái roi ngựa vậy. Trên giời, đầy những tàu lá dừa bay phấp-phới; mỗi tàu, lúc rơi đâm thẳng xuống đất, giá gặp phải người, thì đủ làm cho gẫy cổ.

Rồi đến lượt mưa, một trận mưa như trút nước vậy.

Tưởng tượng lần cuối cùng đến người chết nằm trơ ở dưới đống cát, mà ở trên mồ thì nước mưa rội như suối, chàng Xen-đôn nghĩ thầm rằng:

— Trong lúc này, chắc linh-hồn Huy-ghi đã đi xa đây rồi...

Đối với chàng, quay về nhà lúc bấy giờ không phải là một việc dễ dàng. Vì mưa mạnh quá tên mọi đen cõng chàng phải cúi đầu xuống cố nén mình thật rạt xuống để cho khỏi ngã. Những tên mọi khác phải nắm lấy tay nó để kéo nó đi.

Trong đám người phù-tá bị cưỡng-bách ấy, chắc có nhiều đứa không ước-ao gì bằng vật ngã lăn ngay chàng xuống đấy, rồi lấy chân séo lên, cho chàng tan xương nát thịt, mà đưa hồn chàng về chốn hư-vô.

Nhưng chúng còn sợ cái khẩu súng lục đeo lủng lẳng ở thắt-lưng chàng. Vì đánh tạch cái, có thể giết người trong giây phút, nên khẩu súng kia đã bắt được tụi này phải nén cái hy-vọng ấy đi, phải đội người chủ-nhân đi qua trận bão, mà về đến nhà bình-yên vô-sự.

Khi bước vào trong nhà, chàng Xen-đôn, tuy mệt nhọc ướt át như chuột lột, lại thấy trong mình dễ chịu. Bệnh tình nghe như đã thư thư, chàng vội vàng thay quần áo. Rồi, lẩm-bẩm nói một mình rằng:

— Bây giờ, cái điều cần trước nhất là phải tránh cái bệnh sốt rét. Tiên sự dự phòng, có lẽ ta uống một ít thuốc ký ninh cũng hay.

Khi người đã khô ráo, chàng đi ra mái-hiên. Mưa đã ngớt rồi. Nhưng gió thì vừa yên được một lúc, nay lại càng thổi mạnh.

Mặt biển trông ra vẫn mỗi lúc mỗi dữ, những cồn sóng dài chừng một hải-lý, trông không khác gì những quả núi nước, từ đằng xa đánh dồn vào bờ.

Tầu Dịch-sĩ, lúc nẫy đã thấy hiện-hình ra ở trong đám bọt, bây giờ cứ chồm lên chồm xuống, mà mỗi một làn sóng đi qua, là đầu tầu lại chìm nghỉm đi; trên boong trông chỉ thấy bọt trắng xóa mà thôi.

Trên cột buồm, chợt thấy kéo lên hai lá cờ bập-bồng trước gió, một lá xanh, một lá đỏ.

Theo như luật báo-hiệu ở đảo Bế-rang-đệ thế là nói: *«tầu đương bị nguy-hiểm, tôi phải xử-trí thế nào?»*

Chàng Xen-đôn hiểu ngay và sau khi soát lại câu trả lời chàng liền sai kéo lên trên cái cột ở trong vườn một lá cờ ngụ-ý rằng: *nên mau mau cho tầu đi ẩn ở sau đảo Nê-an.»*

Trông thấy cái hiệu ấy, quan ba Ô-lê-dông lập-tức cho tháo những móc sắt, bỏ hai cái neo lại đấy và thả phao để nhớ lấy chỗ, để sau này hết bão sẽ trở lại lấy. Xong đấy, tầu Dịch-sĩ liền quay lái, thả buồm con, đi thẳng dưới gió như con ngựa thi vậy. Tầu đi vòng để tránh mỏm đá Ba-lê-suy-mã; đi mới độ một sải đường, thì biến hẳn ở đằng sau mũi bể Bá-lê-suy-mã, hình như bị một trận cuồng-phong mạnh dữ gấp mấy các trận trước, nuốt chửng đi vậy.

Suốt đêm hôm ấy, gió bão hoành-hành ở trên đảo Bế-rang-đệ, làm cho các cây bị gẫy cành, bật rễ, mấy căn nhà để chứa củi dừa cũng bị siêu đổ, cả đến nhà chàng Xen-đôn ở, tuy có các chân cột chắc-chắn, cũng bị lay-chuyển.

Nhưng chàng Xen-đôn ngủ kỹ, chẳng nghe thấy gì cả. Suốt đêm chàng không thức giấc dậy lần nào và cũng không biết rằng ở ngoài, cảnh-vật đã biến-đổi như vậy.

Sáng ngày mở mắt ra, chàng tưởng như mình là một người khác vậy. Đến hơn một tuần lễ nay, chàng không ăn uống được một tý gì, mà hôm nay bỗng thấy bụng đói. Thoạt tiên, chàng uống một cốc sữa đặc pha nước, rồi đến 6 giờ, liều húp một bát cháo nóng.

Xuống đến căn nhà thương, chàng thấy tình-cảnh đã khá lắm. Từ chiều hôm qua, chỉ có một người chết thôi, bệnh-nhân mới không có người nào và non chục tên mọi vừa khỏi, đã thập-thễnh đi về trại.

Phải chăng, trận bão hôm qua, làm cho khua động không-khí, đã có cái ma-lực khu-trừ tật-bệnh và làm thành ra trong sạch cái đất ôn-dịch này?

Vào khoảng 11 giờ, tên Xi-lê ở đảo Bá-lê-suy-mã sai người mang thư đến báo cho chàng Xen-đôn biết rằng tầu Dịch-sĩ bị đắm ở giữa đường đi sang đảo Nê-an.

Ban đêm, hai người làm tầu da đen còn sống sót vào trình-diện chàng. Họ nói cho chàng biết rằng quan ba Ô-lê-dông bị chết đuối. Còn tầu Dịch-sĩ, thì, theo lời họ, rõ ràng một mảnh cũng không còn.

Cái tin buồn ấy làm cho cơn sốt rét của chàng lại ầm-ầm nổi lên. Độ một nửa giờ sau, người chàng lại nóng như lửa đốt. Hết cơn nóng lại đến cơn rét, mà vì người yếu quá, nên chàng cũng không dám quá dùng thuốc ký-ninh.

Nằm cuộn tròn dưới đống chăn, hai hàm răng đập vào nhau cầm-cập, chàng nghĩ thầm rằng cái số-phận không may của mình đến thế là cùng rồi. Từ nay, trừ phi tự-nhiên một làn nước bạc, từ dưới đáy bể dưng lên, ngập hẳn một nửa hòn đảo này đi, ngoài ra chàng còn sợ cái gì nữa?

Trước cơn đại-nạn ấy, chàng kết-luận rằng cảnh-ngộ mình chắc hẳn từ đây sẽ một ngày một khá. Cái đó đã định sẵn rồi. Từ nay đối với số-phận, chàng sẽ «nắm đằng chuôi». Nghĩ đến đấy tuy vẫn run cầm-cập ở trong đống chăn, chàng ta bất-giác bật cười lên sằng-sặc.

Thấy thế, bọn người nhà da đen ngạc-nhiên ra dáng kinh-sợ rồi ghé tai thì-thầm hỏi nhau: không biết chàng bị con ma-quỷ gì nó ám-ảnh mà cử-chỉ thất-thường như vậy.

HỒI THỨ IV

Trận bão Tây-Bắc dòng-dã luôn bốn ngày bốn đêm. Cơn sốt rét lại bắt chàng Xen-đôn phải nằm phục-vị, không dậy được. Tuy đó chỉ là một cơn sốt-rét nước (malaria) xoàng thôi, nhưng thân-thể chàng đã suy-nhược sẵn, nên chỉ trong 48 giờ, mà mặt mũi hốc-hác, hình như đã bị bệnh ly-bì từ tám chín ngày giời vậy.

Cũng may, về phần bệnh ly thì vẫn một ngày một thoái-dảm. Ở căn nhà-thương, hiện chỉ còn độ hai mươi người phu đã khỏi, nhưng còn ở đấy để dưỡng-bệnh. Tên mọi chết cuối cùng sở-dĩ thiệt-mạng, là vì anh ruột nó nhất định không chịu thuốc-thang săn-sóc, mà chỉ dùng những lời phù-trú để mong làm cho em cải tử hồi-sinh.

Buổi sáng ngày thứ tư, chàng Xen-đôn nằm nghỉ ở dưới mái hiên, đưa mắt nhìn ra ngoài biển.

Gió tuy đã ngớt, nhưng xa nghe những cồn sóng thừa vẫn còn kêu réo ầm-ầm. Những lớp sóng này vẫn đập vào cái cửa phên thưa trước vườn hoa và tung những bụi nước lên đến tận cái gò trồng cột cờ ở trước nhà.

Từ hôm qua chàng Xen-đôn uống đến gần 30 viên ký-ninh. Vì thế tai chàng cứ ù-ù như một cái tổ ong mật vậy. Hai tay và hai đầu gối run bây bẩy, trong gia-đầy thỉnh-nhoảng lại đau quặn như chuột rút.

Chợt cái, chàng lấy tay giay mắt hình như nhìn thấy một cảnh-tượng rất lạ lùng. Thoạt tiên chàng tưởng là mình hoa mắt.

Cách bờ một quãng, một chiếc xuồng đương bơi vào đảo Bế-rang-đệ, hình như muốn đi vào cái khuỷu trước kia tầu Dịch-sĩ vẫn thả neo. Lúc thì chèo lên đỉnh một làn sóng bọt trắng xóa, mũi xuồng chồng hẳn lên trời, lúc thì như một con cá ông-voi đâm nhào mũi xuống giữa cái vực nước xanh thăm thẳm.

Mà chàng Xen-đôn cũng biết thừa rằng đương cơn giông tố như vậy, trong các tay lính-thủy ở đảo Sa-lô-mông, trừ khi có thằng nào điên-rồ mới dám lênh-đênh ra giữa bể khơi.

Những cái cảnh chàng tưởng là hoa mắt, vẫn còn hiển-nhiên đó. Một phút sau, giữa lúc chàng dương đôi con mắt gấp-gay để nhìn cho rõ, thì chàng trông thấy cả chiều dài cái xuồng đương quay sườn vào bờ. Vì cái xuồng kia đương theo làn sóng đi xuống, đằng đuôi chồng ngược hẳn lên, nên chàng trông thấy rõ sáu người thủy-thủ đương chèo.

Một người thứ bẩy to nhớn ngồi nghiêng đương hết sức đè lên cái lái, còn người thứ tám ngồi sổm ở mũi xuồng ngoảnh mặt nhìn vào bờ.

Nhưng, cái điều chàng Xen-đôn lấy làm ngạc-nhiên nhất là lại có một người đàn bà ngồi ở phía đuôi xuồng liền ngay với cặp người đương chèo và ở dưới người cầm lái.

Một người đàn bà? Mà quả nhiên một người đàn bà thật. Cũng như chàng Xen-đôn, nàng đội một cái mũ rơm to kiểu «Baden Powel» và một tay đương lóng cóng gài vào dưới mũ một đám tóc phất phơ bay trước gió.

Rồi theo làn sóng ấy, cái xuồng chìm nghỉm hẳn đi, nhưng tức-thì lại hiện ngay ra ở trên đỉnh cái làn sóng nổi sau, những người chèo và hai tay lái cũng lại hiện ra, mình trần trùng-trục, da bóng như đồng đen, nhưng có phần to lớn và khỏe mạnh hơn những người thổ-trước ở quần-đảo Sa-lô-mông.

Còn người đàn-bà đích thực là người da trắng.

Tâm-thần vì tật bệnh thành ra mê sảng, chàng Xen-đôn bất-giác tự nhiên nghĩ thầm trong bụng rằng: *Người đàn-bà ấy là ai? Nàng đến đây làm gì?* Mà câu nghĩ đó quả là vô-tình bởi vì chàng cũng chưa chắc rằng cái cảnh mình trông thấy đó không phải là một điều mộng-ảo vô-ích.

Tuy nhiên, mắt nửa nhắm nửa mở, chàng vẫn nhìn thấy chiếc xuồng cách bờ, một ngày một gần. Rồi chàng thấy những người chân-chèo nghỉ tay, giữ chắc lấy mái chèo còn người đàn bà và người cầm lái đứng đằng sau họ, nhìn xem các lớp sóng đuổi nhau.

Giữa lúc ấy, chiếc xuồng chồm lên lưng một cồn sóng to cao như núi, đương sắp vật vào bờ, chàng Xen-đôn lẩm bẩm nói: *thật là những tay thủy thủ sành nghề!*

Những người chân chèo lại cúi rạp cả xuống, cứng cánh nưng chèo lên, để giúp sức cho làn sóng đướn đi.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ-nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA
Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, 47

Giây nói số : 805

Là một hiệu thuốc có tiếng ở Đông-Pháp

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

Năm Nhâm-Thân Số 81

Ngày 5 Mars 1932

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

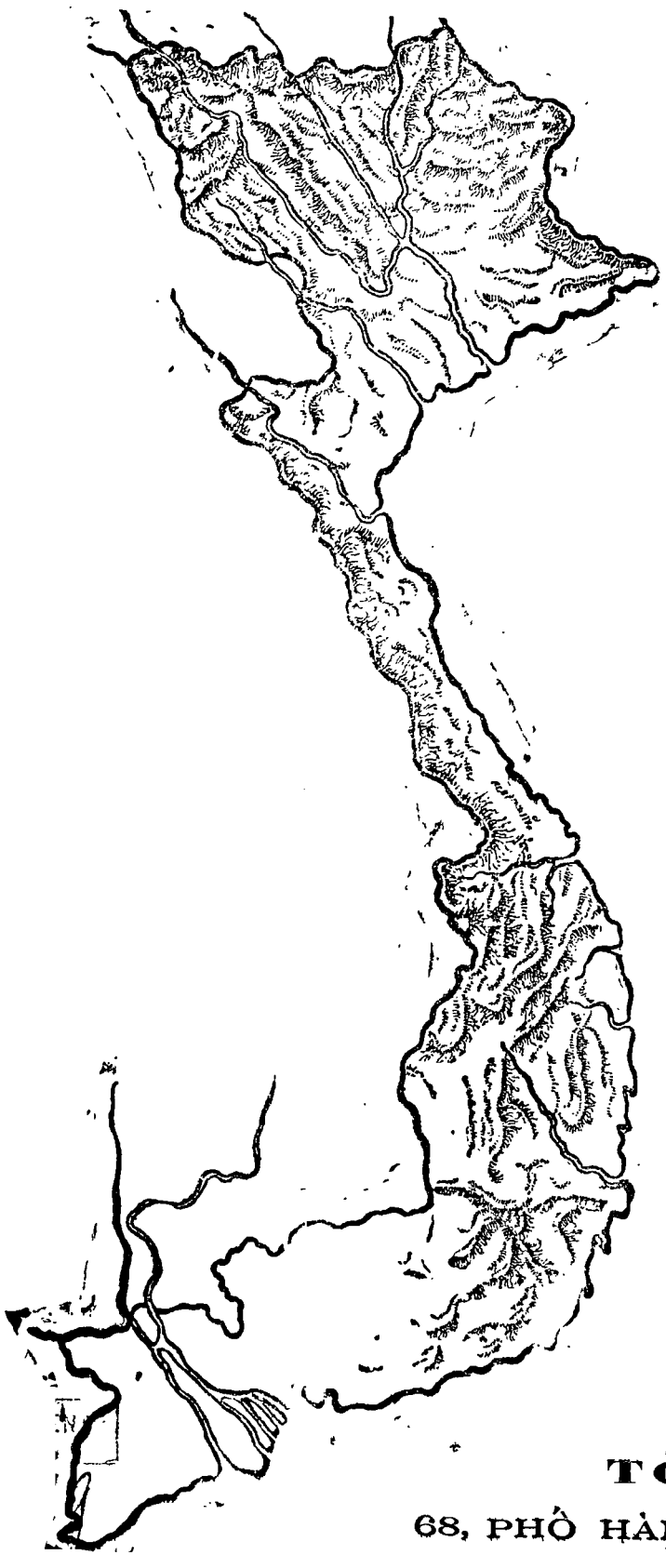

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Nghĩa-vụ bạn Tân-học đối với Quốc-văn.
Tấm óc người ta.

Lư-Thoa tự-thuật.
Trinh-thám nước Đức.
Thế-giới Thời-bình.

Mấy bước đường rừng (Du-ký).
Thơ. — Dịch thơ chữ Hán.
Dịch thơ chữ Pháp. — Câu hát tạp.
Văn Tập-Kiều.

Thời-sự.
Pháp-luật dẫn-giải.
Chương-trình năm năm (xã-hội ba-đào ký).
Đâu có lạ lùng! (Trường-thiên tiểu-thuyết).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO

68, PHỐ HÀNG KHOAI – HANOI

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2.— Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa-hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2— Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-nam Tạp-chí

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN

I

Nước ta chịu ảnh-hưởng văn-minh Âu-châu đã quá nửa thế-kỷ; nước ta có một nền học mà có thể gọi là « nền Tân-học », kể ra có nhẽ cũng đã được mấy mươi năm lẻ. Học mới ấy đối với quốc-văn ta đã có được ảnh-hưởng gì là hay là tốt? Từ trước tới nay quốc-văn của ta, nhờ học mới, đã chấn-chỉnh được chút nào, đã hưng-thịnh hơn xưa được chút nào chưa? Từ nay về sau quốc-văn của ta, có trông vào học mới mà mong sự chấn-chỉnh, mong cơ hưng-thịnh được không?

Mấy câu hỏi ấy bao-quát biết bao nhiêu vấn-đề to tát. Một kẻ hậu-sinh này, học thức nông nổi, tân-cựu dở-dang, há chẳng nên nhường cái đầu-đề ấy cho những nhà học-giả có học-vấn và có tư-tưởng, còn riêng mình thì giữ cái phận « dựa cột mà nghe », họa dần dần sáng chút nào ra chăng?... Biết vậy, nhưng xin gọi có mấy nhời chỉ làm nhời khai-mạc trước khi các bậc cao-minh sẽ đem vấn-đề ấy ra chốn luận-đàn. Mà có nhẽ cũng cớ ý đánh liều, nhân đây xin thân-oan cho bạn Tân-học! Chúng tôi thường bị trách nhầm rằng: không biết yêu thương tiếng mẹ cha, không biết kính trọng tinh-thần Nam-Việt.

Cứ bình-tĩnh mà nói, cũng có khi lời trách trên kia không phải là nhầm. Quanh mình ta, ta để ý mà xem, không phải là không có nhiều người tuy chưa đến nỗi quên hẳn tiếng An-Nam, nhưng có khi nói câu chuyện bằng tiếng An-Nam thì không nói được cho gẫy-gọn bằng nói tiếng Pháp, viết một cái thơ bằng tiếng An-Nam thì lấy làm lúng-túng khó-khăn bằng mấy viết chữ Pháp, đọc một bài thơ bài văn An-Nam, dẫu trong bài đó không dùng nhiều Hán-tự, cũng lấy làm khó hiểu, mà dẫu có hiểu được đại-ý, cũng lấy làm khó mà lĩnh-hội được một vài phần cái hay trong bài văn bài thơ đó. Ta cũng nên biết rằng: những người có tội với quốc-ngữ, quốc văn, như đã kể trên ấy, chưa chắc đã là người Tân-học; có khi chỉ có cái vỏ Tân-học, mà chung-qui thì thật là « Hán-tự không biết Hán, Tây-tự chẳng biết Tây ». Vì một người có ngồi vài ba năm trên ghế một trường học chữ Tây, sao đã gọi được là một người Tân-học. — Nhưng lấy ngay những người thực có hấp-thụ Âu-học được ít nhiều, trong số ấy ta cũng thấy nhiều người đối với quốc-văn thật là mập-mờ vậy! Ôi! Tân-học đối với quốc-văn có nhẽ vô-duyên chăng?

Không! hiện nay trong cái rừng văn của ta đã thấy có nhiều vẻ mới, vậy mà bảo rằng Tân-học vô-duyên với quốc-văn chả hóa ra phụ công Tân-học lắm sao! Văn-chương Âu-Tây đã gặp nhiều người diễn-giải ra quốc-ngữ, nhân đó được lan rộng ra, được cả những người không phải là Tân-học cũng để ý đến một đôi chút — nhưng, cái công việc « làm thông-ngôn » cho Âu-học ấy, bực sĩ-phu trong áng Tân-học An-Nam còn thua kém các nhà dịch-giả Trung-Hoa nhiều.

Số sách dịch ra chưa được bao nhiêu và cái ảnh-hưởng của những quyển sách dịch ra cũng chưa có bao nhiêu, — dẫu cho « Âu-Tây tư-tưởng » hay « Nam-Phong tùng-thư » công việc đều cần phải tiến-hành nhiều, thì mới khỏi có cái lỗi để cho người An-Nam muốn biết học-thuật và văn-chương Âu-Tây, — lại phải nhờ những bản dịch ra Hán-tự. Đó là chưa kể đến vấn-đề dịch sách khoa-học, là một vấn-đề thiết-yếu mà khó-khăn thay, — còn mong các bậc cao-minh chú-ý mà bàn-luận để giải-quyết dần dần, — hoặc luận-

giả cũng được góp đôi ý-kiến sau này vậy.

Nhưng, cái ảnh-hưởng của sự dịch sách, cũng là một cái ảnh-hưởng gián-tiếp đối với quốc-văn. Từ xưa đến nay, kể ảnh-hưởng trực-tiếp, thì đã có những vẻ gì để làm tiêu-biểu? Xem trong rừng văn mới, về hình-thức, có lề-lối gì, phép-tắc gì, âm-từ gì mới, mà do Tân-học phát ra không? Về tư-tưởng, có cái *thần*, cái *lực* gì do Tân-học bồi-bổ cho không?

Về hình-thức, thì lề-lối, phép-tắc, âm-từ do Tân-học mới phát ra, xem chừng chưa qua cái «thời-kỳ bập-bẹ», — như chữ Tây gọi là «*premiers balbutiennents*». — Phạm-Quỳnh tiên-sinh trong những bài luận-thuyết chữ Tây, đối với người Tây thường thấy tự-nhận rằng đã chấn-chỉnh văn xuôi mới của An-Nam; nhưng chính văn xuôi của tiên-sinh thì lại quá theo nền-nếp cổ, mà quá yêu những chữ nho, — cho nên có câu nào «rằng hay thì thật là hay», nhưng cũng không phải là một cái hay có vẻ mới — Văn Nguyễn-văn-Vĩnh tiên-sinh có cái dạy giản-dị, «vẻ khúc-triết của Pháp-văn (*la clarté française*) dường như có đằm-thắm trong lời nói câu văn; nhưng một cây làm chẳng lên non, và lối văn ấy cũng khó lòng mỗi lúc bắt chước được.

Còn như cái lối văn kỳ-khôi mà nhiều báo-chí bây giờ muốn ép Quốc-dân phải coi nó là giọng văn buổi đời mới, cái lối văn câu lộn xuôi lộn ngược, chữ chúc-trác trái-tai — tôi thương thay cho ông Hoàng-tích-Chu mang tiếng là người đã sinh nó! Bởi vì chính văn ông Chu nào có thế; đối với quốc-văn ông Chu đã có công gây được một «giọng văn viết báo» (*style journalistique*), là lối văn trọng về sự làm vui cho độc-giả và để cho độc-giả dễ hiểu). — Nhưng chính ông Chu, tôi chắc ông cũng rõ rằng: «một lối văn không phải là một nền văn» — mà trong văn-chương Pháp, trong tiếng nói Pháp, hai chữ *style journalistique* thường khi ngụ-ý thế nào, ông cũng rõ; tôi mong rằng những bạn cầm bút biết lo đắp một «nền văn mới», chứ đừng lấy «lối văn mới» làm tự-đắc và tự-mãn.

Nền văn mới, nhờ Tân-học đã có những vật-liệu mà xưa kia chưa có. Lối-văn để diễn-giải cái tinh-thần của văn-chương cũ, — ví-dụ như lối-văn tán cho ra cái hay của truyện Kiều hoặc cái dở của truyện Kiều — ta có thể tạm gọi nó là «văn-học sử-luận», tuy cũng là nền-nếp văn nghị-luận (là lối-văn nhà nho cũng có), nhưng bắt chước phương-pháp của Tây-học, mà gần đây mới mở-mang ra; và cả lối-văn phê-bình cũng vậy. Lối-văn luận-thuyết ở các nhật-báo tạp-chí cũng là một lối-văn mới, do nhật-báo tạp-chí xuất-hiện mà mới xuất-hiện. — Lối đoản-thiên tiểu-thuyết cũng là một lối mới; bài đoản-thiên tiểu-thuyết đầu có lẽ là một bài của ông Phạm-duy-Tốn. Lối-văn tiểu-thuyết cũng do Tân-học mà đã đổi mới. Kịch-bản do Tân-học mà xuất-hiện.

Ta xét đến bên tư-tưởng: Trong văn-mới, nhờ Tân-học cái «hơi» văn, cái «khí» văn, cái «lực» văn, cái «thần» văn, có vẻ gì mới mẻ đáng mừng? Ôi! tinh-thần mới trong quốc-văn bây giờ, tìm đâu cho thấy? Có phải ở mấy quyển tiểu-thuyết ngôn-tình chăng? — Nhưng cũng xin các vị cựu-học nhớ cho rằng trong cái hại ngôn-tình tiểu-thuyết ở nước ta, những vị như Tử Trầm-Á có trách-nhiệm nặng hơn những tiểu-thuyết-gia nước Pháp. — Nhưng ta không nên quên rằng: cái phong-trào công-kích những văn sầu, văn cảm, văn ủ-ê, văn vơ-vẩn, làm hại cho dân-khí, là do cái tinh-thần Tân-học muốn lay tỉnh giấc-mộng mấy nghìn năm cũ vậy. Công ấy hãy còn là ít, nhưng cũng không nhỏ.

Rút lại, bạn Tân-học không thể không công-nhận rằng: nếu không nhờ có các bực Hán-học hiện-thời, thì tìm trong nhân-vật mới, khó thấy ai có thể là người bồi-bổ đôi phần cho văn-chương của tổ-tiên. — Điều ấy, xin ai chớ vội kể là cái lỗi của Tân-học, — mà xin ai trong bạn Tân-học chớ vội buồn lòng nản-chí. — Đó là một lẽ tự-nhiên. Tiếng Pháp và tiếng Nam, tính-chất khác hẳn nhau, một thứ tiếng thì mỗi chữ có nhiều vần (*polysyllatique*) một thứ tiếng thì mỗi chữ chỉ có một vần (monosyllatique), mẹo luật cũng đều khác nhau, cho nên hai thứ tiếng không thể dung-hòa với nhau một cách dễ-dàng, như là chữ nho với chữ nôm. Chữ nho chữ nôm cùng «loài», cho nên chữ nho biến ra chữ nôm đến nỗi con trẻ và người vô-học

TẤM ÓC NGƯỜI TA

Ta cần phải chám-lo bồi-đắp những sức-mạnh về tinh-thần, hơn là luyện-tập cái sức-mạnh của thân thể.

Mới đây, Bác-sĩ Alexis Carrel trưởng-giáo trường Y-học Rockefeller ở Nữu-Ước, có viết một bài nói về tấm óc của người ta. Những điều nghiên-cứu của ông rất mới lạ và có quan-hệ đến tương-lai của nhân-loại. Vậy xin thuật ra sau đây:

Tấm óc của người ta, thật là một vật rất thần kỳ. Chúng ta ai cũng biết rằng số-phận một người, toàn bằng ở thiên-chất cái tấm óc của mình cả. Cho đến vận-mạnh một quốc-gia, cũng trông-cậy ở giá-trị cái não-chất của các người dân nước ấy. Cách sinh-hoạt của não-bộ, rất có quan-hệ với cái năng-lực về tinh-thần (énergie spirituelle) mà cái năng-lực này là một thứ năng-lực rất mạnh ở thế-giới. Nhờ cái năng-lực ấy, người ta mới có cái tài-trí phát-minh và sáng-tạo ra luôn luôn những điều mới lạ. Chính cái năng-lực ấy, đã làm nẩy ra nền văn-minh ngày nay; mà có lẽ rồi đây đạp-đổ đi, tàn-phá đi, cũng lại là ở tay cái năng-lực ấy.

Khối óc lập thành ra bởi một chất trăng trắng, mềm và nhão. Nếu ta bóp vào hai ngón tay, thì thấy nát ra như bồ. Vì mảnh rẻ thế, nên các nhà giải-phẫu, khi nào mó đến óc, phải theo những phương-pháp cực kỳ là tinh-tế, cẩn-thận. Nội hình tấm óc phiền-phức quá, đến nỗi trí ta không thể sao tưởng-tượng ra được. Thật vậy, trong một khối óc của người ta, có đến 12 nghìn triệu cái tế-bào mà những tế-bào ấy không phải chất lại thành một đống đâu. Có những giây rất nhỏ liên-lạc các tế-bào ấy thành ra một bộ-phận xinh-xắn đều-đặn, làm cho các tế-bào ấy giao-tiếp với các cơ-quan khác trong thân thể người ta cùng là các sự-vật ở ngoài, và có thể sai-khiến được các thần-kinh và các bắp thịt. Những giây nhỏ kia, lại phân ra rất nhiều nhánh-cánh đi giải rắc ra trong thân-thể và giao-thông với những nhánh-cánh của các tế-bào khác. Các tế-bào này không cái nào giống cái nào cả. Vì cũng như vô-số các sinh-vật vi-ty, thiên hình vạn trạng, nhưng có chỗ chung nhau, và cái nào cũng có những râu (tentacules) dài và nhỏ, để tiếp-xúc với những vật ở quanh mình. Ta vẫn biết rằng những tế-bào này không phải một ngày một nẩy-nở thêm ra, nhưng cái số tuy không tăng, mà cái cách xếp-đặt thì cũng có thể theo tuổi người ta, càng ngày càng thêm hoàn-toàn hơn mãi. Vả lại, những nhánh-cánh của não-bộ cứ ngày càng lan rộng ra, cho nên cái cách liên-lạc của các tế-bào cũng nhờ đấy ngày thêm chặt-chẽ. Cách liên-lạc của các tế-bào ấy, tính phác ra có đến mấy triệu triệu hình khác nhau. Xem vậy, tấm óc người ta, thật là một bộ-phận phiền phức nhất ở trong bàu giời.

Tuy vậy, giá-trị cái năng-lực tinh-thần, không phải toàn-bằng ở nguyên-chất của tấm-óc. Cách sinh-hoạt của các tế-bào trong óc, cũng như hết thảy các tế-bào khác ở thân-thể người ta phần nhiều tùy ở tính-chất thứ huyết-chấp tưới ngoài. Bởi vậy, tấm-óc phải chịu ảnh-hưởng các cơ-quan sinh huyết, các vi-trùng trong người và các hóa-chất ở ngoài đưa vào nữa. Óc một người tuyệt-thế thông-minh không thể trống lại với một tí rượu mạnh; mà

Annam đều quen nói hằng ngày được. Vả lại, xưa ta chịu ảnh-hưởng nho-học đến mấy mươi thế-kỷ, nay ta theo học-mới, mới có mấy mươi năm. Không phải có ai là người mong-ước theo học mới nhiều năm mãi để mà có được những người lấy Pháp-văn viết thay vào Quốc-văn đâu. Hiện nay, những người viết Pháp-văn chẳng qua vì thời-thế mà phải lấy chữ Pháp để tự-minh bày tỏ cho người Âu-châu rõ cái tính-tình của mình, phong-tục của mình, hoặc phô vẽ cái giang-sơn hoa-gấm của mình, hoặc giãi-bày các nguyện-vọng của mình, mà không phải cần ai thông-ngôn, — nhưng theo nhẽ thiên-diễn, tất mãi mãi sau này, người Á-đông này còn phải quay mặt về phương Tây mà tìm ánh sáng. — Ta không thể khinh cái học mới, cái tinh-thần Âu-học, có thể giúp cho hồn-văn ta mạnh-mẽ mãi lên. — Từ trước đến nay, văn nôm của ta chưa nhờ Tàn-học được mấy. — Từ nay về sau, nghĩa-vụ của người Tàn-học là phải làm cho Tàn-học giúp được cho quốc-văn thêm nhiều vẻ tà-kỳ.

(Còn nữa)

Nguyễn tiến-Lãng

giá không có những thứ nước thấm ra ở các cái hạch của cơ-quan sinh-sản, thì năng-lực chân-chính về tư-tưởng, sẽ không thể nào có được. Bỏ một vài con vi-trùng giang-mai vào trong óc, sẽ làm cho một người rất tầm-thường, tự-nhiên yên-trí mình là Nã-phá-Luân Hoàng-đế hay là ông Chúa nhà ngân-hàng Rothschild. Vậy thiên-chất các cơ-quan và các huyết-chất có được hoàn-toàn, thì cái đảm-lực, cái trí phán-đoán, cái tư-chất thông-dĩnh, cái trí tưởng-tượng, cái đạo-đức lực, mới có thể hoàn-toàn phát-triển ra được.

*
* *

Nói tóm lại, tài xuất-loại bạt-tụy về tư-tưởng, mỹ-thuật, đạo-đức, và huyền-bí sở-dĩ phát-sinh ra, là nhờ ở các nhục-bào và cái khối có đều được tốt đẹp vẹn-vẽ. Ở trong cái gia-tài thế-truyền, chúng ta mỗi người nhận được một số não-bào khác nhau. Về phương-diện ấy, chúng ta đã bất-bình-đẳng rồi. Nhưng muốn chữa lại cái chỗ bất-bình-đẳng ấy và muốn làm cho tư-cách mỗi người ngày một thêm tốt lên, sự đó cũng không phải là không có thể được. Muốn thế, ta phải tìm cách dẫn-đạo đường sinh-trưởng của thân-thể và não-bộ, để rèn-đúc lấy những người thích-hợp với đời sinh-hoạt mới. Hiện nay, công-dụng cơ-khí đã thay cho sức vóc chân tay. Cái óc nghĩ cân-bằng, cái trí biết phán-đoán, cái tư-chất thông-minh, cái quan-niệm đạo-đức, ở lúc này thật thiết-dụng cho ta hơn là cái tài chạy giỏi, nhảy giỏi, và ném vòng giỏi. Mà những kẻ lực-sĩ sở-dĩ nổi tiếng, chẳng phải vì não-bộ họ chắc-chắn hơn người, cũng chẳng phải vì trí thức hay đạo-đức họ siêu-việt hơn người. Vậy thiết-tưởng lúc này không phải là lúc ta nên sô nhau thờ-phụng ông thần lữ-lực.

Người đời nay, có cần đến cái bắp thịt, cũng chỉ cần cho có đủ được cái thân-thể chắc-chắn, đều-đặn mà thôi. Vậy ta cần phải công-nhận rằng: bộ óc bao giờ cũng chiếm phần hơn, bởi vì không có cái gì thay cho cái năng-lực về tinh-thần được.

Mai-khê

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

6

(*Tiếp theo*)

.....Nhưng tôi thiết tưởng cứ nên nói rõ. Những người dạy trẻ thường không hiểu thấu những cái kết-quả bất-ngờ của phương-pháp giáo-dục hiện dùng là cái cách cứ đem một phương-pháp nhất-định ra thực-hành với nhất-luật tất cả mọi đứa trẻ, có khi lại thực-hành một cách không kín-đáo; nếu hiểu rõ, tất phải mau mau đổi hẳn cái lối cũ đi.

Cũng vì muốn cho người ta nhìn rõ cái gương thông-thường xấu-sa ấy mà tìm phương bổ-cứu, nên tôi không ngại tự đem mình làm thí-dụ ở một truyện kể ra sau đây:

Cô *Lâm-thị* trông nom chúng tôi, thương yêu chúng tôi như mẹ thương con, thì tất nhiên đối với chúng tôi cũng có cái quyền một người mẹ, khi chúng tôi có lỗi thì có thể đánh đòn cũng như một người mẹ dạy con. Trước, cô *Lâm* chỉ dọa chúng tôi mà không đánh bao giờ, tôi chưa bị trận đòn nào, nghe chữ «đòn» đã sợ một phép. Song có một lần cô *Lâm* đánh tôi thật, tự tay cô đánh tôi, — thì tôi trải qua cái trận đòn ấy, lại thấy nó không có gì đến nỗi cho tôi phải ghê như trước. Chẳng những thế, vì được tay cô đánh, mà tôi hình như lại càng mến cô. — Thật quả nếu tôi là đứa tinh-ma và không thành-kính cô *Lâm*, thì có nhẽ tôi đến nước cố-ý làm nên tội để mong cho cô đánh; tôi thích cái trận đòn đến như thế! Bởi vì phải đánh đau thì có đau thật nhục thì có nhục thật, nhưng riêng tôi thấy trong sự đau ấy có khoái-lạc về đường nhục-dục (1), cho nên tôi thầm ước cứ được cô đánh đòn mãi..... Nói cho xác-đáng, hẳn cũng vì có một cái mầm tình-dục sớm nẩy ra: vì nếu tôi thử tưởng-tượng rằng: cũng trận đòn ấy mà chính tay ông *Lâm-bác-sĩ* vụt tôi, thì lại không còn cái thú-vị ấy nữa... Nhưng tính cụ hiền-lành một mực, chẳng khi nào đến nỗi ấy. Tuy vậy, tôi thích đòn, song cũng biết chừa, biết giữ-dìn bổn-phận cho khỏi bị đòn nữa, vả lại, sợ không ngoan thì cô *Lâm* ghét. Tính tôi như thế, phàm đối với ai đã có thiện-cảm thì không cứ về tinh-thần, cả về đường vật-chất cũng vậy, — cái thiện-cảm ấy sẽ sai-khiến được lòng tôi.

Tuy tôi giữ-dìn để tránh một trận đòn thứ hai (mà vừa giữ-dìn, trong bụng lại vừa ước ao...), tuy tôi không tự-ý gây nên lỗi, nhưng cũng có một phen, tình-cờ, cô *Lâm* lại đánh tôi một trận nữa, thế là tôi mãn-nguyện mà không có tội với lương-tâm! Nhưng trận đòn ấy là trận cuối cùng. Hình như người bảo-mẫu tôi có ý hiểu ngầm rằng sự trừng-phạt ấy không đạt tới mục-đích, liền tuyên-bố rằng từ nay về sau sẽ thử không dùng cách phạt đòn ấy nữa, — Vả chăng, mỗi lần đánh tôi chả bõ nhọc và mỏi tay.

Rồi cách hai hôm sau, trước chúng tôi vẫn nằm ngủ chung một phòng với cô, — có khi mùa rét thì chung một giường, chúng tôi đổi buồng ngủ; từ đó, tôi được cái hân-hạnh được cô coi tôi là người nhớn. — Kể ra tôi cũng không cầu chi cái hân-hạnh ấy!

(1) Những người về phái phản-đối ông Lư-Thoa về sau dẫn những đoạn như đoạn này để «kết án» ông là điên, gàn, có bệnh thần-kinh. Còn nhiều đoạn khác cũng ly-kỳ như thế dịch-giả không dám bỏ đi.

Hồi đó tôi lên tám, mà người con gái họ *Lâm* ấy thì đã ba mươi; mấy cái roi đòn của cô ta, có ai ngờ có ảnh-hương mạnh với cát tính-nết tôi, cảm-tình tôi; những điều tôi mơ-ước, những sự tôi mê-cuồng; tất cả tâm-thần tôi từ đây về sau, có ai ngờ vì đấy mà có di-dịch, di-dịch một cách trái với lẽ tự-nhiên. Đời tình-dục, đời của cái sác-thịt tôi, bắt đầu từ đó; tình-dục đã nẩy ra, nhưng chỉ biết có một cái «khoái-lạc» kỳ-dị là «thú phải đòn» thì trong mộng-tưởng cũng không có sự gì khác nữa, mà không tìm sự gì khác nữa. Tình-dục của tôi thật là hăng-hái nhưng tôi giữ mình tôi được trong sạch mãi đến khi thật nhiều tuổi, — khi tới cái tuổi mà dẫu người nào lãnh-đạm lành hiền hay đần độn đến đâu cũng phải theo công-lệ của Tạo-hóa — Lúc ít tuổi, cứ luôn luôn, thấy bứt rứt trong người, chẳng biết vì đâu; nhìn thấy mĩ-nhân thì ngắm không biết chán, nhưng ngắm xong thì cảm-tưởng ra sao? Số là trong trí tưởng-tượng vẫn luôn luôn phảng phất những bóng hồng của ai, nhưng cái mơ-tưởng thì rút lại chỉ có một nếp đã quen: nghĩa là chỉ mơ-ước được mỗi người đẹp ấy đánh đập cho mấy cái, cũng như cô con gái cụ *Lâm* đã đánh mình vậy!... Mãi về sau, tuổi ngày càng lớn, mà cái mơ-ước la-lùng ấy cũng cứ theo mãi, thật là hèn-hạ, thật là điên-rồ; nhưng cũng vì chỉ biết mơ ước có thế thôi, mà nết-na của tôi tuy có một cái tính yêu hoa nhưng vẫn giữ được không hóa ra người dâm-đãng. — Tôi xét ra đã được chưởng một cái giáo-dục chính đáng và giữ sạch được mọi nỗi tà-dâm, như tôi, thế đã là có phúc lắm. — Bà cô tôi không những là người đoan-chính, mà nói cái nết-na đứng-mực, thì tôi tưởng đời ấy ít ai bì: thời đại bấy giờ đã là lúc đàn bà bắt đầu quên lễ cũ (1) — Còn như cha tôi, tuy là người có tính phong-lưu, nhưng theo lễ-phép đời xưa, nhời ăn tiếng nói đối với tình-nhân cũng có thể để cho những cô thiếu-nữ có nghe thấy cũng chẳng đến nỗi lấy làm hổ-thẹn. Trong gia-đình, và nhất là khi nào có mặt tôi, thì nhời ăn tiếng nói của cả nhà lại càng giữ-dìn cẩn-thận, kể biết kính-trọng cái hồn đứa trẻ đến thế là rứt mực. Khi đến trọ ở nhà cụ *Lâm-bác-sĩ*, cái hoàn-cảnh cũng y như thế: có một đứa đầy-tớ gái, hầu hạ thật tốt, mà chỉ vì một hôm có mặt chúng tôi, nó nhỡ nói một tiếng hơi tục, cụ đuổi ngay lập tức. — Vì cái giáo-dục ấy tôi từ nhỏ đã tập quen chẳng những không dám tưởng-tượng đến những sự giăng-hoa bao giờ mà hễ trông thấy gái giang-hồ thì biết tởm, trông thấy giai dâm-đãng thì biết khinh, — cả đến sự sinh con đẻ cái cũng cho là ghê bẩn lắm không dám nghĩ đến.

Tôi sở-dĩ từ bé tuy biết thích người đẹp, nhưng hồ mơ-tưởng đến người đàn bà đẹp thì lại chỉ biết ước có một sự: là ước được người ta đánh mình (!), — Cũng là do cái giáo-dục ấy mà ra.

Khi đã thành-nhân, cái tật cũ vẫn còn trong óc. — Trông thấy người đàn bà thì nhớ lại cái mơ-ước điên-rồ lúc nhỏ; lại thêm cái tính tự-nhiên rút-rát, thành ra khi nào gần người con gái, chỉ luống-cuống, ước-ao mà câm miệng, càng yêu càng không biết nói ra. — Chả nhẽ lại thú-thật với người yêu rằng: tôi ước gì được người yêu đánh cho mấy roi!! Không dám ngỏ cái điều riêng của mình ra, nhưng lấy trí tưởng-tượng để bày ra những cảnh có tương-tự với cái cảnh « trẻ phải đòn » kia: nào là quì gối bên người tình-nhân, người tình-nhân đó rất là cương-nghị sai khiến được mình (!), nào là vâng lệnh lịnh ái-nương, nào là có lỗi thì phải kêu xin cùng người yêu tha-thứ, ấy nghĩ ra những cảnh ấy mà lấy thế làm tuyệt-sướng! Trí tưởng-tượng càng phô bày cái bức tranh tòng-phục ấy ra rõ rệt, thì tâm-thần càng toán-loạn, rút lại chỉ luống-cuống thêm! Độc-giả xem đấy đủ rõ rằng: một cái cách yêu vậy, chẳng phải là một cách có thể làm hại gì đến tuyết sạch giá chong của vị khuê-các nào cả... Rút lại, kể thực-sự thì đời tình của tôi chẳng được mấy lần thật là mãn-nguyện; nhưng nếu cứ theo trí tưởng-tượng của tôi, thì trong đời tình ấy tôi cũng đã thừa hạnh-phúc (1)...

Ôi! Nghĩ những nỗi lòng tả ra trong tập tự-thuật này, có lúc nó không khác gì một cái hang quắt-quéo, mờ tối bùn lầy, — mà cái đoạn trên kia tức là bước đầu tôi đưa độc-giả qua một đoạn quắt-quéo nhường ấy. Tôi xin nói hết cả đến những tội-lỗi của tôi; thật nhắc lại tội-lỗi mà thú nhận, tôi coi là một việc dễ. Nhắc lại những sự khiến cho tôi phải đem thân cho người ta cười, cho người ta, ấy mới khó hơn. — Câu chuyện trên kia tôi đã nói ra được rồi, — thì từ nay tôi chắc hẳn nỗi lòng có khi khuất khúc đến thế nào tôi cũng không chịu không nói được ra cho rõ (2).

Q

... Tôi càng dần dần nhớ lại những buổi đầu cái đời tình-cảm của tôi, càng xét ra rằng có nhiều tính-nết kể riêng từng cái thì nhường như phản-trái nhau, mà gồm lại trong tâm-trí tôi thì hóa ra nó lại cùng nhau góp sức để cùng có một cái kết quả. Trái lại, lắm tính-chất mới xét qua thì hình như giống nhau, mà vì ngoại-cảnh xui nên, những tính-chất ấy tương-phản nhau một cách không ai ngờ. Này, có ai ngờ cũng do cái nết đa-tình, và kiêu-nhược nói trên kia, mà khiến cho tôi biết luyện lấy mình để nên người gan-góc? — Độc-giả để ý vào cái tính xấu tôi đã kể, rồi lại xét đến truyện sau này sẽ thấy một cỗi ấy mà hai cảnh có thể khác nhau lạ...

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng
dịch

(1) Nói về thế kỷ thứ 18 ở Pháp.

(1) Đoạn này dịch giả đã lược đi nhiều. — Khi dịch xong toàn bộ sách này dịch-giả có lời phê-bình hoặc dẫn-giải từng đoạn. —

(2) Lược đi một đoạn.

TRINH THÁM NƯỚC ĐỨC

2

Như kỳ trước tôi đã nói: A. K. Graves đậu hai bằng bác-sĩ. Thế mà đến khi vào ban trinh-thám nước Đức, còn phải chịu huấn-luyện ngót sáu tháng trời. Cái thì-giờ bắt-buộc phải học-tập hàng ngày kể cũng đã là nhiều; nhưng vì Graves còn muốn cho chóng giỏi để ra làm việc, nên càng gia-công nghiên-cứu xem-xét, thành ra mỗi ngày cặm-cụi tới mười-ba mười-bốn tiếng đồng-hồ.

Sáu tháng trời! Một khoảng thời-gian ngắn-ngủi như vậy thì hẳn bà-con mình cho là dầu chịu-thương chịu-khó đến đâu cũng chẳng học thêm được mấy tí. Nghĩ như vậy là bởi ta chưa biết cái cách «hà-tiện» thì-giờ của một giống người chăm-chỉ, hay lam hay làm như người Đức. Tính vốn tham công tiếc việc mà động nhấc tay lên làm việc gì đã có phương-pháp hẳn-hoi, như vậy thì lẽ nào chẳng chóng vánh dễ dàng.

Graves tập đoán các quãng xa gần cao thấp bằng mắt cho quen, tới khi đoán bằng mắt với đo bằng đồ-dùng cũng không sai nhau là mấy. Lại tập tính nhẩm theo khoa tam-giác-pháp cho thật nhanh và thật đúng, tập xem các thứ đất cát mềm rắn thế nào, lại tập vẽ cho thật hoạt nét bút. Đó là mấy điều cần biết làm đầu. Thí-dụ như một viên thám-tử được lệnh cắt đi thám một cái thành nào đó, vậy phải biết dùng cặp mắt mà đo cho đúng; đo xong phải dùng phép tính riêng mà tính, tính rất nhanh và thật chắc-chắn; nào là mặt thành, nào là góc thành, nào pháo-đài lớn, nào pháo-đài nhỏ, trong thành xếp-đặt ra sao. v. v... Đo và tính xong, phải nhận xem đất cát chỗ nào rắn, chỗ nào mềm, gồ lên lỗm xuống những thế nào, v. v.; đoạn, cầm bút chì phác ra một mảnh giấy. Những một cái vẽ phác này cũng có nhiều lối riêng, rứt thần-tình. Một việc như thế, tưởng cũng không phải là dễ. Vậy mà viên thám-tử kia phải làm một cách tự-nhiên và nhẹ-nhàng như bỡn. Ai không biết thì cứ yên-trí cho là một người đi dong chơi, ngó chỗ này, nhìn chỗ nọ; ngờ đâu rằng trong bụng người ấy đang dự-bị vẽ một bản-đồ rành-rọt cả cái thành rộng rãi to lớn kia.

Khoa này học xong, lại học đến khoa chế-tạo các thứ tầu bể. Mấy viên giám-định lão-luyện ở tòa điều-khiển thủy-quân của Đức-Hoàng chuyên dạy Graves về khoa đó. Phải làm sao cho hiểu thế nào là một chiếc thiết-giáp-hạm, thế nào là một chiếc tuần-dương-hạm, thế nào là một chiếc khu trục-hạm, thế nào là tầu phóng-ngư-lôi, thế nào là tầu diệt-ngư-lôi; các kiểu ngư-lôi và trái-phá thả lơ-lửng ở mặt biển; các kiểu tầu ngầm vẫn thường rong-ruổi dưới bể khơi, v. v.... Học để mỗi khi nhác nom thấy một chiếc tầu, đã biết ngay được rằng tầu đó là thứ tầu gì, ở về hạng nào, của nước nào; thế tưởng cũng đã công-phu; nhưng mà như vậy chưa đủ. Còn phải học cho kỹ biết được cả nội-dung chiếc tầu ra làm sao, mà lại phải biết rõ ràng, có thể tả ra cho người khác hiểu được; như thế là để phòng khi phải đi thám một kiểu tầu mới, có thể làm được biên-bản, nói tách bạch hẳn ra rằng kiểu mới giống kiểu cũ những gì, khác những gì, các bộ-phận trong tầu, thêm lên bớt đi những gì, v. v. .... Học đến nỗi chỉ nghe tiếng «vè-vè», hoặc tiếng rít lên của một quả ngư-lôi từ chiếc tầu nọ rẽ nước bắn sang chiếc tầu kia, mà biết ngay được rằng ngư-lôi đó thuộc về kiểu White Head hay là kiểu Brenman. Xong rồi, học đến các kiểu súng đặt ở trên tầu; lại phải nhớ cả những kiểu y-phục các hàng quan-quân trong ngạch thủy-binh của các nước. Graves ngồi trong tòa tham-mưu tại Berlin mà học phần lý-luận ở trong sách và nghe cắt nghĩa; xong rồi lại tới những xưởng chế-tạo lớn của hải-quân Đức ở Kiel và Wilhelmshaven để mà nhìn nhận xem-xét về phần thực-hành.

Đây là tôi nói tóm-tắt để các bạn Độc-giả biết đại-khái trong mấy tháng trời người Đức rèn luyện cho Graves thế nào để ông ta trở nên một tay trinh-thám hoàn-toàn. Mỗi khi học về một khoa nào, lại có mấy tay chuyên-môn nghiên-cứu về khoa ấy dạy; bởi thế cho nên thời-hạn học tuy ngắn-ngủi mà những điều biết thêm ra được thì rất rộng, rất nhiều.

Từ kỳ sau, tôi chỉ việc thuật lại lời Graves. Graves nói làm sao, tôi sẽ thuật theo làm vậy.

(còn nữa)

Đặng-văn-Hinh

TẢN-ĐÀ QUỐC-VĂN
ĐẶC BIỆT QUẢNG-CÁO

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi.

Nguyễn-khắc-Hiếu

VĂN-ĐÀN

DU-KÝ

Mấy bước đường rừng

«Bái-trung sơn thủy hữu tình,
Vui chơi non nước mà mình quên ta.
Tô-giang thảo thụ bà-sa,
Buồn trông phong cảnh mà ta nhớ mình.»

Mấy câu lục-bát đây, không nhớ rõ là của ai; tôi chỉ nhớ được nghe ở một người bạn xưa là M. *Đặng-đức-Vụ* đọc chơi, và nói là của một người ở Hà-nội gửi cho một người ở Yên-bái. Tôi thường ngâm tụng câu ấy, lấy làm rất hay. Nghĩ như giang sơn hoa thảo, chưa hẳn thế nào đã là vui, chưa hẳn thế nào đã là buồn, mà tự cảm-tưởng của người ta viết ra như thế, thực là bút có hóa-công vậy.

Trong khi M. *Nguyễn tiến-Lãng* ở phủ Thống-sứ đổi lên làm việc ở Yên-bái, tôi tiễn chân ra ga Hàng-cỏ, đã có nhớ đến mấy câu ấy. Từ khi An-nam tạp-chí ở hàng Khoai xuất bản, M. *Lãng* có bài gửi về đăng trong báo hằng thường. Nhân có nhiều câu chuyện muốn bàn về trong sự văn-chương, tôi để ra thì giờ một hai hôm, lên chơi cùng ông Lãng, cũng để thăm sơn thủy *Bái-trung*.

Ngày thứ bẩy, *20 Février* 1932, từ Hanoi ra ga đi chuyến xe lửa thứ nhất, buổi trưa đến Yên-bái đi chơi xem phong-cảnh một buổi chiều.

Buổi tối nói chuyện về việc văn, có cả mấy vị sĩ-phu cùng họp vui ở nhà M. Lãng. Sáng hôm sau chủ-nhật, tôi cùng M. Lãng cùng đi chơi Bảo-hà, cách Yên-bái năm ga, cũng là địa-hạt tỉnh ấy, vì hôm ấy ở Bảo-hà có hội.

Trong khi đi xe lửa ở Yên-bái lên Bảo-hà, chúng tôi được gặp một người cùng nói chuyện văn thơ, là M. *Nguyễn-văn-Long, Chef de train à Yên-bái.* M. Long đọc cho nghe những câu đối của ông làm chơi trong khi còn đi học ở Hanoi :

Câu đối lúc sắp thi

Tài sắc kém chi ! bấy những căm gan cùng tạo-hóa.
Công danh ắt hẳn ! phen này phỉ chí với giang sơn.

Câu đối chữ nho dán chơi tết

歲有四時春在首
Tuế hữu tứ thời xuân tại thủ ;
士兼白藝學爲先
Sĩ kiêm bách nghệ học vi tiên.

M. Long năm nay trông người chừng độ 30 tuổi. Cùng nói chuyện lại có M. *Nguyễn-tiến-Qui, Contrôleur des trains à Phố-mới*, họp ý-kiến cùng nghĩ về vấn-đề rượu của người An-Nam ta. Câu chuyện ấy để sau này sẽ có riêng một bài luận-thuyết.

Đến Bảo-hà xem hội. Sự rước kiệu cũng có những bà đồng xanh đỏ như dưới xuôi, chỉ hơi khác có mấy vị tiểu-thư người Mán. Chơi hội Bảo-hà không lấy gì làm hứng-thú cho lắm ; song vì nhân có sự Bảo-hà đi hội, mà thêm hay *mấy bước đường rừng*.

***

Nguyên ở Bảo-hà, tôi có một người anh em thân-tình, là M. *Trịnh-xuân-Nhạc*, làm chủ kiểm-lâm (chef de la direction forestière) ở hạt đó. Từ khi ông Nhạc ra làm việc Kiểm-lâm, tôi đến bận này mới ngẫu-nhiên được biết. Ông Nhạc với ông Lãng, kể lại là người làm việc trong cùng tỉnh với nhau. Cho nên trước khi đến Bảo-hà, đã có M. Nhạc đứng chơi ở trước ga. Mấy bước đường rừng của nhà Thi sĩ sẽ tả-cảnh ra như sau, tức là do ở nhà Kiểm-lâm ấy dắt đi vậy.

Ngày hôm 22 Février, thứ hai, hôm ấy M. Long đã xuôi về Yên-bái làm việc, tôi theo M. Kiểm-lâm đi *Tournée* vào chơi thăm xem phong-cảnh đường rừng. Ở Bảo-hà đi lên ga Phú-lu, là để tiện về sự thuê ngựa. Không ngờ hôm ấy là phiên chợ Bắc-hà (sẽ có nói ở sau), bao ngựa thồ (1) ở Phú-lu đi Bắc-hà hết thảy. Cứ ông Kiểm-lâm tính độ đường từ Phú-lu đi 16 cây số thời đến Võ-lao là chỗ nghỉ tối, vì Võ-lao thuộc về châu Văn-bàn tỉnh Yên-bái, tức thuộc trong phạm-vi sở Kiểm-lâm Bảo-hà ; còn như ở Phú-lu đi vào, thời là mượn đường qua địa-giới Lào-kay vậy. Khi đó ngựa đã không thuê được, thuyền lại cũng không tiện đi, sự-thế bắt buộc phải đi bộ. Lúc ở Phú-lu đứng dậy đi, chừng khoảng 11 giờ; đi chừng được 9 cây, giời đã chiều. Bên đường thấy hiện ra có một xóm nhà ở. Ấy là nhà giống người *mán Xừng*. Chúng nhân mỏi mệt, đều mừng được có chỗ tạm nghỉ. Khi ấy mới dừng chân nhìn tới phong-cảnh, rồi giết gà mở rượu, cùng quây-quần bên đống lửa làm vui. Tất cả vợ chồng con cái nhà người mán, cùng hàng xóm láng giềng cùng đến để họp vui, khách để ý xem chủ, chủ để ý xem khách, người keo nhận sự ăn mặc của người mán, người mán

(1) Ngựa của người Thổ để cho thuê, gọi là ngựa *thồ*.

xem sự ăn uống của người keo. Củi rừng lửa đốt sáng trưng, có thể gọi là vui vậy. Trọng bọn chúng tôi cùng đi đó, tất cả có bốn người, ngoài ông Kiểm-lâm và tôi thời có một người cai của sở Kiểm lâm và một người phu theo gánh đồ. Ăn uống trò chuyện xong, chúng chia chỗ cùng ngủ. Lúc gần sáng, có bốn câu tức-sự rằng:

Ào ào tiếng suối bên tai,
Lợn kêu úy-oéc bên ngoài cửa phên.
Đầu nhà sương xuống từ trên,
Vách phên gió lọt bốn bên lạnh-lùng.

Cái cảnh của người mán ăn ở như thế, nếu không sẵn củi rừng để đốt, thời đàn bà con nít chịu với sự rét được sao? Nhân thế mà tôi lại nghĩ ra: nhân-sinh mấy sự vật cần dùng, nghĩ như người mán thực rất đủ. Trong sách nho có chữ 水火至足 *thủy hỏa chí túc.* Nghĩa rằng: «Nước và lửa hai vật rất đủ». Song cứ hiện-trạng của loài người An-nam ở Hà-nội; thời gáo nước, thanh củi, hà-tiện biết là nhường bao! Vậy mà cứ mấy nhà người mán đấy xem ra, củi rừng nước suối, thừa-thãi đã đành; lại thóc chất đầy gác, gà lợn đầy nhà, (1) vải dệt lấy, áo may lấy, rượu nấu lấy, thực là rất đủ vậy. Những vật cần dùng của người Mán, phải mua ở bên ngoài, chỉ có như dầu, muối, đồ sắt, đồ đun mà thôi. — Mỗi lúc giời mưa rét, đốt đống lửa giữa nhà nấu ăn, vợ chồng con cái, xum-họp quây-quần; mẹ dạy con học may, đứa con gái lên năm đã tập biết đường kim mũi chỉ. Lại thấy nói trong gia-đình và làn-lý, chưa hề có tiếng cãi nhau. Vậy cứ sự no ấm êm-đềm, giống người đó so với phần nhiều người trong dân-tộc Trung-châu ta, thực à có hạnh-phúc nhiều hơn lắm lắm. Song nhân-thế đã là nơi khổ-hải, mà cuộc đời càng đương buổi cạnh-tranh, hơn được kém thua, lệ thường thiên-điền. *Thần-nông, Ngu, Hạ*, cái hạnh-phúc rất tinh-qui của loài người, ông Tạo-hóa đã không cho được hưởng nữa; thời đâu có lẽ yêu riêng gì giống Mán? mà Hóa-công chịu tiếng không công. Cứ lẽ đó nghĩ ra, thời nên có một tờ *lục-sức* của ông Lý làng *Xuân-dao* thuộc châu *Thủy-vĩ* tỉnh *Lào-kay*, mà nhà Thi-sĩ lại lục-biên như dưới:

保阮夫限長富
大爲八本認流
七承名月交若
年飭具十該不
正緩有八六遵
月灰日日路遲
十小根小起欠
五派十派 責 里
日宜日身修據茲長
春立將引路小錄阮
腦卽刀夫日派承文
社扒變就甘有飭莊
里取鐲家棠咎
長民鍾里至

Bảo-đại thất niên, chánh-nguyệt, thập ngũ nhật, Xuân-dao xã Lý-trưởng Nguyễn vi thừa-sức Khe-bá tiểu-phái nghi lập tức bắt thủ dân phu bát danh, cụ hữu khẩu-lương thập nhật, tương đao phát cuốc-xa. Hạn bản-nguyệt thập bát nhật, tiểu-phái thân dẫn phu tựu gia Lý-trưởng nhận giao Cai Lục-lục, khởi hành tu lộ, tự Cam-đường chí Phú-lưu. Nhược bất tuân, tri khiểm; trách cứ tiểu-phái hữu cữu.

Tư lục thừa-sức
Lý-trưởng Nguyễn-văn-Trang

(Sẽ tiếp)

Tản-Đà

(1) Lúc muốn bắt một con gà, người man đồ thóc ra giữa nhà cho gà lợn vào ăn rất đầy rẫy.

THƠ

Ở Chợ-Chu cảm đề

Đeo-đẳng hai năm cảnh vật này,
Ma thiêng nước độc phải là đây?
Rừng xanh đỉnh núi ngàn mây phủ,
Suối bạc chân đèo bóng ác xoay.
Sớm đến, sương sa con vượn hú,
Chiều về, nước lũ chú tiều ngây.
Tam-kỳ oanh-liệt chừng bao thủa,
Phẳng-phất may còn họa cỏ cây.

Tô-xuyên
Médecin à Yên-Bay

Hoa mai rụng

Cánh xuân lả-tả rụng bên tường,
Ngắn-ngủi đời hoa những thảm thương!
Vẻ ngọc tưởng vui cùng tuế nguyệt,
Nhị tàn đã rữa dưới phong sương.
Trong vòng ảo-mộng, ai mê sắc;
Đối cảnh phù-sinh, khách tiếc hương.
Nào kẻ chôn hoa đâu đó tá?
Đầu cành bảng-lảng ánh tà-dương.

T. S.

Lúc tan canh

Chợt tỉnh, tan sương thấy đỗ hồi,
Bốn phương thức ngủ những ai ơi?
Gà dan bên nóc xôn-xao gáy,
Cuốc giục ngoài hiên khắc-khoải hơi.
Tiếng trống bình-minh khua giấc tỉnh,
Hồi chuông thúc giục báo canh thôi.
Mơ-màng ai kẻ say trong mộng,
Thức dậy tranh đua kẻo lỡ thời.

Tô-xuyen

Qua hồ Liên-ngạn (Phú-thọ) hoài cổ

Cảnh cũ bây giờ lại thấy đây,
Kìa hồ Liên-ngạn, lớp nhà lây.
Sen tàn, cúc nở, hương còn ngát,
Liễu rủ, thông reo, nước vẫn đầy.
Ông lão ngồi câu, ai biết, hỏi?
Cô hàng bán nước, hỏi, ai hay?
Người đây cảnh đấy, lòng ngao-ngán,
Lai-láng hồn thơ gửi nước mây....

Kim-Long

Trông cảnh cũ, nhớ người xưa

Này trông cảnh cũ, nhớ ai xưa,
Nhớ khách tri-âm dạ ngẩn-ngơ!
Tịch-mịch hồ sen vừng thỏ lặn,
Tiêu-điều khóm trúc ánh trăng mờ.
Mạn thuyền nhớ lúc tay ôm nguyệt,
Bên án đòi phen miệng họa thơ.
Ngắm cảnh não lòng người đối cảnh,
Tao-phùng khách hẹn đến bao giờ?

Bồng-Hải
Trần-quang-Chúc.
(Gia-Long) Thái-Bình

CÂU HÁT TẠP

Gửi cô hàng nước, lấy chồng đã được ba con

Bây giờ em đã có chồng,
Ba con: con bế, con bồng, con mang.
Trước em dọn quán bán hàng,
Em còn nhớ khách qua đàng hay quên?

Sang đò.

Thuyền ai lơ-lửng bên sông?
Ghé vào đỗ bến cho Long sang nhờ.
Cách sông nên phải lụy đò,
Kia ai tay lái, miệng hò: «rô-khoan!»
Lênh-đênh một chiếc thuyền lan,
Càng quen thuộc nết, càng dan-díu tình.
Long về, Long nhớ cô-mình,
Nước non nặng gánh chung tình ai mang?

Kim Long

VĂN TẠP KIỀU

Tặng báo An-nam lại xuất-bản

Nghe tin nở mặt nở mày,
Lòng nào còn tưởng có rầy nữa không?
Khát khao đã thỏa tấm lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Trời còn để cho hôm nay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra,
Trên vì nước dưới vì nhà,
Tưng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài.
Nhời quê góp nhặt giông dài,
Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Hữu tình ta lại gặp ta...

Lê-văn-Hoàn
Village Yên-Phụ

DỊCH THƠ CHỮ PHÁP

Chanson d'automne

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.

. . . . . .

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure.

. . . . . .

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De-çà, de-là,
Pareil à la
Feuille morte.

Paul VERLAINE

Thu ca

(Bài dịch thứ nhất)

Thần thức sầu,
Thoảng đàn đâu.
Thu như rầu,
Bâng-khuâng lòng đau.
Hiu-hắt tuôn sầu,
Sớm chiều như nhau.

. . . . . .

Thần-thức gan vàng,
Lạnh-lùng tình thương.
Bỗng như nghe chuông,
Chợt động can trường.
Nhớ xưa vần-vương,
Lệ sầu như sương.

. . . . . .

Lang-thang ơ-thờ
Lần theo gió thu,
Mặc cho gió đưa.
Vẩn-vẩn vơ-vơ.
Nào khác chi là
Bên đường lá khô.

Lý-nguyên-Bách
Đ. H. H. sao lục

(Bài dịch thứ hai)

Đàn thu réo rắt bi ai,
Mưa sầu tưới lệ ướt đầy lòng em.
« Đoạn trường » càng vẳng càng thêm,
Càng thêm thảm thiết, càng thêm não nùng.

. . . . . .

Não-nùng phai tía lạt hồng,
Hơi thu sang-sảng tiếng đồng gợi thu.
Gợi thu gợi giấc mơ-hồ,
Giang-châu giọt lệ bi thu vắn dài.

. . . . . .

Dấn mình vào kiếp trần-ai,
Mưa đơn gió kép tơi-bời tấm thân.
Bốn phương mù-mịt phong-vân,
Cảnh hoa tàn-tạ dám cân-nhắc gì!...

Thiếu-Hoa
Pharmacie Fr^se à Viêtri

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Bàng-hồ Hàn-vận

(Tiếp theo)

7—*Phương-Thị* người Hào-châu, là vợ Lương-tuấn-Nghiệp, chồng chết, con mất, lênh-đênh cùng khốn; khi chết, nhời thơ tuyệt mạnh rằng:

Bài thứ nhất.

Vi sinh khởi bất luyến-đình-vi,
Chuyển giác hồng mao kỷ mạnh phi.
Văn thuyết tuẫn phu đồng tuẫn quốc,
Thái-Chân tàng toái Lão-Lai y.

Dịch nghĩa:

Thân tàn há chẳng mến đình-vi,
Chút phận lông hồng sá kể chi.
Theo nước, theo chồng, âu cũng vậy,
Thái-Chân từng sẻ áo Lai đi!

Bài thứ hai

Kỷ ngữ gia viên đệ dữ huynh,
Đảng nhân văn bảo mạc tương kinh.
Khổng nhân, Mạnh nghĩa tầng vi độc,
Thử sự thong-dong tự tại hành.

Dịch nghĩa:

Gửi lời thưa với chị cùng anh,
Nghe thấy tin em chớ rật mình.
Đạo nghĩa thánh hiền ghi tạc dạ,
Đường đời quay gót nhẹ tênh-tênh.

8. — *Hoàng-tố-Phương*, người Quảng-xương tự là Ngọc-Uẩn, là vợ Nhiêu-mỗ, mười chín tuổi góa chồng. Thơ «Lục-tuần thuật-hoài» rằng:

Bài thứ nhất

Thiếu niên lệ chí thỉ kiên tân,
Đạo xích thanh trung độ thử thân.
Song thủ vị đình đầu tận bạch,
Oán thiên bất cảm, cảm vưu nhân.

Dịch nghĩa:

Từ xưa son sắt vẫn ghi lòng,
Dao kéo mưu sinh thế cũng xong.
Chưa mỏi đôi tay đầu đã bạc,
Oán giời không dám, oán người không.

Bài thứ hai

Bắc vọng Yên-kinh lộ kỷ thiên,
Khả liên bạch cốt tàng hoang thiên.
Nhất vu mạch phạn hà nhân điện,
Trường đoạn hương-khuê tứ thập niên.

Dịch nghĩa:

Đường tới Yên-kinh mấy dặm trường,
Thương thay xương trắng quằng đồng hoang.
Lưng cơm đĩa muối ai người xót,
Trót bốn mươi năm luống đoạn trường.

Trực-Viên Phạm-văn-Nghị

(Còn nữa)

ĐỨC QUỊT NỢ CHĂNG?

Sau ngày cuốn cờ cởi giáp ở bên kia giải sông Rhin, Đức phải cắn môi ký vào bản hòa-ước Versailles nhận trả Đồng-minh món tiền bồi-khoản: 132 nghìn triệu mã khắc.

Ký thì ký, nhưng trong bụng hắn đã nghĩ: Rồi ta vỗ trắng cho xem!

Quả nhiên thế! Nước Đức chẳng trả Đồng-minh một đồng nào sốt. Ngỗng ông lại lễ ông, những món tiền đã nộp cho các nước Đồng-minh, toàn là tiền vay ở các nước Đồng-minh cả; — nói cho rõ ra là nước Đức vay nợ riêng ở các nước ấy mà trả món nợ công—nợ chính-trị — phải nộp cho các nước ấy. Nước Đức « vay »! Vâng, nhưng « vay không trả », ta nên yên-trí như thế: Đức sẽ vỗ trắng cho mà xem...

Nước Đức sẽ vỗ nợ, khách bàng-quan phần nhiều trông thấy đã rõ rồi, mà người trong cuộc nghe như còn tin Đức lắm. Mới đây, Thủ-tướng Brüning nói với Sứ-thần nước Anh một câu làm cho các Liệt-cường phải chú-ý, phải ngạc-nhiên, và làm xôn-xao cả dư-luận. Thủ-tướng nói:

—«Ngay bây giờ, mà cả sau nữa, nước Đức không bao giờ có thể trả được các món nợ bồi thường cho Đồng-minh!»

Lạ thay! Nhiều người nghe tin ấy lấy làm ngạc nhiên lắm. Có phải lại nói: « Đó chỉ là ý-kiến của một người thôi! »

Nhưng không, không phải là ý-kiến riêng của ông Brüning đâu; ông phát-biểu ý-kiến của toàn-thể dân Đức đó. Ý-kiến ấy, tất cả các báo-chí bên Đức, bất cứ thuộc tả-đảng, hữu-đảng hay là trung-ương, đều hết sức hoan-nghênh và tán-thành. Ý-kiến ấy chẳng lấy gì làm lạ, vì không phải bây giờ nó mới phát-biểu; ngay từ hai ba tháng về trước, trong hội-đồng nội-các Đức, ông Brüning đã nói đến rồi:

—Ta không thể trả món nợ «Liễu-Thăng» ấy được.

Nhiều tờ báo Pháp kêu ông Briand bị chính-khách Đức lừa dối, công-kích ông vì muốn giữ cái chủ-nghĩa « du ngủ » ấy nên mới mắc lừa. Thực ra nước Đức lúc nào cũng vẫn là thù-địch của Pháp, hễ có đủ sức «đả» lại được là «đả» liền. Ông Brüning mà bảo là người biết lẽ phải, trọng ôn-hòa ư? Không, cách hành-động của ông Brüning nay cũng chẳng khác cách hành-động của ông Hitler chút nào. Ông vừa trả lời một câu rất gọn: «Chúng tôi không theo hòa-ước Versailles nữa!»

Ông Hitler trong lúc riễu trước hàng quân, chào đảng-kỳ theo lối La-mã.

Đành lẽ, đấy là nói riêng về vấn-đề bồi-thường. Nhưng hôm nay Đức «quịt» được tiền bồi-thường, tất ngày mai «tăng-phú» cả các điều-khoản về vấn-đề binh-bị. Chính ông Giám-quốc Hindenburg đã nói «hứa» việc ấy. Huống chi ông Hitler đương lăm le trèo lên ghế Thủ-tướng, lại ngấp nghé cả đến ghế Giám-quốc, chân-tướng nước Đức hiển-nhiên đã sắp phô bầy ra trước mắt thế-giới rồi.

Giữa lúc ông Hoover đương tính cách triển-hạn cho Đức, hội-nghị Lausanne sắp sửa họp để bàn, thì nước Đức vội ngỏ ý «vỗ trắng»! Câu nói ấy đủ làm cho hội-nghị Lausanne thêm phần quan-hệ: trước tình thế ấy, các nước sở-quan tất phải cần họp nhau lại để bàn.

Trong các nước sở-quan, đã thấy ông Mac Donald, Thủ-tướng Anh, cất tiếng nói:

«Theo lời của Ủy-ban tư-vấn ở Bâle, tình-hình kinh-tế Đức đã đến nhường ấy, ta có thể tin được rằng đến ngày hội nghị Lausanne, Đức cũng chẳng có câu nói nào khác với câu của thủ-tướng Brüning nữa.

«Ý định và chính sách của Anh đối với việc ấy chỉ bao giờ cần phải nói ông mới nói ra thôi...»

Còn ý kiến các nước khác ra sao? Ta chưa biết. Có lẽ nào trong đây lát trương trình Young đã bị một câu nói phá hủy được ư? Theo như lời bàn của báo Dépêche de Toulouse thì: «Chỉ bằng Đồng-minh tha cho nước Đức món tiền bồi-thường, để anh Hitler hết đường tạ khẩu!»

Thiết-tưởng chẳng ai lại nghe lời bàn ngớ-ngẩn ấy. Làm cho Hitler hết đường tạ-khẩu, tức là làm theo các ý-định của Hitler. Báo Revue Hebdomadaire bác lời bàn ấy nói một câu thú-vị: « Giá nước Đức sang chiếm được Ba-lê rồi, thì người Pháp cũng nên yên-ủi rằng: ta còn Toulouse đó! »

Nhưng nếu không tha cho nước Đức tiền nợ ấy, Đồng-minh sẽ xử-trí thế nào đây?

Ông Mac-Donald chắc rằng cuộc tương-lai đây sẽ tỏ cho các Chính-phủ sở-quan biết: nếu muốn cho Âu-châu hồi-phục lại được tình-thế cũ và nếu muốn cho yên lòng người, tất người ta phải có can-đảm nhìn thẳng vào thực-cảnh.

Ông Hoover

Cuộc tương-lai, phải, tương-lai! Thì-giờ còn giấu nhiều điều bí-mật. Ta chợt nhớ lại câu đoán trước của Ludendorff, tham-mưu của Hindenburg:

« Ngày 1er Mai năm nay, Âu-châu lại bắt đầu có việc chinh-chiến ».

Đinh Huy-Hạo

THỜI-SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Hội-đồng hội Pháp-học Bảo-trợ

Hanoi. — « Thưa các ngài, tình-hình hội Pháp-học Bảo-trợ trong năm vừa qua cũng tương-tự như mấy năm về trước, ngoài sự chi-thu không có việc gì lạ. Tình-cảnh như vậy là bởi Quốc-dân đối với hội ta vẫn thờ-ơ lãnh-đạm, chỉ chừ khi ông bà nào cần đến hội giúp tiền cho con cháu thì bấy giờ mới nhớ đến hội ta và mới tỏ lòng sốt-sắng trong ít lâu . . . »

Đó là lời ông Đỗ-đình-Thuật hội-trưởng hội Pháp-học Bảo-trợ nói trong kỳ hội-đồng hội ấy ngày 15 Mars 1931. Việc đã qua, một tiếng « ôi ! » là đủ !

Còn sang năm nay ? Tuy năm nay kinh-tế khủng-hoảng hơn mọi năm nhưng Quốc-dân được hơn lên một tuổi. *Nếu tình cảnh Hội lại như vậy thì bởi ai ?*

Nước mong được mở mặt, đành lẽ phải trông vào nhân tài, nhưng nhân tài ấy, dân nước phải họp sức tạo nên mới được.

Nằm trong chăn bông mà lo-than tiền-đồ dân nước, vác mã-tấu canh bên mả bạc mà hò-hét việc nghĩa-cử, con người ấy, năm 1932, nước ta có còn nhiều không ?

Ngày 10 Mars tới đây, hội P. H. B. T. họp đại hội-đồng ở Hội-quán hội Trí - tri (Hàng Quạt Hanci) chúng tôi mong được thấy quốc-dân tỏ lòng sốt sắng ! . . .

Tin chính-trị

Hanoi. — Trong nhà pha Hỏa-lò còn hai người bị kết án tử-hình là Nguyễn-đức-Cảnh và Hồ-Ngọc-Lân, ngồi chờ tin bên Pháp. Nếu đơn ân xá bị bác, hai người sẽ bị đưa xuống chịu tội ở Haiphòng là nơi đã sảy ra việc ám sát thị Uyển, thị Nhu.

Số tù chính trị chưa xử trong nhà pha cũng còn nhiều. Nghe đâu cuối tháng sau, tại Hanoi một phiên Hội-đồng Đề-hình, tổ-chức theo đạo sắc-lệnh mới, do một quan Thẩm-phán chủ tọa, sẽ họp để xử nốt.

Saigon. — Nguyễn-văn-Phúc, đảng-viên hội kín, can tội toan phá ngục để cứu Phan-xích-Long và Tư-Mắt năm 1916, đứng đầu nhiều đảng cướp, lột toán lính đi tuần ở Bình-thanh-Tây, bị tòa án binh kết án vắng mặt khổ-sai chung thân đã 16 năm nay, mới đây đã bị bắt và bị đưa ra trước tòa xử lại. Phúc được giảm tội xuống 6 năm tội đồ và 5 năm biệt-xứ.

Quân vũ-phu !

Badiêm (Nam kỳ). — Hôm thứ hai mới rồi, Nguyễn-văn-Nhượng khóc nức nở đến báo với hương-chức sở tại: Vợ y thắt cổ tự-tử! Các viên-chức đến nơi, thấy sác vợ y nằm sóng sượt dưới đất, ở cổ có thắt một chiếc thừng. Tình-nghi, các viên-chức đi kêu đốc-tờ về khám thì thấy trong mình người đàn bà có nhiều thương-tích nặng, nhất là vết thương ở đầu.

Xét hỏi, Nhượng thú nhận đã lỡ tay đánh chết vợ.

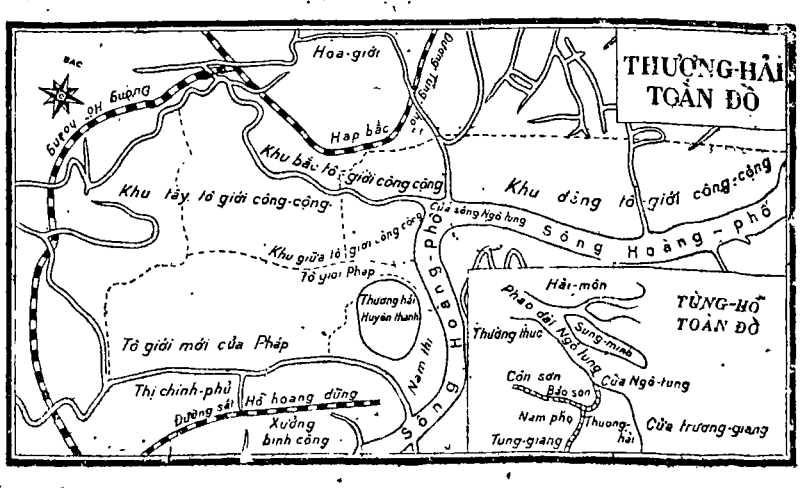

Sông Hoàng-phố ở tỉnh Giang-tô chảy qua Thượng-Hải, Ngô-Tùng vào cửa Nam Trường-Giang; dọc bờ sông có đường hỏa-xa Tùng-Hồ chạy vòng tô-giới công-cộng qua Giang-Loan, Trương-hoa-Phường, Uẩn-tảo-Phường mà đến Ngô-tùng. Theo đường xe lửa phía Nam qua Gia-Hưng, về phía dưới Tây-hồ, đến Hàng-châu (thuộc Triết-giang) gần cửa sông Tiền-Đường. Theo đường phía đông-bắc, thì qua Cô-sơn, Vô-tích, Nam-kinh v. v. . . . .

Nhảy từ từng gác thứ ba xuống sân tự tử

Hanoi.—Sáng hôm 26 Février, cậu Phạm-huy-Phan, 19 tuổi, ăn học trong trường Bảo-hộ, vì quá buồn bực, lao mình từ trên cửa buồng ngủ ở từng gác thứ ba xuống đất. Nhưng nợ trần không thoát, cậu chỉ bị vỡ hàm và gãy xương sống mà thôi. Bệnh tình tuy nặng nhưng may ra cũng thoát khỏi được.

Ôi! một đời thiếu-niên!

Một vụ ám sát

Mỹ-tho.—Nửa đêm hôm 16 Février. Một tiếng súng lục sé làn không khí êm-đềm. Ông đội Khánh xếp bóp Chợ Bùng đương lững-thững đi tuần bị một viên đạn xuyên qua ngực, ngã gục xuống bất tỉnh nhân sự.

Thủ-phạm tên là Trụ đã bị sở Mật-thám bắt được.

ĐỨC

Hitler ra ứng-cử Tổng-thống

Theo tin điện Bá-linh ngày 23 Février, trong một kỳ hội-đồng của đảng «Ra-xít», ông Nghị Gabbles tuyên-bố rằng lãnh-tụ đảng Quốc-gia Xã-hội sẽ ra ứng-cử chức Tổng-thống.

Hitler lấy cái địa-vị giáo-sư thể-dục ở trường chuyên-môn Brunswick đủ được nhập-tịch dân Đức.

PHÁP

Vàng!...

Tầu «Berenguria» vừa chở tới Pháp 86 thùng vàng trị giá gần 600 triệu quan. Lúc trục lên, giây xích máy trục đứt, 6 thùng rơi «tòm» xuống bể.

Nhưng... đừng ai vội tiếc của: vàng ấy thợ lặn đã mang lên được rồi.

Gạo Đông-dương tải sang Pháp

Hôm 20 février, tầu «Delazoa Maru» ở Saigon khởi-hành chở đi Marseille 651 tấn gạo trắng và 608 tấn tấm.

Đấu-xảo mỹ-thuật Đông-dương

Paris 29 Février. — Quan Giám-quốc đến khánh-thành cuộc đấu-xảo mỹ-thuật của trường Mỹ-thuật Đông-dương và các trường công-nghệ do quan Thống-đốc De la Brosse tổ chức. Trong các vị tai mắt đến dự có đức Bảo-đại, MM. Lebrun, Roustan, De Chappelaine, Albert Sarraut, L. Hubert, E. Outrey, Thống-chế Lyautey. Các bức họa và tượng của trường Mỹ-thuật Hanoi, các khăn thảm Bắc-kỳ, đồ đồng và đồ sành Thanh-hóa, đồ vàng bạc Cao-mên được ngợi khen.

Nội-các mới tại Hạ-Nghị-viện

Paris, 24 Février.— Thứ-dân Nghị-viện đã bàu phiếu tín-nhiệm Chính-phủ, có 309 phiếu hoan-nghênh và 262 phiếu phản-đối.

Hơn 11 giờ đêm mở phiếu xong, gần 12 giờ, ông Tardieu đi chuyến xe lửa riêng sang Genève.

Lời nói của ông Reynaud

«Giữa lúc từ-biệt bộ Thuộc-địa, tôi xin tuyên-bố để Ngài rõ rằng: dù ở tòa Nội-các hay ở Nghị-viện, bao giờ tôi cũng nhiệt-thành bênh-vực Đông-Pháp.»

Đó, bức điện của M. Reynaud gửi cho M. Pasquier.

Bức điện-văn của ông Nghị Outrey

Ông Outrey vừa báo tin Chính-phủ đã đệ lên Hạ-nghị-viện bản dự-án cho phép Đông-Pháp được:

1. — Phát-hành cuộc công-thải 250 triệu quan;

2. — Bảo-đảm cuộc công-thải phát-hành lấy tiền lập một nhà Địa-ốc Ngân-hàng để cho các điền-chủ vay;

3. — Bảo-đảm cuộc công-thải do các nhà Ngân-hàng phát-hành dưới quyền trong xứ Chính-phủ hạn đến 190 triệu quan là cùng, để giữ việc sản-xuất.

TÂY BAN NHA

Bốn bể không nhà

Phế-đế Alphonse XIII cùng công-chúa ứt hiện đã đáp tầu tới Stamboul (đất Thổ). Vua cùng các công-chúa định đi Smyrne, Chypre, Beyrouth và Alexandrie.

Theo tin Madrid ngày 27 Février Phế-đế phát-biểu một tờ hiểu-thị nói không hề thoái-vị và thấy trong nước loạn-lạc, tất không thể im tiếng lâu được nữa. Vua hô-hào dân trung-thành nên họp lại dưới cờ mình lập một chính-phủ tạm-thời và mời Hội-nghị quốc-dân họp. Trưởng-tộc Hoàng-phái là M. Ch. de Bourbon tỏ ý muốn lập chính-sách quân-chủ hợp tác với Nghị-viện của dân.

Một câu hỏi

Một tờ báo ở Kinh-thành Vienne đặt một câu hỏi độc-giả:

«Nếu các ngài có cái mũ thần ở đời Trung-cổ, cho mình được phép tàng-hình, thì các ngài sẽ dùng làm việc gì?»

Trong số độc-giả gửi thư đáp, phần nhiều là người Đức, có người ở Leipzig nói: «Tôi sẽ vào nhà bát Opéra, giữ cò đào Lohengrin không cho lên sân khấu»; một người ở Hambourg tinh-nghịch hơn, muốn trèo lên cân đứng sau một bà béo «phục-phịch» đương uống thuốc gầy, khiến cho bà tưởng thuốc gầy làm cho bà béo thêm ra... Mấy câu nói đùa ấy không có gì là ác... Nhưng, có mấy câu đáp của các bà mới độc làm sao! Một bà muốn đặt cả cây thịt lên một bọn đàn-ông đương ngủ để cho họ bị bóng đè. Một bà muốn trả thù mấy chị nhấp-nháy chồng mình, muốn lột... trần họ ở giữa phố.

Theo lời báo «Je suis partout», trong các người giải-đáp không ai nghĩ dùng đến phép thần ấy để làm chút ích-lợi chi cho đồng-bào.

Vậy Bản-chí lại xin đem câu hỏi ấy hỏi lại các bạn độc-giả, những câu giải-đáp nào có thú-vị sẽ lần lượt đăng tải, tưởng cũng là một cuộc mua vui.

Giá-trị người đời

Trong số báo đặc-biệt ra kỳ tết, đầu đề trên sếp lộn là «giá-trị đời người» vậy xin cải-chính.

Trung Nhật xung-đột

Mở mắt nhìn xem dân khí Tàu: vì quốc nạn, Hoa-kiều một phủ Ninh-giang góp được 3 nghìn đồng bạc, Hoa-kiều ở Hải-dương cũng góp được 2 nghìn đồng, ở Cựu-kim-sơn, họ cũng gửi giúp 25 vạn Mỹ-kim cho đạo quân 19; bà Tống-Khánh-Linh vợ góa ông Tôn-Văn tổ-chức một đội Hồng-thập-tự; 2000 học sinh ở Nam-kinh vừa lập thành hai sư-đoàn 87 và 88 do Trương-tuấn-Đồng chỉ huy; các phi-tướng Quảng-đông tranh nhau lên Thượng-Hải; các chiến-tướng quyết hiến thân cho tổ-quốc, bước ra chiến-địa đều để dic-húc cho vợ con... Truyền-đơn cổ-động rắc khắp Quảng-đông, các Nghĩa-sĩ gọi: «Đồng-bào ơi! anh em mau mau trù tiền mua máy bay giao cho chúng tôi, chúng tôi xin vui lòng đem sinh mạng dâng cho nước nhà, làm đội tiên-phong cho các anh em» Lại một bức điện của đạo quân 19: «.....nếu một tên quân, một viên đạn hãy còn thì quân Nhật quyết không làm tràn được. Chỉ mong cả nước, trên chính phủ dưới nhân-dân ai nấy đều mang lòng «quyết chết», cho sự sống trộm yên tạm là điều sỉ-nhục lớn, đoàn-kết một lòng trước ngã sau nối thì sự hy-sinh của chúng tôi không đến nỗi uổng; những chiến-sĩ đã phơi thây chút máu tất được ngậm cười dưới suối vàng.»

Dân khí như thế lại thêm đất rộng người nhiều, thì bọn quân Nhật dù mạnh giỏi đến đâu dễ mà đánh được. Chính một người Nhật đã nói: «Từ ngày sảy ra nạn chiến-tranh, không ngày nào không có tàu Nhật tải tử-thi về, có ngày mấy chuyến...»

.... Hôm 17, từ 5 giờ sáng, hơn nghìn quân Nhật đánh Giang-Loan. Trong nửa giờ, bắn nhau rất dữ-dội, Nhật không thể tiến được một bước. Bỗng tiếng súng im hẳn, tiếng reo hò, tiếng sắt chạm nhau rất hăng, trong hơn một giờ quân hai nước đánh nhau bằng đoản-khí. Nhật muốn liều mơ đường trận nhưng không được vẫn hoàn không được. Đồng-thời ở Hạp-Bắc quân Nhật cũng tiến đánh toan làm rối quân Tàu, nhưng bị đại-bác bắn dữ phải lui.

Ngày 20, lại một trận huyết-chiến. Hồi 8 giờ, hải lục quân Nhật tổng-công-kích ba mặt Hạp-Bắc, Ngô-Tùng và Giang-Loan. Bốn nghìn quân Nhật chia hai đội, theo sau mấy chục xe phá-lũy và xe bọc-sắt tiến theo đánh Hạp-Bắc, chẳng may vào đến chỗ quân Tàu chôn sẵn địa-lôi, quân Tàu ném lựu-đạn, địa-lôi nổ tung, hủy mất 5, 6 chiếc xe phá-lũy. Quân Tàu trong chiến-hào nhảy ra đánh rát, Nhật phải lùi. Ở Ngô-Tùng, Nhật dùng trái-phá nặng, tạc-đạn và súng cối-say tiến đánh dữ trong hai giờ, cướp được trấn, nhưng lại bị hậu-quân Tàu đánh rồn ra. Nhưng ghê-gớm nhất là ở Giang-Loan, Nhật dùng ba khẩu súng đường kính 8 tấc Anh bắn rất dữ, tạc đạn Nhật đều dùng thứ thuốc cháy lâu nên vùng ấy có nhiều chỗ cháy, trường đua ngựa khói bay mịt-mù. Theo điện-tín hồi

Viện binh Nhật đến Thiên-Tân — Cl. A. N.

Dân Tàu chạy nạn — Cl. A. N.

18 giờ 35 hôm 22 Février, thì một tờ trình của Nhật nói: Quân Nhật đã tiến được lên một dặm ở Hạp-Bắc, còn Giang-Loan tuy bị vây nhưng quân Tàu vẫn giữ vững, quân Nhật chết hại cực nhiều....

Nhật ngày một làm dữ, hôm mới rồi lại phái 25 chiếc máy bay xuống đánh phá mãi tận Hàng-châu, ở cách tây-nam Thượng-hải 200 cây số. Phá-ngư-lôi và thủy-phi-cơ bắn lên pháo-đài Tử-Tử-Binh trên sông Tiền-đường làm vang cả tỉnh. Có lẽ Hàng-châu lại thành một nơi chiến-địa.....

..... Tuần lễ này, ta thấy thưa tiếng súng là vì Nhật có ý chủng-chỉnh để chờ quân cứu-viện. Trong mấy ngày, đã thấy lục-tục 1 lữ-đoàn 2 sư đoàn viện binh Nhật lên bộ, 2 sư đoàn nữa sắp đến. Kiều-dân Nhật ở Thượng-hải bị ép ra trận, ai phẩn-kháng bị tội, vợ con họ khóc như di, có người bực mình tự-tử. Các báo Nhật hễ tỏ ý phản-kháng là bị đóng cửa.

Nhật cố đánh gấp, Nhật muốn nuốt đất Tàu trong ba giờ!

Chính phủ Nam-kinh đã chia công việc: Dương-Kính tổng-chỉ-huy Quảng châu đi tiễu-cộng Giang-tây, Tưởng-giới-Thạch đi hỏi tội Mãn-Mông, Phùng-ngọc-Tường thì đương đầu kháng-cự quân lùn.

Uông-tinh-Vệ kêu: «...Cần có lòng quả-quyết rứt lớn và sự hi-sinh rứt lớn mới có thể có được cái kết-quả sau cùng. Rút-rát đành rằng không được, mà chỉ hung-hăng hão cũng không nên.... Trên thế-giới, có đội quân có thể thua, chứ không có dân nước có thể mất....»

Chính-sách của Uông là vừa đề-kháng vừa giao-thiệp.

.....

Trên miền bắc, Liên-quân Cát-lâm ở Tân-huyện cùng đội quân Hắc-Long-Giang đoàn-kết. Vì đạo quân 19 liều chết kích-thích lòng dân toàn-quốc, nên dân chúng rất hăng hái đầu-quân. Đoàn Nghĩa-dũng ở Sơn-Hải-Quan đã có đến 22 đội dưới quyền Đinh-Siêu, Lý-Đỗ. Còn Mã-chiếm-Sơn? Có tin đích sác rằng Mã bị ám-sát rồi. Người Tàu nói: tại Mã phản-đối việc bàn Phổ-Nghi mà bị người Nhật mưu hại. Nhưng biết đâu chẳng vì Mã về bè với Nhật mà bị người Tàu giết đi? Mã trước hăng-hái thế, sau lại về Mông-Mãn, biết đâu chẳng có điều bí-mật ở trong.

.....

Từ ngày có phong-trào bài Nhật ở Tàu, kinh-tế Nhật bị lung-lay rất dữ, ba phần tư hàng hóa Nhật không có khách mua. Có người bàn: Vạn-quốc muốn cho Nhật phục-tùng, nên thừa dịp đánh vào mặt kinh-tế. Nhưng báo Hotchi để lại: « Nếu ai khuyên dùng chính sách ấy, tức là không muốn có cuộc thế-giới hòa-bình! » Câu Nhật đáp ông Paul Boncour được quốc-dân Nhật hoan nghênh lắm.

Ông John Simon, ngoại-giao Anh tuyên-bố sẽ hết sức giúp thế-lực hội Vạn-quốc, mà ông Hoover nước Mỹ thì lại phản-kháng sự đề-chế Nhật. Nhưng mới đây, vợ chồng viên phó lãnh-sự Mỹ ở Thượng-hải bị quân Nhật đánh, không biết ông Hoover nghĩ sao?

Có tin đồn nhầm rằng Pháp đã giúp Nhật nhiều khí-giới đạn dược, tuy Pháp đã nhiều lần cải-chính, mà mấy tờ báo ở nước ngoài cứ nhai-nhải nói hoài!

Hiện nay ủy-ban điều-tra của hội Vạn-quốc đã tới Nhật, được tiếp-đãi rất trọng-thể.

Liệt-cường vẫn ra công giảng-hòa.

NÓI THẬT

Cho chúng tôi ngồi riêng!

(Mục này dành riêng cho các bài lai-cảo thuộc về thời-sự, mục-đích muốn bày tỏ những nỗi oan-ức, tán-dương hoặc công-kích những điều gì có ích hay có hại cho phong-hóa và cảnh sinh-hoạt của một số quốc-dân. Những bài nào vì hiềm riêng, bới móc đời tư của cá-nhân, hoặc siểm-nịnh kẻ quyền-thế v. v. xin miễn gửi đến .....)

Đã hai ba đời nay, phố Phủ-Khoái chỉ là một bãi sạy, dân tứ-xứ đến ở quanh phủ-lỵ mới khai-quang ra, nên đất phủ là đất công không dinh-dáng gì đến làng sở-tại. Đã hai ba đời nay, dân phố phủ ăn ở riêng với nhau đóng góp riêng với nhau, cũng không dính-dáng gì đến làng sở-tại.

Đến nay, này phố-xá, này nhà tây, nhà lá, này chợ, này trường, dân cư trù-mật lắm! Lại vui hơn nữa vì thuế chợ không có, thuế nhà thuế đất cũng không.

Năm 1922, quan Lê-đình-Lục cho dân-phố được bầu một ban Hương-hội. Thế là phố Phủ-Khoái công-nhiên biệt-lập vậy. Công việc ban Hương-hội đã làm: sây quán chợ, mở đường, lập cây đèn trong phố v.v... Ngày nay phố Phủ đã lớn lắm: nhà trạm, nhà thương, trường học thêm 4 lớp!

Thì đánh đùng một cái, dưới quyền quan Đàm-duy-Huyến, Hội-đồng bị giải-tán năm 1930, phố phủ bị sát nhập vào làng sở-tại

Làng sở-tại? Tức là làng Yên-vỹ, cách đó hàng ngàn thước tây!

Chế-độ thẳng cán: mỗi nóc nhà hạng nhất thuế 3$, hạng nhì thuế 2$, hạng ba thuế 1$, mỗi mẫu đất thuế ba chục bạc! Đến thuế chợ? Được xá! Nhưng, tiền cho thuê quán (cả quán công nữa): quán gạch mỗi người tháng 3 hào, quán lá mỗi người tháng 2 hào, còn cái quán giữa trời 2, 3 xu một buổi. Còn sự canh phòng trong phố? Thì làng Yên-vỹ cách đó hàng ngàn thước tây...

Trên đây chép theo lời một người trong phố phàn-nàn với ký-giả. Việc biện đương kiện-cáo, kết-quả thế nào còn chờ ý-định quan Nguyễn-trần-Mô. Hãy biết hôm tết mới đây, hai bên suýt cùng nhau xung-đột:

— Thế ông chánh-tổng?

— Ông Chánh tốt, nhưng ông là người Yên-vỹ nên không tiện ngăn cấm. Ông xuống ngăn sự xung-đột thì người trong chợ ai mà không sợ?

— Còn quan? theo lời ông Bảng M nói tôi biết, ngài rất chịu khó mở mang...

— Vâng, ngài đã hứa cho phố phủ chúng tôi sẽ được biệt-lập thành một chòm riêng, chắc chẳng chóng thì chày...

P. V.

Dạy pháp-luật cho dân cũng là cách trừ nạn hối-lộ.

Luật-hình

Mấy điều dặn đầu. — Người ta chia các thứ tội ra làm 3 hạng:

1.— Trọng-tội, là tội bị nghĩ-phạt theo hình thi-thể, hoặc gia-nhục (thi-thể là có động chạm đến thân-thể--Gia-nhục là có động chạm đến danh-dự của mình và gia-đình).

2.— Khinh-tội là tội bị nghĩ-phạt theo hình trừng-trị.

3.— Tội vi-cảnh là tội bị nghĩ-phạt theo hình cảnh-sát.

Các hình-phạt thuộc về trọng-tội

1.— Tử-hình (tội chết).

2.— Khổ-sai chung thân (phải làm việc khón học suốt đời).

3.— Phát-lưu (đem đi đầy ở một nơi xa).

4.— Khổ-sai có kỳ hạn (làm việc khó nhọc trong một kỳ hạn).

5.—Cấm-cố (phạt giam riêng một chỗ, không chung với các người bị tội khác về pháp-luật thông-thường).

6.— Đồ-dịch (phạt giam và phải làm việc ở trong ngục).

7.— Phóng-trục (cấm không được tự-do đi về quê quán, phải ở nguyên một chỗ nhất-định, don ghị-định quan Toàn-quyền chỉ-định

Các hình-phạt thuộc về khinh-tội và tội vi-cảnh

1.— Phạt giam có kỳ hạn.

2.— Phạt bạc.

Phụ-hình

Những hình-phạt phụ là:

1.— Tịch-một (chiếm giữ).

2.— Quản thúc (bị quyền hành-chính trông coi).

3.— Mất công-quyền (quyền bỏ vé bầu cử, quyền ứng-tuyển, quyền làm việc trong các công-sở Nhà-nước v.v...)

Tương-hành vi-toại

Tương-hành vi-toại là sự định phạm tội. Người nào mới định phạm tội, mà có chứng-có hiển-nhiên là đã dự-bị thực hành, dẫu chưa kịp làm, hoặc đã làm nhưng không thành, thì cũng phải coi như là đã phạm tội rồi.

Tòng-phạm

Các người tòng-phạm đều phải chịu tội như người chính-phạm.

Tòng-phạm nghĩa là:

1.— Xui người ta phạm tội, hay là cưỡng bách cho người ta phải phạm tội.

2.— Cấp khí giới hay bày mưu cho người phạm tội.

3.— Giúp đỡ cho người chánh-phạm để người ấy dự bị phạm tội, hoặc làm cho dễ phạm tội, hoặc làm cho thành sự phạm tội.

4.— Biết là kẻ gian mà cứ cho trọ trong nhà; cho người chính-phạm mượn đồ mặc; cho ăn; hoặc chỉ dẫn đường lối cho người ấy.

5.— Biết vật đó là vật ăn cướp, trộm cắp, mà cứ cho chứa ở trong nhà.

Nhưng nếu người chính-phạm bị tử-hình thì người tòng-phạm chỉ phải chịu khổ-sai chung-thân thôi.

Các trọng tội, khinh tội đối với trật-tự của công chúng và đối với các chức-dịch

Diễn thuyết, truyền đơn.—Người nào lấy lời nói hay là thư trát để xui một đảng này trong làng chống nhau với đảng kia, hoặc cầm khí giới mà đánh nhau, nếu sự khiêu-khích ấy, không thành-hiệu thì phải phạt giam từ 2 năm đến 5 năm nếu sự khiêu-khích ấy có thành-hiệu mà chưa đến phản-loạn thì phải xử tội phóng-trục.

Nhật-báo, và các bài vở khác.— Người nào đem bày, gửi đi, đem in, hay phân phát những sách vở, yết-thị, cáo-bạch, nhật-báo, kỳ-báo, hay là bài vở viết ra cùng các thứ tranh-ảnh, mà trong những thứ ấy không có đề thực họ tên, chức-nghiệp và trú-quán của người làm, người viết và in, thì phải phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng.

Nếu trong các thứ tranh vẽ đã nói ở trên mà có khiêu-khích để người ta phạm tội, thì người làm, người viết, người in, phải phạt giam từ 3 tháng đến 2 năm.

Xuất-bản báo không xin phép.— Bất cứ nhật-báo hay kỳ-báo không có phép Chính-phủ chuẩn cho thì không được xuất-bản. Trái lệ ấy, phải phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng và phạt bạc từ 5 đồng đến 500 đồng.

Người nào phô-trần, phân-phát hay đệ-tống những bài ca, bản vẽ v. v... mà làm bại-hoại phong-hóa hay làm cho người ta khinh bỉ các đại-biểu công-quyền thì phải phạt bạc từ 7 đồng đến 500 đồng, và phạt giam từ 6 ngày đến 8 tháng.

Hội-họp không xin phép.— Những người dự-hội phải phạt giam từ 6 ngày đến 1 tháng và phạt bạc 7 đồng đến 50 đồng. Người khởi xướng ra sự hội-họp ấy và người cho mượn nhà để làm nơi hội-họp, phải phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng và phạt bạc từ 7 đồng đến 80 đồng.

Tội cáo gian.— Người nào bịa đặt ra một tội để trá-cáo với quan mà xưng rằng tội ấy làm tổn hại cho mình hoặc cho người khác, tuy không nói rõ ai là người phạm, nhưng xét ra người đứng cáo là tự ý bày đặt ra, thì sẽ phải phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng và phạt bạc từ 7 đồng đến 50 đồng.

Nói về việc không chịu nộp thuế

Thuế-thân. — Người nào không chịu nộp thế-thân đúng phép sẽ bị phạt giam từ 6 ngày đến 2 năm và phạt bạc gấp 2 cái số tiền thuế không nộp.

Thuế thổ-trạch. — Người nào không chịu nộp thuế thổ-trạch hay là ẩn lậu không nộp đủ ngạch thuế bất-động-sản thuộc về của sở-hữu của mình, hay là thuộc về của sở-hữu của người khác mà mình ăn hoa-lợi, thì cũng bị tội đồng như điều trên (điều thứ 89 — luật-hình).

Trần-đình-Trúc
Luật-khoa cử-nhân

CHƯƠNG - TRÌNH NĂM NĂM

Chẳng phải cái chương-trình phá giá các hóa-sản vạn-quốc của Tô-Nga, đây chỉ là chương-trình giữ giá của cụ Phán-Thị.

Cụ Phán-Thị phải giữ giá vì cụ vừa làm phán-sự đầu Tòa, vừa được Thị-độc học-sỹ vậy.

Nói đến cái năm cụ năm nhăm, thì ai biết chẳng phải phàn nàn cho cụ! Không thấy cái năm nào mà cụ bị lắm việc rắc rối, phải lo nghĩ như năm ấy. mất ăn, mất ngủ, bạc hẳn một góc đầu đi, sâm banh sữa bò cũng chẳng thiết nữa.

Này nhé! Đầu năm thì vì đẻ khó mà cụ bà tạ-thế, mà từ khi cụ bị đau đớn về nỗi gối lẻ chăn đơn, cụ chẳng biết đổ tại số trời đã định để đỡ hối-hận, cụ lại đổ ngay cho cụ chẳng biết thương vợ, già nua tuổi tác thế mà hãy còn bị cụ dùng mãi để đến nỗi chết oan.

Rồi cái cậu con trai, cũng lẹm cằm tẹt mũi giống cụ như đúc, quặt-quẹo luôn, thay bao nhiêu vú mà vẫn gầy, vẫn khóc, vẫn chẳng chịu bú. Mãi rồi đến con vú sau cùng mới thấy hợp, mà cái may rủi đôi, con vú hợp cả cho cụ, hợp cả cho cụ, vì con vú ấy biết chữa cả chân sai khớp nữa.

Cụ Phán nhà hay sai khớp lắm; thỉnh thoảng ở tòa ra đường phẳng phiu hẳn hoi, mà bất thình-lình, khuỵu chân một cái, thế là ngã đồng kềnh ra, không đi được nữa. Mọi khi bóp thuốc tây thì mất đến hàng tuần lễ mới nguyên lành như cũ. Mà tài đáo để, con vú em này, chẳng đỗ đốc-tơ, chẳng bóp thuốc men gì cả, nó cầm chân cụ, lắc đi lắc lại, rồi khục mạnh một cái, thế là xương vào khớp lúc nào không biết, chẳng đau đớn gì.

Thằng chồng con vú em. nó thấy cụ già cả, vả lại danh-giá, cho nên nó tin cụ mà để vợ ở với cụ, nó cũng yên tâm; nhưng rồi thế quái nào, cụ cứ quen mui, sai khớp chân mãi, rồi tỷ toáy thế nào đến nỗi con bé chửa! Ấy mới rầy chứ!

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Con vú em thế, không trách cụ chết với nó cũng phải. Nó mới có hai mươi tuổi đầu, mà lúc nào cũng nhí nhảnh như trẻ con. Lắm lúc cụ ngắm nó, lại thấy cái mắt nó đa-tình lại thấy cái miệng nó tươi lạ!

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Cụ thấy con vú em nói nó đã nhâm thần thì cụ cũng khôn, lập ngay mẹo để lừa chồng nó. Cho nên thỉnh thoảng cụ cho phép nó về nhà nó luôn, và dặn kỹ rằng phải đùa bỡn với chồng luôn mới được.

Nhưng đến cuối tháng chạp năm ấy khi con vú em đẻ, thì thằng chồng chẳng biết ai xui. lên bắt đền ngay cụ. Cụ thấy nó láo, tức quá, mắng mãi. Nó bảo rằng nếu vợ nó chửa với nó thì đến tháng sau mới là tháng đẻ kia, cụ gắt:

— Chính tao đây, mẹ tao cũng chỉ có mang tao có hơn tám tháng thì sao?

Cụ nói quả-quyết hình như cụ đã trông thấy đích xác như thế vậy, Nhưng rồi nó viện lẽ khác, là đứa bé giống cụ, thì cụ cho là vô-lý, nhưng nghĩ một lúc, cụ bảo:

— Nó giống tao vì có hai mắt, một mũi, một mồm, hai tai à? Vả chăng, nếu thật đứa bé có cái gì giống tao, thì cũng là việc thường! Mày chả thấy những trẻ con thường hay giống khuôn mặt vú em là gì đấy? Vì cả ngày vợ mày nó nhìn thấy tao, thì con mày nó cũng giống tao chứ sao? Có chi là lạ? Người ta muốn lấy ngựa con sắc lông gì, thì người ta nhốt con ngựa mẹ vào một cái buồng cũng sơn mùi ấy, để cho nó trông luôn luôn ở trước mắt; mày ít học cho nên không hiểu cái nhẽ đó. Người Tây hay treo ảnh những vĩ-nhân trong buồng ngủ, người Nhật hay gián tranh những đứa bé con mũn-mĩn trên tường, những cái tranh hai hào một chiếc vẫn thấy bán ở ngoài phố, mày có biết không? Bà gì ngày xưa bên Tàu, đẻ ra Văn-vương nuôi cái thai ngay từ trong bụng; như thế, các nước Văn-minh người ta muốn được con giống ai, thì người ta cố làm cho kỳ được, mày không học, cho nên không biết đấy mà thôi.

Thằng khốn nạn thấy cụ nói lăng-băng, chẳng biết là thật có thế hay là cụ bịa, nó không tin cứ nằng-nặc mời cụ về tận nhà nó mà xem qua đứa bé. Bất-đắc-dĩ cụ phải theo cho xong việc.

Nhưng rồi, cụ thoạt thấy mồm đứa bé, cụ rật nẩy mình! Thì ra cái mồm ấy tuy chưa biết nói nhưng đã biết mách! Hẳn là cái cằm lẹm của cụ, đích lắm rồi, giá cắm thêm vài cái râu nửa đen nửa bạc thì hẳn cụ mất nói. Cụ nhìn cái cằm thằng chồng con vú em xem có lẹm tỷ nào không để cãi, thì ra không; cằm nó tròn, chả đời nào hai vợ chồng nhà này công-ty mà lại chế-tạo nổi được cái cằm vô-song ấy.

Cụ liền dọa già nó, nếu làm mất danh-giá cụ thì cụ chẳng để yên. Nhưng thằng này chẳng nghe, nhất định đổ riệt cho là con cụ, rồi nó đuổi vợ nó đi, và đe đi kiện cụ.

Bất-đắc-dĩ ra giêng cụ phải thu xếp với thằng bướng-bỉnh ấy cho câu chuyện được êm; rồi cụ gọi vợ nó đến nhà, và dặn riêng rằng:

— Chớ lộ cho ai biết, thì năm năm nữa, mày về nhà quê tao, tao sẽ thu xếp cho một nơi mà làm ăn no ấm suốt đời.

Từ đó, cụ nghe việc ấy được êm và kín, nhưng mỗi khi sai khớp, cụ lại phải dùng thuốc Tây.

. . .

Năm sáu, năm bẩy, năm tám,

năm chín, sáu mươi, cụ Phán-Thị về hưu-trí.

Nhưng hưu-trí là hưu-trí công việc nhà nước. Từ năm cụ năm sáu, cụ về làng luôn làm nhiều công việc tốt lắm, mà đối với ai cũng ra ý thân mật, kẻ nghèo thường được cụ giúp-đỡ, kẻ yếu thường được cụ bênh-vực, cho nên bây giờ cụ vui cảnh già ở nơi thôn quê, thời người lang muốn tỏ lòng biết ơn, mời cụ ra làm ngay chánh-hương-hội. Cụ chẳng từ chối các chức trách có thể làm ích-lợi cho dân.

Nói đúng ra, vả cũng nên khen cụ, từ năm năm trước đến giờ, cụ làm nhiều việc có ích lắm, nào sây đường, náo khoi cống, nào xin mở trường, v. v. Nhưng một công việc to hơn hết, mà từ khi làm chánh-hội, cụ bắt đầu làm ngay, là việc tu-bổ cái Ấu-trĩ-viên giáp cạnh nhà cụ. Cái Ấu-trĩ-viên này sẽ làm cho cái tên cụ bất-tử; nhưng cũng đáng công lắm, vì cụ đã tự xuất tài xuất lực ra để gióng-giả con em, hiểu dụ mãi người làng, mới được cái việc công-ích này vậy.

Nguyên độ hơn mười năm nay, quan huyện phụ mẫu hạt cụ, có theo gương nhiệt thành của các quan bạn, lợp nên ở làng cụ cái Ấu-trĩ-viên.

Cái vườn ấy ở vào khoảng đất rất khéo trọn, vì nó kè kè ngay bên cạnh đường cái ô-tô, cho nên ai đi qua cũng phải dừng bước lai xem, hoặc quay cổ lại nhìn mà tấm tắc khen một làng văn-minh tân-tiến. Cái vườn ấy rộng ước non nửa mẫu, chung quanh có bờ rào găng ruối xen nhau, lúc nào cũng xén nhẵn thín như đầu cạo. Trong vườn thì bồn hoa cây cảnh, bốn mùa đua tươi; lối đi ngoằn nghoèo bằng gạch nện nhỏ hai bên giồng bàng sòe ra như lũ lọng để đón tiếp khách qua đường; giữa bãi cỏ to phẳng lỳ như bức thảm bằng nhung xanh dờn dợn, có giồng mấy cột, giây đu, giây leo, vòng lộn, rủ xuống tận đất như cũng muốn giơ tay đón lấy lũ trẻ thơ. Giữa vườn thì là một cái nhà lợp ngói con con, có cửa kính khóa trong để các đồ chơi như giây kéo, cầu tung, cà kheo, vòng sắt; đứng sừng sững ở giữa, tuy mỏng mảnh nhưng oai vệ, là một cái bia đá khắc chữ quốc-ngữ, mặt trước kể tên và công-đức quan huyện đã sốt sắng khai-hóa cho dân, nghĩ đến tương-lai của bọn trẻ, mặt sau ca-tụng bụng tốt của các nhà hào hiệp đã cúng tiền vào cái ấu-trĩ-viên này.

Mấy tuần lễ đầu, trẻ con, mà cả người lớn nữa, đua nhau ra đấy chơi, thực là sầm-uất. Thấy một món mới chưa từng có ở nhà quê bao giờ, cho nên nhiều người lui tới, mà người bảo-mẫu trăm-trút trông nom, trẻ con yêu mến như mẹ. Quan huyện hay về, thầy chánh hay đến, cái Ấu-trĩ-viên thật có vẻ hoạt-động. Hân-hạnh nhất cho dân làng, là thỉnh-thoảng lại được đón rước các vị thượng-quan các khách du-lịch ở phương xa, người đến chụp ảnh, kẻ đến quay phim, bởi vậy, tuy tốn kém mất nhiều ít về sự thù tiếp, nhưng cái tên làng từ đó cả xứ biết nên dân sự cũng được thỏa lòng.

Nhưng rồi chẳng bao lâu, bờ rào găng um tùm như mớ tóc nhà học-giả, đường đi rác rưởi ngập chân, mà trẻ con đến chơi cũng ít khi gặp bà bảo-mẫu: ông chánh cũng thưa dần sự lui tới, rồi người làng cũng chán nản, chẳng mấy ai bách-bộ tới đó làm chi... Nhiều người thưa ông chánh-hội rằng bà bảo-mẫu đem nuôi gà trong nhà bia, chiếm các đồ chơi cho con mình, nhưng ông chánh-hội xui đến trình chánh-tổng; thày chánh-tổng lại bảo lên kêu quan huyện. Quan huyện truyền việc trẻ con, về làng mà thu xếp lấy, mặc kệ

Thì ra quan huyện trước nhiệt-thành công-ích đã được thăng tri-phủ, mà quan huyện mới được thăng tri-huyện hạng ba, chưa có chân hội Khai-Trí Tiến-Đức vậy.

Rồi đó, năm thì mười họa thỉnh thoảng có những việc đón tiếp, thì kỳ-dịch trong làng nháo lên, đốc-thúc phu tuần ra cắt cỏ, xén rào, quét đường, thuê bảo-mẫu, bắt trẻ con ra chơi cho đủ lệ. Ấy, cái Ấu-trĩ-viên đã từng phen diễn cái tấn kịch trẻ con như thế đấy.

Chẳng phải cầu, rồi cái vườn ấy sẽ tự đổi tên vậy.

Quả vậy, vừa được hai năm tròn thì nó đổi tên là cái vườn chuối. không biết của ai. Găng mọc cao vót, chuối chìa ra đường, các bồn hoa bãi cỏ trước, không còn vết tích nữa, họ cầy bật lên, rồi đánh luống giồng khoai. Những khóm chuối, mọc tốt um như rừng. Phàm những nơi ít người đi lại, không khí u-uất, tối um-um, thì trông lại có vẻ đáng sợ nữa. Người ta đồn nhau là chỗ đất ấy thiêng, có ma, vì một đôi khi vẫn thấy nó hiện lên làm người lập là lập lòe; cho nên những đêm khuya thanh vắng, hoặc tối giời, chẳng mấy ai qua đó mà không rợn tóc gáy. Cũng có người bạo, dám cả gan liều mạng đứng dình, thì quả nhiên thấy có ma thực. Một con ma quần trắng, một con ma quần đen, đi sát vào nhau, chui lách qua các bụi chuối sột sạt, thỉnh thoảng có lòe ra những tia sáng như đèn điện bấm. Cứ lắng tai mà nghe, thì thấy hai con ma ấy nói chuyện với nhau, lúc cười khanh khách, lúc vật huỳnh-huỵch; tiếng hai con ma nghe rõ lắm, mà chúng nó bợm quá, bắt trước tiếng và giọng của những giai chưa vợ gái chưa chồng trong làng sao mà hệt thế!

Ban ngày thì những người ăn mặc tử tế, có tính sạch sẽ, không ai dám mạo-hiểm vào xem, sợ mất thì giờ gột giầy, vì mấy con chó nhà hàng xóm được chỗ tiện, vẫn kéo nhau sang phóng uế. Nhưng giá cứ nhìn xuống đất mà đi cho cẩn thận, thì ta cũng đến được cái nhà bia ở giữa. Cái nhà ấy, làm mới được có hai năm, nhưng tường vôi đã nứt, mái ngói đã sụt, mà cửa thì long cả cánh. Lạ nhất là cái bia kỷ-niệm kia, chẳng biết tự bao giờ, đã bị vật oạch xuống đất, nằm thẳng cẳng như cái phản. Bên cái bia, ta còn nhận thấy giăm ba bãi quết giầu chưa đen.

Nhưng mà từ khi cụ Phán-Thị về hưu, cụ quyết chẳng để cho cái Ấu-trĩ-viên đeo mãi cái dấu thương tâm ấy.

Cụ chê các quan chỉ biết dựng lên đó để lợi-dụng làm cái cầu bay nhảy, chứ chẳng tìm phương kế để duy trì sự-ích lợi cho dân; cho nên cụ nhất định sửa sang lại.

Ông quan trong làng, bao giờ

cũng có thế-lực to hơn ông quan phụ mẫu, bởi vậy cụ mời ngay những bậc tai mắt trong làng đến sơi rượu và bàn việc.

Nghe cụ hiểu-dụ các việc công-ích, ai ai cũng đều thỏa thuận, chính cụ lại xuất của ra để phụ-cấp cho làng, lấy tiền tu-bổ lại ấu-trĩ-viên. Dân làng thấy năm năm nay, cụ chăm chút công việc hàng xã, đều lấy làm kính phục, rồi người xuất công, người cúng của, tất lực giúp cụ để cụ được vui lòng. Khi cái ấu-trĩ-viên ấy khánh-thành, họ xin lấy tên cụ mà đặt tên để kỷ-niệm.

Từ đó cái vườn làng lại sầm uất như cũ, hoa lại cười, cỏ lại nhẩy, cây cối lại đủ đởn với lũ trẻ thơ. Cụ Phán lại nhân mở cổng hậu để đi thông sang cho tiện.

Việc tìm người bảo-mẫu mới thực là khó đây! Việc này cụ nói là muốn cho rất công - bình mới được, phải tìm người cẩn thận mới có thể giao phó công việc nặng-nề là thay quyền mẹ được. Cụ nói:

— Không kể tiền tôi giúp, lần này làng ta cũng tốn kém mất ngót nghìn, vậy muốn duy - trì cho lâu bền về sau, làng ta nên trích ra mấy mẫu ruộng công-điền, giao cho người bảo mẫu, để làm tiền lương, và để hàng năm tu bổ; lại nên làm cho người ấy cái nhà ngay ở đấy để coi sóc cho tiện.

Câu nói hay bao giờ cũng được vỗ tay, cho nên dân làng hoan - nghênh nga cái ý-kiến ấy. Có lợi trông thấy, nhiều đàn bà góa trong làng chạy chọt xin chân bảo - mẫu. Người thì cụ chê già, chậm-chạp, không coi suể bọn trẻ nhanh như cái cắt, cái tên. Người thì cụ chê nét mặt khí buồn, không hợp với tính-tình con trẻ, lúc nào cũng hớn - hở như mùa xuân bóng nắng; nhưng chiều lòng, cụ cũng cho làm tạm ít lâu ý cụ không muốn dùng người làng, vì tất rồi không coi trẻ được bình đẳng, hẳn là thiên-vị. Cụ đang chờ thì may quá, có một người tự xưng là bà lang không biết ai mách, hỏi thăm ngay đến nhà cụ và xin việc.

Người ấy độ hăm nhăm, nét mặt vui vẻ, con mắt tinh nhanh trắng trẻo, tròn trĩnh; Người ấy chẳng biết là trong làng đương kén bảo-mẫu thì được cụ bảo trước ngay và bổ cho vào chân ấy.

* * *

Từ ngày có người bảo-mẫu thực-thụ coi ấu-trĩ-viên, thì mỗi khi chiều giời êm-ả hoặc u-ám mưa rầm, nghĩa là có vẻ gợi cơn sầu một chút thì ăn cơm chiều xong, cụ Phán-Thị lại đi bách bộ trên hiên, mà động đi bách bộ như thế, thì tất là đến vòng thứ năm cụ lại lăn kềnh ra nhăn mặt co chân, kêu rầm lên là sai khớp!....

Nguyễn-Công-Hoan

Vàng của nước Pháp

Hiện nay, trong tay nước Pháp có một phần năm số vàng của thế-giới, cũng chẳng kém Hoa-kỳ là bao nhiêu.

Các nước trông thấy mà thèm!

Nhưng «vàng, chẳng phải nhờ sự bạo-động, cướp giật mà có, cũng không phải nhờ sự buôn bán trục lợi rất khả-ố mà có. Vàng, tức là cái kết - quả của sự cần-cù làm-lụng... Cao hơn nữa, vàng chính là tiêu-biểu cái mình có thừa.»

Ta cứ xem nết cần-kiệm của nhnữg người Pháp ở đây thì biết!

Giữa lúc này kinh-tế thế-giới đương bị lung-lay dữ, dân Pháp chỉ nhờ cái nết khôn-ngoan của mình, mà ngồi được yên ổn, đứng được vững vàng. Không những thế mà thôi, nước Pháp còn là một ông chủ nợ có thế nữa. Cho bạn cũ vay, cho cả kẻ thù vay... Ngoại-tướng Hoa-kỳ từ Âu-châu về, tuyên-bố ở Hoa-thịnh-đốn: «Cái thìa-khóa mở mọi việc khó khăn chính ở Ba-lê vậy».

Các nước trông thấy mà thèm!

Nhưng, đống vàng chất ở Ba-lê là vàng của tất cả các nước trên thế-giới đem lại «gửi», như đem vào cái «bến cực chắc-chắn», theo lời nhà thông-thái Painlevé! Lúc cái «của gửi» quý-báu ấy, có thể trả về cố-chủ, nước Pháp — vốn ghét thói ích-kỷ — sẽ lấy làm hể-hả trong lòng.

Song, than ôi! đeo bầu mang tiếng thị-phi!.....

Các nước trông thấy mà thèm!

Họ thèm rồi họ tức, họ tức rồi họ nói xấu: những là nước Pháp keo bẩn, nước Pháp có tật vơ-vét tiền bạc; họ còn chế riễu: của-cải chôn ở trong hầm là đồ vô-dụng!

Những lời nói ấy bất-công thay! Pháp mỉm cười.

Rồi xem, nước Pháp sẽ cho Đồng-minh vay, sẽ cho cả nước Đức vay, nhưng trước hết, lẽ tất-nhiên, phải có cái gì làm bảo-đảm để chứng thực rằng món tiền vay không đem dùng để dự-bị một cuộc đại-chiến nữa.

Việt-Anh

THẾ-GIỚI HÒA-BÌNH

Ít lâu, từ trước hồi đại-chiến. Khoa-học mang một mục-đích lớn: giết người!

Ít lâu, từ sau hồi đại-chiến. Nhân-loại hô một tiếng lớn: Thế giới hòa bình! Tài binh! Khoa-học đã ít nhiều xoay phương hướng khác.

Thì chính ở nước Đức, mới đây, «Quang-tuyến duyệt-chiến» từ khe buồng thí-nghiệm của nhà thiếu niên bác sĩ Sinks lóe ra hoàn-cầu. Quang-tuyến ấy chiếu xa được ngoài 20 dặm, chiếu vào chỗ chú-ý bao nhiêu chất nổ đều cháy bùng lên. Máy chiếu quang-tuyến ấy rất sơ sài, mang xách rất tiện.

Bộ hải lục quân nước Mỹ nằn-nì xin mua độc-quyền chế-tạo.

Vẻ-vang thay! nhà khoa-học Sinks năm nay mới 25 tuổi, ông bắt đầu nghiên cứu quang tuyến từ năm 21.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

(Tiếp theo)

Cái công-cuộc thi-hành một cách khéo-léo, quả nhiên có công-hiệu. Tuy nước tràn vào đến nửa, mà chiếc xuồng cũng theo làn sóng đưa lên bãi cát ven bờ.

Những người chân chèo liền nhảy cả xuống, rồi víu chặt lấy những cái thang cổng vườn, họ cố giữ cho chiếc xuồng khỏi bị sóng hút ra.

Chàng Xen-đôn hết sức gọi các tên người nhà ra giúp sức những người mới tới, nhưng, lúc bấy giờ không có đứa nào ở nhà cả. Còn chàng, thì không sao đứng dậy được để mà đi xuống đón khách, đành cứ chịu phép nằm dài ở trên chiếc ghế xích-đu mà dương mắt nhìn.

Người đàn bà ở trên xuồng bước xuống, đứng vịn vào một cái cọc, đưa mắt nhìn vào trong nhà. Chân nàng đi đôi giầy lính-thủy to kếch, bằng cao-su lên đến tận gối. Thỉnh-thoảng, những đám bọt bể lại chàn vào làm ngập cả hai bàn chân đi.

Nàng ngắm-nghía chàng Xen-đôn một hồi lâu; nói nhỏ mấy tiếng với hai người cầm lái, rồi nàng bước vào lối lên vườn.

Hai người kia đi theo sau nàng. Những người này cao độ sáu sải chân, vai-vóc cũng rộng rãi theo tầm thước ấy. Nước da họ hơi hung-hung chứ không đen như các người mọi ở quần-đảo Sa-lô-mông. Nét mặt trông ra không những không có vẻ thô-bỉ man-dã mà lại đều-đặn, và có chút khả-quan.

Chàng Xen-đôn chực đứng dậy, nhưng vừa ngồi lên được nửa người thì lại ngã xuống, không sao gượng dậy được.

Người đàn bà, hay nói cho đúng, cô thiếu-nữ chèo lên bực mái hiên rồi đi thẳng lại chỗ chàng nằm. Cứ mắt chàng đoán, thì cô ta có vẻ giận giỗi lắm. Đôi mắt biếc của nàng hình như ném ra những tia lửa điện mà cập môi son thì phụng-phịu đầy những nộ khí. Chàng Xen-đôn mới nhìn cũng biết rằng cô này không phải là một « của » vừa.

Cập mắt sáng-quắc của nàng có hẳn biếc không? Biếc thực nhưng không biếc cả, thỉnh thoảng lại có lộ những hào-quang xanh. Mắt trông to. Lông mày thì cao mà đẹp. Mắt tuy to nhưng vẫn có vẻ dịu-dàng, trông nghiêng thì chong như ngọc.

Nàng đội một cái mũ mục-đồng. Những mớ tóc đen nặng chĩu rủ xuống, cạnh sườn nàng có đeo một cái bao trong đựng khẩu súng lục kiểu Colf nòng dài, đường kính 38 ly.

— Rõ thật trọng khách quá! Trọng khách đến nỗi người ta chết chìm ngay cửa vườn mà tôn-ông cũng không ra cứu! Tôi rất ngợi khen cái bụng-giạ của tôn-ông!

Chàng Xen-đôn vừa gượng đứng dậy vừa lẩm bẩm nói:

— Tôi... Tôi xin lỗi cô-nương...

Đoản hơi quá, chàng khuỵu chân ngã vật xuống sàn nhà.

Chàng vừa nhìn thấy cái vẻ lo-sợ hiện trên cặp mắt thiếu-nữ, thì chàng thấy đầu óc choáng-váng cảnh-vật xoay tít xung quanh mình. Lần này chàng mới thấy bất-tỉnh-nhân-sự là lần đầu.

Mãi lúc nghe tiếng chiếc chuông lớn, chàng mới sực tỉnh dậy. Chàng mở mắt ra thì đã thấy mình nằm co trên giường ở trong phòng rồi. Đưa mắt nhìn lên chiếc đồng-hồ thì thấy 6 giờ, lại thấy có ánh mặt giời chiếu qua cửa sổ, chàng mới nhận ra là vừa mới 6 giờ sáng.

Chàng có cái cảm-tưởng chắc thế nào cũng có việc bất-thường xảy ra, rồi chàng lấy làm lo-nghĩ.

Sau chàng nhìn thấy một chiếc mũ mục-đồng lớn, mà không phải của chàng, treo ở cái đinh móc trên tường, bên dưới, có cái giây lưng đạn, bên cạnh, có khẩu súng lục nòng dài.

Trông cái giây lưng nhẹ nhàng bé nhỏ, biết là đồ dùng của đàn-bà, chàng sực nghĩ ngay đến chiếc xuồng bí-mật và cập mắt xanh biếc lóng-lánh dưới đôi lông mày lá liễu.

Chắc là chỉ có cô khách lạ ra lệnh cho lắc chuông chứ không còn ai nữa. Sực nghĩ đến công việc đồn-điền chàng ngồi nhỏm dậy, nhưng, trong mình bãy còn váng-vất, chàng thấy hình như chiếc màn ở ngay trên đầu vụt cái cuốn lên. Chàng vẫn ngồi nguyên chỗ, nhắm nghiền mắt lại cho óc khỏi choáng-váng, bỗng chàng nghe có tiếng người nói:

— Tôn-ông nằm xuống! Tôn-ông nằm xuống ngay cho!

Tiếng nói rành rọt mà có vẻ nghiêm-nghị. Cũng trong lúc ấy, lại thấy một cái bàn tay vừa mềm-mại vừa cả-quyết gạt chàng xuống chiếc gối ở đằng sau, còn một tay nữa thì đỡ cho mình chàng khỏi vật mạnh xuống giường.

Thiếu-nữ lại nói:

— Tôn-ông bị đau đã 24 giờ nay, các công việc đã có tôi quản-đốc. Tôn-ông chớ lo buồn làm chi. Công việc trong đồn-điền đâu đã có đó. Khi nào có lời tôi thì xin tôn-ông hãy trở dậy, chớ đừng có trở dậy trước. Nếu tôn-ông có cần dùng thuốc ký-ninh thì có 6 viên đây.

Chàng Xen-đôn cầm lấy 6 viên ký-ninh uống.

Nàng vừa cười vừa nói :

— Được lắm! Tôn-ông thật là một người ốm rất « ngoan »!

Chàng Xen-đôn vừa cất tiếng nói: Tôi sợ... thì cô khách lạ nói át ngay rằng: Tôn-ông không nên nói chuyện, nghĩa là tôn-ông không cần phải dặn-dò gì hết, tôn-ông sợ... Tôn-ông sợ cái nỗi gì? Tôi đã nói với tôn-ông rằng mọi việc đâu có đó rồi kia mà?

— Tuy vậy mà việc đồn-điền...

— Cái việc đồn-điền hãy gác đây. Giá tôn-ông biết đều ra thì tôn-ông hãy lưu-tâm ngay đến tôi, hỏi xem tôi là ai đã. Nếu tôn-ông muốn biết thì tôi xin thuật để tôn-ông nghe. Một người đàn-bà bị đắm tầu lần thứ nhất, đột-nhiên « rơi » vào đảo tôn-ông, cái đó tôn-ông có lấy làm lạ không?

Tôn-ông nên gác hết thảy các sự lo nghĩ về việc đồn-điền « phải gió » kia đi, mà hỏi ngay đến câu chuyện đắm tầu của tôi đã. Tôn-ông xem đó đủ thấy tôi muốn thuật câu chuyện tôi lắm, muốn đến chết đi được.

Chàng Xen-đôn không thể nào nhịn được cười, đã lâu lắm chàng mới lại thấy như thế, chàng lại không thể nào nhịn ngắm-nghía cái nét mặt tươi-cười lanh-lẹn, cái cặp mắt bướng-bỉnh, cái nếp nhăn vừa nhỏ vừa xinh ở khóe môi thiếu-nữ.

Chàng tự-hỏi không biết năm nay nàng bao nhiêu tuổi, rồi chàng nói to lên rằng:

— Thưa vâng. xin cô-nương thuật cho... nhưng, nàng ngẩng đầu lên và cãi:

—Thôi muộn quá rồi! Bây giờ thì tôi chịu không kể chi hết. Vả câu chuyện của tôi, tôi chả cần phải van vỉ, cũng có chán người muốn nghe!

« Về phần tôi, trước hết tôi cần phải biết những công việc thiết-dụng, giờ nào thì phải lắc chuông cho phu đi làm, tôi cũng may mà đoán trúng rồi. Nhưng, còn bao giờ thì họ được nghỉ việc? Người nhà tôn-ông mà cả mọi người ở đây cũng vậy, họ nói ba-lăng-nhăng tôi nghe không hiểu gì hết ».

— Mười một giờ thì họ nghỉ, để một giờ họ lại đi làm tới sáu giờ.

— Nói thế tôi đủ hiểu, xin đa tạ tôn-ông. Nay tôi muốn biết cái thìa-khóa tủ đựng lương-thực ở đâu? Vì chắc thế nào tôn-ông cũng có đồ hộp. Tôi và người nhà tôi đói bụng lắm rồi.

Chàng Xen-đôn la lên rằng:

— Chết nỗi! Cô-nương lại lấy đồ hộp của tôi cho tụi mọi đen nhà cô-nương ăn rư? Không được, không được đâu! Để chúng cùng ăn với người nhà tôi cũng được có sao!

Chàng thấy mắt nàng lóng-lánh và vẻ nghiêm-nghị lại hiện ra trên nét mặt, nàng liền cãi:

— Như thế không bao giờ được đâu! Chính tôi đã thân xuống tận căn chại dơ dáy kia. xem phu của tôn-ông họ ăn mà phát chán! Chỉ những khoai tây là khoai tây, không còn tý gì khác. Thậm chí đến muối để chấm cũng không có. Khoai tây... Nếu tôi không hiểu sai lời họ nói thì, bất cứ bữa sáng hay bữa tối chủ nhật cũng như ngày dưng. tôn-ông chỉ cho họ ăn có thế thôi ư?

Chàng Xen-đôn gật đầu cho rằng có thế.

— Người nhà tôi cũng là người như tôi vậy, không khi nào họ chịu ăn như thế lấy một bữa, chứ đừng nói đến 8 ngày!

Thôi thìa khóa đâu?

— Treo ở chiếc đinh dưới cái đồng-hồ kia.

Nàng ra phía đồng-hồ lấy chiếc thìa khóa, chàng lẩm-bẩm nói:

— Nước đời nhà ai lại nuôi mọi đen bằng đồ hộp bao giờ?

Nàng nghe nói liền trở lại tức lộn ruột lên mà nói rằng:

— Người nhà tôi không phải là mọi đen! Tôn-ông sớm biết điều đó tức là có lợi cho cuộc giao-thiệp của đôi bên sau này. Người nhà tôi toàn là người xứ Ta-hải-ty. Họ rất tốt và can-đảm. So với tụi kia thì một giời một vực... Còn như đồ hộp tôi và họ ăn hết bao nhiêu thì tôi sẽ tính tiền trả. Tôn-ông bất-tất phải lo phiền. Tôi xin tôn-ông là hết. Đang lúc đau-yếu như thế này, tôn-ông lo-phiền làm chi vô-ích! Vả tôn-ông nên biết nếu tôi không bị bắt-buộc thì thêm một ngày tôi cũng không còn lưu-luyến ở đây làm gì... Tôi lại bắt-buộc phải ở lại đây, cốt là để cho được trông thấy tôn-ông bình-phục trước khi tôi rời chân đi nơi khác. Lương-tâm bắt tôi không được bỏ việc bổn-phận, để một người da trắng ốm nằm đó mà đi cho đành!

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Cô-nương người Mỹ có phải không?

Thiếu-nữ luống-cuống một lát rồi khẽ gật đầu ra dáng kiêu-ngạo mà trả lời rằng:

— Thưa vâng... Tôn-ông hỏi câu ấy để làm gì?

— Thưa không để làm gì hết... Tôi hỏi cô-nương câu ấy cốt để cho biết tôi có nhầm hay không đó thôi.

— Tôn-ông chỉ muốn biết có thế thôi ư?

— Thưa vâng, tôi chỉ muốn biết có thế. Tôi đây họ là Xen-đôn, tên là Đa-Vit, chàng giơ tay ra để bắt tay.

Nàng nói:

—Tôi họ là Lạc-lan, tên là Gian-nê, xin cùng tôn-ông kết tình bè bạn. Nói xong nàng giơ tay bắt tay chàng Xen-đôn.

Chàng Xen-đôn ngượng-nghịu đáp:

— Thưa vâng, từ nay chúng ta sẽ thành bè bạn, chứ còn gì nữa?

Vậy thì tôi có thể lấy cả đồ hộp cho người nhà tôi, họ muốn ăn bao nhiêu thì ăn nhá? Thôi tôn-ông bị mắc-cỡ rồi nhá....

— Xin cô-nương cứ việc lấy.

— Đạ-tạ tôn-ông.... Tôn-ông người nước Anh?

— Cô-nương còn nghi đều đó ư?

— Ồ! không phải thế, không phải thế... thưa tôn-ông. Tôn-ông muốn là người Anh thì tự ý tôn-ông, tôi có bảo sao.

Chàng cau lông mày mím môi lại rồi bật cười sẳng sặc. Nàng cũng phải bật cười mà rằng:

— Nước Mỹ và nước Anh có thể giao-hiếu với nhau được, thì chắc sau này chúng ta không đến nỗi «choảng» nhau đấy nhỉ? Thôi tôn-ông hãy rộng khoan cho tôi đi lo cái bữa ăn đã. Tôn ông có muốn sơi gì không?

Chàng lắc đầu.

NÊN BIẾT PHÁP-LUẬT

Ai là người không có lúc phải biết pháp-luật để giữ quyền lợi, để tỏ nỗi oan?

Anh em làm ruộng và đi buôn!

Muốn khỏi phải mắc lừa, biên ngay lấy số nhà sau này, để mách giúp bà con, vì tờ cáo bạch này sắp hết.

Số 16 phố Hà-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi

Sở cố-vấn pháp-luật ông Joseph Trần-đình-Trúc, LUẬT-KHOA CỬ-NHÂN trường Đại-học Paris.

1. Giúp việc kiện cáo, làm các đơn từ, đòi hộ công nợ.
2. Thay quyền nhà buôn, làm sổ sách, làm quảng cáo kiểu Hoa-kỳ.
3. Quản lý nhà cho thuê và đồn-điền.

Ở xa muốn làm đơn từ

bằng chữ Tây, cứ viết thư đến bản sở.

Hỏi pháp-luật và nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho Trạng-sư Tây hiểu đầu đ ôi để dễ cãi, không phải giả tiền.

— Phải ăn chứ! Phải ăn chứ! Cái bệnh sốt rét của tôn-ông đã gần khỏi rồi, mà nay mai tất nó phải biến đi hết. Thứ nhất là tôn-ông người còn yếu thì lại cần phải cố ăn một tý, vậy xin tôn-ông hãy chờ tôi đó.

Nàng ở trong phòng chạy ra lối cửa thông vào bếp. Trông theo, chàng Xen-đôn nhìn thấy nàng sổ chân vào đôi dép to kếch sù của mình. Biết ý nàng thẹn đỏ mặt chạy vào bếp mất.

Chàng nói:

— Trời ơi! Nàng vớ cả dép mình nàng đi. Tội nghiệp, nàng không mang theo gì hết, ngoài bộ quần áo bận trong khi lên bờ, thế ra nàng chỉ có mỗi một đôi giầy cao-su để dùng ở trong nhà thôi.

(kỳ sau sẽ tiếp)

Cậu Học-trò đáng phục!

— Thưa ông, hẳn ông biết ông Socrate chứ?

— Có, ông là một vị đại-hiền - triết nước Hi - lạp, Tàu dịch ông là Tô-Cách-Lạp. Ông cũng như đức Khổng tử bên Á-đông ta.

– Vâng, thế ông cũng biết ông Euclide là ai chứ ạ?

Ông khách đỏ mặt đáp:

— Không, cậu nói cho nghe.

Ông Euclide là học-trò ông Socrate, người thành Mégare, ông là tổ - sư môn học ở thành ấy.

— Nhưng sao cậu lại hỏi vơ-vẩn thế?

— Không ạ, thưa ông, tôi muốn kể ông nghe một câu chuyện đó thôi. Nguyên có một độ, dân thành Athènes mang thù với dân thành Mégare, ra lệnh hễ bắt được người thành ấy sang đất mình thì xử tử. Vậy mà cứ tối đến, ông Euclide đầu phủ khăn, mình mặc áo dài đàn bà, ngoài khoác áo tơi, lần sang Athènes để nghe thày giảng, tinh sương lại về. Người ta liều chết đi học còn được, huống chi tôi đi học từ đây xuống trường **Song-thanh** chỉ phải đi bộ có 5, 6 cây số thôi có lấy gì làm khổ?

Thế trường **Song-thanh** ở đâu, cậu?

— Thưa ông, ở ngay *góc đường Jacquin và đường Hòa-Mã, cuối nhà Rượu, đằng sau nghĩa-địa Saigon.*

— Thế ư, thế thì từ nhà tôi ở phố hàng Bò xuống đây cũng không xa mấy. Cứ coi cậu tôi đủ hiểu giá-trị trường cậu học rồi. Để tôi cho mấy em nó xuống học ... Cậu trông nom các em với nhé!

-- Thưa ông, tôi đâu dám ạ.

Ông khách lẩm nhẩm cho nhớ kỹ:

« **Trường Song - thanh ở góc phố Hòa-Mã và Jacquin** ... »

TIẾNG TĂM

Nội các quan Tổng-trưởng ngoại-quốc qua kinh-đô Hoa-kỳ, có ông Grandi là nhiều người biết tiếng nhất, sau đến ông Laval, rồi cuối cùng mới đến ông Ramsay Mac Donald.

Quý độc-giả chớ tưởng các ông được «tiếng tam lừng-lẫy» là bởi tài hùng-biện hay bởi sự lịch-thiệp đâu. Không, nhiều người biết tiếng các ông là chỉ nhờ ở các bác tài-xế của dinh Tổng-thống, các bác thường được hân - hạnh đưa mấy bậc danh - nhân này đi chơi trong thành-phố.

Cái chỗ xét người của các bác, hẳn chẳng ai còn lạ.

Có gì đâu: Ông Grandi thì cho tài-xế 850 quan; ông Laval chỉ cho có 500 quan; đến ông Mạc Donald thì lại có ý « kiệt » hơn nữa, ông chỉ dúi vào tay bác tài được có 300 quan.

Ấy tiếng tăm các ngài ở đấy!

Vĩnh-Hưng - Tường là hiệu bán thuốc bắc lớn nhất từ Vinh vào đến Huế.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên - môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng-xuất và tán-thành
các công việc bổn phận
của Nữ-giới.

Chủ-nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA

Báo-Quán : 11-13, Phố sông Tô-Lịch — Hanoi

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, 47

HANOI

Giây nói số : 805

Là một hiệu thuốc có tiếng ở Đông-Pháp

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN SỐ 32

NGÀY 12 MARS 1932

DEPOT-LEGAL
RÉSIDENCE SUPERIEURE
TONKIN

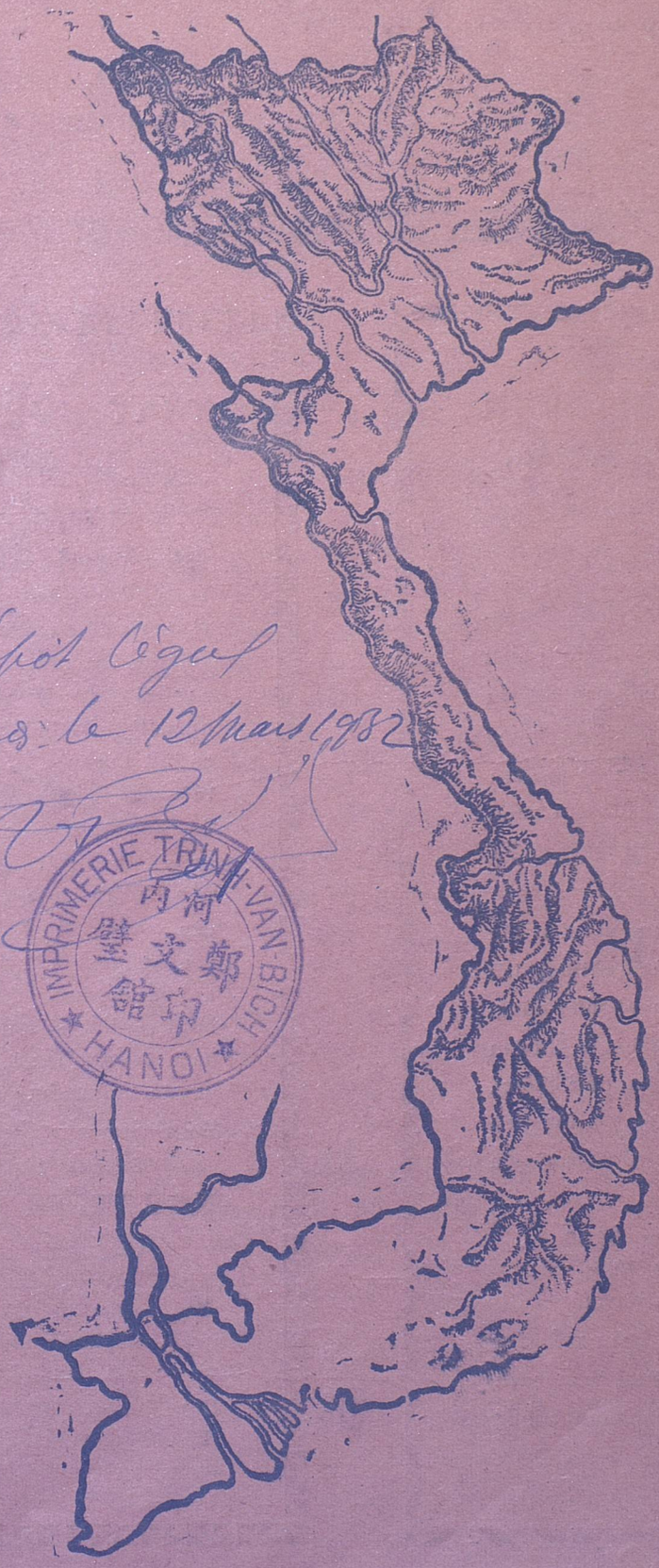

安南雜誌

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

Dépôt légal
Hanoi le 12 Mars 1932

IMPRIMERIE TRUNG-VAN-BICH
內河 鄭文璧 館印
HANOI

GIÁ BÁO

Một năm . . .	5$00
Nửa năm . . .	2, 60
Một số	0, 10

BIBL. CENTR.
HANOI
119

Toa bao : 68, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Muốn tiện việc sổ-sách, xin nhắc lại để các ngài Đại-lý nhớ cho rằng: từ nay, cứ vào ngày mồng 5 đầu tháng, xin các Ngài cho biết số báo bán trong tháng trước và nhân tiện gửi mandat về cho. Bản-chí lấy làm cảm tạ lắm lắm.

Kính cáo
An-nam Tạp-chí

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH
đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thẩy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, đầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00
Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**
No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT
MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nuyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim thuyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm, gân cốt yết đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khi huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, nữ, lão, thiếu điều đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50
NGŨ TỈNH DƯỢC PHÒNG
114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Avenue Maréchal Fock Vinh.

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN

II

Bạn tân-học ta làm thế nào cho trọn cái nghĩa-vụ : lấy học mới của mình mà tô-điểm cho nền văn cũ ? Làm thế nào cho quốc-văn ta có những áng-văn đáng gọi là tân-quốc-văn ?

Nghìn xưa, một việc văn chương thật là khoa-học tối-cao, mà càng những kẻ ở trong nghề văn, càng biết rằng nghề-văn thật lắm công-phu vậy. Cái tinh-túy của một áng-văn, thật có cái tính-cách rất là thần-bí, cái khí văn, cái sức văn, cái hay cái đẹp trong bài văn, thật có cái vẻ rất là mầu-nhiệm thiêng-liêng, khó lòng nói ra cho xiết được. Xem văn, lĩnh-hội được cái tài-tình là do cái « hồn-văn » giời đã phú cho ; làm văn, ức-đạc được cái khuôn phép mới lạ, cũng là do cái « hồn-văn » giời đã phú cho — « Hồn-văn » giời đã không để rành cho có một chút đỉnh, thì « của thiêng-liêng ai bán mà mua », dẫu dẫn-giải biết bao nhời, mà đã chắc đâu vẽ được cho ai cái phương-pháp ?

Huống chi, việc tỏ bầy khuôn-phép tân-quốc-văn đó, kẻ vô-tài mà dám đảm nhiệm chăng? Tất là không; song nói đại-lược, thiển nghĩ việc làm văn cũng bất ngoại ba điều : có cảm-tình hay, có tư-tưởng hay, mà nhời nhẽ cũng phải hay, ấy là văn hay. Vậy quốc-văn mà có cảm-tình mới, có tư-tưởng mới, nhời nhẽ lại cũng điểm nhiều vẻ mới, ấy chẳng phải là « tân-quốc-văn » đó chăng ?

Trong ba điều mới ấy, tưởng nên để tư-tưởng mới lên bực nhất.

Người làm văn biết tự-trọng tự-tôn, có ai là chịu viết ra một câu văn « rỗng không » không có tư-tưởng ? Có ai chịu mang cái tiếng nói lắm mà nói không có nghĩa, như tiếng tây gọi là « nói mà không ra nói » *(parler pour ne rien dire)* ? Người làm văn sở dĩ cầm bút là vì muốn giãi bày những tư-tưởng chính-đáng mà hữu-ích, muốn bài-trừ những tà-thuyết, những điều ngụy-biện, những chủ-nghĩa giả-dối vì tư-lợi mà đem ra định mê-hoặc đồng-bào. Thương ôi ! Tư-tưởng không ngay thẳng, mà vì đã mượn được cái áo ngoài dễ coi, cho nên thấu được tới cõi lòng xã-hội, mà làm cho nhiều người lẫn cám với vảng, cái tai-ách đó mới ghê-gớm thay cho vận nước ! — Lại có tư-tưởng thực ngay thẳng, mà vì nhẽ thời-thế đã biến-thiên, nên phép làm người cũng phải biến-thiên, cho nên tư-tưởng dẫu ngay thẳng cũng hóa ra cái trở-lực cho sự tiến-bộ; đấy cũng lại là một cái tai-ách, mà ta phải đề-phòng một cách khẩn-cấp. Tư-tưởng mới ! Tư-tưởng mới ! Mưa Âu gió Mỹ khói tỏa mây bay, ngọn trào-lưu của tư-tưởng mới hà vô-tình với đất cổ Việt-Nam, mà có tràn qua cũng chẳng để lại cho đôi chút phù-xa tốt để ta mượn mà gây hoa tươi quả mới, há cay-nghiệt với quốc-dân Việt-Nam mà có tràn qua, nhưng chỉ, thấy đem theo những cảnh-tượng tàn-phá, nào phong-hóa suy-đồi, nào thế-tình điên-đảo. Than ôi ! Tư-tưởng mới ! Tư-tưởng mới ! Ta yêu ta trọng tư-tưởng mới, ta ước ta mong vào tư-tưởng mới bao nhiêu, ta càng ngại ngùng thay cho cái nỗi bọn thanh-niên tân-học chúng ta đường xa gánh nặng lắm thay !

Tư-tưởng cũ của Nho-giáo đã gây cho nước Nam ta thành một nước văn-hiến, nhưng than ôi ! Nhà Nho không phải là không có đôi phần trách-nhiệm trong nguồn-gốc sự chậm tiến-hóa của nước ta bây giờ. Còn những tư-tưởng mới của Tân-học truyền sang, có nhẽ đâu để chịu cái địa-vị « công ít tội nhiều » ? Rửa cái văn cho tân-học, đó là nghĩa-vụ của bạn tân-học ta — Người ta chê bọn mình không có cương-thường

luân-lý. Bọn mình phải tỏ cho ai ai cùng biết chẳng qua cương thường luân-lý cũ đã có chỗ có thể cho là lão đại trong đời mới. Người ta chê bọn ta không có phương-châm cứu-quốc, hoặc là có ai trong tân-học giở trò cứu-quốc, thì cũng hình như bôi nhọ ra hề, hay là đi buôn đi bán đấy thôi...Bọn ta phải tìm lấy một phương-châm cứu-quốc cho thật đường đường chính-chính, để mà lấy nó làm hồn của tân-quốc-văn mà chúng ta phải gây nên, nhờ sức hồn thiêng đó ta sẽ lật bộ mặt thật của những tuồng giả-trá. To tát thay nghĩa vụ ấy !

Khó thay cái chức-vụ đem tư-tưởng mới vào quốc-văn ! Thâu-thái lấy tư-tưởng mới đã vậy, nhưng còn phải hàm-dưỡng tư-tưởng mới (*assimiler*) sao cho cái mới kia và cái cũ này điều-hòa được với nhau. Xin ví-dụ nói về một vấn đề gia-đình ở nước ta, ai chẳng rõ « gia-đình cũ » không phải là không làm nhụt chí hoài-bão của nhiều người mơ mộng một chữ Hiếu. Ai mơ rồi mà được vẹn chữ Hiếu thật riêng đáng mừng cho ai — Ai muốn vẹn mà không được vẹn, thôi đành ôm cái uất chung-thiên vậy. Thế mà nếu cực-lực tôn sùng cái chủ-nghĩa cá-nhân, bảo: mỗi người chỉ biết lo cho mình, thân mình và danh mình, sự nghiệp của mình và hạnh-phúc của mình, đó là tư-tưởng mới thật ; nhưng người An-Nam có phải là một giống người quên gia-đình mà có thể có hạnh-phúc được đâu. Một điều thí-dụ để rõ cái nghĩa điều hòa tư-tưởng mới với văn-hiến cũ thật là khó thay vậy ! — Bài luận-thuyết. « Thảm thương cho cái gia-đình An-Nam » (*La grande pitiéde la Famille Annamite*) mà luận-giả viết đăng *Annam Nouveau* năm ngoái, rút lại chưa có ảnh-hưởng, chính là vì chưa đạt tới cái nhẽ « điều-hòa ». Vô tài này làm việc còn chưa nên, nhưng cũng cứ phải làm, là đã chót đa mang, vậy những bực danh-tài trong áng tân-học còn nhiều, trong khắp ba kỳ, tôi xin dưng lời thành kính rước anh em, gây cho tân-quốc-văn nhiều cái luồng tư-tưởng mới. (*Còn nữa*)

Nguyễn-tiến-Lãng

Ông Briand từ trần

Tại khu nhà riêng số 52 đường Kleber, ngày 7 Mars, hồi 13 giờ 30, nhà ngoại-giao đại-tài của nước Pháp tạ thế !

Nửa giờ sau, một vùng đã thấy người chen trật ních, xe ngựa của các nhà chính-trị và ngoại-giao đi lại không ngớt lúc nào.

Ông Doumer, ông Tardieu và các chính-khách đều đến nghiêng mình chào và hôn tay người quá-cố. Ông Tardieu có nài tang-gia để Chính-phủ làm lễ quốc-táng cho ông Briand, tang-gia đã ưng thuận.

Hội-đồng Hạ-nghị-viện đồng lòng giải-tán để tỏ-dấu để tang, ông Tardieu cất lời cảm-động : « Cái thanh-danh mà ông Briand đã treo cao trên diễn-đàn Pháp, cái phần của ông trong sự-nghiệp lớn, sự-nghiệp khó-khăn mà nhiều khi bất-trắc, là công-việc tổ-chức lại thế-giới sau trận kinh-thiên động-địa chưa từng có, những việc ấy đã khiến được cả kẻ thù-địch phải cung-kính trước hình ảnh bậc vĩ-nhân này. »

Trong các báo Tây, ta đọc thấy bao nhiêu câu rất thống-thiết. Báo Le Temps nói về sự-nghiệp của ông, có câu : « Nếu kết-quả chánh-sách của ông không được mãn-nguyện, đó không phải lỗi của ông.

Cuộc cách-mệnh Hòa-bình chưa được hoàn-toàn vững-trải để ý-tưởng Liên-Âu thực-hiện, ý-tưởng mà ông Briand đã mang nặng trong hai năm nay. Ngày chết của ông Briand, tức là ngày hết của một thời-kỳ chiến-tranh chi hậu. . . »

Báo Le Soir nhắc lại hồi mấy tháng trước, ông Briand đã tuyên-bố trên diễn-đàn nghị-viện rằng : « Ngày nào tôi còn đây, chiến-tranh không thể có được ! »

Lời nói cương quyết thay ! Ôi !
Chiến-tranh thế-giới nổi đùng-đùng,
Vạn-quốc bây giờ lại mất ông !
Ai giữ cho yên trò nước Đức,
Mà ai dàn-xếp nạn miền Đông ?

V. A.

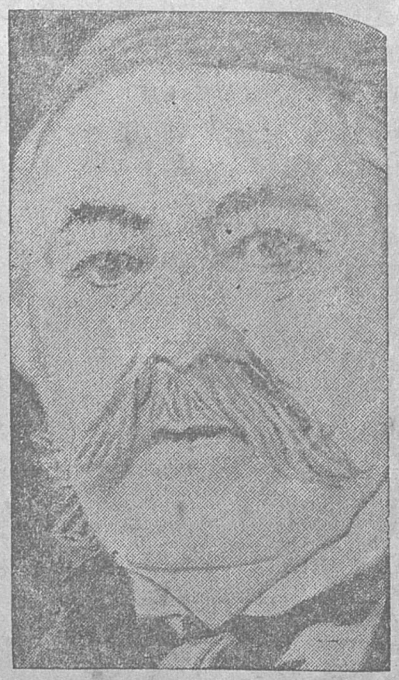

Ông Briand

THƯ CỦA BỌN TÔN-KHOA GỬI CÁC NHÀ ĐƯƠNG-CỤC NAM-KINH VỀ VẤN ĐỀ KHÁNG NHẬT

«Gần đây nghe nói trong các nhà đương-cục quân-sự và ngoại-giao, có người chủ-trương cái thuyết đem vấn-đề Thượng-hải đàm-phán riêng và giải-quyết trước. Đại-sứ Anh lại khuyên nước ta nên tự mình rút quân trước, mà các nhà đương-cục cũng vẫn chịu khó cùng họ thương-nghị. Chúng tôi đã cùng nhau bàn bạc, trong lòng rất lấy làm lo-sợ, nên mới dám đem sở-kiến bầy tỏ cùng các ngài.

Xét lại từ khi xẩy ra việc Đông-Bắc, chỉ vì quan Biên-phòng tư-lệnh Trương-học-Lương nhầm nghe cái thuyết nhảm « bất-đề-kháng», đến nỗi để cho quân Nhật chiếm lấy Đông-Tam-Tỉnh của ta dễ như giở bàn tay. Các nhà cầm quân, lại khiếp cái thanh-thế của quân Nhật, nên dám bảo rằng dù đem hết cả quân lính của nước ta ra, cũng không đủ sức kháng-cự với họ. Nếu ta đánh nhau với Nhật, chỉ ba ngày là mất nước. Chúng tôi thiết-tưởng cái tâm-lý ấy, không những trái hẳn chủ-nghĩa và lời di-chúc của Tôn Tổng-lý, mà lại còn có thể làm cho đảng vỡ nước mất, cũng chẳng khó gì. Cái tâm-lý ấy, nếu không trừ cho tiệt đến mầm rễ, thì không còn mong gì trống-trọi lại với cái nguy-cục hiện ngay ở trước mắt:

Thiết nghĩ nhà-nước thịnh hay suy, toàn do ở lòng người dân mạnh hay nhát. Huống chi, trong việc chiến-đấu, cái lực-lượng về vật-chất của đôi bên, vẫn nên cần phải so-sánh, nhưng nhân-tâm và sĩ-khí, không phải là không có quan-hệ to tát đến sự được thua. Về phương-diện tinh-thần, không có thể bằng ở ngày tháng mà tính trước được. Ta xem ngay như các cuộc cách-mệnh trên thế-giới từ trước đến giờ, sức phấn-đấu của bên bị áp-bách có bao giờ ngang hay bằng nửa được cái võ-lực của bên người áp-bách, nếu ai cũng có cái đức trì-trọng như các ngài, thì thế-giới làm gì có những cuộc cách-mạnh, mà ngay đến mấy lần phấn-đấu của Quốc-dân-đảng ta, cũng chẳng khác gì chuyện «trâu-trấu đá voi». Vậy mà trông lại các công việc đã qua, luật vào luận-lý cách-mạnh, thì quyết lại không bao giờ như thế! Người Nhật tuyên-ngôn trong 3 giờ đồng hồ, sẽ chiếm lấy được Hạp-Bắc, mà nay đội quân 19 của ta, trống trọi dòng dã đã hai tuần rồi. Sức của quân giặc thế nào, ta xem đó cũng đủ rõ. Vậy ta còn đợi gì mà không tự phấn-chấn lên? Nếu các ngài vẫn tôn-tín cái thuyết «bất đề kháng» như kinh giời nghĩa đất, mà cho sự thắng tiệp của đạo quân 19 là một điều may rủi; rồi nay mai có bị hy-sinh đi nữa, chẳng qua cũng là cái «đòn» đáng kiếp của một « lũ nhãi ranh khách khí sằng», thì chúng tôi còn dám nói gì nữa! Bằng không thế, thì xin các ngài nên mau mau ấn-định cái trí cả quyết cuối cùng, họp toàn-lực lại để cùng kẻ thù quyết một phen sống chết. Cho dù có thua chăng nữa, nhưng lòng người chưa chết, thì ta cũng còn có thể mưu tính về sau. « Thà làm ngọc vỡ, còn hơn ngói lành», câu đó, không nên coi là một câu văn xuông, mà chính nên đem làm biểu-hiệu cho cái khí-tiết của chúng ta lúc bây giờ vậy. Vả chăng, lòng nhiệt-thành cứu-quốc của quốc-dân ta, ngày nay đã đến cực-điểm, cho nên càng oán giận những người chủ-trương cái thuyết « bất-đề-kháng ». Nếu các ngài còn cố giữ cái thái-độ nhu-nhược khuất-phục; hay quá ra nữa, nếu lại tự mình rút quân về, để cho quân Nhật tự-do chiếm lấy Thượng-hải, rồi kéo thẳng đến Tô-châu, Hàng-châu và Nam-kinh, thì tôi e cái lòng tin-phục của dân-chúng sẽ biến mất đi, mà cái khí tức giận của quân-sĩ, thì khó lòng lấy gì mà ngăn cản lại được. Chúng tôi thật không muốn cùng các ngài cùng chung cái trách-nhiệm ấy.

Các ngài hẳn còn nhớ lần Bắc-phạt trước, quân ta so với quân-lực phái Bắc-dương, thật hơn kém nhau xa lắm chứ. Nhưng chỉ vì ta nhờ có chủ-nghĩa cách-mạnh, làm cho lòng người nao-nức, trí quân hăng hái, cho nên cái phần thắng lợi vẫn về tay mình. Huống chi, cơ hội này chính là cái cơ-hội cuối cùng có thể làm cho đảng ta khởi-tử hồi-sinh đó. Nếu các ngài biết vì đảng khôi-phục lại lòng tín-ngưỡng ngày xưa, đứng ra dẫn đạo quốc-dân, thề chết giữ lấy đất nước thì ngoài là quốc-dân, trong là các anh em đồng-chí, ai còn dám trái lời.

May ra, nhờ được uy-linh Tôn Tổng-lý, nước nhân đấy mà được yên, đảng nhân đấy mà thống-nhất, cái công ấy chắc sẽ được đời đời khói hương khấn vái, không bao giờ quên. Gắng lên! chúng tôi trông ở các ngài. Sau khi cùng nhau công đồng bàn bạc, chúng tôi yêu-cầu Chính-phủ quyết-định ngay những điều sau này:

1·) Tuyên-bố chính-sách nhất-quyết kháng-cự đến cuối cùng;

2·) Tập họp hết thảy hải, lục không, quân để giúp sức đội quân 19; cố giữ đất Thượng-hải.

3·) Ra lệnh cho các quân đội miền bắc nhân lúc quân giặc hư không,

KHỔNG PHU-TỬ VỚI ĐẠT-NHĨ-VĂN HAY LÀ CÁI LUẬT TỰ-NHIÊN ĐÀO-THẢI

Năm 1859, cuốn «Chủng-nguyên-luận» (De l'origine des espèces) của Đạt-nhĩ-văn (1) ra đời. Bắt đầu từ thế-kỷ thứ mười chín, cuốn sách đó đã gây nên một cái phong-trào rất to-tát. Vì cuốn đó nên mới có đế-quốc chính-sách (Lương Khải-Siêu), tổng-hợp triết-học, và cũng vì cuốn đó, nên bác-sĩ Voronoff mới tìm ra vị thuốc trường-sinh bất-lão bằng cách tiếp hạch của loài hầu.

Nội-dung cuốn Chủng-nguyên-luận là một bài luận-thuyết về cái luật tiến-hóa (loi d'évolution) của loài vật và của nhân-loại. Ngày trước người ta cho rằng bất kỳ vật gì cũng tự trời sinh ra, từ đời hồn-mang đến giờ không khi nào thay hình đổi dạng: con thỏ ngày nay cũng như con thỏ đời xưa, con chó đời nay cũng như con chó ngày xưa.... Trước Đạt-nhĩ-văn, tuy đã có nhiều nhà bác-sĩ như ông Lạp-mạch (2) (Lamark) và Ai-lạp-sĩ-mã-sĩ (Erasme-Darwin — tổ-phụ Đạt-nhĩ-văn) đã nói về loài vật biến-hóa, nhưng, những nhà đó chỉ biết được hiện-tượng biến-hóa của loài vật, mà không biết cái lý-do biến-hóa là làm sao. Ngày 24 Novembre 1856, cuốn Chủng-nguyên-luận ra đời, về phần thực-nghiệm đã đầy đủ, mà về phần lý-luận lại sác-đáng, cái thuyết tiến-hóa mới xuất-hiện từ đấy.

Mười hai năm về sau, cái thuyết «ông tổ loài người là loài hạ-đẳng động-vật» trong cuốn «Nhân-tổ luận» (Descendance de l'homme) mới xuất-hiện. Song, ở đây không tiện bàn đến — học-thuyết của Đạt-nhĩ-văn có dịch ra quốc-ngữ (Ngu-công), và chữ Hán (Lương Khải-Siêu) — chúng tôi chỉ xin phép nói qua về nội-dung cuốn «Chủng nguyên-luận» mà nhất là cái luật tự-nhiên đào-thải, đầu đề bài này.

Đạt-nhĩ-văn cho rằng: Nguyên-nhân tiến-hóa của loài người, của các loài sinh-vật là do cạnh-tranh để cầu được sinh-tồn. Hơn được, kém thua là một cái luật tự-nhiên. Được hay thua do cái sức tự nhiên cũng có, do cái sức của người làm cũng có. Do sức tự-nhiên là tự-nhiên đào-thải, do sức người làm là nhân-sự đào-thải.

Trên kia, tôi có nói: ông Lạp-mạch, ông Ai-lạp-sĩ-mã-sĩ tuy đã biết được hiện-tượng biến-hóa của loài vật, song các ông đó chưa biết cái-lý do biến-hóa ra làm sao.

Nay, theo thuyết của ông Đạt-nhĩ-văn, cái lý-do biến-hóa đó là cái sức tự-nhiên đào-thải, hay là cái sức nhân-sự đào-thải. *Nhân-sự đào-thải* (*la sélection humaine*) thế nào thì dễ hiểu lắm rồi, nay tôi chỉ lấy một cái thí dụ để chứng-dẫn cái thuyết đó. Nguyên lúc mới sinh ra chỉ có một giống chó, thế mà bây giờ lại có nhiều thứ, nào là chó săn, nào là chó giữ nhà, nào là chó bới tuyết, (ở núi Saint-Bernard). . mỗi con có một cái tài riêng có một hình-thù riêng. Loài vật biến-hóa như thế, là vì người ta muốn dùng nó làm việc gì, phải tìm cách nuôi nứng uốn nắn cho thân-thể và tài-năng nó thích-hợp với việc ấy. Đó tức là sức đào-thải ở người làm ra. Người muốn cho loài mạnh được sống, thì loài đó được sống; còn những con ốm-yếu xấu-xí, thì người bắt chúng tiêu-diệt dần đi, cái lẽ mạnh được yếu thua, cái lẽ nhân-sự đào-thải là thế. Đấy mới nói về loài vật; còn loài người, thì người mạnh được ăn, người yếu nhịn đói, người giỏi thì sang, người dốt thì hèn; cái lẽ mạnh được yếu thua của loài người cũng chẳng khác chi của loài vật.

Đến cái lẽ *tự nhiên đào-thải* (*la sélection naturelle*), thì lúc sơ đầu, Đạt-nhĩ-văn chưa dám vũ-đoán; sau khảo-cứu thực-nghiệm mãi, Đạt mới phát-minh ra được cái lẽ «vật cạnh thiên trạch» (survivance du plus apte). Lẽ «vật cạnh thiên trạch» là thế nào? Là cái lẽ cạnh tranh của sinh-vật, rồi con nào có những đặc-tính thích-hợp với hoàn-cảnh tự-nhiên, thì sinh-tồn, con nào không thích-hợp thì bị tiêu-duyệt. Thí dụ các giống sâu bọ: trong một đám sa-mạc có nhiều thứ sâu đủ sắc, những con nào sắc xanh đỏ hay đen — tức là những mầu không hợp với mầu vàng của cát bụi trong sa-mạc — thì dễ bị giống chim dễ bắt mà ăn đi, còn những con mầu vàng, thích-hợp với mầu cát nên không bị loài chim trông thấy, thì còn đến bây giờ. Loài gấu cũng vậy: trước kia gấu trắng, gấu đen cùng sinh-trưởng một nơi, song theo lẽ cạnh-tranh, con gấu trắng

---

lập thế phản-công để thu-phục lại các chỗ đất đã mất;

4°) Về mặt ngoại-giao, yêu-cầu quân Nhật trước hết phải toàn bộ rút lui, rồi sẽ lại cùng nhau giao-thiệp và vấn-đề Thượng-hải phải đem ra đồng-thời thương-nghị và giải-quyết với vấn-đề Đông-Tam-Tỉnh.

Nếu thực-hành được 4 điều trên đây, quân-khí của ta tự nhiên sẽ thấy bội phần hăng hái. Phần ta giữ được vững-vàng, trên trường quốc-tế tất nhiên có điều thay đổi, bây giờ hãy nên nói đến chuyện ngoại-giao!

Mấy lời thành-thực mong được các ngài xét đến và phúc lại cho biết.

Ngô-Thúc-Địch
dịch

(ours blancs) phải tìm đến những nơi băng tuyết, tức là những nơi cùng một mầu trắng, để ẩn mình, con gấu đen thì tìm vào những nơi rậm rạp để lánh nạn.

Vì thế ở sa - mạc chỉ có những loài sâu hay loài chim bắt sâu sắc vàng, mà những nơi băng - tuyết, chỉ có loài gấu trắng mới sinh-tồn được.

Số loài vật sinh sống trên quả đất thường nhiều hơn số đồ ăn của chúng, cho nên nếu loài vật chỉ sinh - sản mà không tiêu-diệt, thì chẳng mấy chốc mà mặt đất không đủ chỗ ở. Cho nên lẽ cạnh-tranh ở đời, là cần phải có lắm.

Đấy là mới nói về cái luật tự-nhiên đào-thải của các giống vật khác nhau. Còn những vật cùng giống cạnh-tranh nhau mới dữ dội hơn nữa. Vì một miếng mồi mà hai con hổ cắn xé nhau, rồi cùng bị thương, cùng chết. Anh em trong nhà tranh giành nhau, nước láng giềng dòm dỏ nhau. . . Từng ấy thí-dụ cũng theo về luật cạnh-tranh với luật tiến-hóa, vì rằng có cạnh-tranh mới có tiến-hóa.

Còn nhiều sinh-vật lúc già có truyền lại cho con cháu nhiều ưu-điểm để mưu lấy sự sinh-tồn; con mèo con trèo cao chẳng khác con mèo mẹ, con hổ con nhảy cao chẳng khác con hổ già. Những lẽ đó cũng thuộc về luật cạnh-tranh, về luật tiến-hóa.

Nói tóm lại, luật tự-nhiên đào-thải theo luận-lý của Đạt-nhĩ-văn thì có ba hồi:

1° — Sinh-tồn mưu-sự (culte de l'existence).

2° — Ưu-thắng liệt-bại (survivance du plus apte)

3° — Ưu-điểm truyền-tự (hérédité des caractères innés).

Đại-loại luật tự-nhiên đào-thải của Đạt-nhĩ-văn thuyết-hành là thế.

* * *

Bắt đầu từ thế-kỷ thứ mười chín, người phương Tây mới rõ hiện-tượng và lý-do của sự biến-hóa trong sinh-vật. Ảnh-hưởng của sự biết đó sâu xa như thế nào bất tất phải nói đến; sự-nghiệp của bác-sĩ Voronoff, của đế-quốc chính-sách, của tổng-hợp triết-học, mai sau ra thế nào, tưởng cũng là nhờ về cái tài thực-nghiệm và luận-lý của Đạt-nhĩ-văn trong cuốn Chủng-nguyên-luận.

Song, còn có một điều, một điều mà tôi muốn bàn trong bài này, điều đó là Khổng-giáo có can-hệ với cái luật «tự-nhiên đào-thải» đó ra thế nào?

Theo như ý-nghĩ từ xưa đến nay, cái luật tự-nhiên đào-thải là mới phát-siển ra, học-giả Đông-phương có nhờ làn sóng Thái-bình-dương tràn sang mới biết được cái luật «mới mẻ» đó.

Song, theo ngu-ý tôi, các sĩ-phu về bên Hán-học chắc đã tường-hiểu luật tự-nhiên đào-thải lắm rồi. Học-thuyết của Nho-giả đã có nói tới luật đó trước Đạt-nhĩ-văn hơn hai nghìn năm về trước đây rồi.

Trước tây-lịch kỷ-nguyên, Nho-giáo đặt lẽ *Thiên-mạnh* 天命 tin có một cái lý vô-hình, rất linh-diệu, rất cường-kiện, chi-phối cả muôn vật, để khiến sự biến-hóa của vạn-vật được điều-hòa với sự sinh-tồn. Cái lý vô-hình đó là Trời, mà cuộc chi-phối đó là một cái ý-chí. Cái ý-chí đó là *thiên-mạnh* 天命 hay là *đế-mạnh* 帝命 (cổ-nhân dùng chữ *đế* để chỉ cái ý làm chủ-tể muôn vật).

Đại-phàm con người ta ở đời, sự lưu-hành đều theo cái đạo biến-hóa của trời đất. Đạo biến-hóa đó có một cái năng-lực lạ thường chẳng khác gì dòng nước mạnh cản ngăn đàn cá bắt lội xuôi dòng nước chảy. Người đời phải chịu phù-hợp với dòng nước «thiên-mạnh» đó mà biến-hóa; cũng như con sâu, con chim, con gấu — đã nói trên kia — phải thích-hợp với hoàn-cảnh tự-nhiên để mưu sự «sống còn».

Sách *Trung-Dung* có nói: «*Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài-giả bồi chi, khuynh giả phúc chi*» (天生之物, 必因其材而篤焉故栽者培之傾者覆之. . .) Nghĩa là: *Trời sinh ra muôn vật, nhân tài-lực của từng vật mà đôn-đốc thêm vào, vật nào vun đắp được cho tốt thêm thì vun đắp vào, vật nào nghiêng-lệch thì làm đổ nát đi.* Xem như câu đó thì đủ rõ Nho-giả cũng đã có luật tự-nhiên đào-thải hơi giống cái luật đào-thải của Đạt-nhĩ-văn.

Đây tôi xin nói về cái chỗ tương-đồng của hai cái luật biến-hóa đó, rồi sau mới nói đến chỗ tương-phản

Hai cái thuyết về lẽ biến-hóa đó đều bao-hàm cái nghĩa đào-thải. Đạt-nhĩ-văn nói: cái lý-do của sự biến-hóa là lẽ đào-thải, loài sinh-vật phải theo cái luật chung đó mà cầu sinh-tồn, hơn thì được, kém thì thua, đó là lẽ cạnh-tranh. Khổng-Phu-Tử viết: . . . . *cố tài-giả bồi chi, khuynh giả phúc chi.* Hai thuyết đều cho lẽ tiến-hóa, hơn thiệt, là do lẽ tự-nhiên đào-thải mà ra.

(còn nữa)

Vũ-lang

THẬT-KHÔN

(Chuyện cổ Hi-lạp)

Đã trải mấy đời vua, xứ Syracuse chịu lầm than dưới chính-thể tàn-ác, đến đời vua Denys, dân tình lại càng khổ-sở hơn, trăm họ ai cũng cầu khấn cho vua chóng chết. Duy có một bà già, già lắm — ngày nào cũng đến giáo-đường cầu cho vua sống lâu, và xin đem thọ-số mình đền mạng cho vua nếu vua sắp chết.

Vua Denys lấy làm lạ, vời bà già ấy vào hỏi. Bà đáp:

«Tôi nay chẳng còn xuân xanh gì nữa; một đời tôi, tôi đã từng thấy bao nhiêu vua tàn-bạo và đã từng nghiệm rằng hễ cứ qua một đời vua tàn-bạo lại đến một đời vua tàn-bạo hơn. Như nhà vua thì thực tôi chưa hề thấy một vị Đế-vương nào bạo-ngược hơn nữa. Lấy đấy mà xét chính-sách của Thái-tử sau đây còn tàn-ác hơn nhiều, nên tôi cầu thần-minh để chậm lại cho ngày nào hay ngày ấy...»

Ta bất tất phải bình-phẩm lòng hỉ-xả và cái khôn của bà già này.

Kể lại chuyện trên nhà văn-hào Anatole de France kết một câu rất thú-vị:

«Bà già ấy rất biết lẽ phải. Ta cũng nghĩ như bà rằng đàn-cừu khôn hồn cứ để lão chăn-cừu già lão cắt lông cho, kẻo gặp phải đứa trẻ hơn nó cắt cho chụi hơn nữa.»

H. H.

Nước Hoa-Kỳ trong cơn kinh-tế khủng-hoảng

Muốn tiến-thủ, ta phải theo một con đường mới. Nếu chỉ biết thờ tiền bạc thì sẽ không tránh được cái cảnh-ngộ khốn cùng như nước Hoa-Kỳ ngày nay.

Ta vẫn thường được nghe tiếng nước Hoa-Kỳ là một nước giầu mạnh nhất thế-giới. Thế mà từ khi nạn kinh-tế khủng-hoảng tràn ra khắp thế-giới, nước ấy đã gặp phải một cái cảnh-ngộ rất khốn cùng và kỳ-quặc, nghĩa là của vẫn thừa, thức ăn vẫn lắm, mà kẻ nào đói vẫn đói, kẻ thất-nghiệp vẫn không có việc làm. . .

Một điều đáng lo cho nước ấy, là số người không có việc làm cứ mỗi ngày mỗi tăng mãi. Hiện nay có tới hàng mấy triệu rồi, mà phần nhiều là những người thợ trước kia vẫn được sinh-hoạt trong một cái cảnh đời vật-chất phong-phú. Khách du-lịch qua chơi những nơi đô-hội lớn, phải lấy làm ngạc-nhiên, gặp những người ăn mặc chỉnh-tề đến xin từng hào để ăn «xúp». Có người vẫn còn ô-tô mà mỗi ngày chỉ được ăn có một bữa. Một phần đông người thuê nhà, không có tiền giả, chỉ có cách đi trốn, có khi lại dọa chủ nhà nếu đi kiện sẽ giết hoặc đốt nhà! Đã có mấy ông chủ nhà bị họ chơi cho cái nước ấy, nên nhiều ông cũng sợ.

Thế chẳng qua cũng là vì túng đói cả, chứ dân Hoa-Kỳ vẫn có tinh thần thẳn và chân thật.

Từ khi xảy ra nạn thất-nghiệp thì số trộm cướp cũng cứ tuần-tự tăng thêm. Ai cũng biết tiếng những ông tướng cướp Hoa-Kỳ là gian-hùng nhất thế-giới. Ngày nay các ông ấy đã mộ được rất nhiều thủ hạ. Thành ra trong một nước có tổ-chức hẳn hoi, có trật-tự tề-chỉnh, mà các nhà giầu vẫn cứ phải lo cho cái kho bạc và cái tính-mệnh của mình!

Khi trước bọn chủ nhà cho thuê là bọn nhàn-hạ nhất, nay cũng gặp lắm bước gian-nan. Đi đòi tiền lắm khi chỉ mất công toi. Còn một đống nhà bỏ không, giảm mãi giá cũng chẳng ma nào đến. Trong các thành phố lớn người ta thấy những cảnh-tượng đau đớn như vầy:

Những nơi chật hẹp bẩn thỉu thì một lũ người chen chúc nhau ở. Những nơi rộng rãi, quang đãng thì bỏ không!. . .

Nước Mỹ muốn thoát ra khỏi cái cảnh-ngộ ngày nay, phải làm thế nào? Cứ đợi cho cơn khủng-hoảng kinh-tế tan dần đi, rồi sẽ lại được phát-đạt như xưa? Hay cần phải thi-hành một cuộc cải-cách lớn, tổ-chức hẳn lại nền kinh-tế?

Các nhà cầm quyền cho rằng cứ kiên tâm ngồi đợi là hơn. Thế nào rồi cơn khủng-hoảng kinh-tế cũng phải tan dần. Họ nói rằng: thế-giới đã trải nhiều cơn khủng-hoảng; cơn này cũng giống những cơn khủng-hoảng trước, rồi cũng phải tiêu tán đi. . .

Nói thế cũng có lý, nhưng xét kỹ ra thì không thể so sánh cơn khủng-hoảng kinh-tế ngày nay với những cơn kinh-tế khủng-hoảng đã xảy ra trong mấy hồi trước được. Ta nên nhớ rằng: các cơn khủng-hoảng cứ mỗi ngày mỗi lớn thêm, mà sức phấn-đấu của thế-giới thì mỗi ngày một yếu dần... Nếu gặp một cơn khủng-hoảng lớn dòng dã lâu ngày, thì không chắc có đủ sức mà phấn-đấu mãi được, đến khi kiệt sức tất sinh ra đại-biến. . . .

Nhưng nhân dân nước Mỹ ngày nay vẫn còn yêu chuộng trật-tự như nhân dân nước Mỹ trong hồi trước chăng?

Người bình-dân nước Mỹ thì xem ra có tính hiếu-kỳ, tuy thích trật-tự nhưng cũng không sợ những cuộc cải-cách nguy-hiểm. Dân Mỹ vốn không có những tư-tưởng thủ-cựu như người Âu-châu, nhưng, vì xưa nay họ vẫn được sinh-hoạt trong một cái cảnh đơi vật-chất dễ chịu, nên không hay sinh sự lôi thôi. Nhưng, ngày nay thì tính họ đã thấy đổi khác nhiều. . . .

Tuy vậy, cuộc đại cải-cách cũng chưa có thể thi-hành ngay được vì mấy lẽ này:

1. — Một phần đông dân Hoa-Kỳ vẫn còn mong rằng cơn khủng-hoảng ngày nay tự nhiên rồi phải ngớt.

2. — Nhiều người vẫn còn chuộng chủ-nghĩa gia-đình.

3. — Một phần dân thất-nghiệp đã quay về chế-độ tiểu-công-nghệ, hội họp từng đám ít người để làm việc ở nhà riêng, rồi đem bán rong những đồ vật đã chế-tạo được bằng tay.

Rõ thật là kỹ-nghệ suy đồi, ý muốn viển vông, mong tưởng mơ hồ!

Trần-đình-Trúc

Họa vô đơn chí!

Mới đây tòa án Prague có xử một vụ kiện cũng lạ: một người thợ hóa-học bị què chân đòi hai nhà bảo-hiểm phải trả tiền hơn một triệu.

Tại sao hai nhà bảo-hiểm ấy không chịu trả? Ta hãy quay lại 25 năm về trước xét cái tiểu-sử tai nạn của người này:

Năm 1927 chàng gẫy một chân, lấy được một món tiền khá lớn sống được trong 13 năm. Rồi chàng bị đau khớp xương, đau lắm, khiến cho sở bảo-hiểm lại phải biếu chàng ít tiền nữa để chờ ngày cái xưởng của chàng bị phát hỏa, mà đền cho chàng ngót triệu quan . . . .

Nhưng tai-nạn của chàng chưa hết. Hai năm sau, lại thấy chàng đến gõ két bảo-hiểm vì chân chàng dẫm phải một cái đinh rỉ, mắt chàng nhắm phải một mảnh kính vỡ suýt mù.

Rồi đến năm ngoái đây, chàng ký giấy giao kèo với hai nhà bảo-hiểm nữa. Thì vừa mới đây được một tháng, chàng trượt ngay cẳng ở bực thang gác bị trọng thương.

Tai nạn nhiều như kia bảo không ngờ sao được!

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

7

(*Tiếp theo*)

Có một hôm tôi ngồi học bài trong một cái buồng gần bếp. Cô *Lâm-thị* có mấy cái lược ướt, con nhài đem để hơ ở trên bếp, bỏ đi một chốc, giở lại lấy thì thấy một cái lược bị ai bẻ mất cả một nửa răng. Lỗi này ngờ cho ai ? Chỉ có một mình tôi ngồi trong buồng gần đó. Gọi tôi ra hỏi, tôi chối không có mó đến cái lược ấy. Cả cụ *Lâm-bác-sĩ* cả cô *Lâm-thị*, xúm lại dỗ-dành năn nỉ, rồi lại dọa, giục tôi thú tội đi. Tôi vẫn một mực chối mà thôi; nhưng mọi người đều chắc chỉ có tôi tinh nghịch, cl ối sao cũng không ai tin; tuy vậy vẫn biết tôi xưa nay không hề nói dối ; lần này mới thấy nói dối một cách liều mà bướng đến thế. Vừa tinh-ma nghịch ngợm, vừa nói dối không chịu thú, vừa bướng và cứng cổ, ba tội đáng đánh đòn cả ba. Nhưng roi đòn lần này chẳng phải do tay cô *Lâm*; lần này thầy dạy tôi viết thư cho chú *Bánh-na* tôi đến tận nơi — Nhân em họ con chú tôi, tội nghiệp (!) cũng mắc một tội gì đó, nặng ngang với tội tôi. Thôi thế là chết cả đôi. Chết thật, vì đòn lần này rất dữ. Ví phỏng các người trông nom tôi đã biết rõ cái tật thích bị đòn của tôi, mà muốn cho một trận đủ đau đớn ê-chề đến nỗi phải quên bỏ cái tật vô-lý ấy đi, — thì dùng một trận đòn như thế là đạt tới mục-đích vậy ! — Sau trận đòn ấy, tật thích đòn của tôi quả cũng chừa được trong một thời-kỳ khá lâu.

Đòn dữ như thế để bắt tôi nhận tội, mà tôi cũng không chịu nhận. Tôi không nhận, đòn lại càng ghê, hết trận ấy đến trận khác, chứ không phải là chỉ một lần. Có nhẽ chết thì thôi mà thôi, ý tôi nhất quyết. — Chẳng thế về sau võ-lực cũng phải đành chịu không làm sao đánh đổ được cái cứng cổ của đứa trẻ ma-mãnh : ấy lúc bấy giờ, cái bền gan của tôi, người ta chỉ gọi nó là « cứng cổ » — Nhưng rút lại, trong trận đấu-chiến ấy, tôi khổ cực nhưng tôi thắng trận.

Từ đó đến nay, chốc đã năm mươi năm giời rồi. Bây giờ tôi còn sợ gì ai đánh ai phạt về cái việc nhỏ mọn khi xưa, có việc gì mà tôi phải chối mãi mãi. Nhưng nào có phải là tôi làm nên lỗi! Thật tình là tôi oan, tôi xin thề rằng tôi chẳng có đánh gẫy cái lược ấy, chẳng mó đến nó nữa, tôi không có lại gần cái gác bếp, tôi không nghĩ gì đến cái trò chơi tinh nghịch như thế. Độc-giả hỏi rằng : thế tôi không nghịch thì ai nghịch mà gẫy lược ? Câu hỏi ấy tôi xin chịu, tôi không biết là ai làm ra việc ấy; mà tự tôi cũng không hiểu ra thế nào mà đến nỗi gẫy được cái lược. Tôi chỉ biết chắc có một điều là tôi đã bị oan khi ấy.

Các độc-giả tưởng-tượng tâm-sự tôi lúc bị cái oan ấy : một đứa trẻ xưa nay bề ngoài thì vẫn hay e-thẹn mà dễ dạy dễ bảo, bề trong thì nóng-nẩy có tính tự-cao, ngang-tàng, — một đứa trẻ xưa nay vẫn biết nghe lẽ phải, được học điều phải, được nâng-niu, được chiều-chuộng, được người trên lấy công-bằng mà đối-đãi, — một đứa trẻ trong óc không biết ngờ rằng ở đời có thể có sự gì bất-công, — thế mà vụt bị một sự bất-công, một cái oan-ức như thế, lại chính là vì những người mà xưa nay đứa trẻ ấy vẫn yêu-kính hơn hết mọi người : tư - tưởng lung - tung là nhường nào, tình-cảm rối-loạn là nhường nào ! Trong quả tim, trong khối óc, trong hết cả tinh-thần tâm-trí, một phen ấy biết bao nhiêu sự đổi thay ! — Tôi nói : « các độc-giả thử tưởng-tượng...» Bởi vì tự tôi thì không sao xét rõ được cái tâm-lý của tôi lúc bấy giờ.

Tôi lúc ấy còn bé dại, đã đủ đâu được trí khôn mà hiểu rằng : cứ xem mọi nhẽ bề ngoài thì ai là chả nghi cho tôi, — mà biết rằng mình thử để mình vào địa-vị người nhớn xem những lúc ấy mình có phải xử-trí cũng như người ta đã xử-trí hay không. Nào có biết thế ; không tôi cứ biết đứng vào địa-vị tôi mà tôi uất đã bị một cái hình-phạt quá khắc vì một việc vu-vơ mình vô-tội. Đòn đau xương thịt, nhưng cái đau ấy tôi gần như không thấy nó nữa, vì đầy gan ruột chỉ tức-giận, đau-đớn vì hết cách tỏ nỗi uất ức. Người em họ tôi, cũng bị một việc oan gần giống cái cảnh-huống ấy, — hắn tuy có lỗi nhưng vô tình mà có lỗi, không phải cố-ý, tuy vậy bị đòn nặng cũng như là đã cố-ý làm nên lỗi, — thành ra cũng theo gương tôi, cũng bắt chiếc tôi mà sôi nổi lên.— Hai chúng tôi nằm cùng một giường, ôm lấy nhau cù g giận mà run cả chân tay, cùng tức mà như nghẹn cả hơi thở, rồi một lúc, khi tấc lòng con trẻ đã hơi nguôi mà có thể mượn nhời nói rãi ra ngoài, thì hai anh em cùng ngồi dậy trên giường, rồi cùng đồng thanh hết sức mà gào thét với nhau : « Đồ ác-nghiệt ! Đồ ác-nghiệt ! Đồ ác-nghiệt !» (*Còn nữa*)

Nguyễn-Tiến-Lãng

Tán sẳng !

Một chàng viết tin cho một tờ báo Anh được dịp tán-dương một bà quí-phái, chàng nói người nào đã thuộc về dòng-dõi đại-gia tất đức-hạnh cũng cao-quí hơn người, chàng kết :

«Đức nhún-nhường của bà, thế nào thì đức thành-thực của bà cũng thế. Hôm trước, một người đưa nhầm cho bà một cái ngân-phiếu không phải của bà, bà cho người đem trả lại. Tôi thiết-tưởng một việc như thế người ta vị tất đã có ai làm được »!

Câu tán sẳng trên này ở phương tây cũng có nhiều người chú-ý, Nhưng, ở ta ai không biết chứ riêng tôi, tôi nghe đã quen tai lắm rồi.

V. A.

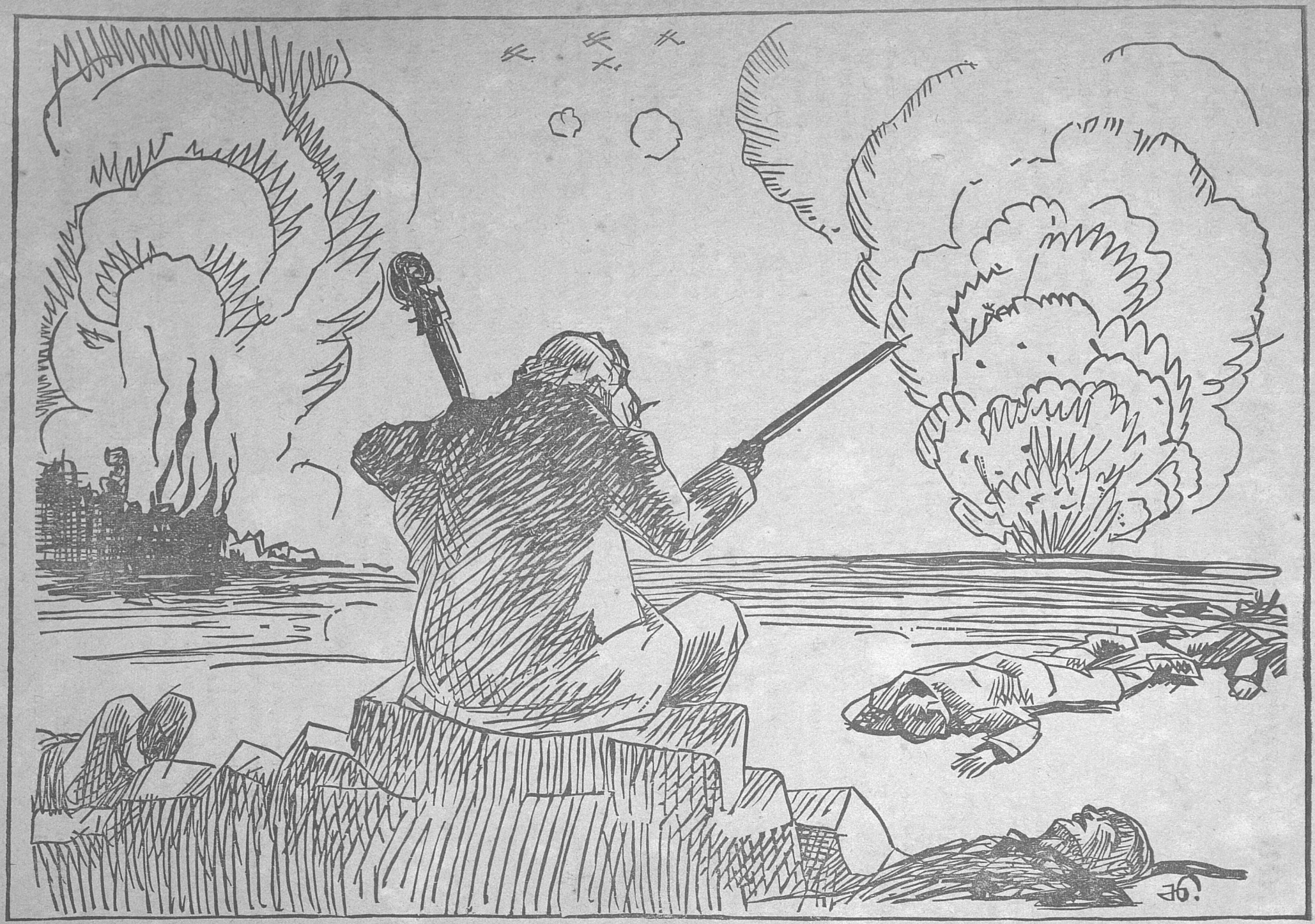

— *Khoan đã! Các bác có muốn dọt nhau, hãy bảo tôi! Tôi sẽ dàn sếp được ngay.... Do-ré-mi-fa-sol....*

Câu chuyện nợ ở phương Tây

(Đọc hai bài bàn về thời-cục Đức, mày bạn độc giả chưa iều đầu đuôi câu chuyên nợ và chương trình Young ra sao có viết thư về hỏi, vậy chúng tôi xin chiều ý kể qua ra sau đây)

Ngày 28 Juin 1919, tại thành Versaille, bên Đức, bên Đồng-minh, hai bên ký hòa-ước. Điều thứ 231 và 232 hòa ước ấy có định rõ quyền Đồng-minh, nếu Đức không trả tiền bồi thường thì Đồng-minh có thể tự-do hành-động.

Ngày 16 Juillet 1920, tại Spa, Đồng-minh định chia món nợ ấy cho: Pháp 52°/o — Anh 22°/o; — Ý 10°/o, — Bỉ 8°/o, — nhật 0,75°/o, — Bồ-đào 0,75°/o, — và Cự-kha-tư-lạp-phu (Yougoslavie) 5°/o nữa.

Ngày 5 mai 1921, tính toán vừa xong, Đức phải nhận trả Đồng-minh 132 nghìn triệu kim-mã-khắc, chia làm ba hạn: Hạn A 12 nghìn triệu, hạn B 32 nghìn triệu, và hạn C 82 nghìn triệu. Ngoài ra, hàng năm, Đức còn phải trả lãi 2 nghìn triệu và 26°/o số hàng hóa xuất cảng.

Năm 1922, đồng mã-khắc bị sụt giá, Đức không trả nợ được, nên ngày 11 Janvier 1923, Pháp Bỉ đã kéo nhau sang chiếm giải sông Ruhr. Nhưng cuộc «đi chơi mát» ấy có chút nghịch ý các ông láng giềng nước Pháp, các ông bất đắc dĩ phải xin cùng Pháp điều đình.

Ngày 30 Novembre 1923, hai Uỷ-ban giám-thị đi xét tình hình nước Đức, do hai ông Mac Kenna và Dawes làm chủ-tịch. Tờ trình của Mac Kenna xét ra vô hiệu. Còn tờ trình của ông Dawes bày cách «quân bình sổ chi-thu và nâng cao đồng tiền Đức», được hội-đồng công-nhận, nước Đức cũng công-nhận; ngày 1er Septembre 1924, chương trình ấy bắt đầu thi-hành.

Nhưng đó chỉ là một phương-pháp lâm-thời, cho nên, ngày 16 Septembre 1928, hai bên lại điều đình để họp hội-đồng xét lại.

Hội-đồng họp tại Ba-lê ngày 9 Février 1929, chủ-tọa là ông Owen D. Young. Chương-trình Young được công-nhận bắt đầu thi-hành từ ngày 17 Mai 1930.

Theo chương-trình này, món nợ quốc-tế chia làm hai khoản: một khoản nhất-định không thể di-dịch được, còn một khoản có thể đổi thay và triển-hoãn.

Hội-đồng giải-tán, công-việc điều đình giao cho các ngân-hàng Quốc-tế.

Nhưng nước Đức ngày một nghèo dữ, tiền ăn tiêu chẳng đủ còn lấy đâu được tiền trả nợ — huống chi món nợ ấy lại là nợ «Liễu-Thăng»! Ngày 20 Juin 1931, ông Hoover bằng lòng cho triển-hạn một năm, nhưng, mới đây, nước Đức tỏ ý vỗ trắng.

Dư-luận Đức công-nhiên coi như vấn-đề nợ đến thế là giải quyết rồi, hăng-hái nhất là tờ Deutsche Allgemeine Zeitung, từ lúc Thủ-tướng Brüning còn lưỡng-lự, đã hò-hét: «Nay đã đến cái giờ sinh tử của quan Thủ-tướng. Quan Thủ-tướng bấy lâu đã mất tín-nhiệm của dân, nhưng nay nếu cứ cương-quyết đưa toàn-thể quốc-dân vào cuộc phấn-đấu, cùng nhau hô câu hiệu-lệnh: «Không bao giờ trả nợ Liễu-Thăng nữa!» thì khôi-phục lại lòng tín-nhiệm kia, cũng chẳng khó gì.»

Mấy hôm sau, các cơ-quan các đảng-phái đều chương lên những dòng chữ kếch-sù: «Nợ Liễu-Thăng, thế là hết chuyện!»

Nhưng đối với Đồng-minh đã hết chuyện đâu!

Đinh Huy-Hạo

Ông bạn đồng-nghiệp già nhất thế-giới

Ở Âu-châu, cũng mới gần đây người ta mới có ý in và truyền tin-tức. Tờ báo Gazette của Théophraste Renaudot ra đời trước nhất vào năm 1631. Nhưng cứ theo như nghĩa báo-chí ngày nay, thì ta phải công-nhận ông Daniel Defoë, nhà danh-sĩ Anh đã soạn quyển Lỗ-bình-sơn phiêu-lưu ký, là tị-tổ báo-giới Âu-châu; báo Review của ông ra đời năm 1704.

Tờ báo thứ nhất in ra tiếng Thổ sinh ngày 31 tháng mười năm 1831, Tawkim Vekaï, dịch theo tờ Moniteur ottoman của người Pháp Belacque Bey xuất-bản ở Smyrne. Thực ra, cái cơ-quan thứ nhất hoàn-toàn của người Thổ mới ra đời hồi năm 1858 thôi.

Còn bên châu Á ta thì ở Trung-Hoa có tờ Tân-Báo (Tsung Pao). Từ mười bốn thế-kỷ về trước, cơ-quan ngôn-luận ấy đã nhìn thấy ánh sáng mặt giời, mà hiện nay, hẳy còn phát-hành ở kinh-thành đất Bắc.

Không cần phải nói, ai cũng biết không còn tờ báo nào già hơn nữa! Tiện đây, chúng tôi xin kể qua lúc nước Tàu có báo ra sao. Nguyên lúc đầu, những Hoa-kiều đi buôn-bán các nơi thường viết thư về tả các phong-cảnh, tục-lệ và các việc sảy ra tại nơi họ ở. Các thư ấy được nhiều người thích đọc, họ bèn in ra làm nhiều bản để bán. Về sau, có ít cơ-quan ra có kỳ, chuyên in các thư ấy, rồi từ đó phạm-vi báo-giới mở rộng ra.

Kỳ này nhiều bài quá mục Trinh-thám nước Đức hoãn đến kỳ sau, xin Độc giả lượng thứ.

THỜI-SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin chính-trị

Nam-Định.— Tòa án Nam-Định đã xử xong vụ hội-kín: Hồng-Hải Trần-quang-Tăng bị khổ sai chung thân; Đinh-huy-Đản, Tr-v-Tá, Tr-công-Tiến, Đoàn-v-Phúc, Tr-trọng-Hợp, Bùi-thế-Đàm, Tr-v-Các, Ng-v-Lan và Mai-v-Khanh đều bị 20 khổ sai và 20 năm quản-thúc; Lê-v-Thanh, 15 năm khổ sai và 20 năm quản-thúc ; 3 cô Ng-thị-Vân, Vũ-thị-Giá, Tạ-thị-Cấp, 10 năm tù và 15 năm quản-thúc; sau hết, Đào-v-Hương, tù 10 năm và quản-thúc 8 năm.

Hà-Nam.— Vụ hội-kín tỉnh Hà-Nam cũng đã ra tòa. Ba người bị bắt ở số nhà 68 phố đường Gia-Long đều nhận mình có là đảng-viên hội-kín. Tòa tuyên án: Ng-văn-Tiến, khổ-sai chung-thân, Phạm-văn-Tô và Ng-Huân, 20 năm khổ sai. 3 người cùng xin trông án.

Hải-Dương.— Vì chi-bộ Vĩnh-tường bại lộ, ông cầm Riner và các thám-tử về làng Lai-vu lùng bắt được 2, 3 người nữa đem về tra xét. Nay lấy khẩu cung đã xong, sở mật thám đã cho giải mấy người ấy về Hải-dương.

Vượt ngục

Côn-lôn.— Mặt bể, một chiếc bè lênh-đênh, sáu người liều mình với nước. Lênh-đênh!... Vừa đến đảo Poulo Obi, thì bị tàu Swatow tóm được, đội thêm ít tội, nay mai lại về yên-chí ở Côn-lôn.

Quả nổ trong sòng bạc

Cốc-lếu. — 8 giờ tối hôm 2 Mars. Chung quanh bàn bạc, hơn ba chục người «tỏ tình bác-ái» đương ngồi quây-quần!... Bỗng dưới gầm bàn, một quả nổ nổ tung, khói bay mù mịt. Con bạc xô nhau chạy kêu mẹ kêu cha, 8 người vừa khách vừa Annam bị thương khá nặng...

Các nhà chuyên-trách đương tra xét việc này.

Nhà máy xay phát-hỏa

Rạch-Giá.— Hôm 3 Mars, ngọn lửa vô-tình vụt bốc lên nóc nhà máy xay, một lúc hoành-hành, tung cái nghiệp hai ức đồng ra trước gió!

Ba ông Luật-sư ta

Saïgon.— Trước tòa Thượng-Thẩm Saïgon, sáng hôm 26 Février, sùng-sính 5 ông trạng-sư mới làm lễ tuyên-thệ. 2 ông người Pháp, còn ba ông người bản-xứ là Phan-v-Gia, Ng-v-Dần và ông bạn đồng-nghiệp cũ Diệp-văn-Kỳ.

Đấu-sảo Khoa-học

Hanoi — Buổi đời kinh-tế, nước mạnh là nhờ ở công-nghệ, công-nghệ thịnh là nhờ ở khoa-học. Khoa-học, hai tiếng ấy ta mới nghe quen tai được chừng năm chục năm nay.

Trong lúc người ta chen vai thích cánh, trong khoảng 50 năm ấy, dân ta vẫn học vỡ lòng, thử hỏi đã tiến được bước nào chưa nhỉ? Dân còn dửng-dưng chưa sốt-sắng khuyến-khích công-nghệ, người có tâm chửa biết so-sánh xem-xét bằng cách nào. Thì mới đây, hội Khai-trí với bạn đồng-nghiệp Khoa-học nhúng tay vào việc. 4 giờ chiều hôm chủ-nhật 6 Mars, ta đã được trông cái kết quả không ngơ.

Mới bước vào ngăn phòng đã nghe tiếng máy nèm thoi « cách! cách! » đó là cái máy dệt của hãng S. C. I. S. A. được giải ba. Tơ của ta xem cũng chẳng kém gì tơ Tàu, mà tấm nhiễu tấm sa kia chắc phải vừa lòng các chị em ưa « diện » . . . Ký-giả phải tự hỏi: « Có lẽ chị em ta chưa biết cái thẹn gánh vàng đổ sông Ngô, chưa biết cái vinh dùng nội-hóa chăng? ». Cọc-cạch ở bên một cái máy con tán và viên thuốc tễ. Mỗi vòng máy ra được bẩy viên, một phút được 400 viên; công sáng chế hơn năm trời của ông Nguyễn-văn-Giáp (mécanicien inventeur) đáng giữ giải nhì vậy. Đối lại, trên tường bên phải, câu đối giấy đỏ và tranh tứ-bình tam-quốc treo la liệt, đó là giải nhất. Rẽ đám đông người vào xem, thì tranh và câu đối kia toàn bằng xứ nung (bas-relief en porclaine décoré au polychrome) của ông Nguyễn-bá-Chinh. Các đồ xứ của ông coi chẳng khác đồ Tàu. Theo thẳng dãy ấy trở ra, này cái điếu thuốc-lào bỏ túi được của M. Nguyễn-hữu-Cơ Quảng-yên, này cổ-đèn Nam-Thái chế giống hệt cổ đèn ngoại-hóa, cùng là dầu Khoa-học nhà Hương-Hát, dầu Khuynh-Diệp của ông Viễn-Đệ, nước hoa Nguyễn-văn-Thượng, mành ống sậy của ông Kính Thái-nguyên, sà-phòng Rồng-Nam, da nhân tạo và vải áo không thấm nước của ông Trần-xuân-Lan Hải-phòng, mũ mây, mũ sơ mướp duộm các sắc của hiệu Toàn-Thịnh rất tinh sảo.

Đối lại đầu dãy bên này, một chiếc tủ kính bé con đứng nép mình vào cột, trong có năm quyển sách có giá, 4 quyển được bằng khen, còn quyển « Giao-dịch tâm-lý định lệ » của ông Đặng-hữu-Nghĩa được giải ba.

Thẳng đường đi xem giẫy giữa và giẫy tay trái, đầu tiên, hai chiếc tàu con chạy sình-sịch vòng quanh chậu nước và hai chiếc đèn sẻ rẫnh bằng thiếc, rồi bếp lò của ông Nguyễn-như-Ngọc Nam-định, dùng một ngọn lửa vừa thổi cơm, đồ xôi đun nước, nấu thức ăn, rồi đèn thắp dầu xăng hiệu Xuân-Ký, Hưng-yên, đồ bạc của ông Trần-văn-Thiện Nam-định đã được ngợi khen trong cuộc đấu xảo Ba-lê, bộ máy sinh điện (bobine de Rhumkorff) để chữa bệnh tê và "pile" của ông Đỗ-trọng-Khắc trưởng-giáo trường kỹ-nghệ Nam-định, phím đàn thủy-tinh của ông Trần-đình-Thụ, máy nấu kim-

khí của ông Lê-v-Chính, trè Quảng-Vạn-Thành, sà-phòng Quảng-Hưng-Long, giấy viết của ông Hà-bá-Hách, giầy và mũ sơ mướp của hiệu Thuận-Đức Gia-lâm. Chính giữa, đồ hàng Phạm-Tá, tơ lua ngả mùi và thuốc nhuộm lọ lớn lọ con la-liệt. Liền đằng sau, một ngăn thuốc đau mắt của ông Từ-ngọc-Liên.

— Collyre Từ-ngọc-Liên làm bằng các thứ lá của ta, tôi mất bao công-phu chế ra, không ngờ ở đây chỉ được cái « diplôme de mérite ».

— Thuốc của ông dù hay nhưng Hội-đồng có thể thí-nghiệm được ngay đâu. . . . .

Câu truyện mới bắt đầu, chợt nghe tiếng gọi: «. . . . . Presse!» ở cửa buồng bên cạnh. Hội-đồng tổ-chức mời các vị quyền-thế, các thần-hào và các phái viên nhà báo vào dự tiệc trà...

P. V.

ĐỨC

Việc bầu cử Tổng-thống

Ở Bá-linh, phái phụ-nữ họp hội-đồng, phát cờ-t ị hô-hào dân tái-cử ông Hindenburg.

Trong kỳ hội-đồng « mũ-sắt », ông Jollmoun ng yên tổng-trưởng thuộc đảng xã-hội cũng hô-hào tái cử ông Hinde b r , ma đảng xã-hội thợ thuyền lại q uyết định bỏ phiếu bầu ông Thaelma n thuộc đảng cộng-sản.

Nhưng theo tin Hambourg ngày 4 Mars, ông nghị này còn phạm tội phản-nghịch t ì nào, chính-phủ hiện đương tra xét. Uỷ-ban pháp-luật nghị-viện Hambourg bỏ 7 phiếu thuận và 6 phiếu không thuận việc truất quyền nghị-viên của ông Thaelmann.

HOA-KỲ

Ứng cử Tổng-thống

M. John Raskob nguyên trưởng ban ủy-viên tài-chính một hãng công-nghệ lớn, năm 1928 từ chức để đứng trưởng-ban Quốc-gia Dân-chính, vừa đây làm cho dư-luận sôn-sao vì lời ông tuyên bố rằng ông được tin đích-sác quan Tổng-thống Hoover lại ra ứng-cử hạn nữa, lần này sẽ theo một chương-trình có khoản sửa lại luật cấm rượu, nếu đảng ông ưng thuận chương-trình ấy.

Tập trận lớn ở Thái-bình-dương

Thủy-quân Đô-đốc Hoa-kỳ đã cho hết các chiến thuyền (tuần dương, tầu lớn, tầu ngầm, diệt ngư lôi, v. v.....) trừ thiết giáp hạn Wgoming không kể, đến Thái-bình-dương để dự mấy cuộc tập trận, giả đánh các cảng lớn ở Thái-bình-dương.

Trong các nước chiếu kính lên nhìn, ta hãy chắc có Nhật Bản.

NHẬT

Một vụ hành-thích

Sáng hôm 5 Mars, Nam-tước Akuma Dan tổng quản lý hãng « Mitsui Gomei Kaisha » ở Nihon-dashi, vừa ở ô.tô bước xuống cửa buồng giấy, bị một người bắn cho một phát súng lục, gã gục xuống chết. Hung thủ bị bắt ngay. Gã chưa khai vì lẽ gì giết Nam-tước, chỉ nhận mình là bạn thân của gã Konuma, người đã bắn chết quan nguyên Tài-chính tổng-trưởng Tỉnh-Thượng (Inouyé). Gã tên là Hishinsma, 21 tuổi, chủ trại ở huyện Ibanaji. Mấy bữa trước, Nam tước Dan có trực tiếp với ủy ban điều-tra của hội Vạn-quốc, nên người ta nói vụ hành thích này sẽ có tiếng đồn chẳng hay cho ủy-ban.

Trung Nhật xung-đột

Liệt-cường vẫn ra công điều-đình, Sang tháng này, tiếng súng đã thấy thưa lắm.

Cuối tháng trước, trừ trận đại chiến ngày 21 ở Hạp Bắc và Giang-loan, còn một trận huyết-chiến hai ngày 25, 26 và một trận ác-chiến ngày 27 và 28.

Sau ngày 22 Nhật tổng công-kích, quân Tàu đã biết kế hoạch nên họp trọng binh ở khoảng Giang-Loan và Miếu-hành, bầy thành hình trận vòng cung. Nửa buổi hôm 25, Nhật lại hết sức bắn rát, nhưng quân Tàu hăng quá, cứ người nọ ngã người kia tiến, cố đánh đến kỳ cùng. Khoảng 11 giờ đêm, đường trận quân Nhật bị lay-động. Tàu thừa thắng đánh rát đến miếu Tiểu-trường, cướp được rất nhiều khí giới. Một đêm ấy, hai lần viện binh Nhật đến, hai lần hỗn chiến bằng đoản-đao, đến 6 giờ sáng quân Nhật tan vỡ, quân Tàu bát bài thắng trận về trại, để lại xuốt dãy Giang-loan đến bãi quần-ngựa hơn 2 ngàn tử-thi.

Lại nửa đêm hôm 27, Nhật dùng thuyền súng chở hơn 2 ngàn bộ-binh ngầm sang bến Lưu-hà, bị quân Tàu phát giác đón đánh, đến 8 giờ sáng, quân Nhật đã chết mất nửa xô nhau chạy, bỏ lại 7 chiếc súng cối xay và rất nhiều súng thường.

Cũng khoảng ấy, trong sông Hoàng phố, liền chỗ chiến-hạm Nhật đóng, có 2 quả tạc đạc đạn nổ làm tổn-hại rất nhiều. . . . . .

Thua hoài mãi, quân Nhật đã mất hết nhuệ-khí. Một người nạn dân miền Dẫn trốn thoát nói được mục-kích 100 lính Nhật đào-ngũ bị bắn ngoài bãi ruộng. Lại có tin ngày 22, 600 binh Nhật không tuân lệnh tổng-công-kích, bị giải về nước. Trong quân đội thường có lời tuyên truyền phản đối tranh-chiến, Thực-Điền rất lấy làm lo.

Trách Thực-Điền thân danh một ông Nguyên-soái sang thay Diêm-Trạch, nắm trong tay 5 vạn hùng-binh, một nửa toán-đội phi-cơ của Nhật, sang «bảo hộ có một vạn kiều-dân» mà không xong, Nhật-Hoàng bèn sai quân-sự tham-nghị là Lăng Ngãi-Long sang thay chân, làm Tổng-tư-lệnh.

Lại có tin Thực-Điền đã bị bắn chết, quân dân Tàu các nơi đều mở

tiệc ăn mừng. Nhưng nghe đâu tin này không đúng. Hôm mới đây, Nguyên - soái Hoàng - Cường, sư-trưởng đoàn 87 quân Tau bị quân Nhật bắt trong tô-giới công-cộng, làm náo-động dân Thượng-hải ? Vì Tàu phản kháng với Lãnh-sự-đoàn, Hoàng lại được tha.

Chính-phủ Tàu hiện có vẻ hăng-hái lắm, đã dự-bị mua khí-giới máy móc đủ đánh nhau trong 20 năm. Thái-đình-Khải được thăng chức Tổng-tư-lệnh Thượng-hải. 70 đội quân cảm-tử tốt-nghiệp ở trường Lục-quân ra, đã lên yết-kiến Thái xin giúp đội quân 19. Phụ-nữ Tàu đua nhau may áo lông dê để hiến đội quân 19, Lại mới đây, kiều-dân Saigon gửi giúp đội quân ấy 12 ngàn đồng. . . . . .

Quân Nhật đun thức uống (cl. Annam Nouveau)

Quân Tàu được, chết một phần, quân Nhật thua, chết năm phần, nhưng than ôi! lương-dân Tàu, cả từ đàn bà trẻ con vô-tội, chết mất đến gấp trăm gấp nghìn số ấy. Trấn Giang-loan ngay nay chỉ còn là một cái bãi hoang, ngập người cát bụi, quân Tàu cũng chẳng thiết giữ nữa. . . . .

Còn Nhật, Nhật đã quyết để riêng tiền binh phí là 9800 vạn đồng! . . . .

Vạn-quốc vẫn ra công điều-đình!

Bên này, Hội-nghị giảng-hòa họp trong chiến-thuyền Anh «Kent», Tàu bằng lòng đình-chiến «nếu» Nhật cùng rút lui. Nhật không chịu cùng rút lui, nhưng «nếu» Tàu rút khỏi chiến-tuyến 20 dặm, Nhật sẽ lui đóng giữa khoảng Thượng-hải Ngô-tùng, bao giờ (?) thấy hồi-phục được tình-hình cũ sẽ trở về nước... Bao giờ? Đến chữ «nếu» ở trên còn chưa giải-quết được, còn nghĩ chi đến lúc «bao giờ»! Công-sứ Nhật là Trùng-Quang đến điều-đình cùng Ngô-thiết-Thành, nhưng này, Ngô chìa ra cái giấy Nhật hẹn ngày 2 Mars đến phá các đoàn xe lửa Nam-kinh về Thượng-hải. Điều-đình cũng vô ích.

Hội nghị bàn-tròn nay mai định nhóm ở Thượng-hải vị tất đã thành.

Bên kia, Hội-đồng Quốc-tế họp. Hết ông Paul Boncour đến ông Hymans, đại-biểu Bỉ, lên ghế Hội-trưởng, điều-đình vẫn không xong. Ông Paul Boncour xin liệt-cường và nhất là Mỹ, phải giúp sức cho Hội-đồng Vạn-quốc, Mỹ đã bằng lòng giúp. Trước Hội-đồng, hai sứ thần Trung Nhật đều xin đình-chiến, nhưng Nhan-huệ-Khanh cứ kéo Tá-Đằng đến Hội-đồng luôn:

— Tuy hai bên đã công-bố đình-chiến rồi, Tàu đã kéo quân lui rồi nhưng Nhật vẫn quấy rối. Phi-cơ nay ném tạc-đạn xuống Ngô-tùng, mai tạt xuống thám thính Hàng-châu, quân đội chỉ chực đánh úp quân Tàu, đủ rõ ý Nhật muốn nuốt Thượng-hải.... Vả Tàu rút binh là vì kính điều-ước 9 nước, mà Nhật dám nói là Tàu hàng phục Nhật, cái tiếng nhục ấy Tàu quyết không chịu, nhất là đánh nhau đến kỳ-cùng.

Lúc ấy ở bên Đông, hai quân Trung Nhật thỉnh thoảng lại bắn nhau, nếu Nhật dở mình, Trung-hoa lại sẵn lòng tái-chiến...

Liệt-cường vẫn ra công điều-đình.

. . . . . .

Theo tin miền Bắc, hội Mãn-châu tự-trị ủy-viên đã tuyên-ngôn rằng quốc-hiệu mới gọi là Mãn-châu, thủ-đô dựng ở Trường-xuân, triều mới hiệu là Đại-đồng, cờ dùng sắc vàng, góc trên đính miếng vải bốn sắc hồng, lam, trắng, đen.

Mới đây, lại có tin tổng-tư-lệnh quân Cát-Lâm là Lý-Đỗ đánh phá Châu-hà, đoàn Lưu-tác-Tân đầu hàng, Lưu-ngọc-Thư trốn mất, quân Nhật tan vỡ, quân Cát-Lâm khí thế rất hăng.

Trương-học-Lương từ ngày «bất đề kháng» bị quốc-dân mắng nhiếc hôm mới rồi điện trả lời một ủy-viên Thượng-hải rằng Trương quyết chuộc lỗi trước hiện đương dự bị ra quân.

Việc Mãn-châu còn rắc rối to....

. . . . . .

Ủy ban điều tra của hội Quốc-Liên đã đến kinh thành nước Nhật.

NÓI THẬT

. . . Nhủ cho mà biết!

Bé đi học, lớn phải kiếm tiền, nuôi thân, lẽ tất nhiên là thế. Nhưng cũng là cách kiếm tiền, các cậu nên nhớ rằng: bòn vét đồng tiền ám muội là «tối nhục». Đây tôi nhủ vài cậu ở phủ Khoái ta. Được ăn học, viết nổi vài câu quốc-ngữ, các cậu giúp tin tức không công cho một tờ báo Hà-thành. Tốt! nếu các cậu chịu khó viết cho đúng sự thực. Nhưng... một cốt một đồng, lại còn có câu nói nhỏ:

— Nó đăng báo bới xấu nhà anh, anh đưa tôi 5$ tôi sẽ nhờ nhà báo cải-chính cho!

Chết! sao mà dại-dột thế? Không sợ rệp xàn-lim à?

Ấy, lần này còn dặn nhỏ: các cậu chừa đi nhé!

V. A.

VĂN-ĐÀN

DU-KÝ

Mấy bước đường rừng

(Tiếp theo kỳ trước)

Cứ trong lời tờ sức như trên, theo Ý nghĩa nhận ra: «Ông Lý-trưởng làng Xuân-đào họ Nguyễn thừa lệnh quan sức cho *Tiểu-phái ở Khe-bá* phải lập tức bắt lấy *tám* tên phu, có mang theo đủ lương ăn *mười* ngày, đem cả dao đi, để phát đường xe lửa. Tiểu-phái phải thân-hành đem phu đến tại nhà Lý-trưởng, để ông Lý nhận phu giao cho cai Lục-lục đem đi sửa đường, từ chỗ Cam-đường đến Phú-lưu. Nếu không tuân lời sức, mà để chậm, để thiếu, sẽ trách cứ Tiểu-phái có lỗi». Dưới có tên ông Lý là *Nguyễn-văn-Trang* ký và đóng chiện.

Xem như tờ sức đó, nghĩ có mấy chỗ nên để ý, là: Trên vùng mán xá, công việc quan vẫn chuyên dùng chữ nho, chưa có dùng đến chữ Quốc-ngữ. Những chức-dịch trong làng, người nào muốn ra làm, phải có biết ít nhiều chữ Hán. Còn như trong tờ sức, lời rất thông, mà chữ dùng nhiều chỗ rất tự-tiện. Như ông Lý đứng một chữ họ (*Nguyễn*) để sức, thực như quan Huyện dưới xuôi.

Hai chữ 溪灰 đọc làm *Khe-bá*; nghĩ cũng có chỗ đáng lạ. Nguyên dân cư vùng đó, đều nương theo khe suối mà ở, chỗ tiện sự dùng nước, nước ăn, nước rửa, nước dùng sức làm máy dã gạo. Bởi vậy mà tên các thôn lạc thường có chữ «*Khe*» ở trên, nghĩa đó đã rõ-ràng. Chữ *khe* đây viết là 溪, tức do ở chữ 奚 mà viết ngoa, cũng là thường. Đến như chữ *bá* mà viết là 灰 thời thật không hiểu. Nguyên cứ chữ nho 灰 *hôi* là *ro*; mà trong tờ sức của ông Lý Xuân-đào thời chữ đó đọc là *bá*. Vì xóm đó tên là *Khe-bá*, chúng đều nói vậy. Lại như hai chữ 小派 *tiểu-phái* các chức-dịch trong hương-thôn dưới xuôi đều không thấy có, cứ như tờ sức đây nhận ra thời tức là người đứng đầu trong một cái chòm nhà ấy, tức là người chủ cái nhà mà chúng tôi nghỉ trọ tối hôm ấy. Lại đến như ba chữ 發鋼鏈 *phát quốc xa*, nghĩ thật là buồn cười! Chữ *phát* dùng theo tiếng nôm. Hai chữ *quốc xa* thời ý chừng nói xe của nhà nước, mà nhân vì đường sắt, cho nên mỗi chữ đều có chữ 金 *kim* ở bên. Như vậy thời không phải là nôm; mà nói cho đúng ra, thời ông Lý tự đặt ra chữ Hán. Cuối tờ sức đó, nói là «*lục sức*» thời hoặc ba chữ ấy lại tự ở nha châu *Thủy-vĩ* mà ra chăng? Kỳ thay!

Tờ sức tiếp đến trong buổi tối hôm ấy, thuộc ngày 17 tháng giêng ta, tức là 22 Février; sáng hôm sau là 23 Février, người chủ nhà ấy bắt một con gà rò bỏ bu, nói là đem lên cho ông Lý. Chủ-nhân đi khỏi, chúng tôi ăn cơm sớm ở đấy rồi cùng đứng dậy ra đi.

Đến *Võ-lao* khoảng hai giờ chiều, bắt đầu đi qua chỗ trường học, nhân tiện rẽ vào thăm ông Giáo. Ông Giáo dạy trường ấy là người ở Nam-Định lên, là Mr *Nguyễn-văn-San*, ở luôn trong trường. Trường học làm ở trên đồi cao, cây cối hoa cỏ rất rậm mát vui vẻ. Nghỉ ở trường chốc lát, rồi sang nhà ông Chánh-tổng tổng ấy. Tối hôm ấy nghỉ ở nhà ông Chánh-tổng, trong lúc ăn cơm có ca-nhi người Thái hựu tửu, tiếng ở nơi đó gọi là *xòe*.

Ở Khe-bá giống người *Xừng*; ở Võ-lao, giống người *Thái*. Người Xừng ở nhà đất, hai đầu nhà khoảng trên bỏ trống; cách ăn ở rất đơn giản, trong chỗ phòng ngủ chỉ có cái giường để nằm, cái sào nứa cheo ngang để vắt quần áo, dưới thời một đống khoai mà thôi. Thóc, gạo, bánh, thịt, để ở nhà ngoài hết thảy. Ở đó có thứ bánh trưng có khi là ngon hơn dưới xuôi, làm bằng thứ gạo non thật xanh, tức như cốm *vòng* gói làm bánh, mà người ở trên đó chắc không biết sự ruộm lá gừng, cho nên chân-vị của gạo còn đượm. Người Thái thời ở nhà gác, cách ăn ở và sự ăn bận đại-lược giống như người *Mường* ở Hòa-bình. Chăn gối màn đệm, đều có vẻ lịch-sự. Những con gái Thái ở đó, so với con gái Mường ở Hòa-bình; thời khuôn người xinh hơn, chân không to, song mà nước da trắng có kém. Ngày hôm sau, 24 Février, lưu lại ở Võ-lao một hôm; ông Kiểm-lâm đi khám rừng, tôi thời sang chơi bên ông Giáo nằm nghỉ.

Sáng hôm 25 Février, ở Võ-lao đứng dậy đi, lúc ấy có ngựa. Ông Kiểm-lâm vừa tới, mỗi người cưỡi một con. Đi một nửa đường, vào khoảng trưa, nghỉ ở một cái nhà bên đường, lại là người mán Xừng. Chỗ đó gọi là Nậm-đanh, người chủ nhà là Thừa-phái; Mr *Bàn-văn-Thanh*. Cứ vậy xem ra thời những dân thổ mán trên ấy, nhất là giống người *Xừng*, lưu tỷ vô thường, chỗ nào tiện làm ăn thời ở, một hai năm không lợi ở nữa thời bỏ nhà đi ngay, đến chỗ khác lại lập nhà phá nương, gây

thành cơ-sở mới. Cho nên bên đường thường gặp thấy những chỗ nhà hoang bỏ, mà vườn rau còn rất tốt tươi. Ở Nậm-đanh đứng dậy đi, từ đó đến Dương-quì, đường xá rất tốt.

Khi đó, tôi cưỡi một con ngựa tốt hơn, một mình phóng đi trước. Trong đường rừng mà nhiều đoạn có thể đi ô-tô rất tốt, khuất khúc lượn quanh đồi. Xa trông những dẫy núi cao lớn, có những nhà của người *Mèo* ở tận trên thật cao, mỗi cái nóc nhà chỉ chừng như cái nón lá gồi vậy! Ngang với chỗ đi ngựa, là rừng xanh; dưới chân đồi là suối bạc. Tiếng nước ở các đoạn khe đá, ba bề kêu réo, như có thiên binh vạn mã ở mặt trước, mà một mình trên yên ngựa phóng trước thời tưởng như đầu xuân năm Đinh-mão tên lính tiền-phong. Một nước ngựa đến *Dương-qui*, tức là lỵ-sở châu *Văn-Bàn*; tự xưng là người nhà ông Kiềm-lâm, đến trước báo cáo.

Quan Tri-châu ở đó, là Mr *Bùi-văn-Tháp*, với tôi là chỗ cựu-thức trong khi gặp nhau chơi ở Hòa-bình, khi đó ông còn làm Thông-phán sở Kho-bạc. Quan Châu thấy nói có người nhà ông Kiềm-lâm muốn được tiếp, mà danh-thiếp trình tiến thời là tên của Tản-Đà. Ngài lấy làm lạ, vội chạy ra để xem; tay bắt mặt mừng, thực là « *tha-hương ngộ cố-tri* » vậy. Ông Kiềm-lâm và các tùng-giả tiếp tục cùng đến, lúc đó chừng khoảng năm giờ chiều.

Chỗ châu-lỵ *Văn-bàn* dinh sở rộng rãi. Cái nhà của quan Châu hiện ở, tức là chỗ cũ của ông Đồn khố-xanh. Còn như chính chỗ của quan Châu, thời cũng một cái nhà thật to, mà bỏ không ở đến. Ông Thừa, ông Giáo, cùng ở cả trong dinh châu. Đứng trên đỉnh nhà lầu của quan Châu tức là chỗ ông Đồn khố xanh để lại đó, trông về mặt trước, một làn nước trắng xóa từ nẻo xa trong chân núi đưa lại, bề khoát tới bằng hai, bằng ba sông Nhuệ-giang ở Hà-đông, hai bên bờ cây cối mầu xuân, xanh xanh mởn mởn. Hai phía tả hữu của làn nước ấy, lại là hai cánh đồng bằng rất to, trâu ăn ngựa thả, đường cái người đi, phong-quang không kém trung-châu vậy. Xa trông những dẫy núi, còn thấy những nhà của người *Mèo*; những miếng nương trông như chiếc chiếu rải. Ngoảnh trông lại bên trong, qua chỗ dân-cư phố xá, thời trên trái núi nọ, có phiến vách đá xây hình đỏ, ấy là đồn trại *Lưu-vĩnh-Phúc* hồi xưa. Chỗ chúng tôi cùng đứng chơi, là dinh cũ của quan Đồn khố-xanh, chắc vì đối với đồn trại Lưu-vĩnh-Phúc trái núi nọ bên kia mà lập thế đối-địch. Thời-đại biến thiên, thành đồn cải sắc.

Tự cổ danh-sơn nhân bất đắc,
Bán qui danh-sĩ bán anh-hùng.

自古名山閑不得
半歸名士半英雄

(*sẽ tiếp*)

Tản-Đà

THƠ

Chanh nhau làm chánh tổng (1)

Trâu (1) chọi nhau thành một cuộc to,
Chết lây heo lại chết lây bò.
Hạc (2) toan bước giấn nhanh chân sếu.
Phượng (3) muốn bay cao thẳng cánh cò.
Ngỗ-hạnh xôn-xao tin Thước (4) báo.
Đình-mai ngấp nghẻ giấy rồng cho.
Hươu về ai được hay chưa biết.
Chỉ thấy đàn công múa cửa lò.

Lê-nguyên-Hàm *nguyên tác*
Lê-viên Y-quán chủ nhân
16, phố Miribel — Hanoi (sao-lục)

(1) Nguyên chân chánh-tổng tổng Đa-ngưu thuộc tỉnh Bắc-ninh khuyết. Có 2 người lý-trưởng: 1 người ở làng Cửu-cao, 1 người ở làng Như-phượng là 2 tay phú-hào ra ứng cử; lại có người phó-tổng đương thứ tổng ấy, nhà tuy nghèo, nhưng cũng làm đơn xin thôi bổ.

Tác-giả là người làng Đa-ngưu ở Hanoi về, qua làng Như-phượng ông lý làng ấy mời tác-giả vào uống rượu. Tác-giả theo chủ-nhân vào đến nhà, thấy cỗ bàn thịnh-soạn lắm, có đủ cả giò trâu, giò bò, và giò lợn. Tác-giả hỏi ra mới biết rằng trên tỉnh chưa định ngày công-cử, hôm đó chỉ là ngày mời bàng tổng mà thôi. Sau khi tác-giả cáo từ ra về, có soạn bài thơ này, câu nào cũng dùng tên các chim muông để ám-chỉ vào các người đương-cục.

(1) Tổng Đa-ngưu.

(2) Làng Cựu-cảo (người này xin phiếu hàng tổng).

(3) Làng Như-phượng (người này lên vận-động ở tỉnh).

(4) Tên ông phó-tổng đương thứ.

Kết cục thời ông phó-tổng được thôi bổ.

Họa bài «Ngày xuân tương-tư» của Tản-Đà tiên-sinh.

Tặng cô Đ. T. L.

Con tằm đa sự khéo vương tơ!
Để chữ «tương» đề với chữ «tư».
Muôn rậm hồn oanh thêm thắc-mắc,
Ba xuân mành liễu những lơ-thơ.
Mảnh tình lai-láng ghi lời cũ,
Tấc dạ bồi-hồi nhớ truyện xưa.
Mới biết tương-tư là thế nhỉ,
Xa-xôi nào đã thấu hay chưa?

N. T. G.

Nghe đàn bầu

Tiếng đàn ai gẩy? lúc canh thâu,
Gay-gắt chi ai? oán với sầu!
Một buộc, một giây tình mấy đoạn?
Này bầu tâm-sự thấu cho nhau.

Tây-hồ, trông trăng

Tăm cá Tây-hồ đớp bóng trăng.
Mái chèo lớp sóng gợn lăn-tăn.
Thuyền ai lấp-ló đèn xanh ngọn?
Mặt nước tang-thương rợn mấy từng.

Kim-Long Trần-quang-Khải
Thái-Bình

Vịnh núi Yên-phụ

(K. M. Hảidương)

Núi Yên-phụ, cảnh Bồng-lai,
Nam đền Trần-thánh, Bắc đài « từ-bi ».
Mắt rồng, cổ-thụ xanh rì,
Hoa cười chim nói « đạo-trì » trần gian.
Trải bao dâu bể đa-đoan,
Sơn-thần có biết giang-san bấy chầy?
Dám mong công-đức cao dầy,
Hộ-phù cho nước non này được chăng?

Trịnh-xuân-Ban

HÀI - VĂN

Trách ông bạn lỗi hẹn

An-nam tạp-chí ra đời,
Xa thời chẳng trách, gần thời trách chơi,
Trách ai trên phố hàng Khoai,
Tỉnh Đồng lỗi hẹn cho người chờ mong.
Trẻ hương đượm, rượu men nồng,
Vắng ai, ai cũng cam lòng kém vui.
Vô-duyên đâu có nực cười,
Năm Ngọ Nam-sách, năm Mùi Lào-kay.
Năm Thân lại có lần này,
Tìm nhau khó gặp như ai với mình.
Ngày xuân gì gió đa tình,
Thăng-long thổi lại cho mình gạp ai.

Ngày 28 Février 1932
Nguyễn-Công-Hoan

Phong rao

Con ơi! con ngủ cho rồi.
Đèn xanh một ngọn mẹ ngồi mẹ lo,
Bố con lưu-lạc giang-hồ,
Biết rằng có nổi cơ-đồ cho chăng?

*
* *

Mặt trời sế bóng về trưa.
Em đeo cái dỏ bắt cua xuống đồng.
Bát canh ngon-ngọt đưa chồng.
Trời xanh nắng dám má hồng cũng cam.

*
* *

Từ khi ăn phải miếng giầu,
Một thương, hai nhớ, ba sầu, bốn mong.
Có lòng anh cảm ơn lòng.
Anh còn nặng gánh tang-bồng hai vai.

*
* *

Trời xanh, nước biếc bao-la,
Non kia trẻ mãi, giăng già mặc giăng.
Người đời xuân mãi được chăng?
Sợ khi tóc bạc mà răng long dần.

*
* *

Đêm qua ngủ ở Tam-cờ, (Tuyên-quang)
Trước sân lá rụng, bên bờ quốc kêu.
Rừng thông gió thổi hắt-hiu,
Như khơi dạ khách trăm chiều ngổn-ngang.

*
* *

Con thuyền lơ-lửng sông Thao (Phú-thọ)
Một vừng trăng khuyết ba sao giữa trời.
Tay chèo miệng đọc thơ chơi.
Phải đây sông Bích? Ai người chàng Tô?

*
* *

Đêm nay gọi cái đêm nào?
Vừng trăng thấp thoáng bóng sao sương mù.
Một mình nghĩ vẩn, nghĩ vơ,
Đêm ơi! đêm đến bao giờ lỡi đêm.

Kim-Long

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Băng-hồ hàn-vận

(Tiếp theo)

9 — *Nghiêm-thị*, người Phân-Nghi, là vợ Âu-Dương-Sinh. Thơ mong người xa rằng:

Bài thứ nhất

Tam xuân phong sắc thượng sầu nhan,
Nhị thập niên lai khách vị hoàn.
Dục thiệp cao cương sầu ngã mã,
Vân phong nam tác Vọng-phu san!

Dịch nghĩa:

Ba xuân cảnh sắc não hồn quê,
Hai chục năm nay khách chửa về.
Đỉnh núi muốn lên chồn vó ngựa,
Vọng-phu mù-mịt đám mây che.

10 — *Tôn-bạn-Xương*, người Tam-Nguyên tự là Thư-vân, là cháu gái quan Trung-thư Tôn-chi-Uất. Cha mất sớm, theo mẹ đến nương nhờ Chi-Uất, lưu ngụ ở Dương-châu. Thơ xem tuyết rằng:

Khuê các tiêu ma xuân phục thu,
Thiều hoa đàn chỉ tán khinh lưu.
Thần tình ngẫu khải lâu song vọng,
Vô số thanh san dã bạch đầu.

Dịch nghĩa:

Buồng the lần lữa hạ sang thâu,
Ngày tháng thoi đưa thấm-thoát mau.
Sớm mở song mai nhìn cảnh vật,
Non xanh muôn khoảnh bạc phơ đầu.

11 — *Lục-nhược-Quân*, người Tế-ninh, tự là Tôn-thanh, vợ kế Ngô-khổng-Giai. Lấy chồng được bốn năm thời ở góa, hai tay nuôi miệng tiết sạch nết cao. Có tập thơ Sâm-ngọc-đường. Thơ gửi cho con gái rằng:

Tây phong suy lệ sái song sa,
Hồi thủ hương quan ức cựu gia.
Túng sử nhất thân bần triệt cốt,
Nguyện lưu thanh tiết đối mai hoa.

Dịch nghĩa:

Buồng the gió lọt lệ tuôn rơi,
Một giấc hương-quan luống ngậm-ngùi.
Nghèo kiết tấm thân chi xá quản,
Lòng này thanh-bạch gửi hoa mai.

12. — *Hứa-lệ-Quỳnh* người Hợp-phì, tự là Yến-tân, hiệu là Tĩnh-hàm, là vợ Uông-nhân-Trấn; có tập thơ Tú-dư-tiểu-thảo. Đề bức tranh «Tầm-dương tống khách» rằng:

Ngnyệt lãng phong thanh lưỡng ngạn thâu,
Tì-bà nhất khúc cảm Giang-châu.
Thiên nhai bất thiểu vô tình khách,
Khởi độc thương-nhân trọng lợi du?

Dịch nghĩa:

Đầy sông gió mát bóng giăng thanh,
Một khúc đàn ai, giãi bất bình.
Thiên-hạ thiếu chi phường trọng lợi,
Riêng gì chú lái mới vô tình!

Phạm-văn-Nghị

Trả lời câu hỏi trong số báo 31: Nếu tôi có phép tàng-hình...

Nếu tôi được cái mũ thần khiến tôi có phép tàng hình, thì tôi sẽ tới các nha-môn đem viên gạch nhỏ thay vào đồng bạc chặn đơn của bọn dân đen đặt trong đĩa... Chỉ trong vòng một vài năm, tôi sẽ có đủ số tiền dựng nổi con đường xe hỏa Hanoi — Sơn-la.

Con đường xe-hỏa đó tôi sẽ đặt tên là:

«Đường Vi-thành» hoặc.
« Vi-thành thiết-lộ »

Tần-Hớn

— Tôi sẽ đi theo những kẻ hay luồn-lọt nơi quyền-thế, hễ thấy hắn uốn lưỡi hót thì vả cho hắn một chiếc thật đau.

Đ. Đạm (*Hưng-yên*)

— Tôi sẽ đóng một vai nghĩa-hiệp để dò xét hộ các án bí-mật, thân oan cho người bị oan và tìm cách trừng phạt để cảm-hóa kẻ có lỗi. Ví dụ như tôi đứng giữa nhà nói hay viết thư mắng và khuyên phạm-nhân cải-tà quy-chính, làm cho hắn run sợ mà phải giữ mình suốt đời.

Việt-Nhân

—Hễ tôi thấy chàng «mũ lệch» nào đương giở khoa tán để đánh lừa một cô con gái ngây-thơ, tôi sẽ cho hắn một cái đạp bằng giời dáng.

— Hễ tôi thấy anh chồng nào ăn hiếp vợ, đương giở thói vũ-phu hành-hạ người bạn gái yếu-ớt, tôi sẽ đét cho anh mấy roi.

— Tôi lại vào rộ ông Lê-công-Đắc, lấy hết cả truyền-đơn phản-đối nữ-quyền của ông, rồi đánh riêm đốt ra gio.

Rực-Giời

— Trời ơi, nếu được thế, tôi cứ lẳng lặng theo nhà tôi xuống dưới xóm, trong tay cầm gói ớt tán sẵn, hễ lúc nào nhà tôi nâng cốc rượu « săng-tê » cùng các ả, tôi sẽ rắc ớt vào.

Lại khi các ả đương hát, đương lả lơi hay đương tiêm thuốc, tôi châm sẽ cho một mũi kim để các ả rẫy nảy.

Mme Bính (*Sinh-từ*)

PHÁP-LUẬT DẪN-GIẢI

(*Tiếp theo*)

Nói về việc các quan phạm tội

Tội hối lộ. — Viên quan nào xui người ta lễ mình, hoặc nhận của lót, của biếu để làm một việc thuộc về chức phận mình phải làm mà chiếu lệ không được lấy tiền (ví dụ như việc nhận và xét đơn của người dân có việc đến thưa) — dẫu xử lý công bằng mặc lòng; hay là nhận tiền để bỏ không làm một việc thuộc về phận sự mình phải làm, nếu xét ra quả có chứng cớ, thì sẽ bị phạt giam từ ba tháng đến năm năm và phạt bạc từ 10 đồng đến 500 đồng.

Người nào dùng cách hành-hung hoặc dậm dọa để cưỡng-bách, hay là dùng lời ước, lời hứa của lót, đồ biếu, hoặc lễ vật gì để hối-lộ, khiến cho viên quan bỏ không làm một việc thuộc về phận sự của mình, thì vô luận là mới định làm, hay đã thực hành đều bị cùng một thứ hình-phạt nói trên này.

Vì quan cưỡng-bách phải hối-lộ.— Người nào xét quả có hối-lộ với một công-chức, vô luận là mới định làm hay đã thực hành, mà đem cáo giác việc hối lộ ấy ra cho quan trên biết, và chứng rằng mình phải hối lộ là chỉ vì công-chức cưỡng-bách, ước hứa, thì người ấy không phải chịu tội.

II.— Tội phù-lạm

(*thu quá số*)

Phù-lạm nghĩa là lạm thu lấy những của không được phép thu. Ví dụ như tiền thuế mỗi người phải nộp 2 đồng, mà lý-trưởng đòi lấy năm đồng, thì là phạm vào tội phù-lạm.

Người công-chức hoặc người thay quyền của người ấy, hoặc thừa-phát-lại, hoặc người thừa sai thu tiền cho quan hành-chính, hay là thu cho người lĩnh-trưng của quan hành-chính mà tự mình phạm tội phù-lạm như là sức thu, hoặc bắt ép phải nộp, hoặc nhận lấy những của mà mình đã biết là không nên lấy, thì vô luận lấy danh-nghĩa gì mà thu lấy, đều bị phạt giam từ 2 năm đến năm 5 năm và phạt bạc gấp 2 số tiền phù-lạm.

Người phù-lạm lại phải giả cái số thu trái phép ấy cho người bị hại, khi có cần lại bị bồi tổn hại nữa.

III.— Tội nịch-chức

(*cậy-thế*)

Nịch-chức nghĩa là cậy mình có quyền thế làm những việc trái phép.

Quan Thẩm-phán nào vì xấu bụng không chịu xem xét việc người bị can đứng xin, mà sự tra xét ấy là có ích cho người bị can và cần cho việc xét án, thì sẽ bị phạt bạc từ 10 đồng đến 60 đồng.

Viên quan nào, vì lòng gian, mà can-thiệp đến việc ngoài chức phận mình thì bị phạt bạc từ 7 đồng đến 60 đồng.

Những nhiễu lương dân. — Viên quan nào dám những nhiễu hành hạ nhân dân, hay nhận đơn kiện của dân mà xét xử không được cẩn thận, thì phải phạt bạc từ 7 đồng đến 200 đồng.

Bắt người trái phép.—Viên quan nào dám bắt bậy người ta, hay sai người hành hạ nhân dân, sẽ bị bỏ tù từ 6 ngày đến 2 năm, và phạt bạc từ 7 đồng đến 500 đồng.

Tội giả-mạo

Giả-mạo về công-văn. — Người công-chức hay công-lại nào khi làm chức vụ mà dùng một phương-kế sau này để thay đổi công-bạ hay là công-văn thì kể là phạm tội giả-mạo (công-bạ là sổ công ví dụ như sổ địa-bạ, sổ sinh-tử giá-thú v. v,

1.— Mạo chữ ký hoặc mạo chữ viết.

2.— Mạo đặt ra họ tên người nào.

3.—Viết thêm hoặc viết chen vào các công-bạ, công-văn đã hoàn kết.

Người công-chức, công-lại nào nhân khi biên chép những tờ giấy thuộc về chức vụ mình phải làm, mà biên chép khác lời ước của hai bên hoặc biên chứng việc hư làm thực, việc người không nói làm có nói để thay đổi chỗ cốt tử, hoặc thay đổi tình trạng, cũng là phạm tội giả-mạo (art. 146)

Nếu vì giả-mạo mà làm tổn hại đến quá 2.000$ thì bị khổ sai chung thân; nếu làm tổn hại tự 1.200$ đến 2.000$ thì bị khổ sai có kỳ hạn; nếu làm tổn hại không tới 1.200 đồng, hay là số tổn hại không định được là bao nhiêu thì bị phạt giam tự 1 năm đến 5 năm.

Giả-mạo về công-chánh chứng thư và tư-thư chứng-thư. — (công-chánh chứng-thư là giấy có chữ Lý-trưởng nhận thực. Tư-thư chứng-thư là giấy chỉ có chữ ký của đôi bên.)

Những người nào dùng một phương-kế sau này để sửa đổi những công-chánh chứng-thư, tư thư chứng-thư về dân-sự, thương-sự, cũng là phạm tội giả-mạo.

1.— Mạo làm hoặc làm cho sai chữ viết, chữ ký.

2.— Làm giả văn-khế, hay lời đề ước khác, điều khoản khác, mà trong biên những nghĩa-vụ, những khoản không chịu trách nhiệm, không phải là của hai bên đương-sự hiệp-nghị với nhau, hoặc là các thứ chứng thư ấy đã ký kết rồi, mà biên thêm những nghĩa-vụ ấy, và những khoản không chịu trách-nhiệm ấy vào sau.

Phạm những tội ấy, nếu sinh ra tổn hại, thì bị phạt giam từ 1 năm đến 5 năm.

Tội du-đãng.— Người du-đãng là người không có nghề nghiệp gì, và không lo đến sự làm ăn một cách chính-đáng.

Người nào đã bị tuyên-cáo là du-đãng thì bị phạt giam từ 3 tháng đến 6 tháng, sau khi mãn hạn lại có thể bị giao sang bên hành chính quản-thúc (art. 167).

(*Còn nữa*)

Trần-đình-Trúc
Luật-khoa cử-nhân

GIỮ BÍ MẬT...

... Lúc bấy giờ đã gần tối, trên bãi sa-trường bụi cát còn mịt-mù pha lẫn với khói súng khét ngạt, những thây tướng-sĩ nằm chết ngổn-ngang, thế mà tiếng súng vẫn chưa ngớt, hòn đạn đỏ như cục than hồng, đi vèo-vèo như tên bay; rồi những tiếng nổ long giời lở đất, những quang-cảnh bi-thương thảm-khốc, đều hiển-hiện ra trước mắt!

Trên trời, trong tầng mây u-ám lờ-mờ, có tiếng ù-ù văng-vẳng bên tai, nghe sởn cả tóc gáy! Đó là cái cánh quạt tầu bay đang phăng-phăng lượn giữa chốn không-trung; thỉnh thoảng lại buông hòn tạc-đạn xuống, cầy cả một vùng đất tung lên, theo sau một tiếng nổ ầm...Núi non cây cỏ, người với ngựa đều tan ra từng mảnh... Tiếng trống vẫn còn giục-dã hùng-hồn, tiếng quân-sĩ hò hét, tiếng ngựa chạy, tiếng xe kéo ầm-ầm, pha lẫn với tiếng đạn nổ, cây rung gẫy, càng thêm cái vẻ sợ lọng óc rùng mình... Nhưng lúc bấy giờ ai cũng chỉ biết cái bổn-phận mình, nặng-nề đối với nhà với nước mà thôi, chứ chẳng còn ai nghĩ gì đến sự sống chết của đời mình trong chốc lát, ký-thác ở sự rủi may.

Nửa giờ sau, bốn bề đã im lặng như không, ngoài đám khói súng mịt-mù, tưởng-tượng khác chi tấm vải sám phủ trên vũng máu hồng lênh-láng, mắt chỉ thấy những xác người tử trận, tai chỉ nghe tiếng rên-rỉ của những tướng sĩ bị thương ngắc-ngoải gần chết, nằm ngổn-ngang trên bãi sa-trường.

Một cái bóng người vận thiết-giáp đen thui-thủi, trên mặt đeo chiếc mặt-nạ sắt, tay phải cầm chiếc đèn chiếu, còn tay trái cầm khẩu súng lục, xéo trên những thây ma mà đi; anh chàng giơ đèn chiếu khắp mọi nơi, lưng khòng khòng, mò-mẫm bước đi lần lại. Hễ chỗ nào có tiếng rên-rỉ rẫy-rụa là anh chàng chiếu đèn chạy đến, lấy chân hất cái thây ma vài ba cái, nếu thấy còn thoi-thóp thở thì anh chàng chĩa súng vào bắn ngay cho một phát (coup de grâce) để phóng-xá cho linh-hồn kẻ bạc-mệnh được siêu-sinh ngay, không còn phải lẩn-khuất trong xác thịt đau-đớn kêu-la nữa.

Cũng ngay lúc ấy, cách xa chỗ anh chàng đứng độ hai mươi thước, có hai cái thây hình như hãi còn ngắc-ngoải; rồi một cái thây bỗng lên tiếng rên-rỉ, nghẹn-ngào trong cổ họng:

—Úi chao ơi!...Chết mất!...Ai cho tôi một ngụm nước!...Cho tôi một...

Chưa nói rứt lời thì cái thây ma bên cạnh ngóc đầu nhìn ra phía ánh sáng đèn, một tay bịt chặt lấy miệng thây kia, còn một tay ôm ngang lưng cái thây ấy mà lê đi, đến một cái bụi cây, bên trong có một cái hốc đất, cái thây ma nọ ôm cái thây ma kia, rồi cùng lăn xuống đấy. Mặt mũi quần áo nhê-nhết những máu và đất cát đen bẩn, trông không còn nhận được là ai cả.

Trên mặt đất tuy đã ngớt tiếng súng nổ, nhưng mùi thuốc súng hãy còn khét-lẹt, một vài chỗ ngọn lửa cháy bập-bồng chưa tàn hẳn, khói ro bay phấp-phới trên không như một lũ quỷ hiện hình...

Một lúc sau, cái người mặc bộ thiết-giáp soi đèn đi về phía bắc, vun-vút như tên, rồi biến vào trong đám tối mất! Ngay bấy giờ, hai cái thây ma lăn xuống dưới hốc đất lại thấy cử-động; cái thây nọ chồm dậy, thò tay lấy chiếc đèn bấm chiếu vào mặt cái thây ma kia, rồi giơ hai tay đỡ dậy, và cất tiếng run run gọi:

— Phan-Linh ơi! Phan-Linh ơi! Người đó vừa gọi vừa khóc nghe rất thảm, đoạn, chàng vớ bình nước dội lên mặt thây ma kia, rồi móc túi lấy chiếc khăn tay lau hết những vết bùn và máu đọng đầy mặt, thì thấy cái thây kia cử-động, hai con mắt lờ-đờ mở ra lại nhắm lại, mồm lẩm-bẩm luôn:

— Khốn-nạn! Đau chết mất!..... Cho tôi uống nước. Chàng ta vội vàng đưa vòi nước vào miệng người kia cho uống; một lúc lâu thì người kia tỉnh dậy, hai mắt chừng-chừng nhìn bực ân-nhân mình, rồi thốt-nhiên ôm chặt lấy người kia mà rủ lên rằng:

— Kìa bác!... bác... Chu-Thanh, ô hay, tôi còn sống ở cõi trần, hay đã mơ-màng nơi Âm-phủ thế này?...

Chàng dùng hết sức đưa tay lên sờ-soạng khắp mình người bạn rồi rên-rỉ trong cổ họng:

— Chu-Thanh ơi!...

Chu-Thanh thấy bạn đã tinh-tỉnh thì mỉm cười mừng rỡ, ghé đầu xuống tai bạn nói:

— Tôi đây, chúng ta còn sống sót đấy! Chàng ôm bạn vào lòng, lấy khăn lau những vết máu đọng ở chân tay, cởi chiếc áo giạ của mình đang mặc đắp cho bạn, rồi hỏi lại rằng:

— Bác có đau nặng lắm không? Kìa làm sao thế?... Đừng chết nhá?.. Phan-Linh ơi! tỉnh dậy...

Chàng Phan-Linh dần dần tỉnh lại, hai mắt đầm đìa giọt lệ, chàng nắm tay Chu-Thanh thở dài nói:

— Bác ơi! Tôi chết mất bác ạ... Làm sao ngạt thế, thở không được... Hai vế đùi tôi bị nhiều phát đạn trúng phải, bác sờ mà xem này, bên cạnh sườn bê bết những máu! Chao ơi! Đau lắm! Chết!... Chết!...Không sống được, tôi không ngờ phải xa cách bác từ đây, xác thịt tôi sẽ chôn vùi nơi phương trời đất khách, nhưng dù sao mặc dầu, tôi tự thấy khoan-khoái hả giạ, vì đối với nước với nhà, thế là đã làm tròn được bổn-phận, tôi chết không còn ngậm-ngùi ân-hận chi cả, nhưng cho tôi một ngụm đã...

Chu-Thanh vội-vàng nâng bình nước cho bạn uống, nước mắt tầm-

tã, chàng ôm lấy bạn khóc mà nói:

— Bác ơi! Đừng nói vậy, đứng Thiên-công kia chẳng nỡ nào bắt đôi ta phải chia rẽ, bác cứ yên tâm đừng nghĩ như vậy, chúng ta còn sống đây mà.

Phan-Linh thở dài nói:

—Bác hết lòng cứu tôi, nhưng tôi biết không thể nào sống được, cứu cũng vô-ích. Bây giờ... Tôi còn một việc rất can-hệ... Bác cũng đã hiểu, thầy đẻ tôi nay đã già cả, sinh được mỗi mình tôi, về phần vợ tôi thì dại, con còn ngây thơ; nếu được tin tôi chết ở bên này thì không biết buồn phiền đau đớn đến đâu?...

Chàng nói đến đó nhọc quá, lịm đi một lúc rồi mới run run nói tiếp:

— Tôi muốn bác giữ kín cho việc này... Một việc rất nặng-nề quan-trọng, trừ bác là chỗ bạn tương-thân tương-ái, vả lại, trời sinh ra chúng ta có cái khuôn mặt giống nhau như tạc, người ngoài thường có lẽ mà nhận nhầm, nên vì thế tôi phải phó thác và nhờ ở bác. Bác ơi! Tôi chẳng muốn để cho thày đẻ tôi già cả, vì thương nhớ con mà chết một cách đau đớn; tôi cũng chẳng muốn cho nhà tôi, đầu xanh tuổi trẻ đã phải chịu nỗi duyên-tình lạnh lẽo mà đeo mối di-hận quanh đời. Tôi thương nhất là thằng bé cháu, trong bao nhiêu năm giời nay, có lẽ từ lúc nó sinh ra đến giờ, nó chưa được cái hạnh-phúc gặp gỡ cha nó mà vồn-vã nũng-nịu... Bác ơi! Đây là hai bức thư của thày đẻ tôi gửi sang từ đầu năm đây, tôi xin giao gửi bác, bác cứ xem sẽ hiểu, sẽ thương tình tôi mà cứ giúp bảo-hộ cho gia-đình cho tôi và gây dựng cháu. Trong hai bức thư này, có hai bức ảnh của thày đẻ tôi và một bức ảnh của nhà tôi cùng cháu.

Tôi thực là một kẻ bất hiếu, đối với thày đẻ tôi thật chưa có lấy chút chi để báo đền, nay phút chốc chôn vùi thân nơi đất khách, cái tình-cảnh này, ông Trời kia thật ở bất-công!

Phan-Linh nói đến đấy thì sắc mặt tái nhợt, chân tay run rẩy, đôi mắt lờ đờ nhưng còn cố gượng nói thêm được mấy câu:

— Tôi đau ruột lắm! Hình như nó sắp sửa đứt ra từng quãng một, cổ họng tôi nghẹn-ngào như hết hơi rồi... Thôi bác chốn ngay đi, đừng nấn-ná ở chốn này nữa, tôi chết mất bác ạ... Tôi sẽ phù-hộ cho bác... bác..

Chàng ngã gục xuống đất, máu miệng chảy ra đầy mép, chân tay lạnh toát!

Chu-Thanh không còn hồn vía nào cả, chàng vội vàng ôm lấy thây bạn vừa gọi vừa khóc! nhưng than ôi!...

Kiếp người ngắn-ngủi bấy nhiêu thôi,
Xác đấy, hồn kia đã thác rồi.
Ngao-ngán phận chia tình cố hữu.
Não-nùng thân-thế, hạt châu rơi!

Than ôi! kẻ thác người còn, nghĩ nỗi lẻ loi, càng thêm sầu não, trời xanh độc địa sao chẳng để ta cùng chung một số-phận hầm-hiu? Thương hại cho ta, duyên tình đứt quãng, nghĩa vàng chia đôi, từ nay thui-thủi phương trời, mơ-mần năm canh lòng cố-quốc; còn bạn ta, thì quê người xương trắng hương tàn ro lạnh, ai người viếng thăm!...

Ôi! Thảm thiết thay! Bạn thật là vô duyên xấu số, cõi đời đã mong manh, còn thêm ngắn ngủi, nên chi thời giờ eo-hẹp kia, chẳng đủ cho đôi ta than thở hết nỗi niềm...

Chu-Thanh vật vã than khóc rất thê-thảm, đoạn chàng nghĩ bụng:

— Chỗ này chẳng phải chỗ ta than khóc được, bây giờ bạn ta đã thác rồi, có khóc cũng chẳng lấy lại, chi bằng ta kiếm kế liệu thân.

Chàng nghĩ vậy bèn ra ngoài kiếm một cái chăn giải xuống đất, ôm tử-thi bạn đặt lên, rồi cởi chiếc áo giạ mặc ở mình đắp che cho bạn. Chàng chắp tay vái bạn, tay cầm mũ mà gạt thầm nước mắt ra đi, những mối tơ lòng còn vấn-vương lưu-luyến, bồi hồi không nỡ chia tay, thành ra cứ quẩn-quanh vơ-vẩn bước đi một bước lại ngừng...

Lúc đó giời lại càng tối-tăm mù-mịt, trên bãi xa-trường, không có một tia ánh sáng nào cả, nhìn xa chỗ nào cũng thấy đen sì như vực thẳm.

Hôm đó không có giăng, trên trời nhấp nhánh bóng sao thưa, lờ mờ trong quãng mây sám ngắt, hình như cũng chẳng muốn mục-kích cái cảnh chiến-trường vừa qua, cái vẻ lạnh lùng bi-đát...

Chu-Thanh nhìn phương-hướng mà đi, chốc lát lại vấp phải thây người, ngã lăn ra đất. Đi mãi, mà cũng chưa thấy đường xá nhà cửa chi hết, mãi gần nửa đêm chàng mới lần mò đi đến một chỗ kia, nghe thấy cây cối rung kêu kẽo kẹt, theo sau những tiếng hầm-hừ kêu rít của giống vật, thì chàng dủn cả người, hồn vía như đã bị quấn theo luồng gió thổi. Chàng vội vàng lấy chiếc đèn bấm, chiếu soi bốn phía, một tay cầm khẩu súng lục hộ thân, chàng đưa mắt nhìn xem mới biết chốn này là rừng rú; nhưng, lúc bĩ phải liều, cố định-thần nhắm mắt đưa chân đánh liều thân thế, lần theo ngọn cỏ mà đi. Lắm chỗ cây cối um tùm, bụi gai chằng chịt, chàng phải chui qua, áo quần rách tướp mày mặt đầm đìa những vết máu.

Vừa ra khỏi chỗ đó, thì một con vật đen sì-sì trong hốc cây nhẩy xổ ra vồ lấy, chàng ngã nhào xuống đất nhưng cũng may, khẩu súng còn ở trong tay chưa băng mất, nên chàng bấm ngay mỏ cò:

Đoành!... Con vật nhẩy chồm lên, ngã vật ra đằng sau, đầu đập vào gốc cây, nằm giẫy dụa; chàng nhỏm dậy bắn theo luôn hai phát

Đoành! Đoành!

Phát trước vì run tay nên lạc ra ngoài, phát sau trúng vào thái-dương con vật chết ngay.

Khắp rừng, cây cối rung động, các giống thú rật mình chạy toán loạn. Chu-Thanh vội vàng lấy chiếc đèn bấm chiếu xem thì ra là một con gấu đen to béo bằng con bê vậy. Chàng sợ quá run cầm cập, phải cắm đầu, tìm chỗ quang quẻ mà chạy.

(còn nữa)

Trần-Văn-Năng

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

CHƯƠNG THỨ V

Không bao lâu chàng khỏi hẳn. Như lời người trông nom thuốc thang, bệnh sốt rét cứ dần dần biến mất, chàng chỉ còn có một việc là làm sao cho lại sức mà thôi.

Cô Gian-nê đứng ra chủ-trương việc bếp nước cho chàng. Ở Bế-rang-đệ mà được thấy trên bàn ăn một món sườn dán, món sườn dán riêng để người da trắng dùng, chàng cũng phải lấy làm lạ.

Chính tay nàng sửa soạn cơm nước, lại ân cần mời ép người ốm, cho nên chàng Xen-đôn chỉ trong hai ngày đã đi lại được ở trong phòng, rồi lần ra được ngoài hiên.

Nói về tinh-thần, cái việc thiếu-nữ đến ăn ở nhà chàng như thế, đối với chàng thật là kỳ-khôi. Kỳ-khôi nhất là tự nàng cũng không ra ý lạ-lùng ngượng nghịu chút nào. Nàng coi sóc việc trong nhà một cách tự nhiên như thể mình cũng là một người đàn ông, hay như thể là ở nhà với cha với anh vậy.

Một hôm chàng đang ngồi thơ thẩn ở ngoài hiên, bỗng nàng đến ngồi ngay bên cạnh mà nói rằng:

— Cái việc tình-cờ xẩy ra cho tôi như thế này, thật là lý-thú. Lý-thú đến nỗi có lúc tôi không ngờ có có thể có được. Thật là một thiên tiểu - thuyết hoạt - động. Tôi bị phiêu rạt vào đây lại sa ngay, vào nhà một người ốm tứ cố vô thân, ngoài hai trăm nô-bộc không còn một ai nữa.

Chàng Xen-đôn liền đỡ lời:

— Không phải là nô-bộc... Đây là những người phu mộ, những người làm có giấy giao-kèo trong hạn ba năm. Giấy giao-kèo đó, làm đúng thể-lệ mà tự chúng tình-nguyện ký kết.

Nàng nhanh mồm đáp:

— Vâng, thưa vâng... Thôi ta nói sang chuyện khác. Tôi hiểu rồi... Một người ốm nằm trơ-vơ một mình với hai trăm phu, hai trăm tên mọi ăn thịt người! Thưa tôn-ông có phải chúng là tụi mọi ăn thịt người hay chỉ là câu chuyện nói phiếm?

Chàng đáp:

— Nói phiếm thế nào? Cô-nương nhún mình quá! Phần nhiều tụi chúng đây là dân đường rừng, mà ở đảo này, tất cả tụi mọi đen toàn là giống mọi ăn thịt người cả.

— Cái đó tôi đã rõ. Nhưng, sau khi chúng đã trở nên người làm ăn tử-tế, thì chúng có biết tự sửa mình không? Hiện tôn-ông đã mục-kích tên phu nào làm cái việc xấu-sa đê-hèn ấy chưa?

— Cô-nương còn chưa tin cái đó ư? Nếu cô-nương mà sa vào tay chúng, thì cô-nương khác biết.

— Thật ư?

— Thật lắm chứ! Ngay những đứa ở nhà tôi, cả cái thằng bếp mà cô-nương vừa dạy nó làm những cái bánh nhỏ-nhắn thơm-tho kia, nếu nó có thể thịt được cô và tôi nó cũng chẳng tha gì.

— Tôn-ông lấy gì làm căn-cứ mà dám nói vậy?

— Lấy gì làm căn-cứ? Thôi cô-nương để nguyên tôi nói cho mà nghe. Cách gần ba năm trước đây, có mười một tên mọi đen ăn cắp được của tôi một chiếc xuồng, rồi chúng kéo nhau bơi về Mã-lai-tạ.

« Có hai tên trong bọn quản ở Sang Xích-tô-ba chắc là hai thằng ngốc nên mới cùng đi với chín tên người Mã-lai-tạ, ngốc chả khác gì hai tên người Mã-lai-tạ mà lại nhập bọn với chín tên người Sang Xích-tô-ba. »

— Thưa vâng... Thế rồi sao?

— Thế rồi chín tên người Mã-lai-tạ đi đến nửa đường liền ăn thịt hai tên kia, chỉ trừ hai cái đầu lâu là vật quý không phải chịu cái số phận ấy, thì chúng giấu kín ở đằng sau xuồng, mãi khi đến bến chúng mới mang lên. Hiện nay hai cái đầu lâu ấy đều dùng làm đồ trang-hoàng trong nhà một tên đầu-mục một làng ở miền rừng.

Cô Lạc-lan long lanh cặp mắt mà la lên rằng:

— Được lắm! Được lắm! Như vậy thì chúng đích là giống mọi ăn thịt người! Vậy mà chúng ta ở thế kỷ thứ hai mươi! Tiên-sinh có tưởng đến chỗ đó không? Cứ như tôi thì tôi vẫn yên-trí rằng những việc ấy đã vùi lấp từ đời Thái-cổ rồi, chứ còn đâu đến giờ. Vậy mới biết cái điều tôi yên-trí chả qua chỉ ở cái lý-tưởng viển-vông mà ra.

Chàng Xen-đôn nhìn nàng ra vẻ khoái-trí.

Nàng hỏi:

— Như vậy là thế nào? Vả có sao?

— Vâng, chả có sao, nhưng, đem thân cho cái tụi mọi ghê-tởm nó ăn thịt, riêng ý tôi tưởng, thì không phải là viển-vông chút nào.

— Tôi cũng đồng-ý với tôn-ông. Nhưng có một điều cực kỳ lý-thú là sống ở giữa đám mọi ăn thịt người, mà sai khiến được, mà xử linh được 200 tên trong tụi chúng, để tránh được chúng khỏi ăn thịt, đó là một cuộc mạo-hiểm lý - thú lắm chứ!

— Thôi đi!

— Ồ! Tôi vẫn biết trong mình tôn-ông không có một chút thi-vị nào. Tôn-ông lúc nào cũng buồn bã âu - sầu, ý-tưởng chật hẹp, chả khác gì mấy nhà doanh nghiệp ở quý-quốc và ở tệ - quốc vậy. Tôi vẫn thường tự hỏi chả biết tôn-ông ở đây để làm trò-trống gì? Giá tôn ông cứ yên phận ở quách tỉnh nhà làm một thầy ký Ngân-hàng hay làm... hay làm... chả hơn ư?

— Hay... làm thầy ký bán hàng có phải không? Thôi đa-tạ cô...

— Thưa, chính thế đấy. Làm thầy ký bán hàng hay làm nghề quái gì cũng được... Tôi xin hỏi

lại: Thế tôn-ông ở nơi sơn cùng thủy-tận này làm nghề-ngỗng gì?

— Tôi ở đây cốt để kiếm ăn, để cho qua ngày đoạn tháng, để cho có một địa-vị ở dưới bóng mặt giời.

— Phải chăng là do cái con đường trông gai cay đắng, con đường mà biết bao những con em các nhà phải bước qua mới tự-lập được một gia-đình, một trú-quán riêng của mình?» Nếu việc này không là viển-vông thì còn việc nào là viển-vông nữa? Mà ở trên trái đất này những người như tôn-ông không phải là của hiếm. Tôi đây cũng là một người trong số đó.

— Xin cô-nương nói cho nghe.

— Tôi cũng vậy, nhà cửa chả có, anh em cha mẹ thì không, bởi vậy tôi cũng như tôn-ông phải lìa bỏ đất văn-minh mà lưu-lạc đến cái đất cực dã-man này.

— Nếu cái cảnh của cô-nương như thế, thì cũng khả-dĩ chép thành một thiên tiểu-thuyết thật.

Lặng yên một lát, chàng Xen-đôn sực nhớ ngay rằng người đàn bà đã nâng-giấc mình, và hiện đang nói chuyện với mình, mấy đêm vừa qua chắc là phải ngủ ở chiếc võng mắc ngoài hiên, còn hai tên thủy-thủ người Ta-hải-ty thì nằm canh ở dưới sàn gần đó. Chi bằng bây giờ trong mình chàng đã khá, chàng muốn ép nàng từ nay vào giường chàng, buồng chàng mà ngủ, để chàng ra ngủ trên chiếc võng ngoài hiên.

Nàng lại nói:

— Trước kia, tôi thường ao-ước những cuộc mạo-hiểm phi-thường quái-lạ. Song, dù trong những lúc mơ-màng rồ-dại cũng không bao giờ tưởng có cái cảnh-ngộ ngày nay.

Mới hai năm trước đây, tôi còn tin chỉ có một con đường sẽ đưa tôi vào cuộc đời. Con đường ấy là...»

Nàng trù-trừ một lát, ra ý tự-trách mà nói tiếp rằng:

— Là ... con đường hôn-thú.

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Nhưng, cô-nương lại thích đeo một giây lưng đạn, phiêu-lưu đến một hòn đảo có giống mọi ăn thịt người hơn là cuộc hôn-thú kia có phải không?

— Chính như lời tôn-ông dạy.

— Tuy nhiên, lúc làm-sự cô-nương có biết dùng cát-tút không? Có một khẩu súng lục trong mình, đã đành là sang trọng, nhưng có một điều cần, là khi bắn phải cho nhằm.

Quắc đôi con mắt, thiếu-nữ bỗng đứng phát dậy, hình như muốn đi vào trong nhà, chàng Xen-đôn biết ý nàng muốn đi lấy súng liền nói:

— Thưa cô-nương, đã có súng của tôi đây. Cô-nương tài về môn gì?

— Nếu tôn-ông muốn, thì tôi có thể đứng nguyên đây mà bắn trúng được cái suốt sắt dùng để kéo giây báo hiệu ở trên chiếc cột cờ ngoài vườn kia.

Chàng mỉm cười không tin.

Nàng ra ý lưỡng-lự giao hẹn rằng:

— Tôi không quen dùng súng này.

— Súng này cò máy êm lắm. Cô-nương không cần phải bấm mạnh quá, cũng không cần phải dụng-lực quá.

Nàng sốt ruột nói:

— Thôi được... Thôi được... Tôi biết dùng những súng kiểu này. Thứ súng này là súng lục-liên. Đạn nọ bắn đạn kia tiếp luôn, không cần phải nạp từng viên đạn một. Có điều hơi ngại, là bắn nó thì súng hay nóng, một đôi khi nòng lại nứt ra nữa. Hiện súng đã nạp đạn chưa?

Chàng Xen-đôn gật đầu. Cô Gian-nê bắn một phát. Cái suốt sắt vẫn y-nguyên không việc gì cả.

Chàng Xen-đôn thấy nàng ra vẻ tức giận liền nói đỡ:

— Tại xa quá...

Nàng mắm môi lại bắn luôn. Chiếc suốt sát kêu đánh chát một cái, rồi lúc lắc ở đầu giây, viên đạn vun vút xoay tít trên không.

Cô Gian-nê bắn hết cả bảy viên đạn, sáu viên trúng, cái suốt sắt gẫy tan ra từng mảnh.

Chàng Xen-đôn ngạc-nhiên khen-ngợi: Nàng bắn giỏi hơn mình, hơn cả Uy-ghi Đuy-mông, là tay thạo bắn vị tất đã bằng. Còn như các bà chàng quen biết, lúc cao-hứng, cầm cây súng trường hay súng lục, thì mười bà đến chín bà, mồm la ầm-ỹ, mắt nhắm nghiền lại, mặc sức cho đạn muốn trúng vào đâu thì trúng.

Chàng nói:

— Bắn giỏi thật! Mà nhất là một người đàn bà mới lại thật là giỏi. Súng lạ mà bắn 8 phát chỉ hỏng có 2 phát thôi.

Nàng nói đỡ lời:

— Tôi không hiểu sao lại có 2 viên không trúng. Súng tốt lắm. Tôn-ông cho xin một hộp đạn nữa. Lần này tôi xin cam-đoan rằng tôn-ông chỉ vào vật nào, tôi bắn cũng trúng cả 8 phát.

— Điều ấy tôi không nghi ngờ gì nữa... Nhưng cái suốt sắt của tôi vỡ tan mất rồi. Bớ Việt-bửu-ri! Mi khá xuống kho lấy một cái suốt mới lên đây cho ta.

— Phải đấy! Để rồi ta lại thử bắn nữa.

— Thưa xin đủ! Bao nhiêu suốt của tôi vào đấy mà không vừa! Ai dạy cô-nương bắn vậy?

— Trước hết có ông thân-sinh ra tôi, rồi sau đến Vương-công và những tên mục-đồng của ông ta. Ông thân sinh ra tôi và Vương-công vốn là hai tay chơi súng lão-luyện.

Chàng Xen-đôn bụng bảo giạ: Vương-công là ai, chả biết có phải là cái anh chàng, cách hai năm trước đã thuyết cho thiếu-nữ tin rằng cuộc tương-lai của nàng là ở cuộc hôn-thú hay không?

Chàng nói:

— Thưa cô-nương cho phép tôi hỏi; quê-hương của cô-nương ở đâu? Có phải là ở Y-ly-noa, hay là ở Uy-ô-minh, hay là ở nơi nào? Những lai-lịch cô-nương cho tôi biết còn sơ-lược quá. Tôi chỉ biết cô-nương quí-tính phương-danh là Lạc-lan Gian-nê, nhưng, không biết quý-quán ở nơi nào trong địa-hạt châu Mỹ.

— Tệ-quán không ở xứ Y-ly-noa, mà cũng không ở xứ Uy-ô-minh. Tôn-ông muốn thấy, thì phải đi quá về phía tây một chút.

(Còn nữa)

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Vĩnh-Hưng-Tường là hiệu bán thuốc bắc lớn nhất từ Vinh vào đến Huế.

NÊN BIẾT PHÁP LUẬT

Để giữ quyền lợi, để tỏ nỗi oan

Anh em! muốn khỏi phải mắc lừa, nhận kỹ tên sau này: M. *Joseph* **Trần-đình-Trúc** *Luật-Khoa cử-nhân* trường Đại-học Paris cố-vấn pháp-luật.

Số 16 phố Hà-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi

1° Giúp việc kiện cáo, đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, xin tại ngoại hậu cứu, tạm tha, ân xá v.v...

2° Thay quyền nhà buôn, làm sổ sách và quảng-cáo.

3° Quản lý nhà cho thuê và đồn điền.

Ở xa muốn làm đơn từ bằng chữ tây

cứ viết thư đến bản sở. (Ai muốn nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho trạng sư tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi cứ đến, vì không phải giả tiền).

Kính trọng lương-tâm con nhà nghề

Người biết làm nghề gì đều phải kính-trọng nghề ấy, lúc nào lương tâm cũng bó buộc phải làm cho tròn bổn-phận, cho khỏi phụ với lời ủy-thác của người ta.

Một nghề đáng chú ý nhất là nghề dạy học.

Nhận cái chức-trách ông giáo, tức là phải chịu lời hứa, lòng tin của bao nhiêu phụ-huynh học-trò, phải mang một bổn-phận rất lớn là rèn đúc bao nhiêu khối óc non mới đặt ra đời còn bỡ-ngỡ. Khó khăn lắm! Thận trọng lắm! Giậy làm sao cho học-trò giỏi? Giậy làm sao cho học-trò hay? Mỗi cậu học-trò nhỏ kia là một phần-tử trong quốc-dân sẽ gánh vác công việc nước nhà sau này vậy.

Một người rất kính-trọng lời hứa, rất kính-trọng lương-tâm nhà nghề, hy-sinh vì sự giáo-dục trẻ em, tôi xin giới-thiệu ông đốc trường Song-Thanh: ông Hoàng-sĩ-Xuyến.

Một khu trường nguy-nga ở góc phố Hòa-mã và phố Jacquin, thường thấy hàng trăm rưởi trẻ em hớn-hở tấp-nập cắp sách đến học, ta nên để ý ông Xuyến mời những giáo-sư bực nào: Lớp nhất và lớp nhì, hai ông giáo ngang sức tú-tài tây; lớp ba (tức sơ-đẳng) một ông giáo theo gần hết hạn Cao-đẳng tiểu-học, còn lớp cuối, các em còn nhỏ, giao cho một bà giáo nhu-mì ôn-hòa săn-sóc trông coi. Ông Xuyến còn mời được một nhà văn-sĩ đã có tiếng, kiêm họa-sĩ, thường ngày thứ năm thứ bảy, đến dạy các lớp trên về khoa Quốc-văn, Hán-văn và vẽ «perspective» nữa.

Vậy ông bà nào có trẻ em đi học tưởng chẳng nên quên:

Trường Song-Thanh

ở góc đường Hòa-Mã và Jacquin bên cạnh nhà rượu sau nghĩa-địa Saïgon

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ-nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA
Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, 47

HANOI

Giây nói số : 805

Là một hiệu thuốc có tiếng ở Đông-Pháp

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

ANNAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 33

NGÀY 19 MARS 1932

DÉPOT LÉGAL
DÉPOT LÉGAL INDOCHINE TONKIN

DÉPÔT LÉGAL
N° 17313

安南雜誌

ANNAM TẠP CHÍ 安南雜誌

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . .	5$00
Nửa năm. . .	2,60
Một số	0,10

149

Toa bao : 68, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khản-cáo

Muốn tiện việc sổ-sách, xin nhắc lại để các ngài Đại-lý nhớ cho rằng: từ nay, cứ vào ngày mồng 5 đầu tháng, xin các Ngài cho biết số báo bán trong tháng trước và nhân tiện gửi mandat về cho. Bản-chí lấy làm cảm tạ lắm lắm.

Vì số báo vừa ra, được các độc-giả đặc biệt hoan-nghinh, nên số báo in ra hiện ở Hanoi đã bán hết cả. Vậy xin các ngài đại-lý ở các tỉnh, nếu số báo 32 còn thừa lại, thì xin gửi ngay về cho.

Kính cáo
An-nam Tạp-chí

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thầy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00
Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**
No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim thuyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu điều đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ TỈNH DƯỢC PHÒNG
114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN

III

Văn có tư-tưởng, lại phải có tình-cảm, thì tư-tưởng mới cảm-hóa được người đọc người xem.— Lại có khi văn ít tư-tưởng, mà nhiều cảm-tình, lấy cảm-tình ấy cũng đủ sai khiến được trăm nghìn tình-cảm của người khác, rèn đúc được ức vạn tâm-hồn khác.—Cái « oai-quyền của câu văn » (*la puissance du Verbe*), cái thế-lực của nhà Thi-sĩ, riêng ở chỗ đó — Chính-phủ Tô-nga hiện nay, chẳng nói ai cũng rõ, nào phải là một chính-phủ chuộng hư-vặn, - thế mà cũng phải lập ra những văn-sĩ đoàn (*brigade d'écrivains*). để lấy thơ mà làm phấn-chấn lòng dân.(1)— Ấy bởi vì khi nào tình cảm đã rung-động thì trí-khôn khó mà phân biệt được tư-tưởng hay hay là dở, chỉ nghe tiếng gọi của tình-cảm mà vâng theo đó chăng? Biết hổ-thẹn vì thế-cục mà lánh xa không muốn nghe khúc Hậu - đình,— song ví - dụ tiếng ai hát khúc Hậu - đình lọt vào tai ai lúc canh vắng đêm trường, e thay cho tấm gan vàng của ai!... Cái sức mạnh của tình-cảm là thế. – Lại phải biết sức mạnh ấy súc động được tới một số nhiều người hơn là sức mạnh của tư-tưởng. Cái sức mạnh của tư-tưởng là một sức mạnh lặn vào trong, mà sức mạnh của cảm-tình lộ ngay ra ngoài. — Hiểu tư-tưởng hay, thờ tư-tưởng chính,-đính không phải là ai ai cũng tới được cái bực ấy. Còn như câu cười, tiếng khóc, nỗi giận, nỗi sợ, nỗi ghét, nỗi thương, sinh ra cõi đời ai cũng như ai, người không có học - thức cũng có thể cảm. Người có học - thức, khi đứng trước một bên là tư-tưởng, một bên là cảm - tình, hiểu cái tư-tưởng phải mà theo cái cảm-tình hư, điều đó coi ngay áng thanh-niên của ta, đọc ngay văn thanh-niên của ta, chẳng đã thấy rõ đó ư? Tình-cảm mới, tình-cảm mới! Có kẻ than rằng: tìm cho thấy một chút tình - cảm mới trong văn - chương mới xuất-bản, khó hơn tìm một hột vàng lẫn trong nghìn vạn hột cát. Đó chính là một cái hiểm-tượng mà bạn tân-học ta, ai biết yêu thương quốc - văn, cung - kính quốc-văn, phải nên mau mau ra công đề-phòng cho cái tinh-thần quốc-văn vậy. Tình-cảm mới, tình - cảm mới! Non cao nước chảy, vượn hót ve ngâm, rượu lưng bầu, thơ lưng túi, người nghe thung - thăng, con thuyền lơ-lửng, này giăng chiều, này gió sớm, này mảnh quần-hồng của ai hoen ố rượu, này khúc đàn ai một tiếng dương tranh,— lỡ một lầm hai, nay lần mai lữa, nước cũ vẫn là nước cũ, hỏi ai ai có thẹn cùng nước non, mà giận cùng những cái tình-cảm yếu-nhược của đời cũ? Những cái cảnh-vật đã lay động được tính-tình của người cũ ấy, trong đời mới này, sở-dĩ còn có sức mạnh mà lay động được tính - tình của nhiều « người mới » có nhẽ vì ta chưa có mối tình cảm mới nào để cống - hiến cho nền quốc - văn chăng? *Enéide* của **Virgile**, một áng văn-chương mà bạn tân-học ta nên ngày đêm tụng độc, để hàm-dưỡng lấy tư-vị: êm-ái còn gì bằng văn ấy, thực cũng « trong như tiếng hạc bay qua »— thế mà tình-cảm cứng-cát, mạnh-mẽ cũng lại không gì bằng. Ngòi bút của nhà thi-sĩ *Virgile* viết khúc « anh - hùng ca » đó thực đã giúp cho thế-lực giống nòi La-mã cũng mạnh bằng gươm báu của *César* vậy. Bạn tân-học đọc triết - học của **Nietzsche**, chẳng còn nhớ câu hỏi: « Ta dạy cho anh cái tinh-thần làm người trên. Người là một giống vật sinh ra để mà cố gắng cho ngày càng lên trình - độ cao hơn trình-độ làm người. Anh đã cố gắng cho ngày càng lên cao, để vượt qua bực làm người được chút nào chưa? » (*Je vous enseigne le surhumain. L'homme est un animal qui est fait*

(1) Đọc ở một số báo *Văn-học tân-văn* (Nouvelles Littéraires) ở *Paris* mới đây.

pour se surpasser. Qu'avez-vous fait pour le surpasser?...) Vượt qua bực làm người, là nên bực «thượng-nhân» *(sur homme)*, bực người trên, gan góc sắt đá, lay không chuyển, rung không rời, làm ông thánh sống vì chỗ quả quyết đó vậy. Thế-giới này đã là thế-giới mới, tìm cảm-tình mới trong văn-chương Âu-Mỹ đã chẳng khó, tìm cảm-tình mới trong hiện-tượng mới lại càng khốn khó. Đời máy móc, có cái «vẻ nên thơ» của máy móc *(poésie de la Machine)*. Đời lao-động: có cái vẻ nên thơ của sự lao-động (poésie du Travail). Đời cạnh-tranh, có cái vẻ nên thơ của cạnh-tranh. Ở đời giới bát khổ, làm người giới bắt sầu, nhưng có «nhân định thắng thiên sao chẳng có? Can chi phải «ra ngẩn vào ngơ» mãi, «nhớ nhớ thương thương» mãi, «đau đau đớn đớn» mãi câu văn vong quốc, tiếng khóc tiêu hồn? Tân quốc-văn sau này sẽ có nhiều tình-cảm mới, đó còn tùy ở mỗi nhà văn thu vào tân-quốc-văn một mối cảm xưa kia chưa có; những mối cảm ấy, nói riêng từng mối thì càng nhiều mối cảm khác nhau, càng may cho văn mới, nói trong cái tinh-thần của tất cả tình-cảm đó gồm lại, bất ngoại một tính-cách: phải sao cho rèn đúc được để tân-quốc-văn có một cái hồn cứng, mạnh, có một cái sức-lực cổ-võ phấn-khởi lòng người, giục cho ai nấy đều nuôi cái chí cá-nhân phải có tiến bộ về dưỡng tinh-thần, chẳng là «thượng-nhân» «người trên», như chủ-nghĩa của nhà triết-học **Nietzsche**, thì cũng phải là «thí-sai» cái địa-vị bề

Kỳ sau sẽ có bài «Bài trừ cái nạn Phan-Khôi ở Nam-Kỳ», cùng bài «Tống-nho với phụ-nữ».

trên; — nhiên hậu xã-hội mới có ngày đổi mới một cách mau chóng và rực rỡ.

Sau khi luận về tư-tưởng mới và tình-cảm mới trong áng quốc-văn mới, còn điều thứ ba là: nhời văn mới. — Nhời văn thế nào là mới? Mong độc-giả sẽ cho phép cùng bàn ở một kỳ sau.

Quốc-văn mới, phải sao cho có hồn mới, nghĩa là tư-tưởng mới và tình-cảm mới (1). Song nếu nhời nhẽ mà không mới, thì tưởng văn ấy cũng chưa phải là mới. Đối với nhiều bài văn tuyệt-tác, kẻ đố-kỵ muốn giảm giá-trị của nhà văn, thường mượn câu «sác không có hồn» mà ví. Nhưng «hồn không có sác», có nhẽ cũng nguy cho hồn lắm. Vì nếu hồn cam chịu bông-lông bay-bổng, như thực như có, như hư như không, chẳng tai ai nghe chẳng mắt ai trông, thì không có sác cũng không e gì; nhưng cái hồn văn là một cái hồn sở-dĩ đáng quí, chính ở cái chỗ khiến cho mắt người phải trông đến, tai người phải nghe đến, rồi trí người phải nghĩ-ngợi, lòng người phải rung-động vì văn. — Muốn có cái sức nhường ấy, cảm tình và tư-tưởng của nhà văn phải mượn nhời mà phát ra, lại phải mượn cái đẹp cái hay của nhời mà bắt người ta phải để ý đến. **Anatole France** có nói: «Vô phúc thay cho nhà văn nào mà dám khinh nhời văn! Văn sở-dĩ lưu-truyền thiên-cổ, là nhờ về cái nhời văn hay mà thôi. Tư-tưởng được thêm giá-trị cũng nhờ về cái nhời khéo đem diễn giải ra. Đem nhời mới mà diễn-giải một cái ý-tưởng cũ, đó chính là mỹ-thuật gồm cả ở đấy.» *(Malheur à qui méprise la forme! On ne dure que par elle. Une idée ne vaut que par la forme. Donner une forme nouvelle à une vieille idée, c'est tout l'art...)*

Tuy câu chuyện «quốc-văn mới» này, không phải là một câu chuyện mỹ-thuật, mà là một câu chuyện có quan-hệ đến vận nước, nhưng văn-chương muốn có ích cho nước, cũng phải có vẻ đẹp, vì không đẹp thì ai chuộng? *(Còn nữa)*

Nguyễn-tiến-Lãng

(1) Xem An-nam Tạp-chí số 31 và 32.

Cho yên lòng trẻ

Các thầy đội xếp bên ta chắc có vẻ hiền lành, hay nói rõ ra thì trẻ con trông thấy các thầy những hoảng hồn chạy trốn.

Nhưng ở Nam Mỹ-Châu thì khác hẳn. Trẻ con các xứ ấy sợ thầy «phú lít» như trẻ con ta sợ ông «ba bị chín quai»! Đến nỗi, ở Colombie, họ phải họp hết trẻ con lại để giảng cho chúng rõ các thầy không có gì đáng sợ cả. 1400 thầy đội-xếp phải chia nhau đi từng nhà để phát kẹo và đồ chơi cho trẻ con.

VẤN - ĐỀ CHẤN - HƯNG THUỐC NAM

Mấy năm trước, nhiều nhà hữu tâm với thế-cục, đã bao phen hô-hào về việc chấn-hưng thuốc Nam; sau rồi thấy bẵng hẳn; đến nay lại thấy có đôi nơi hô-hào việc ấy.

Nghĩ như «chấn-hưng thuốc Nam» là một vấn-đề rất quan-trọng, rất thiết thực bổ-ích cho quốc-dân, mà chỉ thấy có những sự hô-hào xuông, không từng thấy thực-hành đôi chút. Chẳng đáng lạ mà đáng chán cho xã-hội lắm ru?

Chúng tôi, con nhà buôn thuốc bắc mấy đời nay, cũng nhờ về nghề thuốc bắc này mà được phần no ấm; lẽ ra chúng tôi phải lo về bồi-bổ bên thuốc bắc, để cho được lâu bền dài vững cách sinh-nhai, vậy mà nay tôi cũng hưởng-ứng hô-hào việc chấn-hưng thuốc Nam, cứ thường-tình chẳng hóa là dại?

Song chúng tôi trộm nghĩ, có mấy điều:

1°) — Thuốc bắc là thuốc của người Tàu đem sang. Thuốc ngày một xấu, giá ngày một cao; lại thêm thuế nhập-cảng ngày càng nặng-nề, giá lại càng cao mãi. Rồi đây vì lẽ gì mà người Tàu hoặc không bán thuốc cho ta nữa, thì người nước ta lấy đâu mà dùng để chữa bệnh như từ nay về trước ru?

2°) — Sách dạy làm thầy thuốc cũng lại toàn sách bằng chữ Tàu. Các nhà thông-nho một ngày một hiếm, các thầy danh-sư cũng ít dần, thời rồi đây, sau chừng mười năm nữa, lấy ai kế tiếp nghề làm thuốc để cứu chữa các người đau ốm trong quốc-dân?

3. — Thuốc Nam là thuốc của nước ta, sinh sản ở xứ ta, trong vườn, ngoài ruộng, trên rừng nhan nhản đều có; tính thuốc lại hợp thủy thổ chữa bệnh dễ phần công hiệu hơn. Gía thuốc cũng lại dẻ, tìm kiếm dễ có. Lỡ khi cấp cứu, muốn dùng đến rất là không khó-khăn.

4. — Các môn gia-truyền từ xưa đã có biết bao phương, đến nay còn lại ít nhiều, người Âu-tây cũng từng có khen la thần hiệu. (1)

5. — Người tỉnh thành, kẻ giầu sang có thể muốn uống thuốc gì cũng được; còn như phần đông người quê ta nghèo cực túng bấn, lo ăn chẳng đủ, tiền đâu mà uống những thứ thuốc từ hàng đồng bạc giở lên? Nay rộng có các thứ thuốc Nam bán rẻ tiền, tiện cho dân quê dùng uống, thì họ được khỏi bệnh, được no khỏe. Dân quê no khỏe bao nhiêu, gia công cầy cấy bấy nhiêu. Nhà nông được phong doanh, thời các nghề khác cũng nhờ đấy mà mới chấn-hưng được.

Biết sẽ có hai sự nguy như thế; hiểu có ba lẽ lợi như thế. Ta nên phải cùng nhau sớm liệu, tìm phương nghĩ kế lo làm sao được thành môn thuốc Nam, bắt đầu chấn-hưng từ nay, thì chừng khoảng mười năm sau giở đi, may ra mới có mong ít nhiều hiệu quả vậy.

Thuộc về sự thực muốn chấn-hưng thuốc Nam, thời thiển ý của chúng tôi nghĩ phải có cần đến bốn việc.

1. — Làm một quyển sách bản thảo thuốc Nam rất tinh vi tường tế. Các vị thuốc, có tên bằng chữ Tàu, có tên bằng chữ Tây, có tên bằng chữ Nam; ba thứ tên đối chiếu nhau. Lại có hình vẽ rõ ràng, nói rõ nơi sản xuất, chủ trị về bệnh gì. Quyển bản thảo có làm xong thời các môn thuốc gia truyền còn lại kia, mới mong có phần lợi-dụng được. Vì có nhiều vị thuốc, mỗi xứ kêu tên mỗi khác. Chỗ nào biết đích-xác thứ cây (thuốc) ấy, tên là thế, mấy dám quả quyết mà dùng, còn như các nơi biết mập mờ còn hồ nghi, thì dẫu bài thuốc gia-truyền có hay đến đâu, mà vị thuốc không tường, thời sự dùng chữa cũng rứt là nguy hiểm vậy.

2° — Phải chỉ vẽ cho các người nghèo-cực biết các cây thuốc có nhiều và dùng được nhiều việc, để cho họ đi tìm đi kiếm, đem về bán cho các hiệu thuốc, các thầy lang; như thế cũng thêm nghề cho dân quê rộng cách kiếm ăn.

3° — Kê cứu các phương thuốc bắc, các bài gia-truyền mà lựa chọn thuốc Nam thế vào biệt lập thành những phương mới. Rồi một phần công-bố cho công-chúng biết, một phần làm hoàn-tán, bán một giá rất phải chăng. Nhiều người thấy giá thuốc rẻ, mà công hiệu so với thuốc bắc không kém nào, thời ai còn cần gì mà phải dùng thuốc bắc làm chi nữa.

Vẫn biết thuốc bắc cũng có nhiều vị mà thuốc ta không có vị gì đủ thế được, nhưng vị đó thật quả tìm đâu không có, bấy giờ ta mới đành lòng lấy thuốc bắc mà dùng. Nếu còn có thể tìm được ra thời nên cố tìm cho đến thấy, không nên sớm vội ngã lòng.

4° — Mở một Tạp-chí gọi là «*Y-học tuần-báo*» để cổ-động công việc chấn-hưng, để kê cứu, để lấy tin-tức trao-đổi của ba kỳ. Tạp-chí này mà xuất bản được chăng, thời sự chấn-hưng kia mới mong có cơ-quan hoạt-bát vậy,

Bốn việc này có thực-hành, mới mong cái vấn-đề chấn-hưng thuốc Nam có một ngày kết-quả, song nói thời dễ, biết nào ai có chí, có lực, sốt-sắng mà thực-hành hay chăng? Về phần chúng tôi, chúng tôi đương thực-hành ba việc nói trên. Còn việc mở tạp-chí là việc rất to lớn, riêng phần chúng tôi có lẽ lo không xong, ước-ao được có năm ba nhà trí-thức đồng chí, am hiểu Tây, Nam, Bắc y-học, cùng tán-thành giúp sức, họa may mới có thanh-lập chăng!

(1). — Quan Docteur Sallé ở Tourane cũng đang kê cứu thuốc Nam, đã nhiều lần ông đang lên báo ngợi khen thuốc Nam nhiều phương thần-hiệu.

Thuộc về công việc của *Y-học-tuần-báo* chúng tôi cũng đã dự nghĩ đại-khái nên có những điều-mục, nhân tiện xin tường kê như sau này:

1° — Xã-thuyết.
2° — Kê cứu thuốc bắc thuốc nam.
3° — Kê cứu thuốc nam.
4° — Bàn về Y-lý.
5° — Tri-thức trị bệnh phổ-thông.
6° — Y-án.
7° — Trung, tây y-phương.
8° — Vệ-sinh thuật.
9° — Nhàn-đàm.
10° — Tân-văn.
11° — Tự-vị.
12° — Mách giúp các nhà bệnh, thầy giỏi thuốc hay.
13° — Tin tức vấn-đáp.
14° — Trích ra 15°/₀ số tiền thu-nhập về chỗ bán báo trả tiền ngay, để cấp học-bổng cho học-trò nghèo muốn theo đuổi học làm nghề thuốc.
15° — Treo thưởng cho ai làm được sách thuốc có giá-trị.
16° — Bảo-trợ cho các nhà có các môn gia-truyền không muốn bán, giữ làm gia-bảo.

Công việc của Tạp-chí chừng ấy, tưởng cũng đã trọng đại; thi hành được chu-đáo, tưởng cũng là khó thay! Trong ba kỳ có ai để ý chăng? Chúng tôi lấy làm mong mỏi vô cùng.

Trong khi tờ Tuần-báo dự tưởng đó chưa ra, thì từ nay chúng tôi có tin-tức gì hay, hãy xin nhờ ở Tạp-Chí An-Nam đây làm nơi đàm-luận.

Vấn-đề «chấn-hưng thuốc nam», về phần chúng tôi nghĩ như thế; còn về phần các nhà xưa nay vẫn hô-hào nghĩ sao? Các vị thông hiểu Trung, Tây Y-học có cho vấn-đề này là thiết-thời hay chăng? Thật ai có biểu đồng-tình, xin mau mau ta cùng bắt tay vô việc.

Phó-đức-Thành
Vĩnh-hưng-Tường — Vinh.

Hội chợ của Phụ-nữ năm 1932

Sẽ mở từ ngày 1er cho tới 7 Mai tại Saigon

Nghe cái tên Hội chợ của Phu-nữ, thì ai cũng đều hiểu đó là một phiên chợ của phụ-nữ Việt-nam chung công góp sức nhau lại mà tổ-chức ra, để có chỗ cho chị em tranh hay khoe khéo, chỉ vẽ lẫn nhau vậy. Những đồ vật sẽ đem chưng bầy trong Hội chợ, là những đồ do tay Phụ-nữ làm ra, như đồ thêu, đồ may, đồ dệt, vẽ... và những món ăn ngon lành như bánh, mứt, nem, dưa... bất kỳ ai có làm ra được nhiều hay một vài món, cũng đều nên đem chưng bầy trong Hội chợ cả.

Cuộc Hội chợ này nó có gồm cái ý-nghĩa đấu xảo trong đó, chắc chị em vẫn biết như thế, Hội chợ là chỗ chưng-bầy đồ-vật mà bán lấy tiền, còn Đấu-xảo là có cạnh tranh hơn thua, hay dở; Hội chợ của chị em đây sẽ có cả hai ý ấy. Mà có như vậy mới là hoàn toàn một cuộc Hội chợ của phụ-nữ.

Người bận việc, có nghề hay tài khéo, không thể làm ra đồ cho nhiều mà bán, chỉ làm một vài món để đấu cái khéo chơi, trong Hội chợ này cũng có chỗ cho chị em phô bầy, mà người có nghề khéo, đồ tốt, lại làm ra được nhiều, vừa để đấu-xảo, vừa để bán ra cho đồng-bào dùng. Hội chợ này cũng là một chốn thương-trường nhỏ dành sẵn cho chị em vậy.

Thể lệ Hội chợ, hiện nay ban Hội-đồng tổ-chức đang bàn tính, chưa quyết-định kịp, nhưng Bản-báo có thể mách cho chị em biết đại-lược một đôi điều như sau này:

1° Những đồ của chị em ở xa, gửi đến đấu, hội sẽ trông nom sắp đặt giùm, khi đấu xong hội sẽ gửi trả lại, bằng như muốn đấu mà cũng muốn bán nữa, thì chị em cứ định giá tiền, hội sẽ đấu, sẽ bán giùm, và sẽ gởi tiền, hoặc gởi đồ giả lại, nguyên chủ sau khi mãn cuộc.

2° Chị em ở gần, muốn tự mình chương bầy đồ của mình ra mà đấu, hoặc bán, hội sẽ cho mướn chỗ để tùy ý chị em sắp đặt cho vừa lòng.

Trên đây Bản-báo chỉ kể đại-lược một đôi điều, chớ hội sẽ còn sắp đặt rất nhiều cuộc vui chơi và ích lợi cho phụ-nữ lắm.

Vậy từ nay chị em xa gần hãy dự-bị cho sớm những món nữ-công để cùng chung tài góp sức với nhau mà làm cho Hội chợ của phụ-nữ, năm 1932, được hoàn-toàn đứng đắn.

Chị em muốn cần hỏi điều chi xin do nơi báo quán; Phụ-nữ Tân-văn Saigon.

NÊN BIẾT PHÁP LUẬT

Để giữ quyền lợi, để tỏ nỗi oan

Anh em! muốn khỏi phải mắc lừa, nhận kỹ tên sau này: M. *Joseph* **Trần-đình-Trúc** *Luật-Khoa cử-nhân* trường Đại-học Paris cố-vấn pháp-luật.

Số 16 phố Hà-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi

1° Giúp việc kiện cáo, đòi hỏ công nợ, làm các đơn từ, xin tại ngoại hậu cứu, tạm tha, ân xá v.v...

2° Thay quyền nhà buôn, làm sổ sách và quảng-cáo.

3° Quản lý nhà cho thuê và đồn điền.

Ở xa muốn làm đơn từ bằng chữ tây cứ viết thư đến bản sở. (Ai muốn nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho trạng sư tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi cứ đến, vì không phải giả tiền).

KHỔNG PHU-TỬ VỚI ĐẠT-NHĨ-VĂN HAY LÀ CÁI LUẬT TỰ-NHIÊN ĐÀO-THẢI

II

Trên kia tôi có kể một vài cái thí-dụ để làm chứng-cớ. Tuy trong Khổng-giáo không có những cái thí-dụ in như thế, song ký-truyện của Trung-hoa có biên-khảo một truyện hơi na ná. Trong Thanh-lê-tử có chép:

«Vua nước *Ngô* muốn đem quân đi đánh nước *Kinh*. Đã nhiều người can-ngăn vua nhất-định không nghe. Sau lại hạ-lệnh rằng: «Ai can ta đánh nước *Kinh* thì phải xử-tử.»

Có một viên quan trẻ tuổi, muốn can ngăn mà không dám nói, luôn ba ngày, cứ sáng sớm, cầm cung tên đứng vườn sau nhà vua, sương xuống ướt đầm cả áo.

Hôm thứ ba, vua gặp, mới hỏi rằng:

« *Ngươi đến đây làm gì mà để sương xuống ướt cả áo như thế?* »

Viên quan thưa rằng:

— *Trong vườn có cây cổ-thụ. Chót vót trên ngọn cây, có con ve-sầu hút gió uống sương, rả rích kêu cả ngày tưởng đã được yên-thân lắm. Biết đâu, đằng sau có con bọ ngựa đang giơ hai càng chực bắt. Chính con bọ ngựa muốn bắt con ve sầu, lại biết đâu đằng sau có con chim sẻ nghển cổ chực mổ. Chính con chim sẻ muốn bắt con bọ ngựa, lại biết đâu có tôi cầm cung chực bắn.....*

.....

(Cổ-học tinh-hoa)

Chủ-ý bài đó là nói về cái tính ham của người, chỉ biết trông cái lợi trước mắt mà quên cả cái hại sau lưng. Song đại-ý bao-hàm có cái nghĩa canh-tranh. Mà, theo thuyết của Đạt-nhĩ-văn, thì lẽ cạnh-tranh là lý-do của sự đào-thải, của sự tiến-hóa.

Vì cuốn Chủng-nguyên-luận nên mới sinh ra *đế-quốc chính-sách*. Theo ý ông *Lương Khải-Siêu*, người lược-thuật học-thuyết của Đạt-nhĩ-văn, thì: nước nào có mạnh mới chinh-phục được nước khác, chinh-phục là theo đế-quốc chủ-nghĩa. Cho nên muốn chinh-phục người hay giữ dìn cho người khỏi chinh-phục mình thì phải làm thế nào cho nước cường-thịnh. Muốn được cường-thịnh thì không gì bằng vun đắp cho kẻ dân nước được mạnh, được dũng; vun đắp cho kẻ mạnh được mạnh thêm, còn những kẻ yếu mặc cho tiêu-diệt đi, tức là theo cái luật đào-thải để phù-hợp với cái luật tiến-hóa.

Ảnh-hưởng của Khổng-giáo đến đế-quốc chính-sách sâu xa như thế nào bất tất phải nói thì ai cũng rõ. Khổng-giáo cho *Trời* hay *Đế* là một cái lý vô-hình, linh-diệu khi đã định sự biến-động thế nào là tất phải thế, dẫu làm sao cũng không cưỡng lại được. Khổng-tử tin có thiên-mạnh, đế-mạnh, cho nên mới giảng-thuyết cái lẽ *tri-mạnh* 知命 (*Bất tri mạnh vô dĩ vi quân-tử giã* 不知命無以爲君子也) Đã tri mạnh, tất phải phục-mạnh, vậy từ cái *tri-mạnh* đi đến cái chính-sách đế-quốc, con đường chẳng xa, nên trải mấy mươi nghìn năm nước Trung-hoa vẫn giữ chính-sách đế-quốc. Nước Nhật-bản ngày nay sở dĩ vun đắp cho nền đế-quốc, là theo thuyết đào-thải của Đạt-nhĩ-văn. Chỉ khác là ngày nay Nhật-bản mới theo, mà Trung-hoa đã theo từ mấy nghìn năm về trước; Nhật theo ông Đạt thì Trung theo cụ Khổng.

Ảnh-hưởng của sự đào-thải là đế-quốc chính-sách phát khởi ra. Theo Đạt-nhĩ-văn thì cũng có đế-quốc chính-sách. Theo Khổng-Phu-Tử thì cũng có đế-quốc chính-sách. Ảnh-hưởng hai bên đều giống nhau. Cái chỗ tương-đồng là chỗ đó.

Chép đến đây, tôi xin phép dừng bút để đánh một cái dấu hỏi: Đức thánh Khổng sinh năm 551 trước Tây-lịch kỷ-nguyên, Đạt-nhĩ-văn sinh năm 1809 sau Thiên-chúa giáng sinh; Đức thánh ở Trung-Hoa, Đạt-nhĩ-văn ở Anh-cát-lợi — đất sinh, ngày đẻ xa nhau đằng đẵng, mà sao ý-kiến lại có chỗ tương-đồng như thế?

Hay là Đạt-nhĩ-văn có biết cái lẽ đế-mạnh của Nho-giả, rồi phát-khởi ra thuyết của mình? Không có lẽ. Tuy trong cuốn *Bích-khắc-nhĩ-hàng-hải* (Voyage du Beagle)' Đạt có nói mình có qua châu Nam-Mỹ, qua châu Úc và khắp cả địa-cầu trong 5 năm, song ta không thể viện một lẽ đó mà cho thuyết của Đạt là chép ở cuốn Trung-dung đạo Nho.

∴

Đông, Tây có phen gặp nhau. Gặp nhau là do những lẽ nói trên kia; song văn-hóa Đông-phương cũng có chỗ tương-phản với văn-hóa Tây-phương.

Văn-hóa của Nho-giáo theo thiên-lý mà lưu-hành, chất phác dản dị, rất thích-hợp với tính tình những dân-tộc chuyên về canh nông như nước ta. Văn-hóa của Tây-phương theo nhân-dục mà hành-động, mạnh mẽ và hoạt-động, thích hợp với tính tình những dân-tộc chuyên về công-nghệ, thương-mại. Cho nên, Tuy Khổng-phu-tử và Đạt-nhĩ-văn cùng cho cuộc biến-hóa của vũ-trụ có quan-hệ đến vận-mạnh của nhân-loại, song tư-tưởng và hành-động khác nhau xa.

Luật tự-nhiên đào-thải, nếu theo lẽ Thiên-mạnh của nho-giả, thì cứ nên để nguyên là một cái luật tự-nhiên, luân-lý phương Đông không dung cho người mạnh được áp kẻ yếu. Trời là hoàn-toàn, nên công cuộc của Trời vẫn hoàn-toàn. Nhờ cái tinh-thần ấy, người ta mới biết rõ cái gốc của người là do ở Trời,

mà người ta bao giờ cũng có cái tư-cách đặc-biệt (aptitude innée) để tự-cường tự-kiện. Đối với tôn-giáo, sự đào-thải do Nho-giáo phát-siển không có hại, vì Nho-giáo không khuyên người ta nên có nhân-sự đào-thải, tức là người mạnh nên tiêu-diệt kẻ yếu để mưu cuộc sinh-tồn, để mưu sự tiến-hóa.

Về phần Đạt-nhĩ-văn, cái luật tự nhiên đào-thải lại đi kèm với cái luật nhân-sự đào-thải, nên có người cho học-thuyết của Đạt là một cái mầm cạnh-tranh của nhân-loại, có người lo: học-thuyết của Đạt sẽ là một mồi lửa giết tróc của nhân-loại. Cho nên, trong những phái công-kích Đạt-nhĩ-văn, ta nhận thấy nhiều người trong Tôn-giáo.

Nói tóm lại, quan-niệm của Khổng-phu-tử về luận-lý khác quan-niệm về luận-lý của Đạt-nhĩ-văn. Đạt-nhĩ-văn mong có một xã-hội mạnh-mẽ phú-cường, song muốn được mạnh mẽ phú-cường thì phải làm tiêu-diệt những kẻ ươn hèn ốm yếu. Khổng-Phu-Tử không mong như thế, vì — như trên kia đã nói — người ta ai cũng có cái tư cách đặc biệt để tự-cường tự-kiện, dù người yếu hèn đến đâu cũng có cái tư-cách đặc-điểm đó để tự-cường. Nếu người yếu hèn cũng có cái đặc-điểm như thế, thì cần chi người mạnh giỏi lại làm tiêu diệt bọn yếu hèn đi. Trong *kinh thi* có câu: *Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc* 天生蒸民有物有則 (trời sinh ra dân, có hình có phép) Thiên đạo và nhân sự có quan-hệ với nhau, người do Trời sinh ra đã có hình có phép thì nên theo lẽ tự nhiên mà hành động thì hơn.

Xem như đó đủ biết, luận lý của Đạt-nhĩ-văn thực hành một cách bạo-động, mà luận-lý của Khổng-phu-tử phát-biểu một cách ôn-hòa, chỗ tương phản là ở đó.

Về phần thực-nghiệm, Nho-giáo vốn chú-trọng về đường thực-tế, Nho-giáo vốn có cái học thực-nghiệm. Cuốn «Chủng-nguyên-luận» của Đạt-nhĩ-văn cũng chú-trọng về đường thực-tế, cuốn «Chủng-nguyên-luận» lại vốn có các giá-trị đã từng khảo-sát thực-nghiệm. Song cái học thực-nghiệm của Nho-giáo lấy thiên-lý làm căn-bản, chú-trọng ở cái khiếu tự-nhiên Trời phú cho, cái đặc-điểm ấy là *lương-tri* 良知 tức là trực-giác ngày nay. Triết-lý của Nho-giả vẫn là một cái triết-lý thực-nghiệm. Còn học-thuyết của Đạt-nhĩ-văn chủ về khoa-học, tuy lấy trực-giác để tìm chân-lý, song không có cái tinh thần của Nho-giáo, là lấy thiên-lý làm căn-bản. Khổng-giáo còn thích-hợp với tôn-giáo, chứ như học-thuyết của Đạt vẫn là cừu-địch của tôn-giáo. Học-thuyết của Đạt không thuộc về triết-lý như Nho-giáo, mà lại thuộc về khoa-học. Đó cũng là một chỗ tương-phản.

Nếu đem mấy lẽ tương-phản đó ra mà nói tóm lại, thì ta có thể cho cái luật đào-thải của Nho-giáo là một cái luật *thiên-nhiên đào-thải*, còn cái luật đào-thải của Đạt-nhĩ-văn là một cái luật *tự-nhiên đào-thải*. Thiên-nhiên đào-thải theo về thiên-lý mà tự nhiên đào-thải theo về khoa-học; Khổng-Phu-Tử vẫn là một nhà-triết-học mà Đạt-nhĩ-văn vẫn là một nhà khoa-học, không sao lẫn lộn được, tương-đồng được.

Học-thuật của Đông-phương chẳng khác nào mấy bức tranh thủy-mạc, lơ thơ vài nét đậm đà; mà học-thuật của Tây-phương là mấy bức tranh khỏa thân (dessins académiques) đậm nét và rõ rệt. Người Tầu theo trực-giác và tư-tưởng rồi tóm tắt các ý-tưởng vào mấy câu tổng-yếu rất vắn-tắt để làm cốt, độc-giả phải lấy ý mà hiểu ra ngoài văn-từ mới rõ được hết các lẽ. Hèn-chi các học-giả Đông-phương khuyên người ta « có đọc sách thì nên đọc chỗ không có chữ» là phải lắm. Theo Tây-học thì không thế, có khi có một ý-tưởng mà làm thành hai ba quyển sách dầy, sự-lý nọ dắt-díu sự-lý kia, liên-miên dắt-díu nhau. Cũng như luật đào-thải nói ở đây: Khổng-Phu-Tử tóm tắt cái luật đó trong một câu: (Thiên-chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi), Đạt-nhĩ văn làm thành một cuốn (chủng-nguyên-luận).

Tuy thế nào mặc dầu, Đông Tây thường gặp gỡ nhau trên một con đường, duy vì phong thổ khác nhau, tập quán khác nhau mà sự thực-tiễn có khác nhau. Cứ xem như luật đào-thải bàn ở đây thì đủ rõ rằng tư-tưởng Đông, Tây lắm khi cùng rung-động theo một dịp chuông. Các nhà Tân-học không nên cho văn-học Đông-phương là cổ, là dở, vì trong sự học-vấn của ta có lắm cái ta cho là mới mà đối với Nho-giả vẫn là cũ rồi.

Vũ-Lang

(1) Đạt-nhĩ-văn (Darwin): một nhà bác học người Anh sinh cùng một năm (1809) với Lâm-khẳng (Lincoln) tổng thống nước Mỹ và Cách-lan Tư-đốn (Cromwel) tể-tướng nước Anh. Tác-giả cuốn Bích-khắc Nhi hàng-hải (voyage du Beagle), Chủng-nguyên-luận (De l'origine des espèces) Nhân-tổ-luận (Descendance de l'homme)... Mất năm 1882.

(2) Lạp-mạch (Lamard): bác-học người Pháp sinh ở thành Bazentin (1744). Ông đặt hai thuyết tự nhiên sinh-sản (Génération spontanée) và cái luật hoán-cải (le transformisme). Ông mất năm 1829.

Liều-lĩnh

Mới đây một tờ báo Anh có đăng bản thống-kế những việc kỳ-dị xảy ra trên xe lửa nước Anh; trong đó ta thấy đã lắm người dùng liều « còi báo nạn » để bắt xe lửa đỗ lại một cách rất vô-lý. Năm ngoái số đơn kiện của sở xe lửa về những việc vô-lý ấy đã lên tới vài trăm. Xin tạm lấy mấy cái thí dụ có thể làm tiêu-biểu:

Một bà lão nhà quê hãm lại vì bà thấy xe chạy quá nhanh một ông khách có tính bẳn hãm xe lại vì một người trong xe có mang theo máy vô-tuyến-điện, mà ông không ưa tiếng máy ấy. Lại một chàng liều-lĩnh hơn nữa, dám rật còi bắt dừng xe lại vì chàng đánh cuộc với bạn rằng chuyến xe tốc-hành chàng đi sẽ tới « ga » chậm hơn giờ thường.

Nhưng đến thế cũng chưa thấm! «Mề-đay liều-lĩnh đại-đột» phải để dành cho một chàng quý-phái nọ, chàng đã hãm chuyến xe tốc-hành Bristol-Londres ở gần hạt Bath để hỏi thày «xếp-tanh» xem vì lẽ gì trong toa hàng-cơm họ không cho chàng ăn thịt cừu quay chấm nước «sốt bạc-hà».

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

8

Bây giờ tôi viết lại truyện ấy, hãy còn thấy mạch máu đập mạnh lên; mà có nhẽ dẫu tôi còn sống được mười vạn năm nữa cũng vậy, nhớ đến việc ấy là tôi phải tức. — Vì việc ấy, tôi lần đầu hiểu thế nào là tàn-bạo, thế nào là không theo công-lý, cái tức giận lúc còn nhỏ, mỗi khi nghĩ lại điều gì có dính-dáng đến truyện đó, là lại như sôi-nổi trong lòng. Cái giận ấy lúc nó mới sinh ra chẳng qua là tư-hiềm thật, nhưng rồi về sau tự nó có sức-mạnh riêng, có cái tính cách khác hẳn với nỗi tư-hiềm, bất cứ việc gì bất-bằng xảy ra ở chỗ nào, mắt tôi trông thấy hay là tai tôi nghe nói truyện đến, thì ruột bừng bừng như lửa nóng, chẳng khác nào chính tôi bị chịu cái bất bằng kia — khi tôi đọc sách thấy truyện những việc tàn-nhẫn của một đứa hôn-quân nào, hay những mưu-mô quắt-quéo bẩn thỉu của tụi tu-hành hỗ-mang nào, thật ví có thể được, thì tôi sẵn lòng đứng dậy ra đi ngay, tìm cho đến chúng nó mà đâm-chết những đồ khốn-nạn ấy đi, dầu cho tôi bị thịt nát xương tan mặc dầu. Cả đến trông thấy trong loài điểu-thú hoặc có một con gà, hoặc một con bò, hoặc một con chó, cày sức khỏe hơn con khác mà cắn đá một con vật yếu hơn chúng nó, là cũng để cho tôi nổi giận, tôi sông đến mà đánh, có khi tôi đuổi theo nó một quãng dài đến nỗi toát mồ-hôi!.... Cái tính bênh kẻ yếu, ghét đứa bắt-nạt đó, có nhẽ là thiên-tính của tôi thật; nhưng cái nỗi uất vì lúc nhỏ tôi bị người nhớn đánh-đòn oan theo như truyện tôi đã kể trên kia, có nhẽ cũng là một nguyên-nhân làm cho tính ấy thêm mạnh. Mang cái bệnh thích bị đòn (1) nhưng bị đòn oan thì thành ra biết thờ công-lý, thế cho nên bảo một gốc mà hai cành khác nhau.

(1) Đọc lại kỳ An-nam tạp chí số 31.

Đến đó là đã hết cái cảnh tượng thái-bình trong buổi thơ-ngây của tôi. Bắt đầu từ khi chịu cái phạt oan ấy, hạnh-phúc mà tôi hưởng ở *Bồi-tây* thôi không còn cái tính-cách hoàn-toàn như xưa nữa. Ngay bây giờ tôi nghĩ lại cũng công-nhận rằng thật từ đó đã hết thời-kỳ ngây-thơ. Tôi và em họ tôi còn lưu lạc *Bồi-tây* vài tháng. Cứ kể cái cảnh-tượng thì vẫn còn như trước, bốn bề hoa cỏ, khác nào ông *A-dong* mà kinh Thánh bên đạo chúng tôi kể lại là người thủy-tổ loài người, chúa sinh ra rồi cho ở trong vườn Thượng-uyển. Nhưng hoa cỏ kia đối với chúng tôi thì đã kém tươi: bề ngoài cảnh vẫn như xưa, mà tình trong cảnh hững-hờ phai phai.... Học trò đối với thày học và bảo-mẫu, thời đã hết cái sự thương mến, (2) kính trọng, thân-mật tin yêu thuở nọ. Chúng tôi không coi thày học và bảo mẫu chúng tôi như những vị thần-minh sư-sáng thấu hết sự lòng của chúng tôi. Chúng tôi có làm càn mà xấu hổ cũng không thấy xấu hổ nhiều như xưa; hoặc dẫu không làm càn cũng không được thản nhiên như xưa, vì chỉ sợ bị tội oan, tai vạ vu vơ. — Thế là bắt đầu biết dấu-diếm hết bướng bỉnh, biết chém-đối. Thôi bao nhiêu những nết xấu của tuổi thơ ấu từ đó làm mất cái tính thật-thà, làm xấu cả đến những cuộc chơi vui. Cả đến cánh đồng kia đối với con mắt chúng tôi cũng mất cái vẻ khả-ái là cái đẹp êm-đềm mà giản-dị nó thấu đến cõi lòng. Từ đây, trông cảnh hiu-quạnh tiêu-điều thay! Chẳng khác nào mới có một cái màn phủ kín mất cả các cái đẹp cái tươi trong cảnh ấy.

(còn nữa)

Nguyễn-Tiến-Lãng *dịch*

(2) Xin phê rằng: chóng «hết» quá thế sao? Dịch-giả

PHẬT-GIÁO VÀ KHOA-HỌC

Phật-giáo đã phát-minh ra nhiều điều quan trọng cho vật-lý-học. Những ý tưởng phát minh đó không có kết quả là vì kém thí-nghiệm, và vì xưa nay các tín-đồ khắp các bậc trên thang tri-thức, chỉ trú ý tới nghĩa hư-vô mà không buồn nghĩ tới nghĩa thiết-thực của đạo phật. Biết đâu các nhà phát-minh các luật về vật-lý chẳng chuẩn cứ ở phật giáo! (!)

Xin kê ra sau đây mấy điều phát minh đó:

1°) Sắc sắc không không (色色空空) Hợp các sắc của vạn vật lại thành không có sắc gì. Các sắc của vạn vật tức là bẩy sắc bản nguyên. Sự thí-nghiệm đó ta đã được đọc ở sách vật-lý học Thái-tây: Lấy cái bảng tròn, vẽ bẩy rọc các sắc của cầu vồng rồi quay tít đi, tức ta trông thấy không có sắc gì hết. Sắc sắc không không. Tức là hợp bẩy sắc lại thành không khí.

2°) Nhất vi vô lượng vô lượng vi nhất (一爲無量無量爲一) Tức trỏ hai cái vô biên, vô cùng của vạn vật (les deux infinis de la nature) Vả vật-lý học cũng có câu: «Un est tout, tout est un» tức là dịch nghĩa câu: «Nhất vi vô lượng, vô lượng vi nhất vậy.» (Một là gồm hết cả, hết cả là một)

3°) Cái ý 變化重重 (Biến hóa trùng trùng) chả làm chuẩn-đích cho sự nghiên-cứu của Darwin là gì? Các vật biến đổi luôn luôn. La transformation continuelle des êtres et des choses.

Câu vô vật bất di, vô thời bất biến (無物不移無時不變) cũng một nghĩa ấy.

Chịu khó tìm, sẽ thấy có nhiều điều lạ chứng-nghiệm rằng Phật-giáo là một triết-học, một khoa học uyên-thâm.

Trần-khánh-Giư

PHÁP-LUẬT DẪN-GIẢI

Tội ra ngoại-quốc không có giấy thông-hành

Người nào tự tiện vượt qua biên-thùy, sang cư-lưu ngoại-quốc thì bị phạt giam từ 6 ngày đến 10 tháng và phạt bạc từ 7$ đến 100$. Cũng có khi hai thứ chỉ phải chịu một.

Hội kín, và lập hội quá số 20 người

Thế nào là Hội kín. — Hội kín là bí-mật cùng nhau tụ-tập làm thành đoàn-thể, mà giấu không cho quan hành-chính hoặc quan tư-pháp biết những sự họp tập và mục-đích của hội.

Hình phạt người có chân trong hội kín. — Người nào vì xét ra quả là có chân trong hội kín thì phải phạt giam từ 6 tháng đến hai năm, và phạt bạc từ 40$ đến 200$.

Người hội-trưởng hay người lập hội thì có khi phải phạt gấp hai.

Những hội có mục-đích về tôn-giáo, văn-học và chính-trị. — Hễ số người dự hội quá 20, thì phải có phép Chánh-phủ chuẩn cho, và phải theo chương-trình Chánh-phủ đã định.

Nếu không được phép mà tập họp, hay là sau khi được phép lại trái chương-trình nhà nước, thì sẽ do tòa-án giải-tán.

Người hội-trưởng, tổng-lý hay là quản-lý đều phải phạt giam từ 6 ngày đến 1 năm, và phạt bạc từ 5$ đến 100$. Cũng có khi bị 10 năm quản-thúc.

Những người dự hội phải phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng và phạt bạc từ 2$ đến 80$. Cũng có khi 2 thứ chỉ phải một.

Cho hội mượn nhà không xin phép.

Người nào tự tiện cho người ta mượn một phần hay tất cả nhà của mình, để làm chỗ tập hội, dẫu hội ấy đã có phép quan, thì cũng phải phạt bạc từ 7 đến 80$ và phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng.

Các thứ tội phạm đến thân thể người

I. — Cố-sát và chậm-sát

Cố-sát nghĩa là cố ý giết người.

Chậm-sát nghĩa là phạm đến tính mệnh của người bằng thứ chất-độc gì có thể làm chết được người.

Người bán thuốc độc, nếu biết rõ việc, mà cố ý bán, thì bị kể là tòng-phạm.

Hình-phạt. — Phạm về tội cố-sát phải bị khổ-sai chung thân. Cố sát mà lại thêm một trường-hợp sau này thì bị tử-hình:

1°) Trước khi, hoặc trong khi, hoặc sau khi giết người, có phạm một thứ trọng tội gì khác nữa.

2°) Dự mưu mà giết hay ẩn nấp mà giết.

3°) Giết người để dễ làm, hoặc thực-hành một thứ khinh tội gì khác.

II. — Trụy-thai

Người nào đã làm cho một người đàn-bà có mang trụy-thai, thì không cứ người đàn-bà ấy có thuận tình hay không, cũng bị khổ-sai có kỳ hạn.

Người đàn bà hoặc dùng phương pháp của người khác bảo, hoặc dụng phương pháp của mình để phá-thai mà thành ra trụy-thai, thì cũng phải chịu hình-phạt như trên. Nếu thai chưa trụy, thì chỉ phải chịu tội đồ (giam và phải làm việc ở trong ngục).

Những tội thuộc về gian-dâm

Đàn bà đã có chồng mà xét quả phạm tội thông-gian thì phải phạt giam từ 3 tháng đến 2 năm và phạt bạc từ 40 đồng đến 400 đồng.

Chỉ người chồng mới được phép phát đơn kiện vợ là đã phạm-gian mà thôi.

Người mối-lái về việc gian-dâm. — Người làm mối lái đi lại, khiến cho đàn bà có chồng dễ phạm-gian, hay giúp đàn-bà con gái rễ làm những sự dâm đãng, phải phạt giam từ 6 tháng đến 2 năm, và phạt bạc từ 40$ đến 400$.

Tội hiếp dâm(1).—Người nào phạm tội hiếp dâm phải khổ-sai có kỳ hạn — Nếu hiếp dâm nhưng chưa thành thì phải bị tội đồ.

Thông dâm (2) *với con gái chưa đầy 15 tuổi.* — Người nào thông dâm với con gái chưa đầy 15 tuổi thì phải tội đồ. Nếu chưa thành thì chỉ bị phạt giam từ 3 tháng đến 4 năm.

Chồng dong túng cho vợ thông gian. — Người chồng nào xét quả là dong túng cho vợ ca hoặc vợ lẽ thông gian với người khác thì phải phạt giam từ 6 tháng đến 3 năm.

Tội loạn dâm. — Cha loạn dâm với con gái, con dâu ; anh em loạn dâm với chị, em, thì phải tội đồ (art. 202).

Thông dâm với vợ cả hay vợ lẽ của cha, ông, anh, em, chú, bác thì phải bị khổ-sai chung thân.

Dâm thông với đàn bà góa đương có tang chồng, hoặc với người con gái chưa đủ 18 tuổi.—Thì phải phạt giam từ 3 tháng đến 3 năm.

Người đàn bà góa đương có tang chồng mà xét quả phạm tội dâm thông thì cũng bị tội đồng như trên, dẫu không biết gian phu là ai cũng thế.

Trần-đình-Trúc
Luật khoa Cử-nhân

(1) Hiếp-dâm là khi nào người đàn bà không thuận, nhưng người đàn ông dùng sức-lực hoặc oai-thế cưỡng-bách, hay mưu-kế gì lừa dối, để thành sự gian-dâm.

(2) Thông-dâm là khi nào người đàn bà thuận nghe, mà không phải dùng đến những cách dọa-nạt hoặc lừa dối chi cả.

MỘT CUỘC PHỎNG VẤN

Đức là cái mầm họa của thế-giới. Chính-phủ Đức bấy lâu cố duy-trì hòa-bình, đã mất hết tín-nhiệm của quốc-dân. Hitler, anh chàng khát máu, lãnh-tụ đảng «Ra-xít», được đa số công-chúng hoan-nghênh. Theo dư-luận nước Đức, Hitler muốn nắm lấy quyền-chính lúc nào cũng được.

Cuộc hòa-bình chỉ còn treo ở đầu một sợi tơ mỏng-mảnh, thời-cục nước Đức hiện nay làm cho dư-luận thế-giới rất sôn-sao.

Một câu hỏi :

Trước thời-cục Đức như rứa, nước Pháp có thể ngồi yên-ổn được không?

Câu trả lời, ông Georges Roux phải sang tìm mãi chỗ căn-bản của đảng Hitler ở thành Munich.

Một người Pháp muốn được gặp một tay lãnh-tụ đảng «Ra-xít», thật là một điều cực khó-khăn. Vì có nhiều bạn thân người Đức, ông Georges Roux cố đạt tới mục-đích. Sau hai ngày nằn-nì. Họ bằng lòng tiếp ông hoặc ở buồng «Brunes Haus» của ông Hitler, hoặc ở báo-quán «Volkischer Beobachter» cơ-quan của đảng «Ra-xít». Ông đến.

Trên cửa chính, phấp-phới một lá cờ rất lớn, mầu đỏ sẫm, chính giữa một vòng trắng có dấu hiệu đảng Hitler (giống như bàn cờ cối xay của ta). Vào cửa, qua một cái sân rộng, đến phòng tòa-soạn, một căn phòng dài, trên tường la-liệt giấy cổ-động. Trên bàn, từng trồng vé bảo-cử đỏ sẫm như máu hồng.

Một người hỏi. Một người nữa hỏi. Rồi đây: «ông Phó chủ nhiệm chúng tôi», một chàng đeo kính, trông có vẻ thông minh và nghiêm-trang, mới độ 26, 28 tuổi. (Đảng-viên đều kén ở phái thiếu-niên dưới tam tuần) Bên cạnh một chàng thiếu-niên nữa độ 20 tuổi, vẻ nghiêm-khắc, mắt sáng quắc, dọng nói có ý thâm-trầm rất lạ.

Câu chuyện thật vắn-tắt, khô-khan, không còn vẻ gì là đằm-thắm, không có một lời nhập-đề.

— Ngài muốn...?

— Biết ý-đinh của các ngài.

— Chúng tôi định làm cách-mệnh, cuộc cách-mệnh ở riêng nước Đức. Phong-trào ấy là phong-trào chủng-loại (raciste), chú-trọng về quyền-lợi của giống người Nhật-nhĩ-man. Chúng tôi phản-đối bọn da-đen và người Do-thái.

Nhưng việc ấy không can-hệ chi đến nước Pháp, ông Georges Roux ngỏ ý muốn biết những chỗ cốt-yếu của phong-trào Quốc-gia xã-hội ra sao. Người Đức đáp: đảng Q.G.X.H. là thù-địch của cả phái tư-bản lẫn phái cộng-sản, và, nhân thể họ cho ông xem một bản chương-trình rất phiền-phức, đại-khái những chỗ cốt-yếu cũng giống như xu-hướng của phái thiếu-niên bên Pháp hiện-thời.

— Thế nước Pháp? ông G. Roux vội muốn biết kết-quả.

— Mặc chúng tôi! nước Pháp không dính-dáng gì đến hết!

Câu trả lời vừa sỗ-sàng, vừa minh-bạch. Chàng trẻ tuổi nhất đấm mạnh xuống bàn một cái rồi reo lên, bàn tay hất ra như chém giấy:

— «Ein Mauer», một bức tường!

— Tuy vậy, hai nước còn có nhiều vấn-đề phải điều-đình với nhau. Vậy những định-kiến của các ngài thế nào?

— Chúng tôi không phải là người có thể tuyên-bố cùng ngài các định kiến về vấn-đề ấy.

— Vâng, nhưng các ngài đây cũng có ý-kiến chứ?

— Đó chỉ là ý-kiến riêng.

— Vâng, cũng được, ngài cho biết.

— Trước hết, bình-đẳng trong việc binh-bị và việc tài-binh! Nước Đức không chịu là một nước đàn em, một nước lép vế!... Rồi kết-liễu câu chuyện bồi-thường! Cuộc chiến-tranh qua đã 14 năm rồi, dân-tộc tôi không thể mang mãi món nợ «Liễu-Thăng» ấy được!... Rồi lập-tức khôi-phục lại đất Sarre!.. Rồi xét lại các hòa-ước và phế-bỏ bản mật-ước ký với Ba-lan!... Rồi khôi-phục lại các thuộc-địa Đức!

— Thế là hết?

— «Momentan alles». Hiện thời, thế cũng tạm hết.

— Hiện thời như vậy, nhưng rồi nữa thế nào?

— «Rồi nữa» không cần bàn đến.

— Có chứ, phải cần bàn đến «rồi nữa» lắm chứ, vì chúng ta có nhường nhịn nhau là chỉ cốt giữ cuộc hòa-bình cho được lâu dài. Chúng tôi cần phải biết các ngài còn muốn những gì nữa.

Người Đức ngần-ngừ một chút:

— Rồi đây, phải trả chúng tôi hết các đất của Nhật-nhĩ-man.

— Đất ấy là đất nào?

— Tôi không biết.

— Vấn-đề ấy rất quan-hệ, chắc ngài đã rõ. Chính chỗ ấy là chỗ cốt-yếu.

— Nhưng chúng tôi không phải là người có phận-sự để trả lời ngài.

— Tôi biết vậy, nhưng chỉ xin ngài nói rõ cho các đất Nhật-nhĩ-man ngài nói đó là đất nào... Alsace chắc?

— Alsace-Lorraine, hẳn thế chứ! «Elsas-Lothringer gewiss».

— Nhưng đất ấy tuyệt-nhiên không phải của Đức, mà tuyệt-nhiên họ cũng không muốn sát-nhập vào Đức!

— Đất ấy chính của Đức mà tất sẽ phải trở lại thành lĩnh-thổ Đức như hết thảy các mảnh đất Nhật-nhĩ-man!

Một phút yên lặng, ông G. Roux chợt nhớ nhời một ông cố-đạo Đức diễn thuyết trong trường Đại học Munich nói đất Flandre cũng thuộc về Đức

— Thế còn đất Flandre?

— Đất Flandre, chúng tôi không biết. Chúng tôi không thể nói được.

— Còn đất Sud-Tyrol? Ông G. Roux tủm-tỉm cười, nghĩ đến tình thân-ái của Hitler với Mussolini, đầu đảng «Fát-xít».

— Hiện nay, một mảnh đất con những núi là núi như xứ Sud-Tyrol chúng tôi chưa nghĩ tới. Chúng tôi cần có đất mầu kia.

— Đất mầu?

— Vâng, dân-tộc chúng tôi có quyền lấy đất mầu vì hiện đương thiếu. Tất cả các dân-tộc đều có quyền giữ lấy một phần đất mầu để đủ sinh-hoạt.

Nghe đến đây, ông G. Roux chợt lo ngại cho tổ-quốc, bèn nói đả động đến vấn-đề quyền-lợi cố-hữu (droits acquis), nhưng người Đức nói rằng: Người miền bắc phải là đàn anh các dân-tộc khác, vì nguồn gốc văn-minh là ở đấy mà ra.

Đinh Huy-Hạo

TIN LÀNG VĂN

Phần thưởng tiểu-thuyết của tạp-chí Indochine

Mới rồi, tạp-chí «Indochine» ở Saïgon mở một cuộc thi đoản-thiên tiểu-thuyết. Ông Nguyễn-tiến-Lãng, người bạn thân của bản-chí hiện đương làm tham-tá tòa sứ Yên-Báy có gửi bài đến dự, đầu đề là «Eurydice».

Cái tài viết văn Pháp của ông Lãng anh em tân-học, nhất là các bạn học sinh, hẳn không còn ai lạ. Ông gửi bài dự thi, anh em mong phần thưởng nhất sẽ về tay ông.

Thì quả nhiên trong tờ tạp-chí «Indochine» số 31 mới ra, đã thấy in phần thưởng nhất kèm với tên ông Nguyễn-tiến-Lãng!

Bản-chí xin có lời mừng ông.

Trinh-thám nước Đức

Vì thuật giả câu chuyện « *Trinh Thám nước Đức* » còn mắc bận nên mục đó còn phải hoãn một kỳ này, xin các độc-giả lượng thứ.

Trung Nhật xung-đột

Ngày 3 Mars, Trung Nhật ký hòa-ước trong chiến-thuyền Kent. Hồi 14 giờ, hai bên ra lệnh đình-chiến.

Nhưng trước khi đình-chiến. . .

Viên tư-lệnh thứ tư của Nhật là Bạch-Xuyên mang hai sư-đoàn đến Thượng-Hải ngày 29 Février, lập tức ra lệnh tổng-công-kích. Cũng buổi chiều hôm ấy, 1200 quân Nhật do tướng Thực-Điền thống xuất đến đánh Nghiêm-gia-trạch ở khoảng Giang-Loan và Miếu-hành. Lại một đạo quân do tư-lệnh Thượng-Tùng chỉ-huy chia ba mặt chực xông vào trận địa. Trên máy bay ném bom xuống, dưới thì trái-phá bắn ra. Nhưng quân Tàu chống giữ hăng quá, họ hết sức đánh phá phòng-tuyến Nhật. Cả hai bên thiệt hại rất nhiều.

Cũng hôm ấy, hồi 10 giờ, Nhật đánh ga Thiên-thông-am, dùng xe thiết giáp làm tiền-khu và trái phá, máy bay trợ-chiến. Quân Tàu thế kém, phải rút ngắn phòng-tuyến; 1 giờ rưỡi, đại-đội quân Tàu kéo đến, lại hạ lệnh phản-công, lấy lại được cầu Bát-tự, quân Nhật chết và bị thương hàng ngàn. Xuốt ngày đêm súng nổ rậy giời, ba lần quân Nhật tiến, ba lần Tàu phản-công, lấy lại cầu Bát-tự, đến 5 giờ sáng ngày mồng một quân Tàu mới thôi bắn. 7 giờ sáng, Nhật đổi kế-hoạch, đưa hơn trăm cỗ súng trái phá lớn tiến về Giang-Loan, đánh trận-địa quân Tàu ở Thủy-xa-đầu, Trúc-viên-đồn và 8 chiếc máy bay trợ chiến. Từ 8 giờ, đánh nhau càng hăng, tiếng trái-phá liên thanh, quân Tàu vì không thấy bộ-binh xuất hiện phải im giữ trận-tuyến. 9 giờ hơn, quân Nhật tiến, quân Tàu trong chiến-hào nhảy sổ ra, dùng lựu đạn và súng tay xông đánh. Một cuộc huyết chiến dữ dội mãi đến 2 giờ chiều.

Lúc ấy ở Dương-gia-lâu, hai bên đánh nhau bằng đoản-khí rất dữ dội, đến trưa quân Nhật phải lùi. Tại trấn Miếu-hành, hơn nghìn quân Nhật dùng súng trái phá, súng cối say và máy bay đánh rát. Tàu dùng súng tay và lựu đạn chống thật rát. Quân Nhật vì có lệnh phải đánh kỳ được nên phải cố liều chết đánh suốt ngày đêm. Một trận ác-chiến, thây chất như non, trông rất thảm.

Sáng sớm hôm 2, Nhật dùng đạn khói mù bắn che mắt quân Tàu rồi kéo trọng binh ngầm sang cửa Đương-Lâm sông Lưu-hà. Quân Tàu đánh lại hồi lâu, vì không thấy viện binh, phải đổi chiến-lược rút lui về Chân-Như và Nam-Tường chống giữ.

Rồi sau khi đình-chiến.....

Tuy không đánh nhau dữ-dội lắm nhưng vẫn chưa yên.

Trưa ngày 4 mars có viện-binh, quân Tàu đánh lấy lại được Chân-như và Lưu-hành. Cũng hôm ấy, sư đoàn Thượng-quan Vân-tướng đã lấy lại được Lưu-hà, bắn trái-phá vào hai chiếc tầu binh Nhật, một chiếc chìm, một chiếc hỏng. Quân Nhật chống không nổi phải lùi.

Chiều ngày 4, mấy chiếc máy bay Nhật ném bom vào thành Bảo-sơn, mấy trăm dân chạy không kịp bị chết sạch. Sau khi mở ngục tha cho tù-phạm ra hết, quân Tàu lập tức rút lui, Nhật kéo ùa vào bị phục-lôi nổ tung lên, một tiếng vang giời, quân chết vô kể.

Lại lúc Nhật đánh Ngô-tùng, Lý vinh-Hy định lừa cho quân địch vào sâu để đánh giết. Chẳng ngờ quân Nhật đông quá, Lý phải hết sức phản-công chẳng may bị bắn vào đầu ngã xuống chết; quân lính vội vàng thu lấy thây rút lui.

Chiều hôm 5 Mars, hơn nghìn quân Nhật tiến về Hoàng-độ bị quân Tàu trong chiến-hào nhảy sổ ra đón đánh rất dữ-dội, nửa giờ sau Tàu hạ-lệnh xung-phong, Nhật phải lui về Lưu-hà, thiệt mất 500 quân và 600 ngựa chiến.

Sác chết ở Hạp-bắc không ai trôn, làm khổ cả một vùng tô-giới công cộng.

Hai bên còn đánh nhau!

Tuy có tiếng là đình-chiến rồi nhưng Nhật vẫn không chịu rút lui

mà Tàu vẫn sẵn lòng tái-chiến.

Tổng-tư-lệnh Nhật nói: «Tôi tin rằng tình-hình sẽ khá hơn lên về nỗi Nhật cùng liệt-cường cộng-tác. Nhưng đương khi chờ đợi tình-thế ấy quân Nhật phải rất mẫn-cán lo việc hiện-tại đã »

«Rất mẫn-cán!» cái mẫn-cán ấy thế nào?

Từ trận ngày kỷ-nguyên, đã 800 năm nay, Nhật thua lần này là lần đầu,tất phải đem toàn-lực ra để giữ lấy thể-diện. Mãn-châu gửi xuống một vạn lính, nếu không đủ lại gửi thêm vạn nữa, các tay cầm-quyền còn muốn theo chính sách xâm-lược đến kỳ cùng.

Chính-sách ấy, ngay ở nước Nhật cũng có nhiều người phản đối: Phái phụ-nữ kêu làm tan nát bao gia-đình, bọn học-sinh trường Minh-trị Đại-học rắc truyền-đơn «Đả đảo quân phiệt!»

Số đàn bà góa ở Nhật sau ngày xong việc Mãn-châu lên tới 1 muôn 300 nghìn,nay đã thêm lên 9 nghìn nữa.

Một đội viện-binh Nhật ở Đông-kinh xuống Trường-kỳ chợt gặp con tầu chở tử-thi và người bị thương về ghé bến, họ đều biểu-tình phản-kháng,lần này là hai lần.

Còn bên Trung-Hoa?

Thái-độ Trung-Hoa vẫn găng lắm. Trương-tá-Bình, trưởng-ban ủy-ban ngoại-giao bất thường tuyên-bố rằng Tàu sẽ chẳng dự Hội-nghị Bàn-tròn nếu Nhật chẳng rút quân. Tưởng-giới-Thạch, hiện giữ chức Hội-trưởng Quân-vụ ủy-ban, nói: «Tàu rất muốn hòa-bình, nhưng nếu Nhật cứ gây sự thì Tàu rất sẵn lòng đánh nhau kỳ thắng bại. Sở-dĩ có tin quân Nhật rút là vì Uỷ-ban điều-tra tới nơi, chứ tôi không tin là sự thực. Sự thực: Nhật đang dự-bị phản-công ».

Dân khí Tàu hãy còn sôi-nổi dữ,các nơi tới-tấp điện về trách chính-phủ Trung-ương,ép chính-phủ phải đánh lấy lại các tỉnh đã mất, không nên vờ quyết đánh mà ngầm mưu hòa để lừa dối quốc-dân! Uỷ-ban ngoại-giao do Hà-ứng-Khâm chủ-tọa mới nhận được bản trương-trình quốc-phòng 20 năm. Hoa-Kiều ở Việt-nam họp được một đoàn nghĩa-dũng,ngày 1er Mars ở Quảng-Đông lên Thượng-Hải. Một cô con gái Quảng-Đông tên Hàn-trọng-Lương chặt đứt ngón tay quyết ra tùng binh, nhà cô sợ gan phải để cô ứng vào đoàn Mạc-nhĩ-Đường.

Hoa-Kiều Phi-luật-Tân gửi giúp nước 20 triệu đôn-la vàng, dân tỉnh Vân-Nam cũng gửi giúp được 20 triệu và đã tuyển thêm 400 học trò vào trường binh-bị. . . . . .

Trương-học-Lương mới đây từ chức trưởng-ban chánh-trị ủy-ban Bắc-bình . . . . . .

Uỷ-ban điều-tra của Hội-đồng Vạn-quốc đã đến Thượng-Hải. Chính-phủ Tàu có ý nhờ ủy-ban điều-tra cho cả việc ở Thượng-Hải vừa sảy ra.

Công việc của Liệt-cường đối với cuộc xung-đột vẫn tiến-hành, tình-hình may ra có thể khá hơn được...

. . . . . .

Lại đến tin Mã-chiếm-Sơn ở miền Bắc. Nước Tàu là một nước quá rộng, rộng đến nỗi một tin «đích-sác» mà còn có thể sai. Như tin Mã-chiếm-Sơn bị ám sát hôm xưa chẳng dè lại là tin đồn bậy. Mới đây, một tờ báo Tàu đăng rằng Mã đã phái đại-biểu đến Bắc-bình xin quốc-quân mau-mau tiến ra ngoài Sơn-Hải-quan, Mã xin thề chết chuộc tội . . . .

Ngày 9 Mars, phế-đế Phổ-Nghi làm lễ cung-chức chủ-tịch hành-chính chính-phủ Mãn-Mông. Ở Tế-tề-cáp-nhĩ và ở Cáp-nhĩ-tân có mở hội to lắm.

TRẢ LỜI CÂU HỎI Ở SỐ 31

Nếu tôi có phép tàng-hình

— Tôi sẽ tìm đủ chứng cớ để lột mặt nạ những anh chị đạo đức giả, vào phòng chị em chưa chồng, thổi cơm không chín quét nhà không nên, sẵn tiền của ông cha để lại, ăn trắng mặc trơn, luôn luôn tự-phụ khác thường tinh nhi nữ, khi mới 15, 16 đã nhí nhảnh ghê, đã nhẹ dạ tin người chưa biết chừng, thế mà mồm cứ be-be dục tình chẳng vướng, bàn tinh những vấn-đề luân-lý phong-hóa, những là ở đời phải thế này, thế nọ, đàn bà phải thế kia thế khác, trách đàn ông trăm chứng nghìn tật, tôi sẽ vào phòng chị em những khi đêm trường canh vắng, lạnh buốt đến xương, xem chị em có ngơ ngẩn về... tình, ôm gối mà thở than với bóng.

Cẩm-Hà (Vinh)

— Nếu tôi có phép tàng hình, tôi sẽ rón rén đến sau người ý-trung-nhân của tôi, để rỏ một giọt nước mắt xuống quyển sách nàng đương xem mà sẽ ngâm thơ rằng:

Bên kia nước biếc, bên này non xanh,
Non xanh nước biếc mối tâm-tình láng-lai.
Mây, đám mây ngũ sắc, này chị em ơi!
Ngảnh trông đôi chim nhạn tung trời nỏ bay cao.
Buồn làm sao, buồn làm sảo, làm sao!
Tương-tư ngày tháng như bào lòng ta.
Giời chưa già, đất cũng chưa già,
Cỗi tình thất-vọng có ta bạc đầu.
Giết nhau bằng cái u-sầu:
Đêm khuya, canh vắng, khúc «Phượng-cầu» ngẩn ngơ...

Kim-Trọng

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, tơét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH
Hiệu Bảo-Nguyên-Tường
N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Nam-định. — Nguyễn-thế-Long, người làng Thanh - giám, huyện Tiền-hải, năm 1931 dự vào cuộc biểu-tình ở tỉnh Thái bị khổ sai 20 năm và quản-thúc 10 năm. Khoảng cuối năm 1931, bị giam ở nhà pha Hải-phòng, Nguyễn-thế-Long vượt ngục, gây nên một việc nhộn-nhạo ghê gớm.

Tìm đường trốn sang Tàu, Nguyễn-thế-Long bị bắt ở cầu Cốc-lếu, giải về Hanoi, rồi đưa xuống Thái-bình. Hôm 9 Mars, Long lại bị giải sang tỉnh Nam, giam trong sở Mật-thám.

Thì ngay đêm hôm ấy Long lại biến mất !

Một cuộc truy nã rất kịch-liệt. Toán lính ba-tui chia nhau đi các mạn khám hỏi mọi người qua lại rất nghiêm.

Lúc ấy, con người bí-mật đã lẻn vào nằm yên trong nhà bà Lý-Nhạ ở làng Đệ-tứ huyện Mỹ-lộc. 8 giờ, tối, bà Lý vào điện thắp hương, lờ-mờ thấy người nằm dưới gầm ban, vội-vàng đóng sập cửa kêu « trộm ! » Dân làng đổ đến bắt giải huyện, té ra tên trộm là Nguyễn-thế-Long !

Saigon. — Trần - văn - Quang, trước làm giáo-học, vì có liên-can đến việc bội-kín bị cách chức. Từ đó Quang lại đi tuyên - truyền khắp các nơi, hăng - hái hơn lúc trước.

Chẳng bao lâu, Quang bị sở Mật-thám bắt được, rốt vào trong nhà 69 đường Lagrandière, sớm hôm 7 Mars, bị tòa Trừng-trị Saigon kết án 13 tháng tù.

Tàu Đồng-Sanh đắm

Mỹ-tho. — Tàu Đồng-sanh vẫn chạy đường Bắc-liêu Saigon, hôm 26 Février vừa qua, khởi-hành từ Saigon, mang đến 5 nghìn cân tôm khô và ngót trăm hành-khách. Tầu vừa quay mũi, nước đã mấp-mé mạn tầu, thủy-thủ phải đóng cửa chớp cho nước không chàn vào được.

Nửa đêm, ra khỏi con sông đào, đến chỗ cửa sông Cửu-long và An-hòa, hai làn nước gặp nhau cuốn ngược lên rất mạnh, sóng cả gió to, tầu con trở nặng, lúc ấy lại do một bác đà-công phụ cầm - lái, không rõ nơi có dòng nước ấy mà lái tầu. Vụt chốc con tầu bị bốc hẳn lên, rồi bị cuốn tròn trong chỗ xoáy, nước chàn réo vào tàu như thác, khách trong tầu hốt hoảng thức dạy, tiếng kêu cứu, tiếng cha gọi con, anh gọi em, vợ gọi chồng, kêu khóc như di, lẫn với tiếng sóng vỗ nước reo, gió thổi. Chỉ trong mấy phút đồng-hồ chiếc Đồng-sang đã chìm lỉm. Trên mặt sóng ào ào vỗ chỉ còn thấy hành-khách vẫy-vùng. Lính đồn An-hòa và tuần-dinh Gia-định được tin đến trước, sở sen-đầm Mỹ-thọ đến sau, trùng-trùng làn sóng bạc sông Cửu-long còn đưa dạt dào ít đồ dùng bằng gỗ.

Trên bờ song còn 15 người sống sót đứng khóc bên 42 cái tử-thi, người ta nói rằng còn chừng hơn 20 người nữa chưa tìm thấy xác. Ông chủ tầu là Nguyễn-văn-Quới ôm được cái ghế gỗ thoát chết đã bị bắt về đợi tội ở sở se-đầm Mỹ-tho.

Sắp có nguyệt thực

Ngày 22 Mars sẽ nguyệt-thực, Theo giờ bên Pháp nguyệt-thực bắt đầu từ 9 giờ 59 phút, hồi 12 giờ 32 là chính lúc nguyệt thực, đến hồi 15 giờ 6 phút thì hết.

Nguyệt-thực lần này ở Á-đông Úc-châu, Thái-bình-dương, Bắc-mỹ, và phía cực tây nam Mỹ châu đều thấy rõ.

ĐỨC

Bảo-cử Tổng-thống

Ông Brüning cực-lực công-kích cách hành-động của đảng Quốc-gia Xã-hội, hô-hào dân Đức nên hợp lực nhau để phần thắng về ông Hindenburg, người đứng tiên biểu cho sự thống nhất nước Đức, cho sự dĩ vãng rực rỡ, cho sự phục-hưng nước Đức nay mai.

Theo tin ngày 13, có 143 người bị bắt. Tại quận Rhur, đảng Quốc-gia Xã-hội sô-sát với đảng Cộng-sản, bắn chết 3 người trong đảng này.

Tuy vậy, cuộc bầu phiếu rất yên-ổn. Theo bản thống-kê tam (nghĩa là chưa được đích thực) của Chính-phủ thì ông Hindenburg được 18.659.304 phiếu, ông Hitler được 11.325.973 phiếu, ông Thaelamann 4.970.398 phiếu, và ông Dusterberg 2.559.999 phiếu.

Vậy là chưa ai được trúng cách cả. Kết-quả phải chờ đến ngày 10 Avril !

Kỳ này, ông Hindenbourg chỉ thiếu có 154 nghìn phiếu nữa thì hợp cách, chắc ông có hy-vọng hơn ông Hitler. Tin đồn «Hitler muốn lấy quyền-chính lúc nào cũng được» có lẽ là một tin đồn phao của đảng Quốc-gia Xã-hội.

VĂN-ĐÀN

DU-KÝ

Mấy bước đường rừng

(Tiếp theo kỳ trước)

Hai câu thơ chữ nho trên đây, nghĩa là :

Danh-sơn nhàn có được đâu,
Anh-hùng, danh-sĩ chia nhau lấy mày.

Sự gặp-gỡ ở Dương-quì, ngoài quan Tri-châu là người cũ, lại có ông giáo-học là bạn độc-giả của An-nam Tạp-chí từ số 1 Hàng-lọng, ngoài nữa có ông Thừa-phái người tỉnh Thanh, cũng là người học-hải ba-đào. Trong bữa rượu, quan cũng có cho gọi ca-nhi người Mán, hát và dâng rượu; nhưng ca-nữ hạt-hạ, đến chỗ quan phụ mẫu, phần nghiêm kính có quá, cho nên vui kém vui. Lại người đứng đầu trong đội đó, tuổi đã hơi nhuộm vẻ Tầm-dương. Dưới dinh châu tiếng suối kêu lên, trên tiệc rượu ca rừng địch nội.

« Há chẳng có ca rừng địch nội,
Giọng lưu-lô buồn nỗi khó nghe.»

Hai câu trong bài hát Tỳ-bà, đến đây mới nhận thấy là hay; mà không biết cảm-hoài của quan Châu, không phải là Tư-mã Giang-châu, đối đó như sao vậy?

Sáng hôm sau qua thăm trường-học và phong-cảnh chỗ châu-lỵ; rồi ăn bữa cơm sáng, xin đi. Khi đã ngồi lên lưng ngựa, còn có Bùi cố-nhân quyến-luyến đứng bên; lại sau khi ba chén ly-bôi, giống đa tình đa cảm như ai, khôn dễ rất Dương-quì giật ngựa. Cho nên trong khi ấy, có câu đối cảnh sinh tình rằng: *« Dương-qui tất tái lai.»*

Từ đấy về Bảo-hà, đường có 34 cây số, mà phải đi mất làm hai ngày; vì giữa đường gặp mưa, cho nên phải ngủ lại ở làng *Nổng*. Đêm hôm ấy thật sầu. Sáng hôm sau, giời còn rả-rích mưa mãi, cho nên giáp tối mới về đến Bảo-hà. Đứng trên lầu sở Kiểm-lâm Bảo-hà, quay đầu trông lại bên kia sông, thời rừng xanh không những một giải! Cái hứng-thú Dương-quì lại bị hai ngày đi đường đó làm cho tiêu-tán, cho nên có câu gửi lại quan Châu rằng :

再來克孝知何日
Tái lai Khắc-Hiếu tri hà-nhật;
一別陽邊憶故人
Nhất biệt Dương-quì ức cố-nhân.
(Dương-qui xa cách nhớ ai,
Tản-Đà biết có trùng-lai ngày nào?)

Ở Bảo-hà về Yên-bái, lại vừa là ngày chủ-nhật, 28 Février. Sau khi đã tương biệt với M. *Trịnh-xuân-Nhạc* tiễn chân ra ở ga, bước lên xe, tôi lại được nghe biết một câu chuyện.

Trên xe lửa đoạn ấy, tôi có gặp một người sage-femme, là Mme *Nguyễn-thị-Thuần*, cùng ngồi trong hạng ba nói chuyện. Mme Thuần ở *Bắc-hà* đổi về coi nhà thương Hà-đông; phu-quân thời là người làm việc quan ở Vĩnh-bảo (Haidương.) Cứ bà *s. femme* ấy kể chuyện về sự lên làm việc mạn ngược, do ga *Phú-lu* đi lên đến *Bắc-hà* vừa 40 cây số, đường cũng đi bằng ngựa *thồ*; khi đi lại có đem một đứa con mới sinh hai tháng, đi bằng võng. Nghĩ như đàn bà con gái nước ta khi xưa, những ai hơi vào bực phong-lưu, đều giữ vòng khuê-các, đâu có biết rừng xanh suối bạc, mà ngồi trên lưng ngựa thâu ngày ru? Mme Thuần lại nói: lúc mới lên, lần thứ nhất đi ngựa, phải có người thồ đi trước dắt; sau ở Bắc-hà lâu, đi cũng quen, hằng khi chạy nhanh. Đó thời cảnh-ngộ có thể làm cho người ta biến-hóa khí-chất vậy. Chẳng là *«thiên-nhiên học-hiệu»* ru? — Trong lúc ấy, tôi lại sực nhớ đến hồi trước lên chơi *Chợ-Chu*, thấy nhiều con gái đi xe đạp, cũng vì hoàn-cảnh ở đó, dùng xe đạp tiện-nghi. Nguyên từ chỗ chợ đi lại chỗ dinh châu, chỉ một đoạn đường không đầy một cây số, đường đi ô-tô rất tốt, mà hai bên tuyệt không có cây cối gì. Vùng đó lại ba bề núi đá vây bọc, khi nắng thời nóng nực la thường. Lại qua châu đi xuôi, rẽ vào trong các làng, đường xá đại-khái như vậy. Vì thế nên dùng xe đạp tiện lợi, mà có hiệu xe cho thuê rất đắt hàng. Đàn ông đã dùng nhiều, thời đàn bà con gái cũng tập, mà sự đi rất là hằng thường. Có người con gái đi một mình, có người con gái lại đèo người con gái, có người con gái ngồi ghé mà người đèo là con giai. Tôi hỏi ông Lục-sự nói chuyện, thời không phải họ-hàng, anh em, vợ chồng chi cả, chỉ là cùng người ở phố, đi nhờ nhau một độ đường thế thôi. Phong-cảnh *Chợ-Chu*, một sự đó đối với cả ba kỳ, có lẽ là đặc-sắc. Tiếc không được có ông *Lê-công-Đắc* cùng xem! — Lại nghĩ như người chồng ở *Vĩnh-bảo*, mà người vợ ở *Bắc-hà*, giăng bề mây ngàn, xa nhau vô tận! Chỉ vì cái sinh-nhai buổi mới, mà người đời nhiều nỗi biệt-ly. Tôi có định viết một bài vận-văn, tả cái cảnh *Tân Chinh-phụ-ngâm*; cho rằng những đàn bà xưa kia, chỉ có vợ người tùng-quân, phần nhiều phải chịu phần ly-biệt; như nay thời không

cứ thầy Quyền ông Đội, xa cách hương-quan; mà cả như những ai tùng-sự công-sở, làm việc thầu-khoán, Giáo-học mường mán, buôn bán Ngô Lào, cho đến cả như người văn-sĩ thi-nhân, chung một cảnh ly-sầu biệt-tự. Lần trước tôi đi chơi Lào-kay, lần này tôi đi chơi Yên-bái, từ Lào-kay về Yên-bái, từ Yên-bái lên Lào-kay, quan Giáo, quan Tri, quan Tham, quan Đốc, có lẽ không thấy có ông nào có vợ. Tề-gia nội-trợ, các bà ấy thời ở đâu?

Phải chăng tìm cái phong-hầu?
Mà ai để cái ly-sầu cho ai!

Ác thay! đời buồi văn-minh vậy!

Một chuyến đi chơi từ Yên-bái đi, lại về đến Yên-bái, du lãm văn kiến, đại-khái được có như thế. Còn quan Kiểm-lâm Trịnh-xuân-Nhạc có nói chuyện với tôi: lợi ích của việc *Kiểm-lâm* đối với dân-cư Thượng-du và Trung-châu, tôi dẫu có viết ra, chắc không được tường, vậy đã nhờ ông Nhạc và ông Nhạc đã nhận lời vì Tạp-chí sẽ có cống-hiến với công-chúng. Quan Châu Văn-bàn và ông giáo Dương-quì cũng hứa lời sẽ gửi về những bài khảo-thuật về phong-tục cảnh-vật trong các dân thổ mán vùng đó. Được các nhà chánh giáo, các vị tân-học, sẵn lòng đối với An-nam tạp-chí như vậy; thuyền nan, tầu sắt, lo gì không đủ làm cơ-quan tiến-thủ cho quốc-dân ta được ru?

∴

Về đến Yên-bái, nghỉ lại một ngày đêm; vì sự đi có ý thấy nhọc mệt, cho nên lúc ấy chưa kịp đi thăm hỏi được mấy nơi. Đối với các vị sĩ-phu ở Yên-bái, không khỏi là có lỗi sơ-tình. Tôi đã hẹn với ông Lẫng thế nào cũng lại lên chuyến sau, sẽ được tường-bị mọi nhẽ. Tiện để đi chơi Yên-bình, sang Mr Bế-Khanh, thăm cảnh-vật ở Tuyên-quang nhân thể. Chỉ e công việc đa mang, ngày giờ ngắn chóng, cái ước vọng nhỏ con như vậy, mà không hay có như ý được chăng?

Chiều hôm 1 mars, ở ga Hàng-cỏ đi xe kéo về gần đến cống-chéo Hàng Lược, phong-cảnh Yên-bái đã không còn ở trước mắt, mà đây là cảnh vật Tô-giang. Nghĩ câu cũ, nhớ người xa, có muốn gửi lên cho Mr Nguyễn-tiến-Lãng:

Tô-giang thảo thụ bà-xa,
Nhìn trông phong cảnh mà ta nhớ mình.
Bái-trung sơn thủy hữu tình,
Vui chơi non nước, xin mình nhớ ta.

Tản-Đà

HÀI-VĂN

Lão-bộc

Ngô gia hữu lão nô,
Lục thập kỷ xuân thu.
Lực thượng thi ma nghĩ,
Nhật thường tác dịch phu
Mục minh hảo khả sát,
Nhập mộ thủ duy mô,
Thâm dạ dục như sí,
Lân môn ngộ phóng ô.
Lân ông văn rị rạng,
Tâm viết chích chi đồ
Toại tiềm trí tọa trắc,
Cử thủ phê kỳ tu.
Hoàng khủng khả khất mạnh,
Nãi đắc tuyệt mê đồ,
Ta tai thử giã lão
Nhất ngộ toại di tu.

Lê-Viên soạn

nghĩa là:

Nhà ta có một bõ già,
Xuân thu sấp-sỉ độ đà sáu mươi.
Tuy già nhưng sức còn giai,
Ngày ngày say lúa, vốn người làm thuê.
Mát tinh chẳng sót vật gì,
Hễ mà tối đến, tay thì suyênh-soang.
Cạnh khuya đương lúc vội-vàng,
Lòng lành ngõ sóm nhỡ-nhàng tống ra.
Có ông ở cạnh nhà ta,
Thấy hình-dung khác, ngỡ là phi-lu,
Bên ngòi đương lúc hững-hờ,
Mon-men lẻn đến tay vờ lấy râu.
Rẽ-run xiết nỗi khẩn cầu,
Vì không khéo miệng, còn đâu là đời.
Lão già đêm ấy thương ôi!
Một nhầm mà để bia cười về sau.

Nguyễn-xuân-Thường
Chánh-hương-hội xã Thạch-đế dịch

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Băng-hồ hàn-vận

(Tiếp theo)

13— *Thẩm-thị*, người Đồng Hương, là vợ chưa cưới của Diêu-Liêm. Nàng hai mươi tuổi, Diêu-Liêm mất. Cha mẹ cũng theo ý nàng, cho đưa về nhà chồng thủ tiết. Ba năm hết tang, lập người kế-tự cho chồng, làm thơ rồi tự vẫn, không chết; lại nuốt kim, cũng không chết. Đêm mộng thấy chồng về bảo rằng: nàng nên bắt chước ông Di, ông Tề. Bèn nhịn ăn mà chết. Bấy giờ là năm Bính-ngọ, đời Khang-Hi. Thơ rằng:

Thiếu tiểu tằng phiên liệt-nữ thiên,
Cảm tương tâm-tích nghĩ tiền-hiền.
Chỉ tri tòng nhất nhi chung nghĩa,
Tất mạnh truy tùy đáo cửu-nguyên.

Dịch nghĩa

Liệt-nữ từng xem truyện tỏ tường,
Người xưa, đâu dám đọ can-trường,
Một chồng chỉ biết trinh là thế,
Trọn kiếp theo nhau xuống suối vàng.

14 — *Viên-Thục-Tú*, người An-thuận, là vợ chưa cưới của Tiền-hồng-Đồ. Nàng mười sáu tuổi, Tiền-sinh chết; tin đến, bèn nuốt thoi vàng là của sính-lễ khi xưa mà tự tử. Thơ rằng:

Vị thủ him-hoàn ước,
Hoàn thương ngọc-kính tình.
Vô tâm hoàn dữ kính,
Chỉ giác thử thân khinh.

Dịch nghĩa

Vì giữ ước vòng vàng,
Gương ngọc tình luống thương.
Thân này chi xá kể,
Không thẹn vòng với gương.

Phạm-văn-Nghị

Đề chùa Hang Thái-nguyên

Ai khéo xây nên chái núi này?
Hang hầm ngóc-ngách lạ-lùng thay!
Sơn hà ngảnh lại y như cũ;
Miếu vũ trông lên khác mọi ngày.
Trót-vót từng sen tòa bụt mọc,
Cheo-leo cột đá thợ giời xây.
Chị em ai kẻ lòng sùng-bái;
Chớ ngại đường xa cách nước mây.

Thái-nguyên tức cảnh

Chẳng cảnh đâu bằng cảnh Thái-nguyên.
Phong-lưu phú-quý tự thiên-nhiên
Mía mầm Bắc-kạn pha mùi quế.
Chè búp Nam-chang lẫn giọng sen.
Đồn-Mễ giắt về đàn ngựa gạo.
Chợ-Văn kéo đến mấy xe tiền.
Tha hồ thủ dụng kho vô tận.
Cái kiếp trần-ai thế cũng tiên!....

Bùi-đức-Long

THI-ĐÀN BÁ-CÁO

Tập Kiều

An-nam tạp-chí lần này lại xuất bản, được có nhiều vị Độc-giả không lấy vì cách tiếp bất-thường, vẫn sẵn lòng tín-nhiệm, gửi *mandat* về giả trước *tiền mua năm*, lại nhiều Ngài gửi giả cả tiền mua cũ từ *số 1 ở Hàng-Lọng, số 11 ở Bờ-Hồ*. — **Đối với thịnh-tình của các ngài, tôi có định soạn một bài văn Tập-Kiều để tỏ lòng minh-tạ.** Lối văn này từ xưa tôi ít làm, đến nay dúng bút mới biết thật là khó; chỉ chắp nhặt được ít nhiều câu hơi lấy làm như ý, mà không sao nối được cho trọn bài. Vậy cứ thực bá-cáo trong làng thơ, mong các Thi-hào, Nữ-sĩ, ai có lòng yêu mà lựa câu nối tiếp cho được thành toàn bài, trước xin cám ơn, sau xin có thứ quà trân-trọng kính biếu.

* * *

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Con tằm đến thác, hãy còn vương tơ.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Dám xa-xôi mặt, mà thơ-thớt lòng.
Cắn răng bẻ một chữ «đồng»,
Xâm thương chẳng vẹn chữ «tòng», tại ai.
Cũng là nhỡ một nhầm hai;
Ba sinh (1) âu hẳn duyên giời chi đây.
Rằng trăm năm, cũng từ đây;
Duyên này thời giữ, vật này của chung.
. . . . . .
. . . . (*Đoạn này nối ba câu, hoặc năm câu*)
. . . . . .
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!
Cười rằng tri-kỷ trước sau,
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
Giếng vàng đã rụng một vài,
Mà chàng kim đó là người ngày xưa.
. . . . . .
. . . . (*Đây giở xuống, nhiều ít câu* tùy *ý*)
. . . . . .

Tản-Đà

1. — Xem bài «*duyên nợ ba sinh*» trong mục *Văn-đàn* ở An-nam tạp-chí số 26, ra ngày 23 Janvier 1932

Gươm Danh-Tướng

(L'épée d'Angantyr)

Angantyr, dans sa fosse étendu, pâle et grave,
A l'abri de la lune, à l'abri du soleil,
L'épée entre les bras, dort son muet sommeil;
Car les aigles n'ont point mangé la chair du brave;
Et la seule bruyère a bu son sang vermeil.

Au faîte du Cap noir sous qui la mer s'enfonce,
La fille d'Angantyr, que nul bras n'a vengé,
Et qui, dans le sol creux, gît d'un tertre chargé,
Hervor, le sein meurtri par la pierre et la ronce,
Trouble de ses clameurs le héros égorgé.

Hervor

Angantyr, Angantyr, c'est Hervor qui t'appelle
O chef qui labourait l'écume de la mer,
Donne-moi ton épée à la garde de fer,
La lame que tes bras serrent sur ta mamelle,
Le glaive qu'ont forgé les nains, fils d'Ylmer.

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, pourquoi hurler dans l'ombre,
Comme la maigre louve au bord des tombeaux sourds;
La terre et le granit pressent mes membres lourds
Mon œil clos ne voit plus que l'immensité sombre,
Mais je ne puis dormir si tu hurles toujours.

Hervor

Angantyr, Angantyr, sur le haut promontoire
Le vent qui tourbillonne emporte mes sanglots
Et ton nom, ô guerrier, se mêle au bruit des flots.
Entends-moi, réponds-moi de ta demeure noire,
Et soulève la terre épaisse avec ton dos.

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, ne trouble pas mon rêve:
Si le sépulcre est clos, l'esprit vole au dehors.
Va! Je bois l'hydromel dans la coupe des forts!
Le ciel du Walhala fait resplendir mon glaive,
Et la voix des vivants est odieuse aux morts.

Ba thước đất rùi trang anh kiệt,
Mảnh di-hài in vết tôn-nghiêm.
Mặc dầu bóng ác gương thiềm,
Xuối vàng một giấc lặng im như tờ.
Dấu anh-hùng còn trơ trên ngực,
Ghì hai tay ba tấc gươm thần.
Tiếng thơm để lại cõi trần,
Cạn bầu máu đỏ, nhuộm ngần cỏ xanh.
Bầu máu đỏ đã đành thấm cỏ,
Xương thịt may thoát mỏ quạ riều.
Sườn non sóng vỗ nước reo,
Đầu non nấm đất quanh-hiu lạnh-lùng.
Thù van-cổ nhẽ không người báo,
Gánh thù trao bồ-liễu vai mang,
Lặn lội gai góc phong-xương,
Bên mồ mấy tiếng trăm đường thảm-thê:

— Hỡi cha hỡi, có nghe con gọi,
Oai-linh cha còn lại trên đời,
Thanh-danh lừng-lẫy nhất thời,
Gươm thuyền một mái, bể giời bốn phương.
Cha dù thác, gươm thiêng còn đấy,
Thời xin cha chao lại tay con.
Thù kia chưa giả được tròn,
Gươm này ôm mãi, phỏng còn ích chi!
Hoài của báu xưa kia rèn-đúc,
Phí công người khó nhọc đúc nên.
Cái hồn danh-tướng hồn thiêng,
Dưới mồ lên tiếng ra niềm thử con:

— Này con ta khóc than chi mãi,
Trời đã khuya, đêm tối mò-mò.
Sao con ngồi mãi bên mồ.
Như tuồng sói đói kêu-hò gào ăn.
Con thú đói, đã đành khát máu,
Con chờ gì đau dáu nhường kia!
Sè-sè nấm đất vô-tri,
Nặng nề đá nọ bia kia đè mình.
Mắt đã nhắm cha đành khuất mặt,
Thôi con đừng u-uất khóc than.
Mặc cha chín suối an-nhàn,
Con bao nhiêu khóc, cha phiền bấy nhiêu.

— Hỡi cha hỡi, con trèo lên núi,
Tới mồ cha, ngồi gọi cha lên.
Cha ơi, sóng réo bốn bên,
Ào ào gió hét, cha lên con chờ!
Con kêu khóc mãi; bao giờ,
Bao giờ chín suối cha thưa mới đành.
Mặc gió hét, thất thanh con gọi,
Con kêu gào, cha phải đứng lên!
Lên cho con giãi nỗi-niềm,
Lật mồ, cha hỡi, cha lên mau nào!

— Ồ con bé khéo trêu cha mãi!
Vong hồn này còn mải giấc tiên.
Sác này gửi nấm đất đen,
Nhung hồn kia đã ở yên trên giời,
Hồn cha được vui nơi cực-lạc,
Hội anh-hùng dang nhắp rượu tiên.
Hào-quang chói-lọi muôn nghìn,
Gươm cha nay hóa gươm tiên, gươm trời.
Nghe nhắc lại truyện đời thêm ghét,
Con kêu chi tha-thiết lắm nhời.

Hervor

Angantyr, Angantyr, donne-moi mon épées
Tes enfants, hormis moi, roulent nus et sanglants
Dans l'onde où les poissons déchirent leurs reins blancs.
Moi, seule de ta race à la mort échappée.
Je suspendrai la hache et le glaive à mes flancs.

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, restons ce que nous sommes,
La quenouille est assez pesante pour ta main.
Hors d'ici ! Va ! la lune éclaire ton chemin
O femme ! Hors d'ici ! le fer convient aux hommes,
Et ton premier combat serait sans lendemain.

Hervor

Angantyr, Angantyr, rends-moi mon héritage !
Ne fais pas cette injure à ta race, ô guerrier!
De ravir à ma soif le sang du meurtrier
Ou sinon, par Fenris ! puisse le loup sauvage
Arracher du tombeau tes os et les broyer!

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, c'est bien, ton âme est forte,
La fille des héros devrait parler ainsi
Et rendre à leur honneur son éclat obscurci.
Prends l'Épée immortelle, ô mon sang ! et l'emportes.
Cours, venge-nous et meurs en brave. La voici.

*
* *

Angantyr soulevant le tertre de sa tombe,
Tel qu'un spectre, les yeux ouverts et sans regard:,
Se dresse et lentement ouvre ses bras blafards
D'où l'épée au pommeau de fer s'échappe et tombe.
Et le héros aux dents blanches dit : Prends et pars.
Puis, tandis qu'il s'étend sur le dos dans sa couche
Qu'il recroise ses bras et se rendort sans bruit
Hervor *En brandissant l'acier qui vibre et luit,*
Ses cheveux noirs au vent, comme une ombre farouche.
Bondit et disparait au travers de la nuit.

Le conte de lisle

(Poèmes Barbares)

— Cha ơi, ới hỡi cha hỡi !
Trả con gươm báu nữa mai phục thù.
Trên tiên trông xuống thấy chưa,
Anh con thầy đã theo cha suối vàng.
Chết thảm-nhục, chết bi-thương;
Láng-lênh chẩy máu, sỗ-sàng phơi thây.
Thây vô-chủ nào ai khâm-liệm,
Mà lại còn bị ném giữa giòng.
Làm mồi cho cá đã xong,
Cha ơi đau sót nỗi lòng con đây !
Một phận gái con nay ở lại,
Vì giống nòi con phải lo toan.
Xin cha gươm ấy, con mang,
Mang gươm rồi sẽ chiến-trường xông-pha

— Thôi con ạ, đàn-bà phận gái,
Thân yếu hèn con phải biết mình.
Ngồi nhà kim chỉ thôi đành,
Cũng đà nặng nhọc, tung-hoành được nao
Thôi con nhé, giăng cao soi rõ.
Này lối về, trông tỏ mà về.
Về đi, thôi chớ nằn-nì,
Về đi, đừng tưởng-mơ chi phục-thù.
Thanh gươm nặng phải chờ tráng-sĩ,
Chỗ chiến-trường há dễ trò chơi ?

— Cha ơi, trăm lạy cha ơi,
Thanh gươm quí, ấy gia-tài về con!
Sao nỡ để con buồn con bực,
Mà để căm để nhục cho nòi ?
Cha ơi, con khấn hết nhời,
Cha ơi, cha chớ rẻ lời con kêu.
Cha rẻ con, con liều con nguyện,
Thà sới rừng bới huyệt cha lên.
Cho thịt nát, cho xương tan,
Thà cho tuyệt tích, còn hơn nỗi này!
Còn hơn để cha đây con đó,
Mà nhẽ nào cha nỡ quên thù ?

— Con ơi, cha khá khen cho,
Khen con bồ-liễu chăng thua râu mày.
Giống nòi cha thế này mới đáng,
Giốc một lòng tỏ rạng tổ-tông.
Gươm thần cha giữ trên lưng,
Này cha trao lại, con nâng gươm về.
Hỡi con hỡi, đi đi cho chóng,
Hỡi con ơi, phải nóng mà đi!
Đi mà rửa sạch thù kia,
Dù cho thác, cũng thác vì danh thơm,
Này đây, gươm báu con cầm!

*
* *

Vong hồn miệng nói, đang nằm ngồi lên.
Hồn hiển-hiện càng nhìn càng rợn,
Sác trơ-trơ càng ngắm càng ghê.
Mở tay, gươm báu rơi lìa,
Miệng còn dặn lại :« Gươm kia, con ơi!
Con đeo lấy, nữa rồi rong ruổi.
Nói rứt lời, tay lại khoanh tay.
Ngả lưng nằm xuống êm thay,
Êm êm mà ngủ giấc này mới yên.
Tay thì múa gươm thiêng lấp-lánh,
Gái anh-thư rã cảnh bước ra,
Bước ra lẫm-liệt nét hoa,
Tóc đen bỏ xõa gió đưa trên đầu.
Bước ra một bước một mau,
Săm-săm tìm lối phục-thù tới nơi.
Dậm khuya, ngất lạnh mù khơi....

Yên-Bái, 13 tháng giêng Nhâm-Thân.
Nguyễn-tiến-Lãng dịch

HÁT NÓI

Nghĩ bài hát: **Dân Bắc-kỳ mừng quan Toàn-quyền Sarraut mở trường Kỹ-nghệ**

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Vở lòng học lấy những nghề nghiệp hay.
Cửa hàng buôn bán cho may,
Nghề này thời lấy ông này Tiên-sư!

Nhất nghệ bất tri nho giả sĩ, huống chi là bách nghệ công thương. Có tranh đua trên chốn thị-trường, rồi mới biết «tiểu dịch đại, nhược dịch cường» là rứa tá. Hồng-Lạc tử-tôn thiên tải hạ Á, Âu phong hội bách niên lai. Bấy lâu nay Bảo-hộ nhờ Ngài, sự khai-hóa ai ai đều đội đức. Tam-Đảo chi Nam Tam-Diệp Bắc, mở một trường Nghệ-học giữa Đông Đô. Này thợ thêu, này thợ vẽ, này thợ nặn, này thợ khảm, này thợ rèn, này thợ bạc, này thợ đồng hồ, ông Bác-vật, dạy cho rành cách trí. Thế mới biết cải-lương là thịnh-ý, hạt văn-minh Âu, Mỹ rắc giời Nam. Thứ dân tôi xin giốc chữ đồng-tâm, giác máu hủ chăm-chăm nghề-nghiệp mới. Nữa mai mốt may ra mà tấn-tới, cờ thông thương phấp-phới bể năm châu: không thày dễ được thế đâu?

Ngô Khê-ngư nguyên tác
Mai-khê cung lục

Qua cầu Hàm-Rồng hứng bút
(4 Mars)

Hôm xưa chơi ở Dương-quì,
Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh.
Hàm Rồng nay lại qua Thanh,
Dưới cầu nước biếc in hình thi-nhân

Tan Đà

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi.

Nguyễn-khắc-Hiếu

GIỮ BÍ MẬT...

(Tiếp theo)

Một lúc sau, chạy đến chỗ đó thấy có một cây cổ-thụ mọc là là đâm ngả ra giữa lối đi, chàng bấm đèn, cúi lom khom chui qua sang bên kia, lúc vừa ngóc đầu lên, thì một con khỉ to lạ thường, từ trên cao nhảy xuống, ôm chặt lấy cổ chàng mà cắn chàng cố vùng ra, bị ngã vật xuống đất, khẩu súng văng ra một chỗ, con khỉ cũng bị ngã theo. Nhưng nó lại chạy ôm ghì lấy chàng mà cắn ngay, chàng phải dùng hết sức vật-lộn mãi với nó, rồi luồn tay dút con dao đeo ở thắt lưng, nhằm bụng nó mà đâm một nhát thật mạnh; con khỉ rít lên một tiếng mới chịu buông ngã chổng kềnh ra đất, lưỡi dao cắm ngập hết cả. Chàng Chu-Thanh bị đau quá, máu chảy ròng ròng, nhưng vẫn phải gắng sức chạy thục thân. Mãi gần tảng-sáng, mới ra khỏi rừng, thì trước mặt lại có một quả núi chắn ngang hết lối đi, chàng phải chèo qua. Khi lên đến đỉnh núi, nhìn xuống mạn bên kia, thấy thấp-thoáng có mái nhà, thu-hình nấp dưới bụi cây thông.

Chàng mừng quá, lần xuống đi một quãng đường nữa thì tới tỉnh. Giời chưa được sáng rõ, xương phủ lờ mờ, phố xá hãy còn im lặng, chàng chạy vội đến bực cửa thềm nhà kia thò tay đập cửa, chực lên tiếng gọi người cầu cứu, nhưng than ôi! sức đã kiệt, tinh thần mệt lả, chàng ngã xuống vệ hè, lăn nhào xuống dãnh...

II

Ngày hôm sau, lúc chàng tỉnh dậy thấy mình nằm trong bệnh-viện tỉnh Ba-lê, khắp mình buộc băng trắng; chàng lấy làm lạ, đưa cặp mắt lờ đờ như đã hết tinh-thần, nhìn khắp chung quanh, tưởng hình mơ màng trong giấc chiêm bao. Chàng thấy ngay đầu giường chàng, một bà cụ già, tóc bạc như tuyết, đứng đăm đăm chủ ý nhìn chàng mà cái khuôn mặt thì bé nhỏ khô héo, hai cái gò má dô ra, bên dưới lại thót sâu vào, hai con mắt thâm quầng đỏ hoen, trông vẻ mặt rất bi sầu thảm đạm. Chu-Thanh cố gượng ngóc đầu dậy, định muốn hỏi một điều gì, nhưng bà cụ vội cúi đỡ ngay chàng nằm xuống và nói thều thào trong cổ họng:

— Cậu có đau rức lắm không?... Phúc đức quá, lão tưởng không kịp đưa cậu vào đây cơ đấy. Bà cụ nghỉ hơi cho đỡ mệt, rồi lại nói tiếp:

— Bây giờ cậu đã tinh tỉnh thì lão cũng mừng, lão sẽ cầu nguyện đức Thượng-đế cho cậu chóng được bình phục; thế này là may, huống hồ còn sống xót mà về được đến nhà đến nước, còn gặp gỡ trông thấy cha mẹ anh em; chứ như lão đây thì mới cay đắng đủ đường... Con giai của lão, trời bắt tội nó chẳng may ngắn số, cháu nó đã tử trận rồi...

Bà cụ nói đến đấy, ôm mặt khóc nức nở. Chu-Thanh cảm-động quá, nhưng không sao gượng dậy được, mở mắt nhìn theo, cảm-tình chan chứa, ý chàng muốn giơ tay níu lại, nhưng bà cụ đã từ từ đi ra đến ngoài bực cửa; rồi dần dần, chỉ còn nghe thấy tiếng nức nở sụt xùi, một ngày một xa...

Chu-Thanh vật mình xuống nệm, đã tức bực lại đau lòng, một tiếng thở dài, hai hàng nước mắt tuôn theo....

*
* *

Cách hai tuần lễ sau, đêm đó là đêm chủ nhật, lúc ấy đã khuya lắm; đồng hồ nhà thờ đã bình-boong điểm 12 tiếng thông luôn.

Trong một hàng cà-phê thấp lụp sụp ở ngã tư xóm Mông-mạc (Monmartre), hãy còn náo động ầm ầm, những tiếng đàn hòa thánh thót, lúc bổng lúc chầm êm đềm réo rắt; dù khách qua đường không phải chính mặt làng chơi, thì cũng phải ngần ngừ chậm bước, để lắng nghe những câu hát véo von của phường ca nữ ở đấy.

Một giờ, hai giờ...

Các ngách phố xóm Mông-mạc thấy im lặng, trong hàng cà-phê khách đã vắng teo; anh chủ hàng gật gù buồn ngủ díp cả mắt, thỉnh thoảng lại ngáp ngoạc dài mãi mồm ra, trông rất buồn cười.

Bàn ghế đã thu xếp đâu vào đấy, anh bồi đã quét dọn đống rác lù lù ở giữa nhà, thế mà ở góc tường hãy còn ba bốn anh, dáng chừng cũng vào hạng bất tử; quần áo nhố nhăng, mũ giày lệch lạc, hãy còn ung-dung ngồi khề khà chén rượu, ăn uống nhồm nhoàm, nói năng thô bỉ. Những anh này không nấy tối là vắng mặt ở các hàng cà-phê, lu-bù rượu chè, cờ bạc, thỉnh-thoảng lại còn gây nên án mạng nữa. Anh chủ hàng có biết thế là nguy-hiểm; nhưng cũng chẳng dám há mồm; lôi thôi là chúng kéo bè kéo đảng ra bịch liền.

Cùng ở hàng cà-phê ấy, trong một gian phòng nhỏ bé trên gác, một chàng thanh-niên vận binh-phục, vẻ mặt nghiêm-nghị, đương cắm đầu cắm cổ viết, chốc lát lại ngừng tay nghĩ ngợi, rồi lại húy hoảy viết luôn; hình như rất chú-ý vào công-việc của mình, không có biết gì đến sự-vật khác nữa. Từ tiếng quả lắc đồng hồ tích tắc, tiếng đàn hát dưới nhà văng vẳng, tiếng chuột đuổi nhau lít chít trên sà nhà, cái gì cũng chẳng đủ khiến cho chàng tạm dừng tay trên mảnh giấy.

Chàng ấy là chàng Chu-Thanh.

Một lúc sau, cái quản bút từ trên tay đặt xuống bàn, Chu-Thanh cầm tập thơ vừa viết xong, đưa lên lẩm bẩm đọc...

Chẳng hiểu vì sao thấy chàng gấp lại mà sé nhừ ra từng mảnh.

Chàng ngồi thừ ra, không nói năng chi cả, hai tay dút túi quần, đôi mắt chòng chọc nhìn xuống làn khói xanh xanh bay ngòng ngoèo như con rắn, ở cái mẩu thuốc lá đang cháy dở; rồi chàng bỗng vùng đứng

dậy như sực nhớ đến việc gì trong óc, nét mặt hiện ngay ra 2 vết nhăn, rồi trên cặp môi một nụ cười — cái cười sâu xa nghiêm nghị. Chàng móc túi lấy chìa khóa mở va-ly, lấy hai bức thư trông đã cu cũ đem ra bàn xem, đọc đi đọc lại đến hai ba lần, hình như ở trong thư có nhiều điều bí-hiểm và quan-trọng lắm! Mà thật vậy, hai bức thư của bạn chàng đã giao gửi và phó thác cho chàng, trước khi bỏ mình nơi chiến địa.

Thương ôi! Chi-lan nghĩa nặng kẻ khuất người còn! Nhớ lại: mới ngày nào cùng nhau nối gót ra đi. Nào những lúc đêm trường tĩnh-mịch, mặt biển lênh-đênh, nào những khi đất khách bơ-vơ, hồn quê lai-láng, mấy nhời trò-chuyện văng vẳng bên tai, mà rồi đây, lúc bước chân lui về quê nhà, lủi thủi một thân bao nhiêu sự vui sự buồn biết cùng ai sớm khuya san-sẻ?

Ông xanh kia thực là hờ hững chêu ngươi, một cái gia-đình đương đầm ấm yên vui như gia-đình của bạn ta, sao nỡ đang tay giầy vò tan nát?

Phan-Linh ơi! Chu-Thanh này sẽ hy-sinh về bạn, nơi suối vàng hồn bạn khá thiêng liêng chẻ chở, nếu một ngày kia kết quả toàn vẹn, bấy giờ bạn chắc được yên lòng... yên nằm xương tàn, vùi sâu trong đống đất!

* * *

Nhổ neo quay mũi, trông về Đông-Bắc thong dong; hôm 17 tháng giêng năm 1921, một chiếc chiến-hạm trở các binh lính mãn khóa về Đông-dương, con tầu đang phăng phăng như rẽ sóng luồn mây trên mặt biển mênh mông bát ngát, nơi chân giời mù-mịt, càng trông càng xa lắc xa lơ...

Gió giập ào ào, sóng vẫn nhô đầu gầm thét lớp này lớp khác đuổi nhau, như có điều bất bình gì mà muốn dìm cái vật đen sì kia đương bềnh bồng trên mặt nước.

Phương trời man mác, tiếng nhạn lạc đàn vơ vẩn; buồn cho cảnh, ngán cho tình, đưa cặp mắt là đà trông tứ phía, nào đâu bãi cát đồi cây??

Than ơi! Càng mừng cho mình đây sống sót, càng thương cho vong-hồn người bạn đã qua. Công Hầu, Khanh Tướng mà chi, rồi cũng cỏ khâu một nấm, giấc ngàn thu là kết-quả cái phù-sinh! Ôi! cái bả vinh hoa, nó bắt buộc người không tránh khỏi,

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Chàng thanh-niên lẩm bẩm nói đến đó, từ từ thơ thẩn, đứng vịn trên hàng lan can tầu, rồi uốn mình trông xuống mặt nước.

* * *

Một buổi chiều thu, trên đường đê đi về lối làng Mộng-hà, tịnh nhiên không có bóng người qua lại.

Xa xa, một luồng gió lốc, bụi cát mịt mù, trông thấp thoáng một cái bóng đen từ từ đi đến. Hai bên đường vẫn tiếng thông reo réo rắt, đàn nhạn lửng lơ theo gió cuốn, lá vàng lác đác, chiều thu rơi rụng tả tơi... Vẳng bên tai, tiếng mõ buổi hoàng hôn, khuây lửa tục chuông chùa inh ỏi điểm.

Người một nơi, cảnh một nơi, phải chăng đây là chốn cũ tình xưa? Hồi tỉnh lại, mấy mươi năm trời về trước, cái thời kỳ dĩ vãng lại hiện ra trước mắt: nào lúc chiều thu dạo gót, ngắm cảnh ngâm thơ, nào khi trò chuyện dưới bóng giăng, đủng đỉnh con thuyền mặt nước.

Mà ngày nay... Ôi! Mối hận còn in sâu trong khối óc, nỗi mừng xum họp đều tan tành theo mây, khói, gió, mưa.....

Giữa làng Mộnh-hà, một chiếc nhà gạch nguy nga tráng lệ, dân làng ai cũng phải để ý tới. Chiếc nhà này làm đã ba bốn năm nay, chung quanh cây cối bao bọc um tùm, lại thêm một hàng dào cau, cao ngất nghều như ngọn dáo nhọn, vây ngăn từ lối đi ngoài cổng vào.

Chiều hôm ấy, lúc nhá nhem tối, một người lạ mặt vận binh phục, đi lảng vảng ngoài cổng, chốc lát lại dừng bước nhìn chòng chọc vào trong nhà; rồi thấy người đó lẩm bẩm nói một mình:

— Quái nhỉ? Mà chính đây rồi, nhầm sao được! Nhưng.., lạ thay, nhà ta xưa vốn mái gồi, vách đất, sao bây giờ lại thành ra một tòa nhà gạch đẹp đẽ nhường này? Không... quyết là không phải, ta thử tìm nhà hỏi thăm mới được. Nói đoạn người đó lộn sang cái nhà lá, thấp lụp sụp ở dưới đường đê. Trong nhà, một ngọn đèn vách tối lù mù, một bà cụ già ngoại 60 đang ngồi cúi lom khom khâu vá.

Khách chật mũ chào hỏi:

— Thưa cụ. con ở xa về đây, muốn hỏi thăm, nhà cụ Phán-Điềm thân sinh ra cậu Thanh ngày xưa ở chỗ nhà gạch kia, phải không ạ?

Bà cụ ngẩng mặt lên nhìn khách hỏi thăm, rồi ngồi thừ ra ngẫm nghĩ,.. Một lúc sau nói:

— À, có phải cụ Phán-Điềm bố chồng cô Loan-anh mà chồng đi lính phải không?

Khách mừng rỡ đáp:

— Thưa cụ vâng ạ.

— Thày là thế nào với cụ ta?

— Thưa cụ, con là người họ hàng, đi làm xa, nay muốn về thăm gia-quyến cụ Phán.

Bà cụ nâng cái kính bỏ vào thúng, mời khách ngồi, rồi nói:

— Thầy ở mãi đâu mà bây giờ mới tới đây?... Cụ Phán mất rồi còn đâu. Cái nhà gạch kia là của con dâu cụ ta đấy. Nhưng mà.... chuyện nhà cụ ta lôi thôi lắm! Ấy, từ ngày cụ ta mất đi đến giờ thì gia-đình tan-nát hết cả. Đã ngót mười năm nay mà thày cũng chưa biết ư?

— Con cũng đi lính, nhà nước đổi con sang mãi Quảng-Châu-Loan, nên xa sôi có biết gì đâu.

— Khốn nạn, tôi cũng ái ngại cho cụ Phán, thôi thì hiền lành nhũn nhặn, ăn nói ngọt ngào như đàn bà vậy. Người con giai của cụ ta thì khôi ngô phép tắc, bấy giờ cậu ta còn đi học ngoài tỉnh, năm chừng mười họa mới về chơi làng. Ông cụ Phán có lấy cho người vợ, đâu con ông Tú nào ấy mà; cô ta đảm đang thùy mỵ lắm, trông người ông ả đẹp quá, ai cũng khen. Đùng một cái, ông cụ Phán qui-tiên, cậu ta thì buồn phiền, đâm ra chơi bời, rồi ngay cái hồi ấy, ở làng mộ lính sang Tây, thế là đâm ra đi, vợ con khuyên ngăn thế nào cũng chẳng được.

(Còn nữa)

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

8

Trà-sơn
dịch

A... hay là ở xứ Nê-va-đa chăng? Nàng lắc đầu.

— Vậy ở Ca-li-phó-ni chăng?

— Còn phải đi quá về phía tây chút nữa.

— Thôi tôi chịu. Đi quá về phía tây chút nữa, thì tức là Thái-bình-dương.

— Chính phải đấy.

— Đố thế thì thánh cũng không thể biết được, phương chi tôi lại kém về môn học địa-dư.

— Thứ nhất là tôn-ông kém về môn học sử-ký. Tôn-ông còn nhớ những việc chinh-phạt của tệ-quốc không?

Chàng Xen-đôn ra vẻ đắc thắng mà la lên rằng:

— Thôi Phi-luật-tân (1) phải rồi! Lần này tôn-ông đi xa quá. Đảo Hải-oai (2) mới phải.

— Cô-nương quý-quán ở Hải-oai ư?

—Thưa vâng.Tôi sinh ở nơi đó.Xứ này đẹp lắm, mỗi khi tôi nhớ đến thì tôi lại bùi ngùi mến tiếc. Dưới trời chỉ có xứ này là đẹp hơn hết. Khi xẩy ra cuộc địa-trấn, tôi đã phải lìa bỏ xứ tôi mà sang ở thành Nữu-ước rồi.

Chàng Xen-đôn lộ vẻ buồn rầu mà hỏi rằng:

— Nếu đảo Hải-oai là nơi xinh đẹp, sao cô-nương không trở về đó mà ở? Sao cô-nương lại lưu-lạc đến cái địa-ngục Sa-lô-mông quần-đảo này làm chi?

— Thế mà họ nói rằng ở đây có nhiều người đã từng kiếm được bạc triệu, thí-dụ như ông Ninh-sơn chẳng hạn.

— Vâng, thưa vâng, tôi cũng biết, nên tôi cũng muốn noi theo gương ấy. Cứ kể ra thì ở đây người làm nên giầu cũng có, mà người chết bỏ sác ở đây lại là phần nhiều.

— Ấy, ông thân sinh đáng thương của tôi cũng nói vậy.

— Ông thân sinh đáng thương của cô... Vậy thì ông thân sinh ra cô-nương mất rồi ư?

Nàng ra hiệu cho là phải.

Hai mắt nàng sầm lại, hạt châu lã chã khôn cầm. Rồi nàng lắc đầu ra dáng kiêu-ngạo như muốn làm cho khuây khỏa nỗi buồn rầu, có thế mới hợp với tư-cách một người đầu đội mũ mục-đồng, lưng đeo khẩu súng dài nòng.

Nàng nói:

— Cái điều giản-tiện hơn hết là tôi xin thuật theo thứ-tự cái lịch-sử của tôi để tôn-ông nghe. Tôi sinh ở Hy-lô thuộc đảo Hải-oai là một hòn đảo to nhất và đẹp nhất trong quần-đảo này. Tôi được hưởng một cái giáo-dục cũng như là phần nhiều các chị em thiếu-nữ khác. Họ thích sinh trưởng ở chỗ thoáng khí; họ biết cỡi ngựa, biết lội trước khi họ học tính sáu lần sáu là bao nhiêu.

«Ấy, cái «ca» của tôi là thế. Tôi biết lội và biết cỡi ngựa từ lúc tôi chưa học A B C. Ông thân-sinh ra tôi có nhiều trại và nhiều ruộng đất ở các đảo ấy, để làm nơi trăn nuôi súc vật. Ở Hồ-cư-mã tôi được bắn dê và bò rừng. Ở Mồ-lô-cai người ta thường thấy có nhiều hươu sao lắm.

Vương-công làm quản-lý trại Hồ cư-mã. Ông có hai người con gái cũng trạc tuổi tôi. Cứ đến mùa viêm-nhiệt thì tôi lại sang ở với mấy cô đó. Đã có lần tôi ở với các cô ấy trong suốt một năm. Chị em chúng tôi ở đó với nhau chẳng khác gì ba người mọi Da-đỏ. Chúng tôi chỉ thích đi đây đi đó. Tuy rằng chúng tôi có các bảo-mẫu theo dạy việc tề-gia nội-trợ, đường chỉ mũi kim, nhưng, muốn cho chúng tôi khỏi nhẩy lao nhẩy sỡn, thì chỉ có cách là phải hứa cho chúng tôi cỡi ngựa, hoặc là để đi chơi phiếm, hoặc là để dồn trâu bò về chuồng.

«Vương-công đã từng đầu quân, còn ông thân-sinh ra tôi thì là một tay thủy-thủ lão-luyện. Tuy nghiêm thì có nghiêm, nhưng các ông chiều chúng tôi lắm. Tôi và các cô con gái Vương-công đều bồ côi mẹ. Cứ xem cái giáo-dục của chúng tôi thì biết.

«Khi nào chúng tôi làm bài vở xong, thì chúng tôi được thả lỏng. Các ông coi chị em chúng tôi như là bạn vậy. Các ông dạy chúng tôi tất cả môn học trăn nuôi, và cách chăm nom súc vật, để một ngày kia chúng tôi có đủ tư-cách bảo-ban quản-đốc những người làm.

Ngoài ra chúng tôi lại phải pha rượu «thập-cẩm» (cocktails) là một việc không thể giao-phó cho một thằng ở nào hết.

Còn như việc «thòng-lọng» ngựa, đóng yên ngựa, thì thường để cho tụi mục-đồng họ làm. Song, nếu cần ra, những việc như thế chúng tôi làm được tất cả.

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Cô-nương gọi «thòng-lọng» ngựa là thế nào?

— Thòng lọng ngựa nghĩa là khi nào có một con ngựa sổng, thì lấy một cái giây đánh thòng lọng sẵn choàng vào cổ nó mà giắt về, rồi đóng ngay yên vào. Về việc này ông thân-sinh ra tôi và Vương-công rất là lưu-ý. Các ông xem-xét việc của chúng tôi làm từng ly từng tí.

«Việc giữ dìn súng ống cũng vậy, nguyên vẫn có người ở họ bôi mỡ và lau chùi, nhưng, chúng tôi cũng học làm lấy, để có thể kiểm-soát lại công việc người nhà làm. Đã nhiều lần, lúc ban đầu vì còn bỏ

(1) Quần-đảo Phi-luật-tân ở biển Trung-hoa, nguyên trước là thuộc-địa của Y-pha-nho, năm 1898 người Hoa-kỳ giật mất.

(2) Đảo Hải-oai nhất-danh là đảo Sang-đích cũng sáp-nhập làm thuộc-địa của Hoa-kỳ tự hồi đó.

sót một vết rỉ cỏn con, chúng tôi bị phạt không được dùng súng trong tám hôm.

«Lại khi chúng tôi đi rừng gặp mưa thì chúng tôi cần biết dóm bếp bằng củi ướt, làm sao cho nó cháy được. Trừ cái bài mẹo ra, tôi tưởng không còn cái gì khó học bằng việc này.

«Ông thân-sinh ra tôi và Vương-công tức là hai tay phụ-đạo của tôi đó. Ông thân-sinh ra tôi thì dạy tôi tiếng Pháp, Vương-công thì dạy tôi tiếng Đức. Các ông dạy tôi cũng loàng-nhoàng; các bài chúng tôi học trên yên ngựa hay ở giữa rừng, còn có bổ-ích cho chúng tôi hơn là những bài các bà bảo-mẫu dạy chúng tôi học ở trước bàn học.»

— Cô-nương cho nghe nốt.... Xin cô-nương cho nghe nốt.

— Gặp lúc chiều giời mát mẻ, hai cô con gái Vương-công thường đến thăm tôi ở Hy-lô là nơi ông thân-sinh ra tôi có hai ngôi nhà; một ngôi ở ngay bờ biển.

« Chúng tôi hết phi ngựa lại bơi thuyền, hết câu cá lại tập lội. Ông thân-sinh ra tôi vốn có chân trong Ngự-thuyền câu-lạc-bộ ở Hải-oai, nên thường cho chúng tôi đi theo. Ông thích chơi biển lắm, không mấy lúc là ông không nói đến chuyện đi biển.

« Năm tôi 14 tuổi, tôi đã được nghiễm-nhiên đóng vai chủ nhà, có quyền bảo-ban kẻ ăn người ở, mà nhắc đến cái quãng này trong đời tôi, bây giờ tôi cũng vẫn lấy làm tự-đắc.

« Năm tôi 16 tuổi, tôi cùng hai người chị em bạn kia, bị phải sang trọ học ở trường Minh-sơ ở bên Ca-li-phó-ni. Trường này, lúc bấy giờ có tiếng lắm. Ở đấy không khí thật là khó thở. Chúng tôi đã nhớ nhà lại bị các cô thiếu-nữ khác động gặp chúng tôi, thì bĩu môi, bĩu mỏ, lại coi chúng tôi chả khác gì tụi mọi nhỏ vẫn ăn thịt người.

« Họ thường nói bóng nói gió, buộc tội cho tổ-tiên chúng tôi đã ăn thịt đại-úy Cốc. Thế mấy thật bâng quơ chứ. Trước hết là vì tổ-tiên chúng tôi không ở Hải-oai, sau là vì đại-úy Cốc không bị người nào ăn thịt mất.

« Tôi ăn ở trong trường Minh-sơ ba năm giời ấy tựu-trung cũng có khi dán-đoạn vì những lúc tôi đi về thăm nhà. Ở đó về, tôi sang ở hai năm bên Nữu-ước, là nơi ông thân sinh ra tôi làm nên giầu có lớn, và bao nhiêu ruộng đất ở Hải-oai bán đi hết (Vương-công cũng mua lại được ít nhiều), rồi dọn cả nhà cửa sang đấy ở.

« Nhưng không may, ông thân sinh ra tôi, chỉ gặp có hai việc mà thành ra sa-sút, việc thứ nhất là việc giồng mía ở Mão-uy (thuộc đảo Sang-đich). Đất ở đó thì xấu, cử các viên kỹ-sư canh-nông đi xem xét thì khi về họ làm tờ trình bố láo cả. Việc thứ hai là việc đặt trong đảo ấy một con đường hỏa-xa, tên là « Cái ngông của Lạc-lan thiếu-nữ ». Một ngày kia, con đường này cũng sinh lợi, nhưng khi có lợi thì muộn quá rồi.

« Chúng tôi lại bị dấp đến cái việc thất-bại vì con sông đào Bế-lô-lô. Rồi tiếp ngay dịp đại khủng-hoảng ở các Ngân-hàng, thế là bao nhiêu mối hy-vọng cuối cùng của chúng tôi, đều bị hụp vào hai việc ấy. Khốn nạn, tôi nghĩ mà thương cho ông thân-sinh rất tốt và đáng quý của tôi! Ông muốn giấu tôi cái tin buồn ấy, nhưng tôi xem nhật-báo đã biết rõ cả rồi.

« Các chị em bạn tôi ở trường Minh-sơ chỉ nghĩ đến có một việc hôn-thú. Các bà giáo thì cắt nghĩa như rót vào tai chúng tôi rằng : cái hạnh-phúc bình-sinh của một người đàn bà trông cả vào đó. Các bà nói đến nỗi tôi cũng phải tin là có lý.

« Vì cha tôi sa-sút, mà cảnh gia-đình đang vui vẻ, bỗng chốc hóa tang-thương, cái đời lênh-đênh chìm nổi của tôi, bắt đầu từ đấy. »

Chàng Xen-đôn hỏi :

— Thưa cô-nương, cái việc biến-cố ấy xảy ra đã bao lâu nay ?

— Thưa tôn-ông, mới năm ngoái đây, tức là cái khi xảy ra việc sụt giá cổ-phiếu kia vậy.

Chàng Xen-đôn nghiêm nét mặt nói tiếp :

— Ta thử tính coi... Mười sáu với ba, với hai, với lại một, là đi hai mươi hai. Vậy thì cô-nương sinh năm 1887, và năm nay cô-nương hai mươi hai có phải không ?

— Thưa đúng như vậy. Nhưng sao tôn-ông tò-mò thế !

— Xin cô-nương tha lỗi cho. Nhưng cô-nương hẳn cũng chịu cho rằng bài tính-đố này giải-quyết được, cũng thú-vị lắm chứ.

— Tôn-ông nói với tôi câu chuyện nào cũng vô-duyên lắm. Cái đó chả biết tự bẩm-tính của tôn-ông, hay tại Tôn-ông là người nước Anh nên có cái tính-tình ấy ?

Trong cặp mắt nàng, bấy giờ lộ ra vẻ chế-riễu cay độc, rồi nói tiếp :

— Xen-đôn tiên-sinh ơi ! Tiên-sinh phải nên đọc qua cuốn sách « Chồng Anh vợ Mỹ » của Diệc-túc An-bích-tôn cho biết.

— Cám ơn cô-nương. Tôi biết cuốn đó. Rồi chàng chỉ vào cái giá sách trong các ngăn có đầy những sách mà nói thêm rằng :

— Cuốn sách đó hiện ở đây kia. Nhưng, tư tưởng xem ra hình như có vẻ thiên-lệch.

— Cái đó cố-nhiên. Phàm cuốn sách nào mà không ca-tụng nước Anh và những người Anh đều là khả-nghi cả... Dù sao mặc lòng, thật quả xưa nay, bao giờ tôi cũng ác-cảm với những người Anh. Cái người tôi quen biết cuối cùng, là người quản-lý một cái trại của nhà chúng tôi ở Hải-oai, sau ông thân-sinh ra tôi phải «mời» tiên-sinh ấy nghỉ việc.

— Một con cừu non ghẻ-lở có đâu làm lây tiếng đến cả một đàn cừu.

— Đã đành thế, nhưng cái điều tôi biết chắc chắn là cái ông người Anh đó đã làm phiền lòng chúng tôi nhiều lắm. Vả, từ nay tôn-ông cũng chả nên vô-cớ chọc tức tôi làm gì. Tôi có tính xấu, tôi tự biết lắm...

— Tôi sẽ gắng sức để cô-nương khỏi phiền lòng.

(Còn nữa)

Tản-Đà thư-cục đại tiến-hành quảng-cáo

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi, thự-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.* — *Thơ-ca.* — *Trước-tác.* — *Dịch-thuật.* — *Tiểu-thuyết.* — *Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Hiện đưa tại nhà in :

1.— **Tản-đà văn-tập quyển nhất**. (Luận-thuyết-loại. — Tức các văn ở hai quyển *Khối-tình bản chính và bản phụ* khi xưa, hợp in làm một. Có « lời tựa chung các sách của Tản-đà thư-cục » in ở đầu.

2.— **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại.— Chuyện này hợp với *Kiếp phong-trần* cùng in làm một quyển, mà lấy theo ba chữ đây làm tên.)

Các giá bán lẻ và bán buôn như sao, sẽ có tiếp-tục tưởng-cáo.

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính trọng lương-tâm con nhà nghề

Người biết làm nghề gì đều phải kính-trọng nghề ấy, lúc nào lương tâm cũng bó buộc phải làm cho tròn bổn-phận, cho khỏi phụ với lời ủy-thác của người ta.

Một nghề đáng chú ý nhất là nghề dạy học.

Nhận cái chức-trách ông giáo, tức là phải chịu lời hứa, lòng tin của bao nhiêu phụ-huynh học-trò, phải mang một bổn-phận rất lớn là rèn đúc bao nhiêu khối óc non mới đặt ra đời còn bỡ-ngỡ. Khó khăn lắm! Thận trọng lắm! Giảy làm sao cho học-trò giỏi? Giảy làm sao cho học-trò hay? Mỗi cậu học-trò nhỏ kia là một phần-tử trong quốc-dân sẽ gánh vác công việc nước nhà sau này vậy.

Một người rất kính-trọng lời hứa, rất kính-trọng lương-tâm nhà nghề, hy-sinh vì sự giáo-dục trẻ em, tôi xin giới-thiệu ông đốc trường Song-Thanh : ông Hoàng-sĩ-Xuyến.

Một khu trường nguy-nga ở góc phố Hòa-mã và phố Jacquin, thường thấy hàng trăm rưởi trẻ em hớn-hở tấp-nập cắp sách đến học, ta nên để ý ông Xuyến mời những giáo-sư bực nào : Lớp nhất và lớp nhì, hai ông giáo ngang sức tú-tài tây ; lớp ba (tức sơ-đẳng) một ông giáo theo gần hết hạn Cao-đẳng tiểu-học, còn lớp cuối, các em còn nhỏ, giao cho một bà giáo nhu-mì ôn-hòa săn-sóc trông coi. Ông Xuyến còn mời được một nhà văn-sĩ đã có tiếng, kiêm họa-sĩ, thường ngày thứ năm thứ bảy, đến dạy các lớp trên về khoa Quốc-văn, Hán-văn và vẽ «perspective» nữa.

Vậy ông bà nào có trẻ em đi học tưởng chẳng nên quên :

Trường Song-Thanh

ở góc đường Hòa-Mã và Jacquin bên cạnh nhà rượu sau nghĩa-địa Saïgon

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình.

Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Xe ngựa, Xe ô-tô, Đòn cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu lịch-sự, công việc nhanh tróng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác.

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) Số 69, phố hàng Giầu (69, rue Fellonneau)

HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-Mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi khen, hiện mới tổ-chức hiệu **DƯ-MỸ** *trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-trượng, thấn-dư, rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc* **hiếu** *cho hợp cách tân-thời và thêm trân trọng cho nhà tang-chủ.*

Xe ngựa *có nhiều hạng từ* **10$00** *đến* **100$00**.

Xe ô-tô *rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.*

Các xe, đòn *trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự dủi do ở dọc đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn).*

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** *đặt* **vòng hoa cườm, hoa giấy, hoa tươi,** *bản-hiệu xin có đủ các thứ* **cực-phẩm**, *kiểu đẹp gia rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.*

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** *không dám tính tiền, và việc* **khâm liệm, nhập qnan, xin đất** *vân vân.*

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng ý xin viết thơ chỉ giáo, bản-hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

舉美號 殯車馬 出賃局 賣花圈 價大賤 開報事 不取費錢

河內 正所行劄街十號 附所 行油街六十九號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoï

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 34

NGÀY 26 MARS 1932

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 17313

安南雜誌

AN-NAM TẠP-CHÍ
REVUE DE L'ANNAM

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . . 5$00
Nửa năm . . . 2,60
Một số 0,10

Dépot légal
Le 29 mars 19
L'Administrateur

119

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Muốn tiện việc sổ-sách, xin nhắc lại để các ngài Đại-lý nhớ cho rằng: từ nay, cứ vào ngày mồng 5 đầu tháng, xin các Ngài cho biết số báo bán trong tháng trước và nhân tiện gửi mandat về cho. Bản-chí lấy làm cảm tạ lắm lắm.

☆☆☆

Vì số báo vừa ra, được các độc-giả đặc biệt hoan-nghinh, nên số báo in ra hiện ở Hanoi đã bán hết cả. Vậy xin các ngài đại-lý ở các tỉnh, nếu số báo 32 còn thừa lại, thì xin gửi ngay về cho.

Kính cáo

An-nam Tạp-chí

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, đầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**

N° 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu điều đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

BÀI-TRỪ CÁI NẠN PHAN-KHÔI Ở NAM-KỲ

CÙNG BÀI « TỐNG - NHO VỚI PHỤ - NỮ »

Trong *Phụ-nữ tân-văn* số 95, ra ngày *13 août 1931*, ông *Phan-Khôi* có viết bài « *Tống-nho với phụ-nữ* », yết đại-ý ở dưới đề-mục rằng:

« Cái luật cấm cải-giá là bất-công, vô-đạo, cướp mất quyền-lợi đàn-bà mà không bổ-ích gì cho phong-hóa, nên phế-trừ đi là phải ».

Theo ý tôi, thời: Cái đại-ý của bài luận-lý ấy, thực là *bất-công, vô-đạo, làm hại phong-hóa mà không có bổ-ích gì cho đàn-bà, nên phế-trừ đi là phải.*

Xin cứ những lời tầm-bậy trong bài ấy, chỉ-trích và thuyết-minh ra, để phụ-nữ trong Nam và chư-vị Độc-giả cùng nghe, rồi sẽ kết tội-án Phan-Khôi ở cuối.

Ngay trong lời yết đại-ý ở dưới đề-mục của bài ấy, mở đầu có năm chữ « *cái luật cấm cải-giá,* » thực rất là tầm-bậy! Sự tầm-bậy đó, ở chữ « *luật* » và chữ « *cấm* ».— Nói về chữ « *luật* », tự ông Khôi cũng đã biết là nói bướng, cho nên ông có đỡ lời ở *khoảng cuối cột thứ sáu* trong bài ấy rằng:

« *Sự cấm cải-giá đó, tôi kêu bằng « luật », không phải là luật thiệt đâu. Nó không phải là luật trong pháp-luật, mà là luật trong luân-lý* ».

Đã biết không phải là *luật*, thời sao được dùng chữ đó để nói bướng? Xưa nay trong Hán-văn, chỉ thường thấy có những chữ « pháp-luật — 法律 », « hình-luật — 刑律 » chớ có chữ « luân-lý-luật — 倫理律 » đặt đi với nhau bao giờ? Ông Khôi biết là nói bướng mà cứ nói, cho nên bảo là *lời tầm-bậy*, thực rất là không oan!—

Chữ « *luật* » đã tầm-bậy, thời chữ « *cấm* » theo ở đó mà ra. Phàm những sự gì do pháp-luật cấm chỉ không cho ai được như thế, nếu có ai dám như thế thời phải bắt làm tội, như thế mới dùng đến chữ « cấm— 禁 ». Cho nên như ở các đầu đường ngõ hẻm trong thành-phố, thường có yết chữ : « 禁不得放穢 — *Cấm bất đắc phóng uế* ». Vậy thời nếu có ai phóng uế ở chỗ đó, ông Phú-lít sẽ bắt làm tội. Như thế mới rõ là « *cấm* ». Còn như đối với sự *cải-giá* của đàn-bà, xưa nay, dù vua chúa, dù thánh-hiền, chỉ có khuyên người ta giữ được đạo trinh-tiết là đáng quý đáng chuộng; chớ chưa từng có điều-luật, kinh-điển nào dám nói rõ: « cấm bất đắc cải-giá » bao giờ. Đối với sự ấy mà nói rõ chữ « *cấm* », tôi chỉ nghe thấy, trong khi tôi còn nhỏ, ở những *đám hát chèo* ở thôn-quê xứ Bắc, vai hề ra hát, có câu rằng:

« *Chỉ vua ra cấm con gái hóa không cho đi lấy chồng.*
« *Trống cơm ai vỗ nên « bông!* »
« *Một đàn con nít sang sông đi tìm. . . .* »

Đến nay lại coi thấy ở trong bài luận-thuyết của ông Phan-Khôi là thứ hai. Lấy cái học-thức *chú hề chèo*, mà viết bài luận-lý, đăng lên to lớn ở trong tờ Tân-văn. Ôi, nghĩ cũng đáng buồn cho Báo-giới nước ta lúc nay, mà riêng tiếc cho tờ Tân-văn son phấn kia vậy!

« Cái luật cấm cải giá » mà ông Phan-Khôi đã nói bậy ra đó, ông cốt để vu buộc vào cho Tống-nho. Cho nên ở đầu bài của ông viết, đặt là « Tống-nho với phụ-nữ ». Trong bài, nói về những người đàn-bà xa chồng mà ở yên không đi lấy chồng khác, cùng những người đàn-bà hóa chồng mà ở vậy không đi lấy chồng khác, ông Khôi cho là chịu cái ảnh-hưởng của Tống-nho phần thứ nhất. Những lời của ông rằng:

« . . . cái ảnh-hưởng trực-tiếp thứ nhất là chịu của Tống-nho, tức là cai luật cấm đàn-bà cải-giá ».

« . . . phụ-nữ ta vẫn còn sự thiệt-thòi giống như vậy (1) bởi cái học-thuyết của Tống-nho ».

Hai chữ « Tống-nho » trong bài của ông, ý riêng trỏ vào phái Trình-tử, Chu-tử, mà phần nói về Trình-tử nhiều hơn. Lời ông Khôi rằng:

« Vậy mà đến Trình-Hy (2) (sanh năm 1033) thời ông chủ-trương một cách nghiêm-khốc quá, ông cấm tiệt đàn-bà không được cải-giá, chẳng hề dung-chế một chút nào ».

Lời ông Khôi buộc lỗi Trình-tử như vậy, mà ông dẫn-trứng ở trong một quyển sách chữ nho có nói:

又問。人或居孀貧窮無託者。可再嫁否。曰。只是後世怕餓死。故有是說。然餓死事極小。失節事極大。

Ông Khôi dịch:

« Lại hỏi (3): người đàn bà ở góa mà bần-cùng không cậy nhờ ai được, thời có nên tái-giá không?

« Đáp rằng (4): chỉ có người đời sau « đối với đời

(1) Ông Khôi trỏ vào việc vợ Trần-Hòa trong bài nói của ông.

(2) Cứ ở sách: Trình-tử, Y-Xuyên tiên-sinh, tên là *Di* (程頤 — *Trình-Di*); Chu-tử, Hối-am tiên-sinh, tên là *Hy*. (朱熹 — *Chu-Hy*). Trong bài của ông Khôi có nói đến cả hai người: Trình-tử, Chu-tử. Vậy mà ông nói đến Trình-tử, toàn viết là « *Trình-Hy* »; còn tên của Chu-tử thời không thấy nói đến. Lấy họ của người nọ, đặt vào tên người kia, như thể hợp hai người làm một, thật là kỳ-quặc! Xem sự học của ông Khôi cẩu-thả vô nghĩa-lý như vậy, thời về phần luận-lý của ông đủ biết.

(3) Lời hoặc-giả. — (4) Lời Trình-tử.

xưa), sợ chết đói, mới có cái thuyết ấy. Song le, chết đói là sự rất nhỏ, còn thất-tiết là sự rất lớn!»

Giở lên, theo những lời đã chỉ-trích trong bài của ông Khôi, xin chia làm hai đoạn thuyết-minh, cho thấy sự luận-lý không chánh-đáng của bài luận-lý ấy.

Cứ nguyên-văn một đoạn trong sách chữ Hán như trên, mà ông Khôi dịch nghĩa ra như thế, thực là đúng. Dịch nghĩa đã đúng, mà nhận nghĩa sao còn sai? Chỉ là ông Khôi cố ý buộc lỗi cho Trình-tử, cho nên lời luận-lý thành ra khiên-cưỡng mà không chánh-đáng vậy. Nay thuyết minh:

Cứ như lời của kẻ hỏi Trình-tử đó, chỉ hỏi là «có *nên* tái-giá không?» Thực cũng chưa từng có nói đến tiếng «*được*». *Nên* với *được*, hai chữ ấy khác nhau rất xa. Đến như Trình-tử đáp lại, ý nghiêm mà lời rất thư-từ, không dám bảo ngay kẻ hỏi rằng *không nên;* chỉ đem hai sự đối nhau, phân-trần khinh trọng, (chữ nhỏ đó, ý là khinh; chữ lớn đó, ý là trọng). Nên hay không nên, mặc người hỏi tự quyết-định lấy. Ví như:

Có kẻ hỏi: Ở nhà thời nhịn đói, có nên đi xin mà ăn không?

Đáp rằng: nhịn đói là sự thường, đi xin mà ăn là sự quan-trọng.

Vậy thời kẻ kia nếu không nhịn được đói, cứ đi xin mà ăn; không nên hay nên, cũng mặc ý. Tự người giả lời câu hỏi đó, muốn bảo rằng không nên, còn không dám nói rõ, mà đâu có dám rằng cấm ai?

Nay ông Khôi đã dẫn dịch câu ấy như thế, mà buộc chặt cho Trình-tử rằng «*Cấm tiệt đàn bà không được cải giá.*» Thực là *vu hãm tiên-hiền* 誣陷先賢 vậy!

Xét ra chỗ ông Khôi vu hãm Tiên-hiền như thế, thời biết những lời của ông nói, cho những người đàn bà xa chồng mà ở yên, cùng những người đàn bà hóa chồng mà ở vậy, *cái ảnh-hưởng trực-tiếp thứ nhất, là chịu của Tống-nho*, thực là không có căn-cứ gì vậy. Nay lại xin cứ ở kinh sử, xét theo mấy câu ngôn-luận, mấy sự hành-vi của cổ-nhân, cho thấy rõ những lời luận-lý của ông Khôi, chỉ là tầm-bậy.

Xét về ngôn-luận :

Ở kinh *Dịch*, có câu rằng : 婦人貞吉從一而終也 « *Phụ-nhân trinh cát, tùng nhất nhi chung dã*» Nghĩa là « *Người đàn bà mà chính truyền, ấy tốt: Theo một chồng cho trọn đời.* »

Ở sử *Bác*, đời Chiến-quốc, lời Vương-Chúc: «烈女不更二夫 *Liệt-nữ bất canh nhị phu.*» Nghĩa là «*Người con gái tiết-liệt: không đổi hai đời chồng.*»

Ngạn-ngữ của nước ta có câu: « *Gái chính-truyền, lấy một chồng.*» Tức là do ở hai câu chữ nho kia thoát nghĩa sang vậy.

Xét về hành-vi:

Ở kinh *Xuân-thu*, truyện họ *Tả* : « Công-tử nước Tấn là Trùng-nhĩ, chạy nạn qua nước Địch, có lấy người vợ tên là *Quý-ngỗi*. Lúc Trùng-nhĩ lại bỏ Địch sắp chạy sang Tề, bảo Quý-ngỗi rằng: « Đợi tôi hai-mươi-nhăm (25) năm không giở lại thời rồi hãy đi lấy chồng». Quý-ngỗi nói; « Tôi nay đã hai-mươi-nhăm năm (tức là tuổi) lại như thế nữa mà mới lấy chồng, thời chỉ có chui vào quan-tài! Nhưng mà xin đợi anh.»

Ấy là người đàn bà xa chồng mà đành lòng ở yên.

Ở kinh *Thi*, thơ Bách-chu:

汎彼柏舟。在彼中河。髧彼兩髦。實維我儀。之死矢靡他。母也天只。不諒人只。

« Phiếm bỉ bách-chu, tại bỉ trung-hà.
« Khảm bỉ lưỡng mao, thực duy ngã nghi.
« Chi tử thỉ mỹ tha.
« Mẫu dã thiên chỉ, bất lượng nhân chỉ !

Dịch :

« *Lênh-đênh kia chiếc thuyền chôi !*
« *Chiếc thuyền gỗ bách ! ai ôi giữa giòng !*
« *Trái-đào buông xuống song song,*
« *Thật là đôi lứa sánh cùng với ta.*
« *Thân này đến chết ru mà.*
« *Thề rằng chẳng có đậm đà cùng ai.*
« *Mẹ ơi, mẹ thật như giời!*
« *Sao mà chẳng lượng cho người thế ru?* »

Thơ này của nàng Cung-khương nước Vệ. Nàng hóa chồng sớm, bố mẹ muốn lại đem gả chồng khác, mà Nàng nhất định không nghe, cho nên làm ra thơ đây để tự thề cái chí mình.

Ấy là người đàn bà hóa chồng mà quyết lòng ở vậy.

Tóm lại những ngôn-luận hành-vi của cổ-nhân như đó, đều ở về những đời Xuân-thu Chiến-quốc giở về trước, tức là ngang với nước ta trong khoảng đời Hùng-vương. Trình-tử, Chu-tử, các vị Tống-nho sinh đời Nam-Tống ở Trung-quốc, ngang với sử ta giữa đời nhà Lý giở về sau. Cứ vậy ngẫm ra, tự thấy rằng một đạo trinh-tiết của đàn bà Á-đông, thực do thượng-cổ truyền lai, gốc ở một chữ 貞 *trinh* trong kinh Dịch nẩy mầm ra, đời đời nối tiếp vun bồi, gây thành cái phong-hóa tuyệt thanh quí trong nhân-loại. Nay Phan-Khôi dám cho những sự đó là *đàn-bà chịu sự thiệt-thòi*, mà lại qui cái ảnh-hưởng trực-tiếp là chịu của Tống-nho. Thực là *loạn ngôn hoặc chúng* 亂言惑衆 vậy!

(sẽ tiếp)

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Lời phẩm-bình của thiên-hạ

Si la critique est juste et pleine d'égards, vous lui devez des remerciements et de la déférence ; si elle est juste et sans égards, de la déférence sans remerciements ; si elle est outrageante et injuste, le silence et l'oubli.

D'ALEMBERT

Nhời bình-phẩm nào công bằng mà biết lễ-nhượng, ta nên cảm tạ và nể-vì. Nhời bình-phẩm nào công-bằng nhưng không giữ lễ-nhượng, ta nên nể mà không cần cảm-tạ. Nhời bình-phẩm nào vô-lễ mà không công-bằng, ta nên bỏ qua không nói đến, quên bẵng không nghĩ đến.

Ng. T. L. dịch

Certains critiques de notre temps éprouvent besoin de rabaisser, d'amoindrir, d'éteindre avec frénésie tout ce qui est grand, tout ce qui s'élève au dessus de leur incapacité morale.

X. X. X.

Nhiều kẻ phê-bình ở buổi đời nay, chỉ muốn thấy cái gì to-tát thì kéo nó xuống, làm giảm giá-trị nó; thấy cái gì cao-thượng hơn cái lòng mờ tối của họ, chẳng biết thế nào là **tà**, thế nào là **chính**, chỉ vùi giập nó đi, hình như họ không làm thế thì không chịu được.

Ng. T. L. dịch

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN

IV

Việc viết văn theo nhời nhẽ mới và lề-lối mới, có nhẽ lại là một việc khó hơn là đem tư-tưởng mới và cảm-tình mới thu-thái vào văn của ta. Vì sao? Vì nhời-nhẽ và lề-lối văn của ta nếu không theo cái nếp cũ của Hán-học để lại, thì có nhẽ nhời khó thành nhời, mà lối không ra lối. Quốc-văn và Hán-văn liên-lạc với nhau đến như thế!

Cái chỗ liên-lạc đó dẫu ai muốn ngắt đứt đi cũng không thể ngắt được; mà cũng không ai điên-rồ gì, đến nỗi muốn ngắt đứt đi. Đã hay rằng đời bây giờ không phải là đời ta học chữ Nho được nữa rồi, một là bởi vì chữ Nho đã không đủ làm một cái khí-giới trong cuộc cạnh-tranh sinh-tồn của từng người, hai là bởi vì chữ Nho không đủ làm cái khí-giới trong cuộc cạnh-tranh sinh-tồn của một nước; song, có chữ Nho tức là có thêm một cái kho văn-hóa nữa, để cho ta xem xét, rồi tùy hay hay dở mà bắt chiếc hay không bắt chiếc. Huống chi quốc-văn ta từ trước đến nay, có nhiều bài tinh-thần Nam-Việt mà nhời nhẽ thì toàn là chữ Nho; lại những bài nào bằng chữ nôm, cũng đều dùng nhiều chữ Nho và điển tích trong sách Nho ; nhiều tiếng chữ Nho đã hóa thành những tiếng An-Nam hẳn rồi, đàn-bà trẻ con cũng hiểu đó là những sự ai nấy đều rõ; vậy dẫu ai muốn làm «tân-thời văn-học», nếu chỉ có học mới thiếu một chút Hán-học, tất cũng chưa hoàn-toàn; tuy chẳng cần phải quay về học lại từ Tam-Tự-Kinh mà đi, song cũng phải biết qua học cũ và để ý vào những các chữ Nho hay dùng điểm lẫn Quốc-văn. — Nhưng một đằng cứ khảo về nguồn-gốc Quốc-văn, một đằng cứ muốn cho Quốc-văn mới ra; muốn tránh cho nhời nhẽ và lề-lối của Quốc-văn phải cũ mãi, hi-vọng ấy không phải là viển-vông.

Các nhà văn An-Nam ai là người hiểu nhẽ đời, tưởng nên mau mau bỏ hết những chữ Nho mà vẫn hay đem pha vào Quốc-văn đi ; phàm cái gì có thể nói bằng tiếng An-Nam, thì xin nói tiếng An-Nam cho, trừ những tiếng chữ Nho rất dễ hiểu, đối với khắp các hạng người trong nước An-Nam cũng không có gì là khó-khăn, thì hãy dùng.

Người viết bài này có khi chưa làm được như nhời nói ấy. Đó cũng là vì cái nếp nhà, cái giáo-dục của gia-đình. Nhưng, chúng tôi đâu dám tự lấy văn của mình mà làm gương, dẫu làm ví-dụ cũng vậy. —

Cái nhẽ nên bỏ bớt chữ Nho trong những bài Quốc-văn đi, tuy đã bàn nhiều, nhắc lại một lần tưởng cũng không thừa. Vậy văn mới không nên có nhiều chữ Nho, đó là một điều.

Điều thứ hai nữa, là nên phá bỏ cái lối mà chữ Nho gọi là « dụng điển », nghĩa là lấy các điển-tích, các công việc kể trong sách cũ mà có liên can đến đầu bài văn của mình, đem ra mà dẫn. Điển-tích cũ không nên đem ra nữa, mà điển-tích mới, nghĩa là điển-tích Hi-Lạp, La-Mã, Pháp-Lan, tưởng cũng không cần phải đem vào. Bởi vì lấy điển-tích mà làm văn, rút lại chỉ là sống trong cõi mộng và lăn lộn trong đống sách.— Sự thực, trong đó mới chính là có nhiều « điển-tích » đáng chú-ý, có nhiều bài học mà nếu tầm con mắt ta đủ sức xét cho đến nơi đến gốc, thì bài học ấy giúp ích cho tư-tưởng và cảm-tình của nhà văn, nuôi cho cái hồn văn, thêm màu thêm vẻ cho nhời văn, chẳng kém điển-tích trong sách chút nào. Đã hay, làm văn-chương mà có dùng điển-tích cũng nhiều khi câu văn được gọn gàng ý-vị.— Nhưng đời mới, xin hãy tạm để cái sự thực lên trên cái thú được dựa vào quyển sách.

Điều thứ ba, xin bỏ những « câu sáo », những chữ đã sẵn có trong các bài văn cổ rồi về sau ai nấy đều đua nhau đem ra dùng, lấy vào làm của mình.— Đã hay rằng nếu nhất định dùng chữ gì cũng là chữ mới cả, thì điều ấy không thể sao đạt được, vì tiếng nói gì mà chẳng là tiếng chung, câu văn gì mà chẳng phải ghép tiếng nói lại, mới thành câu.— Như ông **La Bruyère** đã nói: « Trải qua hơn sáu nghìn năm có giống người, mà giống người là loài có tư-tưởng,— thì còn điều gì mà chẳng đã có người xưa nói ra trước mình ». (*Tout est dit depuis six mille ans qu'il y a des hommes et qui pensent*), nhời ấy tuy hơi quá nhưng không phải là không đúng. Vậy thì tránh sao được những câu sáo?—Đã hay tránh hẳn được các câu sáo, khó lắm. — Nhưng cứ phải cố mà tránh được chút nào, có nhẽ văn có thể mới thêm chút ấy. Nhời bàn ấy tưởng như thừa; nhưng xem văn tả-cảnh của ta bây giờ, sẽ thấy vừa tránh được những các câu sáo cũ: « khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang », hay là « án sách, ngọn đèn », « phím loan bút thỏ », hay là « nhà cao, cửa rộng », « điếu-sứ mâm son »,— thì lại mắc vào với các sáo mới: « mặt trái soan, mắt lóng lánh, áo bông-bay, khăn chale xanh, trắng, hồng, » để tả người, hay là cái « a-ba-giua-xanh », bộ « sa-lông », « ngọn đèn măng-sông », « chiếc giường sắt », một trăm nghìn đoản-thiên tiểu-thuyết đăng ở các nhật báo, các tác-giả cũng đua nhau quanh mấy câu sáo ấy, tưởng nhầm đó là « văn mới », « tả cảnh giống lối-văn tả cảnh trong các *tiểu-thuyết tây* » *nghĩ* cũng thương tâm thay!— Về văn tả tâm-lý, nếu không biết tránh những câu sáo, sẽ có cái hại hơn, vì nhời hèn mà không vẽ ra được tư-tưởng và cảm-tình mới.

Điều thứ ba nên bỏ đi, là một sự nệ về cách đặt câu, cầu kỳ cho chữ nọ đối chữ kia, câu nọ đối câu kia. Lối văn « câu đối » cứ theo văn xưa thì nó lẫn vào trong khắp các lối văn khác, nào thơ nào phú— nào văn lục-bát, hay song thất lục-bát, văn tế, văn bia, có xem câu đối ở trong cả, mà cả văn xuôi hay nhời nói thường, cũng xen câu đối, cái đó có nhẽ kể về nghề chơi thì có thú-vị thật, kể về công-dụng thì có thể nhân vì gò gẫm nhời nhẽ mà bắt phải nung nấu ý-tứ cho sâu xa thật,— kể về tâm-lý thì có nhẽ trong cái bản-tính của người An-Nam có một cái tính ưa những ý-tứ và nhời nhẽ dóng đôi, nếu không thế thì không thấy « cân », không thấy « chỉnh »,— song chung qui không khỏi khiến cho vì những sự vụn vặt mà hại đến cái khí-văn, vì gò-gẫm quá mà mất cái lực của văn. Nếu đời mới mà cứ nệ mãi vào những sự kén chọn lựa lọc cân nhắc chữ nọ chữ kia, không khỏi làm chậm sự tiến-hóa của quốc-văn. Bởi lối văn câu đối đối chữ đối nghĩa đối nhời đi thì tức là làm biến-đổi hết cả thể thơ phú văn chương cũ, đó là một việc lớn. Nhưng chẳng quyết-định mà làm thì có nhẽ đào-thải rồi những lối văn ấy tự-nhiên cũng mất đi hay biến-đổi. Hiện nay có nhẽ không mấy ai ngồi rung đùi làm văn sách, làm phú. Vậy hiện nay tuy còn nhiều người làm thơ cả người học mới lúc buồn cũng chỉ biết cái thú làm thơ, nhưng nếu hai ba mươi năm nữa, không ai làm thơ theo lối cũ, vị tất đã không phải là một sự tiến-bộ. Thơ ca cũ, câu đối cũ, là một cách chơi thanh thú thì mai sau mãi mãi cũng vẫn để làm một cách chơi được.— Nhưng cái tương-lai của quốc-văn hay dở có nhẽ mong về văn xuôi, mà cái văn xuôi hay ở cái sức mạnh đi lai láng như sóng, vùn vụt như gió, như mây, êm như gió thoảng, sáng như giăng như sao, đạt được ý, vẽ được tình, chứ không hay ở những cái tiểu-xảo.

(Còn nữa)

Nguyễn-Tiến-Lãng

Khẩn-cáo

Vì Nhà nước đổi lại các số nhà ở Phố hàng Khoai, vậy Bản-quán vẫn ở nhà cũ, mà từ nay là số 72.
Từ kỳ sau xin độc-giả chư vị chú-ý.
A. N. T. C.

VĂN CHƯƠNG PHIẾN LOẠN

(Littérature sédilieuse)

Trên mặt tờ báo Annam Nouveau ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã có nhiều lần bầy tỏ cảm-tình đối với cái quan-niệm của phái cựu-nho, mà nhất là đối với người lãnh-tụ phái ấy, là nhà chí-sĩ Phan Sào-nam. Mới đây, nhân dịp nhà thi sĩ Trần-tuấn-Khải, vì quyển «Sách chơi xuân», phải sa vào vòng pháp-luật, ông Nguyễn-văn-Vĩnh lại viết một bài đầu đề như trên đây, để nhắc lại những ý-tưởng sâu xa của ông về vấn-đề ấy.

Tôi tuy hèn kém, cũng dám tự nhận là một người em út trong phái làng nho; bởi vậy, đối với những nhời bình-luận của ông Nguyễn-văn Vĩnh, không thể coi như gió thoảng bên tai, mà bỏ qua đi được. Nhưng khốn nỗi..... Vả, tự xét không đủ tư cách để bình-phẩm thân-thế nhà chí-sĩ Phan Sào-nam, cũng là tư-tưởng ái-quốc của nhà đại chính-trị Nguyễn-văn-Vĩnh, nên xin cứ nguyên văn dịch ra sau đây, để chất chính cùng Độc-giả chư quân-tử.

. . .

Nhân việc tác-giả và người ấn-hành quyển «Sách chơi xuân» bị bắt, chúng tôi mới lưu-ý đến cuốn sách ấy mà, giá không có dịp này, có lẽ chúng tôi không để mắt tới bao giờ.

Người tác-giả tức là nhà thi-sĩ Trần-tuấn-Khải, mà cái thi-tài đã phát-lộ ra ở trong sự đặt ra giọng hát Cải-lương, thí dụ như bài hát «Anh khóa». Ông này cũng là một người trong phái những tay làng thơ xuất sắc, nhờ những câu thơ và những đoạn văn vần déo dắt, mà nổi tiếng, nhưng chính các ông thì, đối với những thơ văn ấy, lại chẳng có quan-niệm gì.

Trong mục thời-sự dưới đây, chúng tôi đã phàn-nàn rằng việc bắt bớ ấy có điều nghiêm-khắc quá. Nếu ở đây, chúng tôi lại bầy tỏ những lời bình-phẩm không có vẻ nồng-nàn với người đương bị nạn, thì chả hóa ra chúng tôi hẹp lượng lắm ru?

Tuy vậy, tôi muốn nhân đây mách-bảo cho bạn thiếu-niên ta hiểu biết cái tâm-trí những tay «thạo-nói» ấy hão-huyền đến thế nào.

Cần phải phấn-đấu, cần phải sinh-hoạt, tôi xin biểu đồng-tình với nhà thi-sĩ xuất-sắc kia ở chỗ đó. Nhưng bao giờ cũng cốt làm khêu-gợi trong lòng người ta những ý-tưởng sâu-não, nào có phải là sinh-hoạt! mà lúc nào cũng cứ đem những đứng anh-hùng anh-thư đời trước ra để mong đối-phó với những mãnh-lực đời nay, nào có phải là phấn-đấu! Những bực anh-hùng như ông Trần-Hưng-Đạo và hai Bà Trưng, thiên-cổ vẫn là anh-hùng, nhưng sự-nghiệp anh-hùng của các ngài bây giờ đã quá mùa rồi. Nay ta không có thể phấn-đấu bằng những lời nói hùng-hồn rỗng tuyếch và những mưu-mẹo đàn-bà được. Ta cần phải một là theo gương Thái-Tây như nước Nhật-bản, hai là quay phắt lưng lại với họ như ông Gandhi.

Ông Gandhi nhờ được ở tấm lòng mê-tín quả-cảm của những đám quần-chúng còn ngu-muội và nhất-định nằm yên ở trong cuộc đời điềm-tĩnh của họ. Còn ta đây, ngay trước mắt ta, lúc nào cũng thấy hiện ra cái cảnh-tượng một đám người chậm bước, nhưng tự biết mình chậm bước và tình-nguyện muốn tự đẩy mình vào cõi đời sinh-hoạt mới. Vậy muốn phấn-đấu, ta phải phấn-đấu ở trong vòng-khuôn cái đời sinh-hoạt mới ấy, chứ không phải ở trong những trường-sở mơ-tưởng của cái đời quá-khứ, đã qua hẳn đi rồi.

Ông Trần-tuấn-Khải, cũng như những người đồng-loại với ông, là những tay nhà-nho cổ, muốn làm mê tai chúng ta bằng những câu văn sáo, nhưng ông lại muốn dủ ta hình-hương sùng bái những bực anh-hùng trái ngược hẳn nhau, mà tư-tưởng và công-việc của các bực này, dễ thường chính ông cũng chửa hiểu thấu được. Ông kể ra để làm gương cho ta, nào là hai bà Trưng, nào là cụ Trần Hưng-Đạo, nào ông Gandhi, nào-ông Mustapha Kémal, nào ông Mussolini, nào ông Tưởng-Giới-Thạch; rồi dưới ngòi bút vừa lưu-loát vừa cay-độc, thấm-thía, ông «chửi» phường ta là hèn-nhát cả, đã không noi gương được những bực cổ anh-hùng Nam-Việt, cũng không biết bắt chước được những tay dẫn-đạo quần-chúng trong đời nay.

Phục cái tài «nặn câu» của ông Khải, ta vẫn nên đọc cuốn «Sách chơi xuân» cho vui tai, nhưng cũng nên biết rằng ý-tưởng thì thật là rỗng tuyếch, không có gì cả. Đến như về phần tôn-chỉ hành-động của ta ở trong thời này, ta còn cần nên lưu-tâm đến những thực-cảnh ở đời và tìm phương đối-phó mới được.

Trong trường-hợp này, rồi đây Chính-phủ bảo-hộ chắc sẽ biết xử-trí cho hợp với lòng nhân-dũng của người Pháp. Nếu những «trò trẻ con» ấy không biến thành ra những thực sự, thì chính-phủ sẽ không coi vào đâu và chỉ trừng-trị các việc đã thực-hành mà thôi. Bởi vì đối với một dân-tộc yếu hèn như đàn bà, không biết lượng trước khi làm việc, mà chỉ thích rung đùi tự-đắc bằng những câu rỗng tuyếch, như dân-tộc ta, nếu chính-phủ lại can-thiệp đến cả tư-tưởng, thì cơ-quan cảnh-sát nào ứng-dụng cho suể được. Những người hành-động, thường không có tư-tưởng gì và mắt cũng không khi nào ngó đến quyển sách. Nếu họ lại biết

đọc, thì người ta chính nên dùng các sách vở để làm cho họ biết rằng công-cuộc hành-động của họ là giại là sằng.

Vả chăng muốn đối-phó với tư-tưởng lại cần phải dùng tư-tưởng. Trừng-trị tư-tưởng bằng cách tàn-bạo, tức là làm cho tư-tưởng ấy có cái đặc-giá những việc bị ngược-đãi. Mà cái điều ấy rất nên tránh, nhất là đối với tư-tưởng vô-dụng của những nhà «nặn câu» có tiếng, bởi vì mục-đích họ không định gây nên một phong-trào tư-tưởng — chính họ có chủ-kiến gì đâu — mà chỉ cốt lợi-dụng cái tâm hồn tàng-tật của một số đồng-bào ta. Chẳng qua đó là công-chuyện những nhà-nho ngồi rồi, chỉ có một đường là khêu-gãi mối tình-cảm của dân-chúng đối với các việc đã qua và tán-dương lòng ghen ghét thời-thế mới. Giống người ấy, không phải cứ nghiêm-trị họ mà làm tiệt đi được. Trái lại, chính nên đãi họ như đãi Phan - bội - Châu thì dần dần tự-nhiên không những người khác khinh họ mà họ cũng tự-khinh.

Phan - bội - Châu ; cũng là một nhà thi-sĩ thần-thánh đến thế nào! trong khi ông ta còn chốn-chánh, bị tầm-nã riết ở bên Tàu, rõ thật là một « kẻ » mà ai cũng mong sẽ thấy làm nên công-cuộc gì vẻ vang kinh động. Rồi được ân xá về, — giá bảo là đặc-ân dễ cũng được, — ông ta nghiễm-nhiên túy-lý trong vòng lừng-lẫy ít lâu, ngồi cho thiên-hạ sùng-bái ở kinh-thành Huế, Rồi dần dần, những kẻ sùng-bái ông, thấy các bài diễn-văn của ông càng ngày càng vô-vị, nhất là những nhời sám-hối tán-dương chủ-nghĩa « đề-huề », cái chủ-nghĩa mà thày đội « phú-lít » hạng bét thực - hành còn thạo hơn ông ; những câu nhảm-nhí đáp lại phụ-lão các làng đã nghênh tiếp ông như một ông « thánh - sống » ; những câu nhắc đi nhắc lại cái vấn-đề trường-học và sự bãi-bỏ các tục lệ hương-đảng ; trung quỳ, ông làm cho các người tôn-phục ông phải phát chán mà không khỏi nghĩ thầm rằng ; nghĩ thần thánh thế nào, hóa ra có thế thôi à!

Đấy cứ lấy tài thơ văn, Trần-tuấn-Khải có đủ lực-lượng đóng một vai Phan-bội-Châu nữa. Được thả lỏng ra, hắn sẽ làm cho ta choáng óc bằng những bài thơ bài văn « có tật » ; mà cứ nhắc đi nhắc lại mãi những nhời khuyên-nhủ nên bắt trước cả nào Trần-hưng-Đạo, nào Nhị-Trưng, nào Mussolini ; nào Gandhi ; nào Mustapha Kémal ; nao Trưởng-giới-Thạch rồi hắn cũng phải làm cho những người sùng-bái hắn phải chán tai.

Ngô-Thúc-Địch dịch

KHẢO VỀ NHÂN CHỦNG

Giống tóc (*les cheveux*)

Những nhà nhân- chủng-khảo đã nghiên-cứu về các giống tóc, mà chia ra ba hạng sau này:

1. — Tóc thẳng (rectilignes) tóc mượt (lisses), tóc cứng (raides) và thứ tóc to (gros), như dân Trung-hoa. Mông-cổ và thổ-dân châu Mỹ (Aborigènes Américains).

2. — Tóc quăn như có làn sóng cuốn (ondulés) uốn cong đầu nọ lại với đầu kia, như người Dravidiens(1) người Úc-đại-lợi (Australiens) người Ấn - độ nê - giêng (Indonésiens) và hầu-hết số người da trắng.

3. — Tóc như lông chiên (laineux) hay có dợn (crépus) ở những vòng tóc mảnh, lại có chỗ nhiều hình khoáy nhỏ (petites touffes) như người Négrilles người Boschimans, người Hắc-nô (2), người mọi đen (Papous) và người Mélanésiens Úc-châu.

Sự khảo-sát này cũng tương tự cuốn «Mon Pastand Présent» của A. H.Keane, nhà nhân-chủng-khảo Anh-cát-lợi.

Mầu da (*la couleur de la peau*)

Khảo về các mầu da người ta chia ra 10 hạng chính khác nhau như sau này:

1. — Hạng trắng xanh.

2. — Hạng trắng đỏ.

như người Hồng-mao người Hòa-lan và người Scandinave (3)

3. — Hạng trắng xám (blanc basané) như người Y-pha-nho và người Ý-đại-lợi vân vân....

4. — Giống người ta thường gọi là giống da vàng cũng chia ra mấy hạng : 1. — Thứ vàng xanh 2. — Thứ vàng bủng. 3. — Thứ vàng tựa hạt lúa miến như người Trung-quốc

5. — Thứ vàng sam như mầu da va-li mới (couleur du cuir neuf des valises) như dân An - độ nê-giêng (Indonésiens) phần đông dân Ấn-độ ở bên Nam - Mỹ và dân Polynésiens (4).

6. — Thứ màu nâu hay màu lá úa như người thổ-dân Mỹ và người Mã-lai (Malais) vân vân...

7. — Giống người da sẫm (peau foncée) người ta chia ra : mầu nâu đỏ hoặc mầu da quế (couleur cannelle) như người Niams-Niams (5) và người Peuls (6).

8. — Thứ da như mầu chocolat, như giống (Dravidiens) và giống (Australiens).

9. -- Thứ mầu nâu thực sẫm.

10. — Thứ mầu đen.

như giống Hắc-nô (Nègres).

(Bài này của J. Deniker)

(còn nữa)

Mai-Thanh-Hồng

Hảidương

Phần chú-thích.— (1)*Dravidiens*=Giống người này ở phía Nam xứ Hindoustan châu Nam-Á.

(2) *Hắc-Nô* hoặc Nègres=Giống này ở tự của sông Sénégal, phía Nam đến gần miền xích-đạo, phía Đông đến miền thượng-lưu sông Nil Phi-châu, mùi da giống này có một cái đặc điểm như mùi hôi nách.

(3) *Scandinave* = Giống này là một chi-nhánh của giống người giữa khoảng Ấn-Âu hợp thành mấy giống Norvégiens, giống Suédois và giống Danois.

(4) *Polynésiens*= giống này ở Nouvelle-Guinées nối liền với Autralie lập nên một giống người nâu sẫm.

(5) *Niams-niams* = Giống này ở xứ Soudan xen giữa sông Nil, sông Congo và bờ hồ Tchad, diện tích đo được 220.000km², dân cư ước độ 4.000.000 người thuộc Anh-cát-lợi.

(6) *Peuls*=Giống này ở rải-rác trong xứ Sénégambie trên sông Niger và sông Bénoué.

TRINH THÁM NƯỚC ĐỨC

Đại-úy *Von-Tappken* hẹn tôi (1) hôm sau lại buồng giấy ông; nhưng mà tôi nghĩ kỹ thì không nên lại ngay như thế, vì nếu tỏ ra cách vội vàng, mình chẳng kẻo mang tiếng là con người cầu-cạnh. Được vài hôm đại-úy gửi cho tôi một bức thư, lời lẽ rất nhã, mời tôi đến chơi ngay, đại-úy có câu chuyện hữu-ích muốn nói cho tôi biết.

Bấy giờ tôi mới đi.

Tòa Kœnigsgreatzerstrasse, cũng như những tòa khác chuyên giữ việc trọng-yếu ở nước Đức, nom cách kiến trúc bề ngoài thì chỉ ra dáng chắc chắn vững vàng thôi chứ không có vẻ gì là cầu-kỳ, hoa hòe hoa sói; nhưng cách xếp đặt bên trong thì thật là đâu ra đấy, vừa tiện cho công việc, vừa kín đáo gọn gàng.

Người canh cổng, trước là một viên hạ-sĩ-quan, bộ-dạng rắn-rỏi cứng-cáp và ít cười ít nói. Thấy ai đến thì hỏi tên họ và đến có việc gì, định vào buồng nào. Khách trả lời thì người ấy biên vào quyển sổ tay rồi lập tức gọi điện-thoại đến buồng kia xem có muốn tiếp khách chăng. Nếu có, tự khác một viên-chức đưa khách đến tận buồng đó, mở cửa mời khách vào rồi mới quay đi. Cái lệ này đã thành một cái lệ chung; những viên chức tòng-sự trong tòa mà đang ở buồng nọ, muốn sang hỏi buồng kia việc gì, cũng phải theo lệ này, chứ không được tự-do xuất nhập, đi lại lông-lao.

Viên-chức kia đưa tôi qua một dẫy dài, toàn là buồng giấy. Tôi liếc mắt nom bên trong thấy nhiều thư-ký đang cặm cụi, người nào việc ấy. Sau đến phòng giấy riêng của Đại-úy Von Tappken; viên-chức kia khẽ gõ cửa.

Von Tappken tiếp tôi rất tử-tế, kéo ghế mời tôi ngồi và đưa một điếu xì-gà vào tận tay, mời tôi hút. Tôi nom ông ta thấy bận bộ quần áo đại-úy trong ngạch hải-quân của Đức-Hoàng. Nhân-tiện tôi nói luôn để các ngài rõ: mọi việc về chính-trị của nước Đức khi bấy giờ đều giao cho những viên sĩ-quan trong hai ngạch binh thủy, bộ trông nom coi sóc. Các viên sĩ-quan ấy đều kén ở trong bọn quý-tộc ra. Chính-phủ yên trí rằng đó là hạng có tài-đức quyền-mưu, lại sẵn dạ trung-thành, nghĩa là có thể hoàn-toàn tin cậy ở họ được. Các viên-chức ấy chỉ xếp-đặt chương-trình mọi việc, rồi giao cho những viên-chức ở hạ-cấp, cứ theo đó mà tuần-tự thi-hành, chứ không dúng tay vào làm một sự gì hết.

Nhắc lại cách đại-úy Von Tappken tiếp tôi hôm ấy rất lễ-phép. Cái đó đã thành ra một tính thông thường của hạng sĩ-quan, xưa nay phần nhiều vẫn quen dùng cái vẻ nghiêm-nghị có lễ-độ để cảm-hóa và sai khiến các hàng quân-lính.

Đại-úy bảo tôi:

Thế nào? Bác-sĩ tới đây hôm nay là đã định vào để cùng với chúng tôi làm việc đấy chứ? Tôi dám quyết rằng một người thích đi đây đi đó, và ưa những sự mạo-hiểm như ngài thì chắc hẳn sẽ lấy nghề trinh-thám này làm thú. Tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi. Nếu ngài thuận đem cái học-thức và cái lịch-duyệt của ngài ra mà cộng-tác với chúng tôi, thì thật là một sự lợi-ích chung cho chúng ta tất cả.

Tôi hỏi đại-úy xem rằng những công việc tôi sắp làm đó, nó như thế nào. Đại-úy đáp:

— Trước khi nói để ngài rõ công việc như thế nào, tôi cần phải biết ngài có định làm hẳn không đã.

— Nếu công việc không nhục đến thân-thế tôi, không tổn đến tổ-quốc tôi, thì tất nhiên tôi xin vui lòng mà làm.

Von Tappken sẽ mỉm cười nhìn thẳng vào mặt tôi, rồi đang nói giọng hòa-nhã, thốt nhiên đổi ngay ra một cái giọng sai người mà rằng:

— Các cường-quốc đối với ta, dùng cách nào thì ta lại dùng ngay cách ấy đối với họ. Bây giờ nếu ngài bằng lòng cùng với chúng tôi cùng làm việc, thì ngài thường hay phải đi các nơi để lấy tin tức. Ngài làm thế nào cho kỳ được việc thì làm; đó là tùy ở cái khôn ngoan khéo-léo của ngài. Chúng tôi chỉ cần chú-ý đến cái kết-quả của công việc mà thôi. Mỗi khi làm việc gì, chúng tôi sẽ đem hết cả những cái kinh-nghiệm về việc đó từ trước đến nay ra giúp ngài và có thể đỡ đần ngài được ít nhiều; cái đó đã có hạn. Song ngài phải nhớ luôn rằng nếu tự ngài làm cho tính-mệnh ngài mac vào nơi nguy hiểm thì chúng tôi không cứu gỡ ngài đâu. Sự cứu gỡ đó, chúng tôi rất không muốn, mà nói cho cùng ra, dẫu có muốn cũng không thể được. Tóm lại thì công việc thường an ít nguy nhiều; mà mỗi lần ngài bị vướng vào trong vòng nguy nan cùng khốn, chánh-phủ cứ làm ngơ, tự-hồ không biết, chứ không khi nào lại can-thiệp đến để cứu ngài đâu.

(Sau này tôi mới biết rằng những lời Von Tappken nói với tôi bấy giờ đều là lời rất thật)

Nói chuyện đã đến đấy mà tuyệt nhiên chưa thấy ông ta đả-động gì tới vấn-đề lương bổng; tôi bèn hỏi thì ông ta đáp:

— Lương thì tùy ở công việc. Bây-giờ mới vào, ngài được một số niên-bổng nhứt-định là 4.000marks; mỗi ngày lại 10marks để tiêu vặt, dẫu ngài ngồi chơi ở nhà cũng thế; xong mỗi việc, ngài lại được một số tiền thưởng, tùy việc to nhỏ. Số tiền thưởng đó, thường vẫn định từ trước. Khi ngài đi thám đâu, mỗi ngày thêm 40 marks tiền phụ-cấp. Nhưng tôi phải nói trước để ngài biết rằng một phần chia ba số lương của ngài sẽ giữ lại ở quỹ, ngài được hưởng lợi-tức năm phân.

Tôi rằng:

— Đại-úy cứ để tôi giữ lấy cũng được. Tôi biết giữ tiền của tôi mà!

Von Tappken mỉm cười.

—Ngài thì đã hẳn; nhưng phần nhiều các nhân-viên trong ban không đủ sức giữ được tiền của mình. Đặt ra cái lệ giữ lại một phần lương đó là vì hai lẽ; lẽ thứ nhất: giàng-buộc các nhân-viên; lẽ thứ hai: nếu

(1) Lời bác-sĩ *A. R. Graves* tự xưng.

Thè cũng nên thể-thao

Trần-chấn-Hòa, tên chữ là Tiểu-hắc-Thán, là một tay kiện-tướng trong làng càu-chân ở Trung-hoa. Tiểu-hắc-Thán, bấy lâu vẫn được các anh em thiếu-niên Trung-hoa hâm-mộ. Mới đây, nhờ cái giã-tâm của người Nhật, mà tiếng-tăm của Tiểu-hắc-Thán đã vượt qua cái sân cỏ mà lan ra đến chỗ chiến-trường.

Trần-chấn-Hòa học ở trường Đại-học Ký-nam. Nhân dịp quân Nhật xâm Thượng-hải, liền xin ứng mộ vào đội nghĩa-dũng. Trên mặt trận Ngô-Tùng. Giang-Loan, Trần hăng hái xông-pha tên-đạn, chẳng khác gì những lúc tả xung hữu đột trên bãi sân quần. Sau ngày đình-chiến, quân Trung-hoa rút lui, Trần cũng được nghỉ phép về Quảng-đông. Ở Quảng-châu, có người hỏi đến việc dự-chiến ở Thượng-hải, Trần thuật chuyện rằng:

"Tôi cùng với bầy người anh em đồng-chí, xin ứng-mộ vào đội Nghĩa-dũng. Lúc đầu, chúng tôi được lệnh sung vào đội công-tác ở sau mặt trận. Được vài hôm, chúng tôi nghe thấy chuyện đánh nhau hăng-hái ở mặt trận, ngứa-ngáy quá, cố xin đi dự-chiến. Quan trên không cho. Sau nài xin mãi, mới được phép sung vào đội chiến-binh ở tiền-tuyến. Trong khi chúng tôi giữ bến Uần-tảo, hơn mười ngày, giết được quân giặc rất nhiều. Riêng tôi, nhờ được mình mẩy sức-vóc, nên dao vung đến đâu, là đâu giặc rơi đến đấy, cứ tính quân giặc chết về tay tôi, cũng đến non trăm kẻ. Thật là từ bé đến nay, chưa gặp được việc gì thống-khoái đến như thế. Duy có một đều đáng lấy làm buồn-rầu, là trong bầy anh em đồng học, đã chết mất ba rồi!» Trần lại nói thêm rằng: "Đương lúc chiến-trận, mình đứng trong đám mưa tên khói đạn, rất không nên thấy giặc mà khiếp sợ. Tôi lúc mới đến hàng đầu, trong bụng quả cũng có đôi phần rút-rát. Nhưng mỗi khi nghĩ đến thù nòi hổ nước, thì cái khí hăng-hái, tự-nhiên thấy tăng-tiến lên bội-phần. Lúc bây giờ coi chỗ chiến-trường cũng như cái sân-quần, chẳng thấy sờn lòng một chút nào nữa".

Trần lần này về Quảng-đông, quyết chí xin vào học trường Hàng-không, cố luyện-tập nên một tay phi-tướng xuất-sắc, để dự-bị sau này vì nước giết kẻ thù. Có chí thì nên, chắc rồi đây ta sẽ thấy Tiểu-hắc-Thán bay liệng trên từng mây, cùng người Nhật quyết một phen sống mái!

Đáng khen thay, cái chí-khí thiếu-niên! Đáng kính thay, cái tinh-thần thượng-vũ! Nước Trung-hoa còn có những bực thiếu-niên ái-quốc như Trần-chấn-Hòa, thì người Nhật đã dễ mà nuốt sống được chăng?

Mai-khê thuật

---

không bắt các ông ấy để dành thì không bao giờ các ông ấy chịu nghĩ tới việc đó. Chúng tôi đã nghiệm ra nhiều ông lĩnh lương cầm chẳng nóng tay; một số lương không phải là nhỏ, mà mới ngoảnh đi ngoảnh lại đã tiêu-sài phung-phí hết nhẵn, chẳng còn một đồng một chữ nào, thành thử ra có khi chỉ vì không chịu lo xa một chút mà công việc của các ông ấy làm, kết quả không được mười phần mỹ-mãn.

(Sau này tôi mới hối rằng không chịu nài với Von Tappken cho kỳ được mà lấy cả lương bổng ra. Khi tôi bị bắt ở nước Anh, còn lại trong tòa Wilhelmstrasse một số tiền là 30. 000 marks, nhưng hòng gì thu được về tay!) *(Con nữa)*

Đặng-văn-Hinh *thuật*

Mời Phan-Khôi tiên-sinh sang Thượng-hải mà chấn-hưng lại cái thuyết « Chính-danh »

Cái gì có là có. Dù có sợ cái tiếng mà gọi chệch đi nữa, cũng không đổi được sự thực. Thế mà độ non một năm nay, người thế-giới hình như muốn «kiêng» cái «tên» *chiến-tranh*, nên mới đem chữ *cảnh-sát* để thế vào! Cái hủ-tục kiêng tên ấy, hình như lây sang người Nhật trước.

Từ ngày 18 tháng chín năm 1931, lục-quân, không quân và hải-quân Nhật hoành-hành ở Mãn-châu và địa phận Trung-hoa. Không, đấy có phải là chiến-tranh đâu! — Người Nhật không phải là chiến-sĩ mà chỉ là người lính cảnh-sát; người Trung-hoa không phải là địch-nhân, mà chỉ là bọn thổ-phỉ... Hết thảy các ông lục-quân tư-lệnh, hải-quân Đô-đốc Nhật đều biến ra những tay đại-biểu của trật-tự, những người bảo-hộ cuộc công-an ở Trung-hoa cả! Kể cũng thú-vị thật!

. . . . . .

. . . . . .

Trong các công việc bảo-hộ trật-tự, ông vận-dụng nào là đại-bác, nào là tàu bay, nào là tàu chiến; đấy cũng lại là việc cảnh-sát. Không, bây giờ không có sự chiến-tranh nữa, hai chữ chiến-tranh đã bị để ra ngoài nhân-đạo ngoài pháp-luật rồi. Từ nay chỉ có những công-việc cảnh-sát thôi!

Xem, vậy ở đời nay, thay đổi cái tên gọi thật cũng quan-hệ lắm. Vì cái chữ chiến-tranh không hợp « mốt » nữa thì ta bỏ nó đi. Còn cái biểu-hiệu của sự chiến-tranh các công-việc hành-động của sự chiến-tranh, thì ta lấy tên khác mà thế vào.

Đã sáu tháng nay, hai bên quân-đội Trung-hoa và Nhật-bản bắn giết nhau ở Mãn-châu. Nhưng đó không phải là chiến-tranh. Giữa Thành-phố Thượng-hải, súng bắn tung đất, lửa cháy ngất giời, cũng không phải là chiến-tranh. Thần-công tạc-đạn chỏ vào Nam-kinh, cũng chửa phải là chiến-tranh!

Có người bảo vì người Nhật «kiêng tên» nên mới bị thất-bại, thế mới biết cái thuyết chính-danh — theo nghĩa mới của Phan-Khôi tiên-sinh — quan-hệ biết chừng nào?

Mai-khê

DƯỚI MIỆNG SÚNG THẦN-CÔNG

Hội-nghị Tài-Binh vẫn họp

Giữa lúc Tàu Nhật giết nhau dữ-dội trên bờ bể Đông, thì bên phía trời Tây, Hội-nghị Tài-binh khai-mạc! Tiếng súng đại-bác như đánh dấu chấm cho những lời hùng-biện của các nhà ngoại-giao!

Nhiều bạn đồng-nghiệp bên Pháp ngảnh trông tỉnh Genève tủm-tỉm cười: hai nước Nhật-bản, Trung-hoa cũng có chân trọng Hội-đồng Vạn-quốc, nghĩa là đều vào cái hội «cấm đánh nhau» mà bây giờ đương giết nhau; khá tiếc cho Hội nghị Tài-binh sao chẳng để chậm ngày khai-mạc lại vài ba tháng nữa?...

Nhưng thôi được, cứ để các ông tự gánh trách nhiệm «quy-định số-mệnh thế-giới» chạm trán vào việc thực, để các ông thận-trọng hơn chút nữa.

Cứ kể hội Quốc-liên cũng đã hết sức điều-đình lắm đấy chứ, ngay từ lúc đầu-tiên, Hội đã muốn bắt Nhật-bản ngồi im không được cựa cạy ở dưới quyền-thế mình. Lúc ấy rất lễ-phép, anh Nhật cung-kính thưa:

—«Tôi chỉ bảo-hộ kiều-dân, tôi chỉ làm một việc rất tầm-thường nhỏ-mọn.»

Cách dàn-xếp của hội Quốc-liên vô hiệu! Đại-bác vẫn lăn, phi-cơ vẫn lượn, Nhật-bản vẫn làm theo chương-trình. Rồi Nhật chỏ ngọn cờ về thành «Muôn dặm», rồi Nhật đặt Phổ-nghi lên báng cây súng mới cắm trên đất Mãn-Mông, rồi Nhật lại kéo đại-đội binh-mã vào trấn Ngô-tùng,... súng nổ rậy giời, thây nằm chật đất! Hội Quốc-liên ngăn-cấm cũng chẳng được, máu người theo nước sông Hoàng-phố chảy rồn ra đại-dương! Âu-Mỹ chở tầu chiến và quân lính sang, sang để... điều-đình, nhưng hễ cất một lời nói to, sẽ thấy.....!

Lẽ tất-nhiên, người ta cũng hỏi tất cả các câu đáng hỏi, họ cũng hết sức trả lời các câu cần trả lời, nhưng trong lúc các nhà ngoại-giao của họ đương trổ tài biện-luận, thì các tướng tá của họ vẫn điềm-nhiên trổ tài dùng quân.

Có người nói: Hội Quốc-liên họp mãi gần mỏm châu Âu, mà cuộc xung-đột ở mãi sát đầu châu Á, thế-giới, mà nhất là các nước Âu-châu đã lo-ngại gì?

Tôi tưởng: nội các câu ngụy-biện, không còn có câu nào quấy hơn câu ấy nữa!

Ví dụ như nay mai đây, kẻ sinh-sự không phải Nhật mà là nước Đức, chỗ đánh nhau không phải Mãn-châu mà là đất Pháp hay đất Ba-lan, hội Quốc-liên bấy giờ sẽ sử trí ra sao? Trộm tưởng cũng không còn xử-trí cách nào hơn được nữa!

Đành rằng hội Quốc-liên là một tòa án của Vạn-quốc, lập lên để xử cho các nước xung-đột nhau xem nước nào phải, nước nào trái, nhưng tòa án ấy chẳng có xen-đầm, chẳng có đội-xếp, lẽ tất-nhiên chẳng thi-hành được bản án của mình.

Chẳng tuần-lễ nào không thấy ông Edouard Herriot tỏ lời than-thở trong tờ Démocrate, nhà chính trị kêu lên: «Vấn-đề hòa-bình của nhân-loại lại thành một trò chơi!» Than ôi! thật còn câu nói nào đúng hơn nữa. Ông muốn cho người ta nghe những lời khuyên «quả-quyết» và «khôn-ngoan», ví dụ: «chớ để cho nước nào phạm vào các hiệp-ước»! Sác-lý lắm! Ai là chẳng muốn cấm anh Đức không được sé các bản hiệp-ước! Nhưng nếu Đức cứ sé thì hội Quốc-liên sẽ đối phó bằng cách nào?

Đối-phó bằng cách nào, ông Herriot chẳng nói, mà các nhà mưu hòa-bình cho thế-giới cũng chẳng nói.

Ông Herriot cũng đã thừa biết: «Nước Đức bề ngoài giả vờ nhẫn-nhục ký hết các giấy má, nhưng Đức vẫn có chương-trình riêng, chương-trình ấy đã thấy lần lượt phô ra từng khoản một».

Lời bàn thật sác-lý mà cái «đối-phó bằng cách nào» vẫn không thấy nói. Ông đành lòng hô-hào «các người tự do, các dân-tộc tự-do nên cố giữ cho các hiệp-ước khỏi bị xâm phạm». Ông có ý công-kích «cách dùng võ-lực, dùng binh quyền, cái cách cũ rích liên-hiệp đồng-minh». Ý-kiến vẫn tuyệt hay nhưng cái phương-pháp mới để thay cho phương-pháp cũ rích kia vẫn không thấy bàn đến. Chỗ khổ-tâm là ở đấy! Phương-pháp của Hội-trưởng Wilson vừa đem thử đã đổ ụp rồi, các nhà ngoại-giao đến Genève tưởng chừng ngồi trên đống gạch-ngói vụn.

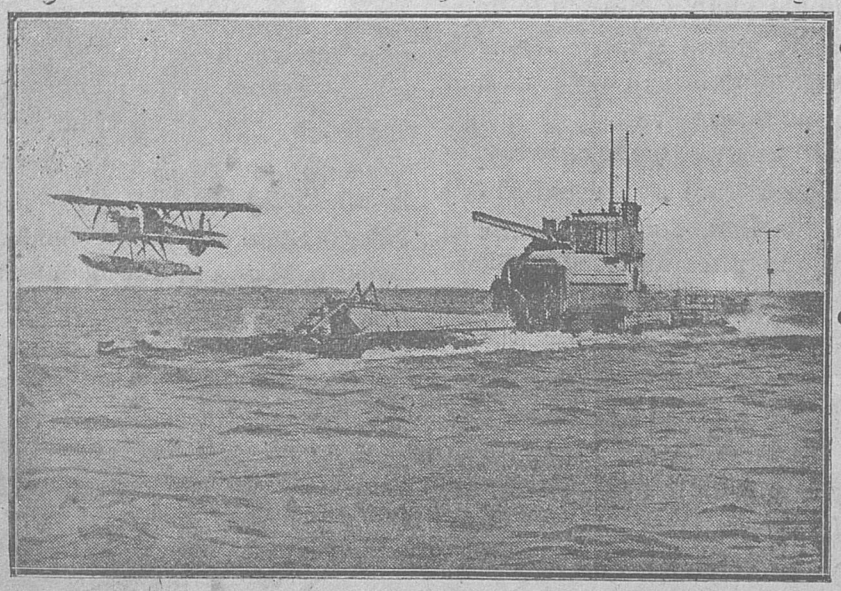

Chiếc tầu ngầm Anh M-2 trong có xưởng chứa máy bay. Trong 6 phút, một chiếc máy bay đương thu hình trong đó đã dương cánh chuyền máy, vụt ra ngoài không-trung mà bay đi. (Cl. Annam Nouveau)

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin chính-trị

Quảng-trị. — Hoàng-hữu-Chấp, con M. Hoàng-hữu-Huy trốn được 2 tháng nay vừa bị bắt ở làng Quảng lượng.

Bảy người con trai bà Hàn-Hiêng đàn-bà góa ở làng Thanh-quả, huyện Thanh-chương đều can về việc hội-kín, bốn người là Phan-Hai, Phan-đoản-Liên, Phan-Tám, Phan-Chín đã bị bắt, còn 3 người là: Phan-Năm, Phan-Sáu, Phan-Bảy hiện còn trốn.

Nghệ-an. — Cậu Đặng-thái-Thu, con ông tú Đặng-thúc-Hứa, ở tổng Bích-hòa (Thanh-chương) can việc hội kín bị kết án 3 năm tù.

Tin vắn

Saigon. — Cuộc chợ-phiên giúp người thất-nghiệp mở tại phủ Toàn quyền tối thứ bảy trước kết quả mỹ-mãn lắm.

Hanoi. — 6 giờ rưỡi sáng hôm 21 Mars, chuyến xe lửa tốc-hành đã đưa 5 tay tuyển-thủ của làng quần vợt Nam-kỳ là Chim, Giao, Nữa, Thường, Ngươn và hai ông bầu Triệu-v-Yên và Baille đến Bắc-Thành.

Cuộc tranh cúp Pasquier sẽ vào ba ngày 26, 27, 28 Mars.

Phương Đông họ xung đột bằng súng thần-công, Phương Tây họ xung-đột bằng thuế thương chính, rút lại khắp thế-giới cuộc xung-đột vẫn lung-tung.

Ông Louis Latzarus thở dài: «Thôi, muốn giữ cố lấy cuộc hòa-bình, chúng ta đành hãy cứ theo cái phương-pháp Đồng-minh cũ rích vậy.»

Đinh Huỳ-Hạo

Mật thám giả.

Saigon. — Đương hồi đục nước, tôm-tép đương run!. . . . Miền Lục-tỉnh thường cứ bị gian-nhân đến giả làm mật-thám đòi vào khám nhà rồi thừa cơ bóc lột.

Ông hội đồng quản hạt Trương-vĩnh-Duỳ đem vấn-đề mật-thám ra giữa nghị-viện chất vấn. Lời yêu-cầu đã được quan Chưởng-lý chuẩn y. Từ nay, lính mật-thám không được đi khám nhà người ta một mình, phải có hương-quản hoặc hương-chức đi cùng và các tội-nhân bị bắt phải giải ngay đến trình quan Biện-lý.

ĐỨC

Hitler tuyên-bố

Kết-quả cuộc tuyển-cử mới rồi đã tỏ rằng ông Hindenburg có cơ được tái-cử, chắc ai cũng phải đặt câu hỏi: «Hitler sẽ toan liệu thế nào đây?»

Câu trả lời ta đã thấy sẵn rồi, ông Hitler đã tuyên-bố ở Munich:

«Dẫu rằng các đảng phía kia hiệp lại để chống với chúng ta, nhưng bước đầu này đã cho ta biết trong 18 tháng, người đồng-chí của ta đã tăng lên đến hai phần. Chúng ta là đảng đông nhất, mạnh nhất ở Hạ-nghị-viện, sức mạnh ấy sau này phải nhờ võ-lực mà sáng rỡ ra.

Thời kỳ thứ nhất trong cuộc tuyển-cử xong rồi, thời kỳ thứ hai sẽ bắt đầu từ 14 Mars. Tôi sẽ tự mình ra dẫn-lộ, nếu phải dùng đến võ-lực thì dùng. Trước hết, ta cần phải chiến thắng đã!»

Mới đây, trong kỳ hội-đồng đảng «mũ-sắt», ông Cảnh-sát-trưởng kinh thành Bá-linh tuyên-ngôn rằng những giấy má bắt được khi khám nhà đảng Quốc-gia xã-hội tỏ rõ rành-rành rằng Hitler dự-định vây chặt các tỉnh lớn và nhất là kinh-đô.

Tổng-cục các hội Ái-quốc quyết trợ-lực Hitler trong kỳ bầu cử lại.

ẤN-ĐỘ

Việc chính-trị và việc trị-an

Sở cảnh-sát hết sức trừ các hội kín, tức là gốc cuộc đề-kháng, đã bắt hàng 20 người và mấy người đứng đầu ban trí-nguyện. Ch phủ định trong 4 tuần lễ trừ tiệt cái phong-trào hành-động của ông Gandhi! 4 tuần lễ đã hết rồi, kết-quả vẫn chẳng được tí gì sốt. Thực như lời đoán, hiện nay, tuy Quốc-gia hội-nghị đã bị đóng cửa, tuy các yếu-nhân đã bị bắt giam, mà đảng phái ông Gandhi vẫn hành-động dữ, họ hành-động rất êm-ái, rất thứ tự chứ không nhộn-nhạo ồn-ào như hôm xưa. Phong-trào lộn-xộn lại thêm một kế-hoạch mới là thợ đình công khắp loạt cả: Hàng nghìn thợ Bombay bỏ việc trước, thợ thuyền các bến khác và ở các tỉnh trong Ấn-độ bắt trước theo, cả từ các người làm xe lửa cũng đi nốt. Cuộc điều-đình của quan Thống-đốc với các nhà buôn không xong. Phó-vương đã phái người đi Bombay khảo-sát để tìm phương-pháp thi-hành cho việc thương-mại của người Anh được hồi-phục như cũ.

Hiện nay, chính-phủ đóng trọng binh ở miền cương giới, vì ở đó có người cộng-sản giúp sức, phong-trào Quốc-gia càng nghiêm-trọng vô-cùng.

Tù-trưởng Hadji-Hadji người A-phú-hãn tụ tập các bộ-lạc không phục tùng Anh dọa sẽ kéo thẳng vào Ấn-độ. Đáp lời dọa ấy, chính-phủ phái tầu bay liệng bom và bắn súng cối xay xuống, giết chết chín người.

Việc lập hiến-pháp vị tất đã thành vì Ấn-độ giáo và Hồi-hồi giáo phân tranh kịch-liệt: Dân Hồi họp hội-đồng ở Delhi đầu phiếu chuẩn-y bản quyết-nghị dọa sẽ không đến dự hội-nghị «Bàn-tròn» nếu chính-phủ không nhận lời xin bảo-đảm việc bầu phiếu riêng. . . . . .

Trung Nhật xung đột

Các đại-sứ Mỹ, Anh, Pháp, Ý vẫn hết sức điều-đình. Đôi bên Trung Nhật đã tạm thỏa-thuận, việc thảo-luận kết-quả tạm có 3 điều:

1.— Quân Tàu đóng nguyên chỗ cũ; 2. — Quân Nhật rút theo như chương-trình sẽ định sau; 3.— Một ủy-ban ngoại-quốc sẽ trông coi việc thực-hành hai điều ấy.

Nhưng khoản thứ hai còn lờ-mờ, Tàu còn sợ Nhật sẽ chặn mất cửa sông Tiền-đường và Thượng-hải.

Tình-hình tuy đã khá lắm, nhưng việc đình-chiến vị tất đã thành. Vì có Ủy-ban Vạn-quốc đến nơi nên Nhật lục-tục cho rút chiến-thuyền về, nhưng nghe đâu Bạch-Xuyên còn ngầm xin thêm quân nữa.

Giúp vào binh-phí, Nhật đã mở cuộc công-thải 87.500.000 hoa-viên.

Bên Trung-hoa, Tưởng-giới-Thạch đã đánh điện khắp nước tuyên-bố nhận chức Tổng-tư-lệnh quân-đội. Hôm mới rồi, Tưởng có xuống Côn-sơn đốc-quân. Lòng quân dân Tàu xem ra còn háo-chiến lắm:

Hoa-kiều ở Phi-châu gửi về nước 2250 tấn lương, Hoa-kiều ở Hanoi cộng sổ lạc-quyên lần thứ nhất được 37000$. Ở Bắc-bình, dân Tàu đương góp tiền lập bia Anh-hồn kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ đoàn 19 ở vườn Trung-sơn. 10 sư đoàn ở Tứ-xuyên đánh điện xin đi giúp Thượng-hải. 300 người bị thương ở bệnh-viện ra lại xin ra trận tiền:

— Chúng tôi cùng quân giặc quyết không đội giời chung! Người ta ai chẳng chết, chúng tôi há nên để lỡ một dịp để chết vì nước, chết một cách vẻ-vang . . . . . .

Nghe tin viện-binh kéo đến, đội-quân 19 càng thêm hăng-hái.

Ngày 9 Mars, thủy-quân Nhật kéo lên Lưu-hà, để sảy ra một cuộc xung-đột khá dữ. Một toán 23 lính kỵ-mã Nhật bị bắt ở cầu Lục-độ. Một toán quân nữa bị bắt ở phía đông An-đình.

Theo tin 21 mars, Nhật còn lượn máy bay trên Hàng-châu, ném bom xuống. Mấy người dân bị trọng thương.

Đối với chính-phủ Mãn-Mông, chính-phủ Nam-kinh đã tuyên bố sẽ đem quân đi trừng-trị. Ngày 12 Mars, Ngô-Bội-Phu thông điện đi toàn-quốc xin cầm quân đi đánh Phổ-Nghi.

Nhật nói: «Nếu Chính-phủ Tàu lấy danh-nghĩa đánh đất Mãn, Nhật sẽ coi là cuộc nội-loạn lây đến đất Mãn mà dùng võ-lực bảo-hộ cuộc trị-an.

Từ hôm 8 Mars, quân Cát-Lâm và Nghĩa-dũng Liêu-Ninh do Đinh-Siêu chỉ-huy vẫn cố đánh Thẩm-dương nhưng vì thế yếu không sao tiến được.

Hôm 8 Mars, Bản-Trang ở trường bay Thẩm-dương về, giữa đường bị 30 kỵ-binh Tàu vây bắn suýt nguy, sau nhờ có viện-binh cứu thoát. Bản-Trang biết thế-quân Cát-Lâm còn to lắm, đã gửi điệp về Nhật xin thêm hai sư-đoàn và hẹn trong một tháng sẽ thu hết khí-giới của dân-gian.

Mới đây, Mã-chiếm-Sơn được lệnh thu khí-giới của đội-quân Hắc-long-giang, bị tướng-sĩ cũ quay đầu súng lại. Quân tỉnh Hắc kéo theo Phạm-sùng-Cốc, đoàn phản Mã cứu-quốc thanh thế rất to. Bao nhiêu lính Nhật ở Hắc-hà bị giết rất thảm, chỉ có người nào trốn sang Nga là thoát.

CA-DAO MỚI

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương.

Một câu ca dao người nước ta mới được nghe đây. Vì ở số 10 phố Hàng Quạt Hanoi mới có hiệu Dư-Mỹ cho thuê xe ngựa, ô-tô, đòn đám ma cùng các nghi-trượng về việc tang rất lịch-sự, giá phải chăng, công việc làm giúp nhà đám từ lúc khâm-liệm, nhập quan, xin phép, xin đất, cho đến lúc hạ huyệt, lại có bán các kiểu vòng hoa hạ giá 50%. cho khách thuê xe hiệu ấy. Ngài nào có việc chẳng may, thì chỉ nên dùng xe đòn của hiệu ấy, mới biết câu tục-ngữ trên kia là thật không ngoa.

X.

TRẢ LỜI CÂU HỎI: Nếu tôi có phép tàng hình...

(xem số báo 31)

— Chà, tôi làm cái việc này, thực họ ghét tôi như xúc đất đổ đi. Tôi lần vào các chùa, tỷ-dụ như chùa Đồng-lợi, «sửa» cho bọn cậu, mợ hay đi lễ chùa ấy một mẻ đau hơn hoạn. Tôi «xoáy» tuốt mo cả quần áo của cô, cậu treo trên mắc, hay để trên ghế kê cạnh giường Hồng-công. Tôi chẳng sinh-nhai về nghề chú Chích, nên không đem quần áo nọ về nhà tôi, mà đưa thẳng đến đặt trước mặt ông bà thân-sinh ra cái «mợ quạ mồ» nào đó. Khi ở săm — à quên ở chùa.— về dẫu gươm kề cổ, mợ cũng khai là bị kẻ gian lột. Vì không, thời ông bà cũng hơi tin, nhưng nay thì chẳng dối nổi, vì sờ sờ bộ quần áo tây vai long-đình của cậu kia.

Có sợ Nam-cầu chưa, các mợ? Nhưng Nam-cầu ở xa Hà-thành những ngoài trăm cây số, các mợ có muốn trả thù như năm nào năm nào, vác «bỉu bối» định đến làm xấu ông chủ báo kia, cũng chẳng được.

Nam-cầu

Nếu tôi có phép tàng-hình: Tôi sẽ đem bộ máy chớp bóng thu thanh vào mấy tiệm thuốc phiện quay cảnh «sè sè» của những nhà văn sĩ nào hằng ngày thường đăng báo thống mạ thuốc phiện và những kẻ hút thuốc phiện không tiếc nhời (à không tiếc văn!) mà ở chỗ kín đáo thời các ngài lại sở trường thuốc phiện hơn ai hết!

Phim ảnh ấy tôi sẽ đặt tên là: «Nên làm như ta nói, chẳng nên làm như ta làm» (Fais comme je dis et non comme je fais).

Thằng nghiện

— Sáng sớm mồng một tết, tôi lấy hết tiền «chơi xuân» của nhà giầu, đem để vào ban thờ các nhà nghèo mà tối 30 tết đi van lạy chủ chứa vay được tiền.

Tùng nương (Hàng trống)

VĂN-ĐÀN

Thi-đàn giảng-tập

Từ khi mục «*Thi-đàn giảng-tập*» mở ra trong Tạp-chí An-nam, trước nhất ở *Bờ-hồ*, thứ hai ở *Nam-định*, thứ ba đến nay ở *Hàng-Khoai*, nguyên chỉ có những bài của các bạn độc-giả gửi lại mà phần tôi ở trong là người giảng. Như thế thật buồn!. Giản-hoặc cũng có một đôi Ngài giảng về những thơ ca của tôi đã in ra, ở xa gửi về cho; song tôi lấy bình-tình xét xem, thời sự giảng không được sác-đáng; nếu đăng lên Tạp-chí thời lại phải biện-bạch nhiều lời, như thế thành ra lôi-thôi mà có khi làm phiền-phí thì-giờ của chư vị Độc-giả. Vì nghĩ vậy mà tôi không đem đăng ; chớ không phải có dám thiên-tư chấp-nệ gì. Tức như một câu thơ:« *Sen còn yêu tiếc bóng gương chong*». Thực cũng đã lôi-thôi mất nhiều lời mà làm bận thì-giờ của các vị độc-giả. Chỗ đó xin Chư-tôn thể-lượng cho.

Một mối hoài-vọng về sự vãng-lai trong Thi-đàn, khiêm-hà nước thu, ngày đêm khóe mắt ! Không ngờ đến nay đột-nhiên trong các văn lai-cảo, biểu hiện ra một món quà rất thanh quí cho kẻ vẫn chờ mong.

Thời la lời giảng thơ của ông *Phạm-văn-Nghị*, *Giáo-học Trà-cổ ở Mũi-ngọc*, giảng về một câu *thơ dịch* của tôi đã in ra lâu năm ở trong quyển *Quốc-sử huấn-mông* vậy.

Cứ tôi xem như lời giảng của ông Nghị, rất là có công-phu, có giá-trị, không những đối với phần riêng tôi, ông đã chỉ-giáo cho được biết chỗ kém đó; mà thực như ông đã đốt lên một mồi đuốc sáng ở trong giữa làng thơ. Vậy xin theo thể-cách đặc-biệt, đăng lên đầu mục Văn-đàn đây, một là để các bạn trong làng thơ ta cùng trông ngay; hai là để tỏ tấm lòng riêng kính-phục và cảm-tạ ơn ông vậy.

Sau đây, những Ngài nào quá yêu đến tôi, mong không tiếc vàng ngọc. Xin có lời cảm ơn trước.

Tản-Đà **Nguyễn-khắc-Hiếu**

* * *

Thơ «cảm-hoài» của Đặng-Dong

Thế sự du du nại lão hà?
Vô cùng thiên địa nhập hàm-ca.
Thời lai đồ, điểu thành công dị ;
Sự khứ anh-hùng ẩm hận đa !
Trí chủ hữu hoài phù địa-trục,
Tẩy binh vô lộ vấn thiên-hà.
Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch ;
Kỷ độ long-tuyền đới nguyệt ma.

Dịch

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Ai đã chơi văn dịch, tất từng biết cái khổ trong khi dịch thơ! Dịch làm sao cho sát được nghĩa cả mọi chữ trong một câu, vần sao cho chắc chắn, lời sao cho trơn-trụ, lại lột sao cho được cái tinh-thần của nguyên-văn? Khó quá! thật khó quá!

Vì thế mà được nghĩa thì hỏng ý, được ý thì hỏng lời, được lời thì hỏng vần. Cho nên nếu cứ nệ về nghĩa từng chữ, chỉ cốt dịch cho sát nghĩa thì có khi sai cả ý nguyên-văn. Bởi vậy, trong khi dịch, có lúc thêm ra một đôi chữ, có lúc bớt đi một đôi chữ. Mà những chữ thêm bớt đó giúp cho được rõ ý-tứ của nguyên-văn. Có khi nhờ những chữ thêm bớt ấy mà câu dịch hay hơn câu nguyên-văn. Như mấy câu trong bài « Tỳ bà hành » rằng :

«Kim niên hoan tiếu, phục minh niên,
«Thu nguyệt xuân hoa đẳng nhàn độ
«Đệ tẩu tòng quân, át di tử,
«Mộ khứ chiêu lai, nhan sắc cố.»

Dịch rằng:

«*Năm năm lần-lữa vui cười,*
«*Mảng giăng hoa chẳng đoái hoài xuân thu.*
«*Buồn em trẩy, lại lo dì thác,*
«*Lần hôm mai, đổi khác hình dung*».

Dịch như vậy thì hay biết là dường nào! Nghĩa sát, ý đủ mà lời lại êm-ái thanh-tao! Câu thứ ba đây, bên dịch-văn thêm ra được hai chữ

Nhà máy gạo Đinh-Bưởi
68 phố hàng Khoai Hanoi,
gạo tốt, giá rẻ,
hạng nào cũng có,
mua bao nhiêu cũng sẵn

«buồn» và «lo» mà bên nguyên-văn không có. Nhờ hai chữ đó mà câu văn dịch hay hơn nguyên-văn. Vì có hai chữ ấy thì câu văn mới thừa được ý đoạn trên mà chuyển xuống đoạn dưới vậy.

Lại như câu:

«Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
«Do bão tỳ-bà bán già diện».

mà dịch rằng:

«Mới mọc mãi thấy người bỡ-ngỡ.
«Hãy ôm đàn che nửa mặt hoa».

thì hay biết bao nhiêu. Đọc câu chữ Hán: «do bão tỳ-bà bán già diện». còn ôm tỳ-bà che nửa mặt, thì không biet là đàn-ông hay đàn-bà. Câu dịch thêm ra một chữ «*hoa*»; «*hãy ôm đàn che nửa mặt hoa*» thì ta đọc đến biết ngay là đàn-bà. Có phải hay hơn nguyên-văn không?

Nhưng cũng có khi bớt đi một chữ mà vẫn hay, vì chữ đó không phải là chữ cốt-yếu trong câu. Tức như câu thứ hai trong bài «cảm hoài» trên kia, nguyên-văn rằng:

«vô cùng thiên địa nhập hàm ca»,

mà dịch rằng:

Đất rộng giời cao chén ngậm-ngùi!

Bỏ hẳn chữ «*nhập*» đi, mà câu dịch vẫn hay, không vấp gợn gì cả. Bốn chữ «đất rộng giời cao» rất hay, mà ba chữ «chén ngậm-ngùi» lại tuyệt-diệu! Nếu cứ phải đúng từng chữ, nhập là vào, thì gò-gẫm làm sao được?

Song, nếu là chữ cốt-yếu trong câu mà cũng bỏ đi thì câu văn kém hay ngay. Như câu thứ tám trong bài thơ trên này:

«Kỷ độ long toàn đối nguyệt ma».

Nghĩa là: đã bao phen thanh gươm long-toàn đội bóng giăng mà mài. Thanh gươm kia bao nhiêu lần mài liếc, sắc đến thế này, mà nay trở nên vô dụng, thì đáng tiếc biết là dường nào! Một chữ «ma» là mài trong nguyên-văn đó, xem thấy bao nhiêu công-phu, mà cũng hàm cái ý than tiếc vô cùng, lại hãy còn có vẻ hăng-hái nữa. Vậy thời chữ «*ma*» đó là chữ *cốt-yếu* trong câu ấy, là cái «*thần*» của câu ấy, không thể bỏ được.

Nay đọc câu dịch trên kia:

«*Long-toàn mấy độ bóng giăng soi*»

thì nghĩa là: *thanh gươm long toàn* để *bóng giăng soi đã mấy lần*. Như thế có phải là không được hay bằng nguyên-văn không? Mà sở-dĩ kém hay như thế, chỉ tại là bỏ mất nghĩa chữ «*ma*» đó thôi!

Cứ ý tôi thì câu ấy nên đổi lại là:

Dưới giăng bao độ tuốt gươm mài!

Có lẽ như thế mới được?

Trực-viên **Phạm-văn-Nghị**

Thuật hoài

THƠ

Ba sáu năm giời gửi gió Đông,
Bước đời ngảnh lại rỗng không không!
Phấn son bẽ lúc hề bôi nhọ,
Giăng gió e cơn gái lộn chồng.
Ví bằng niên-hoa hoài tuế nguyệt,
Càng thêm thân-thế thẹn non sông,
Bốn bề lạnh ngắt hơi sương phủ,
Riêng lửa lòng ai rập lại nồng.

Mai-khê

*
* *

Giả lời ai ngày xuân tương-tư

(Họa nguyên-vận)

Rút ruột con tằm một sợi tơ,
Vương tình, vương cả cái ưu-tư.
Đất sương mờ-mịt khi say mộng,
Giời nhạn bàng-khuâng lúc được thư.
Khuất-khúc sông Thao lòng cách-biệt,
Vơi đầy bến Nhị nỗi sau, xưa.
Nào người trong cuộc sầu xuân hỡi,
Đã thấy thơ này chết ruột chưa?

Thượng-uyển (Yên-Bái)

*
* *

Túp lều tranh

Lầu son gác tía cũng coi thừa,
Bất quá dung đùi lúc nắng mưa.
Ngọn gió chui luồn khe vách thủng;
Bóng giăng nhòm-nhõi mái nhà thưa
Phên lau buộc túm khi hôm tối,
Sập trúc xoay trần giấc ngủ trưa.
Toan tính cuộc đời ba chén rượu,
Kém gì Gia-Cát buổi hôm xưa.

Tây-viên Nguyễn-duy-Tường

Câu đối

Viếng bạn rượu

Bác đã về thôi, đời đáng chán!
Tôi còn sống mãi, rượu cùng ai!

Tản-Đà

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Dịch bài phú của Giả-Nghị viếng ông Khuất-Nguyên

Khách Trường-sa vâng ơn những sợ,
Nghe Khuất-Nguyên thác ở Mịch-la,
Ròng châu theo lạch Tương sa,
Một nhời trân-trọng gọi là viếng thăm.
Gặp phải buổi ho giềm pha riết,
Để Tiên-sinh một chết nên liều.
Thương thay! thời buổi reo-neo,
Phượng-hoàng nấp náu, chi-hào xênh-xang.
Phường ngu, nịnh vẻ-vang đài-các;
Bậc hiền, ngay lưu-lạc giang hồ.
Tùy, Ry thì bảo rằng «ô»,
Những đồ Chích, Cược lại phò rằng «liêm;
Gươm mạc-da những hiềm gươm nhụt.
Dao chi hia, khen tốt sắc thay.
Nỗi-niềm im-ỉm ai hay,
Sinh chi tai mắt đời này luống thương!
Đỉnh báu nọ, phụ-phàng bỏ xó,
Chõ sành kia, qui-hóa vô cùng.
Trâu gầy thắng bộ xe song,
Mà xe tải muối, ngựa chùng hai tai.
Mũ chương-phủ lót hoài dưới giép,
Có nhẽ nào bắt ép được lâu.
Nhà thầy như thế mới đau,
Một mình chịu những âu-sầu thế thôi.
Thôi thì thôi, thôi thôi đành vậy,
Ai biết mình nói mấy ai hay.
Phượng-hoàng phơi phới cao bay,
Đem thân mà tếch xa vời cho xong.
Ngoài chín vực thần-long vùng-vẫy,
Náu đầm sâu giữ lấy giá ta
Đã kiềng nhái, nhệch cho xa,
Theo đâu tôm, tép cùng là đỉa-đui.
Đức hiền-thánh ở đời vẫn quí,
Cốt xa vòng trọc-lụy làm cao.
Kỳ-lân ví xích được vào,
Giống thiêng thôi có khác nào chó, dê.
Nỗi rắc-rối ê-chề như thế,
Cũng tại Thầy, sá kể chi ai,
Tìm vua trải chín phương giời.
Lọ là lưu-luyến nơi này mãi ư?
Từng mây thẳm nhởn-nhơ cánh phượng,
Đâu yên lành ta liệng xuống chơi,
Thấy đâu ra ráng khắt-khơi,
Thì ta bay tít lên giời mà đi.
Kìa vũng rãnh chi chi đó tá,
Dung nổi sao được cá nuốt thuyền?
Chiên kình riễu chốn loen-khoen,
Thảo nào sâu, kiến nó kiềm-chế ta.

Nam-đán

Tập-Kiều

Bản-chí có tiếp những câu văn *Tập - Kiều* của ông *Hương - Trì* nối và có sửa về bài văn *Tập-Kiều* đăng ở số 32 trước đây, vậy xin cứ nguyên-văn đăng như sau, để các bạn trong làng thơ cùng hay.

An-Nam Tạp-Chí

*
* *

« . . . .
« Ba sinh âu hẳn. . . .
Của tin gọi một chút này,
Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.
Nước non để chữ tương-phùng,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
Tình sâu mong giả nghĩa dầy,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.
Còn về, còn nhớ đến người.
« Mà lòng trong nghĩa. . . .
« Cười rằng tri-kỷ. . . .
« Mười phần ta đã. . . .
Chút lòng ân ái ai ai,
« No chàng kim đó». .
Nhớ lời nói những bao giờ,
Phải người giăng gió vật-vờ hay sao ?
Mừng mừng tủi tủi xiết bao,
Càng âu duyên mới, càng rào tình xưa.
Có điều chi nữa mà ngờ !

Hương-trì

HÁT NÓI

Chơi hang Đầu-gỗ Hongay

Mưỡu :

Hẹn-hò non nước bấy nay,
Bồng-lai hải-đảo chốn này phải không ?
Non trùng-điệp, nước mênh-mông,
Nước non để chữ tương-phùng từ đây.

Nói :

Đăng san du thủy,
Thủy cùng san ngắm kỹ lại càng xinh.
Một con thuyền len-lỏi thấy loanh-quanh,
Quanh bốn phía, non xanh cùng nước bạc.
Non ngất mây xanh cây lác-đác ;
Nước rồn sóng bạc gió đìu-hiu.
Túi đầy vơi, thơ túi, rượu lưng bầu,
Mấy tri-kỷ, cùng nhau nơi lạc-thú.
Nước non ướm hỏi ai là chủ,
Tiện ngư nhân, tiện ngư nhân nhán nhủ một vài câu.
Nước chong, non chớ bạc đầu.

Nguyễn-duy-Tường

DỊCH THƠ PHÁP

Viếng Albert Samain

Mallarmé thuộc phái Ký-hiệu-học (symbolisme), ưa dùng lối văn tỷ dụ, nên nhiều chỗ mờ nghĩa khó hiểu. Bài dịch văn đây chỉ cốt giữ đúng nghĩa nguyên văn, để giới thiệu cùng bạn Nho-học một lối Pháp-văn cận thời.

A Albert Samain

p. Stéphane Mallarmé

Mon cher Samain, c'est à toi que j'écris encore.
C'est la première fois que j'envoie à la mort.
Ces lignes que t'apportera, demain, au ciel,
Quelque vieux serviteur d'un hameau éternel
Souris-moi pour que je ne pleure pas. Dis-moi :
« Je ne suis pas si malade que tu le crois.»
Ouvre ma porte encore, ami. Passe mon seuil,
Et dis moi en entrant : « Pourquoi es-tu en deuil ? »

Viens encore, c'est Orthez où tu es. Bonheur est là.
Pose donc ton chapeau sur la chaise qui est là.
Tu as soif ? Voici de l'eau de puits bleue et du vin.
Ma mère va descendre et te dire : « Samain... »
et ma chienne appuyer son museau sur ta main.
Je parle. Tu souris d'un sérieux sourire
Le temps n'existe pas. Et tu me laisses dire
Le soir vient. Nous marchons dans la lumière jaune
Qui fait les fins du jour ressembler à l'automne.
Et nous longeons le gave. Une colombe rauque
Gémit tout doucement dans un peuplier glauque.
Je bavarde. Tu souris encore. Bonheur se tait.
Voici la route obscure au déclin de l'Eté,
Voici que nous rentrons sur les pauvres pavés,
Voici l'ombre à genoux près des belles de nuit
Qui ornent les seuils noirs où la fumée bleuit.

Ta mort ne change rien. L'ombre que tu aimais,
où tu vivais, où tu souffrais, où tu chantais,
C'est nous qui la quittons et c'est toi qui la gardes.
Ta lumière naquit de cette obscurité
qui nous poussent à genoux par ces beaux soir d'Eté
où flairant Dieu qui passe et fait vivre les blés,
Sous les liserons noirs aboient les chiens de garde.

Je ne regrette pas ta mort. D'autres mettront
le laurier qui convient aux rides de ton front.
Moi, j'aurais peur de te blesser, te connaissant.
Il ne faut pas cacher aux enfants de seize ans
qui suivront ton cercueil en pleurant sur ta lyre,
la gloire de ceux qui meurent le front libre,

Anh Samain

Em cứ biên thư gửi thăm anh,
Tuy nay anh chỉ còn tinh linh.
Mấy dòng thô-thiển đệ lên trời,
Nhờ người lão bộc đưa tới nơi.
Cười đi ! cho em ráo nước mắt,
Cho em biết anh vô bệnh tật.
Mở cửa, xin mời anh vào chơi,
Rồi hỏi em rằng : « để trở ai ? »

Anh đến, đem theo cả hạnh phúc.
Đặt mũ trên ghế như ngày trước.
Anh khát ? Này nước, này rượu vang.
Mẹ em sắp xuống gọi : « Samain ».
Con chó ngửi tay chạy mừng quýnh.
Em nói. Anh cười, cười nghiêm chỉnh.
Chẳng kể thời gian. Anh cứ nghe.
Đôi ta đi dưới bóng chiều hè,
Chiều tà như thu, ánh vàng úa.
Bên sông chim cưu kêu ủ rũ.
Trên cây bạch dương lá xanh đen.
Em nói. Anh cười. Hạnh-phúc im.
Này con đường tối cuối mùa hè
Trên đường, gạch đá lát gồ ghề.
Trước mặt tiên nga mộ-cảnh quy,
Làn khói càng tàng cảnh diễm lệ.

Chết đối với anh rất êm đềm,
Vì anh vẫn mến cảnh ban đêm
Anh vui anh khổ trong đêm tối
Thì nay anh chết có chi đổi.
Trong tối anh tung ánh hào-quang,
Khiến cho bọn em phải la bái :
Chiều hè trời xuống làm tốt lúa,
Đàn chó đánh hơi đua nhau sủa.

Anh chết, nào em dám tiếc thương,
Ca tụng tài anh lại thói thường,
Làm mếch lòng anh, em vẫn sợ.
Nhưng không nên giấu đàn con trẻ
Cái chết của những bậc tài-danh.
Để chúng đưa đám khóc tài anh,
Anh chết lòng em chẳng khổ thống :
Gió kia còn thổi anh còn sống.
Nàm năm làn gió lại thoảng ngoài,

NGƯ' NHÂN

Kẻ giữ mục Văn-đàn trong tạp-chí An-nam, *Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu*, xin có lời thưa cùng các Ngài rằng:

Nhân vì thì-giờ trong Báo-quán thực là eo-hẹp bách-thúc, mà các thư gửi về số nhiều. Có nhiều bức thư cùng hỏi về trong một câu chuyện, cũng lại có nhiều thư nói chuyện một việc riêng. Nếu nhất nhất giả lời riêng các Ngài, muốn cho được cẩn-trọng đậm-đà thời sự-thể thực khó, viết dản-lược quá, thời e lại có phụ tình lai-thư. Vậy xin theo một cách tiện-nghi, mở thêm mục « **Ngư Nhàn** » đây, phàm các thư hỏi, nói về câu chuyện văn bài và công việc của Bản-chí, xin nhất nhất do mục này phúc đáp. Thuộc về câu chuyện chung, thời đăng lên trước; về câu chuyện riêng thời đăng ở phần sau. Thực là một cách hả-tiện thì-giờ, mong được chôi-chạy công-việc; xin các Ngài rộng thứ cho cái lỗi cẩu-thả. Chúng tôi được cám ơn.

Về phần chúng tôi có câu chuyện gì muốn thưa cùng Chư-tôn, cũng xin do mục này đạt ý.

Lại riêng phần tôi *(Nguyễn-khắc-Hiếu)* có tiếp những âm-thư gửi đến nói về câu chuyện riêng, hoặc như người mua sách, hoặc người nhờ làm văn, xin cũng nhờ mục đây giả lời, in riêng ở phần sau rốt; như thế, nghĩ có chỗ không phải với các vị Độc-giả của *An-nam tạp-chí*, song cũng xin các Ngài rộng lượng bỏ quá, coi như một sự quảng-cáo việc riêng.

Nay có lời thưa trước để các Ngài rõ, từ kỳ tạp-chí sau giở đi, phàm có câu chuyện gì, sẽ xin tường.

Kẻ giữ mục Văn-đàn kính trình.

☆☆☆

Một vị Độc-giả ở Phú-ngãi (Bến-tre) có viết thơ ra cho hay rằng trong số báo mới tới đây, có thấy đính một mảnh giấy kèm ở ngoài nói rằng:

Nếu tên này không mua, thì đòi cho giáp mặt mà hỏi.

Rồi tiếp mấy chữ nữa:

Tên này không mua, không lãnh, nên trả lại.

Phú-ngãi le, ... Mars 1932

Ký tên

Lạ thay! Trong hạt Nam-kỳ, Bản-chí chưa từng nhờ nhà Bưu-chính, hoặc ủy ai đi thu tiền cả. *Vậy mảnh giấy ấy ở đâu mà ra?* Xin hỏi thày Đội-trạm Phú-ngãi.

Mong rằng từ nay các vị Độc-giả, có thấy những việc như thế, xin cứ đưa ra trước pháp-luật, để trừ cho tiệt sự gian-trá. Nhân-tiện Bản-chí xin quý Độc-giả cũng rộng lượng tha thứ cho mấy lời vô-lễ của kẻ vô-danh khốn-nạn kia.

A.N.T.C.

Je ne regrette pas ta mort. Ta vie est là.
Comme la voix du vent qui berce les lilas
ne meurt point, mais revient après bien des années
dans les mêmes lilas qu'on avait cru fanés
tes chants, mon cher Samain, reviendront pour bercer
les enfants que déjà murissent nos pensées.

Sur ta tombe, pareil à quelque pâtre antique
dont pleure le troupeau sur la pauvre colline,
je chercherais en vain ce que je peux porter.
Le sel serait mangé par l'âgneau des ravines
et le vin serait bu par ceux qui t'ont pillé

Je songe à toi. Le jour baisse comme ce jour
où je te vis dans mon vieux salon de campagne.
Je songe à toi. Je songe aux montagnes natales.
Je songe à Versailles où tu me promenas,
où nous disions des vers, tristes et pas à pas.
Je songe à ton ami et je songe à ta mère.
Je songe à ces moutons qui, au bord du lac bleu,
en attendant la mort bêlaient sur leurs clarines.
Je songe à toi. Je songe au vide pur des cieux.
Je songe à l'eau sans fin à la clarté des feux.
Je songe à la rosée qui brille sur les vignes.
Je songe à toi, je songe à moi, je songe à Dieu.

Cảnh hoa tàn tạ lại xanh tươi
Tiếng hát của anh cũng bất tử,
Đời đời an-ủi đàn con trẻ.

Xưa đàn chiên khóc gã mục đồng
Trên đồi nước mắt chảy ròng ròng.
Nay em chẳng biết đem chi phúng,
Đem muối, đem rượu cũng vô dụng.
Muối thời no bụng đàn cừu non,
Rượu thời no miệng phường ác-côn!

Em tưởng tới anh. Buổi chiều ấy,
Hình anh trong phòng, em còn thấy
Em tưởng tới anh. Tới quê hương.
Tới cảnh đôi ta giao phố phường.
Miệng đọc thơ phiếm, chân lười bước,
Em tưởng tới anh. Tới thân thuộc.
Em tưởng tới lúc trên bờ hồ,
Đàn cừu đợi chết khóc thành thơ.
Em tưởng tới anh. Tới thiên không,
Tới lửa sáng, quang nước không cùng,
Tưởng tới cành nho xương nhủ lê,
Tới anh, tới tôi, tới Thượng-đế.

Trần-khánh-Giư
dịch

Hội Phật-học

Huế. — Nước ta bấy lâu vẫn chịu kém người về tôn-giáo. Ngay như đạo Phật ở ta kể đã là thịnh lắm, mà như mắt ta trông thấy thì không những không ngày một mạnh lên, lại ngày một thêm những điều đáng tiếc sảy ra.

Mới đây, nhiều bực tri-thức đã chú-ý đến, mong chấn-hưng Phật-giáo, sách Phật-giáo lác-đác xuất-bản, tạp-chí Từ-Bi-Âm lẳng-lặng ra đời.

Lại có tin nay mai đây, các nhà thiện-tín có văn-học nơi đế-đô sẽ xin Chính-phủ lập một hội Phật-học, rồi ngày rằm và mồng một sẽ đến đạo-trường giảng kinh cho mọi người nghe. Nếu việc làm ấy có kết tốt, thì sẽ thi-hành ở khắp các tỉnh trong ngoài.

Thực là một việc đáng tán-thành vậy.

P. V.

GIỮ BÍ MẬT...

(Tiếp theo)

Mấy năm về trước thì đâu cũng có thư từ về luôn cho vợ; sau không hiểu vì sao, cô ta bỏ làng ra đi một dạo, đến hơn một năm ấy rồi lại thấy về. Bây giờ thì lấy em ông Chánh-tổng đấy; ăn ở với nhau đã được hai đứa con còn cậu con cụ Phán hình như người ta nói đi lính chết trận rồi thì phải.

Cô ta bây giờ thì phải biết... hách dịch lắm; đi đâu cũng bệ vệ như bà huyện vậy. Còn như bây giờ thày muốn hỏi thăm cô ta điều gì, thì cứ sang mà hỏi, có lẽ cô ta có nhà đấy.

Nghe đến đó, không khỏi bồi-hồi khách vội đứng dậy, chẳng muốn để vào tai thêm câu chuyện đau lòng, khách cúi đầu tạ ơn bà cụ đi ra; chiếc khăn tay đưa lên dìm hai giọt nước mắt chạy vùng quanh. Thế là tuyệt vọng...

***

Dưới ngọn đèn măng sông sáng quắc, trên cái sập gụ bóng loáng, một thiếu phụ, khuôn mặt trái xoan trắng chẻo, ngồi ôm con cho bú, bên cạnh một người đàn ông trạc ngoài ba mươi, đang cười đùa với đứa con nhớn.

— Loan-anh ơi!... Loan-anh em ơi!...

Em sung sướng lắm nhỉ? Bây giờ có lẽ em đã quên hẳn cái người chồng cũ của em, cái người chồng đã xa vắng em trong mấy năm trời...

Em ơi! chồng của em đây mà... Không phải là chiêm bao đâu... Anh không để em biết mà thêm khổ, khi nào anh chết sẽ hay....

Anh mừng cho em nương thân gửi thịt vào nơi quyền quý này; cái hạnh-phúc gia-đình em đầm ấm lắm! Khiến anh phải xa em, phải giấu em từ đây, chẳng nỡ nào làm ngang trở hay hủy phá cái tương-lai tốt đẹp của em. Thôi, em ở lại cùng chồng em nhá, anh không giận đâu. Anh đi đây.

Ngoài cửa sổ có bóng ai vụt qua thấp thoáng cái đầu người lấp ló. Cánh cửa từ từ mở ra, rồi lại thấy khép vào rất êm ái. Trong nhà không ai biết gì, chỉ nghe thấy tiếng người du con, và tiếng trẻ con cười

Trên đường đê, dưới bóng trăng xuông, cảnh vật thu hình trong giấc mộng. Khách bùi ngùi vơ-vẩn, chẳng muốn rời bỏ chốn phần-tử mà đi.

— Ôi! duyên cớ này bởi đâu xui nên, bởi đâu mà gia-đình ta tan nát? vợ chồng phân chia? Loan-Anh ơi! đôi ta phân rẽ từ đây, con đường tình cũ, trách ai người đã rấp trông gai... Khách quay nhìn cảnh cũ, âm-thầm gạt lệ ra đi.

Mây bay, gió cuốn, lá rụng cây rung, bóng chị hằng lẳng lơ khuất mặt; bốn bề đen tối, che khuất cả bóng người đang dảo bước xa xa...

Buổi chiều hôm sau, trời vừa sẩm tối, ngoài đường mưa rơi tóc tách, run dế khua sầu, cái cảnh đìu-hiu tĩnh-mịch, dễ khiến người súc cảnh thương tâm.

Khách lang-thang vơ-vẩn, trong ngõ hẻm một phố kia, rồi thấy đứng lại trước cái nhà một tầng cửa đóng kín mít: — Cách! cách!...

Khách đập cửa gọi:

Trong nhà có ánh sáng đèn, cái ánh sáng dầu lù mù vừa lọt khe cửa:

Kẹt!... Sầm!... Ai?

— Tôi...

Bước ra ngoài bực cửa, thiếu-phụ vén mớ tóc xõa ra sau vai, tiến thêm lên một bực nữa:

Kìa!... anh Linh!... anh Linh!... bà ơi! nhà con...

Thiếu-phụ mừng quá, quay vào gọi líu cả lưỡi, như bị nghẹn ngào trong cổ họng.

Rứt tiếng, một bà cụ già, tóc bạc lưng còng, sắc mặt tái nhợt, hớt hải trong nhà chạy ra nhìn khách... rồi ôm choàng lấy mà khóc:

— Ối! giời ơi! thằng Linh...con tôi, tao tưởng mày chết ở bên ấy rồi... Khốn nạn cho con tôi, sao mày về không đánh giấy cho mẹ biết? Phúc đức cho tôi biết là chừng nào, ông mày ơi! thằng Linh, con nó đã về đây này...

Trong nhà đi ra, một ông cụ già, hai mắt lòa tịt, chống cái gậy bước thất thểu, miệng tủm-tỉm cười:

— Thằng Linh đấy à? trời ơi! Linh đấy à con?... Bà nó đâu? Bế cháu Khải ra cho nó mừng bố nó...

Tiếng người xôn xao, giọng cười hớn hở, mừng lại khóc người còn sống xót.

Thằng bé, trên giường tụt xuống đất, tập-tễnh chạy ra:

— Ba!... ba đã về, nó còn ngợ... và bẽn lẽn không quen, vì nó chưa giáp mặt cha nó lần nào...

— Khải ơi! bố mày đấy!

— Linh con bế cháu một tý, kẻo nó tủi thân.

Bà cụ nâng vạt áo lau nước mắt.

Ông cụ run cầm cập, nỗi mừng nói chẳng ra hơi.

Mợ Khải xoa đầu con, mỉm cười, cố gượng giữ rọt nước mắt chạy vùng quanh...

Khách ôm vội lấy đứa bé khóc... khóc vì thương cái hoàn cảnh bạn ở lúc này... Cả nhà quây quần lấy khách hỏi:

— Con ơi! thày tưởng chết không gặp con...

— Sao con về mà chẳng đánh giấy trước cho tao mừng. Cha mày bị lòa ba năm nay rồi, chạy thuốc men mãi đấy. Hồi năm ngoái, ông ấy mệt nặng tưởng chết cơ mà, thôi thì ông ấy làm như điên vậy; nào là bà đánh giấy ngay cho nó về để tôi nhìn mặt nó. Khổ quá! tao là cứ chết hẳn người đi.

Cái nhà này thì đã cầm, cho người ta rồi; vợ mày chạy chọt vay mượn mãi mới thuê lại đám đất sau nhà để giồng rọt, lần hồi rau cháo, kể ra cũng đủ một ngày hai bữa, không đến nỗi đói khát khổ sở.

Còn thằng chó này thì ăn nói đủ điều đấy, bướng thành thần, giống bố như lột...

Bà cụ chỉ đứa bé nũng-nịu trên lòng khách, đang mở gói quà lấy bánh ăn.

Thương ôi! đối với cảnh gia-đình của bạn thì vui vẻ như vậy, trách nào chẳng phải động tâm, mà riêng nỗi sót sa của mình, vẫn không bộc-bạch cho ai người biết được.

Trái tim thổn-thức, tinh-thần rối loạn, khách thẫn-thờ cuống quít như điên như dại, khối óc quay cuồng, tình riêng lai láng khiến khách phải nhớ lại... Nhớ lại nhời bạn dặn trước khi mạnh-một chốn phương trời...

Chủ nhà nhận nhầm...

Khách đóng giả vai tuồng...

Mười hai giờ đêm.

Nhà trong ai nấy đều an giấc điệp; duy nhà ngoài, khách còn nằm dựa một mình trên cái ghế gỗ. Trước ngọn đèn dầu hung đỏ, con mắt là đà, vểnh tai như nghe tiếng đồng hồ tích-tắc đêm khuya.

Bong!... Bong!... Hai giờ...

Trong giường lục sục... Khách rật mình vội đứng dậy, đưa mắt nhìn ra phía cái màn.

Trong giường lại lục sục... Tiếng đứa bé khóc, mợ Khải dở mình, cái cửa màn vén ra một bên:

— Chết chửa! hai giờ đêm rồi... anh chưa đi nghỉ, còn đứng làm gì thế?

Mợ Khải bước vội xuống đất, vẻ mặt nghi hoặc ngờ ngợ..

Khách từ từ bước lại, đôi mắt long-lanh hàng lệ, nhìn mợ Khải như có điều gì u-uất, không nói được ra.

Ơ kìa! anh làm sao vậy? anh có điều gì uất-ức ư!

Khách quỳ xuống chân mợ Khải:

— Bác tha lỗi cho tôi... tôi không phải...

Mợ Khải run sợ... vội vàng đỡ khách dậy:

Trời ơi! anh điên ư? vợ chồng có điều gì mà anh lại làm ra như vậy?

— Không... bác nhầm rồi... Tôi là Phan-Linh, bạn thân của bác giai.

Kìa! anh nói gì thế?

— Bác ơi! tôi nói thực... tôi không phải là bác giai đâu...

Ối!... thật ư?

— Thật vậy...

— Khốn nạn chưa, thế nhà tôi đâu?

— Bác giai chết rồi còn đâu. thơ và ảnh bác giai còn gửi lại đây.

Khách cầm hai bức thư, đưa cho mợ Khải.

Mợ Khải biến hẳn sắc mặt, cầm vội lấy những ghi-tích còn lại, rồi đưa mắt chừng chừng nhìn khách, như đã nhận được ra rồi... bất giác òa lên khóc, sau một tiếng rú thất thanh, mợ Khải ngã vật xuống đất!..

Khách hoảng hốt, đỡ vội lên giường, thiếu-phụ nghẹn ngào rên rỉ:

Anh Linh ơi!... chồng tôi chết rồi... chết rồi thảm chưa, ông bà tôi biết tin này thì cũng khó lòng sống nổi trời đất ơi! thảm biết là chừng nào.

Mợ Khải vật mình, nức nở khóc.

Khách cảm-động quá, thấy tình cảnh ấy, chẳng tài nào giữ được nước mắt.

Thôi, tôi khuyên bác, đừng khóc nữa, nếu hai cụ nghe thấy tiếng thì lại rầy rà... Thôi mà... bác hãy nghe tôi; bây giờ có thương tiếc khóc lóc cho mấy đi nữa, cũng chẳng lấy lại được người; mà lại thêm mua sầu chuốc não, ốm đau vào mình. Lại nhất là còn hai cụ, tôi khó nghĩ quá, các cụ bây giờ đã già nua tuổi tác, vẫn chưa biết tin này, nếu bây-giờ lộ ra rằng bác giai đã chết rồi, thì hai cụ cũng đến ốm đau, thương nhớ con mà chết mất!

Đấy, như vậy bác nghĩ sao? tình nghĩa vợ chồng, ai chẳng phải sót, nhưng chẳng qua cũng là thiên-mệnh; trời đã định như vậy còn tránh sao khỏi, xin bác hãy nén tâm, đừng nghĩ ngợi thêm phiền. Bác thương sót bác giai từng nào thì tôi lại càng đau đớn trong lòng từng ấy; nhưng nay còn được chút cháu đây, bác cứ trông thấy cháu là hết cả. Còn như việc này... ngoài bác với tôi ra, chắc rằng không còn ai hiểu tới. Bác đừng nghĩ-ngợi, hoặc nghi ngại gì cả, bác giai mất cũng như còn, chỗ tình anh em chị em, từ nay bác cứ coi tôi như người ban vậy. Tôi rất vui lòng, theo lời bác giai dặn bảo, tôi sẽ trông coi gây dựng cho cháu, ngoài cái tấm lòng thành-thực của tôi đối với bác, tôi xin thề có trời đất chứng minh, không có điều chi là ám muội...

Mợ Khải gạt nước mắt, nắm lấy cánh tay Chu-Thanh nức nở:

— Em xin thâm phục vâng lời bác dạy bảo, cũng vì tình nhà em mà bác dủ lòng thương tới gia-đình em trong lúc này... Em lấy làm cảm-động vô cùng; nhưng em còn lo, thày đẻ em hiểu chuyện này, biết nhà em chết rồi thì ốm đau mà chết mất!

Mợ Khải nói đến đấy xụt xùi khóc rất thê-thảm.

Chu-Thanh đờ đẫn cả người vội vàng kiếm lời an-ủi:

— Ấy, cũng chính vì lẽ đó mà tôi cũng rất khó nghĩ... chỉ vì còn hai cụ đấy nên tôi với bác đành cam sự bó buộc, mà «giữ bí mật» việc này. Đối với quỉ thần trời đất, dù có phải mang tội sau khi nhắm mắt, nhưng thần lương tâm không cắn dứt, thì mỗi người một phận sự, gan sắt lòng son, xin bác đừng nghi-ngại.

Lúc bác giai mất, còn chao lại cho tôi một món tiền hơn hai chục, tôi cũng để được ít nhiều; bác sẽ dùng món tiền đó mà buôn bán nuôi cháu. Thôi, bác đi nghỉ đi khuya rồi, đừng có khóc lóc nữa, tôi cũng chóng mặt lắm!

Chu-Thanh đứng dậy, khép cửa màn, ra bàn vặn ngọn đèn bé đi, rồi vào nhà trong, thấy có sẵn chiếu chăn ở trên bục, bèn ngả mình nằm nghỉ.

Sáng ngày hôm sau, lúc chàng giở dậy, thấy trong mình khó ở, đầu váng óc buốt, cũng tưởng rằng nóng sốt qua loa, ai ngờ bệnh tình trầm-trọng. Cả nhà đều hoảng sợ, tìm thầy chạy thuốc, hơn một tháng giời mới lành mạnh.

Trong thời kỳ đó, mợ Khải thức khuya dậy sớm, săn sóc thuốc men cơm cháo; Chu-Thanh thấy vậy động lòng thương mến người quả-phụ, nên chi cái tình lưu-luyến một ngày một sâu-xa; chẳng nỡ rời bỏ cánh hoa tàn nơi trước gió phải ủ-rũ chôn vùi trong đám âu-sầu.

Từ đó giở đi, chàng quý hóa mợ Khải lắm, coi mợ Khải như là em ruột. Cảnh gia-đình hòa-thuận yên vui, thông cỗi huyên già, dưới người vợ góa con côi; khiến chàng càng trông thấy cái hoàn-cảnh tốt đẹp đó bao nhiêu, thì khối lửa lòng như đã tắt khi xưa...

Ở yên chẳng lành...

Xưa kia mỗi khi hai chàng công-tử tranh nhau một mĩ-nhân thì hay sinh sự ghen tuông, có khi đến đánh nhau ngay trước cửa nhà người yêu.

Những tấn kịch như thế, thường xẩy ra vào khoảng Trung-cổ thời-đại, hay Cận-kim thời-đại, chứ hiện giờ ít ai thấy.

Ấy thế mà mới đây ở một làng nước Xéc-bi (Serbie) có diễn ra một tấn-kịch chẳng khác gì những tấn-kịch ở các thời-đại đã qua.

Số là có hai công-tử kia cùng yêu một thiếu-nữ. Cô này đối với hai chàng cùng có cảm-tình. Song, có một điều khó nghĩ là cô không biết từ chối bên nào mà nhận lời với bên nào.

Bất-đắc-dĩ cô ta phải tuyên-bố rằng: trong hai người ấy, ai mà khỏe hơn thì cô ta lấy.

Hai chàng bèn hẹn nhau hôm nào đấu võ trước mặt cô ta, để qnyết sống mái. Mà cuộc đấu võ ấy phải diễn ở một nơi đường phố.

Đến ngày hẹn, hai người vừa mới bắt đầu khai-chiến, thì bạn hữu của đôi bên, đứng ngoài không yên, trước còn thách-thức, sau rồi kéo bè đả nhau kịch-liệt. Kết cục có tới 20 người bị thương.

Hai chàng kia là chủ-động và thủ-xướng ra cuộc ẩu-đả hiện vẫn bị tống giam để chờ ngày xét xử.

Rõ thật ở yên chẳng lành, đọc canh phải tội chửa?

Thương ơi! ngoài mặt mang tiếng vợ chồng, trong tình giữ đạo anh em, mặn mà nhạt, nồng mà cay, vì nghĩa quên tình, cái khổ-tâm ấy không biết cùng ai tỏ nỗi. Tình với nghĩa đôi đàng đều nặng chĩu, khách ngậm thảm làm vui, có riêng chi mợ Khải mới đeo sầu...

Cuộc đời thay đổi, cái đời của Cha-Thanh cùng mợ Khải đến đây là kết-quả, cái ái-tình chính-đại quang-minh, giả chong tuyết sạch của hai người đối với nhau, không chút hổ thẹn với quỷ-thần. Ôi! nếu đứng Thiên-công kia chẳng bầy ra cái cuộc bể dâu, thì đôi lứa đầu xanh đâu đã phải nỗi khóc cười vì duyên phận.

Trần-văn-Năng

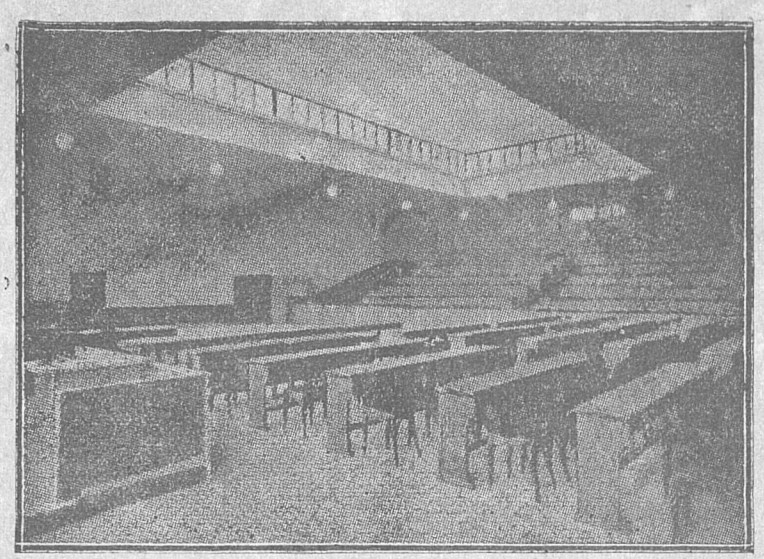

Phòng hội-nghị tài-binh (Cliché Annam Nouveau)

Nhà tư-bản Kreuger tự-tử làm náo-động cả trường tài-chính thế-giới

Ông Kreuger, một nhà tư-bản nước Thụy-điển, một tay nắm bao nhiêu kỹ-nghệ, một mình kiêm-đốc bao nhiêu nhà băng, mỏ sắt và mỏ vàng, trị giá tới hơn ba chục triệu. Khắp thế-giới, nước nhớn, nước nhỏ, thảy đều có quan-hệ với đoàn Kreuger.

Từ ngày kinh-tế khủng-hoảng, công việc tiến-hành của đoàn ấy ngày thêm khó-khăn. Các nước vay nợ đặt ra luật triển-hoãn trái khoản, ông không thu được tiền về, muốn vay của các nhà tư-bản Hoa-kỳ nhưng điều-đình không xong, mà các món nợ ở Thụy-điển đến hạn không sao chì-hoãn được nữa.

Hôm trước đây, để lại ba bức thư cho em gái, cho bạn thân, cho ông Phó-hội-trưởng, rồi ông lên giường mượn phát súng lục trốn thoát nợ đời.

Một tin làm náo-động cả nước Thụy-điển. Có lẽ ngân-thị phải đóng cửa nhiều ngày, từ hôm ông tử-trần ngân-thị Stockholm lấy làm lo sợ lắm.

Vụ tự-sát ấy có ảnh-hưởng lớn với hai mươi nước ở hoàn-cầu, mà đáng lo nhất là nước Đức đã mắc nợ của ông tới ba nghìn triệu.

Có thế mới chừa...

Ít lâu nay bà con trong một thành phố nhỏ xứ Ca-rô-linh (Caroline), đã được chứng kiến một cuộc biện-luận rất ồn-ào, ồn-ào một cách xưa nay chưa từng có. Đứng ra biện-luận là một bọn thầy tu. Mục đích cuộc biện-luận cốt giải-thích một bài trong kinh Thánh.

Nếu đôi bên cứ ở nhà cãi vã nhau bằng những lời chua cay thì các quan sở-tại cũng không ngó tới và can-thiệp làm gì.

Khốn nỗi, cãi nhau bằng mồm chưa đủ sướng, hai bên lại đem nhau ra đường đối-đáp nhau bằng quả thụi. Sở cảnh-sát được tin liền đến núm tai các cha điệu cả về bóp.

Việc ra đến Tòa, quan Tòa liền hạ lệnh bắt 8 cha trong bọn thầy tu hiếu-sự kia học thuộc lòng một chương kinh Thánh, nếu không thuộc sẽ tống-ngục.

Thiên kinh Thánh ấy mở đầu: *«Anh em ăn ở với nhau cho hòa-thuận thì còn gì dễ chịu bằng!»*.

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi

Nguyễn khắc-Hiếu

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

9

Trà-sơn
dịch

Nhưng thôi... Tôi tưởng nên thuật nốt cái lịch-sử tôi để tôn-ông nghe. Voi vét các ngăn rút, cha tôi thu xếp còn được có ba vạn đồng bạc, rồi lại quyết chí đi phiêu-lưu một lần nữa. Tôi đã thưa với tôn-ông rằng cha tôi rất ưa cái đời đi biển, nên tôi muốn tin rằng có lẽ lúc bấy giờ trong bụng cha tôi lại mừng thầm là đã xẩy ra những cuộc đại biến ấy, để cho ông lại được gửi thân cho cái biển là một người bạn chí thân. Về phần tôi, tôi cũng ngỏ cho cha tôi biết rằng tôi cũng nhất định đi theo, vì thế suốt ngày ông cặm-cụi với mấy bức địa-đồ.

«Thoạt tiên cha, tôi làm lính thủy ở các biển miền Nam, nên bấy giờ ông quyết chí lại đi đến các nơi đó, tìm hạt trai và sà-cừ; làm nghề này ông yên-trí thế nào chắc cũng khôi phục lại cái của cải cũ. Cha tôi lại còn chú-ý cả đến cái nghề trồng dừa nữa.

«Nói tóm lại, cha tôi đem chiếc tầu đi chơi đổi lấy chiếc tầu đò Mi-ê-lê, rồi chúng tôi khởi-hành.

«Cha tôi nhận lấy chức quan ba tầu, và trong khi đi dọc đường, ông cố dạy cho tôi cái nghề hàng-hải. Người quan hai tầu của chúng tôi là một người Đan-mạch tên là Ê-ri-sơn. Còn những người làm thì một phần là người Hải-oai, một phần là người Nhật-bản.

«Chúng tôi rong buồm về các đảo thuộc về châu Úc, bên cạnh đường Xích-đạo, nhưng nay đã tang thương biến đổi; cha tôi nhìn trông cảnh vật đều thấy khác hẳn với cảnh-tượng xinh đẹp ngày xưa. Những đảo kia, các Liệt-cường đều chiếm mất, rồi chỗ nào cũng có các đại công-ty lập những đồn-điền, và chiếm độc-quyền những địa lợi, ngư lợi, thương lợi, và hết thảy các mối lợi khác. Thành thế chúng tôi lại phải bỏ đi.

«Từ đó chúng tôi lại lần lên phía quần-đảo Mạc-qui-da là lĩnh-thổ của nước Pháp, chỗ này phong cảnh rất đẹp, nhưng giống người bản xứ đã tiêu-diệt mất quá nửa rồi. Khi được tin có người chiếm lấy quyền chế-tạo ra dầu dừa, thì cha tôi tức không thở được nữa.

Nhưng tức vậy mặc lòng, ông ưa xứ này lắm. Ở đảo Nu-ca Ri-va (là nơi thủ-phủ quần-đảo này), có một cái thung-lũng rộng chừng một vạn rưởi sào đất, mà ngay lối ra biển lại có một chỗ đỗ tầu rất tiện, nên ông mới thấy đã mê ngay.

«Ông tậu cái thung-lũng đó giá một nghìn hai trăm bạc, thật rẻ như bèo. Nhưng, thuế má thì nặng lắm; đất cát ở đảo này giá rẻ, rẻ đến nỗi không có ai mua là vì thế. Lại còn một điều tệ hơn nữa là không có nhân-công. Giống người bản xứ còn sót lại, thì họ không muốn làm việc, còn...

«Chỉ trong sáu tháng giời, đã đủ làm cho cha tôi nản chí ngã lòng. Còn hy-vọng gì ở cuộc tương lai!

«Thôi ta đành phải qua Sa-lô-mông quần-đảo vậy. Cha tôi bảo tôi như thế. Ở đấy ta thử làm ăn với chính-phủ Anh xem sao. Nếu lại cũng một duộc thì ta sẽ sang quần-đảo Tỷ-sĩ-mạch (1) thử giao-thiệp với các ông người Đức. Còn như quần-đảo Thủy sư Đô-đốc, ta chắc là còn bỏ hoang chưa có người nào khai-khẩn.

«Thế là chúng tôi lại mướn một bọn người làm tầu khác, rồi lại khởi hành. Ở dọc đường, khi qua Ta-hải-ty, chúng tôi đỗ lại để chữa chạy một vài chỗ cần kíp ở tầu Mi-ê-lê. Giữa lúc đó không may cha tôi lâm bệnh rồi mất.»

— Thế là từ đấy cô-nương chỉ còn có một thân một mình?

— Vâng... Than ôi! thật quả là chỉ có một thân một mình, anh em chả có, chị em thời không. Cha tôi nguyên quán ở Cang-sa thuộc miền Bắc châu Mỹ. Khi cha tôi còn thơ-ấu, cả nhà bị chết đuối trong một cơn bão lụt, chỉ có ông là sống sót, điều đó tôi cũng vẫn biết.

«Đã đành rằng tôi có thể quay về đảo Hải-oai nương-náu Vương-công, điều đó tôi chắc rằng ông ta rất hoan-nghênh; nhưng, tôi còn muốn tự trọng, có đâu chịu thế; tôi bèn quyết chí noi theo cái kế-hoạch lớn lao của cha tôi. Như vậy thiết-tưởng còn hơn. Thôi, chả qua cũng là ma đưa quỉ dắt tôi vào cái kiếp phiêu-lưu, muốn gỡ ra cũng không được. Thế rồi... tôi ngồi đây!»

— Cái lịch-sử của cô-nương như thế là hết à?

— Ấy chết! tôi còn quên mất câu này... là tôn-ông nên nghe lời tôi dặn, xin tôn-ông chớ có đến xứ Ta-hải-ty. Xứ này là một xứ khả ái. Người dân bản-xứ cũng khả ái lắm. Những người đến sinh-cơ lập nghiệp ở đấy, thì than ôi! quân phi-lu, quân trộm cướp, quân điêu trá, đó, những danh-hiệu đáng tặng cho họ. Còn những người lương-thiện, muốn kể ra, không cần phải dùng đến cả các ngón trên hai bàn tay.

«Tôi là đàn bà con gái, nên họ càng dễ thi-hành thủ-đoạn lắm. Họ dùng hết cách để rút của của tôi, ăn cắp của tôi. Họ thích nói dối, không duyên cớ gì họ cũng nói dối. Ngay

(1) Quần-đảo Tỷ-sĩ-mạch trước hồi Âu-chiến là thuộc-địa của người Đức, ngày nay quần-đảo này cùng quần-đảo Thủy-sư Đô-đốc đều giao cho châu Úc coi nom.

như ông hai tầu tôi là Ê-ri-sơn, vốn xưa nay là người chân-thật mà cũng bị họ cám dỗ.

Hắn thông-đồng với bọn vô-lại kia, giúp chúng để làm hại tôi. Trong các đơn mua hàng hắn đưa trình tôi, hắn đều có ăn theo cả. Nếu đứa nào ăn cắp của tôi được 10 quan thì hắn cũng có 3 quan tiền hoa-hồng. Nếu tôi trả đi 1500 quan, tức là hắn có 500 quan bỏ túi. Mãi sau tôi mới khám phá ra được.

«Ở trên bờ, tên Ê-ri-sơn trú tại một ngôi nhà rất lịch-sự. Cái nhà ấy, do tên thầu-khoán của tôi biếu không cho hắn ở. Trong nhà hắn, thôi thì rau cỏ, cá thịt, nước đá, không thiếu thứ gì, mà hắn không phải xuất ra một xu nhỏ. Đó là cái thương-pháp màu nhiệm mà bọn lái buôn ở Ta-hải-ty thường dùng để cám dỗ lòng người.

Ấy thế mà cái thằng làm bộ ấy, mỗi khi hắn đến trước mặt tôi, thì lại nước mắt vòng quanh, phàn-nàn cho cái cảnh túng bấn của tôi! Bởi thế, từ nay tôi không nói câu: «Tôi sa vào tay quân trộm cướp» nữa; tôi chỉ nói: «Tôi sang Ta-hải-ty» cho giản-tiện hơn.

«Sau có một hôm bọn vô-lương kia lại ăn cắp lẫn của nhau, rồi chúng tự tố-giác nhau ra, có đủ số-mục làm bằng-chứng, nên tôi mới biết rõ cả sự thực. Tôi cũng biết rằng nếu tôi cầu cứu đến pháp-luật, thì tôi còn được bao nhiêu tiền, sẽ đi đứt nốt. Bọn quan tòa ở đấy cũng chẳng hay hớm gì. Tôi bèn nghĩ ra cách này. Một hôm đang nửa đêm tôi ập đến nhà tên Ê-ri-sơn; tôi thấy nó đương nằm ở trên giường; tay tôi cầm khẩu súng lục này.

« Tôi cấm nó không được nhúc-nhích rồi tôi tính các món tiền tôi mất ở trước mặt nó. Kết cục, tôi lấy lại được mấy nghìn quan về. Nó cũng không đi trình sở cảnh-sát, mà tự đấy nó mất mặt không dám xuống tầu nữa.

«Còn những đứa khác thì chúng chẳng coi tôi vào đâu, nên nhất định không trả lại tôi một đồng xu nào. Ở trên bộ, tôi có quen hai người Hoa-kỳ thì họ khuyên tôi nên lờ đi là hơn. Vì bởi chuyện ra, thì có lẽ cả tầu Mi-ê-lê, cả một ít tiền tôi còn giữ lại được, sẽ bị hút cả vào cái hố kiện cáo rồi.

« Tôi mướn một người Đức ở Tân-đảo thay chân tên Ê-ri-sơn. Người này tuy chỉ có một cái bằng cập-ràng, nhưng tôi cũng ghi vào sổ cho làm quan ba tầu.

«Thật ra, thì tôi lại thạo nghề hơn, và chính tôi cầm lái tầu, tầu tôi nay đã bị đắm rồi, nhưng tôi không lấy cái đó làm xấu-hổ. Vì chính giời biển mới là có lỗi.

«Chúng tôi vừa bước vào đến địa-phận ngài, thì chiếc tầu bị trôi rạt theo luồng nước mạnh, lênh đênh trong bốn hôm giời. Rồi tiếp luôn đến trận bão Tây Bắc, chỉ rình vật chúng tôi vào bờ bể.

«Chúng tôi hết sức phấn-đấu nhưng vô-hiệu. Các buồm nhỏ trên tầu lần lần bị gió cuốn đi mất. Hai cái cột buồm của chúng tôi, do bọn vô-lại ở Ta-hải-ty sửa-sang lại, cũng bị gẫy tan tành. Chúng tôi định theo chiều gió, vào ẩn trong eo bể giữa khoảng Phố-lô-ri-đa và Y-da-ben, giá được thế thì cũng có lẽ chúng tôi thoát nạn, không ngờ lúc gần tới, đi đến một chỗ kia, rõ trong địa-đồ biên là sâu đến 14 sải là ít, mà ngờ đâu, đánh sình một cái, chôn tầu va ngay vào một mỏm đá.

«Vừa va vào một cái, thì chiếc tầu lại bắn ra ngay. Nhưng thế cũng đủ rồi, chiếc tầu chìm ngay lập tức. Các tay thủy thủ người Ta-hải-ty và tôi chỉ còn vừa đủ thì-giờ chèo lên chiếc xuồng, lật đật thả xuống biển. Duy có người Đức kia bị chết đuối.

«Chúng tôi bơi loanh quanh suốt cả đêm, mãi đến sáng, chúng tôi mới trông thấy cái cột cờ ở trước nhà tôn-ông, rồi mới vào bờ, thưa thế là hết.»

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Bây giờ chắc cô-nương lại định trở về đảo Hải-oai để tìm Vương-công có phải không?

— Tuyệt nhiên không. Tôi tính độc-lực theo đuổi những cái kế-hoạch thực-dân của cha tôi. Bởi vì tôi đã tới quần-đảo Sa-lô-mông, thì tôi ở lại đây. Rồi tôi sẽ kiếm một khu đất tiện-lợi, lập thành một cái đồn điền nhỏ riêng của tôi. Tôn-ông có biết ở đâu còn đất không? Nếu được giá rẻ càng hay.

Chàng Xen-đôn ngạc nhiên la lên rằng:

— Ở đất Mỹ-châu thật lắm người kỳ-dị, mà chân-chính kỳ-dị...

Cái việc của cô-nương tính làm đó cũng táo bạo thay!

— Ấy chính nó có táo-bạo như thế tôi mới thích.

— Nhưng cô-nương có biết rằng: Nếu cô-nương không phiêu rạt vào Ga-đa-ca-na là nơi chúng ta ở đây, tức là Bế - rang - đệ, mà lại sa ngay vào Mã-lai-tạ, thì cô-nương cùng là những tay thủy-thủ quý hóa người Ta-hải-ty của cô-nương sẽ bị *cai-cai* nghĩa là bị ăn thịt rồi không?

(Còn nữa)

Phòng chữa mắt

Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

■

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Kính trọng lương-tâm con nhà nghề

Người biết làm nghề gì đều phải kính-trọng nghề ấy, lúc nào lương tâm cũng bó buộc phải làm cho tròn bổn-phận, cho khỏi phụ với lời ủy-thác của người ta.

Một nghề đáng chú ý nhất là nghề dạy học.

Nhận cái chức-trách ông giáo, tức là phải chịu lời hứa, lòng tin của bao nhiêu phụ-huynh học-trò, phải mang một bổn-phận rất lớn là rèn đúc bao nhiêu khối óc non mới đặt ra đời còn bỡ-ngỡ. Khó khăn lắm! Thận trọng lắm! Giậy làm sao cho học-trò giỏi? Giậy làm sao cho học-trò hay? Mỗi cậu học-trò nhỏ kia là một phần-tử trong quốc-dân sẽ gánh vác công việc nước nhà sau này vậy.

Một người rất kính-trọng lời hứa, rất kính-trọng lương-tâm nhà nghề, hy-sinh vì sự giáo-dục trẻ em, tôi xin giới-thiệu ông đốc trường Song-Thanh: ông Hoàng-sĩ-Xuyến.

Một khu trường nguy-nga ở góc phố Hòa-mã và phố Jacquin, thường thấy hàng trăm rưởi trẻ em hớn-hở tấp-nập cắp sách đến học, ta nên để ý ông Xuyến mời những giáo-sư bực nào: Lớp nhất và lớp nhì, hai ông giáo ngang sức tú-tài tây; lớp ba (tức sơ-đẳng) một ông giáo theo gần hết hạn Cao-đẳng tiểu-học, còn lớp cuối, các em còn nhỏ, giao cho một bà giáo nhu-mì ôn-hòa săn-sóc trông coi. Ông Xuyến còn mời được một nhà văn-sĩ đã có tiếng, kiêm họa-sĩ, thường ngày thứ năm thứ bảy, đến dạy các lớp trên về khoa Quốc-văn, Hán-văn và vẽ «perspective» nữa.

Vậy ông bà nào có trẻ em đi học tưởng chẳng nên quên:

Trường Song-Thanh

ở góc đường Hòa-Mã và Jacquin bên cạnh nhà rượu sau nghĩa-địa Saïgon

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lâu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chấng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

DƯ'-MỸ

Chủ nhân: NGUYỄN-VĂN-HOÀN

CỰ I CHỦ NHÂN CÁC NHÀ:

TẾ-MỸ, PHÚC-TƯỜNG, AN-LINH

Sở chính: 10, phố hàng Quạt

Sở phụ: 69, phố hàng Giầu

Quản-lý: NGUYỄN-TUẤN-GỴ

CHO THUÊ XE, ĐÒN ĐÁM MA

BÁN VÒNG HOA CƯỜM

GIÁ RẺ HƠN CÁC HIỆU ĐƯỢC PHẦN NỬA

LẤY VIỆC CHUYÊN MÔN VÀ SỰ CẦN KIỆM ĐỂ GIÚP CÁC TANG GIA

Khai báo, xin phép và bảo ban không lấy tiền.

學美號 殯車馬局 出賣花圈 價大賤 開報事 不取費錢

河內 正中行廚街十號 附所 油街六十九號

Tản-Đà thư-cục đại tiến-hành quảng-cáo

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi, thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Hiện đưa tại nhà in :

1.— **Tản-đà văn-tập quyển nhất**. (Luận-thuyết-loại. — Tức các văn ở hai quyển *Khối-tình bản chính và bản phụ* khi xưa, hợp in làm một. Có « lời tựa chung các sách của Tản-đà thư-cục » in ở đầu.

2.— **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại.— Chuyện này hợp với *Kiếp phong-trần* cùng in làm một quyển, mà lấy theo ba chữ đây làm tên.)

Các giá bán lẻ và bán buôn như sao, sẽ có tiếp-tục tưởng-cáo.

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi, xướng - xuất và tán - thành các công việc bổn phận của Nữ - giới.

Chủ-nhiệm : **Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA**

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô - Thuc - DICH — Imp. Trinh - Van - BICH — Hanoi

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 35

NGÀY 2 AVRIL 1932

安南雜誌

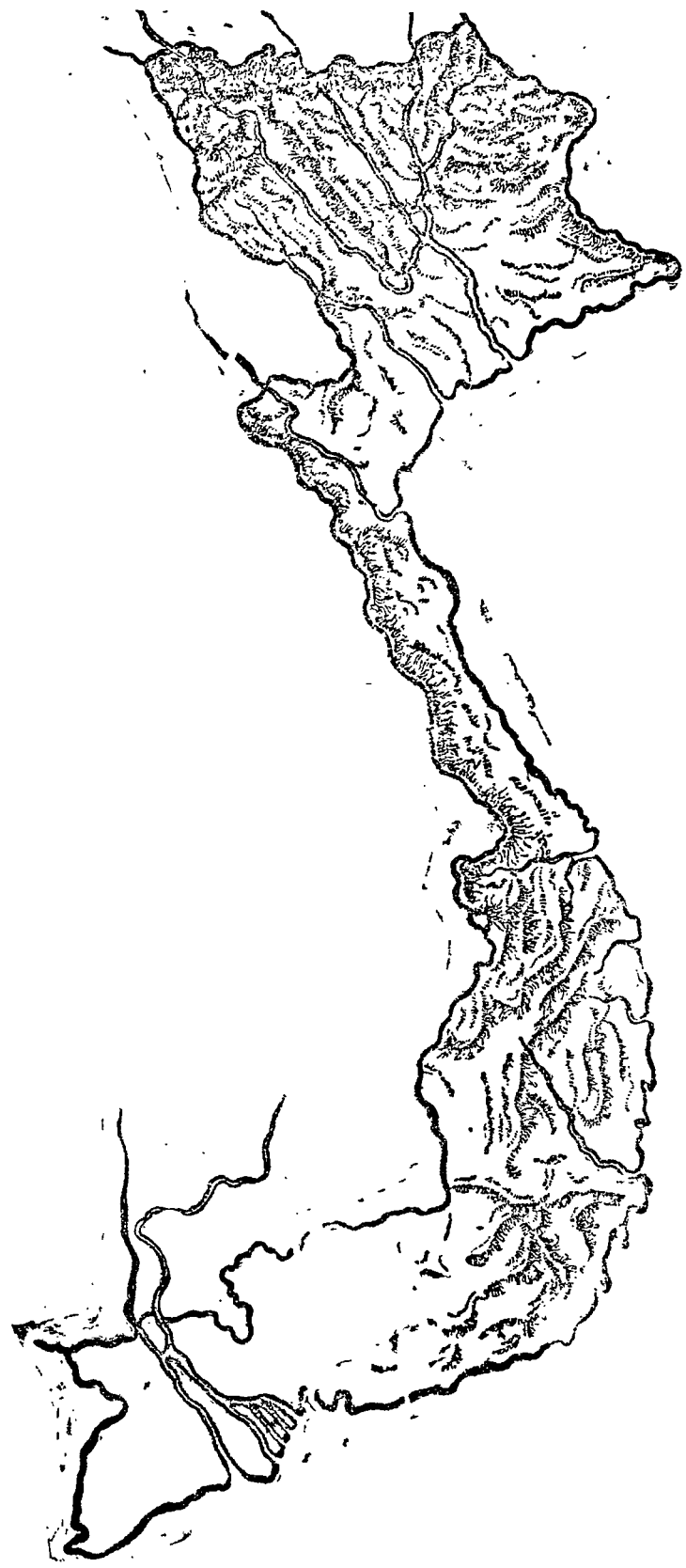

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . . 5$00
Nửa năm. . . 2,60
Một số. . . . 0,10

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Vì Nhà nước đổi lại các số nhà ở Phố hàng Khoai, vậy Bản-quán vẫn ở nhà cũ, mà từ nay là số 72.

Xin độc-giả chư vị chú-ý

A. N. T. C.

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng, như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-ba dạ con hư lạnh, huyết-lộc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**

No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách linh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khi huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, bạng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu điều đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

PHỤ-NỮ LAO-ĐỘNG VỚI CHẾ-ĐỘ GIA-ĐÌNH

Từ ngày tư-tưởng bình-đẳng bác-ái, từ thuyết-lý bước sang thực-hành, vấn-đề nam nữ bình-quyền cũng bắt đầu nẩy ra ở trong cõi tư-tưởng trên thế-giới. Nhờ ở cái công-phu tán-thành của các người thờ chủ-nghĩa tự-do bình-đẳng, lại nhờ ở sức phấn-đấu của các tay lãnh-tụ phái nữ-quyền, hiện nay ở phần nhiều các nước bên Âu Mỹ, các vấn-đề có quan-hệ đến địa-vị và quyền-lợi của phụ-nữ, đều đã dần dần được giải-quyết theo như xu-hướng và ước-vọng của nữ-giới. Tuy về các vấn-đề ấy, bên cạnh phái tán-thành, bao giờ cũng vẫn có một phái phản-đối, nhưng vì phong-trào giải-phóng phụ-nữ là một phong-trào xã-hội, thì hễ tư-tưởng xã-hội của nhân-loại ngày càng nâng-cao, phong-trào nữ-quyền cũng tất-nhiên ngày càng bành-trướng, dẫu ai có thế-lực đến đâu, cũng không có thể ngăn-cản lại được. Vả chăng, ở trong phạm-vi phong-trào nữ-quyền, có nhiều vấn-đề, tuy nói đến ảnh-hưởng, thì cũng có quan-hệ đến gia-đình xã-hội, nhưng nói về việc thực-hành, thì toàn nhiên ở vào trong quyền-hạn của cá-nhân, nên tuy ai muốn phản-đối mặc phản-đối, bài-bác mặc bài-bác, mà mình làm cứ làm, chẳng ai có thể cấm-đoán được. Ví dụ như vấn-đề trí-dục, thể-dục, nếu chị em phụ-nữ muốn học thì cứ học, muốn thể-thao thì cứ thể-thao, tưởng phong tục và pháp-luật, chẳng can chi phải can-thiệp, mà cũng chẳng có lợi hay có hại chi mà can-thiệp.

Duy đối với vấn-đề phụ-nữ lao-động, thì ta không có thể xét ra một cách giản-dị thế được. Từ khi . . . . . đường sinh-nhai của các cá-nhân thấy hiện ra vẻ co-hẹp, phần nhiều chị em phụ-nữ, ... phải xô nhau ra kiếm công ăn việc làm ở ngoài xã-hội, hoặc để nuôi thân, hoặc để giúp đỡ chồng con cha mẹ, trong cái gánh nặng gia-đình. Nhất là hiện nay, kinh-tế thế-giới đương khủng-hoảng, thì cái số người đàn-bà cần phải ra kiếm ăn ở ngoài gia-đình, lại một ngày một càng thêm tăng tiến. Cái hiện-tượng ấy, đối với quyền-lợi của phụ-nữ, đối với gia-đình, với xã-hội, có ảnh-hưởng gì không? Đứng trước cái hiện-tượng ấy, cái thái-độ của các nhà xã-hội, nhà kinh-tế, đáng nên mừng lo như thế nào? Đó một vấn-đề mà, chỉ trừ những người có cái óc cố-chấp trong phái nữ-quyền, còn ngoài ra, ai đã là người biết lo xa đến tương-lai của nhân-loại, đều phải lấy làm nghĩ mà lo tìm phương bổ-cứu.

Theo lý-thuyết các nhà chủ-trương nữ-quyền, hạn-chế phong trào phụ-nữ lao-động, tức là ngăn-cản cuộc vận-động giải-phóng của phụ-nữ. Phụ-nữ từ trước đến nay, đối với nam-giới phải đứng vào cái địa-vị thấp-kém, chỉ vì không có chức-nghiệp, chỉ vì phải ỷ-lại vào tay người khác để lo đương nuôi sống. Nay muốn khôi-phục lại cái địa-vị tương-đương, ... tất phải có một nghề để tự-lập, để có thể tay mình tự nuôi lấy thân mình. Vì thế, phụ-nữ muốn giữ được tư-cách, tất phải lao-động, hoặc bằng óc, hoặc bằng chân tay, gia-đình và xã-hội, không có quyền gì bát-buộc họ lại quay lại trong sổ bếp cửa buồng như ngày trước được nữa.

Các nhà xã-hội và kinh-tế thì lại trông vấn-đề phụ-nữ lao-động theo một phương-diện khác. Đề ra bên những truyện so-bì vu-vơ, ganh-tị hão-hiền của thuyết nam nữ bình-đẳng, họ chỉ xét xem cái ảnh-hưởng của vấn-đề phụ-nữ lao-động có quan-hệ đến gia-đình xã-hội là thế nào. Cứ bằng ở các điều đã kinh-nghiệm từ trước đến nay, họ dám quyết-đoán rằng việc lao-động bằng trí-não, hoặc bằng chân tay, không những có hại riêng cho người đàn bà, lại còn làm thiệt-thòi cho đến cả gia-đình xã-hội nữa.

Theo lý-thuyết của phái này, trừ ra những

hạng phụ-nữ. . . . . trốn nghĩa-vụ thiên-phú mà thờ chủ-nghĩa độc-thân không kể, người đàn-bà từ lúc bẩm sinh ra, đã phải mang cái chức-phận thiêng-liêng chính-đáng là công-việc truyền rõi nòi giống và bồi-đắp giữ-gìn cái chế-độ gia-đình. Cái chức-vụ ấy, kể ra rất là nặng-nề to-tát mà lại rất thích-hợp với tính-tình tư-chất của người đàn bà. Cũng chỉ vì muốn đền lại cái công-lao ấy, mà người đàn ông phải xuất-thân ra gánh-vác riêng cái phận-sự lo chạy đường sinh-hoạt. Nay nếu bắt người đàn bà cũng phải ra chia vai sẻ gánh với người chồng ở trong các công-việc xã-hội, mà cái chức-vụ riêng của mình, vẫn không san-sẻ cho ai được, thì chả hóa ra bất công-bằng lắm sao? Cho dù người đàn-bà có vui lòng hấng-nhận cái chức-vụ nặng-nhọc ấy nữa, nhưng sức-vóc người ta chỉ có hạn, nếu đã bị hao-tổn khí-huyết tâm-lực về sự sinh nuôi con cái, coi sóc cửa nhà, lại còn thêm mệt óc nhọc người về các công-việc ở ngoài nữa, thì đó chả là một điều đáng lấy làm lo cho cái sức sinh-hoạt của người đàn-bà lắm sao? Hiện nay ở các nước bên Âu Mỹ, nhờ có các cuộc điều-tra, người ta đã thấy rõ rằng thọ-mệnh của các người đàn-bà lao-động có gia-đình phần nhiều có rút-ngắn hơn trước. Nếu vì nhẽ đó mà người đàn-bà sinh ra chán bỏ gia-đình . . . . . thì thật là một sự đáng lo cho tương-lai của nhân-loại.

Đối với gia-đình, mà ở trong hiện tình xã-hội ngày nay, chế độ gia-đình chưa có thể coi khinh được, tất ai cũng phải công nhận rằng cái cơ thịnh suy hưng-phế, đều gửi ở trong tay người đàn-bà. Nếu người vợ vì chức-nghiệp phải dùng một phần to thì-giờ ở bên ngoài, tất nhiên không sao coi-sóc công-việc trong nhà cho chu-đáo được. Một cái khuyết-điểm ấy, nhiều khi có thể làm phát-sinh ra lắm cái kết-quả không ngờ. Con cái, vì không được chịu cái cách giạy-dỗ âu-yếm của người mẹ, mà nhiều khi bỏ mất các tính nết tự-nhiên, dần dần hóa ra tập-nhiễm các thói hư tật xấu; người đàn ông, vì không được hưởng cái lạc-thú êm-đềm ở trong gia-đình — ở bên Âu-châu, có nhà hai vợ-chồng chỉ gặp mặt nhau ở hai bữa ăn cơm và lúc đi ngủ — mà sinh ra ca lâu tửu-quán, để lân-la tìm thú ở bên ngoài. Cái giây liên-lạc trong gia-đình thành ra lỏng-lẻo chỉ vì đấy. Cho đến nền kinh-tế của gia-đình, cũng thường khi vì người đàn-bà không săn-sóc đến, mà nhiều món tiêu đáng đơn hóa kép đáng một thành hai, số tiền công của người vợ kiếm được trong một tháng, vị-tất đã bù vào cái chỗ lãng-phí ấy. Huống chi người đàn-bà thường vì ra ngoài kiếm được tiền mà sinh ra so bì chúng bạn, ăn tiêu rộng-rãi, thì còn đâu cái đức cần-kiệm, là cái nền tảng của việc tri-gia? Ấy là không nói đến cái hại về đường luân-lý, cái hại đã làm cho ở các nước bên Âu Mỹ, các việc ly-dị, các tấn tình-kịch thường thấy nhan nhản bầy ra ở trên mặt tờ báo.

Lại còn một cớ mà các nhà kinh-tế lôi ra để phản-đối cái phong trào phụ-nữ lao-động, là cái nạn thất-nghiệp hiện thời. Ở bên phía trời Tây, hiện nay bất cứ nghề gì, đâu đâu cũng thấy cái cảnh-tượng mật ít ruồi nhiều. Tính tổng-cộng ra, số người thất-nghiệp trên mặt địa-cầu, có tới đến hàng mấy mươi triệu. Đó là mới nói đến những người đàn-ông. Các nhà chính-trị và kinh-tế, đương bóp đầu nặn óc, mà chưa tìm ra được cái phương-pháp nào để cứu chữa. Nay nếu một phần nhân loại, lại thi nhau chốn bỏ gia-đình, để ra cùng một phần kia tranh công cướp việc ở ngoài xã-hội, cái số người vô-nghệ, tránh sao khỏi một ngày một tăng lên mãi, mà cái nạn thất-nghiệp, rồi đây còn ghê-gớm đến thế nào.

Đó mấy cái nguy-cơ không thể trách được của phong-trào phụ-nữ lao-động. Ta xem đấy đủ biết vấn-đề này, không phải như những câu truyện bình-quyền bình-đẳng viển-vông, chỉ có giá trị ở trong vòng luận-lý; mà chính là một hiện-tượng rất có can hệ to tát đến vận-mệnh của chế-độ gia-đình và cái cơ sinh-tồn của nhân-loại sau này. Không muốn ngồi yên nhìn cái hiểm-tượng ấy ngày một bành-chướng

lên, hiện nay không những các nhà xã-hội, các cơ-quan bảo-hộ quyền lợi cho gia-đình đương gia công tìm phương phòng-bị một cách gián-tiếp, mà chính các quốc-gia cũng đã phải dần dần nhờ tay pháp-luật để can-thiệp. Nước Pháp gần đây đã ban-bố mấy điều-luật cấm đàn-bà có chồng không được làm việc ở các mỏ và các xưởng máy móc nguy-hiểm. Ngoài ra lại còn hạn chế thì-giờ làm việc của các người đàn-bà con gái, và bắt các chủ-thợ phải trả tiền công các thợ đàn-bà trong những thời-kỳ thai-sản. Thẳng tay một tý nữa, nước Bỉ đã cấm hẳn các đàn-bà có gia-đình không được làm các công-việc máy-móc có thể nguy-hiểm và can-ngại đến sức khỏe. Những cấm-lạnh ấy, tuy có ích-lợi cho sự duy-trì chế-độ gia-đình thật, nhưng lại không được phải phụ-nữ hoan-nghênh, bởi vì, hiện nay đương lúc kinh-tế khó-khăn, phần nhiều đàn-bà cần phải làm việc thêm mới có thể giúp người chồng để nuôi sống một gia-đình hơi đông-đúc. Như vậy nếu bắt buộc họ bó tay ngồi nhà, đành dương mắt nhìn nỗi gia-đình cùng-quẫn mà không thi-thố gì được, thì chả hóa muốn làm lợi mà lại thành ra làm hại cho họ đó ru ? Vả nay phần đông phụ-nữ đã tiêm-nhiễm những ảo-tưởng bình-đẳng tự do, nhiều người đã coi nhầm gia-đình như cái « gông đeo cổ ». Nếu nay lại vì có gia-đình mà thiệt mất cái quyền tự-do lo lấy sinh-hoạt, thì có khác gì sui-rục họ sô nhau đi thờ chủ-nghĩa độc-thân ? Thành ra mấy cái phương-pháp bổ-cứu kia, không những không tới được mục-đích, nhiều khi lại gây nên những cái kết-quả trái hẳn với mục-đích,

Nay muốn cho người đàn-bà lại vui lòng quay su-hướng về gia-đình, tất phải dụng lực về bên tinh-thần, mà bên vật-chất cũng không thể nhãng được. Về phương-diện tinh-thần, phải nhờ ở sự giáo-dục mà gây lại cho người con gái cái quan-niệm lạc-quan đối với gia-đình. Trong chương-trình nữ-học, phải chú-trọng về mục gia-chính, để cho người con gái hiểu-biết rằng công việc trì-gia, không những là bổn-phận thiên-phú của mình, mà lại là một cái nhiệm-vụ rất hệ-trọng tôn-quý. Người coi sóc việc bên trong, kẻ gánh vác việc bên ngoài, chẳng qua cũng là một cái luật « phân-công » của tạo-hóa. Cứ lấy giá-trị cái việc làm mà nói, thì công việc nuôi con nấu bếp, có khác gì cầm quân ở nơi chiến-trận, chấp-chính ở chốn triều-đình. Gà sống gáy sáng, gà mái ấp chứng nuôi con, nào ai là kẻ tôn gà sống mà khinh gà mái !

Về phương-diện vật-chất, pháp-luật cần phải thi-hành một cái chính-sách bảo hộ gia-đình, để cho người đàn-bà đã chịu hy-sinh cái tự-do cho chồng con, được biệt-đãi hơn là những người đàn-bà độc-thân, là những tín-đồ cái chủ-nghĩa ích-kỷ. Ân-thưởng cho các gia-đình đông con ; nếu người chồng là người làm việc, hoặc thợ-thuyền, thời tùy số con mà nâng dần dần món tiền phụ-cấp cho người vợ ; đó đại-khái mấy điều có thể đền bù cho cái nền kinh-tế của những gia-đình bị thiệt vì người đàn-bà không được làm việc ở ngoài.

Xem thế đủ biết phong-trào phụ-nữ lao-động một phen đã phát sinh ra, muốn ngăn cản lại, thật cũng khó lòng, mà phong trào ấy càng lan rộng ra, thì chế-độ gia-đình tất nhiên bị lay-chuyển. Cái hiểm-tượng ấy, hiện nay ở xã-hội ta chưa hiển-hiện ra một cách rõ-rệt như ở các nước nữ-quyền phát-đạt ở phương tây, nhưng nếu không đề-phòng trước, thì trên con đường đồng-hóa, rồi sao ta cũng đi đến bước ấy. Xã-hội Au Tây, là cái xã-hội chuyên trọng cá-nhân, mà người ta còn lo cho chế-độ gia-đình có cơ sẽ vì phong-trào nữ-quyền mà bại-hoại, huống chi xã-hội ta, là cái xã-hội nguồn-gốc ở gia-đình, nương tựa ở gia-đình luân-lý, nếu căn-bản bị rung, thì bằng vào đâu để mưu cuộc sinh-tồn !

Mong rằng các nhà ngôn-luận tự đảm nhận cái chức-trách hướng-đạo cho phong-trào giải-phóng chị em bạn cái nước Việt ta, trong những lúc vì sốt-sắng quá muốn đạp đổ phăng ngay chế-độ gia-đình tôn-trọng kia, cũng nên lấy đó làm nghĩ mà thận-trọng một đôi chút.

Ngô-Thúc-Địch

Bài-trừ cái nạn Phan-Khôi ở Nam-kỳ cùng bài « Tống-nho với phụ nữ »

(Bài này, nhẽ ra tiếp luôn là phải; song nhân vì tôi đương mải làm về việc *Đàm-thuyết thơ ca* ở mục văn-đàn, vậy bài này tạm chậm nối tiếp. Xin độc-giả lượng xét.)

Nguyễn-khắc-Hiếu

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN (1)

V

Bàn qua về những điều nên bỏ, chắc còn nhiều điều nữa, xin đợi các bậc cao-minh chỏ lối đưa đường cho — Nay xin nghĩ về những điều nên luyện-tập, những cơ-đồ nên gây-dựng dần dần :

Phải hết sức lấy những nhời nói thật thông-thường, những tiếng hay dùng ở các nơi thôn-dã mà làm gốc trong các tiếng để đem dùng làm văn (*vocabulaire*). Những câu ví, câu hát ca-dao, hay biết là bao nhiêu, mà chính là gốc-tích văn An-nam, tục-truyền những câu như :

« Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng ».

Chẳng đã có từ đời Trưng-vương đó sao? Ông Hàn-Thuyên mãi đến đời nhà Trần mới xuất-hiện ra trong văn-học sử của ta, nhưng cái hồn dân thì sớm đã có những giọng thanh-tao từ mấy trăm năm trước. Đó mới chính là cái Hồn Nam-việt; học cái văn mộc-mạc ấy mà bắt chiếc đó mới là nên bắt chiếc, bắt chiếc phải đường — Có nhẽ dùng ca-dao trong việc giáo-khoa, trong sự dạy học tiếng quốc-ngữ và luyện lập văn quốc-ngữ, lại hợp nhẽ phải hơn là dùng những quyển Kiều, Hoa-tiên, vì cái hay của những tập như Hoa-tiên và Kiều đã là một cái hay tỉ-mỉ quá rồi, mà không có cái đặc-sắc Việt-nam bằng cái hay tự-nhiên của ca-dao tục-ngữ.

Cũng về cách dùng chữ, có một điều văn-chương Pháp đáng làm gương cho văn-chương An-nam, là cái tính cách khúc-triết, rõ ràng minh bạch — Đó là vì nhà văn Pháp cẩn-thận sự dùng chữ. Dùng chữ chỉ dùng chữ nào thật chỏ đúng vào cái gì mà mình muốn chỏ (*le mot propre*), cho nên văn được minh-bạch, không có lẫn lộn mập-mờ. Ta cũng theo gương cái tính cẩn-thận đó, tiếng ta không phải là nghèo mà không phải là không có thể khúc-triết bằng tiếng người, chỉ vị ta viết văn thường không cân nhắc, — Ví dụ : « sầu, muộn, phiền, buồn, khắc-khoải, chán-ngán, v. v. . . » chắc khi làm văn, nhiều nhà văn chỉ tùy sự làm sao đọc cho « dễ nghe », hay là nếu làm thơ thì đặt cho xuôi vần mà dùng bừa chữ nọ vào chữ kia sai lạc cả nguyên nghĩa. E rằng nếu không lo bỏ cái tính xấu ấy mà tập lấy tính biết thờ cái tiếng nào xác-đáng với việc hoặc ý tứ mình định nói ra (*le mot propre*), thì tiếng nước ta còn phải chịu tiếng oan là một thứ tiếng nói mập-mờ (*imprécis*) mãi mãi.

Cái sự minh-bạch của văn Tây cũng còn nhờ về cái mẹo — Mẹo mỗi tiếng một khác, tiếng nước ta cũng không phải là không theo mẹo luật gì, muốn nói thế nào cũng được. Nhiều nhà sính làm «văn mới» mà chỉ đeo thêm tiếng xấu vào cho văn mới, chính là vì quên sự theo mẹo An-Nam. Nếu thực biết đem Tân-học dùng vào làm văn An-Nam, theo phương-pháp mẹo tây mà đặt câu, thì tất là câu văn phải có đầu có đuôi, đâu ra đấy, chứ không đến nỗi cấc-lấc hay là chúc trắc. — Ta nên lo về việc góp sức học của nhau lại mà xếp đặt những điều cốt-yếu trong một tập mẹo An-Nam. Chưa có một quyển mẹo An-Nam, thì tưởng sự đem chữ Quốc-ngữ làm gốc của nền sơ-học, không nên thực-hành — Vì một thứ tiếng mà ai muốn viết thế nào thì viết, cũng có thể cãi được rằng: Mình viết thế là phải, — thì chính là hãy còn phải để làm một món học cho các nhà cao-đẳng khảo-cứu, chứ không phải là đem dạy trẻ-con được; rồi khi nào có đủ mọi điều xác-thực ai nấy đều phải công-nhận, thì mới xếp thành mẹo luật mà đem ra dạy cho trẻ-con. Nếu đang cái thời-kỳ rối-tung trong làng văn này, mà đem quốc-ngữ dạy trẻ thay vào chữ tây, bề ngoài tuy có cái vẻ ái-quốc. đủ huyễn-diệu được lòng người, nhưng bề trong chính là một mối « loạn-óc » cho trẻ và một trở-lực cho sự tiến-bộ của quốc-ngữ. Loạn óc bởi vì trẻ con sẽ chẳng biết viết lối văn nào là đúng mẹo, đọc mỗi sách, xem mỗi báo, sẽ thấy nhiều chỗ nghi-ngờ mà các vị giáo-học sơ-đẳng dẫu có công-phu nghiên-cứu đến đâu cũng không chắc giải-quyết được đủ cho trẻ hiểu rõ. Ngăn trở cuộc tiến-bộ, vì muốn cho quốc-văn mau tiến-bộ, phải để cho trẻ mau mau hấp-thụ được lấy nhiều Tân-học Thái Tây, miễn sao trong các gia-đình giáo-dục ai nấy phải nhớ dạy cho trẻ giữ lề, biết không quên nghĩa-vụ yêu nước và yêu tiếng nói của tổ-tiên để lại. Người học-trò theo đòi tân-học đã đủ gây lấy cho mình một cái phương-pháp khảo-cứu quốc-văn, lúc đó người Tân-học ấy sẽ đem cái phương-pháp ấy ra để làm vào việc xếp-thành mẹo luật An-Nam, làm thêm tự-điển An-Nam vân vân.

Hễ ta chưa giải-quyết xong vấn-đề đó, và chưa giải-quyết xong vấn-đề dịch sách Khoa-học ra quốc-ngữ một cách giản-dị dễ-hiểu, thì cái việc dạy người An-Nam bằng tiếng An-Nam, tưởng xin hãy chớ bàn đến cách thực-hành mà chỉ để nó làm một cái mục-đích trên con đường còn xa lắm.

Đối với việc làm cho quốc-văn có nhời nhẽ lề lối mới, càng những người thực Tân-học càng cẩn-trọng mà hiểu rằng: Nghĩa-vụ cần nhất là nghĩa-vụ khảo-cứu, — « học cho hi thánh hi hiền » theo nhời cổ nhân dạy, để thêm tài thêm sức mà gánh-

(1) Xem A. N. T. C. số 31, 32, 33, 34.

VẤN ĐỀ CHẤN-HƯNG THUỐC NAM

Biểu đồng-tình với ông *Phó-đức-Thành ở Vinh* về vấn-đề «*chấn hưng thuốc nam*», tôi xin nối lời ông Phó-đức-Thành mà nhắc lại rằng «Chấn-hưng thuốc nam» là một vấn-đề rất quan trọng, to-tát, thiết-thực mà rất có bổ ích cho quốc-dân. Ông Thành phàn nàn rằng trong vấn-đề ấy chỉ có những sự hô-hào xuông, không từng thấy thực-hành chút nào cho rằng lạ mà thật đáng chán cho xã-hội ta.

Chẳng nói ra chắc ai cũng thừa biết rằng «*Nói thì dễ làm thì khó*». Vậy bây giờ ta muốn tỏ ra rằng không phải là sự hô-hào xuông, lời nói hão, nói thì phải làm đi, nghĩa là thực-hành! Thực-hành thế nào ?

Trước khi muốn thực-hành, xã-hội ta cần phải biết vì lẽ gì nó thường làm cho nhời nói với việc làm phải xa cách nhau, một giời một vực.

Người Annam mình xưa nay đã quen bo-bo cái thói thủ-cựu, cái tính bắt trước; chứ chưa ai có cái trí sáng kiến, mà vạn nhất có ai xoay bộ óc, có cái trí sáng kiến được điều gì mới, việc gì lạ, thì hoặc là vì địa-vị, hoặc vì hoàn-cảnh, thành ra kẻ xướng không có người tùy; nên trí sáng kia một mai phải mờ, rồi đến đen tối là mất. Vì thế cho nên ai cũng sinh lòng chán-nản, mà cam an số-phận cho rồi.

Về địa-vị, tức là phần *lý-tài*, chắc ai cũng thừa hiểu rằng: phàm làm một công việc to-tát, khó-hăn như việc «*chấn-hưng thuốc nam*» này, điều cần thứ nhất phải có *nhiều tiền*, rồi đến *nhiều thì giờ*, phải mất *nhiều công phu*, vì thế cho nên một người không thể làm nổi được.

Điều thứ hai là phải có *thế-lực* thì mới không sợ cái hoàn-cảnh tức là thời-thế nó ngăn-trở.

Nay muốn đánh được hai cái trở-lực nói ở trên, nghĩa là vượt hẳn thời-kỳ lý-thuyết mà bạo-dạn bước vào con đường thực-hành, thì sự cần-thiết thứ nhất là ta phải có nhiều người đồng chí mà cùng nhau hô-hào cổ động để lập thành *hội* mới được.

Nay ta bàn định xin phép chính-phủ lập một hội buôn thuốc bắc và thuốc nam, tạm gọi là «*Nam-phương y-học hội*».

N.P.Y.H.H. sẽ chia làm hai thời-kỳ.

A. — *Thời kỳ kiến-thiết.*

B. — *Thời kỳ thực-hành.*

Cách lập hội tạm định chương-trình có bốn khoản:

Thời kỳ kiến-thiết

I. — *Tư cách hội viên*

II. — *Công việc sưu-tập*

III. — *Công việc thí-nghiệm.*

Thời-kỳ thực-hành

IV. — *Công việc thực-hành*

☆☆☆

A — *Thời kỳ kiến thiết*

I. *Tư cách hội-viên.* — Những nhà buôn thuốc bắc, làm thuốc bắc, những ông trong tứ giới có công-tâm với tiền-đồ nền y học nam-được đứng lên xin phép chính-phủ lập hội buôn thuốc bắc thuốc nam. Những ông vì quốc-dân mà đứng lên hô-hào chấn hưng thuốc nam phải hùn vốn ước lấy độ 20.000$00 Đã lập thành hội rồi các ông phải lấy danh nghĩa một hội buôn thuốc mà làm hội khảo cứu và hội học thuốc. Đã là vì nghĩa vụ mà làm việc cho một hội khảo cứu và hội y-học thì không có thể viện lẽ gì mà cần có lợi tức ngay trước mắt như các hội buôn khác được.

Món tiền ấy bỏ ra phải coi như tiền thừa đem gửi một nhà triệu-phú đặt lãi rất nhẹ để dành cho con cháu ăn về sau này, chứ đời mình không nên mong hưởng gì vào đấy — không những thế, mình lại phải giúp ông triệu-phú kia mà

---

vác trách-nhiệm với quốc-văn. Càng những người giả Tân-học lại càng sinh múa bút láo mà nói càn, đặt câu bướng mà kêu rằng mới, ầm ầm làm loạn trong quốc-văn mà tự-phụ rằng công-đức với văn-chương mới.

***

Kết-luận, đem tư-tưởng mới vào văn nước nhà, thu tình-cảm mới vào văn nước nhà, là hai cái nghĩa-vụ mà bạn Tân-học ta từ nay đã có thể gánh vác ngay; hoặc còn phải dùng nhời văn hơi cũ mà dãi bầy ý-tứ mới, tưởng chẳng qua cũng như nhà thi-sĩ Pháp ở thế-kỷ thứ mười-tám đã hô-hào trong làng văn bấy giờ: «Ta phải diễn-giải những ý-tứ mới bằng những câu thơ luật cổ» (*sur des pensers nouveaux, faisons des vers antiques*), trong buổi giao-thời, tất phải như thế.

Còn như đổi mới nhời nhẽ và lề-lối quốc-văn mai sau này có thành công, còn tùy cái công-phu nhà Tân-học điều-hòa mới cũ, vì quốc-văn mà nghiên-cứu Đông Tây, ôn lại Nho-học, học thêm Tây-học. Hiện nay, dẫu nói riêng về một điều ấy, hay nói chung về cả hai điều trên, cái địa-vị tối quan-trọng chính là địa-vị của các bậc sĩ-phu gồm cả được cựu-học và tân-học.

Nguyễn-tiến-Lãng

Cải chính

Câu : mà ở đời có « nhân định thắng thiên » thì cái vẻ nên thơ của sự « Nhân định thắng thiên » sao chẳng có» số 33 bỏ sót mất một nửa.— Số 34 gần cuối: **Bởi** lối văn câu đối đối chữ đối bài v...» xin cải chính : **Bỏ** lối văn...

Nguyễn-tiến-Lãng

làm việc hết sức nữa. Làm việc cho ông triệu-phú kia tức là làm việc cho mình và cho con cháu mình. Ấy một ông hội-viên «*Nam-phương y-học-hội*» phải biết và hiểu rõ bổn-phận như thế mới được (1).

II. *Công - việc sưu - tập.*— Nước nam ta mấy nghìn năm nay đã quen dùng thuốc bắc, cái công - dụng của thuốc bắc đối với ta thế nào, ai là người Annam tất cũng hiểu biết cả. Bây giờ nhất đán mà hô-hào bỏ thuốc bắc sao được? Vì thế người Tầu nhòm thấy chỗ yếu của mình mà càng ngày thuế đánh càng cao;vả thuốc nam chưa có mà thuốc tây hoặc là đắt quá nên không thông dụng được ở dân gian, hoặc vì thuốc ở phương tây đem sang phương Đông không được hiệu nghiệm cho lắm, nên người Tầu, dầu có đem bán thuốc xấu cho ta, bắt buộc ta cũng phải dùng. Không lẽ người ốm chỉ nằm nghe lời hô-hào Chấn-hưng thuốc nam mà khỏi được bệnh sao?

Vì thế nên bây giờ ta phải dần dần tìm kiếm trong các vị thuốc bắc vị nào có thể lấy thuốc nam thay vào được thuốc bắc mà cái công-dụng của nó cũng hay như thuốc bắc thì ta cổ-động hoặc giúp đỡ cho những nhà giỏng giọt có đủ tài liệu mà chấu trỉnh mãi cái nghệ của mình lên. Đó là bước thứ nhất của công cuộc sưu tập. Thứ nữa hội sẽ phái những người ở ban khảo-cứu đi các miền Thượng-du sưu tầm các cây cỏ là những thứ thuốc của người địa - phương xưa nay vẫn dùng quen, đi các nơi nhà quê giao-dịch với các ông lang, bà lang,hoặc lấy, hoặc mua các môn thuốc nam họ đương dùng về nội ngoại khoa, xuốt các phương gia - truyền. các thứ trong dân-gian ai cũng biết.

III. *Việc thí-nghiệm.*— Ở hội - sở sẽ có một phòng thí - nghiệm do những ông sành nghề hóa - học và y-học quản đốc. Những môn thuốc của ban sưu - tập khảo - cứu mang về, sẽ đem ra thí - nghiệm, hoặc là phân tính-dược từng loại một, rồi đem ra chất-nghiệm, xem các công-dụng của vị thuốc ấy, phương thuốc ấy có được y như ban khảo - cứu đã công-bố không.

Công việc đi nhặt một tầu lá cây mang về phân-chất, rồi đem ra thí-nghiệm, thế là công việc *kiến thiết* của «*Nam-phương y-học-hội*» tạm song.

IV. *Công cuộc thực-hành.*— Nói đến công việc thực hành tức là dồng cây đã sắp đến ngày ăn quả vậy.

Thuốc nam đã đủ vị, đủ các phương - sách chữa nội ngoại chư khoa, các ông y-sĩ của hội có đủ tài-năng đi điều-dưỡng bệnh-nhân.

Khi ấy thuốc nam đã đến thời-kỳ thay các thứ thuốc ở ngoài đưa vào, thì Hội chỉ còn có việc cổ - động làm sao cho thuốc nam thông dụng được ở nước Nam. Người có bệnh dùng thuốc của nước nhà, vừa được dẻ tiền, chấn-hưng được nội - hóa, lại được lành mạnh. — Như thế ai là không muốn.

Ấy đại-đề thể-cách «Nam-phương y-học-hội» như thế. Trong khi vội-vàng, tôi lược thảo đại - khái các chương-trình về cách «Chấn-hưng thuốc nam» nên làm như thế, dám mong hải-nội chư quân-tử, ai người có nhiệt-thành với vấn-đề «Chấn-hưng thuốc nam», hoặc có ý - kiến mới mẻ, xin cùng phô bầy lên báo chương để chúng ta cùng nhau nghiên - cứu lấy một phương - pháp hoàn-toàn mà có ngày cùng nhau dúng tay làm việc, cho khỏi mang tiếng với quốc - dân là chỉ biết nói mà không thấy làm. — Hoặc trong vấn-đề «Chấn - hưng thuốc nam» này còn có cái trở - lực gì làm cho người mình phải gặp nhiều sự khó-khăn không thể tiến-hành cho đến mục-đích được, cũng cần phô lên cho quốc-dân biết.

Đến tờ «*Y-học tuần - báo*» của ông *Phó - đức - Thành* đã bàn, đây không cần phải nhắc lại, chỉ cần nói thêm rằng tờ «Y-học tuần-báo» đối với vấn-đề «Chấn - hưng thuốc nam» rất là có ích mà cần phải có lắm; nhưng trong khi hội «Nam-phương y-học» chưa thành-lập, tờ «Y-học tuần-báo» ra đời cũng chưa hợp thời.

Tôi lấy thí-dụ sau này làm chứng:

«Y-học tuần báo» đăng rằng: thứ lá sói rừng, lá nhỏ hơn sói trắng ta thường dồng làm cảnh, mọc từng khóm, cũng có nơi gọi là *sói đất*. . . ở các rừng *Cao-bằng* có nhiều. . . dùng để chữa bệnh *đau mắt lậu*, rất hay . . . cách chữa. . . vân-vân».

Bây giờ có một người ở *Thanh-hóa*, bị bệnh *đau mắt lậu* (2) muốn có *lá sói đất ở rừng Cao-bằng* thì làm thế nào? Ấy một cái tỷ-dụ con con đây đủ chứng rằng thứ lá sói đất kia, ta chỉ biết rằng hạt Cao-bằng có, nghe tiếng nó dùng để chữa bệnh đau mắt rất hay, mà không được biết nó, dùng nó vào việc, xem cái công-dụng của nó đối với bệnh đau mắt kia ra làm sao? Như thế có phải rằng «*Nam-phương y-học-hội*» chưa thành - lập mà tờ «*Y-học tuần báo*» đã ra đời là một cách làm việc chưa được hợp-thời, là vẫn sống ở lý-thuyết mà hô-hào và cổ-động xuông?

Vả công - trình lập được tờ «Y-học tuần-báo» cho ra hồn tờ báo y-học cũng không phải là ít.

Vậy việc gì đáng làm trước, ta hãy nên tính trước tức là sự hùn vốn lập hội Y-học đi đã. Hội y-học có rồi, ta sẽ mở tờ «y-học tuần báo» cũng chưa muộn gì và công việc lại thêm dễ-dàng lắm lắm.

Ông *Phó-đức-Thành* nghĩ sao?

Quốc - dân ta, ai là người vị đồng-loại, cũng là một cách chấn-hưng kinh-tế đích-đáng, ta rủ nhau chấn-hưng thuốc nam!

Phạm-Chương
28, Rue de la Soie — Hanoi

(1) Ta xem gương những hội Khảo-cổ, Thám-hiểm Bắc-băng-dương, Nam-băng-dương, Khảo-cứu núi lửa v... v... bắt đầu tổn biết bao công-phu,nào hại người, hại của..... nhưng cái ích lợi về sau không phải là ít.

(2) Bệnh đau mắt lậu còn nguy hiểm hơn bệnh đau mắt hột. — Vì đau mắt lậu chỉ bị trong hai ngày có thể làm hại đến mắt ngay, cho nên cần phải có thuốc ngay ở gần bệnh-nhân.

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

9

Chúng tôi thôi không giồng giọt những cái vườn nhỏ của chúng tôi, nào hoa, nào cỏ đều sao nhẵng. Chúng tôi thôi không bới đất sau khi gieo hột giống, để tìm cho thấy cái hột tự chúng tôi đã gieo, mà vui xướng reo hò — Cái đời ấy, chúng tôi coi làm đáng chán rồi — Những người vẫn trông nom chúng tôi coi chúng tôi cũng chán rồi — Chú tôi đến đón hai chúng tôi về, thế là chúng tôi từ giã cụ giáo và cô bảo-mẫu chúng tôi, hai bên tiễn-biệt nhau và cũng chẳng ai tiếc ai lắm

Từ khi tôi rời cảnh *Bồi-tây* buổi đó, cho đến nay, ngày qua tháng lại đã được ba mươi năm giời. Xuốt ba mươi năm ấy, tôi chẳng lúc nào lấy làm vui lòng mà ngồi nhớ lại những lúc trọ ở *Bồi-tây*, cố nhớ tất cả hết cảnh nọ đến tình kia cho có liên-tiếp với nhau — Nhưng từ khi sế bóng giời chiều, cái già xồng xộc đến nơi, thì tôi thấy những cảnh những tình ấy nó hồi lại, các việc khác thì càng ngày càng quên đi, mà những tình ấy cảnh ấy thì càng ngày càng thấy in vào trong tấm ký-ức, vẽ ra những bức tranh càng ngày nét càng rõ mà vẻ khả-ái càng tăng thêm. Hình như trong mình nghe thấy cái cuộc đời dần dần nó sắp chẩy qua mất rồi, cho nên thần trí cố sức mà nắm nó lại, nắm từ khi mới bắt đầu ra đời vậy — Những việc gì nhỏ tí mà đã sẩy ra trong lúc thơ ngây ấy, đối với tôi cũng có thú, chỉ vì nó sẩy ra ở lúc thơ ngây — Tôi nhớ lại từng li, nào cảnh, nào người, nào ngày giờ năm tháng. Tôi hình như vẫn còn trông thấy con đỏ hay thằng hầu đang làm lụng trong gian buồng ở *Bồi-tây*, tôi trông thấy cái nhận lạng xa vào trong buồng, qua cửa sổ, cái ruồi bay rồi đậu trên bàn tay tôi, mà tôi thì đang đứng đọc bài; tôi trông thấy tất cả cái buồng ấy bài-trí như thế nào, phòng giấy cụ giáo Lâm ở bên hữu, trên tường treo tranh vẽ tất cả các vị Giáo-Hoàng, treo phong-vũ-trâm, treo lịch, cửa sổ thì lấp ló bóng cành cây, vì nhiều cây mọc ở vườn sau, mà vườn thì nền cao, sau nhà lại lấn vào nền đất vườn nên cành cây che ngang cửa sổ mà có khi chĩa cả vào nhà — Tôi vẫn biết người đọc truyện này có ai cần gì biết những cái đó; nhưng mà tôi, thì tôi cần phải kể lại cho có người nghe, tôi mới thỏa..... (1)

* * *

Tôi giở về tỉnh *Giơ-ne* (Genève) ở với chú tôi hai ba năm, đó là lúc đợi xem người trong nhà bàn định cho xong cái vấn-đề: cho tôi học cái gì, làm nghề gì — Chú tôi muốn cho con học làm quan binh về ngạch kiến-trúc; vậy nên cho em họ tôi học vẽ đôi chút, và học kỷ-hà-học, theo sách sơ-học của *Euclide*. Tôi cũng cùng học những món ấy với em tôi, mà cũng thấy thích, nhất là học vẽ — Nhưng chú tôi và người trong nhà thì bàn soạn cùng nhau xem rằng: nên cho tôi học làm thợ chữa đồng-hồ, hay theo học luật để nên người luật-sư, hay là theo học đạo mà làm thày giảng-đạo.

Sở thích của tôi muốn đi làm thày giòng là hơn, bởi vì tôi nghĩ giảng-đạo để cho người khác nghe mình giảng dỗ, thật là vinh-hạnh. Nhưng mẹ tôi để lại có ít gia-tài, tiền lợi-tức thu được lại phải chia đôi: anh tôi và tôi, mà học về khoa ấy không phải là không tốn tiền, vì thế tôi học dở-dang lại phải bỏ. — Vả chăng cứ tuổi tôi lúc bấy giờ, thì sự chọn nghề cũng chưa cần vội; tôi hãy cứ nấn-ná ở nhà chú tôi, kể ra như thế là vứt gần hết thì giờ, không dùng được việc gì, mà tuy ở với chú nhưng không phải là không tốn tiền trọ.

Chú tôi cũng là người có tính phong-lưu như cha tôi, nhưng kém cha tôi cái nết lúc nào làm việc nghĩa-vụ thì biết ham mải vào việc; chú tôi thì cứ bỏ liều hai chúng tôi — Thím tôi thì mộ-đạo lắm, lại hơi thiên vào phái tụng-niệm, thích cầu kinh hơn là trông nom con cháu. Thế cho nên chúng tôi được hoàn toàn tự-do, Nhưng cũng không lạm-dụng cái tự-do ấy — Hai đứa «nối khố» với nhau, chúng tôi chơi lẫn với nhau lấy làm đủ, không ao-ước a-dua vào tụi trẻ con vô-giáo-dục bằng trạc tuổi chúng tôi, vì thế cho nên tuy «nhàn cư», nhưng không đến nỗi mắc vào những nết xấu thường hay sinh ra ở những khi vô công rồi nghề — Vả tôi nói «vô công rồi nghề» là chẳng đáng, vì có nhẽ trong đời lúc ấy lại bận nhất, bận vì ham mải vào những trò chơi; cũng may thay, chúng tôi ham chơi, nhưng các trò chơi đó, đều là những trò chơi nó giữ chúng tôi ngồi nhà, nó làm cho không buồn bước chân ra phố nữa. Chúng tôi thích làm lồng chim, làm sáo, làm quả cầu, bưng trống, bày nhà cửa (2), làm súng giả, nỏ con. — Chúng tôi lại bắc chiếc ông ngoại tôi mà làm đồng-hồ, phá hỏng hết cả những đồ chữa đồng-hồ của ông tôi. — Nhưng chúng tôi thích nhất là vẽ, bôi nhảm trên giấy, vẽ nét lại vẽ mùi pha thuốc tô điểm, thật đã hại những thuốc vẻ. Rồi đó lại có một bác múa rối người nước Ý đến làm trò ở *Giơ-ne*. Chúng tôi đi xem một lần rồi chẳng phải đi xem nữa; bác múa rối có những con búp-bê để làm trò, chúng tôi về nhà cũng đem làm búp bê; búp bê của bác kia đem ra sân khấu đóng hài kịch, chúng tôi cũng làm hài kịch cho búp bê của chúng tôi đóng vai — Chẳng thạo nghề, chúng

(1) Lược một đoạn nói về truyện làm vườn. *Dịch-giả*.

(2) Như trẻ con ta « bày đình chùa ».

TRINH THÁM NƯỚC ĐỨC

4

Đại-úy Von Tappken nói đoạn lại nhìn tôi chằm-chặp dường như có ý hỏi tôi xem đã quyết định chưa. Tôi còn trù-trừ, không phải vì câu chuyện lương-bổng không được ổn cho lắm, nhưng bởi lẽ này: trở nên một viên thám-tử. Các ngài nghe lời thuật truyện của tôi, tất cũng cùng một ý với tôi mà yên-trí rằng một nhà trinh-thám dẫu khôn-ngoan tài-giỏi đến đâu ra chăng nữa, cũng vẫn không có vẻ gì là đáng trọng đáng tôn, cái chức-nghiệp của mình mà lại có chữ «*thám*» ở trong ấy thì tự-hồ như nó không lấy gì làm «nhã» vậy. Von Tappken không hiểu là tôi ngần-ngại một lần cuối-cùng về lẽ đó; ông ta ngỡ là tôi còn hiềm lương ít nên mới bảo tôi rằng :

— Cứ theo lệ thường mà nói thì số lương của ngài khi mới vào làm việc, chỉ có chừng ấy thôi. Nhưng đó là còn tùy ở cái tài riêng và cái đức mẫn-cán của ngài chứ. Nếu ngài mà lại được việc ra thì tất nhiên lương ngài, Chính-phủ sẽ phải trả hậu hơn.

Nói xong ông ta lại nhìn tôi không chớp mắt. Tôi nghĩ rằng đã quyết thì làm, chẳng nên câu-nệ những tiểu-tiết mà do-dự mãi cho mất thì giờ. Vả chăng, chính-phủ nước Đức giao việc cho tôi đã đành, nhưng làm việc thì còn tự ở bụng tôi. Nếu việc có thể nhục đến thân tôi, hại đến nước tôi, thì đến các vàng tôi cũng xin chịu!.., Nghĩ vậy tôi bèn quả-quyết trả lời rằng tôi bằng lòng làm.

Von Tappken hỏi lại:

— Ông quyết định được nhanh thế kia ư ?

— Vâng; đó là tính tự nhiên của tôi, đối với việc gì cũng muốn cho rất-khoát.

Ông ta ra dáng bằng lòng lắm.

— Nếu vậy thì còn gì bằng. Tôi cũng ưa cái tính hay quyết-đoán công-việc cho nhanh. Có hạng người đối với việc cứ trù-trừ, mà lại trù-trừ làm hỏng việc đi chứ không phải trù-trừ được việc...Nhưng trước khi ngài có thể cáng đáng được những sự khó-khăn, ngài phải chịu huấn-luyện về một vài khoa chuyên-môn trong ít lâu đã mới được. Ngài có thể tới đây mà chịu huấn-luyện ngay từ ngày mai được không ?

— Ngay hôm nay cũng được, đại-úy ạ.

— Thế thì tốt quá!.... Nhưng mà thôi, cứ để đến mai thì tiện hơn. Mười giờ sáng mai ngài đã ở đây rồi. Chúng tôi sẽ nói ngài biết rằng mỗi ngày ngài phải để mấy giờ đồng hồ vào việc huấn-luyện đó.

Dứt lời, Von Tappken gọi một viên thư-ký lại dặn một câu. Giây lát, viên thư-ký mang đến một cái ngân-phiếu ba trăm marks. Von Tappken cầm lấy đưa cho tôi mà rằng:

— Đây là tiền để ngài tiêu vặt trong tháng này. Còn như lương thì cứ ba tháng ngài sẽ lĩnh một kỳ.

Tôi đỡ lấy cái ngân phiếu, mở «boóc-tờ-phơi» ra bỏ vào. Bất-giác tôi hỏi ông ta:

— Từ trước tới nay, tôi với đại-úy thật chưa từng quen biết nhau bao giờ, cớ sao ngài lại để ý đến tôi (1) ?

Một nụ cười khó hiểu ở trên miệng Von Tappken.

— Việc này nó không giống với những việc thường. Tôi được lệnh. . . . . , nên tôi để ý đến ngài.

Khi bấy giờ tôi còn trẻ tuổi, tính tò-mò lại càng sẵn lắm, bèn hỏi lại:

— Ngài được lệnh..... ư? Lệnh của ai ?..... Người ta nói chuyện với ngài rằng tôi là người thế nào ?...

Tôi hỏi chưa dứt tiếng thì cái vẻ ôn-hòa nhuần-nhã đang ở trên nét mặt Von Tappken, bỗng dưng biến hẳn đi đâu mất.

— Tôi dặn câu này bác-sĩ nên thuộc lấy làm lòng : nói đã cần phải ít, mà hỏi vớ hỏi vẩn thì lại càng ít lắm nữa. Duy có nghĩ ngợi xuy xét là phải cho nhiều. Rồi ra, ngài sẽ rõ rằng trong công-việc có lắm điều bắt-buộc, tuy không in ra thành quyển điều-lệ riêng, nhưng ngài vẫn phải theo mà giữ-gìn cho cẩn.

Giọng nói trầm-tĩnh mà nghiêm-nghị thay! Đó thật là một bài học thứ nhất cho tôi khi mới bước chân vào ban trinh-thám.

. . . . . .

Tôi từ bàn giấy Von Tappken về tới khách-sạn, bụng-dạ hí-hửng lắm, Nếu tôi lại nom thấy cái bước tương-lai, nếu tôi lại biết trước rằng ngày nay cơ-sự nó sinh ra oái-oăm thế này thì hẳn khi bấy giờ, chẳng lấy đâu ra cái vẻ đắc-ý đó.

Nào có phải tôi ham lương cao bổng hậu đâu! Tuy không giàu có thiên-tải vạn-ức gì, nhưng cái vòng sinh-hoạt của tôi, tưởng cũng chẳng đến nỗi nào khó-khăn eo-hẹp.....

Đặng-văn-Hinh thuật

(1) Nam-tước *Reitzenstein* là một viên quan trong bộ tham-mưu tiến *Graves* vào ban trinh-thám. Còn *Von Tappken* thì được lệnh thu-dụng Grave vào trong ban, nên mới viết thư triệu Graves đến. Bởi thế mà có câu hỏi này.

---

tôi cũng lấy giọng khàn khàn nhại tiếng thằng hề, rồi đem những hài kịch lý thú trên kia mà làm trò cho ông bà chúng tôi xem, tội nghiệp, các cụ cũng phải chịu ngồi mà coi, lặng mà nghe thôi! — Nhưng lại có một khi chú tôi làm được một bài giảng kinh hay lắm, đem đọc cho cả nhà nghe, thì chúng tôi lại bỏ nghề diễn kịch, xoay ra làm những bài giảng kinh. Tôi cũng xin công-nhận rằng kể những chuyện đó không khỏi rườm tai đọc-giả; nhưng có rõ những chuyện đó mới biết rằng những người dạy vỡ lòng cho chúng tôi và trông nom cho chúng tôi lúc buổi đầu thực cũng đã khéo dạy dỗ, cho nên dẫu tuổi còn dại ma sau này đã vội được thả rông suốt ngay như tôi đã nói trên ấy, chúng tôi cũng không hề lạm-dụng sự tự-do

(Còn nữa)

Nguyễn-Tiến-Lãng

CÁCH DAN DỐI CỦA ĐỨC

Một bản thống-kê ghê người

Ngân-sách Đức ngày một tăng lên: năm 1924 có 450 triệu mã-khắc, năm 1927 lên 700 triệu, đến năm 1931 trước đây, món tiền ấy không còn hạn nào. Ta chớ nên quên rằng bộ Binh trong Chính-phủ Đức nhất-định không để ngỏ cho các nghị-viên biết về vấn-đề binh-phí.

Thực tình, riêng món tiền binh-phí của Đức đã tới:

496tr.600 nghìn mã khắc cho quân-đội,
191tr.900 — — hải-quân,
1 triệu — cho binh-bộ,
20 triệu — vào phụ-khoản hàng năm.

Ấy là còn chưa kể những món chia về ngân-sách khác cũng có tính-cách binh-bị, như lương-bổng cảnh-binh, tiền trợ-cấp, tiền lập trại lính, tiền giúp các nhà kỹ-nghệ và các hội hàng-không v. v...

Riêng các phí-tổn về đội Mật-thám, đội lính tuần-cảnh và 2000 lính thuộc đội cảnh-binh riêng ở hai tỉnh Munich và Hambourg cũng đã lên tới 900 triệu. Trong 900 triệu ấy, ít ra cũng có 400 triệu đáng cho vào ngân-sách binh-nhung.

Lại trong món tiền hưu-trí của cựu-binh, ta còn thấy lẫn món tiền thưởng cho các sĩ-quan đã tận tâm trong khi tại ngũ. Vậy ít ra một phần năm khoản ấy tức là 360 triệu mã-khắc cũng đáng cho vào ngân-sách binh-nhung.

Ta có thể đặt như sau đây bản thống-kê các binh-phí của nước Đức:

Quân-đội 469tr.800 nghìn mã-khắc,
Hải-quân 191tr.900 nghìn mã-khắc,
Binh-bộ 1 triệu mã-khắc,
Phụ-khoản 20 triệu mã-khắc,
Lương cảnh-binh 45% 400 triệu mã-khắc,
Phụ cấp cho quân-đội mới 72 tr. 700 nghìn mã-khắc,
Phụ cấp cho quân-đội cũ 1/5e 360 triệu mã-khắc,
Phụ cấp của chính-phủ Đức cho các kỹ-nghệ và các hội hàng-không có thể giúp cho việc binh-bị, 27 triệu mã-khắc,
Phụ-cấp của các tiểu-quốc 40 triệu mã-khắc,
Lập các trại lính 10 triệu mã-khắc,
Sở họa-đồ 3tr.700 nghìn mã-khắc,
Tạp-phí 3tr.500 nghìn mã-khắc,

Cộng cả thảy được 1.601.600.000 mã-khắc, tức là 9.600 triệu quan tiền tây hay 960 triệu đồng bạc!

Binh-phí nước Nhật-bản đã tăng hơn lên đến 48 phần trăm, nước Hoa-kỳ tăng hơn 86 phần trăm, thế mà binh-phí của nước Đức lại hơn các nước kia nhiều lắm!

☆☆☆

Quân đội và khí-giới

Một tờ báo Tây đã khen rằng:

« Nước Đức thật có thể tự-phụ được với bộ Binh của họ, vì theo con mắt các nhà dùng binh rất giỏi, quân đội của họ là quân tinh-luyện giỏi ở Âu-châu ».

Quả vậy, họ lọc lính đã kỹ, tập đã kỹ, lại dạy cũng rất kỹ. Một người đã bận đồ binh-phục là đã có đủ tinh-thần ái-quốc, tự-trọng, tự-kiêu, tự coi mình là đứng trên các dân-tộc khác, lúc nào cũng ôm sâu một mối giận với kẻ thù và rất sẵn lòng hy-sinh vì nước.

Huống chi ở Đức, người lính lại rất được quý-trọng, tục-ngữ Đức có câu: «Ông quan võ đứng vào hàng nhất trong nước», Chính-phủ thù-phụng rất hậu, nhà cửa, ăn mặc, vợ con, nhất nhất đều châu-cấp cho.

Nói đến binh-khí, Đức cũng có « khá » rồi. Tuy tờ hòa-ước Versailles có hạn định rõ-ràng, nhưng Đức vẫn ngấm-ngầm chế tạo. Một ngày kia, người Đức sẽ nói thẳng: «Hòa-ước Versailles chỉ là tờ giấy lộn thôi».

Năm 1913, một đội quân có 800 nghìn người, 8 nghìn đại-bác, 4 nghìn súng cối xay và 167... (minenwerfer), Đức chỉ tiêu mất 67 triệu mã-khắc. Ngày nay, một đội quân có 100 nghìn người, 4 nghìn súng cối xay, 316 chiếc đại-bác và 258... (minewerfer), Đức phải tiêu hết 79 triệu mã-khắc, nghĩa là 474 triệu phật-lăng! Vậy ra ngày nay so với ngày trước hồi Đại-chiến, súng tay chỉ còn một phần tám, đại-bác chỉ còn một phần 26, mà Chính-phủ Đức tiêu hơn vua Uy-liêm II những 72 triệu phật-lăng!

Bằng ở chỗ gian-dối ấy lượng tính ra, ít lắm Đức cũng đã chế ngầm được 600 nghìn khẩu súng tay, 15 nghìn súng cối xay, 1250 khẩu đại bác và 1300 (minenwerfer).

Cái số binh-khí «thêm» ít-ỏi ấy tưởng cũng đủ dùng cho một triệu lính «hưu trí» và lính «cảnh sát»!...

Hòa-ước cấm Đức không được chế-tạo binh-khí nặng nhưng chỉ cấm được ở nước Đức thôi, chứ cấm sao được ở nước ngoài. Ở nước ngoài, Đức có sẵn sàng vô-số. Ta chớ quên rằng Đức là bạn thân nước Áo và nước Nga. Phương chi ngay trong nước Đức cũng có sẵn sàng cả máy móc vật-liệu, hễ đến lúc Chính-phủ sé tờ hòa-ước là các xưởng máy sẽ công nhiên nhả ra vô vàn binh-khí nặng để ứng-dụng.

Tầu bò, Hòa-ước cấm. Nhưng làm ra cũng không mấy chốc. Song một điều lạ là trong lúc tập trận, Đức có dùng một thứ tầu bò giả bằng vải vẽ sơn, tầu giả ấy trước thường đẩy bằng tay, sau phải cho ngựa kéo, đến giờ những tầu «cáctông» ấy lại phải trở bằng ô-tô.

Đài gương kinh
Đài gương truyện
Giấc mộng con
Trần-ai tri-kỷ

(Bốn quyển này, ai có mà gửi cho để in lại, xin cám ơn và sẽ xin có tạ).

Tản-Đà thư-cục
Nguyễn-Khắc-Hiếu
Kính bạch

Đến tầu bay trận, Hòa-ước cũng cấm. Nhưng các tầu bay buôn đem đổi làm tầu bay trận cũng không khó gì, mà số tầu bay buôn, Đức hiện đã có tới 1.100 chiếc. Nếu có xảy ra việc gì cần kíp thì các nơi bay về, các xưởng nhả ra cũng không muộn. Nhớ lại hồi Âu-chiến, đầu đuôi có trong vòng sáu tháng, Đức chế được 800 chiếc máy bay.

Trong báo Lecture Pour Tous, ông R. Dutild cất tiếng than rằng :

« Thế-giới đương đảo-điên, các nước phải nên theo gương nước Pháp mà thành-thực theo chính-sách tài-binh mới có thể giữ hòa-bình được chứ ! »

Đinh Huy-Hạo

CA-DAO MỚI

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

Một câu ca-dao người nước ta mới được nghe đây. Vì ở số 10 phố Hàng Quạt Hanoï mới có hiệu Dư-Mỹ cho thuê xe ngựa, ô-tô, đòn đám ma cùng các nghi-trượng về việc tang rất lịch-sự, giá phải chăng, công việc làm giúp nhà đám từ lúc khâm-liệm, nhập quan, xin phép, xin đất, cho đến lúc hạ huyệt, lại có bán các kiểu vòng hoa hạ giá 50°/₀ cho khách thuê xe hiệu ấy. Ngài nào có việc chẳng may, thì chỉ nên dùng xe đòn của hiệu ấy, mới biết câu tục-ngữ trên kia là thật không ngoa.

X.

TIN BUỒN

Bản-chí vừa được tin rằng bà nội-tướng ông Vũ-xuân-Tảo, chủ sở vận-tải ở Hải-cảng, vừa tạ-thế tại Quý-xá, số 14, phố de Lanessan, Haiphong. Ngày 30 Mars 1932, tang-gia đã làm lễ an-táng tại nghĩa-trang chùa Sùng-minh.

Bản-chí xin có lời trân-trọng chia buồn cùng ông Vũ-xuân-Tảo và tang-quyến.

A. N. T. C.

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Gia-định.— Hối tức Lợi, một đảng-viên hội-kín rất lợi hại, bấy lâu vẫn bị truy nã, mới bị bắt chiều nôm 17 Mars ở nhà một người tên là Thôi ở Thuận-kiều. Các nhà chuyên-trách lại bắt được 2 khẩu súng và 14 bị đạn.

Hà-tĩnh.— Ngày 11 Mars tại miền Sớ, thuộc huyện Thanh-chương và phủ Anh-sơn, một tổ hội kín ở trong rừng bị khám-phá. 5 người bị bắt.

Ngày 13 Mars, tại Mỗ-giạ, 5 người nữa bị bắt, có một người tên Mai, quán ở Lai-thạch, trước có can vào việc ám-sát cố Pierre ở Tràng-định.

Tin vắn

Saigon.— Sở Mật-thám mới tìm ra một ổ bán súng lậu trong một tiệm cà-phê ở trước cửa Nhà-Rồng, chủ tiệm là một người Âu-châu tên Bertuccili.

Bắc-liêu.— Vương-cẩm-Tú, tiêu của kho-bạc Bắc-liêu một vạn đồng, bỏ sở trốn từ 1928 nay mới bị bắt.

Phi-châu.— Vua Bảo-Đại hiện đương đi du-lịch ở miền Bắc châu Phi. Ông toàn-quyền Charles nói : Ngài đi du-lịch là cốt để học chứ không phải vì vui chơi.

Cái nạn mất báo

Về việc gửi báo, vì nhiều vị độc-giả hay mất báo, nên bản-chí đã phải trông nom kiểm-soát lại rất cẩn thận. Vậy mà vẫn có nhiều ngài mất từng hai ba số một.

Ví dụ như :

Ông **Nguyễn-văn-Nguyệt** ở Vientiane mất số 29 và số 30 ; ông **Nguyễn-văn-Huân** ở Vientiane mất số 28 và số 30 (đã gửi bù).

Đối với Bản-chí gửi một vài số báo thêm, vẫn không có thiệt thòi gì hết. Nhưng về phần chư-vị Độc-giả, vừa mất công chờ đợi, vừa mất thì giờ đòi hỏi, thật là một sự rất phiền lòng.

Vậy mong rằng các nhà chuyên-trách lưu ý cho.

Tin vua Duy-Tân

Đằng-đẵng mấy chục năm trời, vua Duy-Tân an-trí ở đảo Réunion bên góc bể Phi-châu, thỉnh-thoảng mới thấy trên báo-chương có bài đả-động đến.

Mới đây, nhà vua yêu-cầu chính-phủ hai điều : một là tăng lương bổng lên, hai là xin rời sang ở Algérie hay Maroc. Theo lời ông Reynaud đáp ông nghị Gasparin, lương bổng của Ngài nay mai sẽ được tăng lên. Còn việc xin rời chỗ ở, ông Tattinger ngỏ ý nên chuẩn-y, ông nghị De Taste lại dựa vào một bản chương-trình cũ mà phản đối, sau cùng ông Reynaud bác đi.

Thuật lại kỳ hội-đồng thuộc-địa ấy, báo Annales Coloniales ngỏ ý xin giúp cho nhà-vua được về Bắc-Phi-châu vì không có hại gì.

Hiện nay, vua Duy-Tân đương ham khảo-cứu về vô-tuyến-điện, lại vừa tổ-chức ra một hội mục-đích giúp về đường tài-chính cho đài vô-tuyến Pontoise làm việc được luôn-luôn.

Đáng kiếp !

Đỗ-văn-Xáng, quán huyện Mỗ-đức, nguyên chân giáo-học lên tri-huyện. Theo tin báo Trung-bắc, Xáng ra chưa đầy một năm đã mượn thế làm lắm việc càn, nào lấy cớ khám nhà để chiếm đồ cổ của người ta, nào nắm khế tờ của dân rồi bắt chuộc. Không chịu nổi, hơn năm chục làng ở Mộ-đức đầu-đơn kiện, viện Cơ-mật cùng tòa Khâm-sứ sức cho quan tỉnh Quảng-ngãi và quan Đại-lý Mộ-đức mở cuộc điều-tra. Thì nay viên huyện Xáng đã bị triệt hồi về bộ hậu-cứu.

MỸ

Tin thể-thao

Hôm 22 Mars, tại Nữu-ước có mở cuộc tranh đấu quần vợt Pháp-Mỹ. Borotra đại-thắng Schieldes 6/8, 6/4 và 6/2.

Ngày thứ nhì, một trận rất kịch-liệt, cặp Borotra-Gentien bị cặp Lott-Van-Ryn hạ 13/ 5, 4/6 và 4/6.

CUỘC ĐÁNH VỢT

RẤT LỚN Ở ĐÔNG-DƯƠNG

Chim (Cl. P. N. T. Đ.)

Sân quần Tennis Club. Cờ bay phấp-phới, xe ngựa rộn-ràng, người chen nhau như nước chảy. Trước cửa, một ông tây đứng hết sức cản lớp sóng người, miệng nói liên thanh:

« Une piastre cinquante seulement, messieurs !»

— Hôm nay, sau cuộc đánh «đúp», đến Chim—Samarcq, Giao-Dương...

2 giờ đúng, cốc nước, quyển sổ, cái bút chì, ông Triệu-văn-Yên dõng-đạc lên ghế. Trên sân, hai cặp Nứa-Thường, Anderegg-Baffleuf tung banh cho nhau. Nứa-Thường đánh rất đều, rất hay, còn bên kia Baffleuf tuy hay nhưng không ăn ý với bạn, thành ra chỉ đành một niềm thủ-thế, trong 40 phút bị thua 3/6, 2/6. Thế là ngay cuộc đầu cúp Mau's đã về tay tuyển thủ Nam-kỳ.

Một hồi vỗ tay rầm rầm: Chim-Samarcq! Ai cũng chắc Chim hạ Samarcq rất dễ-dàng mà có lẽ Samarcq cũng nghĩ thế. Nào ngờ Chim uể-oải quá bị Samarcq hạ luôn 3 jeux. Người xem giật mình, ngao-ngán! Nhưng từ jeux thứ tư, «anh-hùng» trổ ngón, nào volée smatch, nào drive coupe đặt banh như gắn, làm cho nhà cựu vô-địch Bắc-kỳ chạy không kịp, mà nuốt hẳn một hơi 10 jeux liền. Hai hợp trong nửa giờ kết quả: 6/3, 6/1.

Lại một hồi vỗ tay: Giao-Dương, hai cây vợt trẻ. Dương chơi rất đẹp, đánh drive tuyệt hay, nhưng nhà vô-địch Mã-lai đặt banh dữ quá, quả banh cứ vun-vút gắn vào hai bên sân, lại có tài lia ban về bên revers, dù bên địch chạy nhanh thế nào cũng không đỡ kịp, rút lại, Dương thua 4/6 và 1/6

Hôm sau, chủ nhật 27 mars!

Nứa, vô-địch Nam-kỳ, người bé nhỏ mà bắn banh như súng thần-công, chơi hơi giống Chim, cứ bước một mà lên đến lưới. Fong hôm nay trổ tài ném banh rất mạnh và trúng lắm, hai cây vợt vụt cùng khỏe, banh đập vun-vút như tên bay, coi rất xướng mắt. Vì Nứa chơi rất chắc, Fong chịu hạ vợt trước tỷ-số 8/6, 6/3.

Vừa rứt hồi vỗ tay, đã thấy một bên Ngươn gục mặt đứng tiu-ngỉu, một bên Samuel lừ-khừ vừa bước vừa liếm môi. Ông Ninh trọng-tài, chán chết! Hợp đầu, Samuel được liền 3 jeux, nhưng bị Ngươn chặn ban riết hạ xuống 3/6; hợp thứ nhì «hắc tướng» lên lưới cướp lại được 6/1, ai cũng chắc Ngươn thua, vì chàng chỉ có một môn «coupe». Nào ngờ, coupe của chàng lợi hại quá, Samuel tuy là «thần-mạch-nha» mà cũng chịu khoanh tay: 3/6...

Thôi, bây giờ đến cuộc đánh đôi Chim-Giao và Dương-Giáo, bốn hổ-tướng Việt-nam, công chúng vỗ tay ran như sấm. Suốt từ đầu đến cuối, tiếng vỗ tay ấy không còn ngớt lúc nào. Tôi gọi bốn tay quần vợt kia là hổ-tướng thật quả không ngoa, vì họ hồng-hộc chạy xuống chạy lên, đánh rất kịch-liệt, ráng thật hết sức, vụt thật thẳng tay, nhất là Dương-Giáo biết mình đứng trước những hạng không vừa, đánh khỏe quá đến nỗi có lần bổ nhào suýt ngã; thái-độ ấy, thật hổ cũng không bằng. 4 tay chơi cùng hay lạ-lùng, từ Giáo, theo bảng «anh-hùng» thì là người kém nhất trong số 4, thế mà vụt ban cũng được lắm quả làm Chim ngẩn người. Theo thiển ý, cách chơi đẹp nhất phải để phần Dương; mà hay nhất, tất-nhiên về

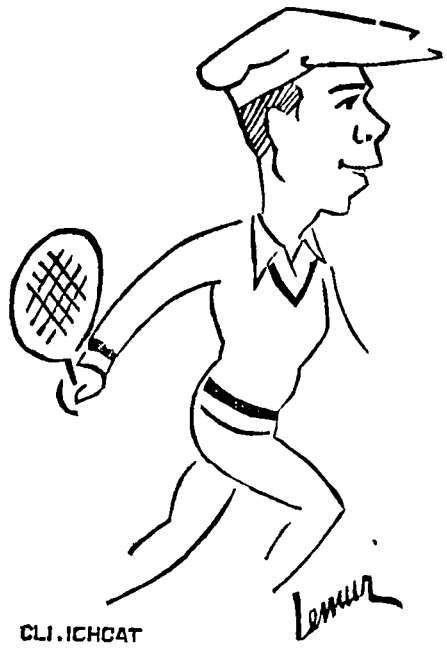

Giao (Cl. P. N. T. Đ.)

Chim, những quả smatch như búa bổ, những quả drive dọc sân như tên bay, và cái tài sai khiến banh bằng cách chơi volée của chàng đủ khiến cho ta tưởng đứng trước sân «Roland Garros»

Kết quả Bắc-kỳ thua một cách vẻ vang: 3/6 và 6/8.

Tuy vẻ-vang nhưng đến đây, thế là Bắc-kỳ toàn-bại! Còn hy-vọng ở ngày hôm sau.

28 Mars, ngày cuối cùng, tiền tuy tăng mà người đông hơn hôm trước.

Cuộc đầu, Fong trổ sức hạ Ngươn, xóa chữ «toàn-thắng» của tuyển-thủ Nam-kỳ bằng cái tỷ-số hơi vẻ-vang 6/1, 3/6 và 6/3.

Tiếp đến cuộc Giao-Samarcq. Giao tỏ ra là một cây vợt hơn hẳn Samarcq. Trong nửa giờ «cái máy đỡ banh» hạ anh chàng «vụt banh vòng đường con rắn» luôn hai hợp một cách dễ dãi 6/1, 6/3.

Rồi đến Chim-Dương. Dương tuy đánh hay nhưng địch sao nổi Chim, có lắm quả phải khoanh tay le lưỡi. Rồi cũng như Samarcq, Dương bị hạ 1/6, 3/6, Quay vợt chào nhau, hai «hổ-tướng» ôm lấy nhau hôn, cử-tọa vỗ tay khen ngợi.

Sau hết, hai cây vợt của hai hắc-tướng: Nứa và Samuel. Mới hợp đầu, Nứa đè bẹp Samuel 6/0; đến hợp sau, Nứa «ôn» lại các ngón, có lẽ lại nhiều hơn Chim nữa. Nhưng các ngón ấy nhường chưa hoàn-toàn lắm, con tỷ số cứ lên dần 6A, 7A,

Trung Nhật xung đột

Tuần lễ này, súng bom đã nghỉ làm việc. Ở Hạp-bắc, quân Nhật đuổi hết lính cảnh-sát Tàu, cho chôn hết các tử-thi, dọn-dẹp phố-xá, mở mấy hiệu buôn bán, thợ hủi thợ may, để che mắt ủy-ban hội Quốc-liên.

Nhưng ta chớ tưởng đã hòa-bình rồi đâu. Việc Nghị-hòa vẫn chưa thành. Vì Bạch-Xuyên không đến dự hội-nghị nên Tưởng-quang-Nại cũng nhất-định bướng không đến dự.

Phía Nam bà Tống-khánh-Linh (tức bà Tôn-Văn) cùng nữ-sĩ Hà-Hương-Ngưng tổ-chức Quốc-dân thương-binh-viện, đương tuyên-bố: đối với Nhật, tôi cũng quyết đề-kháng đến kỳ cùng. Phía Bắc, Ngô-bội-Phu cũng thông điện đi các nơi xin: 1° mang quân toàn-quốc chống Nhật, 2° họp nhân-tài cả nước, 3° phái các tay ngoại-giao đi các nước v. v...

Ở Thiên-tân, lãnh-sự Nhật viết thư cho thị-trưởng Trung-hoa kháng nghị về việc bài Nhật. Thấy Nhật sinh sự, thị-trưởng Thiên-tân sợ lại sẩy ra to việc như ở Thượng-hải, bèn khuyên nhân-dân tạm đình cuộc vận-động kịch-liệt ấy. Các đoàn thể ái-quốc không dám trái lệnh, mà cũng không muốn thôi việc kháng Nhật, bèn lập ra hội «dập đầu» (Khấu-thủ hội) phái các hội viên mặc áo sô gai, trống gậy, đi đến các hiệu buôn khóc-lóc kêu xin đừng mua hàng-hóa Nhật, kỳ cho kẻ nào vụ-lợi cũng phải cảm-động mới thôi.

Nhân lúc hai nước nghỉ tay, ta hãy nghe ôn lại việc gió mưa Thượng-hải.

..... Việc Mãn-châu chưa xong, Chính-phủ Quốc-dân chẳng chịu ký các điều-ước nhục-nhã như Viên-thế-Khải ngày xưa, Nhật bèn tiến thêm một bước nữa. 28 Janvier, Nhật cộng-nhiên dọn hết tòa lãnh-sự và đem người xuống tầu chiến làm iệcv, rồi đưa cả hải, lục, không quân lên Thượng-hải ra sức đánh quân Tàu. Tại sao thế? Tại mấy người sư Nhật bị người Tàu đánh bị thương. Nhật bắt thị-trưởng Thượng-hải phải xin lỗi với lãnh-sự Nhật, phải lùng bắt cho được hung-thủ và cấp tiền phủ-tuất v. v. Tàu đành nhịn cho xong việc.

Nhưng Tàu lui một bước, Nhật lại tiến một bước. Mượn cớ rằng hội kháng Nhật cứu-quốc làm nhiều việc trái phép, Nhật yêu-cầu Tàu bắt bỏ đi. Việc bài Nhật là do lòng nhiệt-thành ái-quốc của dân-chúng, dẫu có kịch-liệt chăng nữa, cũng chưa bằng việc quân Nhật đốt nhà giết người ở miền Đông. Thế nhưng Tàu cũng nhịn một lần nữa.

Sinh sự cho kỳ được, Nhật thừa thế yêu cầu các hội bài Nhật trong toàn-quốc cùng phải thủ-tiêu. Điều yêu-cầu này thật vô-lý, vì quyền tự-do tụ-họp pháp-luật đã định rồi, chính-phủ ngăn-cản được sao? Thế mà Tàu cũng lại nhịn một lần nữa.

Tưởng Nhật đã hài lòng lắm. Nào ngờ đến đây Nhật lại dở mặt liều ra: 11 giờ hôm 27 Janvier, bộ tư-lệnh hạm-đội Nhật đưa tối-hậu-thư yêu cầu đạo quân ở Tùng-hỗ phải rút ra khỏi Hạp-bắc, để cho quân Nhật vào đóng. Lời yêu cầu vừa tuyên-bố, dân Tàu ầm ầm nổi lên kháng-cự, phong-trào bài Nhật lại kịch-liệt hơn trước nhiều.

Hội-đồng quân-sự của liệt-cường ở Thượng-hải thấy tình-hình nghiêm trọng bèn giao việc tuần-phòng trong tô-giới công-cộng cho Nhật để bảo-hộ kiều-dân. Viên tư-lịnh hải-quân Nhật lại gửi tối-hậu thư bắt quân Tàu đóng ở phía tây đường xe-lửa Ngô-tùng, Thượng-hải và một phần ga Hạp-bắc phải rút đi. Cuộc xung-đột bắt đầu nhóm.

Rồi sang hôm 28, toán quân Nhật đi giẹp các hội Kháng-Nhật cứu-quốc chẳng may gặp một liên-đoàn của đạo-quân thứ 19 do Ông-đằng-Huy chỉ-huy,... Từ đó cuộc đổ máu ngày thêm dữ-dội.

Một phen mưa gió, nghìn vạn gian nhà bị tan thành bãi cát bằng; cơ-quan văn-hóa như Thương-vụ ấn-thư-quán, Đông-phương đồ-thư-quán và nhiều trường Đại-học bị bắn phá tan-tành, không kể dân lành, nhớn bé già trẻ đàn ông đàn bà không còn một người nào thoát chết.

Một tỉnh Thượng-Hải, những thiệt hại riêng về nhà cửa, hàng buôn và công xưởng đã lên tới 14 vạn vạn đồng!

8A, 9A rồi kết 11/9, hai hắc-tướng bắt tay nhau (nhưng không hôn!)

Trận này lẽ là trận trót, nhưng vì có quan Toàn-quyền đến dự, nên lại còn một hợp «doub mixte», một bên Giao đứng với Mme Pirrot, một bên Chim đứng với Mlle Thomas, vô-địch Bắc-kỳ bên phái đẹp. Chim, Giao cứ nhè góc «phụ-nữ» mà vụt, các bà có ý sợ hai tây vợt vô-địch nên đánh hỏng luôn. Nhất là bà Pirrot đánh rất hay vào lưới, Giao một mình cố cáng-đáng lấy gánh nặng nề không nổi, bị hạ một cách vẻ-vang: 6/8.

Một cuộc tranh-đua hiếm có, vừa kích-thích được tinh-thần thượng-võ, lại vừa dàng-buộc được thêm chặt giây thân-ái Bắc Nam. Còn việc được thua, một lẽ thường của con nhà võ. H.H.

Sẽ có:

MẤY NĂM NƠI HẢI-NGOẠI

của **Hoàng-văn-Sự**

Tiếng nói trong thế-giới

Nội các tiếng nói trên thế-giới, tiếng Anh nhiều người nói nhất, từ một thế-kỷ trước, đã có 20 triệu người nói, bây giờ thì có tới 170 triệu người, trừ ra còn 60 triệu người ngoại-quốc hiểu được.

Tiếng Pháp đứng thứ ba, có 45 triệu người nói, (một trăm năm trước có 32.400.000 người), mà có 75 triệu người ngoại-quốc biết.

Tiếng Đức có 90 triệu người nói, (năm 1929 có 32 triệu người), và 20 triệu người hiểu (1).

Tiếng Tây-ban-nha có 50 triệu người nói, tiếng Ý có 45 triệu, tiếng Thổ có 30 triệu, tiếng Hòa-lan 17 triệu, tiếng Thụy-điển có 7 triệu rưỡi, và tiếng Đan-mạch 5 triệu người.

(1) Dân số: Anh 36 triệu, Pháp 30.744 nghìn, Đức hơn 60 triệu.

VĂN-ĐÀN

Mấy lời trần-bạch

Kỳ tạp-chí trước đây, đầu mục Văn-đàn có đăng bài **Thi-đàn giảng tập** *của ông* **Phạm-văn-Nghị** *giảng về một câu thơ dịch của tôi; chủ ý ông chỉ là giảng về một câu thơ dịch, mà nhân đó ông* **đàm-thuyết** *về cách* **dịch thơ** *rất tường minh. Như vậy, thực là có tâm-chí, có công-phu với quốc-văn. Nếu trong văn-giới mà được có nhiều người có tâm-chí, có công-phu như ông, thời tiền-đồ của quốc-văn lo gì không tiến-đạt. Nhân nghĩ thế, từ kỳ này giở đi, xin để khoảng đầu của mục* **Văn-đàn** *đây làm phần* **Đàm-thuyết**; *để hoan-nghênh các bài đàm-luận giảng thuyết của các ngài có tâm-chí, có công-phu với quốc-văn; về phần tôi ở trong Báo-quán cũng xin hết tâm-chí công-phu cùng các ngài theo đuổi. Có kẻ bàn đi, có người nói lại, thời sự giảng-thuyết mới càng minh; mà sự tiến-đạt mới càng mong chóng tới vậy. Xin Chư-tôn đối với mấy lời trần bạch đây để ý, quốc-văn may nhường sao!*

Hiện nay, các bài ngoài chưa về, tôi ở trong xin có bài viết đăng trước, để tiếp sự giảng-thuyết của ông Nghị.

Kẻ giữ mục Văn-đàn
Nguyễn-khắc-Hiếu
Kính bạch

Mối cảm-tưởng về thơ ca của nước ta

Nước ta, học-thuật, kỹ-nghệ, văn-trị, võ-công, so với các nước trên doanh-hoàn, thứ nhất nước Pháp, thứ hai như nước Nhật, nước Tàu, cái gì ta cũng kém. Tuy vậy, *chúng ta có một điểm ở trong sự văn-học, có thể có đặc-sắc, làm vinh-quang cho con Rồng cháu Tiên đối với cả Á, Âu,* thời là một món *thơ ca* vậy.

Muốn biết sự tiến-hóa của thơ ca nước ta sau này sẽ như sao, có cái đặc-sắc như thế nào; nên trước xét đến chỗ gốc, thơ ca như thế nào là hay, mà thơ ca nước ta có những đặc-điểm gì làm gốc để cho có thể tiến-hóa đến hay được.

Nay xin trước xét về *chỗ gốc, thơ ca như thế nào là hay:*

1°.—Tính-chất của thơ ca, chỉ là một món đồ chơi thuộc về *mỹ-thuật*; mà là một món mỹ-thuật cao quí hơn hết các món mỹ-thuật khác, lại gồm có những cái mỹ thiện của hai ba món mỹ-thuật khác, mà lại có cái năng-lực linh-động rất thần-kỳ. Xin thử phô diễn các cái mỹ-thiện và năng-lực của món mỹ-thuật ấy là thơ, ca.

Thơ ca không phải là *tranh ảnh* mà có cái mỹ-thiện của tranh ảnh. Mắt trông bài thơ ở mặt giấy, thật không có thấy gì là đẹp; song mà đọc lên tiếng, nghe vào tai, thời tự thấy như hiện ra ở trước mắt một bức tranh, cả tình cả cảnh. Tạm ví như câu:

«*Rừng một giải cây chen vạn gốc;*
«*Gốc cây rừng, một nóc nhà gianh.*
«*Trong nhà một ngọn đèn xanh,*
«*Dưới đèn mở vẽ bức tranh ba người.*

(Câu ở trong bài « Hai vợ chồng người đốt than trên núi » in ở báo Hữu-thanh năm xưa).

Thơ ca không phải là đàn nhạc, mà có cái mỹ-thiện của đàn nhạc. Không *tỳ*, không *trúc*, không *kim*, không *thạch*, không *thổ*, không *cách*, mà đọc lên tiếng, nghe vào tai, thật như thể cung đờn réo-rắt, sắt vàng chen nhau. Tạm ví như những câu:

1.— «*Bia đá mai mòn theo sóng nước;*
«*Bảng vàng tan-tác với phong sương.*
«*Công hầu để bá trăm năm trắng,*
«*Phú quí vinh hoa một giấc vàng.*»

(Bốn câu trong bài thơ lại-cảo, in ở An-nam tạp-chí trong khi ra ở Hàng-Lọng. Số tạp-chí, tên đầu bài và qui-hiệu của Tác-giả, hiện nay tôi không nhớ, sẽ xin xét lại và tường sau).

2.—*Năm năm, tháng tháng, ngày ngày;*
«*Lần lần, lựa lựa, giầy giầy, mai mai.*

(Hai câu này, nghe là ở trong một bài hát của cụ Thiếu Dương).

Trong thơ ca lại cũng có câu gồm cả hai cái mỹ-thiện của tranh ảnh và đàn nhạc. Đọc lên, vừa như bức tranh ở trước mắt, vừa như tiếng đàn ở bên tai. Tạm ví như câu:

«Nước chong xanh, lơ-lửng con cá vàng;
«Cây ngô, cành bích, con chim phụng hoàng, (nó) đậu cao....»

(Hai câu đầu trong bài sầm «*con cá vàng*».

Giở lên đó là nói về mỹ-thiện của thơ ca; xin lại thử nói về *năng-lực*.

Thơ ca có cái năng-lực khiến được người, tức là làm cho người ta cảm-súc lời thơ đó, không ai bắt buộc, mà tự-nhiên đổi khác sự hành-vi. Năng-lực của thơ ca, có một phần công-dụng trong văn-chương, tôi đã nói kỹ ở bài «*văn-*

chương» ở trong một quyển văn luận-thuyết in ra từ năm 1918. Nay chỉ nói chơi một hai sự thực nhỏ mọn mà có thú, cũng là câu chuyện vui trong làng thơ.

« *Ba mươi, bốn độ chôn chồng;*
Còn toan chang-điềm má hồng, chôn ai?»

Hai câu đây nghe là của ông Tú-Xương đã làm cho một cô gái giang-hồ phải bỏ chỗ nhà đương ở thuê mà dọn đi nơi khác.

« *Đêm khuya một đĩa dầu đầy,*
«*Bằn mình lúc ấy, dì mày biết chưa?»*

Hai câu đây là của một ông Chánh-tổng hạt phủ Mỹ đã làm cho mấy cô con gái ruộng phải buông bao bạc thuế mà cho ông Lý đi.

Đó là những sự trực-tiếp có mãnh-lực. Lại cả đến như trong chín châu, ngoài bốn bể, một bài thơ ca đi như *vô-tuyến-điện*, có sức khiến cho ai đó một đèn một bóng, một mình xem, một mình đọc, một mình cảm-tưởng trầm-tư, không quen ai mà như yêu, không biết ai mà như nhớ, không chỉ non thề bể mà nặng vì nước non. Lại đến như trong xã-hội nhân-quần, những ai đâu có những sự hành-vi không tốt, pháp-luật xét không tới, mà một bài thơ ca cũng đi như vô-tuyến-điện, có sức khiến cho ai đó, thoảng đến tai, qua đến mắt, không dao sắc mà ruột cắt, không thuốc độc mà lòng đau, không tuyên án nghiêm hình, mà như đã biểu tội-danh ở trước công-chúng vậy.

Những cái mỹ-thiện của thơ ca nhường kia, mà cái năng-lực của thơ ca thế ấy; cho nên bảo là một món mỹ-thuật cao quí hơn hết các món mỹ-thuật khác, mà thơ ca như thế là hay. *(sẽ tiếp)*

Nguyễn-khắc-Hiếu

THƠ

Mừng Annam tạp-chí lại ra đời

«TẬP KIỀU»

Đến bây giờ mới thấy đây,
Dung-quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Hữu tình ta lại gặp ta,
Tương-tri nhường ấy mới là tương-tri.
Nổi danh tài sắc một thì,
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.
Trăm năm tính cuộc vuông tròn...

Phạm-văn-Ban
Instituteur Tiên-lữ
Hưng-yên

Tình-thư nhất bức

Trăng soi đáy nước trắng ngần,
Cảm người danh-sĩ ân-cần mấy câu :
Văn-chương cho đến bạc đầu,
Tài-tình chi lụy mà nhiều thở-than.
Mắt xanh trong cõi trần-hoàn,
Còn nhiều ân-ái chứa-chan cõi lòng.
Nước non muôn dặm mịt-mùng,
Mắt trông chưa thấy, bụi hồng mờ che.
Xá chi những lụi gà quê,
Xá chi những kẻ dèm chê lấy lời.
Non xanh nước biếc bồi-hồi,
Nửa ngòi bút ngỗng xuốt đời làm duyên.
Lòng son son sắt vẹn tuyền.
Hơi đâu rước giận cưu-hờn với ai.
« Trăm năm cõi tục còn giài,
Con đường vô-hạn trên đời còn xa ».

NHƯ-NGỌC
Khách miền sông Thao
Kính thư

Chơi sông Trà-lý (Thái-bình) trông trăng

Ngắm cảnh Trà-giang cảnh tuyệt vời!
Một làn nước biếc bóng trăng soi.
Lững-lơ cánh én tung trời múa.
Đủng-đỉnh thuyền nan cỡi sóng bơi.
Gió thổi hiu-hiu rồ-rập nước,
Mây che lớp-lớp mịt-mù khơi.
Ước-ao nước cũ đừng thay đổi,
Chớ có khi đây, lại lúc vơi.

Bồng-hải
Trần-quang-Chúc
(Gia-Long) Thái-bình

Ngày xuân tương-tư

(Họa nguyên-vận, bài thứ hai, giả lời ai)

Vấn-vít vì ai vướng sợi tơ,
Sông Tương đầu cuối nỗi sầu-tư.
Hồn theo cánh bướm năm canh mộng,
Mắt đón chân nhàn một lá thơ.
Nghìn dặm đã thông tình nẻo ấy,
Ba sinh còn nhớ hẹn ngày xưa.
Xa xa góc bể ai người gọi,
Nghe tiếng thưa này đã phải chưa?

Thượng-uyển
Nguyễn-tiến-Lãng

Phong-thi

1. — Nhớ ai rằng-rặc đêm dài,
Nhớ ai năm ấy là người chưa quen.
Cách năm sông cái còn nguyên,
Mà đâu ai khách đi thuyền năm xưa?

2. — Ai đi đường ấy làm chi,
Nước thì độc nước, buồn thì khó buồn.
Đêm đêm chớp bể mưa nguồn,
Ai đi, ai để cái buồn cho ta.

Tản-Đà

Khóc bạn

Giận thay tạo-hóa vô tình,
Dưng-không để nỗi bất-bình cho ai!
Đắng cay nếm chán mùi đời,
Hoàng-tuyền tắc dạ ngậm-ngùi bao tan.
Thương anh héo-hắt tấm can-tràng,
Xót nghĩa kim-lan bỗng nhỡ-nhàng.
Chán kiếp, anh tìm nơi lạc-cảnh;
Cùng ai? tôi rãi mối tân toan!

Tử sinh ngán nỗi hợp tan,
Anh đi tôi ở chứa-chan lệ sầu!
Minh dương ai bắc gịp cầu?
Để cho kẻ cuối người đầu xót-xa.

Trời xanh chi ghét khách tài hoa.
Cái chi lăng-tiêu vội sóa nhòa.
Dâng nén tâm-hương tôi gạt lệ,
Tương-phùng họa có giấc Nam-kha.

Đầu xanh sao đã vội già,
Kiếp trần âu hẳn cũng là ký-sinh.
Nhớ anh chan-chứa bao tình,
Thương anh giãi tấm lòng thành, có hay?

Lê-ngọc-Lan

HÁT NÓI

Đi chơi hang Đầu-gỗ Hongay

II

Mưỡu :

Xinh thay! hỡi thú Đào-nguyên!
Mảng vui tiên-cảnh hồ quên lối về.
Bóng chiều đã gác non Tê,
Ngẩn-ngừ ra cửa còn mê lối vào.

Nói :

Hóa-công huyền-diệu,
Đỗng Tường-vân, khéo khéo nặn cho nên.
Nhạt xanh xanh một vẻ thiên-nhiên,
Dạ mến cảnh, triền-miên khôn muốn rứt.
Ngũ sắc tường-vân phong phất phất;
Thiên tằng thạch-đỗng nguyệt lung lung.
Muốn dưa tay ôm lấy thú non Bồng,
Sợ chăng nữa, mất lòng Tiên với Phật.
Trở gót lại, tấm riêng còn phảng-phất.
Ước làm sao, ước làm sao quanh-quất mãi đây chơi.
Chơi non, chơi nước, chơi giời.

Nguyễn-duy-Tường

Tập-kiều

. . . . . .

Duyên này thì giữ, vật này của chung.
Khát-khao đã thỏa tấm lòng,
Khéo thay gặp gỡ cùng trong truyền-vắn,
Lại đây xem lại cho gần,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
Những từ quán-khách lân-la,
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai.
Rẽ cho thưa hết mọi « lời »,
Rằng trong tác hợp cơ « giời » hai bên.
Vì ai rụng cải rơi kim,
Nắng mưa đã biết mấy phen đổi rời.
Công đeo-đuổi chẳng thiệt-thòi,
« Mà lòng trọng nghĩa...
« Mà chàng Kim...
Cũng may giây cát được nhờ,
Dành dành kẽ tóc chân tơ mấy nhời.
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Hai bên gặp-gỡ một nhời kết-giao.

Mai sau dù có thế nào,
Phải người sớm mận tối đào như ai.
Chứng-minh có đất có giời,
Tử sinh vẫn giữ lấy nhời tử sinh.
Bây giờ gương vỡ lại lành,
Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan.
Tình xưa lai-láng khôn hàn,
Kể làm sao hết muôn vàn ái ân.
Lời tan hợp, chuyện xa gần,
Hoa xưa ong cũ mười phân chung-tình.
Khuôn thiêng lừa-lọc dã dành...

Lê-thị Ngọc-Đường
Village Yên-Phụ

HÀI-THI

Thú Cô Đầu

Làm theo điệu *Sonnet* (một lối đoản-thi Pháp-văn 14 câu).

Chả! tinh!
Bực mình!
Cuốn chiếu:
Séo!
Chuyện ranh:
« Anh, anh! »
Tiền thiếu:
Kiếu!
Cô đầu
Với khách
Cùng nhau
Khách khách:
Tháng lương,
Bương!

T. K. Giư

Mất báo

An-nam tạp-chí ra đời,
Gần thời chẳng thiệt, xa thời thiệt ai.
Thiệt vì số báo bảm hai,
Vì đâu lạc mất cho người nhớ mong.
Từ khi gắn bó chữ đồng,
Tin sương luống những rầy trông mai chờ.
Xót thay quyển báo bơ-vơ!

Le bonze **Trần-Bảo**
Chùa Tú-Uyên, canton Yên-Trạch,
Nam-Sang Hà-nam

HÀI VĂN

Chủ-bút bất như chủ-bếp

Mổ cá

Nhớ ngày nào tôi còn đương làm việc ở trong báo *Hữu-thanh*, khi đó cũng ở luôn tại Báo-quán. Có muốn nghĩ một câu đối để cheo chơi ở chỗ ngồi, chỉ mới nghĩ được có một bên, mà rồi không nghĩ đối được nữa. Một bên mới nghĩ là:

主筆不如主爐

Chủ-bút bất như chủ-bếp.

Câu này, ý tôi muốn tự nói là: cái *tài làm chủ-bút* của mình *không bằng cái tài làm chủ-bếp*. Hai chữ « *chủ-bếp* » đây, cũng chỉ là truyên nói về sự làm bếp thuộc các món ăn thường của người An-nam ta, mà nhất là các món thuộc về thức *nhắm rượu*. Riêng tôi tự nghĩ và tự phụ cái tài làm chủ-bếp, song không dám biết có ai tin hay không? mà tự mình cũng chưa dám chắc đã thật đủ tư-cách. Vậy hãy xin thử nói về một sự *mổ cá*.

Đức Khổng khi xưa có nói về sự «*mổ gà*» rằng:

殺鷄焉用牛刀

Sát kê yên dụng ngưu-đao.
«Giết gà cần gì dao mổ trâu?!»

Ngài nói như vậy, là ý rằng: *con gà nhỏ, dùng dao bé cũng được, cần gì con dao to!* Đó là cái nghĩa *không cần*.

Nay tôi muốn nói về nhẽ *mổ cá không dùng dao to*, thời ý tôi nói là không nên.

Nguyên một sự *mổ cá*, thường người ta sợ *vỡ-mật*. Có lẽ vì cái mật mà vỡ thời đắng ra cá? không rửa thời đắng; rửa thời tanh; mà có khi dẫu rửa cũng không khỏi sự đắng. Tanh và đắng, thời con cá dẫu tươi, dẫu qui đến đâu nữa, cũng không sao cho được ngon? Cho nên *mổ cá* sự «*vỡ-mật*» là phải.

Muốn chánh khỏi sự vỡ mật, thời lúc mổ rất kiêng dùng *dao to*.

Thường thấy phần nhiều người mổ cá, dù con cá chép, dù con cá riếc, cũng mổ bằng *dao phay*. Chỗ đó là cái gốc của sự «*vỡ-mật*.»

Vì làm sao? Nguyên con cá thân-hình như thế, nhất là như con rô, con riếc, mà vác con dao *phay* để mổ. Người mổ, tay bên hữu (tay phải) cầm dao, tay bên tả (tay trái) đè thân con cá ở chốc thớt. Một lưỡi dao đưa liều vào bụng cá, từ bụng đưa lướt lên đến chỗ ức, đó ở trong là khu-giới của *mật* ở; như thế, tài sao cho khỏi nguy?. – Dù không đến vỡ mật chăng, mà bộ lòng cá ở bên trong cũng đã bị cái tay trái của người mổ đè lên, làm cho nát nẫu vậy. Nếu người mổ cá đó, mà lại là những cô tiểu-thư, bà nội-trợ quá khỏe mạnh, thời sự nguy càng nguy!

Muốn chánh khỏi *vỡ-mật* và không nguy sự nát lòng, thời không cứ cá bé hay cá to, *lúc mổ*, đều chỉ nên dùng một con *dao lá trúc*, hoặc con dao tây con. Trước hết, cắt ngang ở chỗ hầu con cá, chỉ đủ cho có thể đưa lọt được mũi dao; rồi đưa ngửa dao vào, mổ ngược đằng lưỡi ra, lướt mãi cho xuống đến chỗ rốn cá. . . . Vậy thời không bao giờ bị vỡ mật.

Nghề ăn cũng lắm công-phu!

Tản-Đà

NGƯ' NHÂN

Thưa chung các Ngài

Xin có lời thưa cùng các Ngài có văn lai-cảo cùng xét biết cho rằng: những bài lai-cảo của các Ngài, chúng tôi xin lần-lượt làm dần, dù hoặc nên đăng hay vì nhẽ gì không tiện đăng, chưa từng có một bài nào dám bỏ qua không xét, vậy xin các Ngài miễn cho sự gửi thư về nhắc, và nhất là xin đừng Ngài nào gửi sẵn tem về sự giả lời; vì nếu như thế mà không giả lời riêng các Ngài được thời về phần chúng tôi lại chỉ mang lỗi thêm. Xin lượng cho.

Nay kính

Gần đây, các thơ gửi về mục *Thi-đàn-giảng-tập* khá nhiều, mà vì công việc bận quá, chưa làm đến được mấy; xin các ngài tạm bằng lòng cho. Chúng tôi cũng xin lần-lượt

làm dần. Hoặc có bài nào không tiện đăng lên *giảng-tập*, ắt cũng có vì một nhẽ riêng, xin thể lượng cho và miễn sự gửi tem về nhắc.

Nay kính

* * *

Ông *Phạm-văn-Nghị, Trà-cổ.* — Ngài có định giúp cho chúng tôi một cái biểu nói tường về vần «tr». Xin Ngài cứ sẵn lòng gửi về cho. Chúng tôi rất lấy làm hoan-nghênh.

Nay kính

Ông *Đông-Xuyên, Phan-thiết.* — Ngài có bảo chúng tôi nên phát-san bai kết án Phan-Khôi lên các báo ở Saigon, vì An-nam tạp-chí ít người có. Sự đó có nên không, chúng tôi xin nghĩ lại, thư-thả sẽ liệu.

Nay kính

Ông *Kỳ-sơn, Như-xuân.* — Ông có hỏi về câu thơ «*Ba gian nhà đó xiêu là thế*», và câu «*Lòng bố thân con đất nước ta*». Xin thư-thả sẽ có giả lời lên trong mục giảng-tập.

Nay kính

Ông *Lê-ngọc-Lan.* — Ông có giới-thiệu gửi cho một bài lục-bát tả cảnh «*chuyện câm, hai đôi giầy*» của một cô nữ học-sinh ở Hải-dương, cậy tôi chữa giúp. Cứ tôi xét bài văn ấy, lời nhẽ cũng chơn xuôi và được một câu tả về bức thứ năm: «*Vu-sơn một giấc, ôi, người hồng-nhan,*» thực rất hay! Song hiềm vì trong toàn bài có dùng đến nhiều câu của truyện Kiều, nếu sửa thời phải bỏ đi tất. Lối văn lục-bát, đã là tự mình làm ra thời không nên lấy sẵn của truyện Kiều; nếu đã tập Kiều thời lại nên toàn dùng câu trong truyện mà tập lấy thành bài, như thế có lẽ mới là phải. Vậy cứ như bài đó, về phần tôi sửa thì phiền quá, và lại ngại đổi mất nhiều ý của tác-giả. Vậy xin ông nói chuyện lại với cô nữ Học-sinh ấy, nếu có thì-giờ sửa lại, gửi lên lần khác tôi sẽ liệu tính sự đăng. *Nay kính*

Còn các thư khác, sự giả lời xin đợi làm dần ở kỳ khác. Hoặc có những thư nào không hợp giả lời lên mục «*Ngư-nhàn*» đây, xin sẽ có phúc-đáp riêng, song xin để chậm cho đôi chút. Hoặc cũng có những thư không cần sự giả lời lắm, xin các ngài miễn cho.— Nay kính.

Phần riêng tôi, *Nguyễn-khắc-Hiếu* xin có lời thành-thực thưa chung các ngài rằng: cứ như *An-nam tạp-chí* hồi này lại xuất bản, có thể mong bền-vững và ngày một tấn-tới; song theo bụng riêng tôi đối với tờ Tạp-chí, vẫn thấy như «*nguy cấp tồn vong*». Cho nên dẫu rằng trong Báo-quán hiện nay, các ông bạn đồng-sự không ít; mà cái thì-giờ phần tôi dẫu đem dùng hết về Tạp-chí cũng chưa thể gọi là đủ nào. Tôi lại còn bận về việc riêng là công việc *Tản-đà thư-cục* đương lúc cần tiến-hành mà không thể ủy bỏ cho ai được. Vì thế mà thì-giờ đã ít ỏi, lại càng khẩn-bách lắm; vậy nên phải lấy lời thành-thực, thưa cùng các ngài, dám mong rằng: hoặc người gia-đình, hoặc người xã-hội, nếu ngài nào không có sự cần-thiết phải diện-tiếp nói chuyện, xin cứ do sở bưu-điện bỏ giấy, tôi sẽ xin liệu sự giả lời. Nghĩ như thế, đối với phần riêng của cá-nhân, hoặc có kém thân; song mà đối với phần chung của Tạp-chí, tôi may được ít lỗi. Xin chư-tôn lượng cho.— Nay kính.

Ông *Trần-văn-Thinh Sadec.*—Tôi tiếp được thơ ông viết ngày 3 Mars 1932, gửi theo cho tập «*Giấc-mộng con thứ hai*», tôi mừng-rỡ vô chừng, lấy làm một vật không ngờ được thấy nữa mà nay lại được thấy! Vậy như tấm thịnh-tình của ông và ông *Lê-quốc-Tý*, tôi thực không biết lấy gì báo-đáp lại cho đủ, chỉ một là xin hai ông biết cái bụng cảm ơn của tôi, hai là tôi xin từ năm 1932 này giở đi, trong cái thời-gian tôi còn in ra các sách, truyện, văn-tập, thơ-tạp, phàm trong *Tản-đà thư-cục* có những thứ gì, xin kính biếu hai ông đều có đủ các thứ sách ấy, và xin gửi theo lệ Imprimé Recommandé cho được khỏi thất-lạc; như vậy, hoặc đủ hiểu chút tình nhỏ mọn đối với hai ông chăng. Nay vì công việc thực bận rộn, cho nên xin tùy tiện giả lời lên mục «*Ngư-nhàn*» đây, mong ông cũng vui lòng lượng cho, và phiền ông truyền đạt cái ý tôi cho ông *Lê-quốc-Tý* cùng rõ. Tôi được đa tạ lắm lắm.— Nay kính.

TỰ-DO VÀ TỰ-DO!

Ông Vũ-tam-Thám giáo-sư tùng-sự ở thư-viện Hanoï, — Thị-Khiêm, vợ ông giáo-sư Trần-văn-Khang, hai người vốn là bạn học cũ.

Nay tuy đã thành gia-thất cả, nhưng... «tây»! họ gặp nhau họ vẫn vồn-vã bắt tay bắt chân, tự-do trò-huyện.....

Một hôm, cách đây cũng không xa hai người cùng biến mặt đất Hà-thành, làm cho dư-luận sôn-sao inh ỏi. Họ cũng là hạng người có tai mặt!

Ít lâu, giáo Thám về, ngớ-ngẩn nói: «Nào tôi có biết gì đâu, sự bà giáo Khang đi không dính với sự tôi đi, không ngờ mà lại cùng sảy ra một lúc.» Ông Thám còn e dư-luận Đông-phương.

Nhưng, trái lại, Thị-Khiêm khinh hẳn dư-luận ấy. Bước về Hanoï, cô Khiêm đệ đơn ly-dị ra tòa. Một tờ tuyên-ngôn: «Tôi thờ chủ-nghĩa tự-do, không chịu gấp lưng theo tập-quán cũ rích. Tôi quyết tự-do giao-thiệp, tự-do luyến-ái, tự-do kết hôn!»

Trước tòa hòa giải, than ôi! cô con gái mới khăng-khăng bỏ chồng, mà ông chồng, thương thay cho ông chồng, vẫn sẵn lòng tha-thứ vợ.

Ở tòa ra, kia ông Khang lủi-thủi đi, mà cô Khiêm vẫn sánh vai ý-trung-nhân thủng-thỉnh.

—Tôi yêu anh vì tình cao-thượng (!). Đành rằng anh có vợ, lại một đàn con, tôi không còn hy-vọng cùng anh xum-họp trăm năm, nhưng yêu anh tôi cứ yêu, vì anh lãng-mạn. ...

Lãng mạn! Một phần kết quả cái «lãng mạn» quý hóa của cô Khiêm đã thấy rót vào cái ve nhỏ rắt trong mình.

Ngán thay, tự do ai là không muốn có, mà nhất là dân Annam, nhưng hạng «tự do» như cô Khiêm thì dìu búa phong hóa Annam phải đập cho kỳ chết.

Chà! thấy người ta tự-do cũng tự-do.

■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■■

Còn nhiều thứ của các ngài cần phải giả lời, xin lại cho rộng đến kỳ khác.— Nay kính.

Nguyễn-khắc-Hiếu

KHẢO VỀ NHÂN CHỦNG

(Tiếp theo)

Tầm-thước (*La taille*)

Tầm-thước người ta mỗi giống một khác, hạng trung-bình cao độ 1m38 như giống Négrilles-Pygmées ở miền Arkas đến sông Congo, tới 1m79 thuộc miền Galloway.

Những nhà nhân-chủng-khảo đã xét về tầm thước người trên thế-giới mà chia ra 4 bậc (catégorie) sau này:

1.— Tầm-thước nhỏ dưới 1m60.

2.— Tầm-thước dưới hạng trung-bình (đã kể trên) cao độ 1m60 hay 1m64

3.— Tầm-thước trên hạng trung-bình cao độ 1m65 hay 1m69

4.— Tầm thước cao nhất, độ 1m70 hoặc còn hơn nữa.

Về phe nữ-giới số trên đây rút tới 10 phân: 1m60, người cao; 1m50, người thấp.

Tầm-thước nhỏ lan rộng về các giống người bên Á-đông như Nhật-bản phía Nam nước Tàu, xứ Đông-dương và xứ Mã-lai.

Tầm thước cao như giống người phía Bắc châu Âu, châu Mỹ, người Phi-châu, người Polynésie và hầu hết giống người Hắc-nô (Nègres) người Ethiopiens (1) và người Touareg (2).

Ngoài ra người trên thế-giới tầm thước hầu hết dưới hoặc trên số trung-bình, từ 1m60 tới 1m69.

Sự tiêu-hóa (*La digestion*)

Sự tiêu-hóa cũng nhiều nhân-chủng khác nhau.

Những dân mọi rợ sinh nhai về nghề săn bắn, nghề đánh cá và nghề hái quả, dù khi dư-dật hay túng-thiếu mỗi bữa cũng ăn được một số lương thực rất nhiều.

Người Fuégiens và người Esquimaux (3) đều có tài ăn khỏe, họ có thể ăn no không ngớt (sans discontinuer) một con cá voi trong ít ngày.

Người Négrille ở Phi-châu cao 1m30 có thể mỗi bữa ăn hết một số thịt rất nhiều và 70 quả chuối nhớn.

Người Arabe thường-thường có thể ăn vài quả chà-là hoặc gọi là quả muồng (datte) một ít sữa, một ít lúa mạch-nha (orge) và mỗi bữa người «diffa» (4) một mình có thể ăn hết nửa con cừu.

Tâm-tình biểu-lộ
L'expression des émotions

Tâm-tình của người ta biểu-lộ ra bởi những dáng-điệu thân-thể, hay sự động-chuyển của những đường gân trên mặt, cũng tùy mỗi giống khác nhau.

Thí-dụ: bất thình-lình mà gặp sự gì ta lấy làm lạ, thường thường lông mày đứng dựng, mồm ta cũng mở to ra.

Nhưng có một vài giống như Esquimaux và người Ấn-độ ở xứ Brésil thì trái hẳn, nghĩa là gặp những sự ấy, háng họ rật lên, mày, miệng vẫn không thấy khác.

Dân Ainos ở Yéso (5) thấy mũi hoặc mồm hơi rật, người Tây-tạng thì thấy má phồng ra, người đen Bantous thì giơ tay lên trước miệng, người đen Tây-phương thì bĩu môi ra, dường như muốn thở, vân vân.

Người Tây-tạng thè lưỡi ra để chào người khác, người Maoris ở Nouvelle-Zélande muốn nói «Bonjour» thì lấy mũi sẽ dí vào mũi người khác. Một phần lớn người Âu-châu chào nhau bằng một cái gật, nhưng không để cho đầu cúi xuống ngang mặt (tête horizontale), mà cứ để cho ngay thẳng (tête vertical). Riêng người Grecs (6) tục này trái hẳn.

Trước mặt một nhà tài-tử, người Pháp húyt sáo tỏ ý chê bai; trái lại, người Mỹ húyt sáo tỏ lòng khen-ngợi.

Cái hôn, (baiser) cũng vậy, nó tỏ cho ta những tính tự-nhiên sâu-sắc; bất kỳ là mấy giống mường, mọi (peuplades) vàng đen, người mẹ lộ tình yêu con thì hoặc hôn-hít hay áp mũi vào mặt đứa trẻ.

Cùng trong ý-nghĩa, muốn cho thân-thể nghỉ-ngơi, người ta hoặc nằm, ngồi tùy ý. Tựu-trung có một vài giống như Hắc-Nô và người Ấn-độ ở bên Đông-Mỹ lại hay ngồi xổm, (accroupie). Người ta còn xét một số người Océamiens và giống Hắc-Nô ở gần sông Nil Đông-hướng Phi-châu, muốn nghỉ ngơi, họ thường làm như con chim nước: chân kia đứng, chân nọ bắt mềm và lấy ống chân dựa vào đầu gối chân kia.

Sau hết cái bản-lĩnh linh-hồn (caractères psychologiques) như trí tình, tỏ-lộ cũng khác xa nhau. Có giống thiên về tình-cảm, hay mơ màng tưởng tượng lộ ra ngoài mặt, trong óc bao giờ cũng như vơ-vẩn mối sầu như người Ấn-độ ở châu Mỹ và người Hindous ở Á-nam (7).

Giống Hắc-nô và Mélanésiens thì trái hẳn, họ thiên về thể-chất, thường thường vui chơi, cười nói, bông-lông như đứa trẻ con.

Nước Pháp-lan-tây cũng vậy, giống người Provençal thì láu-lỉnh, ngộ-nghĩnh, hay nói và lại có tính khoe-khoang; giống ở Lorraine thì ra chiều lãnh-đạm, lễ-phép, nết-na mà ít nói.

Vả lại, những tính-tình tư-tưởng khác nhau này, cũng còn theo luật tiến hóa của giống người mà luôn-luôn thay cũ đổi mới. Người ta cũng phải tùy theo thời-thế mà cắm chuẩn đích cho cuộc sinh-hoạt của mình. Sinh-hoạt dễ dàng hay eo-hẹp, thời vận may-mắn hay rủi-ro, cũng rất có ảnh-hưởng đến hình-dạng và tâm-tình con người ta.

Phương-lang Mai-thanh-Hồng

---

(1) *Ethiopiens*: Giống này ở một phần đất Phi-châu thuộc Ai-Cập (Egypte).

(2) *Touareg*: Giống này thuộc giống Berbère (Berbère gồm 2 giống Touareg và Kabyles) là giống di cư nay đây mai đó (nomade) ở miền Sahara sen giữa dặng núi Maures và miền Tibbous chia ra nhiều giống như Azgher, giống Ahagghar và giống Aonellimidien.

(3) *Esquimaux*: Giống Esquimaux ở miền hàn đới thuộc đảo Groenland giữa vịnh Hudson và eo bể Behring hoặc còn gọi là giống Innuit mà tiếng Innuit mới chính họ đặt, còn tiếng Esquimaux là người giống khác đặt ra vì giống này chỉ ăn thịt sống mà tiếng Esquimaux có nghĩa là ăn thịt sống.

(4) *Diffa*: Tiếng này dùng cho người Arabe ở Algérie những bữa cơm đãi khách.

(5) *Yéso*: Yéso là một cái đảo lớn nước Nhật, dân cư gồm được 610.000.

(6) *Grecs*: Giống này ở xứ Grèce là một cái lưỡi đất (Péninsule) và là một miền sơn cước ở phía Đông-Âu, hợp bởi 1 cái lưỡi đất lớn ở phía Nam là Balkan. Vị trí; Đông giáp bể Egée, Tây giáp bể Inienne. Nam giáp bể Méditerranée diện tích đo được 15.975 kil. carrés, dân cư cộng được 4.256.000 người kinh đô tại đất Athènes.

(7) *Hindous*: Giống này ở cái lưỡi đất rộng hình tam giác thuộc châu Á hướng Nam; Bắc giáp giẫy trường-sơn Himalaya dài 2.250 km. gồm mấy ngọn Gauriz cao 8.840 m Kintchindjinga cao 8.581 m và vịnh Bengale bể Onam và Ấn-độ.

PHÁP-LUẬT DẪN GIẢI

Việc Giá-thú

NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO VIỆC KẾT-HÔN

I) Tuổi.— Muốn kết-hôn con trai phải đủ 18 tuổi, con gái phải đủ 15 tuổi.

II) Họ.— Hai bên phải không có họ gần với nhau.

Những người có họ như sau này không được lấy nhau:

a) *Về trực hệ* (cùng một chi) những người thân thuộc hay thích thuộc (họ thông-gia) trong tất cả các bậc, bất cứ con chính, con hoang hay con nuôi.

b) *Về bàng hệ* (khác chi).

1.— Anh em chị em ruột và anh em chị em nuôi.

2.— Chị dâu em dâu với em chồng anh chồng.

3.— Chú bác, cậu với cháu gái, cô dì với cháu giai.

4.— Bác gái hay thím với cháu chồng.

5.— Anh em với chị em con chú con bác, con cậu, con cô, con dì, anh em chị em cháu chú cháu bác.

6.— Anh em họ với chị em họ đồng tông.

III) Thuận-tình.— Hai bên, con giai con gái, phải bằng lòng lấy nhau thì việc kết-hôn mới có hiệu-quả. Ngoài ra, lại phải cha mẹ cũng bằng lòng nữa mới được.

Nếu cha mẹ không đồng-ý thì chỉ người cha bằng lòng là đủ. Nếu cha đã chết rồi, hoặc vì cớ gì không thể tỏ ý của mình được, thì chỉ xin phép người mẹ là đủ. Nếu cha mẹ đều chết cả, hoặc không thể tỏ được ý thì phải có sự bằng lòng của ông bà nội. Ông với bà không đồng-ý thì phải theo ý ông.

Người vị-thành-niên chưa đầy 21 tuổi thì phải xin phép người giám-hộ của mình, nếu ông bà và cha mẹ đã mất cả hoặc không tỏ được ý.

IV) Giá-thú hợp phép.— Có hai cách giá-thú hợp phép.

1.— *Giá-thú về chính thất.*— Vợ chính phải lấy trước vợ thứ. Nếu chưa có vợ chính mà đã lấy vợ thứ thì việc kết-hôn ấy không có hiệu-quả, dẫu lấy cớ rằng vì chưa tìm được người nào đích-đáng để làm vợ chính cũng không được.

Khi nào đã theo đúng pháp-luật để bỏ người vợ chính, thì lại lấy người khác làm vợ chính được. Nếu người vợ chính chết, thì chồng phải đợi hết tang 1 năm mới được lại kết-hôn.

2 — *Giá-thú về thứ thất.*— Khi đã có vợ chính rồi, thì được phép cưới vợ thứ nữa. Vợ chính không thể viện riêng một lẽ ấy mà xin ly-dị được.

II.— **Nói về việc giá-thú vô-hiệu**

Nếu không khai với hộ-lại, hoặc không có thuận tình thì việc giá-thú cũng như không.

Giá-thú vô hiệu

1.— Khi con trai chưa đủ 18 tuổi, con gái chưa đủ 15 tuổi. Nhưng kể từ ngày đủ tuổi, hoặc từ khi người vợ có thai, thì sự giá-thú không bị kể là vô-hiệu nữa.

2.— Trong hai vợ chồng, có 1 người bị bệnh điên cuồng, hoặc mất trí khôn vì một bệnh mắc đã lâu trong khi làm lễ kết-hôn. Nhưng khi người mất trí-khôn hoặc điên cuồng đã bình-phục mà chính người sở-quan không xin tiêu-hôn thì sự giá-thú lại kể là có hiệu.

3. — Khi 2 người lấy nhau là có họ với nhau vào bậc như trong luật đã cấm.

4. — Khi vợ chính mới chết chưa đầy 1 năm, người chồng đã đi lấy người chính-thất khác.

5. — Khi lấy vợ thứ trước khi có vợ chính.

6. — Khi đã có vợ chính rồi mà lấy vợ chính nữa.

7. — Khi kết-hôn trong lúc đương có tang cha hay tang mẹ. Nhưng được phép làm hôn lễ trước khi phát-tang (cưới chạy tang).

Nếu có hai tang gần nhau thì có thể rút lại cả một thời-kỳ là ba mươi tháng được.

Ai có quyền được kiện giá thú vô-hiệu? — Tất cả những người có quan-hệ vào việc giá-thú. Tòa Đệ-nhị-cấp cũng có quyền truy-tố về việc ấy.

Về sự nhầm lẫn trong việc giá-thú. — Trong việc giá-thú, bên nào bị lẫn hay bị bắt ép phải bằng lòng thì được phép cáo-tố.

Chỉ khi nào lầm người nọ ra người kia, hay người đàn-bà bị lừa về thứ bậc vợ cả vợ lẽ, thì mới có thể xin tiêu-hôn được.

Người bị lẫn hoặc bị bắt ép nếu đã thành-niên, có thể tự mình xin tiêu-hôn được.

Nếu chưa đủ tuổi thì quyền xin tiêu-hôn thuộc về các người có quyền ưng-thuận việc kết-hôn như ông bà nội, cha mẹ, người giám-hộ.

Sáu tháng sau khi đã xảy ra sự lầm lẫn, hay sự bắt ép, nếu không đứng ra tiêu-hôn thì quyền ấy sẽ mất.

Giá thú không có thuận tình của cha mẹ, ông bà nội hoặc người giám-hộ. — Những việc giá thú không có thuận-tình của những người ấy, đều có thể xin tiêu-hôn đi được.

Chỉ những người có quyền ưng-thuận ấy, mới có phép cáo-tố về việc ấy.

Những người có quyền bằng lòng việc giá-thú, nếu sau khi đã biết việc giá-thú rồi mà để yên một năm không phát đơn kêu, thì mất quyền kháng-nghị về việc giá-thú ấy.

Không ai được phép xin tiêu-hôn sau khi người đàn-bà đã có con hay đương có thai.

Việc sinh con có giá-thú. — Khi có giá-thú mà sinh con thì phải kể những đứa con ấy là con chính, dẫu sau có xảy ra việc tiêu-hôn cũng vậy. Quyền-lợi và nghĩa-vụ của cha mẹ những đứa con ấy cũng theo cùng một lệ-định như khi ly-hôn (art. 89). Việc chia tai-sản của vợ chồng đã có giá-thú nhưng sau lại sinh ra có sự tiêu-hôn, thì cũng theo những thể-lệ việc ly-dị.

(Còn nữa)

Trần-đình-Trúc

Luật-khoa cử-nhân

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

10

Trà-sơn
dịch

Cô Gian-nê Lạc-lan rùng mình một cái và nói thật rằng:

— Bước chân lên đảo Ga-đa-ca-na này tôi cũng vẫn chưa yên tâm về việc đó. Tôi đọc cuốn sách dạy về cách đi biển có thấy nói tụi dân bản-xứ ở đây, đều là người hay phản-phúc và ác-cảm với người da trắng. Nhưng được gặp ngay tôn-ông đây, thật là may cho tôi quá. Vậy thì theo như câu chuyện đã nói, từ nay tôi ở luôn trong đảo tôn-ông. Tôi sẽ làm đồn-điền cũng như tôn-ông vậy.

— Cô-nương cần phải có người làm, mà hiện nay cô-nương chưa có một người nào.

— Tôi sẽ sang kiếm ở... Mã-lai-tạ. Cố nhiên là sang đấy cần phải đề-phòng cẩn-thận lắm, nhưng liệu tôi có thể kiếm được người nào để thương-lượng về việc đó không?

—Ở Mã-lai-tạ không có một người da trắng nào hết. Chỉ toàn có một giống mọi ăn thịt người mà thôi.

— Nếu có tầu mộ phu đi qua, tôi cũng đi theo qua xem sao.

Chàng Xen-đôn cả quyết nói:

— Không được đâu! Cô-nương không nên qua Mã-lai-tạ làm gì! Chỗ đó không phải là cái chỗ một người đàn bà nên bước chân tới.

— Tôi sẽ cứ đi.

— Nhưng tôi xin nhắc lại rằng một người đàn bà biết tự-trọng không bao giờ.....

Nàng nói gạt phắt đi rằng:

— Xen-đôn tiên-sinh coi chừng đó! Tôi nói rồi tôi sẽ đi cho tiên-sinh coi. Rồi có lẽ tiên-sinh sẽ hối cái câu nói vô-lễ của tiên-sinh.

CHƯƠNG THỨ VI

Trong đời chàng Xen-đôn, lần này là lần đầu chàng mới tiếp cận với một người thiếu-nữ một cách thân mật như thế. Chàng cũng lấy làm ngạc nhiên mà tự hỏi rằng chả biết hết thảy các cô thiếu-nữ nước Mỹ có giống như cô Lạc-lan cả không.

Thật tình ra, chàng cũng tin rằng cô này là một hạng người có chút đặc-biệt khác thường.

Cái thần chí nhanh-nhẹn của người thiếu-nữ ấy, cái tính khí biến đổi bất thường, cái cách nhìn đời, xét đời khác hẳn với thường tình những người đàn-bà khác: nội trong cách cử-chỉ của nàng, cái gì cũng đáng làm cho chàng phải kinh-ngạc. Vì thế, trong cách hai người đối đãi với nhau về đằng tinh-thần, thường thường hiện ra cái vẻ bất-hòa.

Không bao giờ, chàng có thể đoán trước được những điều cô ta sắp làm hay sắp nói. Duy có một điều mà chàng có thể chắc trước được, là cái việc làm hay cái nhời nói của nàng sẽ đột-ngột, sẽ là những sự không ai ngờ có mà có. Hoặc giả nàng cũng có chút bệnh thần-kinh, cho nên mới có cái tính khí hỉ-nộ thất-thường, mới giám tự tin ở mình một cách lạ lùng như vậy? Nếu không thế, thì chàng cũng phải nhận rằng nàng là đàn bà, mà so với mình là đàn ông, cũng không có chút chi là thua kém; cái chỗ bình-đẳng ấy, chàng cho là chướng, là lạ đời.

Trong đời sinh-hoạt của chàng, đột-nhiên len vào một người đàn bà không quen biết, hình như ở dưới bể chui lên giữa lúc gió to sóng cả, bên mình lại có những người thủy-thủ xứ Mã-lai đi hộ-vệ, mà cái ngày ấy lại là ngay hôm sau cái ngày mà nàng ta vừa kề khẩu súng lục vào mang tai tên Ê-ri-sơn, cái đó thật là một điều lạ, một điều chướng tai ngại mắt.

Vậy mà bây giờ đầu đội cái mũ mục-đồng to kếch, lưng đeo khẩu súng lục dài nòng rộng 38 li, nàng còn tự-xưng định ở lại đảo Ga-đa-ca-na, để sinh-cơ lập nghiệp, chẳng khác gì một người thủy thủ bị nạn khác nào vậy.

Cái điều đáng kinh ngạc hơn hết là về dường thân-thể nàng không được cái gì hơi chút thích-hợp với công-việc mà nàng định làm;

Giá nàng ta có cái mái tóc cắt ngắn, cái cằm vuông và những bắp thịt lực-lưỡng; giá thân-hình nàng bẩm xinh ra thô-lỗ, có giáng-điệu đàn ông, như một vài cái « mẫu » khả-ố mà ta thỉnh thoảng trông thấy ở trong phái đàn bà, thì cái điều kia cũng còn có thể «tiêu» được.

Nhưng nào có thế. Trái lại, nàng rất mực là kiều-mị. Cái làn tóc tốt-tươi xinh đẹp, cái vẻ người nhanh-trai mềm-mại, đã nhiều phen làm cho chàng nhìn mà không chớp mắt. Mỗi khi chàng trông thấy nàng lên tiếng dõng-dạc, phán bảo người nhà thả cái xuồng của nàng xuống nước, để đi chơi bể đương lúc sóng mạnh, thì chàng thấy như bị một nhát giao đâm vào trái tim. Hoặc khi chàng tưởng-tượng lại những lúc nàng tung cái thòng-lọng vào cổ con ngựa đương lồng, đóng yên vào rồi nhẩy tót lên lưng, thì việc tuy đã qua, mà chàng cũng thấy rùng mình sởn gáy.

Chàng lấy làm lạ nhất, là nàng ta cái gì hình như cũng tài giỏi. Bàn đến mỹ-thuật và văn-chương, nàng cũng thông-thạo như lúc cai-quản chiếc tàu hay cầm lái một chiếc xuồng đi qua trên mặt bể. Cứ bình-tĩnh mà xét các sự-vật, thì trong những cái biệt-tài trái ngược hẳn với nhau như thế, hình như có điều mâu-thuẫn hiển-nhiên.

Thế mà trong khi đắc-chí, nàng còn tự xưng muốn đi sang đảo Mã-lai-tạ để mộ phu ở trong bọn người da đen, thì có khác gì nàng tự mình lại báng-bổ mình.

Ở trong nhà, chàng Sen-đôn có một cái đàn Bi-a-nô. Chiếc đàn này

chàng Huy-ghi đã chịu tốn biết bao nhiêu công phu khó-nhọc mới mang được sang đến đây. Nàng Lạc-lan chơi đàn này cũng thạo, lại biết giảng-thích những bản ca-nhạc rất là minh-bạch. Tỉnh-thoảng nàng cất tiếng hát, giọng hát trong-trẻo êm-ái hòa với dịp đàn, làm cho chàng Xen-đôn ngồi bên cạnh nhiều phen như tỉnh như mê. Cứ thế cũng đủ làm cho chàng quên hẳn những lúc nóng tính của người thiếu-nữ kỳ-quặc kia, cùng là khẩu súng lục nòng to, cái mũ mục-đồng và hết thảy những chuyện khác.

Tuy vậy, anh chàng Anh-cát-lợi hình như không đủ tư cách để hưởng-thụ một cách rồi rào đầy đặn, cái hạnh phúc mà nàng Gian-nê Lạc-lan đem lại cho chàng.

Ôm cái tư tưởng thủ cựu và chưa thoát khỏi ra ngoài những tập quán của xã hội, chàng vẫn thường tự hỏi thầm rằng : cô này chắc đâu không phải là một ả giang-hồ. Cái cảnh giang hồ, chàng cũng tự mình thâu lịch rồi, nên mới đánh liều đến sinh cơ lập nghiệp ở quần đảo Sa-lô-mông. Nhưng, trong khối óc quẩn quại, bao giờ chàng cũng lại quay về cái định-kiến rằng : mình là đàn ông, nếu phải là một người đàn bà, thì cái trường-hợp lại không thế được.

Cái việc lúc nào cũng hiền-nhiền, là ở đảo Bế-rang-đệ, mà lại ở nhà một người đàn-ông có một mình, một người thiếu-nữ biết tự-trọng, không có thể ở lì mãi được. Một cái cảnh-ngộ như thế, thật là trái hẳn với phong-hóa, nên chàng Xen-đôn dần dần cũng thấy ngượng mà bất-đắc-dĩ phải gợi cái vấn-đề rắc-rối ấy ra. Một hôm đột nhiên chàng bảo cô Lạc-lan rằng :

— Thưa cô-nương, tôi xin nói trước để cô-nương biết rằng ít ra cũng phải đợi ba tuần nữa, mới có tầu ở Úc-đại-lợi-á đến đây.

— Tôn-ông nói thế là đủ, cô Lạc-lan trả lời thế. Tôn-ông không muốn có tôi ở đây có phải không ? Vâng, thế là tôi hiểu rồi. Lập tức sáng mai đây, tôi sẽ cho chúng sửa sang chiếc xuồng để đi sang Tuy-la-gi.

— Tuy-la-gi à ? Cô-nương sang đó để làm gì ? Đương lúc này, quan Thống-đốc không có ở đấy. Ông ấy sang nghỉ mát ở Úc-đại-lợi-á. Cô-nương sẽ chỉ gặp một viên Tham-biện, do chân lính-thủy hưu-trí cử lên, chẳng có một chút giáo-dục nào cả, mà chính viên ấy coi-sóc việc cai-trị trong đảo và việc quản-thúc hơn một trăm tù-phạm người da đen. Rồi thoạt-tiên, hắn sẽ tặng cho cô-nương 5 đồng bạc phạt, vì ngay từ lúc bước chân vào địa-hạt, cô-nương không đến trình để biên số tầu vào sổ. Thằng cha ấy thật đích-sác là một con vật, tôi xin bảo cho cô-nương biết trước. Vậy cô-nương đừng sang Tuy-la-gi nữa.

— Được, vậy tôi sẽ đi sang đảo Gu-vu-tu.

Chàng Xen-đôn lắc đầu nói rằng :

— Cũng không thể được. Ở đây chỉ có bệnh sốt rét là thổ-sản, và một vài hiệu hàng buôn của năm ba người bạch-chủng, nhiều khi vì hốc rượu quá mà thiệt mạng. Không ! Tôi không bằng lòng cho cô-nương sang đất ấy ! !

— Đa tạ ngài, cô Lạc-lan đáp lại một cách gắt-gỏng. Đã vậy tôi xin nói để ngài biết rằng ngay ngày hôm nay, ngay bây giờ, tôi sẽ đi sang Gu-vu-tu...

Việt-bửu-ri đâu ! ngươi đi tìm tên Nô-Át và bảo nó lại đây ta bảo. (Nô-Át là tên cập-ràng cũ chiếc tầu Mi-ê-lê).

Chàng Xen-đôn vội vàng can-thiệp nói :

— Cô-nương không sang Gu-vu-tu được. Việt-bửu-ri, mày đứng lại đó !

— Tôi xin lỗi ngài, xin lỗi ngài một nghìn lần ! Tôi sẽ đi mà đi ngay lập tức bây giờ.

— Tôi đã nói rằng tôi không cho phép cô đi kia mà.

— Ngài còn nhắc lại câu đó sao ! thật vô vị lắm. Hay ngài định chọc tức tôi ?

—Không, đâu có thế...nhưng mà..

— Giá ngài nói : quả có thế, thì đúng hơn.

Cơn giông tố nổi lên từ đấy.

Chàng Xen-đôn ra giáng luống-cuống, lúng búng nói :

— Nếu tôi đã vô-tình làm mếch-lòng cô-nương...

Nàng lại cất tiếng nói to :

— Việt-bửu-ri ! Đi tìm Nô-Át ngay lập-tức, mau lên.

Tên người nhà da-đen, vâng lời chủ, vừa bước chân đi, thì chàng Ăng-lê quát lên :

— Việt-bửu-ri, nếu mày đi một bước nữa, ta sẽ đập vỡ đầu mày ra. Lạc-lan cô-nương ơi ! xin để tôi nói thêm cho cô-nương hiểu ý. Mà tôi đã làm gì để cô-nương phải nổi trận lôi-đình như thế ?

— Tôn-ông đã làm gì ư ? Tôn-ông đã táo gan...Tôn-ông đã dám...

Nàng nói đến đấy, thì hình như tức quá, những tiếng muốn nói nghẽn lại ở trong cổ-họng không nói ra được.

Còn chàng Xen-đôn, trông người choáng-váng, thẫn-thờ, hình ra cái vẻ hoạt-tượng của sự thất-vọng.

— Lạc-lan cô-nương ơi, đầu mặt tôi đương choáng-váng... Tôi xin hỏi lại, tôi đã làm điều gì không phải với cô-nương ? Dẫu sao mặc lòng, cũng xin cô-nương nói rõ cho tôi biết chứ.

— Thế tôn-ông chả đã nói với tôi rằng tôn-ông không bằng lòng cho phép tôi đi sang Gu-vu-tu đấy ư ?

— Cái đó là quyền tôi.

— Quyền của tôn-ông ư ? Dù tôn-ông cũng vậy, mà tất cả các người đàn-ông khác cũng vậy, không ai có quyền gì cho phép tôi hay cấm-đoán tôi một điều gì hết. Tôi không còn ở cái tuổi cần phải đặt ở dưới một ông giám-hộ nữa. Vả nếu tôi xuất-thân đi đến quần-đảo Sa-lô-mông, chắc hẳn không cốt để tìm lấy một người giám-hộ đâu.

— Một kẻ trượng-phu có giáo-dục là người giám hộ giời sinh của bất cứ một người đàn-bà nào. Ấy nghĩa-vụ kẻ trượng-phu, là phải dẫn-dụ, giám-hộ người yếu-đuối.

— Vâng, nhưng tôi không phải là bất cứ một người đàn-bà nào, xin tôn-ông biết cho thế. Bây giờ, chả biết tôn-ông có rộng-lượng cho phép tôi nhờ người nhà tôn-ông đi gọi hộ tên Nô-át không ? Tôi muốn bảo nó cho ngay chiếc xuồng xuống bể. Hay là tôi phải thân chinh đi gọi lấy ?

(Còn nữa)

QUAN-TRỌNG THAY VIỆC TANG MA !

Trong quyển «Khối-tình» có chỗ nhà thi-sĩ Tản đà ví người đời như bọn tù bị đầy ra Côn-đảo, mà lúc một người chết tức là lúc người ấy được về. Bởi lẽ đó người còn khóc người mất.

Lại mới đây, trong Annam tạp-chí, thi-sĩ lại ví sự chết như miếng dò nóng Giời thưởng cho hết cả mọi người.

Vậy thì sự chết quan-trọng thay, mà sự tang-ma của người sống tiễn người khuất lại càng quan-trọng thay !

Ví dụ như ở Hà-Thành, bà con phần nhiều đều công-nhận rằng: việc tang-ma mà không dùng xe đòn của hiệu **TẾ-MỸ** thì kém hẳn về long-trọng Vì hiệu.

TẾ-MỸ

HOÀNG-QUANG-THINH & Cie

ở số 30 phố Bourret và

167, Bd Henri d'Orléans

LE GÉRANT : **Hoàng-Sĩ-Xuyến**

Succursale : Angle Rue Jacquin & Hoà-Mã (sau nghĩa-địa Saïgon)

cho thuê xe đám ma, xe tây, đòn ta, đủ các kiểu rất đẹp, lại nhận cả mọi việc khai báo, xin phép, xin đất, giá rất rẻ.

Le Gérant : Hoàng-Sĩ-Xuyến

ở góc phố Jacquin và Hoà-Mã cạnh nhà rượu, sau nghĩa-địa Saigon.

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa dâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khi hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, bắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu rang, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

DƯ'-MỸ

Chủ nhân : NGUYỄN-VĂN-HOÀN

CỰU CHỦ NHÂN CÁC NHÀ :

TẾ-MỸ, PHÚC-TƯỜNG, AN-LINH

Sở chính : 10, phố hàng Quạt

Sở phụ : 69, phố hàng Giầu

Quản-lý : NGUYỄN-TUẤN-GỴ

CHO THUÊ XE, ĐÒN ĐÁM MA

BÁN VÒNG HOA CƯỜM

GIÁ RẺ HƠN CÁC HIỆU ĐƯỢC PHẦN NỬA

LẤY VIỆC CHUYÊN MÔN VÀ SỰ CẨN KIỆM ĐỂ GIÚP CÁC TANG GIA

Khai báo, xin phép và bảo ban không lấy tiền.

學美號 殯車馬 出賃局 賣花圈 價大賤 開報事 不取費錢

河內

正所行劄街十號

附所

油街六十九號

Tản-Đà thư-cục đại tiên-hành quảng-cáo

Các sách của **Tản-đà thư-cục**, từ năm **1932** này giở đi, thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Hiện đưa tại nhà in :

1.— **Tản-đà văn-tập quyển nhất**. (Luận-thuyết-loại. — Tức các văn ở hai quyển *Khối-tình bản chính và bản phụ* khi xưa, hợp in làm một. Có « lời tựa chung các sách của Tản-đà thư-cục » in ở đầu.

2.— **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại.— Chuyện này hợp với *Kiếp phong-trần* cùng in làm một quyển, mà lấy theo ba chữ đây làm tên.)

Các giá bán lẻ và bán buôn như sao, sẽ có tiếp-tục tường-cáo.

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

THUỐC HAY !

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thi-nghiệm của Laboratoire Hanoi mỗi liều. . . . . 0$10

Bánh cam tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm mỗi hộp. . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại

VINH-HƯNG-TƯƠNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Nhà máy gạo Đinh-Bưởi

72, phố hàng Khoai Hanoi,

gạo tốt, giá rẻ, hạng nào cũng có,

mua bao nhiêu cũng sẵn.

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi.

8/5/1932

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 36

NGÀY 9 AVRIL 1932

安南雜誌

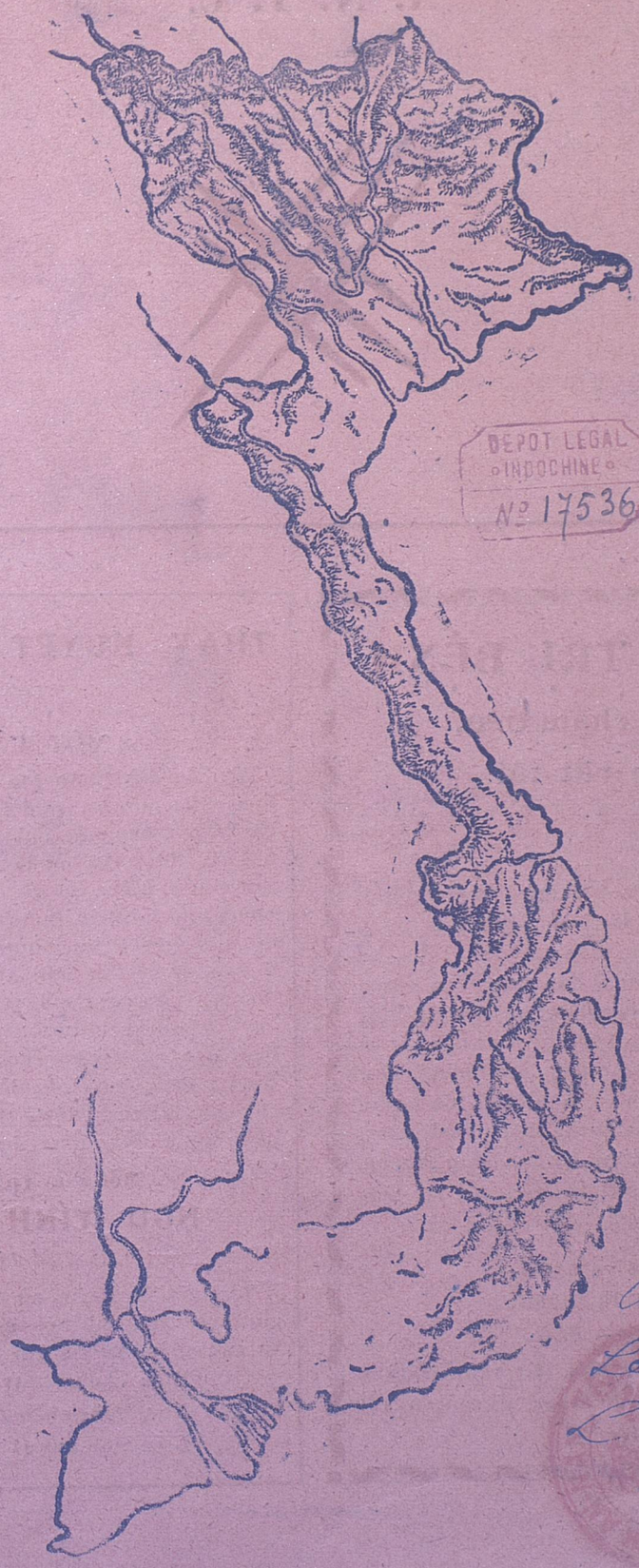

DÉPOT LÉGAL
RÉPUBLIQUE FRANÇAISE
TONKIN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 17536

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . . 5$00
Nửa năm . . . 2,60
Một số 0,10

Dépot légal
Le 9 Avril 19
L'Administrateur-Gér

GIÉL. SENTR.
HANOI
C 119

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Vì Nhà nước đổi lại các số nhà ở Phố hàng Khoai, vậy Bản-quán vẫn ở nhà cũ, mà từ nay là số 72.

Xin độc-giả chư vị chú-ý

A. N. T. C.

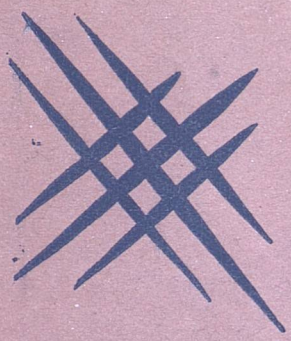

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thầy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, đầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**

No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khi huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiên-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

CẢM-TƯỞNG VỀ CUỘC TRUNG-NHẬT XUNG-ĐỘT

Vì có sự bất-bình trong cuộc giao-tế, mà hai người thành ra xô-sát nhau; cũng vì có sự bất-hòa trên trường quốc-tế, mà hai nước phải gặp nhau trên chỗ chiến-trường. Vậy cái nguyên-nhân sự chiến-tranh, cổ kim đông tây, bao giờ cũng có thế, nhưng các phương-pháp chiến-tranh, thì đời nay so với đời xưa, xa cách nhau nhiều lắm.

Từ ngày khoa-học phát-minh, cái nghề giết người cũng nhờ đấy mỗi ngày một cải-lương biến-hóa, có chỗ trí-thức người ta không thể sao tưởng-tượng tới được. Các khí-cụ giết người, kể ra thật thiên hình vạn-trạng, nhưng tóm lại, cái chỗ người Thái-tây sở dĩ hơn người, và khác người, là nhờ ở sự chiến-tranh bằng khoa-học và ở những điều học-thức tinh-thông về nghề binh.

Đời xưa, các binh-khí dùng vào sự chiến-trận, chẳng qua chỉ quanh quẩn ở mấy thứ cung tên gươm giáo mà thôi. Ngày nay thì súng đạn tầu xe, chế ra không biết bao nhiêu là thứ, lại thêm tầu ngầm, tầu bay, khói độc, hơi ngạt, đều là các khí-cụ chiến-tranh rất lợi hại; thành cao hào xâu, có thể phút-chốc bóa ra đất bằng, vạn mã thiên binh, có thể chớp mắt thành ra núi thây sông máu. Đó tức là khoa-học chiến-tranh.

Đời xưa, các tay danh-tướng, phần nhiều là những bực trí dũng giời sinh, tập cũng không thể đến, học cũng không thể biết được.

Đời nay, thì nào là lục-quân, nào là hải-quân, nào là không quân, các quốc-gia đã lập sẵn ra biết bao là trường-học, để cho các tướng sĩ có chỗ mà học-tập thao-luyện lấy các khoa-học cần-thiết về sự hành-binh. Ngoài ra lại đặt ra các cuộc tập trận, các việc thao-diễn, để cho tướng sĩ có thể đem các điều sở-học ra mà thí-nghiệm. Đó tức là học-thức chiến-tranh.

Từ ngày Đông Tây gặp nhau, nước Nhật mau chân nhanh bước, biết sớm cùng các nước Âu-Tây theo-đuổi về phương-diện ấy, cho nên kể về đường võ-bị, nay đã nghiễm nhiên chiếm một chỗ ngồi trong chiếu các cường-quốc trên hoàn-cầu. Còn nước Trung-hoa, ngay từ cuối đời nhà Mãn-Thanh, cho đến ngày nay chính-phủ quốc-dân, cũng đã lục-tục thiết-lập ra các xưởng binh-khí, các xưởng tầu chiến và các sở máy bay, thế là về bên khoa-học chiến-tranh, cũng có ý muốn cố theo-đòi cho kịp các nước Âu Mỹ. Một đằng lại lập ra các trường võ-bị, các trường thủy, lục, không quân, các sở quan quân giảng-tập, thế là về đường quân-sự học-thức, cũng có ý muốn cố luyện-tập cho các quân sĩ, có đủ tư-cách để tùng-sự trong chỗ chiến-trường.

Tuy vậy, các nhà đương-cục, phần nhiều không có thực-tâm, các người thừa-hành, lại không có đủ tài-lực để đối-phó với chức-vụ; lại thêm trong mấy năm gần đây, cái vạ tranh giành quyền-thế, sâu sẻ lẫn nhau, lại thường thường thấy xảy ra, cho nên các công cuộc cải-cách, hình-thức thì có, mà thực-hiệu, thì mười chưa được một. Xa trông các nước Âu Mỹ, gần so với anh láng giềng Nhật-bản, thật là còn khác nhau một vực một giời.

Nay nhất-đán cùng nhau ra đọ tài thi sức ở chỗ chiến-trường, thì cái chỗ được thua hơn kém, tưởng không cần nhờ đến nhà tiên-tri, mới đoán trước được. Viên Thủy-sư Đô-đốc Nhật tuyên-ngôn «trong ba giờ, lấy được Thượng-hải», tưởng không phải là nhời nói ngoa.

Tuy-nhiên, cái chỗ người Nhật được, là ở chỗ ta trông thấy, mà cái chỗ người Tàu có thể không thua, là ở chỗ ta không trông thấy. Cứ lấy tâm-lý sự chiến-tranh mà nói, thì khoa-học chiến-tranh, chẳng qua chỉ là vật-chất;

quân-sự học-thức, chẳng qua chỉ là tử-pháp mà thôi. Nếu chỉ cạy ở vật-chất mà không có tinh-thần, nếu chỉ bằng ở tử-pháp mà không có hoạt-pháp, thì cái vật-chất và cái tử-pháp đó, cũng chỉ là những đồ vô-dụng. Thày Mạnh-tử ngày xưa đã có nói rằng:« *Thành không phải là không cao, hào không phải là không xâu, gươm giáo không phải là không bền sắc, thóc gạo không phải là không đầy đủ: thế mà phải vứt đấy mà đi, ấy tức là cái lợi của địa-thế không bằng cái khí-hòa của lòng người vậy* ». Đó tức là cái trứng-nghiệm vật-chất không bằng tinh-thần. Xưa kia ngươi Triệu-Quát chỉ cầm-cụi đọc binh-thư của bố để lại, bà mẹ trông thấy chắc là khi ra trận thế nào cũng thua. Ngươi Mã-Tắc thông-hiểu hết các sách binh-thư, mà cũng bị bại trận ở Nhai-đình. Trong sách binh-thư có nói rằng: *còn cái sự đem vận-dụng* (các điều sở học) *ra cho được khéo-léo, đó là bằng ở cái bụng nghĩ của người ta.* Đó tức là bảo rằng tử-pháp không bằng hoạt-pháp vậy.

Nay ta đem những lý-thuyết ấy mà luật vào việc đạo quân 19 của Trung-hoa trống lại với quân Nhật ở Thượng-hải mới rồi, thì sự thắng lợi của quân Trung-hoa, thật không đáng lấy gì làm lạ. Nói về binh-khí, thì ngoài mấy thứ súng tay, tạc-đạn và đại-đao, quân Trung-hoa, dễ thường không còn thứ nào khác nữa. Mà bên quân Nhật, thì về đường vật-chất, hẳn không còn thiếu một thứ gì. Vậy mà trống trọi lại được trong gần một tháng giời không chịu lui quân một bước. Không những thế, lại còn nhiều phen, làm cho quân Nhật phải khiếp đảm, mà cái tiếng đạo quân 19 đã lừng lẫy trên hoàn-cầu. Xem như trong lúc trống lại xe thiết-giáp, quân Tàu dám ùa nhau vào một tay túm lấy bánh xe, một tay ném tạc-đạn, mà đến nỗi bắt được cả mấy chiếc xe, thì đủ biết tinh-thần cảm-tử hăng-hái biết là thế nào! Ấy cũng nhờ ở cái tinh-thần ấy, nên mới bù lại được cái chỗ thua kém về bên vật-chất.

Nói về học-thức, thì các tướng tá nước Nhật, chắc không một người nào là không xuất-thân ở các trường võ-bị ra, không một người nào là không có một nền giáo-dục hoàn-toàn về quân-sự. Còn những người chủ-tướng đạo-quân 19 là ai? *Thái-đình-Khải*, tự-xưng từ năm 18 tuổi đi dầu quân, chưa từng đọc sách viết chữ bao giờ. Đàm-khải-Tú một tay lục làm xuất thân, tuy có biết chữ, nhưng cũng không từng ngồi qua ghế một trường binh-bị nào cả. Thế mà trong những khi công-kích đề-phòng, đều biết tùy cơ ứng-biến, mà không câu-nệ vì binh-thư binh-pháp. Xem như trong báo Tàu đăng rằng: các chiến-hào của đạo quân thứ 19, đều đắp giống như hình tổ-kiến, quân Nhật khó vượt qua được. Lại như những lúc người Nhật bắn đạn khói sang, thì hai vị Thái, Đàm cho quân-sĩ cởi trần truồng ra, rồi vác dao xông vào giết giặc. Những mưu mẹo ấy, có phải xem sách binh-thư hay học trường binh-bị mà nghĩ ra được đâu? Thế mới biết các thành-pháp về nghề dụng-binh, chẳng qua chỉ là tử-pháp, tất phải nhờ có hoạt-pháp tham vào mới được,

Hiện nay kết-quả cuộc Trung Nhật chiến-tranh, ta chưa có thể biết được, mà ta cũng không cần biết; song cứ bằng ở mấy cái triệu-trứng ở trên, ta có thể tin rằng hai điều vật-chất và tử-pháp, không thể đủ làm bằng chứng cho sự thua được ở trong việc chiến-tranh, mà một dân tộc, tuy hèn yếu, nhưng nếu còn tinh-thần muốn sống-còn ở dưới bóng mặt giời, thì cái vũ-lực mạnh đến đâu, cũng khó lòng bắt cho chết được.

Ngô-Thúc-Địch

書叢局書沱傘

Tản-Đà thư-cục tùng-thư

Tản-Đà Văn-Tập

Quyển nhất

đã in xong. — Giá bán : . . . **0$32**

Hai quyển: **Giấc mộng con, Đài gương kinh**

đã có người đem cho.

Đài gương truyện

Trần-ai tri-kỷ

Hai quyển này, ai có mà gửi cho, xin cám ơn và sẽ xin có tạ.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

CHƯƠNG TRÌNH NĂM NĂM MỚI

Chính-phủ Tô-Nga vừa công-bố bản chương-trình năm năm mới, tiếp theo bản chương-trình trước đã thực-hành được một phần lớn. Từ trước đến nay, chưa bao giờ công - nghệ Âu - châu gặp phải cảnh-ngộ khó-khăn lúng-túng như ngày nay; cái trường-hợp ấy, bản chương-trình mới này cố tìm cách lợi-dụng để làm cho tình-hình kinh-tế thế-giới ngày càng thêm bối-rối. Tuy kết-quả sự thi - hành bản chương-trình trước, không được mười phần tròn-vẹn đúng như điều ước-vọng của những người đã khởi-thảo ra, nhưng ai cũng phải công-nhận rằng sự thắng-lợi dở-dang ấy, cũng đã đủ đẩy nền kinh-tế Âu-châu vào cái tình hình khủng-hoảng hiện-thời. Vậy mà, cứ theo các phương-pháp hành-động của bản chương-trình mới này, cứ theo những số-mục những việc sản-xuất đã dự-định ở trong đó, ta có thể đoán rằng nếu cái chương-trình ấy mà thực-hành được một phần còn con, thì nền kinh-tế Âu-tây, hiện đương quằn-quại ở trong bước khó-khăn, sẽ khó lòng cất đầu ngẩng cổ lên được nữa. Đây, đại-khái mấy chỗ quan-yếu của bản chương-trình mới ấy :

Việc tổ-chức miền Đông-Nga

Trước hết, bản chương-trình mới dự-định, trong hạn từ năm 1933 đến năm 1937, làm cho các thuộc-địa của Tô-Nga ở Á-châu, cùng là các địa-hạt trên bờ bể Bắc băng-dương, hết thảy biến thành các ruộng đất cày-cấy và các khu-vực công-nghệ. Trừ nước Nga ra không kể, cứ riêng những lĩnh-thổ kia, diện-tích cũng gấp ba Âu-châu rồi. Một phần rộng những khu đất ấy, hiện nay còn toàn là rừng rậm. Những rừng ấy, rồi đây sẽ có sở chuyên-trách nghiên-cứu xem chỗ nào cần dùng đến thì để lại, còn thì sẽ bị phá đi, để lấy đất lập ra các xưởng công-nghệ của chính-phủ, cùng là các đồn-điền, các trại theo kiểu mới của Tô-Nga. Trước đây, ở Tây-bá-lợi-Á, người Nga đã có thể, trong một thời gian rất ngắn, thiết - lập được nhiều các khu-vực công-nghệ. Những thành-hiệu đã thu được, sẽ làm cho họ trông mong theo đuổi cái chính-sách kinh-tế ấy ở toàn hạt Tây-bá-lợi-Á và ở các thuộc-địa khác. Mục-đích các công-cuộc ấy, là cốt đem cái trung-tâm-điểm của nền công-nghệ Tô-Nga rời sang châu Á, ... Vì xứ Tây-bá-lợi-Á và các thuộc-địa khác của chính-phủ Nga sản-xuất ra rất nhiều than, khoáng-chất và than-trắng (sức nước chảy), nên chương-trình mới này dự-định lập ra rất nhiều các thành-phố công-nghệ lớn ở các nơi ấy để lợi-dụng lấy các vật sản thiên-nhiên. Hiện nay nước Nga mỗi năm sản-xuất ra có 75 triệu tấn than, nhưng cứ theo điều dự định thì trong năm năm nữa, số than ấy có lẽ tăng lên gấp bốn, nghĩa là sẽ lên tới 300 triệu tấn. Họ còn dự-định việc điện-hóa tất cả miền Đông-Nga. Hết năm năm, điện-lực của hai cơn sông Angare và Ienisseï sản-xuất ra, sẽ gấp hai mươi phần điện lực của con sông Dnieper bây giờ. Nói tóm lại, đến năm 1940, sức điện của nước Nga mà được đúng như điều dự định thì sẽ gấp hai nước Hoa-kỳ bây giờ.

Không có nhập-cảng nữa

Nhờ ở cái chương-trình quá to ấy, rồi đây một vài năm, nước Nga sẽ có thể tự chế ra được rất nhiều các thực-phẩm và các hàng-hóa khác. Vậy mục-đích quan-trọng nhất của bản chương-trình ấy, là làm cho nước Nga tránh được hết các thứ nhập-cảng. . . . . Rồi đây, không những họ không cần phải mua gì ở ngoài nữa, mà trái lại, họ còn có thể làm tràn ngập các thị trường Âu Mỹ, bằng những hóa-vật sản-xuất ở nước Nga . . . . . ta sẽ đợi xem cuộc « bán phá giá » bằng các chế-tạo phẩm ra sao ?

Mực sinh-hoạt sẽ tăng lên

Một điều đặc-sắc của bản chương-trình mới ấy, là chú-trọng về việc nâng cao mực sinh-hoạt của dân-chúng ! Họ tự xưng trong khoảng năm năm tới đây, sẽ tăng lên gấp mười các khoản nhật-dụng như mỡ thịt, rau, sữa và quần áo của mọi người, dù nông-dân hay công-nhân cũng vậy. Nhờ có sự tiến-bộ trong việc đem các máy-móc dùng vào nghề nông-phố, các nông-dân sẽ được đãi như các thợ-thuyền trong các xưởng công-nghệ, bởi vì lúc bấy giờ, các đồn điền, nông-sở, chẳng qua cũng chỉ là các xưởng máy chế-tạo ra các nông-phẩm mà thôi. Về khoản nông-nghiệp, chương-trình mới đã dự-định năm năm sẽ khai khẩn được 12 triệu mẫu ruộng mới có thể cày cấy được. Cũng thời gian ấy, các nông-súc sẽ tăng lên gấp bốn và số dầu hỏa sản-xuất ra được hàng năm cũng sẽ tăng lên gấp ba !

Còn tô-thuế thì sao?

Song, đó mới là những khoản dự-định. Cái chỗ cần-thiết nhất, là ta phải tự hỏi xem cái chương-trình quá to ấy, sẽ thực-hành ra sao và theo phương-pháp nào?

Chúng ta ai cũng biết rằng trong các việc giao-dịch của Tô-Nga với Liệt-cường, phần kết-quả không được thắng-lợi như điều sở-ước của những người lãnh-tụ Nga. Muốn cho việc kinh-tế được hoàn-bị, nước Nga còn cần phải mua các máy móc của ngoài vào, mà giá các máy móc ấy hiện nay cũng vẫn như hai ba năm về trước. Còn các hóa-vật của nước Nga sản-xuất ra để đem bán ra ngoài, dù là lúa, da, gỗ hay dầu hỏa cũng vậy, thì đều bị sụt giá xuống nhiều lắm. Cái chỗ chênh-lệch của bên chi-xuất với bên thu-nhập như thế, đã làm cho sổ dự-toán khó lòng giữ được mực chung-bình.

Về năm 1931, khoản thu trong sổ dự-toán có 20 nghìn 500 triệu Nga-kim mà năm nay, tăng 27 nghìn 500 triệu. Thế là chính-phủ Tô-Nga định tăng khoản thuế công lên 7 nghìn triệu. Đương lúc số lợi-tức các công việc gì cũng bị sút-kém, chả biết dân-chúng nước Nga có vui lòng gánh vác cái khoản thuế mới ấy không? . . . . .

Ngô-thúc-Địch

LƯỢC-KHẢO VỀ HẠM-ĐỘI

Hàng ngày chúng ta đọc báo thấy ở mục Nhật-Hoa xung đột, có những chữ Thiết-giáp, tuần-dương, phóng ngư lôi, vân vân, có nhẽ phần đông người, thứ nhất chị em phụ-nữ không hiểu ra sao cả. Đã không biết nghĩa các chữ đó thì tuy có đọc mà thực như không vậy.

Nghĩ như thế nên viết bài này gọi là lược khảo về Hạm-đội để công hiến những ai chưa biết.

Lập thành một hạm-đội, phải có những thứ này:

1.— Tầu Thiết-giáp (cuirassés).

2.— Tầu Tuần-dương (croiseur).

3.— Tầu phóng ngư-lôi (torpilleurs).

4.— Tầu phá phóng ngư-lôi (contre torpilleurs).

5.— Tiềm thủy-đĩnh (sous marins).

Các tầu ấy mỗi thứ như thế nào đây xin nói qua như sau.

Tầu thiết-giáp

Trong Hạm-đội thì tầu thiết-giáp quan-trọng hơn cả, mà hải-quân thì lấy Hạm-đội làm cơ-sở. Nếu có kẻ muốn bỏ tầu thiết-giáp, vì nó đắt tiền lắm và cũng khó tránh được tầu lặn hay phóng ngư-lôi đánh đắm thì thật là nhầm. Đã có hải-quân, tất cần phải có thiết-giáp. Cái công-dụng của thiết-giáp rất quan-trọng, nhiều khi gặp ngư-lôi, hay một hai quả bom trên tầu bay ném xuống cũng không hề gì. Nay muốn bỏ thiết-giáp chi bằng bỏ hẳn cả hải-quân đi chẳng hay hơn sao, nhưng muốn thế, phải đợi khi nào chủ-nghĩa hòa-bình đã thực-hiện mới được. Trái lại, cái họa chiến-tranh không ai ngăn được, thì thiết-giáp không những cần phải để, mà lại cần phải chế-tạo lại cho hoàn toàn, bởi vì trước hồi Âu-chiến, thiết-giáp, ngoài sự đề-phòng trái-phá đại-bác không e ngại gì nữa, nhưng nay còn có ngư-lôi, hỏa lôi-phục, bom và độc-khí kia mà! Đại khái muốn đề-phòng thiết-giáp khỏi bị trái-phá làm hại, thì dát sắt vào hông tầu là đủ, bởi trái-phá bao giờ cũng đi ngang quăng vào tầu, nhưng mà dát sắt như thế không được hoàn-toàn, vì làm cho tầu thêm nặng. Ngư-lôi và hỏa-lôi, thì bao giờ cũng cách mặt nước từ 3 đến 10 thước, nghĩa là vào khoảng giữa lườn tầu và thiết-giáp; vậy muốn tránh cho những thứ ấy không làm hại được, người ta phải làm nhiều buồng không vào khoảng ấy, nếu gặp ngư-lôi nổ thì khí bốc ra lan vào các buồng không, tự-nhiên mất hết mãnh-lực. Còn đề-phòng tầu bay ném bom thì có hai cách. 1.— Dát sắt trên sân tầu một cách rất kiên-cố, thế nhưng cũng có nhiều tầu bị bom nổ thấu qua cả lượt dát sắt xuống tận lườn tầu. 2.— Đặt nhiều pháo-đội trên tầu để máy bay không lại gần được. Cách này có lẽ diệu hơn, bởi không cho người ta đánh mình còn hơn để người ta đánh mà mình giữ. Việc đề-phòng độc-khí hiện chưa thực-hành, mới dự-định dùng cao-xu ngăn độc-khí mà thôi.

Đấy, tầu thiết-giáp phòng bị cẩn-thận như thế mà cũng không thể một mình ở trên mặt bể được, cần phải có các tầu khác giúp sức. Hải-quân cũng như lục-quân, lục-quân không phải chỉ toàn nhờ ở bộ-binh, kỵ-binh mà thành-công trong khi lâm trận, phải có đội thám-hiểm, đội dự-bị, vân vân để giúp sức, cho nên thiết-giáp cũng phải có tầu tuần-dương, tầu phóng ngư-lôi.

Tầu tuần-dương

Thứ tầu này dùng hoặc làm đạo tiền-khu cho tầu thiết-giáp, hoặc giúp sức cho tầu thiết-giáp trong khi giao-chiến, nhưng không chống nổi với thiết-giáp của địch-quân vì các cách đề-phòng sơ-sài lắm, chỉ có thể chống với đội tuần-dương và đội phóng ngư-lôi khác thôi. Cứ như sức bắn xa của pháo-đội ở thiết-giáp hạm, thì được độ 15, 20 cây số, nên phải nhờ tuần-dương hạm, để phá ngư-lôi đĩnh của địch-quân, bởi pháo-đội của tuần-dương hạm bắn mau và xa hơn. Tuần-dương hạm lại còn dùng để phá các tầu buôn của bên địch, song tưởng cách này tuy có hại to cho sự buôn bán của địch-quốc thật, nhưng không bằng chế-tạo một cách hoàn-bị hơn có thể phá được cả hạm-đội khác thì mấy lợi nhớn. Nếu chỉ cốt chạy cho nhanh, phạm-vi hành-động cho rộng mà thôi, thì vẫn còn là xoàng, cứ phải chốn luôn. Bởi thế mà trước hồi Âu-chiến, người ta đã tìm cách làm những tầu vừa là tuần-dương hạm, lại là thiết-giáp hạm nữa (croiseur cuirassé). Vậy hãy đợi sau này, nếu không may mà sẽ có chiến-tranh thì mấy biết sự công-dụng của nó thế nào.

Phóng ngư-lôi và Phá phóng ngư-lôi

Phóng ngư-lôi là một thứ tầu nhỏ chạy nhanh có đại-bác, trái phá và ngư-lôi, nếu gặp tầu nhớn ắt phải chạy. Dùng để phòng cho thiết-giáp hạm khỏi bị tiềm-thủy đĩnh đánh, để thám-hiểm, để thả ngư-lôi, để đánh trộm những khi địch quân vô ý, như phóng ngư lôi Nhật phá hạm đội Nga ở cửa Lữ-thuận ngày trước. Lại còn dùng làm các việc khác nữa như đi tìm tầu bị nạn hay tìm tiềm-thủy đĩnh.

Phá phóng ngư-lôi cùng tuần-dương hạm không khác nhau mấy. Ở nước Anh nếu trọng lượng 4000 tấn thì gọi là tuần-dương hạm, nhưng ở nước Pháp, những tầu 4000 tấn đều gọi là phá phóng ngư lôi. Thực ra, một chiếc tầu phá phóng ngư lôi của Pháp, nếu có đặt thêm pháo đội tinh-nhuệ, có thể địch được với tuần dương hạm của Anh. Đóng to lại hiềm một nỗi không tiện trong lúc chiến-tranh, lù lù ra dấy chỉ làm địch tốt cho địch quân, nên thường phóng ngư-lôi người ta không đóng chiếc nào quá 1300 tấn, bởi trọng lượng ít thì tầu mấy có thể bé được, mà có bé mấy dễ tránh trái phá lúc ban ngày, dễ lấp bóng khi ban đêm.

Tiềm thủy đĩnh

Thứ tầu này đã có người bàn nên bỏ đi, lại có người nói nên đóng thêm ra.

Thực ra, tiềm thủy đĩnh không phải dùng làm việc ở chỗ nào cũng được. Trong hồi Âu-chiến, tiềm-thủy đĩnh đã bị nhiều lần tầu bay và các tầu thủy khác đánh cho thua. Chỉ tiện một điều là không ai trông thấy, song cái tiện ấy một ngày một giảm đi vì người ta có dùng điện và nhiều lối khác để tìm được lối đi, vả chăng phạm-vi hành-động rất hẹp lại chạy rất chậm, cho nên hễ quân địch đã tìm thấy lối đi thì rất nguy hiểm khó thoát được. Cốt nhất, tiềm-thủy đĩnh là dùng khi phải giữ thế thủ. Còn ngoài sự đánh đắm các tầu buôn, cũng có thể dùng vào các việc khác như:canh phòng hạm đội quân địch, thả hỏa-lôi phục gần hạm đội quân địch, làm đạo tiền thám, đánh hạm đội quân địch.

Ai cũng muốn thắng quân địch, nên các hạm đội mỗi ngày đề phòng thêm cẩn mật, nào hỏa-lôi, nào giây điện, nào hạm đội thám hiểm, cho nên, nếu muốn cho có hiệu lực tiềm thủy đĩnh cần phải sửa đổi; phải đúc bằng đồng là một thứ loài kim không bị điện và đá nam châm hút được, phải cho bé, phải có thể ở hòn dưới nước được hai ba ngày, phải có đội tiền-thám mặc áo lặn xuống nước dẫn đường.

Ngoài những hạng tầu kể trên này còn có nhiều tầu nhỏ khác nữa.Như các tầu tuần dương hạng nhỏ để đề phòng bờ biển, các tầu thả hỏa-lôi, các tầu thu hỏa-lôi phục, (mouilleus de mines et dragueuds de mines), các tầu chiến nhỏ để báo tin và để thám hiểm (sloop et avisos) các tầu nhỏ chạy trong sông có súng đại bác (cannonnières).

Viết hết bài, tự nhiên sinh ra một mối cảm-tưởng : cảm-tưởng vì nhân-loại đã bị khoa-học giết hại một ngày một kịch-liệt. Hay Tạo-hóa đã sinh ra loài người lại bắt loài người phải nghĩ cách giết người cho chết bớt đi, kẻo mặt địa-cầu không đủ dung chăng!

ĐÁY BỂ MÒ VÀNG

Hiện nay, bên thành Nữu-ước, chính-phủ Mỹ hiện đương sắp sai một phái bộ đem một chiếc tầu ra quẫng bể, cách bờ đảo Ai-nhĩ-lan chừng 8 hải-lý để cử-hành việc mò-vớt những của-cải trôn ở chiếc tàu « Lusitinia », bị đánh đắm giữa hồi Âu-chiến. Cứ theo lời truyền-ngôn, thì ở trong chiếc tầu này, hiện có đến 15 triệu Mỹ-kim, vừa vàng vừa các đồ nữ-trang. Ngoài ra, lại còn có các giấy-má và thư-từ rất có giá-trị về lịch-sử. Cái máy dùng vào việc này do một nhà bác-vật Hoa-kỳ, tên là Simon Lake, phát-minh và chế-tạo ra, mà nay mới đem ra thi-nghiệm là lần đầu. Từ trước đến nay, những công-việc mò bể rất là nguy-hiểm, chỉ những người thật có sức-khỏe mới đảm-đang được. Vả, mỗi khi trên mặt bể có gió bão, thì không những các công-việc đang làm lại phải đình-hoãn, mà còn nguy-hiểm đến tính mạnh các người thủy thủ nữa. Nay nhờ được thứ máy mới phát-minh ra, những điều ngăn-trở ấy, đều có thể tránh được hết.

Phần chính cái máy này là một cái thang, dài ngắn tùy ý, có thể đi thông xuống đến tận đáy bể, chiếc thang này để vào trong một cái ống to bằng thép rộng đến 5 sải chân. Đầu trên cái ống buộc vào chiếc tầu trên mặt nước. Đầu dưới thông với một cái phòng ngắm. Ở phòng này, áp-lực không-khí vẫn bình-thường, các người làm việc có thể đứng ở đấy mà nhìn xét vị-trí cái tầu đắm và liệu-tính cung-cách làm việc thế nào cho tiện-lợi. Người ở trong buồng này, có thể dùng chuông rung hoặc giây nói để giao-thông với người trên tầu. Bên cạnh buồng, có một cái cửa máy để cho các người thủy-thủ có lối ra vào. Trước kia các người làm việc muốn nghỉ tất lại phải khó nhọc mới ngoi ngóp bò lên mặt nước. Bây giờ thì không thế. Trong buồng này sẽ có đèn sáng có ghế nằm, và đ các đồ dùng vặt, khi người thủy-thủ làm việc xong, có thể vào đấy, tháo hết mặt nạ, giầy và mũ ra để nghỉ ngơi. Vì thế, các người thủy-thủ sẽ cứ luân-chuyển thay tay nhau khi nghỉ khi làm, mà công việc không bị đình-hoãn. Lại vì cái ống thép này, muốn cho xuống sâu đến đâu cũng được, nên chỉ cốt chiếc tầu trên mặt nước cột neo cho thật vững, thì tuy trên biển có gió to bão lớn, mà công-việc ở dưới, có thể vẫn cứ làm lụng như thường.

Đó, đại-lược cái máy sắp đem thí-nghiệm về việc mò vớt tầu «Lusitinia». Hiện bây giờ, cái ống thép ấy đã tải sang Luân-đôn, để đợi chính-phủ Anh khám nghiệm và cho phép, công-cuộc này sẽ ủy cho một phái-bộ do viện đại-uý Railey quản-đốc, nhà bác-vật Lake cũng sẽ cùng đi để trông coi về bên máy móc. Phái-bộ còn định dùng thứ máy ảnh riêng, để chụp lấy các hình ở dưới nước.

Nếu công việc thí-nghiệm này được kết-quả mỹ-mãn, thì người ta sẽ có thể trông mong cướp lại ở tay Hải-thần biết bao là kho của hiện đương trôn vùi ở dưới đáy bể, mà cái câu «*mò vàng đáy bể*» sẽ không phải là một câu nói viển-vông nữa.

Mai-khê

Ông Briand! Ông tướng Hòa Bình! Nhà ngoại-giao đại tài của nước Pháp! Đã từ trần rồi, ta còn hy-vọng Hòa Bình được nữa chăng! Kìa cái cảnh sông máu núi thây diễn ở bên kia biên-giới nước ta, có phải là kết quả cuộc hòa-bình ư! Hội quốc-tế liên-minh có dẹp tắt được ngọn lửa chiến tranh không? Trái lại, thì những chiến hạm nói trên này sẽ được một phen vùng vẫy trên các mặt biển tha hồ đua sức thi tài, để thực hành cái công dụng phá của giết người. Cái công dụng của cái tầu chiến lần này còn kịch liệt, kịch-liệt quá sức người thường đã tưởng. Ôi! vấn đề tài giảm hải-quân! Mặt thực chỉ thấy tăng, tăng mãi, rồi lại phá đi, cũng một lẽ đương nhiên tránh sao được!

L. T.

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

10

Chúng tôi không cần gì tìm kiếm thêm bạn chơi, chẳng có thế, có dịp nào chơi với trẻ con khác chúng tôi cũng bỏ qua. Lúc nào chúng tôi đi ra đường, trông thấy những trẻ khác nô chơi, không có ước-ao được theo chúng nó tí nào. Tình bè bạn của hai chúng tôi đối với nhau chan-chứa trong lòng, cho nên hai đứa cứ được cùng đứng với nhau, là những cái thích rất tầm-thường cũng đủ biến ra làm kỳ-thú.

Chẳng lúc nào chúng tôi rời nhau một bước, cũng vì thế người ngoài sau để ý đến ; vả cái cặp ấy, một em tôi thì cao lênh khênh một tôi thì bé loắt choắt, họp cùng nhau coi nó cũng ngộ nghĩnh. Em tôi mặt dài mà thon thon nhỏ ti, quắt lại như quả táo luộc chín, bộ coi nhu-nhược, dáng lại thẫn-thờ, khiến cho trẻ con hàng phố nó chỉ muốn trêu ghẹo. Chúng nó lấy tiếng riêng đặt cho em tôi một cái huy-hiệu, rồi hễ trông thấy chúng tôi bước chân ra phố là cứ rầm rĩ nghe thấy cái huy-hiệu ấy. Em tôi xem có vẻ thản-nhiên hơn tôi, cứ mặc — Nhưng tôi thì cắu lắm, chỉ muốn đánh nhau – Tụi trẻ sỏ-lá chính cũng trỉ muốn thế — Tôi ục nhau với chúng, chúng ục lại tôi, em tôi, tội-nghiệp, cũng hộ-chiến hết sức, nhưng yếu quá, chúng đấm cho một cái đủ ngã ; thế là tôi lại càng phát khùng. Thế nhưng họ tuy đánh tôi cũng cẩn-thận, nhưng họ trêu là trêu em tôi mà thôi ; nhưng tôi bênh lại càng sinh lắm truyện, đến nỗi về sau chúng tôi có muốn ra khỏi nhà thì phải đợi lúc nào học trò đi học, «cánh» kia nó bận ở nhà trường thì chúng tôi mới ra phố, kẻo sợ chúng nó réo và đuổi !

Đó là tôi đã bắt đầu muốn làm tay hiệp sĩ, đã bênh kẻ yếu vậy. Muốn nên một trang hiệp-sĩ hoàn-toàn, chỉ còn thiếu có một vị ý-trung nhân. Thì bỗng đâu hóa ra tôi có những hai ý-trung-nhân một lúc... Cha tôi đã về dọn hàng ở một tỉnh nhỏ xứ Vô (*Vaud*) là tỉnh Ny-ông (*Nyon*). Thỉnh thoảng tôi thường về thăm cha tôi ở đó. Cả tỉnh Ny-ông quý mến cha tôi, cái cảm-tình ấy tôi cũng được nhờ vào đó, mỗi khi tôi về tỉnh ấy, ở vài bữa, là ai nấy gặp tôi đều vui-mừng, kẻ mời người đón. Nhất là một vị phu-nhân tên gọi *Vinh-sơn* (Vulson) thì rứt mực vuốt-ve tôi, mà,— thế này nữa mới là tuyệt thú-vị ! — cô tiểu-thư của phu-nhân lại cho tôi vào bực «nhân-tình» của cô. Lúc đó tôi mười một tuổi mà cô ta hai mươi hai, nói thế đủ hiểu cái « tình» kia là thế nào — Nhưng lạ gì thói gái lẳng lơ, phơi bầy ra những trò trẻ-con như chơi *poupées* vậy, mà phơi ra cốt để che mắt thế-gian cho người ta khỏi để-ý đến những các cậu công-tử mà cũng là đồ chơi của các ả ấy ; hoặc cốt để khiêu-tình các công-tử, tôrng thấy các cô đùa-cợt với đứa trẻ con, như lơi như lả, mà càng phải thèm - thuồng vì cái cảnh lả-lơi ! — Về phần tôi, đã hiểu đâu rằng tôi với cô *Vinh-sơn* sao có thể xứng đáng với nhau được ! tôi thấy trò chơi tưởng là sự thực, tôi hiến hết cả thân tôi, và trái tim tôi, mà nói cho phải tức là tôi hiến cả cái trí khôn của tôi, vì lúc ấy biết yêu-thương chỉ do trí khôn tưởng ra chứa phải là do tình-cảm thực ; tuy vậy, cũng là mê-mẩn vì tình, mà những khi say đắm, luống-cuống, hay là ghen hoặc giận điên cuồng, đã hóa ra bao nhiêu trò cười không ai trông mà nhịn được, không cười ngây-ngất.

Tôi xét tâm lý tôi, thấy về bên tình-tứ thì tôi từng biết hai thứ ái-tình thật khac nhau, thật là tình mà thật là có khác nhau, hai thứ đều nồng-nàn mà hai thứ đều không thể lẫn với cái tình thân-ái trong bè-bạn. Một đời tôi, đã từng chia xẻ ra làm bao độ mà mỗi độ lại qua một mối tình trong hai cái thứ ái-tình có tính-cách khác nhau ấy ; lại có nhiều thời-kỳ, tôi thấy trong lòng có cả hai thứ ái-tình. Ví dụ như trong cái thời kỳ tôi trẻ thơ nghỉ chơi ở *Nyon*, tôi vừa công-nhiên chiếm đoạt lấy *Vinh-sơn tiểu-thư* làm người của tôi — chiếm đoạt một cách thực là chuyên-chế đến nỗi trông thấy một người con giai nào lại gần tiểu-thư, là tôi không chịu được, — thế mà chính lúc ấy tôi lại vừa có một cô bạn «gái non» tên gọi *Ngô-tôn* (Goton), mà thường thường cùng thị ấy có những lúc đối-diện ái-ân, tuy gặp nhau chốc lát nhưng cái sự gặp nhau nó nồng-nàn, trong những lúc *Ngô-tôn* kia sẵn lòng làm kẻ thày giậy tôi ; chỉ có thế thôi. . . . Mà riêng đối với tôi, thì thật tưởng như ái-ân chỉ có đến thế là tuyệt phẩm, — hạnh-phúc chỉ được đến thế là tột bực — nhân tôi lại đã hiểu cái giá-trị của những nỗi riêng, việc kín — dù tôi có nỗi riêng chung bí-mật gì, chẳng qua chỉ là nỗi lòng ngây thơ của con trẻ — tôi liền đối-phó với cô tiểu thư họ *Vinh-sơn* cũng theo như phương-pháp cô đối với tôi, cô có ngờ đâu, cô dụng công che mắt tôi mà giấu-diếm những tình-riêng của cô cùng nhiều kẻ khác, thì tôi, tôi cũng biết dụng công mà giấu cô cái tình riêng của tôi với gái *Ngô-Tôn*.

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng
dịch

Bài-trừ cái nạn Phan-Khôi ở Nam-kỳ, cùng bài « Tống-nho với phụ-nữ »

Sẽ tiếp theo ở kỳ tới là số 37.

BẢN-CHÍ

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi

Nguyễn-khắc-Hiếu

TỤC CHO CỦA CON GIAI HƠN CON GÁI

Theo như điều thứ 320 trong bộ Dân-luật hiện đương thi hành tại các tòa Nam-án xứ Bắc-kỳ, thì «người cha được lập ra chúc-thư để xử-trí tài-sản của mình tùy theo ý mình, nhưng phải giữ quyền lợi cho người vợ, và nếu chính mình là thừa tự thì lại phải trao của hương. hỏa, để lưu truyền việc phụng-tự tổ tiên cho người thừa-tự theo luật định».

Trong điều này nhà làm luật chỉ có ý bênh-vực lợi-quyền cho người vợ và người thừa-tự, được căn hương hỏa của người đứng làm chúc-thư, còn quyền-lợi của các người con khác thì không thấy nói đến. Thành ra người cha đứng làm chúc-thư, được tự-do muốn cho con nào bao nhiêu thì cho. Mà ở xứ mình hiện nay vẫn còn có cái tục bất công là cho của con gái ít hơn con giai. Ở trong cái xã-hội khinh con gái trọng con giai này thì tục ấy là một nhẽ tất nhiên.

Nhà làm luật ở xứ ta từ trước đến nay thường vẫn hay dựa theo những phong-tục trong nước mà đặt ra các bản luật. Có nhiều phong-tục không hợp với thời-thế nữa, mà cũng vẫn được lấy làm chuẩn-đích.

Xem như người con gái ở xứ ta, trong việc hưởng gia-tài, vẫn chịu nhiều sự thiệt thòi, mà vẫn không thể vin vào điều luật nào, để đòi lấy thêm quyền-lợi được. Tục trong nước đã kể «con gái là con người ta», nên người đứng làm chúc-thư thường chỉ cho con gái phần của rất nhỏ đối với phần của cho con giai, mà có khi lại không cho gì hết, chính pháp-luật cũng cho phép người đứng làm chúc-thư được truất quyền một người con nào tùy ý. Người con bị truất quyền thì không được hưởng một phần gia-tài nào cả.

Nói tóm lại thì nhà làm luật muốn để toàn-quyền cho người đứng làm chúc thư, vì của tư-hữu vẫn được kể là rất đáng trọng không ai được xâm phạm đến. Tục cho của con gái ít hơn con giai cũng nhờ đó mà lưu-hành mãi được. Nhưng, nếu pháp-luật can-thiệp vào việc này thì sẽ có nhiều người kêu rằng: đó cũng là một điều xâm phạm đến của tư-hữu. Họ không xét rằng: việc giữ cho của tư hữu được toàn vẹn là một việc rất khó. Xem như những thứ thuế về lợi-tức, về việc hưởng gia-tài, mà ở bên Pháp, chính-phủ đánh cũng khá cao, đều có thể gọi là xâm-phạm đến của tư-hữu được, nhưng không mấy người dám chê là không hợp thời.

Nếu nay pháp-luật can-thiệp đến việc làm chúc-thư để bênh vực lợi quyền cho người con gái, thì tưởng cũng không phải là một điều có hại. Điều thứ 337 của bộ Dân-luật Bắc-kỳ là một điều luật rất công bằng, nhưng chỉ nói riêng về những di-sản không có chúc-thư mà thôi. Theo điều luật này thì «những di-sản không có chúc-thư, truyền sang cho con người mệnh một, *con trai con gái đều được chia của bằng nhau*»

Nhưng, phần nhiều di-sản to ở xứ ta là có chúc-thư, mà phần của về con gái thì thường rất nhỏ. Những, nhà làm chúc-thư thiên lệch như thế, là bởi họ hàng viện lẽ rằng: con gái đi lấy chồng là thuộc về họ nhà chồng rồi, đã được «nương tựa» vào chồng rồi thì sao lại dám đòi của bằng con giai...

Đó là một ý-tưởng rất gàn dở và thủ cựu. Coi «con gái là con người ta», vì con gái không suốt đời ở nhà với mình chăng? Đời nay, vì cách sinh-hoạt bó buộc, nên chính con giai, nhiều khi cũng phải ở riêng, chứ không thể ở chung mãi với bố mẹ như đời cổ được. Còn như nói rằng con gái đã được «nương tựa» vào chồng thì chẳng khác gì bảo con gái cứ hòng ỷ-lại cả vào chồng mà sinh-nhai.

Phần nhiều người nước ta, vẫn cho việc đàn bà chỉ biết trông vào cái lương của chồng, hay cái số lợi của chồng làm ra, để sống là một việc tất-nhiên, không có gì hại cả. Họ vẫn coi người đàn bà vào bậc thấp kém mà chính người chồng cũng chẳng muốn cho vợ có nghề gì riêng, hoặc giữ của riêng. Có vậy thì mới dễ sai khiến và muốn làm nhục vợ thế nào thì làm...

Chỉ khi nào người đàn bà có độc lập về phương-diện kinh-tế thì mới hòng ngang vai với đàn ông được. Hiện nay tuy chưa có sức làm được nghề riêng, nhưng nếu được hưởng của thừa-kế bằng với con giai, thì cũng đỡ ỷ-lại cả vào chồng. Nếu người vợ có một cái kỷ-phần để làm tăng thêm tài-sản chung của gia-đình, thì người chồng dẫu bất-nhân cũng không thể coi vợ là người ăn bám vào mình được. Ta nên bỏ cái tục cho của con gái ít hơn con giai vì nó làm giảm mất cái giá-trị của bạn phụ-nữ, và bó buộc họ phải chịu cái tiếng xấu «*ăn hại*», khi gặp phải người chồng ác-nghiệt.

Trần-đình-Trúc

NÊN BIẾT PHÁP LUẬT

Để giữ quyền lợi, để tỏ nỗi oan

Anh em! muốn khỏi phải mắc lừa, nhận kỹ tên sau này: M. *Joseph* **Trần-đình-Trúc** *Luật-Khoa cử-nhân* trường Đại-học Paris, cố-vấn pháp-luật.

Số 16 phố Hà-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi

1° Giúp việc kiện cáo, đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, xin tại ngoại hậu cứu, tạm tha, ân xá v.v...

2° Thay quyền nhà buôn, làm sổ sách và quảng-cáo.

3° Quản lý nhà cho thuê và đồn điền.

Ở xa muốn làm đơn từ bằng chữ tây

cứ viết thư đến bản sở. (Ai muốn nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho trạng sư tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi cứ đến, vì không phải giả tiền).

CÁI GƯƠNG SÁNG CỦA ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG NGÀY TRƯỚC

Ba nghìn năm về trước, xứ Ai-cập nhờ có bể và bãi sa-mạc vây bọc xung quanh, không bị ảnh-hưởng ngoại-quốc, bỗng gây thành một nền văn-minh rực-rỡ. Nền văn-minh ấy là một nền văn-minh trọng nữ-quyền. La-mã, trừ đời vua Sévères, Hoa-kỳ, trừ đời Thống-lĩnh Wilson, tưởng không nơi nào đàn-bà chiếm được cái địa-vị như là ở nước Ai-cập lúc ấy.

Về đường chính-trị đàn-bà cũng có đủ quyền như đàn ông. Đàn-bà lại hơn đàn ông cái quyền làm chủ trong nhà. Đàn bà cai-quản hết thảy các con cái, có khi lại cai-quản cả chồng nữa. Một người thợ đi làm thuê được ít tiền, cuối tháng phải khúm-núm đem cả về cho vợ. Suốt tự nhà quan-cách cho chi nhà thường dân nhất luật do đàn bà làm chủ.

Luật-pháp cũng công-nhận sự độc-lập của đàn-bà. Một nhà khảo-cứu chuyên-môn về luật Ai-cập đã nói: «người đàn bà có quyền mua bán, ký giấy tờ đối với luật-pháp không cần xin phép chồng»; bao nhiêu gia-tư điền-sản, đều là của vợ, chồng không được sơ mó đến. Xem thế đủ biết chị em Ai-cập lúc ấy, lại còn có nhiều quyền hơn chị em nữ-lưu bây giờ.

Bình-đẳng về chính trị, bình-đẳng về xã-hội, gia-đình. Khi nhà vua chết bất cứ con giai hay con gái, đều có quyền nối-nghiệp, bởi thế ở Ai-cập ngày xưa, thường có cái tục con vua nhiều khi chị lấy cả em, để cho tiện việc thừa-kế. Nếu vua chết không có con giai thì Hoàng-hậu được lên kế-nghiệp thay mặt cho các con trị-vì thiên-hạ.

Ấy thế mà trong bọn quần-hồng yếm thắm Ai-cập, đã sản-xuất biết bao là bậc minh-quân hiền-tể, đã từng làm vẻ-vang cho lịch-sử nước họ. Trong bọn ấy Hoàng-hậu Hatasou là người có tài thao-lược hơn hết. Hoàng-hậu có đủ tư-cách một vị đại-hoàng-đế. Hoàng-hậu đã từng đem quân đi chinh-phục các nơi để tìm kiếm vàng ngọc châu báu. Thủy quân của Hoàng-hậu có phen đã vượt biển xa-khơi, lần về đến tận Á-lạp-bá và Ấn-độ, khi trở về nước, họ lại có đem theo được rất nhiều của cải cây cối. Những thứ cây ấy chính tay Hoàng-hậu trồng tỉa vun tưới lấy. Nhờ có Hoàng-hậu mà nước Ai-cập khi ấy nắm được cái then chốt kinh-tế của hoàn-cầu chính Hoàng-hậu là người đã xướng ra cái thuyết mở mang thị-trường Ấn-độ và các xứ Viễn-đông là một cái chính-sách về sau các nước Anh, Pháp, cũng đều công-nhận là hay là đúng.

Ta hãy từ giã hoàng-cung, là nơi sản-xuất ra các vị yếm thắm khăn là, vàng đeo ngọc dát, mà ngó đến ngay túp cỏ lều ranh, là nơi chỉ sản-xuất ra những hạng quần nâu áo vải, thì ta khác thấy quý-tộc hay bình-dân, chị em Ai-cập lúc ấy đều có thể đảm đang những cái nhiệm-vụ làm dân hết thảy. Xem một truyện sau đây làm bằng chứng.

Trong khi đào ngôi mộ một viện chức trong thời cổ đế-quốc, người ta có thấy hình một người tên là Amten. Theo ý-kiến một nhà sử-học về nước Ai-cập thì Amten là một người đàn bà chứ không phải là đàn ông như có người đã ngộ nhận.

Amten là con gái một nhà làm nghề biên-tập, nhờ có cha giới thiệu, cô ta được vào làm một chân trong bộ biên-tập. Cô ta người thông-minh dĩnh-ngộ, các ông đồng-sự ai cũng quý-mến. Cô đã từng làm qua hết các bực trong hoạn-giới. Sau cô bỏ bộ Trung-ương mà được bổ đi làm phó Toàn-quyền một địa-hạt. Trong địa-hạt cô cai-trị, cô hết sức trổ tài. Nhà vua thấy thế, liền cho thăng chức Toàn-quyền, chức toàn-quyền đây phải kiêm cả văn lẫn võ. Không bao lâu cô được giữ ấn Nguyên-soái, chỉ-huy các đạo quân coi các cửa ải miền Tây. Cô làm được đầy đủ bổn phận nên được ân-thưởng, luôn luôn. Sau cô được đứng đầu hàng cai-trị một tỉnh trọng-yếu, có quyền chỉ-huy hết thảy các đạo quân đóng rải rắc ở miền hạ Ai-cập, ngăn-ngừa không cho những quân giặc ở bãi sa-mạc tràn vào. Nhà vua có ban cho cô một khu đất tốt làm thái-ấp, cùng là lâu đài để ở. Đến sau cô chết một cách rất vẻ vang.

Một cái sự nghiệp của cô Amten đủ chứng tỏ 5 nghìn năm trước Tây-lịch kỷ-nguyên, chị em Ai-cập đã được hưởng đủ các thứ quyền công-dân. Đời Trung-cổ về sau cũng có những vị công-chúa, đứng ra sai bảo quân lính dìn giữ những đất cát lâu-đài của ông cha để lại cho, hoặc như bà Jeanne d'Arc, gặp lúc quốc-thế đang nguy, giặc ngoài sắp thắng, phải đứng lên gióng trống phất cờ, xông pha trong đám mưa tên gió đạn, để lại một trang lịch-sử vẻ vang cho non sông tổ-quốc. Nhưng, đó toàn là những, người vì cảnh ngộ, vì thời thế mà làm nên. Còn như cô Amten xuất-thân từ một chức biên-tập cỏn con, chỉ lấy tài-đức riêng cố leo lên đến cái bậc thang cao nhất trong chính giới, làm nên danh-phận, há chẳng phải vì nước Ai-cập biết trọng nữ-quyền đó sao? Hà chẳng phải vì cô là người có đủ tài đức mà thực-hành nữ-quyền đó sao?

Sinh ở một nước biết trọng nữ-quyền, mà mình lại là người trí-khí cơ-mưu, tài năng đức hạnh, thì dù ở thời-đại nào cũng có người làm được những sự-nghiệp như cô. Còn vô-phúc sinh ở một nước, người ta chỉ coi mình như là món đồ chơi, một chút quyền cỏn con trong tay cũng không có, thì dù có đến trăm tai nghìn mắt, cũng không sao tránh khỏi cái tiếng «*ươn-hèn*». Trà-sơn

NHẮC LẠI CÂU CHUYỆN NƯỚC Ý

Ngày nay, nói đến thời-cục nước Ý, tức là nói đến Mussolini, nhà độc-tài lãnh-tụ đảng Áo-đen «Phát-xít» (1). Trong các việc hành-động của Mussolini gần đây, việc người ta chú-ý hơn hết là cuộc xung-đột với Giáo-hoàng Pie XI, cả về phương-diện tôn-giáo lẫn chính-trị.

Nhà độc-tài đành là tay ghê-gớm, nhưng Giáo-hoàng cũng chẳng phải tay vừa, cuộc xung-đột ngày thêm kịch-liệt.

Sau ngày hòa-giải ở điện Latran, người ta tưởng Giáo-hoàng với Mussolini không bao giờ để xẩy ra việc xô-xát nữa. Ngày 13-2-1929, Giáo-hoàng nói: « nhà lãnh-tụ đảng Phát-xít là người Giời cho để giúp tôi trong các việc cao-xa tot-ât »; đến ngày 13 tháng 5 năm ấy, lãnh-tụ đảng Phát-xít cũng tuyên-ngôn giữa nghị-viện: « Đức Giáo-hoàng thật là một vì giáo-chủ *của nước Ý-địa-lợi*, ngài thật đã hình-dung cho cái óc thực-tế rất bền-vững và cái trí sáng-kiến rất quả-quyết của dân mình. »

Thế mà ngờ đâu thời-kỳ khen nhau rất ngắn-ngủi. Tờ hợp-ước chưa kịp có chữ ký, cuộc xung-đột kịch-liệt bất-thình-lình đã xẩy ra. Bên điện Vatican (2), bên điện Quirinal (3), nộ-khí bốc lên ngùn-ngụt.

Nhà lãnh-tụ nói một cách quả-quyết, hơi có vẻ chế-nhạo: « Nhà-nước thực không hề nhượng bộ, mà đảng « Phát-xít » quyết nhiên phải chủ-trương hết thảy mọi việc, cả về đường vật-chất lẫn đường tinh-thần. Tinh-thần của dân nước phải hoàn-toàn là «Phát-xít», mà chỉ chú-trọng vào chủ-nghĩa « Phát-xít ». Đạo Gia-tô chỉ là phụ thêm vào thôi, chứ không thể nay lấy cớ dạy triết-học, mai lấy cớ dạy linh-hồn học, mà định « phỗng tay trên » được!

Ngay hôm sau 14 mai, trong một buổi diễn-thuyết, Giáo-hoàng đã đổi ngay dọng cũ, tự trách đã hợp-tác với nhà độc-tài. Muốn chữa thẹn, Giáo-hoàng tuyên-ngôn sở-dĩ phải hợp-tác là chỉ cốt đề-phòng một cái hại lớn hơn sẽ xẩy ra mà không thể được. «Nhưng đã đến việc cứu vớt linh-hồn ta cần có can-đảm đương-đường đánh nhau với quỷ»! Tội của nhà độc-tài lớn lắm, lớn nhất là tội chiếm-đoạt sự huấn-

Mussolini

luyện tinh-thần quốc-dân. Đành rằng Chính-phủ không thể nhẵng việc giáo-dục được, nhưng Chính-phủ chỉ cốt giúp cho phần gia-đình giáo-dục thôi. Chính-phủ phải chiều theo ý các người làm cha mẹ, mà hơn hết là phải kính-trọng cái quyền thiêng-liêng của Nhà-thờ»

Nhưng Mussolini chẳng vâng lời phán ấy. Ngày 25 mai ông cả tiếng tuyên-ngôn ở Thượng-nghị-viện: « Bước thấp xuống chút nữa, ta hãy nhìn thẳng vào sự thực của đời. Ở thời nay, bảo rằng việc giáo-dục chỉ trông vào gia-đình thật là sai hẳn với sự thực. Một bên kinh-tế thúc-bách, một bên sự vật-lộn hàng ngày sô-đẩy, cái gia-đình bây giờ phỏng còn dạy ai được nữa. Chỉ có Chính-phủ là đủ cách làm cho tròn phận-sự ấy thôi».

Rồi năm hôm sau, Pie XI viết bức thư ngỏ cho Giáo-chủ Gasparri, ngài than trách rằng nhà độc-tài đã quá xâm-lấn sang Gia-giáo. « Cái trách-nhiệm về sự giáo-dục, hoàn-toàn thuộc về Nhà-thờ chứ không phải về Chính-phủ».

Thế là hết cuộc thiệt-chiến đến cuộc bút-chiến. Mussolini cho ra sách « Các hợp-ước Latran », in hai bản diễn-thuyết của mình, trên đặt một đoạn mở đầu kịch-liệt, để tỏ ra rằng các hợp-ước ấy rất là cần-yếu.

Lập-tức, Giáo-hoàng viết bức thư nữa cho Giáo-chủ Gasparri, đề ngày 21 Juin, công-kích lại nhà lãnh-tụ « Phát-xít ».

Mấy hôm sau, nhân ngày lễ thánh Pierre, tờ báo Vita giovanile ở Vicence tỏ lời khen Giáo-hoàng: « Trừ ngài ra, không còn nhờ được ông thày nào mà ta có thể tìm thấy chân-lý; trừ cái hào-quang của ngài ra, ta không còn muốn được soi sáng bằng thứ ánh sáng nào; trừ cái nguồn của ngài ra, ta không còn muốn uống nước giếng nào nữa; vì chỉ một mình ngài có những then chốt bí-hiểm đưa ta vào cõi đời vĩnh-viễn, chẳng khác gì đức chúa Jésus. . . »

Số báo ấy bị tịch-biên hết sạch, vì cái tội « bề ngoài vờ khen ông vua Gia-tô-giáo, mà bề trong có ý tách thiếu-niên Gia-tô ra ngoài quyền-hạn Quốc-gia ».

Báo Osservatore romano phản-kháng kịch-liệt, nhưng vô-hiệu, các báo « Phát-xít » cãi lại lại kịch-liệt hơn.

Ngày 20 Juillet, cha Rosa viết trong tạp-chí Civilta catholica của mình, đem so-sánh hai Giáo-hoàng Pie XI với Pie VII và hai nhà độc-tài Mussolini với Napoléon, có ý nói ông này cũng đến lại như ông trước. Hai tháng sau một tờ nghị-

(1) Fascisme: đảng Quốc-gia liên-hiệp ở Ý. Đảng-viên đảng « Phát-xít » mặc áo lót mình đen nên còn gọi là «Chemises noires ».

(2) Điện của Giáo-hoàng.

(3) Điện của Mussolini.

định cất chức cha Rosa, mời cha sang Y-pha-nho dưỡng bệnh, nhưng trước ngày đi, cha Rosa lại nhận được của Pie XI chiếc mề-đay vàng.

Thế là bắt đầu vào cuộc hành-động kịch-liệt. Mussolini đổi bộ Học ra làm bộ Quốc-gia giáo-dục, để tỏ rằng Chính-phủ vừa có bổn-phận, vừa có quyền giáo-hóa dân-chúng.

8 hôm sau, hội «Thiếu-niên Gia-tô» ở Côme bị giải-tán, vì họ định tổ-chức cuộc kỷ-niệm ngày 20 Septembre — ngày lấy thành Rome. Nhờ có Giáo-hoàng hết sức can-thiệp, Hội mới lại được thành-lập nhưng phải hành-động ở ngoài quyền-hạn chính-trị.

... Trên đây, các việc đã xảy ra từ năm 1929.

Đến 1931, tình-thế càng thêm găng.

Chính-phủ «Phát-Xít» quyết chủ-trương hết mọi việc trong nước, lấy lẽ rằng: hiện nay Chính-phủ đã công-nhận cho đạo Gia-tô là quốc-giáo, đảng-viên «Phát-xít» đều theo Gia-tô thì còn cần gì phải có hội Gia-giáo nữa? Trái lại Giáo-hoàng tuyên-ngôn hết sức giữ lấy hội ấy như giữ con ngươi mình, «hội ấy thành-lập để làm cho rõ-rệt, cho bành-chướng, thực-hành và bênh-vực các chủ-nghĩa Gia-giáo trong đời sinh-hoạt của cá-nhân, của gia-đình và của xã-hội». Thì ra, hội ấy muốn thu hết thảy mọi việc vào trong quyền-hạn của mình.

Sau cùng, đôi bên châm-chước, Chính-phủ ký tờ hiệp-ước công-nhận các cơ-quan thuộc hội Gia-giáo đặt dưới quyền Nhà-thờ, mục-đích là làm cho bành-chướng và thực-hành các chủ-nghĩa Gia-giáo nhưng phải đứng bên ngoài vòng Chính-trị.

Ngoài vòng Chính-trị, mà *cổ-động và thực-hành chủ-nghĩa Gia-tô*, hai việc gần mâu-thuẫn hẳn. Đảng Gia-tô hẳn cũng muốn cho cánh mình thêm mạnh chứ? Vậy trên con đường hành-động tránh sao khỏi đụng-chạm với đảng «Áo-đen».

Chẳng bao lâu, trong hội Gia-giáo đã thấy có vô-số đảng-viên của đảng Dân-chúng (4) cũ, thành-thử hội Gia-giáo đương-nhiên thành địch-thủ của đảng «Phát-xít», lại bắt đầu hành-động bên trong tấm mộc Gia-tô. Có tin rằng: các hội-viên vẫn giao-thông với các nhà chính-trị xuất-đương, mà còn nhận cả mệnh-lệnh của Dom Sturzo nữa. Cuộc âm-mưu ấy cốt tỏ chủ-nghĩa mình khác hẳn chủ-nghĩa «Phát-xít», cố làm cho dân oán Chính-phủ mà nổi loạn đạp đổ đi.

Tin này tuy đã có cải-chính, nhưng cũng đủ tỏ cho ta biết cánh «Phát-xít» cũng «gờm» cánh Gia-tô lắm. Họ đã lập ra đoàn «thanh-niên» và đoàn «hướng-đạo» để liệu đối-phó lại. Mối ác-cảm ngày thêm to, nhất là Giáo-hoàng Pie XI lại có ý muốn tiêm-nhiễm vào óc dân-chúng chủ-nghĩa xã-hội của Giáo-hoàng Léon XIII. Trong giấy tuyên-cáo, cánh Gia-tô tỏ ý tận-tâm tận-lực giúp cho sự sinh-hoạt của quần-chúng hàng ngày.

Đó là mồi lửa châm vào thuốc súng.

«... Nói vậy chẳng hóa là bảo chính-phủ Phát-xít không đủ sức che-chở quần-chúng đó sao?...» Tờ báo Lavoro fascista ra ngày 26 Mars 1931 công-kích rất sỗ-sàng dữ-dội: «Thời-kỳ cách-mệnh hồng-bạch đã kết-liễu hẳn rồi... Chính-phủ Phát-xít không bao giờ chịu cho kẻ khác can-thiệp vào việc nội-trị của mình...» Rồi kỳ 14 Avril: «Hội Gia-giáo đã vượt khỏi hiệp-ước, táo-bạo kê vào chương-trình biết bao vấn-đề chính trị và kinh-tế, ta thử yên-tâm chờ xem họ sẽ hành-động ra thế nào.»

Vài hôm sau, công việc lại nổ tung lên. Ngày 18 Avril, diễn-thuyết ở Milan, ông Giurati, thư-ký chính-trị của đảng «Phát-xít» tỏ lời hậm-dọa ghê-gớm. Giáo-hoàng bèn viết thư ngỏ cho Giáo-chủ Shuster, có ý muốn đòi quyền-lợi của mình ở ngoài Xã-hội, để giữ thể-diện của đức Chúa-Giời và hạnh-phúc của các linh-hồn».

Bức thư này như chứng-nhận cho lời công-kích của báo Lavoro, cuộc xung-đột vì thế càng thêm kịch-liệt, nghiêm-trọng.

Đ. H. H.

(4) Đảng Dân-chúng của dom Sturzo lập lên mà Mussolini đạp đổ.

Rẻ công

Mới đây, một tờ báo tây có đăng tin một người trại-chủ ở Nam-phi-châu nuôi được đàn vượn lớn nó làm việc khoẻ gấp hai người ta.

Lấy vật thay nhân-công không phải là việc lạ lùng gì:

Ở các bến Ấn-độ người ta thường thường thấy từng đàn voi khuân gỗ ở dưới tầu lên và sếp trên đất rất có thứ-tự.

Ở Nhật-bản các nhà trài lưới thường nuôi từng đàn cốc hàng ngày xuống hồ chuôm bắt cá bỏ lên thuyền.

Ở đảo Suy-ma-tờ-ra (Sumatra), người ta dạy khỉ hái dừa trên những cây cao trót-vót mà người không tài nào trèo lên được. Đàn khỉ ấy rất khôn, làm việc rất thạo, nó chỉ hái những quả chín thôi. Nhưng nó không chịu làm việc nhiều giờ hơn các bạn đồng-sự nhân-loại. 4 giờ chiều, cồng đánh, phu phen nghỉ tay, các con vật kia cũng vội-vàng trụt xuống gốc dừa, dù ông chủ vuốt-ve hay dọa-nạt thế nào, nó cũng không trèo lên nữa.

Trong viện sách

Xin giới-thiệu cùng các quý độc giả bốn quyển sách có ích:

1° Quyển «Việt-văn dẫn-giải» thứ nhất, tức Quốc-học tùng-san III, sưu-tập văn-thơ của tiên-nho mà dẫn-giải, do ông Trần-tuấn-Khải soạn và hiệu Nam-ký xuất bản, dày 60 trang giá 0$25;

2° «Luật trước-bạ mới» chép theo thể-lệ đương thi-hành, có nhiều thí-dụ và dẫn-giải của ông Nguyễn-quang-Thái, dày 90 trang giá 0$60;

3° «Nông-lâm Hóa-học kỹ nghệ» (Kỹ-nghệ tùng thư 1) của ông Phi-công-Tuất, giá bán 0$35, dạy cách làm đường, ép dầu mỡ, chế nến, sà-phòng, ruộm, hồ và tẩy vải vv...

4° «Công-nghệ tùng-thư» cuốn A dạy các nghề về «kim-khí và cơ-khí», trong có nhiều tranh vẽ, do Nhật-nam thư quán xuất-bản, giá 0$80.

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Nghệ-an.— Một tay đầu đảng Hội kín, Lê-xuân-Đào, tức Phương, tức Tâm, tức Đắc, quán ở Phù-xá (Hưng-nguyên) đã xướng ra cuộc biểu-tình ở Hưng-nguyên ngày tháng Août năm 1930, lại dự vào nhiều việc ám-sát trong vùng ấy, (như việc ám-sát Tú-Tình, chánh Đức v. v.) vẫn hành-động bấy lâu ngoài vòng pháp-luật, hôm trước đây bị vây ở Nam-Đàn. Đào rút súng lục ra kháng-cự, chẳng may bị một viên đạn của nhà chuyên-trách bắn trúng đầu ngã lăn ra chết.

— Trưa hôm 18 Mars. Sở mật-thám đến Nam-Đàn, khám nhà bà Xuân buôn bán ở làng Sài-bọc — Bà này có người con can án 9 năm tù về việc Hội-kín, hiện bị phát phối ở Nha-trang — Lúc ấy, 3 người trong buồng nhà bà vùng chạy, 2 người trốn thoát, 1 người bị bắt.

Hanoi.— Ngày 5-1-1932, một người đàn-bà tên Ng-thị-Tỵ 24 tuổi, quán làng Nhân-Mục (Thanh-trì) mang tờ biên-bản của một chi-bộ hội-kín, bị bắt ở Hanam. Ra trước tòa án Hanoi, thị Tỵ nhận đã vào đảng từ tháng 10 năm 1930, giữ việc giao-thông từ chợ Đầm đến chợ Mạc, nhưng không chịu khai các bạn đồng-chí. Tòa kết án 5 năm tù và 5 năm quản-thúc.

— Cũng phiên tòa ấy, Tòa xử lại việc hội-kín Nam-định. Các phạm-nhân (xem tạp-chí số 32) đều được giảm tội ít nhiều.

Tinh-thần cũ...

Haidương. — 22 tháng hai ta, xã Mỹ-long lập hội «Tư-văn». Lễ xong, cỗ ngả, ông Lý-Thể cầm miếng thịt gà ninh vừa bóc vừa gật-gù: «Thịt này chỉ các cụ ăn là sướng!»

Đầu mâm kia, anh em ông Hội-Bèo quay mắt nhìn, đáp một câu chua-chát: «Miếng thịt ngon vậy, nhưng được ăn cũng khó lắm, phải chơi?»

Thế là cãi nhau, thế là đánh nhau, rồi chiều hôm ấy đôi bên đại-chiến. Ông Lý-Thể bị hai nhát dao vào vai và mạng-mỡ, thở hắt ra một lúc rồi lìa trần, để lại 9 người con, 3 trai và 6 gái!

Một miếng giữa làng, một sàng só bếp, một câu tức-khí, một mạng người, một đời cơm cá mắm! Ôi, cái óc sôi-thịt bao giờ gột cho sạch? Bà con ai còn trọng nắm phần việc làng tưởng nên coi đó làm gương.

Đẻ ra chứng

Phan-Thiết. — Câu chuyện người đẻ ra chứng ta vẫn cho là một chuyện huyền-hồ trong Nam-sử. Nào ngờ, thời nay, ta cũng còn nghe thấy một đôi lần, tiếc vì không nhớ được để làm bản thống-kê.

Như hôm 8 Mars vừa đây, bà vợ ông Thi làm ở nhà giây-thép Lagi cũng đẻ ra chứng. Năm nay bà đã 50 tuổi, bà thấy đau mình, đón thầy thăm mạch, thầy nào cũng bảo là bà có thai, song bà không tin vì bà vẫn thấy tháng. Bệnh càng ngày càng nặng. Thầy thuốc bèn tiêm cho bà mấy mũi, bà thấy nhẹ-nhàng trong người, nhưng đến đêm thì bà sổ ra một bọc 32 quả chứng nhỏ, sổ xong bà ra huyết sản hậu mà thác liền. Tội nghiệp!

Nhiều kẻ mê-tín nói này nói khác, nhưng thiết-tưởng có lạ gì, đó cũng chỉ là một cái quái-thai.

Tin vắn

Qui-nhơn. — Ngày 17 Mars, thành phố Qui-nhơn ra chiều vắng-vẻ. Suốt các phố không có một cái xe kéo nào, phu xe đồng lòng nghỉ việc. Tại sao thế? Phần vì thuế nặng, phần vì ông cầm bắt xe đỗ ở một nơi ngoài châu-thành. Quan Sứ đã ra lệnh cho xe được qua lại thành phố như thường, phu xe lại rủ nhau ra... **kéo!**

Saigon.— Ba người mặc đồ xanh, da đen thủi, mạch-lô tầu Kouang-si lảng-vảng lên phố định bán «hàng» Hàng gì? — Súng sáu lậu! Chẳng ngờ sau lưng họ vẫn có mật-thám theo, đến đường De la Somme thì bị tóm; trong người còn khẩu súng lục và cái hộp bì.

NHẬT

Đảng Cờ-gấm

Nước Nhật từ đời Minh-trị duy-tân, tôn chuộng hiến-chính, dùng theo lối chính-trị hội-nghị chính-đảng, lập lên nền bá-chủ như ngày nay. Bấy lâu, hội Chính-hữu và đảng Dân-chính thay nhau lập tòa nội-các. Nhưng phái quân-nhân rất ghét chính-đảng, muốn gây nên một đảng chuyên-chính mới hả. Việc ấy ngấm ngầm đã lâu, họ cử Tái-nhân thân-vương làm lãnh-tụ, tổ-chức nên hội đồng-minh «cờ gấm», lấy cớ một là diệt Cộng như đảng «áo-đen» ở Ý; hai là nếu không cho quân-nhân toàn-quyền thì không thể làm việc được.

Nếu hội này thành-lập hẳn thì chính-cục Nhật sẽ có một phen hoán-cải lớn.

TRUNG-HOA

Trung-Nhật xung đột

Nhật đã bằng lòng rút quân về dần. Thế là tạm yên việc miền Nam.

Nhưng ở miền Bắc, súng đạn lại nổ dữ. Thanh thế quân dân Tàu ở Mãn-Châu rất to. Các lĩnh-tụ quân Hắc-Hà là Trịnh-chí-Viễn, Ngô-tùng-Sơn và Phạm-sùng-Cốc liên-kết với nhau, bầu Tô-bỉnh-Văn làm thủ-lĩnh, liên-lạc với đoàn quân Cát-Lâm hiện có 35 nghìn. Quân Nghĩa-dũng ở Nhiệt-hà hiện họp được 11 đạo, mỗi đạo 700 người, có tới 3 nghìn cây súng, tổng-chỉ-huy là Tất-chiếm-Nhật.

Đánh nhau tuy được có thua có, nhưng xét ra quân Tau vẫn thắng thế hơn. Ngày 17, quân cứu-quốc Hắc-hà lấy được huyện Kỳ-Kiền, 8000 quân nghĩa-dũng cướp được ga Thẩm-hải, tiến đánh đường Thông-liêu, huyện Hắc-sơn và Thẩm-dương. Ngày 21, Tàu thắng trận ở Tuy-Tung, rồi ngày 22, 23, tiến lên Cát-đôn, gặp quân Nhật hễ ít thì đánh, nhiều thì phá đường sắt mà chạy, làm cho quân Nhật

THỂ THAO

Dương hay Nứa ?

Dương, vô-địch Bắc-kỳ. Nứa, vô-địch Nam-kỳ. Hai hổ-tướng — Bạch-hổ và Hắc-hổ, song cùng là hổ cả — chiếm hai cái vô-địch ở đầu cuối dẫy núi Trường-sơn, làm cho bà con ước-ao : — Ai hơn ai nhỉ?

Chiều thứ năm trước, hai đấu-thủ chạm chán : Làm một việc nghĩa ; tranh cái cúp S. M. C.

Vì giời mưa, toan hoãn, nên người xem rất thưa. Hai *hổ* đấu nhau, khán-quan phần nhiều là con nhà *báo*.

Vào cuộc, trời ! thứ ban này là thứ ban «cứng». Chơi bằng ban ấy, nhà vô-địch B. K. từng thua Bính, Bút 6-0, 6-0, 6-0... Chẳng còn ngờ gì, cúp S. M. C. đã nhẹ-nhàng vào tay Nứa : 6/4 6/4.

— Vì Dương không quen chơi ban cứng, 3 giờ chiều mai tái-đấu.

Trọng-tài hò thế, nhưng Dương lắc-đầu. Phải, lắc-đầu là phải, ngậm bồ-hòn, rửa tiếng, nhà «anh-hùng» đợi dịp sau.

Chim hay Giao ?

Lại một câu hỏi nữa : Hai ông chùm trong làng quần-vợt An-nam ai hơn? Chim «cái tầm-sét bỗ ban si-mạt» sau ngày ở Pháp về tài cao gấp mấy trước, nhưng... 36 tuổi rồi ! Giao, «cái máy lấy ban» đã có lần tuyên- ngôn : «Tôi sẽ hạ anh Ba-Chim không khó !»

Chiều hôm chủ-nhật 3 Avril, trong sân quần C. S. A., Chim, Giao tranh giải thưởng đặc-biệt, ai được lấy cái lọ, ai thua lấy cái cốc.

Quan Toàn-quyền đến, hai người ra sân. 1A, 2A, 3A, 4A, Chim cứ gỡ mãi mà Giao cứ tiến hoài ; chơi có một «sét» thôi, có lẽ Chim bị hạ mất. Nhưng, kia trên bảng 4-5, Chim xóa con số trên thành 5-5,

Nứa

rồi xóa luôn cái nữa cướp lấy cái lọ. 6/5, hai tay cũng chẳng kém gì nhau mấy, nhưng Giao còn đang trẻ mà Chim 36 tuổi rồi. Chim nói :

— Tôi hy-vọng ở Dương

Quả vậy, Dương đáng hy-vọng lắm. Trong mấy ngày ra Bắc, Chim rất thân-yêu Dương thường luyện-tập cho, xem chừng Dương có nhiều tiến-bộ.

Nứa Ngươn và Bính Bút

Dự cup Afima có bốn người này đánh đơn thôi, vì Thường đau chân, chỉ đứng được với Nứa. Cúp Afima năm nay mới có, đặt ở sân quần Việt-Nam sau Giám, hôm chủ nhật tranh cúp, đấu-thủ Nam-kỳ có ba, đấu-thủ Bắc-kỳ có hai : Bính và Bút.

Bính, vì danh-tài còn gân sức mạnh ngón chơi còn xuất-sắc, đứng với Nứa không hề kém nhụt chút nào. Còn Bút, anh Dương, tuy đánh cũng khá nhưng địch sao nổi Nứa, lại vì không dai sức nên phải hạ vợt thua Ngươn "mạch-nha".

Kết-quả : Nứa hạ Bính 4-6, 6-4, 6-2, hạ Bút 6-0, 6-2, đứng với Thường hạ Bính Bút 10-8 và 6-4,

Ngươn hạ Bính 7-5, 7-5, đánh với Bút được hai hợp 2-6, 6-4 thì Bút bỏ.

☆☆☆

Năm ngoái, Chim Giao đi Pháp vắng, đấu-thủ Bắc-kỳ đặt chữ «toàn-thắng» vào cúp mang về Bắc: đến năm nay, Chim Giao có nhà đấu-thủ Nam-kỳ để lại chữ «đại-bại» mà ôm cúp về Nam. Việc thua được tuy là thường, nhưng bà con Bắc-hà ai không mong: «Bắc-kỳ phải có người địch-thủ với Chim Giao chứ!»

Nào ai đó, sang năm?

VIỆC NGHĨA

Chủ-nhật 10 Avril này :

Gánh hát Phước-cương sẽ diễn-giúp hội Tế-sinh

Đó là ngày cuối cùng cô Năm-Phỉ trổ tài ở Hanoi

đối-địch rất khốn-khổ, chết đến 200 người. Hôm 24, Tàu chiếm được Hải-lâm, Ninh-an, Hà-sa, chia năm đường vây đánh Nhất-diện-pha rất kịch-liệt. 25 Mars Nhất-diên-pha thất-thủ, quân Nhật chạy về Ô-cát-Mật. Một mặt, Lý-Đỗ đã cướp được Tân-huyện, đương chia quân đánh gấp Cáp-nhĩ-tân . . . . Đường sắt Trung-Đông nay đã thành nơi hỗn-chiến.

Hôm mới đây, Bản-Trang sai Mã-chiếm-Sơn cầm quân đi đánh, Mã vì thế-cô rụt-rè không dám đi, bị Bản-Trang dam trong lữ-đoàn Linh-Mộc đề báo thù cũ, nhờ Trương-cảnh-Huệ hết sức xin cho mới được tha.

Con giặt Mã là Tử-Nguyên vì giận cha, từ hồi trước đã đáp tầu Trung-Đông đi Âu-châudu-học . . .

Việc Đông-tam-tỉnh còn rắc-rối to, ngoài toán quân-dân nổi lên đánh Chính-phủ Mông-Mãn, bọn thổ-phỉ và cộng-sản còn nổi lên như ong. Nghe đâu Trương-học-Lương cũng có ngầm giúp binh-khí cho quân Nghĩa-dũng.

Lúc ấy, ở trước hội-đồng Quốc-liên, Đại-sứ Phương-Trạch nói :

« Trung Nhật nên thành-thực mưu hòa để khỏi có cuộc đạn-lửa tàn-khốc. Muốn vậy, chi bằng Trung-hoa bỏ hẳn công việc rắc-rối ở miền Đông đi là hơn ! »

Câu nói ngọt mới dễ nghe quá! Này, Tưởng-quang-Nại đương hét :

« Hễ Nhật cứ vơ lấy lợi, Tàu quyết đánh nhau đến kỳ cùng ! »

Bắc-kỳ thanh-niên *hay* Lạc-Long ?

Mấy cánh bóng-tròn cừ-khôi của Hà-thành ngày trước cứ bị loại dần, để nhường cho bạn-trẻ «Lạc-Long» vào đấu với « Jeunesse Tonkinoise » vô-địch Hải-cảng.

Thì ở Cảng hôm trước đây, Lạc-Long đã bị Jeunesse đè bẹp dưới tỷ-số 8-1 ; tuy trong cuộc ấy, có «mệnh giời» đôi chút mặc dầu, nhưng L. L. liệu sức cũng khó bề gò được Jeunesse. Cũng hôm chủ-nhật, trên bãi cột-cờ, hai cánh lại gặp nhau lần trót. Theo lời bình-phẩm của các bạn thể-thao, thì « tình thế gay-go, mà cuộc chơi lại có phần rời-rạc, mãi đến 5 phút trước khi tan cuộc, cái gôn thứ ba mới làm lệch cán cân tranh-đấu » J. T. được: 3-2.

Thế là trong 6 cuộc, đoàn «Bắc-kỳ Thanh-niên» chẳng nhường ai lấy một, thua 5 gôn mà được 21 gôn.

Dưới đây, theo kết-quả số gôn được thua, xin đặt bảng thứ-tự 6 đội bóng tròn hạng nhất :

1o) Jeunesse Tonkinoise, 2o) Lạc-Long 3o) Auto-Hall, 4o) Stade Hanoïen, 5o) Olympique và 6o) Eclair.

Mối cảm-tưởng về thơ ca của nước ta

(II)

Cứ các cái mỹ-thiện và năng-lực đã phô-diễn như trên, phàm đã là thơ ca tất phải có nhiều ít những cái đó, mới là có đặc-sắc mà kể là thơ ca hay. Nay cần lại suy-xét lên phần gốc ở trước nữa, thơ ca vì những đâu mà được có những cái mỹ-thiện và năng-lực như ấy, thời chỉ là ở *âm* và *vận*.

Chữ quốc-ngữ của ta, *âm* và *vận*, so với chữ nước khác, hãy nói như chữ Tàu, thì rất là giầu đủ và tách-bạch hơn. Ấy là cái đặc-điểm về phần gốc thơ ca của nước ta, mà cái đặc-sắc đối với cả Á, Âu, sau này, tức ở chỗ đó phát ra có rất nhiều tia sáng.

Không cứ chữ nước nào, nếu cứ chủ cứ nghĩa, thời tả tình, tả cảnh, chép sự-thực, nói nghĩa-lý, văn xuôi bao giờ cũng hơn là văn vần.

Văn vần mà có chỗ hơn văn xuôi, chỉ ở *âm* và *vận*. Vậy thời chữ của nước nào, *âm* và *vận* giầu đủ mà tách-bạch, ấy chính là phần gốc làm cho văn vần của nước ấy có thể hay. Nay xem như chữ quốc-ngữ của ta.

Chữ quốc-ngữ của ta, so với chữ các nước, một phần danh-từ (nom) thật kém hẳn. Vậy, về phần khoa-học, không cứ hiện nay, dẫu sau này theo được như các nước khác thực khó. Nói về *âm* và *vận*, thời chữ quốc-ngữ của ta so với chữ nước khác lại là giầu đủ, tách-bạch hơn. Nay hãy thử sánh với chữ Tàu, trước nói về « *vận* ».

Vần thơ ở chữ Tàu, cứ như người ta đọc, rất là hàm-hồ cẩu-thả, không tách-bạch chút nào. Xem như một vần *canh* (八庚), chữ 庚 *canh*, chữ 卿 *khanh*, chữ 行 *hành*, mà cùng đi một vần với nhau, so sang vần quốc-ngữ của ta, tức là đều gốc ở vần «*anh*» mà ra, như thế thời đúng.

Còn đến như :

Chữ 橫 *hoành*, chữ 鶯 *oanh*, chữ 宏 *hoành*, chữ 嚶 *doanh*, vân vân, mà cũng theo vào vần ấy; cứ ở quốc-ngữ ta thời những chữ ấy đều gốc ở một vần «*oanh*» mà ra.

Lại như: chữ 明 *minh*, chữ 貞 *trinh*, chữ 生 *sinh*, chữ 兵 *binh*, cũng theo vào vần ấy; cứ ở quốc-ngữ ta thời những chữ ấy đều gốc ở một vần «*inh*» mà ra.

Lại như: chữ 閃 *khuynh*, chữ 瓊 *quỳnh*, chữ 兄 *huynh*, cũng theo vào vần ấy; cứ ở quốc-ngữ ta thời những chữ ấy đều gốc ở một vần «*uynh*» mà ra.

Vần thơ trong chữ Tàu cẩu-thả hàm-hồ đã như thế; nay dẫu muốn dạy cho người muốn học nghề làm thơ, dùng vần thế nào cho là đúng, song không thể biết lấy đâu làm gốc.

Nếu ở quốc-ngữ ta, thời cứ vần «**anh**» làm gốc, mà chữ *canh*, chữ *khanh*, chữ *hành* đi với nhau làm vần, thế là đúng vần.

Vần «**oanh**» làm gốc, thời chữ *hoành*, chữ *doanh* cùng đi với nhau làm vần, thế là đúng vần.

Vần « **uynh** » làm gốc, thời chữ *khuynh*, chữ *quỳnh*, chữ *huynh* cùng đi với nhau làm vần, thế là đúng vần.

Vần «**inh**» làm gốc, thời chữ *minh* chữ *trinh*, chữ *sinh*, chữ *binh* cùng đi một vần, thế là đúng vần.

Trong các thơ ca của ta từ xưa đến nay, phần nhiều cũng có dùng vần *ai*, đi với vần « *ơi* » ; nhân vần « *ơi* », đi với cả vần « *ôi* », đi với cả vần « *ui* », đi với cả vần «*ươi*». Cho nên như chữ *ai*, chữ *người*, chữ *giời*, chữ *bồi-hồi*, chữ *ngậm-ngùi*, thường thấy đặt đi theo với nhau ở trong thơ ca, không cứ do những người mới tập làm thơ ca, dẫu đến cả như các bực tiền-bối trong quốc-văn, các hạng danh-nhân trong thi-đàn, mà một sự dùng vần như thế rất là thường, lại cũng không tự lấy làm kém

Muốn cho thơ ca của nước nhà có một ngày thật có đặc-sắc, xin nói kỹ về chỗ hơn kém của cách dùng vần.

Trong bài « *đề ảnh* » của tôi năm xưa, điệu *song-thất lục-bát*, hai câu kết cuối rằng :

« *Tràm năm ta lánh cõi trần,*
« *Nghìn nam mình giữ tinh-thần chớ phai* ».

Thường tự nghĩ riêng lấy làm hay.— Song vì câu bẩy chữ ở trên, là :

« *Mảnh gương chong đứng lại với tình* ».

Một chữ « *tình* » đó lạc vần quá, làm mất hết giá-trị của hai câu lục-bát ở cuối bài, như hai câu kia. Thật là một sự đáng tiếc !

Chữ lạc vần như thế, thời ai cũng rõ, mà ai nấy công-nhận là một câu văn kém trong làng thơ. — Còn những vần thông-dụng như kể ra trên kia, *ai*, *ơi*, *ôi*, *ui*, *ươi*, thời trong làng thơ ca ta từ trước đến nay, ai nấy đều công nhận là đúng. Nay theo như cái ý-nghĩ « *muốn thơ ca của nước nhà có một ngày thật có đặc-sắc* », thời trước hết

một sự *dùng vần* đó, nên chia làm có mấy đẳng-cấp, *thượng* 上, *trung* 中, *hạ* 下, khác nhau. Ví như:

Bài « *đề ảnh* » kia, phạm một chữ « *tình* » đó lạc vần quá, có thể đánh xuống làm *thơ ca hạ-đẳng* 下等詩歌.

Những thơ ca dẫn trên kia (đã đăng kỳ trước đây). 1. — Bốn câu thơ « *bia đá mai mòn . . .* ».— 2.— Câu lục bát « *năm năm, tháng tháng . . .* ».— 3.— Câu sẩm « *nước chong xanh . . .* » Rằng hay thời cũng là hay, cái giá-trị chỉ đáng được đứng vào *trung-đẳng* 中等. Vì: bốn câu thơ đó, chữ « *sương* » vần « *ương* » mà chữ « *vàng* » vần «*ang*», sao được là đúng vần! Hai câu lục-bát đó, chữ « *ngày* » vần « *ay* » mà chữ «*dầy*» vần «*ây*», cũng không là đúng vần! — Hai câu sẩm, chữ « *vàng* » vần « *ang* » mà chữ « *hoàng* » vần «*oang*», lại sao là đúng văn! Cho nên như mấy câu thơ ca đó, được đứng vào trung-đẳng, kể đã là theo một cách chấm rộng.

Nhân nghĩ thế, lại tìm mấy câu thơ ca thật đúng vần.

Trong quyển *Tỳ-bà-ký* của Tản-Đà thư-cục đã in ra năm xưa, tả cái thái-độ nhà ông Trạng-nguyên Sái-Ung, lời con nhài đưa ghẹo anh lính, có bốn câu thơ rằng:

« *Anh Hai ơi hỡi! hỡi anh Hai!*
« *Nghe nói hôm xưa được chuyến sai.*
« *Anh có yêu nhau thời phải nhớ:*
« *Khăn là đôi chiếc, cặp hoa tai!*»

Ba chữ «*Hai, sai, tai*» cùng gốc một vần « **ai** ». Thơ phải như thế mới là đúng vần.

Phong-dao thời như câu:

« *Muốn ăn rau sắng chùa Hương,*
« *Tiền đò ngại tốn, con đường ngại xa.*
« *Người đi, ta ở lại nhà,*
« *Cái rưa thời khú, cái cà thời thâm*».

Hai chữ « *Hương, đường* » cùng gốc một vần « **ương** »; ba chữ «*xa, nhà, cà*», cùng gốc một vần « **a** », lục-bát phải như thế mới là đúng vần.

Những lời tôi kể nói trên đây, cốt là để đem thơ ca của Tầu cùng thơ ca của ta cùng sánh nhau, cho thấy rằng thơ ca của ta có cái đặc-điểm làm gốc, tức như *sự dùng vần* đó là một. Muốn cho thật được đúng vần (vận) không khó gì, chỉ cứ nhận một vần gốc, rồi các chữ đặt vần ở trong câu đều theo đó mà đặt ra; tuy hơi phải dụng công, nhưng mành-mối rất rõ. Còn như thơ ca của Tầu, dẫu muốn dạy cho người ta được biết rõ thế nào là đúng, mà mành-mối không biết tìm vào đâu. — Kỳ sau đây sẽ nói đến « **âm** », cũng để rõ quốc-văn ta về món thơ ca, có chỗ hơn chữ nước Tầu, chữ nước Pháp.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Sông Trà trông trăng

Bến nước sông Trà lóng-lánh gương,
Con thuyền nhẻ-nhẹ cánh buồm dương.
Nhắn nhời xuống hỏi quan Hà-bá,
Sông nước ngày nay vẫn chủ-chương?

Phùng Vân-long
(Thái-Bình)

Phong-thi

Đồ-sơn có gió lưng-lưng
Có làn sóng nổi, có rừng thông reo,
Có cồn, có núi, có đèo,
Có thuyền giăng gió ta chèo ra khơi.

*
* *

Ta bước chân đi, góc biển, bên giời,
Ta đi ta nhớ con người ta yêu.
Nhớ ai tha-thướt yêu-kiều,
Nhớ ai sớm chiều, ta những ngẩn-ngơ.

Phương-Lang

Mai Thanh-Hồng
(Haidương)

Ai rằng Hà-nội là vui,
Riêng tôi Hà-nội là nơi ngục-hình.
Cũng toan ngoảnh mặt làm thinh,
Nhưng còn vướng nợ ba-sinh (1) hẹn-hò.

*
* *

Rủ nhau đi hội chùa Hương,
Hỏi xem địa-ngục thiên-đường làm sao.
Non xanh cỏ đón hoa chào.
Giải-oan rửa sạch biết bao bụi trần.

Trần-Bảo
(Sư chùa Tú-Uyên)

(1) «*Tam-sinh thạch-thượng cựu tinh-hồn*» là nghĩa bè-bạn, xin đừng hiểu nhầm là truyện tình ra ở sách Lục-đạo nhà Phật.

Nhớ cô lái đò

Cách sông mới phải lụy đò.
Hỡi! cô cầm lái, cô cho sang cùng.
Nước, mây, mà hóa tương phùng,
Ngày xuân ai dễ cầm lòng cho đang,
Cùng nhau trong giải tràng-giang,
Tấm lòng non nước, lại càng nước non.
Khi về còn gửi tấc son,
Nhớ người hôm ấy vừa ròn vừa xinh.
Răng đen ai nhuộm cho mình,
Để duyên mình thắm, để tình ta say.
Nhớ mình má đỏ hây hây,
Mắt xanh biêng-biếc, cổ tay trắng ngần.
Ước gì nên bạn Tấn, Tần,
Cùng nhau vui thú giang-tân cũng tình.
Chở chèo, ta với cô mình,
Lo gì lên thác xuống ghềnh chẳng xuôi.

Phạm-văn-Ban
(Instituteur Tiên-Lữ Hưng-Yên)

Lời người bán cam

(Dịch Cổ-văn, bài mại-cam-giả-ngôn của ông Lưu-Cơ, nguyên-văn là văn xuôi.)

Người bán quả chợ Hàng ranh-mãnh.
Khéo ủ cam, nóng lạnh chẳng hề.
Quả nào cũng tốt đẹp ghê!
Như vàng như ngọc khôn chê quả nào.
Mang ra chợ, nhao-nhao người hỏi;
Giá bao nhiêu đã nói là mua.
Nào ai biết ngọt hay chua,
Tôi trông thấy đẹp cũng mua xem nào.
Mới cắt ra, hơi phào lên mũi;
Bửa xem thì khô múi như bông.
Tôi xem thật cũng lạ-lùng;
Hỏi rằng «cam bán để dùng làm chi?
«Để đãi khách, hay vì cúng tế?
«Hay là riêng để dối người lòa?
«Bán hàng giả-dối thế a?
«Lương-tâm đến thế cũng là lương-tâm!»
Người bán cam cười ầm đáp lại;
«Nghề tôi đã chải mấy năm nay.
«Ấm no cũng bởi nghề này.
«Bán đâu hết đấy chẳng ai nói gì.
«Đời há dễ ngu-si không biết;
« Một mình ông tha-thiết phàn-nàn.

«Trò đời dối giả muôn vàn,
«Thử xem thiên-hạ chan chan thiếu gì!
«Kia ấn-tín ra uy hổ-trướng,
«Cũng đường đường đại-tướng uy-thanh.
Trông ra cũng bực can thành.
«Tô, Ngô thao-lược học hành có chăng?
«Nào, mũ áo nghênh-ngang võng lọng;
«Nghiệp Y, Cao mô-phỏng được chăng?
«Bốn-phương trộm cướp như vằng,
«Dân nghèo chẳng cứu, lại sằng vẫn dong.
«Đường hơn thiệt lòng không biết tính,
«Sếp vòng tròn, tháng lĩnh bao lương.
«Tháng ngày ngất-ngưởng công-đường.
«Miến ngon rượu ngọt chi nhường cho ai.
«Bác chẳng thấy người đời thế ấy:
«Tấn trò đời trông thấy mà đau.
Cũng là dối giả khác nào,
«Ngoài tuy vàng ngọc, trong bao bông nhầu.
«Sao ông chẳng xét câu chuyện đó,
«Xét làm chi việc nhỏ con con?»
Tôi nghe câu chuyện ôn tồn,
Ngậm-ngùi nín lặng biết còn nói sao.
Đông-Phương-Sóc khác nào còn sống,
Khéo tìm-tòi những giọng hoạt-kê.
Anh này thực cũng gớm-ghê!
Mượn mồm chú-lái mà chê chuyện đời.

Dịch-giả

Tây-Viên **Nguyễn-duy-Tường**

HÀI-VĂN

Nói dối

Nói dối là tính xấu, không nên nói dối, đi nói dối cha, về nhà nói dối chú, người mà dối giá thì ai cũng khinh và không ai tin.— Một ông giáo đương dạy con.

Bà giáo ngồi bên nghe chồng dạy con, vội ngắt nhời hỏi: cậu cũng còn nói dối như cuội, dạy sao được con?

— Tôi nói dối ai bao giờ? Mợ chỉ nói liều.

—Thế hôm nọ cậu đi đâu cả đêm? Về tôi hỏi dám bảo ở chơi nhà ông Kiểm!

—Sao mợ biết tôi không có ở đấy? Ai thèm nói dối?

— Thôi đi, tôi đã cho lại hỏi rồi còn ai lạ.

— Nhưng tôi tùy từng câu nói dối, mợ phải biết.

Thế thì cậu cũng nên dạy con rằng tùy từng câu nói dối, chứ sao cậu lại bảo con là không nên nói dối?

Đáp lời vợ bằng một chuỗi cười, hì hì hì. . .

Nam-chân

(Những Ngài nào chưa coi lời «Kính tường» ở Bản-chí số **34**, xin các Ngài coi qua.)

Thưa chung *các Ngài có bài gửi về mục « Thi-đàn giảng tập »*:

Nguyên mục này từ khi Bản-chí mở ra, trong lúc ở Bờ-Hồ và Nam-định, số bài gửi về lác-đác có ít, lại một nửa là những thơ bốn câu, mà những bài thơ ấy, có câu hơn, có chữ kém, cho nên sự giảng-tập dễ làm. Nghĩa là: đã đăng lên Tạp-chí, thời không những đối riêng với một người có bài ấy mà thôi, mà trong làng thơ phần nhiều có người đứng ngoài cuộc giảng-tập cũng để mắt, để ý. Bởi vậy mà việc giảng-tập trên *Thi-đàn* rất là phải có công-phu, phải cẩn-thận tường-tế, không cẩu-thả dối-dá mà làm cho qua đi được. Những bài gửi về, có câu hay, có chữ dở, thời về phần người làm việc giảng-tập cũng mới có nhiều hứng-thú để thuyết-minh từng chữ từng câu, và dụng công tìm chữ tìm lời để sửa đổi xếp đặt lại; về phần người có bài cùng người ở ngoài cuộc để mắt liệu cũng mới có ít nhiều hứng-thú trong lúc coi sự giảng-tập ấy. — Nếu bài thơ gửi về, trong tám câu không được câu nào hay mà chỗ dở nhiều quá, như thế thực không tiện đăng lên Tạp-chí nhiều nhẽ: một là về phần người làm việc giảng-tập trong Báo-quán thực khó có hứng-thú mà thuyết minh từng chữ từng câu, và tìm chữ tìm lời để sửa chữa xếp đặt; hai là về phần người có bài chỉ thấy chỗ kém của mình phơi ra ở Tạp-chí, mà không thấy được có câu nào là hay, như thế thời chắc lúc coi sự giảng-tập song, cũng ít có hứng-thú; ba là những bài thơ không có chút giá-trị mà nhất nhất đăng cả lên Thi-đàn, thời sự giảng-tập dù có công-phu tường-tế đến đâu, liệu cũng không có hứng-thú cho người ngoài cuộc để mắt.

Nghĩ như vậy, cho nên lâu nay trong Thi-đàn, bài gửi về giảng-tập có nhiều, mà sự giảng-tập làm ra được ít, thực có chỗ khó nghĩ cho phần trong Báo-quán như thế, không những vì thì-giờ ít ỏi mà thôi. Xin Chư-tôn thể-lượng mà không lấy làm phiền lòng, chúng tôi được hân-hạnh lắm lắm.

Lại như một chữ « *Thi* » trong mục Thi-đàn giảng-tập đó, tức là gồm nói cả thơ ca và các loài trong vận-văn, không cứ chỉ là lối thơ tám câu, thơ bốn câu mà thôi. Vậy mà cứ như các bài gửi về, thơ bốn câu hoặc có đôi bài, còn thời toàn là các bài thơ tám câu cả. Nghĩa chữ « *Thi-đàn* » mà nhận theo như thế thời hẹp quá, vậy xin có lời tường bạch để các bạn trong Thi-đàn ta cùng rõ, hoặc các ngài có gửi về những thơ bốn câu, phong-dao, lục-bát, vân vân.

Nay kính.

(*Xem thêm lời tường riêng ở phần dưới*).

Thưa chung các ngài có bài nối về bài *Tập-Kiều* trong Bản-chí số 33, xin đợi kỳ tới. — Nay kính.

***

Nhân vì nhẽ khó nghĩ trong việc Thi-đàn giảng-tập như đã tự-thuật ở phần trên, phần riêng tôi (*Nguyễn-khắc-Hiếu*) lại xin có lời thưa chung các ngài có bài gửi về mục « *Thi-đàn giảng-tập* » và có thư hỏi về việc « *Quốc-văn quảng-cáo* » rằng:

Nay các ngài đã có lòng quá yêu mà gửi bài về và viết thư hỏi như vậy; nếu tôi lấy vì cớ bận việc

cùng là lẽ khó-khăn trong sự giảng tập trên Thi-đàn, mà ít tính đến sự giảng-giải, như thế, thực không khỏi phụ lòng Chư-tôn. Vậy xin có mấy điều như sau, mong ai nấy để ý.

1. — Phàm những ngài nào có bài gửi về mục Thi-đàn, xét theo văn-lý của các bài ấy hợp đăng lên làm việc giảng-tập, thời xin nhất nhất không dám bỏ qua; duy hoặc chóng hoặc chậm, theo thì-giờ tiện-nghi. — Còn như bài nào không đủ văn-lý, để làm việc giảng-tập, thời coi như những bài lai-cáo không đăng, cũng là lệ thường trong Báo-giới xưa nay, xin ai nấy miễn trách.

2. — Ngoài một điều thứ nhất đó là công việc công-cộng trong mục *Thi-đàn* của *An-nam tạp-chí*, nếu ngài nào muốn theo chơi riêng với tôi về việc quốc-văn, thời xin có viết một phiến thư, cho được tỏ rằng sự giảng-tập đó không cẩu-thả.

3. — Cách giảng-tập tôi muốn đối với các Ngài về phần riêng: trừ những bài nào văn-lý đủ làm luôn theo việc giảng-tập trên Thi-đàn thời không cần phải có sự giải đáp riêng nữa; còn như những bài nào văn-lý hơi kém, không tiện làm ngay giảng-tập trên Thi-đàn, thời cứ xét theo câu nào hơn, chữ nào kém, tôi ghi chú ở riêng một phiến giấy dính theo với bài ấy mà gửi lại các ngài bằng phong-thư; về phần các ngài lại xét theo những chữ kém đó vì nhẽ gì, như lời tôi đã giải thuyết ở bên, mà tự mình sửa chữa lấy cho được hơn trước, rồi lần sau lại gửi tới Báo-quán, tôi sẽ liệu đăng làm công việc giảng-tập trên Thi-đàn.

4. — Trong sự gửi bài như vậy, về phần các Ngài nên có gửi theo một cái tem để dự-bị sự giải-đáp; hoặc bận ấy không dùng đến thời lưu lại dùng vào bận sau.

5. — Theo như công-việc làm như thế, về phần các Ngài có bài nên cũng nghĩ tới cái thì-giờ của tôi để ra có đôi chút trân-trọng. Trong một tháng, về phần tôi đối với Ngài nào, dù giảng giải được một bài thơ, ca, cũng không phải là không có công; về phần các Ngài, Ngài nào đối với tôi, dù hết năm gửi cho một gói trè, cũng không phải là không hậu ý. Miễn là các ngài đã có bài gửi đến, tôi không dám bỏ qua; mà Ngài nào đã có bụng theo chơi thời nên có bức thư viết riêng vậy.

Nay kính

☆☆☆

Thưa chung *các Ngài có thư hỏi về việc mua sách.*

Ông Tô-văn-Đặng, Instituteur à Gocông.

Ông Bửu-Huyến, Photo, Badồn.

Ông Nguyễn-hữu-Cương, Vụ-bản Nam-định.

. . . . . .

Các sách của tôi đều in ra đã lâu, gần đây không mấy quyển còn có để bán, hiện nay tôi mới định dồn xếp mà bắt đầu in lại một lượt, cũng nhiều quyển còn phải tìm tòi mới có được bản cũ để in. Vậy xin chiều theo lời thư của các ngài, nếu tôi có được những quyển nào, sẽ tiếp-tục gửi hầu các Ngài quyển ấy. Duy nên gửi theo cách nào ở Bưu-cục là tiện hơn, xin các Ngài cho biết; lại xin thường coi qua ở lời quảng-cáo của *Tản-Đà thư-cục ở An-Nam Tạp-Chí* từ số 34 về sau thời có những quyển nào hiện-tại, các ngài sẽ rõ cả.

Nay kính

Thưa chung các Ngài có thư cậy về việc làm văn:

Ông Đỗ-trọng-Liễn, Instituteur, Ecole de Plein exercice à Badon, cậy về việc làm *câu đối mừng* Song-nhạc cưới vợ cho con trai đầu.

Ông *Nguyễn-Mạn*, Lục-sự huyện Thanh-liêm, Ha-nam, cậy về việc *chữa giúp bài đề ảnh* cho một ông làm việc sở án tỉnh Ninh-bình về bức ảnh của ba ông quan đứng với nhau.

Thật là tôi ít có thì-giờ, xin các ngài miễn trách.

Nay kính

Còn các thư khác cần giả lời, xin tạm đợi kỳ tới.

Nay kính

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Óc thực-tế.— Ăn cơm mới, nói chuyện cũ, tuy thường là vô-vị, nhưng đây là một câu chuyện bên Hoa-kỳ.

Cái ông kỳ-quặc kia tên là Curtiss. Hôm ấy, bà Curtiss đi sang chơi Pháp, ông phải đưa vợ ra bến tầu.

Tầu đi. Ông bà chào nhau. Con tầu từ từ ra khơi, bà còn đứng trên cầu cầm mùi-xoa vẫy. Ông cũng vẫy chiếc «phu-la» đỏ.

Nhưng... chợt nhớ thì-giờ là vàng ngọc, ông quay lại hỏi một người «poóc-tơ»:

— Bác ơi, bác làm ơn giúp tôi một việc con, tôi xin biếu bác một «đô-la».

— Vâng, tôi xin sẵn lòng.

— Đây, bác làm ơn cầm hộ cái phu la này, bác cứ vẫy hoài cho đến lúc không trông thấy chiếc tầu kia đâu nữa. Nhà tôi chắc «en» không biết là ai, hễ «en» thấy cái phu-la phe phẩy là đủ rồi. Đây, bác cầm lấy cái «các» này nữa, chiều bác cầm phu-la đến, tôi xin đưa tiền.

Rồi ông Curtiss đi, để lại chàng «poóc-tơ» kia kiên-tâm đứng vẫy phu-la trên bờ biển.

Lùn. — Báo tây vừa đăng tin Sa-lim (Sheikh Salim) đến Âu-châu. Sa-lim, chắc các quý-độc-giả chưa biết. Chàng là người Ba-tư, sở-dĩ có tiếng *to* là vì chàng *nhỏ* nhất hoàn-cầu.

Các ngài thử tưởng-tượng một người cao có 48 phân tây đủ biết xưa nay không còn có ai lùn đến thế. Như chàng Ri-sơ-bua (Richebourg) người lùn của bà công-tước Đốc-lê-an (Duchesse d'Orléans) nổi tiếng thế mà cũng cao tới gần 6 tấc.

Chàng Sĩ-tác-tôn (Sherwood Stratton) cũng còn đội được khoảng không khí 80 phân tây trên mặt đất, hơn bác lùn Đinh-Lô (Dinloue) nước Nga hai phân. Nước ta cũng có một bác lùn nhiều người biết, thường giúp gánh xiếc Việt-Nam, giá đọ với chàng Sa-lim cũng cao hơn ít ra là gấp rưỡi.

Chàng Sa-lim năm này đã 50 tuổi nhưng chắc thọ số của chàng còn dài, vì người lùn thường sống lâu lắm. Ri-sơ-bua chết năm 92 tuổi, một người đàn-bà lùn tên Thu-vân (Th. Souvrey) chết năm 73 tuổi, và chàng lùn của hầu-tước Tô-ru-lạc-kỳ (Boruwlaski) chết năm 98.

EDISON, người mang 1.400 cái bằng cấp

Mới khoảng năm 1840 sấp lại, mấy tia-điện đầu tiên chiếu ra đời. Đến năm 1847, ngày 7 Février, người sai-khiến điện, ông Thomas Alva Edison xuất thế.

Các cụ đời trước của họ Edison đều hưởng thọ đến dư trăm tuổi. Cha ông là Samuel rất sốt-sắng về chính-trị, mẹ ông là bà Nancy Elliot, là một người đàn-bà Anh rất hiền-thục, học-thức cũng rộng hơn người. Ông Thomas là con thứ ba, hai anh ông, một người sinh về văn-chương, một người sinh về khoa-vẽ.

Nhà ông cũng là một nhà phong-lưu ở tỉnh Ohio, ông được đi học từ thủa bé. Nhưng ông học dốt lắm, có lần thầy-giáo gọi ông là «đứa óc rỗng», trong lớp anh em thường trút lại cho ông mẩu ghế còn thừa. Bà mẹ buồn lòng, bèn đem con về nhà săn-sóc lấy. Nhờ mẹ, năm 12 tuổi, ông đã vượt khỏi vòng sơ-học, đã bắt đầu đọc những sách khá cao, như «La-mã đế-quốc suy-nhược cấp kỳ duyệt-vong sử» của Gibbon, «Anh-cát-lợi sử» của Hume, «Tổng-quát sử» của Sear, «Sầu-cảm tích quan» của Robert Burton, «Khoa-học tự-điển», v. v. Có lần, bà lão đã toan cùng con chờn-vờn đến cả học-thuyết Newton, nhưng vì khó quá, cả trò lẫn thầy cùng phải bỏ.

Ganh đua với anh em trong bốn bức tường, tuy ông cứ phải đứng hàng «hậu-tập», nhưng cái tính tò-mò thích hiểu biết của ông lại ít ai bằng. Từ bé, ông đã mang mảnh óc khoa-học, ông đã thích xem máy-móc, đã thích làm tính-toán, và từ năm 11 tuổi, ông bắt đầu đọc sách hóa-học rất ham-mê.

Học phải thí-nghiệm mới thỏa-thích, mà thí-nghiệm lại phải cần vật-liệu, ông bèn quyết trí kiếm tiền: chẳng bao lâu đã thấy ông đi bán nhật-trình và rau-cỏ trên chuyến xe-lửa chạy từ Port-Huron đến Détroit, năm ấy, ông mới 12 tuổi!

Th.EDISON

Buôn bán cũng khá, mỗi ngày nhặt-nhạnh cũng được chín, mười đô-la, ông mua vật-liệu đem ngay lên toa xe mình thuê làm thí-nghiệm. Hàng ngày, cứ khi xe tới Détroit, ông lại vào thư-viện đọc sách rất chăm.

Năm 14 tuổi, ông lại cho ra đời tờ báo Weekly Herald. Một mình ông kiêm chức chủ-nhiệm chủ-bút, quản-lý, chủ nhà in, thợ xếp chữ, lại giữ nốt cả chân bán báo nữa. Đó là một tờ báo thứ nhất của thế-giới đã in ở trên tầu lại bán ở trên tầu, mỗi ngày ra 400 bản.

Việc làm báo chỉ là việc phụ, việc thí-nghiệm mới là việc chính. Lúc ấy, ông đã tự chế lấy «piles» để thí-nghiệm, và đã lập được nổi hai bàn giây thép có thể thông-tin cho người bạn bên láng-giềng.

Một buổi sáng kia về tháng tám năm 1862, ông liều chết cứu được con ông xếp-ga Mount-Clémens suýt bị tầu-hỏa nghiến, ông xếp-ga nhớ ơn bảo cho ông biết những chỗ bí-hiểm trong bàn giây-thép, ông lấy làm xung-xướng vô cùng.

Rồi chẳng bao lâu, cái nghề làm in báo của ông kết-liễu. Hôm ấy, tầu đương chạy ông đương làm thí nghiệm, bỗng đến chỗ đường xấu, đoàn xe bị rật mạnh, mảnh lân-tinh ở bàn thí-nghiệm rơi ngay xuống ván, lòe lửa cháy bùng lên.. Thầy xếp-tanh dập tắt được lửa rồi thẳng cánh cho ngay nhà khoa-học một cái tát nên thân. Rồi đến ga đầu tiên hắn mời ông đem máy xuống.

Vì cái tát ấy mà ông bị nghễnh-ngãng, nhưng cũng lại vì tật nghễnh-nghãng ấy mà ông nghĩ đến cách chữa máy truyền-thanh của điện-thoại và máy thu thanh của máy hát.

Khuân máy về nhà, ông còn làm nhật-trình trong ít ngày nữa rồi chuyên học về điện tín. Mỗi ngày làm việc 18 giờ không nghỉ, việc học của ông có tiến-bộ lạ-lùng, chẳng bao lâu đã chễm-chệ làm «thầy ký giây thép» của công-ty Grand Trunk, một thầy ký bé con mới 16 tuổi.

Giữ cái mảnh lương 25 đô-la một tháng, ông mừng thầm được chỗ yên thân học-hành và làm thí-nghiệm. Nhưng khốn nỗi các ông ký giây-thép không còn ai biết rõ mà giảng cho ông biết nữa. Trong quyển nhật ký ông viết: «Có một ông ký già người Anh dạy tôi: «Ví dụ như bác có một con chó Đức, người nó khá dài, dài từ Edimbourg đến Londres, nếu bác kéo đuôi nó ở Edimbourg thì nó sủa ở Londres». Tôi nhớ rất kỹ câu ấy nhưng không bao giờ tôi hiểu được cái gì chạy qua mình con chó hay nói cho đúng là chạy theo chiều dài sợi giây.

Giữa lúc nước Mỹ có chiến-tranh ông bị mất việc, phải đi làm thợ dong, lang-thang xuốt 5 năm giời nay đây mai đó. Sau hết ông đến tỉnh Boston, vào ở buồng Western Union. Ông sáng-chế ra máy bầu-cử năm 1869 và chiếm được cái bằng thứ nhất. Nhưng ông giám-khảo nói: «Thày ạ, nếu ở đời có một thứ máy gì sáng-chế ra mà chúng ta đây không cần đến, thì chính nó là cái máy này. Có một cái lợi-khí của phái thiểu-số ngăn bọn đa-số không được lạm thế làm càn, nghĩa là

cách gian-lậu trong sự bỏ phiếu, thì cái máy của thày ngăn đi mất!»

Chẳng nói, ai cũng hiểu được cái nỗi chán của nhà khoa-học đến bực nào.

Năm 1869, ông bị quẫn-bách lắm. Lang-thang lên kinh-thành Nữu-ước ông định chí mưu cho cuộc tương-lai phong-túc hơn lên. Một hôm, tình cờ đứng trong phòng ngân-hàng Gold Indicator Company, ông được chữa một cái máy rất phiền-phức dùng để báo cho các bạn hàng biết thời-giá lên xuống của vàng, ông chủ yêu tài mời ông vào trông coi công việc ấy, trả lương 300 đô-la một tháng. Được chỗ yên thân, ông Edison lại chuyên về điện-tín, ông tìm hết cách chữa cho máy đánh giây thép thêm hoàn-toàn và tìm cách đánh nhiều tin trong một lúc trên một đường dây. Ông giầu từ đó, mà tiếng tăm ông lừng-lẫy từ đó.

Khoảng này, trong nhật-ký, ông Edison chép một đoạn rất hay:

«Ông Lefferts cho gọi tôi đến bàn-giấy rồi bảo: «Nào, thay, ta giải-quyết cho song vấn-đề ấy đi. Nội các vật thày đã sáng chế ra, thày định đặt giá bao nhiêu tiền đấy?» Tôi nghĩ-ngợi một lát, liệu cái ngày-giờ và công-phu của tôi đã để vào đấy thật đáng giá đến 5 nghìn đô-la, nhưng nếu chỉ được 3 nghìn, tôi cũng lấy làm mãn-nguyện lắm. Song le, tôi không có can-đảm đánh giá một món tiền to như thế, tôi đáp: «Thưa ngài, cứ ý ngài, ngài định cho bao nhiêu?— 4 vạn đô-la, thày bằng lòng chứ?» Vừa nghe rứt, tôi tưởng chết ngất đi, tôi cố giữ cho bình tĩnh chỉ sợ ông nghe thấy trống ngực của tôi lúc ấy đương đập mạnh. Tôi bằng lòng. Ông Lefferts kết: «Hay lắm! Tôi sẽ bảo làm giấy giao-kèo, ba hôm nữa thày lại đây tôi xin đưa tiền.»

Thôi, từ ngày ấy trở đi, các vật sáng-chế của ông cứ nối nhau bước ra đời không rứt, mà ông Edison cũng không còn ngớ-ngẩn ở trong việc lập giao-kèo. Ông không những hơn người ở chỗ kiên-tâm làm việc, đương đầu ra vượt hết mọi nỗi khó-khăn, mà còn hơn người ở cả cách lấy tiền cho sứng-đáng nữa. (Bởi vậy, khác hẳn với phần nhiều nhà bác-học khác ở Âu-châu suốt đời cặm-cụi trong cảnh cùng-quẫn, ông Edison lại sống trong một cảnh rất phong-phú mà lúc thác, còn để lại cho vợ con cái gia-tài rất to.)

Đ. Huy-Hạo

DỊCH CỔ-VĂN

Chớ nên vẽ rắn thêm chân

Chiêu-Dương vâng lệnh vua nước Sở đi đánh nước Ngụy, phá quân giết tướng, hạ luôn được tám thành, nhân tiện đi binh sang đánh Tề. Ngươi Trần-Chẩn vì vua nước Tề đến hàu Chiêu-Dương. Lạy xong hai lạy để mừng thắng trận, Trần-Chẩn liền đứng dậy hỏi rằng: *theo pháp-lạnh nước Sở, có công phá quân giết tướng, thì được thưởng quan tước gì?* Chiêu-Dương trả lời rằng: *quan là thương Trụ-quốc, tước là thương Chấp-khuê.* Trần-Chẩn lại hỏi: *sang hơn thế nữa là chức tước gì?* Trả lời rằng: *chỉ còn chức Lạnh-doãn* (tể-tướng) *thôi.* Trần-Chẩn thưa rằng: *chức Lạnh-doãn là tuyệt sang rồi, mà nhà vua không có lẽ đặt hai quan lạnh-doãn. Vậy tôi xin vì Ngài ví một chuyện có được chăng? Nước Sở có người tế lễ, lễ xong đem cốc rượu ban cho lũ người nhà. Lũ này bảo nhau rằng: mấy người uống chung thì không đủ, một người uống riêng thì có thừa. Nay chúng ta cùng vạch đất vẽ con rắn, ai vẽ xong trước được uống rượu. Một người trong bọn vẽ rắn của mình xong trước nhất, tay cầm cốc rượu sắp uống. Bấy giờ tay trái nâng cốc, tay phải vạch đất nói rằng: ta có thể làm cho rắn có chân. Chàng ta vẽ chưa xong, thì một người khác vẽ vừa xong, cướp lấy cốc rượu mà nói rằng: rắn không bao giờ có chân, anh làm cho nó có chân thế nào được. Liền uống mất cốc rượu.* **Xem vậy những kẻ làm chân cho rắn, tất bị mất rượu.** *Nay ngài làm tướng nước Sở, đi đánh Ngụy phá quân giết tướng, hạ được tám thành, lại không e quân lính mỏi mệt, mà muốn rời sang đánh nước Tề. Vua tôi nước Tề sợ Ngài lắm! Danh tiếng của Ngài đến thế tướng cũng đủ lắm rồi. Còn quan tước to hơn nữa, thật không nên lấy làm trọng. Cái kẻ đánh đâu được đấy mà không biết thôi, thân mạnh sẽ chết quan-tước sẽ về tay người khác. Ấy, cũng tức như là vẽ rắn thêm chân vậy.*

Chiêu-Dương cho là phải kéo quân về.

Mai-khê *dịch*

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi mỗi liều. . . . . 0$10

Bánh cam tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm mỗi hộp. . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

11

Trà-sơn
dịch

Nói xong, cả hai người cùng đứng dậy, rồi cùng đứng sừng-sững ở giữa nhà, nàng Lạc-lan thì hai má đỏ gay, đôi mắt còn long lên đầy vẻ tức-giận; chàng Xen-đôn thì vẫn ra dáng lúng túng, buồn-bực và lo-nghĩ.

Tên mọi đen cũng đứng im như ông tượng đồng đen, ngơ-ngác, chẳng hiểu một tý gì về câu chuyện cãi-vã của hai người da trắng quái-gở; trong cặp mắt bình-tĩnh, hắn đương tưởng đến một làng kia ẩn nấp trong đám rừng rậm trên sườn núi, ở quần đảo Mã-lai-tạ; những đám khói xanh đương cuồn-cuộn ở mái các nhà-ranh bốc lên; mà ầm-ỳ ở phía chân giời xanh ngắt xa xa, một trận cuồng phong đương dục-dịch kéo đến.

Bỗng chốc, chàng Xen-đôn đánh bạo nói:

— Thật quả cứ theo lương-tâm tôi, cô-nương không thể làm một sự dại-dột như thế được...

— Ô hay, tôn-ông vẫn giữ cái giọng ấy!

Lên tiếng ung-dung dõng-dạc, chàng Xen-đôn đáp lại rằng:

— Nếu tôi phải nói như vậy, chắc cô-nương cũng biết cho rằng chỉ vì tấm-lòng tôi quý-mến cô-nương. Khi tôi bảo rằng tôi *cấm* không cho cô-nương đi sang Gu-vu-tu, chẳng qua cũng là một cách nói chuyện đó thôi, cái đó hẳn thế! Tôi cũng xin thú-thực rằng tôi không phải là người giám-hộ của cô-nương, thì tôi đâu dám sai-khiến hay cấm-đoán cô-nương. Vậy xin cô-nương cứ tự-tiện. Cô-nương cứ đi sang đấy hay đi đâu... cũng tùy ý. (Trong bụng chàng, có lẽ muốn nói cô bước đâu thì bước). Duy có một điều là: nếu cô-nương làm như thế, tôi sẽ lấy làm tiếc và rất lấy làm buồn-rầu. Đấy, cái chủ-ý của tôi là thế! Không khi nào, tôi lại lập-tâm muốn làm mếch lòng cô-nương. Nhưng chỉ vì cô là người Mỹ mà tôi là người Anh, câu chuyện rắc-rối xẩy ra là bởi đấy».

Nàng Lạc-lan bấy giờ cũng đã nguôi giận, mỉm cười rồi lại ngồi xuống ghế.

— Có lẽ tôi cũng hơi nóng tính thật. Nhưng bổn-tính tôi, không thể chịu được những điều bắt-buộc. Tôi yêu cái tự-do của tôi hơn hết thẩy các việc ở đời, cho nên những kẻ tự-ý coi mình như những người chúa-tể của tạo-hóa, mà muốn truyền phán cho tôi nên làm điều này hay không nên làm điều kia, thì tức-khắc làm cho tôi phát-điên lên. Chỗ đó là cái chỗ dễ kích-động nhất ở trong người tôi... Việt-bửu-ri, thôi cho mày xuống bếp mà đừng đi tìm Nô-át nữa... Bây giờ, thưa Xen-đôn tiên-sinh, theo tôn-kiến tôi nên quyết-định thế nào? Tiên-sinh đã không muốn dùng đến tôi ở đảo Bê-rang-đệ này, mà theo ý tiên-sinh, tôi lại không có thể đi một chỗ nào được nữa.

— Cô-nương nói chi quá lời thế. Trái lại, trong lòng tôi, vẫn âm-thầm cảm-tạ cái tai-nạn đắm tàu phúc-đức kia nó đã run-rủi cô-nương đến đảo Bê-rang-đệ này. Thật tình ra, nếu cô-nương không có hết lòng thuốc-thang săn-sóc cho, tôi cũng không dám chắc rằng còn sống lại được đến bây giờ. Nhưng, mục-đích câu chuyện không phải ở đấy.

Riêng tôi và theo lòng ích-kỷ của tôi, nếu cô-nương ra đi, thì buồn rầu cho tôi lắm. Tôi muốn quên hẳn cái mình tôi đi... Tôi chỉ nghĩ đến cô-nương mà thôi... Cái tình-thế của đôi ta, thật không hợp lễ-độ chút nào... À, nếu tôi đã có gia-thất rồi, hay nếu ở đây có một người đàn bà bạch-chủng nào, nhất là được một người Mỹ càng hay, thì tình-thế có lẽ khác hẳn. Còn như bây giờ...»

Cô Gian-nê giơ cánh tay lên giời ra vẻ thất-vọng.

Nàng la lên rằng:

— Tôi không thể nào theo được ý tôn-ông. Tôn-ông muốn tôi ở lại, nhưng tôn-ông lại bảo tôi đi đi. Như vậy, một người tiện-nữ còn biết quyết-định thế nào được!

Chàng Xen-đôn buồn rầu đáp:

— Ấy, cái chỗ cốt-tử câu chuyện là ở đó.

— Cái đó nó làm cho tôn-ông phiền lòng ư?

— Thưa, nó chỉ làm cho tôi phiền lòng riêng đối với cô-nương mà thôi.

— Vậy thì tôn-ông để tôi giải-quyết phăng câu chuyện rắc rối này, và tôi xin tôn-ông chớ nên vì tôi mà phiền nghĩ đến như thế!...

Cái việc mà ta không thay đổi được, thì ta còn ân-hận làm chi? Cái việc tất-nhiên xẩy đến ta còn phấn-đấu làm chi? Tôn-ông ở đây, tôi cũng ở đây. Tôn-ông hay tôi cũng vậy, chúng ta không thể đi đâu được hết. Tôi không khi nào vì lẽ thẹn-thò e-lệ mà đi nằn-nì với tôn-ông để lại cho tôi cái đồn-điền với linh hai trăm tên mọi ăn thịt người trong tay...

«Kết-luận. Tôn-ông cứ ở lại Bê-rang-đệ, tôi cũng xin ở lại. Thế là tiện hơn cả. Tôi cũng biết cái đó chỉ là một cuộc «đánh liều», một cuộc «đánh liều» không ngờ xẩy đến.

Nàng lại vừa cười vừa nói thêm

— Xin tôn-ông cứ bình-tâm! Tôi không có ý gì nói về việc hôn-nhân đâu. Tôi đến Sa-lô-mông quần đảo này, cốt để kiếm một cái đồn-điền. chứ không phải là để kiếm lấy một ông chồng.»

Chàng Xen-đôn đỏ mặt lên không đáp.

Nàng lại vui vẻ nói tiếp:

— Tôi không hiểu tôn-ông nghĩ-

ngợi điều gì? Cái cách ăn nói tự-do của tôi có phạm đến ẩn-tình của tôn-ông; nếu không e-sợ có lẽ tôn-ông sẽ vặn ngoéo cổ tôi đi rồi. Tội tôi đáng lắm, tôi cũng chịu là thế. Tôi có lỗi, tôi biết.

Chàng Xen-đôn thấy cơn giông-tố đã dịu, thì mừng mà nhã-nhặn đáp rằng:

— Tôi cũng có lỗ, là bởi tôi lỡ lời chọc tức cô-nương.

Cô Gian-nê nói:

— Vậy thì chúng ta tâm-đầu ý-hiệp rồi. Thôi, kể từ hôm nay, xin tôn-ông cho tôi mượn một bọn phu đen, để chúng nó dựng ngay cho tôi một túp lều ranh bằng cành dừa non. Túp lều ấy, tự-nhiên là phải làm theo lối nhà sàn như chiếc nhà sàn của tôn-ông đây, để tôi có thể dọn đến ở ngay chiều hôm nay.

« Đến đó ở, tôi mới sẽ được yên ổn và dễ chịu. Muốn được cẩn-thận thì đêm đến, mấy tên người Ta-hải-ty, phải cắt canh nhau mà gác như ở trên một chiếc tầu vậy.

« Thu xếp xong, tôn-ông làm ơn cho biết các điều bí-mật trong đồn-điền và dạy cho tôi biết nghề trồng dừa. Đáp lại cái thịnh-tình ấy, tôi xin coi nom việc bếp nước, săn sóc cho tôn-ông được sơi những món ăn tử-tế.

« Như vậy, tôn-ông không cần phản-đối làm chi. Dù tôn-ông có nói gì đi nữa, tôi cũng chẳng nghe nào. Bởi vì tôn-ông lại sắp sửa thu xếp nhường lại cho tôi cái nhà của tôn-ông và làm túp lều lên để tôn-ông đến ở chăng? Tôi xin từ chối phăng ngay tự bây giờ. Thôi, ta cũng nên coi cái việc đó như trang xếp xong rồi. Như thế, tưởng cũng là một cách hà-tiện thì-giờ vậy.

« Bằng nếu tôn-ông cố-ý không nghe, thì tôi xin từ giã xứ này mà cùng người nhà tôi sang ở bên kia bờ sông Bá-lê-suy-mã, cho thoát khỏi cái vòng pháp-chế của tôn-ông.

« Bấy giờ ai là người sẽ bị thiệt thòi. Thưa chính là tôn-ông vậy. Thôi đi, thôi đi, tôn-ông cứ lặng yên đừng có nói chi hết... Vả, tôn-ông có biết rằng tôi vẫn ao-ước học đánh bi-da không? Đây kia có cái bàn bỏ không, tiên-sinh có sẵn lòng khai giảng cho tiểu-đệ bài học vỡ lòng không?

CHƯƠNG THỨ VII

Từ hôm đó cô Giang-nê giáng sức coi nom việc trong nhà. Kết-cục các phương-diện thấy đều cách-tân. Chàng Xen-đôn cũng khó lòng mới nhận được là nhà mình.

Lần này là lần đầu, trong nhà được sạch sẽ và có trật-tự hẳn hoi. Những đứa ở trong nhà, từ nay cũng thôi không dám đi chơi lêu-lổng, biếng nhác công việc. Thằng bếp bị có người bách-thúc, đến nỗi phải thở than luôn rằng choáng váng cả đầu cả mặt.

Chàng Xen-đôn cũng bị cự luôn về cái thói xấu chỉ quen ăn toàn đồ hộp. Chàng khinh ăn đồ lành đến nỗi nàng đã phải tặng cho những danh-hiệu thô-bỉ như «nhà quê» «đồ vô-dụng». Những danh hiệu ấy-kể ra còn là bực nhẹ kia đấy.

Cô Gian-nê lại phái xuống ra tận bờ-bể, xa 20 hải-lý, để hái chanh, cam. Nàng hỏi chàng Xen-đôn tại sao những thứ quả ấy từ bao lâu nay, mà chưa đem vào giồng ở Bê-rang-đệ thì chàng không biết trả lời ra sao cả. Nàng lại bảo chàng rằng: nếu chàng mà không có được một cái vườn giồng rau thì thật là đáng bỉ.

Lại còn những quả tân, trước kia chàng Xen-đôn biếng dùng, bây giờ đến bữa đồ nước, cũng lại thấy hiện ra trên bàn ăn, hoặc để sống, hoặc đã nấu thành thứ mứt thơm tho. Món chuối cũng vậy, hái ở trong rừng về, cô Gian-nê làm ra đến 12 thứ ăn khác nhau, thứ nào chàng Xen-đôn cũng phục là ngon cả.

Lúc rảnh thì giờ thiếu-nữ lại cùng mấy tên người Ta-hải-ty dùng cốt-mìn ra sông, ra biển đánh cá. Những tên mọi đen nào mà mò bắt được hến ở ruộng muối đem nộp, đều có thưởng thuốc lá.

Cô Gian-nê lại khám phá ra cách chế cùi dừa rất là tài-tình, nàng dạy tên đầu bếp da đen cất nước dừa, lấy men làm thành một thứ bánh, ăn nhẹ và dễ tiêu hơn là dùng thứ bột mọi khi.

Nàng dùng nõn cây, làm thành một món rau sống ăn rất ngon. Nàng lại lấy nước và cùi dừa chế thành các thứ nước chấm và gia-vị khác nhau, dùng ăn với cá, hoặc pha đường làm một thứ kem ăn thơm. Nàng mách cho chàng Xen-đôn biết cách dùng nước dừa hòa với cà-phê ngon hơn là dùng sữa đặc.

Các măng tre cũng đem dùng làm món rau sống. Các quả cà chua rừng, thì đem dùng làm nhiều thứ nước chấm. Trước kia gà nuôi trong nhà, bạ đâu đẻ đấy, mất hết cả trứng, bây giờ đã có các cái hòm troug có dọn ổ sẵn cho nó có chỗ đẻ. Muốn giở các món ăn, cô Gian-nê thỉnh thoảng lại đi bắn lấy vịt và bù-câu rừng.

Nàng có nói với chàng Xen-đôn rằng:

— Không phải là tôi khoái chi cái nghề nấu bếp, nhưng nhờ cha tôi huấn-luyện, nên tôi biết làm đồ ăn tự lúc lọt lòng.

Ngoài các việc nàng tự-ý thi-hành, bỗng dưng nàng lấy lửa đốt cháy căn nhà thương, vì nàng cho là không được sạch sẽ. Căn nhà thương cháy, khói còn nghi-ngút, chàng Xen-đôn chạy lại, thì đã muộn quá rồi. Bấy giờ hai bên xô sát nhau; rút cục cô Gian-nê phải sai người nhà của mình, làm ngay căn nhà thương khác cho được hợp phép vệ-sinh hơn.

Nàng lại cho phá tiệt kho vải vẫn để bán cho tụi mọi đen; nàng lấy những vải đó, thay hết thầy những bức rèm vải phin và vải sô che các cửa sổ. Cũng có chỗ nàng đem vải bông sặc sỡ thay vào. Quần áo của nàng cũng may bằng thứ vải bông ấy.

Sau đó, một hôm nàng đưa cho chàng Xen-đôn xem cái bản liệt-kê những đồ phục-sức và trang-điểm, để nhờ chàng, hễ có tầu sang Xit-nê thì mua giúp. Chàng xem bản liệt-kê, rật nẩy mình mà tự hỏi: chả biết cô này định ở lỳ đây cho đến bao giờ?

(Còn nữa)

Tản-Đà thư-cục đại tiến-hành quảng-cáo

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi, thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Hiện đưa tại nhà in :

1.— **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại. — Tức các văn ở hai quyển *Khối-tình bản chính và bản phụ* khi xưa, hợp in làm một. Có « lời tựa chung các sách của Tản-đà thư-cục » in ở đầu.

2.— **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại.— Chuyện này hợp với *Kiếp phong-trần* cùng in làm một quyển, mà lấy theo ba chữ đây làm tên.)

Các giá bán lẻ và bán buôn như sao, sẽ có tiếp-tục tường-cáo.

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kèn (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Xe ngựa, Xe ô-tô, Đòn cùng các đồ dùng đi đám hiếu.

Việc Hiếu là trọng, mà cử hành tang-lễ lại là một việc khó. Vậy có việc tang ở HANOI hay đi các TỈNH mà muốn được kiểu lịch-sự, công việc nhanh tróng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác.

XIN HỎI HIỆU

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, Rue des Éventails)

HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã **chủ-trương** *các hiệu Tế-Mỹ, Phúc-Tường An-Linh, trọng nom công việc ai cũng ngợi khen, hiện mới tổ chức hiệu* **DƯ-MỸ** *trong mấy tháng này, lại hết công tâm sửa các đồ nghi trượng, thấn-dư rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc* **hiếu** *cho hợp cách tân thời và thêm trân trọng nhà tang-chủ.*

Xe ngựa *có nhiều hạng từ* **10$00** *đến* **100$00**.

Xe ô-tô *riêng chở* **cữu** *và* **cốt**, *đóng theo kiểu riêng của Hội-Đồng thành phố định, rất lịch sự, chắc chắn, (xe mới marque Chevrolet N° T. 6167) giá tính rất rẻ, tùy theo đám đi xa gần.*

Các xe, đòn *trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự dủi do ở dọc đường, (ngựa rất thuần xe chắc chắn).*

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ biển** *đặt* **vòng hoa cườm, hoa giấy, hoa tươi**, *bản-hiệu xin có đủ các thứ* **cực-phẩm** *kiểu đẹp giá rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.*

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** *không dám tính tiền, và việc* **khâm liệm, nhập quan, xin đất** *vân vân.*

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng ý, xin viết thơ chỉ giáo, bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Ở các tỉnh
- **Sơn-tây** *M. Kính-Đài, 120 phố Hậu-Tĩnh*
- **Đáp-cầu** *M. Mỹ-đức-Lợi, phố Thị-Cầu*
- **Hảidương** *M. Tống-hữu-Khánh, nhà Rượu*

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương.

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN
NGUYỄN-VĂN-HOÀN KÍNH BẠCH

舉美號
殯車馬
出賃局
賣花圈
價大賤
開報事
不取費錢
同內
正所行劄街十號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN SỐ 37

NGÀY 16 AVRIL 1932

安南雜誌

Dépôt légal Hanoi le 16 Avril 193

DÉPOT LÉGAL RÉSIDENCE SUPÉRIEURE TONKIN

IMPRIMERIE TRINH-VAN BICH 內河 鄭文璧 館印 HANOI

DÉPOT LÉGAL INDOCHINE N° 17536

SÉRIE 119

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . . 5$00
Nửa năm . . . 2,60
Một số . . . 0,10

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Về việc gửi các số báo bán còn lại, có Ngài đại-lý gián nhiều tem quá. Vậy xin nhắc để các Ngài biết rằng cứ mỗi một số báo, chỉ phải dùng một cái tem $\frac{1}{5}$ de cent, nhưng cần phải để hở hai đầu và buộc giây ra ngoài để cho nhà Bưu-chính có thể kiểm-soát được.

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu nặm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thẩy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**

No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, đong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

BÀI-TRỪ CÁI NẠN PHAN-KHÔI Ở NAM-KỲ

CÙNG BÀI « TỐNG - NHO VỚI PHỤ - NỮ

(Tiếp số 34 và hết)

Xem ở cột thứ bảy trong bài ấy, tức là về đoạn đã gần cuối, ông *Khôi* nói:

« Tôi lấy làm la, cái kêu bằng cái « tiết » đó, không phải là tính trời sanh, thời sao lại đem nó để cân lên trên cái do tánh trời sanh? Tôi thì cứ giữ mực quê-quê thiệt-thiệt, căn-cứ ở câu « thực sắc thiên-tánh » của Mạnh-tử mà nói rằng: Hễ đàn ông chết vợ thì lấy vợ khác; đàn bà chết chồng thì lấy chồng khác.»

Mấy lời trích dẫn ra trên đây, tức là chủ-ý trong toàn bài của ông *Khôi*. Mấy câu nói về *tánh trời sanh*, còn vẫn là lời luận-lý; đến hai câu sau từ dưới chữ «*nói rằng:*», mới là ông *Khôi* tỏ rõ đến thực-ý của tự mình. Nay xin lại cứ theo một đoạn trích dẫn trong bài ấy như đó, đối chư vị Độc-giả thuyết-minh.

* * *

Cùng mấy lời luận-lý của ông Khôi.

Ngay từ cột thứ nhất của bài ấy, ông Khôi mới bắt đầu vào luận-lý, nói đến *hai việc ẩm-thực và nam-nữ là tánh trời sanh*, ông dẫn câu «食色性也 *thực sắc tính giã*» ở trong sách Mạnh-Tử, chú ở chân trang, để làm trứng-cứ. Cứ cái kiến-giải và sự dẫn-trứng của ông Khôi, theo như ý ông, sao không là phải. Song tiếc rằng: ông *Khôi* chỉ biết có *hai việc ẩm-thực và nam-nữ là tánh trời sanh*; mà ông không biết tính giời sinh của người ta không những chỉ là hai việc ẩm-thực, nam-nữ đó. Ông mang một cái cảm-tưởng chú-trọng ở «*kiếm hột cơm, bỏ vô miệng (1)*», phát ra làm những lời ngôn luận cố ôm nâng quyền-lợi của đàn bà con gái, mà coi xem cái đạo làm người rất là dẻ-dúng, không còn giá-trị một chút chi. Chữ «*tiết* 節» thuộc về đạo đàn bà con gái, nếu chỉ đáng đem mà quăng đi, thời 孝弟忠信禮義廉恥 *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ* của đàn ông con trai, cũng đều chỉ là những chữ dư thừa, còn cần chi giáo-dục làm chi vậy. Trong Luận-ngữ có câu «駟不及舌 *tứ bất cập thiệt*: «*ngựa tứ chạy theo không kịp lưỡi.*» Tiếc cho lời nói ông Phan-Khôi!

Nhân ông Khôi đã dẫn lời trong sách Mạnh-tử mà nói về chữ *tính*, tôi cũng xin do chữ *tính* ở Mạnh-tử, theo cùng ông thuyết-minh.

Cứ đức Khổng ít nói đến *tính*. Sách *Trung-dung*, câu mở đầu rằng: «天命之謂性 — *Thiên mạnh chi vị tính.*» Nghĩa là: «Giời phú cho người ấy là tính.» Ông *Tử'-Tư* (3) thuật cái ý của người trước truyền lại mà nói ra, cũng chỉ mới nói có như thế. Đến ông Mạnh thời hay nói về *tính*; trong một bộ Mạnh-tử, biện-luận về chữ *tính* rất nhiều. Nay trích mấy đoạn có thiết nghĩa với việc thuyết-minh trong bài đây, dẫn dịch như dưới:

«口之於味也。目之於色也。耳之於聲也。鼻之於臭也。四肢之於安佚也。性也。有命焉。君子不謂性也。 Khẩu chi ư vị dã, mục chi ư sắc dã, nhĩ chi ư thanh dã, tỵ chi ư xú dã, tứ-chi chi ư an dật dã, tính dã; hữu mạnh yên. Quân-tử bất vị tính dã.»

Nghĩa rằng: «*Miệng người ta với cái vị ngon, mắt với cái sắc đẹp, tai với cái tiếng hay, mũi với cái mùi thơm, bốn chân tay với sự yên-thư nhàn-rỗi, đó là tính; vậy mà có mạnh (4). Người quân-tử không bảo nó là tính.*»

«君子所性。仁義禮智根於心。其生色也。睟然見於面。盎於背。施於四體。 Quân-tử sở tính, nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm. Kỳ sinh sắc dã, thúy-nhiên hiện ư diện, áng ư bối, thi ư tứ thể...»

Nghĩa rằng: «*Người quân-tử mà kể là tính, thời như: điều nhân, điều nghĩa, điều lễ, điều trí, gốc rễ ở trong lòng. Mà những cái đó phát-hiện ra bên ngoài, lào-lạo trông thấy ở trước mặt, nây-núc ở sau lưng, rung-rinh cả ở bốn chân tay...*»

Hai đoạn dẫn và dịch đây, cũng đều là những lời ông Mạnh-tử ở trong sách Mạnh-tử. Các lời biện-luận về chữ « *tính* » ở chỗ khác trong Mạnh-tử chưa kể, hãy cứ xem như hai đoạn này, đủ thấy cái « tính giời sinh » của người ta, rộng lớn cao quý là như sao! Cái kiến-giải của ông Mạnh-tử đối với cái tính giời sinh của người ta, rộng lớn cao quí là như sao! Càng đủ thấy hai việc ẩm-thực và nam-nữ của người đời, tuy cũng là do cái tính giời sinh, mà địa-vị giá-trị của nó thật là hèn thấp nhỏ bé vậy.

Nay ông Phan-Khôi chỉ cần đem bốn chữ « *thực sắc tính dã* » trong Mạnh-tử, dẫn làm căn-cứ cho bài luận-lý của mình, để đối với những đàn bà con gái

(1).— Lời ông *Khôi* ở đầu cột thứ hai trong bài ấy.

(2).— *Tứ* là thứ ngựa tốt, chạy nhanh.

(3).— Ông Tử-Tư 子思, tên là Cấp 伋, là cháu đích-tôn của đức Khổng mà là học-trò ông Tăng-Sâm (ông Sâm là học-trò đức Khổng).— Ông Tử-Tư làm sách Trung-dung, một thiên ở đầu cũng là thuật sự học được của đức Khổng, thầy Tang vậy. — Ông Mạnh-Tử lại là học-trò ông Tử-Tư.

(4).— *Mạnh*, nghĩa là *phận định*.

không đọc sách Mạnh-tử. Như thế, có thể làm cho ai nấy nhận hiểu sai lầm rằng : « Ở đời chỉ có hai việc ăm-thực và nam-nữ là do cái tính giời sinh của người ta, mà không còn có sự-vật gì đáng ở trên nó nữa ; dẫu ông Mạnh-tử ngày xưa, cái kiến-giải cũng chỉ có như thế. » Ấy chủ-ý của ông Khôi, trong mấy lời luận-lý của ông như đã trích dẫn trên kia, thực ông muốn khiến được cho ai nấy nhận hiểu như thế. Vậy thời ra : ông đã mượn lời ông Mạnh-tử để làm lầm Độc-giả, ông lại khiến cho Độc-giả nhận lầm ông Mạnh-tử cũng là hạng người cùng một kiến-giải như ông. Như thế thời về phần ông làm hại cho Độc-giả đã đành, mà thực ông lại làm oan cho ông Mạnh vậy. Gian thay ! ông Phan-Khôi. Ác thay ! ông Phan-Khôi. Tiểu-nhiên thay ! ông Phan-Khôi.

Cứ mấy lời luận-lý của ông Khôi, nếu không hết sức bài-trừ, mà để cho ông được hành những cái gian, cái ác, cái tiểu-nhân, thời nay ông đã viết ra bài này, mai ông chắc viết ra bài khác, ngâm-ngầm truyền-bá vào trong tâm-lý một số người trong xã-hội, xui khiên cho gái bỏ trinh-tiết, giai bỏ trung hiếu ; phàm những cái tốt-đẹp của trong đạo làm người như nhân, từ, tín, hậu, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, đều bị những lời luận-lý vô đạo ấy làm cho đến mất hết giá-trị. Nếu lo cho quá, thời một phần nhân-đạo chẳng sẽ do đó mà dần dần lấn lún đến trở ra cầm thú cầu chệ sao ? Nguy thật thay !

* * *

Cùng hai câu thực-ý của ông Khôi.

Ông Khôi nói :

« Hễ đàn ông chết vợ thì lấy vợ khác ; đàn bà chết chồng thì lấy chồng khác. »

Xưa nay, đàn ông chết vợ mà lấy vợ khác, đàn bà chết chồng mà lấy chồng khác, vẫn là sự thường trong thế-tục ; có cần chi đến những nhà học-vấn phải ra công luận-lý mà khuyên bảo cho chúng ru ?

Đàn ông hóa vợ mà ở yên không lấy vợ khác nữa, hạng người ấy gọi là « *nghĩa-phu* 義夫 », từ xưa đến nay, thật ít thấy trong sử-sách. Đàn bà hóa chồng mà ở yên không đi lấy chồng khác nữa (1), hạng người ấy gọi là « *tiết-phụ* 節婦 », so với nghĩa-phu thực có số nhiều hơn ; song tóm tự nghìn xưa, nếu có thể cộng được toàn số đàn bà hóa chồng còn trẻ tuổi mà tính xem, chưa dễ nghìn ai mong có một ! Vậy thời những người tiết-phụ kia sinh ở nhân-gian-thế, dẫu chưa hẳn như phụng-hoàng kỳ-lân trong phi-cầm tẩu-thú, thời cũng là hòn ngọc ở núi đá, hạt châu nơi bể chai. Đời đời vua chúa, ơn bạn « 節行可風 *tiết hạnh khả phong* », cũng vì là vật quý của đời, đời nên biết quý vậy.

Tục thuần-hậu mỗi ngày càng kém xưa, gái trinh-tiết mỗi ngày càng hiếm có ; vật quí của đời lại đến lúc đời không biết quí, phong-dao lý-ngữ, nhiều câu nghe thấy đã thương tâm :

1. — « Lẳng-lơ chết cũng ra ma ;
« Chính truyên chết cũng khiêng ra đầy đồng. »

(1) — Đây cũng là nói những người còn trẻ tuổi.

2. — « Ông chết thì thiệt thân ông !
« Bà tôi sắp-sửa lấy chồng nay mai. »
3. — « Bà chết thì thiệt thân bà !
« Ông tôi sắp-sửa lấy ba nàng hầu. »

Ba câu ca-dao đó, ngẫm như một câu dẫn ở trước nhất, thực là do phong-hóa xuy đồi, tự ở mồm những kẻ hạ-lưu xướng ra. Hai câu dẫn thứ hai, thứ ba ở sau, hoặc-giả còn là có ai đó, vì cái bụng thương cho đời, ghét cho đời, mà phát ra những lời chua xót. Tôi tuy chưa dám nhận định nghĩa ; song tóm lại chỉ đều là những câu ca-dao mà không phải là lời luận-lý. Lập thành thế, luận thành lý, thời mới thấy như hai câu của ông Phan-Khôi là thứ tư :

4. — « Đàn ông chết vợ, thì lấy vợ khác.
« Đàn bà chết chồng, thì lấy chồng khác. »

Hai chữ « thì » đó, ngẫm ra cho kỹ, không còn tình nghĩa chút tơ vương ; chính cũng như trong xóm bình-khang thường có câu « *cuốn chiếu nhân-tình sạch* » vậy ! Hai câu đó, trước lúc chưa đem đăng báo, ông Khôi hoặc có cùng ngồi đàm-luận với hai vị chủ-nhân và chủ-nhiệm tờ *Phụ-nữ tân-văn* mà đem ra cùng đọc, thời không biết cái cảm-tưởng của những người nghe kia như sao ?

Nghĩ cho phong-hóa đến lúc đã xuy-đồi, chẳng ai có sức nào giữ lại được. Song thuộc phần hành-vi riêng của cá-nhân, ai có muốn sao cứ tự ý, thực cũng chưa mấy ai nhẫn tâm dụng lực mong tồi-hoại cho cái nền hủ-cựu đó chóng đổ đi làm chi. Có chăng, thời là ông tú Phan-Khôi vậy. -- « 鐫功奇石張宏範。不是胡兒是漢兒。 — *Thuyên công kỳ-thạch Trương-hoành-Phạm. Bất thị Hồ-nhi, thị Hán-nhi !* (2) ». — Ông Phan-Khôi cũng là người trong Hán-học ra, đó nhỉ ?

Cứ trong lời đã thuyết-minh về một đoạn trích dẫn trong bài luận-lý ấy như trên, Phan-Khôi là một người *bại hoại phong-hóa* 敗壞風化 vậy.

* * *

Hợp hai bài bài-trừ, An-nam Tạp-chí số 34 và 37 đây, thời *Phan-Khôi* viết bài «*Tông-nho với phụ-nữ*» đăng trong *Phụ-nữ tân-văn* số 95 ra ngày *13 Août 1931*, tức là kẻ có tội với *danh-giáo*.

2. — *Trương-hoành-Phạm* là quan của nước Tống, sau hàng theo về Nguyên, để quân Nguyên sang đánh Tống, đuổi vua Tống đến một nơi đèo bể là Nhai-sơn. Lục-tô-Phu là ông quan theo hầu vua, cõng vua nhảy xuống bể, mất tích. — Trương-hoành-Phạm bèn ghi công vào đá rằng : 張宏範滅宋於此。 «*Trương-hoành-Phạm diệt Tống ư thử*». Nghĩa là : «*Tên Trương-hoành-Phạm đánh mất được nhà Tống ở đây.*» — Chỗ đó, người đời sau qua lại, có hoài cảm nhiều thơ. Trong có một bài thơ có hai câu kết rằng : «*Thuyên công kỳ thạch Trương-hoành-Phạm, bất thị Hồ-nhi, thị Hán-nhi.*» Nghĩa rằng : «Cái tên Trương-hoành-Phạm mà khắc bia kể công vào hòn đá ở đó, có phải là thằng bé giống Hồ-Nguyên đâu, chính là thằng bé con nhà giống Hán vậy.»

1°— *Vu hãm Tiên-hiền:*
2°— *Loạn ngôn hoặc chúng.*
3°— *Bại hoại phong-hóa.*

Nay, chiểu theo hình-luật ở Á-đông từ đời vua Thuấn mới đặt, có minh-văn trong kinh Thư rằng: «扑作教刑 — *phốc tác giáo-hình.*» Nghĩa là: «*Cái roi, dùng làm hình-phạt thuộc về sự giáo-huấn.*» Cứ Phan-Khôi phạm về tội danh-giáo, vậy nên dùng roi để chừng.

Chiểu theo các trường dậy học chữ nho của ta khi xưa, phàm học-trò học dốt, đọc không thuộc, hoặc có tội vô-lễ, thời bắt phải nằm sấp xuống đất, đánh ba roi. Cứ Phan-Khôi can phạm ba điều như đã yết trên đây, so với những tội *học dốt, đọc không thuộc* và *vô lễ* thực lớn hơn gấp trăm. Vậy nên đánh đòn ba trăm roi.

Chiểu theo pháp-ý ở Á-đông, *làm tội người đem ra ở chợ, để cùng có công-chúng dự biết.* (1) » Cứ Phan-Khôi phạm về tội danh-giáo, nên đánh đòn ở trước sân Văn-miếu, để trên có các vị Tiên-thánh, Tiên-hiền cùng giám lâm, dưới có các sĩ-phu trong phái Hán-học cùng được dự biết.

Cứ các điều đã sơ-thám như trên, xin nghĩ kết *Phan-Khôi* phải chịu ba trăm roi đòn, chia đánh ở ba nơi:

1°— Đánh ở trước sân Văn-miếu Thăng-Long, là nơi gốc văn vật của sự học nho của nước ta từ triều nhà Lý.

2°— Đánh ở Huế, là nơi thủ-phủ xứ Trung-kỳ.

3°— Ở Quảng-Nam, là nơi chốn của tội-nhân sinh-trưởng học tập.

Ngoài cái tội-án Phan-Khôi đã nghĩ kết, chiểu theo thường-luật có bắt tội oa-chủ; vậy những tiền phí giải Phan-Khôi từ Nam ra Bắc, cho lại về đến Huế, về đến Quảng-Nam, do ban Trị-sự của Phụ-nữ Tân-văn phải trích tiền quĩ của Báo-quán ấy cung nạp.

Giở lên các điều án nghĩ, theo như lệ nghĩ kết về bài Phan-Khôi viết «*Cái cười của con rồng cháu tiên*»; riêng bản án này, trên có tòa án Thượng-thẩm riêng xét về danh-giáo là toàn-thể sĩ-phu phái Hán-học trong nước sẽ cùng phúc-thẩm, dưới có tội-nhân và oa-chủ, ai có muốn thân oan, cứ được hết lời thân oan.

* * *

Sau hết, phần riêng tôi xin có mấy câu gửi vào trong Báo-quán Phụ-nữ Tân-văn rằng:

Có ai ở Bắc vào Nam,
Để cho ta nhủ chị em biết mà:
«Phấn son tô-điểm sơn hà,»
Chữ «trinh» giữ đạo đàn bà nước Nam.

Chủ-búl phần Hán-học
trong An-nam Tạp-chí
Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu.

1. — 刑人于市。與衆共之。 Hình nhân vu thị, dữ chúng cộng chi.

DỊCH CỔ-VĂN

Tham ăn thì nghẹn

Dân đất Ngạnh-dương có xảy ra một việc kiện, Ngụy-Tuất (quân tể đất ấy) không xử-đoán được, đem tình-đầu việc đó bẩm vào triều. Người có việc, lại là quan to ở trong triều, đem con-hát đút-lót cho Ngụy-Tử (quan thày Ngục-Tuất). Ngụy-Tử đương sắp nhận Ngụy-Tuất nghe chuyện bảo Diêm-Một và Nữ-Khoan (cũng là hai quan thuộc của Ngụy-Tử) rằng: *Chủ ta vì không an của đút, được nổi tiếng ở khắp các nước chư-hầu. Nay nếu nhận đồ lễ của người đất Ngạnh-dương, thì còn việc đút-lót nào tệ hơn nữa. Các ông nên cố can đi.* Hai người cùng nhận lời.

Tan chầu, hai người này ra đợi ở sân. Lúc người nhà bâng cơm đến, Ngụy-Tử cho gọi vào hầu cơm. Trong bữa ăn, ba lần thở dài. Cơm xong, cho ngồi hầu chuyện. Ngụy-Tử hỏi rằng: *Ta nghe ông Bá-Thúc thuật lại câu phương-ngôn rằng: Chỉ lúc ăn là quên lo. Vậy mà hai người trong một bữa cơm, ba lần thở dài, có sao vậy?* Hai người đồng từ thưa rằng: *Bữa qua có người cho hai chúng tôi uống rượu, không ăn cơm chiều. Khi mâm mới bưng vào, vì lo rằng không đủ ăn, nên thở dài. Lúc đương ăn, lại tự-trách mình rằng: có lẽ đâu quan Tướng-quân cho ăn mà lại phải lo thiếu, nên lại thở dài lần nữa. Đến khi ăn xong* (1) **mong đem cái bụng kẻ tiểu-nhân này, đặt vào cái lòng muốn của đứng quân-tử, no đủ thì thôi.**

Ngụy Hiến-Tử từ chối, không nhận lễ của người đất Ngạnh-dương.

Mai-Khê *dịch*

(1) Chỗ này đáng lẽ phải nói thêm: vì ước-mong, nên mới thở dài lần thứ ba nữa. Nhưng không nói rõ, vì muốn để người trên nghe mà tự-hiểu. Người can không cần nói hết lời, người nghe tự nhiên hiểu ý, ý kỹ mà văn cũng kỹ

傘沱書局叢書

Tản-Đà thư-cục tùng-thư

Tản-Đà Văn-tập

Quyển nhất
đã in xong. — Giá bán: . . . 0$32
Ba quyển: **Giấc mộng con, Đài gương kinh**
Đài gương truyện
đã có người đem cho.

Trần-ai tri-kỷ

Quyển này, ai có mà gửi cho,
xin cám ơn và sẽ xin có tạ.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

THƠ GỬI CHO BẠN VỀ VĂN-PHÁP VIỆT-NAM

Trương quí-huynh,

Đệ vâng lời quí-huynh, từ nay lấy văn-pháp, làm đầu đề câu chuyện của đôi ta. Câu chuyện khó khăn trúc-trắc, nếu đệ nói không được mặn mà gẫy gọn, quí-huynh phải sẵn lòng tha thứ cho đệ. Mà có lẽ trong các câu chuyện viển-vông, chúng ta định đem bàn tán với nhau, câu chuyện này viển vông hơn cả. Thật vậy, tiếng Việt-nam mới phát đạt độ vài mươi năm nay liệu đã có thể nói đến văn-pháp chưa? Chắc đâu đã có văn-pháp, như nhiều người vẫn tưởng, vì văn quốc-ngữ ai viết, thế nào mà chẳng được? Dù có đi nữa, cũng nên để phần các bực cao-minh nói đến, chúng mình tài hèn sức mọn biết đâu đã đủ ánh sáng để hiểu thấu mẹo-luật của quốc-văn?

Tuy vậy, đệ cũng nghe lời quí-huynh, nhất-thiết việc gì cũng nên nghĩ tới bàn tới, dù những ý-kiến mình có thiển-cận, cũng đem được hòn gạch viên ngói giúp cho các bậc trí-thức đang xây đựng cái lâu đài Tân-việt.

Quí-huynh hỏi đệ nên căn-cứ vào đâu để tìm mẹo-luật tiếng Việt-nam. Trong hai câu tương-tự, biết lấy câu nào làm phải, làm đúng mẹo? Phải lấy câu có đầu có đuôi, viết cho đủ chữ lọn nghĩa. Vậy thế nào là có đầu có đuôi, thế nào là đủ chữ lọn nghĩa? Thật là khó giải. Chả nhẽ cứ đánh theo lối học của cổ-nhân: học-tập rồi tự-nhiên biết, biết một cách « trực-tri », mà không thể dẫn-giải cho ai cùng hiểu được!

Đệ đang ngần ngại thì chợt nhìn thấy một giòng thơ của quí-huynh: « các tiền-nhân ta chỉ chữa câu cho *xuôi tai*, cho *chặt nghĩa*... » Té ra chính quí-huynh đã chỉ cho đệ cái phương-pháp quí-huynh hỏi đó. Chữa cho xuôi tai, chẳng phải là chữa cho hợp cú-pháp đó ru? Câu đã xuôi tai rồi (correcte), lại phải xóa bớt những chữ rườm-rà đi, « xoay » cho hợp vào những « khóe » riêng của ngôn-ngữ nước nhà (idiotisme), nghĩa là chữa cho chặt nghĩa, chả phải là cách làm văn trong hết thảy các văn-chương có qui-pháp?

Vậy ta thử đem các câu văn trúc-trắc chữa cho xuôi tai, các câu văn rườm-rà chữa cho chặt-nghĩa, xem câu nguyên-tác và câu chữa lại nó khác nhau ở chỗ nào. Hoặc ta so-sánh hai bản dịch cùng nguyên-tác, một bản của một ngọn bút tầm-thường và một bản của một danh-sĩ. Dám chắc đó là một phương-pháp dễ dàng, sức ta có thể theo được, tuy lâu tuy chậm, nhưng chắc chắn, vì mỗi mẹo-luật ta tìm thấy, tất có bằng-cớ rõ-ràng. Nếu ta biết cùng nhau cố-gắng, không vội vàng, không cẩu-thả, biết đâu hết thảy các mẹo-luật về cú-pháp không hiển-hiện ra trước mắt ta? Bấy giờ ta mới đem các mẹo-luật đó mà so với cách dùng chữ của các danh-nhân, ta sẽ thấy không nhầm mấy tí.

Nhưng trước hết, ta phải bắt đầu từ chỗ bắt đầu, nghĩa là phân chữ ra từng loại đã.

Cũng như chữ Pháp, các chữ Việt-nam chia ra làm Danh-tự (Substantifs), Quán-tự (articles) Đại-danh-tự (pronoms), trang-tự (adjectifs) v. v... Nhưng cũng có thứ chũ, tiếng Việt-nam có mà tiếng Pháp không có, sau này đệ xin bàn tới. Bây giờ hãy xin bắt đầu nói ngay về danh-tự.

Không cần phải giải nghĩa cho quí-huynh nghe thế nào là danh-tự vì ai chả biết đó là những chữ dùng để gọi tên các sự-vật, mà cũng không phải nhắc rằng nó chia ra hai hạng: danh-tự riêng (noms propres) và danh-tự chung (noms communs).

Danh-tự riêng không quan-hệ gì cho ta lắm. Xin nói về danh-tự chung, và một điều ta nhận thấy ngay là danh-tự chung của ta, trừ những chữ ông, bà, cậu, mợ..., không chia ra giống đực giống cái:

Con trâu là con trâu, không nói đến giống

của nó, như trong tiếng Pháp: le buffle tức là con trâu đực.

Cái bàn không thuộc về giống cái như: la table.

Cái ghế bành không thuộc về giống đực như: le fauteuil, v. v...

Nhưng cũng lại không giống tiếng Anh, danh-tự nào cũng có thể theo sau một chữ «the». Danh-tự Việt-nam có thể theo sau thật là nhiều chữ: *con* ngựa, *cái* nhà, *lá* thư, *tấm* gương, *phong* bánh, *chiếc* thuyền, *cái* ăn, *sự* uống, v.v...

Bấy nhiêu chữ quán-tự (vì quí-huynh cũng biết đó điều là quán-tự) lộn-xộn như thế, biết chia danh-tự ra sao, mà có lẽ cũng chẳng cần chia nữa.

Trước đệ cũng nghĩ thế, sau đệ nhận thấy rằng: *lá* thư, *tấm* gương, v. v... đều có thể gọi *cái* thư, *cái* gương, rồi xoát hết các sự-vật ta cần phải gọi tên, đệ lại biết thêm rằng:

1. - Danh-tự người, bao giờ cũng đặt được chữ *người* lên trên: người thợ, người đi buôn, người học-trò v. v...

2.— Danh-tự vật động-đậy được mà có sinh hoạt, bao giờ cũng theo sau chữ *con*: con trâu, con chim, con cá... Không có sinh hoạt, nhưng ta cho là có tính-cách sinh hoạt, ta cũng gọi là *con*, như con sông, con mắt, con rao. Người ta nếu kể là con động-sinh-vật, cũng gọi là *con* người: «Thì con người ấy ai cầu làm chi».

Trái lại, vật có sinh-hoạt mà ta coi như vô-sinh-hoạt, ta cũng gọi theo chữ *cái*: cái cò, cái vạc, cái nông... Cái người vô-duyên... Tức là giọng mỉa mai của nhà thi-sĩ.

3.— Danh-tự vật không động-đậy được, có sinh-hoạt hay không, có thể theo sau chữ *cái*: cái cây, cái mâm, cái đèn, cái nón.

Đó là những vật hữu-hình. Về vật vô-hình hay trừu-tượng cũng vậy: cái hồn, cái tính, cái công-trạng, cái quan-niệm.

4.— Trên danh-tự các sự hành-vi, có thể đặt chữ *sự*: sự ăn, sự nói, sự quan-niệm, sự nghĩ.

Vậy hết thảy các quán-tự lộn-xộn trên kia, đều có thể rút lại có bốn chữ là: *người, con, cái, sự*. Theo bốn chữ đó, các danh-tự tiếng ta chia ra ba hạng như sau:

a) Nhân danh-tự có thể theo sau chữ người,

b) Vật danh-tự có thể theo sau chữ con hay chữ cái,

c) Sự danh-tự có thể theo sau chữ sự.

Tôi nói «có thể», là vì trên kia tôi đã nhận thấy rằng trong văn-thường đặt những chữ khác thay vào những chữ đó. Hai nữa, nhiều khi không đặt chữ gì lên trên danh-tự: Ví dụ: *« Cho nên trông thấy những người nào hóa tây đến tây quá tây, ta phải lấy làm sợ, sợ như trông thấy một vật dị-kỳ vậy. Vì cứ lẽ thường của trời đất không thể có thể được.»* (*Phạm-Quỳnh*)

Ta có thể thêm vài chữ người, con, cái vào, mà câu vẫn xuôi (correcte): «Cho nên trông thấy những người nào hóa tây đến quá *người* tây, ta phải lấy làm sợ như trông thấy một *con* vật dị-kỳ vậy. Vì cứ *cái* lẽ thường...».

Đọc đến đây tất quí-huynh muốn hỏi: đã có thể xóa bỏ được những quán-tự ấy đi, tất là các quán-tự ấy không cần lắm. Đã không cần quán-tự thì chia danh-tự ra mấy hạng làm chi cho phiền.

Thưa rằng: không thể chỗ nào cũng xóa bỏ được quán-tự. Khi nào nói đến quán-tự, đệ sẽ bàn đến.

Nhưng quí huynh lại hỏi: Vậy chia danh-tự ra làm ba hạng thế, có ích gì không? Hay chỉ làm «rộn» thêm lên mà thôi?

Thưa rằng: đệ không phải tự ý chia ra, trong tiếng Annam ta tự-nhiên nó chia ra như vậy. Nói «tượng» không, quí-huynh có biết nó là cái gì không? Tất quí-huynh phải nghĩ xem nó là «con tượng» hay «cái tượng». Trong khi nghĩ thế, tức là quí-huynh chia danh-tự ra làm mấy hạng vậy.

Quí-huynh ạ, càng suy xét, đệ càng thấy văn quốc-ngữ ta có một cú-pháp rất rõ ràng. Cách dùng chữ nhiều khi thật là tinh-tế. Không biết đệ có khỏi nhầm không, nhưng như tầm con mắt đệ ngắn ngủi, thì đã chắc có tứ-thức của quí-huynh nó như ngọn đèn sáng-lạn, khiến đệ đã lắm phen trông xa thêm ra nhiều vậy. Đến thư sau, đệ xin nói tiếp.

Kính thư
Nguyễn-Cát-Ngạc

NỮ-QUYỀN Ở TIỂU Á-TẾ-Á

Giữa lúc trên bờ sông Ni-la (Nil) xây lên mấy chiếc kim-tự-tháp, thì ở mặt đất phù-xa xứ Mésopotamie thành-lập những đô-thị rất phồn-ba. Những đô-thị ấy đều là những nước cộng-hòa xã-hội và đều theo chế-độ tập-sản, trong đó người đàn bà được sống một cách tự-do.

Đến khi có luật của vua Mahomet ban-hành, thì người đàn bà các xứ này mới bị mua đi bán lại, nếu người nào không bị mua đi bán lại, thì cũng bị coi như một thứ đồ xa-xỉ đáng khinh.

Xét đến nguồn gốc, thì người đàn bà ở các xứ này hồi sắp có sử sách, vẫn được độc-lập một cách hoàn-toàn. Sự độc-lập ấy pháp-luật cũng công-nhận. Dù còn con gái, hay đã đi lấy chồng, hay là ở góa, họ cũng được có đủ quyền như đàn bà Ai-cập. Họ được tự-do tiêu-dùng tiền bạc của mình.

Cứ theo những viên gạch, những giấy hợp-đồng, các nhà khảo-cổ tìm thấy ở hai xứ Chaldée và Assyrie, thì phần nhiều các giấy tờ giao-dịch theo pháp-luật, như: chúc-thư, văn tự mua bán, đều do người đàn bà tự ký-kết lấy, không cần phải có chữ ký của người chồng.

Ở trong nhà, người chồng không được đụng chạm đến tài-sản của vợ. Chiếu theo luật Hammurabi, khi nào người chồng muốn bỏ vợ, thì phải bồi-thường cho vợ một phần của riêng mình. Dù góa chồng, hay còn con gái, hay có chồng, người đàn bà không những có quyền làm chứng trong những việc tố-tụng, mà còn có quyền chứng-nhận các giấy tờ khác nữa. Có nhiều giấy mà người ta tìm thấy, và hiện nay người ta còn giữ làm tài-liệu khảo-cổ, đều có chữ ký của đàn bà.

Ở ngoài xã-hội, người đàn bà thường có cái địa-vị cao-quý; cái tục thờ các vị thần đàn bà như là cái tục thờ mặt giăng ở trong Văn-miếu, của người xứ Chaldée và xứ Assyrie đủ chứng tỏ sự cao quý ấy. Về sau, tuy người đàn bà ở xứ này mất cái địa-vị cao-quý nhưng cũng vẫn được hưởng sự bình-đẳng tự-do.

Ta hãy thử cùng một nhà hiện-thời khảo về xứ Assyrie, nhắc lại cái cách sinh-hoạt của một nơi đô-thị ở hạ-lưu sông Euphrate, bốn nghìn trước Tây-lịch kỷ nguyên.

«Người đàn bà ở đó khi bấy giờ có một cái địa-vị đặc-biệt; vừa được tự-do, vừa có đủ các thứ danh-dự. Đàn bà cũng được đãi ngang hàng với đàn ông. Muốn khuyến-khích đường sinh-dục trong dân-gian, đàn bà ở trong nhà lại được lĩnh lương. Ở trong cung, bà Hoàng-hậu được bình-đẳng với Vua đã đành, như ở xứ Lagas bà Hoàng-hậu còn được làm đến thủ-lĩnh chính-trị, được cầm quyền-chính, lập tòa án, xử các việc kiện, cắt-cử những quan chức, ban-hành các luật-pháp. Cung-điện của Hoàng-hậu tức là nơi trung-tâm-điểm sự hoạt-động trong nước. Có một điều lạ nhất, là đàn bà được ra cầm quyền là nhờ có dân cử ra, mà năm nghìn năm trước Tây-lịch kỷ-nguyên, cái quyền phổ-thông tuyển-cử đã công-bố, và chủ-nghĩa tập-sản đã thi-hành trên bờ sông Euphrate và sông Tigre!»

Cứ theo như những truyền truyền kỳ căn-cứ ở sử-ký, thì chính-phủ do đàn bà chủ-trương, có để lại nhiều cái kỷ-niệm rất tốt. Xem thế đủ biết ở phương Đông xưa kia, người đàn bà cũng có tư-cách chả kém gì đàn ông.

Ở khoảng giữa xứ Ai-cập và xứ Mésopotamie, còn sinh-trưởng một dân-tộc mà các nhà khảo-cổ quên không nhắc đến, là trên dẫy đồi Tiểu-á-tế-á, trong thung-lũng xứ Syrie, xưa kia cũng có một nền văn-minh đặc-biệt. Tức như dân Hittites, cách ăn mặc thì lăng-lố, các phong-tục thì độc-ác, giã-man; mỗi khi xe nhà vua đi qua thì có hàng nghìn người dân xúm lại, nằm lăn cả ra đất, gặp quân giặc thì liều chết, để giữ cho nước độc-lập, ấy thế mà trong dân họ, người đàn bà cũng có quyền-hành lắm. Đàn bà làm giáo-chủ, làm quan tòa, đi đánh giặc. Việc cai-trị trong nước, Vua hay Hoàng-hậu cũng có quyền như nhau.

Có điều đáng chú-ý là bản hiệp-ước vua Ramsès II ký với dân Hittites năm 1730 trước kỷ-nguyên, bên cạnh chữ ký của Vua lại có cả chữ ký của Hoàng-hậu, mà các công-văn của xứ này trong thời đại ấy, thì không thấy có hai chữ ký đi luôn với nhau như thế bao giờ.

Trà-sơn.

Nay mai sẽ có một bộ tiểu-thuyết trường thiên, giầy ngót 500 trang, tả NHỮNG CẢNH KHỐN NẠN của khắp các hạng người trong xã-hội, cố tìm cái sung sướng ở chỗ DANH, LỢI, TÌNH mà soạn-giả lại là bạn

NGUYỄN-CÔNG-HOAN !

CA-DAO MỚI

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

Một câu ca-dao người nước ta mới được nghe đây. Vì ở số 10 phố Hàng Quạt Hanoï mới có hiệu Dư-Mỹ cho thuê xe ngựa, ô-tô, đòn đám ma cùng các nghi-trượng về việc tang rất lịch-sự, giá phải chăng, công việc làm giúp nhà đám từ lúc khâm-liệm, nhập quan, xin phép, xin đất, cho đến lúc hạ huyệt, lại có bán các kiểu vòng hoa hạ giá 50% cho khách thuê xe hiệu ấy. Ngài nào có việc chẳng may, thì chỉ nên dùng xe đòn của hiệu ấy, mới biết câu tục-ngữ trên kia là thật không ngoa.

X.

EDISON, người mang 1.400 cái bằng cấp

(Tiếp theo và hết)

Năm 1875, ông bắt đầu xét cái máy điện-thoại của ông Graham Bell vừa chế ra; dùng máy ấy chỉ có thể nói chuyện được trong một quãng gần gần, mà nghe cũng chưa được rõ lắm. Chỉ trong vài tháng, ông đã tìm ra cái chấn-thanh bằng than và đã nghiệm biết phải cần để vào giữa đường giây một guồng điện trợ-lực.

Từ đó, máy điện-thoại được hoàn-toàn và được thông-dụng khắp nhân-gian.

Đến mùa thu năm sau, máy hát xuất hiện làm cho thiên-hạ giật mình. Máy hát lúc ấy mới là một cái ống đồng tròn quay chung quanh một cái chục. Ông lấy một lá thiếc bọc chung quanh, trên lá thiếc đặt cái kim đầu nhọn, lúc quay cái chục thì mũi nhọn vạch nét vào một thứ giấy thu-thanh, kẻ thành luống chỗ cao chỗ thấp, tùy theo tiếng động to hay nhỏ. Thu tiếng động xong, kéo cái ống đồng xuống cuối chục, cho máy chạy, mũi nhọn vạch theo luống cũ lại làm vang các tiếng đã thu được. Ngay lần thí-nghiệm đầu tiên, máy hát này đã được kết-quả tốt. Suốt đêm hôm ấy, ông Edison và các thợ-thuyền giúp việc xúm nhau thử máy, vừa vui mừng, vừa kinh-ngạc, nghe cái vật sù-sì kia nhắc lại tiếng nói và câu hát của mình.

Những chữa sửa cái máy hát cho hoàn-toàn, ông Edison đã lấy được ngót trăm cái bằng cấp.

Rồi đến mùa đông năm 1879, trí nhà danh-nhân nẩy ra một tia sáng lạ: đèn điện đốt bằng than ra đời. Nguyên trước, từ năm 1877, đèn-điện dùng rất kém, các nhà thí-nghiệm không để ý đến sự phân lực điện.

Đi theo con đường khác, ông Edison muốn tìm ra một thứ đèn nhỏ, tiêu-thụ hết ít điện mà chiếu được vùng ánh sáng thật to. Ngay buổi đầu tiên, ông đã thí-nghiệm bằng giây thán-chất, ông muốn tìm thứ giây gì để cháy cho thực lâu. Ông đã đem thí-nghiệm ở ngoài không-khí và ở chỗ không có không-khí những than gỗ, than giấy, than vải, kim-khí v. v.

Ngày 21 Octobre 1879, ông lấy sợi chỉ dúng vào thán-chất rồi cho vào bóng đèn đốt thử được hơn 48giờ đồng-hồ. Đèn-điện thành từ đấy.

Song ông còn tìm thứ sợi khác. Ông đem dúng vào thán-chất bao nhiêu thứ giấy, sợi, bông, đá, gỗ, vỏ dừa, v. v. tất cả đến sáu nghìn thứ thảo-mộc, sau mới tìm được thứ sợi tốt nhất làm bằng tre. Lập tức ông phái một toán người sang Tàu sang Nhật, với một toán sang Cuba, sang Floride để mua tre, tiêu-phí đến hàng muôn đô-la một lúc.

Chẳng bao lâu, trên Đại-tây-dương, thành-phố Nữu-ước đã sáng trưng những đèn điện. Năm 1881, đem sang đấu-xảo Ba-lê, đèn điện ấy được khán-quan khen ngợi, coi như cái đệ bát kỳ-công của thế-giới.

Vậy đầu đuôi có hơn 3 năm, ông Edison cho thế-giới ba thứ rất quý: Ống nói, máy hát và đèn điện. Xét ra từ năm 1880 trở đi, ông còn làm «Tạo-hóa» cho bao nhiêu thứ: Hỏa-xa chạy bằng điện, máy sàng có chất nam-châm, máy nghiền quặng kim-khí, máy vun đống, si-măng, một thứ máy chớp ảnh (kinétoscope), thủy-ngư-lôi bắn bằng điện, máy để đo-lường các mùi (appareil de mesure des odeurs), một thứ máy đo đáy đại-dương, máy nghe cho người điếc, máy chữ Remington và hàng trăm thứ nữa, trong đó, ta thấy cả thứ giấy dầu để gói thức ăn.

Thấy cái kỳ tài của ông ra hẳn ngoài trí tưởng-tượng, chắc ai cũng phải lấy làm lạ lắm, có lẽ nào bấy nhiêu công việc vĩ-đại có thể góp vào trong một đời người? Đã có lắm nhà phỏng-vấn bảo ông có thiên-tài, ông đáp: « Thật là một lời quấy quá! có được thiên-tài là chỉ nhờ ở việc làm, ở lòng kiên-nhẫn và ở lòng phục-thiện » (Rồi ông mỉm cười nói pha trò: « *cái thiên-tài, chỉ có một phần là ở ngoài vào (tự-nhiên cảm-hứng) còn 99phần là ở trongra (tài-trí phát-lộ.)*

(Le génie se compose d'un centième d'inspiration et de 99 pour 100 de transpiration). (1)

Quả vậy, ông làm việc ghê-gớm lắm. Mỗi đêm chỉ ngủ có sáu giờ, mà nếu ông còn mải nghĩ mải tìm cái gì thì ông không còn biết thời-khắc là gì nữa. Có đêm, ông ở hẳn trên phòng thí-nghiệm làm việc, mệt quá thì ngả lưng tạm xuống bàn ngủ trộm một chút lại dạy làm việc tỉnh-tao như thường. Cái ăn đối với ông thực không quan-hệ, ông ăn rất tróng vì ông tưởng người ta ai cũng ăn nhiều. Khi nào thấy người béo ra hay gầy đi, ông lại ăn bớt đi hay thêm ra chút ít để giữ cho thân-thể bao giờ cũng nặng như thế (175 livres). Ông không mấy khi uống rượu, ăn ít thịt, rất hay ăn hoa-quả, bánh ngọt, hay uống cà-phê và hút sì-gà. Đến cái mặc, ông càng không chú-ý lắm. Người thợ may theo kiểu cắt áo cho ông trong 25 năm giời, tuyệt nhiên không biết mặt ông. Nhưng ta chớ tưởng ông chỉ chuyên về việc sáng-chế. Ông còn chú-ý đến nhiều khoa-học khác như thiên-văn, âm-nhạc, sinh-lý học, linh-hồn học, kinh-tế chính-trị học v. v. . . . Trong phòng ông, lẫn với các tạp-chí khoa-học, còn thấy các tạp-chí kịch-bản và thể-thao.

Người ta thường gọi ông là nhà bác-học (savant) thiết-tưởng không đúng lắm. Ông không hề tính-toán, không hề tìm phương-pháp gì hết, ông không cốt ý làm cho phần khoa học một chương-cú gì mới cả. Từ bé tới già, ông chỉ có kinh-nghiệm và thực-hành. Một tay đã tô-điểm, hoán-cải cả sự sinh-hoạt của loài người và các trạng-thái trên mặt

(1) Câu này dịch tạm ra thế, tự biết chưa được thật là đúng, xin chất-chính cùng chư vị độc-giả.

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra.

« Les confessions de J.J. Rousseau »

11

Nhưng về sau, có lẽ vì cô thấy tôi không biết giữ-gìn kín đáo hơn là về phần tôi, sự bí mật của chúng tôi bị bại-lộ, nên người nhà mới tìm cách lìa rẽ chúng tôi ra, điều đó tôi lấy làm buồn bực vô cùng.

Mà cứ thực-tình ra, cô Ngô-tôn thật là một nhân-vật kỳ-quặc. Tuy không lấy gì làm đẹp, mà cái vẻ mặt cô ta, ai đã trông thấy một lần cũng khó lòng mà quên đi được. Cái vẻ mặt ấy, bây giờ tôi cũng còn thỉnh-thoảng phảng-phất tưởng-tượng lại trong trí nhớ, mà đối với một anh già rồ-giại như tôi, sự đó thật có chút quá đáng. Nhất là cặp mắt xanh của cô, cho đến cả cái tầm-thước người, cái cách cử-chỉ của cô, thật không hợp với cái tuổi của cô một chút nào. Cô ta lại có cái vẻ nghiêm-trang oai-vệ rất xứng-đáng với chức-vụ của cô, mà chính cái vẻ ấy, nó đã làm nẩy ra cái tình-ý đầu tiên trong cách giao-tế của hai chúng tôi. Nhưng cái điều quái-gở nhất, là cô ta thường có cái thái-độ lúc thì bạo-rạn, lúc thì rụt-rè e-lệ, khiến cho người ta không sao hiểu được. Đối với tôi, thì cô rất mực xuồng-xã tự-do, nhưng về phần tôi đối với cô, thì không khi nào cô lại dung-túng những điều đó. Cô đối phó với tôi, thật hoàn-toàn như đối-phó với một đứa trẻ con; vì vậy, cô làm cho tôi tưởng rằng cô đã không phải là trẻ con nữa rồi, hay là cô hãi còn trẻ con quá, nên mới coi như trò-chơi cái tình-cảnh nguy-hiểm mà cô đương giấn thân vào.

Nói cho đúng ra, tâm-thần tôi hoàn-toàn bị mê-mẩn vì hai người ấy, mà mê-mẩn đến nỗi rằng ngồi với một người này, thì tôi không bao giờ để tâm một tí gì đến người kia nữa. Vả lại, hai mối cảm-tình mà hai người đó đã làm nẩy ra ở trong tâm trí tôi, thật không có giống nhau một chút nào. Tôi mong được suốt đời gần gũi cô Vinh-sơn mà không bao giờ nghĩ đến chuyện ly-biệt; nhưng mỗi khi được thân-cận cô, thì tôi thấy trong lòng hoan-hỷ, mà hoan-hỷ một cách bình-tĩnh, chứ không bao giờ đến nỗi cảm-động quá. Tôi yêu cô nhất là ở trong những lúc trù-nhân quảng tọa; những câu cợt-bỡn, những điều chế-riễu, cho đến cả những sự ghen-tuông nữa, càng làm cho tôi thân-mến cô, săn-sóc đến cô. Đứng trước những kẻ địch-thủ nhiều tuổi hơn, phú-quý hơn, mà lại được cô biết-nhẫn mình, khinh-miệt bọ, thì tôi thật chứa-chan lòng tự-đắc. Cũng có khi bị đau-đớn, nhưng tôi yêu cái đau-đớn ấy! Những giọng ngợi-khen, những điều khuyến-khích, những tiếng kêu hò rầm-rĩ càng làm cho tôi thành ra hăng-hái bạo-ran. Trong đám đông người, tôi tự-nhiên thấy chứa chan tình-tứ, mà nếu riêng mình đối-diện với người mỹ-nhân, thì tất lại hóa ra ngượng-ngùng, lạnh-lẽo, chán-chường. Tuy vậy, tôi rất âu-yếm săn-sóc đến cô Vinh-sơn, mỗi khi cô đau-yếu, thì tôi trong mình cũng thấy khó chịu, giá đem sức khỏe của tôi đổi cho cô được, có lẽ tôi cũng chẳng tiếc gì. Vả các Ngài cũng nên biết rằng nhờ ở sự lịch-duyệt, tôi cũng đã hiểu thừa, thế nào là tật-bệnh, thế nào là khỏe-khoắn! Vắng mặt cô, tôi tưởng nhớ hoài, hình như thiếu mất một vật gì thiết-dụng, đến khi gặp mặt, thì những nỗi thương-yêu ân-ái của cô lại làm cho tôi tâm-thần thư-khoái mà không hề nói gì đến đường vật-chất. Tôi rất thân-mật với cô, mà thân-mật một cách tự-do; cái trí-tưởng tôi chỉ yêu-cầu tôi những điều gì mà cô vui-lòng ưng-thuận ban cho mà thôi. Nhưng giá tôi trông thấy cô đối-đãi với ai cũng như đối-đãi với tôi, thì thật tôi sẽ không tài nào chịu nổi. Thành thử tôi yêu cô như một người anh em ruột, mà ghen thì chẳng khác gì một người tình-nhân.

Đối với cô Ngô-tôn, giá tôi chỉ tưởng-tượng rằng có một kẻ khác cũng được cô đãi-ngộ như tôi, thì tôi sẽ phát ghen lên như một người Thổ-nhĩ-kỳ, một kẻ hung-ác, một con cọp đực vậy. Bởi vì cái cách đãi-ngộ ấy cũng là một cái đặc-ân phải quỳ gối mới van-xin được. Đến gần cô Vinh-sơn, tôi thấy có cái lạc-thú rất nồng-nan, nhưng không đến nỗi bối-rối; còn như cô Ngô-tôn, thì chỉ trông thấy người, đã đủ làm cho tôi hình như hoa mắt, không còn nhìn thấy gì nữa, mà cả người luống cuống không sao tự-chủ được. Đối với cô Vinh-sơn tôi thân-mật mà không

---

đất, đó chỉ nhờ ở sự cần-mẫn và kiên-tâm. Bước ra tay trắng, ông Edison đã lập lên bao nhiêu xưởng kỹ-nghệ, vốn đến 7 nghìn triệu đô-la, nuôi đến 600 nghìn thợ.

Ông thực xứng đáng làm người danh-nhân thứ ba của nước Hoa-kỳ, tên ông gần thành một cái danh-từ chung, nói đến « thomas édison » tức là nói « nhà sáng chế » vậy. Nhà bác-học Albert-Einstein nói: *« Có cai thiên-tài mãnh-tiến bất quyện, ông Edison là một người trong hạng người mà cái mảnh óc sáng-kiến đã rèn-đúc nên thời-đại mới. Ông đã phát-minh cho ta nhiều điều, nhiều việc mà giá bây giờ không có, thì ta tưởng như không thể nào sinh-hoạt được nữa. Rồi đây, hàng mấy đời nữa, cái nhân-cách dũng-cảm của ông sẽ còn đập-mạnh vào trí-tưởng của bọn thiếu-niên »* (*Edison au génie puissant et inlassable était un de ces cerveaux créateurs qui façonnèrent les temps modernes; il nous a donné des choses sans lesquelles il nous est maintenant impossible de concevoir l'existence, et sa personnalité puissante frappera pendant plusieurs générations l'imagination de la jeunesse*).

Ngày 18 tháng mười năm 1931, ông mất ở West-Orange (New-Jersey). Lúc ấy, ông vẫn là một nhà sáng-chế xuất chúng, ông vẫn kiên-tâm làm việc hơn người.

Đ. Huy-Hạo *thuật*

biết là thân-mật, còn đối với cô Ngô-tôn, dù trong những lúc lả-lơi âu-yếm, tôi vẫn thấy run-rẩy bối-rối. Tôi tưởng hình như nếu tôi gần-gũi cô ta lâu-lại một chút thì tôi sẽ bị cảm-động quá mà chết ngạt. Cả hai bên tôi vẫn muốn tránh cho khỏi làm mất lòng ai, nhưng một đằng thì chỉ có ý chiều-chuộng, mà một đằng thì lại hình như uý-phục, tuy cho một vật gì rất là quý trọng nhất thế-giới mà bảo tôi làm cho cô Vinh-sơn mếch lòng, tôi cũng từ-chối, nhưng nếu cô Ngô-tôn bảo tôi nhảy vào đống lửa, tôi thiết tưởng lập-tức tôi sẽ vâng lời ngay.

Cũng may cho nàng mà phúc cả cho tôi, cái ái-tình, hay nói cho đúng ra là những cuộc hội-ngộ của tôi với cô, hay Ngô-tôn không được lâu dài. Còn cái tình dan-díu với cô Vinh-sơn, tuy không đến nỗi nguy-hiểm như thế và có lâu bền hơn đôi chút, nhưng cũng không tránh khỏi có cuộc phong ba. Cái kết quả của những việc đó bao giờ cũng có chút khí-vị tiểu-thuyết và làm cho bật ra mấy nhời ta-thán. Tuy rằng cuộc đi lại của tôi với cô Vinh-tôn kém vẻ nồng-nàn, nhưng có lẽ lại thân-thiết hơn. Trong những lúc chúng tôi từ-biệt, không bao giờ là không nước mắt vắn dài, mà lạ nhất là sau khi từ-giã nàng, thì tôi hình như bị ném vào một cái cảnh hiu-tịch không sao chịu nổi. Trừ nàng ra, tôi không còn có thể nói đến ai, nghĩ đến ai nữa. Lòng nhớ tiếc của tôi, rất là mãnh-liệt và xuất ư chân-tình. nhưng bây giờ tôi thiết tưởng rằng: thật ra, cái lòng nhớ - tiếc hùng-dũng ấy, không phải toàn là vì nàng, mà chính những cuộc chơi-vui nhờ ở nàng bầy đặt ra đã chiếm một phần to ở trong ấy. *(Còn nữa)*

Nguyễn-tiến-Lãng

Trong viện sách

Bản - chí vừa nhận được quyển «Đại-báo phụ mẫu ân trọng-kinh» của sư-cụ Trần-ngọc-Kỳ do ông Ng. mạnh-Bổng in, xin giới thiệu cùng các quý-độc-giả.

Bạn đồng-nghiệp «Tiên-Long-Báo» đã ra đời. Nơi đế-đô lại có một tờ tuần-báo. Có dịp, chúng tôi sẽ xin giới-thiệu kỹ-càng hơn.

GIÁO-HOÀNG với MUSSOLINI

Kết cục sự xung-đột ở nước Ý

Pie XI

Giáo - hoàng, người thay mặt đức Chúa-Giời trên mặt đất, từ xưa tới nay vẫn giữ bao nhiêu quyền-thế rất lớn ở hoàn-cầu, hay nói rõ ra là ở khắp các nơi nào có Gia-giáo, thế mà lại đứng sánh vai với một nhà độc-tài, một người chỉ cốt nắm hết quyền-hành trong tay mình thì khó lòng tránh được cuộc xung-đột.

Nã-phá-luân là một nhà độc-tài, ta đã thấy chuyện Giáo - hoàng Pie VII ở Fontainebleau ngày trước.

Mussolini cũng là một nhà độc-tài, ta lại thấy chuyện Giáo-hoàng Pie XI ở Rome ngày nay.

Cứ kể thì nỗi bất - bình gây lên đã lâu, đã từ năm 1870 nước Ý lé mình ra ngoài quyền chính - thể của Giáo-hoàng, song từ ngày đảng «Phát-xít» cầm quyền, cuộc xung-đột lại càng thêm kịch - liệt. Kỳ trước, chúng tôi đã nhắc lại câu chuyện cũ, Giáo-hoàng hăng-hái đòi quyền - lợi mình trong xã - hội, các báo «Phát-xít» vin vào đấy công-kích cánh Gia - giáo hành - động trái với tờ hiệp-ước ký hôm xưa.

Hôm 6 mai 1931, báo Lavoro Fascista đăng tin cánh Gia-giáo tổ-chức cuộc kỷ-niệm ngày 14, 15 và 16 mai, kể rất rõ-ràng các việc xảy ra, hình như họ cũng có đi dự vào các hội-đồng bí-mật ở điện Vatican vậy.

Báo ấy nói: «Nhiều hội - viên đứng dạy đồ tội cho Chính - phủ không theo hợp - ước Latran, xin kết-án những kẻ bỏ Nhà-thờ vào đảng «Phát-xít», và tính cách làm cho thanh-thế Gia - giáo thêm to. Mgr. Pizzardo quyết rằng: nếu các tín-đồ Gia-giáo ở Tây-ban-nha biết liên-kết đoạt lấy chính - quyền thì bẩn không đến nỗi bị thảm-sát và ngược-đãi» . . . Rồi báo ấy kết: «Hết thảy các hội-viên trong Gia-giáo đều muốn đạp đổ Chính-quyền, vậy muốn phòng một cái nạn gớm-ghê, ta phải dùng đến chính - sách ghê-gớm!»

Lời hô - hào có hưởng - ứng ngay lập - tức. Từ chiều hôm ấy, đảng «Phát - xít» hợp nhau từng toán một đi khắp thành-phố, hò-hét om-sòm, vào phá tòa báo Osservatore Romano cướp lấy giấy má đốt sạch, kéo đến các nhà giáo-đường, nhà Đại-học của Gia-giáo đập phá tan - tành. . . Đâu đâu cũng thấy tiếng hò la: «Đả-đảo Giáo - hoàng! Đả-đảo. . .!»

Hầu - tước Della Torra, chủ-nhiệm báo O. R. ở điện Vatican bước ra, gặp ngay hai người mặc «si - vin» mời về bóp. Nhảy vót một cái, hầu - tước đã vào trong cổng điện, quay lại nói sẽ xin tiếp ông cầm tại buồng giấy nhà tư. . . hầu - tước nghĩ đến mấy ông bạn quá-cố!

Rồi đêm hôm sau, cha Rosa chủ-nhiệm tạp - chí Civiltà Catholica cũng suýt bị choảng, 50 anh áo-đen xông vào tòa báo, gặp cái gì đập cái ấy, bao nhiêu giấy má sách vở bị quăng lồng-chồng cả ra đường. Giữa lúc ấy, ở khắp toàn-quốc, nhất là ở Venise, Florence, Milan, đều có cuộc biểu-tình «tẩy-chay» Gia-giáo.

Rồi bỗng sáng ngày thứ sáu 29 mai tình-hình yên-lặng hẳn như có mệnh - lệnh ngăn lại vậy. Nhưng hôm sau, thứ bẩy, hàng hơn trăm hội-quán Gia-giáo bị đóng cửa, rồi một tờ thông-đạt truyền lệnh cho các đảng-phái của bọn thiếu-niên không thuộc về đoàn «hướng-đạo» hay đảng «Phát-xít» đều phải lập tức giải-tán, một mặt, Chính-phủ quyết không dung cho kẻ «phản Phát-xít» ẩn được dưới bóng cờ nào và truyền lệnh cho các lãnh-tụ phải thẳng tay trừng - trị. Mussolini cương-quyết đi đến cùng đường.

Nhưng Giáo-hoàng Pie XI nào có chịu lép. Phút chốc, ngài xoay hẳn

thế-thủ ra thế-công. Giữa lúc dùng lời phản-kháng Giáo-hoàng còn hăng-hái tìm cách kích-thích cho phong-trào phản-kháng thêm bồng-bột. Trong một buổi nói về ông Landriani, người bổn-đạo đã tận tâm về việc huấn-luyện thiếu-niên, ngài nói một cách thống-thiết: «Trước mắt chúng ta đây đã thấy hiển-hiện ra những kết-quả đầu-tiên của một cách giáo-dục trái hẳn với cách giáo-dục của Nhà-thờ, kẻ kia chỉ dạy những sự oán-thù, bất-kính với bạo-động.....»

Chiều hôm thứ hai 1er Juillet, báo O.R.đăng tin các lễ nhà-thờ và mọi việc hội-họp về tôn-giáo ở Ý đều bị cấm. Lệnh cấm ấy có ý bảo rằng Gia-giáo đã làm nhiều việc đáng nghi-ngờ, thì từ nay không được tự-do truyền-bá trong nước nữa.

Lập-tức ở toàn-quốc và ở gần khắp toàn-cầu thư-từ tới-tấp gửi về chia buồn và tỏ lòng trung-thành với Giáo-hoàng.

Một tháng sau, chẳng thấy nhà độc-tài ngỏ-ý nhượng-bộ, Pie XI lại tìm một phương-pháp mạnh hơn. Ngày 29 Juin, trong một bức thư gửi đi cho hết thảy các anh em đồng-đạo, Giáo-hoàng bênh-vực hội Gia-giáo và công-kích kịch-liệt chính-sách ngược-đãi giáo-dân của đảng «Phát-xít» cùng là những tôn-chỉ của chính-thể đương thời. Những tôn-chỉ ấy, Giáo-hoàng cho là trái ngược hẳn với thiên-đạo và lương-tâm.

Bức thư ấy, Giáo-hoàng ngầm cho mang đi ngoại-quốc đã, sau mới gửi đăng các báo-chí. Ngang giời tiếng sét, bức thư ấy làm cho náo-động cả Gia-giáo giới, làm náo-động cả đảng «Áo-đen».

Ít ngày trước khi báo đăng thư ấy, nhà độc-tài đã tỏ lời đe-dọa: «chúng ta sẽ biết giữ-dìn cho cuộc cách-mệnh Phát-xít, dù phải đối-địch với kẻ nào, phải dùng đến cách nào, ta cũng sẵn lòng.» Nhưng Giáo-hoàng cứ tiến. Người ta e rằng lời đe-dọa kia sẽ có thực-hành. Các báo «Phát-xít» nhao-nhao buộc cho Giáo-hoàng tội phản-quốc. Dùng lời gây-gạch báo Gazetta nói thẳng: «Thiệt vậy, chúng tôi đều nhắm mắt theo lệnh nhà Lãnh-tụ. Ví dụ ông ra lệnh cho chúng tôi bắn hết các cố-đạo, chúng tôi không hề ngần-ngại một chút nào. Nếu trong bọn chúng tôi có kẻ nào không được cương-quyết đến thế, thì cho họ về đảng với Giáo-hoàng.» Câu nói ấy tưởng cũng không quá. Đêm hôm 17 Juillet, trong vườn điện Vatican, người ta bắt được quả bom sắp nổ. Việc mưu-hại ấy hẳn là của người «Áo-đen».

Xuốt mùa hè năm 1931, tình-thế rất găng, người ta tưởng dễ không giảng-hòa được thì tất đến xô-xát nhau mất. Xô-xát nhau, đảng Phát-xít cũng còn có ý ngại, họ phải quay về câu chuyện giảng-hòa. Mấy tờ quan-báo lác-đác đăng tin này đầu tiên, không thấy cải-chính. Rồi ngày 1er Août, trong một buổi diễn-thuyết, nhà độc-tài tỏ ý «dĩ hoà vi quý», trước nói về chánh-sách đối ngoại của đảng Phát-xít, «đối các nước xa, các nước gần, các nước bên cạnh nách» cuối cùng hơi đả-động đến Vatican. Bài diễn-thuyết được các báo ca tụng.

Rồi cái tin hòa-giải thành ra thực. «Đối với Giời, đối với Tổ-quốc trước đã, các tình khác, các bổn-phận mới đến sau.»

Sau một thời-kỳ bàn-bạc trên báo chương, sau một buổi điều-đình, hai bên lại ký hiệp-ước. Bản hiệp ước có chỗ này cốt-yếu nhất:

1.—Các hội Gia-giáo từ nay sẽ chia từng hạt, mỗi hạt có một ông Linh-mục cai-quản và lựa trọn lấy người trông coi, các người ấy phải là người chưa hề liên-can vào việc chính-trị.

2.— Cách tổ-chức cái hội ấy phải không có tính cách nghệ-nghiệp liên-đoàn. Nếu các hội ấy có can-thiệp vào một vài liên-đoàn nào đã được nhà-nước công-nhận thì chỉ là để giúp cho các liên-đoàn ấy thực-hành được tình liên-lạc giai-cấp và đạt được mục-đích xã-hội và quốc-gia của Nhà-nước thôi.

Thế là các hội Gia-giáo lại được mở cửa, cánh Gia-giáo lấy làm đắc chí reo lên rằng sự thắng-tiệp đã về mình. Câu nói này thực cũng chẳng ngoa vì đã nhiều lần nhà độc-tài tuyên-ngôn quyết không chịu nhượng-bộ.

Song xét kỹ ra, bước «rật lùi» của nhà độc-tài còn ngắn lắm. Hội Gia-giáo đáng lẽ là một cơ-quan lớn lao, thì nay phải chia vụn ra từng hạt, thuộc quyền ông cố trông coi; đáng lẽ được tự-do truyền-bá đạo-giáo vào cuộc sinh-hoạt của xã-hội thì nay chỉ được săn-sóc ở chỗ linh-hồn, các hội thanh-niên Gia-giáo từ nay chỉ được dự những cuộc tiêu-khiển và những việc hành-động có tính-cách tín-ngưỡng thì không còn có thể ganh-đua với bọn «Phát-xít» được nữa, mà cái phương-pháp giáo-dục bấy lâu Giáo-hoàng cực-lực phản-đối ngày nay lại được Giáo-hoàng công-nhận để ban-bố ra dân-gian. Vậy thì thực ra chính đảng «Phát-xít được thắng-lợi mới phải.

Nhưng bản hiệp-ước đã ký, cuộc xung-đột suốt ba năm giời đã kết-liễu. Ngày 11 Février 1932, Mussolini thân đến điện Vatican ký hiệp-ước. Giáo-hoàng tặng cho nhà độc-tài một cái vuốt-vàng -- vuốt ấy xưa nay vẫn để thưởng cho các tay thủ-lĩnh có công to với Gia-giáo.

Năm 1929, ngày 11 Février, một bản hiệp-ước; năm 1932, cũng ngày 11 Février, lại một bản hiệp-ước, không biết bản hiệp-ước năm nay đã là bản cuối cùng chưa hay còn có ngày 11 Février nào nữa.

Đinh Huy-Hạo

Đồng tiền bây giờ khó kiếm!

Hanam. — Đồng tiền bây giờ thật khó kiếm quá! Chẳng muốn *khó* đến thân, thày chánh-hội làng Tiêu-viên huyện Bình-lục tìm cách làm tiền lấy tiêu chơi. Thật là một cái chơi dại. Hôm thứ hai mới rồi sở mật-thám về nhà thày tóm được hết các vật-liệu: bàn in, thuốc vẽ, giấy, bút, mực với hơn 400 tờ giấy giống giấy bạc của nhà-nước.

Luôn buổi sáng hôm ấy, thày Chánh-hội, em thày với một người nhà thày lên ô-tô về sở mật-thám Hanoi. . . chờ.

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Hanoi. — Một phạm - *nhân* tên là Đào - tiến - Tường nhà ở 24 phố hàng Giấy vì can tội chứa Kỳ-con, Nguyễn - văn - Nho và khí-giới bị Hội-đồng Đề-hình kết án 5 năm tù. đầy lên Sơn-la, nay vì ốm nên được về Hanoi giam ở nhà pha Hỏa-lò. Bà Tường bị án 10 năm vẫn bị giam ở Hanoi.

Phú - thọ. — Tổng - Công người làng Phù-đổng can việc buôn thuốc-phiện lậu để lấy tiền giúp Hội-kín mua khí-giới, mới bị giải ở Hanoi lên Phú-thọ để xét về việc bán khí-giới lậu ra sao.

Saigon. — Hai người hương-chức tên là Nguyễn - văn - Sưu và Phan-huy-Lợi vì can việc Hội-kín bị bắt ngày 13 Octobre. Hôm lấy cung ở bóp Saigon, Sưu toan cắn lưỡi tự-tử nhưng không thoát. Mới đây mỗi người bị tòa phạt 5 năm tù và 5 biệt-xứ.

Một vụ án-mạng ghê-gớm

Hải-phòng. — Một ngăn gác nhà số 19 đường Central, ba người ở: ông Đỗ-văn-Thu, chủ nhà, làm kế-toán sở xi-măng, ông Đức, bạn ông mới đến ở chung được nửa tháng với một đứa đầy tớ.

Nửa tháng nay, nhà vẫn vui-vẻ. Hôm ấy, cũng như mọi hôm, cơm xong, ông Thu lên giường nằm đọc nhật-trình với bạn, thằng ở đi quẩy nước... Giời mưa, mưa to gió lớn ầm ầm hơn một giờ mới tạnh, thằng nhỏ quẩy nước về gọi cửa mãi, ông Đức chạy ra mở gắt:

— Làm gì mà gọi inh lên thế? lần sau ông cộp chết!

Thằng nhỏ thấy tay ông Đức có vết máu, sinh nghi. Nhìn vào nhà, màn ông chủ buông, nó toan vào gọi chủ, ông Đức cười ngăn lại:

— Cậu mày đương ngủ với gái trong ấy, mở thì chết!

Một gánh nước, hai gánh nước... thằng nhỏ chợt thấy một con dao phay nhét chỗ só bếp, cán đọng máu bê-bết. Nó sợ quá, sẽ bảo với chủ - nhà. Lúc ấy, ông Đức vẫn điềm-nhiên kể Kiều, ca cải - lương, rồi ung-dung xuống gác thuê xe áo tơi cánh gà đi mất.

Một lúc, bà chủ nhà cùng thằng nhỏ lên gác, vén màn ông Thu, thì, trời ơi! ông Thu đã chết gục trong vũng máu, chân trái bị cắt cụt, chân phải cắt còn lủng-lẳng, bụng rách, ruột lòi, những nhát dao sả gần tới xương sống, cổ bị băm nát lòi cả cuống họng, ngang mặt bị hai nhát dao gần sẻ mặt với đầu làm đôi, cái hàm dưới còn lủng - lẳng. đầu bị chém nát bét, óc lòi ra...

Sở mật-thám đến xét thi thi-thể ông Thu bị chặt làm ba đoạn, chân trái bị chặt rời cuộn vào cái quần tây để trong va-ly.

Không biết thù-hằn đến thế nào mà hung-thủ giết người một cách ghê-gớm thế?

ĐỨC

Hindenburg được tái-cử!

Ông Hitler có ý muốn nhường cho cựu hoàng-tử Đức ra ứng cử tổng-thống nhưng Hoàng-tử không được Phế-đế cho phép, đành phải thôi và ký tờ tuyên-cáo cổ-động hộ ông. Cánh ông Hindenbourg và cánh Cộng-sản cũng cổ-động dữ, thủ - tướng Brüning cực - lực vận-động giúp quan thống-chế cũ và phản-đối ông Hitler. Đêm hôm 9 Avril, xảy ra nhiều cuộc xung-đột, 1 người trong phái Cộng-sản bị giết, 200 người bị bắt, nhiều cơ-quan chiến-tranh của đảng Nazis bị khám-xét.

Song cuộc bầu phiếu cũng được yên-ổn, kết-quả như sau:

Số người đi bỏ phiếu: 36.530.140.

Thống-chế Hindenburg được: 19.367.688 tức 52,9%.

Ông Hitler được: 13.419.602 tức 37,7%.

Ông Thaelmann được: 3.705.898 tức 11,2%.

Vậy so với cuộc đầu-phiếu lần trước, (đăng trong số báo 33) số phiếu của ông Hindenburg chỉ được hơn có trên 700 nghìn, mà số phiếu của ông Hitler được hơn những trên 2 triệu, đủ biết đảng «Ra-xit» tiến-bộ vô-cùng, ở Đức không còn đảng nào mạnh đến thế nữa. Ông Hindenburg tuy đắc thắng, song đa số phiếu bầu ông không cùng ở một phái, thì thực ra ông Hitler cũng không phải là không thắng đâu.

Song le, các báo cũng rất hoan-hô sau khi thấy thống-chế Hindenburg được tái-cử.

Tin vắn

Longxuyên. — Cái nạn chuột ở Nam-kỳ bà con ta bẩn chẳng ai còn lạ. Mới đây các «ông tý» kéo đại đội ra phá hết 1.500 mẫu lúa xạ ở vùng chợ Mới, Địch-phước và Địch-thanh.

Pháp. — Ông Paul Boncour được cử vào chân đại-biểu vĩnh-viễn của Pháp tại hội Vạn - quốc, thay ông A. Briand.

— Sau khi đã đi xem hết các phong-cảnh đẹp ở Maroc, đức Bảo-Đại đã theo đường Tây-ban-nha trở về Mẫu-quốc.

Anh. — Hai quan thủ-tướng Pháp Anh vừa mới gặp nhau ở Luân-đôn, bàn việc họp 4 cường-quốc để giúp các xứ miền sông Danube về đường kinh-tế và tài-chính.

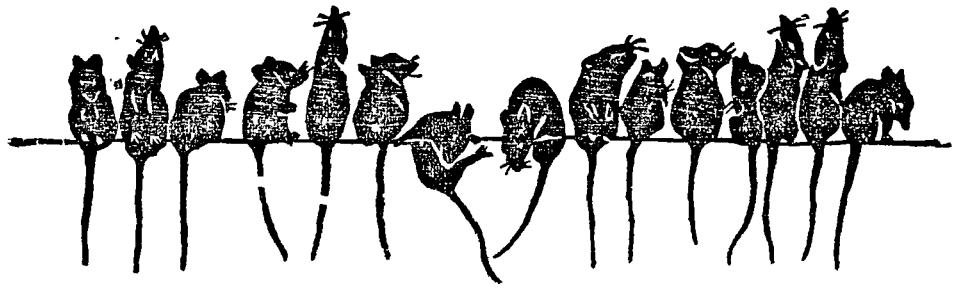

VĂN-ĐÀN

VĂN XUÔI

Chữ trinh lúc thường

Tính-hạnh người đàn bà có một cái trọng nhất là chữ *Trinh*; đạo người đàn bà đối với chồng có một cái trọng nhất cũng là chữ *Trinh*. *Trinh*, nghĩa là chính-truyên. *Chính* thời không có gian-tà, là giữ lấy tính-hạnh của mình cho nhất đức; *truyên* thời không có lòng nào với người khác, là giữ lấy tình nghĩa với chồng cho nhất tâm. Một chữ *Trinh* của đàn bà, từ xưa đến nay, cả Đông lẫn Tây, đời nào cũng phải quí, nước nào cũng phải chuộng.

Chữ *Trinh* đáng quí và đáng chuộng thời tự người đàn bà càng nên biết quí chuộng là phải. Ngọc lành đã được giá, nên phải giữ sao cho sạch vết, khỏi phụ lòng người mua. Trăm năm đà kết ngãi đá vàng, sông chưa cạn, đá chưa mòn, mà nỡ đem một tấm lòng son, yêu riêng sẻ giấu, thời soi gương thẹn với gương, xem hoa thẹn với hoa, (1) đứng giăng thẹn với giăng, ngồi đèn thẹn với đèn, đêm nằm thẹn với chăn, ngày đi thẹn với bóng; trong đời người có một chút quý nhất mà dứt tình cho đang! Chẳng qua vì cái ngòi vật-dục khêu ở ngoài, ngọn lửa tà-dục bốc ở trong, làm cho một chút lòng *trinh* đương đỏ như son, mà cháy ra than, tàn ra gio, tan ra khói. Tiếc thay!

Than ôi! Trâm cài lược rắt, ai kém chi ai; chút *Trinh* kia nếu đã không còn thời thiên-hạ xem ra dẻ giá. Đàn bà muốn có giá, trước nên quí chuộng lấy chữ *Trinh*.

(1) Nam chữ này chưa ổn, mà chưa tìm được chữ thay.

Chữ Trinh lúc biến

Khó nói thay!

Cảnh-ngộ trong một đời người ta, rất là không có thường. Cảnh-ngộ không có thường mà đức-hạnh giữ được thường thời chỗ đó mới là chỗ hơn người mà trong nhẽ đáng quí càng đáng quí. Bởi thế cho nên chữ *Trinh* đến lúc *biến*, khó nói thay!

Chữ *Trinh* trong lúc thường, những người làm mất thực là kém; nhưng các người giữ được, cũng chỉ vào hạng đáng qui chuộng mà chưa lấy gì làm hơn ai. Ai hơn ai, xem nhau ở lúc *biến*.

Đời người mà phải có lúc biến, thực rất là không may; nhưng gió cả biết cây cứng, mềm, thời chữ *Trinh* đến lúc ấy mới càng tỏ. Than ôi! chỉ thắm trăm năm, chưa se đã đứt; đầu xanh đôi lứa, đương hợp mà tan. Dẫu luật-lệ của vua chúa chưa từng buộc người lấy chữ *Trinh*, lễ-pháp của thánh-nhân chưa hăn ép người lấy chữ *Trinh*. Nhưng khuyên ai gượng mối tơ lòng, ngọc càng chuốt, gương càng chong, chữ đồng càng sáng! Làm người nên biết nghĩa «*ngàn-thu*» là qui; đàn bà chỉ có một chút đó có thể sánh được với cái *trung*, cái *hiếu*, cái *anh-hùng* bên con giai.

Nghĩ sao cho được hơn người,
Tiếng thơm để lại muôn đời ngượi khen.

Đài-gương kinh

THƠ

Ngày xuân tương-tư

2. — *Tự họa bài ra số 30*

(Theo xuôi vần)

Trách quần con tằm với sợi tơ!
Nhớ ai? mà lắm nỗi sầu-tư!
Muốn đi tửu-quán chừng không bạn!
Ngó lại văn-đàn các có thơ!
Tóc bạc đã nên ông cụ thế!
Đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa!
Thuyền nan sông cái, con tầu bể;
Bờ bến nào đâu? đã đến chưa?

Tản-Đà

3. — *Họa bài họa trên đây*

(Theo ngược vần)

Hỡi giống đa tình đã biết chưa?
Tơ tằm vương mãi tự ngày xưa.
Gió mưa bốn bể hồn theo bạn;
Vàng ngọc trăm năm túi nặng thơ.
Lửa đốt lòng son câu thế-sự;
Gương soi tóc trắng nỗi sầu-tư.
Thuyền nan sóng đánh, tầu than hết;
Đương cột giây buồm một sợi tơ.

Tản-Đà

Họa bài «sinh con giai» của M. Kỳ-sơn

Chào đời một tiếng khóc oa oa.
Mừng-rỡ xôn-xao nức cả nhà.
«Rằng có» như ai chừng mới một;
«Chẳng giầu» đây tớ đã ngoài ba.
Số dân nước lại thêm nhiều mãi,
Giống qui giời cho chửa muộn mà.
Bốn bể anh-hùng đương gặp hội,
Mong con chóng lớn kịp người ta.

Nam-Đán

Khóc người nội-trợ

Tuổi ngoại ba mươi cũng một đời,
Cõi tiên nặng đã vội xa chơi.
Gót sen họa thấy người trong mộng,
Mặt ngọc trông theo bóng cách vời!
Sơn-hải thề nguyền duyên đã lỗi,
Khuê phòng ân ái kiếp nào thôi!
Sắc tài chi lắm giời sinh ghét,
Hoa giữa xuân, mà cánh tả-tơi!

Trần-Viết-Bảo

Bài giác thế tân thanh ngoài Bắc

(Năm 1906)

« Người ta tánh thích đi chơi,
Mấy nước cũng tới, mấy nơi cũng từng.
Ở rõ khắp biển băng núi lửa,
Đi rõ cùng Đông - Á Nam - Phi.
Người mình một bước chẳng đi,
Trọn đời xó bếp biết gì đến ai.
Ra khỏi cửa một ngày đã nhác,
Tỉnh này sang tỉnh khác đã xa.
Đi đâu cũng ngó lại nhà,
Vợ con vấn vít chó gà loanh quanh.
Người ta lấy vệ sinh làm trọng,
Cốt lúc còn mặc sướng ăn sung;
Chết đi nhắm mắt là xong,
Như gỗ như đá thôi không cần gì.
Chẳng qua cũng chôn đi khuất mắt,
Chiếc xe đưa lấp đất là xong.
Anh em bạn hữu có lòng,
Bó hoa trước mả vô cùng kính yêu.
Ai mà có công lao danh tiếng,
Đúc tượng đồng làm truyện để sau;
Gọi là thương nhớ dài lâu,
Chả cầu khấn vái, chả cầu cúng dơm.
Người mình sống ăn nhơm ở dở,
Chẳng chút chi được đỡ lấy mình;
Chết rồi ma đám linh đình,
Bày ra cuộc tiệc. . . . .»

Bài ca khuyên học Quốc-ngữ ở Quảng-nam

(nam 1906)

Đấng làm trai đứng trong trời đất,
Phải sao cho mở mặt non sông.
Kia kia những kẻ anh hùng,
Cũng vì buổi nhỏ, học không sai đường.
Cuộc hoàn-hải liệt-cường tranh-cạnh
Mở trí dân giàu mạnh đường bao.
Nước ta học-vấn thế nào,
Chẳng lo bỏ dại, ngày nào đặng khôn?
Chữ quốc-ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra dạy trước dân ta.
Sách Âu Mỹ, sách Chi-na,
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra rõ ràng.
Nông, công, cổ tram đường cũng thế,
Hợp bầy nhau thời dễ toan lo.
Á Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư-cách, mới cho là người.
Một người học muôn người cùng biết,
Trí đã khôn trăm việc phải hay.
Lợi quyền đã nắm vào tay,
Có ngày tấn-hóa có ngày văn-minh. . .»

T. D.

DỊCH THƠ PHÁP

Patrick

(Air populaire Irlandais)

Patrick sur les flots amers
Des mers,
Est parti, cherchant fortune.
Du bord on a vu le beau
Vaisseau
S'enfoncer dans la nuit brune.
Depuis ce jour,
Son vieux père
Soupire, attend, espère!...
Ah! vienne l'instant prospère,
L'instant prospère du retour.

* * *

Hélas! quand reviendra-t-il
De l'exil?
Son vieux père est sans nouvelles!
Les heures suivent leur cours,
Toujours
Le malheur marche avec elles.
La foudre luit!
Le ciel gronde!...
Le père est seul au monde!
Patrick, sous la mer profonde,
Repose en l'éternelle nuit.

R. Dailhac

Cha con

Sóng thảm muôn trùng quyết vượt qua
Biển xa
Vì tham phú quí phải li gia
Con tầu xinh đẹp đã rời bờ
Lờ đờ
Sẵn thẳng vào nơi tối mịt mờ
Kể từ hôm ấy
Đấng cha già
Than thở băn khoăn vẫn đợi chờ
Ngày ngày tháng tháng mong từng giờ
Mong được nhìn con trở lại nhà.

* * *

Bao giờ con rời nơi bị đầy
Về đây?
Cha già tin tức vẫn không hay!
Thời giờ mau chóng như tên bay
Thảm thay
Tai nạn đi đôi với tháng ngày.
Sấm gầm chớp nhoáng
Trời chuyển lay!...
Trơ trọi trên đời cha ngày nay!
Sóng còn bể thẳm quãng đêm giầy,
Vĩnh biệt, con ơi, tình chua cay.

T. K. Giư *dịch*

Les yeux

Bleus ou noirs, tous aimés, tous beaux;
Des yeux sans nombre ont vu l'aurore;
Ils dorment au fond des tombeaux.
Et le soleil se lève encore.
Les nuits plus douces que les jours.
Ont enchanté les yeux sans nombre;
Les étoiles brillent toujours
Et les yeux se sont remplis d'ombre.
Oh! qu'ils aient perdu le regard,
Non, non, cela n'est pas possible!
Ils se sont tournés quelque part
Vers ce qu'on nomme l'invisible;
Et comme les astres penchants
Nous quittent, mais au ciel demeurent,
Les prunelles ont leurs couchants,
Mais il n'est pas vrai qu'elles meurent:
Bleus ou noirs, tous aimés, tous beaux,
Ouverts à quelque immense aurore,
De l'autre côté des tombeaux
Les yeux qu'on ferme voient encore.

Sully Prudhomme

Sóng khuynh thành

Bao mắt xanh hữu tình lấp lánh;
Từng ngửa nhìn trước cảnh bình minh
Dưới mồ nay bỗng vô tình.
Vừng ô vẫn mọc, mắt xinh đâu nào!
Những đêm thanh xiết bao êm ái
Khóe thu ba ngày dài mơ mòng;
Vẫn kia: sao sáng, trăng chong.
Trên mồ, này: lớp cỏ phong xanh rì.
Ôi! lim-lịm âm-ty chăng tá?
Giống đa tình sao hóa vô-tri?...
Hẳn đã chán cõi bi - vi
Mà đưa cặp mắt nhìn đi phương nào...
Cũng chẳng khác trăng sao kia lặn
Dẫu rời ta, những vẫn ở trời,
Con người tuy lánh cõi đời
Mà nào đã hẳn ra loài diệt vong:
Sóng thu thủy vẫn long lanh liếc,
Bên kia làn nước biếc non xanh.
Cũng nhìn cảnh vật bình minh,
Rõ ràng mắt nhắm mà tinh hơn đời.

N. H. Thiện

Trả lời câu hỏi ở số 31

(Tiếp các số 32, 33 và 34)

Nếu tôi có phép tàng-hình, tôi sẽ đến đánh thức Kim-Lang ra khỏi giấc Vu-san mê-mộng, mà cho chàng một đơn thuốc tỉnh-mộng rằng:

Bể Đông gió nổi, non Đoài mưa reo,
Gió mưa bốn bể như treo sự-nghiệp anh-hùng.
Cuộc trần ai, ai hỡi khách tang-bồng,
Ngảnh nhìn bốn phía nam, bắc, tây, đông mịt-mù.
Mảnh tình riêng, riêng hãy gác mối sầu-u,
Trăm năm còn chán đền-bù về lâu.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Cõi lòng ta biết cho nhau là tình.
Một lời xin nguyện với ba-sinh,
Khúc «cầu hoàng» sang-sảng có mình có ta.

Lam-kiều

Gửi cho học-trò trường Đông-Môn ở (*Thanh-hóa*)

Giòng sông Mã nước bèo chôi nổi,
Đỉnh non Cung mây khói hợp tan,
Thành Tây hoa nở, hoa tàn,
Cửa Đông trăng khuyết, trăng tròn mấy thâu.

Trời nam bắc bấy lâu xa cách,
Nỗi quan-hoài riêng chạnh tấc son,
Năm xưa ta tới Đông-Môn,
Thầy trò xum-họp nước non bấy chầy.
Lòng đệ-tử mến thầy, chăm học,
Chốn thư-hiên săn-sóc vào ra :
Hè sang thay đổi xuân qua,
Sách đèn vui với huyền-ca theo thời.
Cũng có lúc vui chơi non nước,
Cảnh lâm-tuyền đón trước, chào sau ;
Có khi trăng gió bên lầu.
Đề thơ đối cảnh, ngâm câu cảm-hoài ;
Có lúc xót thói đời đơn-bạc,
Có khi than ngày tháng bóng câu,
Cùng vui khi lại cùng sầu,
Càng dài nguồn ái, càng sâu bể tình.
Nào ngờ lối công danh đổi bước,
Chén quan-san đưa khách lên đường.
Từ ta vui thú Côi, Hoàng,
Ước-ao cảnh cũ, mơ-màng người xưa:
Cảnh đào-lý phất-phơ trước mắt,
Giong huyền ca réo-rắt bên tai,
Sự sinh xa cách phương trời ;
Đường đời ngang dọc, bóng người hợp tan.

Một ngày đã bảo-ban, dạy-dỗ,
Mong anh em tấn bộ, thành danh.
Đầu xanh dương tuổi xuân-xanh,
Học-hành đương độ, đua ganh đương thì.
Cuộc nhân-thế mây đi nước chẩy,
Bóng thiều-quang ngựa chạy, thoi đưa,
Khuyên cho biết quí thì-giờ,
Sách đèn dóng-giả, sớm trưa dùi-mài.
Cảnh đào lý một mai đua nở,
Phẩm danh-hoa rực-rỡ vườn xuân,
Lợi nhà, ích nước, vinh thân,
Phần riêng ta cũng có phần vẻ-vang.
Nhời vàng đá khắc xương đề dạ,
Rồi thử xem kết-quả sau đây.
Nước non còn nước non này,
Thầy trò ta lại có ngày gặp nhau.
Chứa-chan nghĩa trước tình sau.

Nguyễn-tiến-Bảng
Thừa-phái au bureau du Tổng-đốc
Thái-Bình

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi

Nguyễn-khắc-Hiếu

DỊCH VĂN TÀU

Lâm-Đại-Ngọc khốc hoa

Hoa tạ hoa phi, phi mãn thiên ;
Hồng tiêu hương đoạn hữu thùy liên.
Du-ty nhuyễn hệ phiêu xuân thụ,
Lục-nhứ khinh chiêm phác tú-liêm,
Khuê trung nhi nữ tích xuân mộ,
Sầu-tự mãn hoài vô thích xứ.
Thư huề hoa-sử xuất tú-liêm.
Nhẫn đạp lạc-hoa lai phục khứ.
Liễu-ty du-giáp tự phương-phi.
Bất quản đào phiêu dữ lý phi.
Lý đào minh-niên năng tái phát.
Minh niên khuê-trung hữu thùy tri.
Tam-nguyệt hương-sào dĩ điệp thành,
Lương-gian yến-tử thái vô tình.
Minh-niên hoa phát tuy khả chác,
Khước bất đạo : nhân khứ lương không sào diệc khuynh.

Nhất niên tam bách lục-thập nhật ;
Phong đao sương kiếm nghiêm tương bức;
Minh my tiên nghiên năng kỷ thì.
Nhất chiều phiêu-bạc nan tầm mịch.
Dai tiền muộn sát táng hoa nhân,
Độc bả hoa sử lệ ám sái.
Đỗ-quyên vô ngữ chính hoàng-hôn.
Hạ sử qui khứ yểm trùng-môn.
Thanh-đáng chiếu bích nhân sơ thụy,
Lãnh-võ khao song bị vị ôn.
Quái nô đề sự bội thương liên,
Bán vị liên xuân bán não xuân.
Liên xuân hốt chí, não hốt khứ,
Chí hựu vô ngôn khứ bất văn.
Tạc tiêu đình ngoại bi ca phát,
Tri thị hoa-hồn dữ điểu-hồn.
Điểu tự vô ngôn, hoa tự tu,
Nguyện vô hiếp hạ sinh song giực.
Tùy hoa phi đáo thiên tận đầu.
Bất tri hà-xứ hữu hương-khâu,
Vị nhược cẩm-nang thu diễm-cốt.
Nhất phầu hoàng-thổ yểm phong-lưu,
Chất bản khiết lai hoàn khiết khứ.
Cưỡng ư ô-nhục hãm cừ-câu,
Nhĩ kim tử khứ nùng thu táng.
Vị bốc nùng-thân hà địa táng
Nùng kim táng hoa nhân tiếu sĩ,
Tha niên táng nùng tri thị thùy.
Thi khán xuân tàn hoa tiệm lạc,
Tiện thị hồng-nhan lão tử thì.
Nhất triều xuân tận, hồng-nhan lão ;
Hoa lạc nhân vong lưỡng bất tri.

Đầy Trời hoa rụng hoa bay,
Cảnh phai nhụy rã bấy chầy ai thương?
Cây xuân còn vướng giây hường,
Rèm thêu còn vướng những sườn lá xanh.
Tiếc xuân gái ngẩn-ngơ tình,
Mối sầu ai gỡ cho mình được đây ?
Bừa hoa rón-rén cầm tay,
Đầy thềm hoa rụng giạc giày nở nao.
Cành du tơ liễu xôn-xao,
Tan-tành đâu quản lý đào xót xa.
Sang năm đào lý lại hoa,
Mà trong khuê-các biết là có ai.
Hương sào ba tháng vừa rồi,
Trên lương con én ngán ôi vô tình.
Năm sau hoa nở dù xinh,
Hay đâu nhơn khứ sào khuynh tự rầy.
Ba trăm lẻ sáu mươi ngày,
Quanh năm gió giạc sương giày biết bao.
Khoe hồng đua tia dường nào,
Một mai tan-tác biết đâu thăm tầm.
Chôn hoa người những đâu ngầm,
Cầm bừa tay những gạt thầm giọt thương.
Chim quyên nhắn nhõi sao đương,
Quăng bừa lui gót trung đường nghỉ ngơi.
Ngọn đèn leo-lét trông người,
Màn trong chăn lạnh song ngoài mưa tuôn.
Ngán tình giỏi giập tâm-thương,
Thương xuân rồi lại thường thường giận xuân.
Khi thương khi giận muôn phần,
Xuân đi xuân lại mấy lần ai hay.
Bi ca mấy khúc đêm rày,
Hẩn hồn hoa nọ chim nầy khóc chung.
Chim ngơ ngẩn hoa thẹn thùng,
Ước chi có cánh để cùng hoa bay.
Theo hoa bay tới từng mây,
Hương-Khưu nào biết bấy chầy là đâu.
Chỉ bằng đãy gấm chôn nhau,
Một gò đất cát lấp màu phong lưu.
Chút thân trong sạch trước sau,
Còn hơn ao thẳm vực sâu dơ bùn.
Bây giờ hoa chết em chôn,
Đến khi em chết biết hồn đâu đây.
Chôn hoa thế mỉa em ngày,
Chôn em nào biết sau nầy là ai ?
Xuân tàn hoa rụng tơi-bời,
Kiếp hồng-nhan ấy thương ôi còn gì.
Một mai người vắng Xuân về,
Người không, hoa rụng, nữa thì ai hay

Thanh-Hóa Ai-Liên *dịch*
Xuyên-Châu *sao-lục*

NGU' NHÂN

Thưa chung *các Ngài có thơ lai-cảo về trong mục Văn-đàn :*

(1°) — Trong các lối thơ ca, «*Thất ngôn Đường-luật — bảy chữ tám câu*» vẫn là một lối rất khó ; không phải là khó hay, mà khó sao hay cả tám câu. (1) Cho nên từ xưa đến nay, bài thơ hay có nhiều, mà bảo là «hay cả tám câu» thời thực là khó nói. Thường thường trong một bài thơ tám câu, nhiều thời được bốn câu hay, ít thời được hai câu ; còn những câu khác đều thông nghĩa xuôi lời, mà không có chữ nào đến kém quá ; như thế, cũng đã là thơ hay, mà thực trong Thi-giới không dễ.

Cứ các thơ lai-cảo cho An-nam Tạp-chí, so với những thơ lai-cảo ở báo khác, liệu đã có một giá-trị, tư-cách riêng ; tuy vậy mà cầu được bài thơ đủ như câu nói ở trên đây, tóm lại chỉ là một số ít. — Dưới bực ấy, hoặc được hai câu hay, bốn câu hay, mà còn những câu khác không khỏi có chữ kém ; như thế thời trong Báo-quán có thể theo tiên-nghi sửa đổi ít chữ mà đăng lên Văn-đàn, là một sự rất thuận-tiện. — Lại dưới bực ấy nữa, hoặc được hai câu, bốn câu, mà còn những câu khác kém quá. Như thế, nếu nhất nhất sửa chữa, thời một là tốn nhiều công-phu cho người ở bên trong ; hai là khó giữ được nguyên-ý của Tác-giả. Nếu bỏ đi không đăng, thời thực phụ Tác-giả mà phụ cả những câu thơ hay. Vì câu thơ có thể gọi là hay, trong Báo-giới lúc này rất hiếm !

Nghĩ như vậy, muốn được các Ngài cho phép : phàm những bài nào được ít nhiều câu có thể gọi là hay, mà còn những câu khác khó tính sự sửa chữa, xin cứ câu hay thời trích đăng, câu kém thời bỏ hẳn, đặt vào khu-giới « *thơ trích câu* ». Như vậy, có lẽ mới được cả hai lẽ.

Lời thưa đây, xin đăng luôn trong hai, ba kỳ, Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cho biết trước.

Nay kính

(2°) — Phàm các thơ văn cảm hoài theo thời-tiết, như cảm đông, cảm xuân, tiễn ông Táo, mừng tết, vân vân .. Nếu không nhằm thời-cảnh mà đăng lên Báo-trương thời dù thơ có hay, mà cái thú thực kém. Vậy xin các bạn lai-cảo thường nhớ qua chỗ đó cho, như đương xuân không nên gửi thơ cảm-thu, hiện nay không nên lại gửi thơ tết ; nếu đến khi đã sang hạ thời lại nên thôi hết thơ xuân. Như thế có lẽ phải.

Nay kính

Lời thưa chung về bài nối *Tập-Kiều ;* sự giả lời riêng về bức thư R. của ông **Đông-hồ**, Hà-tiên (Cochinchine) và thư hỏi của ông **Trần-ngọc-Thụ**, Nam-định, cùng các lời thưa, lời đáp khác, xin tạm đợi kỳ khác, mong Liệt-vị thể lượng.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

Ít hàng trân-trọng xin cảm ơn :

M^r **Vũ-Sán** (Bắc-ninh) đã gửi cho quyển *Giấc-mộng con ;*

Mr **Nguyễn-lan-Khai** (Tuyên-Quang) đã gửi cho quyển *Đài-gương kính.*

M^r **Vũ-Bằng** (Hà-nội) đã gửi cho quyển *Đài-gương truyện.*

Mme **Bạch-Liên** (Bảo-lạc) đã gửi cho hai quyển *Đài-gương-kính* và *Đài-gương-truyện.*

Nhân các Ngài đã gửi cho sách trên đây, xin trân-trọng có lời cảm-tạ chung một phiến thịnh-tình của xã-hội.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

HÀI VĂN

Bánh xe xơ-cua

Trong buồng khách một vị thượng quan. Bàn về vấn-đề phụ-nữ, một quý quan như có ý mỉa cái tục lấy vợ lẽ của ta.

Một ông quan già cãi :

«Cái tục lấy vợ lẽ của nước Nam chúng tôi thực là một mỹ-tục. Người chồng có vợ lẽ cũng ví như cái ô-tô có bánh xe «xơ cua» (bổ-trợ). Giữa đường bánh xe nổ «lốp», mà có ngay bánh xe «xơ-cua» thay vào thì có tiện không. Nếu không thì một là đành chịu để xe «ăng ban» (en panne) hai là phải tháo ra mà vá phiền phức biết bao. Có vợ lẽ cũng tiện như vậy. Nếu người vợ cả ốm, hay ở cữ thì đã có ngay bên cạnh mấy cái bánh se xơ-cua bơm hơi sẵn, chỉ việc lắp vào cho chạy...

Ở bên quý-quốc mà gặp cảnh-ngộ đó thì một là chịu ăng ban, hai là đi kiếm bậy kiếm bạ những bánh xe rách rỉ, ba là đi xoáy trộm bánh xe của người ta, mà nhiều khi lại hay xoáy trộm của bạn...»

Tần-hớn

So sánh tình-hình hàng-không các cường-quốc trên thế-giới

Theo cuộc điều-tra hội Phi-hành nước Nhật, tình-hình hàng-không của các nước cường-quốc đại lược như sau :

Nước	*Phi-công*	*Trường-bay*	*Máy-bay*
Nhật	252	7	121
Anh	1.959	129	875
Mỹ	15.260	1.475	9.818
Pháp	1.100	28	1.132
Đức	857	95	987
Ý	367	25	647

Xem vậy, cứ lấy dân-số mà tính, thì nước Nhật cứ 250.000 người mới có một phi-công, nước Mỹ 8.000 người đã có một phi-công, nước Nhật cứ 54.500 kilomètre vuông mới có một trường bay, nước Mỹ cứ 5.200 kilomètres vuông đã có một trường bay, nước Nhật 520.000 người có một chiếc máy bay, nước Mỹ thì cứ 12.300 người đã có một chiếc máy bay.

Cho nên người Nhật kết-luận rằng đem trình-độ hàng-không của Nhật so với của Mỹ, chẳng khác gì đem đứa trẻ mới sinh đọ với người lớn vậy.

1930 - 1932

Từ Hanoi qua Haiphong và Doson
Cuộc đi bộ của đoàn phụ-nữ tổ-chức

Thì mới đây, hôm chủ nhật 12 Octobre, một đoàn 8 cô thiếu-nữ do cô Hoàng-Việt-Nga đứng đầu, tổ-chức một cuộc đi chân từ Hanoi vào chùa Chầm và từ chùa Chầm ra Hà-đông, đường trường ngót bốn mươi cây số mà tính trung-bình mỗi tiếng đồng hồ có thể vượt qua sáu nghìn thước tây.

Đó là cuộc đi thử của các cô, trước khi bắt đầu cuộc Hanoi — Haiphong — Doson.

Ngày 8 Novembre này, các cô định sẽ khởi hành, chia đoạn đường giải ấy ra làm ba đoạn để kịp sáng ngày 11 Novembre ra tới Hải-cảng dự cuộc đón tiếp cua chị em bạn gái trong khu đất mở chợ phiên. Rồi các cô sẽ lại đi thẳng ra nơi tắm mát và lượt về thì đáp ô-tô riêng.

Một bước tiến bộ của Phụ-nữ Việt-Nam trên đường thể-thao vậy

(Trích báo Bắc-kỳ thể-thao số 1)

Cùng cô Hoàng-Việt-Nga với đoàn du-lịch của cô và những người muốn nối gót cô ấy.

. . . . . .

Xem cuộc đã đi bộ từ Hà-nội đến chùa Chầm qua Thái-hà, Hà-đông; cuộc đi bộ từ Hà-nội đến Đồ-sơn qua Hải-dương, Hải-phòng, âu là tôi hãy tạm khen cô cùng các cô trong đoàn du-lich ấy, không còn chút e-lệ xưa, đem tên lên báo-chương cho quốc dân cùng biết, đem mặt đi qua các nơi cho mọi người đều tỏ. Thực là biết theo *cách mới* của nước người mà xưa nay ta vẫn khen là văn-minh hơn ta.

Ngoài sự khen đó, tôi còn muốn khen về bề trong cuộc đi bộ của các cô, mà tìm mãi, không biết nên khen về chỗ nào? Bảo rằng: mạo-hiểm can-đảm, thời tôi để lời khen cho phần các cô bơi qua bể cưỡi máy bay, đi quanh thế-giới; bảo rằng: khỏe mạnh, thời tôi để lời khen cho phần các chị em lao-động, cả ngày đứng nắng mà làm lụng công việc nặng nề.

Vậy cuộc đi bộ của các cô có nghĩa lý gì? Tôi khó trả lời quá!

. . . . . .

Vậy tôi cho cuộc đi bộ của cá cô là muốn lấy tiếng, nhưng khốn nạn, cái tiếng ấy tuy thơm, nhưng còn kém thơm cái tiếng người nội-trợ giỏi, mà các báo không đăng tên in ảnh; còn kém thơm cái tiếng của các bậc có tài có công như bà Trưng, bà Thanh-quan, bà Curie, vân vân...

Tôi hãy hỏi giá các cô đi bộ, mà các báo đừng đăng tên, đến nơi nghỉ không có người đón rước, như những cuộc đi bộ khó nhọc xa xôi hơn của *những đoàn du-lịch của chị em lao động vẫn tổ chức ngấm ngầm hàng ngày* thời phỏng các cô có đi bộ không?

Xã-hội ta trong Nữ-giới, cần những hạng người nào. Thưa rằng: cần rất nhiều, nhưng chưa cần các hạng « **Tiểu-thư đi bộ** ».

Muốn xướng Nữ-quyền, ta phải tự có giá-trị riêng của ta. Ta phải có chức-nghiệp, có công việc mà bận-bịu hàng ngày để khỏi mang tiếng nhờ chồng, để giúp đỡ công việc cho chồng trong gia-đình, hoặc ta phải có học vấn, đức-hạnh mà làm gương cho xã-hội nhân quần.

Vậy tôi tuy cũng là đám nữ-lưu biết học cái hay cái mới, mà tôi cũng dám chê cái cuộc đi bộ của các cô.

Tôi viết bài này dữa lúc một đám đông người đang xúm-xít nhau mà tâng bốc các cô, côông-kêng các cô để nhiều người thấy mặt gào-la các cô, để nhiều người biết tên; âu tôi hình như là gàn giở thì phải! Nhưng xin cô Hoàng-Việt-Nga cùng đồ-đệ với những người về bùa cô chớ dùng tiếng « ôi » nhạt như nước ốc mà phê-bình.

Mlle Nguyễn-thị Tài-hồng

Cùng cô Hoàng-việt-Nga và đồ-đệ của cô

. . . . . .

Tôi đây là người đồng phố cùng cô Hoàng-việt-Nga cứ lấy chân-lý mà nói thì cô Nguyễn-thị-tài-Hồng chẳng có gàn giở chút nào.

Tôi có lời khen cô Nguyễn-thị-tài-Hồng là thông minh, biết sé một mảnh tâm-lý của cô Hoàng-việt-Nga (chẳng biết cô Nguyễn-thị-tài-Hồng có học qua khoa tâm-lý học ngày nào chưa; nếu chưa, thì còn giỏi hơn mấy ông râu-mày thấy mấy thói rởm đó mà làm ngơ, vì không muốn bận mình hoặc vì sợ sinh nên thù oán chăng; giờ có vào bùa mà *tưng bốc, coông kêng* các cô *rởm* lên mà khen nức nở)

Cô Hồng cho cái cuộc «**Tiểu-thư đi bộ**» của cô Nga là cốt để lấy tiếng. Điều đó rất phải. Cô Nga tôi vốn thích thế.

. . . . . .

Các tiểu-thư vô-công rồi nghề mà cha mẹ thả rông đó thường là «ế» mà vì «ế» quá nên phải *lấy tiếng*, phải quảng cáo riết (đó cũng là điều *bất-đắc-dĩ*, cũng như mấy cô ăn mặc điếm-đàng đi nhà thờ đi đền chùa để diện, chứ không phải để cầu phúc; nhưng để kiếm phu-quân thì phải hơn).

Muốn quảng cáo rao hàng cho trong Nam ngoài Bắc ai nấy đều được biết tên rõ mặt, thì gì bằng tổ-chức nên cái cuộc "Tiểu-thư đi bộ, đi xe-đạp cúp tóc..." để khoe tài là dản-dị, không e-lệ như xưa, để phơi tên trên tờ báo và để phơi mặt cho công-chúng xem, lại được các cậu các thầy đi đón và để tiếp rước nữa.

Ý-kiến cô Hoàng-việt-Nga kể đã là khá, song cô còn vụng-về một chút. Xóm Bình-khang nào có phải quảng-cáo đâu mà cũng đắt hàng, lại nhiều khi họ phải ăn-mặc nhũn, nề-nếp tối-cổ thì mới lừa được bọn *con-đen*. Còn như cô và đồ-đệ cô, nếu đã «*chót vi tay đã những trăm*», không bỏ

được các "mốt" tân-thời như: áo lam (bleu de roi), áo đỏ mùi vang (lie de vin)... thì luôn tiện các cụ thân-sinh ra các cô đang *cưng* các cô bây giờ, nên nói với các cụ cấp cho một số tiền để tổ-chức làm một tờ "Trạch-phối-báo" có lẽ hơn. Lúc đó nếu có thiếu người biên-tập thì tôi sẽ tìm kiếm hộ cho. Lúc đó các cô tha hồ mà vùng vẫy, muốn chụp ảnh cả hài-cốt bằng máy chiếu điện (radiographie) để truyền-thần lên trên báo mà rao hàng cũng được.

Vậy ta nên cổ-động cho "Trạch-phố-Báo" chóng ra đời.

P. LÊ-CÔNG-ĐẮC,

16d, Route de Sinh-Từ, Ha-nội.

(Trích báo Nông-công-Thương ngày 6 Novembre 1930)

Lại cô Hoàng-việt-Nga với cuộc đi bộ

. . . . . .

Đã đành rằng nữ-lưu hay nam-giới, sự thể-dục cũng rất cần. Nhưng mà thiếu gì cách luyện-tập: hà tất phải đi bộ hơn một trăm cây số, rồi về nhà bóp chân nắn cẳng đến hàng tháng. Điều đó tôi tưởng chả nên.

Rồi đây cô Hoàng-việt-Nga đi bộ ra Đồ-sơn. Bắt đầu ở Hà-nội đi, cô được nhiều người tiễn biệt đến Hải-dương, cô được hội đánh-quần đón rước, đến Hải-phòng cô lại được bọn cô Ánh-Tuyết hoan-nghênh, về đến Đồ-sơn cô tất được nhiều người hoan hô rầm rĩ! To thay, vinh dự thay! Các cô được đi bộ, thực có lắm hạnh phúc hơn nhiều kẻ phải đi bộ! Nhưng xin cô tính lại số tiền mà xã-hội đã vì cô mà phí tổn.

Những cuộc tiễn-biệt đón rước to nhỏ, những món phí tổn lặt vặt nó bám theo, những công việc phải đình nghỉ vì cuộc đi bộ ấy, bỏ rẻ ra cũng đến ba trăm bạc. Ừ trong khi cô Hoàng-việt-Nga và đoàn du-lịch của cô chơi phiếm một cái, thì xã-hội phải tốn mất ba trăm bạc. Khi cái món ba trăm bạc ấy phải tiêu vào việc ăn uống hão huyền, thì ở xã-hội biết bao nhiêu người ngắc ngoải chưa kiếm được đồng "chinh" để mua rọt cháo rỏ vào miệng.

Không những thế, ở xã-hội thiếu gì việc công ích, vì không có tiền mà không thành!

Lòng nhiệt-thành của người ta, ai cũng nên có, nhưng phải tùy từng việc mà nhiệt-thành, chớ nhắm mắt mà a-dua nghe lời cổ-động của một bài báo. Một bài báo không phải đại-biểu tư-tưởng của đoàn thể to, không phải ý-kiến chung của cả quốc-dân hoặc của cả các người mua báo ấy. Nó chỉ là tư-tưởng ý-kiến riêng của người viết bài ấy, hoặc của riêng một tòa soạn báo ấy mà thôi! Mà đã là người, thời dù có cái óc thánh-thần cũng còn có khi lầm lỗi, huống hồ chỉ là một người thường mà thôi. Vậy xem một bài đăng báo cổ-động việc gì, xem một việc làm của một bọn người, hay thì ta khen, ta theo, giở thì ta chê, ta tránh, lại phải biết giọng lừa đảo mình vào cạm nữa; thế mới là người có trí.

Cô Hoàng-việt-Nga! Cô Đinh-thị ánh-Tuyết! Các hội đánh quần tỉnh Đông! Các đồ-đệ cô Hoàng-việt-Nga, xin nghĩ lại cho xã-hội được nhờ...

NGUYỄN-THỊ TÀI-HỒNG

(Trích báo Phổ-Thông Novembre 1930)

Chẳng e những điều kia tiếng nọ và muốn giữ cho trọn lời hứa, hồi 6 giờ rưỡi sáng hôm thứ bẩy 8 Novembre (như số báo trước đã nói) đoàn đi chân của phụ-nữ, gồm có các cô Hoàng-việt-Nga, Nguyễn-đạm-Thanh, Đinh-thị-Sáng và Trần-đan-Quế, đã họp ở trước tòa soạn bản-báo.

Sau khi chụp một tấm ảnh, đoàn đi chân khởi hành hồi 7 giờ, qua các phố hàng Quạt, hàng Giép, hàng Bạc, Bắc-ninh, đường bờ Sông, rồi lên thẳng cầu sông cái và theo đường thuộc địa xuống Haiphong.

Hồi gần 12 giờ chiều, đoàn đi chân đến chợ đường Cái (km22), nghỉ tại đó, uống nước và ăn cơm.

1 giờ rưỡi ra đi, tới huyện-lỵ Mỹ-hào hồi 3 giờ rưỡi, có ông Huyện và các ông giáo bà giáo ở hạt ấy ra đón. Đêm ấy, các cô dùng cơm và nghỉ tại nhà riêng ông Huyện.

Sáng hôm 9 novembre, hồi 6 giờ, bốn cô lại lên đường, nhưng đến nơi cách tỉnh Hải-dương chừng 10 cây số, thì chẳng may cô Đạm-Thanh vì mệt nên đành phải bỏ giở cuộc hành-trình mà ra về. Còn ba cô cùng nhau gắng bước lên con đường nhựa, hồi đúng ngọ thì tới Hải-dương.

Các cô đỡ, các cô-giáo và các hội-viên trị-sự hội Tennis-club có đặt tiệc trà tại hội-quán hội Trí-trí, để mừng đoàn đi chân, và thết cơm.

4 giờ chiều, ba cô ra thư-quán Tuyết-vân phố Robineau để dự tiệc trà của hai người bạn gái.

Nửa tiếng đồng hồ sau lại ra đi, hai cô bạn có theo tiễn đến cầu bến Nứa, lúc chia tay khôn xiết cảm tình.

7 giờ đoàn đi chân đến Lai-khê, dùng cơm và nghỉ đêm tại nhà hộ-sinh hạt ấy.

Hồi 6 giờ sáng hôm 10 novembre, ba cô lại khởi hành, 3 giờ rưỡi đến Haiphong, có các chị em hâm mộ thể-thao ra nghênh-tiếp, và mời nghỉ lại đêm tại đó.

Hôm nay 11 novembre đoàn đi chân ra Đoson vì mai sẽ từ nơi nghỉ mát trở về qua Hải-cảng, rồi đáp chuyến xe lửa chiều lên Hanoi tới nơi hồi 5 giờ 25 phút.

Tại bản báo sẽ có đặt tiệc trà mừng đoàn đi chân và các phụ-nữ hâm mộ thể thao tặng hoa.

Tuần báo số 3 sẽ đăng bài tường thuật của cô Hoàng-việt-Nga cùng các kinh ảnh đã chụp được.

Trích báo Bắc-kỳ thể-thao số 2

Từ hôm khởi xướng ra cuộc đi chân, tôi được nhiều người tán-dương, lại cũng được nhiều người công-kích.

Một vấn-đề mới lạ, số người công-kích có lẽ cũng nhiều hơn. Có bài ngôn-luận chính đính lẽ đáng trả lời. Có bài lời lẽ sỗ sàng chỉ thêm làm oan cho dư-luận và khiến cho chị em tôi phải mất chút thì giờ để cười.

Chị em vẫn dục trả lời, không muốn cãi nhau vô-ích, chỉ tuân theo lẽ phải mà làm, tôi định sau cuộc đi bộ về, sẽ ôn tồn trả lời chung hết cả những người đã quá yêu.

Không ngờ, gần đến ngày đi, hơn chục chị em nản chí.

Làn sóng dư-luận mạnh, mạnh biết chừng nào!

. . . . . .

Đoạn đường thứ nhất

Đến phút cuối cùng, còn được một phần năm chị em đồng chí: cô Đinh - thị - Sáng, Nguyễn - đạm-Thanh và cô Trần-thị đan-Quế (lúc ấy vẫn còn đang mệt). Rẫu yếu mệt nhưng tấm lòng vì đoàn thể vẫn không hề yếu mệt chút nào.

Thế là còn bốn chị em. Trên con đường Hanoi - Đoson (126 cây số) có tám ống chân mềm rong ruổi. Ấy là bước đầu của phụ - nữ trên con đường thể-dục, chị em ai cũng hăng - hái trong lòng. Đêm hôm trước nghĩ việc hôm sau, vui xướng mà quên không muốn ngủ.

. . . . . .

Một buổi sáng hôm ấy, chúng tôi còn ghi trong trí nhớ không bao giờ quên; nền thể-thao phụ nữ mà thành, cuộc hô-hào này mà có kết-quả, chúng tôi được đội ơn các bạn không biết chừng nào.

Đường rẽ chia tay, bốn chúng tôi cùng với phái viên báo Bắc-kỳ thể-thao dặm thẳng đưa chân, rẫu lòng có ngán-ngẩn ít nhiều, nhưng phần hăng hái lại càng thêm tăng tiến.

. . . . . .

Cái vinh dự trong đêm ấy, khi ra đi chúng tôi không ngờ được có. Tấm thịnh tình đó thật không bao giờ chúng tôi quên được.

Ăn uống xong, sợ chúng tôi đi đường nhọc mệt, nên ông bà huyện cùng hai chị Nhung và Ninh cũng không nỡ ép chúng tôi ngồi tiếp truyện khuya, 12 giờ đêm, chúng tôi xin phép đi nghỉ.

Tuy đặt mình nằm nhưng không sao nhắm mắt được, biết bao nhiêu cảm tưởng đánh lộn trong óc. . .

Đoạn đường thứ hai

Tiếng gà gáy canh tư vừa rứt, chúng tôi đã giở giậy để sửa soạn hành-lý lên đường sớm cho được mát mẻ. Cốc sữa điểm tâm đã cạn, chúng tôi cảm tạ ông bà huyện và xin phép khởi hành.

. . . . . .

Nhưng ngán thay, đương đi cách Hải-dương chừng 14 cây số, thì chị Đạm-Thanh bị cảm. Quãng đường này chị em rất lấy làm khó nghĩ, phần thì đường xa dặm thẳng, phần thì hàng quán không sẵn, kẻ quen người thuộc chẳng có một ai, thật là tiến thoái lưỡng nan, thôi đành chị em dìu giắt nhau trên con đường thẳm.

Mãi đến Trường - kỳ (cách Hải-dương 12 cây số) mới tìm được chỗ nghỉ để soa dầu cho bạn. Chị Đạm-Thanh cũng toan cố gượng để chị em cùng nhau lên đường, nhưng không sao đi được, đành phải ở lại.

Ngồi nghỉ độ nửa giờ, chị Đạm-Thanh đôi ba lần khuyên nhủ chúng tôi lên đường cho khỏi lỡ việc. Nể lời bạn, chúng tôi đành nhờ lệnh huynh chị Đan-Quế (đi Haidương có việc cần vừa qua tới), ở lại trông nom.

. . . . . .

Tiếng còi thét vang, bụi bay mù mịt, một chiếc ô-tô « Ford » vùn vụt chạy tới, 10 giờ 10, ông Cung-đình-Quỳ và ông Trương-trọng-Vọng, đuổi theo đến Lai-Cách, tặng cho lê quýt để giải lao. Giời nắng trang trang, mồm khô miệng khát, được mấy quả lê ăn, thật khoan khoái vô chừng...

Đoạn hai ông quay xe về Trường-Kỳ, đón chị Đạm-Thanh về Hanoi. Tấm lòng hai ông quý hóa biết bao.

. . . . . .

Chuông đồng hồ điểm ngọ vừa rứt, chúng tôi bước chân tới tỉnh Lỵ Haidương. Bà con tỉnh Đông ta, chắc cho làm lạ, kéo ra xem đông như đám hội, vòng trong vòng ngoài, xúm xít chung quanh chị em chúng tôi không sao tiến được bước.

. . . . . .

Và mấy ông hội viên của hội, đã quá lòng mến, ra tiếp đón ân cần và mời chị em chúng tôi dự tiệc trà ở hội quán Trí-Tri.

Một tấm ảnh kỷ-niệm còn ghi lại tấm lòng nhớ ơn của chúng tôi. Câu truyện nồng nàn, mãi ba giờ chiều chúng tôi mới bắt đầu vào dự tiệc.

. . . . . .

7 giờ tối chị em mới tới Lai-khê, chúng tôi lại được cái duyên không ngờ là quen biết cô đỡ Thọ. Chị em bạn gái gặp nhau, tình bịn rịn ân cần, tả sao cho xiết.

. . . . . .

Sương xuống hơi lạnh, chúng tôi từ biệt cánh đồng rươi ra về. Đến nhà chị em còn đàm đạo với cô Thọ, về vấn đề phụ nữ thể thao nước nhà rất nên tương đắc. Đêm đã khuya, 12 giờ chị em xin phép đi nghỉ.

Đoạn đường thứ ba

4 giờ sáng tinh sương, chị em đã lục đục sửa soạn lên đường. Ăn trứng điểm tâm xong 5 rưỡi sáng, chúng tôi bắt đầu ra đi.

Hôm ấy là hôm định tới Haiphong, nên chị em phấn khởi bội phần, rẫu nắng to dường sấu, chân đau phồng rộp mà sức đi vẫn không hề mệt nhọc. Cách Haiphong 15 cây số, cô Tý, cô Bé cùng với ba ông trong hội « Jeunesse Tonkinoise » đi đón vừa tới nơi: Vì công việc chợ phiên bận rộn nên hoan hô chào mừng xong, các ông các bà lại đáp ô-tô về Haiphong trước để loan báo cùng chị em.

3 giờ chiều thì tới Haiphong. Ngày hôm ấy thật đáng ghi vào lịch sử phụ nữ thể thao nước ta trong buổi mới này. Hôm ở Hanoi đi thế nào, thì hôm đến Haiphong cũng vui như thế.

Chị em Hải-cảng và các ông hội-viên B. K. T. N. T. D. A. N. H. ra đón đông lắm. Có chụp rất nhiều ảnh để kỷ niệm, rồi chúng tôi vào thẳng chợ phiên.

Chúng tôi tới nơi, dẫu trong người cũng hơi mệt, nhưng được chị em Hải-cảng tiếp đón ân cần, trong lại thêm sức làm việc.

Chúng tôi có đem tặng chợ phiên bức vóc thêu mấy chị em phụ-nữ đánh vợt, chủ ý khuyến khích phụ-nữ thể thao. Sau tiệc sâm banh, chúng tôi về nhà chị Ánh-Tuyết nghỉ ngơi và thay quần áo.

7 giờ tối chị em Hải-cảng thết tiệc chúng tôi ở chợ phiên. Bữa tiệc này khác hẳn những bữa tiệc ở những nơi khác, là chỉ để phần riêng cho bọn chị em phụ-nữ thôi kẻ Hà người Hải, chị em gặp nhau, ngót ba chục người quây quầu ăn uống truyện trò rất nên hoan hỷ, mãi đến hồi 9 giờ mới tan. Ăn uống xong, chúng tôi bèn góp tay vào với chị em Hải-cảng làm công ích chung. 11 giờ đêm, cuộc chợ phiên gần tàn, chúng tôi mới về nhà chị Ánh-Tuyết yên nghỉ.

(Còn nữa)

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG !

Jack London
soạn

12

Trà-sơn
dịch

Cái cách cử-chỉ của cô Gian-nê làm cho chàng Xen-đôn cũng phải áy-náy. Nàng không chịu kém chàng một chút nào, dù những chỗ kém đó thích-hợp với thường-tình trong sự giao-thiệp của một người đàn-bà với một người đàn-ông cũng vậy. Hai người đối với nhau chẳng khác gì hai anh em giai, tuyệt-nhiên không có gì phân biệt đàn ông hay đàn bà, giống đực hay giống cái.

Nếu vì lễ-độ mà chàng thỉnh-thoảng tỏ ra một vài cách khiêm-nhượng âu-yếm, thì nàng lơ đi hoặc còn ra ý chế nhạo nữa. Thậm chí, chàng không dám giơ tay cho thiếu-nữ vịn trong lúc lên thuyền, hay bước qua một khúc cây đổ. Đến sau chàng cũng phải công-nhận ra rằng nàng không cần mình giúp đỡ trong sự sinh-hoạt hàng ngày.

Biết bao nhiêu lần, chàng đã khuyên nàng nên coi chừng các loài cá xấu và cá mập, mà nàng vẫn cố-ý bơi ra chỗ nước sâu ở tận xa bờ. Lại khi nàng đi xuồng đánh cá, chàng vẫn khuyên nàng nên để cho một đứa người nhà nó thả cốt-mìn cho, thì nàng đáp : Dù cái trí-khôn của tôi có tầm-thường đi nữa, chắc tôn-ông cũng rộng cho tôi được hơn họ. Như vậy tôi thả cốt-mìn chắc còn ít nguy hơn là để cho họ thả.

Tuy đối với chàng thì nàng không còn gì là tính cách đàn bà, tuy nàng thích có những thủ-đoạn thật là thủ-đoạn đàn ông, mà cứu-cánh lại, nàng vẫn là một người đàn bà.

Hai người thường không hiệp-ý nhau về cách đối đãi với những người da đen. Theo như ý nàng thì nên tốt mà nghiêm, ít khi thưởng và không bao giờ phạt, đó là cái chế-độ tuyệt-diệu nên thi-hành với bọn họ.

Nàng đem thí-dụ những tên thủy-thủ của nàng họ mến nàng, mà cả đến những tôi-tớ của chàng Xen-đôn cũng vậy, chỉ vì họ yêu-mến nàng mà bây giờ họ làm việc đến gấp ba lần khi trước.

Chàng Xen-đôn cũng công-nhận như thế. Duy đối với bọn làm trong đồn-điền thì lại không thể xử thế được. Nàng cũng phải nhận ra rằng cái nguy-cơ lúc nào cũng luôn luôn ở trên đầu hai người.

Không cứ gì chàng Xen-đôn, nàng cũng vậy, mỗi khi đi ra, đều có đeo khẩu súng lục ở thắt lưng; còn những tên người Ta-hải-ty, đêm đến gác ở quanh nhà, bao giờ tay cũng mang súng nạp đạn sẵn.

Tuy vậy, nàng vẫn đồ cho người bạch-chủng đã gây thành cái chế-độ nghi-kỵ lẫn nhau ấy. Vốn sinh-trưởng ở giữa đám da đen hiếu-tĩnh Hải-oai lại thấy họ được luôn luôn ưu-đãi, nàng suy đấy ra một cách quá đáng mà tưởng rằng : lấy sự ngọt-ngào mà đối đãi tất có thể làm cho bọn mọi đen ở Sa-lô-mông quần-đảo cũng trở nên người khá được.

Thì một buổi tối kia, nàng đang cùng ngồi hóng mát với chàng Xen-đôn ở ngoài hiên bỗng có tiếng ồn-ào dữ-dội tự một căn trại đưa đến.

Ngay lúc ấy cô Gian-nê và chàng Xen-đôn chạy lại, thấy chúng đang đánh đập 2 người đàn bà thừa sống thiếu chết, liền xấn vào gỡ được hai người ấy ra; Vả, nhờ có bọn thủy-thủ người Ta-hải-ty bảo-hộ mới dẫn được hai người đàn bà khốn-nạn kia nhốt vào trong bếp khóa tách cửa lại, cho chúng không thể đánh được nữa.

Hai người đàn bà này vẫn chuyên việc ninh thịt cho bọn phu đen; một người chỉ vì can một tội không thể tha thứ được, là cái tội trèo vào tắm ở trong cái nồi lớn vẫn dùng để luộc khoai xưa nay. Chúng đánh người đó không phải là bởi vì bọn chúng sợ bẩn-thỉu đâu. Chính bọn chúng cũng vẫn trèo vào tắm ở trong nồi là thường. Nhưng cái điều một người đàn ông được phép làm, thì những người đàn bà khốn nạn kia không được phép làm. Bởi vì trong quần đảo Sa-lô-mông người ta vẫn quen khinh rẻ phái phụ-nữ.

Sáng hôm sau, lúc cô Gian-nê và chàng Xen-đôn đang ngồi ăn lót dạ, bỗng nghe có tiếng tức-giận ồn-ào ở dưới mái hiên. Thế là pháp-luật Bế-rang-đệ lại một phen bị xâm-phạm.

Tất cả phu ở đồn-điền kéo nhau vào trong vườn hầm hè dọa nạt.

Chàng Xen-đôn ra phía lan-can ngoài hiên, cô Gian-nê đứng lui về phía sau một chút.

Bốn bề bỗng yên lặng. Hai tên mọi đen ở trong đám đông người kia tiến lên. Đó là 2 thằng anh em, người to béo lực, lưỡng, trên mặt lộ vẻ hung tợn lạ lùng. Một thằng tên là Ca-rinh Gia-mã nghĩa là *Con người ít nói.*

Thằng nữa tên là Bế-linh Gia-mã nhất danh là *Thằng nói khoác.* Trước khi đến Bế-rang-đệ hai tên này đã từng làm ở Cồ-yến-lăng châu Úc, mà chúng làm đâu cũng để tiếng là người không tốt.

Tên Bế-linh Gia-mã nói:

— Trả lại chúng tôi hai con đĩ kia.....

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Trả để bay làm gì?

— Để giết chết đi.

Chàng Xen-đôn bắt đầu nổi giận liền thét lên rằng:

— Bay đến đây nói lôi thôi cái gì? Chiếc chuông lớn đã lắc rồi, bay không được đến đây nữa. Giờ này bay phải ra ráo cả ngoài đồn-điền kia. Lát nữa chuông lắc cho nghỉ việc, bay mới được phép vào đây nói chuyện về hai người đàn bà đó. Bây giờ tất cả chúng bay phải ra khỏi chốn này!

Bọn phu đứng áy náy chưa biết tên Bế-linh Gia-mã cử-chỉ ra sao.

Tên này thì đứng nguyên không cựa-cậy.

Nó điềm-nhiên nói:

— Ta không đi.

Chàng Xen-đôn quát lên rằng:

— Mày liệu hồn đó. Nếu mày không đi tao sẽ bắt cổ mày sang Tuy-la-gi cho người ta giã cho mày một trận. Ta nói trước cho mà biết đó!

Tên Bế-linh Gia-mã trợn mắt nhìn chàng Xen-đôn một cách láo xược mà nói rằng:

— Có giỏi xuống đây đánh nhau với ta.

Rồi nó nắm chặt hai tay lại, đứng thủ-thế theo những miếng võ nó học được ở Cổ-yếu-lăng đem về.

Trong quần-đảo Sa-lô-mông, người bạch-chủng có quyền lập-pháp không khi nào lại đi đánh nhau với một tên người hắc-chủng; cái lối thách-thức ấy thật là láo quá. . . . . .

. . . . . .

Trong đám người đứng nghe đen ngòm, có tiếng thì thào ca-tụng sự táo-bạo của tên Bế-linh Gia-mã.

Nhưng, khi nó nói chưa rứt lời, thì chàng Xen-đôn đã nhẩy qua chiếc lan-can cao đến 15 sải chân, nện cả mình vào tên mọi đen đứng ở bên dưới.

Cuộc xung-đột vừa bắt đầu đã liễu-kết. Tên Bế-linh Gia-mã khác nào bị một tảng đá va phải, nó ngã sóng soài ra đất.

Song, khi chàng Xen-đôn vừa đứng dậy thì tên ca-rinh Gia-mã, *Con người ít nói*, quờ cánh tay túm được cổ chàng. Bọn mọi đen vốn ưa xem cái cảnh đâm chém nhau, rục-rịch đổ xô cả lại. Cô Gian-nê thấy chàng Xen-đôn nhẩy qua chiếc lan-can, còn đương ngơ-ngác, nhưng trông thấy bọn mọi đen hung-ác kia đổ xô nhau lại, thì biết ngay rằng chàng sắp bị nguy đến tính-mệnh. Nàng liền giơ súng lục ra ngắm và bắn. Tên Ca-rinh Gia-mã bị đạn ở vai, bấy giờ mới chịu rời tay ra.

Chàng Xen-đôn vừa thoát khỏi tay quân địch, liền đưa ngay một quả thụi vào giữa mặt tên Ca-rinh Gia-mã. Tên này ngã vật xuống cạnh chỗ anh nó đương nằm sóng sượt đấy.

Việc lôi thôi đến đó là kết-liễu. Cách năm phút sau, hai anh em tên kia phải vào nhà thương phục thuốc. Còn những tên phu kia thì do những viên đốc-công áp-điệu về phía đồn-điền.

Khi chàng Xen-đôn lên đến mái hiên thì thấy cô Gian-nê nằm trên chiếc ghế xích-đu hai tay bưng mặt khóc.

Chàng lấy làm bối rối hơn là lúc xẩy ra cuộc xung-đột vừa rồi. Trò đời, người đàn bà khóc bao giờ cũng làm cho người đàn ông phải áy náy! Huống chi, người đàn bà ấy là cô Gian-nê, là người không mỗi lúc làm cho rỏ nước mắt được.

Quái! tại sao nàng khóc? Đó là điều chàng Xen-đôn rất lấy làm lo nghĩ.

Chàng nói:

— Trước hết tôi phải cám ơn cô-nương. Cô-nương thực đã cứu tôi khỏi chết, tôi xin nói thật thế.

Cô Gian-nê bỗng hé hai bàn tay ra, trên mặt nước mắt ròng ròng, đầy nô-khí, rồi kêu lên rằng:

— Đồ vũ-phu! Đồ hèn-nhát! Vì tôn-ông, tôi đã phải bắn vào một người, mà suốt trong đời tôi, tôi chưa hề làm việc khốn nạn ấy bao giờ.

Chàng Xen-đôn đấu dịu rằng:

— Người ta sẽ thuốc thang cho tên Ca-rinh Gia-mã, cô-nương cứ bình-tâm, nó không chết đâu mà...

— Cái đó có hề gì đến tôi! Tôn-ông mới là người chịu trách-nhiệm cái việc vừa xẩy đến. Tôn-ông không cần phải nhẩy xổ lên mình tên Ca-rinh Gia-mã kia mà... Cái việc tôn-ông vừa làm thật đã vũ-phu lại hèn-nhát!

— Thôi đi, thôi đi... Xin cô-nương suy-nghĩ một chút. Cô-nương nói chi quá lời làm vậy!

— Thôi tôn-ông đi đâu thì đi cho rồi. Tôi không muốn nhìn thấy mặt tôn-ông nữa. Tôi ghét tôn-ông lắm... Ơ hay! tôn-ông không hiểu rằng tôi bảo tôn-ông phải ra khỏi chốn này ru?

Chàng Xen-đôn tái mét mặt, mắm môi lại mà nói rằng:

— Như vậy làm sao cô-nương lại bắn? Tôi có bảo cô-nương bắn đâu?

Nàng vừa khóc nức-nở vừa thổn-thức nói:

— Bởi vì... bởi vì... bởi vì tôn-ông là một người bạch-chủng mà tôi không muốn để tôn-ông bị giết! Nếu tôi để tôn-ông bị giết thì cha tôi ở nơi Thiên-đàng kia, cũng chả tha thứ cho tôi được. Vả, chính vì tôn-ông không có can-đảm mà tôi phải hành-động như thế!

— Cô-nương đã muốn vậy, thì xin vâng. Rồi sau này chúng ta sẽ lại bàn đến chuyện ấy.

Chàng sắp-sửa đi ra thì nàng nói:

— Hình như tôn-ông tưởng rằng tôi điên. Không, tôi không điên đâu. Vậy tôn-ông thử coi. Ở nhà thương hiện có hai tên mọi đen ốm. Chính tay tôi đương thuốc men cho họ.

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi mỗi liều. . . . . 0$10

Bánh cam tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm mỗi hộp. . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi, xướng-xuất và tán-thành các công việc bổn phận của Nữ-giới.

Chủ-nhiệm : **Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA**

Báo-Quán : 11-13, Phố sông Tô-Lịch — Hanoi

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa dâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tinh. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘泫書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi, thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Đã có :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại. Giá . . . 0$32

Sẽ có :

2. — **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại). Giá . . .

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

DƯ'-MỸ

Chủ nhân : NGUYỄN-VĂN-HOÀN

CỰU CHỦ NHÂN CÁC NHÀ :

TẾ-MỸ, PHÚC-TƯỜNG, AN-LINH

Sở chính : 10, phố hàng Quạt

HANOI

CHO THUÊ XE, ĐÒN ĐÁM MA

BÁN VÒNG HOA CƯỚM

GIÁ RẺ HƠN CÁC HIỆU ĐƯỢC PHẦN NỬA

LẤY VIỆC CHUYÊN-MÔN VÀ SỰ CẦN KIỆM ĐỂ GIÚP CÁC TANG-GIA

Khai báo, xin phép và bảo ban không lấy tiền.

舉美號 殯車馬 出賃局 賣花圈 價大賤 開報事 不取費錢

河內 正所行劄街十號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 38

NGÀY 23 AVRIL 1932

17536

DÉPOT LEGAL
RESIDENCE SUPERIEURE
TONKIN

安南雜誌

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm .	5$00	7$00
Nửa năm .	2,60	3,80
Một số . . .	0,10	0,15

BIBL. CENTR. HANOI
C 149

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Bản-chí lần này tái bản được phần nhiều các ngài đại-lý ở các nơi sẵn lòng cổ-động, nên số độc-giả vẫn một ngày một tăng. Lại quý-hóa nhất là về việc tiền nong, tháng nào cũng tính toán trao giả sòng phẳng, vậy xin tiện đây ngỏ nhời kính tạ. — Duy có một vài ngài ở xa có lẽ vì bận việc quá, mà sơ nhãng đề, mãi đến nay cũng chưa cho biết việc tiêu-thụ ra sao. Tuy đã có thư nhắc hỏi, mà vẫn chưa nhận được giấy trả lời của các ngài. Vì không muốn để các vì độc-giả phải phiền lòng, nên Bản-chí vẫn gửi báo tiếp, nhưng đương buổi kinh-tế khó-khăn này, những điều như vậy, thật rất thiệt-thòi cho bản-quán.

Vậy trước khi thưa rõ từng ngài trên Bản-chí, xin ân-cần nhắc lại một lần này nữa, mong rằng các ngài lưu-ý cho.

Đa hạnh

An-Nam Tạp-Chí

☆☆☆

Vì muốn cho phổ-cập, nên từ trước tới nay, bản-chí bán ở trong ngoài vẫn có một giá. Nay vì nhà giây thép tăng giá bưu-phí (mỗi số 0$02) nên Bản-chí phải tăng giá mua năm ở bên ngoài: một năm là 7p.00, nửa năm là 3p.80. Xin các vì độc-giả ở Hải-ngoại chú-ý.

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi nọ đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v..v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**

№ 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, đong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả. **Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50**

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

BÀN VỀ VẤN-ĐỀ CẢI-LƯƠNG Y-HỌC

Nước ta trải mấy nghìn năm, chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-hoa. To như luân-lý, văn-học, nhỏ đến tập-tục phục-sức, đâu đâu cũng nhìn thấy cái vết sâu sự Bắc Nam đồng-hóa. Vấn-đề y-học, cũng không thoát ra ngoài vòng cái định-lệ ấy được. Trừ ra một vài môn thuốc ngoại-khoa, một vài vị thuốc nam-dược, vì cái giá-trị kinh-nghiệm, ngày nay đã chiếm được một phần quan-trọng ở trong nghề làm thuốc nước nhà, còn phần nhiều các phương-thuốc đều theo y-lý Trung-hoa, mà phần nhiều các vị thuốc phục-dụng, cũng toàn là sản-xuất ở Trung-hoa cả.

Từ ngày môn thuốc Tây dần dần được thâu-dụng vào nghề trị-bệnh ở nước ta, môn y-học cũ thành ra mất tín-nhiệm. Cái đó là một điều không thể tránh được, bởi vì khoa thuốc Tây căn-cứ ở khoa-học, mà môn thuốc ta toàn bằng-cứ ở kinh-nghiệm và lý-tưởng, thì tất-nhiên là về phần xét bệnh dùng thuốc, bên này không thể nào rõ-ràng hiệu-nghiệm bằng được bên kia. Gần đây đã có người viết thơ cho một ông Lang ta nói rằng : *« Người ta không may bị bệnh, nếu chết vào tay ông Lang tây, còn biết được tên cái bệnh vì đấy mà chết; nếu chết ở tay các ông, thì sau khi chết rồi, mười ông Lang nói ra mười cách, đoán ra mười chứng, muốn biết được đích-danh cái bệnh thật là khó lòng. Như vậy thật là giết người một cách mập-mờ !* » Nhời nói ấy tuy có ý đùa bỡn, nhưng cũng có thể làm biểu-hiệu cho cái quan-niệm của phần đông người trí-thức đối với môn thuốc ta vậy.

Tuy nhiên, cứ sự thực ra, thường thường có nhiều bệnh, thầy Tây chịu bó tay không chữa nữa, mà mời đến thầy ta thì một vài thang là khỏi. Mới đây, ông Trương-Uẩn-Trung, một nhà y-sĩ Trung-hoa chuyên-môn về khoa « mạch » trong y-học Thái-tây, trong bài diễn-văn đọc ở kỳ Trung-quốc y-học đại-hội, có tuyên-bố rằng những điều phát-minh tối-tân của khoa «mạch-án» Thái-tây, có nhiều chỗ rất phù-hợp với các thuyết trong sách « Kỳ kinh Bát mạch » của Trung-quốc. Vậy ai dám bảo rằng môn thuốc ta toàn là những lời đoán phỏng ! Vả chăng khí-hậu thủy-thổ, Đông Tây không giống nhau, thì các cách sinh-hoạt của cơ-thể cũng mỗi nơi một khác. Nay muốn nhất-luật theo dùng thuốc Tây, mà vứt-bỏ cái khoa thuốc đã được kinh-nghiệm là có phần thích-hợp với thể-chất, với khí-huyết mình từ mấy nghìn năm, tưởng cũng không phải là một điều lợi cho người có bệnh.

Vậy vấn-đề cải-lương y-học của ta là một vấn-đề cũng nên lưu-tâm đến. Vẫn biết việc đó là một việc to-tát, phi hợp tâm lực của một số đông người sốt-sắng, không có thể thực-hành được. Nhưng, trước khi trông thấy hội cải-lương y-học thành-lập, tưởng cũng nên bầy tỏ một vài ý-kiến thiển-cận ra đây, để gióng một tiếng chuông đầu.

Bàn đến vấn-đề cải-lương, tức là bàn đến hai việc quan-yếu : một mặt bài trừ, một mặt chấn-chỉnh.

Y-học ta tức là y-học Trung-quốc, phát-sinh ra ở thời-đại thần-quyền đương thịnh-hành, cho nên trong các phương-pháp đoán bệnh chữa thuốc, phần nhiều có cái ảnh-hưởng sự thần-bí.

Ngoài ra, lại vì khoa sinh-lý-học và khoa giải-phẫu chưa được tinh-thông cho nên phàm những chỗ nào không hiểu, đều nhờ đến những thuyết hoang-đường bịa-đặt để giải-quyết. Thí dụ như các thuyết *tư-thiên tại toàn, ngũ hành sinh khắc, lục khí phong hỏa, thập nhị kinh lạc v. v...* Những thuyết ấy đều có tính-cách mơ-hồ, nhưng di-hại nhất là cái thuyết ngũ-hành sinh-khắc. Thật ra trong y-học ta cũng có nhiều điều phát-minh, rất có giá-trị về đằng thực-nghiệm. Nếu biết nhân đấy mà dần dần nghiên-cứu cho tỏ-tường manh-mối, thì biết đâu ngày nay y-học ta lại không tinh-tế bằng y-học Thái-tây. Nhưng khốn nỗi, chỉ vì quá mê-tín cái thuyết âm-dương sinh-khắc, cho nên hễ thấy điều gì kỳ quái khó hiểu, tức là cho vào ở trong phạm-

vị cái thuyết nhị-nghi ngũ-hành, vì thế mà trong mấy nghìn năm, khoa y-học của ta vẫn không vượt ra khỏi lối nói liều đoán phỏng. Ví dụ *can* là *can*, *phế* là *phế*, tả phế tự nhiên thông can, điều đó là nhờ ở kinh-nghiệm mà biết; *tỳ* là *tỳ*, *vị* là *vị*, muốn thăng tỳ tất phải giáng-vị, cái đó cũng là nhờ ở kinh-nghiệm mà biết. Nếu nhân đấy mà chịu khó tìm tòi cho rõ chỗ can-hệ của phế với can, tỳ với vị, thì tất nhiên sao cũng có ngày hiểu được lý-do những cái hiện-tượng ấy, nay nhất quyết bảo rằng phế là kim, can là mộc, kim mộc tương khắc, cho nên phế tả thì can thông; tỳ là âm, vị là dương, âm dương tương phản, cho nên tỳ thăng thì vị giáng. Hồ-đồ như thế rồi người sau nhân tuần người trước, thì còn mong gì có ngày hiểu được chân-lý nữa. Vậy nay muốn cải-lương y-học ta, tất phải bài trừ hết những thuyết hoang-đường ấy. Phàm về các nhẽ sinh-hoạt của thân-thể, các bộ phận trong phủ-tạng, điều gì đã nhờ kinh-nghiệm mà đúng với tây-học thì ta nên giữ lấy. Còn những điều chỉ căn-cứ ở lý-tưởng mà lại phản-đối với tây-học thì cần nên nhất-thiết vứt bỏ đi. Đó là công việc bài trừ.

Còn về công việc chấn-chỉnh, thì trước hết ta cũng nên thâu-thái ít nhiều vị thuốc tây, để giúp cho công-dụng những vị thuốc ta có bề thêm công-hiệu. Ví dụ như vị aspérine là một vị thuốc phát-hãn giáng-nhiệt rất thần-hiệu. Nếu là bệnh ngoại cảm có thể dùng lẫn với thạch-cao chi-mâu, mà nếu là bệnh nội-hư thì có thể dùng lẫn với địa-hoàng, nhị-đông. Như thế chắc sẽ có công-hiệu hơn là dùng vị ma-hoàng. Lại như quinine trị sốt-rét, cachou trị đờm bicarbonate de soude trị bệnh thực-tích v. v.. đều là các vị thuốc tây rất phổ-thông thần-hiệu, có thể dùng lẫn với thuốc ta được. Đại khái dùng thuốc tây để trị bề ngoài, thuốc ta để trị bên trong, thuốc tây trừ ngọn, thuốc ta trừ gốc, thì công-hiệu tất nhiên sẽ được hoàn-toàn mỹ-mãn hơn.

Sau nữa, bất cứ về môn học gì tất phải có thống-hệ giai-cấp mới mong tấn-tới được. Thuốc ta không có thống-hệ gì cả, cho nên nghề thuốc mỗi môn một khác, không biết bằng-cứ vào đâu; thuốc ta không có giai-cấp gì cả, cho nên nghề thuốc ai làm cũng được, không biết học-tập ở đâu. Nay muốn cải-lương y-học, tất phải đặt ra môn-phái, chia ra thứ-bực, để cho người mới học biết rõ đường lối mà theo, thì nghề học mới tinh-thông được. Đại-khái như khoa sinh-lý, khoa giải-phẫu, khoa bệnh-lý (đoán bệnh) khoa chẩn-đoán (bắt mạch) khoa dược-vật (xét thuốc) khoa sử-phương (kê đơn), mấy môn ấy đều là những đường lối mà các người muốn nghiên-cứu y-học tất phải noi theo, mới mong có được cái học đến nơi đến chốn. Về phần nội-dụng các môn-học ấy, như môn sinh-lý, môn giải-phẫu, tất-nhiên ta phải hoàn-toàn theo bên Tây-học, bởi vì trong y-học ta, xưa nay chưa từng có những môn ấy. Còn như các môn kia, ta cần phải châm-chước hai bên Đông Tây mà quy-định lấy một cái phương-châm nhất định, thì người đi học mới đỡ tốn công-phu, mà khoa y-học của ta mới mong có ngày thống-nhất được.

Mấy nhời thô-thiển, xin đem chất chính cùng các ngài có lòng lưu-tâm đến nền y-học nước nhà.

Ngô-Thúc-Địch

NGUYỄN-TIẾN-LÃNG
và
PHAN-KHÔI

Ông Nguyễn-tiến-Lãng bình-phẩm bài «cái nạn Phan-Khôi . . .» ở báo Trung-Bắc; ông Phan-Khôi trệu-trọc ông Nguyễn-tiến-Lãng ở báo Đông-Tây. Đối với cuộc bút-chiến (!) hoàn-toàn về phương-diện cá-nhân, Bản-chí vẫn không muốn can-thiệp đến. Nay vì ông Lãng e bài trả-lời ông Khôi ở dưới này, hoặc giả vì lẽ riêng gì, mà ông Hoàng-tích-Chu không cho đăng lên mặt báo Đông-Tây, nên ông gửi về để bản-chí đăng giúp. Trước là vì nể lời một vị bạn thân, không lẽ tiếc một vài cột báo, sau là muốn để chư-vị quý Độc-giả cũng có đủ tài-liệu mà bình-phẩm cuộc xung-đột ấy, Bản-chí xin cứ y nguyên-văn bài đó đăng tái ra sau đây. Riêng phần Bản-chí vẫn cứ giữ thái-độ của bản-chí. *A. N. T. C.*

«Yênbay ngày 12 Avril 1932.

Kính ông chủ-bút Đông Tây

Thư này tôi gửi tiếp theo thư trước của tôi, về việc «qui-trợ-bút Phan tiên-sinh» thất vọng.

Tôi lại chịu có vài nhời lần này nữa cùng ông Phan-Khôi. Báo Đông-tây nếu còn biết giữ cái lễ-độ trong nghề, nên đăng cả hai cái thư của tôi lên trang nhất, cột thứ ba, thứ tư hay thứ năm.

Phan-khôi nói cái học của tôi là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng, mà chỉ dẫn chứng được có một điều: là tôi dùng chữ **Polémique** tỏ việc ông Tản-Đà bẻ **va**, và bè-bạn **va** đáp ông Tản-Đà; Phan-Khôi cho thế là sai, vì theo ý **va**, Tản-Đà bẻ **va**, **va** đáp lại mới là **Polémique**.

Trong thư trước tôi đã giảng chữ **Polémique** cho Phan-Khôi được hiểu. Hoặc thư ấy chưa đến tay ông, tôi nhắc lại cho Phan-Khôi nghe lần nữa.

Phan-Khôi cho là chưa tự cãi lại ông Hiếu, thì chưa coi được là có Polémique; đó là Phan-Khôi tự coi cái «tôi» của va, cái giá trị của *va* to quá (*hypertrophie du moi*), kỳ thực là Phan-Khôi nói láo, (tôi xin lỗi độc-giả; tiếc cho ngòi bút phải viết hai chữ ấy).

Nếu Phan-Khôi có được chút Tây-học, sẽ hiểu rằng: *Polémique* là cãi nhau chung quanh một hoặc vài ý-kiến, mà người cãi nhau dù là ai mặc dầu; ông Hiếu «giết Phan-Khôi trên đàn ngôn-luận,» bạn-bè Phan-Khôi đứng lên kêu, đó là có cuộc cãi lẽ vì ý-kiến Phan-Khôi, đó là có **Polémique**. Phan-Khôi có biết tra tự-vị chữ tây, giở cuốn Littré ra mà coi. Hoặc Phan-Khôi tự phụ hiểu chữ tây hơn cả Littré và các nhà Văn-Sĩ cùng viện Hàn-Lâm nước Pháp, tôi sẵn lòng coi Phan-Khôi là có bệnh về tinh-thần mà cho va mặc sức..... nói láo (tôi xin lỗi với độc-giả lần này nữa)

Phan-Khôi lại thất-vọng vì tôi «gian-vu» (theo lời va).

Tôi không cần phải nói đến cái ý gian-trá của Phan-Khôi, lập-luận và dùng chữ theo một lối sỏ-xiên (tôi lại phải xin lỗi độc-giả lần thứ ba) đến nỗi người ngoài cuộc đều xấu-hổ hộ cho Phan-Khôi và cho Đông-Tây đã làm cơ-quan.

Tôi chỉ khuyên Phan-Khôi đã viết ra câu: «Trong việc biện-luận mà không ngay thật-thì trong việc khác cũng ba-que có thể không ngay thật, rồi cái đời thành ra sỏ-lá, ba-que, hay là đến gian-tà, làm điều đại-ác được cũng nên», (đó là nhời nhễ Phan-Khôi), thì va nên biết liệu đời mà theo câu ấy, kẻo người ta phải thương cho va là người trong phái.» Tôi nói cái gì, xin người theo, nhưng tôi làm cái gì, xin người đừng làm» (*fais ce que je dis, mais ne fais pas ce que je fais*).

Đối với Phan-Khôi, tôi *ngay thật*, cho nên khi tôi viết bài «*Autour d'une Polémique*», không có tờ Phụ-Nữ Tân-Văn nào dưới mắt, phải tin theo trí-nhớ của tôi, thì tôi cũng công-nhiên nói rõ ràng: « *Je n'ai malheureusement pas sous les yeux ce numéro du Phu-Nu Tân-Van, et ai cité de mémoire* ».

Tôi ngay thật, cho nên sợ rằng đối phó với Phan-Khôi hoặc không được theo đúng nghĩa-vụ tôi cầm-bút (nghĩa-vụ ấy, là phải rất công-bằng), cuối bài « *Một ý-kiến về cái án Phan-Khôi* » trong báo Trung-Bắc, tôi đã hứa với Phan-Khôi rằng nếu có thể thân-oan cho **va**, trước ngòi bút khép án của ông Tản-Đà, thì tôi sẽ xem lại cái tình-cảnh của va và xét lại ý-tưởng của va để rồi tôi nói với ông Hiếu chớ đối phó với *va* một cách quá nghiệt.

Tôi là tôi, cho nên đối với Phan-Khôi mà nhời khen chê của tôi, tôi cũng bắt buộc nó phải giữ lấy nếp văn-nhã.

Phan-Khôi là Phan-Khôi, cho nên bao nhiêu nhời Phan-Khôi đối phó với tôi, phần nhiều quá đáng, nhưng tôi há chẳng hiểu cái nhễ: người làm sao, văn tất phải làm vậy. (*Le style, c'est l'homme*). Tôi trách Khôi làm chi?

Nay tôi giả nhời cho Khôi rõ:

1.— Phan-Khôi hỏi: « ông Lãng có thử đọc qua những bài ấy của tôi không?... Theo nhời ông Lãng, đủ biết rằng trong khi viết hai bài ấy, ông Lãng không có dưới mắt ông tập báo kia, có bài của tôi, nhưng trước kia thì ông có đọc cả, nên bây giờ mới nhớ mà nhắc lại cho. »

Phải, tôi chép nguyên-văn, đó « *nhời văn* » ông Phan-Khôi hỏi tôi.

nhời văn của Phan-Khôi là người chê văn quốc-ngữ của tôi «còn chưa xuôi», Nhưng thôi!... Nói làm chi; tôi chỉ đáp câu hỏi kia; vậy tôi đáp:

«Chính phải thế Phan-Khôi nghe! Mà tôi không có Phụ-nữ tân-văn để giữ luôn ở trong nhà, và không gối văn Phan-Khôi ở dưới giường để xem đi xem lại luôn luôn, sự ấy Phan-Khôi lấy làm lạ du? Xã-hội thì hiểu rồi, hiểu cho tôi rằng tôi còn có việc khác và *văn* khác để xem chớ sao?»

2.— Các câu hỏi của Phan-Khôi có ý bắt buộc tôi phải đọc lại văn (!) của Phan-Khôi rồi viết thêm cho báo Đông-Tây mấy cột báo, mà về văn (!) ấy, tôi không đáp; bởi vì ông Tản-Đà đã có cái chương-trình bài-trừ cái hại văn (!) và tư-tưởng! Phan-Khôi, mà chương-trình ấy đã đang thực-hành trong An-nam Tạp-chí rồi. Việc đời còn nhiều, các bực sĩ-phu trong xã-hội nên chia nhau mỗi người làm một việc. Huống chi, «bài trừ Phan-Khôi» tôi cần gì phải làm nữa, vì đã có ông Tản-Đà.

3.— Câu kết của Phan-Khôi: «Ai không biết đếu đầu đến đuôi đâu hết, thấy bài Nguyễn-tiến-Lãng nói như vậy, rồi tin đi, ắt phải cho Phan-Khôi là người bậy-bạ. Hoặc-giả Nguyễn-tiến-Lãng dụng tâm như thế chăng? — Ông Nguyễn-tiến-Lãng nên hối ngộ liền. Đừng còn nhỏ tuổi mà lập tâm bất chánh như vậy về sau sẽ hỏng!»

Nguyễn-tiến-Lãng tôi đáp: «Phan-Khôi bậy-bạ hay không bậy-bạ, xã-hội đã thừa rõ, cho nên Lãng này không cần phải nói thêm; nếu chỉ vì một nhời nói của Lãng mà xã-hội từ trước vẫn nhầm vì Khôi, đến nay mới biết Khôi là người thế nào, thì Khôi dù uất bởi ngòi bút này mà đã phải lớn tiếng, nhưng Nguyễn-tiến-Lãng cũng rất vui lòng vì đã làm được một việc ích. Ông Phan-Khôi! nên hối-ngộ liền! Tuy đã già đời, nhưng cũng còn thì giờ cải tà quy chính, một đời chưa đến nỗi hỏng tất cả!» Đối với tôi nói thế là đủ; sau này mặc cho Khôi lớn tiếng xin để xã-hội nghe cáo trạng của thi-sĩ Tản-Đà mà cùng cười với tôi.

Nguyễn-tiến-Lãng

CỰU-NHO VÀ TÂN-HỌC

(Trả lời bài «Văn chương phiến loạn» của ông Vĩnh)

Trong tờ Annam Tạp-chí số 34, ra ngày 26-3-1932, ông Ngô-thúc-Địch có dịch bài bình phẩm phái cựu-nho mà nhất là Á-Nam và Sào-Nam tiên-sinh, của ông Nguyễn-văn-Vĩnh đăng trên báo Annam Nouveau. Trong bài đó lời lẽ của ông Vĩnh nhiều chỗ khiếm-nhã mà nghị-luận lại không xác-đáng; tôi tuy là về phái tân-học chớ cũng rõ thấu cái chân giá-trị của một đôi nhà nho mà ta có thể gọi là chí-sĩ, nên muốn tỏ đôi lời cùng ông Vĩnh được rõ.

Tôi không thể lấy nguyên-văn bài ông Vĩnh mà bàn trên mặt báo quốc-văn được, nên phải tạm mượn bài dịch.

Mở đầu ông Vĩnh nói : Nếu không có dịp nầy (dịp Trần-tuấn-Khải bị bắt) có lẽ chúng tôi không để ý đến bao giờ (để ý đến quyển sách Chơi-Xuân). Xem đó đủ biết ông Vĩnh khinh-thị làng nho là biết mấy, bao nhiêu sách vở của nho-sĩ làm ra thì ông cho là đồ xã-rát cả, không thèm lưu-tâm đến.

Ông lại còn nói : «*Ông nầy cũng là một người, trong phái những tay làng thơ xuất-sắc, nhờ những câu thơ, những đoạn văn vần déo dắt mà nổi tiếng nhưng chính ông thì đối với những thơ van ấy chẳng có quan-niệm gì. . . .*»

Lấy cớ gì mà ông Vĩnh cả quyết rằng họ không có quan-niệm đối với thơ văn ấy ? Hay là ông Vĩnh chỉ thấy đôi ông đồ trong làng nho, cả đời chỉ ngồi ngâm thơ rung đùi, không làm được việc gì, mà đoán rộng ra rằng cựu-nho toàn là vô-dụng cả.

Nếu quả vậy thì sai to, vì muốn biết rõ tư-cách một phái nào, phải quan-sát những bậc thượng-lưu trong phái đó, chớ nếu cứ xét đoán như trên kia thì ta cho họn tân-học là đồ vũ-phu láu-táu cũng được.

Xem hai mươi, hai mươi lăm năm về trước, tổ-quốc còn đương nằm trong giấc mê-mộng, đàng tân-học chỉ lơ-thơ vài ba chú, thử hỏi ai rung chuông cảnh-tỉnh đồng-bào trước nhất ? Có phải là nhờ các cụ cựu-nho. . . . . khiến cho dân tình tỉnh-mộng mới có kẻ du-học người duy-tân. . . . . .

« *Cần phải phấn-đấu, cần phải sinh-hoạt, tôi xin biểu đồng-tình cùng ông thi-sĩ xuất-sắc kia. . .* » mà tôi đây cũng xin biểu đồng-tình cùng ông Vĩnh song chỉ sợ ông nói đó mà không làm hay là làm trái ngược lại rồi hô lên rằng: « làm theo lời ta nói chớ đừng làm theo cách ta làm (Fais comme je dis et non comme je fais). Xưa nay tôi chưa từng thấy ông Vĩnh làm chút gì đáng gọi là phấn-đấu, là sinh-hoạt. Có chăng ông ta chỉ làm trái hẳn với lời ông nói đó thôi ! Ông chê nhà nho, nhưng người ta nho mà người ta chỉ bày cái đặc-sắc của nho-sĩ cùng với công-chúng, còn ông thì sao ? Ông là nhà tân-học mà trở đi lượm-lặt những cái xấu, cái hủ của phái nho đời trước mà in ra.

Ông Vĩnh lại còn nói : «*Họ bao giờ cũng cốt khêu gợi trong lòng người ta những ý kiến sầu não, đem những đấng anh-hùng, anh-thư đời trước để mong đối phó với những mãnh lực đời nay, nào có phải phấn-đấu !. . . . .*»

Lối văn tán-tụng sự-nghiệp anh-hùng hào-kiệt, làm thế nào mà âu-sầu buồn-bã được ? Lối văn ấy, hùng-hồn có một cái mãnh-lực riêng, phấn-chấn tinh-thần ta lên, thúc-giục chí-khí ta lên, ...

. . . . . .

Kỷ-niệm đài lập ích cho người sống chớ có ích gì cho người chết ! Thế thì ăn cơm mới nói chuyện cũ có nên không ?

Ông Vĩnh lại nói rằng ông Khải lấy những câu văn sáo mà bảo ta sùng bái những bực anh-hùng trái ngược hẳn nhau như Nhị Trưng, Hưng-Đạo, Cam-Địa, Mustapha Kémal, Mussolini ! Anh-hùng là người tận-tâm làm đều phải, không ai khác ai, có khác nhau chỉ khác cái hành-vi, chớ tấm lòng nhiệt-thành thì ai cũng một. Ta nên khen cái dạ nhiệt-thành của họ đối với nước nhà. . . . . .

. . . . . .

Ông Vĩnh còn nói : «*Những người hành-động thường không có tư-tưởng gì mà mắt cũng không bao giờ ngó đến quyển sách.*» Ông Vĩnh là người tân-học mà nói như thế, chắc hẳn công-chúng ngạc-nhiên lắm ! .

. . . . . .

Lời nói của ông Vĩnh không căn cứ vào đâu cả. Ông Vĩnh lại còn nói rằng : «*Các bậc nho đó không có chủ-kiến gì, chẳng qua chỉ lợi-dụng tâm-hồn tàng-tật của một số đồng-bào ta và tán-dương lòng ghen ghét thời-thế mới ;* . . . . . .

. . . . . .

Ông Vĩnh muốn buộc cho các nhà nho-sĩ là «*thạo nói*» là «*rỗng-tuyếch*» là «*nặn câu*» là «*lợi dụng tâm-hồn tàng-tật của đồng-bào*» mà hóa ra ông lại tự buộc tội cho mình. Nói đến đây vùng nhớ lại mà tức cười cho mấy đứa trẻ dương ná bắn người mà để lộn đầu thành ra bắn mình. Hay là khi viết bài này ông Vĩnh coi lầm giờ rồi chăng ?

Riêng phần tôi, trên trường ngôn-luận chưa được thông thạo cho lắm. Song, nghe câu chuyện trái tai phải cãi mong rằng có điều chi sơ suất mấy vị chính-kiến chấn-chỉnh cho.

Nam-Dân

DƯỚI NGỌN BÚT CỦA CỔ NHÂN

PHỤ-NỮ' LA-MÃ

Tôi xin hiến các bạn độc-giả một cái «co-lec si-ông» về những mảnh sứ cổ tôi nhặt được trong đám rừng văn La-mã. Nhân tiện làm một cái gương tầy liếp để những ai hiểu nhầm văn-minh cùng soi chung.

Đây tôi nói về một thời-kỳ văn-minh La-mã lên đến cực-điểm, một thời-kỳ « phong gấm rủ là » mà quê-hương chú « bất-tử » Mussolini đã được nếm vào khoảng hai nghìn năm về trước (31 trước T. C. giáng-sinh—14 sau T. C. giáng sinh).

Đứng đầu hàng, ta thấy phụ-nữ La-mã ở trong cơn bại-tục.

Song trước khi nói về tình-trạng phụ-nữ La-mã, ta hãy xem quan-niệm của cổ-nhân đối với vấn-đề đó ra sao.

* * *

A — *Quan-niệm của cổ-nhân đối với vấn-đề phụ-nữ.* Nhà chép sử Tite-Live có chép một đoạn trong bài diễn-văn mà hiền-triết Porcius Caton đã đọc ở nghị-trường: « Các bậc tiền-nhân ta cấm-đoán người đàn-bà không được dúng vào mọi việc — dù việc đó là việc tư mặc dầu — người đàn-bà không được làm một việc gì mà không có ai trông nom đến; tiền-nhân ta muốn người đàn-bà bao giờ cũng ở trong tay (in manu) của người cha, người anh giai hay người chồng cai-quản ». Sau Caton lại nói thêm:

« Thưa các ngài, các ngài nên nhớ cho rằng: tất cả những luật nào dính dáng gì vào vấn-đề giam cầm phụ-nữ (cổ-nhân đã đặt ra) đều bắt buộc người đàn-bà phải phục-tòng người đàn-ông. Những điều luật đó đã trói chặt bọn phụ-nữ, thế mà ta vẫn không sao giữ nổi được bọn họ. . . . !

Xem như thế thì việc áp-bức phụ-nữ đã là một cái luật chung của dân La-mã. Đã nhiều lần, các nhà văn-hào muốn giải-nghĩa tại sao mà có cái chế-độ áp-chế đó.

Các nhà văn-hào như Cicéron, Gaïus, Ulpien, rồi đến Isidore de Séville (một nhà tổn-cổ) có cho bộ luật quá chặt chẽ đó đặt ra cũng : vì tư-tưởng của phụ-nữ quá nhu nhược (propter infirmitatem consilü); vì chỗ yếu hèn của phụ-nữ và vì sự ngu dốt của phụ-nữ đối với mọi việc trong nước (propter sexus infirmitatem et propter forensium recrum ignorantiam); vì trí-thức của phụ-nữ không được chất-chính (propter animi levitatem).

Cái luật đó sau thành ra một định-luật (principe).

Trải bao thế-kỷ, người đàn-bà La-mã cố gắng mãi mới vật đổ được cái quyền-hành tư-pháp đó. Song,nói rằng bọn đàn ông đã đem bộ luật thắt buộc đó ra áp-chế phụ-nữ thì thật ta chưa có cái óc « tùy-thời ». Sở dĩ người đàn-bà bị giam cầm như thế là cũng vì bọn phụ-nữ La-mã thời bấy giờ chưa hiểu thế nào là « văn-minh », là « quyền-hành ». là « tự-do, bình đẳng ».

Cho nên, trước khi trách đến bộ hình-luật đó ta hãy nhìn đến những trạng-thái xấu xa mà người đàn-bà La-mã đã cố lăn lóc vào.

* * *

B — *Người đàn bà La-Mã trong gia-đình.*

Từ cách ngồi, cách đứng, cách đối đãi với con đòi đứa ở, người đàn-bà La-Mã thời bấy giờ thật chẳng được « nết » nào.

Các bạn độc-giả chớ vội tưởng đến người đàn bà La-mã bị giam-cầm như thế đâu. Thực ra, quyền-hành vẫn ở trong tay họ; từ việc nhà đến việc nước, từ việc nhỏ đến việc lớn, người đàn bà La-mã vẫn có một cái quyền đặc-biệt.

Trong bức « phông » vẽ mọi sự sinh-hoạt của dân La-mã, ta thấy « nổi » nhất là quyền-hành của các bà « chúa nhà » (materfamilias). Các « mẹ » bằng lòng — rất vui lòng — ngồi nhà, song quyền-hành trong gia-đình đều vào tay các « me » cả. Đức ông chồng khúm núm dưới chân « bà chúa », câu con sợ sệt, con đòi thằng nhỏ, khách khứa đều « câm như hến » mà chiều đức-bà.

Nhà chép sử Cornelius Nepos có chép : « Tôi thử hỏi nhà một anh chàng nào mà không có những hạng « bà chúa » đó hoành hành ? » (mấy lời mở đầu» cuốn «de Viris illustribus) .

Thế-kỷ thứ nhất, nhà nông-học Columelle cũng phải ngậm ngùi than tiếc cái cõi đời « phong gấm rủ là » xưa kia : « Người đàn bà đời xưa -- dù người đàn bà đó có sắc, có tài — cố gắng ganh đua với chồng con về mọi việc cửa nhà. . . . không bao giờ ta thấy chồng hay vợ chia việc ra bao giờ. Đôi bạn cùng cố gắng hợp sức nhau làm việc; (nhờ cái tài-năng của các bà liền-mẫu nên các việc trong nhà cũng chẳng kém gì việc ngoài nước) Mấy lời mở đầu cuốn « De Re rustica » cuốn thứ XII).

Câu truyện « cổ » nó cũng có định vị « hoang-đường ». Song, dù hoang-đường, cái quan-niệm của người cổ-La-mã đối với bậc hiền-phụ, hiền-mẫu vẫn là cái quan-niệm sâu-xa. Trước kia, ta xem truyện, ta thấy : nào các cô con gái ở thành Sabine có hiếu, nào cô Virginie trong sạch, nào bà Lucrèce tự-sát vì bị con ông hoàng Tarquin (Tarquin le Superbe) bức tử, nào cô Clélie anh-liệt, nào bà Comélie (me cậu Tiberuis và cậu Caïus) là một bậc hiền-mẫu. . . Ngày nay, dấu xưa còn ghi trên các mộ-chí của người thiên-cổ. Các nhà khảo-cổ đã có dịp được biết đến các bậc đó.

Columelle -- con nhà nông — cũng đã biết đến cõi đời «tuổi vàng» (âge d'or). Lời than của Columelle không phải là quá-đáng, nếu có xét đến bức tranh thời-sự của các « bà tướng » La-mã đồng thời với Columelle.

Đến đây, tôi xin trích một đoạn văn «mỉa đời» của Juvénal nói về các bà « làm đỏm » :

« Mặt với mũi khó coi và tức cười quá. Mặt thì chát một lần ruột bánh mì, xông ra hơi thuốc « pommade Coppée » (thứ-phi của vua Néron, bà Poppaca Augusta — một bà có tiếng là đẹp về khoa « làm đỏm » — đã chế ra vị thuốc đó)... không hiểu tại sao họ cũng trang-điểm « lấy giáng » với người trong nhà ?... kia, họ đã lột cái mặt nạ «bột» ra kia... họ tắm bằng sữa la cái, có lẽ họ cho cả một đàn la theo họ đến bắc-cực nếu họ bị đầy ở đó, chắc ?... Tôi thử hỏi cái bộ mặt chát bự kia có phải là một bộ mặt không hay là một cái ung nhọt»

Juvénal lại tả đến lúc tắm giặt. Người đàn bà La-mã không tắm ban ngày mà lại thích tắm về đêm. « Về đêm, họ mới « lôi giậy » nào bình nước, nào các « chiến-tướng » (tức là bọn nô-lệ, cùng các thứ hương thơm, nước sức v. v...)... »

À quên, trước khi tắm, các « bà tướng » còn làm « mu-vơ-măng ». Các « nữ thể-thao-gia », sau khi đã bôi cérema (một thứ mỡ mà các nhà vận-động La-mã ưa) khắp mình mẩy, tập múa kiếm, đập kiếm vào cột (!), « hươi » mộc chống đỡ với cột (!). Các bà làm như ta cũng dự hội « Bách-Hoa vận-động » Jeux Floraux — cuộc đại-hội này thường mở vào ngày 28 Avril cho đến ngày 3 Mai, — ta cũng tỉ-thí trong lôi-đài đây. Không nói gì đến cuộc làm «mu-vơ-măng » của các bà nữa (vì các bà trọng « tinh-thần thượng-võ » !) Song ta cũng nên nói rõ cách ăn mặc của con nhà thể-dục ! « Các bà tuôn mồ hôi dầu ướt đẫm cả lần áo mỏng. Các bà hăng-hái («cảm-động» thật !) chống đỡ các ngón võ người ta đã giậy các bà, hăng hái chống đỡ cái mũ nặng chĩu trên đầu, hăng hái đứng vững trên « bộ giò », bộ giò « làm » bằng vỏ cây gì không biết ! » (Junéval — Satires).

Tắm xong... các bà lại nhắc tạ cho mồ hôi toát ra lần nữa, rồi các bà lại bóp gân cốt. Xong đâu đấy, lúc đó, các bà mới nhớ đến bữa tiệc mời khách, các bà mới nhớ đến các « quí-khách gật gà gật gưỡng » trước mâm cơm, các bậc tân-khách « bụng kêu : đói kém ! » Các bà ra tiếp khách lúc các bà còn nhọc mệt, còn thở hào hển. Các bà « nuốt sống » hàng cốc vại rượu vang, các bà « nốc » cho đến khi nào thổ ra, các bà lại «hớp» nữa. « Thậtchẳng khác nào một con rắn dài cuộn tròn trong tô-nô đầy rượu học uống rồi họ lại thổ ra hết » (Juvénal).

Trong gia-đình, người La-mã là một người không biết tự-chủ. Phụ-nữ La-mã thời bấy giờ chẳng khác cái bong bóng mỏng mảnh đông cham vào là vỡ toang ra ngay. Xem như cách đối đãi với đầy tớ cũng đủ rõ.

Ở thành Cổ-La-Mã, bọn nô-lệ thực ra chỉ là một đồ vật của người chu (dominus, domina). Chủ muốn đem cho ai — không lấy tiền hay lấy tiền (ususfructus) — chủ muốn giữ để làm hay đem cho thuê, bọn nô-lệ lúc bấy giờ không phải là người nữa chỉ là một vật để gán nợ hay để mua bán mà thôi. Thôi thì chu muốn đánh đập thế nào cũng mặc lòng, bọn nô-lệ cũng phải im không được một lời kêu ca. Chủ không có sức để đánh-đập thì chủ thuê một bọn đầu trâu mặt ngựa làm hình-cụ để tra để tấn. Trong bọn nô-lệ cũng có đứa vì bị đánh đập, giam cầm, khổ sở quá mà chết. Juvénal có kể truyện lại : một người nô-lệ bị sắt nung đỏ tra khảo « chỉ vì đánh mất mất hai cái khăn tay » ... « Giọng ca của nữ-thần Sirènes không hay bằng âm-điệu ngón roi vi vút ». Chủ bủn sỉn, bọn nô-lệ cũng khổ, áo không có mặc, cơm không có ăn... khổ sở không biết thế nào mà kể.

Cũng có người được chủ « yêu » yêu về cái ngực nở, về đôi bắp tay to. Khi chủ ra đường, bọn « con cưng » (filius ingenuorum) đó được đi theo hầu. Có đứa «bồng lộc» cũng khá. Đứa nào được chủ yêu lại thành tinh, tác quái, việc nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã hay, dầu chủ nhà có kín đáo mặc lòng, chỉ trong chốc lát là « tiếng danh » bay ra phơi phới. « Đi trên con đường đời, ta phải nên cương-trực thì mới tránh được ngọn lưỡi của bọn nô-lệ » (Juvénal), chẳng những danh-dự của chủ nhà phải « bay » mà lắm lúc đầu chủ nhà cũng phải bay nữa. Miệng hùm gan sói của bọn nô-lệ đã làm cho biết bao ông chủ bà chủ « bay đầu » dưới quyền hành thời họ Domitien còn làm vua.

Theo Juvénal, công-nghiệp vĩ-đại không phải một phút làm ra bằng một cách áp-chế, một cách « bắt buộc người ta sợ hãi mình », song công-nghiệp vĩ-đại ở cái chỗ « biết khoan dung những điều nhầm nhặt», ở chỗ « nhân đạo » (milem animum et mores modicis erroribus acquos). Juvénal không muốn người chủ nhà đánh đập kẻ dưới quyền-hành mình, bọn nô-lệ không phải là một con « vật » hay một « đồ vật » vì bọn họ cũng là người, cũng có đủ tính-chất như ta. Đấy, cái giọng của phái « nhẫn nhục » (stoïcisme), cái giọng của Juvénal, cái giọng của Sénèque (trong một bức thư của Sénèque gửi cho nhà văn-hào Lucilius) !

Câu chuyện chủ nhà đầy tớ đã làm một cái đầu đề cho luận-thuyết về đời bấy giờ. Trong cuốn Satiricon của nhà bỉnh-bút Pétrona, ta cũng thấy có một đoạn « tán » về vấn-đề đó, một đoạn đã nêu ra cái phong-trào «tự-do cải-cách» (réformes libérales) ở đời các vua họ nhà Antonins.

Vào cuối thế-kỷ thứ nhất, bọn nô-lệ vì hay có tính thâm-thù rên thường vẫn bị ông chủ (dominus) bà chủ (domina) lấy quyền ra tra tấn. Cái quyền, cái định-luật đó — nếu ta đọc văn của Sénèque hay của Martial — đã thi-hành ra một cách rất dã-man.

Tôi lấy mấy cái tỉ-dụ trong áng văn của Juvénal.

« Tối đến, nếu đức ông chồng không ngủ ở nhà, là chết bọn quản-gia. Lột áo ra, bọn tì-nữ ! Bọn đó bị cáo vì chưa kịp mở cửa cho ông chủ, vì làm mất « giấc » của ông chủ. Trên lưng ả này, một lần roi đỏ ửng, rồi hai lần roi, rồi ba, rồi bốn... rồi... rồi...! Họ đánh đập túi bụi. Trong lúc đó, bà chủ vẫn thản nhiên vuốt ve đôimá hồng, vuốt ve ông bạn quí, vuốt ve cái tà áo riềm vàng. Họ còn đánh nữa; bà chủ vẫn nhìn vào sổ chi tiêu trong nhà... thản-nhiên ! Họ còn còn đánh nữa. Sau bọn đầu trâu mặt ngựa kiệt-lực không thể đánh đập được nữa, bà chủ mới hét lên như sấm : « Xéo » !... (công-lý đã làm xong phận-sự !)

Nếu cái hương soi không soi «vừa» ý bà, là bà lại quát tháo đánh đập — chỉ chết cô ả hầu khăn, hầu áo.

Bà có «răng-đê-vu». Bà muốn đẹp hơn mọi hôm. Bà hấp tấp sửa soạn, vì «cậu» nhân-tình đang chờ ngoài vườn, hay đang chờ ở đền bà nữ-thần Isis, nữ-thần coi về việc «tơ-hồng». Con Psecas, đầu tóc rũ-rượi, lộ cả hai vai, lộ cả ngực, đang hầu khăn bà.— Cái mái tóc này cao quá. Sao?— Gân bò theo liền câu nói, đập trên lưng con Psecas...»

Câu chuyện chủ nhà tàn sát bọn đầy tớ không phải là ít, nhà thi-sĩ Ovide, một nhà ăn chơi có tiếng, có tài làm văn, lại có tài chiều gái, có dặn lại cho phụ-nữ La-mã trong cuốn «Nghệ-thuật làm cho người yêu» (Art d'aimer) rằng: «Tôi ghét những bà nào lấy tay cào mặt người nô-lệ, lấy đanh ghim đâm vào tay bọn tì-nữ. Máu chảy pha cả vào tóc của chủ, chẳng khó coi lắm sao». Trong cuốn Amores của Ovide, ta còn thấy nhà thi-sĩ khen ngợi một bà bạn không hề lấy kim vấn đầu đâm vào tay bọn tì-nữ. Nhà văn Martial cũng có kể chuyện một ả tên là Lalagé lấy gương đập vào mặt đứa ở gái hầu khăn, bứt tóc nó và «nện» nó đến khi ngã xuống đất mới thôi.

Còn nhiều lắm, không sao kể xiết được.

Đến đây, tôi xin kể một truyện về tấm lòng nhân-đạo của Hadrien hoàng-đế (Hadrien ở vào khoảng Juvénal về già — năm 120 hay 125, vào khoảng đó). Hoàng-thượng ngài có «biếu» bà Umbricia năm năm khổ-sai về tội đánh đập bọn nô-lệ.

Nhưng, tôi để nhường lời cho hoàng-đế Hadrien:

— «Kìa, đứa nô-lệ treo trên thập-tự!— chết nỗi, nó can vào tội gì mà hình-phạt quá nặng đến chết? chứng-giả đâu? Nguyên-cáo đâu? Này! này nghe nhời trẫm: không nên để mất thì giờ, vì sinh-mệnh của người rất quí, rất trọng—chết, đứa nào điên rồ mà không rõ đứa nô-tì cũng là «người»? Nó không làm được việc gì, vẫn biết thế!

Song ta muốn thế! ta phán thế! lý của ta? Tấm lòng cương-quyết của ta cũng đủ! (Hoc volo, sit jubeo, sit proratione voluntas!)».

Than ôi! lời nói của một vị minh-quân thật rất hiếm trong thời-kỳ tăm tối!...

Trên kia, tôi nói về cách đối đãi với đầy tớ, với nô-tỳ của người đàn bà La-mã. Đến đây, tôi lại nói đến cách cư-xử của các bà vợ đối với chồng con.

Về vấn-đề «tài-chính» trong nhà — trên kia, tôi đã kể — người đàn-bà giữ cả. Các việc «thụt két công-khai» vẫn xảy ra luôn. Người đàn-bà La-mã thời bấy giờ thật là một tay «phá-gia».

«Đối với số đông, cơn túng thiếu là thường. Song, không có một ai e ngại về chỗ «hàm» nhai thì núi phải lở. Cũng có người đàn-ông biết đến mọi việc ích-lợi, theo gương loài kiến phòng khi đói rét. Người đàn-bà hoang-toàng không nghĩ đến chỗ tiền đội nón ra đi. Họ tưởng tiền-bạc còn «đẻ» mãi ra, mà tay họ bao giờ cũng được súc đống tiền vô-tận. Không bao giờ họ nghĩ đến cái «giá» của mọi cách ăn chơi họ đã dùng vào (Juvénal).

Đối với cái «két» của đức-ông chồng, bà vợ vẫn nặng tay phá-phách. «Cái phần lấy ra nặng quá» (Gravis est rationabus), chưa thấy một đức ông chồng nào hé răng than thở như thế. Đối với chồng, «các bà chỉ là kẻ láng-diềng», khi nào các bà biết đến cảnh "phòng không», là khi nào cái ví tiền nó gọi đến các bà.

(*Còn nữa*) **Thu-tùng**

Con đại-tá Lindberg bị bắt cóc

Giá Đại-tá Lindberg đừng tung tăng không-khí làm vang danh trong thế-giới, thì có việc gì đến nỗi ngày đêm băn-khoăn ôm cái vinh-dự, ăn kém ngon mà ngủ cũng kém yên.

Năm 1928, cô em vợ đã bị bọn cướp dọa bắt cóc đòi lấy 50 nghìn đô-la, đại-tá bèn đem ngay cô lên máy bay bay thẳng. Thì ra phi-tướng đem cô về quê ngoại, mỗi lúc cô đi đâu tất có 2 tay mật-thám đi kèm.

Đến năm nay, Đại-tá có câu con nhỏ. Câu nhỏ ấy là trái tim của ông bà Lindberg mà lại là của quý của nước Hoa-kỳ. Đại-tá vẫn lo như có người sắp bắt cóc. Bỗng một buổi câu nhỏ biến mất. Một tiếng vú kêu, Đại-tá nhảy vọt ra ngoài, trông sau trông trước, chẳng thấy tăm-hút gì. Quay vào nhà, nhà đã đầy người, hàng sóm đồ sang, mật-thám chạy đến. Rồi ô-tô đỗ lại rầm-rập, mấy mươi đám súng trường súng đoản kéo đi khám xét các miền chung quanh. Chuông điện-thoại rung luôn không rứt. Điện-tín các nơi tới tấp gửi về, quan Tổng-thống Hoover cũng gọi điện chia buồn cùng Đại-tá.

Buổi sáng, Lindberg phu-nhân khóc trong phòng, bên ngoài máy bay các nơi đỗ xuống nhan-nhản. Xe «camion» chở lính mật-thám đến luôn-luôn không rứt.

«Con Đại-tá là của báu của nước Mỹ, ăn cắp con Đại-tá tức là khinh-nhờn pháp-luật, khiêu-động tình-dân.» Các nhà chuyên-trách đã hết sức tìm, nhưng không thấy mành-mối gì hết.

Đại-tá thì hết sức xin với nhà-nước đừng cho tìm tòi nữa, đừng mong bắt tội kẻ bắt cóc con mình nữa, ông viết những bài kêu-van bọn cướp rất là bi-ai:

«Tôi đã để sẵn 50 nghìn đô-la giấy nhỏ để các ông dễ tiêu, các ông muốn nữa, tôi xin đưa thêm. Tôi sẽ tuân-theo mệnh-lệnh các ông, muốn hẹn ở chỗ nào, tôi xin đến đấy một mình, quyết không để cho sở mật-thám biết. Các ông nên trông nom con tôi cho cẩn-thận, nó sổ mũi đấy. Đây tôi biên các vị thuốc cho nó uống và những giờ cho nó ăn...»

Hôm 3 Mars, mấy tờ báo lớn ở Mỹ được tin điện-thoại bí-mật nói rằng: con Đại-tá vẫn được một người vú thiện nghệ săn-sóc rất cẩn-thận.

Nhưng biết đâu tin ấy chẳng phải tự một người thân với Đại-tá làm ra.

Thương thay cho bà Lindberg nhớ con như điên như cuồng, mà phi-tướng cũng nhiều lúc bực mình suýt khóc.

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra.

« Les confessions de J.J. Rousseau »

12

Muốn cho khuây khỏa những nỗi ly sầu biệt khổ, chúng tôi thường thường viết thơ cho nhau, mà bức thư nào cũng chan chứa thảm sầu, đến nỗi gỗ đá cũng phải cảm-động. Đến sau cô ta không cầm lòng được, phải đến Giơ-ne' (Genève) để thăm tôi. Thật là một điều danh-giá cho tôi quá! Tôi mừng rỡ đến nỗi trong khi hai ngày cô ta ở lại đấy, tôi lúc nào cũng như say như dại. Khi cô ta trở về tôi muốn đâm đầu xuống sông để theo cô, và mãi sau khi cô ta đã đi rồi, tôi vẫn còn khóc than rầm rĩ. Tám ngày sau, cô ta gửi làm quà cho tôi ít kẹo và mấy đôi «găng»; ví thử lúc ấy tôi không biết rằng cô ta vừa đi lấy chồng, và mục-đích cái cuộc du-lịch mà tôi được hân-hạnh thừa tiếp cô vừa rồi, là cốt để sắm sửa đồ cưới, thì cái lòng ân-cần cô đối với tôi sẽ có vẻ tình tự đến đâu. Tôi không cần phải nói, chắc các ngài cũng biết cái lòng tức giận của tôi lúc bấy giờ là thế nào. Trong cơn hờn giận cao-thượng, tôi thề từ rầy không bao giờ nhìn mặt cái gái phụ-tình ấy nữa, mà trong bụng tôi, tưởng chừng như không còn cách trừng-phạt nào ghê-gớm bằng sự quyết-tuyệt ấy. Tuy thế nàng cũng chẳng vì thế mà chết nào: bởi vì hai mươi năm về sau trong một buổi đến thăm cha tôi và cùng cha tôi đi chơi hồ, tôi có trông thấy mấy người đàn bà ở một chiếc thuyền đối diện và hỏi cha tôi những người ấy là ai, thì cha tôi mỉm cười đáp lại rằng: «Chết nỗi! trái tim con lại không bảo cho con biết cái đó sao? Đấy là tình-nhân cũ của con: đấy là Địch-tinh phu-nhân tức là Vinh-sơn tiểu-thư đó». Nghe đến cái tên ấy, cái tên đã gần quên hẳn đi, tôi giật nẩy người lên; tuy bấy giờ tôi muốn báo thù lại cũng chẳng khó gì, nhưng thiết-tưởng chẳng tội gì lại phụ nhời nguyền xưa, chẳng công đâu ôn lại chuyện hai mươi năm cũ với một người đàn bà đã bốn mươi tuổi, tôi liền bảo lũ lái đò quay thuyền đi lối khác.

* * *

1727 - 1728

Ấy trước khi người nhà ấn-định nên cho tôi làm nghề nghiệp gì, thì cái thì giờ quý-báu nhất trong buổi thanh-niên của tôi đã bị tiêu-ma hư phí hết vì những chuyện ương-gàn đó. Bàn soạn chán chường mãi về cái tư-chất thiên-nhiên của tôi, sau người nhà mới định chọn cho tôi một nghề ấy lại không hợp với ý muốn của tôi một chút nào. Họ nhét tôi vào nhà ông Mạt-song, viên lục-sự ở thành phố để theo đòi ông mà học lấy cái nghề hữu ích, như nhời ông Bách-nha, là nghề thày cò. Thật không còn gì làm cho tôi bỗ ghét bằng cái danh-hiệu này; cái hy-vọng theo một con đường đê-mạt để kiếm được nhiều su không đủ làm được cái chí-khí kiêu-căng của tôi. Cứ công việc đã thấy buồn-tẻ khó chịu, lại thêm ngày ngày phải chăm chỉ cậm-cụi phục tùng chiều chuộng, thành ra đến sau tôi chán ngắt cái nghề ấy, hễ bước chân vào buồng lục-sự là thấy ghê sợ, mà cái lòng ghê sợ ấy càng ngày càng tăng mãi lên. Về phần ông Mạt-song, ông cũng chẳng ưa gì tôi lắm, nên đối đãi với tôi ra dáng khinh-bỉ; thường thường ông trách mắng tôi lười biếng ngu ngốc; ngày ngày ông luôn mồm kêu ca: nào là chú tôi bảo với ông rằng là tôi biết điều nọ điều kia, mà thật ra tôi chẳng biết «cóc» gì cả; nào là chú tôi hứa sẽ kiếm cho ông một thằng bé ngộ-nghĩnh, mà hóa ra đem đến cho ông một con lừa. Rút cục, tôi vì vô-dụng phải đuổi ở buồng lục-sự ra, mà những thày ký của ông Mạt-song thì công-nhiên tuyên-bố rằng tôi chỉ đủ tư-cách vác cái rũa mà thôi.

Thế là cái «khiếu» của tôi đã rõ ràng rồi, nhưng tôi không được đi tập sự ở nhà một ông thợ đồng-hồ, mà lại vào học việc ở nhà một ông thợ trạm. Tôi rất hổ-thẹn vì đã bị viên lục-sự ruồng-đuổi, nên lần này tôi camt âm phục-tùng, không phàn nàn chút nào. Ông thày tôi là ông Đích-ca-mông là một người thiếu-niên quê-mùa hung-tợn, nên chẳng bao lâu ông đã làm sóa-nhòa mất cả cái vẻ sáng-láng trong tuổi thanh-niên của tôi; ông làm cho tôi biến mất cái tính khí ôn-hòa, nhanh-nhẹn mà hóa ra thô-lỗ đần-độn; rút cục, ông làm cho trí-thức tôi và thân-phận tôi hoàn-toàn thành ra đúng với địa-vị một anh thợ học nghề. Tiếng La-tinh, các khoa cổ-học, khoa sử-ký tôi quên tịt hết cả; đến nỗi tôi không còn nhớ rằng ngày xưa có giống người La-mã ở trên mặt đất này nữa.

(Còn nữa)

TÂN-THIẾU-NIÊN

Cơ-quan của bạn trẻ đã ra đời; vừa đứng-đắn, vừa có vẻ mỹ-thuật, mỗi tuần-lễ xuất-bản hai kỳ: thứ năm và chủ-nhật.

BÁO-QUÁN: 26 Phố Lê-quý-Đôn Hanoi.

GIÁ BÁO:

Mỗi số 0$03, sáu tháng 1$60, một năm 3$00.

AÍ-NHĨ-LAN ĐÒI HOÀN-TOÀN ĐỘC-LẬP

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . Ái-nhĩ-lan . .
đòi ra đứng một mình.

. . . . . .
. . . . Ái vốn vẫn cùng Anh có thù, trong sử-ký đã thấy ghi bao nhiêu trận hai nước cùng nhau xô-xát. Hồi năm 1649, Cromwell sang đánh Ái-nhĩ-lan có ra lệnh cấm kiều-dân Anh không được mặc áo, nói tiếng, lấy vợ, buôn hàng hay mướn người Ái-nhĩ-lan, đủ biết mối thù của hai nước «hàng xóm» ấy không phải nhỏ . . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . Rồi từ năm 1800, Anh đem Ái sát-nhập vào nước mình, người Ái trốn đi vô-số, những từ 1853 đến 1883 đã có tới 2.364.091 người. Họ hành-động rất hăng, trong nước có rất nhiều hội-kín mà trung-ương đảng-bộ thì ở mãi Hoa-kỳ. Một năm 1881 có 4.439 việc bạo-động...

Hãy xin nói câu chuyện gần đây.

Theo hiệp-ước Anh-Ái ký ngày 6 Décembre 1921, 26 quận Nam-Ái-nhĩ-lan đổi tên là Ái-nhĩ-lan tự-chủ quốc (Etat Libre d'Irlande), quyền lập-pháp thuộc hai Nghị-viện: Thứ-dân nghị-viện bầu-cử theo lối tổng-đầu-phiếu và Nguyên-lão nghị-viện bầu-cử theo hạn-chế đầu-phiếu. Các luật-pháp trước khi ban-bố phải có quan Toàn-quyền đại-biểu của Anh-hoàng chuẩn-y, mà sự chuẩn-y ấy lại phải thoả-hiệp với Chính-phủ Ái.

Chính-phủ Ái lấy tên là Hội-đồng Hành-chính (Conseil Exécutif), ông chủ-tịch do Thứ-dân nghị-viện bầu lên trong một hạn năm năm, có đủ quyền-hạn như một ông thủ-tướng trong Nội-các và còn kiêm ít nhiều quyền như tổng-thống nữa. Ông có quyền kén trọn các quan tổng-trưởng quốc-vụ nhưng phải hỏi ý-kiến Nghị-viện. Nghị-viện cuối cùng bầu lên từ Septembre 1927, mới bị giải tán mấy tháng trước đây. Số đại-biểu các chính-đảng trong Viện đó chia ra như say này:

Đảng Chính-phủ kể cả các chủ trại	71	ghế
Đảng de Valera	35	—
Đảng tự-lập	15	—
Đảng Lao-động	10	—

Cuộc bầu-cử hôm 16 Février mới rồi, có hai đảng ganh nhau: đảng Lập-hiến, thủ-lĩnh là ông Cosgrave vốn ngồi ghế chủ-tịch, với đảng Cộng-hòa, thủ-lĩnh là nhà chí-sĩ de Valera.

Đảng ông Cosgrave, lẽ tất-nhiên, vẫn theo chính-sách từ xưa, — một Chính-sách đã giúp Chính-phủ đứng vững được mười năm nay hẳn Chính-phủ chẳng dám cho là dở. — Huống chi, dưới con mắt ông Cosgrave cùng các bạn đồng-chí, Ái-nhĩ-lan đã gần thành một nước độc-lập: nước Ái đã có tòa lãnh-sự ở nhiều nơi. Vậy Ái-nhĩ-lan cần phải theo con đường cũ mà tiến, Chính-phủ cứ phải theo chương-trình cũ mà thi-hành, mà hết sức ngăn-cản các cuộc bạo-động. Ngày giữa năm ngoái, đã có một việc biến-loạn quan-trọng, Chính-phủ xin bỏ phiếu tín-nhiệm song được đa-số hoan-nghênh.

Còn ông de Valera, nhiều lần ông cũng tuyên-ngôn công-kích sự hành-động mãnh-liệt hay trái với pháp-luật, nhưng, trong chương-trình của ông, ông lại dự-định bỏ hết các phương-pháp lâm-thời cần-thiết Chính-phủ dùng để đối-phó lại với các tay bạo-động; chương-trình của ông chỉ cốt làm thành một nước Ái-nhĩ-lan liên-hiệp và cần nhất là phải hoàn-toàn độc-lập cả về phương-diện pháp-luật lẫn thực-tế. Ông muốn quay lưng lại phía Anh-hoàng mà lập nên một chính-thể dân-chủ cộng-hòa.

Muốn đánh đổ ông de Valera, đảng Lập-hiến nhìn về phương-diện kinh-tế: «Ái-nhĩ-lan mất nước Anh tức là mất người bạn hàng quý nhất, lúc ấy hóa-vật của Ái sẽ tống vào đâu?» Nhưng đảng Cộng-hòa đã tính chỗ thừa trừ: «Nước Ái sẽ không phải nộp cho Anh hàng năm 3 triệu livres, món tiền *bồi-khoản!*»

. . . . . Phái Lao-động hứa sẽ giúp ông bước lên ghế chủ-tịch, nhưng họ không đồng-ý với ông ở chỗ tuyệt-giao hẳn với người Anh.

Sau ngày bầu-cử, cánh ông de Valera thắng-lợi. Trong nghị-viện có 153, trừ ông nghị-trưởng và 7 ghế còn khuyết, số nghị-viên chia ra như sau này:

Cộng-hòa	68	ghế
Lập-hiến	53	—
Tự-lập và Trại-chủ	15	—
Lao-động	9	—

Nếu cũng như lần trước, phái Tự-lập và Trại-chủ ăn cánh với ông Cosgrave, thì ta đủ biết phái Lao-động là tay cầm lái cho thời-cục vậy.

Các bạn ông Cosgrave muốn ép ông nếu còn có thể giữ được quyền-chính thì phải cương-quyết giữ lấy, họ muốn hai đảng cộng-tác với nhau mà cử một viên chủ-tịch đứng trung-lập. Nhưng ông Cosgrave chẳng đành lòng làm thế mà ông de Valera cũng chẳng bằng lòng.

Đảng Cộng-hòa được thắng-lợi, ông de Valera thi-hành theo chương-trình đã định, chương-trình ấy, điều cốt-yếu là đòi cho nước Ái được hoàn-toàn độc-lập mà bỏ phăng cái hiến-pháp tự-trị đương thi-hành.

Nhiều người bình-phẩm rằng: chương-trình của ông de Valera chỉ sống được ở trong mộng-tưởng!

Câu bình-phẩm ấy có lẽ cũng không quá, chương-trình của ông

khó đứng vững được trong chỗ thực-hành. Ông muốn rằng dân Ái phải liệu mà tự-túc, người cầu nên dùng nội-hóa, mà người cung nên quên bớt phần lợi riêng để lo phần ích chung, nghĩa là mọi người không ai nên tự-ý cầy-cấy buôn bán kiếm lợi riêng cho mình, mà nên theo ý ông, mưu tính sao cho phần nhu-dụng của toàn-quốc không đến nỗi thiếu-thốn. Như thế, ông hy-vọng làm cho mọi người ai ai cũng có công ăn việc làm và thực-hành được sự khoáng-chương chế-độ tư-sản.

M. EAMONN DE VALERA

Tiện đây, xin nói qua về thân-thế ông de Valera, người mà không mấy ai ngờ cho có thể có ngày nay đứng đầu dân-tộc Ái. Chính ông, có lẽ ông cũng không ngờ được thế. Ông, một lòng vì người quên mình, chẳng thiết gì danh-vọng lợi-lộc, không cầu mà được dân nước tôn-sùng đặt vào hàng thứ nhất trong các tay lãnh-tụ cách-mệnh Ái-nhĩ-lan. Cũng như Michael Collins thủa trước, không những ông có tài đưa dắt quần-chúng mà còn được người ta tưởng như ông có phép thần-thông...

Ái-nhĩ-lan đối với ông Eamonn de Valera chỉ là quê-ngoại, ông thân là người Tây-ban-nha. Sinh năm 1882 ở Nữu-Ước, về ở Ái từ thủa nhỏ, ông được tiêm-nhiễm cái tư-tưởng ái-quốc đương hăng-hái trong lúc bấy giờ. Khi bọn nghĩa-sĩ bắt đầu hành-động, ông vì chẳng thiết danh-vọng nên từ chối không vào Hội-đồng Hành-chính. Năm 1916, ông phản-đối sự bạo-động, nhưng lúc họ hành-động thì ông cũng dúng tay vào. Bị bắt, bị kết án tử-hình với các đồng-chí, riêng mình ông được ân-xá tội chết. Ở tù ra, ông lại hành-động, vì ông được lòng tín-nhiệm cả hai phái: cực-đoan và hòa-bình. Rồi ông lại bị bắt, lần này ông vượt ngục trốn mất, đạp sóng qua lại Đại-tây-dương bí mật như người có phép tàng-hình...

Chỉ nhờ về cái đức-tính cao-thượng hơn người mà ông được bước dần đến ghế chủ-tịch. Trong tấm thân cao nhớn, gầy-gò, da ngăm-ngăm, trông như hình-thù một ông cố-đạo, người ta thấy cái trí-khí cũng cương-quyết, cũng thanh-cao, cũng vì chủ-nghĩa mà cúc-cung tận-tụy, và tấm lòng cũng trọng hòa-bình như Mahâtmâ Gandhi.

Đinh Huy-Hạo

Cô **Aase Clausen**
đẹp nhất nước Đan-mạch

là cô con gái đẹp nhất Âu-châu năm 1932
(Cliché Annam nouveau)

Trong y-giới nước nhà

... Tiếp câu chuyện nói về thuốc đau mắt, ông Từ-ngọc-Liên trỏ tay vào mấy bình thuốc chưa lọc bảo tôi:

— Thưa ngài, có lẽ xưa nay chưa ai nghĩ đến phương thuốc chữa mù... Hiện nay chúng tôi đương nghiên-cứu...

— Thuốc chữa mù? Thiệt quả tôi chưa thấy ai nói đến. Chỉ thấy nói các ông đốc-tờ cắt màng kéo ở mắt thôi. Hay là ngài có môn thuốc chữa bệnh lòa thì đúng hơn.

— Ngài nói lòa là thế nào? Ngài cho người lòa là người thong-manh phải không? Thưa ngài, thường người thong-manh lại khó chữa, vì mắt họ chết hẳn. Thuốc của tôi là cốt chữa những người đau mắt mà hóa mù, nếu ai còn phân-biệt được tối sáng là còn có hy-vọng chữa được khỏi. — Ông Từ đáp lại rất nhanh nhẩu — ... Chính ông tây cắt màng được cho bệnh-nhân nhưng không chữa được bệnh căn, thuốc chúng tôi tra cho bệnh-nhân có thể trừ tiệt bệnh-căn, làm mất hẳn cái màng ấy đi được.

Rồi lập-tức ông cho mời một người ông đương chữa ra cho tôi hỏi truyện.

— Đây là một ông nhà báo muốn biết bệnh-tình của ông ra sao và ông đã chữa chạy thế nào, ông nói cho thật, đừng nói nịnh nhé!

Ông khách nhà-quê gãi đầu:

— Bẩm quan-lớn (!) tôi bị đau mắt có mộng thịt lấp hết mắt, trông chỉ còn nhận thấy lờ-mờ vật trắng vật đen. Đã 5 tháng nay, tôi chữa không đâu khỏi, từ tháng trước, tôi đến đây nhờ cụ Lang chữa. mười phần đã bớt được 7, 8 rồi. Nay cái mộng chỉ còn bằng một vài sợi chỉ...

Ông Từ lại gọi mấy người bệnh-nhân khác. Thấy bệnh-nhân sờ-soạng bước ra, tôi động lòng thương, xin thân vào xem phòng bệnh. Phòng-bệnh, hai trái buồng lụp-sụp, ba người đàn ông ngồi com-rom ở một chỗ, mấy người đàn-bà và mấy cậu bé-con nằm ngổn-ngang ở bên trong. Tôi chê chưa hợp phép vệ-sinh, ông Từ đáp:

— Thưa, tôi rất chú-trọng về vệ-sinh nhưng ngài tính, tôi lấy tiền đâu mà giữ cho đúng hẳn được? Nếu thuốc của tôi bán chạy, nếu tôi có thể lấy được tiền chữa cho người giàu mà chữa làm phúc cho người nghèo thì tôi rất vui lòng. Hiện những người này, toàn là người tôi chữa làm phúc cả. Bao nhiêu công-phu nghiên-cứu, bao nhiêu tiền của tiêu-phí, tôi thấy có kết-quả ngay lần thí-nghiệm thứ nhất thật lấy làm hài lòng. Cái hi-vọng của tôi, thưa ngài, là sau đây mở được một cái nhà thương ra hồn để chữa làm phúc và lấy tiền.

Sau đó, ông Từ đưa chúng tôi lên gác xem các nồi nấu thuốc. Xem ra, vật-dụng hãy còn sơ-sài, nhưng bước đầu như thế, ông Từ còn hứa sẽ làm hoàn-toàn hơn.

.....

Trên đây, những cái mắt thấy tai nghe của tôi ở Từ-Ngọc-Liên dược-phòng. Vì nhà thuốc này có quảng-cáo ở tạp-chí Annam, tôi xin miễn sự phẩm-bình để tránh điều nghi-kỵ.

Chỉ xin khuyên ông Từ-Ngọc-Liên nên hết lòng nghiên-cứu, gắng-sức hy-sinh mà đạt cho tới mục-đích mình.

Về y-khoa, nước nhà vẫn bị mang tiếng là kém các nước.

Đ. H. H.

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Năm, Sáu, Bẩy ra thú

Vinh. — Đọc A.N.T.C. số 34, ta đã thấy 7 anh em họ Phan cùng can vào việc Hội-kín, 4 người đã bị bắt, 3 người còn trốn. Nay vì thấy các tay Hội-kín quan-trọng như Lê-văn-Đích, Tôn-thị-Yếm dần dần đã sa vào lưới pháp-luật, ba anh em Phan-doãn-Năm, Phan-doãn-Sáu, Phan-doãn-Bẩy rủ nhau ra thú, hiện bị tống giam ở đề-lao Vinh.

Cắn lưỡi tự-tử

Hà-tĩnh. — Một đảng-viên Hội-kín tên là Mai, thủ-mưu trong vụ ám-sát cố Khang ở Tràng-đình hồi năm ngoái, vừa bị bắt mấy bữa nay. Khi giải lên tỉnh để lấy khẩu cung, đến nửa đường Mai cắn lưỡi tự tử, đưa vào nhà thương được một lúc thì chết.

Hai tiếng nổ ở tầu Armand Rousseau

Saigon. — Sau mấy tuần-lễ dạo quanh đảo Côn-lôn và miền bờ bể, chiếc tầu A. Rousseau về nằm nghỉ bên ụ Ba-son. Sáng hôm 9 Avril, cũng như mọi buổi sáng khác, bọn thợ chữa tầu xuống sơn cửa, vá gỗ, sửa máy, chùi đồng, có một bọn vừa cai, vừa thợ, vừa lính-thủy tán «ri-vê» ở đằng sau lái.

Thì bỗng, hồi 10 giờ hơn, một tiếng nổ thật lớn, làm rung động cả một vùng thành-phố Saigon, tung ngọn lửa ra đốt chiếc tầu bốc lên ngùn-ngụt. Xe vòi-rồng tới-tấp chạy đến cứu chữa, trong 15 phút, ngọn lửa mới tắt, các quan thủy-binh cho người xuống hầm tầu tìm sác người. Chốc chốc lại thấy khiêng lên một mạng, rồi mạng nữa, mạng nữa, cũng chẳng lâu, trên mặt đất đã thấy sếp như lớp cá mòi 7 cái thây chết với 9 người bị trọng thương, mình mẩy hoặc bị cháy đen, hoặc bị trầy-trụa lòi da đỏ ối. 7 cái sác bị cháy đen thủi, cái vỡ ngực, cái mất tay mất chân, cái vỡ sọ lòi óc, coi rất thảm. Trong đó có một cái sác cậu nhỏ chừng 15, 16 tuổi bị sé nát, đầu bay một nơi, tay văng một nẻo, ngực bụng bị rách lòi cả ruột gan, ai coi cũng phải rùng mình.

9 người bị thương vào nằm nhà thương Chợ-quán, hiện đã chết mất 3, còn 6 người kia không biết có sống được không.

Các quan thủy ở Ba-Son đã tổ-chức ban điều-tra để xét nguyên-nhân nạn ấy nhưng chưa ra mành-mối.

Ăn ruồi

Cao-bằng.— Đọc cái tin trên này mà tưởng-tượng đã thấy ghê mình, nhưng nó chưa ghê bằng tưởng-tượng ra một kẻ ngu-ngốc cầm chén ruồi nhặng sống dốc bỏ mồm, nhai, nuốt đi.

Không biết anh Đa-văn-Phước (quê ở Lũng-ngườm, châu Hà-quảng) ngu-ngốc đến nhường nào mà vì mắc bệnh đau bụng, uống lá mãi không khỏi, bắt ngay ruồi nhặng sống... ăn! — không phải hắn điên đâu, hắn dùng thuốc đấy! — « một tách » thuốc « tiên » ấy vào đến bụng, Phước ta liền kêu gào nhảy-nhót lên, rồi một lúc sau, ngã vật ra, bất tỉnh nhân-sự. May có người bảo lấy mùn thớt đồ cho hắn uống, hắn mới thổ được ra hết rồi dần-dần lại hồn.

Nghe nói người ngu-ngốc kia chỉ vì mê-tín mà nên tội!

ĐỨC

Quân đội của Hitler bị giải-tán

Sau khi các cơ-quan của đảng Quốc-gia xã-hội bị khám, người ta thấy rõ rằng nếu có sẩy ra việc Đức với Ba-lan xung-đột, quân sĩ Ba-lan sẽ sâm lấn ngay nước Đức, Hitler sẽ để quân đánh thẳng vào Bá-linh, cướp lấy quyền-chính, rồi thi-hành chính-sánh độc-tài. Bởi vậy, toà án Leipzig mới mở cuộc điều tra và khép đảng « Nazi » vào tội phản-quốc.

Muốn tránh khỏi nạn trinh-chiến, Tổng-thống Hindenburg vừa được tái-cử vội viết thư cho tướng Groener, Nội-vụ Tổng-trưởng, yêu cầu chính-phủ cấm tiệt các hội có tính-cách nhà-binh như đội quân của Hitler. Các hội ấy tức là hội « Mũ-sắt » và hội « Đế-kỳ ». Lãnh-tụ hội « Đế-kỳ » là Holtermann sau khi thương-thuyết với tướng Groener đã quyết định bãi hết các cơ-quan binh-lực.

Tổng-thống lại tức-khắc ký đạo sắc-lệnh giải-tán quân-đội chiến-đấu của đảng Quốc-gia Xã-hội. Ngày 14 Avril, khắp trong nước, lính cảnh-sát đi thi-hành sắc-lệnh ấy giữ thái-độ rất ôn-hoà, tỏ ý nể nang bọn « Nazi », có chỗ họ cứ làm thinh để mặc cho bọn quân chiến-đấu tự giải-tán, họ cũng chẳng tịch-biên khí-giới làm chi nữa. Trừ có đôi chỗ, các hội không theo lệnh giải-tán, lính cảnh-sát mới can-thiệp vào.

Đảng Quốc-gia xã-hội làm ra mặt như không để ý gì đến việc cấm ấy cho lắm, họ nói: «Bọn quân chiến-đấu ai cũng biết rõ nhau cả, rồi đây vẫn lấy danh-dự đảng-viên đảng Q.G.X.H. mà đi lại với nhau. Ông Hitler đã ra lệnh cho các đảng-viên phải thân nhau, tất còn cần đến nhau trong bước đường khó.»

Một đoàn-trưởng nói: «Muốn có kết-quả hay thì lệnh cấm này nên thi-hành từ 4 năm về trước!»

Tuy vậy, đảng Hitler xem ra tức-giận và thất-vọng vô-cùng. Hitler tuyên-ngôn rằng: «Chính vì nước Pháp bắt buộc phải giải-tán quân-đội của chúng ta, nên Chính-phủ Đức phải vâng lệnh.»

Lại có tin, Hitler đã nhờ luật-sư đem đạo sắc-lệnh của Tổng-thống ra kiện tại tòa án Leipzig.

MỸ

Bằng lòng cho Phi-luật-Tân độc-lập

Ở Hoa-thịnh-đốn, mới đây, phòng Dân-biểu đã bỏ phiếu về một đạo luật định 8 năm nữa sẽ cho Phi-luật-tân tự cai-trị lấy mình. Trong lúc các liệt-cường đương ganh nhau làm bá-chủ Thái-bình-dương, Mỹ lại bằng lòng nhả Phi-luật-tân ra há chẳng cũng lạ lắm.

Tin vắn

Pháp. — M. de Chappelaine vừa đệ lên quan Tổng-thống ký một đạo sắc-lệnh chuẩn-y lời thỉnh-cầu của dân Nam-kỳ, xin cho một viên đại-biểu do các cử-tri xứ Nam bầu lên để đại-diện cho dân Nam-kỳ tại Thượng-hội-nghị. Việc này tất sẽ có ảnh-hưởng lớn về mặt chính-trị xứ Nam vậy.

Hoa-kỳ. — Ông Hoover bắt chính-phủ Phi-luật-tân phải trả mỗi năm 5 triệu đô-la về tiền chi-phí của quân-sĩ và đồng-tử quân mà chính-phủ Mỹ vẫn chịu hộ. Nhưng Phi-luật-tân phản-kháng không chịu.

Thụy-sĩ. — Tại Hội-đồng Vạn-quốc, ông này xin bỏ xe phá-lũy, ông kia xin bỏ hơi độc, ông xin hạn chế khí-giới, ông xin hạn-chế quân-đội, rồi như ông Marinkovitch lại xin bãi bỏ hết các tầu chiến đi. Lời bàn ấy tuy cũng khí «xuông» nhưng ...chẳng lẽ lại không bàn.

Côn-lôn. — Vừa đây, ở Côn-đảo có bệnh dịch máu than (charbon) phát ra, chính-phủ Namkỳ với cho thủy-phi-cơ đem thuốc ra tiêm để phòng giữ.

Ông Dzục chẳng bằng lòng.

Hưng-Yên. — Ông H. Giáo-Dzục ở phủ Khoái thường giúp tin cho một tờ báo ở Hà-thành, nhân thấy bài «nói-thật» trong số 32, ông e bị người ta ngộ-nhận, có viết thư trách ông V. A. sao không nói rõ ràng. Bài ấy, chính vì nể tình mà ông V. A. chưa muốn nói rõ, nhưng vì ông Dzục, ông V. A. hứa có dịp sẽ nói rõ hơn.

TRUNG-HOA

Trung Nhật xung đột

Hội-nghị Bàn-tròn ở Thượng-Hải đến nay vẫn chưa thành. Cái việc quân Nhật tạm đóng ở Ngô-Tùng và quân Tàu phải đóng ngoài trận-địa là việc phụ, người Nhật lại có ý nhắc mãi, ma cái việc chính, việc quân Nhật phải rút ra khỏi đất Trung-quốc, ông Trùng-quang-Qui còn đợi lệnh Đông-kinh. Thì đây, lệnh Đông-kinh truyền : «Trùng-Quang phải thỏa-thuận với Tàu do theo ý-kiến viên Đại-sứ Anh, nhưng phải nhớ rõ : Nhật hy-vọng về tình-thế ở Thượng-hải có thể để cho Nhật rút quân vào tô-giới công-cộng và miền các đường ngoài tô-giới trong một hạn 6 tháng.»

Cái lệnh kỳ-quặc thật ! Có lẽ Nhật lại định «giúp» cho vùng Hạp-Bắc độc-lập cũng nên.

Nhưng việc nghị-hòa khó lòng đã thành. Theo dư-luận các báo thì Nhật đương dự-bị chiến-tranh, gần muốn thôn-tính Tầu, xa muốn sát-phạt cả Mỹ. Nghe đâu Nhật hiện vẫn đào chiến-hào, khuân khí-giới đến Thượng-hải, chỉ chờ Uỷ-ban Vạn-quốc đi khỏi là «choảng» Tàu lúc nào không biết chừng.

Đối với việc miền Đông, Nhật tuyên-ngôn không dính-dáng gì đến cả ! Chẳng qua Chính-phủ Mãn-châu đối với Nhật có ý «nhã», nên theo phép lịch-sự Nhật cũng đáp lại một cách «nhã» đó thôi . . . . . .

. . . . . .

. . . . . Nhật gửi hàng mấy nghìn người Nhật sang Mãn «nhờ» trong hai tháng bỗ hết cho. . . làm quan ! Rồi họ lại tải cả con gái nghèo sang Mãn-châu, ép lấy các viên-chức Nhật ở đấy để sinh cơ lập-nghiệp, di cả dân Triều-Tiên sang để nhổ rễ họ đi. Đâu Nhật còn dự-định dời đô sang Triều-Tiên để tính kế trường-cửu. Đó, các việc của Nhật bấy lâu vẫn hoài-bão.

Nhưng mối hoài-bão ấy biết đâu chẳng phải bỏ, dân Tàu có phải dân sợ chết đâu. Nói đến quân Nghĩa-dũng ở Cát-Hắc ngày nay, thiết tưởng không cần phải nói thanh-thế quân ấy ngày một to, ra trận thường liều chết mà chiếm ưu-thắng. Đại-đội đã kéo vào đến Nông-An, còn cách Trường-xuân có 35 dặm, Chính-phủ Mãn-Mông nhộn-nhạo, các viên-chức bỏ trốn mất nhiều, cả ông chủ-tịch Phổ-Nghi cũng không biết ôm đầu chạy nơi nào nữa. Sau thấy nói ông ẩn ở Đại-liên, ông buộc tội cho tả hữu mình không tận-tâm và xin người Nhật phái quan sang giúp. Mới đây lại có tin sau 10 ngày đại-chiến, Nhật đã lấy lại được Nông-An, nhưng chưa lấy gì làm đích-sác.

Báo Tàu lại có đăng tin đích-sác rằng : Mã-chiếm-Sơn đã hội-kiến với Tô-bỉnh-Văn và Lý-Đỗ, từ nay lại quay về đánh Nhật, Bản-Trang rất lấy làm lo.

Anh em học-sinh

Ai cũng nên đọc báo

Ami de la Jeunesse Studieuse

Báo-quán :

N° 8 Rue Tiên-sinh

Giá báo : *Một năm 1$20*

Có phụ-trương 1.60

THUỐC HAY !

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

VĂN-ĐÀN

ĐÀM THUYẾT

Mối cảm-tưởng về thơ ca của nước ta

(III)

Kỳ Tạp-chí 36, về bài đàm-thuyết này, tôi đã nói về «*vận*», kể là một cái đặc-điểm thứ nhất trong thơ ca quốc-văn. Nay xin lại nói về «*âm*».

Kể «*âm*» quốc-văn ta so với chữ Pháp thời rộng hơn đã đành; so với chữ Tàu, tuy không rộng hơn, song mà phân-minh tách-bạch thời bên chữ Hán thực kém. Hãy nói về chữ Hán:

Trong chữ Hán, sự chia thanh âm có chia làm bốn thứ:

1. — 平 聲 (*Bình-thanh*). — 聲之平出而無低昂者o (*Thanh chi bình xuất nhi vô đê ngang giả.*) Nghĩa là: «Tiếng cứ bằng-bặn nói ra mà không có cao thấp». — Tức ở quốc-văn ta, tiếng *bằng*, không dấu *huyền* và có dấu *huyền*.

2. — 上 聲 (*Thượng-thanh*). — 高呼而猛烈者o (*Cao hô nhi mãnh liệt giả*): «Tiếng đọc nói cao lên mà có giọng mạnh dữ.» — Tức ở quốc-văn ta, các tiếng có đánh dấu *hỏi* và dấu *ngã*.

3. — 去 聲 (*Khứ-thanh*) — 音之哀而遠者o (*âm chi ai nhi viễn giả*): «Tiếng có giọng lanh-lảnh mà đi xa.» — Tức ở quốc-văn ta, các tiếng có đánh dấu *nặng* và dấu *sắc*.

4. — 入 聲 (*Nhập thanh*) 其聲短促而急. (*kỳ thanh đoản súc nhi cấp.*) «Tiếng ngắn gặt mà có ý cấp bách.» Tức ở quốc-văn ta, hai tiếng trắc ở thêm sau những tiếng dấu *ngã* (cũng có chữ không có hai tiếng ấy.)

Những chữ nguyên-âm, gọi là 如字 (*như tự*), tức là chữ để theo nguyên tiếng gốc, không có truyền sang âm khác, nghĩa khác)

Ví dụ:

朝 *Triêu* (tiếng gốc). Nghĩa: *buổi sáng*.

朝 *Triều* (bình-thanh — Bằng huyền): *Chốn trào-đình*.

長 *Trường* (T. gốc): *Dài*, đối với ngắn.

長 *Trưởng* (Thượng-thanh—hỏi): *Lớn, nhớn*.

予 *Dư* (T. gốc): *Ta, ta đây*.

予 *Dữ* (Thượng-thanh — Ngã): *Cho, cho* (ai)

爲 *Vi* (T. gốc): *Làm, làm* (việc gì).

爲 *Vị* (Khứ thanh - Nặng): *Vì, vì* (ai.)

稱 *Xưng* (T. gốc): *Gọi, gọi* (tên).

稱 *Xứng* (Khứ-thanh—Sắc) *Xứng-đáng*.

說 *Thuyết* (T. gốc): *Nói, nói chuyện*.

說 *Đuyệt* (Nhập-thanh—Tiếng kết dưới): *Đẹp lòng, yêu thích*.

與 *Dữ* (T. gốc): *Cùng, cùng với...*

與 *Dư* (Bình-thanh — Bằng trên). *Vậy ru? vậy ru?*

與 *Dự* (Khứ-thanh — Nặng): *Dự vào, có dự* (cuộc.)

Cứ âm-luật ở chữ Hán như thế, nay lấy âm-luật của Quốc-văn ta đối chiếu, thử xem như sao:

Ở Quốc-văn, hai tiếng, dấu *bằng* trên và dấu *bằng huyền*; bên chữ Hán chung cả làm một, tức là «*bình-thanh*.»

Ở Quốc-văn, hai tiếng *hỏi* và *ngã*; bên chữ Hán chung cả làm một, là «*thượng-thanh*.»

Ở Quốc-văn, hai tiếng *nặng* và *sắc*; bên chữ Hán chung cả làm một, là «*khứ-thanh*.»

Ở Quốc-văn, hai tiếng kết ở sau dấu *Ngã*; bên chữ Hán chung là «*nhập-thanh*.»

Ở Quốc-văn, nhất định do ở tiếng *bằng trên* làm gốc; mà đánh dấu suy đi. Như:

Trương (tiếng gốc).

Đánh dấu nặng (.) là *trượng*;
— sắc (´) là *trướng*;
— huyền (`) là *trường*;
— hỏi (ˀ) là *trưởng*;
— ngã (~) là *trưỡng*;

Hai tiếng kết thêm:
trước; *trược*.

Bên chữ Hán không nhất định tiếng nào là gốc; tiếng nào cũng có thể là gốc. Như:

朝 *triêu* là gốc, suy sang tiếng bằng khác là *triều*.

長 *trường* là gốc, suy sang tiếng thượng-thanh là *trưởng*.

與 *Dữ* là gốc, suy sang tiếng khứ-thanh là *dự*; suy sang bình-thanh lại là *dư*.

Vậy rất là không có luật nhất-định.

Cho nên âm-luật của Quốc-văn ta so với bên chữ Hán thật là phân-minh tách-bạch hơn.

Thơ ca muốn được như đàn nhạc, không những nhờ ở *vận*, mà nhờ cả ở *âm*. Âm có thích-hợp, thời thơ mới có ưởng, đọc lên mới có thể thành điệu ngâm. Trong một câu thơ, hai câu thơ, nếu dùng được có nhiều tiếng mà thích-hợp, thời ngâm lên mới hay; nếu ít tiếng mà điệp nhau, tức là không thích hợp, thời chỉ đọc

được mà không ngâm được, như thế chỉ có thể hay về nghĩa mà không thể hay về điệu.

Ví dụ:

Sương mù mặt đất, người theo mộng; nhạn lảng chân giời kẻ đợi thơ.

Nếu là :

Sương mù mặt nước, người theo mộng; nhạn lẫn chân mây, kẻ đợi thơ.

Như thế thời nghĩa cùng không kém mấy, một câu trên âm-điệu cũng không kém; song mà chữ «*mây*» ở câu dưới điệp âm với chữ «*thơ*» là vần, làm cho điệu phải kém, không thể ngâm được mà câu thơ vì đó kém hay.

(sẽ tiếp)

Nguyễn-khắc-Hiếu

THƠ

Gà chọi nhau

Nọ cậy mồng cao, nọ mỏ giài,
Gà kia sao khéo chọi nhau hoài?
Xòe vai phụng tía xuyênh-xoang múa,
Thẳng vuốt hùm thiêng chủm-choạm bươi.
Vẫn biết mình chuồn nào mấy sức,
Cũng giơ tay chấu để khoe tài.
Được thua, thua được làm chi chắc?
Khéo chuốc nhân-gian một tiếng cười.

Mạc-sy (Xuyên-châu sao lục)

Tự thuật

Ba mươi sáu tuổi đã tra nào,
Dầu chửa Công Hầu cũng chẳng sao.
Lòng thảo thương ai nằm đợi giá,
Thói gian ghét kẻ đứng dưng bào.
Khi buồn say tỉnh bầu ông Lý
Lúc hứng tình tang phách ả đào.
Danh lợi sá chi năm đấu gạo,
Tháng ngày non nước cũng tiêu-dao.

Xuyên-châu

* * *

Cũng nam, cũng bắc, cũng đi về;
Mười mấy năm nay trót ngựa nghề.
Lưng mỏi há vì năm đấu gạo,
Giấc mê chưa tỉnh một nồi kê.
Bột không đã dễ làm nên bánh,
Giấy rách còn mong giữ lấy lề.
Miễn đặng sống cùng non nước để...
Đời người đâu có mãi như tê...

Ai-Liên (Xuyên-châu sao lục)

Phong-thi

Giời làm một trận thiên-tai,
Anh ơi! emphải ra ngoài Hàng-Danh.
Kể chi nước thẳm rừng xanh,
Cốt sao cơm áo no lành thời thôi.

Mai-phương Nguyễn-đình-Ức

* * *

1. — Lâu lâu nhớ bạn Thi-đàn,
Câu thơ để đó, ai bàn cùng ai.
Ngày xuân ngắn lắm! ai ơi,
Khổ cho cái én đưa thoi hết ngày.
2. — Lâu lâu nhớ bạn Thi-đàn,
Túi thơ để đó, đêm tàn lại đêm.
Ngày thời việc Báo như nêm,
Đêm đêm việc sách cho thêm bận-bùng.

Tản-đà

Q

TỪ-KHÚC

Tiễn bạn

Bắc, Hà đôi ngả nỗi xa khơi,
Mây sầu đứt nối,
Lệ thảm đầy vơi.
Bầy chi tan hợp khổ lòng ai,
Chiếc bóng năm canh luống ngâm-ngùi.
Luy tuôn rơi! Luy tuôn rơi!
Tình chưa rứt,
Nghĩa còn dài,
Bể nguyền, non ước chớ phôi-phai.
Tao-phùng duyên ngắn, tình khôn xiết.
Cất chén quỳnh-tương da ái-hoài....

Tĩnh-trai Đỗ-lịnh-Tích
Tham-tá Công-chính

Q

HÁT NÓI

Tiễn bạn đổi đi Bắc-giang

Tiễn đưa một chén quan hà,
Thì chi chút đỉnh gọi là duyên sau.
Rằng từ ngẫu-nhĩ gặp nhau,
Mới vui xum-họp, đã sầu chia-phôi.
Lan-đình thoại biệt
Lúc phân-ly khôn xiết nỗi quan-hoài;
Mới cùng nhau xum-họp một năm giời,
Mây nước đã xui người nên trở cách.
Bồ-viện thảo-hoa tranh tống khách,
Giang-thành phong-nguyệt hỷ phùng quân.
Còn non, còn nước, còn xuân.
Đường du-hoạn chắc có lần còn gặp-gỡ.
Tang-bồng trót đa-mang lấy nợ,
Bốn phương giời xin chớ ngại gì xa:
Chung quanh vẫn đất nước nhà.

Nguyễn-tiến-Bảng
(Thái-Bình)

Cô lái trả lời

(Xem bài «nhớ cô lái» số báo 36)

Chuyến đò gặp-gỡ nên quen,
Xưa nay giải-cấu là duyên cũng nhiều.
Chỉn e chút phận bọt bèo,
Lênh-đênh chiếc bách sớm chiều bên sông.
Đỉnh chung đâu dám mơ-mòng,
May nhờ quân-tử có lòng đa-mang.
Một nhời vâng tạc đá vàng.
Giang-sơn thiếp gánh đỡ chàng lo chi!
Dốc lòng xuôi, ngược, về, đi,
Lên ghềnh xuống thác quản gì công-lao.
Xin chàng đứng mũi chịu sào,
Thiếp xin tay lái tay chèo khoan khoan.
Cùng nhau bắt dịp «hò-khoan.»
Cho thuyền đến bến sông Hàn thênh-thênh.
Nước non chung một gánh tình.

Phạm-văn-Ban

Instituteur Tiên-lữ Hưng-yên

HÀI VĂN

Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy

Câu chuyện tình trong *Mô-phạm giới* đương làm huyên-náo dư-luận (chuyện thế mà to!), ai ngờ gốc chỉ ở sự tán nghĩa *Kiều*.

Nghe trước khi quả-quyết khuynh-đảo nền luân-lý A-đông cũ rích, «Chị» bói một quẻ Kiều, nhờ «Anh» đoán hộ.

Đoạn Kiều ấy là:

«Xưa nay trong đạo đàn bà,
«Chữ Trinh kia cũng có ba bảy đường.
«Có khi biến, có khi thường,
«Có quyền, nào phải một đường chấp-kinh».

«Anh» giảng:

— Cái *fidélité* của phụ-nữ cũng có ba bảy đường, có khi đi đường thẳng (*thường*), có khi đi đường tắt (*biến*). có khi *chấp-kinh* mà cũng có khi phải *tòng quyền*. Cụ Nguyễn-Du thực văn-minh lắm, cụ đáng liệt vào phái Moralistes sentimentaux (các nhà luân-lý đa cảm tình) lắm

Ấy vì sự tán Kiều ấy mà rồi....

Ôi, cụ Nguyễn-Du! thật là:

«*Nhất phiến tài-tình thiên cổ lụy!*»

Tần-Hớn

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Băng hồ hàn vận

15.— *Hác-tương-Nga*, người Bảo-định, là vợ lẽ Đậu-Hồng, giỏi thơ vẽ, Hồng rất yêu. Người họ ngoại Hồng là Thôi-mỗ trông thấy. Bấy giờ có nhà quan lớn đang tìm vợ lẽ. Thôi

liền mách nàng Tương-Nga. Quan-lớn hết sức đòi không được; bèn vu cho Hồng làm giặc, buộc vào tội chết. Tương-Nga làm thơ tuyệt mệnh, rồi tự-vẫn. Thơ rằng:

Nhất nữ như hà sự lưỡng thiên.
Cam tâm tất mạnh phó hoàng-tuyền.
Thệ vi lệ-quỷ tương oan báo,
Khẳng hướng nhân-gian hóa đỗ-quyên!

Dịch nghĩa

Một gái hai chồng sự chẳng nên,
Theo nhau đành nhẽ xuống hoàng-tuyền.
Làm ma mà bắt quân gian-ác.
Sao chịu cam lòng hóa đỗ-quyên!

Sau Thôi-mỗ đương ban ngày thấy Trương-Nga hiện hồn về, sợ mà chết. Hồn trinh người nghĩa liệt tinh-sảng không mất được là thế.

16— *Chu-Thị*, Người Trường-sa, gặp loạn Ngô-tam-Quế, phải giặc bắt. lòng trinh bền vững, chúng không dám phạm. Thuyền đến núi Tiểu-cô sơn, nhảy xuống sông tự vẫn, xác trôi ngược dòng sông ba ngày về đến nhà, báo mộng cho cha mẹ tìm vớt được xác, xét trong bọc có mười bài thơ tuyệt-mệnh, nay lục một bài rằng:

Thiếu tiểu lịnh-đình họa-các thì,
Thi thư tằng phụng mẫu vi sư.
Đào thanh hướng giạ bi hà cấp,
Do ký đăng tiền độc Sở-từ.

Dịch nghĩa

Quấn-quýt buồng the lúc trẻ thơ,
Sách đèn mẹ dạy được ơn nhờ.
Nửa đêm tiếng sóng reo ầm-ĩ,
Còn nhớ xưa kia đọc Sở-từ.

Cải chỉnh

Tác giả Bài thơ: «Viếng Albert Samain» dịch đăng số 34 là Francis Jammes chứ không phải Stéphane Mallarmé. Francis Jammes là một đồ đệ rất trung thành của trường ký-hiệu-học (Ecole symboliste). Vì hế dịch giả xem văn, lầm là của Stéphane Mallarmé (tức người sáng lập ra văn phái ký-hiệu-học).

Dịch giả

NGƯ' NHÂN

Thưa chung *các Ngài có thơ lai-cảo về trong mục Văn-đàn:*

Trong các lối thơ ca, « *Thất ngôn Đường-luật—bảy chữ tám câu*» vẫn là một lối rất khó; không phải là khó hay, mà khó sao hay cả tám câu. Cho nên từ xưa đến nay, bài thơ hay có nhiều, mà bảo là «hay cả tám câu» thời thực là khó nói. Thường thường trong một bài thơ tám câu, nhiều thời được bốn câu hay, ít thời được hai câu; còn những câu khác đều thông nghĩa xuôi lời, mà không có chữ nào đến kém quá; như thế, cũng đã là thơ hay, mà thực trong Thi-giới không dễ.

Cứ các thơ lai-cảo cho An-nam Tạp-chí, so với những thơ lai-cảo ở báo khác, liệu đã có một giá-trị, tư-cách riêng; tuy vậy mà cầu được bài thơ đủ như câu nói ở trên đây, tóm lại chỉ là một số ít. — Dưới bực ấy, hoặc được hai câu hay, bốn câu hay, mà còn những câu khác không khỏi có chữ kém; như thế thời trong Báo quán có thể theo tiện-nghi sửa đổi ít chữ mà đăng lên Văn-đàn, là một sự rất thuận-tiện.— Lại dưới bực ấy nữa, hoặc được hai câu, bốn câu, mà còn những câu khác kém quá. Như thế, nếu nhất nhất sửa chữa, thời một là tốn nhiều công-phu cho người ở bên trong; hai là khó giữ được nguyên-ý của Tác-giả. Nếu bỏ đi không đăng, thời thực phụ Tác-giả mà phụ cả những câu thơ hay. Vì câu thơ có thể gọi là hay, trong Báo-giới lúc này rất hiếm!

Nghĩ như vậy, muốn được các Ngài cho phép: phàm những bài nào được ít nhiều câu có thể gọi là hay, mà còn những câu khác khó tính sự sửa chữa, xin cứ câu hay thời trích đăng, câu kém thời bỏ hẳn, đặt vào khu-giới « *thơ trích câu* ». Như vậy, có lẽ mới được cả hai lẽ.

Lời thưa đây, xin đặng luôn trong hai, ba kỳ, Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cho biết trước.

Nay kính

Ông Nguyễn-đình-Dĩnh ở Nam-định

Trước ngài mua nửa năm báo, đã trả 3$50 và ngài đã nhận được báo từ số 14 đến 24, tính ra giá là 1$50. Vậy tiền cũ của ngài còn 2$00, chúng tôi sẽ xin gửi bù 20 số báo mới nghĩa là từ số 25 đến số 44. Khi nào gần hết hạn nếu ngài sẵn lòng mua nữa, xin ngài cho biết, để chúng tôi cứ cho gửi báo tiếp.

Nhân tiện xin có lời nhắc chung để các vị Độc-giả đã trả tiền rồi, lưu ý đến điều ấy cho.

* * *

Xin thưa chung Chư-vị: Các quyển sách cũ mà tôi cầu thỉnh trên mấy kỳ Tạp-chí gần đây, nhờ ơn các Ngài đã cho đủ, vậy xin có lời cảm tạ chung và xin nói để khỏi phiền Ngài nào có lòng gửi cho nữa.

Nay kính

Ông **Đông-Hồ**, Hà-tiên. — Sự giả lời bức thư R. của ngài, tôi nghĩ: nếu đáp-phúc vào mục *Ngư-nhàn* đây sợ không đủ xứng với ý nguyên-thư; cho nên muốn để giả lời ngài ở chỗ thư-dản, tức là khu văn-xuôi ở đầu mục Văn-đàn trong khi không có bài đàm-thuyết. Vậy thời tính-chất của câu giả lời ấy, là một bài văn-xuôi mà thuộc thể viết thư, khó cầm bút viết ngay cho được. Hiện lại thì-giờ rộng rãi chưa có, tạm xin tiên-sinh biết cho. — Bài giảng-tập về bài hát: « Cảnh đêm nhà ẩn-sĩ », thực-ý tôi không muốn đăng, cho nên xem đã hơi lâu ngày rồi để thất-lạc mất. Nay ngài đã có lời nhắc rõ cho như thế, xin phiền gửi cho một bận thứ hai nữa, tôi sẽ xin được cùng đàm-luận trên đàn-thơ.

Nay kính

Ông **Đào-văn-Tọa**, *Thư-lâm*.— Ông có hỏi về bài: « Thằng người ngây » của tôi, xin thưa ông rõ rằng: Bài ấy in ra một lần thứ nhất ở trong quyển *Khối-bình bản-phụ* ra từ năm 1918; nay mới tái-bản ở *Tản-đà văn-tập quyển nhất*, số bài thứ *24*, số trang thứ *47*.

Nay kính

Ông **Trần-Bảo**, tu ở một ngọn chùa ở hạt phủ Nam-sang, có lẽ tên tự ngài là « *Tú-Uyên* » mà không phải tên chùa đó là chùa Tú-uyên, xin cho biết rõ.

Nay kính

Các lời thưa và sự giả lời khác, xin tạm đợi kỳ khác.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

1930 - 1932

(tiếp theo và hết)

Đoạn đường thứ tư

Cũng như mọi ngày, 4 giờ sáng chúng tôi đã lục tục sửa soạn lên đường.

. . . . . .

Mới đi được độ 3, 4 cây số, chợt nghe thấy còi inh ỏi, ngoảnh lại trông đã thấy một chiếc ô-tô vùn vụt đuổi đến sau lưng rồi từ từ đỗ lại : Ông Nguyễn-văn-An, sinh viên du học bên Pháp về, ông Hân ở Học-Chánh, và ông Quý nhà Kỹ-nghệ ở Nam-Định, có xuống tặng một bó hoa và tỏ lời khuyến khích.

. . . . . .

Đi qua mỗi điểm canh, lại giăm ba bác tuần đinh, ông chánh, ông lý, ra đón và hỏi xin chúng tôi chữ ký nhận thực rằng đã đi qua địa phận các ông canh phòng. Hỏi ra mới biết, quan trên ngài đã sức cho dân bản hạt phải canh phòng cẩn mật, ngăn cấm những trẻ con ra đường, trong khi đoàn đi bộ chúng tôi qua tới Đồ-sơn.

. . . . . .

Quãng đường này, chúng tôi đi có phần chật vật. Đi bộ hơn mười cây số, chị Sáng thì không sao, còn tôi và chị Đan-Quế, vì mấy hôm trước gặp phải vài quãng đường xấu, phần thì giời nắng chang chang, đường nhựa bốc nắng, phần thì đi giầy hấp hơi, nên chân đau và phồng rộp, có chỗ nứt và bật máu, nên thỉnh thoảng lại phải ngồi ở ven đường nghỉ chân.

. . . . . .

Thoát được cái hàng rào người này, chúng tôi thẳng tới Đồ-Sơn, vừa đúng 12 giờ 35 phút.

. . . . . .

Hơn 3 giờ chiều, chị Ánh-Tuyết và mấy chị em Hải-cảng cùng ông Sơn thân hành mang ô-tô ra đón về nghỉ ở Haiphong, nhưng chúng tôi xin phép nghỉ lại ở Đồ-sơn một đêm để hưởng cái thú ngoài bể khơi trong lúc đêm khuya.

Vì vui mừng quá nên quên cả đói, mãi 4 giờ chiều chúng tôi mới ăn cơm sáng.

. . . . . .

Hôm sau chị em đáp ô-tô ra Haiphong để đi xe lửa về Hanoi. Một cuộc hành trình, ghi trong trí bao nhiêu kỷ niệm Đồ-sơn và ở Hải-cảng trong lúc này, chúng tôi còn hẹn hò đến kỳ sau.

. . . . . .

Các anh em chị em hâm mộ thể thao ra đón cũng khá đông. Bước lên xe hơi, chúng tôi về thẳng báo quán là nơi chúng tôi bước chân ra đi với hy vọng, là nơi chúng tôi ăn tiệc lúc trở về với kết quả, chiều hôm ấy, thực không bao giờ chúng tôi quên ! ! !

. . . . . .

Hoa bay giấy ném tưng bừng Vui mừng, nào có vui mừng nào hơn.

Ngẫm như công cuộc chúng tôi mà được kết quả tốt tươi, thật là nhờ ở tấm lòng sốt sắng của bao nhiêu người, rọc đường chúng tôi lại được bao nhiêu ông bà và nhiều chị em đón tiếp, thì giờ dẫu ít, mà tấm tình in nét bao phai.

Đường xá xôn xao, lòng tưởng nhớ không bao giờ nguôi được. Mượn mấy giòng trên cột báo này, chúng tôi xin cảm tạ lại cái ơn xâu ấy. Chúng tôi xin đoan rằng: « Bao giờ cũng hết sức làm trọn bổn phận mình trong cuộc ích chung ».

Hoàng-việt-Nga

(Trích báo Bắc-kỳ thể thao số 3, 4, 5, 6, 8)

Hư danh, chẳng qua là hư danh cả !

Đó là câu xướng đề bài văn-tế đã đọc được mấy thế-kỷ rồi, do một nhà hùng-biện được nổi tiếng là dám ra bài dạy vua chúa các nước trong thiên-hạ, là đức-thầy *Bossuet*.

Hư-danh, chẳng qua là hư-danh hão-huyền cả ! Đó là cái tiếng mà một đôi khi ta muốn kêu lên cho Thanh-niên Nam-việt ngày nay nghe thấy . . . . . .

Còn như cái cuộc con-gái đi bộ Hà-nội Đồ-sơn, nào có ra tuồng gì đâu ? Thôi thôi đừng nói rằng đó là thể-thao ! Ta đã được dịp thấy họ đến Hải-phòng. Trông rất là thiều-não. Bụng ta bảo dạ rằng họ buồn nghỉ thẳng giẵng trên giường có lẽ phải hơn là nốc một cốc sâm-banh và đi bán vé trong cuộc chợ phiên. Xưa nay cái chỗ của họ, có phải là ở trong nhà với em trai em gái chăng ? Họ nên nhớ câu cổ-ngữ : « *Tề gia nội trợ* » và nếu họ chưa biết, thì họ nên hiểu rằng *phận-sự người đàn-bà ở nhà, cạnh cha mẹ, cạnh chồng con là vẻ-vang nhất !*

Ta tưởng rằng đàn-ông con-trai thì nên ăn ở theo cách tân-thời và nên theo cái ngoại-trạng tiến-hóa để đua tranh với đời, nhưng ta vẫn công-nhận rằng đàn-bà con-gái phải giữ nề-nếp lề-lối trước, trông nom bề nội-trợ, và nước ta bây giờ chưa đến thời-kỳ mà đàn-bà con-gái Annam có thể « *rửng mỡ* » dụng chữ nữ-quyền để . . . . mua cười cho công-chúng.

Phận sự người đàn-bà còn vẻ-vang, còn quý báu hơn nữa, nhưng thế khác kia.

. . . . . .

Thiên nhỡn dịch báo Ami du peuple 2 Décembre 1930.

(Trích ở truyền đơn Pétrus Lê-công-Đắc).

Nhập tịch dân Nam

. . . . . .

Tháng Novembre năm 1930 vừa đây, bà *đầm lai A-lơ-măng Bạch-Yến Suzanne* xuống nhà Lê-công-Đắc với hai cô Phương-thị-Tiếp và Phạm-thị-Tề, để quyên tiền về việc sây sân quần phụ nữ. Bà có nói rằng : « ông đừng tưởng tôi ăn mặc đầm thế này là tôi không biết gì đến nước Nam đâu. Tôi lấy chồng An-nam. Tôi viết báo về việc An-nam. Công việc tôi làm để bỏ *hủ tục* An-nam, thật là chính đạo quang minh ». Được ít lâu ông Đắc gọi bà là bà *đầm lai*

trong tờ « *bịp công chúng* » (đã cho in lại trong quyển *Phụ nữ Thể thao* và *Tiểu-thư đi bộ*). Vì có thế mà bà Bạch-Yến Suzanne đi với ông chồng là ông Trần-văn-Long và mười một đồng-tử quá 20 tuổi, có Trần-văn-Khắc chỉ huy để xuống phá nhà ông Đắc. Rồi hôm sau phát đơn kiện bồi thường danh giá, buộc tội cho ông Đắc nói xấu gọi bà là *đầm lai*. Tòa cho là việc trẻ con nên không xử. Cứ thế đủ biết bà Bạch-Yến Suzanne không thích ai gọi bà là *đầm lai*. Ông Đắc chót giại, nay đã xin chừa và xin kể bà Bạch-Yến Suzanne vào số người đã nhập tịch dân An-nam. Vậy toàn quốc nên biết: «Kể từ nay bà Bạch Yến Suzanne là bà *đầm* An-nam (dame annamite) chứ không phải là bà *đầm lai A-lơ-măng* nữa.

. . . . . .

Thổ công Thành phố

(Trích sách « *Đại-hài kịch Tiểu-thư đi bộ* » trang 97. Soạn giả Lê-công-Đắc)

. . . Bị hai cái tát

Cụ Xénophon phen này phải một trận « cát tu khí bào »

Hai cái « hoa thị » đã in trên má của cụ Xénophon, không muốn sống theo thời mà muốn cho phụ nữ Việt-Nam theo vết xe cổ của bà Lénélope, cổ đã mấy nghìn năm.

Hai cái « hoa thị » đó là thứ hoa riêng của khách má hồng để tặng cho người đã gây một trận bút chiến, một trận mưa truyền đơn mà mục đích chỉ để làm quảng cáo riêng cho mình. Nói xấu đàn-bà để ăn mày chút danh dự trước tòa án dư luận, cử chỉ mới cao thượng, mới có giáo dục làm sao!

Dở trò ngụy biện như kiểu quẳng con gà vào cửa sổ nhà cụ Platon, cái lối ngụy biện đó, từ xưa đến nay chỉ là câu truyện đùa trong lúc trà dư tửu hậu, nào có phải là vật thiết thực đối với đời »

Chẳng trách phải đấu gươm, phải «bốc-xê». Đối với những con «sâu nhấm sách», suốt đời chỉ vùi đầu trong đống giấy cũ, có lẽ hai cái tát là câu trả lời hùng biện nhất.

Đau lòng chưa « Cụ Xénophon» Bị một trận « cát tu khí bào», phen này cụ lại mếu mảo gọi hồn bà Pénélope

T. Đ.

(*Trích báo Bắc-Kỳ thể-thao số 11*)

1932

Án « tiểu thư đi bộ »
Tội ấy về ai ?

. . . . . .

Bức thư của bà Lê-Hân

« Tâm sự này nên riêng để trong lòng, nhưng ngày qua tháng lại, buồng gan đã héo như chiếc lá cuối thu, tâm sự ấy nếu để trong lòng, than ôi! buồng gan phải nát, châu-lệ chan hòa, có khóc cũng không còn nước mắt, mà chao ôi! nước mắt còn đâu để tưới vảy cho con tim khô héo.

Năm ấy phải chăng năm 1926, lúc bước chân về nhà chồng, ôm theo biết bao hy vọng. . . Hy vọng ở hạnh phúc gia-đình, hy vọng ở một người mẹ hiền vợ thảo, hy vọng sau này khỏi ra một người đàn-bà bất chính để treo cao tấm gương sán lạn cho đàn con thơ dại, hy vọng chồng sẽ là một người đáng gọi là «chồng», hy vọng biết tự-lý lấy thân cho khỏi sa vào cái đời chim lồng cá chậu— cái đời vô vị của trăm nghìn thiếu-niên say đắm trong bể dục-tình. Ôi! ai ngờ tấn bi-kịch ấy xảy ra tại gia-đình tôi, giữa lúc tôi đang tâm niệm mơ màng cái hình ảnh của một gia-đình tốt đẹp. Tốt đẹp ở bên trong, không phải cái đời tốt đẹp ở nhà lầu, đi xe hơi nằm dường đồng, quạt máy.

Cái đời trăng hôm, gió sớm lấy nhau sáu bảy năm giời, con thơ bên nách, trên thuận dưới hòa. Cái cảnh ấy nếu cứ lâu giài mãi, thì dù Trần-Lang, chồng tôi, không có những tư tưởng cao thượng hơn ai, song tôi cũng cam lòng vui vì được con thơ ấu.

Trần-Lang ơi! tôi đang lúc này cầm bút nguệch ngoạc mấy giòng tâm-sự, đầu váng tay run, chan hòa giọt lệ, cố ngồi viết mong vì lòng « chính-phụ » nghĩa « mẫu từ» Trần-Lang biết mà tự hối với lương tâm.

Cái gia-đình hoan-lạc cho đến ngày: đoàn « Tiểu-thư đi bộ « khi qua tỉnh Đông dừng chân tại hội Trí-Tri, Trần Lang bị ngay cái « đầu mày cuối mắt» của Quế ta, làm cho lạc phách. Nghiệp sinh-ca từ đấy theo một âm điệu khác, Trần Lang còn tưởng đâu đến cái gia-đình như trước nữa. Con đường mới chẳng biết có vui gì mà là con đường Trần Lang vẫn năng đi lại: cứ chiều thứ bẩy là va-ly quần áo ra tầu hỏ hẹn nhau ở nhà số 43.

Lần lữa mai ngày, anh Trần của em Quế, em Đan-Quế của anh Trần, hai bên đã đem nhau vào thời-kỳ say đắm. . .

Say đắm nào ô cán bạc, nhẫn « kim-cương » hoa tai đầm, giầy mang cá, bao nhiêu những thứ huỳnh hẫm của đời sa phí Quế đều bắt Trần-Lang sắm cho đủ bộ. Chính những lúc ấy tôi không ngờ ả « gái mới » kia đã cướp mất hạnh phúc gia-đình nhà tôi. Than ôi! đoạn trường mộng kết buồng gan tim, thật cái sinh thú của đời tôi như đã mất rồi ».

Trịnh-lệ-Hân (Hải-dương).

. . . . . .

Ái-tình chia sẻ, ái-tình mù mắt! Mà con mắt đẹp, nụ cười sinh nó vẫn là những thứ giết lòng người. Nhưng, nhiều người vẫn đi tìm lấy nó để làm vị thuốc an-ủy cho linh hồn.

Cái án tình rỡn con người tình, phải chăng cũng vì tiểu-thư đi bộ ??

Ng.-trầm-Giự

(*Trích báo Nông-Công-Thương 2 Mars 1932*)

CHUYỆN TỈNH ĐÔNG

Tiểu-thư đi bộ hay chỉ là tỉnh giấc kê vàng ?

. . . . . .

Trần-Lang là người thế nào?

Là một chàng thiếu-niên, học mới qua vòng sơ-đẳng, đương lúc nhà khó nghề không, bỗng xin được một chân thư-ký có bổng nhiều. Từ ngày khoét được của . . . . . đồng tiền đào ra được dễ, thì trong tỉnh Đông, lồ-lộ ra một « quan » mới: quan Phán nhà có máy hát, máy vô-tuyến, đèn điện sáng xanh, chuông bấm

kêu rền. Nhà linh tính quan, hai cụ đã lên hai cố, mà thằng phu xe cũng quấn cạp-đỏ nghênh-ngang. Có tiền rồi, nay đến lúc cầu danh; trong chỗ giao-du, lăm-le chỉ chơi với những người tai-mặt, khi ca-lâu, khi tửu-quán, khi sân đánh vợt, khi hội Trí-Tri, cuộc ăn chơi phao-phí không nai, kiếm không đủ phải vay mà chơi, chỉ cốt sao cho tỏ mặt con người sành-sỏi. Đương trong cái thời-kỳ lừng-lẫy, thì đoàn «tiểu-thư đi bộ» thoăn-thoắt gót sen qua. Đứng vào hàng thượng-lưu Trần-Lang dự vào hội-đồng tiếp-rước. Cũng vì hàng thượng-lưu, Trần-Lang lọt vào đôi mắt xanh một tiểu-thư. Rồi biền hẹn non thề, cuộc ân-ái ngày càng dan-díu.

. . . . . .

Trần-Lang mất việc.

Quan-phán nay trở lại kẻ không nghề.

Kẻ không nghề, nào còn ai hám? Những người cho vay mượn, nay đến bắt xe, bắt đồ, bắt cả quần áo, vẫn chưa trang hết nợ. Chưa hết nợ thì còn khổ: kẻ nguyền, người rủa, khách nợ như rươi. Cực chẳng đã, Trần-lang phải bỏ vợ, bỏ con, bỏ nhà, bỏ cửa, mà lánh ra một chỗ cho yên thân.

Trong chỗ xa người, vắng cảnh, chàng bồi-hồi nghĩ lại: mấy năm phú-quý, một giấc hoàng-lương, mà chàng ngậm-ngùi. Ngậm-ngùi nhất là bè bạn ngày nay cầu lảng cả, mà đến người yêu-quí, bấy lâu thề-thốt nặng lời, nay cũng sỏ chân vào giầy «băng túp» mà «đi bộ» tếch xa.

. . . . . .

Ý-kiến của cô Lê-thị-Khải về việc Kim-Cương Đan-Quế

Lôi ra trước tòa án dư luận hạng người ấy chẳng oan nào

Còn nhớ hơn một năm về trước cái phong-trào «Tiểu-thư đi bộ» đã làm cho sôi nổi suốt trong khoảng đất từ Nam ra Bắc mà nhất là trong chốn cô-đô văn-vật này. Cũng vì thế mà bốn chữ: «Tiểu-thư đi bộ» lại thấy luôn luôn nhắc đến. Nói cho đúng cái sự-nghiệp kéo lê gót dầy «băng túp trên con đường nhựa hơn một trăm cây số mà một số đông gái non cho là cái sự-nghiệp phi thường và hiếm có ở đất nước này. Nào ngờ đâu việc ấy là việc xưa kia và hiện nay đã từng làm sôi nổi hàng ngày, mà mấy con người rúng vào việc ấy lại là tại con người phi-giáo, cho nên dù họ đã được thành công như họ đã mục kích lúc nào đi kẻ đưa, nào lúc đến người đón, nào giữa đường có kẻ hoan-hô, một phần đông quốc-dân cho là một việc vô ý nghĩa.

Trong phái người công-kích, lúc đó cực nhiều, nhưng duy chỉ có thày Đồ La-Tinh ở phố Sinh-Từ họ Lê tên Công-Đắc là kịch-liệt dai-dẳng nhất! Mà lúc đó tờ báo Nông-Công-Thương cũng đã nhiều phen hiến mình làm cái loa chung hú hồn hú vía những gái mê trong cuộc ấy. Ai đem lôi bọn ấy ra trước tòa dư-luận, thì có nhiều người vội trách là quá nghiêm khắc và chẳng được công bằng, nhưng có lẽ những người trách ấy chưa ròm thấy cái mặt trái đời của bọn «đĩ đánh bồng» làm trò «múa rối!»

Thì nay mới nghe thấy những tiếng đập hồi-hộp và não-nùng do trái tim khô héo của bà Lệ-Hân vừa mới đưa lên tự tỉnh Đông, bà con ta ai nghe thấy mà không muốn sé tan xác con người đã cướp sống chồng bà, đã cướp mất hạnh-phúc của một đời bà.

Thì con người ấy nào phải ai đâu xa lạ! cũng vẫn một con người trong bộ ba cô đi bộ! Cũng vẫn con người cưỡi con ngựa sắt làm nhớp mắt bà con. Tuy vậy con người ấy có cái tên này xinh xinh mà văn tự gớm. Đan-Quế!

P. V.

(Trích báo Nông-Công-Thương 11 Mars 1932)

Nguyễn-Công-Hoan

LÝ-THÚ

Ông Le Louet xét

Ông Đốc-tờ Le Louet ở sở Thú-y Hanoi mới đây có làm một bản thống-kê cũng thú-vị.

Ông lấy số thịt tiêu-thụ ở Đông-pháp đem chia với dân-số cả 5 xứ (21.294.000 người) tính đồ-đồng ra mỗi năm dân mỗi làng ăn hết 3 con bò, 2 con trâu và 30 con lợn. Một năm số vật bị giết là:

108 nghìn con bò (tức 200 dân ăn 1 con), 71 nghìn con trâu (tức 300 dân ăn 1 con) và 1700 nghìn con lợn (tức 100 dân ăn 8 con).

Theo lời ông Le Louet thì mỗi người lao-động ta phải ăn tới 200gr. thịt một ngày mới đủ, thế mà như nay mỗi người chỉ ăn có 23 gr. một ngày thôi, lại ngày kém hơn nữa. Vậy là dân ta thiếu ăn (sous alimenté).

Ở đâu chẳng rõ cứ như ở Bắc-kỳ thì dân rất khảnh ăn, ở nhà quê một số đông chỉ chuộng món khoai lang và rau ngổ.

Thủ-đoạn ăn mày

Bất cứ về thời nào, cứ «nghề» ăn mày cũng vẫn có. Nhưng dễ không bao giờ bằng hồi nước Tây-ban-Nha chưa có cách-mệnh, cái «nghề ngửa tay» của nước ấy thịnh-đạt vô cùng. Ngày nay theo chính-thể hiện thời nghề ấy không được pháp-luật công-nhận cho nữa. Lập-tức các, nhà làm nghề ấy liên-kết thành đoàn để liệu cách bệnh-vực lấy quyền-lợi của mình.

Câu chuyện này kể cũng còn chưa lạ. Mấy năm trước, sở cảnh-sát kinh-thành Vát-sô-vi (Varsovie) còn khám-phá ra một hội ăn-mày và một tờ nhật-báo làm cơ-quan cho hội, tờ báo ấy bày tỏ tình-hình ăn-xin trong khắp địa-hạt Ba-lan, và đăng tin thuyên-chuyển các bậc từ-tâm, các tay keo-kiệt.

Xưa, Kinh-thành Moscou cũng có một tờ Khảo-hành-báo làm cơ-quan cho hạng người đi đất, xuất bản năm 1908. Trước hết sở cảnh-sát cũng không để ý tới vì cũng coi đó là một trò đùa. Nhưng sau xét ra báo ấy không những đăng tin «ăn mày», lại còn cho nhiều tin rất tường-tận có thể giúp ích cho các hạng «thượng hạ-lưu ăn cắp».

Báo ấy giữ rất bí-mật chỗ phát-hành, nên các nhà chuyên trách-phải mất nhiều công-phu mới tóm được..

Thế mới biết ở nước văn-minh, cái «nghề ăn mày» cũng văn-minh, nào ai ngờ các nước miền Tây cũng có cả «báo ăn mày» nhỉ!

ĐẦU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

13

Trà-sơn
dịch

Họ cảm ơn tôi đến thế nào chắc tôn-ông không thể tưởng-tượng được. Thật trông thấy mà cảm-động vô cùng. Khi nào họ khỏi, chắc sẽ không còn ai tận tâm với tôi bằng hai người ấy nữa. Chung-qui tụi mọi ăn thịt người kia, cũng là người như ông với tôi đấy thôi. Vậy chúng ta cũng phải coi họ như người mới được. Về đường tinh-thần chúng ta hơn họ là ở chỗ ấy.

Chàng Xen-đôn nghe nàng nói, vẫn ra dáng lễ phép đứng ở bậc cửa. Rồi chàng khẽ gật đầu để đáp lại nhời nàng rồi đi ra.

Cách mấy giờ sau, khi đi thăm đồn-điền về, thấy cô Gian-nê đã bình tĩnh hơn lúc trước nhiều, chàng rất lấy làm vui lòng.

Nàng mỉm cười mà nói :

— Bận nẫy tôi cũng hơi vội giận quá. Tôi vừa ở căn nhà thương về. Tôi đã buộc thuốc cho tên Ca-rinh Gia-mã ; trước người ta tưởng rằng cái xương vai nó gẫy, nhưng không việc gì cả.

Chàng Xen-đôn cũng nhận là phải.

— Được thế càng hay ! Bây giờ cô-nương để cho tôi cãi. . . Tôi cũng như cô-nương, tôi cũng thờ cái chủ-nghĩa khoan-hồng đại-độ. Nhưng, đối với tụi mọi đen ở đây, cái lòng tốt cũng chưa đủ. Các điều cô-nương tán-dương những người hắc-chủng Hải-oai và Ta-hải-ty, cái đó có thể cho là thật được. Về vấn-đề ấy, tôi không có lịch-luyện nên tôi cũng sẵn lòng tin ở lời cô-nương nói. Song, đối với tụi mọi đen ở quần đảo Sa-lô-mông này thì khác hẳn. Tóc chúng thì xoắn chôn ốc, chúng là tụi hạ-lưu trong nhân-loại. Chúng còn kém cả bọn hắc-nô ở Phi-châu nữa.

« Dù cô-nương nói thế nào thì nói, chứ chúng không biết ơn nghĩa gì hết. Cô-nương ở tốt với chúng, rồi chúng sẽ cho cô-nương là khờ dại, hoặc chúng sẽ cho cô-nương là sợ chúng. Mà nếu chúng đã cho cô-nương là sợ chúng, thì cô-nương liệu thân đấy. Ngày một ngày hai, thế nào chúng cũng sẽ lo giết cô-nương đi, nào ai có đi vào trong óc những quân vũ-phu này mà biết trong đó có những gì? Cô-nương cứ nên cẩn-thận là hơn, cẩn-thận luôn luôn là hơn. . .

« Mới vài năm trước đây, đã có một người tên là Bắc-ca ở cách bờ bể chừng 12 hải-lý, chàng cũng có bụng thương người như cô-nương vậy, chàng vẫn tự-đắc là biết cai-trị bằng cách ngọt-ngào. Rút cục lại, chàng không cai-trị được ai hết. Chàng vẫn thường bơi xuồng vào thăm chàng Huy-ghi và tôi. Hễ khi nào người làm của chàng muốn ra về, chàng cũng phải miễn cưỡng cáo-biệt chúng tôi.

« Tôi còn nhớ một hôm chủ nhật kia, chúng tôi mời chàng ở lại sơi cơm. « Súp » vừa bưng ra, chàng Huy-ghi bỗng thấy một tên mọi đen dám táo bạo trèo lên bậc thang ngoài hiên, rồi ló đầu vào cửa. Chàng đứng ngay dậy, nhẩy xổ ra túm lấy nó rồi hỏi :

— Mày đến đây làm gì ?

— Ông bảo cái người ở trong nhà ông rằng chúng tôi về. Vậy « lúy » phải về ngay lập tức, chúng tôi không bằng lòng đợi đâu.

Nó nói vừa xong, chàng Huy-ghi liền đưa cho nó một quả thụi ngã lăn xuống tận chân thang.

Cô Gian-nê giật nẩy mình lên, rồi phản-đối rằng :

— Như thế là chàng Huy-ghi có lỗi ! Các ông trả lời một người bạch-chủng như thế ru ?

— Chính cái khó là ở đấy. Người ấy không phải là một người bạch-chủng. Đó là một tên mọi bất-thành-nhân, không những nó vừa thóa-mạ một mình chủ nó, mà nó còn thóa-mạ cả chàng Huy-ghi và tôi, cùng tất cả các người . . . . . ở quần-đảo Sa-lô-mông này nữa.

— Cái đó cố-nhiên ! Bởi ý-tưởng của tôn-ông sai. . .

— Mà theo ý cô-nương thì ý-tưởng của chàng Bắc-ca đúng. Cô-nương có biết kết-quả ra sao không? Đầu tôi hiện còn ở trên vai, mà đầu chàng thì bị chúng đem hun khói, rồi không biết chúng đem trang-hoàng một làng nào ở Mã-lai-tạ. Chính những tên mọi đen mà chàng lấy đại-độ khoan-hồng đối đãi, chúng đợi một ngày kia, chàng sốt rét, rồi chúng giết chàng đi. Giết xong, chúng chiếm lấy hai chiếc xuồng của chàng, chúng vơ-vét các-vật cướp được ở trong kho, rồi chúng điềm-nhiên bơi về xứ sở.

« Cái số-phận chàng Mạc-canh-di, quan ba tầu Mi-nô-ta cũng vậy. Chàng cũng thế, cũng tin ở cái chủ-nghĩa đại-độ khoan-hồng. Chàng vẫn cả-quyết rằng muốn cho tụi mọi đen họ có lòng tin thì đừng đeo khí giới trong mình.

« Khi qua Mã-lại-tạ mộ phu lần thứ hai, chàng bèn thi-hành cái chủ-nghĩa mầu-nhiệm ấy. Chàng đỗ tầu ở Bi-na, gần Lăng-ga Lăng-ga. Súng của chàng và của những người làm trong tầu, đáng lẽ phải mang theo, thì lại bỏ cả vào ca-bin khóa lại. Lúc đi vào bờ chàng phưỡn ngực bệ-vệ đứng trên xuồng, cạnh sườn súng cũng không đeo. Kết-quả vừa bước chân lên bộ, chàng bị ngay một nhát quắm bổ vào giữa sọ. Người ta có thể cho là chàng tự-sát cũng như người ta vẫn cho là chàng Bắc-ca tự giết mình. Rồi đầu chàng có lẽ cũng chịu cái số-phận như đầu chàng Bắc-ca vậy.

Cô Gia-nê ngồi ngẫm-nghĩ một lát.

— Tôi cũng rộng cùng tôn-ông

mà cho rằng cần phải đề-phòng. Nhưng, tôi nhất-định tin rằng dùng cái đại-độ khoan-hồng chắc có thể có kết-quả. Những cái kết-quả ấy, đã đành là không được hoàn-toàn, nhưng cũng thú vị.

—Có lẽ, nhưng khốn một nỗi, họ đã làm mất nết đi rồi. Về việc này, những người đến ở quần-đảo Sa-lô-mông trước nhất, có trách-nhiệm nặng-nề lắm. Ở Ga-đa-ca-na có hai người đến thực-dân trước nhất: một người là người Mỹ, đã có can án, một người là người Đức, con cháu Lưu-linh. Họ coi những người hắc-chủng như là nô-bộc vậy. Họ thường giao-thiệp với tên Giô-ni nhất danh là *Thằng phệnh bụng*. Tên này hiện đang bị 10 năm tù ở quần-đảo Phi-gi về tội vô-cố giết một người bổn-xứ. Ở Mã-lai-tạ không có một tên đầu-mục nào muốn giao-dịch với nó. Nó đành phải chuyên mộ phu trong đám can tội giết người. Bất-cứ chỗ nào xảy ra một đám đâm chém nhau, hay nhiều đám đâm chém nhau, tất có mặt nó. Những quân giết người đương muốn tránh khỏi tội, mà có người đưa giấy giao-kèo nhận cho đi làm, thì tất chúng xin ký cả chân lẫn tay.

Những tên mọi đen mộ được như thế, ở đây vẫn gọi là *tụi đứt giây trên giời rơi xuống*. . . . . .

. . . . . .

Đối với những quân giết người vô tội vạ ấy, cố-nhiên là phải trị thẳng cánh. Song, chàng người Mỹ và người Đức kia lại thẳng tay quá. Khi chàng Huy-ghi và tôi mua lại chiếc đồn-điền, cũng còn nhiều những hạng mọi ấy, hai chàng kia trước đã giáng sức trị mà cũng vô-hiệu.

« Đến lượt chúng tôi, chúng tôi bèn thay bớt một phần nhân-công đi. Song, những tên «đứt giây trên giời rơi xuống» kia, lại làm hư lấy cả đến những tên phu vừa mới đến. Vả, khi chàng Huy-ghi và tôi mới thử dùng cách tử-tế mà đối-đãi, thì bọn mọi đen tưởng đâu là chúng tôi sợ.

«Khi nào tôi nghĩ đến cái cách cử-chỉ ngờ nghệch của chúng tôi trong lúc ấy, tôi vẫn còn lấy làm hổ-thẹn. Chúng tôi càng quở-phạt những quân vũ-phu kia bao nhiêu, thì tình-hình lại càng tệ. Đến nỗi chỉ vì sau một cuộc trừng-phạt xứng với tội chúng, mà chàng Huy-ghi suýt bị giết.

« Tự đấy mới bắt đầu cái thời-kỳ phải dùng võ-lực. Đối với chúng, tôi chỉ có cách là cuốn khăn gói, hay là làm cho chúng biết oai mà thôi. Bỏ đấy mà đi thì không thể được, vì chàng Huy-ghi và tôi có bao nhiêu của cải bỏ cả ra làm việc này. Huống-chi, lại còn cái lòng tự-kiêu, đi sao được. Sau khi tốn sức nhọc lòng biết bao nhiêu, mới bắt đầu thắng lợi, mà mình lại nói thật là thất-bại, thì chả hóa ra xấu hổ lắm sao? Cái nghĩa-vụ của chúng tôi bắt chúng tôi phải ở lại.

«Cuộc phấn-đấu này, vừa lâu dài vừa vất-vả. Cô-nương có biết tụi mọi đen khốn nạn làm dưới quyền chúng tôi đã sách danh ở quần-đảo Sa-lô-mông là ngoan-ác thế nào không? Chúng ngoan-ác đến nỗi chúng tôi không thể kiếm được người bạch-chưng nào nhận làm quản-lý đồn-điền Bế-rang-đệ nữa không? Chúng tôi đã chịu trả cao công họ cũng chối từ. Đã đành họ không thú thật rằng họ sợ, nhưng họ lại đổ lỗi cho là khí-hậu ở đây không tốt.

«Vậy nên chàng Huy-ghi và tôi, hai chúng tôi quyết lẽo đẽo theo đuổi việc làm, không cần phải có ai giúp đỡ.»

Cô Gian-nê quắc đôi con mắt mà la lên rằng:

— Vả, khi chàng Huy-ghi mất, tôn-ông đã tính làm một mình... Thế thì cừ, cừ thật!

— Cô-nương chớ nên khen tôi quá lời, Lạc-lan cô-nương ạ. Vả, từ nay đối với tôi, cô-nương nên nhân-từ một đôi chút. Nếu cô-nương có thấy tôi nghiêm với bọn mọi đen thì cô-nương cũng nên cho là cái tình-cảnh bắt buộc phải như thế.

«Cô-nương đã đi thăm các đồn-điền, chắc cô-nương cũng tự thấy khắp trong quần-đảo Sa-lô-mông, không có cái đồn-điền nào mới lập mà có vẻ sầm uất được như cái đồn-điền này. Chàng Huy-ghi và tôi, chúng tôi đã tậu chiếc tầu Dịch-sĩ để dần dần mộ phu khác thay vào đám nhân-công cũ. Vì chỉ còn trong khoảng một năm nữa, thì phần nhiều giấy giao-kèo của họ sẽ hết-hạn, nhưng không may, chàng Huy-ghi mất mà tầu Dịch-sĩ thì bị chìm dưới đáy nước.»

Cô Gian-nê ngồi lặng yên không nói năng gì. Nàng bắt đầu kính-phục cái người mà khi nàng mới bước chân lên bộ, thấy lủi-thủi một thân một mình ở cái nơi ôn-hoàng dịch-lệ, cái người bị bệnh sốt rét liệt-vị như con ma khô, nằm gục trên chiếc ghế xích-đu thất-vọng đến cả cuộc tương-lai.

Nàng mỉm cười mà công-nhận rằng:

— Chuyện tôn-ông nói có thật. Bởi tôn-ông ở đây, tôn-ông phải có quyền sai bảo được chúng. Nhưng tụi mọi đen có thể đáp lại rằng không phải tự chúng đến tìm tôn-ông. Cũng vì cái số-phận ác-nghiệt nó bắt buộc mà các giống người bạch-chủng phải đi khắp mặt đất chinh-phục các dân-tộc yếu hèn. . . . . .

Chúng ta đây, từ lúc mới lọt lòng ra, hình như đã phải chịu cái định-mệnh ấy. Dẫu biết mà không sao tránh khỏi được.

— Lạc-lan cô-nương ơi! Những tư-tưởng của cô-nương thật là đúng. Nhưng tôi xin thú thực rằng tự trước tới giờ tôi ở đây bận nhiều việc khác, không còn thì giờ đâu mà có những cái tư-tưởng ấy.

(Còn nữa)

Nay mai sẽ có một bộ tiểu-thuyết trường thiên, giầy ngót 500 trang, tả NHỮNG CẢNH KHỐN NẠN của khắp các hạng người trong xã-hội, cố tìm cái sung sướng ở chỗ DANH, LỢI, TÌNH mà soạn-giả lại là bạn NGUYỄN-CÔNG-HOAN!

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Co'-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ-nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cũng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quẳng, bắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, lẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH
Hiệu Bảo-Nguyên-Tường
N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘泫書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

Các sách của **Tản-đà thư-cục**, từ năm **1932** này giở đi thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Đã có :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất**. (Luận-thuyết-loại. Giá . . . 0$32

Sẽ có :

2. — **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại). Giá . . .

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh trỏng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU :

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiện **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-tượng, thần-dư, rất lịch-sự xứng chái, để dùng trong việc **hiếu** cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự dủi do ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin có đủ các thứ **cực phẩm**, kiểu đẹp giá rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không đám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đất vân vân.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thư chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

學美號 殯車馬 出賃昌 賣花圈 價大賤 開報事 不取費錢 河內正所行劄街十號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thục-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

27/5/9

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 39

NGÀY 30 AVRIL 1932

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 17536

安南雜誌

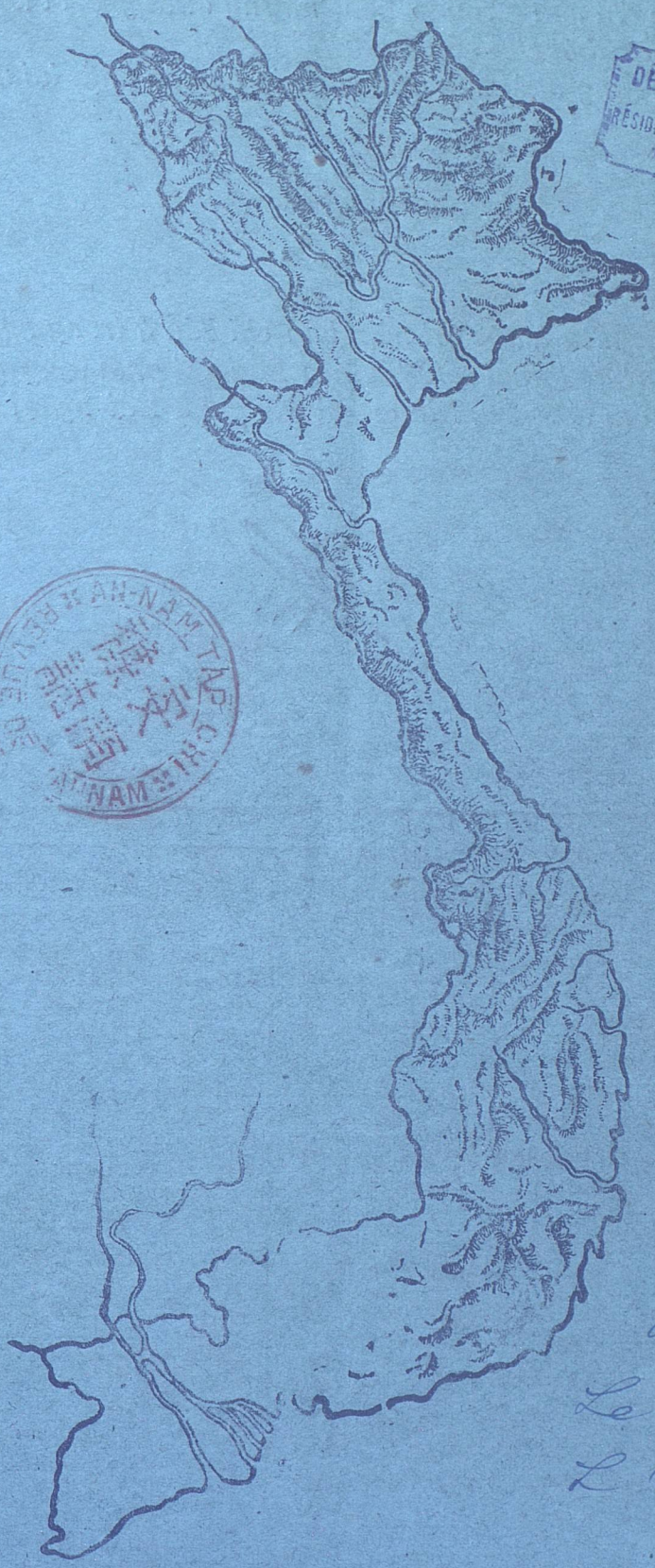

BIBLIOTHÈQUE ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT
AN-NAM TẠP CHÍ

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm	5$00	7$00
Nửa năm	2,60	3,80
Một số	0,10	0,15

Dépot légal
Le 30 Avril 48
L'administrateur

BIBL. CENTR. HANOI
C 119

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Bản-chí lần này tái bản được phần nhiều các ngài đại-lý ở các nơi sẵn lòng cổ-động, nên số độc-giả vẫn một ngày một tăng. Lại quý-hóa nhất là về việc tiền nong, tháng nào cũng tính toán trao giả sòng phẳng, vậy xin tiện đây ngỏ nhời kính tạ. — Duy có một vài ngài ở xa có lẽ vì bận việc quá mà sơ nhãng nên mãi đến nay cũng chưa cho biết việc tiêu-thụ ra sao. Tuy đã có thư nhắc hỏi, mà vẫn chưa nhận được giấy trả lời của các ngài. Vì không muốn để các vì độc-giả phải phiền lòng, nên Bản-chí vẫn gửi báo tiếp, nhưng đương buổi kinh-tế khó-khăn này, những điều như vậy, thật rất thiệt-thòi cho bản-quán.

Vậy trước khi thưa rõ từng ngài trên Bản-chí, xin ân-cần nhắc lại một lần này nữa, mong rằng các ngài lưu-ý cho.

Đa hạnh

An-Nam Tạp-Chí

☆☆

Vì muốn cho phổ-cập, nên từ trước tới nay, bản-chí bán ở trong ngoài vẫn có một giá. Nay vì nhà giây thép tăng giá bưu-phí (mỗi số 0$02) nên Bản-chí phải tăng giá mua năm ở bên ngoài: một năm là 7p.00, nửa năm là 3p,80. Xin các vì độc-giả ở Hải-ngoại chú-ý.

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da lụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thầy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà đẻ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v..v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**

N° 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khi huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả. **Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50**

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.

Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.

Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

TÔI THẤT-VỌNG VỀ ÔNG PHAN-KHÔI

Ôi ! cũng vẫn còn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng

Trong nước này, những ai đã là dân Nam-Việt, mỗi khi nghe trong đám lão - thành có vị nào lỗi-lạc xuất sắc, danh nổi như phao vì tài học, thì cũng phải có lòng mừng, mừng cho trong nước có người. Tôi dầu có thế nào chăng nữa cũng quyết tự nhận là một người dân trong nước, bởi vậy tôi cũng có lòng mừng như các người ấy, tôi đã mừng về ông Phan-Khôi.

Hiện nay, trong làng chữ nho, trừ các ông A, ông Z ra, người ta muốn « co tay »!! kể ông Phan-khôi lần thứ nhất. Ông Phan là một nhà đại danh-nho, đại tư-tưởng, đại lý - thuyết và lại là một tay đại « lô-dích-xiêng » nữa (1).

Thật vậy, ông Phan đã có phen khai cuộc « bút-chiến » — cái này mới thật là «bút-chiến» chứ — cùng ông Trần-trọng-Kim về sách Nho-giáo. « Đình - chiến » được ít lâu ông lại khởi « thế-công », khai một cuộc « bút - chiến » khác — cái này cũng thật là cuộc « bút - chiến » nữa chứ — cùng ông Lê-Dư về vấn-đề quốc-học.

Ông đã có phen hô - hào cảnh - cáo những nhà « học - phiệt » (2), làm cho quốc - dân đã được hưởng cái thú đọc bài trả lời « mát-mẻ » của ông Phạm-Quỳnh.

Ông đã có phen đem tài hùng-biện ra trước tòa án dư-luận làm trạng-sư cãi « thí » để «thân oan » cho « bà vua Võ-hậu, đã chọn cung nhân bằng đàn - ông, để mua vui trong lúc vạn cơ chi hạ » (theo lời ông).

Ông đã có phen thuyết-lý về môn « Lô-dích» (logique) (3) là môn ông rất sở-trường, và ông cũng đã đem cái thuyết « xưng-hô» ra giảy đời nữa.

Vừa đây, ông lại ra công « sáng chế » ra một lối thơ « tân - mới, tự-do đặc biệt», không cần niêm-luật, tự ý vắn dài, làm cho nhiều người « hoài cổ» phải ngậm - ngùi thương tiếc, « tám vế» luật Đường!! có lẽ vì sự phát-minh lối thơ mới này mà phải mai-một đi chăng?

Đó, cái công-trình vĩ-đại của ông Phan-Khôi đối với quốc-văn là thế, cho nên văn - tài ông được nhiều người bái-phục, như lời ông chủ-bút báo Đông-tây Hoàng-tích-Chu đã nói rằng : « bạn Phan - Khôi » của ông có một bên (xin hiểu là một số người) coi là « *Léon Daudet* » của Việt-Nam!! (4).

Coi bấy nhiêu đó đủ biết văn-tài của ông Phan «cử» lắm rồi, cũng đủ cho quốc - dân mừng.

Vậy mà trái đất xoay mình đâu chừng hai mươi vòng, nghĩa là kể từ ngày tôi đọc bài của ông Phan-Khôi đăng trên báo Đông-tây số 160 (6-4-32) đến nay chừng ba tuần-lễ, thì bỗng đã làm cho tôi thất vọng!! Tôi hay vậy, dạo trước đừng coi báo Đông-tây là hơn, mà cũng đừng mừng chi về tài ông Phan-Khôi là hơn!!

Xin độc-giả chịu khó giở tờ Đông - tây số 160 ra ngày 6 - 4 - 32 mà đọc lại bài của ông Phan - Khôi nơi cột 5 ở trang nhất, thì liền thấy sự thất-vọng của tôi là có căn-cứ. Sự thất-vọng của tôi về ông Phan-Khôi là do ở cái cách « xưng-hô » bất lịch-sự của ông đối với ông Nguyễn-tiến-Lãng, cái cách xưng-hô đó đã tỏ ra rằng ông Phan - Khôi không nhớ cái lễ độ của học-giả và quên mất cái thuyết «vô bất kính » của làng nho.

Vậy, tôi cứ theo như cái « sự ngay thật người luận - biện phải giữ » mà kể cái cách xưng-hô của ông Phan trên tờ Đông - tây số 160 như sau này : Bắt đầu ông viết « Ông Nguyễn-tiến-Lãng», sau đến « Lãng ta », sau đến « Va » !! Sau đến « Tiến-Lãng », sau lại « ông

(1) Tôi để chữ lo-gi-xiêng, vì tôi không biết dịch chữ phú-lăng-xa này ra chữ Hán.

(2) Tôi cũng hiểu nghĩa rõ hai chữ Học-phiệt này, ai muốn rõ nghĩa xin mở tự vị Khang Hi ra, nếu không thấy viết thư thỉnh giáo ông Phan-Khôi.

(3) Chẳng biết độc giả có hiểu lô-dích không, chứ Ngu này xin thú thật là không hiểu và coi như một môn rất huyền bí.

(4) Cái này tôi cũng không hiểu thế nào là Léon Daudet của Việt-Nam, ai muốn rõ nghĩa, xin viết thơ thư thỉnh giáo ông chủ bút Đông tây.

Nguyễn-tiến-Lãng, Nguyễn-tiến-Lãng, và Lãng trống trơn, vân vân...

Không những riêng cách xưng - hô bất - lịch đó, ông lại còn mở cuốn «tự-vị riêng» mà dùng những tiếng: «xỏ - lá, ba que» (xin lỗi độc-giả tôi cũng không hiểu nghĩa rõ) trên bài luận-thuyết « tràng giang đại hải » của ông (Đông-tây số 161 cột 5 trang 1) như vậy thật là thiếu cái vẻ lễ-độ đối với công-chúng nữa.

Vì ông quên, nên tôi xin nhắc trên trí-nhớ ông rằng : về cách xưng-hô, dù cổ-kim, Âu Á, cũng rất lấy làm thận-trọng. Người Âu thường kêu họ ; ví dụ : M. Herriot, hay kêu cả tên lẫn họ : M. Edouard Herriot, chỉ trừ thân thích họ hàng mới kêu tên tục trống-trơn mà thôi : Edouard, Paul, v. v.

Người Tầu cũng có cách xưng hô rất nhã : Phan tiên-sinh, Nguyễn-quân, Phạm đại-nhân, v. v... và dù có kêu tên cũng kèm cả họ vào, ví dụ : Tôn-Khoa, Uông-tinh-Vệ, v. v.

Vậy mà ông Phan-Khôi lại hình như muốn phát-minh ra một cái thuyết xưng-hô « mới », một « mốt » xưng-hô tự-do tân-thời nghĩa là kêu người ta bằng tên tục : Lãng ta thế này. Lãng ta thế khác. . . . .

Vậy tôi xin « phân bua » và giới-thiệu cùng chư quý độc-giả, cái cách xưng-hô đó — mà tôi cho là bất lịch-sự hay là vô lễ — của ông Phan-Khôi, là người đã được hấp-thụ cái học thuyết lễ-nhượng của Khổng Mạnh, là người đã dám nói như thày Tăng-Tử ngày xưa : « một ngày ba lần soát lại mình !!! », là người đã tự xưng là « dù có thế nào chăng nữa cũng quyết không tự nhận là tiểu-nhân !, có ai xô đẩy (mà ai xô đẩy làm chi ?) là cũng chen tới cho được (có chen được thì cứ chen) mà theo sau hàng quân-tử. » Ngu này trộm nghe : « Quân-tử kính nhi vô thất, dữ nhân nhi hữu lễ », xin trình Phan Tiên-sinh nhã giám và cho phép ngu này hô lớn : « Tôi thất-vọng về tiên-sinh ! ! »

Thật vậy, bà con chớ thấy ông Phan-Khôi viết quốc-văn hay, khai nhiều «cuộc bút chiến» với các văn-sĩ ở cõi Đông-Pháp, thuyết lý về « Lò-dích », đọc thông được báo l'Annam Nouveau, mà mừng vội.

Tôi nói thật, từ nay mà đi, nếu ông Phan-Khôi không tỉnh-ngộ ra mà quay đầu về con đường *lễ-nhượng* thì hai chữ « Phan-Khôi » trong làng văn-học nước Nam kể cũng như cái *thái giá bị sảo*, chớ chẳng có gì mà mừng.

Tôi đọc bài « Ôi ! cũng vẫn còn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng » của ông (Đông-tây số 160) thấy ông giảng về chữ « *polémique* » thì tôi phải đoán quyết rằng ông hiểu nghĩa chữ polémique lắm, tôi lật-đật tháp hương thỉnh giáo cụ Thánh La-Rút (Larousse) thì ra cụ truyền phán cũng như ông : Polémique là dispute de plume ! ! : ví dụ : polémique littéraire, religieuse. Tôi chưa hiểu nghĩa chữ dispute-thì cụ Thánh La-Rút lại giảng là débat contradictoire, vậy xin phục tài ông Phan-Khôi giảng trúng lắm, trúng lắm !

Nhưng, tuy ông Phan-Khôi có văn tài mặc dầu, tuy ông Phan-Khôi « hay tám vạn ngàn tư mặc kệ », mà không có lễ-nhượng, khiêm-tốn thì cái học của ông Phan-Khôi thật chẳng có tâm-đắc gì hết. Ông viết quốc-văn có tài thật, song chỉ có tài trên văn-tự đó thôi. Những chữ « Tiểu-nhân, quân-tử, học-giả, Tăng-tử », vào lỗ tai Phan tiên-sinh từ hồi tiên-sinh còn cắp sách theo thầy, rồi nó trọn cái lúc ra được thì nó ra từ lỗ miệng tiên-sinh là lúc bây giờ, là lúc tiên-sinh viết báo, chứ chẳng có cái gì giỏi hết.

Tôi rõ thất-vọng về ông Phan-Khôi. Và tôi xin vì ông Phan-Khôi mà than rằng : « Ôi ! cũng vẫn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng) »

Vân-bằng

傘泛書叢局書

Tản-Đà thư-cục tùng-thư

Tản-Đà Văn-tập

Quyển nhất

đã có bán. — Giá : . . . 0$32

Thề non nước

Đã ra Giá . . . . 0$20

THƠ GỬI CHO BẠN VỀ VĂN-PHÁP VIỆT-NAM

II

Trương quí-huynh,

Đệ đã nhận được thơ phúc-đáp của quí-huynh. Quí-huynh cũng biểu đồng tình với đệ về sự chia danh-tự Việt-Nam ra làm mấy hạng. Nhưng quí-huynh chưa nhận rõ làm sao lại chia ba mà không chia bốn hạng theo như bốn quán-tự chính: *người*, *con*, *cái*, và *sự*, đệ kể trong thư trước.

1. — Hai quán-tự *con* và *cái không bao giờ* có thể dùng lẫn với chữ *người* và chữ *sự* được.

Có chứ! quí-huynh sắp giả lời. Thằng vũ-phu kia vẫn gọi người vợ nó là con vợ. Vậy chữ người chả có khi dùng lẫn với chữ con đó ru? Đó là một cái «ca» riêng, dùng lẫn như thế mà thóa-mạ.

Một cái «ca» riêng nữa là khi đứa con gái còn nhỏ, hoặc không đáng quí-trọng, ta gọi nó là con Ç hay là cái X. Nhưng X đây lại là danh-tự riêng (nom propre).

Vậy hai cái «ca» đó, ta chỉ nên coi là hai cái biến-lệ. Ngoại ra, không bao giờ người thợ, người học trò lại có thể gọi là con thợ, con học trò, hay cái thợ, cái học trò, sự nghĩ không thể gọi được là cái nghĩ hay con nghĩ.

Như thế đủ biết vật-danh-tự phải cần phân biệt với nhân-danh-tự và sự-danh-tự vậy.

2. — Trái lại hai quán-tự *con* và *cái* dùng về vật-danh-tự *có khi* dùng lẫn được với nhau, như đệ đã nói trong thư trước.

Con người (người đây nghĩa là con vật thượng-lưu, không có ý thóa-mạ) có khi gọi là cái người, con cò, con vạc, con nông... gọi là cái cò, cái vạc, v. v...

Hoặc cái sông, cái ngòi, cái dao, cái mắt... gọi là con sông, con ngòi, con dao, con mắt...

Tuy chữ *con* và chữ *cái* có nghĩa khác nhau một cách rất rõ ràng như đệ đã giải-thích trong thư trước, nhưng cái lẽ có thể dùng lẫn hai chữ với nhau, mà lại có ý tùy ngọn bút nhà thi-sĩ, cũng đủ khiến ta không nên chia vật-danh-tự ra làm hai hạng vậy.

Đến đây, đệ xin mở một giấu ngoặc.

Tiếng ta là tiếng độc-vận, mỗi tiếng *vẫn coi* là một chữ, nên trong văn phần nhiều chữ *tiếng* và chữ *chữ* thường dùng lẫn lộn với nhau ví như hai câu này:

a) Chú ta là hồ-lỳ mà đọc đến hai *chữ* hồ-lỳ là chú bực-tức, coi là khinh bỉ chú.

b) Châu-chấu tàn-phá mùa màng tỉnh Nghệ, đến nỗi nói đến hai *tiếng* châu-chấu, đồng bào tỉnh Nghệ đã rựt mình.

Tuy câu trên có chữ đọc đi kèm với chữ *chữ*, câu dưới có chữ nói đi kèm với chữ *tiếng*, nhưng thường thường chữ *chữ* ở câu trên có thể lấy chữ *tiếng* mà thay vào, cũng như chữ *tiếng* của câu dưới có thể dịch chỗ cho chữ *chữ* vậy. Nghĩa là hai chữ đó cùng nghĩa với một chữ «một» trong văn Pháp.

Không những thế, chữ *tiếng* và chữ *chữ* đều có thể đem dịch một chữ «langue» của Pháp-văn! Thực vậy, «tiếng Pháp nói lầu» hay «chữ Pháp nói lầu», viết chữ Tây « thạo » hay «viết tiếng Tây thạo», hai cách nói không khác gì nhau. Qui-huynh cứ rở báo hàng ngày đủ thấy lời đệ nói không sai sự thực.

Vậy mà, trong tiếng thông-thường thì thế, kỳ thực hai chữ «tiếng» và «chữ» có phải không có nghĩa khác nhau đâu!

Chúng ta đã dám mạnh bạo bàn đến văn-pháp, tưởng hai chữ đó ta cũng nên tế-nhận, để sau này trong thư-từ phải dùng đến các chữ đó, chúng ta khỏi hiểu lầm nhau.

Hãy để riêng cái nhẽ: chữ là dấu-hiệu để ghi chép tiếng. Theo nghĩa rộng đó thì bất cứ tiếng nào có thể dùng dấu-hiệu mà ghi chép được, cái dấu-hiệu đó tức là chữ. Ò, oeng, buynh.., viết ra như thế tức là chữ vậy.

Nhưng ta sinh ra chữ không phải tiếng gì cũng ghi-chép. Chữ không phải là những dấu-hiệu xuông mà là những dấu-hiệu có hồn, có cá-tính, khiến mắt ta nom thấy mà nhớ ngay cái vật hay cái ý-tưởng mà nó là biểu-hiệu. Bởi vậy, trong các văn-tự đã tiến-bộ nhiều, như văn Pháp chẳng hạn, những chữ đồng-âm phải viết khác nhau, để mỗi chữ có cái hồn, cái cá-tính đó.

Vậy theo nghĩa hẹp, tiếng không tất nhiên là phải có nghĩa, như ò, oeng, buynh... nhưng đã gọi là chữ tất phải có nghĩa-lý phân minh.

Chữ quốc-ngữ từ khi dùng làm quốc-văn quốc-tự đã thu được cái hồn, cái cá-tính đó chưa?

Không phải nghĩ ngợi, qui-huynh cũng có thể giả lời rằng chưa. Vì chữ chưa luyện được hồn, nên con cháu Việt-Nam nhìn tới chữ mới có người lãnh đạm như nhìn bức tượng xấu vậy. Quá thế, ta thử viết một chữ, *báo* chẳng hạn, đưa cho mọi người, hỏi xem họ có quan niệm hay có cảm-tình gì chăng? Có chăng nữa, thì cũng hồ-đồ, rối-rít, vì biết nghĩa *bao* là gì? Báo thù, tờ báo tin-tức, hay là con thú-vật trên rừng? Muốn đem cái hồn mà cột cho chữ *báo* ấy, cũng như thư trước đệ đã nói, tat phải tự hỏi nó là sự báo, cái báo hay là con báo. Nghĩa là ta phải làm thêm một việc trong óc (opération intellectuelle) nữa mới tiếp-nhận (nói là muon đoán ra có lẽ đúng hơn) cái vật hay cái ý-tưởng mà chữ *báo* đó là biểu-hiệu.

Xem vậy thì danh-tự tiếng Việt-Nam chia ra làm ba hạng không những là lẽ *tự-nhiên*, ai cũng phải công

nhận mà công-nhận một cách không ngờ, mà lại là một lẽ *tất-nhiên*, để sau này trong ngôn-ngữ và văn-tự, tiếng và chữ có một cái hồn riêng, vì hồn càng rõ-rệt, mật-thiết với chữ bao nhiêu, văn-chương càng tiến-bộ bấy nhiêu vậy.

Nhưng đó mới là nói đến những chữ đồng-âm dùng để chỉ các vật khác nhau hẳn, như chữ *báo* trên này chỉ: một sự hành-vi, một tờ giấy và một con thú rừng.

Những chữ đó không khéo cũng để cho độc-giả — nhất là độc-giả ngoại-quốc, mới học tiếng ta — lẫn chữ nọ với chữ kia rồi. Huống chi lại còn những chữ đồng âm mà nghĩa có liên-lạc với nhau (mot homonyme de même famille)! Những chữ này, đến người Việt-Nam cũng nhiều người vẫn cho là một chữ.

Ví như «những» chữ ăn:

Người *ăn* (le mangeur): nhân-danh-tự.

Cái *ăn* (l'aliment): vật danh-tự.

Sự *ăn* (l'action de manger): sự danh-tự.

An (manger): động-tự.

Nấm *ăn* (champignon commestible): trạng-tự.

Quí-huynh thử nghĩ xem, có phải những chữ ăn này, tuy cùng âm, cùng chữ, mà phải khác nhau không?

Nhưng phân thế để làm gì? Khi dùng đến tiếng *ăn* thì nghĩa nào nó cũng vào nghĩa ấy chứ sao?

Đành rằng thế. Song ta không nên quên cái mục-đích của ta khi luyện-tập quốc-văn, chỉ cốt sao cho quốc-văn càng ngày càng thêm gẫy-gọn, sáng-sủa, không những chữ nọ không được lẫn với chữ kia, mà ý-tưởng này ta không nên để cho ai nhầm với ý-tưởng khác.

Khi ta nói «người ăn kẻ nhịn», là ta đạt cái ý-tưởng gì đó? Có phải ta trú-trọng ở sự tương-phản của chữ ăn và chữ nhịn đó không? Vậy hai chữ *ăn* và *nhịn* đó trong quan-niệm (concept) của ta tất phải là động-tự.

Nhưng khi ta nói: « người ăn thì cười, kẻ nhịn thì khóc», ta trú-trọng ở chữ cười và chữ khóc, trong quan niệm ta tất phải thấy «ăn» là một nhân-danh-tự đi theo quán-tự của nó (le mangeur). Kẻ nhịn cũng vậy. Chữ kẻ dùng thay cho chữ người, sau này đệ xin nói tới trong mục quán-tự. (*Nhịn* đây tức là một nhân-danh-tự vậy (l'abstinent).

Các chữ *ăn* khác cũng thế, nếu khi dùng đến, ta có quan-niệm rõ ràng vì nghĩa của chúng, ta sẽ không mác phải những câu hình như xuôi xuôi, mà kỳ thực không sao giải-thích được, như:

«Sự ăn phải cho sạch-sẽ».

«Cái ăn là sự nợ», v. v...

Thực vậy, một sự hành vi thế nào là sạch-sẽ? Hay là theo nghĩa bóng, sạch sẽ nghĩa là đứng-đắn, quân-tử? Không phải, sạch-sẽ đây dùng vào nghĩa đen, ý tác-giả câu này chỉ cốt nói: «ăn phải cho sạch-sẽ». Trong câu sau, cái ăn là một vật, cho dù hữu-hình hay vô hình theo nghĩa đen hay nghĩa bóng nữa, cũng không giải nghĩa là một sự đi vay nợ được.

Người ta thường nói: «xét văn chương có thể biết được dân-tộc». Điều đó, có lẽ cứ xét riêng về cái quan-niệm dùng chữ (conception des mots) cũng đủ chứng nghiệm được một phần. Một dân-tộc dùng chữ một cách lờ-mờ tối-tăm quả nhiên tối tăm, quả nhiên tối-tăm lờ-mờ thật! Óc của dân-chúng đại-đa-số mập-mờ, ý-tưởng trừu-tượng một chút là khó hiểu cho đến nơi, mà có hiểu cũng khó đạt ra cho rõ-ràng được.

Dân-tộc ta chính đang là một dân-tộc đó. Cho đến khi nào, mỗi tiếng không coi là một chữ, trong óc dân-chúng, nghĩa tiếng ăn chẳng hạn, không vừa là cái ăn, sự ăn, thức ăn, v. v..., nghĩa là có cái quan-niệm về từng nghĩa tiếng *ăn* cho rành mạch, cho đến ngày ấy, óc dân ta còn phải lung-tung, rối-rít, mập-mờ, mà tiếng Việt-Nam ta còn phải ở vào cái địa-vị thấp-kém vậy.

Muốn chữa cái óc mập-mờ ấy, về phần cá-nhân, cố-nhiên là phải ra công hàm-súc, nhưng về phần dân-chúng, tất phải có một quyển tự-điển giải-thích từng chữ một cho vừa kỹ-càng vừa rành mạch, để giúp sự học quốc văn.

Về phần kỹ càng thì quyển Việt-Nam tự-điển của hội Khai-Trí có thừa, ta nên rất hoan-nghênh. Sau này, quyển đó chắc cũng cấp cho ta rất nhiều tài-liệu.

Nhưng về phần rành-mạch thì quyển đó thiếu hẳn. Ví dụ một người ngoại-quốc mới học tiếng ta, chưa biết nghĩa chữ *ăn*, mà tra đến, tất người đó không hiểu được nghĩa của nó thế nào. Óc người đó có phân-minh khúc-triết đến đâu, trông tới mười ba (!) nghĩa chữ ăn, giảng và thí-dụ trong ngót bốn trang giấy rộng, cũng đến phải rối-rít mập-mờ như óc phần nhiều người Việt-Nam ta vậy.

Kính thư

Nguyễn-cát-Ngạc

Nạn hàng ngày

Ủa! cái gì chứ nạn hàng ngày thì ở nước ta cũng có vô-số, bà tất cứ phải nói mãi chuyện bên Tây. Nhưng ở bên Tây có nhiều cái chuyện lạ lắm kia, một tờ báo Anh mới làm một bản thống-kê các tai nạn lạ-lùng không ai có thể ngờ có được xảy ra trong một năm 1931.

Như ở Bá-linh một chàng « ăn sương» bị người ta đuổi, nhảy phắt lên mái nhà chạy trốn. Chẳng may cu-cậu dẫm phải một cái cửa kính xây trên nóc (fenêtre à tabatière), kính vỡ, cu-cậu tụt hẳn người xuống cái kho «súc-sích» của một hàng thịt. Đừng ai mừng cho hắn vội. Hắn vừa ngã xuống, mắc ngay cổ vào mấy vòng súc-sích ặc-ặc chết liền.

Câu chuyện ấy đã lạ, nhưng còn có chuyện lạ hơn nữa.

Không biết điên hay gàn, hay là quá ngông, một chàng trẻ tuổi thành Vát-sô-vi nhận cuộc uống một cốc nước săng — nước săng đốt máy ô-tô ấy. — Uống xong, mồm hôi quá, chàng bèn lấy một điếu thuốc lá hút cho... đỡ hôi. Đầu que diêm vừa đưa đến gần môi thì.... Pùng! một tiếng nổ cực to, anh chàng dại-dột kia tan ra từng mảnh. Tội nghiệp!

Còn nhiều chuyện lạ-lùng nữa. Chúng tôi chỉ ao-ước được biết tờ báo ấy lấy ở đâu những tin-tức có thể gọi được là « thú-vị » như kia...

DƯỚI NGỌN BÚT CỦA CỔ-NHÂN

PHỤ-NỮ' LA-MÃ

(Tiếp theo)

Các cách tự-do phóng túng của người đàn-bà La-Mã đã gây nên một cái «dịch», một cái dịch mà chị em Âu-Mỹ đang nếm bên cạnh dân «mũi tẹt da vàng» : dịch «ly-dị» !

Trong khoảng mấy thế-kỷ trước cơn bại-tục, cái quan-niệm của cá-nhân đối với gia-đình rất xâu xa, nên không hay sẩy ra nhiều việc ly-dị. Đối với pháp-luật, cái quyền bỏ vợ, bỏ chồng không có dính dáng gì đến. Muốn bỏ vợ, phải nhờ đến quyền người trong-họ. Trước hết, họ tổ-chức một tòa án trong gia-đình, trong số «quan tòa» ta thấy có bố mẹ của «phu-nhân», bố mẹ của «phu-quân», tất cả thân-thích hai bên. Theo những lẽ như sau này, thì người đàn ông mới có quyền «bỏ vợ : đầu độc, dâm-đãng, hoang-thai, ... và ... và chìa khóa giả.

Thế-kỷ thứ III, một lẽ nữa nới quyền «bỏ vợ» : không sinh đẻ được, một khoản «bất công» trong hình-luật cổ La-Mã.

Rồi từ đó giở đi : tự-do kết-hôn ! tự-do ly-dị !

«Các cụ» thật «ngông» hơn chị em Âu-Mỹ ngày nay nhiều. Chính-trị, kinh-tế... cho đến mọi cách ngông cuồng thắt vào cởi ra, rồi lại thắt vào đoạn giây tơ mỏng mảnh. Rồi văn-minh quá, ham «của lạ», «các cụ» cũng chẳng nể nhau bỏ phứa cả vợ lẫn chồng.

Nói ngay đến chuyện nhà hiền-triết (!) Cicéron. Cụ Cicéron cũng thế. Trong lúc xa vợ, xa con, nhớ «mẹ đĩ nó» (Térentia) thì cụ viết thơ về nào tôi thương mình, tôi nhớ mình . . . tôi không sao nén được «ngọn trào lòng» vì mình, con Tullia, cái «sú vơ nia» của chúng mình, nó vẫn khỏe đấy chứ... Rồi đến lúc cụ về nhà cụ cũng bỏ phứa cả cụ bà (vì cụ ba tieuhoang quả), cụ bỏ phứa «mẹ đĩ nó», cụ... cụ lấy... lấy cô con gái cụ đỡ đầu (pupille) vì cô này có của hồi-môn «tiêu được». Một năm sau, lúc bấy giờ cụ đã «sáu chục cái xuân xanh», cụ lại bỏ «mợ hai nó» vì mợ hai không tỏ ý thương tiếc con cụ, cô Tullia chẳng may thiệt phận. Mà cả « mợ hai nó » nữa, «xoàng» thôi ! mới độ ba đời chồng : một lần chồng chết, hai lần chồng bỏ...

Ly-di đã là một việc rất thường, một việc có thể biết trước được trong thời-kỳ bai-tục. «Ly-dị là một trái quả thường thường mọc ra ở cành chồng vợ» (le fructus matrimonii — Tertullien). Nhà văn-hào Sénèque đã phải-kêu : người đàn bà đồng thời với ông «bước khỏi việc hôn-nhân để rồi lại trở vào, trở vào rồi lại trở ra», họ «tính năm tính tháng không cần gì đến tên các nhà chính-khách đương-thời mà tính bằng tên các đức ông chồng họ đã trải qua» (non consulun numéro, sed maritorum annos suos compoutant). Một tấm mộ-chí còn lai có ghi tên một «bà vợ đứng hàng thứ bẩy». Nhà văn Martial cũng kể truyện cô Thelesina lấy hơn mười ông chồng. Matial phải kêu to rằng : «đến một ả giăng-há cũng không đến nỗi thế !» (Quae nubit toties, non nubit ; adultera lege est — Epigr). Câu nói đó không quá đáng, nếu ta xét đến các án «ngoại-tình» thường sẩy ra hàng ngày.

Trong cuốn Se tranquill animi của Plutarque (nhà chép sử-ký và luân-lý nước Hi-Lạp), tác-giả có nhận được một việc thương-luân thường sẩy ra : nhiều bà lại «quá yêu» anh kép hát. Sénèque cũng nhận có thế. Sau này, Tertulien cũng nhận có thế (cuốn se Spetac). Lắm anh kép lại được ba hoàng, bà chúa thương đến. kép Mnester, nhân-tình bà hoàng Messaline ; chàng Paris — không phải là Paris ở trận-địa thành Troie — Người yêu của Domitia ; hoàng-đế Marc Aurèle (phái stoïciens !) biết nhắm mắt bỏ ngơ những cái sở-thích na ná như thế (yêu anh kép hát !) của hoàng-hậu Faustina... Còn nữa !

Lại còn một cái «gu» nữa. Cái sở-thích này cũng thú-vị, các bà còn yêu những kẻ tù-nhân hay nô-lệ được vào tỉ-thí trong lôi-đài (cirque) mà dân La-Mã gọi là «gladiator» (gladiateur). Chàng Caladus người xứ Thrace có tên khắc trong một tư-gia ở thành Pompéi (cái nhà đã đào thấy trong năm 1889). Anh Cressens, múa lưỡi và đoản-đao (rétiaire) được thiên-hạ cho cái tên «chủ-nhân-ông các cô gái còn non» (puparum)

Những câu truyện trích ra đây, chân-lý thì chưa biết thế nào, chứ còn về phần thực-trạng (réalité) thì đã có nhiều. Vì con mắt với cán bút của các nhà «ký-giả như Sénèque với Tacite không phải là vừa.

Trước khi ngừng cán bút về vấn-đề «phụ-nữ La-Mã đối với gia-đình», tôi xin trích trong cuốn Germanie của Tacite một đoạn nói về đàn-bà Nhật-nhĩ-man (germaine). Ta nên để ý đến chỗ dụng-ý của Tacite trong khi viết đoạn này : Tacite lấy nước Germanie ra để khen ngợi phụ-nữ Germanie vì nước Germanie là cừu-địch của dân Cổ-La-Mã.

«Phụ-nữ (phụ-nữ' Germanie) sống ở trong một mảnh giáp che kín một phiến thanh-tâm. Ca xướng, rượu trè, nhữ'ng cách làm cho người trụy-liệt, họ đều-ngăn giữ' được. «Thơ-tín riêng» thì đàn ông cũng không biết đến huống chi là đàn-bà. Trong một nước nhân-dân đông-đúc như thế mà không sẩy ra nhiều việc tà-dâm ; nếu có, hình-phạt theo liền, người chồng có quyền - hành đến hình-phạt đó. Sau khi đã cạo gáy (cái tục này giống cái tục «cạo gáy bôi vôi» của nước ta vài năm gần đây) lột phăng cả quần-áo con dâm phu, người chồng lấy roi đuổi ra khỏi cửa, bêu qua lang xóm, trước mặt họ

hàng thân-thích. Người đàn bà có biết hổ-thẹn, cũng không sao tha thứ được. Rồi dù người đó nghiêng nước nghiêng thành đến đâu, tiền nghìn bạc vạn đến đâu, cũng không còn ai dám «rước về» nữa. Vì nhân-dân nước đó không ai «cười cợt» với đồi-phong bại-tục; làm hại người hay để người làm hại mình không phải là «phong-trào của thế kỷ»... Người con gái chỉ lấy một người chồng, vì họ chỉ có một thân người và một đời người; ý-tưởng, tưởng-vọng của họ không đến chỗ cực-đoan, đến chỗ phá-hoại; họ chỉ trọng «tinh-thần hôn-lễ» chứ họ không đắm mê chồng họ (?)».

* * *

C— *Người đàn-bà La-Mã ngoài xã-hội.* — Đối với gia-đình, các bà materfamilias, dominas, chỉ là hạng «sống thừa» thì đối với xã-hội, người đàn-bà La-Mã cũng là phường «múa rối».

Trước hết, ta hãy xem cái «phim ảnh» của Juvénal chớp một bà «la liếm», chưa kịp ngồi đã «đặt miệng» (nouvelliste). Bà đàng-hoàng lắm, chẳng có chút chi ngượng nghịu. Ta thấy bà «đứng nói truyện trước mặt chồng bà với các sĩ-quan mặc triều-phục (palu damentum), mắt nhìn thẳng và không hề có một giọt mồ hôi nào trong người.» Ta nghe bà kể truyện năm châu bốn biển, truyện nước Thrace, đến nước Sères (các nước ở phía Bắc-Ấn-Độ — cả nước Trung-Hoa nữa). Bà biết ngày nào có sao chổi, trận lụt năm nào, mà đất Arménie đã gặp. Rồi đến việc «nội-vụ» của mọi người: bà này «bắt chim» ông này, ông kia «phe lờ» bà kia — «trong gia-đình, trong chốn phòng kín người ta, có truyện gì là bà kể ra vanh vách, kể cả nguyên-nhân đến hậu-quả, năm, tháng, ngày, giờ...» (Bicet quis viduam praegnatam fecerit et quo Mense qui bus verbis concumbat quacque modis quot).

Về phương-diện chính-trị, các bà không hề mó tay đến. Các bà không mó tay đến, mà chính-trị vẫn ở trong tay các bà.

Các bà không cần giữ ghế quan tòa, hay làm quan nghị, các bà không cần lấy quyền bảo-cử. Mà các bà có muốn lấy cũng không được, vì dưới mắt dân La-Mã có biết cầm binh mới cầm được nước — các bà không phải là «lính lẩy» thì các bà không được tham-dự quyền-chính. Khi các bà lật tung bánh xe chính-trị là khi các bà «ỏn ẻn» dưới gối quan ông.

Tiếng oanh thỏ thẻ làm siêu đức ông-chồng, siêu anh-hùng, siêu cả chính-giới. Các bà đó, người La-Mã gọi là Egéries (tên một vị nữ-thần được vua Numa tin dấu), sang đến «ố nàm» ta gọi là Đắc-kỷ.

Chính-giới các bà không dự, đến các nghệ khác các bà cũng không tường. Nghề làm thuốc, theo Sénèque, thì dân La-Mã để cho bọn người Hi-Lạp, người Đông-Phương, bọn nô-lệ được phóng-xá làm. Còn nghề luật-sư, các bà không được mó đến, một là vì các bà «Đắc-kỷ» quá, hai là vì các bà không được dự vào chính-pháp (cursus honorum).

Vậy ta thử hỏi: các bà đó tìm chỗ bình-quyền, chỗ bình-đẳng tự-do ở chỗ nào?

Các bà chẳng phải tìm «vấn-đề giải-phóng phụ-nữ» bên tai nhà chính-khách, lấy sắc, lấy tài (tài đây là tiền) ra đè bẹp cả nghị-viên lẫn nghị-trường, hay sao?

Cứ xem một đoạn trong cuốn Satires của Juvénal tôi đem trích dưới đây ta cũng đủ rõ «chính-quyền» của các «thị mẹt».

«Không có một điều kiện nào mà không có người đàn bà dính dáng vào. Nếu ả Manilia không bị tòa đòi hỏi, thì ả đòi hỏi tòa. Các bà làm lấy đơn kiện, tự nhận làm cái «đốt-si-ê», lăm lăm đọc thiên nghị-luận trước mặt quan tòa Celse (P. Juventins celsas, jurisconsulte ở dưới thời họ nhà domitiens)».

Kết luận. — Hai đoạn trên kia là một bài tôi cố chắp nối những «mảnh» văn còn lại «dưới ngọn bút của cổ-nhân». Những điều thực-trạng đó đã sẩy ra trong khoảng văn-minh La-Mã đồi-bại. Tôi cố hết sức bỏ cả những áng văn ghi chép nhiều truyện hoang-đường, mà tôi chỉ xin hiến độc-giả mấy câu truyện kể lại tìm thấy trong đài văn «bất-diệt» của Caton, Tite-Live, Tacite, Tertullien, Columelle, Martial, Plutarque và nhất là của Juvénal. Những nhà văn-hào đó không phải là những tên tiểu-tốt vô-danh (!), toàn là nhà văn đáng kính đáng phục cả vì các cụ «ưa nói theo sự thực».

Vậy mấy đoạn trên là một bài lược-khảo chắp nối trong đám nhà hoang còn lại.

Còn từ đây trở đi, tôi xin phép bầy chút cảm-tưởng sau khi đã kể lại những trạng-thái xấu-xa sẩy ra trong thời-kỳ trụy-lạc của văn-minh La-Mã.

Thời-kỳ trụy-lạc, nếu bàn cho sát, chỉ quanh đi quẩn lại có cái nguyên-nhân «văn minh hiểu nhầm». Tinh-thần của người đàn-bà La-Mã không thể sao trụy-lạc trong một lúc được. Phải trải qua mấy thế-kỷ, trải qua một công-cuộc âm-thầm ngấm ngầm từ ngọn thổi đến cuối, thì ta mới rõ rệt được thế nào là trụy-lạc, thế nào là «văn-minh hiểu nhầm». Than ôi! trong khi nước lũ đục bờ đê, có ai để ý, chỉ có khi nước đến chân mới chép miệng than dài.

Kẻ hiền-giả trông trước được ngọn sóng trào sắp tới. Song một lời nói ra giữa quãng đời tăm tối u mê chỉ là một tiếng quạ kêu xương có ai để ý đến đâu.

Rồi «thế-sự sẩy ra», mới than, mới thở, kịp làm sao cho được? Juvénal than thở, Caton than thở, Martial than thở... các nhà văn-hào đó nào có khác gì mấy ông tướng cầm quân trông trước cái cơ bại-trận. Trông thấy cơn gió lốc phá tan tành cõi đất văn-minh «lá mặt», trông thấy cuộc «tang-thương sắp thay mầu bạch-diện» mà vẫn cầm bút cố chống cố đỡ bức tường đổ như thế há chẳng là một tấm gương về tính nhẫn-nhục của cổ-nhân?

Văn-minh! La-Mã gặp thời «lên như diều» song La-Mã chỉ thích tìm chỗ «lắm tiền nhiều bạc», La-Mã chỉ biết có nước Hi-Lạp và các nước ở phương Đông giầu-mạnh. La-Mã mở mang bờ cõi...

«Nước mà mạnh, dân cũng

giầu » (Montesquieu). Dân La-Mã được thỏa thuê xuống ngựa lên xe, người đàn ông La-Mã ham tinh-thần thượng-võ, ham hư-danh, ham vật-chất thì bọn đàn-bà có chịu kém thua ai ?

Lại thêm nước nóng tức hơi, bật tung ra biết bao nhiêu nỗi tàn-khốc. Phụ-nữ La-Mã có bị trụy-lạc thì cũng vì cổ-nhân quá thắt chặt quyền-hành người đàn-bà.

Theo như lời Caton (237-142 trước T. C. giáng-sinh) vào trong thời-kỳ « phong gấm rủ là », vào thời-kỳ trước khi văn-minh La-Mã trụy lạc, cổ-nhân đã thắt chặt người đàn-bà (điều luật Orchia năm 181 — điều luật Fannia năm 161, điều luật Didia năm 143).

Rồi sau Caton, lại còn hằng hà sa số các điều-luật khác quá nghiêm (năm 115, luật Emilia ; năm 113, luật Licinia ; năm 81, luật Cornelia ; năm 71, luật Antia ; năm 46, luật Julia).

Cũng vì thắt chặt người đàn bà, nên bốn phương thăm thẳm tối tăm, người đàn bà còn biết tìm lối nào chính-đáng mà bước vào.

Anh mù thường hay chạm phải cột đèn, phụ-nữ La-Mã, tầm mất không buông được xa, lại gặp lúc văn-minh vật-chất còn thịnh, sao tránh khỏi nỗi « đâm quàng đâm xiên ».

Tưởng Juvénal, Cicéron, Martial... chớ vội trách phụ-nữ La-Mã trụy-lạc.

Phụ-nữ La-Mã cũng chẳng qua những hạt cát bụi cuồn cuộn theo cơn gió lốc, đến khi gió lốc tan ở trên đống bùn thì hạt cát bụi vẫn hoàn hạt cát bụi.

Dưới bóng mặt trời, chỉ khổ những người biết nghĩ.

Thu-tùng

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi

Nguyễn-khắc-Hiếu

LƯ'-THOA TỰ' THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư.thoa, tự ông viết ra.

« Les confessions de J.J. Rousseau »

13

Khi nào tôi trở về nhà thăm cha tôi, cha tôi không nhận được cái đứa con mà cha tôi yêu-dấu thủa xưa nữa, tôi đã đổi khác hẳn rồi; đối với các vị phu-nhân, tôi cũng không phải cậu Lư-Thoa đa tình như thủa trước, mà đối với ông *Lâm Bác-sĩ* và cô *Lâm-Thị*, hẳn ông thày và cô bảo-mẫu của tôi cũng không nhận được đứa học-trò cũ như tôi nữa, tự tôi tôi cũng rõ thế, biết rõ đến nỗi từ đó tôi không dám nhìn thấy mặt cụ giáo và cô *Lâm*. Ngày trước, vui chơi những cách chơi đáng yêu, mà bây giờ thì hóa ra những sự mình ưa đều là những cái đê-tiện đệ nhất, những cách chơi thì thật hèn-hạ khốn-nạn, bao nhiêu những cái trước mình vẫn thích, bây giờ quên hết. Có dễ giáo-dục tôi tuy một mực ngay thẳng, nhưng trong lòng vẫn sẵn có cái dục-vọng dễ đưa mình vào cảnh đê-hạ; vì tôi hóa ra người hèn một cách mau chóng quá, không thấy khó chịu gì, tự xưa đến nay chưa thấy một tính-cách đế-vương nào bỗng đổi ra tính cách đạo-tặc nhanh đến như thế.

Nghề tôi học thì tự trong nghề không đến nữa tôi không ưa: nguyên tôi vẫn rất thích vẽ; tay cầm cái mũi giao nhọn của nhà thợ khắc lại cũng lấy làm vui-vui đôi chút. Cái tài chữa đồng hồ của bác thợ khắc ấy cũng rất là hữu-hạn cho nên tôi có cái hy-vọng sẽ được hoàn-toàn ngang sức với thầy dạy tôi trong nghề ấy — Có nhẽ hy-vọng ấy không vì tính cục-cằn của người thợ dạy tôi và vì sự túng-bấn khốn quẫn quá, thì tôi cũng có thể đạt tới. — Tôi thường trận bớt ít thì giờ làm việc cho chủ, mà dùng vào những việc cũng tương-tự việc trong nghề nhưng đối với tôi những việc làm riêng ấy nó có cái khí-vị tự-do đáng yêu. Tôi khắc những cái như là cái mề-đay, để rồi tôi cùng với chúng bạn đem chơi làm huy-hiệu võ-sĩ — Chủ tôi bắt được tôi làm cái việc ấp-lâu ấy, liền đem tôi ra đánh như đập nong, bảo rằng tôi manh-tâm luyện tập cách làm bạc-giả bởi vì trên những cái mề đay đó tôi có khắc dấu Dân-Quốc. Thật quả tôi thề rằng nào tôi có nghĩ đến bạc giả làm gì đâu có hiểu bạc giả là thế nào đến nỗi bạc thật là thế nào tôi cũng chẳng hiểu rõ.

Cách đúc đồng tiền của người La-Mã đời cổ, tôi còn biết rõ hơn là cách đúc xu-hào tôi vẫn thường tiêu.

Cái tính hà-khắc của chủ tôi, về sau làm cho tôi không chịu nổi việc làm; giá cứ được vên-thân thì tôi có thể yên việc đó; lại nhiều nết xấu-xa, giá cứ tư-tôi thì tôi ghét, như là nói dối, làm biếng, ăn cắp ăn trộm-mà chỉ vì cái tính hà-khắc kia sui cho tôi có các nết xấu ấy. nhớ lại những sự thay đổi trong tính-tình tôi lúc bấy giờ, tôi mới biết sự hiếu-thuận của người con với sự phục-tùng của một kẻ nô-lệ khác nhau xa biết là thế nào! Giời bẩm sinh ra dút dát và cả-then, xưa nay tôi không ghét cái thói xấu nào bằng cái tính liều-lĩnh, tuy vậy, tôi vẫn được hưởng cái tự-do chính-đáng, rồi cái tự-do ấy cứ dần dần rút lại, đến sau cùng thành ra tiêu-tán đi mất cả. Ở nhà với cha tôi, tôi là một đứa trẻ táo-bạo; đến nhà Lâm Bác-sĩ, tôi vẫn còn được tự-do; đến lúc ở với chủ tôi, tôi đã thành một người biết giữ gìn cẩn-trọng; bây giờ ở nhà ông thày tôi, tôi hóa ra sợ-hãi thế là tôi là một người bỏ đi.

(Còn nữa)

THUỐC NAM CHỮA NGƯỜI NAM

Tờ Y-Học tuần-báo phải ra đời trước khi Nam-phương Y-Học-hội thành-lập

Ông Phạm-Chương biểu đồng-tình cùng tôi về vấn đề Chấn-Hưng thuốc Nam; xem ý-tứ ông bầy tỏ, cũng đủ biết ông có lòng sốt-sắng lắm. Ông cũng mong có nhiều người hưởng ứng để cho tróng thực-hành công-việc ích-lợi ấy. Ông có bàn thêm «Nên phải lập một Hội buôn thuốc Bắc thuốc Nam tạm gọi là Nam-phương Y-học hội» trước đã rồi sau hãy mở y-Học tuần báo, thời công việc mới chu-đáo và nhanh chóng được. Lời ông bàn rất phải. Lập được hội như ý ông dự định, thì còn gì hay bằng. Nhưng than ôi! Nói bàn thì dễ, nhưng thực-hành lại khó thay! Khó là vì mấy lẽ tôi thiết nghĩ như sau này:

1. — Hội buôn từ trước đến giờ lập ra đã nhiều, mục-đích hội nào cũng rõ-ràng hay tốt, điều-lệ rất chặt-chẽ; cứ điều-lệ ấy, mục-đích ấy mà có người đứng-đắn sành-sỏi cai-quản thi-hành, thì thương-giới ta bây giờ chẳng đã lừng-lẫy phát-đạt lắm sao! Nhưng nào có được thế. Thử tính xem có hội nào đứng được. Phần nhiều chết rồi, tan rồi, có còn đôi ba hội, xem ra cũng không lấy gì làm phát-đạt. Nhiều người hằng-tâm hằng-sản thấy thế mà chán; nhiều người mong nhờ hội lại vì hội mà mất cơ mất nghiệp Công-cuộc thua-lỗ còn đó, quản-lý tù-tội còn đó, Ai nghe tiếng Hội cũng như nghe thấy ma thấy quỷ mà khiếp-sợ, thời bảo rủ hội có dễ đâu. Lúc buôn bán dễ-dãi. kiếm đồng tiền không khó mà sự lập hội còn khó như thế. huống lại lúc này đang bị kinh-kế khủng-hoảng lo công-việc nhà còn chưa xong, nào ai sốt-sắng đến việc hội. Hội buôn có lời ngay trước mắt, còn khó lập được, nữa là một hội như hội ta dự định đây mục-đích cao xa to lát mười, năm may ra mới có lời, thời ai còn tưởng tới.

2. — Hội buôn bán thuốc Nam thuốc Bắc muốn cho đủ thế-lực tiến-hành vững-vàng, thời vốn vài ba vạn đồng không đủ, ít ra phải mươi vạn đồng. Ôi! Hội mười vạn bây giờ lập sao nổi. Đến hai vạn còn khó thay. Ai sẵn tiền bỏ đó mà không mong có lời? Hoặc giả cũng có người hào-hiệp, nhưng tôi thiết tưởng cũng ít lắm.

3. — Hội lập có tính-cách buôn-bán, thời các ông tại-chức các toà các sở, không thể cùng ta vào hội, mà giúp hội được. Thứ nhất các ngài ở bên y-giới, hội ta lại cần có các ngài giúp cho mới có kết quả hay.

Cũng vì ba lẽ trên này mà chúng tôi không dám bàn đến sự lập hội vội; ý chúng tôi chỉ muốn trước làm nhỏ, dần làm to. May ra mới có cơ-sở vững-vàng được. Sức có thể làm đến đâu, thực-hành đến đấy. Việc dẫu to lớn, ta đừng nghĩ sự to-lớn mà nản lòng thối-chí, ta chỉ nên nghĩ việc đáng làm, ta cứ làm, làm được đến đâu hay đến đó Nếu bất-đắc-dĩ mà ta phải bỏ giở, nhưng việc ta làm là phải là hay, thế nào cũng có kẻ sau gia công kế tiếp, rồi năm mười năm chắc cũng thành công.

Lúc đầu làm việc gì cũng khó, nhưng cứ kiên-chí theo đuổi mục-đích cho có quy-củ thứ-tự, thì sau thế nào cũng có kết-quả hay.

Bây giờ chúng tôi thiết nghĩ: chỉ cần trong ba kỳ, mỗi kỳ có lấy năm mười ông có tài có lực, có chí sốt-sắng cùng nhau, lập lấy một ban kê-cứu thuốc Nam. Công-việc của ban ấy có 5 việc kể ra sau này:

1.— Kê-cứu các cây thuốc nam thông-dụng trong sứ.

2.— Vẽ mỗi cây có đủ hình-sắc rõ ràng.

3.— Mỗi cây phải cần tìm cho rõ những tên thông-dụng.

4.— Mỗi cây chuyên-trị mấy chứng.

5.— Cóp nhặt các món gia-truyền, chia ra từng loại.

Trong một vài năm công-việc sưu-tập đã tạm xong, ba ban của 3 kỳ sẽ xin phép lập hẳn một bàn chung 3 kỳ, đem các công-việc của từng ban đối-chiếu cùng nhau, rồi châm-chước, tham-bổ làm thành một quyển «Bản-thảo tinh-vi», cũng như quyển tư-vi, về khoa Nam-dược và một quyển «Nam-dược kinh nghiệm».

Hai quyển này làm xong đem in rồi bán một giá phải chăng. Ta lấy lời của hai quyển này mà lập ra một tờ Y-học tuần-báo.

Lúc bấy giờ ban kê-cứu thuốc nam của cả 3 kỳ đã thành-lập, gom góp ít nhiều tiền, mà lập được y-học tuần báo, thời công-việc của ban kê-cứu tiến-hành càng mạnh.

Đến lúc nhiều người công-nhận việc của ban kê-cứu thuốc nam là thật có bổ-ích, mà dùng thuốc nam cũng hiệu-nghiệm như thuốc Tầu, thuốc Nhật, thời có kêu hùn cổ-phần lập hội cũng dễ.

Nhiều người ưa dùng thuốc Nam, thuốc Nam bán chạy. Lúc bấy giờ mới có nhiều người lưu-ý đến việc gây trồng thuốc Nam; có nhiều người đi rừng rú kiếm thuốc Nam.

Thuốc Nam mà thông-dụng được, phần nhiều nhờ ở hai quyển sách nói trên, vậy xin các ngài hãy để việc xa-xôi, mà lưu-tâm làm sao cho tróng có hai quyển sách ấy đã. Cũng như người Tầu muốn bán thuốc Bắc cho chạy, cho nhiều người dùng, thời họ phải đem sang bán cho ta nhiều sách thuốc nhiều sách bản-thảo.

Chú Thạch-Sùng Hoa-Kỳ quyết đóng cửa

Nhật-Bản đã «bắt nạt» Trung-Quốc, lại mang thêm cái cuồng-tưởng «đè bẹp» cả Hoa-Kỳ, bởi vậy ở Hoa-Kỳ bỗng thấy nổi lên một phong-trào Quốc-gia quá-khích. Chủ-nghĩa Quốc-gia đại-khái có mấy điều chính:

1° Một mực phản-kháng sự tha nợ hay ra hạn nợ cho ngoại-quốc;

2° Phải luyện thủy-quân cho mạnh, vì nếu chỉ tin miệng ở lưỡi các tay ngoại-giao thật là dại-dột vô chừng;

3° Quyết đứng ra ngoài hội Quốc-Liên và tránh xa hết các hội có chút nhiều ít tương-tự với hội ấy;

4° Đồng lòng phản-đối sự cho di-dân, thực-hành chính-sách «khóa chặt cửa ngõ»;

5° Nếu tình-hình kinh-tế hoàn-cầu không thay đổi, thì thuế thương-chánh quyết không dảm-bớt chút nào;

6° Không «chơi» với Hội-đồng Hoà-giải ở La Haye.

Phong-trào quá-khích ấy bồng-bột rất mau tróng, mới trong vòng bảy tám tuần-lễ đã tràn-lan ra khắp toàn-quốc, gần hết nhân dân nước Mỹ đều hăng-hái phản-kháng chủ-nghĩa Quốc-tế của ông Wilson đã đề-xướng ngày xưa.

Ở một nước mà mọi việc đều thuộc về thế-lực của «người dân» tất các chính-khách không còn đợi gì mà chẳng bay theo chiều gió. Đến cả những tay cộng-hoà rất thành-tín với chủ-nghĩa Wilson, như ông Newton Baker và ông Franklyn Roosevelt, là hai tay đang vận-động ra tranh tổng-thống, trước đã hăng hái cổ-động cho hội Vạn-quốc — khi Hội còn được tiếng tốt — ngày nay cũng bị cuốn theo phong-trào. Các ông «từ-dã» chủ-nghĩa xưa một cách khéo-léo.

Ông Newton Baker, năm 1914, đem hết tài hùng-biện để tán-dương hội Quốc-liên, nhất là trong đoạn kết bài diễn-văn, ông lại xin hy-sinh cho Hội, nên được công-chúng thực lòng hoan-nghênh lắm.

Nào ngờ cách đây cũng không lâu, cũng vẫn dọng hùng-biện hôm xưa, ông tuyên-ngôn một cách điềm-nhiên: việc hội Quốc-liên sẽ không có ở trong chương-trình đảng Cộng-hoà năm 1932 nữa!

Đến ông Roosevelt lại đi xa hơn. Đầu tiên, ông phản-đối vấn-đề tha-nợ, rồi sau ông phản-đối nốt vấn-đề Quốc-liên, ông quên hẳn hồi tranh tổng-thống năm 1920, ông đã đi khắp đầu nước cuối nước để ca tụng cái phương-pháp mầu-nhiệm cái thế-lực to tát của hội ấy.

Tại sao thế? — Chỉ tại «*hội Quốc-Liên ngày nay không phải hội Quốc-Liên mà ông Woodrow Wilson đã định lập ra ngày xưa!*»

Câu nói đành là quá phải rồi: Ông Wilson ngày xưa, không muốn cho nước nào thôn-tính nước nào, nên hội Quốc-liên trong mộng-tưởng của ông là cái toà-án cấm các nước trên hoàn-cầu không được làm bậy, không được cậy khoẻ bắt nạt yếu, vậy mà hội Quốc-liên ngày nay thì... đấy! đối với việc Nhật bắt-nạt Tàu có «*dàn xếp*» được nổi đâu? Trước mắt chú Thạch-Sùng ngày nay, cái sự lấy nước dãi để dẹp súng-gươm thật là một sự vô-ý-thức đáng buồn cười.

Cho nên, đầu đuôi mới hai tháng giời, xu-hướng dân Hoa-Kỳ đã xoay hẳn về phương-diện khác. Ngày trước đi đâu cũng thấy nói việc tài-dảm binh-bị: «Đừng súng nữa, đừng khí-giới nữa! để tiền dùng việc khác có ích hơn!» Đến bây giờ, tiếng hò reo khác hẳn: «Thiết-giáp đâu? Tuần-dương đâu? Tiềm-thủy-đĩnh đâu?» Họ thỉnh-thoảng quay mắt «nguýt» Genève lại «đăm-đắm» nhìn sang Châu Á!.

***

Bên châu Á, kia đội quân Nhật đương tung ngọn cờ «mặt giời mọc» trên Thái-bình-dương mà cười đắc-chí: «Gần đả Trung-quốc, xa nện Hoa-kỳ!» Câu nói làm cho quốc-dân Hoa-kỳ hậm-hực. Chẳng mấy chốc, đã thấy một hội nổi lên hết-sức tán-dương ý-kiến nhà ngoại-giao Stimson, hăng-hái cổ-động việc «tẩy-chay» hàng-hóa Nhật. Chính-phủ Mỹ tuy không tán-thành phong-trào ấy, nhưng đã công-nhiên tuyên-bố sẽ không thừa-nhận các kết-quả chính-sách xâm-lược của Nhật ở Trung-quốc. Nhời tuyên-bố ấy, cũng đã đủ làm cho người Nhật hoảng-hồn bằng mấy sự kinh-tế tuyệt-giao rồi. Nhưng xét ra, sự đề chế hàng-hóa là một cái xu-hướng của quốc-dân, thì các chính-khách tất-nhiên cần phải lợi-dụng, cho nên cái xu-hướng ấy tất-nhiên sẽ có ảnh-hưởng lớn đến công-cuộc ngoại-giao của Hoa-kỳ sau này...

Mỹ vẫn chăm-chắm nhìn sang Á-châu, Mỹ lo cho cuộc Mỹ-Nhật đại-chiến. Bởi vậy, tuy họ muốn tránh sự can-qua mà vẫn phải ra oai cho Nhật sợ, họ bỏ hẳn 60 vạn mỹ-kim làm tiền binh-phí mà đưa một hạm-đội «có giá-trị» sang cửa bể Á-châu.

Tôi viết đến đây, lại lấy làm thẹn với những người mường, người mán. Họ tuy so với ta còn kém học-thức, nhưng đã có nhiều cái đặc-sắc, nói ngay việc thuốc, họ chỉ uống các thứ lá ở rừng của họ mà cũng khỏi bệnh, lại thêm khỏe-mạnh biết bao, nào ta có thấy họ uống thuốc Tầu thuốc Nhật đâu?

Luôn thể ta cũng nên kê-cứu cả thuốc mường thuốc mán. Công-việc này tất phải nhờ đến các quan Châu giúp cho mới thành.

Ôi! Thuốc Nam! Thuốc Nam! bao giờ cho có thành sách, thành môn, cho cũng có giá-trị như thuốc Tầu thuốc Nhật. Dân quê nghèo cực mong mỏi thay! Việc này cũng là việc phúc. Ấy ai hằng-tâm, ấy ai hằng-sản, xin ra tâm vo cho quả-phúc tróng tròn.

Nếu ai cũng cho là khó thì công-việc chấn-hưng thuốc Nam này biết bao giờ xong được.

Phó-đức-Thành

Mỹ, Nhật, hai nước gờm nhau trên bể Thái.

*
* * *

Đến việc nợ, việc này hồi tháng trước Quốc-hội họp ở Hoa-thịnh-đốn không bỏ một phút nào không lưu-tâm bàn-bạc. Thật cũng đã khôn khéo vô chừng ông Hoover mới có thể làm cho vấn-đề triển-trái được nghị-viện chuẩn-y — ta chớ nên quên sự ra hạn nợ ấy đã cứu Âu-châu và hoàn-cầu ra khỏi vòng súng đạn — Sự triển-trái sở-dĩ không bị bài-bác là vì ở trong bản phủ-án, ông Hoover có đoan rằng hết hạn này không còn có thể cho một hạn khác được nữa. Tuy vậy mà trong khi đầu phiếu cũng còn có hơn một trăm phiếu không biểu đồng tình.

Nhưng từ đấy ông Nguyên-lão nghị-viên Johnson, cừu-địch của ông Hoover, đã khám-phá được nhiều điều bí-mật nên đem tuyên-bố ra để hết sức công-kích ông về vấn-đề "nợ đọng" ở ngoại-quốc. Theo nhời ông Johnson, chỉ vì sự âm-mưu của các nhà ngân-hàng quốc-tế ở Nữu-ước, mà 15 nghìn triệu mỹ-kim bỏ nước Mỹ xuất dương, đổi lấy các vật bảo-đảm chẳng có chút giá-trị gì cả, thành ra hàng mấy trăm nghìn phường «ngốc» chỉ vì hám lợi mà gánh tiền đổ xuống vực sâu ! Biết dại, giờ họ mới cẩn-thận mà nhắm mắt theo chủ-nghĩa «tiền Mỹ phải ở Mỹ».

Cái nghề lúc cao-hứng sốt-sắng đến đâu, thì khi thất-ý lòng ghét giận cũng lên đến đấy; huống chi các ông chủ nợ này đã bị « chơi khăm » một cách đau đớn, thì từ nay cũng khó mà nạy được hòm các ông ra !

Về vấn-đề thuế thương-chánh đánh thật cao, rồi đây chắc cũng không thay đổi gì nữa. Hãy xem như bọn cộng-hòa ngày trước họ cực lực phản-đối các ngạch thuế thương-chánh, mà ngày nay, chiếm đa-số trong nghị-viện, lại chẳng dám hé môi nói đến một nửa lời.

Cả vấn-đề di-dân, họ cũng chẳng đả-động chi đến. Còn ai dại mà đương lúc này lại mở cửa cho dân Âu-châu vào. Mặc họ ! Họ lên Bắc-Cực hay xuống Nam-Cực, tùy ý ! Chứ chờ đến lúc Hoa-kỳ chúng tôi lại chịu làm cái nồi nấu gang cho các nước đổ lại, đúc thành một dân-tộc đua nhau nói giọng mũi, thì cũng còn sơi ! (Qu'ils n'aillent au Pôle Nord ou au Pôle Sud ! Il se passera longtemps avant que les Etats Unis se fassent à nouveau le creuset où toutes les nations se fondent pour n'en plus former qu'une seule, parlant tout entière avec un accent nasillard). Câu nói khôn đến mực !

*
* *

Chép đến đây, chợt nhận được tin Hoa-kỳ vừa mới chế ra hai thứ hơi độc, độc ghê độc gớm, hơi độc của Đức dùng trong hồi Âu-chiến không thể ví được một tý nào.

Một thứ là hơi Adamsit của ông bác-sĩ «quý-hóa» Adam chế, trong 30 triệu phần không-khí mà có lẫn một phần hơi độc ấy, người ta hít phải tức khắc về Thiên-đường.

Còn một thứ Lewisite của Lee Lewis chế lại độc hơn nhiều. Người ta tính rằng chỉ ném hai «quả trứng» đầy hơi này đủ «du ngủ» hết sạch dân chúng trong một thành-phố lớn như Ba-lê, Bá-linh, nghĩa là gấp 28 lần dân số tỉnh Hanoï.

Vậy mà Mỹ vẫn kêu Nhật... «bướng bỉnh» !

Đinh Huy-Hạo

Tin sau cùng.— Đảng Hitler được đại-thắng ở Nghị-viện Đức.

(Kỳ sau sẽ nói rõ)

Nay mai sẽ có một bộ tiểu-thuyết trường thiên, giấy ngót 500 trang, tả NHỮNG CẢNH KHỐN NẠN của khắp các hạng người trong xã-hội, cố tìm cái sung sướng ở chỗ DANH, LỢI, TÌNH mà soạn-giả lại là bạn NGUYỄN-CÔNG-HOAN !

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Vinh.— Hồ-sĩ-Lan và Dương-văn-Bảo quê Nghệ-an, trốn sang Tàu đã lâu, vào . . . . . .mới đây bị bắt giải về Hanoi, lấy khẩu cung xong lại vị điệu về nguyên-quán sáng hôm 16 Avril.

Hải-dương.—Một năm trước, hẳn ta còn nhớ, hai người bị bắt ở Thượng-hải : Đỗ-ngọc-Du và Nguyễn-hải-Bằng. Đỗ-ngọc-Du đã đem xử ở Hội-đồng Đề-hình kỳ trót, còn Nguyễn-hải-Bằng hôm 22 Avril mới ra đứng trước tòa Nam-án Hải-dương.

. . . — Tôi, Nguyễn-hải-Bằng, 28 tuổi, ở Đoàn-lâm, huyện Thanh-miện, Hải-dương.

— Anh là một người Hội-kín lợi hại xuất dương từ lâu, giữ việc giao-thông cho đảng ở ngoại-quốc ?

— Phải !

— Ai xui anh làm Hội-kín ?

— Tự ý tôi ! Còn phải ai sui nữa ?

— Đảng anh còn những ai ?

— Có mình tôi thôi. . .

Luận tội xong, tòa hỏi Bằng có khai thêm gì nữa không, Bằng đáp : không !

Quan chánh-án ... tuyên : «Nguyễn-hải-Bằng tức Sao-đỏ bị phát-lưu vô-kỳ-hạn !

Bằng đưa tay ra nhận xích rồi đứng giậy theo lính về đề-lao.

Anh

Tin Nguyễn-Ái-Quốc

Trong Lưỡng-Thế-giới tạp-chí kỳ gần đây, có một bài của ông Jean Dorsenne khảo-cứu về căn-nguyên các việc Hội-kín sảy ra ở Đông-dương. Nói đến việc Hội-kín ở Đông-dương, tất không thể không nói đến Nguyễn-Ái-Quốc.

Theo lời báo ấy thì Ái-Quốc mới bị tòa án Anh ở Hương-cảng kết án hai năm tù Ái-Quốc không phục xin chống án về Luân-đôn, nay vẫn nằm chờ tại nhà tù Hương-cảng. Hiện nay, Ái-quốc bị bệnh lao rất nặng có lẽ không sống được.

Phải, có chăng vì thế!

Haiphòng. — Sau khi sẩy ra vụ án-mạng ghê-gớm ở Cảng, người nói vì tình, kẻ bàn vì lợi, nhưng một số người vẫn không tin rằng vì tình vì lợi mà Đức đã giết Thu một cách tàn-ác thế kia.

Hôm 24 Avril, Mai-văn-Đức đã bị quan huyện Mỹ-Lộc bắt được ở số nhà 35 phố Định-Tân.

Khám trong mình Đức có bắt được một bức thư của Hội-Kín sai Đức đi giết Thu vì trước kia Thu giữ sổ-sách và tiền nong cho Hội đã tiêu hết tiền và dìm hết sổ-sách.

VĂN-ĐÀN

ĐÀM THUYẾT

Mối cảm tưởng về thơ ca của nước ta

IV

Theo như hai bài đàm-thuyết trên đây, số 37 và 38, phần gốc của thơ ca là *vận* và *âm*, quốc-văn ta đều đã có đặc-điểm hơn các chữ nước ngoài, cứ đó đủ chiếm có địa-vị ưu thắng. Huống chi ngoài hai cái đặc-điểm quang đại ấy, lại còn có một đôi phần khác, cũng có thể kể là đặc-điểm mà tranh hùng thi-giới trong năm châu, thời trước nhất xin nói như một chữ « *ai* » ở trong quốc-văn của ta vậy.

*
* *

Trong văn Pháp, tiếng xưng-hô chia làm ba ngôi vị, *1e*, *2e* và *3e personne*. Văn Hán, tùy không chia rõ như văn Pháp, song thực-tượng cũng như thế. Quốc-văn ta, phần giống nhau với văn Pháp và văn Hán, đại-đề cũng như thế. Riêng có một chữ « *ai,* » nghĩa gồm được ba ngôi vị, nói *ta*, nói *người*, nói *kẻ vắng mặt*; nếu tự người đặt câu mà khéo khiến, thời về phần người nghe tự nhận ra thấy phân-minh. Ví dụ như: trong bài hát «*An-nam tạp-chí lại ra đời*» ở Bờ-Hồ, số *11*, trong có mấy câu:

Năm Đinh-mão, khoảng đầu xuân, nhớ những ai ngày trước,
Người bao nơi mà thệ ước đã bao đông.
Ai, ai, ai, còn có nhớ ai không?
Phố hàng Lọng đội tiền-phong lên, lính cũ.»

Lại như khi tôi còn đương ở bảo Hữu-thanh, được nghe một người bạn lãng-mạn, năng đi lại trong xóm bình-khang, có đọc cho nghe một bài thơ bốn câu rằng:

— « *Thư này ai đố biết ai đưa!*
Ai nhắn thăm ai đỡ mệt chưa?
Chai rượu gửi ai, ai giữ hộ;
Ai chờ ai uống buổi giời mưa. »

Như những chữ «*ai*» trong mấy câu hát và bài thơ bốn câu đó, dẫu không trỏ rõ là thuộc về ngôi vị nào, mà tự người nghe coi có thể nhận rõ lắm. Văn Pháp và văn Hán, đâu có được thế.

Lại nghĩ như một bài thơ bốn câu của người bạn đọc cho tôi nghe đó, tuy là mấy câu thơ lãng-mạn, mà nhận ra thực có một chút đặc-sắc đáng yêu. Ba chữ vần đi với nhau, thật là đúng vần; chỗ đó còn là sự thường, chưa đáng kể nói. Trong mỗi câu có hai chữ «*ai*», cao thấp xâm-xi, linh-tinh rải-rắc, mà chữ nào khiến dùng nghĩa nào, nghe rất minh-bạch. Lời thơ chỉ như nói ra, không dùng sức điêu-luyện, mà tình-tự khẩn-chí, ý-thái phong-lưu, thực đáng kể là bốn câu thơ ít có. Bốn câu thơ ấy, nếu muốn dịch ra văn Pháp, văn Hán, liệu những tay đại Thi-hào cũng khó đã dịch nổi; mà có thể bảo là «không thể dịch được». Một chữ «*ai*» trong quốc-văn, nghĩ sự dùng về trong thơ ca, qui đến như thế!

*
* *

Quốc-văn ta, thường thấy có nhiều người cho là nghèo, ý là nói ít chữ. Như tôi, nghĩ về phương-diện thơ ca, thời sự nghèo đó có khi tức là giầu. Lấy toàn-thể mà nói, thời bảo là có ít chữ; lấy một chữ mà nói thời lại là có nhiều nghĩa. Sự nhiều nghĩa của một chữ, tức là sự giầu của chữ; mà là lợi cho phần thơ ca. Nay hãy xem quốc-văn ta với chữ Hán.

水 (*thủy*), ta học là *nước*.— nước (uống), nước (sông), nước (mưa), nước (non).

國 (*quốc*), ta học là *nước*. — nước (nhà).

著 (*trước*), ta học là *nước*.— nước (cờ).

Ở chữ Hán ba, mà ở chữ' ta chỉ có một. Một chữ' «*nước*», có gồm nghĩa của ba chữ 水(*thủy*), 國(*quốc*), 著 (*trước*) bên Hán-văn. Đó là sự *giầu nghĩa* của chữ', mà thơ ca cũng có nhờ đó mà thêm chút ý-vị hay. Ví như:

Mưa mưa mãi! ngày đêm rả-rích,
Giọt mưa thu gia khách đầy vơi.
Những ai mặt biển chân giời,
Nghe mưa ai có nhớ nhời nước non?

Đó là bốn câu cảm-hoài trong cảnh *mưa thu đất khách*. Nhân *mưa* mà nói đến *nước*, *nước* mà «*nhời nước non*,» ý-vị đầm-thấm xa-xôi, nếu đem dịch sang văn Tây, văn Tầu, thời một chữ' «*nước*» phải kém, mà toàn bài mất hay.

Lại như câu:

Bước xuống thuyền, chân rẫm gịp ba,
Trách cô hàng trứng ở ra hai lòng!

Thừa chữ' «*ba*», xuống chữ' «*hai*», đến chữ' «*lòng*», tuyệt hay. Văn nước khác đố có người dịch nổi!

Quốc-văn ta có nhữ'ng cái đặc-điểm có thể làm cho thơ ca được hay, có thể hay hơn thơ ca của nước ngoài mà không có chịu kém. Vậy mà cứ như thơ ca của nước ta từ nay giở về trước, theo sự-thực bình-luận thời như sao?

(*Sẽ tiếp*)

Nguyễn-khắc-Hiếu

THƠ TẬP-KIỀU

Thơ đưa bạn lên đường

Ngại-ngùng một bước, một xa nhau.
Trân-trọng đôi lời, mấy hạt châu.
Nhớ lúc cuộc cờ, khi chén rượu;
Tủi người lên ngựa; kẻ chia bào.
Bể dâu thấy những mà đau đớn!
Tri-kỷ cười rằng mấy trước sau.
Hai chữ trùng-phùng dù họa có,
Nghĩa dầy mong giả với tình sâu.

Ai-Liên (**Xuyên-Châu** *sao lục*)

Cảm tác

Một lối công-danh mấy dặm trường,
Bước đường thân-thế nghĩ thêm thương.
Thấp cao thấy những sông cùng núi,
Sau trước trông quanh mán lạ mường.
Mặt nước linh-đinh thuyền mấy lá,
Chân đèo lận-đận khách đôi phương.
Trăm năm tâm-sự cùng ai tỏ,
Lảng-bảng bên trời bóng tịch-dương.

Trần-văn-Thình

THƠ DỊCH

Gửi cho người quen

(*Nguyên văn chữ Hán*)

Kỷ vạn trùng sơn sổ thủ thi,
Khanh tâm ngã khế ngã khanh tri.
Trần duyên đoạn tục liên khanh ngộ,
Thế-lộ cùng thông tiếu ngã si.
Tái-bắc phong-thanh hồng khứ viễn,
Giang-nam sương tín nhạn lai trì.
Khuê-tình lữ-ý thùy khinh trọng,
Nhàn bả xuân-tiên ký sở tư.

Ái-liên

Dịch

Cách mấy muôn trùng, mấy vận thơ,
Lòng ta ta đã biết nhau thừa.
Duyên trần dứt nối thương ai lỡ,
Đường thế quanh-co giận tớ khờ!
Ải bắc cánh hồng theo gió cuốn,
Trời nam tin nhạn tựa trăng chờ.
Tình riêng đây đó cân đo thử?
Căn-vặn cùng nhau giấy một tờ.

Xuyên-châu *dịch*

Thơ vịnh cây gìu (cây ô)

Chẳng tớ thì ai cũng đội Trời.
Gan đồng gió sắt dễ đem phơi.
Nằm nhà vếch đốc chưng đầu vịt.
Khỏi cửa nghênh ngang bộ cánh giơi.
Nỡ nắng người sang khi xếp lọng,
Che mưa kẻ khó lúc không tơi.
Mặc ai người thế gìu thay đổi,
Một tấm lòng ngay trải khắp nơi.

Ai-Liên (**Xuyên-Châu** *sao lục*)

THƠ BỐN CÂU

Giã-tràng

Ngẫm-nghĩ thương cho cái giã-tràng,
Ra công bồi lấp bể mênh-mang.
Chiếc thân chẳng quản mưa cùng nắng,
Mà ngọn trào đòng nỡ phũ-phàng!

* * *

Phong-thi

Ngang trời chiếc nhạn bay qua,
Nhạn ơi! qua xuống cho ta nhắn cùng.
Nhắn ai nước Nhị non Nùng,
Ai còn ghi để tấm lòng nước non?

Nguyễn-văn-Úc

* * *

Lạy giời cho gió lên đèo,
Để em giữ vững tay chèo ra khơi.
Lóng em man-mác, anh ơi!
Mông-mênh giời nước, ai người đồng tâm.

* * *

Đêm khuya qua lối rừng xanh,
Nghe con vượn hót trên cành mà thương.
Thương cho cái bước đường trường,
Thương cho những kẻ anh-hường vẫn-vơ.

Mai-Thanh-Hồng

ĐIỆU CA HUẾ

Gởi cho người quen ở Huế

1

NAM AI

Đêm xuân ta bỗng, nhớ người, nói cười ngày nọ: khi chung tựa thuyền lan, bóng nguyệt sông Hương; càng thuộc nết càng thương, chén thề gá nghĩa oan-ương. Ai gây cuộc tang thương? nam bắc bỗng đường chia đường:
Thang-Châu cách trở, Hương-Bình, khiến mình hoài-vọng. Tương tư nặng vì ai, ai tỏ hay không? Láng-lai, láng-lai đôi tròng, chốn phòng không, vào đợi ra trông. Mướn tiu hồng, nhắn kẻ tình chung, biết ai thấu lòng? (thấu cho đặng mới là tri-kỷ).
Trông ngày lụn đêm thâu, biết bao giờ, giòng Hiệp về châu? Cho Ả-Chức Chàng-Ngưu, sông Ngân qua cầu?

II

NAM BẰNG

Bắt tay rồi lại chia tay, gẫm càng cây; nợ tình dăng-díu, nhiều chuyện lá lay. Xui mình gặp gỡ bấy chầy. Gặp bấy chầy, chưa bao lâu, loan với phụng chia bầy: gây sầu gây nhớ, gánh tương-tư chất ngàn muôn mớ, lắc lại thêm đầy; biết cho chưa, ơi người, cái nỗi nong nầy? Ai cho vàng ngọc không khuây. Niềm thương nhớ, nhớ thương đêm ngày.
Nực buồn cười cho ta, tình nặng đà phong chặt, lại bùng ra, lòng những yêu hoa, tuổi dầu tra, kiếp tu chưa già!

Xuyên-Châu

Tả bức vẽ chuyện câm

(*hai đôi giầy*)

Đăng ở số 28 An-Nam Tạp-Chí

Một công-tử Âu-trang rất lịch,
Mũ vơ-lua (velours) đội lệch trên đầu.
Rõ ràng nhẵn-nhụi mày râu,
Cổ-cồn ca-vát dưới hầu phất phơ,
Mặc bộ áo cu-lơ (couleur) ròng-rọc (rayure)
Đi đôi giầy mũi thục vuông vuông (carré)
Bên đường sẵn ghế để xuông,
Mỏi chân ngồi lại, đợi phường gió giăng.
Bỗng thiếu-nữ phăng phăng đi tới,
Rõ một cô mốt mới đương thì,
Máu tham công-tử nghĩ vì,
Miếng ngon dưa đến bỏ đi cũng hoài.
Liền đứng dậy theo người thiếu-nữ,
Người bước đi, kẻ cứ bước theo.
Ngỏ lời tán vượn tán hươu:
«Thưa cô hóng gió buổi chiều giạo chơi?
Đây sẵn có nhiều nơi thắng-cảnh.
Xin cùng đi ngâm vịnh thêm xinh,
Mong cô đoái đến chút-tình.
Cho cam lòng kẻ chí thành đợi trông,
Trên trần-thế ai không duyên nợ,
Chẳng tu-hành, sao nỡ phụ nhau?
Từ khi gặp ở trên tầu.

Dung-nhan cô để tôi đau lòng vàng,
May nay lại trên đường tái-ngộ,
Hẳn lòng trời phù-hộ chi đây!
Khoan khoan đâu vội? Cô này:
Nắng mưa đã dễ mấy ngày gặp nhau.»
Còn đương mải nông sâu tỏ rãi
Quãng đường đi đã ngoại hai cây (2k)
Song song vẫn bốn chiếc giầy,
Một giai, một gái, bên này, bên kia.
Cố theo mãi vừa đi vừa tán:
«Ở đời không có bạn buồn tênh.
Ái-nương sao quá vô tình?
Để tôi lẽ-đẽo cho đành ái-nương?»
Lòng thiếu-nữ cả thương cả nể,
Không thể nào mặc kệ cho đành.
Mỉm cười, nàng mới giu-giàng:
«Thiếp xin cảm tạ lòng chàng quá yêu.
Chỉ sợ thiếp trăm chiều vụng dại,
Không xứng đôi quân-tải mà thôi.»
Thoảng nghe, chàng tỉnh cả người!
Mặt nhìn, miệng lại thả lời bướm ong.
Hai đôi giầy song song nhường mến,
Trông số đường vừa đến ba năm. (15k)
Đoái nhìn trời đã tối sầm,
Hết lời mời bạn tri-âm vào hàng,
Gọi cốc kem, sai mang đĩa bánh,
Uốn lưỡi cong nói thánh nói thần.
Hữu tình chân lại giận chân,
Mặt lại nhìn mặt, lửa gần bén rơm.
Bể tình bỗng nổi cơn sóng gió,
Chiếc thuyền con thực khó yên toàn,
Phó cho gió dục sóng dồn,
Nổi, chìm, lành, vỡ, thôi còn biết chi.
Tay giắt tay cùng đi khách-sạn,
Quá lòng yêu như bạn trăm năm.
Màn buông, cô cậu cùng nằm,
Cùng nhau trò chuyện lầm-rầm ai hay.
Tình rôm lửa đêm này đã bén,
Cuộc mây mưa biết đến đâu cùng.
Hai đôi giầy để song song.
Đêm khuya chuột đói chạy vung kiếm mồi
Thấy trong giầy có mùi thôi thối.
Chuột vội-vàng chuột chúi đầu vô,
Gặm đôi bí-tất ca-rô (carreaux)
Bẩy ngày chưa giặt, rách rử từ lâu.
Non lòng đã hiểu đâu cuộc thế.
Dại một giờ, giận để trăm năm!
Tỉnh ra mới rõ là nhầm,
Biết phường họ Sở chơi khăm muộn rồi!
Trách thân dại, giận đời đen bạc;
Sống nhục-nhằn đành thác cho song
Nước hồ Hoàn-Kiếm bắn tung,
Hồng-nhan thôi thế là song một đời!
Hai chiếc giầy nổi trôi thảm-đạm,
Gửi oan-hồn lại đám đào tơ:
«Liễu bồ chút phận ngây thơ,
Đường tình thực chẳng có ngơ quanh-co.
Chị em phải liệu lo thân phận,
Kẻo uổng đời má phấn môi son.»
Cửu-toàn bạc-mệnh ngậm hờn.

Phạm-Nghiễm

DỊCH THƠ TÂY

La vase brisé

Le vase où meurt cette verveine
D'un coup d'éventail fut fêlé
Le coup dut l'effleurer à peine
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une mache invisible et sûre
A fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte
Le suc des fleurs s'est épuisé;
Personne encore ne s'en doute,
N'y touche pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime
Effleurant le cœur le meurtrit;
Puis le cœur se fend de lui-même.
La fleur de son amour périt;

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
Sa blessure fine et profonde,
Il est brisé, n'y touche pas.

Sully Prud'homme

Bình tan

Trong bình hoa, nhành lan ủ-rũ (1)
Chiếc quạt ngà đập vỡ từ bao!
Quạt kia hẳn mới trạm vào,
Sẽ không thấy tiếng ai nào biết chi.
Nhưng vết dạn lần đi mãi mãi,
Bình pha-lê nứt mãi không thôi;
Dạn đi đã hết vòng rồi,
Vết đi nhỏ tắt ai người thấy cho.
Nước trong-trẻo đã rò ra hết,
Chút hương trời bay mất từ bao.
Nào ai đã biết đâu nào!
Bình hoa đã vỡ, mó vào làm chi!
Trái-tim ta nhiều khi cũng thế.
Tay người yêu sẽ để vào thôi,
Mà tim đã bị thương rồi,
Vết thương ngày lớn thôi đời tình-duyên.
Ngoài, trông vẫn còn nguyên như cũ,
Trong âm-thầm lệ rỏ chứa chan.
Vết thương sâu hoắm khôn hàn.
Mà làm c' i nữa, thêm tan nát lòng!.....

Hoàng-Minh

(1) Hoa Verveine không biết dịch là hoa gì được; vì chữ ấy cũng không can hệ vào ý bài cho lắm, nên tạm dịch là hoa Lan.

HÀI-VĂN

Có chăng đất Bắc hết nhân-tài

Cái tin Phạm Thượng-chi nhập bộ lĩnh chức Tham-tri bộ Học mà ta đồn ran lên một độ, nghe đâu các ông bạn của Thượng-chi đã cải-chính là một tin đồn sai. Thì ra chỉ vì quốc-dân có đọc những bài sán-lạn của Thượng-chi đăng Nam-phong bàn về sự học chữ Quốc-ngữ, nên cảm-phục cái tài hùng-biện của ông mà ao ước Triều-đình cất nhắc lên chức Học-bộ tham-tri, để ông cải-cách sự học đó thôi. Sự nguyện-vọng của Quốc-dân rồi thế nào cũng được Triều-đình chuẩn-y, vì Á-đông ta vẫn coi dân làm trọng (*dân vi quý*).

Nay Tần-Hớn trong một cuộc thăng-thiên lại nghe thấy quốc-dân muốn xin Triều-đình đề cử mấy ông sau này:

Nguyễn Tản-đà lên chức Hình-bộ tham-tri, vì thấy trong mấy bài xã-thuyết gần đây, văn-án của Tản-đà kỹ-lưỡng quá, chiều theo hình-luật mãi từ đời Thuấn Nghiêu để kết tội một nhà ngôn-luận sống ở thế-kỷ thứ 20. Giá những văn ấy mà làm vào thời đức Tự-đức thì Ngài chắc cũng phải hạ bút phê một câu «Tản-đà chi án văn, Trẫm bất năng cập».

Nguyễn-văn-Vĩnh vào chức Khâm-thiên-giám chủ-sự, để ông soạn những bộ Hoàng-lịch. Vì gần đây ông lưu tâm đến sự soạn lịch xem ngày tốt xấu lắm.

Thôi! thế là đất Bắc ta sẽ mất ba đại-nhân-tài sắp vác cán bút vô Huế.

Tần-Hớn

Hỏi thăm «ông Cư Trịnh-đình-Rư»

Hỏi thăm ông cử Trịnh-đình-Rư.
Văn võ kiêm toàn thực đấy ư?
Rắp dựt giải quần; tay khỉ vượn!
Từng khoe cán bút; óc thi-thư!
Thể-thao phụ-nữ nghe chừng thích (3),
Đạo-đức tiên-hiền ráng chẳng ưa.
Tần-Hớn ngẫm ra thì mới biết:
Cử-nhơn khoa thỏ(4) Trịnh-đình-Rư.

Tần-Hớn

(1) Chữ liền của báo Đông-tây (số 166-17-4-1932)

(2) Năm nào ông cử cũng có dự các giải ten-nit. Tay khỷ vượn là tay giải mà nhanh.

(3) Ông cử cùng anh em tỉnh Đông đón tiếp cô Việt-Nga long-trọng lắm.

(4) Khoa Thỏ là khoa Mão; Trỏ ý văn-chương ông cử mẫn tiệp, võ-nghệ ông cử nhanh-nhẹn.

NGƯ' NHAN

Thưa chung *các Ngài có thơ lai-cảo về trong mục Văn-đàn :*

Trong các lối thơ ca, « *Thất ngôn Đường-luật—bảy chữ tám câu*» vẫn là một lối rất khó; không phải là khó hay, mà khó sao hay cả tám câu. Cho nên từ xưa đến nay, bài thơ hay có nhiều, mà bảo là «hay cả tám câu» thời thực là khó nói. Thường thường trong một bài thơ tám câu, nhiều thời được bốn câu hay, ít thời được hai câu; còn những câu khác đều thông nghĩa xuôi lời, mà không có chữ nào đến kém quá; như thế, cũng đã là thơ hay, mà thực trong Thi-giới không dễ.

Cứ các thơ lai-cảo cho An-nam Tạp-chí, so với những thơ lai-cảo ở báo khác, liêu đã có một giá-trị, tư-cách riêng; tuy vậy mà cầu được bài thơ đủ như câu nói ở trên đây, tóm lại chỉ là một số ít. — Dưới bực ấy, hoặc được hai câu hay, bốn câu hay, mà còn những câu khác không khỏi có chữ kém; như thế thời trong Báo quán có thể theo tiên-nghi sửa đổi ít chữ mà đăng lên Văn-đàn, là một sự rất thuận-tiện.— Lại dưới bực ấy nữa, hoặc được hai câu, bốn câu, mà còn những câu khác kém quá. Như thế, nếu nhất nhất sửa chữa, thời một là tốn nhiều công-phu cho người ở bên trong; hai là khó giữ được nguyên-ý của Tác-giả. Nếu bỏ đi không đăng, thời thực phụ Tác-giả mà phụ cả những câu thơ hay. Vì câu thơ có thể gọi là hay, trong Báo-giới lúc này rất hiếm !

Nghĩ như vậy, muốn được các Ngài cho phép : phàm những bài nào được ít nhiều câu có thể gọi là hay, mà còn những câu khác khó tính sự sửa chữa, xin cứ câu hay thời trích đăng, câu kém thời bỏ hẳn, đặt vào khu-giới « *thơ trích câu* ». Như vậy, có lẽ mới được cả hai lẽ.

Lời thưa đây, xin đăng luôn trong hai, ba kỳ, Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cho biết trước.

Nay kính

局書沱傘
務商
TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC
Việc bán sách

I — **Sự bán lẻ sách gửi đi các Ngài ở nơi xa mua coi, Bản-cục xin định có những thể-cách như dưới :**

1. — Phàm các sách của Bản-cục gửi đi, không cứ nhiều quyển hay một quyển, đều theo cách gửi có đớm-báo.

2. — Đối với các Ngài mua lẻ, mỗi bận gửi, từ 1 quyển đến 5 quyển, tiền cước-phí xin chỉ tính là 0p.10.

3. — Theo cách phương-tiện dản-dị, ngài nào muốn mua quyển nào, xin coi giá bán tường kê ở quảng-cáo, chiếu giá sách và tiền cước thêm 0$10, gửi luôn cho bằng « *tem thư* », kèm theo giấy mua sách.

4. — Gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân* » (Contre Remboursement.)

5. — Những Ngài nào muốn cho Bản-cục được theo tiện-nghi, phàm có quyển nào mới in ra, sẽ cứ gửi tiếp, tiền thời các Ngài gửi cho làm từng lúc cho tiện; như vậy, xin có thư cho biết tường sự giả tiền thời cứ lấy một đồng bạc (1$00) làm cữ.

II. — **Các sách của Bản-cục, ít gửi bán tại các tỉnh, các nơi xa. Các Ngài có thư-quán mà có lòng yêu mua buôn, xin tính định giá-cả như dưới :**

1. — Không cứ một thứ sách hay nhiều thứ sách cộng tính, Ngài nào mua buôn từ 20 quyển giở xuống, tính trừ 20%.

Ngài nào mua tới 50 quyển giở lên, tính trừ 30%.

Xin miễn có lời hỏi mà-cả.

2. — Phàm việc bán buôn của Bản-cục gửi đi các Ngài ở nơi xa, xin đều gửi theo cách « *lĩnh hóa giao ngân* » (Contre Remboursement). Cước-phí hết bao, nhất thiết về Bản-cục nhận chịu.

Tản-Đà Thư-Cục
chủ-nhân
Nguyễn-khắc-Hiếu
Kính bạch

Lời thưa chung. — Đối với các ngài có văn lai-cảo, chúng tôi đã có lời thưa chung nhiều lần, vậy xin rằng đừng có ngài nào gửi thư về *nhắc giục sự đăng bài*, và thứ nhất xin đừng gửi *tem sẵn*. Từ nay xin có các Ngài cùng trứng cho, trong Báo-quán hoặc có tiếp nhận những *tem sẵn* của ai gửi về, cần lấy giả lời về câu hỏi đăng bài, chúng tôi chỉ xin coi như một sự không có.

Nay kính

*
* *

Ông **Trần-văn-Thình** *Sadec.* — Thư ngài đã tiếp, xin lĩnh ý.

Nay kính

Ông **Châu-bạc-Hải** *Saigon.* — Thư ngài đã tiếp; song có lĩnh ý được hay không, tôi chưa dám quyết hẳn.

Nay kính

Cô **Lê-thị-Lý** *Châu-đốc.* — Sách của Quí-cô gửi cho, và thư, tôi đã được nhận tiếp, xin cảm tạ.

Nay kính

Cô **Vũ-bạch-Hồng** *Phú-thọ.* — Sách của Quí-cô gửi cho, và thư, tôi đã được nhận tiếp, xin sẽ có giả lời.

Nay kính

Ông **Nguyễn-tiến-Bảng** *Thái-bình.* — Thư ngài và tem gửi mua sách, tôi đã được nhận tiếp; sách xin gửi theo.

Nay kính

Các lời thưa và câu giả lời khác, xin đợi kỳ khác.

Nay kính
Nguyễn-khắc-Hiếu

ÔNG CHỦ BÁO CHẲNG BẰNG LÒNG

Hễ bao giờ ông chủ-nhiệm tờ *Đời mới* đến tòa báo mà ngậm cái tẩu thuốc lá chệch sang một bên hàm và hay khịt mũi, thì y như hôm ấy ông có việc gì chẳng bằng lòng.

Sáng hôm ấy cũng thế cho nên từ lúc bước chân đến cửa tòa báo, ông đã gắt như mắm tôm! Thỉnh thoảng đưa tay đập vào cái túi nó ngậm chặt mấy tờ báo mới xuất-bản, ông vào buồng giấy, mắng loong-toong để giấy bừa bãi; ông xuống nhà in, cự người cai thợ chẳng chịu trông nom. Ông qua buồng tòa soạn, nắm quả bàng cửa, toan vào, nhưng lại quay gót tạt ngang, mở cửa buồng tòa trị-sự, đẩy lại đánh thình, ngồi vào ghế, lôi bọn báo ở túi ra, đập mạnh xuống bàn, rồi bấm chuông gọi loong toong. Anh này, mặt tái xanh như thằng ốm sẽ sẽ đi vào, ông hất hàm hỏi :

— Ông chủ bút đến chưa ?

— Bẩm ông chưa.

— Anh đạp ngay đến nhà ông ấy, nói rằng mời ông đến tòa báo có việc cần. Trời ơi ! Ra các ông ấy giết tôi thật ! Các ông ấy cứ làm ăn thế này, thì báo này đến vỡ lúc nào không biết mất !

Tiếng ông chủ-nhiệm nói toang-toang như lệnh vỡ, ai cũng nghe thấy; nhưng chẳng ai đoán vì việc gì, mà mới hôm kia, ông ở tòa-báo thì chuyện trò vui vẻ, hôm qua ông đi vắng, đến nay ông về thì khác hẳn như thế.

Họ đều sợ hãi, ngơ-ngác nhìn nhau, kẻ đoán thế nọ, người đoán thế kia, nhưng đều hụt lý. Ừ, đáng lẽ ông ấy đi vắng về lần này thì vui vẻ bằng ba, bằng bốn mọi ngày mới phải ; vì hôm qua, khi ông không có nhà, thì tờ báo có một tin hay để đăng, ông chủ-bút cho in một vạn rưởi số, nghĩa là gấp bốn ngày thường, mà in đến đâu, bán chạy đến đấy. Kể từ ngày tờ *Đời mới* ra đời tới nay, chưa từng có lần nào cho in bạo tay như lần này, mà cũng chưa có lần nào được hoan-nghênh như số ấy. Cả tòa đều mừng-rỡ, vậy cớ làm sao, ông chủ-nhiệm lại cau-có thế kia. Hay là ông thấy ông chủ-bút lấn quyền, chẳng hỏi han gì, cứ tự tiện cho in nhiều thế, mà ông tức chăng ? Nhưng mà báo bán chạy thì ông còn nên nói chi nữa. Nếu chẳng phải vì cớ ấy mà từ nẩy đến giờ ông phải phát cáu, thì họ cũng chịu không đoán được ra hơn nữa.

* * *

Muốn các độc-giả hiểu rõ câu chuyện này, tôi xin lấy một việc mới xảy ra ở Hà-thành trong ít lâu nay làm thí-dụ. Sở-dĩ tôi đem chuyện *thực* để thí-dụ cho rõ câu chuyện *đặt*, là tôi cũng mắc phải cái bệnh dùng điển-tích ; nhưng vì tôi tin là bụt chùa nhà cũng thiêng, nên tôi lấy ngay câu chuyện An-nam, nhân-vật An-nam, là đồ nội-hóa ai cũng biết; không dám như ai, tả một cô tiểu-thư đẹp, mà đến mượn câu : Tây-thi mất vía, Hằng-nga giật mình, nghĩa là lấy cái không biết để giảng nghĩa cho cái có thể biết, khiến độc-giả lại thêm lờ mờ một lần nữa.

Cái thí-dụ sau đây, tình cờ tôi kiếm lấy, chứ, nói lậy giời, thực tôi chẳng thù hằn gì hai tay chủ-động, định thổi đống gio tàn đã gần nguội để « đốt » ai ; mà tôi cũng chẳng có hân-hạnh quen biết họ mà mong làm quảng-cáo không công cho họ, vì cái thủ đoạn kỳ dị mà họ chủ-trương đã tự thừa làm quảng-cáo để khắp Trung. Nam, Bắc ba kỳ biết tên họ rồi vậy.

Các báo hàng ngày ít lâu nay đăng một việc, mà An-nam tạp-chí số 35 cũng có nói qua đến, hẳn các độc-giả còn nhớ, là *ông giáo Thám với bà Khiêm :*

«Ông Vũ-tam-Thám giáo-sư, tùng sự ở Thư-viện Hà-nội, Thị-Khiêm vợ ông giáo sư Trần-văn-Khang, hai người vốn là bạn học cũ.

« Nay tuy đã thành gia thất cả, nhưng. . . . . .họ gặp nhau, họ vẫn vồn vã bắt tay bắt chân tự do trò chuyện.

« Một hôm, cách đây cũng không xa, hai người cùng biến mặt ở đất Hà-thành, làm cho dư-luận xôn xao, inh ỏi. Họ cũng là hạng người có tai mắt. . . . . .

Như những việc này, thì có phải ai xem báo cũng đều chú ý, cố mong ngóng để muốn biết hai sự biến mặt ấy liên-can với nhau không, mà ông Thám có đích là quyến dũ vợ bạn thực hay là bị ngờ oan không ?

Ở xã-hội mà thỉnh-thoảng không xảy ra những chuyện quái gở ấy, tờ báo hàng ngày thực là nhạt hoét, chẳng ai buồn mua để xem tin mất chó, mất ví da làm gì ! Cho nên những khi các báo có những việc « dễ gậm » như . . . . . việc Trung Nhật chiến-tranh . . . . . tranh cúp quần vợt, thì đều lấy làm mừng ! Nhưng đến khi những tin ngon ấy hết cả, thì thôi ! Các ông trong tòa soạn chẳng được ngồi rồi tán hão, cứ phải hết ngày ấy sang ngày khác, nặn óc để viết ra những bài luận-thuyết đại cà-sa, mà độc-giả nhỡ ra vô ý đọc phải, cũng lấy làm một sự khổ tâm vậy !

Cho nên ở về cái xã-hội ít truyện như cái xã-hội An-nam mình, mà gặp phải lúc «thời-sự khủng-hoảng» thì báo hàng ngày hay ế. Lúc ấy, các ông chủ báo ranh mãnh mánh khóe hay gây nên phong-trào dư-luận để mong cho báo được sống còn : nào là chưng cầu ý-kiến; nào là mở cuộc đề thi, nào điều tra, nào phỏng-vấn, các ông cố dùng những tiếng to tướng, để nặn ra truyện! Một việc bằng con muỗi, các ông phóng đại cho nó phồng lên bằng cái đình !

Ngày năm ấy, cũng đã lâu, có một chuyện đại khái cũng đều giả

như việc ông Thám với bà Khiêm bây giờ vậy. Hai người cũng tự-nhiên biến mất, mà chưa ai rõ vì cớ gì trốn đi và đi đâu. Hai tay chủ động ấy địa-vị cũng quan-trọng không kém gì, mà có khi hơn, ông Thám với bà Khiêm nữa. Lâu ngày rồi, tôi chẳng muốn nhắc lại cái tên quý hóa ấy, xin hãy tạm đặt tên cho hai vai chính trong tấn kịch bỏ nhà này, người đàn ông là *Tê*, người đàn bà là *Ca* cho dễ nhớ.

Độ ấy dư-luận cũng xôn-xao, chẳng khác gì bây giờ, mà dư-luận xôn-xao đến bực ấy, là nhờ công ông chủ-nhiệm tờ báo *Đời-mới*. Ông khéo dặn tòa soạn nên nhân việc mà kéo cho dài câu chuyện, nay phỏng-vấn chồng bà Ca, mai nửa giờ nói chuyện cùng vợ ông Tê: một việc khốn nạn, mà báo ấy nói đến hơn một tuần lễ mới rứt. Rồi lại khéo rắc mối ngờ vào óc xã-hội, nay báo ấy đoán-phỏng là hai tay đó, quả là có tư-tưởng học-thức, có lẽ có chân trong hội-kín, đã rủ nhau sang Tàu, mai báo ấy lại nói hoặc là thời buổi văn-minh, hai người đó đã lạm-dụng chữ tự-do bị chìm đắm vào trong bể tình, nay tỉnh-ngộ, dễ thường đã cùng nhau tự-tử.

Người nhà những người ấy đi trình báo, sở mật-thám đã phái người đi dò la, nhưng tuyệt vẫn chưa thấy tin tức. Các bài đăng báo, văn-chương sáng quắc như ban ngày, mà chính hai tay nam nữ chủ-động vẫn lẩn quất trong bóng tối mù của cuộc thám xét. Tóm lại, một cái dấu hỏi đỏ còn lửng lơ ở cổng tòa án dư-luận, như ở bìa quyển truyện trinh-thám vậy.

Rồi tờ *Đời-mới* sợ câu chuyện ấy chết ở trong trí nhớ xã-hội, nên khi dư-luận chỉ còn ngắc-ngoải mà thôi, bèn cố nuôi cho nó sống lại. Ở mục «*Quanh việc Tê Ca*» in ngay trang đầu, báo ấy nay hô hào nên chấn-hưng phong-hóa bằng cách nào; mai bàn nam-nữ có nên giao-thiệp hay không; ngày kia lại nói đến tình nghĩa vợ chồng, bè bạn. Ròng rã gần một tháng giời thì đến hôm ấy ông chủ-nhiệm đi vắng, tức là hôm ông chủ-bút cho in một vạn rưởi tờ. Dám in một vạn rưởi tờ, thì hẳn các ngài đoán ngay rằng số báo đó có chuyện ông Tê và bà Ca thế nào lạ lắm thì phải. Vâng, báo ấy đăng tin đã thấy tiêu-tức ông Tê và bà Ca, và có in thêm tấm ảnh hai người ấy đi chơi mát; bài đăng ấy thực là cái thìa khóa mở nắp cái hòm bí-mật, mà bài đăng ấy lại là cái thìa khóa khóa tách câu chuyện Tê Ca.

Nguyên sáng hôm ấy, hồi tám giờ, khi ông chủ bút đến tòa soạn, thì người loong-toong theo vào, đưa phong thơ và nói:

— Thưa ông, ông phóng-viên ở Lào-kay đưa phong thơ này, và dặn rằng đây là một việc đăng về việc Tê Ca; vì trong ấy có cái kính ảnh cho nên ông ấy gởi nhà giây thép sợ vỡ mất, mà ông ấy phải thân-hành đem về, và xin ông cho đăng ngay vào kỳ báo hôm nay. Đến chiều hay sáng mai, ông ấy sẽ lại nói chuyện.

Nỗi mừng nở thành nụ cười trên miệng ông chủ-bút, ông bèn vội vàng bóc phong thơ ra đọc. Đọc xong, ông cầm bút đỏ biên số con chữ, rồi gọi người cai nhà in, bảo cho xếp ngay bài ấy lập tức ở trang nhất.

Ông bắt giập ngay bản in thử để tự tay ông sửa lại; ông ngắm xem cách in như thế đã rõ rệt chưa, rồi ông đặt bút, xoa tay, tủm-tỉm cười, bảo người thợ in rằng:

— Báo hàng ngày ăn thua nhau về tin tức, có nhanh tróng mới có thể đánh dổ được chúng nó!

Ông cho in một vạn rưởi tờ, mà mới có hơn ba giờ báo đã lên khuôn, rồi in được bao nhiêu, ông hãy cho gấp ngay để cho trẻ con chạy bán khắp các phố.

Ngày ấy chưa có nghị-định cấm cái lối quảng cáo các bài trong tờ báo bằng mồm, cho nên trẻ con rao ầm ỹ, mà khách qua đường ai nghe thấy cũng bỏ ra hai xu để mua.

— Tờ *Đời-mới* đã tìm thấy Tê Ca ơ!

Ngót vạn tờ đua nhau bay như bươm-bướm ở nhà in ra, đến độ mười giờ tối đã hết sạch, mà khi tòa báo đóng cửa rồi còn có người dám thình thình hỏi mua mọt số!

Bài đăng về việc ấy, như sau này:

Tê và Ca đi đâu?

«*Tê và Ca chẳng phải có chân trong hội-kín. Tê và Ca chỉ là hai tân nhân vật thờ thần ái-tình, mà yêu nhau quá dỗi nên mê.*

«*Tê và Ca chẳng bị làn sóng dư luận đánh bạt xuống sông xuống biển mà mất tích, Tê và Ca hiện nay đương trú ngụ tại nhà sãm Mỹ-Lạc tỉnh Lao-kay.*

«*Chứng cớ?*

«*Thì đây, độc giả thử nhìn cái ảnh in dưới này sẽ biết rõ.*

«*Kết cục mối ngờ,* **Đời-Mới** *hẹn từ nay chẳng thừa hơi đả động đến tên đôi dan-phu dâm-phụ.*»

P. V.

Dưới bài, in ảnh hai người khoác tay nhau đi chơi trong miền rừng núi.

*
* *

Người loong-toong tòa báo *Đời-mới* lật-đật đi gọi ông chủ-bút, và cũng nói qua không biết vì đâu ông chủ-nhiệm chẳng bằng lòng. Ông này cũng không đoán được ra cớ gì, vừa đi đường vừa luẩn quẩn nghĩ.

Lúc đến tòa báo, thì ông chủ-nhiệm đương đứng ở dưới nhà in gắt gỏng bọn thợ, ông chủ-nhiệm thấy ông chủ-bút đến, bèn chạy lên, bắt tay và mời vào buồng giấy. Ông chủ-bút nhận thấy chủ mình vẫn còn ngậm cái tẩu thuốc lá chệch sang một bên hàm và khịt mũi luôn, biết rằng cơn bẳn chưa nguôi, bèn làm ra mặt vồn-vã vui vẻ và hỏi:

— Ông vẫn bình yên?

— Bình yên?! Mời ông ngồi đó. Úi chà!

Ông chủ-nhiệm đặt phịch cái cày thịt xuống ghế, ruỗi thẳng cẳng hai chân ra đánh riêm châm lại điếu thuốc, nghiêm sắc mặt lại, thở dài, vỗ vào tập báo ở bàn rồi hỏi:

— Thế nào? Hôm qua ông cho in bao nhiêu?

— Tôi cho in một vạn rưởi, mà ngày hôm qua thực đáng là ngày kỷ niệm của tờ *Đời-mới*, vì bán lẻ ở Hà-nội, gởi đại-lý các tỉnh và các người mua năm, chỉ còn có ngót trám số!

— Các ông làm ăn thế thì tòa báo này đến vỡ mất thôi!

— Tại làm sao, ông cứ nói?

— Nhưng trước hết xin ông đừng giận. Tôi bực mình lắm. Tôi lăn lộn trong làng báo trong bao nhiêu năm giời, không lần nào thấy nguy-hiểm như ngày hôm qua.

— Vậy ông xem từ ngày Bắc-kỳ có báo tới nay, có cái nào một số chạy nổi vạn rưởi tờ không.

— Vẫn biết vậy, nhưng chính là ông đáng trách ở chỗ đó, thì ra ông làm báo chửa lành nghề! Sao ông lẩn-thẩn thế!

— Thế lại còn lẩn-thẩn?

— Phải, chính ông lẩn-thẩn; ông được một tin hay, mà ông chỉ để báo ra có thế, chỉ có một kỳ thôi, còn có nghĩa-lý gì không?

— Ô hay! thì câu chuyện tóm lại chỉ có thế mà?

— Chỉ có thế? Tờ báo đang đói thời sự, sao ông không cho nó ăn giè? Ông nhồi-nhét cho cả vào một kỳ, ông lại hẹn không đả động đến truyện ấy nữa! Ông không biết tôi cố công nuôi cái truyện này bao nhiêu ngày à? Thế mà đến hôm tôi đi vắng, ông giết chết nó! Sao ông không câu độc-giả! Họ đang say lử về cái mồi của tôi, đến tay ông, ông thả buột đi mất! Sao ông không «còn nữa», «còn nữa» mãi một tin ấy; cứ như tôi, thì việc này ít ra tôi cũng kéo được nửa tá, mà hèn ra mỗi số cũng được ngót vạn tờ. Vậy mà ông vụng đến nỗi chỉ in ra có một số, cuối bài đã chẳng hẹn hò độc-giả xem tin thêm ở số sau, ông lại cao-thượng mà chẳng thèm nói nữa. Bây giờ, thôi, thế là xong!... Đây này ông nhìn xem, vì ông khờ mà mấy tờ báo «lá cải» nó cướp mất mồi. Báo ông cho ra lúc ba giờ, thì chín giờ tối nó in ngay phụ-trương để tranh khách! Này còn tờ *Buổi-sáng* này nữa, ông thử đọc mà xem, có phải bài thời-sự ấy nó viết hay mà văn-chương bao nhiêu không?

— Ai chả biết là tin ăn cắp! Họ làm gì có phóng-sự ở Lao-kay!

— Ai biết? ông bảo ai biết? ông xem hai bài có đoạn nào giống nhau không. Đấy, sự thực có hơn gì câu bịa? Những thời-sự mọi khi ông viết tôi vẫn kêu là ngắn quá, phải tốn nhiều việc mới đầy mấy cột báo; mà ông còn kém ở chỗ cứ phải mắt trông thấy mới viết được việc. Ngồi nhà mà chả viết được một bài tường thuật đám đánh nhau, cuộc diễn thuyết, việc chẹt xe á? Thì nó có mẫu sẵn, chỉ thay đổi một vài tiếng, có khó gì? Hứng bút ra, ông tìm những giọng văn cho mới, dùng những chữ cho ngây ngô, có vẻ tây một tí để lòe đời, có phải lắm người chuộng không? Mà làm báo kiêng nhất một việc là công-kích phong-trào. Độ nọ nếu tôi không can, thì ông đã công-kích bọn phụ-nữ tự-do rồi đấy! Cổ-động phứa đi, công-kích làm gì, ông tính có phải vợ con mình đâu mà mình cấm? Công-kích họ, tức là gây một bọn ác-cảm với báo mình, hơi đâu? Thôi, xin ông nghe tôi một chút, và mời ông đi làm việc, ông chớ giận tôi nhé!

Ông chủ-bút chẳng được vui, cầm tập báo mới sang bàn giấy. Ông đọc tờ *Bạn-trẻ* xuất bản hồi chín giờ đêm hôm trước.

« Tin Tê-Ca.

« *Tê và Ca mà bấy lâu nay bạn độc-giả* Bạn-trẻ *vẫn mong ngóng tin tức, thì hiện nay đang ở nhà sắm Mỹ-lạc tỉnh Lào-kay.*

« *Đôi nam nữ lãng-mạn ấy, nay chẳng dám nhìn mặt người xã-hội, thỉnh-thoảng chỉ hai người thơ-thẩn với nhau, khoác tay nhau vào nơi rừng rậm non cao, xa nơi phố phường đông-đúc, để tiêu giao cùng hoa tươi cỏ thắm. Vậy mấy lời vội vàng,* Bạn-trẻ *mách nhỏ hai gia-đình có con quý-hóa ấy, sớm liệu tìm đến nơi mà bắt về, dạy cho một bài học về phong-hóa*».

Theo điện-thoại của phóng-viên
Bạn-trẻ.

Mặt tím bầm như quả bồ-quân, ông chủ-bút lại giở tờ *Buổi-sáng* ra đọc:

Kết-quả cuộc điều tra Buổi-sáng
Ai bảo Tê và Ca tự tử??

« *Vì* Buổi-sáng *tiếp được tin của phóng-viên khi chậm, nên kỳ báo hôm qua đã lên khuôn, không kịp đăng ngay, vậy nay xin đăng nguyên văn bài tường-thuật ấy:*

« *Tỉnh Lao-kay ở vào chỗ biên-thùy, tuy là một nơi ban ngày vắng vẻ, nhưng đến tối thì lại là một cái phòng trọ lớn chứa hành-khách lạ, từ Hà-nội đi Vân-nam hoặc đi Chapa, và từ Chapa hoặc Vân-nam về Hà-nội. Bởi vậy các phòng chứa khách rất nhiều, mà việc thuê buồng ngủ đêm cũng rất thường thấy vậy.*

« *Vì mục-đích* Buổi-sáng *là bài trừ hạng người làm bêu rếu cái phong-hóa của nước Cổ-việt-nam, cho nên từ ngày xảy ra vụ Tê Ca,* Buổi-sáng *đã đoan quyết tìm cho ra đôi nam nữ quá ư tự-do ấy. Từ đó,* Buổi-sáng *phái một phóng-viên đi khắp các nơi, để mong giúp một phần tìm tòi hộ sở mật-thám và cho hai gia-đình đáng thương ấy. Thì đây, câu chuyện đã rõ rệt như ban ngày.*

Tê và Ca chẳng làm quốc-sự, Tê và Ca chẳng tự tử như mấy tờ báo «lá cải» đã dám đoán phỏng một cách vô-lý. Tê và Ca hẳn chỉ tìm quanh ở đất nước nhà một nơi hẻo lánh để tránh mặt nương thân. Trọng việc làm hơn lời bàn suông nói hão, Buổi-sáng *quyết dùng tay vào việc. Thì trừ tỉnh Lao-kay ra, hẳn không còn nơi nào có thể lẩn núp được mãi cái bộ mặt khuyển lang của đôi dan-phu dâm-phụ,* Buổi-sáng *nghĩ. Vì vậy phóng-viên* Buổi-sáng *chẳng quản đường xa dậm thẳm, cố lặn ngòi noi nước, lên được đến nơi ải lạnh rừng thiêng, cố điều tra trong các sắm trọ, thì thấy đã hơi có chút ánh sáng rọi qua tấm màn đen bí mật.*

Này! Ai đi qua nhà Mỹ-lạc, nhác mắt nhìn vào trong một buồng, có trông thấy một chàng thiếu-niên nam nữ ăn mặc ra cách tân nhân-vật Hà-thành mà chẳng lấy làm ngợ. Đôi trai gái ấy, ngày thường chẳng dám bè bạn cùng ai, mà bốn bức tường buồng chật hẹp như chẳng đủ điểm vào câu chuyện cho thêm nồng mặn nên những khi trăng thanh gió mát, êm ả chiều giời, thì ta lại thấy trên đường kia, ẩn hiện ở dưới bóng cây một cặp trai gái, xinh đẹp như đôi uyên-ương, cậu can bạc, đầu trần, mợ áo mùi, quần trắng, khoác tay

nhau, đo từng bước mà trò chuyện nhỏ to. Ôi! trước mắt rừng rung, bên tai sóng réo, cái non nước đa tình nó cũng hợp với cái óc lãng-mạn của giống đa-tình vậy! Cho nên mảng vui về cảnh, quá say về tình, mà dư-luận eo óc bên mình, nào có để ý tới! Ấy, Tê và Ca đấy?

Than ôi! Chữ tình là chữ chi chi?
Cho gan sắt đá cũng si về tình!
Khuyên em đừng đẹp đừng xinh,
Em khuynh thành lắm, anh khuynh gia nhiều!
Khuyên anh anh chớ mĩ miều,
Anh ròn tán lắm, em liều theo ngay!

Phóng-viên

Ông chủ-bút đọc xong, tức đến nỗi tái mặt lại, thì ngoài cửa có tiếng gõ ông phóng-viên ở Lao-kay vào.

Ông chủ bút đứng dậy chào, bắt tay, mời ngồi, rồi ông cũng đặt phịch cái cây thịt xuống ghế, ruỗi thẳng cẳng hai chân ra, nghiêm sắc mặt lại, thở dài, vỗ vào tập báo ở bàn, và nói:

— Ông làm ăn thế thì tòa báo này đến vỡ mất thôi!

— Tại làm sao, thưa ông?

— Tôi bực mình lắm. Tôi lăn lộn trong làng báo trong bao nhiêu năm giời, không lần nào thấy bất đắc ý bằng ngày hôm qua.

— Thưa ông, nhưng tôi tưởng báo hàng ngày ăn thua nhau ở tin tức nhanh chóng, mà hẳn chỉ có một mình tôi biết tin ấy, chứ các báo có phóng-viên trên Lao-kay đâu?

— Vẫn biết vậy, nhưng chính là ông đáng trách ở chỗ đó, thì ra ông làm báo chưa sành nghề, mà tòa báo dùng lầm ông! Sao ông lẩn thẩn thế? Ông vẫn còn trẻ người non dạ, chưa lịch duyệt, còn nhiều cái hấc lờ lắm.

— Thế còn lẩn thẩn, hấc lờ?

— Phải, chính ông lẩn thẩn, ông hấc lờ. Ông được một tin hay, mà ông chỉ viết có một bài ngắn, để đăng vào có một kỳ, chỉ có một kỳ thôi, còn có nghĩa lý gì không?

— Vâng, thì nói thế là đủ ý chứ còn gì nữa?

— Trời ơi! thế nào là đủ ý! Ý biết thế nào cho đủ! Bây giờ tôi mới thấy ông nói thế là một! Tờ báo đang đói thời-sự, sao ông không cho nó ăn giè? Ông nhồi nhét cho cả một kỳ, ông lại hẹn không đả động đến truyện ấy nữa.

— Thì sao ông không chữa lại và kéo dài ra?

— Vì tôi không muốn làm mất lòng ông. Ông không biết tôi có công nuôi cái chuyện này bao nhiêu ngày à? Thế mà chính tay ông, ông giết chết nó! Sao ông không câu độc-giả! Họ đang say lử về cái mồi của tôi, đến ông, ông thả buột đi mất. Sao ông không «còn nữa» «còn nữa» mãi một tin ấy như mục tiểu-thuyết, như bài diễn văn, như lối tường thuật vụ án quan-trọng; cứ như tôi, thì việc này ít ra tôi cũng kéo được một tá, mà hèn ra, mỗi số cũng chạy nổi hơn vạn tờ. Vậy mà ông vụng đến nỗi chỉ viết ra có một số, cuối bài đã chẳng hẹn hò độc-giả xem tin thêm ở số sau, ông lại cao thượng mà chẳng thèm nói nữa! Bấy giờ, thôi! thế là xong... Đây này, ông nhìn xem, vì ông khờ mà mấy tờ báo «lá cải» nó cướp mất mồi. Bài của ông ra lúc ba giờ, thì chín giờ tối, nó in ngay phụ trương để tranh khách! Này, còn tờ *Buổi-sáng* này nữa, ông thử đọc mà xem, có phải bài thời-sự ấy nó viết hay mà văn-chương bao nhiêu không?

— Chà! họ ăn cắp tin, ai mà chả biết!

— Sao ông nói rốt thế! Ai biết? Ông xem hai bài có đoạn nào giống nhau không? Đấy sự thực có hơn gì câu bịa? Những thời-sự mọi khi ông viết, tôi vẫn kêu là ngắn quá, mà thiếu nhiều văn-chương. Như thế phải tốn nhiều việc mới đầy mấy cột báo. Ông phải biết những người làm báo lâu năm như tôi, viết thời-sự không cốt gì phải mục kích mới viết nổi, mất thì-giờ lắm! Ngồi nhà mà chả viết được bài tường thuật đám đánh nhau, việc chết chẹt, vụ đắm thuyền à? Này đến ngay như việc không từng xẩy ra ở Việt-nam, đại-khái như việc chiến sự ở Ngô-tùng bên tầu, mà tinh ý ra, cũng viết được một bài rõ ràng như báo Trung-hoa, Nhật-bản. Thì nó có mẫu sẵn cả, đám chẹt xe thì tất sứt đầu, kẹp tay, máu mê lênh-láng, rồi khéo tả ra như bài luận nhà trường, kết cục thêm hai chữ «tội-nghiệp»; việc nào cũng giống việc nào, chỉ thay đổi có một vài tiếng, có khó gì; hứng bút ra ông tìm những giọng văn cho mới, dùng chữ cho ngây-ngô, có vẻ tây một tý để lòe đời, có phải lắm người chuộng không? Bây giờ họ làm báo thế cả chứ có cốt gì học-thức lắm đâu. Vậy mà báo họ vẫn chạy lắm. Những lời tôi khuyên ông, tôi xin ông nghe tôi, bởi vì, chẳng phải khoe, tôi sành nghề làm báo hơn ông.

— Vâng, cảm ơn ông và xin lỗi ông, tôi muốn sang buồng ông chủ nhiệm.

— Thôi, ông không cần sang, ông ấy vừa gắt ông đấy, ông ấy gắt suốt cả ngày hôm qua đến nay! Nếu không có tôi nói đỡ, thì có lẽ ông ấy đã viết thư ngay từ sáng sớm lên Lao-kay để thu cái «các» phóng-viên của ông lại rồi đấy!

Ông phóng-viên bùi-ngùi đứng dậy, tạ ơn ông chủ-bút và xin cáo từ lui ra. Khi đã khép cửa, ông chủ-bút còn trông theo và tủm tỉm cười, rồi, như còn quên một câu gì của ông chủ-nhiệm chưa nói nốt, ông gọi rật ông bạn đồng-sự lại mà rằng:

— À này, ông phóng-viên, sau hết xin ông đừng giận tôi nhé!

Ông phóng-viên nhìn ông chủ bút như một vị ân-nhân, nghe thấy vội trả lời rằng:

— Ấy chết! thưa không, tôi không dám ạ.

Nguyễn-công-Hoan

Hai tờ Tuần-báo «Chớp-bóng», «Bắc-kỳ thời-báo» đã ra đời!

Tờ «Văn-học tạp-chí» sắp ra!

Kỳ này, bản-chí không kịp giới-thiệu dài, xin lượng thứ.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

14

Trà-sơn
dịch

Lúc mặt giời gần lặn, gió thổi hắt hiu đưa đến Bế-rang-đệ một chiếc tầu buồm, chiếc tầu Mi-nô-ta. Tầu thả neo, một lát người chủ tầu lên bộ.

Người đó là một chàng thiếu-niên tuổi chừng đôi mươi, tiếng nói dịu-dàng êm-ái. Khi nghe chàng Xen-đôn nói chuyện rằng chàng thiếu-niên đó một mình chỉ-huy chiếc tầu chơ chọi với một bọn mọi đen mới mộ được ở Mã-lai-tạ, cô Gian-nê liền có ý hâm-mộ ngay,

Lại đến khi nàng biết rõ chàng tên là Ký-sơn-dung, sinh ở đảo Nộ-phong mẹ là người Ta-hải-ty, cha người Anh-cát-lợi thì đối với chàng, nàng lại càng thêm có cảm-tình. Ông cha chàng nguyên trước làm ở một chiếc tầu binh, vì có dự vào một cuộc biến-động xẩy ra ở trên tầu nên phải sang đó (1). Câu chuyện thật xứng đáng làm tài-liệu cho một thiên tiểu-thuyết!

Trông cái cặp mắt hiền-từ, cái tiếng nói êm-ái, cái nước da ngăm ngăm của chàng ai cũng biết ngay rằng chàng là một người lai Ta-hải-Ty và Anh-cát-lợi.

Bề ngoài trông ra thì chàng giống mẹ, nhưng bên trong vẫn hiển-nhiên có cái nghị-lực khắc-khổ của giống người nước Anh. Nhờ có cái nghị-lực ấy, chàng mới có thể chỉ-huy được một chiếc tầu, đi lại chở hàng, để kiếm kế sinh-nhai ở quần-đảo-Sa-lô-mông, là nơi lam-chướng.

Vì đột-nhiên thấy cô Gian-nê ở đó, mà thoạt tiên chàng ra chiều ngượng-nghịu. Nhưng sau thấy cô ta cử-chỉ ra vẻ tự-do thành-thực nên chàng cũng được dễ chịu ngay. Nhưng, cách cử-chỉ ấy đã chọc mắt chàng Xen-đôn, lại hình như không còn một tý gì là cái thói giữ-gìn e-lệ của phái nữ-lưu nữa. Đối với các việc mới lạ trong hoàn-hải, chàng Ký-sơn-dung không được thông thuộc cho lắm. Nhưng trái lại, các tin-tức riêng ở quần đảo Sa-lô-mông, thì chàng thật là một cái mẩy thông tin

Ở phía bên kia sườn đảo Ga-đa-ca-na có 15 tên mọi đen làm trong đồn-điền Lăng-ga ăn cắp súng của 3 người chủ, rồi chốn vào rừng mất.

Chàng Ký-sơn-dung thuật chuyện rằng:

— Ba người chủ đó đuổi bắt mãi chúng mà không được. Sau chúng cướp một chiếc xuồng rồi bơi ra biển chốn đi: Rồi đây có lẽ một ngày kia chúng sẽ lần-mò đến chực kiếm ăn ở đây, các ngài nên giữ mình một chút.

« Tôi lại thưa để ông Xen-đôn rõ, cái người vừa làm đại-lý vừa thông tin tức cho ông ở Uy-gi mới bị giết. Giữa ban đêm tụi mọi đen đi 5 chiếc thuyền độc-mộc tự bến A-đam kéo đến đảo Uy-gi, chàng Ốc-sĩ-ca đang ngủ thì bị chúng giết. Chúng vào kho cướp phá vơ vét xong, còn gì chúng châm lửa đốt ráo.

« Tầu Phi-lý-be đang đỗ ở cửa Bô-ly, nhận được tin báo lập tức nhổ neo lại cứu, nhưng muộn mất rồi. Khi cái tin ấy đưa đến, chính tôi cũng ở cửa Bô-ly.

Chàng Xen-đôn nói:

— Như vậy có lẽ tôi sẽ phải bỏ đảo Uy-gi là một nơi tiêu-thụ rất mạnh.

Chàng Ký-sơn-dung lại nói:

— Ý-kiến của tôi cũng vậy. Thế là chỉ trong vòng có một năm giời mà ông mất tới hai người đại-lý ở nơi đó. Có lẽ cần phải có hai người da trắng ở đó để họ bảo-hộ lẫn nhau..Nơi này là một nơi không tốt. Thuyền ở Mã-lai-tạ đến đấy quấy nhiễu rất tiện lợi, chắc ông cũng chả lạ gì cái sào-huyệt ở bến A-đam.

«Àquên,tôi có mang theogiùm ông một con chó. Con chó này của ông Tô-mi-dương ở đảo Nê-an gửi lại biếu ông đó. Ông ta có nói với tôi trước đây ông ta đã hứa với ông. Con chó này săn mọi tốt bực nhất, Nó mới xuống tầu có hai phút mà bao nhiêu người làm của tôi đều phải sợ chạy toán-loạn, leo lên cột buồm cả, tên nó là con Sa-tăng (quỷ-sứ)

Cô Gian-nê nói:

— Xen-đôn tiên-sinh, thật quả tôi vẫn thường bụng hỏi gia sao ở đây tôn-ông không có được lấy một con chó.

— Cái nỗi khó khăn là làm sao mà giữ được nó, giống chó thích tắm bể lắm, rồi cá sấu nó cũng vồ mất mà thôi...

Chàng Ký-sơn-dung lại dịu-dàng nói:

— Tôi còn cần thưa để ông biết rằng ông Giác Hàn-lê bị giết ở vụng Ma-rô-vô chừng 2 tháng nay.

Cô Gian-nê hỏi:

— Vụng Ma-rô-vô ở đâu vậy?

— Ở cách đây chừng 200 hải-lý. Ở vụng đó đi về phía Tây-bắc thì đến ngay đảo Bưu-ganh-vi... mà chính là đầy tớ của ông ta nó thông mưu với tụi mọi đen để giết thầy, còn một phần người bạch-chủng cùng làm với ông ta thì chốn thoát.

«Ông Mã-tê được tin ấy bèn đáp chiếc Li-li đến tận Ma-rô-vô; khi đến một làng kia, đã thấy đầu lâu ông Hàn-lê bị phơi khô, ông liền cho đốt cháy cả làng, rồi mang cái đầu lâu ấy về.

«Đấy, tôi tưởngđại khái tin tức có thế thôi. À còn truyện tụi mọi ở phía Đông đảo Y-da-ben, không biết chúng dùng cách gì mà kiếm được nhiều súng lắm. Về việc này chính-phủ cần phải điều-tra cho rõ ràng

(1) Đảo Nộ-phong thuộc về Mê-la-nê-di quần đảo. Ở đó hiện có một cái đề-lao.

có lẽ nay mai sẽ phải chiếc tầu Cam-biên sang đấy; chiếc tầu này vừa triệt hạ miền Bi-na kỳ mới rồi.

Sau khi chuyện trò vui vẻ, chàng Ký-sơn-dung cáo-biệt ra tầu. Cô Gian-nê có lời hỏi chàng rằng,

— Ông Ký-sơn-dung ơi, ở trên tầu một mình ông làm thế nào mà thoát khỏi được tay bọn hắc-nô?

Dương đôi con mắt chong suốt, chàng nhìn cô Gian-nê một lát rồi thỏ-thẻ đáp:

— Ồ! Tôi cũng phải biết tùy-cơ ứng biến chứ... Tôi với chúng, cố-nhiên thỉnh thoảng cũng phải xẩy ra những chuyện khó-khăn. Điều đó không sao tránh khỏi được. Cần nhất là không bao giờ tôi để cho chúng tưởng mình là sợ. Mà cái sợ đó một đôi khi tôi không tránh khỏi, nhưng nào chúng có biết đâu!

Khi chàng Ký-sơn-dung ra tầu khỏi chàng Xen-đôn hỏi:

— Đối với chàng thiếu-niên này ý-tưởng cô-nương thế nào? Coi bề ngoài thì ai chả cho rằng chàng không giết nổi con muỗi, ấy thế mà lúc hữu sự chàng cũng biết làm cho tụi hắc-nô táng-đởm kinh-hồn.

«Cách 3 năm trước đây, lúc ấy lên 18 tuổi, chàng mới bắt đầu tập làm quan ba tầu, khi chàng đỗ tầu vào đảo Suy-sơ những dân-cư đảo ấy toàn là đồ vô-lại, toan mưu ngầm để lấy đầu chàng.

«Nguyên lão Bi-ly nhất danh là *Lão-chột* là tên đầu-mục già ở đấy, hắn sai con giai hắn sang Lăng-ga để mộ phu cho những người da trắng. Bất đồ lão mắc bệnh ly rồi chết, thế là người bạch-chủng phải nợ xứ Suy-sơ một cái đầu, không cần phải biết là đầu người nào.

« Chàng Ký-sơn-dung khi ấy còn trẻ quá, chúng tưởng đâu là dễ xử-trí lắm! Chúng bèn phái người đến tầu Mi-nê-va, nói bịa rằng hiện chúng có một toán phu mộ, vậy chàng cho xuồng vào mà đón. Song, khi xuồng vừa đến bến, bao nhiêu người trong xuồng bị giết sạch.

« Chàng Ký-sơn-dung còn một mình ở trên tầu Mi-nê-va, bấy giờ tụi mọi ở Suy-sơ kéo đến bồ vây. Cũng may lúc ấy trong tay chàng đang cầm một mồi cốt-mìn vừa dự-bị sẵn để đánh cá, chàng liền châm mồi cốt-mìn ném vào bọn mọi đen.

« Nay bắt chàng thuật lại câu chuyện cũ ấy, cũng không lấy gì làm thú-vị. Nhưng, chuyện ấy tụi mọi đen thật đáng kiếp! Đương lúc những đứa còn sống sót thi nhau nhảy lộn nhào đầu xuống biển, chàng ung-dung dong buồm, cắt neo cho tầu ra khơi.

« Người ở Suy-sơ tức chàng lắm. Chúng treo giải thưởng cho người nào lấy được đầu chàng... Giải ấy to lắm, to đến 100 sâu tiền hến, trị giá được tới 100 Anh kim.

« Vậy mà cô-nương tưởng chàng ngần-ngại không dám trở lại đó sao? Không. Mới rồi chàng lại đến đó mộ được 30 tên phu cho đồn-điền của anh em nhà Phụng-cương ở Tuy-la-gi ».

Cô Gian-nê đáp:

— Chẳng ngày nào là ngày trí-thức tôi không được biết thêm một điều mới lạ. Quần-đảo Sa-lô-mông này thật là nơi rất đặc-biệt, mà sự sinh-hoạt ở đó cũng có vẻ khác thường. Ở trên địa-đồ, tưởng nên đánh giấu bằng mùi đỏ... mà cả mùi vàng nữa, vì còn là nơi lam-chướng.

Chàng Xen-đôn nói:

— Cái đó không đủ làm một cái cớ cho ta bỏ ráo đó mà đi. Cái bệnh sốt-rét có thể trị được. Còn về phần đảo Ga-na-ca-na, khi nào rừng-rú khai-khẩn hết, nước tù-hãm bài-tiết hết rồi, thì bệnh-ly, bệnh sốt-rét, tất ít xẩy ra. Rồi có một ngày kia, những bệnh ấy tất phải biến mất. Chắc chúng ta sẽ không được thấy cái ngày đó, nhưng ta cũng nên dự-bị cuộc tương-lai.

— Dù tôn-ông nói gì thì nói, tôi vẫn e khí-hậu ở đây không hợp với người bạch-chủng. Không khi nào người bạch-chủng chịu đựng nổi cái nhọc mệt của những công việc

làm bằng tay được.

— Điều đó cũng đáng lo.

Cô Gian-nê dõng dạc đáp lại:

— Thế thì tất nhiên là cần phải nhờ đến nô-bộc!

— Trời ơi, cái đó cố nhiên! Nếu không có nô-bộc thì ít ra cũng phải có nhân-công người da đen, cũng như là mọi nơi miền Nhiệt-đới, bọn hắc-nô phải làm việc dưới quyền cai-quản những người bạch-chủng.

« Mà tôi lại xin nói thêm rằng tụi chúng lười biếng lắm, có khi chúng làm lợi không bõ hại. Rồi tất-nhiên phải lấy giống người da nhuôm nhuôm như người Ấn-độ, người da vàng như người Trung-hoa thay vào».

— Vậy thì bọn hắc-nô sẽ bị tiêu-diệt ru?

— Phải, họ sẽ bị tiêu-diệt, cũng như người Ấn-độ ở Bắc-Mỹ. Nói về nhân-chủng thì người Ấn-độ khi ấy còn hơn bọn hắc-nô bấy giờ nhiều lắm. Mặt đất rộng chỉ có hạn, điều đó cô-nương cũng rõ như tôi...

— Mà những kẻ hèn kém không đủ tư-cách tất phải tiêu-diệt?

— Chính thế đấy. Phàm những kẻ nào mà không đủ tư-cách tất phải chết.

Sáng hôm sau, cô Gian-nê còn đang ngủ, bỗng có tiếng ồn-ào rầm-rĩ làm giật mình tỉnh dậy, nàng vội quai cánh tay vớ lấy khẩu súng lục. Nhưng nghe thấy tên Nô-át đứng cạnh ở ngoài cười nức cười nở, nàng biết ngay rằng: không xẩy ra chuyện gì nguy-hiểm, liền đứng dậy đi ra xem có chuyện gì.

Thì ra chàng Ký-sơn-dung đem con chó Sa-tăng đến, giữa lúc một toán hắc-nô đang đi qua bờ biển.

Con Sa-tăng to lớn, khỏe mạnh, lông đen, đuôi ngắn, có lẽ cân nặng tới 70 cân. Nó không ưa tụi hắc-nô một chút nào. Nó có tính ấy, là vì chàng Tô-mi-dương cứ ngày ngày đem trói nó lại, rồi bắt 2, 3 tên mọi đen chêu-chọc nó hàng mấy tiếng đồng-hồ, để gây cái lòng ác-cảm của nó đối với tụi kia.

Bởi thế khi nó mới bước chân lên bờ, nó liền làm cho bọn kia chạy toán loạn cả về phía vườn dừa.

(Còn nữa)

Một cuốn sách *thiết-thực* có ích-lợi vừa xuất bản do Nhà-Nước thông-dụng:

LUẬT TRƯỚC-BẠ MỚI

Thể-lệ đương thi-hành thuế trước-bạ, tem, ốp-bộ và Địa-bộ, có thí-dụ dẫn-giải rõ ràng

ĐÔNG-MAI

NGUYỄN-QUANG-THAI

soạn

Sách này sau khi quan Chánh Trước-Bạ Đông-Pháp và quan Chánh Địa-Bộ Đông-Pháp xem qua rồi, Toà Trước-Bạ Trung-Ương lại kiểm-duyệt cẩn-thận

Công-văn số 4.117-E, gửi ngày 27 Septembre 1930,

Quan Giám-Đốc Tài Chính Đông-Pháp có giới thiệu với:

Quan THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Quan KHÂM-SỨ TRUNG-KỲ,

Quan THỐNG-SỨ BẮC-KỲ.

nên mua quyển này cho các chức-dịch chốn hương-thôn thông-dụng, vì là một quyển sách thiết-thực rất có ích-lợi cho nhân-dân.

Sách giấy 90 trang **Giá 0$60**

Có gởi bán ở các hiệu sách lớn các nơi.

Ở xa nếu muốn viết thơ thẳng về bản-quán mua, mỗi cuốn xin gởi thêm 0$20 tiền cước.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bắc-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình.

Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘沱書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

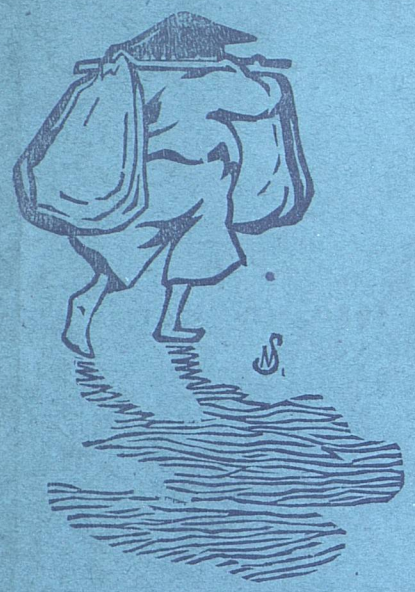

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại: *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển*; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Đã có:

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại). Giá . . . 0,20

Đã đưa in:

3. — **Khối-tình con** (thứ ba).

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh trọng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiệu **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-tượng, thần-dư, rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc **hiếu** cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự đủi do ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin có đủ các thứ **cực phẩm**, kiểu đẹp giá rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không đám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đắt vân vân.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thơ chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê
Thác xe. Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

舉美號
殯車馬
出賃局
賣花圈
價大賤
開報事
不取費錢
河內正所行廚街十號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

27/5/19

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 40

NGÀY 7 MAI 1932

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 17536

安南雜誌

Dépôt Légal
Hanoi, le 7 Mai 1932

IMPRIMERIE TRINH HUA BICH
內河卓
壁文雜
館印
HANOI

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm .	5$00	7$00
Nửa năm .	2,60	3,80
Một số . .	0,10	0,15

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

BIBL. CENTR. HANOI
C 114

Khẩn-cáo

Bản-chí lần này tái bản được phần nhiều các ngài đại-lý ở các nơi sẵn lòng cổ-động, nên số độc-giả vẫn một ngày một tăng. Lại quý-hóa nhất là về việc tiền nong, tháng nào cũng tính toán trao giả sòng phẳng, vậy xin tiện đây ngỏ nhời kính tạ. — Duy có một vài ngài ở xa có lẽ vì bận việc quá mà sơ nhãng nên mãi đến nay cũng chưa cho biết việc tiêu-thụ ra sao. Tuy đã có thư nhắc hỏi, mà vẫn chưa nhận được giấy trả lời của các ngài. Vì không muốn để các vị độc-giả phải phiền lòng, nên Bản-chí vẫn gửi báo tiếp, nhưng đương buổi kinh-tế khó-khăn này, những điều như vậy, thật rất thiệt-thòi cho bản-quán.

Vậy trước khi thưa rõ từng ngài trên Bản-chí, xin ân-cần nhắc lại một lần này nữa, mong rằng các ngài lưu-ý cho.

Đa hạnh

An-Nam Tạp-Chí

Vì muốn cho phổ-cập, nên từ trước tới nay, bản-chí bán ở trong ngoài vẫn có một giá. Nay vì nhà giây thép tăng giá bưu-phí (mỗi số 0$02) nên Bản-chí phải tăng giá mua năm ở bên ngoài một năm là 7p.00, nửa năm là 3p.80. Xin các vị độc-giả ở Hải-ngoại chú-ý.

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy dạ bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thì ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v..v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**

Nº 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, đong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả. **Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50**

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thư về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hàu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-hoạt 11 Av. Maréchal Foch Vinh.

MUỐN GIỮ ĐẠO-LÝ HÒA-BÌNH TRONG XÃ-HỘI, AN-NAM TẠP-CHÍ SẼ CÓ LẬP RA VIỆC ĐIỀU-TRA.

Xưa nay phàm muốn kết họp một số đông người, nhiều người, gom tài góp sức để cùng làm công việc to lớn, theo mục-dích xa thẳm, thời trong phần người khá đông ấy, tất không thể lấy cái tâm-lý không tốt, cùng nhau ăn ở, mà có mong cùng nhau làm nên. Xem như ở chỗ hương - thôn ta, làng nào mà những người đản anh không ra gì, hay sinh hiềm-khích kiện tụng nhau, thời làng ấy tất phải nát. Làng đã nát, thời sự-sinh-hoạt của chúng tất phải kém, còn mong trở nên giầu-có thịnh-vượng sao? Cho nên *công việc tiến-thủ của quốc-dân*, cần phải có trông ở cái *đạo-lý hòa-bình trong xã-hội.*

Xưa từ Tạp-chí *Hữu-thanh* đã mất hết thanh-giá, hai chữ « *hữu-ái* » trong xã-hội chỉ như tiếng nói để chế riễu nhau hoài. Ấy do những người ít tâm-huyết cùng nhau đem làm truyện mua cười; mà tự người có tâm-huyết nghe ra, chính thêm bao nỗi ngậm-ngùi vậy. Hữu-thanh tạp-chí đã không cùng với quốc-dân cùng sống, cái chủ-nghĩa hữu-ái cũng khuất, mà cái tình hữu-ái trong xã-hội càng khó mong. Chúng ta nếu đã không thể cùng nhau hữu-ái để sinh-hoạt trong cái đời cạnh-tranh; thời cũng nên giữ lấy cái đạo-lý hòa-bình để cùng nhau cầu-thả sinh-tồn, sẽ liệu tính trên đường tiến-thủ.

Cứ công-việc tiến-thủ mà nghĩ, nhà ngôn-luận chẳng qua chỉ là có ngôn-luận; thực-hành tiến-thủ thời phải trông ở các nhà thực-hành. Các nhà thực-hành trong quốc-dân là ai? Hãy tính như một phần là người có tài-học và một phần là người có tư-bản.

Phần người có tài-học, ý tôi muốn nói đây, chú trọng ở những người từng có đi du-học ở ngoài, có chuyên-khoa thực-học. Nay ví như muốn lập một cái công-sưởng khá là vĩ-đại, sự biết nghề phải cần người có thực-học, sự bỏ vốn phải cần người có tư-bản, nhẽ rất rõ-ràng. Nếu trong khoảng giữa hai người ấy, có một cái sức ma-mãnh do hiềm-khích, oán-ố, bỉ-di, lãnh-đạm, làm cho không thể liên-lạc được cùng nhau; như thế thời cái việc sáng lập công-sưởng kia, dẫu có người đứng giữa hết sức liên thân mà cũng không có hiệu ích gì cho sự-thực. Hãy nói như công việc lập một cái công-sưởng mà phải cần đến đạo-lý hòa-bình còn đã như thế; huống chi công việc tiến-thủ của toàn-dân một nước, phiền-phức rộng lớn biết là bao, tưởng lại không những chỉ cần ở hai hạng người tư-bản và thực-học mà thôi, mà phàm các hạng người trong quốc-dân đều dự có ít nhiều chức-trách.

Nay xin lấy bình-tình thử nghĩ về các hạng người hiện-tại ở trong nước.

Trình-độ quốc-dân ta mới đến có như thế, thời các hạng người trong quốc-dân cũng đều mới đến có như thế. Trong mỗi hạng, hạng nào cũng có ít người hơn, cũng có ít người kém, cũng có ít người dở, cũng có ít người hay. Quan-trường, giáo-giới, tân-học, cựu-nho, báo-giới, nghị-trường, công thương, tư-bản,... nếu chỉ-trích một hai người để nói láng-lai cả một hạng, thời hai mươi lăm triệu dân Hồng Lạc còn dư giá-trị được là bao! Tóm lại tự người nói chí là nói lấy cho sướng mồm, thực không có ích gì cho sự hay dở của Quốc-dân, mà chỉ thêm gây mối ác-cảm bất-hòa trong xã-hội. Nếu cái phong-tập ấy không cùng nhau sửa đổi, lâu lâu hạng người nọ đối với hạng người kia, kết oán lan nhau, tật ố lẫn nhau, cả nước sẽ đều như mác mộc vậy.

Truy nguyên cái ác-tập ấy thịnh hành trong quốc-dân, nếu cũng theo cách chùm-lớp mà nói đi, Báo-giới thực không thể chối khỏi là *thủ-ác* (1).

***

Nhớ một khi tôi đi trên xe lửa, con đường *Hanoi — Vinh*, gặp một ông Thanh-tra sở xe-hỏa, người An-nam, là M. *Lê-văn-Thịnh* cùng nói truyện. Ông Thịnh hỏi tôi rằng:

(1) — 首 惡 — Kẻ đầu tội.

— Trong các báo, tại sao cứ hay gây truyện cãi nhau ?

Tôi nói :

— Các báo hàng ngày, thực tôi cũng ít xem, cho nên cũng không biết được rõ. Nếu có phải thế, có lẽ cũng vì xã-hội hay thích nghe cãi nhau, cho nên người làm báo cũng nhân tiện chiều theo ý độc-giả mà viết.

Ông Thịnh lại nói :

— Chúng tôi tưởng các Báo-quán là cái chức-trách phải làm hướng-đạo cho quốc-dân ; nếu như thế thời các ông lại đi theo chúng tôi, còn gọi là hướng-đạo thế nào được !

Ông Thịnh nói đến câu ấy, tôi chỉ buồn cười mà không có câu gì đáp lại nữa. Nay nghĩ câu truyện thật buồn cười, mà thật có một chút giá-trị. Các anh em trong Báo-giới, ai nghĩ cùng chăng ?

* * *

Nghĩ như : khen chê là sự thưởng phạt chung trong xã-hội, Báo-quán lại là cái cơ-quan ngôn-luận của quốc-dân, sự-thể rất không tầm-thường, chức-trách rất không bé nhỏ. Nếu sự khen chê, lời ngôn-luận của một Báo-quán nào ấn hành ra, mà không là hợp lẽ công-bằng, theo đạo chánh-đáng, thời cái lỗi của Báo-quán ấy chính cũng như một người làm quan mà tự mình can-phạm pháp-luật, một người làm giáo-chức mà tự mình can-phạm lễ-giáo, đều là có phụ chức-trách mà nên phải có trừng-phạt, cho được hợp với công-lý, và làm gương cho kẻ khác biết cẩn-thận giữ mình. Lại nghĩ như : thuộc việc hành-chính, việc giáo-học, nhà-nước đều đã có ủy-viên Thanh-tra để kiểm-xoát điều-tra những kẻ nào phụ chức. An-nam tạp-chí, về chức-trách ngôn-luận, thực coi thống cả công việc trong ba kỳ, vì « *muốn giữ đạo-lý hòa-bình của xã-hội An-nam ta* », sẽ xin vì xã-hội lập ra *việc điều-tra* để tra xét những sự khen chê, lời ngôn-luận của các Báo-quán đã ấn-hành ra trong khoảng *20 năm gần đây*, để trừng-trị những kẻ nào *ngôn-luận không công*, để rửa sự *oan-ức bất-bình* cho những kẻ đã bị sự ngôn-luận không công ấy làm cho tổn hại đến danh-giá. Hiềm vì công việc phiền kịch, mà Bản-quán nhân-viên có hạn, khó lấy người đâu đủ dùng. Vậy mong thêm ở các bạn Độc-giả trong quốc-dân, ai có thấy sự ngôn-luận không công ở một báo-trương nào in ra, mà muốn cho Bản-chí được xét biết, xin cứ viết giấy và đính cả tờ báo ấy gửi về nơi Bản-quán. Bản-chí sẽ theo đạo công-bằng, tường-tế tra xét, hoặc nên trừng-trị, hoặc nên bỏ đi, cốt mong giữ lấy *đạo-lý hòa-bình trong xã-hội*, để cùng mưu *sự tiến-thủ của quốc-dân*, thực là một việc có quan-hệ đến hạnh-phúc của Đồng-bào chẳng bé vậy. Mong ai nấy để ý !

Le Directeur de la Revue Annam

Nguyễn-khắc-Hiếu

Thiên chính-luận của Tuân-Tử

Người đời thường nói rằng : « cái lối làm người trên lợi ở chỗ kín-đáo » điều đó là sai. Vua quan là người sướng xuất cho dân, người trên là khuôn phép cho kẻ dưới. Đằng kia họ chỉ đợi nghe tiếng xướng lên để mà hưởng-ứng, trông cái khuôn-mẫu để mà cử-động; nếu tiếng xướng lên mà im bẵng, thì dân không biết đâu mà thưa, cái khuôn mẫu mà dấu kín thì dân không vì đâu mà cử-động. Không hưởng-ứng, không cử-động, thì người trên kẻ dưới không còn cần gì đến nhau nữa, như thế cũng như là không có người trên vậy : cái đó rất là một điều không hay. Cho nên người trên tức là một cái gốc của kẻ dưới.

Ở trên rõ rệt, thì công việc ở dưới phân-minh, ở trên thành-thực ngay-thẳng thì người dưới thật-thà mộc-mạc. Người trên công-minh chính-đại, thì ở dưới dễ biết theo đường thẳng. Công-việc phân-minh thì dễ làm cho được nhất-trí, thật-thà cổ-lỗ thì dễ sai-khiến, theo đường thẳng, thì dễ biết gian ngay. Dân dễ được nhất-trí thì tất mạnh; dễ sai khiến thì tất có công-hiệu; dễ biết gian ngay thì tất công-minh cái cơ trị-an tức là ở đấy. Người trên mà giấu giếm thì kẻ dưới tất ngờ-vực; người trên u-hiềm thì kẻ dưới tất gian-trá; người trên cong-queo thì kẻ dưới tất sinh ra bè đảng vậy. Ngờ-vực thì khó làm cho được nhất trí, gian-trá thì khó sai khiến, bè đảng thì khó biết, mà không được nhất trí thì không mạnh; khó sai-khiến thì không có thành-công khó biết thời khó minh xét gian ngay, cái cơ biến loạn tức là ở đấy; Cho nên cái đạo làm người trên lợi ở chỗ sáng sủa, chứ không ở chỗ tối-tăm, lợi ở chỗ rõ-rệt, chứ không ở chỗ kín-đáo. Cho nên đạo làm người trên sáng-sủa, thì người dưới được yên vui, người đạo trên tối tăm thì người dưới phải lo sợ. Cho nên người dưới yên-vui thì yêu người trên, người dưới lo-sợ thì ghét người trên. Cho nên người trên dễ biết thì được kẻ dưới thân-yêu, người trên khó biết, thì kẻ dưới khiếp-sợ. Người dưới yêu, thì người trên được yên-lành, người dưới sợ thì người trên bị nguy khốn; cho nên cái đạo làm người trên không gì đáng ghét bằng khó biết, không gì đáng lấy làm nguy bằng làm cho người dưới sợ mình. Cho nên các đứng minh-quân đời xưa cốt sáo rõ-rệt cái đức-chính của mình, chứ có chỉ cốt làm cho có vẻ huyền-bí mà thôi đâu.

Mai-Khê *dịch*

ĐỌC BÀI « VĂN-CHƯƠNG PHIẾN-LOẠN » CỦA ÔNG NG.-VĂN-VĨNH TRONG BÁO « ANNAM NOUVEAU »

CHỦ-NGHĨA ĐỀ-HUỀ PHAN-BỘI-CHÂU VỚI CHỦ-NGHĨA CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH BỐ-LÍT *SÙNG-BÁI ANH-HÙNG VỚI PHẤN-ĐẤU CUỘC SINH-HOẠT*

I

Mới nghe cái đầu đề trên, chắc hẳn anh em chị em ba kỳ, ai cũng lấy làm kinh-dị. Mà kinh-dị là phải, vì cụ Phan-bội-Châu với người lính bố-lít, nhân-phẩm, tánh-cách, tài-năng, vị-vọng cho đến hoàn-cảnh, quá khứ, hiện tại và tương lai nữa tuyệt nhiên không có chút mảy may gì là đồng nhau. Cái «con người» đã không đồng tất nhiên chủ-nghĩa phải khác. Chưa nói chủ-nghĩa Đề-huề Phan-bội-Châu thực-hành ra, hay dở, lợi hại thế nào, song quyết là khác với chủ-nghĩa của người lính bố-lít. Khác hẳn, mà có phải khác sơ sơ đâu, khác như Kim-tinh với Địa-cầu, cách xa nhau luôn luôn kia. Đều ấy không những cụ Phan-bội-Châu tự nhận là thua hẳn người lính bố-lít, mà toàn người Nam và cả người Pháp nữa cũng không ai mong cho cụ thực-hành cái chủ nghĩa Đề-huề của người lính kia bao giờ.

Thế mà hốt-nhiên nghe có người đem cái chủ-nghĩa Đề-huề Phan-bội-Châu mà so sánh với chủ-nghĩa thực-hành của một người lính bố-lít hạng bét, bảo ai không lấy làm lạ! Mà có lẽ người Pháp lại lấy làm lạ hơn người Nam nữa kia, vì cụ bỏ nước ra ngoài đã trên 20 năm (từ năm 1905 đến 1925), về nước mới có 7,8 năm nay. lại nằm yên một chỗ không giao-du với ai, nên người Nam có người không rõ lịch-sử thế nào, nhứt là bọn thanh-niên chỉ nghe tên và thấy mặt mà thôi. Đến như người Pháp thì sự hành-động của cụ trên 30 năm nay,..... .....nên người Pháp càng biết cụ rõ-ràng hơn; vì biết rõ-ràng hơn nên đối với câu so sánh trên càng lấy làm lạ hơn, ấy là lẽ tất nhiên. Vậy ký-giả xin nói rõ lai-lịch cái đầu đề trên phát khởi tự đâu, rồi sau sẽ bàn giải vài lời cho bà con nghe.

Cái đầu đề lạ đời ấy, khởi đầu tự ông Nguyễn-văn-Vĩnh. Ông Vĩnh, còn ai lại không biết, làm chủ nhà in Trung-Bắc, hai tờ báo lớn chữ Pháp và chữ Nam (*Annam Nouveau* và *Trung-Bắc Tân-Văn*), lại Đại-biểu cả Chánh-phủ và cả nhân-dân trong các Hội-đồng mà người Nam người Tây ai cũng nghe tiếng. Mới rồi trong báo *Annam Nouveau* số 116 ra ngày 10/3/32, ông Vĩnh có viết một bài đầu-đề là « LITTÉRATURE SÉDITIEUSE » (*Văn-chương phiến loạn*). Nhân vụ «Sách Chơi Xuân» người viết sách là ông Trần-tuấn-Khải và người xuất bản là ông Nam-ký bị bắt, mà ông Vĩnh phát biểu ý-kiến, trong có câu so sánh lạ đời mà ký-giả trích làm cái đầu-đề trên kia. Đại ý ông nói (trích-dịch đại-lược) :

«Cần phải phấn-đấu, cần phải sinh-hoạt..... Các nhà thi-sĩ tán-dương anh-hùng anh-thư đời trước, như Trần-Hưng-Đạo, bà Trưng, nhưng sự-nghiệp các ngài đã quá mùa rồi..... Còn ta đây ngay trước mắt ta lúc nào cũng thấy hiện ra cảnh-tượng chậm bước, tự biết mình chậm bước và tình-nguyện đẩy mình vào cái đời mới, vậy phải phấn-đấu trong vòng khuôn cái đời sinh-hoạt mới, chớ không phải ở trong trường sở mơ-mộng của cái đời quá khứ hẳn rồi.....»

Đoạn này lời lẽ xác-đáng, thiết-thực, mà có vẻ nghiêm trang, tỏ ra lời văn của một nhà học-thức, kinh-nghiệm. Không rõ vì cớ gì mà đang lúc ngòi bút lâm ly, khi văn hùng dỏng, hốt nhiên pha giọng say mà bựt ra một lối so sánh kỳ khôi, là đem **chủ nghĩa Đề-huề Phan-bội-Châu mà so với chủ-nghĩa thực-hành của người lính bố-lít hạng bét.**

Ông nói như vầy:

« Phan-bội-Châu là một nhà thi-sĩ thần thánh đến thế nào, trong khi ông còn trốn bên Tàu bị tầm nã riết, rõ thật là một kẻ mà ai cũng mong làm nên công-nghiệp vẻ vang kinh động. Rồi được ân xá về, ngồi cho thiên-hạ sùng bái ở kinh-thành Huế rồi dần dần kẻ sùng bái ông, thấy các bài diễn văn càng ngày càng vô vị, nhứt là những lời tán-dương chủ nghĩa Đề-huề, cái chủ-nghĩa mà người lính bố lít hạng bét thực-hành còn thạo hơn ông...»

Ấy đó, bà con nghe xem, cái câu so-sánh lạ đời chưa! Phỏng như câu so-sánh ấy mà xuất tự miệng một người vô danh tiểu tốt, như « Chuyện lạ ở Huế » năm trên, thì cứ mặc kệ nó, không bao lâu mà lời nói kia theo mây theo gió, không nói làm gì. Ai đời cái câu so sánh không loài 擬人不倫 như thế, mà xuất tự ngòi bút một người học-thức, lịch-duyệt, danh vọng lừng-lẫy như ông chủ báo *Annam Nouveau*, thì không thể xem như gió bay ngoài tai mà cho là không quan-hệ được.

Phàm người ở trên đời, ai cũng có cái bản-năng và hoàn-cảnh của nấy, nên có cái làm được, có cái không

làm được (人各有能有不能). Trên cái đường bờ hẹp ngỏ cùng, con mang con chồn qua lại đua chạy như bay, mà con ngựa thiên lý kia tới đó tất nhiên phải dừng bước; không thể trách được chim dều chim ó, sao không hót như con nhồng, con vẹt. Cái lẽ dễ hiểu ấy, ông Vĩnh lại không rõ hay sao? Vậy thì chủ-nghĩa Đề-huề Phan-bội-Châu mà thực-hành ra không thạo hơn người lính bố-lít hạng bét, chính cụ Sào - nam cũng tự biết mà công chúng cũng biết thừa, không đợi ông chủ báo *Annam Nouveau* nói, mà người ta mới hiểu. Song có một đều ai ai cũng thấy rõ, mà hình như ông Vĩnh trong khi cầm bút viết đoạn này lại quên lửng đi, tức là:

Năm mươi năm nay, chủ nghĩa Đề-huề của Phan-bội-Châu (chưa nói hay dở), chỉ có một Phan-bội-Châu; mà chủ-nghĩa thực-hành của người lính bố-lít hạng bét kia thôi thì hằng hà sa số.

II

Câu so-sánh trên, giải qua như thế là đủ.

Nhân tiện, tôi nhắc lại đoạn trước trong bài ông Vĩnh về chỗ sùng bái anh-hùng đời xưa, với phấn-đấu trong đời sinh-hoạt mới... Trên kia tôi đã nhận đoạn ấy là xác đáng thiết thực, song có chút dị đồng, xin bày tỏ luôn.

Về đoạn tôi sắp nói dưới nầy, xin thưa trước một điều, tôi không phải hồi hộ lối thi văn mà ý nghĩa rỗng toét, hay là bênh vực gì ông Trần-tuấn-Khải mà cho đến cụ Phan Sào-Nam cũng thế. Tôi vẫn nhận thi văn là một thứ mỹ thuật, nó có giá-trị tồn tại được, thì dầu ai có dầy vò xô đuổi, nó cũng cứ tồn tại; bằng không, thì tự nhiên nó phải theo cái công lệ thiên diễn đào thải, dầu thần thánh cũng không sao vãn hồi được, nên tôi không biện-bạch gì chỗ đó. Tôi chỉ nói cái điều kiến giải về chỗ «sùng bái anh hùng với phấn-đấu trong cuộc sinh-hoạt mới» mà thôi.

Theo như ý ông Vĩnh, phấn-đấu với cuộc sinh-hoạt mới, thì cứ phấn-đấu, không cần sùng bái anh hùng nào hết, sùng bái không những là vô ích mà xem như có ngăn trở trên con đường sinh-hoạt mới nữa kia.

Cuộc sinh-hoạt mới, thì cách phấn-đấu cũng phải mới, không thể đem lề lối ngày xưa mà đối phó với cơ cuộc ngày nay, điều ấy tôi vẫn biểu đồng-tình. Tuy vậy, sùng bái anh-hùng là tâm-lý chung của loài người, nào có riêng chi dân-tộc Việt-nam ta đâu! Thời-đại xưa nay có khác, cơ cuộc sinh-hoạt mới cũ có khác, thủ-đoạn đối phó với hoàn-cảnh có khác, mà cái lòng thương nòi yêu giống, vì nước quên mình, cùng tư cách cao-thượng, chí-khí kiên nhẫn của anh-hùng đời xưa có khác gì anh-hùng ngày nay đâu! Xem như Âu-Mỹ, cách phấn-đấu với cuộc sinh-hoạt mới hăng hái đến bực nào, mà người Pháp vẫn sùng bái bà Ran-Đạc, ông Nã-phá-Luân, người Mỹ vẫn sùng bái ông Hoa-thịnh-Đốn, ông Lâm-Khảng v. v..., tượng đồng bia đá kỷ niệm hình hương, gấp mấy người mình đối với bà Trưng, đức thánh Trần kia, mà có phòng hại gì đến cuộc sinh hoạt mới của họ đâu? Như nói quá mùa, thì mấy bực anh hùng anh-thư nói trên, đoi với hoàn-cảnh của họ ngày nay cũng là người danh nhân trên lịch-sử đã qua mùa rồi kia. Vậy tôi có thể nói chắc rằng: phàm dân-tộc nào không có cảm-tình trên lịch-sử, cũng như cái cây không gốc, nên dân-tộc càng văn-minh thì cảm tình trên lịch-sử lại càng nhiều, mà tiêu biểu cho mối cảm tình ấy tức là tấm lòng sùng bái những bực anh-hùng anh-thư; cái tâm-lý ấy không những không phòng ngại gì trên đường sinh-hoạt mới, mà lại là một cái mãnh lực vô hình đứng ở sau lưng mà giục người sau bước lên con đường phấn-đấu sinh-hoạt vậy.

Trên là nói chung, chớ nói riêng về dân tộc ta đương khoảng mới cũ dở dang, nhứt là trong cuộc lộn xộn này, thì phò thực cái tâm-lý sùng bái danh nhân, lại càng cần thiết hơn nữa. Sao thế? Phàm một dân-tộc hay xã-hội nào mà gặp cái khoảng quốc thị mo-màng nhân tâm hoảng-hoặc, như hiện tượng xã-hội ta ngày nay, trước hết do cái cõi tư-tưởng của phần đông, không chỗ qui túc, như cá kia mất vực, chim nó lìa rừng, vơ vẩn chơi vơi, không biết nương dựa vào đâu, mà sau mới sinh ra cái nạn chạy càn rúc bậy. Hiện cõi tư-tưởng ta ngày nay ra thế nào?

a/ Hán-học là một thứ mấy ngàn năm dùng để đào-tạo lòng người, nay đã xếp vào viện tàng-cổ mà không ai hỏi đến, và phần nhiều vì cái cớ không thích, mà sinh lòng chán ngán.

b/ Luân-lý lễ giáo cho đến phong tục tập quán, vì cuộc sinh-hoạt đổi mới mà sa vào cái lẽ đào-thải.

c/ Quân quyền chuyên-chế, chính là cái nền chánh-trị nước nhà trải trên ngàn năm, mà trên cái nền chánh-trị ấy, sở dĩ thu thập lòng người làm cho công chúng tín nhiệm không phải tại chỗ hiệu lệnh suông mà tại có thực sự, như: giảm thuế nhẹ hình, v.v... (giảm thuế, nhẹ hình là hai đều cốt yếu trong nhân chánh). Ngày nay cuộc thế đổi dời, cái lối nhân chánh xưa không sao thực-hành được.

d/ Tới một bước nữa thì võ lực với nghiêm hình là thứ lợi khí để phòng vệ trong cuộc công an, song chỉ thi hành trong lúc tạm thời, không thể chuyên cậy nó làm thứ độc nhất lâu dài trong cuộc cai-trị. Nói tóm lại là bao nhiêu những cái dùng để vạch đường xu-hướng cho quốc-dân, khiến cho cõi tư-tưởng có chỗ qui túc để bước lên con đường «Pháp-Nam hợp tác», con đường mà phần đông người tri-thức cho là thích hợp với cuộc sinh hoạt mới, đều bị lay chuyển mà không có cái gì đứng yên. Nghiệm như những cuộc biến-động trong khoảng 5, 6 năm nay, chính bởi cõi tư tưởng bơ vơ ấy tự nhiên gây ra, mà chẳng có văn-chương gì đủ gánh cái tội phiến-loạn ấy cả . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Theo con mắt hẹp hòi của tôi, ở xã-hội ta ngày nay và từ nay về sau,

đến đâu hay đó, không nói đến trật tự, không nói đến trị an và không nói đến phấn đấu sinh hoạt gì gì thì thôi, bằng như nói đến mấy đều ấy thì trước nhứt và cần nhứt là phải nêu một cái gương sáng suốt chân chánh trước tai mắt mỗi người cùng nghe cùng thấy, để xoay cả các mối tư tưởng chung về một chiều, mà cái gương sáng suốt chân chánh ấy không chi bằng cái gương danh nhân ái quốc trên lịch sử Đông Tây xưa nay — nhứt là danh nhân nước nhà lại càng thân-thiết hơn.

Ông Vĩnh lại nói: «*Trước con mắt ta, lúc nào cũng thấy hiện ra cái cảnh tượng một đám người chậm bước*». Thật vậy, dân-tộc ta ngày nay trăm đều sa sút, chỉ còn có một cái nền mỏng mảnh tý ty là cái tâm lý sùng bái danh nhân, gốc tư trong lương tâm của loài người, lưu truyền đã lâu đời mà lại hợp với tâm lý các dân tộc văn minh ngày nay, vun đắp bồi bổ thêm lên, may có nuôi được cái mầm tấn thủ phấn đấu, chung công hợp sức cùng dân tộc văn minh là người Pháp, mà phòng vệ cuộc trị an, duy trì nền trật tự, đặng sống còn trong cái hoàn cảnh tứ bề sóng gió lay động nầy. Nay ông Vĩnh lại toan ra tay mà xô sụp cái nền mỏng mảnh ấy đi sao?

Sóng bạc nhảy trời, một tấc bờ đê (chỉ cái tâm lý sùng bái anh hùng) xem như không quan hệ gì, mà chung quanh tấc đê ấy, biết bao nhiêu tánh mạng nhờ nó mà khỏi chìm. Đào tấc đê ấy đi, thì cái họa sụp cửa trôi nhà sau nầy, chưa biết đến đâu là hạn, mà có lẽ nòi giống cũng đi theo dòng nước, không gì ngăn được; mà dầu ngăn được, cái họa đã tràn ra cũng không phải ít! Xe trước sờ sờ, trên khoảng vài ba năm nay, không phải là nêu cái huy hiệu «phấn đấu cuộc sinh hoạt mới» hay sao? Mà thành hiệu ra thế nào?... Thế mà ông Vĩnh còn mong tạo ra hạng người «không biết không nể ai» (無忌憚 nữa)!!

Lòng lấy làm nguy, không dám làm thinh, mấy lời gan phổi, xin chất lại ông Vĩnh và anh em thức giả người Nam và người Pháp.

Huỳnh-thúc-Kháng

TINH-THẦN CHƠI ĐỒ CỔ

Tại phòng tiếp khách của T. C. K. trang hoàng theo lối Trung-Hoa.

T. C. K. — Người đời đua nhau chơi đồ cổ, nhưng thực không mấy người hiểu đến tinh-thần chơi đồ cổ? Thấy bầy đồ sứ, treo đĩa sứ là theo thời thức thì cứ bầy, cứ treo, bỏ hàng trăm hàng nghìn ra mua cái thống, cái bát, để có thể khoe-khoang rằng mình có những vật mà kẻ khác không có. Giá ta hỏi bác sinh chơi đồ cổ đó: «bày cái thống ở giữa nhà để làm gì?» thì thực khó lòng mà bác trả lời ta được.

T. K. G. — Thiết-tưởng chơi đồ cổ chỉ có một nghĩa chuộng mỹ-thuật, chứ cần gì phải có mục-đích lợi-ích mà cần biết bày nó để làm gì. Bày nó để bài-trí cho đẹp mắt.

T. C. K. — Nếu thế sao không mua những lọ những tượng thời-trang của Nhật-bản mà bày, lại cứ phải những đồ sứ đời Thành-hóa, Khang-hy. Đồ Nhật-bản lắm cái lại không đẹp gấp mấy mươi cái bát hương tí-hon kia mà tôi trả tới những năm chục bạc hay sao.

N. T. — Phải tôi cho những người bỏ ra hàng trăm mua đồ sứ tầu cổ là điên rồ hết. Những salons bầy theo kiểu Thái-tây vừa rẻ vừa lịch-sự hơn.

T. C. K. — Anh nói ra ngoài đầu đề mất rồi. Đây tôi chỉ bàn đến tinh-thần chơi đồ cổ mà thôi kia mà!

N. T. — Làm gì có tinh thần chơi đồ cổ!

T. C. K. — Ấy chết! Sao lại không có? Ở đời không sự gì, dù nhỏ-mọn đến đâu mặc lòng, là không có ngụ ý một phần vật-chất và một phần tinh-thần. Uống rượu như Lý-Bạch, đó là uống rượu có ý nghĩa tinh-thần, uống rượu để tìm nguồn thơ: Linh hồn nhà thi-sĩ theo hơi men mà bay cao không biết đến đâu là cùng, mà tỏa rộng không biết đến đâu là tận, cùng chị Hằng rọi sáng, cùng đóa hoa chúm-chím, cùng tiếng đàn bồng trầm, cùng hương trầm tỏa khói, cùng những cái trong cái sạch, cái đẹp cái thơm ở trong vạn vật mà biến ra trăm hình nghìn trạng. Trái lại, uống rượu như mấy gã thiếu-niên ở nhà bọn xướng ca thì tục-tằn biết bao, vì mục-đích chỉ cốt được hăng-hái mà nô-đùa cho thích chí, cho thỏa lòng dục-lạc. Thôi thì say sưa, nói liên-thiên, hát nghêu-ngao như lũ điên lũ cuồng...

T. K. G. — Anh cũng nói ra ngoài đầu-đề rồi! Sao lại ví sự chơi đồ cổ với sự uống rượu?

T. C. K. — Kẻ mê đồ cổ cũng giống kẻ mê uống rượu. Nói nghiện có lẽ đúng hơn, vì cũng như nghiện thì rượu, đã nghiện đồ cổ thì không sao bỏ được. Nhưng cũng như nghiện rượu, có kẻ nghiện đồ cổ theo cách tinh-thần, có kẻ nghiện đồ cổ theo cách vật-chất.

Kẻ kia, nghe nói ở hiệu bán đồ cổ mới có cái liễn Khang-hy quý lắm chạy vội ngay lại xem, tấm-tắc, khen nước men, mầu thuốc, nét vẽ hình dáng: thực là một cái liễn hoàn toàn. Đắt mấy cũng bỏ tiền ra mua, rồi nâng niu bưng về bầy vào tủ kính, đặt ngay bên cạnh cái chóe, hoặc cái lọ cũng thuộc đời Khang-hy. Từ ngày ấy, động có khách đến chơi nhà, là vội khoe:

«Dám chắc cả nước Annam chỉ có mình tôi có cái liễn này. Quan Thiếu Hoàng có một cái, nhưng lại mẻ, quan Thượng Nguyễn cũng có một chiếc, nhưng bé hơn mà lại nứt,» . . .

Chơi đồ cổ như anh chàng đó, rất có ý-nghĩa tục-tằn, vì chỉ cốt để xướng con mắt, mà nhất là để toại lòng kiêu-hãnh, cũng như kẻ nghiện rượu kia nốc champagne hết chai lớn chai nhỏ cho lòng Khoái-lạc mà thôi, ngoài ra không còn có ý nghĩa gì khác nữa. Giá một ngày kia, hắn thấy có người cũng mua được cái liễn như của

hắn, thì chắc là hắn không thích các vật hắn nhắm mắt nựng-niu khi xưa nữa, và hắn đem bán rẻ đi ngay, vì lúc đó, cái lòng tự-phụ, cái tính hiếu-kỳ của hắn sẽ bị tiêu-tán hết.

Hãy hỏi hắn: « sao lại bày chiếc liễn đựng cơm ở bên cái lọ cắm hoa? » Vì nó đồng-thời? Vì nó đồng sắc? Vì nó đồng giá-trị? như thế, thì có khác gì anh làm vườn trồng khoai cùng một luống, cà cùng một khu chăng? Như thế thì có khác gì anh bán đồ bày hàng không? Trời ơi! bao giờ ở đời hết được bọn kiêu-hãnh, chỉ bày la liệt những thức quý để khoe-khoang, cho thoả lòng tự-phụ?

N. T. — Thiết-tưởng bao nhiêu người chơi đồ cổ đều như anh chàng đó hết.

T. C. K. — Ấy, tôi cũng lo rồi ra đến thế. Mà cái lỗi ấy, chỉ tại người Âu-châu. Nhưng, cách sưu tầm đồ cổ của người Âu tuy không có ý nghĩa cao-thượng, song còn có thể tha-thứ được. Họ đi tìm tòi, những đồ cổ của Á-đông, để khảo-cứu sự tiến-hoá của các dân-tộc Á-đông. Chẳng hạn, xem từ đời Tống đời Nguyên đến đời Minh, từ đời Minh tới đời Thanh Khang-Hy, Càn-Long mỹ-thuật tăng tiến ra sao, rồi từ đời Càn-Long tới đời nay mỹ-thuật sụt kém mau-chóng đến thế nào. Tôi không nói hết thảy người Âu-châu đều có ý-tưởng đó, vì còn nhiều ông, động thấy ai xem cái tủ kính của mình đã vội khoe: « Cái lọ này lâu năm lắm, chế-tạo từ đời Tống là thời mới có đồ sứ. » Rồi cắt nghĩa rất là rành mạch.

Ông ấy cũng liệt vào hạng kiêu-hãnh chỉ thích có một sự cổ của đồ cổ mà thôi.

Đến như Annam mình thì nhiều người chỉ biết nhắm mắt theo liều. Góc kia trong cái tủ trắc kiểu Louis thập-lục thấy nào bát, nào đĩa, nào lọ, nào liễn, nào điếu. Góc nọ trên cái giá gụ kiểu Nhật-bản kim thời chễm chện vài pho tượng đồng Cao-mên ngồi bên mấy bộ bụt ốc thếp vàng đời Tự-đức. Buồng bên cạnh trên bàn ăn kiểu Napoléon đệ tam chiếc bát hương đời Gia-tĩnh dùng để đựng quít cùng cam, rỡ thực lố-lăng quá đời.

T. K. G. — Từ nay đến giờ chỉ thấy anh kể những cái rởm của sự chơi đồ cổ. Vậy thế nào mới là biết chơi đồ cổ, mới là chơi đồ cổ theo cách tinh-thần, như sự nghiện rượu để tìm nguồn thơ của Lý-Bạch?

T. C. K. — Người thực biết chơi đồ cổ, là người không thích về sự cổ, mà chỉ thích ngắm một vật của cổ-nhân đã dùng, để tưởng tới cổ-nhân, để cố noi theo những sự hành-vi của cổ-nhân. Các đấng tổ-tiên ta khi xưa chơi đồ cổ chỉ có một nghĩa cao-thượng ấy. Các cụ ngắm tới cái bình hoa đời Tống, thì các cụ lại nhớ đến Tô-Đông-Pha, mà tưởng tượng ngay đương được cùng nhà hiền-triết đàm đạo ở nơi khoang thuyền, trên sông Xích-bích dưới bóng trăng trong. Các cụ chẳng cần dương mục kỉnh lên mà đọc tới hai bài thơ tiền, hậu Xích-bích chép ở đôi lọ cắm hoa hình lục-lăng kia, cảm giác của các cụ như bị sức-động bởi linh-hồn cổ-nhân đương cùng làn khói trầm nghi-ngút, mà mô tả ngay ra trước mắt các cụ hai cái cảnh êm-đềm, hai cái cuộc du-lịch thanh-thú đó. Ai dám cãi với các cụ rằng đôi thi đồng kia các bậc Tống nho không dùng để cắm những cuốn thơ có giọng cảm khái, bi ai khóc nước Tàu hèn yếu đời bấy giờ. . . . . nhà Kim. Hồi vì sự liên tưởng, cái trí nhớ của các cụ nó lại ôn lại ở trong khối-óc. . . . . của các cụ một thiên lịch-sử hùng vĩ của nước Việt-nam: Lý-thường-Kiệt đề binh sang Tống, để trị thủ tướng Vương-an-Thạch về tội khinh-khí các bậc Tống nho. Sau mấy trận kinh thiên động-địa, Lý tướng quân đã suýt đem lại cho ta hai tỉnh Quảng...

Mục-đích chơi đồ cổ có cốt để nưng cao tinh-thần lên như thế, hãy nên chơi đồ cổ?... Thiết tưởng ngắm cái liễn đựng cơm kia thì bao giờ những tư tưởng cao-thượng, trong sạch lại nẩy ra được, như nó đã nẩy ra ở trong óc các đấng tiền-nhân khi ngắm cái bình hương hay cái ống cắm thơ, tuy ba vật ấy làm ra cùng một thời? Vì cái tính cách đựng cơm của cái liễn không thể nhắc linh-hồn ta lên cao hơn những tư-tưởng thuộc về vật-chất được. Bởi thế sự chơi đồ cổ của các cụ ta khi xưa có khác cách chơi đồ cổ của ta đời nay, những cái liễn, cái bát đựng cơm, dẫu cổ dẫu quý đến đâu, các cụ cũng không có thèm bày vào tủ kính. Những cái đĩa long ám, phượng lộn để đựng thực-phẩm kia dẫu có cổ, có đẹp, các cụ cũng không có đem treo lên tường, các cụ chỉ bày lơ-thơ ở án sách một cái bình đốt trầm, có vẽ bát tiên, một cái ống bút hoa nhà thi-sĩ ngắm cảnh, một đôi thị đồng có đề bài thơ hay bài phú cổ, thí dụ bài phú xích-bích, bài hành tỳ-bà, bên cạnh án sách vài chiếc chậu giồng hoa lan, hoa cúc. Nghĩa là các cụ yêu chuộng đồ cổ một cách tao-nhã, có vẻ nên thơ vậy.

Từ ngày tôi có ý-tưởng ấy, thì tôi chỉ muốn đập hết các đồ cổ của tôi đi mà thôi. Vì hễ tôi ngắm tới, lại có ngay những tư-tưởng vật-chất hẹp hòi, nó nhắc cho tôi nghĩ tới cái động lực, cái khuynh hướng sưu tập và trần-liệt vô lý của loài người.

Ôi! một sự phù-hư trong những sự phù-hư!

Trần-khánh-Giư

Giả lời câu hỏi số 31
Nếu tôi có phép tàng hình

Giá như tôi có phép tàng hình, thì tôi sẽ lẻn vào lấy số bạc binh-phí của Nhật 9800 vạn đồng về cho dân Nghệ Tĩnh bị đói bây giờ, bảo họ phải chào tôi bằng quan, nếu anh nào không chào tôi bằng quan, tôi lại tàng hình cho họ một cái tát bên mồm, để cho họ biết, vì tôi thích tiếng quan lắm, nhưng không thế nào làm được.

Phan-ngọc-Cánh
Hatịnh

Nếu tôi được phép tàng hình tôi sẽ ẩn thân vào trong dọc tẩu những nhà đại-nghiện để người ngoài kéo, người trong cứ việc ung dung mà hưởng.

Hay mỗi khi đi đường gặp vị công-tử hay tiểu-thơ nào có tính hay liếc ngang, tôi sẽ đập vào mắt cho mất vía. Hoặc gặp vị công-tử nào thực-hành khoa: « thể thao » tôi sẽ ngoặc lấy chân cho ngã rập chán.

Nguyễn-Văn-Uc

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra.

« Les confessions de J.J. Rousseau »

14

Trong cách cư-xử, đã quen được người trên đối-đãi hoàn-toàn bình-đẳng; đã quen không ao-ước một sự vui-sướng gì không ở trong quyền-hạn của mình, đã quen không thèm-thuồng một vật gì mà trong lòng mình không thành-thực ưa-muốn; nói tóm lại, đã quen đem hết những điều vận-động của trái tim bầy-tỏ ra ngoài cửa miệng; mà bây giờ ở trong một nhà, không lúc nào là được há miệng, đương lưng-chừng bữa cơm phải đứng giậy, ở trên giường xuống là phải bước ra cửa buồng; cả ngày cắm cụi làm việc; mắt chỉ nhìn thấy những cảnh vui-sướng của người và những nỗi cực-khổ của mình; cái hình-tượng sự tự-do của thầy của bạn càng làm cho nỗi phục-tùng của mình thêm vẻ nặng-nề khó chịu; trong khi trò-truyện, chính cái điều mình rất thông-thạo mà không dám hé môi một nửa lời, nói tóm lại, vì mình không có cái gì cả, mà thành ra, mắt trông thấy cái gì, trong lòng cũng hóa ra thèm muốn, thì các ngài thử xét xem thân thế tôi sẽ ra sao? Thôi thì cái vẻ tự-đắc, cái giáng vui-vẻ, cũng là những câu ứng-khẩu tài-tình, mà ngày trước, trong khi có lỗi, đã làm cho người trên phải đổi giận làm vui, ôi thôi, bây giờ đã từ-giã tôi mà đi đâu mất cả. Nhân tiện tôi thuật lại một chuyện này mà mỗi khi nhớ lại, tôi không thể nín cười được. Một buổi chiều, ở nhà cha tôi, không biết vì nói bẻm câu gì, tôi bị phạt đi ngủ không được ăn «súp». Tay cầm miếng bánh đi qua bếp, tôi nhìn thấy miếng thịt «rô-ti» đương quay ở trên khuôn sắt, mùi thơm ngào ngạt. Người nhà ngồi xúm quanh lò bếp, khi đi qua, tất phải chào hết cả mọi người. Khi đã đi vòng quanh bắt tay hết cả nhà, tôi đưa mắt nhìn thấy miếng thịt quay vừa ngon-lành, vừa thơm-tho; bấy giờ không thể nén được lòng kính-trọng, mới lên giọng đáng thương mà nói rằng: « Chào bác thịt quay »! Câu nói bẻm tài-tình tự-nhiên làm cho cả nhà hóa vui và cho tôi ngồi lại ăn cơm tối. Giá ở nhà thầy tôi, cái câu ứng-khẩu tự-nhiên ấy, có lẽ cũng có cái hân-hạnh được người ta hoan-nghênh; nhưng chắc hẳn tôi không bao giờ còn lém-lỉnh được như thế, hay có ra nữa, cũng chẳng giám thổ-lộ ra nào.

Ấy vì thế mà tôi tập-nhiễm những thói thèm-thuồng, giấu-giếm, ăn gian nói dối, cho đến cả cái tật ăn-cắp, là cái tật từ trước đến nay, tôi chưa từng phạm tới bao giờ, mà từ đó về sau, tôi cũng không chừa hẳn được. Cái nghề ở đời, đã có lòng tham-muốn mà lại không có đủ thế-lực để làm cho thỏa-thích cái lòng tham-muốn, thì tất nhiên phải đi đến bước ấy. Vì thế cho nên, hầu hết những kẻ tôi-tớ đều là phường bợm-soáy, mà hầu hết những anh thợ học nghề cũng tất-nhiên phải thành ra bợm-soáy! Những hạng người sau này, khi đã chiếm được một cái địa-vị bằng người, khi đã có thể muốn cái gì được cái nấy, thì dần dần cũng trừ bỏ được cái tật xấu ấy đi. Riêng tôi, vì không có được cái hạnh-phúc kia, cho nên cũng không được hưởng cái quyền-lợi ấy.

Ấy thường thường chỉ vì không được giẫn-đạo phải đường, mà chính những cái tính hay nết tốt, đã đun-đẩy đứa trẻ vào con đường bậy. Tôi tuy luôn luôn bị túng-thiếu và lúc nào cũng thèm-muốn hoài, nhưng ở nhà thầy tôi hơn một năm, tôi không thể đám liều tỷ-tảy đến một vật gì, tuy đến các đồ ăn cũng vậy. Cái thủ-đoạn đầu-tiên của tôi là một việc vi-nề, nhưng nó đã mở đường cho biết bao nhiêu thủ-đoạn đê-mạt ở sau này.

Cùng ở nhà thầy tôi, có một người thợ bạn tên là Vệ-gia. Nhà anh này cũng ở gần đấy, trong vườn có giồng nhiều măng mập lắm. Anh Vệ-gia, nguyên cũng không được rộng tiền tiêu cho lắm, nên lập-tâm muốn «soáy» của mẹ một ít măng non, rồi đem bán đi để lấy tiền đi «chén» với nhau. Vì anh ta không muốn tự dúng tay vào, vả tự biết mình không được lanh-lẹn, nên hắn định uỷ việc ấy cho tôi. Sau mấy câu tán-tỉnh giáo-đầu — tôi vì không hiểu mục-đích hắn nên lại càng dễ tin — hắn giả-lờ như thốt-nhiên nẩy ra ý-kiến ấy, và nhờ tôi đảm-đang hộ công-việc. Tôi trước còn bài bác kịch-liệt, hắn cứ năn-nỉ mãi. Cái tính tôi thích ưa ngọt, nên rút cục phải siêu lòng. Sáng nào, tôi cũng đi hái trộm những măng tốt nhất, rồi đem ra phố Mộ-la để bán. Chị hàng măng biết thóp rằng tôi vừa đi « soáy », nên cố-ý nói phăng ra cho tôi hay để hòng mua được rẻ tiền. Đương lúc sợ-hãi, họ cho bao nhiêu tôi cũng cầm lấy rồi đưa về cho anh Vệ-gia. Tức-khắc, chúng tôi cùng một người bạn nữa rủ nhau đi ăn tiệc. Những bữa tiệc này, tuy tôi là người soay tiền, mà chính ra hai thằng kia được hưởng; bởi vì được họ thí cho một vài miếng, tôi đã lấy làm mãn-nguyện lắm, nên không từng nhắp môi đến chai rượu của chúng bao giờ.

Trong mấy hôm giời, công việc cứ tiến-hành như thế, mà trong trí tôi, chưa từng nẩy ra cái tư-tưởng ăn-trộm lại của thằng ăn-trộm và trừ đi một khoản thuế ở trong số tiền bán măng của lão Vệ-gia. Tôi thừa-hành cái việc đi soáy rất là trung-thành; cái mục-đích duy-nhất của tôi, là làm cho hài lòng cái kẻ đã nhờ-cậy tôi. Song le, giá tôi bị tóm ra, thì tôi sẽ bị đòn-đập, bị mắng chửi, bị ngược-đãi đến thế nào mà thằng đê mạt kia thì cứ chối phăng đi là sẽ được người ta tin ngay. Không những thế, tôi lại vì đã dám cả-gan vu-oan cho hắn, mà bị phạt gấp hai; bởi vì hắn là ông thợ bạn mà tôi là người thợ học nghề! Ấy ở đời, bất cứ ở địa-vị nào vẫn « mèo già ăn trộm mà mèo ốm phải đòn » thằng gian có thế-lực tìm kế thoát-thân, để tội lại cho

kẻ ngay, bé miệng kêu giời không thấu.

Từ đấy, tôi mới hiểu-biết rằng cái việc đi ăn-trộm thật chẳng có gì là ghê-gớm, như trước kia tôi vẫn tưởng-tượng; và chẳng bao lâu tôi đã biết đem lợi-dụng cái khoa ấy đến nỗi rằng cái gì tôi đã thèm-muốn mà lại để ngay ở tầm tay tôi là tất-nhiên chẳng được yên-lành. Ở nhà thày tôi, tôi cũng không đến nỗi phải ăn uống tồi-tĩnh cho lắm, nhưng chỉ vì trông thấy ít người chịu giữ điều-độ, nên sự giữ điều-độ, riêng đối với tôi, mới thành ra khó chịu. Theo ý tôi, không cái gì dễ làm cho tụi thiếu-niên thành ra tham ăn, hay ăn cắp vặt, bằng cái tục bắt họ đứng giay, giữa lúc nhà bếp đem ra những thức ăn ngon. Được ít lâu, tôi thành ra có cả hai cái « đức » ấy, mà cứ bình thường ra thì cũng dễ chịu, nhưng thỉnh thoảng bị tóm được, thì thực khó chịu biết là chừng nào!

Nhân đây, tôi thuật lại một việc đã làm cho tôi điêu-đứng, là cái cuộc đi « săn táo », (chasse aux pommes) mà mỗi khi nhớ lại, tôi vừa sởn gáy, vừa tức cười. Nguyên người nhà vẫn để táo ở trong cái sàn bếp trước cửa có chấn-song cao để cho ánh-sáng ở bếp chiếu vào. Một hôm, người nhà đi vắng cả, có mình tôi ở nhà, tôi liền chèo lên trên hòm bánh, để ngắm những quả táo quý báu ở trong vườn của các nàng tiên Hiệt-Phi-Gi (1), nhưng không thể nào thò tay đến gần được. Tôi đi kiếm cái móc sắt để quay thịt, thử thò vào xem có tới không nhưng ngắn quá. Tôi lại kiếm một cái móc con nữa nối vào, vì thầy tôi hay đi săn, nên trong bếp có những thứ móc con để nướng các chim nhỏ. *(Còn nữa)*

(1) Theo chuyện Phong-thần Hy-Lạp, các nàng-tiên Hiệt-Phi-Gi có một cái vườn táo quả vàng, giao cho con rồng trăm đầu canh gác. Sau thần Hách-cưu-La lẻn vào trong vườn, đánh chết con rồng, rồi chiếm được những quả táo vàng đó.

ĐẤU SẢO MỸ-NGHỆ

Cliché Annam Nouveau

Trong cuộc đấu-sảo riêng về các đồ mỹ-thuật của Đông-Dương ở số nhà 18 phố La Bonétie thành Paris, ai nấy rất khen ngợi các bức họa cùng các đồ mỹ-thuật của trường Mỹ-thuật Đông-Dương và các trường Mỹ-nghệ Bắc-kỳ đã sáng chế ra, nhất là mấy bức vẽ của ông Nam-son Nguyễn-văn-Thọ, giáo-sư trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hanoï.

Trên đây là bức « **Xuân du-ngoạn cảnh đồ** », của ông, khán-quan chú ý nhất.

Mỗi khi tôi nghĩ đến việc Nhật-Bản lấy đất Mãn-Châu

Nhật-bản sinh sự

Một cuộc xung-đột Trung Nhật, người bàn đi tán lại kể cũng đã nhiều, nay chúng tôi mới lại đem bàn e có khí muộn — nhưng thiết tưởng có muộn chỉ là muộn với những ai không chú-ý tới, chứ đối với ai vẫn để ý suy-nghĩ xem-xét thì lời bàn dưới đây hẳn còn là hợp thời.

Đọc các số tạp-chí 25, 29, 35 v.v. quý-độc-giả đã thừa rõ cách sinh-sự của Nhật. Bắt đầu từ cái án Vạn-bảo-sơn, Nhật thổi cuộc Hoa-Hàn xung-đột, gây ác cảm với người Tàu, bắt vạ Tàu về cái chết của thiếu-uý Trung-Thôn... làm giả mấy lần rồi kéo quân sang đánh Mông-Mãn. Trông ở hội Quốc-Liên Trương-Học-Lương ra bệnh bất-đề-kháng mặc cho quân Nhật « nẵng nhẹ » hết cả ba tỉnh miền Đông. Người ta đổ cho Trương vì sợ mất món tiền mấy chục triệu bạc gửi ở ngân-hàng Nhật mà mặc cho quân lùn kéo tràn vào Phụng-thiên, lẽ ấy vị tất đã đúng. Cái lệnh « bất-đề-kháng » tuy ở Trương ban ra nhưng ý-kiến chính là của Tưởng-giới-Thạch. Trương điện hỏi Tưởng, Tưởng đáp nên theo luật hội Quốc-liên « bất-đề-kháng », Trương thi-hành theo ý-kiến ấy, không phải là Tưởng dại và vị tất Trương cũng đã dại. Ta chớ nên quên hồi này ở Nam-Kinh phái Phản-Tưởng đương mạnh, ở Bắc-Kinh bọn Thạch-hữu-Tam cũng nổi lên phản Trương, nếu Tưởng, Trương đem toàn-lực đối phó với đội quân lùn tất bị người nhà hớt cẳng mất; cho nên « bất-đề-kháng » để Mãn-châu bị chiếm, chính là tại bọn cầm-quyền ở Tàu cố đấm ăn sôi, chính là tại nước Tàu bị lung-tung về nội-loạn. Gây nên nông-nỗi ấy, nhìn gần ta hãy kết án bọn Hồ-hán-Dân, Trần-hữu-Nhân cõng rắn cắn gà nhà.

Ăn ngon ba tỉnh miền Đông, anh Nhật để ý nghe ngóng tình-hình ngoại-quốc. Èm? có lẽ êm chắc? nếu vậy thì « ngon » thật, Nhật lại tiến quân xuống miền Nam!

Kéo quân vào sông Hoàng-Phố, chĩa súng lên trấn Ngô-tùng, Nhật chỉ cốt bảo-hộ cho kiều-dân, Nhật chỉ làm một việc cảnh-sát! Nhưng lúc ấy Trung-hoa đã tỉnh, nội-loạn đã yên, khí quân-dân mạnh như dầu sôi lửa bốc, dư trăm trận sống mái ở tả-ngạn sông Hoàng-Phố đã làm cho anh Nhật kinh hồn. Nhật thua, thua tất căm, căm tất lại phải dùng súng đạn lau mặt, nhưng đó chỉ là việc bề ngoài ở nơi đạn-lửa, còn bề trong vị tất Nhật không phải là không thắng đâu. Ta phải xét Nhật xuống Thượng-Hải để làm gì? Nhật ngỡ còn « đánh » thêm được một « miếng ngon » như « miếng » Mãn Mông mà kéo xuống, lẽ đó đành rồi, song còn một nguyên-nhân sâu hơn là thử đem cái chính-sách xâm-lược ra thí-nghiệm phen nữa. Nhật đã xét thấy thái-độ liệt-cường .... chưa quyết-định về việc châu Mãn thì phen này thử tiến thẳng vào Thượng-Hải là cái « nhà chung » của dân tứ xứ, xem xem thái-độ họ ra sao.

Thái-độ liệt-cường cũng . . . . . chưa quyết-định.

Trong hội-đồng, Nhật dám đương nhiên tuyên-bố : « Liệt-cường cứ tưởng Trung-Hoa là một nước thật là sai! Trung-Hoa chỉ là một miếng đất có tên trong địa-đồ thế-giới thôi vậy!..» Câu nói kỳ-quặc thật! Một tờ báo Anh riễu câu nói ấy, có hỏi rằng: « Một kẻ gian-đồ can tội giết hết một gia-đình kia, lúc bị kéo ra tòa dễ cũng cãi được: cái gia-đình ấy, huynh-đệ huých tường, thật không phải là một gia-đình, tôi giết họ là làm phúc cho họ vậy? »

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Nguyên-nhân việc Nhật sang lấy đất Mông-Mãn

Nhưng ngày nay ở Thượng-Hải đôi bên đã tạm đình-chiến, mắt khách lại quay về đất Mãn-Mông. Trên đất Mãn-Mông, ông Phổ-Nghĩ ngất-nghểu còn ngồi cố trên ngai vàng để hứng chịu lấy lời mắng nhiếc của dân nước.

Nhật từ nay có được ông láng-giềng Mông-Mãn xử với mình «quá nhã», thật không thẹn mà tự xưng là «đại Nhật-bản quốc». Đã từ lâu, lâu lắm, tiên-đế Minh-trị đã mang cái ý-tưởng mở-mang thuộc-địa ở miền Viễn-Đông. Nhật cần có thuộc-địa lắm, vì Nhật là một dân-tộc đẻ nhiều, dân-số tăng lên rất nhanh không lẽ cứ chen nhau trong mấy hòn đảo những đá cùng lửa. Nhất là ít lâu nay, nạn kinh-tế tràn-lan khắp thế-giới, Nhật cũng bị cảnh đói kém, dân tình khổ-cực vô cùng, số người thất-nghiệp càng ngày càng nhiều, các hội kỹ-nghệ khó lòng cất được cổ. Ở cảnh nguy-nan ấy, Nhật lại càng cần phải đi lấy thuộc-địa lắm!

Trong ống-kính từ ngoài bể chiếu vào, Nhật thu hết «thiên-hạ» Trung-quốc và cả một vùng đại-lục Á-châu. Vua Minh-trị khi xưa đã bấm trong lòng tham: trước lấy Đài-loan, sau lấy Cao-ly, sau nữa Mãn-Mông, sau nữa Trung-quốc, rồi sau nữa Á-châu! Hiện nay, Đài-loan Cao-ly đã về Nhật-bản rồi, nhưng Đài-loan khí-hậu nóng quá, dân lại bướng cứ sinh-sự với người mẫu-quốc luôn, mà Cao-ly thì khí-hậu lại rét vô cùng, dân lại chăm-chỉ làm ăn không còn nhường miếng nào cho người mẫu-quốc!

Nhật chỉ còn chú vào châu Mãn, châu Mãn đất rộng 119.0:6 cây số vuông vừa bằng ba nước Nhật, mà dân-số lơ-thơ so với Nhật chỉ bằng một phần ba, lâm-sản, khoáng-sản, nông-sản lại đứng vào hàng nhất nhì thế-giới. Từ lâu, trong hồi chính-khách Trung-Hoa cứ nhắm mắt vật nhau. Mãn-Mông là cái kho chung của liệt-quốc, quyền-lợi về tay người ngoài cả nhất là mấy bác Nhật, Nga và Hoa-kỳ. Nhật đã tải sang Mãn 440 triệu hoa-viên để kinh-doanh, lập đường sắt Nam Mãn, dựng nhà máy, xưởng kỹ-nghệ v. v. Tuy các công-cuộc ấy thuộc về công-ty nhưng trong công-ty chính-phủ Nhật bỏ cổ-phần nhiều nhất, cho nên công-ty có đủ cả chức-vụ ngoại-giao, phòng-thành và nhiều chức-trách khác, đủ tỏ Nhật có ý tâm-thực từ lâu.

Sau hồi Âu-chiến, dân Trung-Hoa bừng tỉnh giậy, dần dần đòi lại các quyền-lợi của mình. Từ đấy ở Mãn-châu, Nhật và Tàu đã bắt đầu gây việc tranh giành, nhưng Tàu là chủ nhà, mà Nhật chỉ là ông khách «quý»! Tàu cũng làm xưởng kỹ-nghệ, cũng lập đường sắt, trước đã có con đường từ Đả-hổ-sơn đến Thông-liêu, từ Cát-lâm đến Hắc-long-Giang làm hại cho Nhật vô cùng, nay lại đặt con đường từ Bắc-bình đến Kharbine chạy qua Hắc-long-Giang, Cát-lâm, bao bọc lấy đường Nam-Mãn của Nhật, thì ra con đường Nam-Mãn gần hóa ra vô dụng!

Ông chủ bảo ông khách: «Bác ở lâu rồi đó, thôi bây giờ mời bác cuốn gói về cho!»

Một đằng, người Tàu tràn lên Mãn rất đông, đất Mãn-châu tính đã có chín phần mười dân Hán, Nhật nguy đến sau gót, tất phải dở mặt liều. Thế là Nhật thôn-tính Mãn-Mông, cái mảnh đất «ở được»!

Nhưng Nhật lấy Mãn-châu tức là cắt cổ-họng anh Nga mà lại móc lưỡi cả chú Hoa-kỳ nữa, vì Á-lợi-bá bị cắt đôi, Nga hết lối ra Thái-bình-dương, mà chung lưng với ông bạn lùn Hoa-kỳ cũng mất hết cả quyền-lợi ở Mãn. Vậy chẳng tróng thì chày, tất có một phen Nhật đánh Nga, Mỹ đánh Nhật, thủ-tướng Điền-Trung nhìn thấy cuộc chiến-tranh ấy từ lâu. Nhưng Nhật lo gì, chỗ đánh nhau sẽ là đất Mãn, nếu Nhật có thua nữa cũng chỉ thiệt mất chút quyền-lợi mới chiếm được trong ít tháng ở đất Tàu mà nếu Nhật được ra thì thôi, còn cần chi phải nói... Hiện nay, cuộc chinh-chiến chưa có, Nhật hãy đem dân sang đấy cày cấy làm ăn. Đất này kiếm ăn được!

Mỗi khi tôi nghĩ đến.....

Song dù bởi nguyên-nhân xa gần thế nào mặc dầu, mỗi khi nói đến việc Nhật thôn-tính Mãn-châu, tôi lại nghĩ đến một nguyên-nhân rất tầm-thường chắc ai cũng biết:

« Gác cái lòng tham tự-nhiên ra không nói, người ta còn có lúc bị hoàn-cảnh bó buộc mà sinh tham. Đói ăn vụng, túng làm càn, người gặp cảnh cùng-túng tất phải nhìn quanh xem có anh nào yếu hơn là cướp rựt; nếu hắn gặp cảnh nguy-nan hơn nữa tất hắn quẳn trí rồi đi ăn cướp bừa bừa chứ cũng chẳng xét có cướp được hay không. Những câu cao-thượng hắn thường nói «chết đói còn hơn làm càn» lúc ấy thật không còn giá trị gì nữa.

Đối với cá-nhân sự cao-thượng còn khó giữ thay, huống chi đối với cả một dân-tộc còn cao-thương gì được!

Ấy Nhật đánh Tàu tức cũng như thế . . . . . .

. . . . . .

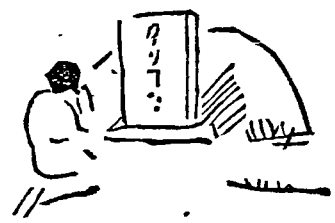

. . . . . »

Đinh Huy-Hạo

ĐÔNG TÂY ĐỐI KHẨU!

Mồm phương Tây

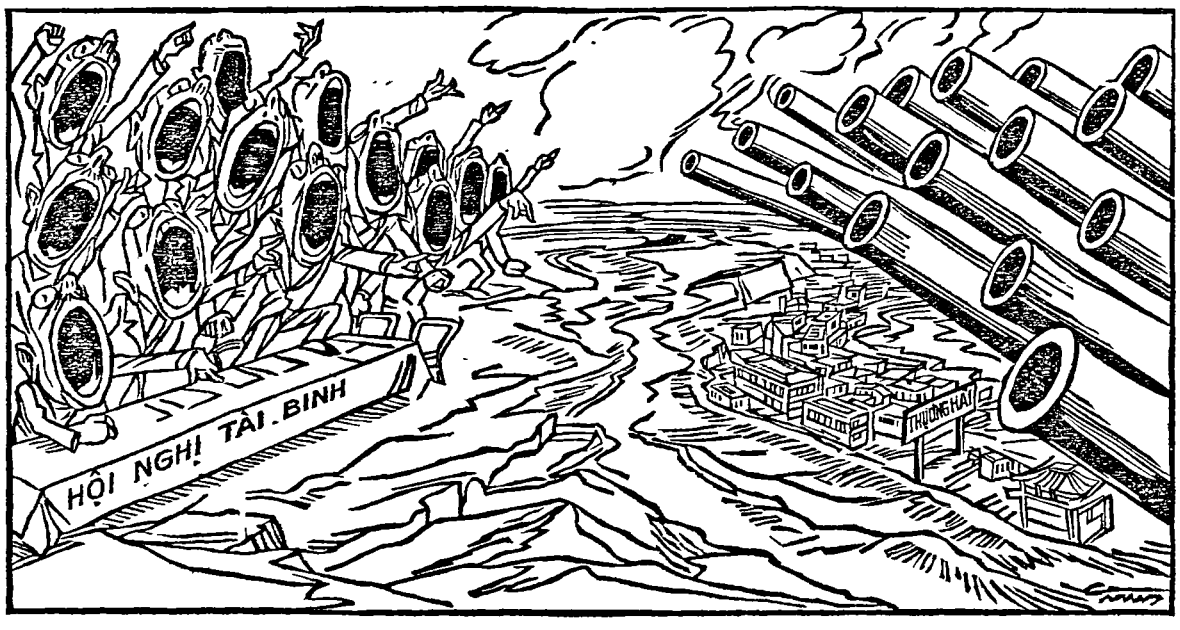

Miệng phương Đông

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Một vụ án-mạng nữa!

Đáp-cầu.— Trước ngày 1er Mai, một vụ án-mạng ở Hải-cảng, lại một vụ án-mạng ở Đáp-cầu.

Người bị nạn là Nguyễn-trung-Khuyến, 20 tuổi, quán làng Ngoại-lãng, huyện Thư-trì, tỉnh Thái, trước làm phóng-sự cho báo Đông-Phương

Tại sao Khuyến bị giết? Cũng chỉ vì Khuyến trước kia có chân trong Hội-kín, sau lại phản đảng! Hôm 26, một giờ chiều, Khuyến đương đi qua cánh đồng làng Đồ-bàn, bị hai người đón đánh, đâm đến ba chục nhát dao rồi bỏ chạy trốn.

Hung-thủ tên Nguyễn-trí-Phác đã bị bắt ở Bắc-Giang. Phác năm nay mới 20 tuổi, tức là em ruột Nguyễn-trí-Trung can tội Hội-kín đã bị hành-hình ở Haiphòng mấy tháng trước.

Tin vắn.

Huế.— Sáng 27 Avril, quan Hộ-bộ thượng-thơ Thái-văn-Toản đã đi chuyến xe lửa Tourane để vào Saigon rồi sẽ đáp tầu Philippar sang Pháp rước Ngự-giá hồi loan. Hôm ấy ở ga người đưa tiễn rất đông, có lẽ là mong Thánh-giá tróng về vậy.

Saigon.— Nửa, vô-địch quần-vợt Nam-kỳ, mới đây đã vác cây vợt sang ẩn dưới bóng cờ khách « Chinwo» Lạ thiệt! Chim xuất thân ở C. S. A. đã sang Chinwo, Nửa cũng nổi danh ở C. S. A. bây giờ lại sang Chinwo thì ra An-nam mình chỉ luyện tập nhân-tài hộ hội khách!

Ngày bọn quần vợt ra Bắc, có nhiều người kêu ông Triệu-văn-Yên không biết trọng nhân-tài, có lẽ đúng chăng?...

ĐỨC

Đảng Hitler đại-thắng

Kỳ trước chúng tôi đã kịp báo tin đảng Quốc-gia xã-hội đại-thắng trong cuộc bầu cử các Nghị-viện Đức, nghe tin ấy chắc cũng không ai lấy làm lạ nào. Mỗi lần bầu-cử là một lần ta thấy đảng Hitler thêm mạnh, mà ngay như kỳ bầu Tổng-thống mới rồi, tuy là ông Hindenburg được tái-cử mà ông Hitler không phải là không đắc thắng đâu.

Hiện nay trong các Nghị-viện Đức, đảng Quốc-gia xã-hội đều được thắng phiếu, như ở Nghị-viện Phổ, đảng Xã-hội được 4 triệu rưởi, đảng Quốc-gia 1 triệu rưởi, đảng Trung-ương được 3 triệu, còn Cộng-sản được ngót 3 triệu.

Chính-phủ Phổ sẽ nghiên-cứu về cái kết-quả cuộc tuyển-cử, nhưng chưa chắc đã từ chức ngay bây giờ. Tháng Juin, chính-phủ ra mắt Nghị-viện chắc sẽ bị đánh đổ, song vẫn tạm giữ công việc hàng ngày.

Ta nhớ lại bài Thế-giới thời-bình trong tạp-chí số 26 ra ngày 23 Janvier.

PHÁP

Cuộc tổng-tuyển-cử Hạ-nghị-viện

Ngày 1er Mai vừa rồi, suốt trong địa-hạt nước Pháp và các thuộc-địa đã bắt đầu cử-hành cuộc tổng tuyển-cử 615 ông nghị-viên Hạ-nghị-viện.

Theo bản thống-kế của bộ Nội-vụ, trong ngày đó, đã có 248 ông nghị được trúng-cử, chia ra đảng phái như sau này:

63	ông phái	xã-hội cấp-tiến
25	»	cấp-tiến tự-lập
40	»	xã-hội
4	»	xã-hội tự-lập
44	»	cộng-hòa dân-chính liên-hiệp
37	»	cộng-hòa tả-đảng
13	»	cộng-hòa tự-lập
10	»	dân-chính
3	»	bảo-thủ
3	»	xã-hội cộng-sản
1	»	cộng-sản

Còn 367 ghế phải bầu lại.

Hiện nay chưa biết đích-sác kết-quả nhất-định cuộc tuyển-cử này ra sao, song cứ xem cái triệu-trứng ở trên cũng đủ biết đại đa số quốc-dân Pháp đã tỏ rõ xu-hướng về phái xã-hội. Nếu đích như lời tuyên bố của ông Herriot nguyên thủ-tướng và lãnh-tụ phái xã-hội cấp-tiến, thì lần tái-cử này, sẽ có 140 ông ở phái xã-hội cấp-tiến và 125 ông ở phai xã-hội được trúng-cử. Như vậy ở nghị-viện sau này chắc sao hai phái này sẽ chiếm thắng số và sẽ nắm chặt trong tay cái quyền tổ-chức Chính-phủ. Nếu ta lại nhớ rằng phái xã-hội là đảng ông Varenne, phái xã-hội cấp-tiến là đảng ông Sarraut, hai vị nguyên Toàn-quyền vẫn tỏ ý săn-sóc đến vận-mệnh Đông-pháp, thì cái mối hy-vọng của A.N.T.C. ở năm 1932, có lẽ không phải là mấy lời nói viển-vông!

ẤN ĐỘ

Ông Gandhi không chịu để Chánh-phủ tha!

Chà! Cái Ông ấy mới « bướng » làm sao chứ! Người ta gọi ông là « thánh » thực quả Ông chỉ « thánh » ở chỗ thích ngồi tù.

Từ đầu đến đuôi, lúc nào ông ra lệnh cho dân thi-hành một việc gì là ông chỉ chắm-chắm chúi-chúi ngồi chờ lính mật-thám mời ông vào nhà đá. Giữa chỗ bà con bạn hữu lăn khóc, ông điềm-nhiên cười nói mà vác máy quay chỉ vào « Hỏa-lò ».

Mới đây, Chính-phủ Anh đã ngỏ ý-kiến: « Thôi, mời Ông ra cho, Chính-phủ không bắt Ông chịu điều-khoản gì cả ». Nhưng ông Gandhi còn níu lấy cửa nhà pha mà nói bướng: « Bao giờ Chính-phủ bãi những sắc-lệnh đặc-biệt thì lúc ấy tôi mới ra lệnh thôi phong-trào đề-kháng »... Không thế, xin cứ để tôi ngồi tù!

Nữ-sĩ Naidu bị cấm-cố

Hẳn không còn ai không biết nữ-sĩ Saro Jini Naidu là tay đồng-chí tâm-phúc, của Mâhatmâ Gandhi, trong bao lâu đã cùng Ông hành-động ở Ấn-Độ. Giở bài thời-bình ở tạp-chí số 30, ta còn thấy Nữ-sĩ ngồi bên cạnh Ông Gandhi tại Hội-nghị bàn tròn Luân-đôn.

Ở Hội-nghị về Ấn-độ, Nữ-sĩ cùng với các bạn cổ-động phong-trào bất-hiệp-tác, mới đây đã bị bắt và bị kết án một năm cấm-cố tại ngục Yerrowda cùng với Ông Gandhi.

TRUNG-HOA

Một vụ ám-sát

29 Avril, 11 giờ sáng, trong vườn Hồng-khẩu, sau một cuộc điểm-binh, lúc quân đương tề-chỉnh kéo về thì bỗng một quả bom ném vào giữa rạp, một tiếng nổ kinh thiên động địa, quân tướng Nhật bị thương khá nhiều.

Công-sứ Nhật M. Shigemitu, Tổng-lãnh-sự Nhật tại Thượng-Hải M. Murai, Thủy-quân đô-đốc M. Nomura, Lục-quân đô-đốc M. Shirakava, đại-tướng Uyseda, Hội-trưởng hội Nhật-kiều M. Kawabata đều bị thương rất nặng.

Chiều hôm ấy, M. Kawabata chết, M. Shirakava bị mổ, M. Shigemitu bị cưa chân, M. Nomura bị bó đầu, một mắt đã hỏng hẳn.

Thủ-phạm là một trang thiếu-niên Cao-ly mới 25 tuổi tên là Yiuhokitsu đã bị bắt, cùng với nhiều người Cao-ly và 7 người Tàu. Quân Nhật còn bắt được ở Hồng-khẩu một người Mỹ tên Hibbard, nhưng vì lãnh-sự Mỹ can-thiệp, Hibbard lại được tha. Hôm 30 Avril, lính cảnh-sát Pháp lại bắt thêm ở tô-giới 11 người Cao-ly nữa.

Xét ra vụ ám-sát này là do mấy cá-nhân hành-động, họ âm-mưu với bọn Cộng-sản, chứ không dính-dáng gì đến Trung-Hoa, vì người Tàu không được vào xem cuộc điểm-binh Hồng-khẩu.

Các đại-biểu ngoại-quốc cùng với Quách-thái-Kỳ, thứ-trưởng ngoại-giao Tàu cùng đến quánLãnh-sựNhật chia buồn, ai cũng lo cho việc đình-chiến ở Thượng-hải vì thế sẽ bị hoãn lại. Nhưng ông Shigemitsu nói việc ấy không quan-ngại gì cho Hội-nghị đình-chiến hết, ông đã điện về Đông-kinh để xin Chính-phủ cử người sang kế chân mình.

Cuộc xung-đột miền Đông

Thế quân Nghĩa-dũng. — Quân Nghĩa-dũng càng ngày càng mạnh. Nhật hết sức đem tài khôn-khéo du hàng Đinh-Siêu, Lý-Đỗ nhưng hai người quả-quyết cự-tuyệt. Ngày 14 Avril, đại-chiến ở Cát-tường, quân Tàu bắn rơi được chiếc tầu bay, bắt được 2 vạn cây súng và 7 vạn viên đạn. Ngày 16 Avril, bộ-quân Đinh-Siêu liên hợp với quân cứu-quốc hãm quân Nhật ở Vi-sa-hà, thành phố Cáp-nhĩ-tân rứt náo-động.

Mã-chiếm-Sơn đã cất quân, dân Bắc-bình Thiên-tân lại kéo nhau lên giúp Mã. Lý-Đỗ, Đinh-Siêu, Tô-bỉnh-Văn bàn với Mã chia quân Cát Hắc làm ba mặt đánh quân Nhật, hạn trong hai tuần lễ đuổi hết quân Nhật ra khỏi đường Trung Đông rồi tiến lên Trường-Xuân.

Hiện nay quân tự-vệ Cát-Hắc đều tiến về đường Trung-Đông, quân Hi-hợp và quân Vu-thâm-Trừng đã bỏ chạy. Quân Lý-Đỗ kéo vây Tân-huyện, quân Vương-đức-Lâm chẹn đứt đường Cát-đôn, Lý-thang-Sơn đến vây Nông-an, còn Mã đem bản-bộ do Hộ-luân đánh lên Cáp-nhĩ-Tân rất gấp.

Tình-cảnh Phổ-Nghi. — Đàm đầu theo Nhật, Chấp-chính Phổ-Nghi không ngờ ngày nay chịu cái thân-phận . . . . bó-buộc. . . . Đại-quyền trong phủ Chấp-vụ do Tổng-vụ-sảnh giữ cả. Tổng-vụ-sảnh nguyên thuộc về Quốc-vụ-viện, nhưng sảnh-trưởng lại là người Nhật Câu-Tỉnh-Thực cho nên uy-quyền lại vượt lên trên cả Quốc-vụ viện và Chấp-chính phủ. Ai vào thăm Phổ-nghi đều phải xin phép Câu-tỉnh-Thực, lúc vào có 4 người lính Nhật đứng canh, đương câu chuyện nếu có một người lính giơ tay lên thì không kể nói đã xong chưa, khách phải lập tức từ-dã.

Nhà Phổ-nghi gọi là phủ Chấp-chính, ngoài có quân Nhật canh, trong nhà đều có máy truyền-thanh nhất cử nhất động bên ngoài đều biết cả, cho nên lắm lúc Phổ-nghi buồn bực muốn khóc cũng không dám khóc. Cận-thần Phổ-nghi là Trịnh-kiến-Tư vì việc tranh quân Cấm-vệ bị Câu-tỉnh-Thực cho một cái tát, từ đó gặp việc gì cũng phải cắn răng, Phổ-nghi lấy làm nhục lắm!

Hai thứ Con

Ta hẳn còn nhớ con giai Mã-chiếm-Sơn là Tử-Nguyên vì giận cha mà xuất-dương. Nay lại được tin con gái Mã là Thục-Cầm cũng vì giận cha mà toan đâm cổ tự vẫn.

Dòng-dõi danh-tướng, cô Thục-Cầm mới 21 tuổi đã biết cưỡi ngựa phất cờ, tổ-chức một đội nữ-tử nghĩa-dũng, trở ngọn gươm ra trận giúp cha. Mới đây, hồ vì cha thay lòng đổi tiết đem thân bách-chiến uốn gối quỳ phục kẻ thù, để cho dư-luận mấy trăm triệu dân Tàu mắng nhiếc, cô can gián mãi không được uất mấu rút gươm toan tự-vẫn, may nhờ một đứa thị-tỳ trông thấy nắm được gươm. Nhưng từ hôm ấy trở đi cô nhất-định không ăn miếng cơm nào cả.

Nay Mã-chiếm-Sơn lại quay đánh Nhật, thì biết đâu chẳng là công của các con Mã một phần to?

Ấy là một thứ con. Lại còn có thứ con như Phổ-Nghi nữa.

Bà mẹ nuôi Phổ-nghi là một người đàn bà rất đáng kính, lúc nghe tin con sắp theo kẻ thù về lên ngôi ở Mãn-châu, bà đã viết thư ngăn-cấm, đe con nếu không nghe lời thì bà sẽ tự-vẫn, nhưng Phổ-Nghi cứ lên ngôi, bà bị bệnh từ đó, ít lâu thì chết, chết vì đau lòng!

Mẹ đẻ Phổ-Nghi thác đã lâu, nhưng con dại cái mang, bà chết cũng không yên-ổn. Một chàng tên Lâm-đức-Hậu vì ghét Phổ-Nghi là kẻ bán nước, đem đào mả bà lên. Án ấy hiện đương xử ở Bắc-bình.

Báo Tàu có đăng tin rằng Đái-Phong (cha Phổ-Nghi) có điện cho con biết việc ấy, Phổ-Nghi trả-lời: « Bà ấy khi sống bất-trinh phải nuốt vàng mà chết, mả nay bị đào không đáng tiếc. Con hiện đương phải gánh trách-nhiệm lớn, một ngày muôn việc, mong rằng cha chớ đem việc nhỏ-nhặt ấy làm rầy con! »

Câu chuyện có thế thôi, thiết-tưởng chẳng cần phải bình-phẩm.

Cải chính

Kỳ trước, ở mục *Văn-đàn*, trang 12, bài thơ «*cảm tác*» của ông *Trần-văn-Thình* ở Sadec có câu:

«*Sau trước trông quanh mán* **lại** *mường.*» sếp nhầm là **lạ** *mường.*

Trang 13, bài thơ dịch «*bình tan*» có câu kết: «**mó** *làm chi nữa, thêm tan nát lòng*» chữ **mó** nhầm là chữ **mà**.

VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG TẬP

Lòng bố thân con đất nước ta

Trong bức thư của ông **Kỳ-sơn** ở Như-xuân Thanh-hóa viết ra, ngày 21 Février 1932, ông có hỏi tôi về câu thơ «*Lòng bố thân con đất nước ta*» là một câu thứ *tám* trong bài thơ tôi sửa lại bài họa «*sinh con giai*», đăng ở số **29** *An-nam Tạp-chí*, phần *Thi-đàn giảng-tập*, ở cuối mục *Văn-đàn*. Trong lời hỏi, ông nói là ông *không hiểu rõ nghĩa* của câu ấy và cần tôi giảng lại. Nay xin theo như ý-muốn ông Kỳ-sơn, thêm một phần giảng giải.

* * *

Câu thơ bẩy chữ đó, ba chữ dưới đã là của nguyên-văn; phần tôi chỉ có bốn chữ «*lòng bố thân con*» đặt thêm vào. Câu thơ này, thứ nhất nên nhận biết rằng: cốt thừa lấy cái ý của câu thứ *bẩy* ở trên:

«*Nghiệp nhà thư kiếm lâu nay vẫn...*»

Hai câu, phải lấy một hơi đọc xuốt xuống, nghĩa rằng:

Thư và kiếm, hai vật ấy, nghề-nghiệp của nhà ta từ xưa vẫn theo đuổi, nay bố mong cho con cũng theo đuổi được nghiệp nhà, giữ thư kiếm làm nghề-nghiệp, đối với non sông đất nước ta.

Cứ nghĩa của hai câu thơ ấy như thế. Muốn xét về văn thời nên nhận biết rằng: một câu *tám* đó, các chữ *lòng bố — thân con — đất nước ta*, đều trông lên bốn chữ «*nghiệp nhà thư kiếm*» trong câu *bẩy* ở trên, lấy đó làm cái cốt; muốn nói dản đi thời chỉ kể hai chữ «*thư kiếm*.» Hai chữ «*thư kiếm*» tức là làm chủ ở trong câu. (1) Địa-vị của các chữ trọng yếu, nhận như sau này:

Chữ «*thư kiếm*» là complement của chữ «*thân con*».

Chữ «*thân con*» là compl. của chữ «*lòng bố*».

Chữ «*đất nước ta*» lại là compl. của chữ «*thư kiếm*».

Toàn câu không có chữ *verbe* và chữ *préposition* nào, chỉ dùng chữ *nom* đặt đi với chữ *nom* thành nghĩa; cũng bởi đó cho nên nhân ra nghĩa hơi có khó hơn những câu khác. Nay đã nhận định địa-vị những chữ trọng yếu, lại cần nên nhận rằng:

Dưới hai chữ «*lòng bố*», tức như có chữ *verbe* mà lẫn đi.

Dưới hai chữ «*thân con*» tức như có chữ verbe infinitif mà lẫn đi.

Trên ba chữ «*đất nước ta*» tức như có chữ *préposition* mà cũng không thấy vậy.

Bởi thế, cho nên trong một câu bẩy chữ ấy, không thể đánh *virgule* vào chữ nào. Nếu có đánh một cái dấu *virgule* vào chữ nào ở trong câu, tức là làm đứt nát các chữ tan rời ra, mà thành ra câu thơ không có nghĩa. Hoặc nếu đem câu *bẩy* ở trên canh-cải đi, thời câu tám ấy cũng không còn có nghĩa nữa. Không có câu dưới thời câu trên không lấy đâu làm cái hay; không có câu trên thời câu dưới không có nghĩa. Lại như chữ «*bố con*», chữ «*đất nước*», đều trông lên chữ «*nhà*» ở câu *bẩy*, có nhiều ý-nhị thiết-tha. Hai câu thơ đi một khí mà cắn nghĩa khít nhau như thế, thực cũng là câu thơ ít có vậy.

* * *

Cứ việc giảng-tập, tôi nghĩ như các lời trên đây là đủ; duy tôi muốn xin phép chư độc-giả, cùng nói truyện với ông **Kỳ-sơn** thêm ít câu, tuy không phải là lời khẩn-thiết trong sự giảng-tập, nhưng cũng là câu đàm-luận trong Thi-đàn, vì ông Kỳ-sơn đã có lòng quá yêu mà hỏi tôi đến nơi, thời tôi cũng nên hết lòng thành-thực mà nói truyện cùng ông cho đến chốn vậy.

Ông Kỳ-sơn,

«Lòng bố thân con đất nước ta»

Một câu thơ đó, nếu ông không hỏi lại thời tôi cũng không có nói ra với ai làm chi; nay ông đã ân-cần hỏi lại tôi, thời tôi xin thưa rõ để ông hay rằng: một câu thơ bẩy chữ đó, rất là có giá-trị mà cái giá-trị của nó lại có hai đặc-sắc khác nhau:

1° — Phàm thơ văn, từ trước không thấy có câu nào như thế, mà đến nay có câu như thế, thời câu thơ, câu văn ấy, tức là có phát ra một cái quang-thái trong đàn văn thơ. Về phần riêng tôi, các thơ văn đã làm ra trong khoảng 20 năm (từ năm 1913 tới nay), muốn tìm được có những câu như thế, thực hiếm. Theo ý riêng, chỉ thấy có được một hai câu như sau:

Chơi cho biết mặt sơn hà,
Cho sơn hà biết ai là mặt chơi. (2)

Hai câu lục-bát này, toàn dùng

(1) Chữ «câu» đây, nói gồm cả hai câu 7-8 làm một, dưới theo thế.

(2) — Hai câu sau cùng ở trong bài «*chơi Huế*; lục-bát.

sáu chữ câu trên, đem cả xuống câu dưới, chỉ thêm hai chữ «*ai là*», thành câu thành nghĩa; mà câu *lục* ra câu *lục*, câu bát ra câu *bát*, nghĩa gẫy, lời mạnh, ý cũng hay. Cứ trong các văn lục-bát của ta từ xưa, có lẽ chưa thấy có câu nào như thế!

Đất Nam-sở đỉnh chung người đội gạo;
Bến Tầm-dương giăng nước chiếc thuyền con (1).

Hai câu văn xuôi đó, mỗi câu mỗi điền, chỉ dồn vào trong tám chữ mà chữ đưa-đẩy là chữ *nom*; nghĩa đủ, lời đẹp, âm-điệu hay. Cứ văn xuôi từ xưa (nói gồm cả văn tầu) có lẽ cũng chưa có câu nào như thế!

Ngoài hai câu lục-bát và hai câu văn xuôi ấy, tôi lại mới được thấy có như hai câu Đường-luật đây, toàn câu không dùng tiếng đưa-đẩy mà thơ tự nên thơ; ngẫu-hợp mà không thể phân-ly, nghĩ lại là cái duyên kỳ-ngộ của văn-chương xưa nay ít thấy vậy.

2° — Thơ hay có nhiều vẻ, cứ như thơ ca của ta từ xưa, theo ý tôi thấy ra, hay về vẻ *phong-tình*, thời nhất thơ *XUÂN-HƯƠNG;* hay về vẻ *hào-mại*, thời thơ cụ *THƯỢNG-TRÚ;* hay về vẻ *thiên-nhiên*, thời thơ ông *TÚ-XƯƠNG*; hay về vẻ *hùng kỳ* thời thơ cụ huyện *MÓM;* hay về vẻ *tao-nhã* thời thơ bà THANH-QUAN; như TRUYỆN-KIỀU thời hay ve *tài tình*; truyện HOA-TIÊN thời hay vẻ *đài-các*; một vẻ hay *trầm-hùng* thời trong làng thơ ta từ xưa, khó lấy ai kể nói, tôi mới thấy có như hai câu *Đường-luật* đây!

Trong bức thư ông Kỳ-sơn viết cho tôi, ông có hỏi cả về câu «*ba gian nhà đó xiêu là thế.*» Sự giải đáp xin lại đợi kỳ khác.

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) — Hai câu trong bài «*Giải sầu*», văn xuôi.

THƠ

Buổi chiều trên một con đường ở Thượng-du

Nhàn nhạt vừng ô bóng sế tà.
Một ai thơ-thẩn quãng đường xa.
Ngựa thồ lững-thững trên sườn núi,
Thằng mán lom-khom dưới rặng trà.
Mây lộn giòng Thao, in nước biếc;
Giăng cheo non Đồ, lộ vầng Nga.
Vẳng nghe tiếng quốc kêu đâu tá?
Giọng quốc kêu hè đã thiết-tha.

Nhật-Nham Phạm như-Tấu

Cảnh sáng

Điểm trống canh năm, lắng tiếng gà,
Một mình thơ-thẩn đứng trông ra:
Vén mây ràng-rạng vầng đông tỏ;
Gác núi chênh-chênh bóng nguyệt tà.
Gió thổi hắt-hiu rung ngọn lá,
Sương sa tơi-tả thấm đài hoa.
Vần-xoay cơ Tạo đêm rồi sáng,
Thân-thế, ai ơi, cố liệu mà...!

Trần-viết-Bảo

3 (Moncay chu-niên...)

Tháng ba năm ngoái cũng ngày nay,
(17 tháng ba Annam)
Sau một giờ hôm mới tới đây.
Thoạt đến, nước non còn lạ mặt;
Dần lâu, đề vịnh đã quen tay.
Nói năng ngộ, nị chưa thông hiểu,
Qua lại xuân hè thoắt đổi thay,
Chong vắt sông Măng liền với bể,
Cá Rồng được nước dễ tung mây.

Nam-Đán

Lại tương-tư!

Thơ đề ba bức, mực chưa phai,
Nay lại tương-tư! lại nhớ ai!
Cái giống đa-tình ta có một,
Mà người tri-kỷ đấy không hai.
Đêm xuân những não tơ tằm rối;
Ngày hạ thêm thương tiếng cuốc dài.
Vắn-vủn đời người, thương, não, nhớ;
Đầu ai sao trách ruộm hồn mai? (2)

Tản-Đà

(2) — Bài thơ này, tôi cố đặt lấy đúng vần, theo như lời đàm-thuyết số 36; vậy lời thơ hoặc có kém, mong tri-kỷ lượng thứ.

PHONG-THI

Giả nhời bài «Lâu lâu nhớ bạn thi-đàn» của Tản-đà tiên-sinh

I

Lâu lâu vắng bạn thi-đàn,
Biết cùng ai đó luận bàn câu thơ:
Con tằm vương-vít sợi tơ,
Cùng nong, cùng lá, mong chờ bấy nay.

II

Mừng nay gặp bạn thi-đàn,
Câu thơ còn đó, ta bàn cùng ta.
Gần quanh nào phải đâu xa,
Ngặt vì cái én bay ra lạc bầy.

Nam-Điền
(*Thanh-Hóa*)

CA-DAO

Thuyền kia đậu bến Âu-lâu,
Hỏi cô cầm lái có cho nhau xuống thuyền?
Đưa nhau tìm thú giải phiền.
Giòng khe quanh-quất, một thuyền lại có đôi ta.

Nguyễn-tiến-Lãng

TỪ-ĐIỆU

Sầu-tư

(*Tràng tương-tư*)
Trời chưa già.
Đất chưa già.
Bể tình để chết một mình ta!
Thấu lòng chăng? hỡi hoa!
Sầu luôn xa,
Lệ luôn xa.
Mối tình bao thủa gỡ cho ra?
Mộng-hồn theo bóng nga.

Hoàng-Minh

Nỡ phụ chi tình!

(Lời người thiếu-phụ gửi cho chồng sang Tây đã 5, 6 năm, nghe tin đã lấy vợ ở bên ấy; có hẹn về mà không biết có về được không?)

Tiết xuân lạnh, lòng xuân ngao-ngán.
Chốn cô-phòng, nhớ bạn phương xa.
Dưới đèn viết bức thư hoa,
Tình riêng khôn nỗi tả ra thành nhời,
Kể từ độ đôi nơi viễn-cách,
Thiếp một niềm tuyết sạch gương trong.
Đinh-ninh lòng vườn chắc lòng:
Lấy chồng cho đáng tấm chồng mới cam.
Này doan-sự ai làm nên nỗi,
Để tơ-duyên như mối bòng-bong!
Biết nhờ ai gỡ giúp cùng?
Để lòng ân-hận trong lòng ngàn năm
Ước gì Pháp với Nam giáp-giới,
Trong phút giây thiếp tới bên chàng.
Cầm tay kể nỗi đoạn-tràng,
Trách chàng sao nỡ phụ-phàng bấy lâu!
Còn thương nữa, cho nhau được biết?
Hay đành thôi? cũng quyết một nhời!
Thiếp như hoa nở có thời:
Hoa nào thắm mãi ở đời được chăng?
Cuộc hi-vọng giầu-sang xum-hiệp,
Liệu kiếp này, hay kiếp tái-sinh?
Hà-thành sầu thiếp một mình!
Ba-lê «dầm»-thắm chữ tình, chàng vui!
Đêm vò-võ ngậm-ngùi chiếc bóng!
Ngày băn-khoăn trông ngóng tin chàng!
Tệ làm chi mấy? tình-lang!
Hãm nhau vào cảnh nhỡ-nhàng mà chơi.
Chàng còn nhớ những lời sơn hải?
Hay còn đương mê-mải nguyệt hoa?
Ngổn-ngang việc nước, việc nhà;
Ghé vai gánh vác mới là tài giai.
Đừng lần-lữa nước người chi mãi;
Xin kíp mau trở lại hương-thôn.
Tình nhà nợ nước vuông tròn;
Đoàn-viên phú-quý ta còn dài lâu.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau.

(*Mars 1932*) **Kính-thần V.V.L.**

DẠO CẢNH «CẦU MÂY» THUỘC MIỀN CHAPA

Chapa là một cái đồn ở phía tây-nam *Lao-kay*, cách tỉnh-ly *38 cây số* và cao hơn mặt bể *1.500 thước tây*: khí-hậu mát mẻ và trong sạch, dân-cư khỏe mạnh ít ốm đau. Vì thế mùa hè năm nào cũng nhiều khách lên cấy nghỉ mát dưỡng bệnh.

Mùa hạ năm ngoái, trong khi tôi theo quan Chánh Công-sứ Lao-kay lên làm việc trên Chapa, một ngày chủ-nhật, nhân mấy người bạn ở Lao-kay lên chơi, anh em bèn rủ nhau dạo cảnh *Cầu-mây* vùng *Mường-hòa*. Ăn sáng xong, bốn người bốn ngựa ra đi. Ngựa lửng-thửng bước một ra khỏi phố, thì theo quanh ria núi, dần dần tiến lên. Trên cao trông xuống thung lũng: ruộng lần lượt xếp từng hàng dọc, đường quanh-co theo lối chữ «chi»; rừng xanh trắng điểm ít nhiều giòng nước, lại lơ-thơ một vài nóc nhà tranh xen lẫn với cỏ non xanh biếc, khác chi một bức tranh sơn-thủy mạn-họa. Đường đi thực là hiểm-trở, vừa hẹp, vừa khấp-khểnh những đá cùng mô, và dưới tinh hang với hốc, trông sâu thăm-thẳm. Đi qua mấy đồi cỏ, vùng quanh mấy quả núi, thì chúng tôi bắt đầu xuống dốc và một chốc đã trông thấy *sông Mường-hòa*. Sông này phát nguyên từ núi *Fan-si-Pan* là một ngọn núi cao nhất Bắc-kỳ, cao hơn mặt bể *3.142 thước*. Sông Mường-hòa là một nhánh sông Nhị-hà, có nhiều thác và chảy qua hai cánh đồng. Về phía ấy là Đông-nam Chapa, sông Mường-hòa chạy qua dữa hai dẫy núi rồi chảy xuống một cánh đồng bằng rộng-rãi, có nhiều ruộng nương xanh tốt, thoạt nhìn đã biết mùa màng vùng ấy, họ trông nom rất cẩn-thận và mất nhiều công-phu lắm mới được thế. Chung quanh ruộng lúa, trên các bãi có giồng ngô bắp và đỗ.

Chúng tôi đi qua một xóm lơ-thơ vài nhà, trước cửa có gián câu đối chữ nho viết giấy hồng-điều. Thấy khách qua đường, các thổ-dân đều lễ-phép cúi chào. Cạnh nhà là suối, có cối dã gạo dùng sức nước vận-động. Đó cũng là một cái trí-thức tinh khôn của dân Thượng du vậy.

Một quãng xa, tới «Cầu-Mây» thứ nhất.

«*Cầu-mây*» này bắc qua sông Mường-hòa, dài hơn *500 thước tây*. Cầu đan bằng song và gỗ, trên có giây treo. Thực là tinh-xảo, khôn-khéo và tiện-lợi: người qua lại như đi trên đất vậy. Hỏi ra mới biết cầu này của dân vùng ấy làm đã lâu năm. Nhờ có cầu này mà cảnh-thổ Mường-hòa có phần thêm vui; đứng trên cầu ngắm cảnh:

Dưới sông cá nhảy theo giòng nước,
Trên núi chim kêu tếch dặm mây.

Vó ký dong cương độ hơn một cây số nữa đến nhà thờ Mường-Hoà của ông cố ở để khuyên dân theo đạo. Chúng tôi xuống ngựa, thẳng đường dốc tới thăm «Cầu-Mây» thứ hai. Cầu này có vẻ chắc-chắn và rộng hơn cầu thứ nhất. Hai đầu có cây cổ-thụ rườm-rà xanh tốt, trên cành cũng buộc dây song treo cầu. Lại có thang bắc lên cầu cho hành-khách qua lại. Sau tôi có thơ rằng:

Trên cây lơ-lửng mấy đường giây,
Tục gọi «cầu Mây» chắc hẳn đây?
Mấy dịp gỗ ngang xen mắt cáo,
Đôi hàng song thẳng néo cành cây.
Ven sông cỏ mọc mầu xanh ngắt,
Mặt nước mây in sắc trắng phay.
Khen chiếc cầu này ai khéo bắc!
Biết bao qua lại khách Đông, Tây!

Tôi trèo lên cầu, vin lan-can, đi rún-rẩy, xem ra vững-vàng, rồi đứng giữa cầu ngắm, trông phong-cảnh, có bề thanh thanh: chung quanh một vùng non nước bao-la thỉnh-thoảnh nghe tiếng vượn hót chim kêu, đối cảnh sinh ra mến cảnh, ngẫu hứng, ước rằng:

Đoái trông phong-cảnh hữu-tình,
Giang sơn có ý đợi mình [illegible].

Theo số phỏng-đoán của sở Địa-dư thì quảng sông này cao hơn mặt bể chừng 1.200 thước. Ruộng nương cấy cấy dữa lưng-chừng sườn núi; từng cao hơn nữa là đất bỏ hoang, không có cây cối mọc, chỉ có cỏ non để nuôi các súc-vật. Trên đỉnh núi, có rừng rậm, có nhiều thác và nhiều đá mọc cheo-eo. Thác reo xuống, qua các đồi núi, rồi dần dần nước yếu sức mà hợp thành suối chảy ra sông Mường-hòa. Nhờ có nước suối ấy mà các ruộng lúa trong vùng khỏi phải cái hại khô khan.

Theo tục dân Thượng-du Bắc-kỳ, nhà vùng này không họp thành làng, thỉnh thoảng lơ-thơ vài cái dưới chân núi, hoặc trên sườn núi. Nếu tính số kiến-ốc thì vùng ấy được độ *30 nóc nhà*. Dân ở đây phần nhiều là người *Mèo* và lẫn một ít *Mán*, *Thổ*, có *Kỳ-mục*, *Sèo-phái*, *Binh-đầu*, *Giáp-trưởng* trông nom, dưới quyền *phó-lý*, *lý-trưởng* và *Châu-úy*.

Chắc các độc-giả cũng biết rằng Laokay giáp Trung-hoa có nhiều thổ-dân nào *Thổ*, nào *Nhằng*, nào *Nùng*, nào *Xá*, nào *Tu-gi*, nào *Pá-gi*, nào *Phù-la*, nào *Quý-châu*, nào *Lự*, nào *Lào*, nào *Lolo*, nào *Mèo*, nào *Mán* vân vân. Mà nhất là người Mán lại chia làm nhiều thứ: *Mán-Thao* (trắng đầu) và *Mán Lam-điền* (đỏ đầu) chiếm phần đông hơn cả các thứ Mán khác, mà ở lan sang cả địa-phận Vân-Nam. Còn phong-tục và cách ăn ở của người Mán đây, tiếc rằng tôi chưa đủ thì giờ khảo-cứu. Sau này có dịp sẽ xin tục đăng để độc-giả đồng-lãm. Người Mèo Mường-Hòa cũng mới di dân đến đây mà tọa-hưởng các ruộng nương của thổ-dân khác đã khai-khẩn từ xưa. Hỏi ra lại biết rằng trước kia vùng này đông dân-cư hơn nhiều và có chợ rất tấu-tập ở tả-ngạn sông Mường-hòa, ngay đầu «Cầu-mây» thứ hai, thuộc địa-phận xã Hướng-vinh.

Mà trước kia người Tầu di-cư sang đó lập thành thôn-ấp, khai-khẩn ruộng nương, và buôn bán, rồi sau rời đi nơi khác, cho nên phong-tục cùng ngôn-ngữ cử-chỉ và giao-thiệp của dân vùng ấy hơi giống người Trung-hoa.

Xem như thế, đủ rõ dân vùng này cũng đã được ảnh-hưởng văn-minh của Tầu nhiều lắm. Có văn-

hóa, có võ-công, có lễ-nghi, có trật-tự, biết sinh-nhai một cách êm-đềm, biết chế-tạo những khí mãnh và các thức ăn mặc, thích thú đoàn-viên, không ham danh-lợi, ngày tháng chỉ bạn cùng non nước, thực là một dân-tộc tự ta cho là trong cảnh Đào-nguyên vậy.

Mải vui ngắm cảnh, bâng-khuâng như tỉnh như say một mình. Phút chốc vừng ô bóng đã xế tà, nhớ nơi kỳ-ngộ, khôn nỡ dời chân. Anh em giục-giã lên yên, lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng...

« Một vùng cỏ áy bóng tà,
«Mặt trời gác núi, chiêng đà thu không.
«Bốn bề bát-ngát xa trông,
«Nghe chim như nhắc tấm lòng thần-hôn.
«Tuyết in sắc ngựa câu dồn,
«Khách đà lên ngựa, người còn nghé theo.
«Dưới cầu, nước chảy chong veo,
«Nửa chiều như tỉnh, nửa chiều như mê.
«Rừng-rằng nửa ở nửa về...»

Nhật-Nham **Trịnh-như-Tấu**

NGƯ' NHÂN

Ông **Nam-Đán** *Moncay.* — Lời giảng-giải thơ *ngày xuân tương-tư* và thơ họa của Ngài, sẽ xin có đăng ở kỳ khác; song mong rằng Ngài cho biết hết các ý-kiến về sự giảng-giải ấy, cho được đầy đủ, chúng tôi không xiết hoan-nghênh.

Nay kính

Ông **Quách-Tấn** *Dalat*;

Ông **Đào-tấn-Ích** *Thạch-an Na-cham.* — Thư và thơ văn của hai Ngài, Báo-quán đều đã tiếp nhận, xin lĩnh ý liệu dần.

Nay kính

Ông **Trần-văn-Hữu** *Pnom-penh.* — Xin Ngài coi ở «*lời thưa chung*» (phần trên và phần riêng) trong mục Ngư-nhàn số **36** An-Nam Tạp-Chí.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

局書沱傘

務商

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC

Việc bán sách

I — **Sự bán lẻ sách gửi đi các Ngài ở nơi xa mua coi, Bản-cục xin định có những thể-cách như dưới:**

1. — Phàm các sách của Bản-cục gửi đi, không cứ nhiều quyển hay một quyển, đều theo cách gửi có đảm-bảo.

2. — Đối với các Ngài mua lẻ, mỗi bận gửi, từ 1 quyển đến 5 quyển, tiền cước-phí xin chỉ tính là 0p.10

3. — Theo cách phương-tiện dẫn-đi, ngài nào muốn mua quyển nào, xin coi giá bán tường kê ở quảng-cáo, chiếu giá sách và tiền cước thêm 0$10, gửi luôn cho bằng «*tem thư*», kèm theo giấy mua sách.

4. — Gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*» (Contre Remboursement.)

5. — Những Ngài nào muốn cho Bản-cục được theo tiện-nghi, phàm có quyển nào mới in ra, sẽ cứ gửi tiếp, tiền thời các Ngài gửi cho làm từng lúc cho tiện; như vậy, xin có thư cho biết tường sự giả tiền thời cứ lấy một đồng bạc (1$00) làm cữ.

II. — **Các sách của Bản-cục, ít gửi bán tại các tỉnh, các nơi xa. Các Ngài có thư-quán mà có lòng yêu mua buôn, xin tính định giá-cả như dưới:**

1. — Không cứ một thứ sách hay nhiều thứ sách cộng tính, Ngài nào mua buôn từ 20 quyển giở xuống, tính trừ 20%.

Ngài nào mua tới 50 quyển giở lên, tính trừ 30%.

Xin miễn có lời hỏi mà-cả.

2. — Phàm việc bán buôn của Bản-cục gửi đi các Ngài ở nơi xa, xin đều gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*» (Contre Remboursement). Cước-phí hết bao, nhất thiết về Bản-cục nhận chịu.

* * *

Những sách tiếp tục in ra, xin coi ở Quảng-cáo bìa sau

* * *

Những Thư-quán đã có bán sách của Bản-cục:

Hanoi — **Nam-Ký** (Bờ-hồ)
Nam-định — **Hội-Ký** (Carreau)
Phủ-lý — **Phú-Mỹ** (R. Principale)
Hai-dương — **Đương-Xuân** (R. Commerce)
Hải-phòng — **Hương-Hát** (Bonnal)

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Kính bạch

Nhà máy gạo Đinh-Bưởi

72, phố hàng Khoai Hanoi,

gạo tốt, giá rẻ, hạng nào cũng có,

mua bao nhiêu cũng sẵn.

LIU-ĐIU! LIU-ĐIU!

Hôm ấy, bà con phủ Trá được thấy một cảnh lạ, một cảnh ngang tai trướng mắt, nhưng đối với con người mới nó là « văn-minh ».

Giữa chợ Phủ, hai ông đi trước, hai bà đi sau, đi thủng-thỉnh. Hai bà còn trẻ lắm, ăn mặc đều theo lối tỉnh, một bà theo mốt cũ, một bà theo mốt mới; thiên-hạ thì-thào:

— Đấy hai cô sa-phăm! cô cũ sắp đi Hanoi với chồng, cô mới bắt đầu từ ngày mai nhận việc.

Còn hai ông, một ông còn trẻ ăn mặc tây, người vạm-vỡ dong-dỏng cao, coi có vẻ con nhà thể-thao, một ông đã « quá niên trạc ngoại tuần», mày râu tuy không nhẵn-nhụi(vì ông có bộ ria mép) nhưng áo quần ông thật bảnh-bao: áo gấm, giầy quan-hài, lúc ông cười ta còn nhận thấy mấy chiếc răng vàng lóng-lánh.

Nhà-quê tính cầu-thả hay ưa tiện, họ gọi thẳng:

— Đấy hai ông sa-phăm! một ông đâu làm thông-phán Công-chính, một ông đâu làm thông-phán Giây-thép... Hai ông sa-phăm!... Cô sa-phăm cũ là vợ mới cưới của ông mặc tây, còn cô sa-phăm mới là vợ lẽ của ông răng vàng.

Bốn người vẫn đi, thủng-thỉnh... Bỗng cô sa-phăm mới bỏ bạn chạy vượt lên, sỗ-sàng bá ngay lấy vai chồng (ông có ria), nhách miệng cười tít, điệu bộ lả-lơi miệng lắp-bắp mấy câu nũng-nịu:

— Cậu, cậu...

Ở giữa chợ trước trăm nghìn con mắt!

Ta nên biết phủ Trá tuy có chợ-búa, phố-xá rộn-ràng nhưng một số đông người còn nhà-quê, nhà-quê đặc, không biết văn-minh chút nào cả. Cái lối « bá cổ chồng » ấy thật như nắm mảnh kính vỡ bật vào con ngươi mắt của người nhà-quê. Mạn phép các ngài cho tôi nhắc một câu của người nhà-quê bình-phẩm:

— Cha mẹ nó chứ! Có làm thế người ta mới biết rằng nó có chồng, không có người ta không biết!

Rồi họ nguýt dài.

Đối với người nhà-quê, thật lắm cái khó chịu.

* * *

Cô sa-phăm ấy phải đâu người xa-lạ. Trước kia cô cũng ở Hà-thành, cô đã làm, đôi việc hay-hay, đôi việc « lạ đời » để dư-luận một phen sôn-sao bình-phẩm. Ai thích đi xem xử kiện ở tòa Hanoi hẳn còn nhớ con người vừa tầm, xinh-đẹp, mặt phấn, môi son, cặp mắt lấp-lánh, miệng cười nói có duyên, duy phải cái vẻ mặt hơi « trơ », mà người ta thường gọi là cô đỡ Giao-Duyên, vợ thày ký Lễ làm sở giây-thép.

Cô đã làm inh-ỏi dư-luận... cái tiểu-sử của cô trong cuộc đời dĩ-vãng nó chẳng vẻ-vang nào: Cô có chồng, song cô theo thuyết tự-do luyến-ái! Một ông làm nghề báo, tấm óc ngu-si khá là ngu-si, mà hình-thù xấu-xí lại quá ư xấu-xí, một ngày đó đã lọt vào cặp thu-ba lấp-lánh của cô. Tuy trắng đen có khác nhau, dầy mỏng có khác nhau (ông kia người to béo mà đen thủi), mà cô yêu ông thật sự, cũng chẳng phải yêu ở chỗ lãng-mạn như câu chuyện ông Thám bà Khang. Cô yêu ông ở chỗ nào, thiết-tưởng ta cũng chẳng cần phải biết.

Rồi một buổi sáng ở trước tòa-án Hanoi, cô đỡ Giao-Duyên xin ly-dị ông chồng, chia của chia cả con, chàng một đứa thiếp nuôi một đứa.

Đại-hắc-lang-quân đứng trước quan tòa lắp-bắp, hẳn còn nhiều người nhớ kỹ:

— Qu'on ne chante pas! Il ne faut pas chanter! Il ne faut pas faire des chantages!

Việc ly-dị xong, thiếp đem một nửa số con lên rừng, chàng đem một nửa số con xuống bể. Câu chuyện bẵng đi từ đấy. Ai cũng tưởng rồi con người ngọc (Ngọc-nữ) sẽ vui vầy với Ngưu-lang, mà mối chỉ hồng hết quấn-quit vào mấy hàng giây-thép.

Thì bỗng buổi sáng mùa Đông năm trước, dưới ánh mặt giời ấm-áp, giữa chỗ chợ búa đông người, người ta thấy cô sánh vai cùng đi với một ông có ria cũng làm ở sở giây-thép Hanoi. Đáng tiếc cho ký-giả không biết được rõ quãng đời cô từ con đường giây-thép cũ, đến con đường giây thép mới có những tin gì khả gọi là ly-kỳ. . — — — — — — — — — — — —

Chỉ biết ngày nay cô xin đổi về phủ Trá, đổi về đấy để khuất xa con mắt gớm-ghiếc của bà vợ cả ông Răng-vàng. Đôi khi, ngày chủ-nhật, ông Răng-vàng về thăm vợ, thày ký Lễ cũng về thăm con, cái cảnh bạn và vợ nghĩ mà chán ngắt

. . . . . .

Ô.i!!!

« Thế-gian vợ vợ chồng chồng»!

* * *

Kể chuyện một danh-nhân, người ta thường xét đến ảnh-hưởng và hoàn-cảnh, thì câu chuyện cô đỡ Giao-Duyên đến đây hãy nên tạm ngắt, ta thử xét đến người chung-quanh.

Cô về ở phủ Trá, có đem theo cả một gia-đình: hai thân và mấy cô em bé, ngoài ra còn một đứa thị-tỳ nhanh-nhẩu để hầu. Cô ở trong nhà hộ-sinh làng Đuôi, còn gia-đình thuê nhà ở ngoài phố Phủ.

Con thị-tỳ ở cùng cô tuy thân-tín nhưng hỗn lắm, hỗn đến nỗi cô không thể dung được, phải đuổi ra ngoài cửa nhà Hộ-sinh. Đất khách bơ-vơ, bỏ cô thì sang với bà, con bé sang hầu-hạ ông bà cùng các cô bé.

Vân vân... vân vân... (chỗ này xin miễn kể, ai muốn hiểu xin hiểu giúp cho).

— Con bé từ hôm đó ngoan tệ!

Nó ngoan quá, đến nỗi một hôm bà cụ đi vắng về bà cụ làm om-sòm, khổ cả tai lân-lý. Bà cụ gầm, bà cụ rít, bà cụ chửi-rủa, bà cụ vật-vã, kêu giời trách đất, bà cụ... đánh ghen!

Bà cụ đánh ghen? Tội-nghiệp cho ông cụ đầu đã lấm-tấm rồi, răng đã lung-lay rồi, còn bị mắc

tiếng oan một cách vô-lý quá! Mà ông cụ có « đẹp giai » gì cho cam. Chẳng dám nói xấu cụ, thực quả — xin cụ tha lỗi cho kẻ bó buộc phải tả thực — mắt cụ thì kém một bên, mặt cụ thì kém ở nhiều chỗ, nói nôm là cụ dỗ, trăm nghìn cái xấu đổ vào mình cụ, cụ còn có đâu được chút duyên thầm mà bà cụ chẳng thương còn nỡ ghen với tuông!

Hàng xóm ai cũng phàn-nàn thay, mà ông cụ cũng tốt nhịn...

Nhưng bà cụ cứ nói hoài mãi. Phát cáu, không biết ông cụ nói thật hay nói đùa:

— Tao bây giờ ngoài 60 tuổi đầu rồi, con giai chưa có, tao lấy nó mày cứ giữ thì liệu định cô - quả hết đời hay sao?...

***

Nông nỗi cố-ông hãy xin tạm gác, ta hãy bền lòng nghe nốt chuyện cô em.

Ý-trung - nhân của cô thấy nói cũng khá nhiều, nhưng hôm ấy, con người bị sé màn ám-muội, phơi mày râu ra ngoài ánh sáng que riêm thì là cậu Hồng, con bà Chánh-Rủi.

... Giời tối. Một buổi tối không giăng ở miền nhà-quê nó mới tiêu-điều làm sao! Sương tỏa, gió đông hơi lạnh, đường quạnh-quẽ không có một ai đi lại, mấy dãy nhà trong phố Phủ đương thiu-thiu... Giời đen, đen nhạt, trên mầu đen nhạt có vẽ mấy nét đen hơn, góc này bụi tre bụi chuối, mấy ngọn thông rung, góc kia một dãy nhà tây nguy-nga, mấy nóc nhà tranh lụp-xụp.

Giữa khoảng đen thấy một cái bóng trắng lóc-cóc đi từ cuối phố về đằng chợ, nhận kỹ là một cậu thư-sinh nào quần trắng, áo cánh trắng, đội mũ, đi guốc, gật-gù bước dảo trong đám sương mù. Tiếng guốc nện xuống gạch lách - cách. Trong nhà kia, một cái bóng nữa bước theo ra, một cái bóng đen, nhận kỹ là một cô thiếu - nữ uốn-éo bước. Giời đen sì, bốn bề vắng ngắt, cô vừa bước đến đầu phố, ngảnh trước ngảnh sau... rồi trút lốt liền. Bỗng thấy từ đầu gối cô trở xuống trắng xóa, rồi tuốt mình cô trắng xóa, cậu thư-sinh lại đưa nốt cái mũ của mình cho cô chụp. — Thế là đêm trường quẳng vắng, chỉ còn thấy hai cậu thư-sinh quá thân-thiết khoác vai nhau thủng-thỉnh bước đi. Hai « cậu » chuyện, trò, thủ thỉ, khúc-khích...

Đối với dư - luận nhà-quê, thật lắm cái khó-chịu!

...Trừ tiếng dế dun, tiếng đồng-hồ nhà ai lúc-lắc, tiếng người nào say ngủ ngáy o-o trong túp lều tranh thì bốn bề không còn một tiếng động gì. Đêm càng khuya, tình «ái» càng nồng, hai người vẫn khoác vai nhau đi, chuyện, trò, thủ-thỉ...

Trong đám sương mù, từ đằng cuối phố đi lại, lù-lù một cái bóng đen, ngoe - nguẩy một khúc đuôi dài, chốc-chốc lại lòe tia sáng đỏ. À, tuần, bác tuần nào đấy tay cầm gậy, miệng ngậm điếu thuốc lá phì-phào.

Trống lầu điểm. Gà gáy, chó sủa... Bác tuần hỏi:

— Ai?

— Chúng tôi đây mà... cậu Hồng lắp-bắp.

Sòe! cái đầu que riêm độc-ác sé toang màn ám-muội. Bác tuần cười gằn:

— Cô Lũy, gớm thật, cô cắp cái gì đen đen kia?

...Trống lầu sang canh. Gà vẫn gáy, chó vẫn sủa, dế dun kêu inh-ỏi, trong nhà ông lão thúng-thẳng ho... ngoài đường cô Lũy nằn-nì van-vỉ... đằng xa, «bính-boong!» tiếng chuông chùa làng Hạ thủng-thẳng ngân dài...

***

Ôi!.....

Kẻ viết bài này quả tâm không có ý bôi nhọ ai đâu, chẳng qua muốn mượn mấy cột tạp-chí An-Nam than-thở nỗi ba-đào trong xã-hội, may ra người phạm lỗi có giật mình hối hận mà những ai có thể phạm-lỗi ấy hoặc biết e sợ đôi chút dư-luận của khách bàng quan.

Ng. T. Liên

Hưng-Yên

Nước mắt cá xấu

Cá xấu hình-thù cổ-quái, da-dẻ sù-sì, miệng rộng mắt to trông gớm-ghiếc. Đã thế lại được cái hung-bạo, cái dữ-tợn không ai bằng, như người ta, nó chỉ dùng « một miếng »! Cho nên cái tiếng con cá *xấu* thực quả không *đẹp* gì.

Thế mà ở bên Pháp, cá xấu lại còn mang tiếng là dả hình, là dan-dảo, thường rỏ nước mắt khóc những người bị nạn gớm-ghê.

Cái « ét-pờ-rét-sông » « nước mắt cá xấu » hẳn ai cũng rõ. Thật là oan cho cá xấu quá, Xấu có khóc bao giờ đâu, mà Xấu cũng không có hạch nước mắt nữa.

Mới đây, mấy nhà bác-sĩ ở đâu tôi không nhớ rõ, hình như ở Hoa-kỳ thì phải, đã công-nhận như thế, các ông đã thí-nghiệm rõ-ràng rồi, ta chẳng muốn tin cũng chẳng được.

Các ông đã đem nước hành nước tỏi rót vào mắt Xấu, lại đem thứ hơi « bắt phải khóc » bơm vào mắt Xấu, vậy mà không hề thấy Xấu rỏ ra một tý nước mắt, cũng chẳng thấy cau có đôi mi.

Có lẽ thứ nước hành và thứ hơi kia vào mắt Xấu nó cũng cứ êm như thường thôi.

Vậy mà mắc tiếng oan đấy!

***

Con người quái-đản!

Một nhà họa-sĩ Anh tên là Bích-Sơn (Burne Zones) có cái tánh lạ: chàng chúa ghét những bộ mặt xấu! Một hôm nhân câu chuyện nói đến một ông thày - cãi, chàng nói phăng: « Những ai có một cái đầu như đầu lão ấy, thật đáng chết treo.

Nhưng... một sự lạ đời! Người « khổ-chủ » có cái đầu nói chuyện trên kia là một ông thày-cãi có tiếng ở tòa-án Anh-cát-lợi, cũng có cái tánh thú-vị như chàng Bích-Sơn.

Một hôm, ông phải cãi cho một người mà ông chưa biết mặt. — Ở bên Anh, ông thày-kiện thường không biết mặt khách, tập hồ-sơ thường giao cho một ông thày-cò (solicitor) làm — Súng-sính bước vào tòa, ông chợt bị một người mặt xấu như ma chạy đến hỏi làm cho ông rùng mình phát đỏa:

— Con người quái-đản này là ai vậy?

Người thày cò đáp: — Chết! đó là ông khách của ta.

— A, thế ông bảo giùm ông ấy ngồi chỗ nào cho khuất mắt tôi đi, kẻo tôi nhìn thấy mặt ông ấy tôi không thể nói được nữa.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

15

Trà-sơn
dịch

Chàng Xen-đôn đứng ở mái hiên kêu cô Gian-nê mà rằng:

— Chào Lạc-lan cô-nương! Cô-nương bảo cái con vật tài săn mọi kia thế nào?

Nàng đáp:

— Tôi tưởng tôn-ông sẽ khó lòng mới làm cho nó quen được với lũ người nhà của tôn-ông!

— Người nhà của cô-nương cũng vậy. Coi chừng, Nô-át! chốn mau!

Con Sa-tăng thấy tụi mọi đen chốn ở trên cây thế vững như thành, đành phải chịu bỏ, rồi quay lại đâm sổ vào tên người Ta-hải-ty to lớn kia.

Tên Nô-át tuy không được vững gia cho lắm, nhưng cũng cứ đứng nguyên đấy. Song lúc đến gần tự-nhiên thấy con chó mồm kêu đuôi vẫy, quấn-quít nhảy-nhót chung quanh mình nó ra dáng mừng rỡ, thì ai nấy đều lấy làm lạ.

Cô Gian-nê nói:

— Ấy đấy con chó này thật là biết dạy! Thưa Xen-đôn tiên-sinh, có lẽ nó còn tinh hơn tiên-sinh, nên không cần ai dạy, nó cũng biết phân biệt một tên mọi đen với một người Ta-hải-ty có phải thế không Nô-át?... Tại sao nó không cắn mi? Tại mi không phải là một tên mọi đen.

Tên Nô-át lắc đầu mỉm cười mà nói rằng:

— Nó không biết tôi là một người Ta-hải-ty. Nó chỉ biết tôi cũng mặc quần như là những người bạch-chủng.

Chàng Xen-đôn vừa cười vừa nói:

— Thế thì ta cần phải cho nó đọc cuốn...

Nói xong chàng xuống vuốt ve con Sa-tăng.

Tình cờ lúc ấy, hai tên A-đa-mu và Ma-tu-a-rê, thủy-thủ của cô Gian-nê vừa đi vào vườn. Hai tên này vừa ra sông Bá-lê-suy-mã đặt bẫy đánh cá xấu về. Mỗi người họ bận một cái váy phất-phơ trên cặp chân lực-sĩ.

Con Sa-tăng trông thấy, lập-tức vùng chạy ra đuổi cắn.

Tên Nô-át trông thấy cười ồ lên. Đến sau nó thấy tên A-đa-mu chạy chốn trước nhất, nó càng đắc chí vừa cười vừa nói:

— Thôi vì họ không mặc quần rồi.

Tên người Ta-hải-ty kia thì vội vàng leo ngay lên cái giá vẫn gác máng ở bên nhà chàng Xen-đôn.

Con Sa-tăng thất-vọng liền quay lại đuổi tên Ma-tu-a-rê.

Cô Gian-nê la lên rằng:

— Ma-tu-a-rê! chạy chốn đi! chạy ba chân bốn cẳng vào!

Song, tên này cứ đứng nguyên không nhúc-nhích, nó ra vẻ: điềm-nhiên chờ cho con Sa-tăng đến.

Cô Gian-nê bèn cắt nghĩa cho chàng Xen-đôn nghe rằng:

— Tên nó là thằng *Gan-lỳ*. Nó quyết muốn tỏ cho ta biết rằng nó không xấu-hổ với cái tên ấy đấy.

Tên người Ta-hải-ty kia thì vẫn đăm đăm nhìn con chó. Khi con vật mõm đỏ chót kia nhảy chồm lên một lần cuối cùng, nó liền quăng bàn tay ra đằng trước, nắm trúng được hàm con chó. Con này bị quay một vòng trên không, rồi lộn-nhào ngã ngửa ra đằng sau.

Ba lần con chó định lại nhảy chồm lên, đều bị đấm vào mõm; bấy giờ nó mới chịu thua, và cam tâm đi đủng đỉnh theo gót tên Ma-tu-a-rê, nó vừa đi vừa ngửi có vẻ nghi ngờ.

Chàng Xen-đôn nói:

— Được lắm! Sa-tăng, được lắm! Nó là đứa người nhà rất tốt của ta đó.

Tuy vậy suốt một tiếng đồng hồ con Sa-tăng còn ra ý dò xét cử-chỉ của tên người Ta-hải-ty kỹ lưỡng đã, rồi mới chịu yên-định trong trí rằng tên này cũng là người ở trong nhà.

. . . . . .

CHƯƠNG THỨ IX

Cái tính hung-hăng của con Sa-tăng làm cho tụi mọi đen còn sợ hơn là khẩu súng trường hay là súng lục của chàng Xen-đôn.

Còn con Sa-tăng thì không lúc nào ở yên, lúc nào cũng chỉ muốn cắn. Những khi không có tụi mọi đen để nó đớp chân, thì nó lại nhá quả dừa rụng ở trong vườn, con gà nào qua phên vào vườn, cũng bị nó độ, các viên đốc-công lại làm tờ trình với chàng Xen-đôn cũng bị nó đuổi.

Tuy là chó, nhưng trong trí nhớ nó không bao giờ quên được những cách người ta trêu trọc nó khi xưa, cái thù ấy như in hẳn vào trong óc nó là óc một con vật. Người ta không sao làm cho nó bớt hung-hăng đi được. Đến nỗi về sau khi có tên mọi đen nào có việc gì bước chân vào vườn, chàng Xen-đôn phải khóa nó lại, để khỏi xảy ra cái tai nạn bất ngờ.

Cái cách đối đãi ấy, rất làm phật ý con Sa-tăng cho nên, tuy người ta vẫn dặn-dò nó không được cắn người nhà, mà mỗi khi nó được thả ra, thì hình nó chỉ lăm-le đớp gót mấy anh mọi đen ở trong nhà cho nguôi lòng căm giận.

Chàng Ký-sơn-dung lại xuống tầu Mi-nê-va để mà khởi-hành. Chàng có đem theo những lời cám-ơn của chàng Xen-đôn gửi cho ông Tô-mi-dương cùng là một cái thiếp mời ông khi nào có dịp qua đảo Bế-rang-đệ sẽ ghé qua chơi thăm đồn-điền.

Buổi tối cùng cô Gian-nê ngồi đối-diện ăn cơm, chàng Xen-đôn đột-nhiên hỏi cô rằng:

— Khi cô-nương qua đảo Xích-nê những kế-hoạch của cô-nương định thi-thố là thế nào?

— Việc qua Xích-nê? Thật mãi đến bây giờ tôi cũng chưa biết rằng tôi phải qua đó. Tôi đoán chắc có lẽ mới đây tôn-ông đã nhận được mật-tín báo cho biết rằng viên tham-biện ở Tuy-la-gi sẽ bắt đầy tôi qua đó vì tôi là người không tốt?

— Ồ không, không bao giờ lại

thế! Đấy chỉ là điều tôi đoán phỏng đó thôi. Nhưng chắc cô-nương cũng rõ cái tình-thế ở đây không được bóng bẩy cho lắm... Chàng Huy-ghi thì mất... Tầu Dịch-sĩ thì đắm... vậy thì...

—Vậy thì làm sao?

— Vậy thì tôi tưởng rằng cô-nương có thể qua Xích-nê tìm mấy người đại-biểu của tôi, bảo họ cho vay tiền mà thực-hành những cái kế-hoạch của cô-nương. Trong cái thời-gian ấy, cô-nương có thể viết thư cho bà con ở Nữu-ước hoặc ở Hải-oai...

Thấy nàng mắm môi lại, chàng luống-cuống ngừng lại không nói nữa

Nàng nói:

—Thật quả, tôi đã có lỗi bởi tôi còn ngạc-nhiên vì lời nói của tôn-ông. Tôn-ông vẫn lấy tư-cách một ông «người Thánh» tự-do xử trí tôi, mà không hỏi-han gì đến ý-kiến của tôi cả. Đó là cái thói quen nực-cười của tôn-ông. Tôi không hề nói với tôn-ông rằng tôi định qua Xích-nê bao giờ. Thôi không hề chi! Tôi cũng sẽ phải qua đó, bởi vì cái trí khôn-ngoan vô-lượng của tôn-ông đã phán-định như thế.

Nàng lặng yên một lát, đưa mắt nhìn chàng chòng-chọc không khác gì ngắm-nghía một con vật kỳ-khôi quái gở.

Nàng lại nói:

— Cố-nhiên là tôi phải cảm-tạ cái thịnh-tình của tôn-ông đã sẵn lòng giúp-đỡ tôi, nhưng tôn-ông giúp-đỡ một cách vụng-về quá, khiến cho tôi rất hổ-thẹn trong lòng. Tuy nhiên tôn-ông xử như thế là rất phải. Theo thói thường, thì khi nào gặp những người bị đắm tầu, phải nên giúp cho họ có thể theo đuổi nốt bước đường dở-dang. Khốn một nỗi, cái người bị nạn đây không cần tôn-ông giúp, mà họ cũng sẽ chẳng qua Xích-nê làm gì. Thôi đa tạ.

— Nhưng cái ý của cô-nương muốn thế nào?

— Cái ý của tôi chỉ muốn tìm một nơi lánh xa hẳn những cái mệnh-lệnh của hạng người vẫn tự-xưng là phải khỏe.

— Chàng Xen-đôn tuy gượng ra bộ vui vẻ, nhưng vẫn không giấu được vẻ buồn-rầu mà nói rằng:

— Đã đành thế, nhưng cô-nương không còn con đường nào khác nữa.

— Không còn con đường nào khác nữa? Sao vậy?

— Thật quả thế. cô-nương thử nghĩ coi... Cô-nương có mục-đích gì không?

— Có lắm chứ. Cái mục-đích của tôi, tôi đã nói rõ cho tôn-ông hay rồi, là tôi nhất-định ở lại quần đảo Sa-lô-mông. Nhưng không phải ở đảo Ga-da-ga-na đâu, vì bãy-lâu, tôn-ông vẫn cố-ý muốn cho tôi rời-bỏ chốn này. Ngày mai này tôi sẽ cho hạ chiếc xuồng xuống rồi tôi qua đảo Ba-ri Suy-lai. Tôi đã đem việc này nói với ông Ký-sơn-dung thì ông ta có cam-đoan với tôi rằng hiện ở bên ấy, có 400 sào đất tốt đang cần khai khẩn. Hòn đảo này nhỏ và không có thú rừng ra phá hại những cây non, cái đó cũng tránh được một điều lo. Hiện chỉ cần phải cho làm cỏ dần đi mà thôi.

Vậy trước hết tôi tính mua hòn đảo ấy. Rồi tôi kiếm chừng 40, 50 tên phu mộ để khai khẩn. Đồng thời tôi cho dựng ngay một ngôi nhà sàn xinh-xắn đẹp-đẽ để làm nhà ở. Như vậy tôn-ông khỏi thấy mặt tôi nữa. Tôi ở đây rất lấy làm phiền lòng tôn-ông có phải không?

— Tôi xin thú thật rằng cái việc cô-nương ở đây thật đã làm cho tôi bối rối và lại có bề trướng mắt nữa.

— Vẫn cái giọng ấy!

— Cô-nương không chịu công-nhận cái ý-tưởng của tôi thì thôi ta bất tất phải cãi lẽ làm gì. Ta nên gác cái câu chuyện ấy đi mà nói ngay đến những điều thiết-dụng. Tôi đây vẫn sẵn lòng giúp cô-nương thực-hành cái kế-hoạch ấy.

«Tôi dám nói rằng trong nghề trồng dừa tôi am-hiểu hơn cô-nương ... và lập một cái đồn điền tốn hết bao nhiêu tôi cũng biết rõ được. Thí-dụ chính-phủ bằng lòng chấp đơn và bán cho cô-nương hòn đảo Ba-ri Suy-la thì 400 mẫu đất tính giá trung-bình cũng phải 10 nghìn đô-la. Cô-nương có số tiền đó không?

Cô Gian-nê bỗng thấy câu chuyện hay hay liền chú-ý nghe và đáp rằng:

— Có.

— Ta lại nên dự-tính cả các món tiền chi tiêu khác nữa. Như lời chúng ta đã nói, cô-nương cần phải có 50 người phu để làm nhân-công tiền công mỗi người một năm cũng mất 30 đô-la, ấy là không kể tiền thưởng những người cai mộ. Ta thử tính coi. Ít nhất, cộng tất cả cũng mất một nghìn rưởi đô-la. Cô-nương còn phải đợi trong 7 năm các cây non kia mới sinh lợi. Bẩy lần 1 nghìn rưởi thành ra một vạn 500 đô-la. Lại còn những món hư-phí, việc làm nhà ở, làm xưởng thợ, mua các khí-cụ cho thợ, tiền thuốc men, và tiền làm vốn luân chuyển?

Tóm lại, ít nhất cô-Nương phải có ba vạn đô-la nữa, thì mới có thể dúng tay vào làm một việc như thế này, mà may ra mới có kết quả. Cô-nương có số tiền đó không?

(còn nữa)

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính: chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Một cuốn sách *thiết-thực* có ích-lợi vừa xuất bản do Nhà-Nước thông-dụng:

LUẬT TRƯỚC-BẠ MỚI

Thể-lệ đương thi-hành thuế trước-bạ, tem, ốp-bộ và Địa-bộ, có thí-dụ dẫn-giải rõ ràng

ĐÔNG-MAI

NGUYỄN-QUANG-THAI

soạn

Sách này sau khi quan Chánh Trước-Bạ Đông-Pháp và quan Chánh Địa-Bộ Đông-Pháp xem qua rồi, Toà Trước-Bạ Trung-Ương lại kiểm-duyệt cẩn-thận

Công-văn số 4.117-E, gửi ngày 27 Septembre 1930,

Quan Giám-Đốc Tài Chính Đông-Pháp có giới thiệu với:

Quan THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Quan KHÂM-SỨ TRUNG-KỲ,

Quan THỐNG-SỨ BẮC-KỲ.

nên mua quyển này cho các chức-dịch chốn hương-thôn thông-dụng, vì là một quyển sách thiết-thực rất có ích-lợi cho nhân-dân.

Sách giấy 90 trang **Giá 0$60**

Có gởi bán ở các hiệu sách lớn các nơi.

Ở xa nếu muốn viết thơ thẳng về bản-quán mua, mỗi cuốn xin gởi thêm 0$20 tiền cước.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình.

Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘沱書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuộn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại). Giá . . . 0,20

Đã đương in :

3. — **Khối-tình con** (thứ ba).

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh tróng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU :

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiệu **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-tượng, thần-dư, rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc **hiếu** cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự dủi do ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin có đủ các thứ **cực phẩm**, kiểu đẹp giá rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không đám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đất vân vân.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thơ chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kinh bạch

舉美號
殯車馬
出賃局
賣花圈
價大賤
開報事
不取費錢

河內
正所行刷街十號

IMPRIMERIE TRINH-VAN-BICH ★ HANOI ★ 鄭文璧印館 河內

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

22/6/8

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN SỐ 41

NGÀY 14 MAI 1932

DÉPOT LÉGAL
RESIDENCE SUPÉRIEURE
BOC-NINH

N° A 80

安南雜誌

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THỨC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm	5$00	7$00
Nửa năm	2,60	3,80
Một số	0,10	0,15

Dépôt légal
Le 16 mai 19
Le Gérant

BIBLIOTHÈQUE HANOI
C 119

Toa bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Bản-chí lần này tái bản được phần nhiều các ngài đại-lý ở các nơi sẵn lòng cổ-động, nên độc-giả vẫn một ngày một tăng. Lại quý-hóa nhất là về việc tiền nong, tháng nào cũng tính trao giả sòng phẳng, vậy xin tiện đây ngỏ nhời kính tạ. — Duy có một vài ngài ở xa có lẽ vì bận việc quá mà sơ nhãng nên mãi đến nay cũng chưa cho biết việc tiêu-thụ ra sao. Tuy đã có thư nhắc hỏi, mà vẫn chưa nhận được giấy trả lời của các ngài. Vì không muốn để các vị độc-giả phải phiền lòng, nên Bản-chí vẫn gửi báo tiếp, nhưng đương buổi kinh-tế khó-khăn này, những điều như vậy, thật rất thiệt-thòi cho bản-quán.

Vậy trước khi thưa rõ từng ngài trên Bản-chí, xin ân-cần nhắc lại một lần này nữa, mong rằng các ngài lưu-ý cho.

Đa hạnh

An-Nam Tạp-Chí

Vì muốn cho phổ-cập, nên từ trước tới nay, bản-chí bán ở trong ngoài vẫn có một giá. Nay vì nhà giấy thép tăng giá bưu-phí (mỗi số 0$02) nên Bản-chí phải tăng giá mua năm ở bên ngoài một năm là 7p.00, nửa năm là 3p.80. Xin các vị độc-giả ở Hải-ngoại chú-ý.

MỘN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàp-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**

No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu duối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, đong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả. **Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50**

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thờ ve kê bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

MỘT MỐI CẢM-TƯỞNG VỚI QUAN TRƯỞNG NHÂN DỊP ĐỨC BẢO-ĐẠI HỒI LOAN

Nguyễn-Tiến-Lãng

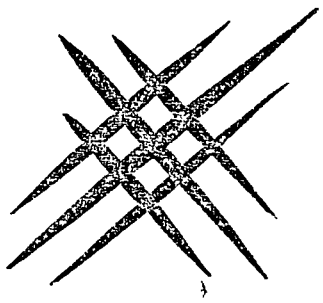

BẢN-CHÍ SẼ XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

Vì muốn chấn-trình nội-dung cho được thêm hoàn-mỹ, Bản-chí từ kỳ sau (1er Juin) sẽ xuất-bản mỗi tháng hai kỳ, chính vào ngày 1er và 16, báo sẽ thêm trang, thêm nhiều mục và tăng giá lên mỗi số 0$15 và gián-tiếp hai kỳ phụ-trương, giá bán 0$05.

A.N.T.C.

THƠ GỬI CHO BẠN VỀ VĂN-PHÁP VIỆT-NAM

IV

Trương qui-huynh,

Lần trước, đệ đã phân-biệt *tiếng* và *chữ* là hai thứ đang dùng lẫn-lộn trong ngôn-ngữ ta, để tách-bạch các chữ đồng-âm cùng một họ (Mots homonymes de même famille). Đệ tin rằng có phân-biệt thế thì sau này nhiều câu phương-ngôn, tục-ngữ, thi, ca, Hoa-tiên, Kiều, v. v... mới có thể đem văn-pháp mà giảng-giải được (analyse grammaticale). Nghĩa là đệ chỉ đứng về phương-diện văn-pháp mà phân-biệt thế.

Nay đệ nhận được một bức thư của ông G.T., đệ cũng không biết là ai nói rằng đọc hai bức thư ngỏ của đệ viết cho qui-huynh đăng trong An-nam tạp-chí, nên gửi thư cho đệ để giúp thêm ý-kiến. Ông G. T. không những là đứng về phương-diện văn-pháp, lại muốn đứng cả về phương-diện văn-tự mà phân-biệt các chữ cùng một tiếng. Đệ xin trích vài đoạn để hiến qui-huynh, và nhân tiện xin cảm ơn ông G. T. là độc-giả của An-nam tạp-chí.

« Giơ suy giơn' in le vơ re, me ô dam biêng nê, lơ ta lăng nát tăng pa lớ nông bơ rơ đê an nê.

« Tôi đố ông lấy mắt — đây là lời ông G. T. — đọc một lượt mấy giòng trên này mà nhận ngay ra là hai câu thơ của nhà thi-sĩ Corneille. Đó là những câu thơ rất quen tai cho nhiều người. Dá lại lấy những câu rất lạ, đánh dấu câu một cách khác, ông lại còn khó hiểu hơn nữa; ví dụ nhằm :

« Ê-xơ-ki-nu-phơ-ráp-pơ-a-văng-tu đăng-xơ-đê-vơ-lốp-po-măng xơ-qui-huy-don-nơ... v. v...

« Muốn nhận nghĩa các *tiếng* đó, tất ông phải vừa đọc vừa nghĩ đến các *chữ* của chúng.....

Rồi ông G. T. nói đến cái liên-lạc của chữ với tư-tưởng, y như thuyết của Malebranche tiên-sinh trong quyển «Tìm chân-lý». (La Recherche de la Vérité). Ông lại tiếp :

« Đối với tiếng Việt-Nam, « chữ quốc-ngữ » cũng na-ná như đối với hai câu tiếng Pháp trên kia, vẫn hẳy còn thuần là một cách chép tiếng (pur phonétisme).

Từ khởi-thủy đến giờ, có thay-đổi đôi chút, cũng chỉ là thay đổi cho chép tiếng được đúng, được hoàn-toàn, ví dụ : *Trời* trong kinh-thánh của đạo Gia-Tô, xưa chép là *Tlời*, hay *Blời*. (Bởi thế nay Đức chúa Trời mới thành ra Đức Chúa Lời). Chưa phải là thay đổi cho cái hình-thể chữ nó hợp như in với cái sự-vật hoặc cái tư-tưởng là hồn của nó vậy.

« Nay muốn cho « chữ quốc-ngữ » vượt qua cái mục-đích truyền giáo chép kinh, mà muốn cho chữ quốc-ngữ mật-thiết với tinh-thần Nam-Việt, tất phải bắt trước hết thảy các dân-tộc đã biết luyện-tập quốc-văn của họ, là phải trú-trọng về tự-thể (morphologie).

« Không những các chữ đồng-âm khác « họ » với nhau (như mấy chữ « báo » ông nói trong « *bức thư* » thứ hai) mà cả đến các chữ đồng âm cùng một «họ» (như các chữ *ăn*) cũng nên viết cho khác nhau ra vậy.

« Viết khác nhau thế nào ? ông đã bàn đến văn-pháp, thử lưu-ý tới.... »

Mấy lời kính-bái chiếu lệ nữa, kết thúc bức thư ông G. T.

Chắc qui-huynh đã đoán ra ý đệ đối với bức thư đó rồi. Đệ rất cảm-ơn ông G.T. đã chịu đọc mấy bức thư ngỏ của đệ, rồi có lòng mến đệ mà khuyên đệ một điều quí-hóa đó. Song lời khuyên đó thực khó tuân-theo. Một là sức một người, nhất là người vô-quyền-bính như đệ, không thể đả-động đến tự-thể được. Ta chẳng xem ông Nguyễn-văn-Vĩnh là người có tài-lực biết ngần nào, vậy mà muốn thay năm cái dấu quốc-ngữ còn chưa nổi ?! Trước ông Vĩnh, bao nhiêu người khác, ít thế-lực hơn ông, cũng đã muốn sửa-đổi vần nọ vần kia trong chữ quốc-ngữ, mà quốc-dân có đếm-xỉa vào đâu ! Thay hình đổi giạng những chữ dùng đã quen rồi, thực là một sự khó, chỉ Chính-phủ hay một hội văn-học to như hội Khai-Trí Tiến-Đức là có sức làm nổi mà thôi.

Hai nữa, bây giờ cũng chưa phải là lúc cần bàn đến tự-thể. Dù là mới « thử lưu-ý đến » cũng chưa cần. Vì muốn đả-động đến vấn-đề ấy, tất phải có quyển tự-điển thực hoàn-toàn, mà trước khi có quyển tự-điển hoàn-toàn, tất phải có quyển tự-điển (gọi là âm-điển có lẽ đúng hơn) của hội Khai-Trí-Tiến-Đức đã. Quyển âm-điển của hội này lâu đến mươi năm nữa mới làm xong, vậy vấn-đề « tự thể » cũng phải để đến ba, bốn mươi năm nữa mới đả-động tới được

Bây giờ ta hãy sở-đắc một điều là một tiếng có thể dùng được nhiều chữ, hay nói ngược lại, nhiều chữ tuy cùng một tiếng, viết giống nhau, có khi nghĩa lại liên-lạc với nhau, mà ta không nên để lẫn-lộn với nhau vậy.

Mới tuyên-bố một điều sở-đắc cỏn con thế, mà chắc đâu ai ai cũng đều công-nhận ? Chắc đâu rồi chẳng có kẻ xét-đoán hấp-tấp mỉa mai ta :

— *Ăn* mà là người à ? Anh Giáp là *ăn*, thằng Ất là *ăn*, ông Kèo là cột là những *ăn*, thưa các ngài !...

Nếu họ chịu theo ta xuống mục quán-tự dưới này, dám chắc họ chẳng chê ta mà lại cho điều sở-đắc của ta đó là một sự cố-nhiên.

Từ đây, đệ xin bắt đầu nói về *quán-tự* (articles).

Quán-tự là chữ dùng đặt tên chữ khác để chỉ rằng chữ này là *danh-tự* trỏ một hay nhiều sự-vật hoặc ta đã biết một cách nhất-định, hoặc ta chưa biết hay biết một cách mập-mờ.

Một điều phải nhận ngay là cái tác-dụng của quán-tự chỉ là để làm cho danh-tự theo sau nó rõ nghĩa thêm, *không có ý dả-động đến «phẩm» (qualité) hay «lượng» (quantité) của sự-vật ăn vào danh-tự đó.*

Nói tóm lại, quán-tự trong tiếng ta cũng có thể giải-thích như quán-tự trong tiếng Pháp vậy.

Sự-vật nếu đã nói đến, nghĩa là ta đã biết một cách nhất-định, thì danh-tự của nó theo sau *Định-quán-tự*.

Nếu là sự-vật ta chưa nói đến hoặc chưa biết một cách nhất-định, thì danh-tự theo sau *Bất-định quán-tự*.

Định-quán-tự và bất-định quán-tự giống như articles définis và articles indéfinis của tiếng Pháp, nhưng không giống hẳn, nên đệ không dám chua nghĩa đối-chiếu.

Articles partitifs của tiếng Pháp, thì tiếng Việt-nam không có.

Theo ý đệ, các quán-tự đó như sau:

I. — Định-quán-tự

SỐ ÍT	SỐ NHIỀU
1 — Người	1 — Các người
2 — Con	2 — Các con
3 — Cái	3 — Các cái
4 — Sự	4 — Các sự
	5 — Các

II. — Bất-định quán-tự

SỐ ÍT	SỐ NHIỀU
1 — Một người	1 — Những người
2 — Một con	2 — Những con
3 — Một cái	3 — Những cái
4 — Một sự	4 — Những sự
5 — Một	5 — Những

Cứ hai bảng đó, ta có thể nói rằng: Định-quán-tự số nhiều, và bất-định quán-tự chia ra làm hai thứ: Thứ *đơn* và thứ *kép*.

1.— Thứ *đơn*.

a) Đ. q. t. số nhiều : *Các*

b) B.đ.q.t. { số ít : *Một* ; số nhiều : *Những* }

2.— Thứ *kép*.

Mỗi chữ *đơn* trên này đặt trước một định-quán-tự số ít: *người, con, cái, sự*.

Trong bức thư trước đệ đã có dịp nói bốn chữ sau này hoặc coi là định-quán-tự số ít, hoặc coi là phần-tử của các quán-tự khác, cũng *rất năng* phải xóa trong *văn-chương*, nhất là văn-vần. Ba chữ *các, một, những* ít khi phải xóa hơn, nhưng trong văn-vần ta cũng đã ít thấy.

Lần sau, đệ sẽ cố giảng-giải mấy chỗ đó.

Bây giờ ta hãy thêm được một điều sở-đắc nữa rằng: *Văn Việt-nam không ưa dùng quán-tự, và cố tránh cho được quán-tự kép.*

Nay kính thư

Nguyễn-cát-Ngạc

LÝ-THÚ

Câu chuyện ngáy!

«Đêm nằm thì ngáy o-o,
«Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà!»

Có lắm người đoan rằng cái điệu ngáy của mỹ-nhân nó cũng êm-ái như khúc đàn hòa, nhưng ai không biết, tôi, tôi quyết không tin, có lẽ lời bình-phẩm kia là quá thiên vậy.

Thử tưởng-tượng lúc canh tàn đêm vắng, chợt tỉnh giấc vàng, mà thấy khò-khè bên tai các ông bạn thi nhau ngáy, ông khụt-khịt như chuột đất, ông khò-khè như cơm sôi, ông lại ồn-ào như trống trận, nghe tựa ma rên quỷ hú, thật mất hết cả cái thú nằm với bạn lúc đêm trường.

Theo ngu-ý thì đàn-ông ngủ mà ngáy cũng đáng chán rồi, huống là đàn-bà thì «tang thương» biết bao!

Mới đây, ở Hoa-kỳ người ta tìm ra một thứ máy rất huyền-diệu để trừ ngáy. Anh chàng nào bị tật ấy thì trước khi ngủ áp cái máy vào người, vào chỗ nào cũng được. Máy có truyền điện. Khi Anh-chàng bắt đầu kò-khè thì... «a-lê choách!»... cái máy nó rật anh chàng giậy giữa lúc các người bên cạnh bóp bụng cười.

Các trường có lưu-học-sinh tưởng nên giới-thiệu thứ máy ấy với các cậu, trong « đoóc-toa » sẽ có thêm một trò vui.

Một tin mừng

Một nhà thiên-văn-học. Trước đã tính rằng quả địa-cầu ta ở chỉ còn « sống » được trong 18 triệu năm nữa, mới đây, ông đem tính lại thì...chà! ông nhầm mất một tý, số thọ của địa-cầu còn những 19 triệu năm!

Xướng quá! ký-giả chép đến đây thở dài một cái « đỡ lo ».

Điều bí-mật lớn

Người đàn-bà hễ cứ ưng-ý anh chàng nào là đều có thể kết-duyên với anh ấy được.

Ít ra, ta nên tin cái tư-tưởng này vì một nhà thống-thái nước

QUAN TỔNG-THỐNG PAUL DOUMER BỊ ÁM-SÁT

Paris 5 Mai

Tại biệt-thự của tử-tước Salmon de Rotscshild phố Berryer, hội Cựu-chiến-binh bày cuộc Đấu-xảo sách.

Trong đám người quen, ai cũng để ý đến mấy nhà văn nổi tiếng Claude Farrère, Roland Dorgelès, André Maurois, Romain Coolus, Francis Carco, Roland Charmy, đại-diện hội các nhà văn và hội các trước-giả.

Lại trong đám người lạ, người ta còn để ý một gã lực-lưỡng cao lênh-nghênh, cao đến gần hai thước, y-phục đen, áo lót mình trắng, đeo trên mắt cặp kính đen lớn tướng, mặt có vẻ bối-rối băn-khoăn. Hắn đến từ lúc hai giờ chiều, chàng-màng đến cạnh ông Claude Farrère yêu-cầu ông viết tặng cho ba cuốn sách.

Một lát quan Tổng-thống Doumer đến. Lúc ngài chìa tay sắp bắt tay nhà văn-sĩ Claude Farrière thì người lạ mặt dơ súng bấm cò bắn luôn năm phát, ba phát trúng quan Tổng-thống, 1 phát trúng tay ông Claude Farrière và một phát trúng ông cảnh-sát trưởng Guichard.

Ông Piétri đứng bên cạnh nhảy sổ đến đánh vào tay hung-thủ nhưng không kịp mà cũng không truyền, quan Tổng-thống bị đạn ngã phục xuống, dơ một tay lên kêu:

— Đến nỗi này ư?

Rồi ngài lăn ra bất tỉnh nhân-sự.

Cả phòng nhộn-nhạo, hung-thủ toan lẩn trốn. Nhưng ông Guichard đã ném mình lại túm được tay gã, rút lấy súng và giao gã cho một người cảnh-sát.

Việc sảy ra nhanh lắm, không đày nửa phút đồng-hồ. Lúc ấy một mặt người ta trở quan Tổng-thống vào nhà thương, một mặt lôi tên hung-thủ về ngục.

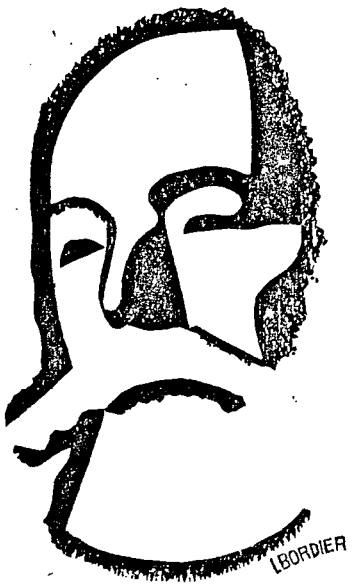

Ông Doumer
trước mắt nhà họa-sĩ Louis Bordier

Phút chốc, dân thành Ba-lê đã ồn-ào về tin quan Tổng-thống bị giết, họ kéo đến đông như kiến cỏ, hò-la giết chết hung-thủ để giửa hờn. Lúc tên lạ mặt bị điệu ra khỏi nhà đấu-xảo, họ kéo rồn lên như lớp sóng va vào đê, như muốn sé thịt gã ra nhai sống, lính cảnh-sát phải hết sức khó nhọc mới gỡ được ra.

Hung-thủ người Nga tên là Gougoloff, 37 tuổi, nguyên trưởng-hội các người Nga thuộc đảng Phát-xít, khai vì nước Pháp giúp tiền cho bọn Tô-Nga nên gã giết ông Doumer, gã định tâm làm việc này từ trước, có ghi cả vào sổ tay.

Xét ra việc ám-sát này không có ai đồng-mưu với gã cả, tuy gã có chân trong một hội bạo-động đã bắt cóc con đại-tá Lindberg. Theo lời gã thì không bao giờ hội kia trả con cho đại-tá cả.

Còn quan Tổng-thống bệnh-tình nặng lắm, từ lúc vào nhà-thương ngài bị mê-sảng không biết tý gì. Các quan thày-thuốc xét ra ngài bị ba viên đạn, một viên siên vào thái-dương, một viên vào tai bên trái, một viên vào nách đứt mạch máu hàm bên phải nên máu chảy cực nhiều. Các quan thày-thuốc đã hết sức cứu-chữa, hai cô Kriebel và Robatel đã lấy máu mình để truyền sang cho ngài, mà không sao cứu chữa được.

Hồi 1 giờ rưỡi sáng 7 Mai, thật là hết hy-vọng. Các bác-sĩ phải dùng cách bơm dưỡng-khí vào cho ngài nhưng cũng vô-hiệu.

Ôi! một nhà đã ba người con trai tử-trận, một người thứ tư cũng chết vì chiến-tranh, đến ông sau khi đã bạc đầu trong trường chính-trị cũng thác vì nghĩa-vụ, tấm lòng hiến-thân cho tổ-quốc của họ Doumer nghĩ mà đáng cảm-phục biết bao!

Cái việc những nhà tai mắt đến thăm và những lời của các nước chia buồn tưởng chẳng cần phải kể.

Hôm thứ năm, Chính-phủ làm lễ quốc-táng cho quan Tổng-thống. Đám tang khởi-hành từ điện Elysée đến nhà thờ Notre Dame, rồi rước vào an-táng tại phần-mộ của họ Doumer. Nhẽ ra linh-cữu của ngài an-táng ở Chư-hiền-lăng nhưng vì Doumer phu-nhân xin sau khi cử lễ ở đền Panthéon thì rước về mộ-địa nhà, nên chính-phủ cũng chiều ý.

Ông Albert Lebrun, nghị-trưởng nguyên-lão nghị-viện đã nhận lời ra ứng-cử Tổng-thống.

Các bạn trong chính-giới khuyên ông Painlevé ra ứng-cử, ông Herriot hứa sẽ giúp sức và đảng Xã-hội cấp-tiến cũng giúp cho ông, nhưng vì phái dân-chính tả-đảng yêu-cầu cùng M.M. Lebrun và Painlevé nên để Quốc-gia đại-hội-nghị trọn lấy một vị thôi, nên ngày 9 Mai ông Painlevé lại quyết-định rút đơn ra không ứng-cử nữa.

Ngày 10 Mai đầu-phiếu, ông Lebrun đã được trúng-cử.

Nga đã công-nhận. Nhà thông-thái ấy thấy nói đã nghiên-cứu nhiều năm lắm mới dám quả-quyết về vấn-đề này.

Vậy thì cô-ả kia làm thế nào?

Chào! có khó gì đâu, cái phương-pháp nó dản-dị hết sức. Cứ khi nào cô đã ưng-ý ai rồi đó, cô cứ « tuyên-ngôn » phăng không cần phải đợi dịp:

— « Cậu thông-minh quá! »

Thế là đủ « bắt câu » rồi.

Các độc-giả hẳn đã thấy cái thâm-ý của cô-ả.

BỎ NỬA ĐỜI NGƯỜI VÀO QUYỂN LỊCH

Lại câu chuyện lịch! Câu chuyện lịch đối với ta nhường đã làm chán tai lắm rồi, vì ta chẳng cho là vấn-đề cần - thiết: «sáng giăng suông vằng - vặc cái đêm hôm rằm» hay « đêm hôm 30, 31 » thì đã làm sao?

Bởi vậy một số rất đông người, gặp âm-lịch thì theo âm - lịch, gặp dương - lịch thì theo dương - lịch, cũng chẳng ưa mà cũng chẳng ghét thứ nào.

Hiện nay, ở nước ta, gần khắp toàn dân đều dùng âm-lịch,— thứ lịch định theo tuần giăng —; còn hô-hào dùng dương-lịch,— thứ lịch của phương - tây truyền sang tính theo thời - giờ quả đất xoay quanh mặt giời — xét ra mới có ít người thuộc phái tân-học.

Giữa lúc ta hững - hờ với câu chuyện lịch, thì ở Luân - đôn. Hội-nghị làm lịch họp và trực - tiếp với Hội - đồng Vạn - quốc, bàn tính về cách làm lịch mới.

Theo ý các ông, dương - lịch có nhiều cái không tiện: 1. — các tháng không đều nhau; 2. — tháng trước, tháng sau, cùng ngày ấy, mà thứ tự tuần-lễ lại sọc-lệch; 3.— ngày lễ Pâques không nhất - định, thành thử sai cả ngày lễ Pentecôte v.v...

Hội - nghị định làm ra thứ lịch mới các tháng sẽ đều nhau, thứ-tự tuần-lễ các tháng giống nhau, ngày lễ Pâques đúng vào 9 Avril. Nhiều nước công - nhận thứ lịch mới ấy rứt tiện-lợi cho sự giao-dịch thông-thương, hết sức tán-thành, nhưng cũng còn nhiều nước quá trọng tôn-giáo nhất định phản-đối.

Câu chuyện khá dài, một bài này chẳng sao nói hết được. Dưới đây, chúng tôi chỉ xin tóm-tắt một bản khảo-cứu rất thú-vị của ông Moses B. Cotsworth, hội - trưởng Hội-nghị làm lịch mới, trong bốn mươi giời dòng-dã, ông đã đi khắp Âu-châu, Ai-cập, Si-ri, Mạc-tây-kha Bí-lỗ. và cả Trung-Hoa nữa. để tìm xem các nước ấy bắt đầu có lịch ra sao.

Trước hết, đời Thượng-cổ, người ta chỉ biết săn-bắn và trài lưới. Hễ không săn được, không câu được, tất phải sống bằng lá cỏ, rễ cây. Lúc ấy, trí khôn của người cũng chửa cao gì hơn vật, bữa nào kiếm bữa nấy, họ không nghĩ gì đến sự phòng xa. Dần về sau, khôn hơn lên, người ta đã bắt đầu sai-khiến nhiều loài vật, đã bắt đầu cấy lúa, lúc ấy họ đã biết cần phải lo xa. Rồi hẳn nhờ ở sự kinh-nghiệm, người ta biết rằng hầu khắp các vùng, khí-hậu có thay đổi, và, có nhiều khi, cây cối giồng bị cằn-cỗi, hạt giống reo không nảy mầm. Cả từ sự sinh-nở của các vật nuôi cũng có mùa mới vượng. Nhưng có nghiệm thấy thế mà chưa biết được rõ, người ta cứ phải liệu chừng.

Bởi vậy không cần phải nói, ta cũng biết mùa-màng của người xưa chẳng ra sao. khi sớm quá, khi muộn quá, các vật nuôi thì còm-cỗi hay chết chóc, sự đói-kém cứ sảy ra luôn.

Vậy làm thế nào cho người vật được đủ sống, làm thế nào biết rõ được thời-kỳ nhất định để reo hạt, giồng cây, nuôi vật v. v...? Lúc ấy, người ta mới rõ không thể « liệu chừng » được nữa, phải cố sức khám-phá cái bí-mật của tạo-hóa mà mưu chiếm lấy phần thắng về mình: người ta nghĩ cách làm lịch!

Rồi sau, người càng văn-minh, lịch càng thông-dụng, đến cả những việc thương-mại, kỹ-nghệ, chính-trị, luật-pháp, v. v. đều phải cần đến lịch.

Tùy theo những sự đã xảy ra và trí sáng-láng của từng dân-tộc, cách làm lịch có khác nhau, song xét ra đâu đâu cũng đều căn-cứ ở các vì tinh-tú, nhất là mặt giời và mặt giăng.

Hai vầng nhật nguyệt rất có can-hệ đến thời-tiết quả đất ta ở, khi ẩn khi hiện, từ từ thấy đi vòng nơi không - trung, khiến cho các cụ ngày xưa tưởng như hai vì tinh-tú ấy là động-lực của Tạo-hóa, có phép gì rất thiêng-liêng, nên hầu khắp các nơi, như Ai-Cập, Hi-Lạp La-Mã, Anh - Cát - Lợi, Trung - Hoa v. v. đều có đền thờ.

Muốn định các ngày lễ, các thầy tu suốt ngày đêm nhìn giời, họ biên từng ly từng tý, họ nhận rõ mặt giời mặt giăng mọc ở chỗ nào, lặn ở chỗ nào, và đứng chính giữa đỉnh đầu ở chỗ nào. Chẳng bao lâu, họ đã biết cứ khoảng 29, 30 ngày là một tuần giăng và biết cả thời-hạn các mùa thay đổi. Họ tìm ra rồi nhưng giấu kín không cho ai biết, để cho nhân-dân phải sợ hãi tùng phục họ. Bởi vậy, các nông-gia cứ phải đến hỏi họ ngày nào nên reo hạt, ngày nào nên giồng cây v. v... Tuy vậy, họ cũng còn nhầm nhiều lắm. Muốn cho lời « truyền - phán » của họ thêm đúng, sau khi đã biết chia ra từng mùa, họ lại chia ra từng năm. Các thầy tu ở Ai-Cập, Mac-tây-kha, Assyrie, Bí-lỗ, v. v. tìm cách chia năm rất công-phu mà kể cũng khá giỏi.

Trước họ còn cắm sào, sau họ sây hẳn cột đá lên để ngắm, họ đánh dấu chỗ nào mặt giời mọc và lặn trong những ngày dài nhất và ngắn nhất trong hàng năm (1).

Lấy tuần giăng mà tính, họ lại nhận thấy chỉ hồi nào ngày đêm đều nhau, (2) mặt giời mới mọc đúng về phương Đông và lặn đúng về phương Tây. Họ lại tìm ra cả ngày Đông-chí, Hạ-chí (3) và ngày lập-Xuân, lập Thu. (4) Bằng ở các ngày ấy mà chia đều ra họ định được bốn

(1) Tức là khoảng 21 Juin và 22 Décembre.

(2) Tức khoảng 23 Septembre và 21 Mars.

(3) Ngày mặt giời đứng xa quả đất nhất, tức là 21 Décembre và 21 Juin.

(4) Ngày quả đất đứng thẳng, từ mặt giời đến Nam-cực và Bắc-cực, hai đường đều nhau, tức là ngày đêm đều nhau vậy.

mùa, mỗi mùa ba tuần giăng, thành 12 tuần giăng, 354 ngày, mà so với cách tính theo mặt-giời (dương-lịch) thì tức là kém đi 11 ngày với 6 giờ vậy.

Đó là nguồn gốc âm-lịch.

Như ở Ai-cập, Mạc-tây-kha, họ lại đo và tính bằng cách khác. Họ cũng làm cột để đo bóng nắng mặt giời khi đứng Ngọ, cột ấy trước còn làm bằng gỗ, sau sây bằng đá, sau đặt lên mặt những kim-tự-tháp và nhận được rằng một năm dài chừng 360 hay 370 ngày. Kinh-nghiệm mãi họ khám-phá ra rằng một cây kim-tự-tháp (5) phía bắc hơi nghiêng về mặt-giời vào lúc giữa trưa và ngày 2 Mars, là ngày bắt đầu xuân-khí phát-sinh, sẽ giúp cho sự tính-toán của họ nhiều lắm.

Ngày 2 Mars, mặt bắc kim-tự-tháp có mặt giời chiếu, rồi trưa đến thì không thấy bóng kim-tự-tháp nữa, mãi đến 14 Octobre mới lại hiện ra. Ngày ấy, lịch Ai-cập chua là « ngày bắt đầu giồng giọt ».

Dùng một cái gậy dài 4 sải, hàng ngày đo từ chân kim-tự-tháp cho đến chỗ đỉnh, ngày nào cũng thấy hiện ra cái bóng tam-giác, dần dần các thày-tu Ai-cập mới định được rõ một năm có 365 ngày và cứ bốn năm lại có một năm nhuận.

Đó là nguồn gốc dương-lịch.

Công-phu 40 năm giời của ông Cotoworth không phải chỉ có thế, trên đây chỉ là tóm tắt qua một phần khảo-cứu của ông để trả lời mới mấy câu hỏi :

— Tại sao người ta có lịch ?

— Nguồn gốc âm-lịch thế nào ?

— Nguồn gốc dương-lịch thế nào ?

Ông đã bỏ nửa đời người, mà có lẽ còn phải bỏ một nửa nữa vào quyển lịch, là cốt để hiến thế-giới một quyển lịch hoàn-toàn, rất tiện-lợi cho các nước trong mọi việc giao-lịch thông-thương.

Việc ông làm nó chẳng lặng-lẽ như ông bác-sĩ pha thuốc, nó cũng không rộn-rịp như ông chủ-tướng cầm quân, thế mà 40 năm đằng-đẵng không rời, lòng kiên-nhẫn của ông tưởng thật là hiếm có vậy.

Đinh Huy-Hạo

5.— Pyramide cao 484 pieds, (tức 167 m 103).

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra.

« Les confessions de J.J. Rousseau »

14

Tôi chọc luôn mấy lần không ăn thua gì. Đến sau, tôi nghe như chọc đúng một quả, trong lòng mừng-rỡ quá. Tôi cứ se-sẽ kéo ra Khi quả táo đã trạm vào chấn-song, tôi đương sắp-sửa thò tay cầm lấy. Nhưng . . . đố ai tả được cái nỗi đau-đớn của tôi ! quả táo to quá không lọt qua được lỗ hổng. Bấy giờ đến những mánh-khóe gì mà tôi chả vận-dụng ra để mong lấy được quả táo ra ! Trước hết tôi cần phải tìm được những đồ kê, để nâng giữ cho cái móc cứ ở nguyên đấy, một con dao khá dài để bổ đôi quả táo, rồi một cái lạt để giữ cho nó khỏi rơi. Cũng vì vừa khéo-léo, vừa kiên-tâm, nên đến sau tôi bổ được quả táo ra, đương hy-vọng lần lượt lấy từng mảnh ra một; nhưng quả táo vừa nứt ra làm hai thì cả hai mảnh rơi phăng xuống đáy sàn. Các độc giả có từ-tâm, hãy sẵn lòng cùng tôi chia sẻ nỗi buồn-dầu !

Tôi tuy không ngã lòng, nhưng đã phí mất biết bao là thì-giờ. Vì sợ bị bại-lộ, tôi đành hoãn công-việc đến hôm sau và lại cứ điềm-nhiên làm việc như thường, hình như chẳng có chuyện gì cả, trong lòng cũng chẳng nghĩ đến rằng ở trong sân bếp vẫn sờ-sờ hai người trứng-nhận sẵn lòng tố-cáo cái tội-án của tôi.

Rồi hôm sau, lại được buổi vắng người, gịp tốt, tôi lại thử một phen, tôi trèo lên mấy bực gỗ, tôi thò cái móc sắt vào trong sàn, tôi nhắm, sắp sửa chọc cho trúng một quả táo ... chẳng may con Bồng giữ của (1), lần này nó chẳng ngủ mê như trước — Vụt thấy cửa hầm mở ra, chủ tôi bước tới, khoanh tay nhìn tôi mà rằng : « Giỏi đấy, cố đi !... » Tôi chép lại đoạn này mà lại rời tay, đánh rơi cả quản bút (2).

Bị bạc đãi nhiều cách, cơ-cực lắm, rồi thành ra tôi cũng coi nhẹ những nỗi cực-thân — Những cái bạc-đãi ấy đối với tôi rồi thành ra là một cái thừa trừ để đối lại với sự ăn vụng ăn trộm của mình, mà nhân đã bị khổ vì mỗi lần vụng trộm thì tôi coi như tôi có quyền sau này lại tính cuộc ăn vụng ăn trộm khác — Tôi không nghĩ lại mà coi cái hình-phạt là để răn mình, tôi nghĩ đến tương-lai mà lấy cái hình-phạt làm cớ cho mình có quyền trả thù. Tôi ngẫm rằng: nó đánh mình chẳng coi mình hơn thằng khốn-nạn tí nào, thế tức là nó làm cho mình có quyền được đối-phó lại bằng cách gian-giảo khốn-nạn — Tôi coi hai sự ăn cắp và bị đòn là hai cái đi đôi với nhau luôn, đã gần thành ra một cái cảnh-huống, mà trong cái cảnh-huống ấy, chỉ có một phần thuộc về tôi, là phần ăn cắp, thì tôi cứ làm cho vẹn, còn cái phần thứ hai thì tôi để đã có chủ tôi — Nghĩ thế, tôi ăn cắp hoài, một cách tự-nhiên như không — Tôi tự bảo tôi rằng : « Cùng lý ra, có làm sao đâu ? Mình sẽ phải đánh, bẩn rồi. Cái thân mình là cái thân chịu đánh ».

Tôi thích ăn, nhưng không phải là háu ăn, tôi ăn lấy ngon không phải là ăn vì tham ăn. Còn nhiều cái sở thích khác nó làm cho tôi nhẵng cái sở-thích ấy — Lúc nào mà tôi nghĩ đến cái miệng tôi, là lúc ấy cái quả tim không có cái gì mà nghĩ đến : nhưng cái cảnh ấy ít khi xảy ra trong đời tôi, cho nên tôi ít có khi nghĩ đến việc ăn ngon. Thế cho nên cái tính gian-giảo của tôi trước chỉ ở trong vùng miếng ăn

1.— Nhắc lại sự tích Phong-thần Hi-lạp. Xem cước-chú số trước.

2.— Cũng như lúc nhỏ, thấy chủ, rời tay mà rơi cái que sắt nhọn.

nhưng chả mấy chốc phạm-vi nó rộng ra, tôi lấy nó ra mà thi-hành vào hết thảy các vật nào tôi thèm thuồng. Tôi chưa bao giờ đâm ra làm kẻ trộm thực thụ, cũng chẳng qua vì tính tôi chẳng có khi nào thực thèm thuồng đồng tiền. Trong cái buồng chung của chủ tôi và tôi, còn có một cái buồng riêng của chủ tôi, buồng ấy cửa có khóa, khóa lại. Tôi tìm được cách mở khóa ra lại đóng lại, không ai biết được. Thế là tôi lạm dụng các đồ tốt của chủ tôi, các vẽ đẹp nhất, các con dấu, hết thảy những đồ dùng tôi thèm, mà chủ tôi thì ra mặt đem cất xa tôi ra. Tuy thế, những cái sự lấy vụng đồ vật ấy cũng vô tội, vì tôi lấy là lấy lại để đem dùng vào những việc làm cho chủ ; nhưng tôi được dùng những vật lăng nhăng ấy, lấy làm thú vị lắm, vì tưởng như lấy trộm được những vật của người tài khéo làm ra thì cũng là lấy trộm được cái tài cái khéo của người ta. Trong mấy cái hộp, lại có nhiều những mẩu vàng bạc cắt lại còn thừa, những đồ nữ-trang vặt, những vật quí, và tiền nong nữa; tôi thì trong túi ít khi có nhiều tiền đến quá được 4, 5 su, ấy vậy mà đối với các quí vật kia tôi không mó đến bao giờ, mà tôi lại nhớ rõ thật không nhìn đến mà thèm thuồng bao giờ, tôi xét, hình như cái tính ghê sợ sự ăn cắp tiền nong như vậy, là do cái giáo-dục của tôi đã được. Khi nào nghĩ đến ăn cắp tiền, là tôi phải tránh nghĩ luôn đến những sự mang tiếng mang tai, bị tù tội, bị hình phạt, bị thắt cổ, những sự ấy ví bằng tôi có gian tâm thì nó cũng đủ làm cho tôi ghê. Chứ những cái ăn cắp vặt của tôi thì tôi chỉ coi như mấy cách tinh-nghịch, mà kể ra thì thực nó cũng chỉ là tinh nghịch; có bị tội ra thì chỉ là bị một trận đòn đáo để của chủ tôi, tôi biết trước vậy thì cũng cứ đành lòng. Nhưng, tôi nhắc lại điều này một lần nữa. — cái lòng tham muốn của tôi không mạnh mẽ mấy, cho nên tôi cũng không nghĩ đến sự ngăn ngừa, tôi không thấy có sự gì xấu mà chống lại với nó. — Trông thấy độc một tờ giấy vẽ mà tôi lại thèm hơn là thèm một số tiền đủ để mua cả một tập giấy thứ ấy. Sự ngộ-nghĩnh ấy do một cái nết riêng trong tính tình tôi ; cái nết ấy có nhiều ảnh hưởng đến các việc tôi sử-xự cho nên tôi cần phải giảng rõ.

Khi tôi mê-man sự gì, thì mê-man một cách nóng nẩy mạnh mẽ, đang lúc mê thì không có sức mạnh nào bằng cái tính nóng nẩy của tôi, tôi không còn biết gì là đắn đo, là kính nể, là e sợ, là lễ-nhượng ; tôi cứ sỗ sàng trơ trẽn, hăng hái, liều mình ; dẫu có sự xấu hổ cũng không khiến được tôi ngừng lại, dẫu có sự nguy hiểm cũng không khiến được tôi sợ hãi. Ngoài cái vật mà làm cho tôi phải để ý, khắp vũ trụ cứ như đối với tôi không có. — Nhưng cái hăng hái đó chỉ chốc lát, qua lúc mê thì đến lúc tôi hóa ra ít hoạt động đến nỗi như không có tôi ở đời nữa.

(*Còn nữa*)

Nguyễn-tiến-Lãng *dịch*

MỘT KẾ-HOẠCH CỦA ÔNG TARDIEU ĐÃ LÀM SÔI DƯ-LUẬN TOÀN ÂU

Hẳn ta còn nhớ tin **A.R.I.P.** :

« Quan thủ-tướng Tardieu sang Luân-đôn, đã cùng thủ-tướng Anh MacDonald bàn-bạc về vấn-đề liên - hiệp năm nước miền sông Danube (Confédération danubienne). Kết-cục, hai ông đều đồng-ý với nhau rằng : muốn thoát khỏi tình - cảnh kinh-tế nguy-nan ngày nay, năm nước ấy phải liên-lạc với nhau về mặt kinh-tế ; mà muốn cho việc ấy thành, bốn cường-quốc lại phải hợp-tác nhau một cách rất thân-mật. . .»

Năm nước kia là Lỗ - ma - ni, Hung-gia-lợi, Áo-địa-lợi, Tiệp-khắc và Kha - tư - lạp - phu (Roumanie, Hongrie, Autriche, Tchéco - slovaquie et Yougoslavie). Mà bốn cường-quốc là : Pháp, Anh, Ý, Đức.

Ý-kiến ấy của quan thủ - tướng Pháp xướng lên, bỗng đã thành một vấn - đề rất quan - trọng. Báo **Le Temps** (*Ba-lê*) nói :

« Ý-kiến liên-lạc năm nước miền sông Danube về mặt kinh-tế vẫn là một vấn-đề quốc-tế quan-trọng vào hạng nhất. Thật vậy ở Âu-châu ngày nay, không còn một vấn-đề nào cần - kíp hơn, đáng ghê - sợ hơn. . .»

Nhưng ở con mắt người Đức nó lại thế khác. Báo **Vossische Zeitung** dở dọng gây-gạch :

«. . . Mấy tờ báo thông-tin ở Ba-lê còn biết tâm - lý quần - chúng Ba-lê hơn ông Tardieu, đối với vấn-đề ấy, chẳng có ý sốt - sắng chút nào cả. Các tay bình - bút mục Chính - trị thế - giới ở báo Le Temps đã viết chán chê đến nỗi chuột rút cả tay rồi, người ta mới thấy lác-đác có lời hưởng - ứng của mấy tờ báo khác. Vả người tả-đảng Pháp đối với vấn - đề ấy đều gác hẳn ngoài tai, không muốn để cho cuộc dự-bị đầu phiếu của họ trở-ngại một cuộc cãi lẽ tầm-thường như thế...»

Tình hình kinh - tế năm nước miền sông Danube rất nguy-khốn, xin lược theo một đoạn của báo **Pesti-Hirlap** (*Badaspest, kinh-đô Hung*) :

«. . . Nền kinh - tế mấy nước này bị khủng-hoảng đã hai năm nay, đến giữa năm ngoái nó mới đổ sụp hẳn xuống. Nước Lỗ - ma - ni quỵ trước nhất, nước Hung nối theo ngay. Nhà nước trả lương các sỹ - quan và các viên - chức rất thất-thường, không kể các người hưu - trí phần nhiều bị khổ-sở đói-rách. Xuống nước từ nhà tư-bản đến người dân-quê, không một ai chịu nộp thuế, «sổ thu» chỉ còn ngong-ngóng đợi tiền thuế thương-chánh, thuế độc-quyền và tiền vay ở nước ngoài. Nhưng khốn thay, cái hy-vọng cuối cùng này nghe ra đã hão, hôm trước, ông Tài-chính bộ Tổng-trưởng nước Hung sang Pháp chỉ hòng vay một món tiền nhỏ «150 triệu» mà cũng phải soa bàn tay trắng về không. Nước Kha-tư-lap-phu tuy nhờ có chính-sách độc-tài mãnh-liệt có thể dai-dẳng được đôi chút, nhưng lại vì thế mà cảnh khủng-hoảng lại càng ghê-gớm hơn. Hiện nay cả thương-mại lẫn kỹ-nghệ đều bị đình-trệ, các nhà ngân-hàng lo sợ phải đóng cửa, đến cả Chính-phủ cũng phải hạ bút sóa độc-quyền lúc mi. Đành rằng nước Kha mới được nước Pháp cho vay 250 triệu, nhưng Pháp đã bảo cho sứ-thần Kha biết rằng không còn có thể cho vay lần thứ hai được nữa.

Còn nước Tiệp-khắc, ai cũng biết nếu không được nước Pháp cho vay 600 triệu tất tình-cảnh còn khốn - đốn hơn nhiều. Trong có một năm số người thất-nghiệp 360 nghìn đã lên 700 nghìn, tiền trợ-cấp càng ngày càng nhiều chỉ reo chết cho Chính-phủ. . .»

Nước Pháp ai cũng biết là rất giàu lòng nhân-đạo, thấy các nước

kia ngoi-ngóp trong khổ-hải liệu cầm lòng sao được? Huống chi vấn-đề ấy lại có quan-hệ đến cuộc hòa-bình của Pháp và vấn-đề liên-Âu của ông Aristide Briand. Hãy xin lược theo tờ **Le Temps** ngày tháng Mars:

«... Năm nước cùng có quyền-lợi chung, nếu gắng sức ra thì có thể liên-kết được cùng nhau mà mưu sự thịnh-vượng to-tát, nay mà nền kinh-tế bị suy-đồi chính tại không biết liên-hiệp nhau để trao đổi hàng hóa cho nhau đó. Vậy muốn cho cuộc liên-hiệp kia thực hiện, thì hãy nên gác các điều trở-ngại về chính-trị, mà chỉ chú-trọng vào các điều lợi hại về kinh-tế, có vậy các nước ấy mới thân-thiện được với nhau và hiệp-tác với nhau lâu dài... Năm nước cứ việc điều-đình trực-tiếp với nhau, không có một đại cường-quốc nào can-thiệp tới. Song le, giúp giập cho cuộc liên-hiệp ấy, lại cần có 4 cường-quốc Pháp, Y, Anh, Đức đồng lòng, cốt giữ cho chủ-nghĩa liên Âu được rõ-rệt. Được thế rồi, lẽ tất nhiên phải nghĩ đến cách giúp tiền cho cả một miền ấy, đấy, chính chỗ ấy các đại cường-quốc phải tỏ rõ ra là mình không có ý lợi dụng một tý gì về phương-diện chính-trị...»

Ý-kiến tuy hay nhưng thực-hành đâu phải dễ. Nhắc lại chuyện cũ, đã có báo **Koelnische Zeitung** *(Cologne, Đức)*:

«... Kế-hoạch của ông Tardieu có phương hại gì cho nước Đức không? Khi người ta đứng vào địa-vị nước Đức mà trả lời câu hỏi ấy, lẽ tất nhiên, người ta không thể im không nhắc tới rằng chính nước Pháp năm trước đã vận-dụng hết các phương-pháp chính-trị và tài-chính để phá hoại kế-hoạch của nước Đức định tổ-chức lại các thị-trường ở Trung-Âu, mà việc tổ-chức ấy phải bắt đầu ở việc Đức Áo quan-thuế liên-hiệp...»

Phải, Đức với Pháp vẫn gườm nhau như miếng mộc, Đức nhắc lại chuyện cũ đã là có ý muốn phá.

«... Song le, những hóa-vật xuất-cảng của các nước miền Danube tải sang Pháp thật rất ít, mà cứ trông cái cảnh-tượng kinh-tế của Pháp như thế, chắc Pháp cũng không thể «nuốt» được hơn nữa. Chỉ có nước Đức, với nước Y một chút nữa, là có thể giúp sự tiêu-thụ của họ được nhiều hơn. Nhưng liệu hai nước này có muốn nhúng tay vào việc hay không? Vì họ ngại rằng khi đã thành-công rồi, có lẽ chỉ riêng nước Pháp vớt hết cả phần vàng mỡ!...»

Quả vậy, Đức nghĩ thế rồi Đức phá. Báo **L'Œuvre** *(Ba-lê)* đã đem đối chiếu hai cái chương-trình của Pháp Đức:

«... Vì có tiếng kêu cầu-cứu của Áo, Chính-phủ Pháp định bỏ cách giúp riêng từng nước, mà thực-hành cái kế-hoạch có mấy khoản quan-yếu sau này: 1.— Lập một bản điều-lệ thương-mại chung cho cả năm nước. 2.— Các cường-quốc bằng lòng cho mở trái-khoản để bảo-đảm sự thi-hành bản điều-lệ ấy.

«Thì bỗng, mới cách đây nửa tháng, Đức nhanh chân lên đến điều-đình với Áo. Đồng lòng với Ý, Đức cũng đưa cho Áo một bản chương-trình, bản ấy vẫn có mấy khoản của chương-trình Pháp nhưng xoay ngược lại: 1.— Liên-hiệp các nước chủ nợ quy-định quyền-lợi tài-chính và kinh-tế các nước ấy cho thích-hợp với thị-trường của các nước mang nợ; 2.— Nhưng trước hết các nước này phải liên-hiệp với nhau về phương-diện kinh-tế đã...»

Ngoài lòng ghen-ghét ra, lại còn có nhiều cớ sui-dục người Đức phải phá lấy được. Báo **Robotnik** cơ-quan đảng xã-hội ở kinh-thành Varsovie (Ba-lan) mở đầu:

«... Kế-hoạch của ông Tardieu là chỉ cốt phá-hoại cái chương-trình Đức-Áo liên-hiệp trước hết, sau nữa là ngăn cho thế-lực Đức không bành-trướng được về phía Trung-Âu...»

Tờ **Vossische Zeitung** *(Bá-linh)* cười mát:

«... Hiện nay, bốn mươi triệu người Pháp đã phải địch với 65 triệu người Đức rồi, nếu lại thêm cả nước Áo vào nữa thì thành ra phải địch với những 72 triệu người Đức, cái nguy-cơ to biết chừng nào! Ấy chỉ vì lo sợ thế mà dân-tộc Pháp đặt ra vấn-đề Danube!...»

Tờ **Deutsche Tageszeitung** *(Bá-linh)* lại lo kỹ hơn nữa:

«... Cánh cửa tự-do của nước Đức đã bị tảng đá «Hiệp-ước Versailles» chặn lại rồi, nay ông Tardieu lại vần thêm tảng đá «liên-lạc miền sông Danube» mà chặn thêm cho thật kỹ!...»

Vả lại theo **Observer** *(Luân-đôn)*:

«... Thượng-lưu sông Danube thuộc về Đức cũng như sông Rhin. Giải sông ấy ở đất Đức-ý-chí nứt ra rồi mới cuốn sóng qua các xứ khác. Khách ngoạn-cảnh ai mà không nhớ cái ngã ba sông Passau tuyệt đẹp ấy có ba giải sông ba mầu xanh, vàng, sám, rót nước trộn vào nhau Nói tóm lại nước Đức mà không có thì sông Danube cũng không có...»

Cho nên trong một số khác, tờ **Koelnische Zeitung** *(Cologne)* mới dở mặt bướng:

«Nước Đức cũng là một nước miền sông Danube, quyết không chịu đứng ra ngoài vòng!»

Báo **Vossische zeitung** còn rắt thêm nước Bảo vào nữa:

«Nghe thấy một tay hùng-biện trong Tiểu-đồng-minh bênh-vực cho cái thuyết «nước Bảo vì thổ-chất khác không đáng vào cuộc liên-hiệp các nước miền sông Danube» kể cũng đã khá lạ rồi. Đến như việc chính nước Pháp là nước đã dùng binh-lực cắt sẻ thiên-hạ Áo-Hung nay lại muốn chắp các mảnh ấy lại, thì thật có thể coi như một trò cười trong lịch-sử...»

Nhưng nào đã hết đâu, còn Phó-lan-nhã nữa! Báo **Gazeta Warszarwsk** *(Varsovie, Phó-lan-nhã)* cũng lấy làm ngạc-nhiên:

«... Tại sao không thấy nói đến Phó-lan? Bởi vì cứ lấy binh-tình mà xét thì giữa khoảng Ba-đích hải (Mer Baltique) và Hắc-hải, giữa hai nước Đức-ý-Chí và Tô-Nga, nước Phó-lan-Nhã không những chiếm một địa-vị lớn về chính-trị mà còn giữ được một sức mạnh «ra hồn» về mặt kinh-tế nữa!»

Đọc đến đây, chắc các quí-độc-giả đã hiểu biết câu chuyện và đã đủ rõ mánh khóe ngoại-giao, then chốt chánh-trị thật đáng sợ là nhường nào. Thì tiện đây, tôi lại xin lược theo báo Pháp và các bản dịch những báo ngoại-quốc lấy ít câu tán-thành và công-kích để tỏ rõ ý-kiến của một danh-nhân nước Pháp đã làm cho dư-luận toàn Âu sôi nổi đến đâu.

Neues-Wiener-Tageblatt *(Vienne, Áo)*:

«Nước Áo vỗ tay hoan-nghênh việc sáng-lập ra một thị-trường quan-trọng ở Trung-Âu. Từ khi nền kinh-tế Áo-Hung chia rẽ, các ông làm những hòa-ước qui-định địa-vị Trung-Âu vẫn-vơ tưởng rằng cái nước bé nhỏ của chúng ta không thể nào đứng nổi nếu không dựa vào một nước tình-hình kinh-tế mạnh hơn.... Toàn dân Áo đều hiểu rằng một cuộc liên-lạc kinh-tế ở Trung-Âu không bao giờ nên có mục-đích phản-đối với quyền-lợi của Đức.... Mà, một đằng, nước Đức thực không bị bó-buộc mua sản vật của các xứ miền Danube, họ còn có thể mua thừa được ở hải-ngoại hay ở Tô-Nga...»

Magyarsag *(Budapest, kinh-đô Hung)*:

«... Ông Tardieu sở dĩ lưu-tâm vào vấn-đề liên-lạc năm nước miền sông Danube đến như thế, là vì mục-đích thực của cuộc liên-lạc ấy cốt làm cho ảnh-hưởng Pháp thêm lớn ở miền này. Về mặt ngoại-giao, Pháp phải cần có ảnh-hưởng ấy mới ngăn được chủ-nghĩa đế-quốc Đức không thể bành-trướng được về đường Trung-Âu, cả về mặt kinh-tế lẫn chính-trị....»

Pesti Hirlap *(Budapest)*:

«... Song le, một vài nơi phải biết rằng nước Hung không phải bị nén

dưới chân tường và bất theo bất cứ phương-pháp nào cũng phải chịu như một vài nơi đó vẫn tưởng-tượng hay muốn làm cho người ta cũng tưởng-tượng thế. Không một nước nào có thể hy-vọng dìm nước Hung xuống để nâng cao địa-vị riêng của mình lên... Còn về phần dân Hung chúng ta, chúng ta phải nên biết mà dự-bị chờ một cuộc phấn-đấu ghê-gớm sắp đến đây... Tuy vậy ta cũng nên vui-vẻ chào cái kế-hoạch của nước Pháp, vì nếu bây giờ nó chưa có thể bằng được một cuộc hội-nghị hòa-bình, nhưng tất chẳng tróng thì chầy, kế-hoạch ấy cũng đạt được tới chỗ ấy. Ông Tardieu đã nghĩ đến đó chưa?»

Vrême (*Belgrade, kinh-đô Kha*):

«... Bây giờ cũng như bao giờ, lúc nào nước Kha cũng dự vào việc thực-hành cuộc hiệp-tác các nước miền Danube, nước Kha vẫn tin rằng một sự hiệp-tác ấy không những cần-thiết cho hiện-thời mà còn có thể đủ làm nền tảng chắc-chắn cho việc chính-trị về sau này nữa.»

Lidove-Noviny (*Brno, Tiệp-Khắc*):

«... Những nguyên-cớ ấy không thuộc về kinh-tế mà về chính-trị. Ý và Đức sợ rằng đồng-minh các nước miền Danube lại chẳng quay lại phản-đối họ... Đồng-minh ấy thành-lập, nước Ý sẽ lại thấy xuất-hiện cái đế-quốc ngày trước và sẽ thấy cái hy-vọng trở lên một đại-cường-quốc bị ngăn trở ít nhiều; mà nước Đức cũng hết hy-vọng liên-hiệp với Áo, hết hy-vọng dẫm chân vào miền Danube, hết cả hy-vọng khuếch-trương thanh-thế về phía Đông Nam châu Âu...

«Miền sông Danube là của các nước ở miền ấy; nếu một đại-cường-quốc nào dúng cẳng vào quấy rối, tức là quấy rối sự bình-tĩnh Trung-Âu, mà cuộc hòa-bình của Âu-châu sẽ không được chắc-chắn tý nào nữa... Các tiểu-quốc miền ấy không chịu làm chư-hầu cường-quốc nào. Vả lại, nếu một cường-quốc nào trực tiếp can-thiệp vào tất chỉ làm hỏng việc thôi, vì các cường-quốc khác sẽ họp nhau lại phá. Chúng tôi chẳng muốn cho đế-quốc Áo-Hung tái-sinh một chút nào, mà dù ai có cái tư-tưởng ấy, riêng mình nước Tiệp-khắc cũng đủ đánh đổ được....

«... Tóm lại, việc liên-lạc năm nước về mặt kinh-tế cũng không cần-thiết cho chúng tôi lắm, mà cả về mặt chính-trị cũng vậy. Chúng tôi đã có cách đề-phòng của chúng tôi...»

Universul (*Burcarest, kinh-đô Lỗ*):

«... Đó là một ý-kiến cũ, nhưng nó tỏ được rằng vấn-đề ấy bây giờ đã được hiểu rõ hơn xưa. Cho nên người ta chẳng sợ sự hoạt-động về chính-trị của Đức kết-hiệp với Áo hay thân-thiện với các nước miền Đông Nam Âu-châu, mà cũng chẳng sợ gì sự hoạt-động về kinh-tế của Nga. Các báo Đức muốn nói thế nào mặc dầu, kế-hoạch Tardieu cũng không theo đuổi một mục-đích gì về chính-trị cả».

Gazzetta Del Popolo (*Rome, kinh-đô Ý*)

«... Định-kiến của Ý về kế-hoạch Tardieu vẫn không thay đổi,... có thể tóm tắt được mấy điều là: liệt-cường và năm nước kia phải thương-thuyết với nhau cho được đồng lòng thỏa-thuận. Các nước sở-quan còn phải điều-đình riêng với nhau để bảo-hộ quyền-lợi riêng của từng nước, sau nữa phải tìm kế cứu giúp ngay hai nước Áo và Hung...»

Der Ring (*Ba-linh*):

«... Trong những cuộc điều-đình từ bấy đến nay, người Anh tuy không phản-đối thực,... nhưng họ cũng coi như kế-hoạch ấy không thể thực-hành được. Chẳng còn nghi-ngờ gì nữa, họ chỉ còn mong nước Đức và nước Ý can-thiệp vào một cách quả-quyết mà kết-liễu câu chuyện ấy đi...»

Procès Civique (*Ba-lê*):

«... Trong lúc Đức và Áo sắp-sửa ký kết liên-hiệp với nhau, nhất cử nhất động của ta đều phải thận-trọng lắm lắm. Nếu không đem trình Ngị-viện nữa thì ít ra cũng phải hỏi ý-kiến hội-đồng Nội-các và tiểu-ban Nghị-viện. Vậy mà không biết Nội-các biết trước hay sau, nhưng cả hai Nghị-viện và các tiểu-ban cũng không biết gì cả.

«... Thử hỏi, người ta có thể tin được rằng một đồng-minh kinh-tế ở Trung-Âu có Áo mà không có Đức có thể có được không? Vấn-đề Đức Áo liên-hiệp nhắc đến bây giờ lại sôi nổi lên. Ông Tardieu đã nghĩ đến đấy chưa?»

Vossische Zeitung (*Bá-linh*)

«... Song, không nên cấm ai không được hợp-tác vào một công-cuộc kinh-tế có lý, bởi vì người ta vừa mới bày tỏ thật rõ rằng: sông Danube không chảy ở Pháp-lan-tây».

Ý-kiến của tôi:

Tuy có nhưng cũng xin không có.

Đinh Huy-Hao

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin chính-trị

Hà-đông. — Mấy người quán ở Hà-đông trốn sang Tàu về, bị bắt ở Laokay hồi tháng Février trước, đã bị tòa án Hà-đông kết án: Lê-văn-Chi 2 năm tù, Lê-ngọc-Diệp 6 tháng tù, Nguyễn-Nhiễm, 1 năm tù, và cả 3 người đều phải 3 năm quản-thúc.

Nhưng quan Chưởng-lý còn chống án, việc ấy sẽ lại đem ra tòa Thượng-thẩm tháng Mai này.

Hòa-bình. — 7 ông khách quý ở Hương-tích đến trọ tại hàng cơm Nguyễn-văn-Cảnh ở Chợ-đồi, châu Lương-sơn. 2 đêm 3 ngày, 7 ông khách quý đi, không ngờ còn lưu lại cho chủ-nhân một cái kỷ-vật cũng quý. Lúc quan Án Đinh-công-Huy đến khám thì này 2 chiếc cờ đỏ, 2 lưỡi tầm sét, 1 bó lưỡi giáo và 3 lưỡi sẻng. Đố biết hạng khách nào?

Phan-thiết. — Những tù chánh-trị ở nhà-pha Phan-thiết vừa mới nhịn đói để yêu-cầu với quan Công-sứ bớt cho giờ làm «cổ vê», vì dạo này giời nóng-nực quá, nếu bắt làm việc nhiều giờ như mọi khi họ không chịu nổi. Sau quan Công-sứ đến xét thì họ lại ăn cơm ngay.

Chính-tích của quan Công-sứ Phan-thiết trộm tưởng không mấy ai không biết, chắc điều yêu-cầu của anh em nếu có chính-đáng thì sẽ được chuẩn-y.

Mượn tạm 27 ngàn bạc!

Hanoi. — Đó là câu chuyện cũ, từ ngày năm ngoái 1931, ông Đặng-văn-Ngần thủ-quỹ công-ty Phốt-phát ở Haiphong bỏ sổ sách của công-ty vào tủ bạc, khóa lại, rồi đem chìa khóa đi... chơi?

Hôm 16 Octobre 1931, Tòa-án cử người đến mở tủ bạc ra xét, thì thấy... mà thấy rõ-ràng rằng ông thủ-quỹ đã «mượn tạm» của công-ty 27.520$54! Món tiền ấy, là tiền của Công-ty giao cho M. Ngần đem chi mà ông không chi, và tiền của Công-ty thu vào, hoặc có biên vào sổ hay không biên vào sổ mà M. Ngần «quên» không bỏ vào quỹ. Ông giữ, rồi ông chót tiêu mất!

Phiên tòa đại-hình ngày 4 Mai, kết ông thủ-quỹ «chót dại» ấy bị 5 năm tù án treo, 5 năm mất công-quyền và bồi thường một đồng-bạc!

Mù cũng biết giữ tiền

Thái-bình. — Nguyễn-trọng-Ri lắm lúc muốn sé màng con mắt ra để nhìn cuộc đời. Những cái cuộc đời lọt vào tai y mà làm khổ cho lòng y hơn hết là câu chuyện ông em, ông «ranh con» Nguyễn-trọng-Bút. Thôi thì ông ấy bạt tử, cờ bạc thâu đêm, tiền bạc cứ ném phứa ra ngoài cửa sổ?

Đau lòng lắm! Sáng hôm ấy Bút đi «xóc» về ngủ khoèo trong giường, Ri ta lò-dò đến cạnh, dơ tay sờ chán em. Bỗng vợ Bút về hỏi, Ri vội trả lời: Tôi lần cái lọ riệu! Rồi Ri sai vợ Bút ra chợ mua bánh đúc. Ở nhà Ri lấy ngay dao, díp mắt chém em: phập! phập! phập! Ba nhát dao vô-tình bổ vào đầu vào cổ Bút, Bút vỡ óc chết không kịp kêu.

Đứng bên quan-huyện, Ri nói:

— Em tôi chỉ cờ bạc tàn phá, dạy không được, nếu để nó sống thì nó bán hết cả gia-cơ điền-sản của tôi.

Phải lắm bây giờ giết em rồi, ông mù vào nhà đá lại ngồi mà tưởng-tượng gia-cơ điền-sản, vì lúc nào ông cũng chỉ tưởng-tượng, thế là hạnh-phúc hẩy còn! Nếu để em sống thì cái tưởng-tượng đến mất mất!

Chà! cốt-nhục mà làm gì!

Tin vắn

Hanoi. — Phiên tòa sáng hôm 9 Mai, Vũ-tam-Thám và Nguyễn-thị-Khiêm phải mỗi người 50 quan tiền phạt và liên-đới đền cho ông Trần-văn-Khang 1$00.— Nhưng còn « tòa án dự luận » chửa chắc đã xong chuyện đâu.

— Bản-chí mới được tin Bác-sĩ Đặng-vũ-Lạc mới mở một phòng khám bệnh ở phố Phủ-Doãn và một nhà Hộ-sinh ở phố Hàng-Đẫy, xin có lời mừng.

Trung-kỳ. — Đêm hôm 3 rạng ngày 4 mai, ở phía nam Trung-kỳ có bão to, các miền Dalat, Phan-rang, Phan-ri bị hại lớn, đường sắt bị đứt nhiều quãng, cây cối nhà cửa đổ rứt nhiều, cầu quán và làng xóm bị trôi cũng lắm, thuyền bè bị dạt đắm vô số, hai người tây và hơn trăm người bản-xứ bị thiệt mạng

Saigon.— Ông Outrey chiếm 1055 phiếu bầu được trúng cử nghị-viên Nam-kỳ. Ông De Lachevrotière lại phát đơn kiện việc đầu phiếu gian lậu.

— Ai thích nghe hát cải-lương hẳn đã biết tiếng cô Phùng-Há là vợ ông Georges Lê-công-Phước, chủ gánh hát Huỳnh-Kỳ. Tiếng cô Phùng-Há đã vang lừng mà tiếng gánh Huỳnh-Kỳ cũng chẳng nhỏ. Vậy mà mới đây chỉ vì hai vợ chồng cô Phùng-Há ghen nhau để gánh Huỳnh-Kỳ vỡ, 80 người thất-nghiệp bơ-vơ ở đất Saigon. Trước lúc chia tay, họ than-vãn thảm-thiết lắm.

Pháp. — Vì một trận mưa lớn rồn đất trên đồi xuống thành Lyon mà thành này bị sụt đất, hai cái nhà bị đổ, hơn 30 người bị chôn sống. Người ta đã cho đem đại-bác đến bắn những chiếc nhà đứng trơ trọi bên dãy nhà bị đổ.

PHÁP

Nội-các từ chức

Hồi 20 giờ hôm 10 Mai, M. Tardieu đã trình quan Giám-quốc mới M. Lebrun đơn của Nội-các xin từ chức.

Có tin đồn rằng các viên-chức trong nội-các này quyết không chịu cộng-tác với Chính-phủ sau.

Trong buổi điền văn hôm 4 Mai, ông Tardieu đã hết sức công-kích đảng xã-hội. Đảng này mưu cùng đảng cấp-tiến lập thành một ban Quyết-đấu (cartel).

Cuộc tổng-bảo-cử

Dưới đây xin so sánh số ghế trong Nghị-viện trước và sau cuộc Tổng bảo-cử:

	trước	bây giờ
Thủ-cựu	8	5
Cộng-hoà dân-chính liên-hiệp	90	76
» tự-lập	26	28
Dân-chính	19	16
Cộng-hoà tả-đảng	101	72
Cấp-tiến	90	62
Xã-hội cấp-tiến	109	156
Xã-hội tự-lập và cộng-hoà xã-hội	32	37
Xã-hội lao-động	112	129
Xã-hội cộng-sản	1	9
Cộng-sản tự-lập	5	11
Cộng-sản	10	12

Còn hai ghế ở đảo Réunion 15 Mai này mới bầu.

TRUNG HOA

Hòa-ước đã ký xong

Thượng-hải.— Bản hiệp-ước đình-chiến được hội Vạn-quốc công-nhận, lại thêm một khoản-phụ nói về việc quân Tàu đóng vững ở phía Nam vũng Tô-châu đã ký sáng hôm 10 Mai. Trùng-quang-Kỳ, Thực-Điền ký trong nhà thương, Quách-thái-Kỳ cũng ký trên giường bệnh, vì Quách mới bị một hội-viên Ái-quốc ném đĩa bát vào mặt bị thương.

Năm nhà báo bị bắt

Mãn-châu.— Năm phóng-viên, một người Pháp, một người Mỹ và 3 người Anh đi lấy tin tức về công-việc ban điều-tra ở Mãn-châu bị Phổ-nghi ra lệnh bắt dam ở Câu-bang-tử. Ba chính-phủ Anh, Pháp, Mỹ tức khắc phản-đối kịch-liệt, nói rằng các nước ấy vẫn chẳng coi Phổ-nghi là vì chấp-chính mà chỉ coi là một người thường đã can tội bắt kiều-dân ngoại-quốc, vậy Phổ-nghi phải chịu trách-nhiệm đối với pháp-luật.

Việc ấy biết đâu chẳng để hại lớn cho Mãn-châu, vì các nước Âu Mỹ sẽ quyết không công-nhận chính-phủ ấy.

Trần-tế-Đường hoạt-động

Có tin rằng ở Quảng-châu, Trần-tế-Đường đã chiếm lấy hết quyền-chính hải, lục, không quân, mà có Hồ-hán-Dân giúp sức: Quảng-đông sắp khai chiến cùng Nam-kinh.

Nếu vậy, nước Tàu thật gặp lúc suy, việc đối ngoại chưa xong, mầm nội loạn lại nẩy. Hồ-hán-Dân đã phạm tội cõng rắn cắn gà nhà, nay lại mưu gây nội-loạn thật đáng ghét lắm thay.

Chính-sách Nhật-bản. — Nhật-bản định trích ra 500 vạn đồng để sung vào binh-phí từ tháng sáu năm nay đến tháng ba sang năm, hiện đã gửi quân cứu-viện sang Mãn-châu để trừ quân Nghĩa-dũng.

Từ sau khi Chính-phủ Mãn-Mông thành-lập, Nhật rất chú ý đến vấn-đề di-dân. Viên Tổng-đốc Triều-tiên phái cán-viên đi xem-xét Đông-tam-tỉnh rồi giục dân Triều-tiên rời đi trước. Ở Nhật lại có hội di-dân, đoàn-thể lao-động, đoàn quân-nhân ở làng, đoàn giáo-thụ quân-nhân các trường lũ-lượt sang Mông-Mãn điều tra, kết-quả cho rằng nông-dân Nhật có thể sang ở đấy được. Theo tin Tàu thì mỗi ngày Nhật tải sang Đông-tam-tỉnh có đến hai ba nghìn người.

VĂN-ĐÀN

ĐỒ CHÍN ÂM VÀ TÁM THANH TIẾNG AN-NAM

Thanh / Âm	Bình		Trắc					
	Trường-bình 長平 không dấu	Đoản-bình 短平 (˗)	Trường-khứ 長去 (˩)	Đoản-khứ 短去 (~)	Trường-thượng 長上 (ʔ)	Đoản-thượng 短上 (●)	Trường-nhập 長入 (˩)	Đoản-nhập 短入 (●)
Hầu 喉 (cổ)	a ha ga gia nga qua	à hà gà già ngà quà	á há gá giá ngá quá	ã hã gã giã ngã quã	ả hả gả giả ngả quả	ạ hạ gạ giạ ngạ qua	ét hét ghét giét nghét quét	ẹt hẹt ghẹt giẹt nghẹt quẹt
Thiệt-thượng 舌上	tra na	trà nà	trá ná	trã nã	trả nả	trạ nạ		trẹt nẹt
Thiệt-đầu 舌頭 (đầu lưỡi)	tha ra	thà rà	thá rá	thã rã	thả rả	thạ rạ	thét rét	thẹt rẹt
Chính-xỉ 正齒	xa cha	xà chà	xá chá	xã chã	xả chả	xạ chạ	xét chét	xẹt chẹt
Bán-xỉ 半齒	la nha	là nhà	lá nhá	lã chã	lả nhả	lạ nhạ	lét nhét	lẹt nhẹt
Xỉ-đầu 齒頭	ta da đa sa (ja)	tà dà đà sà (jà)	tá dá đá rá (já)	tã dã đã sã (jã)	tả dả đả sả (jả)	tạ dạ đạ sạ (ja)	tét dét rét (sét jét)	tẹt dẹt đẹt sẹt (jẹt)
Nha 牙	ca kha	cà khà	cá khá	cã khã	cả khả	cạ khạ	két khét	hẹt khẹt
Khinh-thần 輕唇	pha va (pa)	phà và (pà)	phá vá (pá)	phã vã (pã)	phả vả (pả)	phạ vạ (pạ)	phét vét (pét)	phẹt vẹt (pẹt)
Trọng-thần 重唇	ba ma	bà mà	bá má	bã mã	bả mả	bạ mạ	bét mét	bẹt mẹt

Bản-chí có tiếp một ông bạn Độc-giả ở Qui-nhơn (1), viết ra một bức thư, đề ngày 29 avril, trong thư ông truyên nói về *âm* và *thanh* trong thơ ca. Như một câu thơ vi-dụ ở trong bài « *Mối cảm-tưởng về thơ ca của nước ta III* » đăng tại số 38.

« *Nhạn lảng chân mây kẻ đợi thơ.* »

Nguyên lời đàm-thuyết của tôi cho là vì *điệp âm* mà kém hay; nay ông bảo đó là *điệp thanh*, chớ không phải là *điệp âm*. Sự giảng thuyết đó chúng tôi xin nhận là phải và xin có lời cảm-tạ vì ông đã đem lòng thành-hậu chỉ-giáo cho.

Ông có đính theo thư một bản đồ trỏ tường về *âm*, *thanh*. Bản-chí xin đăng lên đầu mục Văn-đàn đây, để cung độc-giả nhất lãm.

Xét trong bản-đồ này, cứ ý-kiến tôi, không khỏi có đồng, dị. Kỳ khác sẽ xin được cùng ông đàm-thuyết, mong được tường minh.

Nguyễn-khắc-Hiếu

1. — Chữ ký tên trong giấy không rõ.

TỈNH HƯƠNG-TỤC PHÚ

Tiên-trỉ làng Mỹ-xá (Hưng-yên), ÔNG ĐỒ BÀ *nguyên-tác.*
Yên-mỹ Huấn-đạo Mr VŨ-VĂN-LỄ *sao lục.*

Được buổi thảnh-thơi, nhân khi ngồi chơi; nghĩ đến hương-tục, lắm chuyện nực cười! Các ông nhỉ! vì đâu công nợ? bởi vì đâu công nợ lôi-thôi?

Này tôi xin kể, để các ông coi.

Nguyên rằng nước ta, ở đâu cũng vậy; phàm những lệ miệng, ngẫm xem đã đầy.

Làng trên xã dưới, nơi ăn chốn ngồi.

Ra đình đi đám, tức khí ganh hơi.

Lên lão lên lành, khao thôn vọng xã.

Hàng phe hàng giáp, ông giám ông cai.

Nào gà sống thiến, nào lợn ông voi.

Lệ làng đã vậy, tư-gia phải mời.

Tranh nhau biếu xén trên dưới; đánh nhau vỡ đầu sẻ tai.

Giắt nhau đi kiện, cãi nhau hết lời.

Kíu kỳ căn, bởi đâu hiềm khích?

Rút thép đến, chỉ vị thịt sôi.

Việc giá-thú thiên-duyên sở định, đã yêu nhau thì bất luận tài.

Thách cho to, chẳng cưới thì bỏ; cheo đầu nặng, lại tiền lan-nhai (chẳng giây).

Lại như việc hiếu, nghĩ cũng lạ đời:

Còn chẳng kính trọng, sống chẳng đoái hoài.

Khéo sao lúc chết, làm ma tế ruồi!

Ngẫm hoàn-cầu có đâu như thế, mà dân ta sao khéo vẽ-vời.

Còn như các lệ, lắm lệ cũng rầy.

Dân làng đã vậy, khách khứa nhẽ sười?

Rò hoa chả quế, bánh chưng bánh giầy.

Cỗ mặn chửa hết, cỗ nước đã bầy.

Trông ra cũng sướng con mắt; chẳng ăn thời tiếc của giời.

Lệ đâu có lệ la-lùng! ăn thời cỗ ăn cỗ dựa;

Tục đâu có tục ghê-gớm! phần thời đầy giá đầy nồi.

Nào có một bữa, hai bữa; phải cho năm ngày, ba ngày.

Rò thiu, bánh thời đã mốc; sôi rồi, thịt cũng lại ôi.

Rượu ngà ngà, nào là thuốc phiện; tiêm cho đủ mỗi cụ vài mồi.

Mâm chưa bưng, tay liền mở bát; có thời dam, chẳng có mở cùi.

Lọ lý-sự bấy giờ mới dở; nói sói móc cây ta lo rồi.

Lên mặt quan-viên, dung đùi dung vế.

Chắp tay nhà chủ, chạy ngược chạy xuôi.

Đám to ra vài trăm tổn-phí; đám nhỏ cũng trăm có lẻ-loi.

Chỉ vì thế, lắm người siêu mảnh.

Chỉ vì thế, lắm kẻ bỏ ngôi.

Có bàn cất lệ, đã chuyện cha chuôi.

— Thế mà cũng nói, quen ăn của người.

Của thêm vào chẳng của bào ra, tội gì mà cất,

Làm thời làm chẳng làm thời chớ, ngỡ dân có đoi.

Cha ếch chẳng đào mả, bất quá ăn miếng chả, giả miếng bùi, cứ chữ kim bất việt cổ;

Đời cua thời cua máy, âu là còn răng nào bừa răng ấy, — gớm thay nhân-dục vô nhai!

Mà nào các ông đã biết:

Một nhà mở tiệc, cả làng cùng say.

Một người lo việc, cả làng ăn vay.

Tiền mừng tiền giúp, có lẽ mà lười;

Đồng phường đồng họ, có lẽ mà chây.

Thẳng bộ-tịch cho chững-chàng, đến đám ra tuồng thầy nó;

Nào phần phò lại mang sách, về nhà «tiền đâu mẹ mày?»

Phong-lưu chè chén kể vui thay, chẳng nhớ khúc; mẹ nằm con chạy.

Kiếm-trác tháng ngày chừng đã đủ, ... khoanh tay bốn một tám hai.

Hạch-lạc cho nhiều, rồi cũng đập lưng trống bỏi;

Xa-hoa cho lắm, chẳng qua tốt mẽ rẻ-cùi.

Khỏi họng ra bọng dơ, nợ miệng thật là cái lệ hủ.

Nói bà sà đến gáy, ván người đã vậy sao sau này?

Các ông phải nghĩ, đừng chuyện buông chôi.

Trên thời các cụ, dưới đến hàng giai.

Cùng nhau họp mặt, đem sổ mà coi.

Lệ nào nên để, lệ nào lên thôi.

Việc tế-tự quý hồ thành kính; lệ ẩm thực rút bỏ một vài.

Tính sao để lại về sau, chớ như ai chọc gậy xuống nước;

Phải làm cho mỹ phong tục, ấy là ta bắc cầu mà noi.

Vốn cùng trong họ ngoài làng, cha đắp nấm con được ấm mồ, nghĩ đi còn nghĩ lại;

Há phải kẻ tam người lạng, trống hết hơi mõ chẳng còn cóc, dễ đẻ thời dễ nuôi.

Mừng nay gặp hội văn-minh, phải cải-lương để cho đều tỉnh;

Xóa hết những tục hủ-bại, chớ kỷ-cương giữ mực còn say.

Như thế:

Mỗi năm mỗi khá,

Mọi việc mọi hay.

Ai ơi ngảnh lại mà coi, xa-xỉ thực là vô ích;

Ta đã bảo nhau cho nhẹ, giầu sang ắt hẳn từ đây.

D

Qua Đông-môn (Thanh-hóa)

Từ ta xa cách chốn thành Tây (1),
Hơn bốn năm giời lại tới đây;
Thủng-thỉnh đưa chân người lạ cảnh,
Ngẩn-ngơ trông mặt tớ quên thầy.
Gió giăng bạn cũ đà xa khuất;
Hoa cỏ vườn xưa cũng đổi thay.
Chén rượu trùng-phùng chưa nhấp cạn,
Còi xe đã dục khách chia tay.

Nguyễn-tiến-Bảng
(Thái-bình)

Nhớ bạn

Lệ tình lai-láng nước sông Tương.
Ai thấu chăng ai? nỗi đoạn-trường.
Đất khách ngậm-ngùi thân tráng-sĩ,
Buồng khuê ngao-ngán khách thiên-hương.
Trăm năm tóc bạc thề non nước,
Một tấm lòng son nặng đá vàng.
Khuất-khúc nỗi lòng cơn gió động,
Con tằm đòi-đoạn sợi tơ vương.

Nam-điền
(Thanh-hóa)

1 — Trường Đông-môn thuộc về phủ Quảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, ở phía cửa đông thành Tây-nhai, tục gọi là thành Tây.

Gửi cho cô con gái ế chồng

Quá kén cho nên mới ế chồng,
Sao còn trách quần tại Thiên-công.
Đốc Tham dạm ngõ, chê tiền ít;
Nông cổ đưa trầu, riễu óc không.
Những muốn sánh duyên người học-thức,
Lại hòng kết ngãi kẻ giầu ngông.
Mắt xanh chẳng biết tùy thân trước,
Ôm vậy trăm năm mối hận lòng!

Hải-vân
(Sông Thương)

Lấy phải chồng già

Xuân xanh sấp-sỉ lục tuần,
Tìm mây hỏi hạc qua lần cho xong.
Oan chi cái kiếp má hồng!
Mà chôn phận bạc vào vòng vô-duyên.
Tủi đâu là phận thuyền-quyên,
Phỉ nguyền tóc bạc, đẹp duyên da mồi.
Ai ơi, ai có chán đời?
Thời thôi nhắm mắt cho rồi năm canh.

Ich-Phát

PHONG - THI

Con sông nước chảy lờ-đờ,
Nhớ ai ra đứng trên bờ đợi ai,
Đợi ai mà chẳng thấy ai,
Thấy làn mây bạc lưng trời quần-quanh.

Hoàng-minh

1.— Ngày hôm mười sáu tháng ba,
Ai về Kinh-Kệ cho ta nhắn nhời.
Nhắn cho cái gái họ Bùi,
Cố nuốt với rượu cho chôi nhời thề.
2.— Dẫu cho bể hẹn non nguyền,
Chẳng bằng trông cái túi tiền đăm-đăm.
Ấy ai giao-ước đồng-tâm,
Mà nay lựa khúc ôm cầm thuyền ai.

Hải-hồn
Ng-khiêm-Tốn

THƠ TRÍCH CÂU

Chơi mạn ngược cảm đề

3. Gió hét ngang rừng cây ngoảnh mặt,
4. Sóng xô dưới bến nước cau mày.
5. Bức tranh vân cẩu phô rồi xóa;
6. Gánh nợ tang bồng trả lại vay.

Thượng-uyển Ng.-tiến-Lãng

Tâm-sự năm canh

Chiều chiều gió thổi hiu-hiu,
Nhớ quê nhớ cảnh chín chiều ruột đau.
Nghiêm-đường tuổi hạt đã cao,
Quạt nồng ấp lạnh ai nào đỡ thay.
Xa-xuôi ba trẻ thơ-ngây,
Chít-chiu không mẹ, đêm ngày ngóng-trông.
Giọt sương lưng-lẽo đòi giòng,
Bên chùa trống đã thùng-thùng một canh.
Ngồi buồn nhớ lại chuyện mình,
Tiền-duyên bận-bịu,chút tình khôn nguôi.
Nghĩ đòi đoạn xót đòi hồi,
Bâng-khuâng mặt bắc,ngậm-ngùi niềm tây.
Dẫu cho xum-hiệp một ngày,
Cũng là ân-ái, huống đầy mười đông.
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
Bên chùa trống đã thùng-thùng hai canh.
Bực mình muốn hỏi ông xanh,
Ông cao ông lại làm thinh chi hoài!
Đã đành gương vỡ bình rơi,
Ông-gia chàng-rể nữa rồi ra sao?
Mười năm ơn nặng tình sâu,
Kiếp nầy mà phụ, kiếp nào trả xong?
Trước sau lòng lại hỏi lòng,
Bên chùa trống đã thùng thùng ba canh.
Vắt tay nghĩ chuyện gia-đình,
Sao cho bên hiếu bên tình vẹn hai?
Tục-huyền tin đã tới nơi,
Trên mà đã định, dưới thời phải vâng.
Tình-duyên lại với nợ-nần,
Tự trời, ta cũng có phần ở trong.
Một mình suy-nghĩ chưa xong,
Bên chùa trống đã thùng-thùng bốn canh.
Ngồi lên đối ngọn đèn xanh,
Một mình lo quẩn lo quanh canh dài.
Xưa nay dì-ghẻ, con ngài,
Ở đời phỏng được mấy người nghĩ xa?
Thân con của nước, của nhà,
Rồi đây nuôi dạy biết là có xong?
Ngổn-ngang thổn-thức trong lòng,
Bên chùa trống đã thùng thùng năm canh.
Líu-lo chim hót trên cành.

Nguyễn-văn Tiềm (*Tourane*)

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Thuật hoài

Nam nay tuổi mới ngoại hai mươi,
Mặng lạc cay chua nếm đủ rồi.
Lúc hứng ngửa-nghiêng trời đất rộng.
Khi buồn xáo-trộn cổ kim chơi
Mấy phen chìm nổi thây cha kiếp,
Những tiếng khen chê mặc mẹ đời.
Còn đặng bẩy mươi chín tuổi nưa,
Ngang-tàng cho thỏa chí làm trai.

Q. T. (Dalat)

(Hai chữ *mặng lạc*, tục tiếng Bắc là *mặn nhạt*.)

Bài thơ đây đề là «*thuật hoài*», xem lời thơ cũng thật là thơ thuật hoài.

Câu thứ *nhất*, chỉ là Tác-giả tự nói ra, lời thơ thông xuông, không có gì là hay dở.

Câu thứ *hai*, cũng là Tác-giả tự thuật cái huống-vị của thân-thế; cứ nghĩa, đứng làm câu *thừa* cũng là xứng hợp địa-vị, và lời thơ cũng thông. Song theo ý tôi, còn muốn thay đổi một đôi chữ. Như chữ «*rồi*» ở thứ bẩy, nên đổi làm «*mùi*», thời đậm nghĩa, thuận vần hơn, mà câu thơ cũng mới vững-trãi. Vì chữ «*mùi*» là tiếng *nom*, lai làm cốt cho cả bốn chữ *chua, cay, mặn, lạt* được.— Hai chữ «*cay chua*» ở trong câu, nên đem chữ «*chua*» lên thứ *ba*, đổi chữ «*cay*» xuống thứ bốn. Vì hai chữ ấy, nghĩa cũng không hơn kém nhau; dẫu đặt thế nào thời nghĩa cũng như thế. Song lấy về lời thơ mà nói, thời chữ «*cay*» nặng hơn, chữ *chua* nhẹ hơn; địa-vị trong câu thơ thời chữ *thứ bốn* trọng hơn, chữ *thứ ba* nhẹ hơn. Lại như chữ đứng thứ bẩy, dù đặt là «*rồi*», hay là «*mùi*», đều là chữ nhẹ tiếng. Cho nên chữ đứng *thứ tư* nên phải nặng, thời câu thơ mới được cân bằng mà vững hơn. Chỗ đó nghĩ như chi-lý, song đã là người trong làng thơ cũng nên biết.

Hai câu *ba, bốn*.— Câu trên, thật là ngang-tàng: Có khí-nhách; có khí-độ; các chữ xếp đặt ổn trọng. Thơ thuật hoài, câu thứ ba như thế, rất đáng kể là câu thơ hay!— Câu dưới đối với câu trên, ý-nghĩa cùng lời đặt, chữ dùng, ngẫm ra đều có kém hết. Xin giải kỹ như dưới:

1°— Bốn chữ «*xáo-trộn cổ kim*», nghe lời như có ý phẫn-uất; *phẫn uất* là một cái cảm-hoài rất không tốt ở trong sự làm thơ. Mà dù cảm-hoài của Tác-giả có như thế chăng nữa, trong lời thơ cũng phải đạt có nghĩa «*muốn*». Vì rằng: như câu trên, lúc hứng lên mà ngửa-nghiêng trong trời đất thời được; chớ khi buồn mà đem cổ kim để xáo-trộn, thời chi là tu mình muốn như thế, chớ có thực-hành được đâu? Cho nên du Tác-giả có muốn đặt như thế, cần phải có ý-nghĩa của chữ «*muốn*»,

thời câu thơ mới là xong-xuôi.-- 2°. Đầu câu, chữ «*khi*», đối với chữ «*lúc*» ở câu trên, hai chữ nghĩa thực cũng như nhau, lời thơ như thế thì nòm quá! Tác-giả nếu muốn sẽ trở lên một vị Thi-hào, thời rất nên để ý tránh những sự tầm-thường như thông-tục quen dùng vậy. — 3° — Cuối câu, chữ «*chơi*» tức là *adv.* của hai chữ «*xáo trộn*», vậy thời đem đối với chữ «*rộng*» là *adj. qual.* của hai chữ «*trời đất*» được sao? Nếu hai câu thơ đặt như thế, thời vì câu dưới mà làm cho hỏng cả câu trên, nghĩa là không cân đối nhau vậy.

Tóm lại, hai câu thơ tam tứ đây, ba chữ « *trời đất rộng* » ở câu trên, thực hay mà thực là khó đối. Vì chữ «*rộng*» là *adj.* trỏ nghĩa chung cho cả hai chữ « *trời đất* ». Nếu muốn làm cho trọn được hai câu thơ cân nhau, trước hết phải tìm ba chữ đối ở câu dưới. Nếu không tìm được ba chữ đối ở câu dưới, thời không thể tiếc được câu trên mà thế phải phá bỏ đi để đặt lại câu khác. Tôi đã cố lòng nghĩ đối ba chữ ấy mà chưa thể kiếm được, vậy xin tạm khất Tác-giả, hoặc đối được mà để nguyên câu trên, hoặc phải phá đi mà sửa cả hai câu lại, đều xin đợi kỳ khác.

Hai câu *ngũ lục*.— Phần nhiều các Độc-giả hẳn cho là *thô bạo*; ý riêng tôi xin trộm nhận là hay! Vì: thơ là thơ thuật-hoài, cứ cảm-hoài thế nào, thuật ra như thế; không vì kiêng-kỵ, e-lệ, mà nói dối đi thế khác; lại cách đặt lời, dùng chữ, cân đối nhau mà nghĩa xuôi. Cho nên có thể gọi là hay.

Tuy vậy, tôi cũng xin nói để Tác-giả cũng nên biết qua rằng: cứ như hai câu thơ *ngũ lục* trong bài đây, nếu là văn lai-cảo gửi thẳng cho mục *Văn-đàn* của An-nam tạp-chí, thời như tôi là kẻ giữ mục Văn-đàn, cũng chưa hẳn dám đem mà đăng, vì còn cũng e-lệ dư-luận. Nhưng đây chỉ là thơ của Tác-giả gửi về việc *Thi-đàn giảng-tập*, thời tôi có thể cứ theo văn-lý mà đăng lên để làm việc giảng-giải vậy.

Hai câu *bẩy tám*, một hơi đưa xuống rất mạnh. Câu kết như thế cũng là hay.

Toàn bài xếp đặt lại, chỉ còn đợi hai câu tam tứ. **NGUYỄN-KHẮC-HIẾU**

NGỤ' NHAN

Thưa chung **các bạn làng thơ**. — Gần đây, trong mục Thi-đàn giảng-tập tiếp các bài gửi về mỗi ngày càng số nhiều, mà sự giảng giải làm ra không được mấy; chỗ đó, kẻ giữ mục Văn-đàn thật không khỏi có phụ lòng người yêu. Từ nay xin không dám sơ-khoáng, mong mỗi kỳ Tạp-chí in ra, việc giảng-giải thường có, cho được mua vui cùng các bạn làng thơ. Nhân tiện có mấy lời rãi tỏ như sau, cũng xin ai nấy cùng xét.

Phàm một bài thơ đem làm việc giảng giải, tất là trong bài thơ ấy có câu hay mà lại có chữ ngang trái, như thế thời sự giảng-giải cũng mới có nhiều thú vui. — Còn như có nhiều bài, toàn đề thông thông, không có câu hay lắm, lại cũng không có chữ dở lắm, như thế thời xin tùy tiện sửa qua một đôi chữ rồi đăng luôn lên mục Văn-đàn, miễn cho sự giảng-giải.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

局書沱傘

務商

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC

Việc bán sách

I — Sự bán lẻ sách gửi đi các Ngài ở nơi xa mua coi, Bản-cục xin định có những thể-cách như dưới:

1. — Phàm các sách của Bản-cục gửi đi, không cứ nhiều quyển hay một quyển, đều theo cách gửi có đảm-bảo.

2. — Đối với các Ngài mua lẻ, mỗi bản gửi, từ 1 quyển đến 5 quyển, tiền cước-phí xin chỉ tính là 0p.10

3. — Theo cách phương-tiện dản-dị, ngài nào muốn mua quyển nào, xin coi giá bán tường kê ở quảng-cáo, chiếu giá sách và tiền cước thêm 0$10, gửi luôn cho bằng « *tem thư* », kèm theo giấy mua sách.

4. — Gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*» (Contre Remboursement.)

5. — Những Ngài nào muốn cho Bản-cục được theo tiện-nghi, phàm có quyển nào mới in ra, sẽ cứ gửi tiếp, tiền thời các Ngài gửi cho làm từng lúc cho tiện; như vậy, xin có thư cho biết tường sự giả tiền thời cứ lấy một đồng bạc (1$00) làm cữ.

II. — Các sách của Bản-cục, ít gửi bán tại các tỉnh, các nơi xa. Các Ngài có thư-quán mà có lòng yêu mua buôn, xin tính định giá-cả như dưới:

1. — Không cứ một thứ sách hay nhiều thứ sách cộng tính, Ngài nào mua buôn từ 20 quyển giở xuống, tính trừ 20%.

Ngài nào mua tới 50 quyển giở lên, tính trừ 30%.

Xin miễn có lời hỏi mà-cả.

2. — Phàm việc bán buôn của Bản-cục gửi đi các Ngài ở nơi xa, xin đều gửi theo cách « *lĩnh hóa giao ngân* » (Contre Remboursement). Cước-phí hết bao, nhất thiết về Bản-cục nhận chịu.

* * *

Những sách tiếp tục in ra, xin coi ở Quảng-cáo bìa sau.

* * *

Những Thư-quán đã có bán sách của Bản-cục:

Hanoi — **Có bán khắp các hiệu sách.**

Nam-định — **Hội-Ký** (Carreau)

Phủ-lý — **Phủ-Mỹ** (R. Principale)

Hai-dương — **Dương-Xuân** (R. Commerce)

Hải-phòng — **Hương-Hát** (Bonnal)

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Kính bạch

CHUYỆN CHÓ CHẾT :

CÁI THÂM Ý CỦA ANH CHÀNG SỢ VỢ

(Viết để mừng một người bạn có tính hung-hãn sắp về nhà chồng)

... Chị sắp xuất giá, tôi chắc chị chả thiếu chi đồ mừng quý hóa về vật-chất; Vậy muốn tặng chị một thứ lạ mắt lạ tai về tinh-thần, nên theo tính riêng của chị xưa nay, tôi xin chép câu chuyện chó chết này cho nó hợp thời, gọi là cây nhà lá vườn, chắc chị cũng chẳng từ chối tấm lòng thành-thực của tôi vậy.

Tuy việc xảy ra đến mười năm nay, nhưng bây giờ tôi nghĩ lại, vẫn còn thấy bật buồn cười và rợn tóc gáy! Chỉ e lời chẳng thấu ý, viết ra không được rõ-ràng khéo-léo, vậy xin chị đọc xong, hãy thử gập cái thư này mà để địa-vị vào tôi lúc bấy giờ, sẽ biết tôi vẫn còn là mạnh bạo, và thử ngẫm nghĩ kỹ, rồi ra chị có nên để cho anh khiếp oai không?

Ngày ấy, vì nhà có súng, nên tôi cũng đã hiểu luật săn-bắn là mình không có giấy phép mang khí giới, thì dù có vác súng hầu người khác cũng chỉ đi được cách người ấy năm thước thôi. Nhưng nếu người nào cũng biết trọng pháp-luật cả, thì tòa án còn lập ra để bắt tội ai? Chỉ về nỗi dù có biết tội mười mươi, nhưng tặc lưỡi một cái, là cứ làm văng mạng! mà nhất là tôi đây, nếu chẳng cậy mình một chút thì chi đã phải một phen lo mất mật vì câu chuyện chó chết của anh chàng sợ vợ này!

Khẩu súng ấy của cha tôi mua để bắn chim, nhưng vì cha tôi bận việc luôn, ít có khi rảnh để đi săn, mà tôi thèm quá; Khẩu súng ấy vẫn treo ở tường, nhưng đạn thì cha tôi cất cẩn-thận trong tủ kính đứng có khóa ngay cạnh bàn giấy.

Chung quanh nhà, mà nhất là trong các đồi bên cạnh huyện, lúc nào cũng thấy gầm-ghì, chim gáy lạch-đạch bay hàng đàn ở các bụi cây, mà anh lính cơ Cá-rán-tiêng còn mách tôi rằng ở các đồi ấy, thường đêm đêm anh vẫn nghe thấy nai kêu hươu gọi, anh lại dục tôi nên vác súng đi mà săn :

— Cần gì, súng của Quan, mà cậu mang đi bắn ở huyện nhà, thì bố đứa nào dám hỏi!

Anh Cá-rán-tiêng quê ở một làng gần rừng có nhiều cọp, cho nên thỉnh-thoảng kể cho tôi nghe cách săn cọp ở vùng ấy. Tôi thích nghe lắm, mà phục nhất là cái lối chông-lọng cổ cọp rất rản tiện mà thần tình; chỉ làm bằng một cái giây chẳng cần to lắm, nhưng biết cách rật thì con cọp dù khỏe đến đâu cũng mất cựa! Anh chông lọng thử cho tôi xem vào cổ con mèo rồi giậy tôi cái lối sếp giây và buộc nút.

Từ khi học được cách làm chông lọng cọp, thì tôi cũng chẳng có hy-vọng một ngày kia bắt được ông Ba-mươi, nhưng những lúc buồn tôi hay lấy giây ra rật chơi mấy củ khoai lang lăn lóc dưới gầm phản; rồi khi đã thạo, tôi nghĩ ngay đến sự ăn cắp đạn!

Hôm ấy cha tôi có việc phải đi vắng hai ngày. Tôi mừng lắm. Cơm sáng xong, tôi lấy giây, tết cái chông lọng cọp, chèo lên mặt tủ, nhấc một tấm ván long đanh ra, giòng xuống thông-lòng, rật cổ được sáu viên đạn.

Khi sắp sẵn các đồ đi bắn xong, tôi xuống trại có gọi anh Cá-rán-tiêng dủ cùng đi cho vui, vì anh ấy bắn thạo lắm. Anh ấy thích đi nhưng ngần-ngừ đáp :

— Nhưng để đến bận khác. Quan đi vắng, tôi phải ở nhà coi huyện.

— Anh đi độ hai giờ đồng-hồ thôi mà, thầy Quản-đồn cũng chẳng biết đâu. Vả anh đi bắn với tôi chứ với ai mà sợ?

Nghĩ phân-vân một lúc, anh đáp :

— Vâng, cậu cứ đi một mình trước, chờ tôi ở đầu phố, tôi sẽ lên theo sau.

Tôi đi qua trại cơ, thầy Quản-đồn thấy tôi ăn mặc gọn-gàng và giáng đi hùng-rũng, bèn ngắm và khen mãi; rồi thầy ta chúc :

— Cậu đi săn cho may-mắn nhé!

Câu này rất kiêng kỵ, trong làng săn mà gặp người chúc thế thì y như hôm ấy vác súng về không, có khi lại bị rủi ro nữa. Tôi cũng bị cái mê tín mới ấy nó bám vào óc, từ ngày được ngửi mùi thuốc đạn, cho nên tôi thất-vọng ngay từ đầu.

Chúng tôi chui, rúc, chèo, leo, vào rừng, hết sức để kiếm chim muông, nhưng chẳng gặp con nào rồi loanh-quanh chúng tôi qua cái làng cách huyện lỵ ước ba cây số.

Hôm ấy là ngày phiên chợ trong làng nên người lớn, trẻ con kéo xem chúng tôi đông lắm, mà mình thì ngượng về một nỗi không được con nào. Chợ ấy hẹp, nhưng có một điều làm cho tôi chú ý nhất, là ở giọc đường đi, tôi nhận thấy bốn hàng bán thịt chó, mà hàng nào cũng đông người đến mua, có người ngả ngay nón ra đấy đánh chén.

Tôi đi đến đầu làng, thì gặp một người chông-chọc con mắt nhìn tôi lại tủm-tỉm cười ra ý chế nhạo. Hai tay thọc vào hai túi áo cánh, anh ta ưỡn ngực, vảnh râu, ngắm mãi vào cái chùm giây sách chim rỗng tuếch, và nói bâng quơ rằng :

— Nhục chửa!

Đang vào cái tuổi hung hăng, tôi nào chịu nổi những câu nói sỏ-siên của những quân ngứa miệng, tôi liền quắc mắt lên nhìn, rồi

đứng dừng lại, định chất-vấn anh chàng láo xược, thì anh Cá-rán-tiêng biết ý, lôi áo tôi đi và nói nhỏ rằng:

— Thôi xin cậu, nó không biết.

— Nó là đứa nào thế?

— Lý-trưởng cựu làng này đấy.

Thấy nói là lý-trưởng cựu, tôi càng tức, vì lẽ gì nó chẳng biết tôi là con quan mà dám nói láo? Ấy phần nhiều các cậu con quan thường có cái thói hách hơn bố, xin chị tha lỗi cho tôi.

Tôi cáu tiết quay cổ lại nhìn, thì thấy nó vẫn nhìn theo tôi, mà lại bĩu môi ra cách khinh-bỉ, tôi liền quay gót trở lại, định cho nó một bài học hay về cách xử-thế, thì anh Cá-rán-tiêng lại kéo áo tôi mà rằng:

— Thôi sẽ chứ cậu, con gì kia kìa.....

Anh trỏ cho tôi ở cái đồi bên cạnh một con vật gì lông vàng và có vằn đốm đen, đương lẩn trong bụi cây. Tôi nhìn kỹ một lúc, rồi rật mình nói:

— Hổ! Hổ! anh ạ!

Anh Cá-rán-tiêng tái nét mặt lại, cũng nhổ mắt lên nhìn, rồi nói:

— Không phải, con gì đấy.

— Đích là hổ, con hổ con, trông lòng nó thì biết.

Lúc ấy con vật nhích đi một tý, thì tôi quả quyết rằng:

— Không còn sai nữa. Anh để tôi bắn.

Anh chàng láo xược ban nẫy cũng rảo bước đến sau tôi, thấy tôi nói hổ, thì anh cũng «chỗ móm» vào rằng:

— Phải đấy, ở đây vẫn có mấy con hổ con. Bắn đi! con gì cũng bắn phăng đi!

Tôi sẽ lui-lủi nấp sau gốc cây, quay lại, thấy anh Cá-rán-tiêng có ý sợ mà lánh xa, còn anh Lý cựu kia, lại ra giáng vui-vẻ mà nhìn chòng-chọc vào con hổ.

Tôi lắp đạn, dương súng, ngắm. Trong bụng run lẩm, vì không biết phát này có rửa nhục cho tôi trước mặt cái anh vô lễ kia không! Hay là nó lại làm thêm cho tôi một phen rát mặt nữa? Tôi ngắm rất kỹ, trúng lắm. Tôi bóp cò: Đoành!

Tiếng vang dinh giời, một vùng khói tỏa tron lan ra trước mắt, che lấp cả con vật, thì tôi thấy anh Cá-rán-tiêng reo ầm lên rằng:

— A! chết rồi!

Anh Lý Cựu cũng vừa vỗ tay vừa nhẩy như thằng cuồng:

— A ha! hip! hip! lơ! con ma quay tơ! Hổ chết rồi!

Chúng tôi mừng rú, thì nhau chạy lại bắt, thì trời ơi, có ai cho tôi mượn mau cái rổ để che mặt không, cái con vật nằm sóng soài ra giữa vũng máu, còn đang trợn ngược đôi con mắt và hầm-hè nhe bộ răng nhọn hoắt ra ấy, lại chẳng phải là hổ, nó chỉ là con chó vện! khổ quá, thì ra trông gà hóa cuốc, tôi bắn phải con chó vện nhà người ta! Lúc chúng tôi đến nơi mới được vài giây đồng hồ, đương nhìn cái thảm trạng ấy, thì con vật khốn nạn kia đã lim-lịm dần mà hồn về chín suối!

Tôi hối-hận vô cùng. Cái cuộc đi săn hôm nay thực là dại dột quá. mang súng đã không có giấy, đạn lại đi ăn cắp, thế mà lại bắn chết con chó vô tội! Trước pháp luật, gia-đình, xã-hội, nhân-đạo, tôi chắc không sao kêu oan được. Rồi đối với chủ con chó ấy, hẳn tôi còn lôi thôi to. Chẳng biết tôi giơ cái con quan của tôi ra thì sự lôi thôi ấy có dảm đi phần nào chăng, ấy thế mà chẳng may cho tôi nữa, người có con chó chết, lại chính là cái nhà anh lý cựu đáng ghét ấy!

Số là chúng tôi đang tỏ ý lo riêng với nhau, thì người ấy cũng chạy tới và nói:

— A, ông bắn chết chó tôi!

Biết mình có lỗi, tôi vứt ngay bộ mặt thù địch ban nẫy mà dịu ngay cái nét hòa-bình lại, mà tự giữ chủ-nghĩa bất-đề-kháng.

— Phải, tôi bắn lầm.

— Ông bắn lầm! Phải! Rồi một ngày kia ông tương cả đạn vào bụng người ta nữa!

— Nhưng hình như tôi còn nhớ rằng chính ông cũng bảo rằng hổ, và sui tôi bắn?

— Tôi nói đùa, mặc kệ ông chứ, ai bảo ông nghe? Chó hay hổ ông không biết à?

— Thôi thì nếu có phải chó ông thật, thì ông bằng lòng, tôi đền tiền ông vậy.

— Ông là ai?

— Tôi là con Quan Huyện, ông này là ông Quyền Cá-rán-tiêng trong huyện!

Tôi tưởng tôi lòe nó bằng chức-tước to như thế, mà tôi lại gọi anh lính cơ là «ông», lại tên tiếng tây có uốn lưỡi, thì nó đủ sợ, ai ngờ mặt nó cứ điềm-nhiên. Tôi nói:

— Tôi đền tiền ông.

— Tôi không lấy đền.

Tôi hung-hăng, chợn mắt, cầm ngang khẩu súng, hất hàm hỏi:

— Vậy anh muốn gì hơn nữa?

Cái lối bắt nạt ấy rất công-hiệu, trên cái mặt điềm-nhiên kia quả thấy lờ-mờ vẽ thêm hai nét dăn cười:

— Tôi chẳng muốn gì hơn, mời hai ông về nhà sơi nước.

Sơi nước? Tôi cần gì đến nước của nó? Tôi nói:

— Tôi không vào, tôi không khát.

— Thì mời hai ông vào chơi nói truyện vậy!

Nói truyện? Chỉ có cái báng súng của tôi muốn nói truyện với ngực nó thôi? Nó tưởng tôi ngu-ngốc như nó đấy, ai chẳng biết nó rủ tôi vào nhà để cho nó sửa một mẻ cho đỡ tính ngông ngược? Tôi nói:

— Câu truyện chỉ có thế, ông có muốn nói thêm gì, thì nói ở đây.

— Thì hãy mời hai ông vào chơi thư-thả cái đã.

Đến câu này thì thằng cha có ý nản-ni. Tôi hiểu cái thâm ý của nó, nhưng hai chúng tôi lực lưỡng dường này, lẽ nào lại bó tay cho nó thịt? Lòng tự-ái làm tôi hăng tiết, tôi liền đi trước và bảo.

— Nào, ta đi!

Ấy, hùng-rũng thế, mà vừa đi, tôi vừa phân-vân trong bụng đấy.

Tay lẽ mễ xách con cho mềm như sợi bún, anh ta sấn lên đi trước. Đến nhà, anh ta mời chúng tôi lên buồng khách, rồi cheo ngược con chó lủng-lẳng ở đầu bếp, và không biết đi đâu mất.

Ở vào cái địa-vị tù giam lỏng, mấy lần chúng tôi bàn nhau đánh tháo, nhưng đã chót sưng danh thật ra

rồi, thì có trốn đằng giời cho thoát! Nóng cả ruột, buồn cả người; cái kim ngắn đồng-hồ trên tường đã chỏ chệch sang chữ một.

Một lúc tôi thấy một con bé con ở dưới bếp mang nước sôi lên rồi bưng bộ ấm chén chè tầu ra nói:

—Thầy cháu mời các ông sơi nước.

Tôi chẳng dại gì mà uống nước của kẻ thù, biết rằng chè thực hay bùa mê, thuốc độc? Tôi đang xem xét ấm chén, ngửi chè, thì thấy một người lạ mặt đến, khăn áo chỉnh tề. Anh Cá rán tiêng nhận biết ngay là lý trưởng đương thứ người lý trưởng này lễ phép đối với tôi, có hơn người lý trưởng cựu mà có ý thạo khoa giao thiệp lắm.

Anh ta cứ gợi truyện ra hỏi tôi, nhưng trong bụng tôi lo lắm, không biết ý tứ họ định làm những gì, nên tôi chỉ đóng vai trả lời bằng những tiếng đắn-đo, đủ diễn ý-tưởng, chứ không rậm lời như lúc thường. Rồi độ nửa giờ sau, người Chánh hội, Phó-hội, Thư-ký, Thủ-quỹ, lục tục đi lên dần.

Ớ hay, cả hội-đồng hương-hội họ kéo nhau đến làm gì đông làm vậy? Làm biên-bản án mạng con chó chăng? Tôi càng sợ, mà nhất là không đoán được ra sao, vì xem ra bọn họ, anh nào cũng có cái bề ngoài ôn-tồn nhã-nhặn như anh lý-trưởng đương thứ cả. Lạ một nỗi anh chủ nhà không ra mặt, để mặc một lũ ngồi trên này nói truyện với nhau. Họ hỏi thì tôi đáp, mà lúc thấy nguy, tôi càng khôn khéo hơn, thỉnh-thoảng tôi trả lời: không biết! Tôi không thể rò được ý họ. Giá họ cùng hàng tuổi, cùng tư-tưởng, cùng kiến-thức, cùng nghề-nghiệp, thì tôi xét tính tình dễ hơn; cho nên trong bụng tôi bực rọc lo sợ, nhất là chưa thấy họ đả động gì đến chuyện chó chết. Mặt anh Cá-rán-tiêng cũng chẳng kém vẻ rầu rầu, nên hai ba lần, tôi nháy anh đứng giậy và ngỏ ý đòi về, thì họ cố mời cho được. Lắm lúc tôi nằng-nặc đi ra, thì họ phải gọi lão lý cựu lên dữ lại, rồi máy người ra đóng cổng!

Đến hai giờ chiều, tôi thấy tiếng đàn-bà nói léo-nhéo ở ngoài sân, về việc con chó, tôi biết rằng vợ anh chàng láo xược đã về, mà mình sắp bi-beng to đến nơi, Tôi đương sửa soạn một cuộc xung-đột kịch-liệt để đối phó trong lúc khó-khăn thì tôi thấy người chồng ở bếp chạy ra, nói gì với vợ, lúc trợn mắt, lúc chỉ chỏ lên buồng khách, rồi người đàn-bà có vẻ láo xược hơn chồng ấy, hầm-hầm chẳng khác gì con sư-tử cái chạy lên chào mọi người rồi hỏi tôi:

—Thưa cậu tôi xin hỏi thực cậu ai bắn chết con chó nhà tôi?

Tôi đứng giậy trả lời một cách cứng cỏi:

—Tôi, chính tôi bắn vì tôi ngỡ là con hổ, tôi đã xin đền, nhưng ông ấy không nghe

—Được rồi!

Hai tiếng cụt thun-lủn ấy chẳng phải để trả lời tôi, mà chính là để phê vào câu chuyện chó chết, lại ngụ ý đe dọa! Tôi tức quá toan bảo cho con mẹ hung-hãn ấy mấy câu nhưng nó đã nhanh chân ra sân, rồi mở cổng cắp rổ đi đâu tôi chẳng biết. Lúc đó có hai người trai trẻ lực-lưỡng ở ngoài đi vào, mà bọn hội-đồng hương-hội lại nói với nhau rằng:

—À hai anh tuần này được việc đấy!

Rồi con bé con lên nói:

—Thầy cháu mời các ông xuống nhà nói chuyện.

Bọn họ đứng cả giậy, tôi và anh Cá-rán-tiêng cũng theo ra, nhưng người Chánh-hội sua tay nói:

—Mời các ông cứ ngồi chơi.

Nói rồi ra cả, đóng chặt cửa lại làm cho tôi chẳng còn trông thấy gì ở ngoài.

Tôi lắng tai nghe thấy họ thì-thào với nhau khẽ quá, chỉ rõ có mấy tiếng sau này là cho tôi rợn tóc gáy mà thương hại cho tôi mới 20 cái xuân xanh!

«Cho chết! Chẳng phải chói! Mất cựa! Con giao này chửa được sắc! Con quan huyện thì làm gì nổi! vân vân».

Lo quá, thân cô, thế cô, biết tính làm sao. Cái súng để cạnh mình, tôi nằm, một tay vắt lên chán để nghĩ kế, một tay móc vào túi chỉ rình móc đạn ra. Tôi bàn mưu với anh Cá ran tiêng, xem nên trống-cự bằng cách gì, thì anh ta lại cuống-quýt quá tôi, thêm một mối lo nữa, là anh đã bỏ trại không xin phép.

Bồi nghĩ luẩn-quẩn rối beng trong óc, tôi ngủ bằng lúc nào không biết. Trong khi ngủ, chiêm-bao thấy bao nhiêu phen kinh hồn, và dữa lúc đương nằm mê thấy họ đem mình ra bỏ rọ, thì có người lay vai đánh thức.

Tôi choàng mắt giậy, thấy lũ người ban nẫy đứng cả ở trước mặt, tôi rật mình, nghĩ:

— Có lẽ giờ này là giờ quyết-định của cái số phận mình chăng?

Tôi bèn ngồi nhổm giậy, tay vớ vội lấy khẩu súng. Họ đồng-thanh nói:

— Nào, mời cậu, chả mấy khi, ta hãy đánh chén đã!

Trời ơi, câu nào họ nói cũng có ý-nhị sâu-sa. Hãy, nghĩa là họ còn để cho tôi vài phút mà ăn uống no-nê chăng? Tôi thấy lù-lù ở trên bàn một mâm rượu đầy tú-ụ, la-liệt những đĩa ngùn-ngụt khói bốc lên thơm phưng-phức, nào dựa mận, nào thịt luộc, nào muối gừng, nào trả nướng, v.v. Tôi nhìn đồng-hồ đã hơn năm giờ chiều rồi, nóng ruột tom không ăn; thì họ mời và giắt ngồi vào ghế. Tôi cứ phải để ý rò từng tý xem họ đưa mình đến cái hố nào. Họ mời tôi nâng cốc, cầm đũa, uống, ăn. Tôi ăn rè, uống ít và chẳng nói câu nào, vì luôn luôn nghĩ đến tính-mệnh, nên phải nghe ngóng nhai mãi mới dám nuốt; hễ họ gắp tiếp là không bao giờ tôi dám bỏ mồm, tôi lại gắp trả vào đĩa. Một việc họ trả thù tôi, mà cần gom-góp nhiều trí khôn lịch-duyệt hơn tôi để bàn soạn và lại sếp đặt bằng một cái chương-trình lâu thì giờ, bi-hiểm thế thì tài nào tôi chẳng phải giữ mình cẩn thận.

Họ ăn uống cũng ung-rung, ì-ộp, như đám đánh chén trong đình. khen lẫn nhau nấu khéo, mà họ nấu khéo thực, — tiếc rằng tôi chẳng dám bạo ăn, — khéo đến nỗi từ ngày ấy đến bây giờ, tôi chưa được thấy bữa thịt chó nào ngon như thế nữa. Trong đám đánh chén tôi để ý nhất vào anh chàng láo xược. Tôi thấy anh ấy ăn tục uống nhiều nhất, mà động anh ta nói câu

gì ra, tôi cũng thấy ngang tai muốn bẻ. Không hiểu vì ác-cảm mà tự nhiên tôi cảm-tưởng thế hay sao, chứ mà tôi thấy anh ta làm gì, nói gì, tôi cũng chỉ muốn tặng anh một phát đạn vào ngực cho đỡ ngứa tai, ngứa mắt !

Tôi ăn xong trước nhất, rồi đến anh Cá-rán-tiêng, vậy mà họ mới uống hết có một chai rượu, bao giờ cho hết hai chai nữa đương đứng chực ở dữa bàn ?

Rửa mặt xong, tôi có tính đi đi lại lại để xỉa răng. Lão lý-cựu thấy tôi như vậy, bèn nói :

— Mới chửa sáu rưỡi, đã tối đâu, mời cậu hãy ngồi chơi. Thong-thả chán !

Ờ ! quái, đến sáu rưỡi họ định làm gì tôi ? Lo quá, sợ quá. Hẳn chả còn nghi-ngờ gì nữa, gần bảy giờ, lão Chánh Hội nhìn ra ngoài sân, thấy tối, nói :

— Thôi, tối rồi, ông Cựu gọi hai chú tuần dưới bếp mang hai thanh dáo lên đây.

Nghe câu nói ghê cả người, tôi vớ lấy cái súng, và liếc mắt gọi anh Cá-rán-tiêng, đứng lại gần tôi, trước bức tường để thủ thế cho dễ, vì tôi mới học được miếng võ ấy. Có lẽ sống chết phen này đây !

Đứng trước cái phút tôi đoán hẳn là phút cuối cùng, lòng tôi nao-nao không sao tả cho xiết nổi được. Bao nhiêu phiến-ảnh trong hai mươi năm giời của đời tôi điều phưn-phứt diễn nhanh như chớp ở trước mắt. Việc hay làm cho tôi tiếc đời, việc giở làm cho tôi hối-hận, mà bao nhiêu người thân-thích với tôi, cũng lần-lượt hiện ra trong trí nhớ, khiến tôi nghĩ đến tình-cảnh ấy, nông-nỗi này mà thổn thức, suýt chẩy nước mắt ! Chị ơi ! đọc đến đây, chị có thấy động lòng không ? Nhưng đố chị đoán trước được cái thâm-ý của anh chàng sợ vợ ấy thế nào, mà gọi tuần mang ráo mác đến định làm tình làm tội gì tôi, và cái kết-cục câu chuyện chó chết này thế nào đây ?

Thưa, kết-cục chỉ có thế thôi; ăn xong, chúng tôi đi về, tuy giời tối, rừng rậm, nhưng trong bụng vững như thành vì đã có hai người tuần ráo mác rất lối cẩn-thận ! Vậy anh Lý láo kia làm thế là nghĩa làm sao ?

Thế nghĩa là, người tuần đưa đường giảng cho tôi tôi nghe thế, thế nghĩa là anh Lý này có tính sợ vợ mà lại thích ăn thịt chó ; lâu nay vẫn khao-khát thèm-thuồng nhưng không dám xin tiền mua. Nay nhân thấy tôi vác súng qua, lại trông gà hóa cuốc, cho nên anh Lý áp triện nhận thực chẳng ngay con chó vện của anh ấy là con hổ, để tôi đưa phát đạn vào rữa đầu ! Anh rất thỏa lòng, nhưng còn sợ vợ bắt đem ra chợ bán mất thì hụt bữa chén ngon, anh bèn cố mời cho được những tay tai mắt trong làng đến sẵn cho vợ mất nói, mà anh cố níu rịt lấy tôi, vừa để làm chứng, vừa để đền ơn, vừa để lấy thêm thế lực lòe mẹ-đĩ ?

Vậy mà, than ôi ! sao anh chả cho tôi sớm hiểu thâm-ý, để tôi nói dăm ba câu cảm-tình !

Nguyễn-Công-Hoan

集詩賢時
THỜI-HIỀN THI-TẬP

It hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tân-đà thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Kiểu Mới

HIỆU GIÀY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ty)

HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các quí-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy quí ông quí bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin quí-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

THUỐC HAY !

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

16

Trà-sơn
dịch

Vẻ thất-vọng lộ ra trên nét mặt, nàng đáp:

— Tôi chỉ còn tất cả có gần 2 vạn đô-la thôi.

— Vậy thì không nên tính việc ấy nữa.

Cô Gian-Nê nện chân xuống sàn và nói:

— Thôi, cái đó không hề chi! Thôi thì tôi không qua Xích-nê nữa chứ gì! Không, tôi không qua đó nữa. Tôi sẽ làm một việc tầm-thường thôi. Tôi sẽ chung vào một phần cái đồn-điền nào hiện có sẵn. Thí-dụ như đồn-điền Bế-rang-đệ chẳng hạn:

Chàng Xen-đôn la lên rằng:

— Thôi đi! không bao giờ được đâu! Chàng nói có bộ hoảng-hốt ngờ-nghệch khiến cho cô Gian-nê cũng phải bựt buồn cười, cái cười có ý-nhị.

— Xen-đôn tiên-sinh ơi! Xin tiên-sinh cứ bình-tâm. Tôi cứ dè cái chỗ yếu của tiên-sinh mà chêu chọc hoài! Nhưng cái đó cũng không lâu gì nữa. Hiện giờ tôi chưa biết ai mà nói chuyện chung phần, vả không phải là với ai tôi cũng chung phần đâu. Rồi đây tôi sẽ mua một nửa hòn-đảo Ba-ri Suy-lai và kỳ-thủy tôi chỉ mướn chừng mươi tên mọi. Sau này tôi sẽ cố mua lấy một chiếc tầu cũ, tôi sẽ cầm lái lấy và tôi sẽ thân-hành qua Mã-lai-tạ mộ thêm nhân-công.

Chàng Xen-đôn trong lòng nóng sủi lên sùng sục nhưng cố nén đi, cô Gian-nê biết ý liền nói dỡn:

— Thôi mà, tôn-ông trong lòng có điều gì thì cứ nói phăng ngay ra đừng có nề-hà gì hết. Tôi nay nghe chuyện tôn-ông đã quen lắm rồi. Tôi lại nghe quen cả cái kiểu nói kỳ-quặc của tôn-ông nữa.

— Tôi chỉ muốn làm đàn bà mà cô-nương thì làm đàn ông, để tôi có thể đem hết nghị-lực nói đi nói lại với cô-nương lần thứ một nghìn rằng cái ý-kiến của cô-nương là vô-lý dại-dột, không thực-hành được. Cô-nương chẳng qua chỉ là một người sống trong mộng tưởng, một người vô-ý-thức mà thôi.

— Tôi sẽ bày tỏ cho tiên-sinh rằng sự thực trái hẳn thế. Phải, tôi sẽ mua một chiếc tầu cũ và tôi sẽ thân-hành đứng chỉ-huy lấy. Tôi là một tay thủy-thủ cừ hơn tôn-ông, tôi nói vậy chả phải có ý chọc cho tôn-ông giận đâu... Chính tôi đã tự cầm lái chiếc tầu Mi-ê-lê từ Ta-hải-ty đến đây không vấp váp gì cả. Vả, nếu tôi có đánh đắm chiếc tầu đó, chả qua lỗi chỉ ở những bản đồ của bộ thủy-quân qui-quốc mà thôi. Rồi tôi sẽ làm như lời tôi đã nói cho mà xem.

— Chàng Xen-đôn ra ý thất-vọng.

Nàng lại nói một cách sỗ-sàng rằng:

— Được rồi, được rồi, nếu có xảy ra cho tôi điều gì, tôn-ông cũng không bị trách-nhiệm kia mà! Tôn-ông cứ để cho tôi, như lời chàng Vương nói ngày trước, quanh quẩn trong vòng mơ-mộng.

Chàng người Anh nói một cách cục cằn rằng:

— Nếu cứ nói chuyện mãi như thế này thì đến mai chúng mình cũng không tiến hơn lên được một bước. Cô-nương có muốn tôi vặn một bài kèn hát nghe chơi không!

Nói xong chàng đứng dậy đi về phía cái máy hát, chàng tra cái loa máy vào mà lên giây.

Chàng vừa sắp cho máy hát chạy thì cô Gian-nê cũng đứng dậy lấy khẩu súng gác ở trên giá quàng vào vai rồi gọi con Sa-tăng ra mà bảo:

— Mi lại đây! Để kệ ông ấy với lại kèn hát.

Chàng Xen-đôn mặt sa chữ nãi hỏi rằng:

— Cô-nương đi đâu vậy?

— Tôi có thể miễn đáp tôn-ông, vì tôi e rằng nếu tôi nói là tôi đi săn cá xấu, chắc bị tôn-ông cản trở. Thôi xin chào tôn-ông... chúc tôn-ông đêm nay nghỉ cho ngon giấc.

Chàng người Anh để cái máy hát đó mà đi theo cô Gian-nê ra ngoài hiên.

Thế vào lời chào, cô Gian-nê ngảnh đầu lại nói:

— Giá một con vật xấu-sa kia sơi tôi đi cho tôn-ông thoát nợ, thì chắc tôn-ông khoái chí lắm đấy.

Nói xong câu ấy, cô Gian-nê cười như pháo ran rồi đi tuốt. Chàng Xen-đôn thì nằm thơ-thẩn trên ghế xích-đu.

CHƯƠNG THỨ X

Ngay sáng hôm sau cô Gian-nê Lạc-lan cho sắm sửa xuồng và khởi-hành sang thám-hiểm đảo Ba-ri Suy-lai ở cách Ga-đa-ca-na chừng một giờ đường bể. Chàng Xen-đôn thì ở lại một mình.

Từ tám hôm nay, chàng đã mất cái thói quen ở một mình, nên trong khi cô Gian-nê không có đó, chàng rất lấy làm buồn-bã.

Chàng gượng sang nhà giấy, xem xét sổ sách, tính toán tiền nong thì lại càng thấy buồn hơn nữa. Vì cái tình hình buôn bán của chàng cũng có bề thua thiệt.

Dù nói về phương-diện nào, cái việc đắm tầu Dịch-sĩ cũng là một cái tai-hại lớn. Trừ ra sự thiệt thòi về vật chất, chàng còn thiệt mất món lợi về công việc chở thuê hàng hóa, mà món lợi này đã giúp được một phần lớn trong sự chi-phí ở đồn-điền. Chàng tính thế nào cũng phải mua một chiếc tầu khác thay vào, nhưng hiện giờ trong két không có tiền sẵn.

Ở ngoài, mây kéo đen giời, gió thổi chuyển động cả nhà.

Chàng Xen-đôn chỉ thấp thỏm lo cho cái tính-mệnh của cô Gian nê. Chàng lấy chiếc kính thiên-lý chiếu ra biển xem có thấy tăm-tích gì không.

Trong thời-gian ấy, có một chiếc tầu buồm lớn đến bỏ neo ngoài bến. Đó là chiếc Phi-lý-be. Quan ba tầu là ông Bê-tê Ô-lê-dông anh ruột ông Ô-lê-dông, chỉ-huy chiếc tầu Dịch-sĩ ngày trước.

Ông này nước da sam sám, người gầy còm vì ông mắc bệnh sốt rét, mắt trông không được tinh-thần. Ông cố rạch mãi mới qua được cái vườn, rồi từ từ leo lên các bực thang ngoài hiên. Đến một chiếc ghế, ông liền ngồi phịch xuống.

Chàng Xen-đôn giót rượu mạnh ra cho ông uống bấy giờ ông mới hơi tỉnh.

Chàng Xen-đôn nói :

— Ông Ô-lê-dông ơi ! ông không thể gượng được nữa đâu, ông phải xin nghỉ việc đi và qua Xích-nê là nơi khí-hậu tốt mà tĩnh dưỡng.

Ông già kia lắc đầu nói :

— Cái khí-hậu Úc-châu đối với tôi cũng chẳng khá hơn gì. Tôi đã từng kinh-nghiệm điều đó từ ba năm trước đây. Khi ấy, vừa bước chân lên bộ, tôi bị run rẩy cả người, người ta phải đưa tôi vào nhà thương. Tôi ở đó hai tuần-lễ, bị một cơn sốt rét kịch-liệt. Thầy thuốc họ khuyên tôi nên trở lại các đảo mà ở. Đến ở các đảo, tôi quả thấy dễ chịu hơn.

— Cứ như ý ông thì ông nghĩ cần phải những gì cho trong mình khỏe lại ?

— Tôi cần được ở trong cái khí-hậu chốn quê-hương tôi, là cái khí-hậu miền bắc. Nhưng chỗ đó lại xa, xa lắm. Thôi thì tôi cũng đành phải lênh-đênh trên quần đảo Sa-lô-mông này cho qua ngày đoạn tháng. Ước gì giời làm cho tôi không bao giờ đặt chân đến nơi đó nữa.

Chàng Xen-Đôn có mời ông nghỉ lại nhưng ông chối từ. Đến lúc mặt giời gần lặn giời nóng như thiêu, ông lại trở ra tầu.

Gió vừa ngớt được một lúc, nay lại thổi dữ, giữa trong một trận cuồng-phong dữ-dội chiếc xuồng cô Gian-Nê đã thấy hiện ra trên mặt biển.

Thuận buồm suôi gió, chiếc xuồng tiến thẳng vào bờ, chàng Xen-Đôn thấy cô Gia-Nê ngồi bẻ lái, những làn sóng lừng đánh tạt ngang, mỗi lúc có thể làm cho chiếc xuồng chìm nghỉm, ấy thế mà cô Gia-nê cố sức trống cự với sóng gió, đưa được chiếc xuồng vào đến tận bờ.

Những tên người Ta-hải-Ty theo lệ-thường nhẩy cả xuống nước đẩy xuồng, cô Gian-nê theo sau. Khi nàng cùng bọn người nhà quái-gở ấy đi về lối vườn, vào đến nhà, thì giời lác đác đổ xuống những hạt mưa to và nặng như mưa đá vậy. Những cây dừa ở trong vườn trớt theo chiều gió, trên giời mây kéo đen xì, cái cảnh chiều hôm ngắn-ngủi nơi nhiệt-đới đã nhường chỗ cho cái cảnh tối đêm.

Trông thấy cô Gian-nê vừa đi vừa chạy bước lên bực thang, vui vẻ tươi cười, làn tóc mây phất phơ trước gió, ngực thở phập phồng, chàng Xen-đôn bất giác bao nhiêu nỗi sầu tư ban chiều, tự-nhiên biến đi đâu mất cả.

Cô Gian-nê chưa kịp nghỉ liền nói :

— Đảo Ba-ri suy-lai xinh lắm, đẹp lắm. . . . Thôi thế là tôi nhất quyết mua một nửa ! Ngay chiều hôm nay tôi sẽ thảo một lá đơn lên quan Tham-biện quần đảo. Khi nào có tầu ghé qua đây, tôi sẽ gửi lá đơn ấy sang Tuy-la-gi.

« Tôi đã lựa được chỗ làm nhà, chỗ đó ngoạn-mục lắm. Tôn-ông cần phải một hôm qua đó, để chỉ-giáo cho.

« Trong khi chờ đợi, tôn-ông cho phép tôi còn được ở đây chứ? Như thế tôi thực cũng lấy làm buồn lắm. . . Nhưng, tôi không thể làm thế nào được nữa. Này, thật là một trận gió vô-vị ! Lúc nẫy biển đẹp quá chừng !

« Tôi tưởng bữa cơm chiều nay tôi về hơi muộn. Tôi chạy qua về chỗ tôi ở, để rửa mày mặt, chỉnh đốn lại quần áo cho ngay ngắn, trong 5 phút nữa tôi sẽ trở lại. »

Trong lúc cô Gian-Nê vắng mặt lần thứ hai này, chàng Xen-Đôn đi đi lại lại trong phòng ăn có ý sốt ruột.

Khi 2 người ngồi đối-diện, chàng liền hỏi :

— Thưa Lục-lan cô-nương, cô-nương có biết lúc nẫy cô-nương đi vắng, tôi đã quyết-định điều gì không ?

— Xin tôn-ông nói cho biết.

— Tôi định từ nay giở đi không bao giờ « chạm mỏ » với cô-nương nữa.

—Chạm mỏ! cái tiếng đâu mà xấu-sa quá chừng. Tôn-ông học được ở đâu vậy ? Tiếng ấy có phải là tiếng người ta thường trong khi nói chuyện với một người đàn bà không ?

— Xin cô-nương đừng giận mà...

— Nhưng, tôi tưởng thỉnh-thoảng ta cũng nên cãi lẫn nhau như thế cũng vui.

— Ý-kiến tôi thì không thế. Tôi thì quyết từ nay không giúp tài-liệu cho những cuộc gây lộn như thế nữa. Lần nào gây lộn, kết-cục cái lỗi vẫn về phần tôi.

— Tôn-ông nói như thế, nghĩa là tôn-ông cho rằng thực ra tôi bao giờ vẫn là người có lỗi.

— Ồ ! Thôi xin cô-nương. Cô-nương cũng có chút lạm-dụng. . .

— Nếu tôn-ông quyết-trí như vậy, thì ngày mai, tôi xin bước ngay. . . Thôi tôn-ông đừng nên có cái bộ khốn nạn như thế. Trông cái bộ ấy tưởng là tôn-ông đau răng vậy. Cái điều tôi nói với tôn-ông, chả qua chỉ là cốt dỗn tôn-ông đó thôi. . .

« À quên, trong khi đi đường, tôi có gặp chiếc tầu Phi-lý-be. Chiếc tầu trông đẹp, nhưng có vẻ tồi-tàn lắm. Các đồ phụ-tùng đều không được chắc-chắn, hễ gặp bão thì đi đứt ráo. Tầu chúng tôi đi ngay bên cạnh. Lúc ấy tôi có nhìn tên Nô-át, nhưng hình như nó không có ý-kiến gì cả nó chỉ nói dỗn hoài.

(Còn nữa)

Một cuốn sách *thiết-thực* có ích-lợi vừa xuất bản do Nhà-Nước thông-dụng:

LUẬT TRƯỚC-BẠ MỚI

Thể-lệ đương thi-hành thuế trước-bạ, tem, ốp-bộ và Địa-bộ, có thí-dụ dẫn-giải rõ ràng

ĐÔNG-MAI

NGUYỄN-QUANG-THAI

soạn

Sách này sau khi quan Chánh Trước-Bạ Đông-Pháp và quan Chánh Địa-Bộ Đông-Pháp xem qua rồi, Toà Trước-Bạ Trung-Ương lại kiểm-duyệt cẩn-thận

Công-văn số 4.117-E, gửi ngày 27 Septembre 1930,

Quan Giám-Đốc Tài Chính Đông-Pháp có giới thiệu với:

Quan THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Quan KHÂM-SỨ TRUNG-KỲ,

Quan THỐNG-SỨ BẮC-KỲ.

nên mua quyển này cho các chức-dịch chốn hương-thôn thông-dụng, vì là một quyển sách thiết-thực rất có ích-lợi cho nhân-dân.

Sách giấy 90 trang **Giá 0$60**

Có gởi bán ở các hiệu sách lớn các nơi.

Ở xa nếu muốn viết thơ thẳng về bản-quán mua, mỗi cuốn xin gởi thêm 0$20 tiền cước.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa dân khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huê — Hanoi

Téléphone 735

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

書叢局書沱傘

TẢN-ĐÀ THƯ-CUC TÙNG THƯ

Các sách của **Tản-đà thư-cục**, từ năm **1932** này giở đi thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại). Giá . . . 0,20
3. — **Khối-tình con** (thứ ba). Giá . . . 0,25

Đã đương in :

4. — **Giấc mộng con thứ hai** . . . . .

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh trông mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiệu **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-tượng, thần-dư, rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc **hiếu** cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự đủi do ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin có đủ các thứ **cực phẩm**, kiểu đẹp giá rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không đám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đắt vân vâu.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thơ chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiên tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê

Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi

AN NAM

TẠP-CHÍ

Báo quán: *72, Phố hàng Khoai,* Hanoi

Số 42 Giá 0$05 Ngày 21 Mai 1932

PHỤ TRƯƠNG

MỘT BỨC THƯ TRẢ LỜI NGƯỜI XA

Kính Ông Đông-Hồ,

Hà-Tiên

Mấy nước xa khơi, ngư-nhàn biếng chậm, chẳng hay người xa có lượng thứ cho chăng, nhưng «đã quen mất nết đi rồi», thời «dần dần họa bớt chút nào» vậy.

Tiếp thư của Tiên-sinh gửi ra đề ngày 10-3-32, mà tới nay xin có phục-âm, về phần tôi còn lấy làm sớm; xem vậy đủ biết cái ngày giờ trong Báo-quán như sao, cũng một phần vì thế mà sự xuất-bản của An-nam tạp-chí ở hàng Khoai từ nay về sau hơi có khác từ nay về trước.

Trong thư tiên-sinh viết cho tôi, phàm thuộc về những lời đối với An-nam tạp-chí và phần riêng tôi mà đảm-đạo, thời báo-quán đồng-nhân và tôi xin có lời cảm-tạ, tưởng không cần đề yết lên trong lời đáp-phúc đây làm chi. Tôi muốn đề yết mà đáp-phúc tiên-sinh tức là những câu truyện trong nguyên-thư có thuộc về phần chung xã-hội; hoặc những câu tuy không thuộc về phần chung xã-hội, mà người trong xã-hội cũng có một, hai người cùng ý như tiên-sinh, thời xin nhân lời đáp-phúc muộn đây, đề ai nấy cùng hay thì tưởng cũng là một sự tiện-nghi.

(Xin trích một đoạn trong nguyên-thư)

«— Báo-giới ngày nay nói mà rầu lòng, hầu như không còn mấy tờ giữ được cái tư-cách cao-thượng của nhà nghề. Phần nhiều đều bị cái lợi như cái lợi của con buôn mà giức-lác mà cấu-xé, đến điều chửi mắng nhau như cái tư-cách hạ-tiện «hàng tôm nguỵt hàng cá» — Con nhà văn tập-nhiễm, hoặc là phải chiều-ý của các nhà doanh-nghiệp về tờ báo, mà đến phải đem ngòi bút làm kế xoay

xu rồi câu văn « nịnh đời », nịnh quyền-thế, nịnh kim-tiền, nịnh « phụ-nữ » (Đây là nói về hạng phụ-nữ dốt nát vô ý-thức mà vụt chốc được ngồi ở địa-vị phú-quý, cái phú-quý đáng khinh ở xã-hội ngày nay). Muốn cầu lấy đắt hàng, bọn văn-sĩ đều đành cam thay đổi tim óc đi mà « lố-lăng » mà « lắc-cắc » mà theo « mốt » mới đời quay-cuồng xuẩn-động. Trong hạng đó đáng trách là có một số người nguyên nho-học xuất-thân, cái thân-thế ở vào khoảng nửa cũ nửa mới, thấy mới « cử hơn », « anh chị » hơn, bèn bỏ phăng cái bản-lĩnh, cái gốc cỗi của nòi giống tổ-tiên, của non sông đất nước đi, mà vồ lấy cái ngông-nghênh mà học lấy cái láu cá của lưu-tục. Văn-chương đến thế còn gì là văn-chương, mà thiên-hạ-sự còn gì là thiên-hạ-sự nữa !

Sĩ-khí rụt-rè gà phải cáo,
Văn-chương liều-lĩnh đấm ăn xôi !

Hai câu ấy mà nói về tình-hình văn-giới sĩ-phong ta ngày nay mới thật là đúng : Chỉ vì muốn « ăn xôi » mà để cho « văn-chương liều-lĩnh » vậy ; chứ kẻ cầm bút há lại không tự biết khi viết ra câu văn ấy là trái với lòng mình đó ru ?...

Các nhà văn ấy không nghĩ gì đến văn-chương có tao-nhã, ý-tứ có thâm-trầm hay không ? bèn cầm bút phóng chép y như lời văng nhau của hạng « đầu đội vai mang » vậy.

Lại còn một cái thói khả-ố trong văn-giới là nói mát, nói xiên nhau, gay-gắt nhau hay là nói nhau như diu phang búa bổ, con nhà văn nào phải là bọn bửa củi, cầm chầy đó vậy ! Học-phong trụy-lạc như thế, thật đáng phàn nàn !»

Ω

Cứ lời đàm-luận trên đây, tiên-sinh nghĩ về vấn-đề báo-giới mà như truyên-trách ở các nhà viết báo.

Theo ý tôi thời sự đàm-luận đó chỉ mới là một phần ba trong sự-tình của báo-giới nước ta ngày nay. Muốn chuyên luận về sĩ-phong thời tiên-sinh nói như thế cũng không phải là không đúng sự thực ; song nếu muốn túng-luận về Báo-giới thời còn nên hợp cả những lời của M. Lê-công-Đắc, và câu truyện tôi cùng nói với M. Lê-văn-Thịnh ở trên hỏa-xa và mấy câu thơ trong bài hài-văn tôi viết ở Đông-Pháp thời-báo khi xưa ; như vậy mới là lời luận-thuyết hoàn-bị hơn.

Ông Lê-công-Đắc nói rằng [1] :

— Tờ báo là một thứ bài học cho quốc-dân, chứ không phải là tờ gói hàng. Chủ báo mà vô học rất hại cho xã-hội, vì ai bảo sao nghe vậy, bạ đâu nói đấy, rồi phô-bầy tà-thuyết lên tờ báo, làm cho công-chúng, nhất là đàn-bà, con gái trẻ con yếu linh-hồn thường phải lầm lây ».

Câu truyện tôi cùng nói với M. Lê-văn-Thịnh trên hỏa-xa đã có đăng ở bài xã-thuyết của Bản-chí số 40.

Trong khi tôi viết báo Đông-Pháp ở Saigon cũng nhân thấy các báo hay cãi nhau, tôi có viết chơi bài hài-đàm nói về những con báo trên vườn bách-thú ; đại ý nói : những con trong đó, chật hẹp không cắn được ai, cho nên buồn mà hay sinh ra cắn nhau — và có 4 câu thơ lúc ở vườn đó ra về đưa tặng các báo rằng :

« Ta bảo đây này, các báo ơi !
Thôi, thôi xin chớ cắn nhau hoài !
Ví chăng báo có ra đời báo,
Thời sẽ rào ra, báo cắn ai... »

Hợp tất cả bấy nhiêu tình-sự mà ngẫm ra, tóm mà nói lại, thời trình-độ báo-giới của nước nhà hiện nay mới đến có như thế, cũng không nên riêng trách một hạng người nào làm chi. Cơ-hàn thiết đến thân, thời liêm-sỉ không đoái ; cho nên trong cái thời-đại gian-nan, kinh-tế khủng hoảng, dù có bắt được đứa kẻ trộm mà làm tội, việc phải làm tội cứ làm tội, mà tấm lòng thương xót thường nên có để một bên. Không hằng-sản mà có hằng tâm, như nay phong-giáo đã suy-đồi, hạng người ấy tìm đâu cho có ? Nay tiên-sinh luận về Báo-giới, mà truyên trách một hạng người văn-sĩ như trong nguyên-thư đã nói đó, chẳng là thiên mà hợp lượng lắm ru ?

(Còn nữa sẽ tiếp ở mục *Văn-Đàn* trong kỳ chính, số tới).

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

1.— Lời trong cuốn *Tiểu-Thư di bộ*, trang thứ 103, đầu bài là: «Nhà Tâm-lý học Lê-công-Đắc đối với mấy anh chủ báo vô-học trọc phú ».

THỜI ĐÀM

I

Ở phố hàng Da cũ, họ đương sắm-sửa vô Kinh...

Độ này, ở phố hàng Da, bỗng hiện ra vẻ nhộn-nhịp khác thường. Trước nhà tường đỏ, thỉnh-thoảng lại thấy chiếc xe hòm đen cửa ngoài rừng bánh. Người qua đường sẽ bảo nhau:

— Đấy là Cụ-lớn đương soạn việc vô Kinh.

Thế rồi, cũng trong căn nhà đỏ ấy, thấy ra vào tấp-nập những bác hàng lọng, hàng hia, hàng áo bào, hàng mũ mãng. Kể ra người vào, chỉ thấy phàn-nàn một câu:

— Cụ-lớn thực khó tính quá. Mà thật ra Cụ-lớn cũng chẳng khó-tính nào! Khốn nỗi bỗng chốc đem cái thân bảnh-khảnh nửa tây nửa nho, khoác ngoài bộ mũ áo đai hia súng-sính, thì làm thế nào cho nó «lột» được ngay cái vẻ «chễm-chệm cân-đai»!

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Ấy chỉ vì thế mà thử đi thử lại, chỉ khổ mấy anh hàng mũ áo đi lại mất thì giờ!

...mà ở đầu hàng Gai, thì người ta đương dục dịch khiết thần quy điền-lý...

Bên cạnh Hồ Gươm, đưa con mắt buồn thiu nhìn lại cái di-tích cuộc hơn hai mươi năm «phấn-đấu», ông này nghĩ mà giận cho cái lòng ngu-dại lạnh-lẽo của nhung-nhúc hơn hai mươi triệu đồng-bào. Bấy lâu nay, mình không quản lầm-than sương-tuyết, mà hì-hục trong trường sinh-hoạt, nào có phải làm nô-lệ cho cái tư-tâm! Chẳng qua chỉ cốt cheo cho đồng-bào cái gương sống về sự «phấn-đấu». Vậy mà trống đánh suôi, kèn thổi ngược, biểu-đồng-tình bỏi có những ai ai? Cực chẳng đã, muốn đem các tư-tưởng tân-kỳ thiết-thực Âu Tây mà hun-đúc lại cái mảnh óc trần-bủ cáu-cặn của người Á-Đông, nhưng, tư-tưởng nào chiến-thắng nổi cái tâm hồn tàng-tật gây nên bởi tụi «rung đùi ngâm thơ rỗng tuếch» Muốn mở mắt cho họ biết trọn ngày lành tháng tốt mà làm ăn cho phát-đạt, thì lại bảo một đàng quàng một nẻo, đến nỗi cầy ruộng mất mùa, đi buôn lỗ-vốn, kiện thua, thi trượt, mới rủ nhau xô cả vào cái cuộc khủng-hoảng khốn-nạn ngày nay!

Nghĩ mà giận, nhưng giận mà thương! chẳng nỡ ngồi yên riêng hưởng miếng đỉnh-chung, nghe nói ông định vứt-bỏ cả nhà sách, cả nhà in, cả «phinh-phịch», cả «ô-tô» cả..., rút mình về một sở rừng hoang, để ngày tháng tiêu-dao cùng gió, giăng, cây, cỏ... Lại nghe nói, trước khi cuốn khăn gói, ông đã gửi tặng ông bạn một câu đối rằng:

Cưỡi ngọn gió nồm, gặp hội rồng mây mừng phận bác;

Đóng then vườn bắc, bạn cùng hươu vượn rảnh đời tôi.

II

Một chuyện ghen (theo nghĩa mới) mới xảy ra ở Hà-thành

Cứ theo cái óc tầm-thường của hạng mình, tiếng « ghen » chỉ có hai nghĩa. 1. — Cái của người ta có mà mình không có, mình sinh thèm, thèm sinh tức, tức rồi tìm cách làm cho giảm giá-trị cái « có » của người ta. Tiếng ghen đó là ghen ghét. 2 — Của riêng của mình mà bị kẻ khác chiếm mất hay sợ bị kẻ khác chiếm mất, rồi tức giận hay ngờ-vực hay lo sợ, muốn sao triệt được kẻ thù đi, để giữ cái của mình cho được hoàn-nguyên. Tiếng ghen đó là ghen tuông.

Ấy những chuyện ghen từ trước đến nay, đã phô-diễn ra ở trên mặt sân-khấu xã-hội, nào ghen của, nào ghen tài, nào ghen sắc, chỉ quanh quẩn ở trong phạm-vi hai cái ghen ấy.

Mới đây, nhờ ở một nhà văn-sĩ sinh mới, tiếng ghen của ta, lại nảy thêm được một nghĩa thứ ba. Xưa nay trong bao nhiêu các anh em sang du-học bên Pháp, có người may tất nhiên cũng có kẻ rủi. Chữ « học tài thi phận », dù ở đâu cũng vẫn là chân-lý! Cho nên người may khi về nước, trong ví-da nặng chĩu hai ba mảnh bằng; kẻ rủi lúc bước chân rời bến Mặc-xây, vẫn thòn-lọn hai bàn tay trắng! Có hai ba mảnh bằng thì chễm-chện lên ngôi quan Bác, quan Giao, quan Cử, quan Nghè, quan Trạng, quan Tư-Pháp: thòn-lọn hai bàn tay trắng thì đâm ra đi buôn, đi thầu, đi viết báo hay cùng lắm ở nhà làm thư-ký cho bà đầm! Cái đó có gì là lạ, mà cũng chẳng có cái gì đang lấy làm lạ.

Nhưng vừa đây, nghe đâu vì một chuyện ghen ghét hay ghen tuông gì đó, mà trong đám, mấy ông có bằng cùng mấy ông không bằng, thốt-nhiên bốc lên cai khí bất-bình. Các ông có bằng thì chê các ông không bằng là phường vô-tài, đồ « phạn nhĩ», mà đáng giận nhất là muốn đem những câu tỉ-tê ấy để mạt-sát kẻ địch-thủ dưới con mắt người yêu. Trạm đến quyền-lợi của mình, thì ai chịu ngồi yên, mấy ông không bằng mới tìm cách tự-vệ, mà quát to lên rằng: cái bằng chỉ là cái then-khóa mở cửa cho đời « cạo giấy », cái bằng không phải là cái mục-đích của những người cao-thượng.

Câu chuyện đương còn là cai câu chuyện nhỏ, thì bỗng-nhiên, một ông văn-sĩ — ý-hẳn ông cũng là một nhân-vật trong hai phái ấy, nên ông mới can-thiệp — đem ngay làm tài-liệu cho hai cột báo mà chương to lên cái « tít »: *Những «thằng cha» ấy nó ghen «bằng»*. Chắc các độc-giả cũng như tôi, đọc đến cái đầu đề ấy mà có hiểu một đôi chút về câu chuyện kia — vì nếu không thì tài thánh cũng không hiểu họ nói những chi chi trong ấy — thì tất phải cho rằng ông văn-sĩ ấy ở vào phái có bằng mà mấy tiếng « thằng cha », ông dùng để thóa-mạ những kẻ một tý bằng cũng không có. Nhưng nào có phải thế đâu! Trong bài đó ông văn-sĩ đứng về phía không bằng nên mới dùng tiếng « những thằng

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra,

« Les confessions de J.J. Rousseau »

15

Ai xét tôi lúc bình-thường sẽ thấy không ai không hoạt-động và không bạo dạn đến như tôi. Việc gì tôi cũng ngại, việc gì tôi cũng cảm; con nhặng bay tôi cũng sợ: một nhời phải nói, một việc phải làm, đối với tính lười của tôi đủ làm tôi ghê; sợ hãi và e thẹn, làm tôi mê-man đến nỗi muốn biến mất cho đừng ai trông thấy tôi nữa. Khi phải làm một việc gì thì tôi không biết làm thế nào; khi phải nói câu gì thì tôi không biết nói thế nào; ai nhìn tôi thì tôi luống cuống.

Lúc nào tôi nhiệt-thành về một sự gì, trong lúc đó thời trong khi ăn nói tôi nói ra câu ra kẹo; nhưng trong những lúc thường thường thì tôi nghĩ cũng không ra một câu gì; thế, cho nên những câu nói thường đối với tôi là một sự không thể chịu được chỉ vì trong khi ấy tôi phải mở miệng.

Lại thêm tôi có cái tính chỉ thích những cái mà không thể lấy đồng tiền mua được. Tôi chỉ ưa những cái thú chơi trong sạch, những thú ấy nếu để kim-tiền nó lẫn vào thì rồi nó pha chất độc vào. Tôi nói ví dụ: tôi thích tiệc vui; nhưng lại không chịu được những nỗi khó chịu khi ngồi với bọn đài-các, mà cũng lại không chịu được vẻ thô-bỉ của những quân mình thường phải gặp ở cả-làu tửu-quán; thế cho nên tôi muốn hưởng cái thú chè chén thì phải chỉ có một mình tôi với lại một người bạn cùng ăn: vì rằng chén một mình thì không thể được; ngồi một mình thì trí tưởng-tượng tôi lại bận về một việc nào khác mà cái thú ăn uống vì đó lại mất đi. Dẫu máu nồng nàn giục tôi tìm thú nguyệt-hoa, nhưng tấm lòng đa cảm lại buộc tôi hơn nữa phải tìm thú ái-tình chân thật. Những kẻ bán hương buôn phấn đối với tôi không thể có thú vị; tôi tưởng dẫu có dịp gần họ, tôi cũng không dụng dịp ấy. Đối với hết thảy những thú chơi gần quanh tôi, tôi cũng coi như thế: nếu phải mất tiền mới được hưởng thì tôi thấy nó nhạt-nhẽo lạ. Tôi chỉ riêng yêu những của chẳng phải là của ai, mà lại là của riêng của người nào biết hưởng trước nhất.

Không có bao giờ tôi coi đồng tiền là một vật quí như mọi người. Chẳng những thế dẫu chỉ coi nó là một đồ dùng tiện, tôi cũng không công nhận là nó tiện; tự đồng tiền nó có ích gì đâu, muốn được hưởng đồng tiền ta phải làm cho nó biến ra vật khác; phải mua, mặc cả, có khi lại bị lừa, mua hở, mất tiền thật mua của tồi. Tôi thích mua một vật gì chất thật tốt, nếu chỉ lấy tiền mà rẫy, thì nắm chắc mua phải của chẳng ra gì. Tôi mua đắt được quả trứng thì quả trứng ấy ung, một thứ hoa quả đẹp mắt thì quả ấy chưa chín, một ả gái tơ, thì nó đã nhị rữa hoa tàn. Tôi thích rượu ngon nhưng mà mua đâu cho được rượu ngon? Mua ở cửa hàng ư? Cách nào cũng không tránh được mua phải thuốc độc. Nếu nhất quyết muốn mua cho được của ngon, thì chao ôi! biết bao công phu, rỗ thật rầy rà. Phải tìm bạn bè, tìm người thay mặt, cho tiền hỏa-hồng người nọ người kia, viết thư cho người ta, đi đi lại lại; đợi đợi chờ chờ; mà nhiều khi rút cục lại cũng vẫn bị lừa. Có đồng tiền khổ vì tiền lắm thay. Tôi ghê cái đó còn hơn là ưa rượu ngon.

Trong khi tôi đi học làm thợ và cả hồi sau, đã hàng nghìn lần có khi tôi bước chân ra có ý đi mua quà ăn, đã đi đến gần cửa hàng người bán bánh ngọt, trông vào trong thấy mấy người đàn bà đứng trước cái bàn. Tôi tưởng tượng như đã trông thấy họ cười và thì thào mấy nhau chê tôi là thằng bé ăn tham. Tôi đi qua một mụ hàng bán các thứ hoa quả, mắt lấm lét nhòm những quả lê tốt đẹp, mũi ngửi mùi thơm của nó mà thèm; nhưng gần đó có mấy người trẻ tuổi đứng sẵn có ý nhìn tôi, một người quen tôi cũng đứng trước cửa hàng, đằng xa có người con gái đi lại, không khéo lại chính là đứa con đỏ ở nhà chủ tôi? Cũng vì cái mắt cận-thị, cho nên tôi trông nhầm luôn; thấy ai đi qua, tôi cũng tưởng là người có quen biết; đi đến đâu tôi cũng rụt rè e thẹn, thấy có sự ngăn trở; càng đi càng thèm, nhưng lại càng đi lại càng thẹn; rồi rút cục, như thằng ngốc, tôi lại giở về nhà, miệng vẫn thèm ăn quà đã chết đi, túi vẫn sẵn đủ tiền mua quà, mà vẫn chẳng dám mua mà ăn. Nếu tôi kể chuyện tôi dùng tiền hay thấy ai dùng tiền, mà luống cuống, e thẹn, lấy làm ghét, lấy làm phiền, lấy làm tởm.— hễ thấy động đến đồng tiền là tôi như thế, nếu tả cho hết những sự ấy thì tôi còn nói nhiều điều tỉ mỉ vô vị lắm. Người đọc sách còn xem lịch-sử đời tôi rồi sẽ càng rõ tính nết tôi, mà nhân đấy sẽ hiểu hết những điều tôi đã nói trên hiện nay tôi không cần phải bàn tán rậm nhời.

(Sẽ tiếp theo)

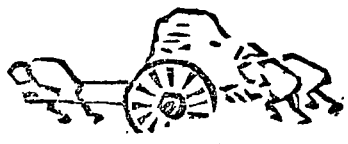

---

cha » để gọi mấy anh Đốc-tờ, anh kỹ-sư, anh kế-toán, toàn là những kẻ ông không ưa.

Thì ra trước đây, ta vẫn tưởng người không ghen với kẻ có, vì ghen ở cái có, mà nay theo nhà văn-sĩ ấy, lại hóa ra người có ghen với kẻ không, mà cái ghen là ở cái không.

Đấy một nghĩa mới của tiếng ghen, xin mách giùm các nhà đương khởi-thảo cuốn Việt-Nam Tự-Điển.

M. K.

VĂN-ĐÀN

THƠ

Nhớ mẹ cảm tác

Dâu-bể vì đâu bỗng lạ nhường!
Sót tình mẫu-tử cách âm dương.
Đi, về như gợi lòng sầu cảm,
Sớm, tối khôn khuây nỗi nhớ thương.
Bóng-dáng năm canh mơ giấc điệp,
Tiếng-tăm mấy độ vắng nhà hương.
Nuôi con càng nghĩ công-ơn mẹ:
Đất rộng giời cao mối đoạn-trường!

Mme Trần-duy-Đạm

Cảm hoài

Vì đâu? cho tớ phải ai hoài,
Thơ-thẩn thâu canh đứng lại ngồi;
Chén rượu còn đầy, đầy để đó,
Câu thơ muốn viết, viết đưa ai?
Cuộc đời dâu bể thêm buồn ruột,
Câu truyện giăng-hoa đã chán tai.
Dưới ngọn đèn khuya tường đối bóng,
Non xanh xa vắng, quốc kêu giải.

Nam-Điền
(Thanh-hóa)

Đêm không ngủ

Lác-đác mưa sa, gió đập cành,
Nỗi lòng canh-cánh suốt đêm thanh...
Hai vai ân-nghĩa, hai vai nợ,
Một gánh giang-sơn, một gánh tình,
Trống gác điểm sô hồi cảnh-tỉnh,
Đèn tàn soi lạnh chốn u-minh.
Nam canh tư-tưởng không thành mộng,
Nháp mắt chưa yên lại giật mình!

Hải-Hồn

Phong thi

Tiễn bạn

Bánh xe từ biệt non Gôi,
Mình về ta ở đôi nơi ngại-ngùng.
Chia tay mong những trùng-phùng.
Nước non cách mặt xin lòng nhớ nhau.

Ca dao

Muốn đi xem hội Phủ-giầy,
Đêm thì ngại tối mà ngày ngại đông.
Ai ơi lên núi mà trông;
Chen chân trong đám bụi hồng những ai...

*
* *

Chiều hôm chơi núi Cánh Gà (1)
Gió hiu-hiu thổi, chim là-là bay.
Tình riêng ai thấu cho đây?
Non kia, nước nọ, mây này biết chăng?

Kim-thanh tử Nguyễn-hữu-Cương
(*Nam-định*)

1. - Núi Cánh Gà ở miền Phủ-Giầy.

THƠ TRÍCH CÂU

Cảm hoài

(Trong khi viết báo ở Saigon)
3. Ngô-thị tiếng tiêu người chí-sĩ.
4. Kinh-chu giọt lệ khách anh-hùng.

Tản-đà

Cảm hoài

Giầu-có bàn chi vạn với ngàn!
Cái đời âm-phủ lẫn trần-gian.
Gặp cơn khủng-hoảng vàng về mỏ,
Theo buổi văn-minh dĩ có tàn.

Ngọc-Sơn
Nguyễn-văn-Can

DỊCH « PHÁP-VĂN »

Le semeur

C'est le moment crépusculaire.
J'admire, assis sous un portail,
Ce reste du jour dont s'éclaire
La dernière heure du travail.

Dans les terres, de nuits baignées,
Je contemple, ému, les haillons
D'un vieillard qui jette à poignées
La moisson future aux sillons.

La haute silhouette noire,
Domine les profonds labours.
On sent à quel point il doit croire,
A la fuite utile des jours.

Il marche dans la plaine immense,
Va, vient, lance la graine au loin,
Rouvre sa main et recommence,
Et je médite, obscur témoin,

Pendant que, déployant ses voiles,
L'ombre où se mêle une rumeur,
Semble élargir jusqu'aux étoiles
Le geste auguste du semeur.

V. Hugo

Người reo mạ

Buổi hoàng-hôn, ngẩn-ngơ tựa cửa,
Ngắm việc đời dưới độ tà-dương.
Bóng chiều mờ-mịt ruộng nương,
Ông già áo rách cảm-thương giãi dầu.
Chí dã quyết mùa sau tươi-tốt,
Tấm mạ này rắc nốt mới xong.
Lờ-mờ bóng gác non sông,
Ích đời sớm tối long-đong xá gì.
Nắm hạt giống, chân đi, tay rắc,
Ngờ đâu ai thắc-mắc trầm-ngâm.
Ngang-tàng rạng vẻ hùng-tâm,
Thanh-âm lẫn bóng quang-âm mịt-mùng.

Nguyễn-hữu-Thiện

THI ĐÀN GIẢNG TẬP

Bản-chí có tiếp bài giảng-tập sau đây của ông *Phạm-văn-Nghị*, xin đăng ở kỳ này; ý-kiến kẻ giữ mục Văn-đàn như sao, sẽ có ở kỳ chính, số tới.

ANNAM TẠP-CHI

*
* *

Vịnh Triệu-Ẩu

Khi thiêng Lô Tản đúc nên người,
Chẳng những giai hay, gái cũng tài.
Vùng vẫy non sông ba thước vứt,
Sông pha tên đạn một đầu voi.
Thàng Ngô gan thỏ kinh gần rụng,
Cửa tướng con giòng đích chẳng sai.
Thua được sự thường chi sá kể,
Nữ-nhi ái-quốc tiếng muôn đời!

*
* *

Bài thơ này của ông cử *Dương-bá-Trạc*, thấy ở trong quyển "**Vận-văn bách-tuyển**". Bài thơ đó kể là một bài thơ rất hay. Câu đầu khởi

lên rất là đột-ngột kỳ-khôi mà đắc-thể, Câu thứ hai chuyển xuống rất khéo, rất xứng đáng là câu thừa. Hai câu bảy, tám kết như thế là hay. Duy câu năm hơi có vẻ nặn-nót, gò-gẫm mà cầu-kỳ. Song mà còn có hai chỗ đáng nói :

1. — Ba chữ đề đầu "**Vịnh Triệu-Ẩu**" nghe không được trang-trọng. Hai chữ "Triệu-Ẩu" lại rất là vô-tình ! Chữ Ẩu đó nguyên nghĩa là mụ, Triệu-Ẩu là "**mụ Triệu**". Sử Tàu chép như vậy còn là phải Sử ta sao cũng bắt chước như thế ? Hai bà Trưng chép là Trưng-Trắc, Trưng-Nhị. Bà Triệu sao không chép thẳng là **Triệu-thị-Trình**, hoặc **Triệu-Bà-Vương**, theo ngay như lời quân Ngô đã gọi bà là "**Lệ-Hải Bà-Vương**" đó, có được không ? Nhà làm thơ phải có cái quan-niệm chân-chính về quốc-sử và cái học-thức chắc chắn về quốc-sử. Vậy từ nay ta nên chữa lại sự nhầm thiên-cổ đó.

2. — Về sự-tích : sử chép bà Triệu vú dài ba thước, đó thật hoang-đường; mà trong sử cũ của ta cũng không mấy bộ chép như thế. Vả sự bịa ra tưởng người lạ lùng như thế cũng không thiếu gì. Nhà làm thơ dẫu hay có vẻ mơ-màng thật, nhưng chỉ nên mơ-màng ở trong sự-thực, phải tỏ ra có tri-thức hơn người thường. Thí dụ như sự-tích Phù-đổng-Thiên-Vương ba tuổi phá giặc, cỡi ngựa sắt bay lên giời. Xưa nay sách quốc-sử đều chép như vậy. Mà nhà thơ vịnh ngay rằng « Phá tặc thượng hiềm tam tuế vãn, đằng không do hận cửu trùng đê ! » nghĩa là : lên ba tuổi đi phá giặc còn hiềm là muộn, bay lên tầng không còn giận chín tầng giời là thấp ! để tả ra cái khí-phách bậc đại-anh-hùng. Thế là nhà thi-sĩ trông thấy được cái chỗ người thường không không thấy. Nay sự-tích bà Triệu vú dài 3 thước, thì vướng-víu còn làm gì được ? Như thế mà nhà thơ cũng nhận cho là thực ru ? Vả nếu có thật thế thì cũng không nên vịnh ra lời thơ, vì vịnh như thế sẽ vịnh cái vú lạ, mà lời thơ sẽ không được trang-nhã, nhất là đối với bậc nữ anh-hùng cứu-quốc, thì lại càng không nên lắm. Vả nhà thi-sĩ thường giầu sức tưởng tượng. Nay đọc câu « Vùng vẫy non sông ba thước vú », thì có thể tưởng-tượng rằng : Bà lấy đôi vú mà đánh giặc ! thật là buồn cười ! Vậy xin tác-giả chữa chữ « vú » đó làm chữ « kiếm » có nên chăng ? Nếu hiềm là thích thực không rõ, thì đã có câu thứ hai, thứ bốn, thứ năm và thứ tám cũng đủ là để vịnh Triệu-bà-vương rồi.

Trực-Viên
Phạm-văn-Nghị

Chẳng công-kích ông Phan-Bội-Châu để chi ?

Rõ thật biếu-sự là ông Mai-Khê, tự-nhiên đem dịch bài «Văn-chương phiến-loạn» của ông Nguyễn-văn-Vĩnh đăng vào An-nam tạp-chí số 34, để lòng người sôn-sao, giữa làng báo lại gây thêm một cuộc bút-chiến. Những ở An-nam độc-giả đã thấy bài « Cựu-nho và Tân-học » của ông Nam-Đàn từ Qui-nhơn gửi ra, đăng ở số 38, ... đủ tỏ được ... ý-kiến của một vị độc-giả quốc-dân ; lại ở số 40, ta hẳn chẳng quên ý-kiến hùng-tráng của cụ Huỳnh-thúc-Kháng.

Câu chuyện ấy lại thành to !

Ngẫm như ông Sào-Nam bị ông Vĩnh công-kích thì bao nhiêu người khác xúm lại cãi hộ, mà ông Vĩnh ôm khối đau-tâm, thực tình nói thẳng, lại bị bao nhiêu người đạp dấm đạp dúi, dư-luận đến thế chẳng là quá thiên lắm thay !

Bất-công thay dư-luận ! Tôi dám hô lớn : lời ông Nguyễn-v.-Vĩnh nói thật không phải là không phải, một cá-nhân như ông Phan-Sào-Nam chẳng công-kích để chi ? Ông Phan so với ông Vĩnh thật có khác nhau xa lắm lắm.

Năm 1905 ông xuất-dương ? Phải rồi, ông đỗ thủ-khoa thi-hương, nhưng ông trượt kỳ thi hội, bực chí ông bỏ anh em vợ con trốn biệt sang Tàu, ...

. . . . . .

Ở Tàu chán rồi sang Nhật, ở Nhật chán lại về Tàu, chán nữa là về nước, về nước được « đặc-ân » . . . ngồi tốt cho thiên-hạ sùng bái ở kinh-thành Huế, . . .

ngồi sám-hối tán-dương chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề !» — Đó, ông Phan-Sào-Nam nhà cách-mệnh sám-hối (le révolutionnaire repenti, theo lời ông Vĩnh) !

Đến ông Nguyễn-văn-Vĩnh, trời ơi ! còn phải nói ! Ai đã hô-hấp chút không-khí ở đất Nam-Việt mà còn không biết tiếng ông, kể cũng đáng thương lắm thay ! Ông thực-tiêu-biểu cho cái « tinh-thần phấng đấu trong cuộc đời sinh-hoạt », suốt đời lúc nào mắt cũng nhìn thẳng vào sự thực nên chỉ thấy ông thành-công mà không hề thất-bại bao giờ. Chẳng thế, các ngài thử tưởng-tượng, mà dễ thường các ngài không tưởng-tượng nổi vì nó ra ngoài trí tưởng-tượng, — ông Vĩnh xuất thân là một thày ký cũng có thể gọi được là « sác », áo the, khăn lượt, dù, « bút chấy » nữa, ngày hai buổi đi làm như mọi bạn « ký-sác » ta, mà phấn-đấu một cái đã thấy ông đeo kính đứng ở ngoài bìa tờ Đông-dương tạp-chí, một nửa mặt giời loe ra bao nhiêu tia sáng, phấn-đấu cái nữa ông lại làm chủ Trung-bắc tân-văn, tờ báo chú-trọng ở quảng-cáo (1), phấn-đấu nữa ông làm chủ tờ Annam Nouveau . . . . . .

rồi phấn-đấu, phấn-đấu mãi, ông đã làm chủ một nhà in to, làm chủ bao nhiêu đồn-điền, làm Niên-lịch thông-thư, làm « Những kẻ khốn nạn » v. v. toàn là những công-nghiệp vĩ-đại cả. Ông lại là người đáng cho Quốc-dân mong-mỏi hơn nữa vì ông là đại-biểu

(1) Vì ai thuê đăng quảng-cáo ông cũng đăng, ông nói ở Annam Nouveau số nhất.

nhân-dân . . . . . .
trong các hội-đồng.

Một người mà gánh bấy nhiêu công-việc, thiết-tưởng nếu người không ốm chết thì công-việc cũng phải thất-bại, vỡ nợ liềng-xiềng mới phải, ấy vậy mà không, tuyệt-nhiên là không, ai thường qua Hanoi hẳn đã thấy ông Vĩnh hoặc khi ngồi trong ô-tô hòm với như-phu-nhân, hoặc khi đội mũ « cô-lo-ni-an » đạp xe bình-bịch, hoặc cũng có khi hứng-trí ngồi khom lưng trên cái xe đạp nó không sứng với ngọc-thể khoảng 70 kilos.

Đó, người công-kích ông Phan Sào-Nam.

Ông Phan dạy người một cách viển-vông: lập trường, mở chợ! Ông Vĩnh dạy người ta những cái có thể trông thấy tiến-bộ: gần thì như cách đánh tổ-tôm, phán-thán, xa thì như năm nào nên tắm-gội, tháng nào nên lau cửa quét nhà.

Ông Phan chỉ biết quanh mấy rặng tre, ông Vĩnh biết hết chuyện trên giời dưới đất, đố ai thuộc tên các vì tinh-tú bằng ông.

Ông Phan chỉ biết làm mấy câu thơ cảm-tình, ông Vĩnh còn biết dịch Kim-Vân-Kiều, kịch thơ con chó sói.

Còn nhiều cái ông Phan kém ông Vĩnh, vậy mà ông Phan bị ông Vĩnh công-kích, quốc-dân còn lấy làm bất-bình lắm sao?

Đậu-nhứt-Hồ

TIN VẮN

Saigon.— Quan Thống-đốc Nam-kỳ điện cho quan Khâm-sứ Trung-kỳ báo tin rằng ngài quyên 5000 đồng để giúp những nạn dân Dalat. Tình-cảnh nạn dân xem ra rất nguy-khốn, vì trận bão mới rồi ghê-gớm quá, nhiều ông già nói chưa từng thấy có trận bão nào lớn đến thế bao giờ.

Pháp.— Phế-đế Alphonse XIII từ Malte về Pháp, lúc ở tầu bước xuống bến Mạc-tây, bị một người thợ Tây-ban-nha xông đến, thoi cho nhiều quả khá nặng. Người thợ ấy đã bị bắt giam.

Ấn-độ. — Sáng hôm 16 Mai, ở Bombay dân Ấn và dân Hồi xung-đột nhau kịch-liệt. Bọn phiến-động và lính cảnh-sát bắn nhau, 60 người bị thương phải đưa vào bệnh viện.

Tin Bombay ngày 17 Mai nói việc biến-động ấy đã làm thiệt-mạng 74 người và 800 người bị thương, 30 xưởng dệt sợi đóng cửa, 400 nghìn thợ không có việc làm.

Anh. — Sau một cuộc điều-tra, người ta thấy tình-hình kinh-tế nước Anh bị sút kém ghê quá: 131 nhà buôn đã thu lợi hồi 3 tháng đầu năm 1931 được 93 triệu Anh-kim, đến 3 tháng đầu năm 1932 chỉ thu được 6 triệu thôi. Ấy ở nước Anh còn thế!

Mỹ. — Hai nước Mạc-tây-kha và Bỉ-lỗ đã tuyệt-giao hẳn, có lẽ sắp gây cuộc trinh-chiến nay mai.

Nhật. — Thủ-tướng Khuyển-dưỡng-Nghị mới bị ám-sát ở Đông-kinh, dân Nhật rất náo-động. Đảng-trưởng mới đảng Chính-hữu là Kisaburo Suzuki chắc sẽ lên làm Thủ-tướng.

Tây-ban-nha. — Khắp nước việc lộn-sộn xẩy ra luôn. Hôm 11 Mai, ở Madrid, học-sinh cùng lính cảnh-sát xung-đột nhau, một trung-úy bị bắn vỡ sọ, hai người học-sinh bị thương nặng. Sau mấy cuộc đổ máu ở Saragosse, trường Cao-đẳng hạt này bị đóng cửa.

Đức—.Quan Binh-bộ tổng-trưởng Groener đã nộp đơn xin từ-chức vì ông Binh-bộ Đồng-lý văn-phòng và đại-tướng Von Hammerstein, thống-lĩnh quân-đội Đức tuyên-ngôn rằng mình không có chút tin-nhiệm gì ở bộ Binh nữa. Xem vậy đủ biết chính-thể Đức-quốc đã thiên về Hữu-đảng đến dường nào.

Hôm ở nghị-viện Đức, Nội-các bị chất-vấn, nhất là ông Groener bị các đảng-viên Quốc-gia xã-hội phản-kháng rất kịch-liệt.

Cứ gì nước ta mới có các ông « BA BỊ CHÍN QUAI »

Mới đây, dư-luận cả nước Mỹ xôn-xao về việc con Đại-tá Lindbergh bị bắt-cóc. Thám-tử và phái-viên sở cảnh-sát chia nhau sang Anh, sang Pháp, đi khắp các nơi như chuồn-chuồn ngày bão, để thăm-rò tin tức những ông Ba-bị chín quai. Cứ tin các báo bên Mỹ những tiền phí-tổn về khoản ấy, tính ra đã tới 10 triệu phật-lăng.

Riêng mình lần-thần, đương chê tụi thám-tử Hoa-kỳ khờ dại vô-cùng. Có cái chỗ thổ-sản các ông « Ba bị chín-quai », thì lại không thèm bước chân tới. Thì có khó gì, cứ sang nước Việt-nam mình, hễ ngay các bà mẹ có các cậu hay các cô con đang quấy, thì biết ngay những phường « mười hai con mắt » ấy ở đâu.

Nhưng nói vậy thì nói, chứ hình như từ mấy năm nay, vì tình-hình kinh-tế khủng-hoảng, nên có lẽ các ông ấy cũng đã rời bỏ đất Việt mà sang kiếm ăn miền Hoa-kỳ rồi. Chả thế, sao riêng một năm 1931, tất cả ở trong địa-hạt nước Hoa-kỳ, có đến 360 việc trẻ con bị bắt cóc. Đấy là chỉ kể các việc có đem trình sở cảnh-sát đó thôi. Sao cái nghề « bắt trẻ-con » lại riêng thịnh-hành ở bên Mỹ như vậy? Chỉ vì ở đấy, người ta yêu qui trẻ con lắm. Sinh được đứa con thì nưng-niu gìn-giữ, chẳng khác gì hòn ngọc trên tay. Vì thế mà kẻ gian-đồ, mới tìm cách lợi-dụng tấm lòng thân-ái của những người cha mẹ. Vả làm nghề này, lại không khó-khăn nguy-hiểm như các nghề « ăn-xương » khác. Phần thì những đứa trẻ-thơ, chưa biết tự-vệ, cho nên làm sự, những kẻ bàng-nhân không để ý đến, phần thì thủ-đoạn này thi-hành gọn-gàng giản-dị, không cần phải dùng đến nhiều người.

Ba tháng tù

Tội đập đồ cổ nhà *Trương-cam-Khuyến* toà án Chợ-bóng có *Luý* chủ tọa kết án ba tháng tù. Vậy hỏi Luý: «Cái tội vu khống, sàm báng, làm tổn hại danh-dự của người thì tòa án Trừng-trị nên khép vào tội gì?»

Nhưng *Trần-khánh-Giư* xin toà cũng rộng lượng đừng bắt họ Phùng vào nhà đá, kẻo rồi Luý bị rệp muỗi dốt đâm cáu mà càng sàm báng bậy bạ. Chỉ nên bắt, chủ luý là họ Hoàng và họ Đặng phạt Luý trong luôn ba tháng không được mó tới cán bút.

T. K. Giư

CÁI KHỔ TÂM CỦA NGƯỜI VIẾT « XÃ HỘI BA ĐÀO »

(Trích lục trong bức thư viết lên toà soạn Annam tạp-chí)

. . . Kỳ nay tôi chẳng có bài gởi lên, xin các ông miễn trách, vì không nghĩ nẩy ra truyện mà chép nữa!

Độ đầu mùa xuân, tôi nhờ một người bạn ở xa, biên thư lên nhờ giúp cho ít tài liệu để viết « xã hội ba đào ký », nhưng đến nay chửa thấy hồi âm, một mong một mất. Chỗ tôi ở hiện tại, lại chẳng phải là chỗ tốt nái để được truyện hay, tuy có bến tầu bến thuyền, có phố xá chợ búa, gần đường xe-lửa ô-tô, buôn bán sầm uất; tuy có trường trai, trường gái, nhà đẻ, nha thương, rầm-rập người đi kẻ lại cả ngày huyên-náo; tuy có bãi đá bóng, có sân đánh quần, tiếng vỗ tay đôm đốp, giọng reo hò ầm ầm; nhưng những cảnh hoạt-động ấy trước tôi tưởng nó hứa cho tôi một cái kho vô tận để viết tiểu-thuyết, trái lại, ai ngờ nó chỉ đực ra đấy thôi, lại làm thêm rối mắt loạn tai tôi nữa.

Nhất là độ này thì buồn quá. Trời lúc nào cũng sa sầm nét mặt, gát gắt gỏng gỏng những sấm, cau cau có những mây, hình như chỉ hầm he dình bắt chợp được lúc ta đi đường, vô ý không có gì phòng bị, là bất thình lình mưa cho một trận thị uy cho bỗ ghét! Bởi vậy tôi chẳng dám đi đâu, cả ngay ở trong nhà, chiều đến, lắm khi cực khổ vì cái tỉnh-mịch quá chua ba Đanh, nó làm cho tôi vừa cam, vừa mù, vừa điếc. Lại một nỗi bên mình tôi không sẵn có báo chí, mà thời-sự chẳng biết một tý gì, thì còn mong chi chắp nối bậy ba thành một câu chuyện tàng, gọi là có bài gởi lên tòa soạn được?

Mở cửa sổ trông ra, cai phong cảnh trước mắt, ngày mới đến thì thấy sơn-thủy thật có vẻ hữu-tình, chưa-chan những thi vị, nhưng đến nay trông quen đi rồi, thì giặng núi đá kia sừng sững cao như bức thành, có ý làm đỏm bằng bộ áo rêu phong, bằng món tóc mây cuốn, đương đứng lấy giáng soi cái mặt trơ trơ rắn cắc xuống làn nước như gương, chỉ như muốn giào chắn tôi, chẳng được phóng xa trí tưởng tượng; mà khúc sông nọ, như cô tiểu-thư, uốn éo cái mình, nũng nịu giòng nước, mập mờ đám bọt vẩu, vẩu vơ ngọn ba đào, vàng chẳng ra vàng, đỏ chẳng ra đỏ, biếc chẳng ra biếc, xanh chẳng ra xanh, luẩn quẩn loanh quanh, cũng làm cho cái óc tôi càng thêm loanh quanh luẩn quẩn! Ấy, đương lúc bực rọc, vừa tức vừa sấu hổ cho mình cũng mang tiếng là biết chữ, thì hay đâu, cái ông mặt giời sỏ siên kia, lại chêu ghẹo mình, cố núp sau giẫy núi bò lồm ngồm đằng xa, tự nhiên thò nửa đầu lên nhìn, nhăn mặt, rặn ra mà cười, đỏ bửng!

Buồn quá, ngồi trước bàn, lấy tờ giấy, cầm ngọn bút, chấm vào mực. Rồi . . . rút bút, soay ngòi, đặt trên tờ giấy, nhưng viết gì bây giờ?. . . Lúc ấy thì trước mắt chỉ trông thấy cái gợn giấy, cái cắn mực, cái dỉ sắt, càng làm cho tôi thấy khó chịu trong mình. Đặt bút xuống, đứng giậy, châm điếu thuốc lá, đi đi lại lại mấy vòng, đưa mắt qua các vật chung quanh để mong kiếm viện-binh, nhưng các vật vô-tri ấy cũng vẫn câm như lúc thường, chẳng nhắc cho tôi được câu gì cả!

Xưa nay tôi chẳng có lượng, được quyền làm độc-giả, thì cứ chê bai các báo không hay; đến lần này mới rõ cái khổ tâm của người nặn óc.

Nào thầy, nào bạn đâu đâu cả,
Bỏ chết nhau đây chẳng giúp cùng!

Đương lúc túng truyện thì mấy tiếng gót giầy dưới gác đi lên, làm cho tôi nghĩ oán trách mấy ông bạn phiếm.

Thôi, nhưng mà cái nghề viết báo ở nước ta đã chẳng nuôi sống được mấy người, thì hơi đâu nhọc lòng cho thêm tổn thọ? Âu là hãy nói truyện với khách cho vui. Nhưng may quá, ông này chẳng lại chơi phiếm, đến đầu thang gác, ông ấy đã tuyên bố lớn sẽ cho tôi ít vôi gạch làm vật liệu viết « Xã hội ba đào »:

— Tôi mới ở Hà-nội về, được mục kích một tấn kịch thương-tâm nay đến làm quà ông.

— Vậy may, còn gì quý hơn, ông cho tôi giữa vào lúc tôi đương đào óc.

Phì phèo điếu thuốc lá dở, ông khách kéo ghế ngồi, vắt chân chéo kheo, rồi thở dài bằng cái hơi hổn hển của nhà đạo đức mà rằng:

— Gớm, ra Hà-nội là nơi văn-vật, ai ngờ có những câu truyện thương-luân bại-lý đến như thế!

— Hà-nội chỉ loè ta bằng cái bộ áo ngoài đẹp mắt, chứ đấy mới là cái mỏ của xã-hội ba đào ký.

— À, nhân nói truyện đến xã hội ba đào ký, tôi mới nhớ ra, hôm nọ có một đứa nó « ấy » ông ở trong báo, ông có biết không?

— Không! báo nào? Đứa nào?

— Tôi chỉ thấy người ta nói truyện lại, chứ cũng chẳng nhớ tên báo và tên người.

Nó « ấy » thế nào?

— Nó bảo ông ba tuổi toẹt, hay rung đùi ngâm thơ, có thế thôi!

— Ơ hay! thế là thằng ấy chửa biết mặt tôi, mà xưa nay tôi vẫn nói truyện với ông Tản-Đà rằng tôi không thích ngâm thơ; gia dĩ tôi mặc quần áo tây thì rung đùi nó vướng quá!

— Phải, nó nói láo, chứ có lẽ ông bằng tuổi anh nó đấy!

— Ông đừng nên tức hão mà

nói liều, ông có biết nó bao nhiêu tuổi đâu mà nói thế? Chẳng qua nó là bọn mắt chọn mang phùng tất đắc trí rồi nói sỏ lá vặt đấy thôi.

— Rồi ông có «gãi» lại nó không?

— Hơi đâu!

— Thế thì ông cũng bắt chước ông Trần-khánh-Giư, thương hại cho «luý» không nỡ đang tay bẻ gẫy cần câu cơm của «lúy».

— Nhưng mà ông cũng đáng lắm, có nhiều người xem truyện ông viết, họ điều chê là không hay, ông có thấy thế không?

— Bởi vì đoản-thiên tiểu-thuyết, không những cần phải nghĩ ra được truyện hay ý lạ, nhưng lại phải tô-điểm bằng câu văn cho hoạt-động, cho xuê lời; vậy mà còn phải mộng mẹo sếp cái thế cho khéo; cả ngần ấy tính-chất mà thu hẹp vào vài trang giấy cho nên mới khó, khó gấp ba bốn lối văn khác.

— Nhưng ông có thấy rằng truyện ông viết kém không?

— Có, là bởi cái món ấy mới nhập-tịch vào quốc-văn, cho nên chỉ là học mót nhau mà tập viết, vả xã-hội mình ít truyện ly-kỳ, nên cứ phải chắp nối, thêu rệt, râu ông nọ cắm cằm bà kia, thì hay thế nào được!

— Đây, tôi giúp ông câu truyện sau này, rồi ông đem khớp mộng nó vào chỗ khác. Ông biên lấy nhé.

Chẳng làm khách tý nào, khác gì buồn ngủ vớ được chiếu manh, tôi liền cầm bút. Ông bạn nói:

— Hôm nọ tôi lên Hà-nội, đến chơi nhà một người anh em. Bạn tôi thuê ở trên gác, còn nhà dưới là chỗ ở của bà cụ chủ. Bà cụ chủ nhà là một tay giầu, có thế-lực, cứ xem cách bầy biện trang-hoàng trong nhà, thì đủ biết nhà ấy cũng là giòng-giõi trâm-anh. Gọi bà ấy là cụ thì khí quá đáng, vì tuổi mới độ bốn mươi thôi, nhưng vì người ta có con gái ngoài hai mươi tuổi lấy một người chồng làm nghề thầu khoán, ngoài ba mươi tuổi. Bà cụ góa chồng đã lâu, mà chỉ có một con gái sớm hôm bầu bạn, cho nên người chủ thầu phải ở gởi rể nhà mẹ vợ. Vậy thì ra chàng rể với mẹ vợ với vợ, ba người hơn kém nhau trong ngoài mười tuổi. Ở Hà-nội, được cưỡi lên đống bạc thì thực là sung-sướng; quanh năm ăn chơi, chẳng phải lo nghĩ gì, và sẵn thức tr. ng - điểm, nên trông bà cụ ấy còn trẻ măng. Trái lại, ông rể thầu-khoán ngày nào cũng ô-tô sớm đi tối về, đến chỗ phần đường khúc đê, thì ra rãi nắng rầu mưa, lo nghĩ vất vả, nên nét mặt có vẻ già hơn tuổi. Cho nên trong gia-đình ấy, nhiều người lạ vào hay chào lầm mẹ vợ và con rể là hai cụ và gọi con gái bằng cô; hoặc chào con rể là cụ, mẹ vợ là bà, con gái là cô; lại có khi hai bà với một cụ!

Ở đời, nhiều khi sự lầm có thể đẻ ra sự ngờ . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Tôi biên vào quyển sổ tay, đắc trí nói:

— Ừ, hay thật, chẳng viết truyện này thì viết truyện nào! Bạn nẫy tôi còn chưa nói cái mục-đích của đoản-thiên tiểu-thuyết. Đoản-thiên tiểu-thuyết lại còn phải có một cái mục-đích cao thượng, là bài trừ cái tật dở, thói xấu của xã-hội, hoặc cổ-động một cái tư - tưởng, cái học-thuyết mới. Tuy nó chỉ là bức tranh thường thấy trước mắt, nhưng dùng mỹ-thuật mà tô-điểm, thì tự-nhiên cái ý - nghĩa cao xa nó nổi bềnh hẳn lên. Lắm truyện viết khéo, đến nỗi đoạn trên thì lăng-nhăng, đến chỗ kết-cục mới rõ ý của tác-giả.

— Ông nên học viết cho nhiều, mà tả truyện này cho khéo.

— Vâng, tôi đoan thế nào cũng chẳng phụ lòng mong của ông; truyện này tôi phải tả khéo lắm mới nổi cái vết thương đau-đớn của luân-lý gia-đình trong xã-hội ta được.

Rồi tôi đặt bút, thích mê, cất sổ, lại vui vẻ nói tiếp luôn rằng:

— May quá, đương nghĩ chẳng ra đầu đề. Tòa báo phen này lại có «xã-hội ba-đào» để in vào kỳ sau đây! Tôi xin thế nào cũng hết sức vì đạo-đức Á-đông, vì phong - hóa tổ-quốc, cố viết bằng nét bút chua cay để trừng phạt bọn vô-liêm-sỷ, tôi xin vì tương-lai quốc - văn, hết sức tả chuyện này cho thật đặc sắc, để lưu tiếng lại về sau. À quên nhà ai mà lại có câu truyện khốn nạn lạ thế?

— Chủ nhà bạn tôi ở số 48 phố M.

— Số 48, phố M?

Tôi ngợ. Nghĩ. Nhớ ra. Biết. Giật mình! Hỏi:

— Ông có biết tên bà ấy không?

— Có.

— Có phải bà ấy tên là bà Hậu-Hai không?

Phải, phải, sao ông biết?

Tôi cười, không trả lời.

. . .

Bà Hậu-Hai! Tôi biết, sao tôi chẳng biết? Bà Hậu-Hai ở số 48 phố M! Bà Hậu-Hai là nhà có của.... Bà Hậu-Hai đáng cho đời mỉa mai! Nhưng bà Hậu-Hai tử tế! Bà Hậu-Hai có thế lực! Bà Hậu-Hai là ân-nhân của tôi! Bà Hậu-Hai đã hứa tuần lễ sau sẽ cho tôi vay trăm bạc!

Vậy thì, thưa các ông trên tòa soạn, độ này tôi túng lắm, vợ chồng tôi bè nheo nhau về sự thiếu ăn thiếu tiêu luôn, mà cố thầy thợ mãi mới hỏi vay được bà Hậu-Hai đấy. Vậy thì, xin lỗi các ông, khổ-tâm lắm, các vàng tôi cũng chả giám bêu xấu bà Hậu-Hai! Thôi, mặc kệ, chẳng phong - hóa thì đừng, chẳng quốc-văn cũng quách, tôi túng lắm, kỳ này hãy xin nhịn mục «xã-hội ba-đào»!

Nguyễn-công-Hoan

•Can đảm

Một nhà văn-sĩ đến nhờ một nhà văn-sĩ không thân làm tựa cho sách mình đã là can-đảm.

Người làm tựa chẳng sợ có kẻ ngờ là mình ghen tài, dám hạ bút phê bình bằng những lời mát-mẻ, can-đảm hơn một bực.

Nhà văn-sĩ nhận được bài tựa biết có nhiễm mùi chua-chát mà cứ đăng, rồi khi sách tái bản lại tái đăng, thì lại càng can-đảm.

Đến như Tần-Hớn này mọi câu chuyện năm xưa chỉ có can hệ tới *Phạm Thượng-chi* và *Nguyễn Tản-đà* ra, thì sự can-đảm ấy có lẽ người đời cho là một sự dương đông kích tây...

Nhưng cũng không sao! Bây giờ hai nhà đại gia văn-sĩ ấy già nua lắm rồi chả còn đâu đủ sức mà... bút chiến. Rồi coi! muôn năm về sau, bài tựa có ký tên Phạm-Quỳnh sẽ vẫn in ở đầu quyển Tản-đà-văn-tập.

Can-đảm khô... ô... ông!!

Tần-Hớn

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

17

Trà-sơn
dịch

Chàng Xen-đôn nói:

— Ông chủ tầu Phi-lý-be bị bệnh sốt rét nặng lắm, và những người làm của ông cũng chả giá-trị gì... Cô-nương làm ơn cho xin một miếng thịt bò.

Cô Gian-nê thọc dao vào món thịt muối gắp cho chàng. Chàng Xen-đôn thì ngồi ngắm nghía những ngón tay nàng không đeo nhẫn, trông thanh-thoát mà cả-quyết, sam-sám mà hồng hồng như tay một chàng thiếu-niên. Cổ tay nàng thì nhẵn-nhụi mập-mạp không đeo một chiếc vòng nào. Cánh tay nàng thì xinh, tay áo phủ không kín hẳn, còn để thò một nửa ra ngoài.

Trong cái bàn tay, cái cổ tay, cái cánh tay ấy, phải chăng đã có cái gì có thể giải-thích được cái tinh-thần và thể-chất thiên-nhiên của con người kỳ-quặc khó hiểu, vẫn làm cho chàng khi thì bối-rối, khi thì hoan-hỉ, khi thì thất-vọng.

Cái lỗi của chàng là chàng vẫn tự-đắc coi nàng như một người đàn bà, nhưng thật ra thì về đường tinh-thần, nàng chỉ vẫn là một cô gái nhỏ, mà về đường thể-chất thì nàng hoàn-toàn là một cậu con giai, ưa chơi súng-lục, súng trường, đội mũ mục-đồng thành rộng. Nàng không có thuộc vào giống nào hết.

Ngay cái tiếng nói của nàng cũng vậy, nó vừa có giọng cả quyết, vừa có giọng êm-đềm. Cái tiếng nói ấy chẳng phải là tiếng nói của một người đàn bà mà lại là tiếng nói của một người con giai vừa đến tuổi lấy vợ. Nghe tiếng nàng nói, chàng Xen-đôn lại sực nhớ đến những cậu thiếu-niên hát chầu văn, nhất là khi các cậu đồng thanh hát chúc Chúa ở trong nhà thờ chốn quê-hương ngày trước.

Nghĩ cho cùng, một cô con gái, mới sinh ra đã bồ-côi mẹ, giáo-dục chẳng có, chỉ biết theo cha du sơn du thủy, như con người kỳ-quặc này thì làm sao mà không hóa ra kỳ-quặc được?

Ngựa, súng, đó là đồ chơi của nàng, cái túp lều lập lên ở trong đám rừng râm cỏ xanh, đối với nàng đó tức là buồng the gác tía. Ấy cũng vì thế mà nàng sợ mang cái váy, nàng không biết gì là những cái thói thường e-lệ của phái nữ lưu.

Cứ xem thế, thì cái nhiệm-vụ của chàng là phải coi nàng như một người con giai vậy. Nhưng, rồi sau có một ngày kia, tất-nhiên thế nào cái bản-chất phụ-nữ sẽ phát-lộ ra, thì..... thì chàng liệu có giữ được cho khỏi bị lôi-kéo vào con đường tình-ái không? Cái điều chắc hẳn là cứ như thế, mà hiện nay nàng đã chiếm một cái địa-vị khá to ở trong đời sinh-hoạt của chàng. Cái đó chàng đã nghiệm thấy trong khi chờ-đợi nàng lúc nẫy và nhất là lúc nàng hiển-hiện ra trong trận cuồng-phong, tính-mạnh gửi ở những cơn sóng kềnh dữ dội.

Bây giờ thật như chàng dẫm chân lên một chiếc giây điện; chỉ trong ngày một ngày hai, dù chang không muốn cũng không được, cái giây điện ấy nó sẽ lam cho chàng phải bật nẩy ngươi lên.

Chàng đang chìm-đắm ở trong cái vực tư-tưởng ấy thì chợt thấy cô Gian-nê nói chuyện với mình, chàng bèn xin lỗi và hỏi?

— Cô-nương bảo sao?

— Cô Gian-nê ra vẻ dỗn-cợt đáp:

— Thưa tôn-ông, để tôi xin nhắc lại cái bài diễn-văn vắn tắt của tôi mà tôn-ông chưa để ý nghe được một chữ nào.

Tôi nói rằng: tầu Phi-lý-be tàng lắm. Ngày mai tôi sẽ đến xin giúp sức viên chủ tầu. Vả, muốn cho viên ấy khỏi bẽ bàng, tôi sẽ xin giúp một cách cung kính.

«Tụi người nhà tôi sẽ dọn-dẹp tất cả tầu cho sạch-sẽ, chúng sẽ cọ rửa từ dưới hầm cho đến ống khói. Trên những chỗ dát đồng, rêu mọc dài đến mấy sải chân, hiện mắt tôi trông thấy. Tôi ưng ý chiếc tầu ấy lắm. Rồi đây tất có ngày tôi sẽ dùng chiếc tầu ấy đi thám hiểm chơi.

Lúc giời gần tối, chàng Xen-đôn và cô Gian-nê ra ngoài hiên ngồi uống cà-phê, bỗng thấy tiếng con Sa-tăng xủa cắn ầm-ĩ ở ngoài cửa vườn.

Chàng vội đứng dậy ra mở cửa cho một tên mọi đen vào. Tên này còn đương sợ chó, sám xanh cả mặt mũi, chàng bèn dẫn vào cùng một thể mà hỏi rằng:

— Mi làm với chủ nào? Ai sai mi đến đây?

Tên mọi đen đáp:

— Tôi làm với ông Bưu-xê. Có một bọn người không tốt ở bến A-đam kéo đến gần nhà ông ấy.

Nói xong nó rút ở trong túi ra một mảnh giấy, chàng Xen-đôn cầm lấy giấy đọc thật mau, chàng nói cho cô Gian-nê biết:

— Đây là bức thư của ông Bưu-xê. Ông Bưu-xê tức là người kế nghiệp ông Bắc-ca, người có lòng nhân-đạo làm quản-lý cái đồn điền nhỏ ở cách bờ bể chừng 12 hải-lý mà tôi đã có dịp nói chuyện cô-nương nghe. Ông ta bảo cho tôi biết rằng cái tụi ở bến A-đam, cái tụi mà chàng Ký-sơn-dung đã thuật cho chúng ta nghe độ nọ, chúng đi thuyền độc-mộc kéo nhau đến chừng 50 tên, hiện đóng cả ở trước nhà ông ta, chúng giết của ông ta mất nửa tá lợn rồi, mà hình như chúng còn nghĩ cách thi-hành một cái độc-thủ gì nữa, nên ông ta phải xin cứu-viện.

(Còn nữa)

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thi-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Nhà máy gạo Đinh-Bưởi

72, phố hàng Khoai — Hanoi,

gạo tốt, giá rẻ, hạng nào cũng có,

mua bao nhiêu cũng sẵn.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ty)

HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy qui ông qui bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu rang, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ can nguyên cư đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué – Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Bản-chí từ khi xuất bản ở hàng Khoai, nhờ được cảm-tình của Xã-hội, nhẽ ra đến nay tiến-hành hơn lắm là phải. Song mà thực cũng chưa lấy gì làm thỏa ý Độc-giả, vì cũng còn có một đôi sự khó-khăn riêng.

Là vì:

Các Đại-lý của Bản-chí cũng có mấy nơi từ số 25 tới nay chửa trả về đồng tiền nào;

Các bạn Độc-giả cũng có nhiều ngài vì nhẽ riêng chưa trả tiền.

Từ kỳ sau, Bản-chí xin sẽ tường kê, để mong các Ngài cùng địa-phương sẵn lòng yêu Bản-chí, xin lấy danh-nghĩa thương-thuyết với các nhà Đại-lý ấy trả tiền về cho, Bản-chí sẽ được tiến-hành hơn và sẽ được cảm ơn các Ngài lắm lắm.

NAY DỰ CÁO
A. N. T. C.

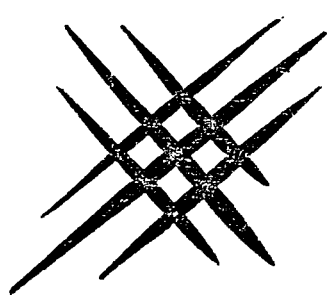

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thẩy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v..v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00
Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**
No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT
MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả. **Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50**

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ ve ke bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

L'Administrateur Gérant: NGÔ-THÚC-ĐỊCH

Imp. Spéciale de L'An-Nam Tạp-Chí

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY 1er và 16

NĂM NHÂM-THÂN SỐ 43

NGÀY 1er JUIN 1932

DÉPOT LÉGAL CHINE N° A 249

DÉPOT LÉGAL RÉSIDENCE SUPÉRIEURE TONKIN

Dépot légal Hanoi le 21 Juin 1932

安南雜誌

IMPRIMERIE TRINH-VAN-BICH ★ HANOI ★

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm	5$00	7$00
Nửa năm	2,60	3,80
Một số	0,10	0,15

Toa báo : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

119

Dự-cáo

Bản-chí từ khi xuất bản ở hàng Khoai, nhờ được cảm-tình của Xã-hội, nhẽ ra đến nay tiến-hành hơn lắm là phải. Song mà thực cũng chưa lấy gì làm thỏa ý Độc-giả, vì cũng còn có một đôi sự khó-khăn riêng.

Là vì:

Các Đại-lý của Bản-chí cũng có mấy nơi từ số 25 tới nay chửa trả về đồng tiền nào;

Các bạn Độc-giả cũng có nhiều ngài vì nhẽ riêng chưa trả tiền.

Từ kỳ sau, Bản-chí xin sẽ tường kê, để mong các Ngài cùng địa-phương sẵn lòng yêu Bản-chí, xin lấy danh-nghĩa thương-thuyết với các nhà Đại-lý ấy trả tiền về cho, Bản-chí sẽ được tiến-hành hơn và sẽ được cảm ơn các Ngài lắm lắm.

NAY DỰ CÁO
A. N. T. C.

Từ nay, hai kỳ chính sẽ ra ngày 1er và ngày 16, hai kỳ phụ sẽ ra ngày 8 và 23

THUỐC TRỊ BỆNH
Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài!

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50 nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại **NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG**

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH
Thêm sức-lực, cho các bạn

Thanh Niên!!!

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan nghênh công nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa-di) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00 nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh chóng và cẩn thận.

TA NÊN HIỂU NGHĨA CHỮ ĐẠO-ĐỨC MỚI

Cái quan-niệm của người đời đối với đạo-đức, ngày nay đã mỏng-manh gần đến cực-điểm. Tình-hình sinh-hoạt, một ngày một thấy dan-nan, người trung-hậu chân-thật thường bị thất-bại, mà những kẻ ranh-mãnh giảo-quyệt, lại riêng được số-phận để dành cho phần tháng-lợi. Bởi vậy, nền đạo-đức mấy nghìn năm truyền lại, đối với thời-thế, hình như có vẻ trái-ngược, mà bị người đời bạc-đãi như giăng buổi sáng, như hoa trái mùa. Một bên là phái thiếu-niên tân-tiến, đương buổi trí-khí hăng-hái, chỉ muốn cho cái quyền tự-do của mình được hoàn-toàn phát-triển, cho nên không chịu ràng-buộc tinh-thần vào trong vòng-khuôn cái nền-nếp cũ. Lấy chữ tùy *thời* tùy *địa* làm mông-sung, họ công-nhiên rút thân ra ngoài vòng đạo-đức của ông cha di-truyền lại; vì họ chê là cũ, không thích-thời. Một bên là phái bán cựu bán tân, tuy trong lòng riêng vẫn biết đạo-đức là cần-thiết cho tư-cách người ta, nhưng hoặc vì không đủ can-đảm, đủ nghị-lực để noi theo đường thẳng, hoặc vì sự sinh-nhai bắt-buộc, phải nén mình làm những điều không thể thú-thực với lương-tâm. Muốn « đánh chống lấp » đi, họ mới tìm cách che mắt thiên-hạ, mà hô to lên rằng: « *đạo-đức cũng như cái áo lót mình* (!), *thời-đại văn-minh*, không nhẽ nào còn cứ *khư-khư giữ cái đạo-đức hủ-bại được nữa*.» Bị hai làn sóng ấy đánh ập lại, cái đê đạo-đức đã núng sẵn, đứng vững lại được, tưởng cũng khó thay!

Nay xin gác bên sự bình-phẩm cách ngôn-luận hành-vi của hai phái kia, ta hãy đứng vào địa-vị khách-quan, mà xét xem căn-cứ cái đạo-đức là ở đâu và ta nên hiểu nghĩa chữ đạo-đức mới cũ ra thế nào?

Hai chữ đạo-đức bao-bọc hết thảy những việc người đời nên làm, để mưu-cầu cho sự sinh-hoạt của mình, của xã-hội, đến được cái bực có thể gọi là cực kỳ đồi-dào đầy đủ. Vậy cái căn-cứ của đạo-đức, tức là ở trong thiên-chất của mọi người, mà cái trường sở phát-triển của đạo-đức, tức là trong việc làm của người ta đối với mình, đối với xã-hội.

Người đời từ lúc sơ-sinh, ai cũng được bẩm-thụ một phần thần-trí lại mang bên một phần vật-tính. Vậy mục-đích nền đạo-đức hoàn-toàn, tất phải làm sao dẫn-đạo cho bên thần-trí được mười phần phát-đạt, mà phòng-bị cho bên vật-tính phải ngày một tiêu-duyệt đi. Cái chỗ khuyết-điểm của đạo-đức đời xưa là chỉ chuyên trọng về việc đề-phòng vật-tính mà sao-nhãng sự phát-dương thần-trí. Lại vì người ta sẵn tính lười biếng, chỉ cốt noi theo những tập-quán người trước để lại, cho nên nền đạo-đức mới thiên về mặt bảo-thủ, mà không có gì là tiến-thủ, là sáng-kiến. Đời nay là thời-đại nhật-tân, nhỏ như công-việc hành-vi của cá-nhân, nhớn như tình-hình sinh-hoạt của xã-hội, một ngày một đổi, một ngày một mới, không cái mãnh-lực nào có thể ngăn-cản lại được. Nếu ta muốn sống theo xã-hội, tất cũng phải lo sao cho sự sinh-hoạt của ta cũng theo trào-lưu ấy mà đổi mới luôn luôn. Vậy nói đến cái công-dụng của đạo-đức đời nay, ngoài cái chức-trách đề-phòng vật-tính, tất còn phải dẫn-đạo cái thần-trí của mọi người vào con đường tiến-thủ chính đáng, mới mong đạt được mục-đích là đưa người đời vào cõi sinh-hoạt hoàn-toàn.

Người ta ai cũng có quyền tự-do, cũng tôn-trọng cái quyền tự-do của mình, mà xã-hội tức là cái trở-lực rất lớn, để ngăn-trở cho quyền tự-do ấy không được muốn sao hay vậy. Xã-hội đã là cái tường ngăn-cản quyền tự-do của cá-nhân, mà loài người không ai chịu vứt-bỏ quyền tự-do, lại không có thể sống ở ngoài xã-hội, thì muốn tìm cái kế lưỡng-toàn, tất phải điều-hòa hai phương-diện ấy cho được quân-bình, mà không đến

nỗi xung-đột. Mục-đích của đạo-đức tức là lo-tính việc điều-hòa ấy, để giữ cho cuộc nhân-sinh được yên-tĩnh, có trật-tự. Đạo-đức đời xưa, vì có chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo, lại bị chế-độ quân-chủ lợi dụng, cho nên chỉ cốt chú-trọng về việc bình-yên của xã-hội; còn đối với quyền tự-do của mọi người, hình như chỉ muốn đè-nén cho đến cùng tận mới nghe. Có ngờ đâu cái tính tự-do của một người đã bị đè-nén quá độ, tất nhiên người ấy vì những nỗi bực-tức mà đối với xã-hội sinh ra mất cảm-tình; cảm-tình đã mất rồi sinh ra phẫn-uất, sinh ra giận-dữ; trật-tự của xã-hội bấy giờ cũng khó mà giữ được. Đạo-đức cũ sở-dĩ không hợp với thời-đại nà là vì thế. Ngày nay nói đến đạo-đức, tất nhiên phải tháo-gỡ cho quyền tự-do của cá-nhân dần dần thoát ra ngoài vòng ràng buộc quá chặt-chẽ của luân-lý cổ. Đối với xã-hội, không nên hy-sinh cá-nhân cho quần-chúng, nhưng phải tính làm sao cho mọi người ai cũng có cái cảm-tình đối với quần-chúng, cũng hiểu rõ cái chỗ quan-hệ mật-thiết của loài người. «Đứa trẻ con mới đẻ ra, đứa nào cũng biết yêu cha mẹ»; «người ta ai trông thấy đứa trẻ lê-la sắp ngã xuống giếng, tất nhiên cũng có lòng thôn-thức thương sợ», xem vậy, đủ biết người ta ai cũng có sẵn mối cảm-tình đối với đồng loại, cái ý-nghĩa của đời người chính nên tìm ở trong cái cảm-tình ấy, mà một nền đạo-đức rất cao-thượng tức là làm cho mối cảm-tình ấy hiển-hiện ra ở hết thảy các việc hành-động cư-xử của mọi người. Một nhà triết-học Đức có nói: «người bây giờ tuy không mấy khi để ý đến vấn-đề đạo-đức, nhưng trong các công việc làm ở trong xưởng thợ và ở các nơi chung-chạ, đều là có đạo-đức ở đấy cả.» Vậy đạo-đức có phải là một sự cao-xa huyền-bí gì đâu?

Xem vậy, mục-đích đạo-đức ở đời nay là cốt một bên nâng cao tư-cách, mở rộng đường sinh-hoạt của cá-nhân, một bên gây mối cảm-tình, phát-dương nghĩa liên-lạc của mọi người trong nhân-loại. Đứng về phương-diện cá-nhân, đạo-đức mới cần phải có, mà đạo-đức cũ cũng không thể vứt bỏ đi được. Trông về phương-diện xã-hội, đạo-đức cũ cần phải châm chước lại, nhưng lại cần phải đem một nền đạo-đức cao-thượng hơn, cần-thiết hơn để thay vào.

Giữ được đúng nhân-cách, bao giờ cũng vẫn là người quân-tử; làm những việc không thể nói với người được, bao giờ cũng vẫn là kẻ tiểu-nhân. Những kẻ tự mình bất-chính mà mượn tiếng *mới cũ* để mong hồi-hộ lỗi mình, lừa-dối lòng người, bao giờ cũng vẫn là những kẻ tội-nhân của danh-giáo vậy.

Ngô-thúc-Địch

CHUYỆN THẾ-GIỚI

ĐOẢN KỊCH

Trên thiên-cung

HỒI I

Briand — Doumer

Briand — Kìa cụ! Ở dưới hạ-giới có chiến-chanh rồi chứ? Phải! tôi mà chết đi hôm trước thời chỉ hôm sau là chúng nó choảng nhau! (*nói xong cười rũ-rượi*).

Doumer — Đừng tự-đắc vội!

Briand (*mải cười chẳng nghe thấy câu trả lời của Doumer*) — Nhưng sao cụ đã tuổi-tác thế mà còn sông pha tên đạn?

Doumer — Nếu được tử-trận như lũ cháu năm xưa thì còn nói gì? Nhưng không cụ ạ, bây giờ ở dưới địa-cầu, chúng nó không có đủ can-đảm mà đường-hoàng đánh nhau nữa, chỉ còn biết cắn trộm mà thôi. Nhật choảng Tàu không hạ chiến-thư cắn trộm. Nước kia, nó thù nước ta cho người sang hành-thích Giám-quốc: cắn trộm.

Briand—Vậy ra cụ bị hành-thích sao? Tội nghiệp Nhưng kìa lại cụ Inukai!

HỒI II

Briand, Doumer, Inukai

Briand — Cụ này thì hẳn là hi-sinh của chiến-tranh! Thưa cụ, chắc từ khi tôi rời hội Quốc-liên lên đây, thì Quý-quốc đã hạ tối-hậu-thư cho nước Trung-hoa rồi chứ?

Inukai — Không, hai nước đã ký hòa-ước rồi. Dưới địa-cầu ta bây giờ bình-yên lắm. Rõ tẻ ngắt! Phàm những người về phái chiến-trạnh là chúng nó thịt... Đồ khốn-nạn!

Briand — Không có tôi mà cũng bình-yên được à? Vô lý!

Inukai — Sau khi cụ lên đây thì phái cụ và phái Xã-hội đại-thắng vào kỳ tuyển-cử mới rồi, Tardieu thất-bại.

Briand — Tardieu thất bại! Trời ơi! tức cười chết đi (*cười ngặt cười nghẹo*).

Tản-Hớn

ĐỌC BÀI «BẤT ĐIỀU-ĐÌNH»

CỦA ÔNG PHAN KHÔI TRONG BÁO ĐÔNG-TÂY SỐ 133

Muộn quá, đến mãi hôm nay, tôi mới có thể làm bạn với bút mực mà phê-bình bài «Bất điều-đình» của ông Phan-Khôi đề-xướng trong báo Đông-tây cách đây hơn năm tháng. Song le, muộn còn hơn là làm thinh. Làm thinh thì chẳng hóa ra những cái sở-đắc trong sự nghiên-cứu của mình không được chắc-chắn mà mình còn mang một tội ác nữa, tức là làm mờ-tối chân-lý vậy.

Theo ông, thì vô-luận về phương-diện nào, sự điều-đình là có hại và là vô giá-trị cả. Lý của ông: «Người ta mà ưa làm kẻ điều-đình là chỉ vì có ý sợ khó, có ý-chiều đời, có ý thích làm lớn; bằng không có những ý đó thì bổn-thân cái thuyết điều-đình chẳng đứng một mình được, vì nó vừa đen vừa trắng hay là không đen không trắng, dễ nói quá, mà chẳng có ý nghĩa gì.» Ông có nói đả-động đến cả thuyết trung-dung và chấp-trung, song tiếc rằng ông chỉ nói cái dĩ-nhiên mà không nói tới cái sở-dĩ-nhiên: thật là trái với phương-pháp khoa-học.

Ông Phan-Khôi thường tự-nhận là một nhà học-giả, song đọc đoạn văn trên vừa rút ở bài của ông, tôi không thể coi là cách lý-luận của học-giả được; gọi là cái luận-điệu của trạng-sư thì đúng hơn. Cái bổn-thân của sự điều-đình thế nào? Nó có hại và vô giá-trị không, ông Phan hãy cùng tôi nghiên-cứu.

Theo cái quá-trình phát-triển của nhân-loại mà suy-nghiệm ra mọi việc khác, thì sự điều-đình là cái hiện-tượng tất-yếu, không thể nào tránh thoát được, của hai cái thái-cực xung-đột với nhau.

Điều-đình hay là tổng-hợp cũng vậy, có khi thì là cái chung-cục của một cuộc biến, mà có khi lại là cái mầm của một cuộc biến khác nữa. Một lý-thuyết, dù hay dù dở, bao giờ cũng có một phái tán-thành hết sức duy-trì lấy nó. Đồng-thời lại có một phái khác phản-đối lại. Bởi đó, sự xung-đột của hai lý-thuyết mà rút lại thì là sự điều-đình vậy. Hết cuộc biến-thiên này lại kế-tiếp một cuộc khác, nhân-loại tiến-hóa không biết tới đâu mới là cùng! Tương-lai sẽ trả-lời cho ta về câu hỏi ấy.

Bàn về sự gây-dựng một nền văn-hóa đông-tây, tôi thấy nhiều nhà học-giả đã xướng lên thuyết điều-đình cái hình-thức của khoa-học Âu-tây với cái tinh-túy của tâm-học Á-đông, thật là hợp với lẽ tấn-hóa lắm. Nhưng, muốn làm được công-việc ấy, phải dầy công nghiên-cứu lắm, phải biết xem-xét ngoại thế, tra-khảo nội-tình cho sáng-suốt, chớ không dễ-dàng như ông đã tưởng lầm đâu.

Bổn-thân việc điều-đình là thế, vậy mà ông lại đem so-sánh với sự điều-đình giữa đám đánh nhau và cho những cái tâm-lý hợp với nó là hèn, là sợ khó, là có ý chiều đời, là có ý thích làm lớn, thì còn bàn nghĩa-lý làm sao được nữa? Đáng tiếc!

Đọc cả bài của ông, tôi chỉ nhìn nhận đoạn nghị-luận trích ra sau đây là quan-hệ hơn cả: «Đại phàm sự học nhờ ở sự cực-đoan mà mới có tiến-bộ. Nói về triết-học, ai khuynh-hướng về duy-tâm thì cứ duy-tâm đi; ai khuynh-hướng về duy-vật thì cứ duy-vật đi. Mỗi bên đều cứ theo chỗ mình tín-tưởng giựa vào luận-lý-học mà phát-huy nghĩa-lý cho tới cùng, như vậy nền triết-học mới càng ngày càng chói-sáng thêm. Học-giới bên Tây sở-dĩ tấn-tới mau lắm là nhờ đi theo con đường đó». Con đường đó là gì? Chẳng phải là sự quan-ma tư-ích cho nhau của hai cái thái-cực duy-tâm và duy-vật là gì! Rõ chính ông hành-động theo duy-vật-luận mà tự ông không biết.

Còn như ông cho rằng cực-đoan là có lợi cho sự tiến-bộ, thì tôi xin cãi trái lại rằng: cực-đoan chỉ là một cái phương-kế (moyen) mà thôi, sự điều-đình mới ngõ-hầu là cái cứu-cách (fin) trong sự khám-phá chân-lý vậy

Mục-đích tối-cao của sự học là gây cho người ta một cái «nhân-sinh-quan» tốt-đẹp và lý-thú. Phàm các nhà học-giả đều có hoài-bão như thế, song muốn làm được công-việc ấy, thì cái phương-pháp duy-nhất hợp với cuộc sinh-hoạt (gồm cả vật-chất lẫn tinh-thần) hiện-thời là điều-hòa duy-tâm với duy-vật làm một. Bằng như cứ thiên hẳn về một mặt này mà mạt-sát mặt kia thì không còn có cái gì nguy-hiểm cho sự học hơn nữa! Sự học chỉ có một mà thôi.

Tôi đã chỉ chỗ sai-lầm trong cái thuyết «bất điều-đình» của ông; nếu ông cho là phải thì ông nên lấy thái-độ ngay thật mà tuyên-bố vứt bỏ cái thuyết của ông đi, bằng như ông còn thấy chỗ ngộ-nhận của tôi thì ông nên vì chân-lý giữa học-giới mà thanh-minh cho mọi người được rõ.

Tôi xin nhắc lại lần nữa: điều-đình là hợp với cuộc tiến-bộ vì nó là chung-cục của một cái biến và lại là mầm của một cái biến sắp tới. Vậy trước khi ông Phan-Khôi đứng về phương-diện cực-đoan, theo ý tôi, thì ông hãy nên suy-nghiệm kỹ bài «Điều-đình cái án Quốc-học» của ông Nguyễn-trọng-Thuật đã. Nếu ông cho bài «điều-đình» ấy là phải thì ông nên cám ơn ông Nguyễn-trọng-Thuật đã làm được cái việc «người trong cuộc thường tối, mà người đứng ngoài thường sáng»; bằng như ông lại thấy điều quấy, thì đó là cái luận-điểm nữa cho ông.

Không thèm đếm xỉa tới việc làm phải hay quấy của người ta, chỉ mới thấy cái khuynh-hướng của người mà đã rao lên rằng có hại và vô giá-trị, cái thái-độ ấy, tưởng không nên có trong sự học.

Siêu-Viên

ESPERANTO

I. — *Esperanto là gì?*—Esperanto là một thứ tiếng nhân tạo, đặt ra để giúp cho việc giao-thiệp của người khắp thế-giới. Ta đừng tưởng lầm rằng Esperanto sẽ thay tất cả các «quốc-ngữ», đó chỉ là một thứ tiếng phụ quốc-tế (langue auxiliaire internationale) trung-lập, mà ai ai cũng nên học thêm vào tiếng mẹ-đẻ của mình.

Theo nghĩa đen, thì Esperanto là «người hy-vọng», vì nó biểu-hiệu mối hy-vọng rất chính-đáng, là gieo mầm bác-ái trên đời.

II. — *Lịch-sử Esperanto.* —Người phát-minh ra Quốc-tế-ngữ Esperanto là bác-sỹ Zamenhof, làm nghề thầy thuốc, sinh tại Bielostok, một tỉnh nhỏ nước Nga, và mất tại thành Varsovie. Khi còn nhỏ, ông lấy làm lạ vì dân cư chỗ ông ở thường thường sinh chuyện lôi thôi với nhau. Chính gia-đình ông và ông cũng bực mình và khổ-sở về chỗ đó, nên đêm ngày nghĩ cách làm sao gây cho họ một mối tình hòa-hợp. Đến sau ông mới hiểu rõ nguyên-nhân những sự lôi thôi sẩy ra: chẳng qua chỉ vì Bielostok là nơi tự-họp của dân tứ xứ, líu-lo líu-lường không ai hiểu ai. Phá cái hàng dào «ngôn-ngữ bất đồng», Esperanto ra đời chính vì mục-đích rất nhân-đạo đó.

Ra công nghiên cứu trong mấy năm trường, Bác-sỹ hiểu rằng: dù tiếng chết như tiếng latin, dù tiếng sống như tiếng Anh, tiếng Pháp, phong-phú, rồi-rào đến đâu cũng không đủ cho người đời dùng.

Đến năm 1878, tiếng quốc-tế bắt đầu bước vào thời kỳ lý-tưởng, song Bác-sỹ quyết chưa cho ra đời trước khi tìm ra phương pháp thực-dụng. Một mình làm việc trong 8 năm nữa, hết sức thay đổi thử-thách cho được hoàn-mỹ. Sau cùng, đến năm 1887, ông nhất định cho Esperanto trông thấy ánh sáng mặt trời. Ngay khi đó, trong thế-giới đã có tiếng Volapük đang vang-lừng tiếng tăm rồi. Tuy rằng tiếng đó rất khó nghe, rất khó nói, rất khó hiểu, cũng được nhiều người dùng, vì tiếng phụ lúc đó đã là vật nhu-cần. Nhưng Volapük chẳng bao lâu phải chết, đến những người dùng nó cũng tản nát mất cả.

Tuy Volapük chết song cái chết đó để lại một cái ảnh-hưởng rất xấu cho các tiếng nhân-tạo (langue artificielle) sau này, tức là cho Esperanto vậy. Bao nhiêu người đều cho rằng tiếng nhân-tạo chẳng bao giờ có kết-quả gì, mà người đặt ra chẳng qua có cái lý-tưởng ngông-cuồng mà thôi. Esperanto ra đời chính vào lúc khó-khăn ấy, làm cho Bác-sỹ Zamenhof phải tốn công vật lộn, đánh đổ hết cả các lời thị-phi gièm-pha có hại tới Esperanto.

Hao tài, tốn của, vả nhà lại nghèo, Bác-sỹ vẫn không nản chí, cố thực-hành ý-nguyện mình cho đến khi mười phần thất bại, sự thành công không đợi mà đến.

Bắt đầu theo Esperanto chỉ có người Nga, người Thụy-điển và vài người Đức. Nhưng lập hội truyền-bá ý-tưởng thì trong nước Nga lại nghiêm-cấm, thành thử không tìm đâu ra được một trụ-sở.

Năm 1889, bắt đầu cho xuất-bản một tờ báo viết bằng Esperanto. In thì ở Đức, mà độc-giả chỉ có người Nga. Báo sống được 6 năm, nghĩa là đến năm 1895, thì Nga-hoàng cấm mang lưu-hành trong nước, chỉ vì nhà văn-sỹ Tolstoï cũng viết trong đó. Báo không sống thì sự chuyền-bá cũng phải dừng.

Sau, ở thành Upsal, bên Thụy-điển, lại thấy một tờ báo mới, đặt tên là Lingvo internacia (Quốc-tế ngữ), phấn đấu rất khó-khăn.

Đến năm 1898, thì hội Socioto franca par Propagando de Esperanto (Hội tuyên-truyền tiếng quốc-tế của Pháp) thành-lập, nhưng hai năm sau, số hội-viên chỉ có 300 người, mà chẳng thấy người Pháp. Mãi lâu, mới thấy các nhà bác-học dúng tay vào việc, vả được hội du-lịch Turing-Club giúp đỡ, nên lại dần dần thành-lập các hội khác.

Phong-trào tràn sang Anh, rồi lan rộng đến khắp các nước, cho đến năm 1905, giữa khi Esperanto được thế-giới hoan-nghênh, thì một hội-nghị quốc-tế thành lập tại Boulogne-sur-Mer. Từ đó mỗi năm lại một lần hội-nghị:

Genève (Thụy-sỹ) 1906,
Cambridge (Hoa-kỳ) 1907,
Dresde (Đức) 1908,
Barcelone (I-pha-nho) 1909,
Washington (Hoa-kỳ) 1910,
Anvers (Bỉ) 1911,
Cracovie (Phổ) 1912,

cho đến năm nay, *hội-nghị lần thứ 24* (XXIVe *Congrès international*) *sẽ họp tại Paris từ 30 Juillet đến 6 Août 1932*. Hiện bây giờ trên thế-giới có tới 5000 hội tuyên-truyền, sách vở có tới hàng nghìn, mà báo-chí có tới hàng trăm.

Không những thế, trong chương-trình các trường công ở Y-pha-nho, Maryland (Hoa-kỳ), Principauté de Samos, đã thấy cho học Esperanto. Bên Pháp thì các trường trung-học to như ở Lyon, Marseille, Turin, Lycée Louis le Grand, Lycée Henri IV, trường Turgot, đều có dạy cả. Esperanto lại bắt buộc học trong các trường thương-mại, điện-thoại và vô-tuyên-điện, và phòng thương-mại Paris cũng đã dùng mấy năm nay.

III. — *Giá-trị tiếng Esperanto.* — Muốn biết chân giá-trị tiếng Esperanto, muốn biết ảnh-hưởng tốt của Esperanto cho cuộc hòa-bình thế-giới, xin trích dịch một đoạn sau này của ông Bernard Lavergne, giáo-sư luật-khoa tại trường Đại-học thành Lille, đăng trong báo Année politique, xuất-bản tại Paris tháng Août. Bài đó,

cũng có đăng trong tạp-chí Movado (Le Mouvement cuộc vận-động) là cơ-quan của hội tuyên truyền tiếng Quốc-tế Pháp (Soc eto franca par Propagando de Esperanto), kỳ tháng Novembre 1931 «.... Nền văn-minh Âu-châu, tuy vậy vẫn đứng vững trong thời-kỳ khủng-hoảng năm 1914. Song đến thời-kỳ khủng-hoảng mới này, ghê gớm bằng mấy trước, thế cũng khó lòng giữ được cho khỏi lung lay.

«Chiến-tranh hay hòa-bình.» Các dân-tộc, đáng lẽ rình nhau từng miếng mà cướp bóc lẫn nhau, ta nên để tâm giải-quyết một cách nhất-định, cái vấn-đề hệ-trọng đó, nó còn vẩn-vương trong óc ta và sẽ làm quẩn-trí cả bọn con cháu ta sau này nữa.

Ngày nay, không lúc nào ta nên quên rằng, nếu một trận binh-đao nữa nổi lên thì cái nguyên-nhân độc nhất chỉ là ở sự ngu dốt, sự không hiểu lẫn nhau, không hiểu cảnh thảm-khốc của cuộc nhân loại tương tàn, mà vì đó, dân tộc nọ coi dân-tộc kia như kẻ thù-địch.

Nhưng nếu xét kỹ, ta có thể cắt nghĩa một cách dễ-dàng vì đâu các dân-tộc lại không hiểu nhau như thế: cớ thứ nhất chỉ là hiện nay người trên thế-giới không có một thứ tiếng chung để làm giây liên-lạc.

Ngôn-ngữ bất đồng là cái nguyên-nhân rất hệ-trọng của sự không hiểu lẫn nhau, là cái trở-lực rất mạnh mà tôi phải hăng-hái và kiên-tâm sóa bỏ đi, trước khi được cùng nhau trao đổi ý-kiến bằng cách mới. Nhưng ý-tưởng thường đi đôi với tiếng nói, như vậy không thể một chốc mà đạt tới mục-đích. Sự khó-khăn đó, tuy là không tránh được, song nếu ta dùng các quốc-ngữ nó lại khó gấp trăm lần, vì các quốc-ngữ, dẫu cho sống nghìn vạn năm đi nữa, vẫn có nhiều quy-tắc, nhiều nghĩa riêng bất-định và rắc rối.

Từ xưa đến nay, trong các trường học ở Âu-châu, bao nhiêu người đem tâm-trí ra nghĩ cách để dạy học-trò một vài tiếng ngoại-quốc, song vẫn thất-bại khốn nạn; họa chăng có ít người thông-minh, khi đã học xong trương-trình trung-học rồi, lại theo đuổi nhiều năm nữa, chuyên về ngôn-ngữ khoa là có thể học được. Cái trở-lực của ngôn-ngữ bất-đồng càng đối với người giữ địa-vị cao trong nước, lại càng rõ-rệt hơn.

Thế mà chính-phủ các nước Âu-châu lại hững-hờ không thiết gì để tâm tới một thứ tiếng vừa hoàn-toàn, vừa dễ học như tiếng Esperanto, như vậy thực là đáng cho ta phàn-nàn lắm. Ta nên công-nhận rằng thứ tiếng của Bác-sỹ Zamenhof đặt ra ấy thực là thần-tình, vì Bác-sỹ đã cố mà bớt những chỗ khó khăn, và làm cho tiếng được du-dương.

Tiếng Esperanto, vì trong mẹo không có những luật-định oái-oăm, nên dẫu muốn học cho đến cùng cũng mất rất ít công, có lẽ dễ hơn đến 5, 6 trăm lần sự học một thứ tiếng thường như tiếng Anh hoặc tiếng Đức.

Một người thông-minh, chỉ trong 15 ngày là có thể đọc được, và chỉ hai, ba tháng cũng gần nói được đúng Espéranto.

Thứ tiếng phụ đó, ta nên dùng nó mà dịch những bộ sách hay, ta nên học thêm lấy nó, vì nó vừa dễ, vừa chóng hiểu, và vừa tiện dụng cho những người không biết một thứ tiếng ngoại-quốc nào.

Nếu tiếng Espéranto mà được các chính-phủ công-nhận cho vào chương-trình các trường tiểu-học hoặc trung-học thì các học-sinh, sau khi bước chân ra ngoài đã có một lối tiện-lợi để giao-thiệp với người các nước. Không phải rằng trong các nước, có mấy nghìn người thông-hiểu ngôn-ngữ ngoại-quốc thế là đủ mà giao-thiệp với ngoài rồi đâu.

Nếu ngày nay nước Pháp, nước Đức, nước Anh v. v... có hàng ức, hàng triệu người tất cả các giai-cấp biết nói Esperanto, thì những tin đồn nhảm, những điều thị-phi sẽ không có nữa, mà những việc chính-trị xẽ giải-quyết rất dễ.

Ở thời-đại trung-cổ, ở Âu-châu chỉ có tiếng la-tinh là thông dụng trong việc học, ngày nay ta thấy nẩy nở ra biết bao thứ tiếng nữa, (nhất là từ 1918, ở Irlande (Anh) thì đặt ra tiếng gaëlique, ở Norvège tiếng landsmaal, ở mạn nam Âu-châu thì tiếng lette và este v.v...) mỗi thứ tiếng riêng tức là một bức tường chia thế-giới ra vậy.

Ta nên nhận và tin rằng vì tiếng Esperanto rất dản-dị nên có giá-trị hơn tiếng Latin nhiều, là không những người thông-thái mới có thể học được, mà đến người bình-thường, ai ai cũng có thể hiểu và nói thứ tiếng ấy.

Vậy ta kết-luận rằng: trong các cách giữ hòa-bình thế-giới, thứ tiếng của Zamenhof thực là một cách vô-giá vậy.

Chính Bác-sỹ, chỉ vì lòng yêu nhân-loại, mà xuốt đời tận-tụy cho tiếng quốc-tế, xem mấy câu sau này ở bài thơ Espéro (mối hy-vọng) của Bác-sĩ đặt ra sẽ hiểu:

« Sur neütrala, lingva fundamento,
« Komprenante unu la alian,
« La popoloj faros en konsento,
« Unu grandan rondon familian.»

Trên nền tảng của một thứ tiếng trung-lập,
Người nọ hiểu lẫn người kia,
Các dân-tộc sẽ cùng nhau làm thành...
Một vòng tròn to, như một gia-đình vậy.

Sau sẽ có bài nói về cớ vì sao Bác-sỹ lại không khuyên người ta lấy một thứ tiếng đương thịnh-hành nhất như tiếng Anh, tiếng Pháp, mà lại cầu-kỳ đặt ra thứ mới, và bắt phải học lại cho lâu, và sẽ nói qua sự dễ của Esperanto, cách hợp chữ, cách đặt câu, cách nói, có quy-củ nhất-định thế nào. N. M.

Ông Hitler phải một bữa ngần người.

Hôm ấy ở một tỉnh-thành bên Đức có kỳ đại-hội của đảng Quốc-gia Xã-hội, nhà lãnh-tụ Hitler sẽ thân-hành đến diễn-thuyết để làm chophấn-phát tấm lòng sốt-sắng của các đảng-viên. Chuyến tầu ông Hitler đến ga đúng vào 10 giờ, thì từ tám giờ sáng, hàng vạn đảng-viên Quốc-gia Xã-hội ở xuốt thành-thị thôn-quê đã xúm nhau ngoài sân ga, để dự-bị nghinh-tiếp.

Vì một việc riêng, ông Hitler đã đi lên chuyến tầu 9 giờ đến, nhưng cố ý dấu kín không cho ai biết. Ra đến sân ga, ông gọi một cái xe thuê đi chơi xung quanh thành-phố. Bác-tài trước còn ngần-ngại, sau đành mời ông lên, nhưng nói trước rằng:

— Tôi xin nói trước với ngài rằng tôi chỉ có thể hầu ngài được đến 10 giờ kém 15 phút thôi.

— Sao vậy?

— Vì hôm nay là một ngày đại-hội của đảng chúng tôi. Ông lãnh-tụ đảng chúng tôi là ông Hitler, có lẽ ngài cũng biết đấy, sẽ thân-hành đến diễn-thuyết. Đúng 10 giờ tầu sẽ đến ga. Vậy ngài hẳn cũng lượng cho rằng chúng tôi không thể bỏ qua cái dịp thiên-tải nhất-thì này, để hoan-hô khánh chúc một đứng lãnh-tụ mà tôi thường sùng-bái trong khi mộng-mị.

Ông Hitler gật đầu, rồi lên xe đi, khi đi xem gần khắp tỉnh, thì kim đồng-hồ chỉ 9 giờ 40 phút. Bác Tài-xế dục-dịch quay xe về ga. Ông Hitler nói:

— Tôi còn muốn xem qua viện Bảo-tàng ở tỉnh này, vậy giá bác cố dốn cho tôi qua đấy một lượt thì hay lắm.

— Xin lỗi ngài, tôi đã thưa trước với ngài rằng tôi chỉ có thể hầu ngài đến 9 giờ 45 phút thôi. Tầu sắp đến ga rồi, ngài có trả tôi gấp hai ba lần tiền nữa, tôi cũng phải về.

Nói thế rồi bác Tài cứ đánh thẳng xe về ga.

Khi ở trên xe xuống, ông Hitler nghĩ đến lòng trung-thành của bác Tài kia mà không thể ngăn được tấm lòng cảm-động. Ông liền móc túi trả tiền xe, lại kèm thêm một cái giấy bạc 6 mã-khắc (15f) để làm món thưởng ngoài.

Đương lúc kinh-tế khủng-hoảng này, món tiền 6 mã-khắc đối với bác Tài-xế không phải là nhỏ. Tay cầm món tiền, bác Tài miệng nói cám ơn, mặt ra chiều ngẫm-nghĩ, rồi nói phắt rằng:

— Ngài còn muốn xem viện Bảo-tàng phải không? Thì xin mời ngài lên đây. Ta thây kệ anh Hitler cùng đảng Quốc-gia Xã-hội!..

Ngày hôm ấy, ông Lãnh-tụ đảng Q. G. X. H. diễn-thuyết xem ra kém vẻ hùng-hồn.

M. ALBERT LEBRUN
Tổng-thống mới nước Pháp (Cl. A. N.)

Một tin lạ trong nghị-viện Pháp

Ba ông nghị-viên cộng-sản Cachin, Marly và Duclos, trong khi còn ở Thứ-dân nghị-viên đã bị nhiều lần kết án vào tội cấm-giam, nhưng các ông vẫn được ung-dung tại ngoại, là vì các ông được hưởng cái quyền bất-khả sâm-phạm của các ông nghị-viên tại khóa. Rủi cho các ông trong cuộc tổng-tuyển cử vừa rồi, các người cử-tri đã cho các ông là không làm hết bổn-phận, nên không tỏ lòng tin-nhiệm các ông nữa. Vậy ngày 31 Mai hôm qua đây là ngày nghị-viên cũ mãn khóa, có lẽ các ông đã sửa-soạn khăn gói vô nhà đá... vì các ông lại trở lại là người thường-dân.

Đồng thời, một ông nghị cộng-sản mới trúng-cử lại hiện đương bị phạt giam, thì chắc có lẽ ngày hôm nay là 1er Juin, ông đã được từ nhà đá rước ra, chút bộ áo số mà súng-sính cắp cập chống ba-toong thủng-thỉnh bước lên đàn quốc-hội. Ở các nước văn-minh, thật lắm chuyện không ngờ!

Tình nghĩa vợ chồng bên phương Tây

Ngày 25 Mars, M. H. Bonnaud, 55 tuổi, làm nghề đại-lý thương-mại, vì bệnh đau phổi, chết ở nhà số 77, phố des Plantes, thành Ba-lê. Ngay chiều hôm ấy, bà vợ già cũng tự-tử bằng hơi đất thắp đèn, để theo bạn xuống suối-vàng.

Tấn thảm-kịch này, mãi đến ngày 7 Avril, người ta mới biết. Những hàng xóm láng giềng, vì lâu không trông thấy hai ông bà Bonnaud, sinh mối nghi ngờ, liền đi trình sở cảnh-sát. Họ nhớ ra rằng chiều hôm 25 mars vào khoảng 4 giờ thấy người ta đưa ông Bonnaud về nhà, trông ra vẻ đau nặng Lại cũng chiều hôm ấy, ông thày thuốc mời đến chữa, khi ra về, có nói quyết rằng tính-mạnh ông Bonnaud chỉ còn được một hai giờ thôi

Từ đấy, thấy im bằng đi.

Mãi đến 11 giờ hôm 7 Avril, theo tin báo của các người hàng xóm, lính cảnh-sát mới đến phá cửa vào. Cửa vừa mở ra, thì hơi đất sông lên, không ai dám bước chân vào trong nhà nữa. Liền phải gọi lính cứu-hỏa đưa vòi rồng đến để bơm hết hơi độc ra.

Vào đến trong phòng, thấy hai cái xác nằm sóng-sượt, ông chồng ở trên dường, bà vợ ở dưới đất. Trông qua cũng biết sự chết đã xảy ra từ mươi mười lăm hôm rồi.

Ở trên bàn, rành-rành bức thơ của bà Bonnaud tự nói chồng bà đã thác, riêng bà không thể sống gượng lại ở đời và dặn dò người họ là ông Simon. đem hai vợ chồng cùng chôn ở một miếng đất.

Đấy, ai dám bảo rằng tình-nghĩa vợ chồng ở phương Tây không mặn-mà đằm-thắm bằng ở phương Đông!

PHÁP-LUẬT DẪN GIẢI

Trong cac việc thưa kiện hình-án, quan-lại sở dĩ lòe-dối được là bởi dân-sự không thông-hiểu pháp-luật. Mỗi khi phải đến cửa công, nếu người dân hơi hiểu-biết luật-lệ, thì tất tự biết sự được kiện hay thua kiện, là cốt ở mình có lý hay đuối lý, trắng án thoát tội hay phải án, là cốt ở mình có tội hay vô tội, dẫu đem mồm mép Tô Trương và phỉnh-phót hay dọa-nạt, cũng chưa dễ đã làm được cho họ siêu lòng. Làm cho người dân hiểu lý vững lòng trước mặt ông quan, tức là một phương-pháp rất thần-hiệu để bài trừ cái nạn hối-lộ. Cũng vì nhẽ ấy, cho nên ở các nước văn-minh; ngoài sự ban-bố pháp-luật rất rõ-ràng kỹ-lưỡng, để cho dân-sự dễ hiểu phép, biết phép, còn đặt ra các nghạch luật-sư, (avocat) trạng-sư (avoué), để mách-bảo cho người có việc những chỗ nghi-ngờ. Ở xứ Bắc-kỳ ta, hiện nay việc tư-pháp đã hoàn-toàn cải-lương, hai bộ hình-luật và dân-luật, do ở sự triết trung hai nền pháp luật Pháp Nam thảo-soạn ra, hiện đã thi-hành ở xuốt toàn-hạt. Như vậy thiết tưởng từ nay dân ta đối với pháp-luật, có thể biết rõ điều gì nên làm, điều gì nên tránh, không còn làm cái đồ chơi ở trong tay những kẻ «nhờn phép múa văn». Nhưng khốn nỗi, biết đọc luật là một việc khó, hiểu được luật lại là một việc rất khó; không hiểu luật là một điều nguy, hiểu luật không đến nơi đến chốn lại là một điều nguy hơn. *Huống chi trong sách luật, lại sẵn có nhiều những danh-từ chuyên-môn, nhiều đoạn lạc khuất-khúc, nếu không giải-thích tường-tận phân-minh, thì trừ phi những người có theo đòi qua về khoa Luật-học, tưởng khó lòng hiểu cho rõ-ràng được.*

Vì muốn giúp những kẻ chức-dịch, những người có việc cần đến cửa công, cái chỗ khó-khăn ấy. Bản-chí từ nay sẽ để riêng một phần công-phu về mục này. Sau mấy lời nói sơ-lược về những điều cần-thiết trong khoa luật-học, chúng tôi sẽ đem bộ Dân-luật và Hình-luật ra lần-lượt giải-thích và biện-luận từng điều từng khoản một cách rất phân-bạch tường-tận, để mong hiến các vị độc-giả ở thôn-quê, một món tiêu-khiển có ích trong lúc cần dùng.

Nguyên-nhân của pháp-luật

Cái quan-niệm về pháp-luật phát sinh ra từ lúc người ta bắt đầu cùng nhau tổ-chức nên xã-hội. Một người trơ-trọi ở một mình ở chốn hoang đảo, không biết gì là pháp-luật, cũng không cần gì đến pháp-luật, bởi vì quyền tự-do của người ấy được phép hoàn-toàn thi-thố, không có gì ngan-cản mà cũng không can ngại gì đến ai. Nhưng đến lúc có người thứ hai nữa đến ở bên, tất-nhiên hai cái quyền phải gặp nhau, mà nếu hai người cùng không chịu hạn-chế cái quyền tự-do của mình, thì làm sao cũng phải sinh ra các cuộc sung-đột. Hai người còn thế, huống chi là hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn, hàng triệu người cùng chen vai thích-cánh với nhau ở trong xã-hội, nếu không có phương-pháp gì bắt buộc người người phải tự hạn-chế quyền tự-do của mình, phải biết kính trọng quyền tự-do của người bên cạnh thì cái vẻ sinh-hoạt của xã-hội, giữ sao cho được yên-toàn. Nguyên-nhân của pháp-luật, tức là ở sự bầy đặt ra các phương-pháp để điều-hòa và phân-biệt giới-hạn cho những quyền tự-do đó. Cứ cái mục-đích này, thì cái công-dụng của pháp-luật hình như cũng chẳng khác gì công-dụng của luân-lý. Luân-lý cũng như pháp-luật, cũng cốt bắt người ta vì xã-hội mà hy-sinh một phần cái quyền tự-do của mình. Song cái chỗ khác nhau là luân-lý nhiều khi can-thiệp đến cả ý-trí, cả tư-tưởng, pháp-luật chỉ trông ở các công-việc thực-hành mà thôi; luân-lý còn dạy người ta những điều nên làm, muốn cho người ta trở nên một người hiền, pháp-luật chỉ cấm những điều không nên làm, cốt ngăn người ta không được làm một người ác; người nào không theo pháp-luật thì bị trừng-phạt, còn những mạnh-lạnh của luân-lý ai theo cũng được, không theo cũng được, cái cách thưởng phạt chỉ riêng gửi ở trong tay lương-tâm của cá-nhân; vả hết thảy các việc làm của người ta, có tóm vào ba hạng, là đối với mình, đối với người, đối với Thượng-đế. Trong ba hạng ấy, pháp-luật chỉ chất-vấn đến các việc làm có can-thiệp đến người đồng-bào đồng-loại mà thôi, còn hết các công-việc hành-vi kia là ở vào trong phạm-vi của luân-lý.

Phân-loại của Pháp-luật

Những việc làm của một cá-nhân không những chỉ can-thiệp đến một cá-nhân khác mà thôi. Nhiều khi còn can-hệ đến cả đoàn-thể đến xã-hội nữa. Trên trường giao-tế của cá-nhân lại có các công-việc có một tính-cách riêng, như các sự giao-dịch về thương-mại của các người làm nghệ thương-mại. Vả một người cần phải giao-tế với một người, thì một nước cũng cần phải có khi giao-tế với một nước; người dân nước nọ, có khi cần phải giao-tế người dân nước kia. Bởi vậy, pháp-luật trước hết phải chia ra hai món là nội-pháp-luật hay quốc-gia pháp-luật (droits nationaux) và ngoại-pháp-luật hay quốc-tế pháp-luật (droits internationaux).

Quốc-gia pháp-luật lại chia ra:
Hộ-luật hay dân-luật (droit civil)
Thương-luật (droit commercial)
Hình-luật (droit pénal)
Cai-trị luật (droit administratif)
Hiến-pháp-luật (droit constitutionnel)
Dân-sự tố-tụng-luật (procédure civile)
Hình-sự tố-cáo luật (instruction criminelle)
Lao-động luật (legislation du travail)

Quốc-tế pháp-luật lại chia ra:
Quốc-tế công pháp (droit international public)
Quốc-tế tư pháp (droit international privé)

(Còn nữa)

Ngô-thúc-Địch

PHỤC-LINH

Phục-linh 茯苓 Pachyma cocos (Lycoperdon) là một vị thuốc đầu vị trong các vị thuốc Bắc. Phần nhiều bài thuốc là có nó cả. Mỗi năm ở Đông-pháp ta tiêu-thụ có gần 5000 tạ ta, mỗi tạ cứ giá trung bình 100p.00 thành mỗi năm chi đến gần 500000p.00 (năm mươi vạn bạc). Ấy nguyên một năm thứ Phục-linh đã tiêu hết từng ấy vạn. Còn các thứ khác thì biết bao!

Trong bản-thảo Tàu nói rằng: «Phục-linh là tinh hoa của cây Thông (Tùng) ngưng-kết lại được nghìn năm thành Hồ-phách, trăm năm thành Phục-linh».

Sa-sâm, Quy, Hoài, cũng là mấy thứ thuốc đầu vị, mỗi năm một mùa, hễ năm nào vị nào mất mùa thì khan, giá bán rất cao. Thế thì lẽ nào Phục-linh cứ một hạn một trăm năm mới có, mà thấy năm nào cũng có, có nhiều chứ nào có ít, vậy thì họ lấy ở đâu ra. Cho Phục-linh có hàng rừng nữa, cứ lấy luôn trong 10 năm cũng hết.

Chúng tôi vẫn tính vẫn lấy làm lạ, càng lấy làm lạ, càng sinh mối hoài-nghi.

Vì hoài-nghi mà đã tra-xét thấy mấy lẽ sau này:

1.— Báo Thực-nghiệp vừa rồi mới đăng:

«Tại Thượng-thành thuộc tỉnh Hà-nam bên Tàu, có nghề giồng Phục-linh, cách họ giồng thế này: vào rừng đẵn cây Thông (Tùng) đem về chặt thành từng cái trụ ngắn, lấy Phục-linh thái mỏng niêm vào đầu trụ, gọi là dân tử (gây giống), rồi chôn xuống đất, được một năm đào lên là thành Phục-linh, cái trụ kia lại dùng làm củi.»

Đó là Phục-linh thật, lại còn Phục-linh giả nữa, phần nhiều thầy thuốc và lái buôn thuốc bắc của ta, vẫn không biết có thứ Phục-linh giả, có ai bảo họ rằng giả, họ còn cãi bướng. (!) Chính sách thuốc Tàu nói có Phục-linh giả.

Phục-linh giả làm bằng bột gạo nắm lại, thui qua ngoài cho đen, sách Tàu chỉ nói vậy thôi, thật thì có vỏ, giả thì không có vỏ.

2.— Có người làng cụ Đặng ở Vinh, đi làm coolie cho một sở mỏ ở Thái-nguyên về kể chuyện sau này: «Tôi làm ở mỏ cực quá, không thể kham nổi, phải trốn về; đi qua Sơn-tây, trở về mạn rừng Thanh-hóa, thì gặp tụi khách chú đi kiếm thuốc, chúng họ dùng để đi mang vác cho họ, bắt mang những giây củ Phục-linh, một giây có hai ba củ, đem về Bái-thượng rồi họ đưa xuống thuyền». Người này quả quyết là linh có từng giây.

3.— Trong sách Bản-thảo cương-mục thì nói rằng: «Thượng-hữu Thổ-ty, hạ hữu Bạch-linh» lại có câu nữa: «Thượng-hữu linh-miêu, hạ-hữu Phục-linh».

Trong sach Hóa-học tân bản-thảo thì cho Phục-linh có thảo đầu thời thuộc về nhân loại, tức là loại nấm (Lycoperdon).

4.— Đem nhiều củ Phục-linh ra xét thì thấy nhiều củ cũng có đầu cuống, như cuống củ nâu vậy.

Cứ các lẽ trên này mà xét, biết rằng các rễ cây Thông ở nơi cao ráo, thì không thành linh, rễ nào ở vào chỗ ẩm-thấp, thì sinh nấm, sinh nấm trên tất sinh Phục-linh ở dưới.

Xét biết được thế, thì nay ta cũng có thể thí-nghiệm cách gây lấy Phục-linh.

Vậy muốn gây lấy Phục-linh thì ta lại phải theo cách gây lấy cây nấm.

Muốn gây nấm ở rễ Thông, thì ta đi tìm các rễ Thông nào ăn ra chỗ đất thấp, gần nước, bới đất chỗ rễ ấy, rồi lấy rơm ủ lại, ngày ngày tưới nước, rơm lâu ngày ủi nát, tất sinh nấm, nấm sẽ mọc bám vào rễ Thông, sẽ hút lấy tinh khí của Thông mà kết-tụ lại ở gốc, thành ra Phục-linh.

Cách này xem ra may còn có lý hơn là cách nói ở báo Thực-nghiệp.

Cách ấy xem ra khó hiểu, bảo Phục-linh sẽ sinh ra ở đầu trụ, một năm thì khó có, mà hình thù sao lại có được củ to củ nhỏ hình dài hình tròn.

Phục-linh có thứ giả, nhưng nói: «Thật thì có vỏ, giả không có vỏ,» thời cũng chưa đúng, xin nói thêm: thật cũng có vỏ, mà giả cũng có vỏ Nhưng vỏ có khác nhau, vì họ làm giả như thế này mới có vỏ: họ lấy bột gạo nắm lại, ngoài bồi mấy lớp giấy bản, thui qua cho đen, rồi vùi nhét vào rễ cây Thông (Tùng) nửa năm hay một năm, họ lấy lên đem bán, trông qua khó biết được. Muốn phân biệt cho rõ, thì nên bổ củ linh ra, xem thứ ruột linh nào trắng, rắn, có thớ là thật thứ nào bở, mục là giả. Muốn có của tốt phải đắt tiền, ta đừng tham rẻ mà bị lừa.

Cách gây Phục-linh thiết nghĩ như thế, cách thử linh tốt xấu là như thế, xin các ngài thí-nghiệm xem sao, nên lập cách gây lấy Phục-linh mà thực-hành được, thì mỗi năm ta đỡ tốn non 5 mươi vạn bạc, chả may lắm sao.

Chúng tôi rồi đây sẽ ra Hoàng-mai có rừng Thông, cũng sẽ thí-nghiệm xem sao.

Thật là một việc có ích vô-cùng!

Phó-đức-Thành

Vinh

Máy « cọ răng »

Trước đã nói qua về máy trừ « ngáy », nay xin nói đến cái máy « cọ răng » mới chế ra ở nước Anh.

Máy này nhờ sức nước chảy mà chạy. Lấy một cái ống cao-xu một đầu cho thông vào hộp máy một đầu cắm vào vòi vặn nước (robinet), mở cho nước chảy xiết, sức nước đẩy cái guồng trong hộp, guồng quay, chuyền ra bánh xe mà đưa cái bàn chải hình cong ở ngoài chạy đi, chạy lại như con thoi cửi, thế là cứ việc nhe hàm răng đưa vào cái bàn chải ấy, nó quét cho vài lượt là trắng bóng.

Dùng máy này không những tiện, lại còn vui mắt nữa. Tiếc thay bên Đại-cổ-Việt ta chưa thấy có. Giá ai xin làm đại-lý bán chắc đắt hơn tôm tươi, vì nó sẽ giúp cho những bàn tay ngọc-ngà của các cô « tân-thời » mỗi buổi sáng khỏi phải một phen mỏi rời, các cô đỡ được một phần cất nhắc.

ĐẢNG XÃ-HỘI TRONG HẠ-NGHỊ-VIỆN PHÁP

Sau cuộc Tổng-tuyển-cử, người ta thấy rõ xu-hướng quốc-dân Pháp thiên hẳn về bên tả (*Xã hội và Cộng-sản*). Đảng Xã-hội cứ mỗi lần bảo-cử là một lần thêm mạnh, nhưng không bao giờ thắng-lợi lạ-lùng như bây giờ. Trong nghị-viện, không một đảng nào có được 80 ghế, mà riêng đảng Xã-hội Lao-động chiếm được 129 ghế, đảng Xã-hội Cấp-tiến chiếm 156 ghế, nhà lãnh-tụ Herriot nghiễm-nhiên thành tay « vô địch » trong nghị-trường.

Người ta nói : « Nếu đảng Xã-hội hành-động theo đúng chương-trình vẫn hoài-bão bấy lâu, lòng nhân-đạo của nước Pháp mới thật là hiển-hiện. »

Vậy thiết-tưởng cũng nên nói qua đến tôn-chỉ và chương-trình của các đảng ấy. Kỳ này hãy xin nói về đảng *Xã-hội Lao-động* (*Le Parti Socialiste S. F. I. O.*) trước, vì đảng ấy có tính-cách xã-hội nhiều hơn.

Đảng Xã-hội Lao-động thành lập ra sao?

Trước khi anh em lao-động họp nhau thành đảng-phái, tư-tưởng xã-hội đã thấy vẩn-vơ trong trí người ta đến một thế-kỷ nay. Ở nước Pháp, những ông St Simon, B. Enfantin, Proud'hon, P. Leroux đều là người đã có óc xã-hội.

Phái Xã-hội cách-mệnh ở nước Pháp bắt đầu nổi tiếng là nhờ có ông Gracchus Babeuf, người bị xử trảm năm 1797 vì đã dự vào Binh-đẳng bí-mật hội và ông Auguste Blanqui biệt-hiệu là «l'Enfermé», đã kiên-tâm ngồi 40 năm trong ngục tối, trải ba triều-đại : vương-chế, đế-chế và dân-quốc.

Đệ-nhất quốc-tế do Karl Marx tổ-chức họp ở Luân-đôn ngày 28 Septembre 1864, kéo dài mãi đến năm 1873. Vì mấy lần nội-loạn: môn-đồ ông Proud'hon với môn-đồ ông Karl Marx tranh-dành nhau trước, cánh xã-hội theo phương-pháp khoa-học của ông Karl Marx với cánh vô-chính-phủ của ông Bakounine kèn cựa nhau sau, mà đệ-nhất quốc-tế thành ra chia rẽ.

Sau ngày hội-nghị La Haye (1872) Quốc-tế phân làm hai cánh : Cánh thứ nhất theo chủ-nghĩa Bakounine thịnh-hành ở Thụy-sĩ, Ý đại-lợi, Tây-ban-Nha và miền Nam nước Pháp, cánh thứ hai theo chủ-nghĩa Karl Marx bành-chướng ở khắp Đức, Anh và Hoa-kỳ.

Khoảng năm 1877 và 1878, Quốc-tế lìa-tan hẳn.

Nhưng chủ-nghĩa Xã-hội lại tái-sinh ở nước Pháp, nhân dịp phái-bộ thợ-thuyền đi dự đấu-xảo quốc-tế năm 1873 ở Vienne và năm 1876 ở Philadelphie.

Ngày 2 Octobre 1876, ở Ba-lê, thợ-thuyền nhóm hội lần thứ nhất. Năm sau, hội-đồng lần thứ hai sắp nhóm ở Lyon thì bị Chính-phủ cấm. Đến kỳ hội-đồng quốc-gia lần thứ ba họp ở Marseille ngày 20 Octobre 1879, anh em thợ-thuyền bèn thảo hiến-pháp lập thành đảng gọi tên là đảng *Lao-động xã-hội nước Pháp* (*Parti des travailleurs socialistes de France*). Năm 1880, hội-đồng thứ tư họp ở Havre ngày 19 Nov. công-nhận bản chương-trình của ông Jules Guesde đã cùng hai tay Karl Marx và Engels thảo ra. Trong kỳ Quốc-hội lần thứ năm họp ở Reims ngày 30 Oct. 1881, hội-viên rẽ theo hai xu-hướng : một đằng theo chủ-nghĩa hiệp-tập, cách-mệnh, duy-nhất và tập-trung có ông Jules Guesde, một đằng theo chủ-nghĩa xã-hội, liên-hiệp và cải-lương, có ông Benoît Malon và ông Brousse. Hai ông này tuy không bỏ hẳn chương-trình ở Havre năm trước, nhưng các ông yêu-cầu với liên-hội cho các tiểu-ban xã-hội ở các địa-hạt có quyền tự thảo chương-trình vận-động bảo-cử.

Đảng thợ-thuyền chia rẽ mãi, đến kỳ Hội-đồng ở Ba-lê năm 1905 mới lại tuyên-bố hợp-nhất. Sự hợp-mãi đến trước hồi Đại-chiến mới thực-hiện, nhưng chẳng bao lâu vì một bọn đảng-viên hợp-tác với các Chính-phủ Quốc-phòng mà trong đảng lại có sự khích-bác.

Tuy về vấn-đề chiến-tranh, ý-kiến hội-viên thường có chỗ xung-đột, song đảng vẫn không đến nỗi li-tán. Bỗng đến ngày 24 Déc. 1920, trong kỳ Hội-đồng ở thành Tours, đa số đại-biểu bỏ phiếu tín-nhiệm Đệ-tam Quốc-tế ở Moscou, còn thiểu-số khăng-khăng giữ chương-trình Đệ-nhị Quốc-tế năm 1900. Từ đó Đảng chia rẽ hẳn : bọn đa-số đổi tên là *Quốc-tế Cộng-sản Pháp-quốc phân-bộ* (*Section Française de l'Internationale Communiste*), còn bọn thiểu-số giữ tên cũ : *Đảng Xã-hội — Quốc-tế Lao-động Pháp quốc phân-bộ* (*Parti Socialiste – Section Française de l'Internationale Ouvrière*), tức là đảng *Xã-hội Lao-động vậy*.

Chủ-nghĩa đảng Xã-hội Lao-động

Đảng Xã-hội Lao-động giữ nguyên chủ-nghĩa của Jaurès, Guesde và Vaillant ngày trước, lấy bản quyết-nghị của Hội-đồng Amsterdam năm 1904, tờ ước hợp-nhất năm 1905, với tờ quyết-nghị của Hội-đồng Toulouse năm 1908 làm cốt-yếu. Chủ-nghĩa này có nhiều chỗ phản-đối với Đệ-tam Quốc-tế đại-khái như :

1°) Người đảng Xã-hội Pháp không chịu đặt dưới quyền Quốc-tế Moscou, vì Quốc-tế yêu-cầu nhiều-điều xét ra không thể nhận được (nhất là việc trục-xuất mấy tay lãnh-tụ mà những người thủ-tĩnh Quốc-tế tỏ-ý không ưa) ;

2°) Họ không chịu theo lời yêu-cầu của các tay cộng-sản Nga, mà bỏ việc quốc-phòng trong lúc quốc-gia còn ở dưới chế-độ tư-bản ;

3°) Trái với những người cộng-sản theo chủ-nghĩa Tô-Nga, họ tuyên-ngôn bênh-vực quyền tự-trị của phong-trào nghiệp-đoàn và nhất-thiết đề-kháng sự muốn đặt các nghiệp-đoàn ở dưới quyền một chính-đảng.

Tuy hai đảng Xã-hội và Cộng-sản có chỗ phản-đối quan-trọng ấy mặc dầu, nền tảng chủ-nghĩa của họ vẫn là một. . . . . .

Trong Quốc-hội ngày 13 Février 1921, các tay đại-biểu của đảng xã-hội đều công-nhận đoạn sau này :

«*Chính-sách liên-hiệp tả-đảng, chính-sách tán-trợ Chính-phủ, xưa nay vẫn trái ngược với chủ-nghĩa chúng tôi, mà theo sự kinh-nghiệm chỉ là chính-sách đầu-cơ, không còn một tý hy-vọng gì quyến-dũ được người trong đảng chúng tôi nữa.*

. . . . . .

. . . . . .

Tuy vậy, khác với những đảng-viên cộng-sản, người đảng Xã-hội không lấy sự bạo-động làm phương-pháp cần-thiết cho việc cải-tổ xã-hội. Họ lại chú-trọng vào những việc cải-cách dần dần, và, ngoài những lời tuyên-bố về chủ-nghĩa, họ vẫn có một bản chương-trình có thể thực-hành ngay được. Chương-trình ấy mười phần thích-hợp với thái-độ thông-thường của chủ-nghĩa Xã-hội.

Chủ-nghĩa Xã-hội sở-dĩ phát-sinh là vì sự chế-tạo các máy-móc đã làm cho cái công-phu chế-tạo hóa-vật với cái quyền hưởng-thụ lợi-tức thành ra chênh-lệch nhau. Đây mấy lời vắn-tắt của ông Ferdinand Corcos (1) :

« *Từ ngày chế-tạo ra máy hơi nước và các máy-móc khác, sự làm việc trước kia là cá-nhân đã thành ra công-cộng. Nhưng công-việc thì công-cộng mà cái quyền sở-hữu những khí-cụ làm việc thì vẫn thuộc về cá-nhân, ấy bởi cái hiện-tượng của sự lao-công và cái hiện-tượng của quyền sở-hữu trái-ngược nhau như thế, nên mới phát-sinh ra những cảnh khổ-nạo, những cuộc rối-loạn của xã-hội hiện-thời. Các khí-cụ sản-xuất hóa-vật đều lọt vào tay một số ít người . . . mà . . . người thợ thì vì máy-móc mà mất chỗ làm việc, hết nghề kiếm ăn. . . Họ phải số nhau đến các cửa xưởng ngửa tay xin việc, những . . . . . người chủ . . . mới nhân đấy bắt chẹt, hạ công những người thợ đương làm...*

« *Cơ-khí không những làm giảm công-lương xuống, lại làm giảm giá-trị người thợ nữa. . . Vì người thợ lúc ấy cũng chỉ như một bộ phận trong cái máy đó thôi...*

« *Một cảnh-huống nữa cần phải nhờ chủ-nghĩa xã-hội giải-quyết là: vì người có của không phải làm việc, người làm việc không có của, nên những hóa-vật sản xuất ra không thể nào tiêu-thụ hết. Kinh-tế khó-khăn, các nhà máy đóng cửa, hàng mấy triệu thợ-thuyền thốt-nhiên bị ẩn ra ngoài hè phố, cơm không, áo không, giầy không, mà đương lúc ấy trong các kho hàng, vẫn đầy ứa những thức ăn, những giầy, những áo. Vì cái gì cũng nhiều quá mà thành ra cái gì họ cũng thiếu cả. Cái câu hỏi, « Làm thế nào sản-xuất ra đủ cho mọi người nhu-dụng ? » bây giờ đã nhường chỗ cho câu hỏi : « Làm thế nào tiêu thụ hết ngần ấy hóa-vật ?» Vấn-đề thị-trường vì đấy phát-sinh, ... mà thành ra cần-thiết cho hết thảy các nước, dù nước ấy theo chủ-nghĩa cực-kỳ thủ-cựu hay cực-kỳ duy-tân cũng vậy...*»

Chương-trình của đảng Xã-hội Lao-động.

Chương-trình hành-động của đảng Xã-hội giống với chương-trình đảng Cấp-tiến và Xã-hội cấp-tiến (2) ở mặt nội-trị, mà khác ở chính-sách ngoại-giao.

1°/ *Về Phương-diện chính-trị :* sửa đổi lại hiến-pháp cho hợp chủ-nghĩa cộng-hòa ; bỏ Nguyên-lão nghị-viện (vì Thượng-Nghị-viện phần nhiều có xu-hướng thủ-cựu).

2°/ *Về vấn-đề giáo-dục :* giữ sự giáo-dục đứng ngoài tôn-giáo ; bắt-buộc trẻ-con phải đi học và tha hết các học-phí.

3°/ *Về vấn-đề tài-chính :* phản-đối sự công-thải và sự tăng-gia thuế ngoại-ngạch, thuế thương-chánh và thuế xuất nhập của các nhà buôn.

4°/ *Về vấn-đề nợ bồi-thường :* rút bớt số tiền nợ của chính-phủ Đức ; xóa bỏ những nợ của Đồng-minh vay lẫn nhau ; cho các nước bị tàn-phá (Pháp, Bỉ) được bồi-thường trước ; mở một cuộc công-thải quốc-tế thật to để giúp cho nước Đức tróng giả hết nợ và giúp cho tình-hình kinh-tế toàn-Âu tróng hồi-phục lại ; trong các công-việc chuyên dùng nhân-công và vật-liệu Đức.

5°/ *Về chính-sách quốc-tế :* vẫn giữ chủ-nghĩa liên-hiệp quốc-tế, nghĩa là họp hết cả các đảng các nước thành một cơ-quan công-cộng ; điều-đình về phương-diện tinh-thần cho các nước bỏ lòng thù-hằn ghen-ghét lẫn nhau.

9°/ *Về vấn-đề binh-bị :* rút thời kỳ tại ngũ xuống tám tháng (hiện nay 18 tháng) mà chú-trọng việc dùng lính trừ-bị.

7°/ *Về phương-diện xã-hội :* nhất định bênh-vực điều-luật làm việc «8 giờ» (loi de 8 heures) ; công-nhận quyền tổ-chức nghiệp-đoàn cho cả các quan-lại; tán-dương chế-độ xã-hội bảo-trợ.

8°/ *Về vấn-đề nông-chính :* bênh-vực quyền-lợi những nông-dân, những tiểu-điền-chủ và những tá-điền ; dự-định một bản chương-trình công-tác cốt để làm cho tốt đất ; mở-mang chế-độ nông-phố ngân-hàng. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . Phương-pháp hành-động là ở sự tổ-chức kinh-tế và chính-trị của giai-cấp vô-sản.

« *Theo như mục-đích, tôn-chỉ và phương-pháp hành-động, đảng Xã-hội tuy vẫn theo đuổi sự thực-hành dần dần những điều cải-cách cần-thiết cho giai-cấp lao-động, nhưng không phải là một đảng cải-lương mà là một đảng cách-mệnh chú-trọng vào giai-cấp chiến-tranh.*

« *Trong quốc-hội, những tay đại-*

biểu của đảng lập thành một đoàn-thể duy-nhất khác hẳn các đảng-phái khác. Đảng Xã-hội phải... yêu-cầu...Chính-phủ không cho thi-hành những phương-pháp gì có thể giúp thế-lực cho một phái... kia giữ lấy quyền-hành lâu-dài : Bởi vậy, phải phản-đối những món binh-phí, những món dùng để khuếch-trương thuộc-địa và tất cả các chi-khoản bí-mật. Ở quốc-hội, đảng Xã-hội phải dụng tâm bênh-vực và làm cho khuếch-trương những quyền tự-do của quốc-dân cùng những quyền-lợi của các người lao-động, phải theo đuổi sự thực-hành những điều cải-cách có thể giúp cho sự sinh-hoạt và sức phấn-đấu của giai-cấp lao-động được ngày thêm phấn-chấn.....»

Chủ-nghĩa ấy, chương-trình ấy ngày một thêm mạnh ở một cường-quốc như nước Pháp, ta đủ biết được trình-độ nước ấy đến nhường nào. Nhưng còn một câu hỏi cốt-yếu : *Việc làm với lời nói liệu có khác nhau không ?* »

Cứ xét như thói thường trong chính-trị-giới thì một đảng lúc chưa cầm quyền còn hết sức rải bầy nhiều chủ-nghĩa chương-trình cao xa, xong đến lúc quyền-chính được cầm trong tay tự-nhiên phải ngần-ngại ma liệu bề châm-chước. Nhưng ta hãy nghe ông P. Renaudel diễn-thuyết trong Quốc-hội Marseille: (3)

« ... *Đảng Xã-hội chúng tôi đã tỏ cho mọi người đều biết rằng : chúng tôi không bao-giờ chịu hạ thấp cái tôn-chỉ cao-thượng của đảng là cải-tạo xã-hội, không bao giờ chịu nhượng bộ trước các đảng-phái trưởng-giả dù họ có mang chủ nghĩa cộng-hòa cũng mặc, và cũng không bao giờ chịu châm-chước với cái điều yêu-cầu cốt-yếu nhất là làm cho các khí-cụ sản-xuất và giao-dịch các hóa-vật thành ra của chung của xã-hội...*»

Vậy ta, dân thuộc-địa, cũng như đại-hạn trông mây, ta cũng có thể tạm mừng ở chỗ đảng Xã-hội thắng lợi.

Đinh Huy-Hạo

(1) Trích trong cuốn Catéchisme des partis politiques trang 117

2. — Kỳ sau sẽ nói đến.

3. — Trích trong cuốn Manuel des partis politiques en France của J. Carrère và G. Bourgin.

THỜI ĐÀM

. . . . . .

. . . . . .

Một thằng Ranh-con

TIN-VẮN

Ấn-độ. — Ở Bombay, dân Hồi dân Ấn xung-đột nhau ngày thêm dữ, tính đã đến dư trăm người chết, dư nghìn người bị thương, 40 hãng dệt phải đóng cửa. Việc xung-đột về tôn-giáo ấy sảy ra chính lúc Quốc-gia Hội-nghị khai mạc, thành ra sự hành-động của cánh ông Gandhi bị ngăn-trở nhiều mà Chính-phủ được yên tâm một dạo. Theo lời nói của nhiều tay chính-khách thì Chính-phủ Anh muốn thi-hành ở Ấn-độ một hiến-pháp chính-trị do thế-lực dân Hồi giúp để làm cho phong-trào Quốc-gia mất hiệu-lực đi.

Nhật. — Nội-các mới nước Nhật do Ý-Đằng tổ-chức đã thành-lập, được đảng Chính-hữu và Dân-chính, cùng một phần lớn trong nghị-viện hứa sẽ trợ-lực.

Ý-Đằng (Saito) làm Thủ-tướng kiêm Ngoại-giao, Nam-tước Yoyamoto ở Nội-vụ, Thủy-quân tư-lệnh Okada coi Thủy-quân, Takahassi (Cao-Kiều) giữ Tài-chính, nguyên-soái Hayashi ở Cao-ly được chiệu về để giữ bộ Chiến-tranh.

Aden. — Hôm 10 Mai, tầu Georges Philippar dời bến Colombo đi, lúc đến sế Aden bỗng thấy phát-hỏa rất mau tróng dữ-dội.

Số hành-khách có 767 người, 49 người mất tích, còn cứu được 718 người.

Trong bọn hành-khách ta nên chú-ý nhất đến ông Albert Londres, một nhà phóng-viên nổi tiếng hoàn-cầu vừa ở Mãn-châu về bị thác oan, mà quan Thượng Thái-văn-Toản đi nghênh thánh-giá hồi-loan nhờ hồng-phúc của vua ta được thoát nạn...

Trung-Hoa. — Vì việc Vũ-xung-Hán, một yếu-nhân trong chính-phủ Mãn-châu, bị hành-thích, người ta khám phá ra một đoàn ám-sát ngầm ngầm tổ-chức ngay sau khi chính-phủ Mãn thành-lập. Đoàn ấy lập không đầy tuần-lễ mà đã có hàng vài trăm thiếu-niên dự vào, mục-đích để giết hết những người Hán theo chính-phủ Mãn. Phổ-nghi lấy làm lo sợ lắm, ở kín trong thâm-cung, muốn trốn cũng không được, cả ngay ngày ngất than-khóc với vợ con ..

Tại nghị-viện Pháp

— Hôm 31 Mai, đảng Xã-hội họp Hội-nghị để quyết-định vấn-đề đảng Xã-hội ra cầm quyền-chính. Cứ theo tin-tức mấy hôm trước mà xét thì có lẽ đảng Xã-hội sẽ giúp cho Chính-phủ X. H. C. T. nếu đang này bằng lòng tuân theo một bản chương-trình Xã-hội đại-khái có mấy điều chính : tài giảm binh-bị, cấm-chỉ việc chế tạo khí-giới, đặt lệ mỗi tuần-lễ chỉ làm việc 40 giờ, đặt cuộc bảo-hiểm sự thất-nghiệp cho nông-dân. . .

— Nhưng đảng Xã-hội bấy lâu vẫn đứng riêng trong nghị-viện nên các đảng khác đều không tán-thành, mà đảng Xã-hội cấp-tiến tuy sợ thế-lực đảng Xã-hội thực cũng không muốn cộng-tác với đảng ấy. Ông Herriot có ý muốn kéo cánh với mấy đảng nhỏ trong Trung-ương Tả-đảng thường vẫn giữ thái-độ ôn-hòa, để đích lại với đảng Xã-hội. Nếu thế cai chương-trình hành-động của đảng ông chác cũng không phải thay đổi mấy tý mà chính-phủ Pháp sau đây sẽ là một chính-phủ liên-hiệp cộng-hoà.

Lời ông Phạm-Quỳnh nói với phóng-viên báo Petit Parisien, có đăng trong Pháp-việt Tạp-chí.

...Chính thế, ông Phạm-Quỳnh đã phàn-nàn : ông không theo kịp thời - buổi này! «Họ đã coi tôi là một người già-lão rồi . Những hạng thiếu-niên ấy đều là những ranh con vô giáo-dục. Họ chẳng biết kính ai cả ; họ muốn phá-loại tất cả mọi việc, họ tự-đắc tưởng đã đủ tài-đức để tự-lập».

(Trích Đông-tây số 173)

Từ nay, bản-chí nhất định xuất-bản mỗi tháng 4 kỳ, hai kỳ chính ra ngày 1er và 15, hai kỳ phụ ra ngày 8 và 23. **Giá số báo chính: 0$15, giá số phụ trương : 0$05.** *Giá báo in ngoài bìa kỳ này là nhầm, xin các ngài lượng thứ.*

VĂN-ĐÀN

Một bức thư trả lời người xa

(Tiếp theo Phụ-trương kỳ 42)

Kính ông Đông-Hồ,

Hà-Tiên

Tôi từ khi Annam tạp-chí lại được ra ở hàng Khoai, ngoài nhờ cảm-tình của các bạn độc-giả vẫn có lòng tin yêu, trong nhờ các anh em đồng-sự trông coi các công việc, tự mình chỉ muốn giữ một mục Văn-Đàn, chuyên tâm về thơ ca, lấy đó làm một chỗ để tu, ngày ngày vun sới các hoa, vui cùng các khách thập-phương vậy. Các câu truyện tùng-tạp trong xã-hội lâu nay không muốn biết đến nữa, vì cũng không muốn nói đến nữa, vì nghĩ có nói liêu cũng chẳng có ích gì đến ai. *Việc đời như nước chôi, nó đi như sao, nó cứ đi như thế vậy.* Đã nghĩ vậy mà lại không được hẳn như thế, thời vì cái thân ở vào ngay giữa chỗ ngôn-luận, những sự trái tai ngang mắt ngày ngày đưa đến tận nơi ; mình đối với tờ tạp-chí Annam lại là hơi có chút địa-vị, không nhẽ chỉ ngồi mà làm thơ, mà ngoài ra nhất-thiết không biết. Nghĩ như vạy, cho nên lại nhiều lúc phải cầm bút để viết ; đã cầm bút viết một bài nói trong tập báo, không thể rằng giữ hết mà toàn không nói động đến ai. Trước khi viết mà bất-đắc-dĩ phải có nói động đến ai, thực có riêng vô lượng đê-hồi, tâm-sự ấy khó cùng ai rãi tỏ.

Thôi nhưng, đã là người trong báo-giới, thời phải làm việc trong báo-giới ; trình-độ Báo-giới của nước nhà hiện nay mới đến có như thế, thời phàm là người trong Báo-giới, trình-độ cũng đều mới đến có như thế, cũng không cần phân-biệt ai với ai như sao. Cứ như lời trong nguyên-thư của Tiên-sinh, kể cũng hơi là đa-sự.

*
* *

Trong thư Tiên-sinh có bảo tôi gửi cho bức *ảnh*, tôi xem đến chỗ đó, lại nhớ đến người đời xưa cùng ngồi đối nhau mà có câu : 何必見吾面 (*hà tất kiến ngô diện : cần gì phải trông thấy mặt tôi*). Hai người cùng ngồi đối nhau mà không cần trông thấy mặt ; huống-chi ngoài nghìn rặm, sao Tiên-sinh cần vậy làm chi !

Tôi từ năm 22 tuổi trở về sau tới nay, không có chụp ra cái ảnh nào cả ; cái ảnh đã chụp trong năm 21 tuổi, mà có bài đề ảnh còn lại, thời mờ nát đã lâu. Trong khi tôi ra Tạp-chí ở Bờ-Hồ, có tiếp bức thư của một cô *nữ-học-sinh* ở Huế, người *Quảng-điền, gare Văn-Xá*, có nói truyện muốn tôi gửi cho một bức ảnh, trong khi đó tôi chưa có trả lời. Lại thấy ở lời thư, cô nữ-học-sinh ấy nói chuyện rằng : có người trỏ cho cô ta một bức ảnh ở trong một hiệu buôn ở Nhatrang mà bảo là ảnh tôi. Câu truyện thật buồn cười ! Tôi có từng qua lại Nhatrang nhiều lần, thường ở chơi Mộng-Lương thư-quán là chỗ hiệu bán sách và chụp ảnh ; song mà chưa từng có ảnh để lại đó bao giờ. Vậy thời câu truyện ai nói đó, chẳng qua là một sự khôi-hài ; mà cô nữ-học-sinh trường Huế là ai, có lẽ vẫn bán tin bán nghi từ ấy đến nay vậy.

Tôi nghĩ như một sự chụp ảnh chẳng qua là muốn truyền ra một bức ráng-điệu và tinh-thần. Tinh, thần có truyền được hay không, thời về phần ít; ráng-điệu mà truyền được thời về phần nhiều. Cứ như tôi thì ráng-điệu và tinh-thần trong khoảng 10 năm nay, đã gửi cả ở cái hình vẽ « *người gánh* » in ở sau bìa Annam tạp-chí trong lúc in ra ở hàng Lọng và sau các bìa sách của Tản-Đà thư-cục bấy lâu nay. Vậy nếu Tiên-sinh có lòng yêu nhau, xin cứ mua cho một quyển sách của Tản-Đà thư-cục mới in ra đây, tức là có một tôi ở bên chỗ ngồi ; nếu lại mua cho một quyển nữa, tức là có hai tôi ở bên chỗ ngồi... Trà dư tửu hậu, nguyệt bạch phong thanh, tương đối nhau cũng là đủ ; can chi phải cần một cái ráng-điệu do phong-trần bôn tẩu, ưu-tư trác phạt, mà hôm mai đổi khác, tháng ngày suy hủ mãi ru ?

Trong thư Tiên-sinh lại có nói truyện muốn đưa tôi coi lại *tập thơ* và viết một bài tựa, chỗ đó càng tỏ rằng Tiên-sinh có lòng quá yêu ; song về phần tôi nghĩ thực khó biết đối-phó.

Nếu đã nhận tập thơ của Tiên-sinh gửi đến, không nhẽ cẩu-thả mà coi đi cho qua ; nếu coi cho được tường-tế để bàn cùng Tiên-sinh chữ kém câu hơn, thời không phải dùng ít thì giờ có thể đủ. Nếu nhận mà để đó, thủng-thẳng xem

dần, sợ đối với sự xuất-bản của Tiên-sinh lại chỉ là có lỗi. Như vậy thời sự nhận lời của Tiên-sinh, rất là không tiện cho phần tôi. Nếu từ-tạ mà không nhận, thời việc đời xử-trí như thế dễ lắm, song lấy chi đối đãi với người xa. Vậy thời không nhận lời của Tiên-sinh, cũng là không thỏa cho phần tôi. Cho nên tôi lấy làm một sự khó đối-phó.

Hãy nói như nhận tập thơ để coi lại, để cùng Tiên-sinh đàm-luận riêng, còn tự nghĩ lấy làm khó. Lại như viết bài tựa, tức là có biểu ra với một phần công-chúng, nghĩ lại là khó thay! Nếu nhận lời của Tiên-sinh, thời chỉ là tự đem lấy cái khó vào mình; nếu không nhận lời của Tiên-sinh thời lại là cô-phụ thịnh-tình mà không lấy chi đối đãi với người xa vậy. Nhận không dám nhận, chối không dám chối, vậy thời có trả lời cũng như không trả lời. Tuy vậy mà có trả lời vẫn hơn không, hơn vì không phải vô tâm đối với bức thư gửi lại ấy.

Nay xin Tiên-sinh hãy tạm biết cho là tôi đối với bức thư của Tiên-sinh thật không phải dám là vô-tâm; về phần tôi cũng được yên tâm rằng thực đã có một bức thư trả lời người xa.

Mây nước tuy xa, tháng ngày còn rộng; ngư nhàn lai vãng, trên văn-đàn còn nhiều lúc gặp nhau.

Kính chúc Tiên-sinh an hảo.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

bái phục

THI ĐÀN GIẢNG TẬP

Cùng ông Phạm-văn-Nghị, bài « Vịnh Triệu-Ẩu »

(Coi lại mục văn-đàn của Bản-chí Phụ-trương số 42)

Trong tờ Phụ-trương số 42, An-nam tạp-chí có đăng bài giảng-tập của ông *Phạm-văn-Nghị*, Giáo-học Trà-cổ ở Moncay, giảng về bài thơ « **Vịnh Triệu-Ẩu** » của ông *Dương-bá-Trạc*, hiện chủ-bút Văn-học tạp-chí ở Hà-thành. Ý-kiến kẻ giữ mục Văn-đàn đối với bài giảng-tập ấy có những chỗ đồng dị như sao, xin cũng tường-thuật trong kỳ đây, tức là «có kẻ nói đi, có người nói lại» vậy.

. . .

Trong bài giảng-tập ấy, cùng ông Phạm-văn-Nghị mà tôi có chỗ biểu đồng-tình, là thuộc về ba chữ đầu đề, ông Nghị cho rằng: «nghe không được trang-trọng;» tôi nghĩ cũng thật là *không được trang-trọng*. Ý ông Nghị muốn đổi là «*Triệu Bà-vương*»; tôi thời nghĩ như cái đầu bài này, chỉ đặt ba chữ « *Vịnh bà Triệu* » là phải.

Ngoài ba chữ đầu bài ấy, nói xuống trong bài thơ, ý-kiến tôi cùng ông Nghị thực không khỏi có nhiều chỗ khác nhau, xin cũng giải tỏ như dưới:

Lời tổng-bình của ông Nghị viết ngay ở đầu, đối với bài thơ ấy rằng: « *Bài thơ đó kể là một bài thơ rất hay* ».

Nói riêng về các câu, thời như hai câu **nhất, nhị**, ông phê rằng: «*Câu đầu khởi lên rất là đột-ngột kỳ-khôi mà đắc thể; câu thứ hai chuyển xuống rất khéo, rất xứng-đáng là câu thừa* ». Cứ tôi xem ra thời như hai câu thơ ấy, nếu để cho ai mượn mà *vịnh hai bà Trưng* thời dẫu tuy không lấy gì làm hay, song cũng là hợp nghĩa. Vì «*bà Trưng quê ở châu Phong* », tức là miền *Sơn-tây Vĩnh-yên* nay, thời Thi-gia có muốn dùng những chữ « *khí thiêng Lô Tản* » để vịnh, thực là hợp. Đến như bà *Triệu* là người ở trong núi quận *Cửu-chân*, tức là về miền Thanh-hóa nay, cho nên nay ở miền Thanh-hóa còn có đền thờ bà Triệu (*làng Phú-điền*). Vậy mà ông cử Dương-bá-Trạc dùng hai chữ «*Lô Tản*» để khởi đầu lời vịnh, thật là «*đột-ngột*»! Ông giáo Phạm-văn-Nghị giảng giải, khen là rất hay, lại thật là «*kỳ-khôi*»! Đó là câu thứ nhất. Đến như câu thừa, cần phải ra đến chữ chính trong đầu đề, mới là xứng địa-vị. Cho nên như hai câu thơ đó, vịnh bà Triệu thời rất là không đắt; nếu đem vịnh bà Trưng, cũng chỉ là hợp nghĩa thông lời mà thôi, bảo rằng hay thời có khi chưa thấy cái hay vậy.

Hai câu **tam, tứ** ở trong bài thơ ấy, thực rõ là vịnh bà Triệu, thực xứng là hai câu thích-thực, nghĩa là không thể đem mà vịnh người khác; lời thơ lại cũng vùng-vẫy, thực tả được cái uy-phong thái-độ của một vị Nữ tướng-quân, tưởng như trong lúc còn sinh-thời mà tới lui ở nơi chiến-trận vậy. Như hai câu ấy, thật là hai câu thơ rất hay!

Theo như lời giảng giải của ông Nghị thời ông không ưng câu thứ *ba*, muốn đổi chữ «*vú*» làm chữ «*kiếm*». Ông cho dùng chữ « vú », có hai nhẽ kém: một là không có *sự-thực*; hai là không được *thanh-nhã*. Cứ tôi cho lời giảng-luận đó, có khi quá *nệ* mà gần như là *nát*. Vịnh bà Triệu mà bỏ một chữ «*vú*» thời còn lấy chi cho nên thơ?— Nhà làm thơ với nhà viết luận-thuyết, sự-thể có khác nhau. Thường có những lời nhẽ, ý nghĩa, điển-tích, nhà luận-thuyết không được nói, mà nhà làm thơ được dùng. Như câu Đường-thơ của Tầu:

— « *Hoàng-hà viễn-thượng bạch vân gian* :— Sông Hoàng-hà xa chảy lên tận khoảng mây trắng ». Câu thơ viết như thế thời được, mà là hay, nếu bài luận-thuyết khảo về sông Hoàng-hà mà cũng nói như kia, thời sao có giá-trị. « *Chị Hằng chú Cuội* » là chữ riêng của nhà Thơ vịnh giăng; nếu nhà luận-thuyết muốn nói về Nguyệt-cầu mà lấy đó làm câu đáng tin, thời mới đáng là buồn cười vậy. Đó là nói về phần sự-thực. — Nói về thanh-nhã, thời như cái vú của bà Triệu, phàm người hơi có học trong nước hồ hết đều nghe truyện, coi như một sự-tích thần thánh; hai chữ « *thanh nhã*» tưởng không cần nghĩ đến làm chi.—Phạm Tiên-sinh muốn đổi chữ «*vú*» làm chữ «*kiếm*»: « *Vùng-vẫy non sông ba thước kiếm* ». Tôi e rằng không ra vịnh bà Triệu ở sử ta, mà ra vịnh ông Bái-công ở sử Bắc (1) vậy.

Hai câu *ngũ lục*, toàn-nhiên không có chút giá-trị về sự giảng giải. Câu thơ như thế, chỉ nên kể là một hạng thơ ở *dưới bực tầm-thường*.

---

1. — Vua Cao-tổ nhà Hán (khi trước là Bái-công) tự nói rằng: «提三尺取天下 *đề tam sích, thủ thiên-hạ*.— cầm ba thước, lấy thiên-hạ ». Đó thật là ba thước kiếm.

Hai câu *thất bát*, thật là tầm-thường. Câu bẩy ở trên, nói vào các anh-hùng thất bại, như ông Đặng-Dung nước ta, ông Hạng-Võ nước Tầu, đều được cả. Câu tám, vịnh người anh-hùng mà nói đến ý *nghìn thu*, rất là tầm-thường.

Tóm lại, nguyên bài thơ của ông cử *Dương* chỉ có hai câu *tam, tứ* là hay ; mà có lẽ bắt đầu ông nghĩ được hai câu thơ ấy, rồi ông nhân đó đặt theo trên dưới cho thành bài. Sự đặt theo sau thời ông không dụng công, cho nên thành ra *lỗi* quá đến như thế. — Ông giáo Phạm đem bài thơ đó giảng giải, kể là một bài thơ rất hay, mà có câu hay thời ông không xứng ý ; có lẽ cũng là trong sự giảng giải đó thực ông không dụng công, cho nên kém phần sác-đáng vậy. — Nay tiếc vì hai câu thơ *tam tứ* trong bài ấy, tôi cũng xin nhân đó đặt theo cho đủ bài ; hay dở còn có các bạn trong Thơ-đàn cùng nhau giảng luận.

. . .

Vịnh bà Triệu

My-linh khuất bóng, gái còn ai?
Bà Triệu nhà ta cũng tướng-tài.
Vùng-vẫy non sông ba thước vú;
Sóng-pha tên đạn một đầu voi.
Duyên trần chẳng chút tơ vương mối.
Nợ nước riêng mình gánh nặng vai.
Thua được cũng cho Ngô biết mặt,
Lam-san còn có kẻ tài trai.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

CÙNG ÔNG BẠN ĐỘC-GIẢ QUI - NHƠN

(Nói về mấy dấu tiếng An-nam đối-chiếu sang dấu ở chữ Hán).

Mục Văn-đàn của Bản-chí số **41**, có đăng bức « *đồ chín âm và tám thanh tiếng An - nam* » là của một ông bạn Độc-giả ở Qui - nhơn gửi ra, tôi đã có lời giới - thiệu tường Độc - giả là một sự khảo thuật có giá-trị. Duy ý-kiến tôi đối với bức đồ ấy có một đôi chỗ hơi khác, nay cũng xin biểu bạch như sau.

. . .

Cứ sự học của tôi thấy ra, thời hai dấu *nặng, sắc* của ta, tức là *khứ - thanh* của tầu ; hai dấu *hỏi, ngã* của ta, tức là *thượng-thanh* của tầu. Cho nên ở chữ tầu, chữ nào để nguyên thời là *như - tự* 如字, không phải có đánh dấu ; còn những chữ có đánh dấu thời theo ở bốn góc chữ làm ghi, như :

Thượng — 上 去 — **Khứ**

Bình — 平 入 — **Nhập**.

Từ góc dưới bên tả đọc truyền lên, lại sang đến góc dưới bên hữu là hết : *Bình, thượng, khứ, nhập*.

Nay lại xin đem những chữ đã dẫn dụ trong số 38 (1), dẫn dụ lại như sau :

Bình-thanh — 聲 平
興 — Rư
朝 — Triều

Thượng-thanh — 聲 上
長 — Trưởng
予 — Dự

Khứ-thanh — 聲 去
稱 — Xứng
爲 — Vị

Nhập-thanh — 聲 入
說 — Duyệt
說 — Thuyết (như-tự)

Sự đánh dấu này cũng là chỉ thường dùng trong khi chấm sách dạy học mà thôi, kể cũng không cần nhận là một sự tất phải có. Song các tiếng **bình, thượng, khứ, nhập** thời cứ theo từ tả sang hữu, như thế mà nhận, mà chiếu sang các dấu ở chữ ta thời hợp nhau là thế.

Trong bức đồ của ông bạn Qui-nhơn thời cho dấu *ngã* của ta tức là *khứ-thanh* của tầu, dấu *nặng* của ta là *thượng - thanh* của tầu. Như vậy khác nhau, tất có một kiến-giải sai lầm ; xin Chư - tôn để ý tường xét.

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Xin coi lại ở mục Văn-đàn số 38.

THƠ

Đất khách nhớ người xa

Hồ hải lênh-đênh mấy hẹn-hò !
Phong-trần một bước một ngây-ngô.
Con đường hiểm-hóc Keo ngơ-ngác,
Sườn núi gô-ghề Mán thập-thò.
Lả-tả đàn chim kêu xáo-xác,
Réo-ran giòng nước chảy quanh-co.
Ai về nhắn hộ tri-âm biết :
Non vẫn không mòn, bể chửa khô.

Hải-Hồn

Đêm vắng trên sông Cầu

(*Thái-nguyên*)

Sông Cầu trời điểm nét đan thanh,
Đêm tối riêng ai một mối tình.
Gió đập ngàn cây, cây thấp-thoáng,
Trăng in đáy nước, nước long-lanh.
Chùa Hang nghe vắng chuông xa thẳm ;
Bến Tượng trông vời khách vắng tanh.
Một chiếc thuyền than buồm phấp-phới,
Con trèo tránh thác lượn loanh-quanh.

Mộng-Phi

Thơ gởi cho bạn

Nhớ người tri-kỷ cách ngàn dâu,
Tin-tức mần răng tự bấy lâu ?
Phần tớ chẳng no nhưng chẳng đói;
Ơn trời không mạnh cũng không đau.
Siêng cùng tùng cúc vui ngâm-ngợi,
Buồn với sơn khê kết bạn-bầu.
Lắm lúc ngẩn-ngơ tình tưởng nhớ,
Nhớ ai tri-kỷ cách ngàn dâu.

Q. T. (*Dalat*)

Đổi chỗ ở cảm-tác

Bốn bề mênh-mông chửa có nhà,
Chiếc giương theo khách khắp gần xa.
Đồ thư mấy quyển, giang-san đó,
Biết kiếm ai mà gánh hộ ta ?

Huy-Hạo

Phong thi

I Con sông lòng rộng thênh-thang,
Khen ai đã khéo bắc ngang dịp cầu.
Cầu ngang tiên lối về đâu ?
Về qua Non-nước bạn bầu nước-non.

. . .

II Anh đi nhớ cảnh Ninh-Bình,
Vân-giang bến cũ, Hộ-thành núi xưa.
Non sông còn đó trơ-trơ,
Hỏi người Non-Nước bây giờ là ai ?

Nguyễn-Tử-Thuật

DỊCH ĐƯỜNG - THI

I.— Cổ biệt-ly

Dục khứ khiên lang y,
Lang kim đáo hà xứ.
Bất hân qui lai chỉ,
Mac hướng Lâm-Cùng khứ.

DỊCH

Muốn đi, kéo lấy áo chàng,
Hôm nay chàng định đi sang chốn nào ?
Chậm về thì cũng chẳng sao,
Lâm-Cùng xin chớ bước vào làm chi.

II.— Y-châu ca

Đả khởi hoàng-oanh nhi,
Mạc giao tri thượng đề.
Đề thời kinh thiếp mộng,
Bất đắc đáo Liêu-tê.

DỊCH

Phải ra mà đuổi chim oanh,
Đừng cho nó đậu trên cành mỉa-mai.
Làm cho kinh giấc mộng dài,
Hồn không được tới Liêu-tây với chàng.

Nguyễn-tiến-Bảng
(Thái-bình)

. . .

1. Muốn đi lôi áo chồng ta,
Hỏi xem chồng lại la-đà nơi nao.
Về khuya, ta chẳng rằng sao;
Lâm-Cùng chớ có sa vào mà chơi!

. . .

2. Ai ra đập cái vàng-anh,
Để chi nó cứ trên cành nó kêu.
Nó kêu mất giấc chiêm-bao,
Liêu-tê chẳng được em theo đến chàng.

Tản-Đà

Gửi chùm hoa lụa tặng ông Đông-Hồ chủ-nhân Trí-Đức học-xã ở Phương-Thành

Cành hoa trước gió đông thổi bạt,
Để cho ai ngày một trông chờ.
Phương trời khách luống ngẩn-ngơ,
Cánh hồng sao lại hững-hờ về đâu ? !

*
* *

Nay nhận được hoa thu tái tặng (1)
Hoa héo khô, hương thoảng chưa phai.
Mầu hoa dầu chẳng còn tươi,
Hương hoa còn nhắc tình người phương xa.
Nghĩ nhớ đến kiếp hoa sẽ chạnh,
Nức vườn xuân một mảnh hồng-nhan.
Xuân về, hoa cũng héo tàn,
Nhìn hoa luống những bàn - hoàn tiếc thương.
Hoa kho héo long cang te-tai,
Đành không phương giữ lại xuân xanh!
Hoa trời tàn héo đã đành,
Này hoa nhân-tạo một cành xin dưng.
Trên cánh lụa mầu xuân còn mãi,
« Hoa cuối mùa » chẳng ngại nữa chi!
Xuân trời dầu hãy con đi,
Mà xuân trên cánh hoa kia vẫn còn.
Vườn Trí-Đức, xuân còn mãi mãi,
Khách lầu Nam, mai tối thong-dong.
Trăm năm giữ một tấm lòng,
Năm năm hương, (2) sắc ban cùng Đông-quân.

Lâm-nữ, Tàng-Phương *(Saigon)*
(Học-trò xa của Trí Đức học-xã) (3).

1. — Trước kia chủ-nhân Trí-Đức học xã có gửi tặng tôi một cành hoa mà nhà bưu-điện đánh thất lạc. Nay chủ-nhân lại gửi cho cành hoa cúc nữa cùng với tập « Bông hoa cuối mùa » cùng tiếp một lượt. Phàm trong bài có khi nói về hoa cúc, có khi nói về « bông hoa cuối mùa » không nhất định.

(2) Hoa lụa mà có hương vì trên cánh có ướp các thứ nước hoa.

(3) Trí-Đức học-xã, trường tư-thục có dậy Quốc-văn theo lối hàm-thụ (par correspondance).

LỤC BÁT

Trong Văn-Đàn có tiếp một bài Khai-cảo điệu lục-bát, ở Haiphong gửi lên. Tác-giả có thư tự nói là muốn đặt lấy đúng vần, như trong lời đàm-thuyết số 36. — Xét ra còn đôi chữ vần chưa được thật đúng, song kể thực đã là công-phu. Lại xét về văn-lý thì văn-chương cũng hay mà hoặc có phần bổ-ích đến phong-hóa. Vậy xin có ít lời giới-thiệu, mong các vị Độc-giả chớ ngại vì nhời văn có dài mà sơ-nhãng không để ý, thời là hậu-vọng của kẻ giữ mục Văn-Đàn vậy.

Sau đây, xin có lời thưa với Tác-giả, tôi hoặc có thì giờ hơi rỗi, sẽ xin để công sửa mấy vần chưa thật đúng và một đôi câu trong lời văn.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Thương người để khó đến thân

Gian nhà lợp cỏ kèo tre,
Vách siêu mấy mảnh, chiếu che tồi-tàn.
Cha con đứng thở ngồi than,
Tiền không gạo hết cơ hàn đến nơi.
Kinh-Lăng thừa hứng rạo chơi,
Qua trông thấy cảnh người đời đáng thương.
Dừng chân lại, hỏi cho tường,
— Cụ ơi, cụ nhỡ độ đường hay sao?
Cửa nhà quê quán nơi nao?
Phiêu-lưu đã tự độ nào đến nay?»
Cụ già đứng giậy trình bày:
— Ngờ đâu tôi đến nỗi này, thưa ông.
Đi buôn lỗ vốn ngàn đồng,
Ngày qua tháng lại nay không còn gì.
Con tôi thi đỗ mấy kỳ;
Hết lương ăn học mà thi nữa rồi,
Cũng toan soay nghệ làm bồi;
Giặt là chẳng biết, dọn thồi không quen.
Ký, không đủ sức đua chen,
Không tiền dút-lót thân hèn nằm co.
Xin ông, ông đoái thương cho,
Giúp công, giúp việc nhỏ to chẳng nề!»
Người con nét mặt ủ-ê,
Ngoài hai mươi tuổi, có bề thông-minh;
Cười nửa miệng, sẽ nghiêng mình,
Cúi chào rồi kể cảnh-tình gian-lao.
Rằng: « Tôi gặp lúc ba-đào,
Tay không biết tính làm sao bây giờ.
Bốn bên không chỗ nương nhờ,
Lấy chi rau cháo qua cơ-hội này.
Muốn liều nay đó mai đây,
Tấm thân dành chịu đọa-đày phong sương.
Khổ vì một mối tơ vương,
Cha già em dại bước đường khôn chia.
Cùng tôi quá nghiệ , Xanh kia,
Đoàn-viên cũng khổ, tan lìa càng đau!»
Nghe lời, lòng động mày chau,
Kinh-Lăng than: — chang gặp nhau từ hồi.
Quyền-hành còn ở tay tôi,
Dẫu sao cũng giúp được đôi ba phần.»
Nhờ lòng tương ái tương thân,
Mấy tuần sau đã được chân biên hàng.
Chẳng sang cũng lấy làm sang,
Tô-Giao ngày tháng đềnh-đàng tới lui.
Cảnh buồn đã hóa ra vui,
Người phong-hoa lại nhớ mùi phong-hoa.
Gần nhà một mụ đàn-bà,
Kinh-Lăng chị gái chồng xa chưa về.
Lấy lời ngon-ngọt rủ-rê,
Nông lòng nhẹ dạ mụ mê-mẩn đời.
Cười cười nói nói lả-lơi,
Người đoan-trang đã ra người lẳng-lơ.
Khi gặp mặt, lúc đưa thơ,
Lửa tình đã bén làm mờ lương-tâm.
Chẳng bao, câu chuyện đồn rầm,
Kinh-Lăng nghe thoát ướt đầm mồ-hôi.
Nửa nghi nửa tin bồi-hồi,
Tìm *Tô-Giao* hỏi khúc-nhôi cho tường.
Rằng: — Từ gặp-gỡ trên đường,
Yêu vì học-thức mà thương hết lòng;
Ra tay dìu-dắt khỏi vòng,
Tin yêu chẳng khác người trong gia-đình.
Ngờ đâu anh lại tư-tình...?
Mà còn bưng-bít miệng bình mãi sao?
Thưa: — Xin xét lại đã nao,
Chớ tin những tiếng đồn phao nói càn.

Chẳng may gặp lúc cơ-hàn,
Nhờ ơn giúp đỡ tạm an lúc này,
Coi bè bạn tựa chân tay,
Cương-thường đâu giám một ngày nhãng quên.
Ơn kia mong sẽ báo đền,
Tôi đây chẳng phải một tên vô-loài.
Đắn-đo chi nữa thêm hoài;
Giám mong chuyện đó bỏ ngoài chớ nghe.
Một lời mất cả bạn bè,
Miệng phường vô-loại ai che được cùng.»
Nghe lời có thủy có chung,
Ngờ đâu mặt hạng gian-hùng khua môi.
Mặt sao mặt bạc hơn vôi,
Mảnh gương trong bỗng đem bôi cho mờ.
Nắng lâu nước cạn bùn trơ;
Chị *Kinh-Lăng* rõ bây giờ có thai.
Chồng không, mà chửa với ai?
Chỉ *Tô-Giao* vẫn vãng lai sớm chiều.
Cùng nhau trộm dấu thầm yêu,
Quá mê còn nhớ chi điều giở hay.
Đem bò gửi bợm, bò bay;
Thương người, người phản, buồn thay thói đời!
Kinh-Lăng tức giận bời-bời,
Gọi *Tô-Giao* mắng hết lời chua cay:
— Cứu ngươi trong lúc chẳng may,
Nếu không, thường đến ăn mày đã lâu.
Bao nhiêu học-thức để đâu?
Mà không biết nghĩ nông sâu thế à.
Nước trong nỡ bốc bùn pha!
Lừa người vào chỗ dâm-tà đáng ru?
Rõ-ràng mặt đứa gian-phu,
Thế là ngươi đã đền-bù công ta!»
Một cơn gió táp mưa xa,
Cương-thường luân-lý nước nhà đảo-điên.
Trông đời súc-động lòng phiền,
Đem việc trước mắt chép thiên văn vần.

Phạm-Nghiễm

局書沱傘

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC

Việc bán sách

I — Sự bán lẻ sách gửi đi các Ngài ở nơi xa mua coi, Bản-cục xin định có những thể-cách như dưới:

1. — Phàm các sách của Bản-cục gửi đi, không cứ nhiều quyển hay một quyển, đều theo cách gửi có đảm-bảo.

2. — Đối với các Ngài mua lẻ, mỗi bận gửi, từ 1 quyển đến 5 quyển, tiền cước-phí xin chỉ tính là 0p.10

3. — Theo cách phương-tiện dản dị, ngài nào muốn mua quyển nào, xin coi giá bán tường kê ở quảng cáo, chiếu giá sách và tiền cước thêm 0$10, gửi luôn cho bằng «*tem thư*», kèm theo giấy mua sách.

4. — Gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*» Contre Remboursement.

5. — Những Ngài nào muốn cho Bản-cục được theo tiện-nghi, phàm có quyển nào mới in ra, sẽ cứ gửi tip, tiền thời các Ngài gửi cho làm từng lúc cho tiện; như vậy, xin có thư cho biết tường sự giả tiền thời cứ lấy một đồng bạc (1$00) làm cữ.

II. — Các sách của Bản-cục, ít gửi bán tại các tỉnh, các nơi xa. Các Ngài có thư-quán mà có lòng yêu mua buôn, xin tính định giá-cả như dưới:

1. — Không cứ một thứ sách hay nhiều thứ sách cộng tính, Ngài nào mua buôn từ 20 quyển giở xuống, tính trừ 20%.

Ngài nào mua tới 50 quyển giở lên, tính trừ 30%

Xin miễn có lời hỏi mà-cả.

2. — Phàm việc bán buôn của Bản-cục gửi đi các Ngài ở nơi xa, xin đều gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*». Contre Remboursement. Cước-phí ht bao, nhan hitấ về Bản-cục nhận chịu.

* * *

Những sách tiếp tục in ra xin coi ở Quảng-cáo bìa sau.

* * *

Những Thư-quán đã có bán sách của Bản-cục:

Hanoi — **Có bán khắp các hiệu sách.**

Nam-định — **Hội-Ký** Carreau

Phủ-lý — **Phú-Mỹ** R. Principale

Hai dương — **Lương-Xuân** R. Commerce)

Hai-phòng — **Hương-Hát - Nam-Tân** — (Bonnal)

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
Kính bạch

Lư-Thoa tự-thuật

Dịch-giả «Lư - thoa tự - thuật» *vốn từ mấy số trước đã phải cậy Mai-khê tiên-sinh giúp đỡ cho, việc dịch sách mới khỏi trì-hoãn; nay bận việc, phải xin phép cùng các bạn đọc* «Lư - thoa tự-thuật» *hãy cho nghỉ ít lâu để chỉnh - đốn lại những chương sau và dịch thêm sẵn nhiều chương, cho sau này sẽ có nhiều văn dịch đăng luôn, khỏi phụ lòng độc - giả. Công - việc làm văn bề-bộn, ép phải thế, xin độc-giả thể-lượng.*

Vả nhân khi nghỉ đăng bài ở tạp-chí đó, ông Nguyễn - tiến - Lãng sẽ nhuận-chính lại một đôi tập văn mà ông đã viết, như là bộ Yên - bái phong-tục-ký *và* Du-ký Angkor (Đế-thiên Đế - thích) *để sẽ đem công-hiến bạn độc-giả An - Nam tạp-chí. Vậy nghỉ mà kỳ thực là nghỉ để lo tính cho cái duyên - văn càng được vuông-tròn khăng-khít... mà chẳng bao lâu nữa, sẽ lại có cả* «*Lư-thoa tự-thuật*», Du-ký Angkor *và* «Yên-bái phong-tục-ký» *ở trên tạp - chí An-Nam.*

A. N. T. C. kính cáo

Bạn đồng-nghiệp phố Hàng Bông
đã ra đời

Văn-học Tạp-chí, mỗi tháng ra một kỳ, đã xuất-bản số một. Tạp-chí khuôn-khổ kiểu mẫu giống như Revue des Deux Mondes, chuyên khảo-cứu, bàn-soạn và giảng - giải văn-chương, lại thêm 16 trang dạy tiếng Ăng-lê, tiếng Tàu và 8 trang Từ-điển. Bảo-quán ở phố Hàng Bông, số nhà 193, chủ-nhiệm là ông Dương-tự-Quán, chủ - bút là một tay kỳ-cựu trong làng báo: ông cử Dương-Tuyết-Huy. Ngoài ra, lại còn ông Dương-tự-Nguyên, ông đầu-sứ Dương-trọng-Khiết, ông giáo Dương-quảng-Hàm và ông Sở-cuồng Lê-Dư giúp việc biên-tập. Giá báo: mỗi số 0$35, một năm 4$00.

CHUYỆN TRẺ CON

ANH CÒNG VÀ ANH MÙ

(Các cậu bé thường phàn-nàn A. N. T. C. không có phần nào dành riêng cho các cậu, vậy xin chiều ý thỉnh-thoảng tặng các cậu một chuyện nhi-đồng).

*
* *

Bên ngoài, giời mưa phùn, gió bấc thổi hi-hút. Trong nhà, ngọn đèn dầu vặn nhỏ bằng hột đỗ le-lói trên mặt bàn. Trên chiếc giường giải gianh, chúng tôi nằm chùm chăn bông nghe bà tôi kể chuyện cổ-tích.

Cái cảnh ấy còn như in trong trí nhớ của tôi, mỗi khi tôi tưởng đến lòng lại ngùi-ngùi tiếc cái tuổi sướng nhất trong đời, cái tuổi chỉ có ăn chơi, không có lo-nghĩ, cái tuổi được quấn-quít trong lòng bà tôi và cha mẹ tôi.

Tôi thích nghe bà tôi kể chuyện cổ-tích lắm, mà câu chuyện tôi thích nhất là chuyện « anh Còng và anh Mù ».

*
* *

Ngày xưa, một anh Còng đương lũ-khũ cúi dạp cầm xuống đất đi quanh tìm cách sinh-nhai, bỗng gặp một anh Mù. Anh Mù này người vạm-vỡ khỏe-mạnh lắm, đương dò-dẫn bước bên đường.

Anh Còng cất tiếng gọi:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh đi đâu đấy?

— Ai đấy? Anh Còng đấy à? Tôi đi kiếm ăn đây!

— Thế tôi cũng đi kiếm ăn đây, thôi, hai anh em ta cùng đi với nhau, hễ tôi bắt được cái gì thì anh cầm hộ nhé.

— Được, vậy thì hay lắm!

Thế là hai anh Còng, anh Mù thành bạn thủ-túc, nếm mật nằm gai, nỗi cay đắng cùng nhau chia sẻ. Hôm ấy, đương đi, anh Còng chợt thấy cái cầy, cất tiếng gọi bạn:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh vác lấy cái cầy này!

Anh Mù vác cầy lên vai, một lúc sau lại thấy anh Còng gọi:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh vác lấy cái bừa này!

Anh Mù lại è cổ vác lấy cái bừa, tuy hai vai cùng nặng nhưng tấm lòng thấy nhẹ thảnh. Rồi lại thấy tiếng anh còng gọi:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh xách lấy con ba-ba này!

Anh Mù xướng quá, anh em hôm nay được bữa chén ngon. Nhưng nào đã hết đâu, anh Còng còn kêu:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh cầm lấy quả trứng vịt này nữa.

Thế còn nói chuyện! Ba-ba, trứng vịt, bữa chén khá ngon. Thế mới thực là kiếm ăn chứ!

Rồi đi một quãng nữa, anh Còng thấy trước cửa đình làng kia có một cô con gái với con lợn trói ở gốc cây bàng, người và vật rên i-ỉ... Anh Còng chạy đến hỏi:

— Cô ơi! làm sao cô bị trói thế?

Người con gái thấy hỏi, ngẩng mặt lên, dòng-dòng hai hàng nước mắt trả lời một cách thảm-thiết rằng:

— Làng tôi thờ một ông hổ, cứ lệ mỗi năm, ngày này, phải nộp ông một người con gái và một con lợn để ông ăn thịt, không có làng bị tai-hại rất to. Tôi với con lợn này chỉ nửa giờ nữa là nằm trong bụng hổ.

Nói xong, cô con gái gục đầu xuống khóc rũ-rượi. Động lòng thương, hai người bèn cởi trói cho cô con gái trốn đi, khuân con lợn vào đình, đóng cửa đình lại, ngồi đợi.

Lúc ấy, trong lòng hồi-hộp, hai người thì-thào bàn-bạc cùng nhau, bỗng thấy tiếng hổ gầm rung-động cả đất.

— Hầm! Hầm... ầm... ầm!

Hổ ta về không thấy mồi, gào thét inh-ỏi, tức lắm, muốn nhảy qua rặng tre vào sé sác lũ hỗn-sược trong làng. Bỗng trong đình, thấy tiếng người thét:

— Tao là tướng nhà Giời, Giời sai tao xuống giết mày đây!

Hổ nghe tiếng thét dã hơi giật mình, bỗng lại thấy nói:

— Này tao cho mày xem hàm răng tao đây này!

Qua khe cửa, hai người chìa hàng răng bừa ra, hổ trông thấy sợ mất vía.

— Này tao cho mày xem cái lưỡi tao đây này!

Họ lại chìa cái lưỡi cầy ra, hổ run lên lẩy-bẩy.

— Này tao cho mày xem con dận của tao đây này!

Bỗng ở dưới ngạch, con ba-ba trông như con dận « hồng-lồ » bò ra lồm-ngồm, cổ ngoài ra dài đến gang tay.

— Này tao lại cho mày xem cái trứng dận của tao đây này!

Bỗng một quả trứng lớn bằng quả ổi ném văng ra, lòng trắng lòng đỏ chảy l nh-láng. Hổ ta nhìn sợ quá, đứng ngẩn một lát, chợt lại thấy hỏi:

— Thế mày có gì lạ đưa cho tao xem?

Hổ đáp: — Tôi chẳng có gì lạ, chỉ có cái đuôi thôi!

— Vậy mày đưa qua ngạch cửa tao xem!

Hổ thò đuôi vào trong đình, ngó-ngoáy. Anh Còng sướng quá nắm chặt ngay lấy miệng gọi rối rít:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh nắm chặt lấy đuôi nó!

Anh Mù nghiến răng giữ thật chặt. Anh Còng mở cửa đình ra, lấy răng bừa chẹn vào cổ Hùm, cho « anh-chàng » ba bắp cầy vào sọ, « anh-chàng » chết thẳng cẳng nhăn răng.

Lập tức hai anh hồi trống đình, các cụ trong làng kéo nhau ra lũ-lượt, ai cũng vui sướng ngỏ lời cảm ơn:

— Chúng tôi chả có gì tạ các ngài, thì có con lợn đấy, xin sai đàn em làm thịt các ngài sơi.

Cái nghề bạn-bè đời nào cũng vậy, (đây là nói thứ bạn cùng nhau đi kiếm ăn) lúc khổ thì cùng nhau cùng chịu, nhưng lúc mát mặt, lúc có miếng ăn lại phản nhau ngay. Anh Còng nhờ giời có mắt tinh, bao nhiêu miếng nạc trọn sang mâm mình hết cả. Anh Mù đói ngấu, vào ăn gập toàn xương, nuốt vội nuốt vàng thế nào bị hóc miếng xương chối. Bị hóc, đỏ cả mặt, phùng cả mang, nuốt không vào, khạc không ra, chợn mãi mắt, thế nào đứt màng quang mộng, anh Mù lại trông được.

Mở mắt nhìn ra đời thấy đời mà chán. Thấy bạn là người phản-trắc, anh Mù giận quá xông lại vít cổ bạn xuống mâm thịt nện cho ba cẳng tay, anh Còng nằm soài lưng thẳng đuỗn.

Thế là anh Mù mở được mắt, anh Còng ngay được lưng, hai anh chia tay mỗi anh đi kiếm ăn một xứ.

Ngọc-Tỉnh

Bạn đồng-nghiệp phố Nhà Thờ tiến!

Ra hàng ngày, bao *đôngtây!*

Ngài, độc-giả *đông tây*? Ngài *bởi vậy* có quan-hệ trực-tiếp với *nó*. *Nó* mạnh? cơ-quan *của ngài* mạnh!

Ra gánh việc công, trải bốn xuân-thu *(thơ!) đôngtây* giữ cái hồn.

Cái hồn?

Trong-sạch, cứng-cáp! *nó* nói thế!

Phải tiến nữa!

Các ngài dục?

Nó tiến nữa rồi đấy!

Các ngài *bởi vậy* phải nuôi *nó*, giúp *nó* — chúng tôi *bởi vậy* phải mừng cho *nó*. Duyên tri-ngộ bấy lâu khăng-khít (lại thơ!),... Cuộc tương-lai tốt đẹp ở ai nào?

Thơ mãi! Dườm-dà! Xếp! Nói gọn: Cùng tiến, bạn, nhé! Tiến lên, chúng ta!

Chờ!... **Đậu-nhứt-Hồ**

PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI CÔNG-VIỆC XÃ-HỘI

Người đàn-bà xưa nay, vẫn loanh-quanh trong trốn gia-đình, lấy chồng làm đất giời, lấy công-việc nuôi con, nấu bếp, vá may làm bổn-phận, trừ ra không còn biết một tý gì bên ngoài cánh cửa buồng the nữa. Dù có được ra ngoài trông coi đồng-áng, buôn ngược bán xuôi mặc dầu, người đàn-bà cũng không thể được tự-chủ, bao giờ cũng phải dựa vào chồng như cái giây leo phải bám vào giàn. «Gái có chồng như nón có quai, như thuyền có lái».

Cái đó, không phải là ai xếp-đặt gây-dựng nên, mà chính là một sự tự-nhiên phân-trách. Theo sinh-lý, người đàn-bà tính-chất thường nhu-nhược, giầu về cảm mà kém về trí, sức lại yếu, người đàn-ông tính-chất thường cứng-cỏi, mạnh về trí mà ít cảm, sức lại khỏe, cho nên người đàn-bà giầu lòng từ-thiện, khéo tỷ-mỷ giữ những công-việc nhỏ-mọn trong nhà, mà người đấn-ông thì tính-tình mạnh-dạn tự gánh lấy những công-việc nặng-nhọc bên ngoài, cùng đời ganh đua kèn-cựa cho nên lúc chia trách-nhiệm người đàn-bà giữ lấy công-việc trong gia-đình, mà người đàn-ông gánh lấy công-việc ngoài xã-hội; cho nên người đàn-bà khăng-khít dựa vào người đàn-ông, mà người đàn-ông lúc ấy lại tự nhận lấy nghĩa-vụ phải che-chở cho phái yếu.

Rồi các nhà luân-lý theo cách sinh-hoạt của xã-hội định ra mối giường, lấy thuyết «tam-tòng» làm khuôn phép cho đàn-bà con gái.

Rồi tập-quán di-truyền đi mãi mãi, người đàn-bà như con thuyền mà người đàn-ông là lái, người đàn-bà là giây leo mà người đàn-ông là cái cọc, cái giàn; trí người đàn-ông thì rộng-rãi bao-la, mặt bể chân giời, mà lòng người đàn-bà thì chỉ có ông chồng, tam-tòng tứ-đức; người đàn-ông thì đeo nặng những trung, hiếu, tiết, nghĩa, người đàn-bà thì chỉ có một chữ trinh. Xã-hội cứ êm-đềm sống mãi như thế.

Nhưng thường mãi tất phải biến, cái lẽ phải nam ngoài không còn là lẽ phải năm nay.

Cái biến của cuộc đời, thường gây nên bởi kinh-tế. Vì kinh-tế quẫn-bách, người đàn-ông không thể một mình gìn-giữ vợ con trong cảnh thư-nhàn được nữa, người vợ tất phải bỏ bễ công-việc «nội-trợ» mà bon ra chỗ vật-lộn kiếm thêm tiền. Từ đấy, dần dần đàn-bà ra gánh-vác công-việc ngoài đã thành thói quen, công việc ấy cũng nặng-nhọc, cũng khó-khăn không kém gì người đàn ông, nhưng theo cái tập-tục từ xưa, người đàn-bà vẫn phải ở dưới quyền che-chở — có thể gọi được là cai-quản — của chồng, vẫn không được tự-chủ.

Song lẽ phàm đã đồng đẳng tất phải bình-đẳng, đã có sự ganh-đua nhau trong cuộc sinh-hoạt, tất không thể nhường nhau ở chỗ lợi-quyền, cho nên thuyết «nữ-quyền» mới khởi-xướng.

Vả lại, bây giờ chủ-nghĩa xã-hội nặng, chủ-nghĩa cá-nhân, gia-đình nhe dần đi, số đông người đều biết quý nhân-quyền mà tự coi mình là có nghĩa-vụ với xã-hội, cũng bởi vậy mà thuyết «nữ-quyền» bồng-bột.

Thuyết «nữ-quyền» xướng, bao nhiêu người họa, nhất là sau hồi đại-chiến người ta thấy rõ đàn-bà làm được nhiều việc giỏi, phong-trào nữ-quyền từ đấy rất sôi-nổi ở phương Tây. Tới đây, trình-độ chị em phương Tây đã cao lắm rồi, những điều họ yêu-cầu bây giờ khác với điều chị-em ta bàn ở bên này nhiều lắm. Trong buổi giao-thời, đời không yên, tư-tưởng người đời rối loạn, cái nhầm-nhỡ dễ sẩy ra luôn, sóng cả thuyền nan, không tay buồm lái, cho nên phong-trào «nữ-quyền» tràn sang đất nước Nam-Việt chỉ làm cho người ta thấy hại nhiều mà lợi ít, các nhà thủ-cựu cứ vin vào chỗ nhược-điểm mà chê hoài!

Lọc lấy tinh-túy cũ, trọn lấy tinh-túy mới, ngõ hầu tìm được ra chân-lý để làm phương-châm cho chị-em nhà, gần không hóa ra ngông-rởm, xa không bỏ mất tinh-thần gái nhà Nam, chúng ta còn mong ở công-việc làm dần, cùng các bậc cao-minh chất-chính. Dưới đây, chẳng dám lạc ra ngoài đề, xin lấy lý-thuyết bàn cho rõ rằng người đàn-bà ra gánh vác công-việc xã-hội thực rất hợp lẽ phải.

Ta thử ngẫm xem, người đàn-bà há chẳng phải là một người trong quốc-dân hay sao? Há chẳng phải là một phần tử trong xã-hội hay sao? Vậy thì người đàn-bà phải có đủ cả quyền-lợi, nghĩa-vụ như người đàn-ông mới phải.

Bảo rằng đàn-bà thường nhu-nhược nông-nổi không làm được việc như đàn-ông, nhưng cái tánh nhu-nhược nông-nổi ấy không phải là hết thảy đàn-bà ai cũng có, vậy không thể tách toàn-thể phụ-nữ ra ngoài công-việc xã-hội được. Vả lại tư-cách còn khuyết-điểm, thực tại lịch-duyệt và học-thức chưa được nhiều. Đàn-bà xưa nay cứ bị nhốt trong phòng khuê không có một tý gì là xã-giao bảo-lịch-duyệt sao được? Đến cái học-thức, thật hiện nay phần nhiều chị-em cũng chưa được hưởng như các bạn đàn-ông. Mọi việc xã giao, học-vấn, chị em bị chế-độ gia-đình và dư-luận xã-hội làm ngăn-trở nhiều lắm.

Nếu bảo không thể làm được, thì sao những người đàn-bà đảm lấy phải ông chồng ngu-đần vẫn gánh vác công-việc làng nước, nuôi chồng nuôi con như thường. Nói quá ra thì những bực anh-thư, múa kiếm phất cờ, những tay nữ-sĩ phun châu nhả ngọc, ta thấy hiển-nhiên không phải không có, chẳng qua chỉ vì chị-em bị bo-buộc nên những tay quần-thoa xuất chung hiếm có đấy thôi.

Cảnh bo-buộc ấy không nói đâu xa, ta thường thấy hiện ra trước mắt. Như mới đây, một vụ án xẩy ra có một người đàn-bà làm chủ-động, mà «chung-quanh vụ án ấy», một tờ báo đạt ngay một câu hỏi rất ấy-náy: «Có nên cho đàn-bà đi học không»? Thế thì biết bao vụ án rất xấu xa mà đàn-ông là chủ-động, sao ai không hỏi nốt: «Có nên cho đàn ông đi học nữa không?»

Trước mắt xã-học, nếu người đàn-bà được coi như đàn-ông, việc của người đàn-bà làm dừng ai lấy làm lạ nữa, thì cảnh sinh-hoạt tất cũng có thêm phong-thú được nhiều.

Cô Hồ-Xuân-Hương qua đền Sầm-thái-thú, cảm-súc ngâm thơ rằng:

« Ví đây đổi phận làm giai được,
« Sự-nghiệp anh-hùng ha bấy nhiêu »?

Thì tưởng lòng cô đau-đớn cho tập-tục xã-hội biết bao? Tại sao người ta lại tách hẳn nửa số nhân-loại, khóa vào buồng the, còn giao bao nhiêu công-việc cho một nửa số người làm, bất kỳ hay hay dở? Sao chẳng để cho nam nữ cùng nhau ganh tài đua trí, tìm lấy người giỏi mà cho gánh lấy trách-nhiệm, chẳng là thêm được nhân-tài đó ru? Cái người đàn-bà tài giỏi xuất-chúng thật khó làm được người mẹ hiền dâu thảo, vì trí-khí của người ta bao-la rộng-rãi, nếu đem dam vào khuôn phép cổ thực là vứt-bỏ hiền-tài.

Có nhiều ông lên dọng khôi-hài: «Chúng mình phải học nấu cơm vá áo đi mới được!» Theo ý hẹp, cái đó thực không lạ, nếu ông là chồng mà ông hèn kém, thì mời ông về nấu cơm cho, càng hay. Xã-hội cần *« người tài-giỏi »* chứ không phải là cần *«đàn-ông»* gánh-vác công-việc.

Lại có ông đỗ các bà một cách rất khéo: «Các bà cứ ở nhà dạy con cho thành người, sau đây chúng nó giúp được việc xã-hội, thế cũng là các bà gánh một việc lớn của xã-hội đó!»

Nghe thì phải lắm, nhưng xét ra: dạy con là bổn-phận của cả hai người làm cha mẹ, huấn luyện thiếu-niên lại là bổn-phận của xã-hội rồi, còn cái trách-nhiệm cái quyền lợi của một phần-tử của quốc-dân mà chính người đàn bà kia được hưởng thì nào có thấy?

Đã có chỗ kém ấy, tất phải có quyền đòi, còn đòi những quyền gì, một bài này thực không đủ nói. Song tóm lại, những quyền mà mấy cô gái «quá mới» vẫn đòi đó, thường làm cho bại-hoại phong-hoa, thực rất nên bài-trừ. Ta chớ nên vin vào đấy mà bài-bác.

Đinh Huy-Hạo

THẾ LÀ MỢ NÓ ĐI TÂY

A bord du Chantilly, le 10 Déc. 1927

Cậu,

Trời ơi, thực là tôi để lụy đến cậu! Nếu biết trước rằng cảnh ly-biệt nó sẽ tan nát gan ruột tôi như thế này, thà cứ chịu ở nhà dạy học, đỡ cậu mỗi tháng ba bốn chục bạc lương, thì được gần-gụi gia-đình, sớm tối vui thú với cậu, với con, việc gì đòi xuất-dương du-học đến nỗi bây giờ vất vả-một mình, thân gái dặm trường, khóc thầm với bóng!

Từ lúc còi tầu chạy xa, nhìn vào bờ chỗ cậu đứng bế con chỉ còn thấy cái mùi xoa bay phấp phới mà thôi, thì tôi bồi hồi tấc dạ, giọt-lệ khôn cầm, tâm-sự ấy bút nào tả xiết! Chỉ tiếc ngày thường chẳng chịu nghiên-cứu văn-chương An-nam để làm một bài thơ kỷ-niệm lúc biệt-ly!

Vào đến buồng, nằm lả trên giường, không buồn dậy nữa. Đã toan lấy bút ghi chép mấy câu vào quyển sổ tay, nhưng thảm quá, nước mắt đã dàn-dụa, thần-thức không nghĩ ra câu nào mà viết! Cậu ơi! cậu có làm thế nào cho tôi đỡ nhớ không?

Nhưng nay biết làm thế nào bây giờ? Con tầu ác-nghiệp nó cứ mỗi lúc một làm cho mình xa nơi xứ sở thân-thích, rồi nó lại che kín bằng bức màn xương. Nghĩ lại lúc mới cạo răng mà mặc bộ quần áo đầm, lúc mới bước chân xuống tầu, trong bụng hăm-hở thế nào, thì bây giờ nhớ đến cái tình vợ chồng, cái tình mẹ con tối tối được xum-họp cùng nhau dưới ngọn đèn, thì ruột lại cũng đau như cắt thế!

Nhưng đã chót đi thì cứ dấn, tôi không nản chí đâu, cậu ạ! Ở Hà-nội, thi chín khoa đã trượt cả, thì sang Tây phen này, ba năm ắt giật được mảnh bằng tú-tài. Cậu sẽ chẳng xấu-hổ mất tiền cho vợ du-học đến nỗi tay trắng về không; tội buồn thực, nhưng buồn bao nhiêu, tôi nhớ cậu bấy nhiêu, tôi nhớ cậu bao nhiêu, tôi lại càng không dám phụ công cậu nuôi cho ăn học.

Thằng chó con, trông ảnh nó, tôi nhớ nó quá, nó có hỏi tôi luôn không? Nó có biết rằng mợ nó đi Tây không? Mấy hôm nay nó có hay quấy không? Cậu nhớ cho nó đi trủng đậu đi nhé. Mẹ tôi ở nhà có buồn không? Nếu cậu thương nhớ tôi, thì nhờ cậu thay tôi, thỉnh thoảng đi lại khuyên-giải cho khuây-khỏa. Viết đến đây, nghĩ đến mẹ già, tôi lại tủi, chẳng may nhà nghèo, đến nỗi bao nhiêu phí-tổn tôi đi Tây học, để phần cậu chịu cả! Tôi thương cậu quá. Thực là một người chịu khó nhọc một mình để kiếm lương nuôi vợ đi du-học như cậu, ít có lắm.

Nhưng cậu cũng nên thương tôi mà đừng chơi-bời gì cả. Lúc nào cậu cũng nên nghĩ đến tôi, thai-thủi quê người, vì thương cậu mà đêm ngày cố công đèn sách. Tôi nói thế chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ! Quái sao hôm nay tôi thấy lao-đao thế này, hay là say sóng rồi đây?

À quên, cái hộp phấn của tôi dùng dở để ở bàn, cậu cho mang lại đằng chị Diệp hộ, vì chị ấy xin mà tôi quên đi mất.

Xin chúc cậu và con mạnh khỏe luôn.

Ta

Tuyết-Anh

. . .

A bord du Chantilly, le 1er Janv. 1928

Cậu,

Những thư trước tôi gửi về chắc cậu tiếp được cả rồi. Lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải. Sự đó tôi cũng biết là lỗi, đáng lẽ người đi phải yên-ủi kẻ ở bằng những câu vui-vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối-hận quá.

Gần tới Marseille rồi, cậu ạ. Từ khi con tầu qua kênh Suez vào địa-phận bể Méditerranée tới nay, tôi thấy phấn-trấn trong lòng lắm. Giời tây bảng-lảng bóng vàng, cái không khí êm-đềm, nhẹ-nhõm, làm cho tôi được thấy như khỏe mạnh hơn. Nhất là từ khi được quen mấy bà người Pháp cùng đi một chuyến, thì những khi nhớ nhà, nói chuyện cũng được khuây buồn. Cho nên tôi càng khuây buồn bao nhiêu, tôi càng nhớ đến cậu bấy nhiêu, chỉ thương cho cậu lúc này, có lẽ đang nằm thừ trên giường mà nghĩ đến vợ, lênh-đênh giữa bể, không biết có bình yên mạnh khỏe không. Nhưng cậu nên yên tâm nhé. Vợ cậu buồn thì vợ cậu được thở than với bạn, được viết thư nói chuyện với cậu, chứ những lúc cậu nhớ vợ cậu, thì cậu than-thở cùng ai? Cậu chỉ ngậm mối sầu trong bụng mà không viết được ra thư, vì thư của cậu dù có gửi ngay, tôi cũng chửa tiếp được! Sự đau lòng mà không tỏ ra được mới thật là nên thương!

Quái tôi lại nói chuyện buồn rồi! Thế nào? Hôm lễ Noël vừa rồi cậu có mua cho con thức gì cho nó chơi hay không? Hôm nay cậu có đi chào tết hay không? Chào những ai? Ở dưới tầu, sáng ngày hành khách cũng tụ-họp để chúc nhau, vui đáo để. Mẹ tôi vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Cậu đã khỏi thực đau mắt chưa? Hỏi thế khí lầm-cầm, ngót một tháng rồi, còn gì mà chả khỏi nhỉ!

Thôi, hôm nào tới Marseille, tôi sẽ đánh giây-thép báo cho cậu biết.

Vợ yêu cậu,

Tuyết-Anh

* * *

Aix-en-Provence, le 7 Janvier 1928

Ban nẫy tới Marseille, tôi đã đánh giây-thép về cho cậu biết rồi.

chắc cậu đã tiếp được hơn một tháng nay, mà biết đâu, trong khi cái thư này vượt biển về Hải-phòng nó không gặp cái thư của cậu gởi cho tôi sang Pháp. Thế mà chúng nó không bắt tay nhau, tệ nhỉ ?

Tôi tới Aix mới được độ hơn một giờ đồng-hồ! Tuy trong người vẫn còn lao-đao như khi ở dưới tầu, nhưng không thể nào ngồi yên mà không thảo vài câu để nói chuyện với cậu biết được.

Ông bà Madron ra tận Marseille đón, cậu ạ. Ông bà ấy vẫn vui-vẻ như xưa, duy ông ấy thì trông khác trước, vì bây giờ cạo trụi cả râu đi rồi. Ông bà ấy nhận ra tôi, chứ giá để kệ, có lẽ tôi không biết ông ấy nữa. Bà ấy có hơi già hơn trước và nói rằng từ ngày về Pháp, thì sự làm ăn nó khí vất-vả hơn ở Hà-nội ta. Thằng Robert nó còn nhớ tôi! Bây giờ nó lớn lắm, bằng con người ta lên mười ấy! Ông bà Madron được mấy chai nước mắm của tôi biếu thì mừng rơn, nói rằng từ ngày về Tây, chỉ nhớ nhất là đồ ăn đặc biệt ấy. Ông bà ấy quý lắm, đem cất kỹ vào trong tủ.

À quên, từ Marseille đến Aix, chỉ có 29 km thôi chứ có phải 39 k đâu mà trước cậu cứ cãi mãi. Tôi đi xe điện chứ không đi xe lửa, chỉ độ ngót một giờ thì tới. Hai bên đường phong-cảnh đẹp lắm, nhưng vì tôi mệt, nên chưa quan-sát kỹ, để một thư sau, tôi sẽ tả rõ.

Mai tôi nhờ ông Madron giới thiệu hộ với giáo-sư Bourguignon; ông Madron bảo rằng sức tôi thì chỉ học tư ông Bourguignon độ đến tháng octobre này thì có thể thi vào lớp 1ère ở Lycée Mignet được.

Kính chúc cậu và thằng chó mạnh khỏe.

Je t'embrasse

Tuyết-Anh

* * *

Aix, le 12 Janvier 1928

Cậu,

Từ nay cậu viết thư cho tôi, thì cứ đề về N° 2 phố Eméric David là nhà tôi thuê.

Tôi sở-dĩ phải thuê nhà riêng là vì ở đằng ông bà Madron chật quá, không có chỗ riêng tĩnh để học, mà chính bà Madron lại giữ ý, không muốn để tôi ở đằng ấy. Nhưng thế là tiện lắm. Nhà thuê mất 200f. một tháng, rẻ đấy, vì chủ nhà là người bà con với ông Madron Chỗ ở sinh lắm lại được gần nhà hội-quán của tụi học-sinh An-Nam, số nhà 25. Từ nhà tôi đến nhà ông Bourguignon cũng gần, ông Bourguignon ở đầu phố, giáp ngay Cours Mi abeau; mỗi khi tới đây, thấy xe điện chạy về phía Marseille thì lại nhớ nhà lắm nhất là ở trước cửa nhà trọ, có một cái cây sao mà nó giống cái cây trước cửa nhà ta thế! Cũng có cái cành cụt trước cậu vẫn bảo như cái nắm tay giơ ra để ục nhau ấy mà!

À, gớm chiều hôm nay, ở Café Leydet gần phố tôi ở có một truyện xảy ra ghê cả người. Có hai người học-sinh ta họ cãi nhau về nghĩa-lý văn bài thế nào thành ra to tiếng. May có anh em vào can mới yên. Học-sinh An-Nam ta cứ chiều tối là hay ngồi đó. Học-sinh người mình ở Aix có độ ngót trăm. Nhiều người học hành xuất-sắc lắm, nhưng lắm bố con nhà giầu thì chỉ chơi bời mà thôi! Có ít người cũng ở phố David, vì gần hội-quán, lại gần Lycée Mignet đi độ 5, 6 phút thì tới.

Tối mai, bà Madron dủ tôi đi xem Cinéma cách chỗ tôi ở một quãng, tôi đã nhận lời.

Tôi xin thề rằng sẽ hết sức học-hành để khỏi phụ lòng cậu trông cậy, xin cậu yên tâm; ông Bourguignon giỏi khoa văn-chương lắm, nghe ông giảng như nước chảy, mê cả tâm thần!

Chắc vài hôm nữa, tôi sẽ tiếp thư cậu. Ở nhà có việc gì lạ, xin cậu đừng giấu tôi. Ta: *Tuyết-Anh*

* * *

Aix, le 4 Février 1928

Cậu,

Đọc thư cậu, nước mắt tôi dàn-dụa đầy cả ra giấy! Trời ơi! biết thế này, thì tôi chẳng đi Tây cho nó đành!

Thôi cậu ạ, cậu có thương tôi, thì cậu nên nghe tôi, cậu đừng đi làm thêm giờ nữa. Vẫn biết mỗi tối làm vài giờ chẳng là bao, cuối tháng cũng được ba bốn chục bạc phụ cấp; Nhưng cậu cứ cặm cụi quá sức thế, thì đến kiệt lực mà ho lao mất! Cậu có khoẻ gì bằng ai, tôi tưởng chả nên tham việc quá thế. Thì ra chỉ tại tôi mà đến nỗi một mình cậu vất-vả, cậu làm cho tôi thương cậu đến nỗi ốm mất!

Cậu ơi! cậu nên tĩnh-dưỡng, nên coi sức khoẻ làm trọng mới được. Lương cậu hiện đã 140$00 mỗi tháng chỉ phải gởi cho tôi có 80$00, còn ăn tiêu ở nhà cũng tiệm đủ rồi, thì thôi, tôi xin cậu, đừng nên quá tham, nhỡ có mang bệnh lại để tôi ân-hận suốt đời, vì con vi trùng ho lao nó có biết nể người tốt bụng đâu?

Nếu cậu không nghe tôi, thà rằng cậu cho tôi xuất tầu để tôi về còn hơn.

Nhân tiện xin nói để cậu biết, cậu nghĩ vậy mà khuyên tôi như thế cũng là phải. Nhưng tuy tôi là thân gái mình ở nước tự-do, xong xin cậu biết rằng ở đây tự-do thật nhưng là cái tự-do có giáo-dục, chứ không như ở bên ta đâu. Vả lại bao giờ đi ra ngoại-quốc cũng phải giữ sỹ-diện cho nòi giống chứ. Tôi nói quá như thế để cậu yên tâm, chứ nào cậu có ngờ gì tôi đâu. Xin cậu biết cho rằng không phút nào là tôi không nhớ cậu, nhớ con, là hai người thân nhất của đời tôi; trừ những khi mắt để vào quyển sách, thì lúc nào tôi cũng nhìn lên ảnh cậu và ảnh con để ngay trước bàn mà ngắm cho khỏi nhớ.

Ở đây, tháng Février này rét lắm. Sáng hôm nay có mưa tuyết. Chiều đến, ở Cours Mirabeau, trẻ con nắm tuyết ném nhau trông thật vui mắt.

Mưa tuyết xong tiếp luôn mấy trận gió mistral thổi rét thấu xương. Đường phố lội nhơm-nhớp, bẩn quá — À, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe cái lối đỗ ô-tô ở phố chưa nhỉ? Mới trông lạ mắt, buồn cười lắm. Nó không đỗ theo giọc đường, sát hè phố như bên ta đâu, xe nào cũng đứng ngang đường quay mũi ra ngoài. Bây giờ trông quen, không thấy lạ nữa, mấy hôm đầu, đi xát vào mũi, tưởng hình như nó sắp

seo bẹp mình! Cậu đã nhận được áo đan chưa, sao không thấy nói trong thư? Cậu viết cho tôi đi, dài vào nhé! Nhớ cậu quá!

Tuyết-Anh

***

Aix, le 3 Mai 1928

Cậu,

Khốn nạn thân tôi, sao cái tin đau-đớn của tôi, cậu không báo cho tôi biết bằng giây thép. Đành rằng mẹ tôi chết, dù có biết sớm cũng không làm gì được, nhưng sao cậu ác-nghiệt quá thế, trời ơi!

Cậu ơi! tôi vô hiếu quá, mà ông trời kia sao khéo lừa dối tôi làm vậy, bắt tôi đi xa rồi đem mẹ tôi đi đâu?

Ông bà Madron thấy tôi có tin buồn, sang khuyên giải và tiêm cho tôi liều thuốc bổ. Bây giờ tôi không mê-man như lúc mới tiếp tin nữa. Khốn nạn, dù tôi có than khóc hết hơi cũng không sao thấu được đến cửu-tuyền, để yên-ủi linh hồn mẹ. Sao tôi chẳng được chết đi cho rồi!

Nhưng đến trường-hợp này, tôi mới rõ bụng cậu, thực là ít thấy có, mà nhà tôi cũng là đại phúc nên trời kia xui khiến tôi được hầu-hạ cậu; mẹ tôi chẳng may chết đi, có tôi là lớn lại đi vắng, nhưng được cậu ở nhà, lấy tình rể cũng như con mà cáng-đáng lo-lắng cho các việc ma chay, cái ơn trời bể ấy, tôi biết lấy gì đền lại. Tôi chỉ khấn cho cậu sẽ được trông thấy tôi công thành danh toại, một mai về nước, đem tiếng thơm để đền ơn giả nghĩa cậu mà thôi. Nếu kiếp luân-hồi mà có thực, thì tôi xin cả kiếp sau cũng tìm được cậu để được trả nghĩa cho trọn cái ơn này.

Cậu ơi, tôi nói không sao xiết ý được, mà nhất là trong khi tôi gặp cảnh đau-đớn này, thì tôi chỉ biết than-thở, khóc-lóc mà thôi. Còn thằng em bé tôi đây, tôi cũng xin cậu trông nom cho nó được nên người, để tôi yên tâm học tập. Xin cậu vì thương tôi mà thương đến nó, chứ bây giờ thực là tứ cố vô thân, nếu cậu không đoái hoài đến nó, tui thật là không còn bấu-víu vào đâu được nữa. Khốn-nạn cho tôi, ở vào cái cảnh nghèo! Tôi nghẹn lời, không sao viết được thêm nữa.

À, thư trước viết bằng tiếng tây là ý để cậu biết sức học của tôi bây giờ thế nào, chứ có dám nghĩ như thế đâu, cậu miễn trách cho, cậu đừng chơi-bời gì nhé, nên thương đến tôi.

Vợ khốn-nạn của cậu,

Tuyết-Anh tràm lậy

***

Aix, le 29 Juillet 192)

Cậu,

Thế nào? Sao cậu không mời docteur cho con, uống thuốc ta tôi tưởng chá ăn thua gì đâu. Nhưng nó cũng mệt soảng thôi đấy chứ? Đâu tháng này, có kết-quả kỳ thi tú-tài, tôi trông thấy ngươi đỗ, mà lại lo, chẳng biết sang năm, số-phận mình ra sao.

Nhưng ma xem ra tôi học tấn-tới lắm cậu ạ. Cậu cứ yen tâm mà làm ăn. Cái bát họ của chị Tham, cậu nhận như thế cũng phải, thà mua sớm mà trả nợ, còn hơn là để nó dây dưa, rồi đến nẹn phải lo một món to. Cậu cứ chịu khó ăn sẻ để dành, nay mai phúc nhà còn vượng, tôi đô ve, thì lúc bấy giờ ta làm giàu!

Nghĩ đến tương-lai thì phấn-trấn trong lòng, ma nghĩ lại riêng mình cậu, tui tôi lại đau từng khúc ruột, vì tôi mà cậu mang công mắc nợ, một mình lo-lắng năm canh! nào cho tôi đi học, nào lo-lang ma chay cho mẹ vợ, nào nuôi cho em vợ đã dỗ được nên người.

Độ nay cậu phải đi làm thêm như thế có mệt lắm không? Cậu nên mua thuốc bổ ma uống; nếu không thì lại đang ông lang thầy ma mua lấy mấy lạng cao ban-long để ăn; cậu chớ nên coi thường sức khỏe làm vậy.

Năm nay ở bên này nắng lắm, cái nắng khô-khan ở miền Nam này, lắm lúc tôi cũng thấy khó chịu, nhưng vẫn được mạnh khỏe.

Tôi gởi theo đây gói đồ chơi của con, nó mừng rỡ thế nào, cậu cho tôi biết, cái anh cậu mới gởi sang, sao tôi trông gầy thế? mà mũi con có cái vết gì đau, hay là vết sờn trong ảnh, cậu cho tôi biết?

Tôi khỏi ốm ngay tối hôm tôi viết thư về cậu. Nếu biết rằng cậu lo, thì tôi chẳng nói cho xong.

Mille baisers

Tuyết-Anh

***

Aix, le 15 Août 1930

Cậu,

Thật là từ ngày tôi bước chân xuống tầu tới nay, tôi tiếp thư nào ở nhà cũng lấy làm buồn-bực ân-hận.

Ai ngờ vừa tháng trước đánh giây thép báo tin đỗ cho cậu biết, thì nay đã tiếp được tin cậu như sét đánh ngang tai.

Thế nào, cậu ho ra làm sao mà có máu thế? Tôi nói có sai bao giờ đâu. Cậu chả nghe tôi, cậu chả bồ dưỡng sức khỏe, để đến nỗi mang bệnh vào mình. Nếu cậu ho lao, thì thật là cái vô phúc, trăm phần tôi xin chịu cả? Thà rằng tôi chết cho cậu được sung-sướng, còn hơn tôi để cậu phải cáng đáng một mình hết nỗi nọ đến nỗi kia.

Cái ảnh phổi cậu chụp xong cũng cho tôi xem với. Nếu thầy thuốc chiếu điện mà đã nói thế, thì tôi tưởng cậu nên nghỉ việc đi là hơn.

Nhưng làm thế nào? Cậu giồng cây sắp tới ngày ăn quả, đến sang năm, tôi thi nốt phần thứ hai kỳ tú-tài rồi, vậy cậu nghĩ cho tôi thế nào, tôi cũng xin vâng theo.

Ở bên này, ông Madron mấy hôm nay cũng ốm, đến nay bệnh vẫn chưa thấy lui.

Thì ra chung quanh mình tôi chỉ thấy những sự buồn, mà không đủ sức để can ngăn nó được. Tôi khổ lắm.

Bệnh-tình cậu hiện nay thế nào, từ nay xin cứ mỗi kỳ tầu, cậu nhớ cho tôi biết. Con thế nào? vẫn chơi ngoan đấy chứ? Chuyện gì bí-mật mà tôi hỏi trong ba bức thư luôn, cậu chưa trả lời thế? Đừng chơi-bời gì nhé!

Nay kính thư,

Tuyết Anh

***

Aix, le 4 Septembre 1931

Thưa Cậu,

Tôi bất-đắc-dĩ cầm bút viết bức thư này để tạ tội cùng cậu, xin cậu tha-thứ cho người vợ bạc-bẽo phản-bội này.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

18

Trà-sơn
dịch

— Vậy thì làm sao ?

— Vậy thì nếu tôi bỏ ông ta thì tất nhiên ông ta phải theo ông Bắc-ca ở nơi chín suối, mà ông Bi-ly-bá là người có cái đồn-điền kia tất phải tìm người khác kế nghiệp một lần trót nữa. Tôi muốn đến cứu ông ta, nhưng tôi lại không muốn để cô-nương một mình ở đây.

Nàng sốt-sắng nói :

—Tôn-ông đưa cả tôi đi cũng được.

Chàng mỉm cười và lắc đầu.

Nàng lại nói tiếp :

— Nhưng, tôi thiết tưởng cũng bằng một người đàn ông !

— Không được, dù về phương-diện nào, tôi cũng chỉ muốn cô-nương ở lại đây coi nhà là hơn cả.

— Thì tôn-ông đưa mấy đứa người Ta-hải-ty của tôi đi vậy, chúng bắn thạo, chúng không biết sợ gì hết trừ tên Ôn-ta-mi ra không kể. Nhưng tên này nó không phải sợ người đâu, nó chỉ sợ ma mà thôi.

— Tôi không muốn để cô-nương ở nhà trơ trọi một mình.

Cái chuông lớn đồ hồi, 50 tên mọi ở trong trại chạy ra vừa lầm bầm vừa khiêng xuống thả xuống nước. Bọn phu xuồng mọi khi xuống cả xuồng ngồi, lại thêm có ba tên người Ta-hải-ty cũng lưng đeo bao đạn, vai vác súng như chàng Xen-đôn vậy.

Khi xuồng nhổ sào, chàng Xen-đôn bảo với cô Gian-nê rằng :

— Xin chào cô-nương ở lại, sáng mai tôi sẽ về.

Cô Gian-nê một mình lững thững đi vào phía cửa vườn để về nhà. Cô phải đi qua đám mọi đen ban nẫy khiêng xuồng ra bể; tuy không cần phải chờ, nhưng hiện còn tụ-họp ở đấy, đương khoa chân khoa tay, nói toàn tiếng thổ-âm, bàn tán về những việc xảy ra ban chiều.

Chúng thấy nàng đến đều rẫn cả ra, nhường chỗ để nàng đi. Khi nàng đi vào giữa bọn chúng, nàng bỗng thấy rật mình ghê sợ, tưởng phen này tính-mạnh mình phó-gửi ở trong tay chúng.

Nếu bây giờ chúng muốn thịt nàng thì thật là dư sức, mà giá quả như thế, thì ai ngăn cấm được chúng! Sau nàng lại nghĩ tên Nô-át đứng cũng không xa chỗ nàng, nếu vạn nhất có điều gì, nàng kêu lên, tất nó sẽ đem người nhà ra cứu. Nghĩ như thế nàng lại tự thấy vững giạ.

Song, khi nàng vừa mở cửa vườn ra để đi vào, bỗng có một tên mọi đen ở só tối tiến đến, nàng không biết là ai cả, bèn thét lên rằng :

— Cái chi vậy ? Tên mi là gì ?

Tên mọi đáp :

— Tên tôi là Á-rê-á.

Nàng sực nhớ ngay ra tên này là một đứa trong tụi hai đứa ốm mà nàng đã thuốc thang cho ở nhà thương khi trước, đứa kia thì chết rồi.

Tên mọi lại nói tiếp :

— Tôi đã uống nhiều thuốc lắm.

— Được lắm ! Bởi thế nên người mi bây giờ được khỏe khoắn.

— Tôi muốn thuốc lá, muốn vải cát bá, muốn răng cá voi làm một sâu tràng hạt, muốn cái thắt lưng.

Trong bụng nàng tưởng tên này nói dỡn, nên nàng dương mắt nhìn thẳng vào mặt nó xem trong só tối, nó có cười hay có nhăn nhó gì không. Nhưng trên cái mặt nạ khả-ố của tên mọi, không thấy động dụng một chút nào.

Ngoài cái manh vải chật-hẹp quấn sát ngang lưng, ngoài cái đôi nút chai đeo lủng lẳng ở tai, ngoài cái vòng vỏ hến quấn chung quanh đầu, thứ vỏ hến ở đây vẫn dùng làm tiền, tên Á-rê-á mình trần như rộng. Thân thể nó thì loáng như là bôi dầu ; dưới bóng các ngôi sao, mắt nó lấp lánh như là mắt một con thú rừng vậy.

Những tên mọi đen khac đứng sau lưng nó như một bức tường. Một vai đứa trong bọn chúng nói dỡn với nhau. Còn bao nhiêu đứa khác thì đứng nhìn cô Gian-nê một cách điềm-tĩnh đáng sợ.

Cô Gian-nê hỏi tên mọi :

— Này, tại sao mi muốn nhiều chuyện thế ?

Tên Á-rê-á đáp :

Tôi đã uống thuốc rồi, cô phải trả công tôi.

Cô Gian-nê tự nghĩ.

— Đấy, thật một cái gương tốt của sự biết ơn ! có lẽ chàng Xen-đôn nói đúng chắc ?

Tên Á-rê-á cứ cố ý đợi. Ngoài khơi một con cá nhảy, một làn sóng nhỏ từ xa đưa lại khe khẽ đập vào ven bờ. Một con rơi điềm-nhiên bay thoáng qua đầu cô Gian-nê và tên mọi. Làn gió hắt-hiu thổi qua mặt thiếu-nữ. Đó là làn gió biển vừa bắt đầu thổi lên.

Cô Gian-nê vừa quay lưng lại phía tên mọi để đi vào vườn và bảo nó rằng :

— Mi phải về trại ngay !

Thì tên mọi tiến lên một bước nói rằng :

— Cô phải trả tôi...

Tôi chịu ơn cậu thực là nhiều, cũng mong đến nay công thành danh toại, về để hầu-hạ cậu, giúp đỡ cậu trong lúc ốm đau. Nhưng mà . . . tóc tơ ngắn-ngủi có ngần ấy thôi, cậu cũng cầm bằng như tôi hư mà cậu bỏ tôi từ trước, hoặc duyên đôi ta, giữa đường đứt quãng, thì từ nay xin cậu coi tôi như không có nữa mà thôi.

Sự vợ-chồng ông trời đã định sẵn, có lẽ duyên nợ của cậu với tôi, đã hết từ ba năm trước lúc đưa nhau ở bến tầu Sáu-kho.

Cậu cũng đừng nghĩ, đừng tìm tôi nữa, tôi sẽ ở Nam-kỳ với một người bạn học tôi mới đậu Y-khoa bác-sĩ.

Nay vĩnh quyết,
Tuyết-Anh
Nguyễn-công-Hoan

— Mi là thằng đại ngốc ! Tao không việc gì phải trả công mi.

— Tôi đã uống thuốc rồi ! Tôi muốn được trả công, trả ngay tức thì !

Cô Gian-nê nóng tiết lên tát cho tên Á-rê-á hai cái nên thân. Tên mọi ngã chúi vào phía các anh em nó đứng.

Một tên mọi khác xấn lên nói :

— Tôi cũng muốn được trả công. Cặp mắt nó có vẻ rầu rầu ai oán, cái vẻ rầu rầu ai-oán ấy, cô Gian-nê thường nghiệm thấy ở trong đám loài hầu. Nó thấy cô Gian-nê nhìn nó thì rõ ràng nó ra chiều ngượng-nghịu nhưng nó cũng mím cái cặp môi dầy lại để làm gan.

Cô Gian-nê hỏi :

— Trả công ? Tại làm sao vậy ?

— Tôi là thằng Gô-gu-mi, tên Bao chính là anh ruột tôi đó.

Cô Gian-nê nhớ ngay ra rằng Bao là cái thằng mọi bị chết trong hai đứa ốm độ trước, liền hỏi :

— Được, thế rồi sao ?

— Bao đã uống thuốc, Bao chết, Bao là anh ruột tôi, cô phải trả công tôi, cô phải trả công tôi.

Bố tôi là một tên đại đầu-mục ở bến A-đam, tôi muốn được cô trả công.

Cô Gian-nê cười mà rằng :

— Gô-gu-mi ! Mi chả khác gì thằng Á-rê-á, một thằng đại ngốc. Tao thử hỏi mi : tao cho thuốc tên Bao thì ai trả tao tiền ?

Nói xong nàng bước qua cửa chấn song ở ngoài vườn đi vào, rồi đóng sập cửa lại.

Tên Gô-gu-mi vẫn chưa chịu là mình thất bại. Nó còn xô vào cửa mà la lên một cách hỗn hào rằng :

— Bố ta làm đại đầu-mục. Cô không dám đánh vào đầu ta như tên Á-rê-á. Này ta bảo cho mà biết : cô sợ ta rồi đó !

Cô Gian-nê trong mình như bị cái kim nộ-khí nó kích-thích bèn hỏi lại tên mọi rằng :

— Tao sợ mi ư ?

— Phải sợ chứ ! Không khi nào cô dám đánh ta.

Cô Gian-nê bèn quai ngay cánh tay qua cửa, duỗi thẳng tay tát vào giữa mặt tên mọi. Cái tát mạnh quá làm cho tên mọi choáng váng cả người, suýt nữa ngã lăn ra đất.

Khi tên mọi định-thần lại được rồi, nó nhẩy xổ vào hình như muốn phá cửa. Tất cả lũ mọi cũng xô lại cả ngoài hàng rào.

Lúc này là lúc nguy. Cô Gian-nê nhanh trí nghĩ ngay ra rằng không có súng lục ở bên mình. Khẩu súng lục của nàng hiện treo ở trong phòng. Tuy vậy nàng cũng không hoảng sợ vì nàng yên trí rằng tên Nô-át đứng cũng không xa chỗ đó, chỉ chờ mình kêu là nó chạy lại cứu viện ngay.

Bởi thế nàng không kêu cứu. Nàng chỉ huýt còi gọi con chó :

— Sa-tăng ! Sa-tăng !

Nàng cũng biết là con chó bị xích không thể đến được nào.

Song những tên mọi không còn dám lôi thôi gì nữa. Tưởng như con chó đã đến ở đâu sau gót, chúng liền chạy toán loạn, reo hò rầm-rĩ. Còn tên Gô-gu-mi bất đắc dĩ cũng phải chạy theo sau.

Cô Gian-nê vừa bước chân vào nhà vừa cười rũ rượi. Đoạn rồi nàng lại nức nở khóc, bực mình về câu chuyện vừa mới xẩy ra. Suốt một đêm nàng không nhắm mắt để thuốc thang săn sóc cho một tên mọi không may nó chết, mà nay thằng em nó lại đến hỏi tiền công như thế đây !

Nàng lẩm bẩm nói :

— Rõ chán chưa ! Đồ lỗ-độn ! Ôi phường bất nhân !

Trăm chiều hồ thẹn nàng tự hỏi :

Chả biết có nên thuật cho chàng Xen-đôn nghe câu chuyện xẩy ra không ?

CHƯƠNG THỨ XI

Sáng hôm sau, chàng Xen-đôn ngồi dưới mái hiên thuật cho cô Gian-nê nghe rằng :

— Tóm lại công việc xong xuôi cả. Lúc tôi đến, ông Bưu-xê còn do-dự chưa quyết-định nên dùng phương-pháp nào để tiễu-trừ bọn người ở bến A-đam. Ông thì ngần-ngại không muốn dùng võ-lực. Tôi thuyết mãi, ông mới chịu phục và bấy giờ ông hành sự tỏ ra một cách rất can-đảm.

« Chúng tôi đem xử-án ngay tên đầu đảng Tê-bá-xê. Tên này là một tên vô-lại già mà khả-ố lắm ! Vì nó chẳng ưa cái trò-đùa tức cười ấy, nên nó phải phục-tùng mạnh-lệnh ngay. Nghĩa là nó chịu đền cho chúng tôi gấp mười số lợn bị giết.

« Sau đó chúng tôi phải mời nó và bọn nó bước ngay lập tức. Tôi xin thú thật là bọn chúng cũng không phải là ít. Chúng có tất cả 60 người đóng trên năm chiếc thuyền độc-mộc lớn. Chúng chỉ rình có cơ-hội là hạ độc-thủ liền. Mười hai đứa trong bọn chúng có cả súng tốt kiểu Sĩ-ni-đe. Những súng này, đáng lẽ ra đã bị-tịch biên đã lâu mấy phải.

— Tại sao tôn-ông không lấy lại những súng ấy ?

Việc cai-trị ở trong quần-đảo còn trọng hình-thức lắm. Nếu tôi mà lấy, tất chúng sẽ đến Tuy-la-gi kêu là tôi cướp của cải của chúng, thành thử tôi sẽ có lỗi.

« Chúng đã lại bơi ra khơi cả rồi. chúng bơi được chừng 2 hải-lý thì chúng đỗ thuyền lại để ăn uống. Khi tôi quay lưng chắc rồi chúng sẽ lên thuyền đi sau tôi, mà quyết chỉ trong hôm nay chúng sẽ đến đây, xem bộ chúng tức tôi lắm. »

Quả nhiên cách hai giờ sau, đoàn chiến-thuyền kia nghiễm nhiên đến thả-neo ở Bế-rang-đệ.

Bọn phu trong đồn điền làm xong buổi sáng đã về trại cả. Những thằng ở của chàng Xen-đôn thì đang bận nấu ăn ở dưới bếp. Con Sa-tăng nằm quèo ở dưới gầm cái bàn bi-da, thỉnh thoảng lại lấy chân sua ruồi. Cô Gian-nê thì ở dưới kho. Chàng Xen-đôn thì nằm ngủ trên cái võng ngoài hiên.

Bên ngoài, chiếc tầu Phi-lý-be chiếu bóng xuống mặt nước biển loáng như gương lạng như tờ. Chiếc tầu vẫn bỏ neo không nhúc-nhích, hình như cũng bị bẹp ở dưới cái ánh nắng ban trưa. Những tên người Ta-hải-ty thì đáp xuống đi ngược giải sông Bá-lê-suy-mã để bắn cá từ lúc

rạng đông. Trong không tuyệt nhiên chẳng có một tý gió nào.

Chàng Xen-đôn đang mơ màng, dở thức dở ngủ, vẳng nghe có tiếng ồn-ào như là một thứ tiếng báo hiệu ngầm đưa đến, chàng sực tỉnh dậy.

Chàng vẫn nằm yên trên võng không nhúc nhích, chàng mở mắt ra, thấy ở khu đất dưới chỗ mình nằm, đầy những mọi đen có đeo khí giới. Đó là bọn người ở bến A-đam mà chàng vừa từ biệt lúc ban sáng.

Bọn đó lại có thêm 15 tên phu mới giấy loạn ở Sang-Xích-tô-ba, chắc tụi này theo đường biển đến với nhập bọn kia

Chàng Xen-đôn ở trên võng tuồn xuống, đi lại gần cái bao-lơn. Tới đó, chàng ngáp một cái dài, rồi phóng tầm con mắt nhìn xuống bọn người đang chen chúc ầm-ĩ.

Chàng nghĩ bụng cái số - mệnh của chàng là phải luôn - luôn đối-phó với những cuộc phiến-loạn xảy ra ở cái đất này, hết dùng cách ngọt-ngào lại dùng cách đe dọa.

Cặp mắt chàng làm ra bộ thản-nhiên không sợ, kỳ thực chàng vẫn phải để ý nhìn xem bọn mọi đen chúng giở trò gì. Ngoài những khẩu súng kiểu Sĩ-ni-đe ra, chúng lại có thêm một vài khẩu súng cũ, còn thì chúng dùng dáo, mác, thiết-lĩnh, cung tên, quắm, mỏ diều dài cán.

Đằng sau bọn mọi, chàng thấy 5 chiếc thuyền độc mộc lớn, có chạm vẽ những hình kỳ quặc và trang điểm những vòng hoa chắp bằng sà cừ.

Chàng khoa cánh tay hỏi chúng:

— Tại sao bay dám lảng - vảng đến chỗ này?

Thấy không có ai đáp, chàng lại hỏi tiếp, nhưng lần này cái giọng kém ngọt-ngào.

Những tên mọi đen, hình như trong bụng có ý chột sợ, tự - nhiên thấy xuẩn-động như một đàn thú vậy. Song, vẫn không ai nói một tiếng nào. Chúng chõm mắt nhìn chàng. Mọi người trong tụi đương chờ đợi cái việc sắp xảy ra. Nhưng, nào ai là người cử - động trước nhất? Nào ai là kẻ cầm chịch cho công việc hành-động chung?

Ấy chính cái đứa ấy, chàng Xen-đôn đương tìm trong đám đông người kia. Vì chỉ cái đứa ấy mới là đứa đáng sợ.

Bỗng chàng nhìn thấy ở ngay trước mắt, vì miệng một khẩu súng ở trong đám đông người thò dần lên và từ từ chĩa về phía chàng đứng.

Chàng chỉ ngón tay vào khẩu súng đột-ngột hỏi:

— Mi đem súng đến đây để làm gì?

Tên kia rật mình hạ súng xuống. Chàng quát lên rằng:

— Tất cả chúng bay phải ra khỏi chốn này! Chúng bay phải lui cả ra thuyền và lui cả về chỗ nước mặn! Có hiểu không?

Một tên mọi đen người mập và bẩn thỉu, trước ngực tông lá, hình như phủ một lớp cáu ghét hàng năm chưa tắm rửa, lên tiếng nói rằng:

— Tôi muốn nói chuyện. . .

Chàng Xen-đôn ra giọng vui vẻ đáp:

— Này, Tê-bá-xê, mi đấy ư? Mi bảo người của mi đi đi, rồi mi sẽ nói chuyện với ta.

Tên mọi nói:

— Những người này tử-tế cả. Chúng cư ở đây cũng được.

Chàng Xen-đôn ra bộ vô-tình, cố giằng sức giấu cái chỗ kém của mình về sự nhượng bộ cưỡng bách ấy, liền hỏi:

— Được rồi! Mi có điều gì nói với ta?

Tên đầu-mục già chỉ vào tên Gô-gu-mi mà nói rằng:

— Tên này là người của tôi.

Chàng Xen-đôn nhận ngay ra, liền hỏi:

— Thế làm sao?

Tên Tê-bá-xô nói tiếp:

— Thế mà vợ ông dữ tợn quá. Bà ấy đánh vào đầu tên Gô-gu-mi, cái đó không tốt. Thằng Gô-gu-mi là con một vị đại đầu-mục, khi nào tôi chết, nó sẽ được lên làm đầu-mục thay chân tôi. Vì vợ ông đánh vào đầu nó, ông phải đền tôi nhiều thuốc lá, nhiều thuốc súng, nhiều vải cát bá.

Chàng Xen-đôn cười và nói:

— Thật là một lão già khôn nạn!

Một giờ trước nghe cô Gian-nê thuật chuyện cái tát cô tặng tên Gô-gu-mi, chàng đã cười đau cả ruột, đến bây giờ tên Tê-bá-xê lại đến để bắt đền! chàng thét lên rằng:

— Gô-gu-mi! cái địa-vị mi không phải là ở đâu đây! Cái địa-vị mi là ở trong trại Mi phải séo, séo ngay lập tức!

Tên mọi bị tát kia nói:

— Không, tôi cứ ở lại đây!

Tên Tê-bá-xê nói:

— Vợ ông đã đánh vào đầu nó. Này tôi bảo cho mà biết, nếu ông không đền, rồi đây còn nhiều sự rắc-rối.

Lúc ấy chàng Xe-đôn nghe có tiếng sàn nhà khẽ kẹt, biết rằng cô Gian-nê đi lại chỗ đằng sau lưng mình. Nhưng chàng không quay cổ lại, vì có nhiều súng ở bên dưới chĩa vào mặt, dự-bị sẵn sàng chỉ chực bắn ra. Cái sàn nhà ở đằng sau chàng lại kẹt lần nữa. Chang biết là cô Gian-nê đi, rồi lại có tiếng kẹt khác báo cho chàng biết là nàng lại trở lại. Nàng đến ngồi ngay bên cạnh chàng và chàng thấy mồm nàng ngậm điếu thuốc lá đang cháy. Chang lấy làm lạ quá, vì xưa nay nàng không quen hút thuốc lá, và lúc nay cũng không phải là lúc hút thuốc.

(Còn nữa)

Mục-lục

— Ta nên hiểu nghĩa chữ đạo-đức mới.
— Đọc bài « bất-điều-đình » của ông Phan-Khôi.
— Esperanto.
— Y-học : Phục-linh.
— Đảng Xã-hội Lao-động trong nghị-viện Pháp.
— Thi-đàn-giảng-tập.
— Văn đan.
— Phụ-nữ đối với công việc xã-hội
— Anh Công và anh Mù.
— Pháp-luật dẫn-giải.
— Thế là mợ nó đi Tây.
— Đâu có lạ-lùng — 18

Một cuốn sách *thiết-thực* có ích-lợi vừa xuất bản do Nhà-Nước thông-dụng:

LUẬT TRƯƠC-BẠ MỚI

Thể-lệ đương thi-hành thuế trước-bạ, tem, ốp-bộ và Địa-bộ, có thí-dụ dẫn-giải rõ ràng

ĐÔNG-MAI

NGUYỄN-QUANG-THAI

soạn

Sách này sau khi quan Chánh Trước-Bạ Đông-Pháp và quan Chánh Địa-Bộ Đông-Pháp xem qua rồi, Toà Trước-Bạ Trung-Ương lại kiểm-duyệt cẩn-thận

Công-văn số 4.117-E, gửi ngày 27 Septembre 1930,

Quan Giám-Đốc Tài Chính Đông-Pháp có giới thiệu với:

Quan THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Quan KHÂM-SỨ TRUNG-KỲ,

Quan THỐNG-SỨ BẮC-KỲ.

nên mua quyển này cho các chức-dịch chốn hương-thôn thông-dụng.

vì là một quyển sách thiết-thực rất có ích-lợi cho nhân-dân.

Sách giấy 90 trang **Giá 0$60**

Có gởi bán ở các hiệu sách lớn các nơi.

Ở xa muốn viết thơ thẳng về bản-quán mua, mỗi cuốn xin gởi thêm 0$20 tiền cước.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khi hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘泛書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (loại Tiểu-thuyết). Giá . . . 0,20
3. — **Khối-tình con thứ ba** (Thơ ca). Giá . . . 0,25

Đã đương in :

4. — **Giấc mộng con thứ hai. . . . .**

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Từ 1er Juin này trở đi; các Ngài mua buôn và mua lẻ các sách của Bản-cục in ra trong năm 1932, từ *Thanh-hóa* trở vô tới *Nam-kỳ*, và *Ai-lao*, *Cao-mên*, xin viết thư về hỏi tại :

M. Vương-đình-Châu

Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam. — Vinh.

Nguyễn-khắc-Hiếu

kính-cáo.

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh trông mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiệu **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-trượng, thấn-dư rất lịch-sự vững chãi, đồ dùng trong việc hiếu cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự đủi đo ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin [illegible] kiểu đẹp giá rất phi chăng, chắc được các ngài vừa ý.

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không đám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đất vân vân.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thơ chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tân thiện tân mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê

Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

L'Administrateur Gerant : Ngô-Tuức-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tap-Chi

AN NAM

TẠP-CHÍ

Báo quán : *72, Phố hàng Khoai,* Hanoi

Số 44 Giá 0$05 Ngày 8 Juin 1932

PHỤ TRƯƠNG

CÔNG ÔNG PHẠM-QUỲNH Ở XÃ-HỘI

TIẾC CHO HOÀNG-VIỆT-NGA !

Phàm một dân-tộc đương thời-kỳ quá-độ, cần nhất là hạng nhân-tài nào ? — Theo ý tôi thời hạng người *mạo-hiểm* quí hơn hết. Trong các người mạo-hiểm cũng lại nên phân-biệt có mấy tính-chất khác nhau : có người mạo-hiểm mà nguy đến *tính-mạnh* ; có người mạo-hiểm mà nguy đến *tài-sản* ; có người mạo-hiểm mà nguy đến *danh-dự*. Tính-mạnh, tài-sản, danh-dự, ba cái đó đều là trọng-bảo của người đời ; vậy thời ba hạng người mạo-hiểm ấy, sức can-đảm hoặc có hơn kém nhau, song kể đều là đáng quí. Quí vì sự mạo-hiểm của người ấy, có nguy đến phần trọng-bảo của tự mình, mà có động-đạt đến thanh-ảnh của công-chúng ; khiến cho một phần công-chúng nhờ theo ở cái thanh-ảnh đó, bước lên con đường hay. Vậy thời mạo-hiểm thật đáng quí.

Tuy vậy, mạo-hiểm vẫn là một cái đức-tính đáng quí, song lại cần phải có nghị-lực, thời thanh-ảnh đến công-chúng mới có kết-quả được ít nhiều. Nếu không có nghị-lực tiếp theo, thời sự mạo-hiểm kia cũng chung-qui không có giá-trị. Cho nên càng nghĩ đến cái công ông *Phạm-Quỳnh* hiện nay ở xã-hội ta bao nhiêu, mà càng riêng tiếc cho cô *Hoàng-Việt-Nga* là một người chỉ bị công-kích vậy.

Tôi thấy cô Hoàng-Việt-Nga, cuộc *đi bộ Đồ-Sơn*, bị ông *Lê-công-Đắc* công-kích kịch-liệt, rồi từ đấy tiêu diệt thanh-ảnh, thể-thao phụ-nữ đã như đổ mất đội tiền-phong. Nhân đó mà

nghĩ lại khi xưa ông Phạm-Quỳnh *dùng nhiều chữ nho* trong Nam-Phong, tới nay có công-quả đến xã-hội. Vậy thời cái giá-trị của sự mạo-hiểm, chẳng là tròng ở nghị-lực hơn kém nhau hay sao?

Báo Nam-phong xưa còn thịnh-hành, ông Phạm-Quỳnh viết quốc-văn có dùng nhiều chữ nho; một ông ở Nam-kỳ, nghe nhớ là ông *Nguyễn-háo-V...*, có viết bài ra công-kích kịch-liệt, bảo là nên đem về nước «*chiệc*» mà dùng. Trong khi ấy nghe ông *V.* công-kích lây cả đến những người học chữ nho sinh đem chữ nho để dùng trong quốc-văn. Tôi không cần phải bênh các người học nho mà cãi lại làm chi; song ông *V.* cũng nên biết rằng: *những người thật nhà giàu, ít hay mặc áo gấm; những người mà sinh mặc áo gấm, có khi không phải là người giàu.* Sự công-kích của ông *V.* vô luận như sao; mà sự dùng chữ nho trong quốc-văn, ông Quỳnh cứ thái-độ không đổi. Đó là cái nghị-lực của *Thượng-Chi tiên-sinh* đủ giữ bền cái đức-tính mạo-hiểm, cho nên sự dùng chữ nho trong Nam-Phong tạp-chí có một phần công-quả đến xã-hội đồng-bào ta hiện nay.

Hiện nay, trong xã hội ta, không cứ những bài quốc-văn trong báo-trương có thông dùng rất nhiều chữ nho; mà cả những chốn ca-đài, nơi tửu-quán, người thương-lữ, khách bình-khang, đều có nói rất nhiều chữ nho, mà câu nói đều cũng đúng nghĩa. Một cái hiện-tượng tốt đẹp ấy, tuy không phải do sức riêng của một người làm nên; song mà Phạm Thượng-chi tiên-sinh thực chiếm có một phần công-quả lớn. Ông Nguyễn-Háo-V. đến nay nhận ra, nên cũng tự biết rằng những lời công-kích của ông khi xưa rất là không có kiến-thức vậy.

Bên cuộc đi bộ của cô Hoàng-Việt-Nga mà có ông Lê-công-Đắc, chẳng khác như khi trước ông Nguyễn Háo-V. ở bên báo Nam-phong. Vì Hoàng-Việt-Nga không đủ nghị-lực đối với sự công-kích bên ngoài, không có thực-lực để tiến-hành sự mạo-hiểm của tự mình, cho nên giữa đường mà bỏ, sau cuộc Đồ-sơn không lại nghe có cuộc đi bộ nào khác; các chị em bạn gái trong lớp sóng thể-thao những ai đó, nghĩ chẳng đáng tiếc cho Hoàng Tiểu-thư lắm ru?

(Kỳ khác, sẽ có bài nói về cô Hoàng-việt-Nga và ông Lê-công-Đắc).

Nguyễn-khắc-Hiếu

TÍCH LINH TẠI NGUYÊN
HUYNH ĐỆ CẤP NẠN

Chim kia còn vậy,
Ta người nghĩ sao?

Ngày 4 Mai vừa rồi, Đồng-bào ta ở mấy tỉnh miền Nam Trung-kỳ, bị nạn bão lụt, ruộng ngập nhà trôi, người chết của hết, cái cảnh cơ-khổ cùng-quẫn, tưởng khôn cần phải nói ra, các Độc-giả cũng có thể tưởng-tượng mà biết được.

Muốn cứu-giúp nhau trong cơn hoạn-nạn, bữa 2 Juin vừa đây, hội Bắc-kỳ trung-ương phổ-tế đã cùng các hội thiện ở Hà-thành và các nhà báo họp hội-đồng ở hội Hợp-thiện, để bàn-định về vấn-đề ấy. Ngoài việc tổ-chức các cuộc vui làm phúc, Hội-đồng đã mở cuộc lạc-quyên ở khắp địa-hạt Bắc-kỳ. Các sổ-quyên hiện đã gửi đi các tỉnh và giao cho các nhà báo, để thu-nhận các món tiền quyên-trợ, kể đến ngày 5 Juillet là hết hạn.

Chúng tôi mong rằng chư Quý Độc-giả của An nam Tạp-chí sẽ không vì cớ khủng-hoảng hiện thời mà đem lòng lãnh-đạm đối với tai-nạn của Đồng-bào. Trái lại chính đương lúc khó-khăn, đồng tiền bỏ ra vì việc nghĩa mới thật là có giá-trị.

Đồn-vàng du-lịch ký

Cách tỉnh Phú-thọ 29 cây số, gọi là Đồn-Vàng, hiện nay châu Thanh-Sơn thuộc tỉnh Phú-thọ đóng ở đấy. Đường bộ đi từ Phú-thọ vào, một nửa đường cái phẳng-phiu, một nửa đường rừng khấp-khểnh, nhưng toàn là đường quan-bao có cột giây-thép cả, đương thủy khởi hành từ bến đò Phú-thọ, theo ngược miền sông Thao, rẽ vào ngả sông Bứa, thuyền nan nhẻ-nhẹ, đủng-đỉnh một con chèo, xuốt một ngày tới bến Đồn-Vàng.

Đồn-Vàng có từ bao ? Từ đời ông Hoàng-kế-Viêm đóng đồn ở đấy, nhân sở-tại là làng Hoàng-lạn, nên gọi là Đồn-Vàng, tên Đồn-Vàng xuất hiện ra từ đấy. Xứ này diện-tích chiếm một phần ba tỉnh Phú-thọ, ruộng nương ít, rừng núi nhiều, địa-thế rất hiểm trở, bên trên có đồi Vân khuất-khúc, mé dưới có sông Bứa quanh-co ; cảnh tượng lại có vẻ thiên-nhiên, như hoa thêu, như gấm dệt, súc cảnh sinh tình, thật đáng ưa đáng nhìn cho con mắt người du sơn du thủy.

Bấy lâu tuyết điểm sương pha, cuộc tang-hải vắng tanh người du lãm, đèo heo hút gió, khách giang-hồ ngần ngại bước gian-nan ; tuy đường xá có mở thêm, nhưng người có tư-tưởng chưa từng để tâm đến, nên đường tiến-bộ chậm-chạp, thực thiệt thòi cho miền mán, mường, rợ-mọi.

Xứ này rừng núi nhiều, chia ba chiếm 2 phần, nên khí-hậu nặng-nề, buổi sáng khí núi bốc lên mù-mịt, đến 9 giờ mới tan sương rạng bóng, buổi chiều bóng thiều tà-tà sế núi, vừa 6 giờ đã áo kép chăn bông, đó là nói mùa Hạ tháng nóng, chứ không kể mùa đông tháng rét, những người đường xuôi, đã có một phần ít lên buôn bán, người thì bụng ỏng dít beo, da chì mặt bủng, sức khỏe như voi, cũng không có thể chống cự với cái nước xanh trong vắt ở sông Bứa được. Xưa có câu tục-ngữ : « *Nước sông* **Bứa**, *ngựa lội qua trượt vó, chó lội qua trượt lông, con gái không chồng lội qua cũng phải chửa* », ai nghe thấy cũng dùng mình sởn gáy, nên khi xưa lính tráng trấy Đồn-Vàng; đã có câu than rằng : «*Con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ-non*», đủ biết khí-hậu Đồn-Vàng không phải vừa ; gần nay đường xá đã mở-mang, có cột giây thép, có đường o-tô, ngay cửa Đồn có nhà thương, trường Pháp-việt, nhà giây-thép, dân cư xum-họp, buôn bán mỗi ngày một đông, nên khí lam-chướng mỗi ngày một kém.

Dân cư ở lẻ-tẻ, chia ba, 2 phần mường mán, một phần người kinh, ước hơn 8000 suất đinh, chỗ này ở năm bẩy túp, chỗ kia ở một vài nhà, cuối xóm đầu làng, có công việc hội họp với nhau, đi vừa một ngày thẳng rẵng, cửa nhà ăn ở rứt dẫn-dị, cơm sôi nước vác, nhà gác lợn thui, tuy mấy gian nhà tre gỗ nứa lá, một dúm muối trắng cơm lam, cũng đủ vui-vẻ trong cảnh gia-đình mà tiêu-diêu ngày tháng.

Tính tình người dân có vẻ chất-phác, quê mùa cục-kịch, đối với xã-hội nhân-quần rứt là thực-thà, mà lại có tính tự chủ, không ai chịu làm nô-lệ cho ai ; ở trong làng trong xóm, ai có công kia việc nọ, thì kẻ này người khác, ra sức giúp đỡ lẫn nhau ; rồi chè chén cùng nhau ; chứ không có cái lối công nhật 0$30 như dưới đường xuôi, nếu ai lười biếng ươn hèn, quen thói ỷ-lại nhờ người, thì kẻ chê người cười, xấu-hổ không biết là nhường nào, nên xuốt địa-hạt châu Thanh-sơn, không có một người ăn mày nào cả. Vì thế nên dân không có cái tính ghen-ghét ganh đua, chỉ an bần thủ phận, vác nặng ăn no, mộc-mạc nâu sồng không cho là xấu, mà trơn trắng lượt là cũng không cho là sang ; mũ áo, cân đai không biết là vinh, mà khố rách áo ôm cũng không cho là nhục : gặp sao hay vậy, tương an ở ngọn núi chân rừng, kể cũng đáng khen mà đáng cười, đáng mừng mà đáng tủi.

Ở xứ nay, phong-tục dân Hoa quan, hôn, táng, tế cũng dống như dưới Trung-châu, chỉ dân mường mán hai tổng thượng là khác hẳn, lạ nhất suốt 2 tổng không một người để râu, mà cũng không có một người nào hủi đầu, vẫn búi tóc răng đen, khăn tai mèo, vấy ba bức, thế mới cho là đẹp là nên vậy. Lại tục dân người nào chết chôn, không cải táng bao giờ, mà đại-tang phải đủ 3 năm, chứ không để 2 năm 3 tháng như dưới xuôi. Khi chết rồi chỉ ngày tết là cúng thôi, chứ không có cúng ngày giỗ ; còn như việc làng việc xóm, việc họ việc hàng, ăn uống đại loại cũng như tục cổ dưới xuôi ta ngày xưa. Tuy bây giờ cũng đã bắt buộc theo cái phong-trào cải-lương, nhưng cái hủ tục cổ truyền vẫn chưa tiêu-diệt hết.

Dân tỉnh này chuyên nghề làm ruộng, đốn gỗ kiếm ăn, chứ không biết buôn bán, nên quanh năm ngày tháng chỉ chen-chúc nhau ở trong só rừng. Nhưng về đường kỹ-nghệ, xem ra kể cũng đáng khen ; nào là dồng bông để dệt vải may áo mặc; nào là dồng gai để đan lưới đánh cá ăn ; chế ra cái nỏ bằng gỗ để săn-bắn ; chế ra cái dò bằng tre để bẫy chim ; chế ra cái bừa bằng gỗ để bừa đất ; đục cây gỗ để làm cái xe bò tải lúa ; lại nhân suối nước chảy, nghĩ chế ra cái cối giã gạo, gọi là cối máy, kể đã tinh sảo lắm ; lại còn cái máy nước làm lại thần tình hơn, kết hình tròn làm bằng mấy cây nứa, ở giữa có cái bánh xe, tục gọi là cái cọn, hứng nước suối chảy, truyền ống nọ sang ống kia, trục nước lên ruộng cao khô cạn, không cần nhân-công mà đủ nước cấy lúa, thế thì có kém gì cái vòi rồng máy nước bên châu Âu ; về đường thuốc-thang thì sốt rét nhức đầu, gẫy chân sát da, chỉ lá cây thuốc dấu là đủ khỏi, thế thì cần dùng gì đến thuốc Tây thuốc Tầu. Về đường yêu-thuật thì bùa yêu bùa ghét, phép ngái phép trái, làm cho lòng người phải mê-tín, thế thì có kém gì phép thôi-miên đời nay, xem thế biết dân mường mán, nghề nghiệp so với Trung-châu cũng chẳng giỏi gì, nhưng về phần nhiều, số người dưới Trung-châu cũng chưa ăn đứt.

Hiện nay đồn lũy của ông Hoàng-kế-Viêm thì để làm châu lỵ Thanh-sơn ; dinh thự của ông Hoàng-kế-Viêm thì để làm nhà thờ cố-đạo. Tuy sơn hà vẫn còn dấu cũ, nhưng

VĂN-ĐÀN

THI ĐÀN GIẢNG TẬP

Trong Văn - đàn có tiếp một bức thư của một ông bạn độc-giả Hà-nội gửi riêng cho tôi, tuy là thư ông gửi riêng cho tôi mà thực một nửa là lời lẽ thuộc về việc Thi-đàn giảng-tập Vậy xin đăng như sau đây, tôi hoặc có những ý-kiến như sao đáp lại ông, xin sẽ có ở kỳ tới.

Còn như một nửa sau trong thư, toàn là lời ông nói chuyện riêng với tôi về các thơ ca trong quyển Khối - tình - con và là lời khuyên bảo về nghề làm thơ, không can bận đến công việc Thi-đàn của Tạp-chí, xin miễn đăng.

Nguyễn-khắc-Hiếu

---

thời thế cũng có biến ri, nên cỏ mọc rêu xanh, đá meo rừng rậm, xe Thánh-đế khôn đường tìm dấu, khách giang-hồ ai nỡ rời chân.

Năm 1929 vào hồi tháng ba, ký-giả có đi qua, bước đi chân lại dùng-dằng, cảm vật hứng tình, nên có bài thơ rằng :

Người thác sao không độ kẻ còn,
Kẻ còn thì dại, thác thì khôn.
Non xanh nước biếc ghi lòng nhớ.
Vượn hót chim kêu gợi dọng buồn.
Dồn lũy bao phen sương điểm nhạt.
Tang thương mấy độ đá chưa mòn.
Đất thiêng hẳn có hồn nhân-kiệt.
Chẳng thấy đâu đâu chỉ thấy đồn.

Hoài-nam Lục-giự-Trâm

Hanoi, le 2 Juin 1932

Cùng ông Nguyễn-khắc-Hiếu
Chủ-sự An-nam tạp-chí
Hanoi

Thưa ông,

Đọc An-nam tạp-chí *phụ-trương số 42*, mục Văn-đàn, có bài của ông *Phạm-văn-Nghị* giảng tập bài thơ « *Vịnh bà Triệu* » của ông cử *Dương-bá-Trạc* mà khen là một bài thơ rất hay, tôi đã tự nghĩ là khi quá! Cứ ý riêng tôi, bài thơ đó, đem in vào quyển « Vận-văn bách-tuyển » đã là không hợp lắm rồi. Kịp đến khi đọc bài « *Cùng ông Phạm-văn-Nghị* » của ông, kỳ 43, tôi lại càng phục tài ông ; riêng nghĩ nghề thơ rất khó, không những học nhiều đã đủ làm được thật hay, lại cần phải có « thiên - tài », có « hứng-bút » mới được.

Toàn bài của ông Cử, chửa thấy có câu nào xuất-sắc, mà hai câu 5, 6 :

« *Thằng Ngô gan thỏ kinh gần rụng,*
« *Cửa tướng con giòng đích chẳng sai* ».

đã không *chỉnh* mà nghe thật thường qua. Nhời bình-luận của ông thật là sác-đáng. Nhưng đến câu thứ 3, ông khen là hay, chê ông Nghị nhầm; riêng tôi, tôi không sao biểu-đồng-tình cùng ông được.

Có lẽ câu lấy theo nhầy ý hai câu :

« *Vú dài ba thước vắt lưng,*
« *Cưỡi voi đánh trống trong rừng bước ra.* »

Câu trong Nam-sử diễn-ca, đọc lên, đủ rõ được cái *uy-phong* của một vị nữ-tướng-quân, không cần xuy-nghĩ, cũng đủ biết là hai câu vịnh bà Triệu. Nhưng câu của ông Cử, trái lại, nó không có ý-nghĩa gì cả ; « *Vùng-vẫy non sông ba thước vú* ». Ba thước vú ! mà đủ vùng-vẫy non sông ? ! . . . Không phải tài ở bà, ở binh-pháp, ở khí-giới mà đủ lập được công-danh hiển-hách, ở. . . ba thước vú, kỳ thay ! ! Thực ra, ba chữ đó, chỉ cốt tả cái hình-dung phi-thường của bà, chứ không phải vì ba thước vú mà bà nổi tiếng anh-hùng, mà bà đủ mong vùng-vẫy giang-san vậy,

Xét ra, xưa nay vịnh sử, nói đến bà Triệu, ai cũng thường dùng ba chữ đó, chỉ cốt để thích-thực, tỏ rằng không thể đem mà vịnh người khác, nhưng chưa thấy ai dùng « *lẫn câu* » như thế.

Tóm lại nói « bà vùng-vẫy » thì được, chứ « ba thước vú » vùng-vẫy được chi ? ? Chẳng qua, ông *Cử Dương* dùng lộn câu, chứ ba chữ đó, không đi sóng được với câu « vùng-vẫy non sông », vì nó vừa « *mở* » vừa « *đói* » nghĩa quá. Ông Nghị muốn đổi là ba thước *kiếm*, còn có ý muốn cho câu văn được rõ-rệt mà tránh cái nghĩa sai nhầm nữa chăng ? Cứ như ý tôi, toàn bài nên bỏ cả, mà cũng không cần giảng tập làm gì ! Cho biết nghề thơ rất khó, mà nhất là thơ « Đường luật », sao cho tám câu, năm sáu chữ, đủ được hết ý-nghĩa, đối cho chỉnh, mà không lộn-sộn.

Thiển-kiến tôi là thế, ông nghĩ sao, mong cho tôi rõ. . . .

(. . . . . lược . . . .)

Nay kính thư

Bùi-xuân-Diệm

THƠ

Vịnh cái quạt

Đôi mươi, mười-tám, tuổi vừa hay!
Nâng giấc bên mình, chẳng mỏi tay,
Đầu bống mở mang, ba góc động,
Lông hồng dương cánh, bốn phương bay.
Trên tòa mát mặt, duyên bầu bạn,
Trong trướng yên lòng, giấc tỉnh say.
Hương lửa đương nồng khi nắng hạ,
Trăm năm ai cũng hợp duyên này....

Nhật-Nham **Trịnh-như-Tấu**

Loa-thành hoài cổ

Thành Loa đất cũ cảnh tang-thương,
Để lại nghìn thu dấu đoạn-trường.
Giếng ngọc như in hồn bạc-mệnh,
Nỏ thần gây nhớ giấc hoàng-lương.
Miếu lăng lạnh-lẽo rừng cây úa,
Thành quách chơ-vơ đám cỏ vàng.
Vang-vẳng bên tai con cuốc cuốc,
Hỏi ai tránh khỏi mối sầu vương.

Mộng-Phi

Đất Mán cửa ngõ đợi khách

Mấy chàn lau rậm, một chàn ngô...
Túp lá cheo-leo mé mé gò.
Khuất-khúc giòng khe tuôn róc-rách;
Trập-trùng đỉnh núi đứng lô-nhô.
Đá ghềnh lởm-chởm con sông hẹp;
Nứa mảng lênh-đênh lũ mán hò.
Chờ khách chán-chường không gặp khách!
Chênh-chênh đà ngả bóng tà-ô....

Hải-hồn

Tổng lý

Trong làng tổng lý hóa ra to!
Bạc vạn tiền nghìn chán kẻ lo.
Màn khóa ba năm thành cụ cựu,
Có phần, chú sĩ phải đem cho.

Phạm-Nghiễm

Nhớ bạn

Đêm xưa dưới bóng giáng thề!
Mà nay kẻ Sở người Tề đôi nơi!
Đôi nơi, ta vẫn một giời!
Một sầu, hai nhớ, hai người một lo.
Lo sao gây dựng cơ-đồ,
Bõ công lưu-lạc giang hồ bấy nay!

Nam-Điền (*Thanh-Hóa*)

PHONG THI

Tương tư (相 思)

Ấy ai thêu rệt chữ tình,
Nước non man-mác cho mình nhớ nhau.
Cỏ cây 木 ruộng đất 田 một mầu,
Đã mòn con mắt 目 mà đau tấm lòng 心

Huy-Hạo

Mỹ-nhân thập vịnh

I. — Đi

Nhè nhẹ trên thềm dạo gót hoa,
Gió bay phấp-phới giải khăn là.
Xa trông, tưởng ấy người cung Quảng;
Gần ngắm, ngờ như khách Tố-Nga.

II. — Ngủ

Đèn xanh mờ tỏ trước màn là.
Thất-bảo trên giường một đóa hoa.
Hồn bướm chập-chờn mê lại tỉnh,
Non Thần giấc mộng chửa từng qua.

III. — Tắm

Thang lan rủ kín trướng phô hồng,
Ẩn lộ khoe tai đấng Hóa-công.
Trong ngọc, trắng ngà khen khéo đúc!
Đố ai mặt sắt chẳng siêu lòng.

IV. — Soi gương

Ngắm bóng trong gương mỉm miệng cười.
Mày ngài, mắt phượng rõ mười mươi.
Môi son chúm-chím chiều hoa nở,
Đôi má hồng hồng giúp vẻ tươi.

V. — Chải đầu

Tóc mây một mớn chấm ngang vai,
Trâm rẽ đường ngôi, lược mái cài.
Phất-phới giải đào theo ngọn gió,
Y-nhiên tiên-nữ chốn Dao-đài.

VI. — Đọc sách

Khói trầm cao thấp ngát mùi hương.
Tựa án tay tiên mở quyển vàng.
Truyện với cổ-nhân khuây nỗi muộn....
Tơ tình dạ ngọc vẫn còn vương!

VII. - Đánh đàn

Hai bàn tay ngọc, bốn đường tơ.
Khoan nhặt xui ai đạ thẫn-thờ,
Tiếng hạc bay qua, cơn gió thoảng.
Khách trần hồ dễ đã làm ngơ!

VIII. — Trông giăng

Gương nga vằng-vặc sế dòm song,
Mặt ngọc như thêm rạng vẻ hồng.
Tha-thướt bên lầu người chiếc bóng,
Trông giăng lòng nhớ ước non sông.

IX. — Xem hoa

Mấy đóa hoa hồng đón gió xuân.
Hương đưa ngào-ngạt khắp xa gần.
Đầu cành đua nở dù tươi thắm.
Sắc đẹp hoa còn kém mỹ-nhân!

X. — Tựa sổ

Bên triện canh khuya nghĩ sự đời.
Bể lòng cuồn-cuộn nước đầy vơi.
Nhân-duyên biết có vuông tròn nhẽ?
Tình đốt, niên hoa mấy độ rồi?

Trùng-Quang

Nguyễn-cao-Minh

HÁN-VĂN DẪN GIẢI

斷腸 — Đoạn trường

斷 *Đoạn* là *đứt*, 腸 *trường* là *ruột*. Hai chữ này tỏ nghĩa «thảm thương», trong thơ ca quốc-văn nay thấy có nhiều người dùng mà sự dùng thường thấy quá đáng.

Hai chữ này dùng nhiều trong thơ ca hiện nay, có lẽ gốc do ở quyển truyện *Kiều* mà ra. Nguyên truyện *Kiều*, có quyển đặt tên chữ là 斷腸新聲 «*Đoạn-trường tân-thanh*». Trong truyện thời có dùng rất nhiều chữ «*đoạn-trường*». Những chữ dùng đó, đại-ý cũng chỉ là trỏ nghĩa «thảm thương». Song như «*tập đoạn-trường*», «*sổ đoạn trường*», thời tựa như truyện nói về thân-thế người *lầu xanh*, mà như ở Thiên-đình riêng có tập sổ để vào tên các người bạc-mệnh ấy. Sự dùng chữ như thế, không biết cụ **Nguyễn-Du** có tổ thuật ở đâu? hay tự cụ lấy hai chữ «*đoạn trường*» của cổ-nhân mà tự lập ra một cái sổ *lầu xanh* ở hạ-giới?

— Cứ tôi nghe thời như sau này:

Hai chữ đó, nguyên điển-tích ở con «**vượn**» mà ra. — Giống vượn, vốn đã là một giống nhiều tình-tứ sầu bi. Xưa có người bắt được con vượn con, để nuôi ở trong nhà, hằng ngày đem ra sân hè để chơi bỡn. Con vượn mẹ, buổi sáng buổi chiều, đến ở trên cành cây bên đầu nhà, kêu thương thảm-thiết. Lâu lâu, con vượn kêu thảm ấy ngã mà rơi xuống; người ta đem nó mổ ra thời thấy ở trong ruột đứt ra từng tấc.

Lấy làm sự rất thảm-thương. Ấy hai chữ «*đoạn trường*» chính nguyên gốc từ đấy.

Sau đấy, phàm những sự thương-tâm, các văn nhân hay mượn chữ ấy mà dùng trong thơ ca, để mượn tả cái tâm-sự rất thảm-thiết.

夜雨聞鈴斷腸聲

«*Giạ-vũ văn linh đoạn trường thanh*»

«*Đêm mưa nghe chuông, tiếng đứt ruột*».

Ấy là lời thơ của ông *Bạch-cư-Dị* vịnh vua *Minh-hoàng* nhà *Đường* lúc chạy vào ở *Ba-Thục* mà thương nhớ *Dương-quý-Phi đã bị thắt cổ chết ở Mã-ngôi*. Cụ Nguyễn-Du dùng trong truyện Kiều, tả tâm-sự Thúy-Kiều nguyên là một con người khuê-tú, vì cảnh-ngộ mà phải bán mình vào lầu xanh, xa lìa cả bố mẹ anh em, cả tình-nhân gắn bó. Hai cái tình-cảnh tử-biệt sinh-ly rất thảm thương như thế, thời mượn dùng hai chữ «*đoạn trường*» để tỏ niềm đau-đớn, cho được đậm-đà lời văn. Người đời xưa dùng chữ như thế, chữ tuy là mượn mà nghĩa thực xứng hợp, cho nên đọc lên nghe xuôi tai.— Gần đây, trong quốc - văn ta, hoặc nhà văn-sĩ thăm vãn cảnh chùa hoang, hoặc cô nữ-sĩ để vịnh cảnh hoa rụng, hoặc ông tùng-sự công-sở ở một tỉnh đổi đi tỉnh khác mà lưu biệt cùng bạn hữu anh em, như thế mà dùng đến hai chữ « *đoạn trường* » trong thơ ca, nghĩ thực là quá đáng.

Nay tôi có bài dẫn giải đây, nói về hai chữ «*đoạn trường*», cũng mong rằng các Thi-nhân Nữ-sĩ nước ta ít ai có nỗi *đoạn trường* vậy.

(Từ nay, kỳ Phụ-trương của Bản-chí hằng có bài Hán-văn dân giải.)

TẢN-ĐÀ

PHÁP-LUẬT DẪN GIẢI

II.— Sự duyên-cách của pháp-luật ở xứ ta

Ở một nước, trong lúc phong-hóa chưa khai - thông, sự giao-thông chưa được tiện - lợi, thì dân-tình còn thuần - phác, pháp - luật cũng còn giữ được tính-cách giản-lược. Đến lúc công-nghệ mở-mang thương-mại phát - đạt, thì sự giao-thiệp ngoài xã-hội tất một ngày một sinh ra phiền-phức; cái mối tranh-tụng, cũng bởi đấy dễ phát-sinh ra. Muốn cho xã - hội giữ được hòa-bình tất nhiên pháp-luật phải can-thiệp đến luôn, hoặc để phòng - bị sự tranh-kiện trong lúc chưa phát-hiện ra, hoặc để trừng-trị kẻ gian-dối, khi đã phạm tội, để bênh - vực người lương-dân và giữ-gìn trật-tự cho xã-hội. Nước ta từ thời-kỳ nội-thuộc cho đến đời Tiền - Lê, trong sử-sách không thấy nói gì đến pháp-luật. Mãi đến đời nhà Lý, mới có việc san-định luật - lệ. Tuy đời nhà Trần, cũng có ban-bố pháp — luật, nhưng pháp-luật của hai đời ấy thế nào, đến nay ta không còn giữ lại được một chút di - tích gì cả. Sang đến đời nhà Hậu-Lê, vua Thánh-tôn có san-định một bộ hình - luật, gọi là Hồng-Đức điển-lệ Bộ-luật này, thi-hành suốt trong đời nhà Lê, hiện nay trong tòa Nội-các Nam-triều còn giữ lại được một bản. Người Pháp có dịch ra một bản chữ Pháp, gọi tên là Lê-triều hình-luật (Code des Lê). Bộ luật Hồng-Đức, tuy không được tường tận cho lắm, song có vẻ đặc-sắc là thích-hợp với nhân-tình phong-tục lúc bấy giờ. Vả trong đó lại có mấy điều - khoản như về các vấn-đề lập-tự, phân—sản, giá - thú, quy-định rất được kỹ-càng chu-chí, không khác gì điều - luật của các nước văn-minh bây giờ. Đến Bản-triều, sau khi đại - định, vua Gia-long có hạ-lệnh cho đình-thần khởi-thảo một bộ hình-luật, rồi ban-bố ra khắp trong nước. Bộ - luật đó, tức là bộ « Quốc-triều hình - luật », trước đây vẫn thi — hành ở xuốt trong nước ta, nhưng hiện nay, chỉ còn thi-hành ở địa - hạt Trung - kỳ thôi.

Theo lời nói trong bài tựa, thì bộ-luật này là do sự châm - trước hai bộ Hồng-đức điển-lệ và Thanh-triều luật - lệ mà khởi—thảo ra; lại có thêm bớt sửa đổi, để cho thích-hợp với thời-thế và trình-độ dân—chúng. Song cứ thật ra thì, bộ-luật 368 điều ấy chẳng qua chỉ là một bản sao vụng-về của bộ - luật nhà Mãn-thanh đó thôi. Vì thế có nhiều chỗ, những điều quy-định của pháp-luật lại phản-đối với phong - tục, với tập - quán của dân - chúng. Vả nhà làm luật hình như không có một chút quan-niệm gì về sự phân-biệt ra hình-luật và hộ-luật, cho nên bất cứ một việc hành-vi gì, hễ trái với luật-lệ là có tội, mà đã có tội thì tất có hình-phạt trừng-trị ngay. Song bộ-luật ấy, tuy có nhiều chỗ khuyết điểm như vậy, nhưng cũng đủ giữ-gìn trật-tự cho xã-hội ta trong khoảng hơn một trăm năm, đó là nhờ ở cái phong-tục thuần-phác của nhân-dân và cái công-phu tán-trợ của lễ giáo, của luân-lý. Ví dụ như cái vấn-đề kết - hôn, ly-hôn, phân-sản, giao-dịch tài - sản, là các vấn-đề rất quan-hệ ở trong Hộ-luật bao giờ, mà ở trong luật quốc-triều, chỉ thấy nói qua - loa đến ở trong một vài dòng chữ. Coi thế thì sơ - lược thật, nhưng thực ra, xã - hội cổ ta, giá luật-lệ có tường tận hơn nữa, cũng là vô-dụng, vì nhờ có lễ-giáo bảo-ban, luân - lý bó-buộc, việc gì cũng trọng tình hơn lý, cho nên những chuyện ấy, thường cùng nhau thu sếp ở trong làng-xóm, gia-đình.

Ngày nay thì không thế được nữa. Sinh-kế ngày một khó-khăn, phong-hóa ngày một điêu - bạc, cho nên lòng người nặng bên quyền-lợi, mà nhẹ bên nghĩa - vụ. Mọi người đã đưa nhau theo cái lợi thì các mối tranh-cạnh khó lòng giữ cho khỏi ngày một thêm nẩy-nở ra pháp-luật cũng bởi thế mà cần phải tường-tận phân-minh mới có thể ràng buộc lòng tham - muốn của mọi người ở trong giới - hạn chính - đáng. Cho nên sau khi tổ - chức lại ngạch tư-pháp hai chính - phủ Pháp Nam đã ban-bố hai bộ Hình - luật và Dân-luật ở xứ Bắc-kỳ.

Vậy từ nay, bộ Dân - luật tức là ông thầy giẫn-đạo mà nhân-dân xứ Bắc—kỳ, ai ai cũng cần phải hỏi-han đến luôn, để giữ-gìn, để bênh - vực quyền - lợi trong những công - việc hành-vi có can—hệ đến thân - phận và tài - sản của mình. Có biết phép mới biết tránh phép, có hiểu luật mới biết theo luật, từ kỳ sau đây, chúng tôi mong sẽ có thể giúp chư quý Độc - giả một chút mảy-may trong sự «biết» sự «hiểu» ấy!

Ngô-thúc- Địch

TIN VẮN

Pháp. — Nội - các mới đã thành - lập, danh-sách các quan Tổng - trưởng xin kê sau đây:

Thủ-tướng kiêm ngoại-giao:	MM. Herriot.
Tài-chính:	Germain Martin
Công-chính:	Daladier
Nội-vụ:	Chautemps
Binh-bộ:	Paul Boncour
Hàng-không:	Painlevé
Thủy-quân:	G. Leygues
Nông-chính:	Abel Gardey
Hưu-bổng:	Berthod
Tư-pháp:	René Renoult
Ngân-sách:	Palmade
Quốc-gia giáo-dục:	De Monzie
Thuộc-địa:	*Albert Sarraut*
Lao-động:	Dalimier
Hàng-hải:	Léon Meyer
Vệ-sinh:	Justin Godart
Thương-mại:	Juliens Durand . . .
Bưu-chính:	Queuille

Nội-các này là một Nội - các của đảng Xã-hội Cấp-tiến, gồm có 16 ông nghị-viên và 4 ông nguyên-lão Cấp - tiến, trừ ra có ông Painlevé ở Xã-hội Cộng-hòa, ông de Monzie ở đảng Xã - hội Pháp (Socialiste français), và mấy ông khác thuộc các đảng nhỏ ở Trung-ương và Tả-dực.

Đọc qua danh-sách, ta cũng đủ biết tòa Nội-các này là đặc-biệt, gồm bao nhiêu tay chính-trị trứ-danh, những tay chuyên-nghiệp cả. Bốn ông Herriot, Painlevé, Chautemps và Georges Leygues đều đã từng ngồi ghế Thủ-tướng.

Còn ta, dưới chữ thuộc - địa, ta thấy tên ông Albert Sarraut, thật đã đáng mừng. Mối hy-vọng An-nam tạp-chí dãi tỏ từ số 25, lúc này tưởng ta lại càng nên chú-ý.

Song hiện nay, tòa Nội-các còn lo toan nhất về mấy vấn - đề quan - trọng là hai cuộc hội - nghị Genève và Lausanne. Tại hội-nghị Lausanne, hẳn độc - giả A.N.T.C. còn nhớ ở mấy bài thời-binh, vấn - đề nợ bồi-thường sẽ đem ra giải-quyết.

Nga. — Chính-phủ Nga đã ra lệnh cho bao nhiêu kiều-dân mình buôn bán ở Mãn-châu trong một tháng phải thu-xếp về nước. Tình-hình Nga Nhật có phần nghiêm-trọng lắm rồi.

— Các báo ngoại-quốc đã thấy sôn-sao đăng tin chính-phủ Nga đã dự-bị quyết-chiến với Nhật. Một giải Duyên - châu, đã lập bao nhiêu trường bay phụ, ở Hải-xâm - uy cũng đắp thêm một nơi căn-cứ của không-quân và tiềm - thủy - đỉnh. Quân đội Nga vẫn lục-tục kéo đến miền biên cảnh Mãn-châu. do tướng Đức chỉ-dẫn.

Hai nghìn quân Nhật ở Triều-tiên kéo đến Bắc Mãn, có ý lo ngại quân Nga hơn quân Tự-vệ Cát-lâm.

Nếu có cuộc Nhật Nga chiến-tranh tất Tàu sẽ lấy danh-nghĩa đồng-minh mà giúp Nga, mà Mỹ sẽ giúp Trung-quốc.

M. Albert Sarraut
(Cl. A. N.)

Đức. — Nội-các Brüning đã từ-chức, việc từ-chức ấy chính là cái kết-quả của việc quan Tổng-thống tự can-thiệp vào sự hành-động của đảng.

M. Von Papen, một nhà đại chính-trị nước Đức, chủ báo Germinia, thuộc đảng Trung - ương thiên về Bảo-thủ, đã lập tòa nội-các mới. Ông Hitler có ý không tán thành.

Chính - phủ đã đệ trình quan Tổng-thống một đạo sắc-lệnh giải-tán nghị-viện, sắc-lệnh ấy đã tuyên-bố, theo hiến-pháp thì sau đó 60 ngày sẽ có cuộc Tổng-tuyển-cử.

Đức. — Hôm 24 Mai, thật không ai ngờ, ở nghị-viện Phổ bỗng sảy ra một cuộc đánh nhau y như các ông kỳ-mục của ta tranh nhau sôi thịt vậy. Các ông nghị đảng Ra-xít nậy hết những lọ mực, bóng đèn chỗ mình ngồi ném các ông nghị cộng-sản, lật ngược cả bàn ghế bên cộng-sản mà đập vỡ tung ra. Ba ông nghị cộng-sản bị thương, ông nghị xã-hội là Juggensen bất tỉnh nhân-sự. Chính giới Đức rất náo-động.

Áo. — Ở Hooting, hôm 28 Mai có sảy ra một việc lưu-huyết. Một người đảng Quốc-dân xã-hội bị đâm chết, một người bị đánh nhừ-tử. Trong số người bị thương, có 19 người về đảng Hitler, 16 người về đảng Dân-chủ và một người cảnh-sát.

Lại trong kỳ Quốc-hội họp ở Vienne hôm 31 Mai, hai phái tả hữu xô-xát nhau rất dữ. Sau cùng bọn «Heimatblok» bị thống-ma dữ quá, liền kéo ùa sang chỗ phái Xã-hội dân-chính ngồi, phái này cũng đứng cả lên, hai phái đấm đạp nhau ở trước dãy ghế quan tổng-trưởng. Sau nhờ có phái Trung-ương can nên viện mới được yên.

Ông Tardieu cưới vợ

— Ông Tardieu nào?

— Ông Tardieu thủ - tướng nước Pháp chứ còn ông Tardieu nào nữa! Ông sắp lấy cô Aliette Flandin, con gái ông Tài-chính bộ tổng-trưởng.

— Uả, quan thủ-tướng Tardieu lấy vợ, lạ quá đi!

— Thì cụ Giám-quốc Doumergue lăn-lóc trong trường chính-trị đến đầu bạc răng long mới về nhà lấy vợ thì sao?

Thế mới biết người Thái-tây nặng óc xã-hội. Chả bù với những ông oe con mười mấy tuổi đầu, học mới độ biết hết vần tây, đã hí-hửng chỉ chực lấy vợ.

Cứ nhao cả lên! Đ. N. Hồ

KÍNH THƯA. — Các ngài mua báo năm từ khi trước, Bản-chí đã gửi dư số tiền của các ngài đã trả. Nay ngài nào vui lòng mua nữa, xin cho biết để được tiện sự gửi tiếp theo luôn luôn. — Nếu Bản-chí không nhận thư của ngài nào, sự gửi báo hãy xin tạm hoãn.

Các ngài mua báo năm từ trong khi bắt đầu từ Hàng Khoai mà chưa có trả tiền, nay đã gần nửa năm xin gửi về cho.

Các ngài đại-lý bán giúp báo trong khi ở Hàng-Khoai mà chưa từng có trả tiền, xin gửi trả giúp cho, cho Bản-chí được khỏi sự đòi hỏi.

Đa tạ
An-nam Tạp-chí

KHANG - THỌ QUỐC

Viễn-Du mấy mươi năm lăn lóc trong vòng danh-lợi, trí đã mòn, thân đã mỏi, bèn phó-thác công-việc cho trưởng-nam để di-dưỡng tuổi già. Ông làm nhà riêng ra ven biển, ngày ngày một mình một ngọn cần câu, tiêu giao với tuế-nguyệt. Trước câu trên bờ biển, sau dần dần, đủng-đỉnh một chiếc thuyền, dong ruổi trên mặt nước mênh-mông.

Gặp tiết trung-thu :

«*Trăng trong gió mát, kho vô tận,*
«*Nước biếc non xanh cảnh hữu tình.*»

Viễn-Du ngồi thuyền ngắm cảnh, uống rượu, ngâm thơ, mặc thuyền chôi theo giòng nước, tưởng như mình đã lánh xa cõi tục, tới chốn Đào-nguyên. Thuyền vừa ra tới ngoài khơi, chợt mây đen một góc trời, gió thu ào-ào đưa lại, giọt mưa xa thánh-thót dần dần càng mau ? Nghĩ tới câu phương-ngôn : « Trời thu chóng thay đổi như lòng người», Viễn-Du hết sức bơi vào bờ ; song « dạ-tràng xe cát bể Đông, » sức người không lại cùng sức sóng. Gió thổi càng mạnh, đưa thuyền ra xa. Trời tối đen như mực, trên mặt biển, thỉnh-thoảng chỉ nẩy ra một vài tia sáng của sét mà thôi. Viễn-Du chèo mãi, sức đã kiệt, đường lối khôn rò, bèn phó mặc trời xanh, cho gió táp mưa xa, thuyền chôi sóng vỗ...

Sáng ngày thứ tư, bão đã ngớt, Viễn-Du lênh-đênh trên làn sóng bạc, trông xa chỉ một mầu nước biếc trời xanh. Viễn-Du bụng đói miệng khát, chỉ chờ thần chết đến đem đi. Một luồng gió thoảng, mùi thơm ngào-ngạt, làm cho ông sực tỉnh giấc mê. Viễn-du cố sức cất đầu, thấy thuyền từ từ thẳng tới quãng đất xa xa..... Ông hết sức bình-sinh, ngồi giậy, thấy tâm thần khoan-khoái. Ông bèn cầm chèo hăng-hái bơi vào bờ. Thoạt bước chân lên đất, Viễn-Du vội-vàng tìm suối uống nước. Nước vừa trong vừa ngọt : ông uống bao nhiêu thì cái đau-đớn của ông tiêu-tán đi bấy nhiêu, hình như ông ở trong giấc chiêm bao chợt tỉnh. Ông chèo qua một ngọn núi thì quả mình ở trong một nước : Non sông như gấm như hoa.

Một bọn đông người tụ họp chung quanh Viễn-Du, song ngôn-ngữ bất-đồng, khiến ông phải một phen bực-tức. Nhưng may thay, một người trạc tứ-tuần, rẽ đám đông người lại gần ông, dùng tiếng nước ông mà hỏi ông từ đâu lại ? —Viễn-Du thuật chuyện phong-ba làm ông chôi-dạt lại đấy. Khách mừng Viễn-Du tuy rủi lại may, vì gặp nạn, nên mới tới nước này là một nước dân khang-thọ.- « Tôi là Trường-Vãng. Hoàng-Đế nước tôi phái tôi sang đây để tìm thuốc trường-sinh-dược. Song tôi thấy y chuyên-quyền tàn-ngược, nên tôi lưu lại đây, còn hơn về cho một kẻ hôn-quân sống lâu mà làm bậy. Tôi ở đây mấy thế-kỷ nay, mà tâm-thần không đổi, khí-lực chẳng suy. Rồi ông xem, ai ở đây cũng sống lâu vô-hạn mà không biết bệnh-tật là gì ».

Nói song, Trường-Vãng mời Viễn-Du về nhà, tiếp-đãi rất hậu. Viễn-Du lưu lại đó hai, ba thế-kỷ, nghiên-cứu về phong-tục nước Khang-Thọ. Dân trong nước, già đến đâu cũng coi như trạc tứ-tuần, đều được vô bệnh-tật cả. Cứ nghìn năm, họa ra mới có một người chết, hoặc một người sinh, tức là một việc lạ, khiến trong nước ai ai cũng phải chú-ý. Khí-hậu mát mẻ; nắng mưa đều-hòa ; mùa-màng tươi tốt. Rùa và hạc dùng để kéo cầy cùng vận-tải.

Viễn-Du thường thường cưỡi hạc bay xem các nơi thắng-cảnh. Cách tỉnh-ly không xa, có một khu rừng, trong có các thứ đào tiên, có ca-lâu, tửu-quán, yên-hà, đồ-bác. Khách thập-phương, quần-áo bảnh bao, mình dát vàng ngọc, kim-cương, ngồi trên lưng hạc lũ-lượt kéo nhau lại, cùng nhau hưởng lạc-thú : thực là cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt năm. Ai nấy mặt mày hớn-hở, không biết bệnh-tật đau đớn là gì.

Tình-cờ, có kẻ thâu-nhập vào Khang-thọ quốc vài quyển kinh Phật nói về thú cực-lạc. Dân trong nước, ai xem kinh đó, đều chán nản việc đời, mong sao chóng chết. Người nào chết thì con cháu lấy làm vinh-hạnh. Cái chết như một khoa bí-quyết, ai cũng muốn khám-phá cho ra. Nhiều người không ưa các thực-phẩm, cho các vị ấy làm phải trường-sinh. Họ chỉ thích ăn uống thứ gì độc có thể chết được. Cũng có khi ăn thứ độc không chết, chỉ đau đớn trong vòng nửa giờ : thế mà họ cũng lấy làm sướng, nào nhẩy, nào hát, nào múa, chắc mình sắp được xa lánh cõi trần-gian. Ngày tết, ngày hội, họ ăn mặc đồ tang-phục, để mong lấy sự rủi ấy. Họ được ai chúc chóng chết thì lấy làm vui sướng, mà ai chúc sống lâu, tức cũng coi như một kẻ thù vậy. Chúc nhau ốm yếu và chóng chết là một câu tụng-dương rất nhã.

Thoạt đến Khang-thọ quốc, Viễn-Du thấy mình khỏe mạnh và sống lâu thì vui sướng, nhưng sống mãi rồi cũng chán-nản, muốn chết mà không chết được. Có lần ông đâm đầu xuống nước quyên-sinh : nhưng lòng thì muốn thác trời nào đã, cho ! Ông nhẩy xuống nước mà cứ êm như một chú mèo rơi từ mái nhà xuống sân. Ông lấy làm tuyệt-vọng. Sau cùng ông nghĩ : nên đem thì-giờ mà đi du-lịch các nước để khảo-cứu phong-tục dân-tình, cho mở-mang trí-thức.

Viễn-Du nghĩ vậy, lại phấn-khởi mà ham sống. Ông ăn uống no nê thỏa-thích, viết một lá thư từ-giã Trường-Vãng, rồi cưỡi hạc, thẳng đường bay về Nam-phương.

*
* *

Trong mấy ngày tết, và có khi suốt năm, ta thường dùng chữ «Thọ» để tô-điểm nhà cửa, ngụ-ý mong

cho ai ở trong gia-đình mình cũng được sống lâu cả. Mà hiện-thời kinh-tế đương kỳ khủng-hoảng thì ông thần « Thọ » trong các công-sở và quan-trường lại càng thêm vẻ tôn-nghiêm. Ham sống, sợ chết, là một điều sở-úy chung của người đời.

Sống ở đời là phải làm, phải phấn-đấu với những việc khó khăn nguy-hiểm. Chỉ trừ lúc ta ngủ, thì sác ta nghỉ và trí ta mới hết điều lo nghĩ. Như thế thì chết tức là hết nợ đời, mà có nhẽ những kẻ đã khuất cũng còn ân-hận không được chết sớm hơn đôi chút! —

Ai chẳng thích vẻ trăng trong, mầu hoa đẹp. Vì sao? Vì hoa nở lại tàn, trăng sáng lại mờ. Nếu hoa cứ tươi mãi, trăng cứ sáng mãi:

« *Hảo-hoa chiêu chiêu riêm,*
« *Minh-nguyệt dạ dạ viên* »,

Thì ai còn thưởng-ngoan? Nếu người đời mà trường-sinh bất-tử thì còn biết gì là khoái-lạc, mà đến lúc hấp-hối, còn thở dài một cách đau-đớn ra vẻ chán đời, như dân nước Khang-thọ trên kia. Phần nhiều những kẻ được sung-sướng hơn người mới lo chết. Nhiều kẻ đã giầu-có, thân-thể đã khang-cường, mà..... cũng uống thuốc, cũng giác, cũng soa-bóp tứ-chi, để có khi mang tật vào thân, nào có biết đâu thuốc chỉ dùng cho người ốm, có đâu để chữa người bệnh-tưởng.

Ta nghĩ tới truyện Khang-thọ-quốc thì cứ vững tâm mà trả nợ đời. Sống lâu đã không ích gì cho xã-hội . . . . . thì cái sống lâu ấy là cái sống thừa. « Đa thọ tắc đa nhục », cổ-nhân dạy thực chẳng sai.

Nhật-nham Trịnh-như-Tấu

CHUYỆN THẾ-GIỚI

Một trường-hợp tâm-lý rất kỳ-dị trong tình-trường

Ông Đốc-tờ Imre Szekely là một thày-thuốc nổi tiếng ở tỉnh Subotica (Kha-tư-lạp-phu). Bỗng một buổi chiều kia, sau giờ tiếp khách, người ta thấy ông nằm rẫy chết trong đống máu, một viên đạn súng lục chui qua gáy vào suốt trong đầu.

Cái chết bí-mật, không phải tự-sát, không phải bị quân gian giết để lấy của, con mắt nhà trinh-thám bèn để ý xét đến những kẻ tử-thù.

Người ta đồn ông Đốc-tờ Szekely có tình với bà Pétras, nhưng chẳng ai tin rằng việc ấy đã có cái kết-quả như kia, vì từ lâu hai vợ chồng ông Pétras đã rất nhau đi phương khác. Pétras là một cựu-binh trong quân-đội Áo-Hung, bà Pétras cũng là con dòng võ-tướng, hai bên không phải vì tình, chỉ vì môn đăng hộ đối mà lấy nhau, cho nên vợ chẳng mến chồng. Nhất là từ ngày bà Pétras biết ông Đốc-tờ kia thì thái-độ bà đối với chồng lại càng lãnh-đạm. Chồng biết ý vợ, bèn dời nhà sang ở Belgrade, nhưng có ngờ đâu người đàn-bà vẫn thư-từ đi lại với tình-nhân, trong lúc quá ghen ông Pétras đã rút súng-lục bắn vợ rồi lại tự bắn mình để tự-tử, nhưng không ngờ vợ chỉ bị thương xoàng, thuốc-thang ít lâu lại khỏi, còn chàng ta thì hỏng mất hai mắt. Từ đó, người đàn-bà bỏ hẳn chồng, định đến ở với ông Szekely, nhưng chỉ vì chồng chưa bằng lòng ly-dị nên việc còn rắc-rối.

Pétras đã đến 40 tuổi, hai mắt hỏng cả, mới đây về ở Osiek, ở thuê nhà một viên võ-quan đã về hưu. Cô con gái ông này tên là Mira, người học rất rộng, sắc tuyệt đẹp, không hiểu sao lại mang nặng tình với bác lính già mù, nguyện hiến thân cho bác mà hết lòng săn-sóc bác. Tuy vậy, Pétras nào có nguôi được việc xưa, lúc nào cũng tức-tối âu-sầu nói luôn luôn những báo-thù vợ với báo-thù kẻ đã phá-hoại đời mình mất hết gia-đình lạc-thú.

Rồi hôm ấy, hai người bỗng cùng nhau biến mất. Người nhà lo sợ lập tức đi báo cảnh-sát, nhưng muộn quá rồi. 3 giờ rưỡi Pétras cùng cô Mira đến Subotica, vào khách-sạn, 4 giờ người ta bưng nước chè lên. 3 phút sau cô Mira xuống gác, ra ngoài phố... Rồi mấy phút sau nữa, cô lại quay về khách-sạn. Được một lát, người bồi đi qua buồng, nghe thấy ở trong buồng, có tiếng thở mạnh, cứ tưởng là người khách ngáy ngủ. Ngó mắt vào, họ thấy người đàn-ông nằm thẳng-cẳng ở trên giường, còn người đàn-bà thì chuếnh-choáng như người say rượu.

Đến khi lính cảnh-sát và mật-thám nghe tin Pétras trọ ở khách-sạn, đến hỏi rò-la tin-tức, thì cả hai người hiện đã đương hấp-hối rồi. Khẩu súng lục dùng để bắn Docteur Szekely hiện vẫn thấy ở trong phòng, thiếu mất một viên đạn.

Nghe tin việc ghê-gớm này sảy ra, bà Pétras thất-vọng uống thuốc độc muốn trốn nợ đời, nhưng may ra người ta còn chữa được. Lại đáng thương nữa là cha cô Mira, vì thương con quá, toan reo đầu qua cửa sổ để theo con, giá không có người nhanh tay giữ lại được thì cái án ấy lại có thêm một mạng nữa.

Máy chỉ đường

Đời máy-móc có khác, trông chỗ nào cũng thấy những điện với hơi.

Ở bên Prague nước Tiệp-Khắc người ta mới chế ra một thứ máy điện rất có ích, để cho những khách lạ đến chơi khỏi phải hỏi thăm đường lòi-thôi. Cái máy đó vẫn ngày đêm sừng-sững bên đường, đầu phố, sẵn lòng chỉ bảo người xa. Ai muốn tìm nhà ai, hoặc đốc-tờ, hoặc thầy-kiện v.v.. cứ ấn tay vào cái khuy ở trước máy, sẽ thấy một cái biển có đề tên người, tên phố và số nhà của tất cả các công sở, các nhà quan-to, các hiệu buôn lớn, từ từ xoay ra. Tìm thấy rồi, lại ấn tay vào cái khuy bên cạnh máy, cửa máy liền đóng vào ngay. Thế là cứ ung-dung đi tới cái nơi mình muốn đến.

Các thày cảnh-sát rất hoan-nghênh cái máy này vì đường-xá rầm-rập ngựa xe đi lại, nhiều người hỏi thăm quá các thầy cũng ngại sự trả lời.

Thực-thà như đếm

Mới đây, bạn đồng-nghiệp Phụ-nữ thời-đàm mở cuộc thi kén chồng, bạn gái ta được một phen nói « thực-thà như đếm » vì có cô ao-ước được nâng khăn sửa túi cho những tay « đại bợp », « đại nhè », cả ngày chỉ cút be với lọ tầu!

Trong khoảng ấy, bên Hoa-kỳ cũng có câu chuyện tương-tự. Hoa-kỳ, ta phải biết, một câu chuyện rất thường nó cũng hóa ra kỳ-khôi.

Ở trường Cao-đẳng Sĩ-tăng-phu (Stanford-Californie) người ta hỏi 500 cô sinh-viên vào hạng hai tám hai chín trở lên cả:

— Các cô muốn trao sợi tơ thắm cho hạng người thế nào?

Thì, — xin thú thực là tôi không ngờ trước một tý nào— đại-đa-số, 325 cô, trả lời muốn tri-kỷ với hạng người thái-cổ, ở lỗ ăn lông (hommes de cavernes), nghĩa là hạng người « chắc-chắn », gân-bắp, không thông-minh lắm nhưng thực-thà và có tính-cách trượng-phu.

Trái lại, 150 cô lại ao-ước những ông bảnh-trai, diện đúng mốt, khôn-khéo, lễ-phép và kiến-văn rộng.

Còn thừa 25 cô nữa các cô lại « thực-thà quá đếm », trả lời phắt rằng: « cái tính-nết thì không cần lắm, quý-hồ người ấy là đàn-ông thì thôi »!

ĐẦU CO LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

19

Trà-sơn
dịch

Sau chàng hiểu ý bèn đưa mắt nhìn thoáng thấy cô Gian-nê trong tay cầm một cái pháo bọc vào một mảnh giấy, chiếc pháo ở đầu có vết dạch. Trong vết dạch ấy có gài một cái diêm bằng sáp. Nàng nhớ được cách xử-trí của chàng Ký-sơn-dung trong những lúc như thế này. Chàng Xen-đôn lại nói mạnh hơn chút nữa:

— Thôi này, Tê-bá-xê, cái lão già khổ-hạnh kia! Này, mi bảo những tên mọi đen ra quách cả ngoài bờ biển kia. Ta lấy danh-dự mà nói chứ không nói dỡn với mi đâu.

Tên đầu-mục già nói cả-quyết rằng:

— Tôi đây cũng không có nói dỡn với ông. Ông phải đền cái quả đấm vợ ông đấm vào đầu tên Gô-gu-mi đi đã.

Chàng Xen-đôn tựa mình vào chiếc bao lớn như sắp nhảy xuống mà nói rằng:

— Này, ta xuống đánh vào sọ mi bây giờ?

Bấy giờ thấy tụi mọi ồn-ào dục-dịch ra vẻ giận-dữ và các miệng súng đều tua-tủa chĩa vào chàng Xen-đôn. Bỗng có một tiếng súng kiểu sĩ-ni-đe nổ như tiếng sét, chàng Xen-đôn nghe có tiếng một chiếc cửa kính vỡ ở đằng sau.

Cũng trong giây phút ấy, cô Gian-nê đã lấy điếu thuốc lá châm vào cái pháo rồi vội-vàng ném đi.

Cái pháo vừa bay vừa rít ở trên đầu tụi mọi.

Pháo tuy không nổ nhưng tụi mọi cũng hoảng sợ đổ xô nhau chạy trốn.

Con Sa-tăng bị nhốt ở trong phòng nghe tiếng súng nổ pháo rít cứ hậm-hực chồm lên như ngựa vía, cô Gian-nê chạy ra mở cửa phòng cho nó ra. Tấn bi-kịch bỗng biến thành hài-kịch.

Những tên mọi quẳng cả súng, dáo xô nhau chạy về phía những cây dừa là nơi chúng vẫn thường hay trèo lên ẩn.

Con Sa-tăng nhảy cắn lung-tung, chưa bao giờ nó lại được tự-do cắn nhiều thịt mọi đen như lần này.

Nó cứ nhè chân các tướng mọi chạy trốn lạc đường mà đớp mà cắn, chỉ trừ những cặp giò nào cất lên quá tầm mõm nó thì nó mới chịu thôi.

Bọn mọi leo cả lên cây trốn, chỉ trừ tên Tê-bá-xê béo quá không thể leo lên được, ngã đùng kềnh ra đất, con Sa-tăng nghĩ thương tình một kẻ thù đã ngã nằm trơ như một cái gốc cây, không giám cựa quậy, nó bèn chạy hết cây dừa sang cây dừa khác, vừa xủa vừa nhảy lên đớp chân những tên mọi nào không leo lên được trên cao.

Bấy giờ chàng Xen-đôn bảo cô Gian-nê rằng:

— Thế ra quả nỏ của cô-nương tịt ngòi. Tôi thiết tưởng cô-nương để lệch mồi cho nên nó mới không nổ. Hẳn về cái khoản đó, cô-nương cần cho phép tôi mách bảo chút đỉnh. Cốt nhất phải.....

Cô Gian-nê nghe nói, hơi nhích hai vai lên rồi trả lời rằng:

— Nào có một tý gì là hạt nổ đâu! Trong khi khẩn-cấp, gặp cái gì tôi nhặt cái đó, trông thấy một ống thuốc lấy, tôi liền nhặt lấy quấn giấy ra ngoài rồi cắm liều-lĩnh cái ngòi pháo thăng-thiên vào.

Nói song, nàng để hai ngón tay vào miệng, thấy thế, chàng Xen-đôn phải cau đôi lông mày, rồi nàng huýt ra một tiếng còi trói-lói, chẳng khác gì cách cử-chỉ của một chàng thiếu-niên vậy. Cái cách đó, là cái hiệu riêng nàng gọi tên Nô-Át và những đứa người nhà Ta-hải-ty, mà cũng vì cách đó, nàng đã làm cho anh chàng người Hồng-mao nhiều phen phải hậm-hực bất-bình.

— Tụi người nhà cô-nương đi vắng cả rồi, chàng Xen-đôn bảo cô Gian-nê thế! Chúng rủ nhau đi đánh cá ở sông Bá-lai-duy-mã từ sáng kia. Nhưng kia lão Ô-lê-ông đang cùng với những thủy-thủ da đen từ tầu Phi-li-Be đi lại kia kia. Cô-nương trông lão ta đang khua chân múa tay đập-đánh tụi người mọi. Hẳn trong ý lão ta cho là tụi này không chịu chèo hết sức. Lão già này, khi nào hắn hăng tiết lên thật là khó chịu!

— Quả có thế... Nhưng bây giờ, chúng ta liệu xử trí với cái tụi chim leo ở trên cây kia ra làm sao đây? Chả lẽ cứ để chúng ở lỳ đấy như thế sao?

— Cô-nương cứ nhẫn-nại một chút! Để chúng ta ban cho chúng một bài học khôn.

Nói xong, chàng Xen-đôn đi về phía cái chuông to, rồi vừa đi vừa cắt nghĩa cho cô Gian-nê hay rằng:

— Những phu da-đen ở đồn-điền của tôi gần hết là người rừng núi. Còn những đứa vô-cố kéo nhau đến đây kia toàn là thổ-dân ở đảo Mã-lai-tạ, nghĩa là những «người nước mặn», hay nói cho rõ ra, là những người duyên-hải. Hai hạng người ấy, xưa nay thường chẳng ưa gì nhau. Vì thế, cô-nương để ý coi, tôi xin hiến cô-nương một cuộc giải-trí.

Thế rồi chàng rung một hồi chuông báo hiệu. Con Sa-tăng lại bị đem rốt vào trong nhà, nên hắn lại cứ học-bặc, trỏ lên trần cắn sủa ầm-ĩ, ra ý bất-bình vì cách đối-đãi của chủ.

Hơn hai trăm phu trong đồn-điền nghe chuông chạy lại. Trông thấy tình-hình, thì chúng hiểu ý ngay. Thoạt tiên, chúng xúm nhau lại nhảy múa chung-quanh các gốc cây, rồi vừa reo hò, vừa nhiếc-mắng nguyền-rủa những kẻ cừu-địch.

(Còn nữa)

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thi-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, Lụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

ĐÃ CÓ BÁN

Tản - đà Văn - tập quyển nhất. . . . . **0$32**

Thề non nước. **0.20**

Khối tình con thứ ba **0.25**

SẮP CÓ BÁN

Giấc mộng con thứ hai . . . . . **0$25**

Đài gương kinh . . . . . .

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ly)

AHIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các quí-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy quí ông quí bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin quí-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên.

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Dipiôme d'honneur**

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiền	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG - KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Dự-cáo

Bản-chí từ khi xuất bản ở hàng Khoai, nhờ được cảm-tình của Xã-hội, nhẽ ra đến nay tiến-hành hơn lắm là phải. Song mà thực cũng chưa lấy gì làm thỏa ý Độc-giả, vì cũng còn có một đôi sự khó-khăn riêng.

Là vì:

Các Đại-lý của Bản-chí cũng có mấy nơi từ số 25 tới nay chửa trả về đồng tiền nào;

Các bạn Độc-giả cũng có nhiều ngài vì nhẽ riêng chưa trả tiền.

Từ kỳ sau, Bản-chí xin sẽ tường kê, để mong các Ngài cùng địa-phương sẵn lòng yêu Bản-chí, xin lấy danh-nghĩa thương-thuyết với các nhà Đại-lý ấy trả tiền về cho, Bản-chí sẽ được tiến-hành hơn và sẽ được cảm ơn các Ngài lắm lắm.

NAY DỰ CÁO
A. N. T. C.

Từ nay, hai kỳ chính sẽ ra ngày 1er và ngày 16, hai kỳ phụ sẽ ra ngày 8 và 23

Giá số báo chính: 0$15 — Giá số phụ trương: 0$05

THUỐC TRỊ BỆNH
Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài!

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa. Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH
Thêm sức-lực, cho các bạn

Thanh Niên!!!

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan nghênh công nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lần nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa-dì) nữa, dùng thuốc này lập tức lãnh mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

L'Administrateur Gerant: NGÔ-THÚC-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 45

NGÀY 18 JUIN 1932

DÉPOT-LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
A-259

安南雜誌

AN-NAM TẠP CHÍ 安南雜誌
REVUE DE L'ANNAM

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm .	5$00	7$00
Nửa năm .	2,60	3,80
Một số . .	0,15	0,20

Dépôt légal
Le 20 Juin 1932
Le Gérant

119

Toà bao : 72, Phố hàng Khoai - Hanoi

Khẩn-cáo

Bản-chí từ kỳ này đi, cứ dán-tiếp xuất-bản một kỳ chính một kỳ phụ, song lại ra đúng ngày thứ bảy như cũ, cho được tiện ngày độc-giả nhớ ngày mua.

Đối với các bạn độc-giả mua dài hạn, đến ngày 16 Juillet đã hết hạn nửa năm. Vậy ngài nào chưa giả tiền, xin kíp gửi về cho, và nếu các ngài có sẵn lòng mua thêm, cũng xin cho biết để Bản-chí tiện sự gửi tiếp.

☆☆

Về phần các Đại-lý, hầu hết các ngài đã gửi tiền, Bản-chí xin nhân đây tỏ lời cảm-tạ. Duy còn một vài ngài như :

Ông PAUL-BÁU ở Pnom-Pênh,
Ông THÀNH-ĐỨC ở Thanh-Hóa.
đến nay vẫn chưa có hồi-âm.
Vậy xin nhắc lại để các ngài lưu-ý cho.

AN-NAM TẠP-CHÍ.

THUỐC TRỊ BỆNH
Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa. Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH
Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chuy (sa-di) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

MỘT PHIẾN CẢM-HOÀI CÙNG VIỆC DƯỠNG-SINH Ở NGHỆ-AN

Ngày 21 *Mai*, ở Vinh, tôi có đi thăm nhà hội *Dục anh*; nhân có bài nói về *«việc dưỡng-sinh ở Nghệ-an»* viết đây, không phải là một thiên du-ký, cũng không phải là bài văn cổ-động hay tán-tụng chi vậy.

Tỉnh Nghệ-an gần đây, trải bao phen phong-đào, cái tình cảnh nhân-dân như sao, Quốc-dân ta liệu đều đã biết cả. Vậy thời hội *Dục-anh* ở tỉnh ấy, cũng là một việc làm phúc, mà xem với các việc làm phúc ở nơi khác, thực có chỗ nên để lòng nhiều hơn. Cho nên trong bài viết đây, cảm-hoài của tôi có hai phần chú-mong: một là mong ở Quốc-dân ta nhân việc *Dục anh* xứ đó mà nặng thêm hai chữ đồng-bào; hai là mong ở các ông Hội-viên trong hội kia, tính sao có công-quả về lâu xa, không chỉ là một việc mỹ-quan trong một hai năm vậy.

Nay xin hãy lược nói về sự-thực của việc ấy.

* * *

Nguyên Nghệ-an có một hội *Châu-cấp*, cũng là tự các thân hào trong tỉnh ấy lập ra, truyền về việc làm phúc. Hội Dục-anh này thành lập được, là nhờ ở hội Châu-cấp ấy cấp ra cho *6000$00* để gây dựng lúc ban đầu và để duy-trì trong một năm, đó là số tiền gốc của hội. Ngoài số tiền sáu nghìn ấy, quan *Toàn-quyền Pasquier* có cho *200$00;* lặt-vặt các nơi, tất cả được là *600$00* nữa. Phần tiền-tài của Hội ấy, hiện là như-thế; sau này ai có muốn vào với Hội, thời mỗi vị đóng tiền là *5$00,* gửi cho ông Chánh Hội-trưởng *Le Moine,* là quan Đốc-tờ ở Vinh.

Quan Đốc-tờ *Le Moine* chính là người khởi xướng lên việc ấy. Tán-thành thời có các vị thủ-hiến trong tỉnh: quan Công-sứ *Lagrèze,* quan Tổng-đốc *Nguyễn-khoa-Kỳ*. Các *Hội-viên* nam nữ tất cả hiện được *30* vị, người Tây người Nam ngang bằng nhau.

Hôm tôi đi thăm nhà hội Dục-anh đó, ông bạn cùng đưa đi là M*r Phó-đức-Thành* là một ông Hội-viên có chân trong Trị-sự; xuống đến nơi thời có gặp bà *Phước nhất*, người Tây, cùng trỉ-dẫn đi coi và nói truyện, cho nên xem biết hơi được tường.— Cứ nhà hội đó ở về phía tây-nam Thành, khu đất cũng rộng-rãi. Cái nhà chính, trông bề ngoài chín gian, trong có chia hai chỗ ngủ của trẻ con trai gái, giường màn rất tề-trỉnh sạch-sẽ, mỗi đứa trẻ một giường một màn, coi gần như thể-cách của một hạng lưu-học-sinh vậy. Các bộ giường như thế, hiện đã có tới một trăm cái. Ngoài chỗ của trẻ ngủ, là phòng ở của các bà Phước (sœur), coi đều thanh tĩnh đơn sơ. Phía trước, về bên hữu, ngay ở cổng vào, có cái nhà bốn gian, là phòng giấy của các ông Hội-viên và chỗ chữa thuốc cho các trẻ đau yếu, hằng ngày có người nhà thương đến thăm. Phía sau có nhà bếp và nhà tắm đối nhau, cả chỗ nhà chơi có đủ cả. Lại có một cái nhà giải, có bàn ghế, để giạy cho trẻ con gái học khâu, trẻ con trai học viết; ngay lúc chúng tôi vào chơi xem, chính gặp lúc các trẻ đương cùng nhau học tập vậy.— Phàm trẻ, nhận từ đứa lên *3* đến *12* tuổi, do Hội-viên xét thực những đứa nào là không có bố mẹ. Lệ nuôi đến 12 tuổi thời sẽ cho đứa trẻ ấy đi một nơi học nghề.— Hiện nay lớn bé đã có tới 38 đứa trẻ.

* * *

Cứ sự-thực của việc hội *Dục-anh* ấy đại-khái như thế. Cảm-hoài của tôi đối với một việc ấy thời thấy ra như có chỗ khó-khăn: trước là lo cho cái hội phúc-đức kia, không biết sau này có kết-quả được mỹ-mãn hay không? sau là lo cho các ông Hội-viên trong hội kia, không biết sau này có làm được trọn vẹn cái công-

quả tốt đẹp ấy hay không vậy?

Nghĩ như những đứa trẻ, thân-thế đương khốn nạn, mẹ cha chẳng có, cơm áo thời không; mà nay được gặp ngay cái cảnh-huống phong-lưu, ngủ có giường màn, học có bàn ghế, ăn no tắm mát, chăn giát có người. Nếu cái hạnh-phúc của chúng cứ theo thế mà lên, cho đến ngày khôn lớn đi học nghề, cho có nghề trong tay, cho được trở nên một hạng người lương-thiện trong quốc-dân, có thể giúp công-việc cho xã-hội. Mà rồi lớp trẻ này đã nên thân, lớp trẻ khác lại gây dựng, nối tiếp nhau mãi mãi, hội *Dục-anh* kiêm là hội *Dục-tài*. Vậy thời cái công-đức lớn-lao của các vị Thủ-hiến tỉnh Nghệ-an và các ông Hội-viên hội Dục-anh chẳng thực đáng cùng với Lam-giang Hồng-lĩnh, cho đời đời triêm bái mãi ru?

Song như phàm việc đời, hy-vọng càng cao xa thời mục-đích càng khó đạt; lúc bạn đầu càng tốt đẹp, thời đến sau càng khó theo. Cho nên tôi trông thấy sự cư-xử của lũ trẻ trong nhà Dục-anh ở Vinh; mừng cho chúng bao nhiêu, thời lo cho các ông Hội-viên bấy nhiêu vậy.

Cứ số tiền sáu nghìn đồng bạc của hội Châu-cấp đã cấp, mà ông Phó-đức-Thành thuật truyện cùng tôi, là để sáng-lập và duy-trì trong một năm; vậy thời thêm số tiền của quan Toàn-quyền cho và của các nơi được ngót một nghìn nữa, sự chi-dùng liệu cũng có thêm được ít nhiều tháng. Sau đó, thế tất phải trông vào sự quyên-trợ của thập-phương cũng là lời ông Thành có cùng tôi nói truyện.— Lại nghĩ như hằng-tâm hằng-sản, trong quốc-dân ta, hạng người ấy há lúc nào không có. Song mà đương buổi kinh-tế khó-khăn như nay, sự khó-khăn chẳng riêng gì một tỉnh Nghệ-an. Trong một tỉnh Nghệ-an, cứ ông Thành nói truyện cùng tôi thời sự đến quyên cũng đã thấy khó-khăn lắm; vì cảnh-huống của nhân-dân trong tỉnh-hạt như thế, cho nên ai là người có thể quyên-trợ, đều đã có quyên-trợ nhiều lần. Ngoài tỉnh Nghệ-an mà trông vào sự quyên-trợ và tiền góp vào hội của các nơi, liệu cũng chỉ là sự-thể duy-trì mà không phải là cục-thế vĩnh viễn vậy. Không biết các ông Hội-viên hội Dục-anh nghĩ sao?

*
* *

Theo ý tôi, có một sự nghĩ thô-thiển, xin bàn góp vào việc hội, trình các ông Hội-viên, mong được các Ngài để ý xét tới.

Nay muốn tính công-việc của hội, cho được thịnh mỹ về lâu xa, cần phải trước tính cho được có một cái tài-nguyên về lâu xa. Cứ ngu-kiến của tôi như dưới:

Xứ Nghệ-an vật-sản rất nhiều, mà ở xa hai nơi đô-hội lớn là Hanoi và Huế; sự thương-mại vận-tải phải do đường xe hỏa, mà cước-phí không ít, thời vật-giá chênh nhau hẳn nhiều. Xem như năm nọ đây, một việc *buôn cau*, người Hanoi kéo nhau vào Vinh, đi lũ lượt như hội. Vậy đủ biết một việc buôn đó, tất là trừ ăn-tiêu và cước-phí và còn có lãi to. Tôi lại nghe một người bạn ở Thanh-hóa từng nói truyện, mỗi năm Thanh-hóa tiêu-thụ ở Nghệ-an đem ra, có tới trên ba vạn đồng bạc tiền *trẻ tươi*. Cứ những vật nhỏ đã như thế, thời những vật lớn như các thứ *đồ gỗ*, nếu có cách buôn được tiện-lợi, tất là có lợi-tức khá to. Cho nên tôi muốn tính thêm về việc buôn để làm tài-nguyên của hội, may mà được như ý, mới có thể mong là công-cuộc lâu xa. Song mà việc buôn tôi tính đây, không phải như việc buôn riêng của mọi người, mà tức là có trông nhờ ở ơn Chánh-phủ vậy.

Hội Dục-anh ở Vinh, đã là do quan Đốc-tờ *Le Moine* khởi xướng và đứng Chánh-chủ-hội; lại được quan Công-sứ *Lagrèze* tán thành; lại có quan Tổng-đốc *Nguyễn-khoa-Kỳ* đứng tiêu-biểu về phần người An-nam để hết lòng giúp hội. Nếu hợp lời thánh-khẩn của các quan, vì hội, mà xin với Chánh-phủ lấy cách riêng ấn-tứ cho hội Dục-anh đó, mỗi tháng được bao nhiêu truyến xe lửa, mỗi truyến xe lửa được bao nhiêu cân tạ cước hàng-hóa không phải trả tiền; trong mỗi năm, mỗi mùa có vật-sản hoa-lợi thời lệ được các truyến hơn lên như sao. Từ Vinh ra Thanh-hóa, Hanoi, và vào Huế, Tourane, hai con đường cùng được có ân-cách như nhau cả.

Vậy rồi trong hội tự bầu đặt các người truyên coi về công-việc thương-mại ấy. Lại cần phải có ở Hanoi, Thanh-hóa, Tourane, Huế, mỗi nơi được một ông Hội-viên có tài về kinh-tế mà hết lòng giúp hội. Như thế thời trong mỗi năm, lợi-tức có thể có một số không ít, hoặc đủ làm cái tài-nguyên của hội về lâu xa. Ngoài ra nữa thời mới trông thêm ở tiền quyên-trợ của các nơi và tiền góp vào hội của các hội-viên tiếp-tục sau này vậy

Hiện nay, *các quan Thủ-hiến* đứng giúp hội đương trọng-chức ở Vinh, mà số tiền *bảy nghìn đồng bạc* chưa tiêu hết; thế lực và tiền-tài đều sẵn, chính là cái thời-cơ có một không hai. Vậy dám thưa cùng các ông Hội-viên hội Dục-anh nên sớm sớm cùng nhau bàn định soạn lời cầu-thỉnh để lên quan Thủ-hiến để các ngài cùng ký chữ xin với Chánh-phủ cho. Các quan Thủ-hiến Nghệ-an đã sẵn lòng vì hội, thời Chánh-phủ Đại-Pháp tất cũng sẵn lượng thương dân vậy. Nay tôi chỉ biết nghĩ về đại-lược của việc ấy như thế; còn sự-thể tường-tế, xin có các vị Hội-viên trong Dục-anh.

*
* *

Ngoài sự chú mong ở các ông Hội-viên, đối với quốc-dân thời tôi cũng chỉ có một câu rằng: *Quốc-dân ta nên nhân việc Dục-anh ở Vinh mà gặng thêm hai chữ đồng-bào* vậy.

Riêng phần tôi là một kẻ văn-sĩ, cách sinh-nhai duy có ở công-việc làm sách; gần đây các sách của tôi xuất bản lại là in ở Vinh, tổng-lý việc phát-thụ sách và thu-nhận tiền từ Thanh-hóa trở vào tới Nam-kỳ, và Ai-lao, Cao-mên, Bắc-kỳ thời để riêng khu-hạt Hải-phòng, tôi gửi quyền ở ông *Vương-đình-Châu* là chủ nhà in Châu-Tịnh ở Nghệ. Vậy các sách của tôi bán được nhiều ít thế nào, từng một quyển trở lên, đều có ông Châu coi biết. Tôi xin rằng: từ quyển Tản-đà văn-tập của tôi in ra trong khoảng tháng Avril năm nay, cho đến suốt các quyển tiếp-tục in ra sau, trong cái thời-kỳ tôi còn in sách ở Vinh mà ông Vương-đình-Châu là chủ nhà in còn giúp tôi công-việc phát-thụ, cứ mỗi quyển sách bán được, không cứ quyển sách ấy giá bán là mấy, đều trích ra một xu đủ làm tiền cùng vào hội, do ông *Vương-đình-Châu* chuyển giao, quan Đốc-tờ *Le Moine* thâu nhận, một tháng hoặc hai tháng một lần, tuỳ nơi ông Châu liệu-lý thế nào là tiền. Chúng lòng thành khẩn, dám xin Liệt-vị trong Hội cùng trứng-nhận cho, tôi được lấy làm hân-hạnh lắm lắm.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Trong nghị-viện

Ông Édouard Herriot, Thủ-tướng Pháp và ông Ferdinand Buisson, Viện-trưởng Hạ-nghị-viện hiện thời.

Tranh vẽ của Jehan Sennep
(Trích trong cuốn « La Chambre Nationale du 16 Novembre » của Léon Daudet xuất bản năm 1929)

Anh em ! Chị em !

Cứu-giúp đồng-bào trong cơn khốn-quẫn, chỉ là một việc bổn-phận.

Cứu-giúp đồng-bào khốn-quẫn trong khi mình cũng đương bị khốn-quẫn, mới là một việc nghĩa-cử.

Hàng mấy mươi vạn đồng-bào bị nạn ở miền Nam Trung-kỳ đương trông-cạy ở tấm lòng hiếu-nghĩa của chư quý Độc-giả của An-nam Tạp-chí. Vậy trông đến hai chữ *An-nam*, chắc các ngài chẳng còn ngần-ngại gì mà không vui lòng hy sinh chút đỉnh, để tỏ cho người ngoài biết rằng ta còn biết thương nhau.

MỸ THUẬT VÀ ĐỒ CỔ CỦA TẦU

Theo lịch-sử, mỹ-thật Tàu đã tinh-xảo từ thượng cổ. Hai nghìn hai trăm năm trước Gia-Tô, nghề làm kim-khí đã khôn-khéo lắm; thời bấy giờ người Tàu đã biết nặn đồ sành, đồ đất, đến đời nhà Hán đã làm được những đồ tráng men, rồi dần dần sang đời nhà Tống làm được đồ bằng sứ. Nghề đúc thủy tinh và pha-lê bắt đầu làm từ năm 140 trước Gia-Tô; đồ chạm ngọc có từ đời Hạ, Thương, Chu. Nghề hoa cũng bắt đầu từ thượng-cổ ; từ đời nhà Chu trở đi đã có nhiều họa-sĩ trứ danh.

Nước Tàu về xảo-nghệ là một nước văn-minh tiến hóa nhất thế-giới, cho nên các nhà khảo cổ vẫn dụng công tìm xét, trước nữa cho biết gốc-tích sự văn-minh đó, sau cho biết cách chế-tạo những đồ mỹ-thuật của Tàu mà ngày nay không bắt chước làm được nữa.

Phần nhiều các nhà học-thức, các nhà văn-sĩ, các nhà mỹ-thuật đều chuộng đồ cổ Tàu vì những đồ ấy làm rất đẹp, rất công-phu; trong khi nghiên cứu đồ cổ Tàu cần phải biết cả lịch-sử văn-chương, tôn-giáo của nước Tàu vì các khoa ấy đã có ảnh-hưởng làm cho mỹ-thuật biến-hóa bội phần.

Chơi đồ cổ mà không có tinh-thần về đồ cổ, không có tư-tưởng cao-xa thâm-thúy, không có cái vui thú riêng để mà di-dưỡng tính tình, thì chơi đồ cổ cũng là vô ích.

Muốn biết cái tinh-thần về đồ cổ của Tàu, trước hết cần phải phân-biệt thế nào là đồ quí, có giá-trị đắt tiền vì đời bây giờ không thể làm được nữa; thế nào là đồ cổ soàng, chỉ có ghi tích là cổ, nhưng không có giá-trị gì.

Về đồ sứ cổ, nhiều người hay nghĩ nhầm hễ men mờ da đá là cổ. Đã gọi là chơi đồ sứ cổ phải biết quí cái men, mà nếu men đã mờ thời còn quí gì nữa.

Đồ sứ cổ có giá-trị thời nước men phải bóng, phải trong, phải dầy, phải chơn-chu như đồ ngà, đồ ngọc, đồ thủy-tinh mã-não. Nếu có những hình vẽ trông phải như thật, có tinh-thần, có hoạt-động. Đồ sứ cổ như vậy thì rất quí, đắt mấy có tiền cũng nên mua; bởi vậy người Hoa-kỳ nhiều tiền bỏ ra mua cho được vì biết rằng những bảo vật ấy ngày nay không thể làm được nữa.

Còn những đồ cổ thường, trông không đẹp bằng đồ mới bây giờ thì không nên chơi ; những đồ ấy chỉ có ích cho các nhà khảo cổ góp nhặt để bỏ vào nhà bảo-tàng làm ghi tích, chứ không có giá-trị gì về tinh-thần và mỹ-thuật cả.

Vậy chơi đồ cổ Tàu phải biết cho rộng ; trước hết nên biết nước Tàu có những mỹ-thuật gì, lại nên biết chuộng những mỹ-thuật ấy một cách sâu xa bao-quát ; chứ chỉ biết phân-biệt một vài cái ấm da chu, hay một vài bộ chén trà, hoặc vài ba cái đĩa kiểu lăng-nhăng, như thế thì sao đáng gọi là chơi đồ cổ và hiểu đồ cổ được.

Muốn biết đồ cổ một cách lý-thú cần phải học, phải nghiên-cứu nhiều sách vở về mỹ-thuật của Tầu, phải xem nhiều đồ ở các tư-gia chơi đồ cổ có tiếng xưa nay, để tập cho quen con mắt, phải so-sánh phân-biệt các đồ quí-giá ở nhà Bác-cổ, lúc nào cũng cho mình là chưa biết gì, chớ nên tự-đắc mà hay nhầm; họa may nếu có cái khiếu thông-minh ưa về mỹ-thuật, giám bà năm sẽ hiểu được ít nhiều và mới biết phân-biệt thế nào là đồ cổ có giá-trị. Tinh-thần sẽ mọi ngày một rộng, dần dần sẽ biết trong sự chơi đồ cổ có một cái vui thú lạ thường không vui thú nào bằng ; lúc nào trông thấy những đồ cổ quí giá mình đã mua được bầy ở trong nhà tâm trí cũng được khoái-lạc, không bao giờ chán, càng ngày càng nồng-nàn đằm-thắm mãi lên.

Đã biết chơi đồ cổ như vậy, thời phải mê, nhiều khi quên ăn quên ngủ về đồ cổ; có người không hiểu cho là gàn, là quẫn.

Người ta ở đời, ai cũng biết nhiều cái khổ, có nhiều cái thú ; khổ mỗi cái khác nhau, thú mỗi cái khác nhau. Cái thú chơi đồ cổ ông trời hình như chỉ để dành riêng cho những người tri-thức, còn những kẻ ngu si, dẫu có tiền nghìn bạc vạn muốn mua lấy cái thú chơi đồ cổ cũng không sao được.

Vậy muốn hiểu rõ về các thứ đồ cổ của Tàu, cần phải biết gốc tích đồ mỹ-thuật của Tàu kể sau này :

1° Đồ ngọc, đồ bảo-thạch.
2° Đồ đồng, đồ pháp-lam.
3° Đồ sành, đồ sứ.
4° Đồ họa.
5° Đồ kiến-trúc.
6° Đồ sơn, đồ chạm, đồ ngà.
7° Đồ nữ-trang.
8° Đồ tơ lụa, đồ dệt, đồ thêu.

Kỳ sau tôi sẽ theo thứ tự nói kỹ từng khoản một cho rộng đường nghiên-cứu.

Trần-văn-Kỷ
Kỹ-sư — Sontây

GIẤY HẠNH-PHÚC

(Chaîne de bonheur)

Trong chúng ta hẳn nhiều người đã từng làm quen với cái «giấy» này.

Thốt nhiên ta nhận được một mảnh giấy có chữ, hoặc tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, đầu đề là «cái giấy» (La chaîne), trong giấy dặn ta trong 24 giờ sau khi nhận được, nên sao ra làm chín bản, rồi gửi cho chín người bạn thân để cầu phúc cho họ. Nếu ta làm đúng như thế, trong hạn chín hôm, thế nào ta cũng gặp một việc xung-xướng phi-thường. Nếu ta không tin mà cắt đứt cái giấy ấy đi, thì cũng trong hạn chín hôm, thế nào cũng xảy ra cho ta một việc kỳ họa. Muốn cho «mách có trứng», trong ấy lại kể ra ông này vì theo đúng nhời dặn, trong năm hôm, được trúng một cái số 2.000.000 Anh-kim; Bà kia vì cho là chuyện đùa, tám hôm sau, bị nhà cửa cháy sạch-sẽ, vân vân....

Mới đây có bạn độc-giả gửi đến nhà báo một bản «La chaîne», nhờ cắt nghĩa tại sao lại có cái «giấy» ấy. Một câu hỏi đã lẩn-quẩn từ lâu ở trong óc tôi, mà có lẽ cũng ở cả trong óc phần nhiều người! Nghĩ vơ nghĩ vẩn, một là họ mê tín, hai là họ muốn lợi-dụng lòng mê-tín Nghĩ thế, rồi tôi cầm bút làm luôn 10 con tính nhân:

9
× 9
81
× 9
729
× 9
6561
× 9
59.049
× 9
531.441
× 9
4782.969
× 9
43046.721
× 9
387420.489
× 9
3.486.784.401
× 9
31.381.059.609

Đó là mới tính đến lần thứ 10, các bản chép để gửi đi, đã lên tới số 9+81+729+6.561+59.049+531.441+4.782.969+43.046.721+387.420.489+3.486.784.401+31.381.059.609=35.303.692.059.

Nay ta tính thử xem mỗi bản chép gửi đi, vừa giấy, vừa phong-bì. . . . . ., thì sẽ biết hạnh-phúc về phần ai!

M. K.

THƯ GỬI CHO BẠN VỀ

VĂN - PHÁP VIỆT - NAM

IV

Trương quí-huynh,

Đệ xin đem một ít thí-dụ lấy trong phong-dao tục-ngữ hay trong các danh-ngôn, để trứng thực rằng cách dùng quán-tự trong tiếng ta cũng tinh-tế chẳng kém gì trong tiếng Pháp.

Không phải đệ không biết chú-ý đến thể-lệ riêng của tiếng Việt-Nam, khi nào phải đem một câu Pháp-văn và câu dịch của nó ra đối-chiếu, thực là sự cực-chẳng-đã. Vả, muốn tìm mẹo-luật tiếng Việt-Nam, làm sao khỏi tựa vào mẹo-luật tiếng Pháp? Có phải cũng là một cách, theo lời ông Kế-Khoa, «tài bồi các chế-độ của ta bằng tinh thần khoa-học» (vivifier nos institutions par l'esprit de la science) đó không?

Nội các quán-tự đệ kể trong thư trước, định-quán-tự *số ít* có cái nghĩa rõ-ràng hơn cả. Các chữ đó dùng đặt trên danh-tự một người, một vật, hay một sự ta biết một cách đích-xác hay có nghĩa tuyệt-đối (absolu).

1. — *Ta biết một cách đích-xác:*

— Một người học-trò và một người đi buôn cùng đi đường. *Người* học-trò bảo *người* đi buôn rằng v. v. . . (X.X.)

— *Con* cò, *con* vạc, *con* nông,
Ba con cùng béo vặt lông con nào?
Vặt lông *con* vạc cho tao. . . . .

(Chữ *con* nào in ngả là định quán-tự, chữ nào không in ngả là đại-danh-tự).

— Đi đâu chả biết *con* người Sở-khanh! (Nguyễn-Du).

— *Cái* câu «thiên kinh vạn quyền» ngày nay thực là ít nghe thấy nói nữa. (Hoàng-hữu-Đón).

— Tiếng Annam có quả nghèo không? Anh em ta phải phá cho ra *cái* nghi-án thiên cổ đó. (Phạm-Quỳnh)

— Quốc-hồn phải có cách gì diễn xuất, biểu lộ ra ngoài thì mới đủ làm nguồn gốc cho *sự* sinh-hoạt một dân một nước. (Phạm-Quỳnh)

2. — *Danh-tự có nghĩa tuyệt-đối:*

— *Người* quân-tử không cho sự chế bác rông-rài đó vào đâu (X.)

— *Con* gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn-ỉn mua hành cho tôi,
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.
(Phong dao)

— Tiếng ta như một *cái* đất còn thiếu chất. (Nguyễn-văn-Ngọc)

— Mình đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khú, *cái* cà thời thâm.
(Nguyễn-khắc-Hiếu)

— Ước gì *sự* học cao-đẳng bao giờ cũng lấy cổ-điển làm gốc.
(Phạm-Quỳnh dịch-văn)

Nếu ta đặt chữ *một* lên trên mỗi định-quán-tự kể đó, ta sẽ thấy khác nghĩa ngay.

— Vặt lông *một con* vạc cho tao, nghĩa là có nhiều con vạc, mà chỉ làm thịt có một con.

— «. . . Làm nguồn gốc cho *một sự* sinh-hoạt một dân một nước». Nếu có chữ *một* đó thì ra một dân một nước có *hai* sự sinh-hoạt.

Danh-tự có nghĩa tuyệt-đích lại phải kiêng chữ *một* lắm:

— «*Một người* quân-tử không cho sự chế bác rông-rài đó vào đâu» nghĩa là trong số nhiều người quân-tử bận lòng về sự chế bác rông-rài, có một người không thèm cho sự đó vào đâu. Thế thì vô-ý. Làm mất nghĩa hai chữ quân-tử.

— «*Một con* gà cục tác lá tranh,
Một con lợn ủn-ỉn mua hành cho tôi, v. v...

Người đời mỉam-ai cả giống ga, giống lợn, v. v. . . chỉ kêu gào cầu lấy cái chết, không phải nói riêng một con ga, một con lợn ma thôi. Mà mỉa-mai theo nghĩa bóng; nếu thêm chữ *một* vào, chả hóa ra có một con gà biết đòi lá tranh thật, hay một con lợn biết đòi củ hành thật à?

Có thể kéo dài mãi thí-dụ ra được. Nhưng thôi, tóm tắt là: ***Một người,***

một con, một cái, một sự là bốn bất định-quán-tự số ít.

Nếu ta đem so với tiếng Pháp thì định-quán-tự *số ít* chỗ nào cũng phải dịch ra chữ *le* và *la*, bất-định quán-tự *số ít* phải dịch ra chữ *un* và *une*. Về số ít, quán-tự định và bất-định của ta tề-tựu đối với articles définis và indéfinis của Pháp vậy. Nhưng về số nhiều thì không thế hẳn. Bởi thế lần trước, để không dám chua nghĩa đối-chiếu hai thứ chữ này trong hai tiếng Pháp và Việt.

Nhưng trước khi bàn đến điều đó, để hãy nói sở-dĩ làm sao, trong tiếng Việt-Nam *có lúc* lại xóa được chữ *người*, chữ *con*, chữ *cái* và chữ *sự* đi. Để không muốn đặt xe ở trước bò, mà ở giữa hai con bò như thế, là để dễ tìm những thí-dụ trong các danh-ngôn, khi nói đến quán-tự số nhiều vậy.

Tiếng Việt-Nam cũng như hết thảy các tiếng khác, không ưa câu rườm-rà. Trong câu văn có thể xóa được chữ gì, mà câu văn không mất nghĩa, chữ ấy tức phải xóa liền. Quyển Kim-vân-Kiều sở-dĩ thành một áng văn thiên-cổ, đã đành một phần nhiều ở ý-nghĩa, cảnh-tình, ở sự cấu-tạo, kết-thúc, nhưng cũng một phần ở câu văn không hề có một chữ nghĩa thừa hay nghĩa non như trong phần nhiều truyện khác. Đại khái ta không thấy trong văn cụ Tiên-Điền những câu như:

«Vân-tiên ra lệnh *một khi*.

«Truyền cao nhật dạ *vậy thì* đuổi theo. (Lục-vân-tiên)

hay:

«Thấy nồi ai cũng *ngán-ngao làm vầy*.

«Binh ta *vô số đông thay!*

(Thạch-Sanh)

«Ra lệnh» và «truyền» đã trùng nghĩa, mà đã «ra lệnh» tất phải «vậy thì». Trong câu dưới, đã «vô-số» tất phải «đông» thay. *Vậy thì* và *đông* nghĩa thừa vậy. Còn *một khi*, *ngán ngao*, *làm vầy*, *thay*, đều là dùng non nghĩa cả.

Cố bỏ bốn chữ *người*, *con*, *cái*, *sự* đây cũng vì lẽ đó.

Phải chia làm hai «ca». Ca thứ nhứt: *người*, *con*, *cái*, *sự* kể là những phần-tử của quán-tự *kép*.

Ca thứ hai: *người*, *con*, *cái*, *sự* kể là định-quán-tự số ít.

Ca thứ nhất — Những chữ *người*, *con*, *cái*, *sự*, kể là phần-tử của quán-tự kép dùng để làm gì? Theo nghĩa đã giải-thích, các chữ đó dùng để chỉ rằng chữ để theo sau chúng là danh-tự. Vậy khi nào chữ theo sau chúng rõ-ràng là danh-tự rồi, thì thế-tất những chữ đó không cần đứng đó nữa. Ta thử xem khi nào danh-dự trong một câu văn mà lại rõ-ràng là danh-tự.

1° — Khi một chữ (đơn hoặc kép) chỉ có thể dùng làm danh-tự, không thể dùng làm trạng-tự, đại-danh-tự, động-tự, hay một thứ chữ nào khác. Ví như: văn-sĩ, nghệ-sĩ, giời, đất, bể, v. v...

Bởi thế, ta không thể nói:
Tôi có các trâu.
Tôi đánh một gian,
Tôi chịu những đau-đớn;
mà phải nói:
Tôi có các *con* trâu,
Tôi đánh một *người* gian,
Tôi chịu những *sự* đau đớn.

Vì trâu, gian có thể vừa dùng làm trạng-tự trong những câu: Đồ trâu-ngựa! Quân gian! Đau-đớn có thể vừa dùng làm động-tự: ta đau-đớn vì tình. Hay nói thế này cho đúng hơn: vì các chữ đó đồng-âm với các chữ khác cùng một «họ» với chúng (homonymes de même famille).

2° — Khi khéo ghép các chữ về loại đó, cho các chữ đó rõ nghĩa là danh-tự.

Ta không thể nói: «Tôi có các trâu và các bò» nhưng có thể nói: «Tôi có các trâu bò trong trại này». Không thể nói: «Tôi đánh một gian» nhưng «Tôi đánh gian phi, tôi đuổi trộm cướp» v. v...

Ghép như thế, thì dù những chữ đó có thể dùng làm chữ khác (hay lẫn với đồng-âm của nó), nhưng tránh được những chữ *người*, *con*, *cái*, *sự*, mà quốc-văn không ưa.

Tiện thể, ta nên nhận rằng quốc-văn không ưa các chữ đó, đến nỗi lắm khi ghép cả những chữ vô nghĩa vào danh-tự, để bỏ được chúng đi.

Ví dụ:

« *Sự* mặc sao cho dễ coi, *sự* nói sao cho dịu dàng » thì nói: « Ăn-mặc sao cho dễ coi ăn nói sao cho dịu dàng ».

Đó là chưa kể trong tiếng nói thường, « cái khăn » gọi là « khăn *khiếc* », « cái điếu » gọi là «điếu *điếc* », « con gà » gọi là « gà ghiệc» v. v...

Cũng bởi thế, văn ta thường dùng thể biền-ngẫu, không nói gì đến câu dài để bắt buộc độc-giả phải nhận danh-tự phải đối với danh-tự, động-tự phải đối với động tự, v. v.., như thế, tất nhiên câu văn phải rõ nghĩa, hãy nói đến những chữ đối ý trong một câu, mục-đích cũng cốt như vậy; mà cốt như vậy là để không phải dùng quán-tự:

— *Chim-chích* mà ghẹo *bồ-nông*... (Phong-dao)

— Ngẫm xem của ấy *báu* này... (Nguyễn-Du)

— *Ăn* làm sao, nói làm sao bây giờ (Ng. D.)

Thử đổi lại một chút, ta sẽ thấy quán-tự là cần:

— Tè mà húc sẻ.

— Ngẫm xem lọ ấy mực này, v, v...

Vậy khi hai danh-tự đối ý, ta cũng có thể xóa bỏ được *người*, *con*, *cái*, *sự*.

Ca thứ hai. — Khi nào bốn chữ *người*, *con*, *cái*, *sự* coi là định-quán-tự số ít, ngoài hai cái lẽ nói trên kia — trong ca thứ nhất — lại phải một lẽ nữa mới có thể xóa các chữ đó đi được. Tức là khi danh-tự dùng theo nghĩa *tuyệt-đối*:

Ví dụ:

Trăm năm trong *cõi* người ta
Chữ Tài *chữ* Mạnh khéo là ghét nhau. (Ng. Du)

(*Cõi* và *chữ* không cần theo sau chữ *cái*)

— Người chỉ hơn *vật* về tư-tưởng. (X. X. X.)

(*Vật* không cần theo sau chữ *con*)

— *Quân-tử* phòng thân, *tiểu-nhân* phòng bị gây (Phong-dao).

(*Quân-tử* và *tiểu-nhân* không phải cần theo sau chữ *người*)

Nếu danh-tự thì có cái nghĩa «*nhất-định*» vì *nhân*, *vật*, hay *sự*

ăn vào danh-tự đó, ta đã kể đến, hay thuộc vào một nhân, vật hay sự gì khác, ta lại phải chia ra như sau này mới giải-thích cho trôi được :

1°) *Nhân, vật, sự ta đã kể đến.* — Khi một nhân, vật, hay sự ta đã kể đến và ta nhắc lại, nghĩa là danh-tự của nó đi trước hay đi sau những chữ dùng để chỉ lên trên như *đó, ấy, thế, trên này, như trên,* v. v...), thì các chữ *người, con, cái, sự* đặt trên danh-tự đó, ta không thể xóa đi được.

Ví dụ :

— *Cái* lẽ ta phải luyện quốc-văn là thế (X. X. X.)

— Đó là *cái* tín-điều thứ nhất của tôi trong đạo quốc-gia vậy. (Phạm Quỳnh)

Vì « lẽ » và «tín-điều » đã không phải là tuyệt-đối thì xóa chữ *cái* đi, các chữ ấy thành ra số nhiều. (sau này xin nói tới, khi bàn đến chữ *các* và chữ *những*)

2°) *Nhân, vật hay sự thuộc về nhân, vật hay sự gì khác.* — Nghĩa là danh-tự đi sau là tiếp tự (complément déterminatif) của danh-tự đi trước vậy. Ví dụ : « nhà của em tôi » ; em là tiếp-tự của nhà.

Có bốn cách nói, nghĩa khác nhau hẳn :

a) Cái nhà của người em tôi.

b) Cái nhà của một người em tôi.

c) Một cái nhà của người em tôi.

d) Một cái nhà của một người em tôi.

Hai câu dưới thuộc về *ca thứ nhất* kể trên này ; vả, cũng chỉ có thể chữa được là :

c) Một nhà của em tôi.

d) Một nhà của một em tôi.

Ta không cần nói tới.

Câu *b* thường thường vẫn chữa là

b) Nhà của một em tôi.— Không cần thêm chữ cái, vì nếu muốn nói người em đó có nhiều nhà tất tôi phải nói : « các hay những nhà đó của một em tôi », hoặc muốn phản-đối cái ý « *nhiều* nhà » với « *một* em », tôi phải thêm chữ *cả* ở cuối : « Nhà của một em tôi cả ». Vậy khi nói : « Tôi đi đến nhà của một em tôi », tức là tôi đi đến *cái* nhà của một người em tôi ở, mà người em này, tôi không gọi đích danh là ai. Nghĩa là câu này chữa thế nào cũng chỉ có một nghĩa.

Đến như câu *a* thì không thế. Nói « cái nhà của em tôi » tức là hai thứ « nhà » và « em » điều đã biết đích danh cả. Nhưng nếu muốn cho người nghe chuyện tôi chú-ý vào cái nhà hơn là vào người em, tôi nói : « cái nhà của em tôi ». Muốn cho người đó chú ý đến em tôi hơn, tôi nói : « Nhà của người em tôi » Nhưng khi tôi không cần để người nghe chú ý đến cả hai thứ đó, tôi nói : « nhà của em tôi ». Tức như trong câu : « Tôi *đi* đến nhà em tôi », độc-giả hay thính-giả của tôi chỉ cần biết sự *đi* của tôi đã tới một nơi mà các người đã biết đích-sác rồi vậy.

Tuy nhiên nếu danh-tự đi sau (complément) là một danh-tự «đặc» —không thể dùng làm chữ khác được — ta không thể thêm quán-tự lên trên nó được.

Ta không thể nói : tinh-thần của cái quốc-gia, văn-tài của cái tổ-quốc, học-lực của người văn-sĩ v.v...

Ta chỉ có thể nói : cái tinh-thần của quốc-gia, cái văn-tài của tổ-quốc, cái học-lực của văn-sĩ v. v...

Tôi nói lôi-thôi như vậy, là để tỏ rằng : cái tác-dụng của quán-tự trong tiếng ta cũng tinh-tế lắm. Xưa nay, ta chỉ hiểu-ngầm với nhau, không hề ai giảng cho ai. Nhưng có phải là chỉ « khả rĩ ý-hội nhi bất khả rĩ ngôn-truyền » đâu ! Một cái thể-lệ suối Nước cùng theo, không có lẽ không có duyên-cớ !

Xin đem mấy cái thí-dụ để dẫn-trứng :

« Văn-chương ! văn-chương ! cứ ý ta thì người thật là *cái* nguyên-khí của quốc-gia vậy ! (Mân châu).

Tác-giả muốn cho ta chú ý đến cái nguyên-khí là *cái* mà tác-giả đem giả-thích văn-chương.

« Thưa các ông, vấn-đề của *bạn* đồng-nghiệp chúng tôi là ôngNguyễn phan-Long vừa khởi xướng lên đó, quả là vấn-đề hệ-trọng. » (Phạm-Quỳnh).

Tuy vấn-đề có hệ-trọng, mà trong lúc bấy giờ, diễn-giả phải làm cho thính-giả chú ý đến người đề xướng lên đã, chữ *bạn* dùng thay cho chữ *người* quán-tự, sau này tôi sẽ nói tới.

Trong những thành-ngữ : « Ý-tưởng của *người* Âu-châu, trí-khôn của *con* người ta v. v... » cũng vậy. Danh-tự sau có quan-hệ hơn danh-tự trước.

Còn hai danh-tự đi với nhau, chữ dưới tiếp tự của chữ trên mà *không chữ nào có quán-tự cả* thì trong tiếng ta rất nhiều :

« Tinh-thần của Tổ-quốc, tiếng nói của giống nòi, da giời, mặt đất, cõi người ta, rau sắng chùa Hương, v. v... »

Hoặc là vì hai danh-tự đó ta cùng cho là quan-hệ ngang nhau ; hoặc vì cấu văn xếp đặt khéo, đã có thể làm nổi được danh-tự nào quan-hệ

Ví dụ trong câu :

Trăm năm trong *cõi* người ta,
Chữ Tài chữ Mạnh khéo là ghét nhau. (Ng. Du)

Chữ *cõi* cố-nhiên là nổi nghĩa hơn chữ người (danh-tự) là tiếp-tự của nó, vì có hai chữ : *trăm năm.*

Trái lại, trong câu :

Muốn ăn rau sắng *chùa Hương,*
Tiền đò ngại *tốn con đường* ngại *xa.*
(Ng. Khắc-Hiếu)

Vì có « tiền đò tốn » và « con đường xa » mà hai chữ « chùa Hương » nổi hơn hai chữ « rau sắng ».

Nói tóm lại :

1. — Khi danh-tự nào đã rõ nghĩa là danh-tự (vì nó chỉ dùng làm danh-tự, hay tiếng đôi, hay ghép với một danh-tự khác, hay có nghĩa tuyệt-đối), ta *có thể* xóa được cái phần-tử : người, con, cái, sự, của bất-tinh quán-tự đặt lên trước nó.

2. — Khi danh-tự nào chỉ vào một nhân, vật hay sự đã kể trên, nghĩa là phải đi với một chữ trong những chữ : như-trên, trên này, đó, thế, v. v. . . , ta *không có thể* xóa được định-quán-tự của nó.

3. — Khi danh-tự nào chỉ một nhân, vật hay sự thuộc về một nhân, vật hay sự khác, nghĩa là danh-dư đó đứng trước một danh-tự khác dung lam tiếp-tự của nó (complément démonstratif), ta phải tùy nghĩa, *danh-tự nào ít quan hệ hơn thì ta có thể xóa được quan-tự của nó đi.*

PHỤ - NỮ

Thế nào là nữ-quyền ?

Hạ ngòi bút viết đến hai chữ bao-la quan-trọng như hai chữ « nữ-quyền », trong lòng đã thấy phân-vân thay, buồng chị bấy nay lại vẫn công-nhân cho thuyết « nữ-quyền » là phải là hay, thì trong lòng tránh sao khỏi điều lo-ngại. Dù là người cực-lực bênh thuyết « nữ-quyền » chăng nữa, ai mà không phải nhận rằng phong-trào nữ-quyền cũng như nhiều phong-trào khác, tràn sang ta giữa buổi giao-thời, đã reo lại cho đám người tri-khí mỏng-manh, tư-tưởng rối - loạn một cái mối hại khá lớn. Nhưng đó là lẽ tất-nhiên, đã có sự hoán-cải, tất có cuộc suy-đồi, tránh làm sao được.

Người Thái-tây, chớ tưởng người Thái-tây là toàn năng, toàn thiện, họ cũng nói lắm chuyện đến nhàm, họ cũng làm nhiều cái đến ngông đến rởm, mà cái ngông cái rởm của phụ-nữ Thái-tây, ngán thay, nó lại truyền-nhiễm trước nhất và rộng nhất sang cho chi em đất Nam-Việt này. Một số rất đông chị-em ta gội được làn sóng mới, háo-hức sôi-nổi nói nữ-quyền, đòi nữ-quyền, nhưng có biết đâu việc mình làm hầu hết là sai, là dở. Người đã hiểu lẽ, tự mình biết nâng giá mình lên, thường không cần đòi quyền mà vẫn giữ được quyền, không cần nói đến hai tiếng nữ quyền mà vẫn không quên nữ-quyền ; còn cái người cứ luôn luôn hi-hửng nói nữ-quyền thì vị tất đã hiểu nữ-quyền là thế nào vậy. Ấy chính chỗ ấy ta cần phải chú-trọng đến, cần phải bàn-bạc đến một cách thật dản-dị, phổ-thông, ngõ-hầu sự phải sự trái được phân-biệt hẳn nhau ra như mầu đen mầu trắng.

Vậy nữ-quyền là thế nào ?

Đặt câu hỏi này, nhà văn-sĩ Paul Bourget cũng phải lúng-túng. Ông nói ba mươi năm về trước chữ » nữ-quyền » (Féminisme) còn chưa tìm thấy ở trong tự-vị lãng-sa. Mãi đến khi quyền tự-vị lắm năm 1900 ra đời, ông mới thấy thích nghĩa rằng : « Nữ-quyền là một cái xu-hướng cốt để làm cho số-phận người đàn-bà ngày thêm tốt-đẹp xung-xướng. » (Tendance à améliorer le sort de la femme). Câu giảng nghĩa này, theo ý ông thì tưởng như đúng mà thực lại không đúng. Ví dụ một nhà cải-lương muốn phá-bỏ luật li-dị mà lấy cớ rằng luật ấy không giữ-gìn cho người đàn-bà khỏi chịu thiệt-thòi vì cái tính thất-thường của người chồng bằng tục « trường cửu hôn-thú » Như thế, họ cũng nói là họ mong làm cho số-phận người đàn-bà được thêm xung-xướng. Vậy có phải là họ bênh nữ-quyền không? Hẳn là không, đối với các tay bênh nữ-quyền, họ chỉ là quân cừu-địch. Các người thành-thực bênh nữ-quyền hiểu nghĩa chữ « nữ-quyền » một cách khác : « Nữ-quyền là một chủ-nghĩa mà điều kiện thứ nhất là hoàn-toàn giải-phóng cho đàn-bà.».

Bắt chước ông Paul Bourget, ta thử mở quyển Larousse năm 1931 : « Nữ-quyền là cái xu-hướng cốt để nâng cao địa-vị, mở rộng quyền-lợi của người đàn-bà trong xã-hội...» (Tendance à améliorer la situation de la femme dans la société, à étendre ses droits, etc.) Câu trả lời này hoặc nhiều người bảo là không hợp cho phụ-nữ ta lắm : Cái địa-vị mình trong xã-hội, người con gái Nam-Việt còn chưa biết rõ nữa là con gái, đến cái quyền cái lợi lại càng chán-ngán, nào ai có quyền chi mà đòi, lợi chi mà xin ! Theo ý tôi, câu nói trên chỉ là câu tiêu-biểu cho ý-tưởng của hạng người quá mẫn-thế ưu-thời, chứ ai đã ôm lòng son chen lại với đời, thì tưởng không bao giờ nên trông đời bằng cặp mắt bi-quan như vậy. Có cái chỗ đáng chú-ý là đàn-bà Pháp là người phương Tây, đàn-bà ta là người phương Đông, Đông Tây khác hẳn nhau, phong-hóa của nước khác nhau, tính-tình của người khác nhau, thì muốn giữ lấy giá mình, đòi lấy quyền mình, chị em ta không thể bắt chước y như chị em Thái-tây được.

Phấn son tô-điểm sơn-hà,
Tuyết băng giữ giá đàn-bà nước Nam.

Cắt nghĩa chữ «nữ-quyền» (Féminisme) tôi còn nhớ được câu của cô Léontine Zanta (1). Cô theo từ-nguyên, giải nghĩa rằng : cái vĩ-ngữ *isme* (2) cốt dùng để hợp thành những danh - từ chỉ các học-thuyết, chủ-nghĩa ví dụ: *calvinisme, cartésianisme, spinozisme, gandhisme, hégélianisme,* là học-thuyết, chủ-nghĩa của *Calvin, Décartes, Spinoza, Gandhi* và *Hegel.* Vậy nữ-quyền là một «khoa triết-học riêng sáng-lập ra bởi phụ-nữ (une philosiphie spécialement élaborée par les femmes). Nữ-quyền là một khoa triết-học, thì thử hỏi khoa triết-học ấy có chánh-đáng không? Tinh-thần, tình-cảm và ý-định của phụ-nữ thực quả đã tiến-hóa đến bực nào, đến nỗi ta cần phải cải-cách cả luân-lý phong-tục một cách sâu-xa như vậy? Câu hỏi ấy, rồi đây xem lại cuốn sách của Zanta nữ-sĩ,

---

4°) Nếu câu văn xếp đặt khéo, làm nổi được chữ quan - hệ trong hai danh-tự đi đôi đó, *ta có thể xóa được quán-tự của cả hai quán-tự.*

Đem các thể lệ đó mà so vào các danh-văn, đệ chưa hề thấy sai. Vậy ông bạn tôi thử so lại hộ tôi xem, thấy sai chỗ nào, phải bảo cho tôi biết. Mà có nói cho tôi nghe, phải nói gọn không đi như văn Larrive Fleury hay Léopold Sudre, chớ dài dòng văn-tự như tôi, mà tôi không đọc đâu. Tôi tính lười, ông bạn đã rõ, lại ích-kỷ, chỉ muốn viết dài chứ không muốn đọc dài !

Thơ sau, nói về hai chữ «các» và «những», tôi thử cố nói ngắn cộc xem sao !

Nay kính
Nguyễn-cát-Ngạc

(1) Cô có viết một quyển bàn về «Tâm-lý của nữ-quyền» (Psychologies du Féminisme), tôi chỉ còn nhớ được đại-khái. Nếu có thì-giờ đọc lại sẽ xin hiến các bạn độc-giả mấy kỳ sau,

(2) Vĩ-ngữ isme là vĩ-ngữ La-tinh gốc Hi-lạp.

tôi sẽ xin trả lời rõ ; nay ta chỉ nên tự hỏi thầm trong trí rằng mấy mươi năm ấy, chị em theo đuổi thuyết nữ-quyền, thì cuộc tiến-hóa đã đưa chị em lên mấy bước rồi? (tôi kiêng không dám nói đến tiếng thoái-bộ) — Chị em đã mang trong trí một chủ-nghĩa cao, tất trước hết phải có tư-tưởng, ý-định riêng, mà những tư-tưởng ý-định ấy tất cũng phải cao nữa. Vậy phong-trào vận-động nữ-quyền, nếu muốn bành-trướng ra được, tất phải chú-trọng vào chỗ tinh-thần.

Về phương diện tinh-thần quyền-lợi với nghĩa-vụ thường vẫn đi đôi với nhau, phụ-nữ càng có thêm quyền bao nhiêu, càng phải mang thêm nhiều bổn-phận bấy nhiêu, mà trong các bổn-phận, cái cốt-yếu là biết hy-sinh và tự-trọng. May sao, hy sinh và tự-trọng, hai đức tốt ấy vốn đã sẵn ở trong bản-chất của người đàn-bà, không mấy ai không có, cho nên ta có thể yên trí tin-cậy ở cái kết-quả tốt-đẹp của phong-trào nữ-quyền sau này. Nhưng, ngay từ bây giờ, ta cũng đã có thể bằng ở đây để phân-biệt việc vận-động nữ-quyền chính-đáng với những điều yêu-cầu viển-vông, những sự hành-vi rồ-dại của những cô gái rớm đời.

Trong nhiều bài của bà Maria Vérone, người đứng đầu trong cuộc phụ-nữ vận-động bên Pháp hiện nay, ta thấy bà vơ vào cho phụ-nữ bao nhiêu là nghĩa-vụ. Đòi gánh lấy nghĩa-vụ, tức là đòi giữ lấy lợi-quyền, ý-nghĩa sâu-xa của nữ-quyền tưởng gồm cả trong câu ấy.

Vậy chị em ai người muốn đòi lấy quyền-lợi trước hết phải thận trọng giữ lấy giá mình, phải hy-sinh hạnh-phúc riêng của mình cho nghĩa-vụ ; tư-cách mình càng cao lên bao nhiêu thì cái quyền của mình cũng nhờ đó mà dần dần rộng ra bấy nhiêu. Nhìn ra chị em thế-giới bên ngoài, nếu không có cuộc Đại-chiến, chị em không có dịp tỏ cái giá-trị, tư-cách của mình ra, thì phong-trào phụ-nữ có đâu được bồng-bột đến thế? Phong-tục sinh ra pháp-luật chứ không phải pháp-luật sinh ra phong-tục, nếu chị em chỉ ngồng ở chỗ lý-thuyết chẳng là hão-huyền lắm ru?

Đinh Huy-Hạo

VẤN-ĐỀ THUỘC-ĐỊA

trong con mắt của đảng Xã-hội cấp-tiến

Mỗi lần nước Pháp mà thay đổi Chánh-phủ khác, thì người mình thường hỏi nhau : «... Rồi đây, người ta đối đãi ở xứ ta thế nào » Nay đảng Xã-hội cấp-tiến lên cầm chánh-quyền, anh em còn hỏi chúng tôi như thế nữa. Vì vậy, chúng tôi tưởng vấn-đề thuộc-địa với đảng Xã-hội cấp-tiến cũng là một vấn-đề hợp thời, nên đem nói cho anh em cùng biết.

Mà muốn nói cho tỏ-tường, theo ý chúng tôi, cần phải đọc lại một đoạn lịch-sử của đảng Xã-hội cấp-tiến từ năm 1881 (là năm nước Pháp khởi đầu đi chinh phục Tunisie) về sau. Đọc rồi, chúng ta thấy chi ?

Thấy đảng Xã-hội cấp-tiến không bài-bác sự đi chiếm trị thuộc-địa; họ bài-bác là bài-bác cách đi chiếm-trị ấy, và cách đi chiếm-trị không phải thời mà thôi. Có người hỏi chúng tôi: « Anh quên thái-độ của Clémenceau và Pelletan lúc đó rồi hay sao ? Anh không biết hai người trên đây cực lực phản-đối sự lấy Tunisie và Đông-dương hay sao ?»

Tôi xin trả lời : « Vẫn biết Clémenceau và Pelletan thật có đứng ra phản-đối sự đi chiếm-trị các xứ xa lắm ; nhưng, từ năm 1882 đến 1901, tuy là có nhiều người theo chủ-nghĩa Cấp-tiến và Xã-hội Cấp-tiến, nhưng đảng Xã-hội Cấp-tiến chưa thành-lập. Thành ra, các người Cấp-tiến chỉ hành-động một mình mà thôi; không muốn chịu mệnh lệnh của một « ủy-ban dân-chủ » vô-quyền nào cả.

Khi Gambetta và Jules Ferry cho binh đi chiếm-cứ Tunisie và Đông-dương, ông Clémenceau có đứng ra đọc mấy bài diễn-văn ở Hạ-nghị-viện vấn nạn Chánh-phủ. Ta nên chú ý về những bài diễn-văn ngày 10 Novembre 1881 (đánh với Tunisie) và những ngày 3 Novembre 1883, 12 Décembre 1883, 27 Novembre 1884, 29 và 31 Mars 1885 và 26 Décembre 1885, (đánh với Đông-Dương). Những bài diễn-văn ấy chỉ rõ rằng : « Jules Ferry muốn thực hành một cái chánh-sách thuộc-địa, nhưng không có một cái chương-trình khuếch-trương nhất định, và những người Cấp-tiến núp sau lưng Clémenceau và Pelletan đối với sự khuếch trương ấy chẳng phải có ý bài-bác bạo tợn như người ta tưởng vậy đâu ». (1)

Ngày 1er Décembre 1881, nhân việc bàn cãi về sự Chánh-phủ xin thêm tiền để đi đánh Tunisie, Pelletan hỏi Gambetta rằng : « Vậy tôi xin hỏi, cái chánh-sách của Chánh-phủ ở Tunisie, và chánh-sách ấy muốn đi về đường nào ? » Gambetta trả lời xong, Pelletan lại thêm câu nầy : « Tôi không khi nào tính bỏ liền Tunisie, ngày nào mà danh-dự và quyền-lợi nước Pháp có chỗ dùm bọc chắc chắn rồi, chừng đó có lẽ nói đến sự ấy mới được. » Gambetta mới nói : « Tôi không lấy làm lạ » mà nghe ông lãnh-tụ cấp-tiến tuyên-bố như vậy, « bởi vì chính ta là một *người Pháp nói* chớ chẳng phải người ở bên phía phản-đối ». Tuy thế, tòa nội-các Jules Ferry cũng bị đánh nhào.

Clémenceau và Pelletan trách tòa Nội-các Jules Ferry là trách sự dấu nhẹm cái tình-thế rắc-rối ở Nam Phi-châu, mà tính làm càn, không cho ai kiểm-soát, mà sự làm càn này các dân-biểu không định đoạt, không bằng lòng chút nào. »

Qua đến vụ Bắc-kỳ, thì Clémenceau vịnh theo lẽ Jules Ferry nghe lời Bismarck mà tỏ hai châu Alsace và Lorraine đi ; không lo chi đến việc bảo-thủ nước nhà ở Âu-châu, lại lo đem binh đi đánh ở đất nước xa-xôi. Tòa Nội-các sau khi binh Pháp lấy Lạng-Sơn rồi, lại bị đổ nhào xuống nữa !

CẤP-TIẾN VÀ XÃ-HỘI CẤP-TIẾN

Lịch-sử đảng Cấp-tiến

Ở nước Pháp, từ 80 năm về trước, đảng Cộng-hòa đã thấy chia làm hai xu-hướng khác nhau, ta hãy lần-lượt kể tên các lãnh-tụ: dưới thời quân-chủ tháng bảy (Louis Philippe) có Armand Marrast với Ledru Rollin; dưới thời đế-chính có Emile Ollivier với Jules Simon; đến thời đệ-tam dân-chủ thì Thiers, Gambetta, rồi đến Jules Ferry với Clémenceau.

Chữ Cấp-tiến (Radicalisme) cũng không mới-mẻ gì, nó vốn gốc ở Anh đã truyền vào chính-giới Pháp từ đời vua Louis Philippe.

Sau một thời-kỳ chủ-nghĩa Cấp-tiến lẫn vào với chủ-nghĩa Cộng-hòa, người ta lại nói tách nó ra vào hồi đệ-nhị đế-chính suy-nhược. Bắt đầu từ đấy, đảng Cấp-tiến có nền-tảng hẳn-hoi.

Năm 1868, Jules Simon viết một quyển sách lớn bàn về triết-học của chính-trị, bày rõ chính-sách Cấp-tiến, cả tôn-chỉ lẫn chương-trình cải-lương.

Năm sau, 1500 cử-tri hạt Seine gửi cho ông Gambetta (người ra ứng cử hạt ấy) một tập thỉnh-cầu và một bản chương-trình dân-chủ Cấp-tiến, đó là «bản chương-trình Belleville», nền-tảng của chương-trình Cấp-tiến sau này.

Theo ý-kiến ông Jules Simon và chương-trình Belleville, các điều yêu-cầu đại-khái có:

— Đòi quyền tự-do ngôn-luận, tự-do hội-họp và tự-do lập đảng; thực-hành một cách thành-thực chế-độ toàn-dân bảo-cử, phân-biệt quốc-gia với giáo-hội.

— Dùng phép bảo-cử để trọn các quan Tòa;

— Cải-cách sưu thuế cốt để lập một thứ thuế duy nhất;

— Thay chương-trình sơ-học không để tôn-giáo can-thiệp, bỏ học-phí và bó-buộc ai cũng phải đi học; hết hạn ấy, đặt kỳ thi kén học-trò lên lớp trên, học lớp trên cũng không mất học-phí;

— Bãi các quân đội vĩnh-viễn.

Sau khi nền quân-chủ đã bị phá-hoại hẳn, không còn cơ gì trung-hưng được nữa, đảng Cấp-tiến mới quây-quần quanh ông Clémenceau và Camille Palletan, hai nhà sáng-lập báo « Công-lý » (La Justice), và . . . . . hẳn bắt đầu từ năm 1800. Họ bèn thêm vào chương-trình Belleville mấy điều yêu-cầu thay đổi Hiến-pháp (xin bãi Thượng-nghị-viện hay là thay đổi cách bầu Nguyên-lão-nghị-viên) và cải-cách trong xã-hội. Bởi vậy, một số hội-viên cấp-tiến mới lấy thêm hai chữ «xã-hội» đặt kèm vào tên chủ-nghĩa của mình.

Sau một thời-kỳ tranh-cạnh với phái Tùy-thời (1), đảng Cấp-tiến và Xã-hội Cấp-tiến được thắng số ở kỳ tổng-tuyển-cử năm 1898, và từ đó thành một đảng Chính-phủ. Họ đã thực-hành được nhiều khoản trong chương-trình, thí dụ: luật lập đảng (1901), dảm hạn tại-ngũ của lính (1905), hưu-bổng của thợ-thuyền (1910), thuế lợi-tức (1917). còn những sự cải-cách trong học-giới thì đã thi-hành từ năm 1881, dưới Chính-phủ Jules Ferry, do cánh Tùy-thời yêu-cầu. Cũng có nhiều điều yêu-cầu của chương-trình cũ, như việc sửa đổi lại Hiến-pháp và bảo-cử các quan toà, nay đã bị bác bỏ hẳn đi rồi. Còn những điều khác hiện nay tuy chưa thực-hành, nhưng đảng Cấp-tiến vẫn vững lòng theo đuổi, đó tóc là then-trốt bản chương-trình.

Tại sao tôi theo chủ-nghĩa Xã hội Cấp tiến?

Đó là đầu đề một cuốn sách (2) xuất-bản năm 1928, của ông Édouard Herriot viết, tôi xin trích và lược dịch một đoạn, các ngài xem đó sẽ thấy đảng Cấp-tiến với đảng Xã-hội khác nhau những thế nào.

«... Tôi tuy kính-phục ông Jaurès (4) mà tôi cũng không thể vào đảng Xã-hội. Tại sao vậy? Trong mấy kỳ hội-nghị năm 1880, đảng Lao-động đã ấn-định bản chương-trình mục-đích cốt để giải-phóng các thợ thuyền, đặt vào trong tay giai-cấp lao-động hết thảy các khí-cụ làm việc, như nhà máy, ruộng-đất, ngân-hàng, tầu bè v. v., để đem quyền sở-hữu công-cộng thay vào quyền sở-hữu cá-nhân. Chương-trình ấy sau đã thực-hành được một phần lớn... « Song le, giới-hạn bản chương trình ấy còn trật-hẹp lắm, nhất là nhà lãnh-tụ Jules Guesde lại công-nhận cái định-lý rằng « cảnh-huống lẻ-loi là cảnh-luống thông-thường của loài vật, mà cảnh-huống xã-hội và tập-hợp mới là cảnh-huống của người ta », thì cái triết-lý ấy xem thật có vẻ sơ-sài nghèo-ngặt quá. Nhà lãnh-tụ ấy lại phát-minh ra ý-kiến rằng bất cứ làm công-việc gì, hết thảy mọi người đều phải được trả công

---

Coi đó thì thấy rõ rằng bọn Cấp-tiến kích-bác là kích-bác sự đi đánh xứ xa-xôi, tốn người hao của, để hoãn lại những việc cải-tạo cần-cấp, và làm cho quân lính trong nước yếu bớt xuống đi; chớ thật tình, đã có động chi đến cái nguyên-tắc đi chiếm-trị thuộc-địa. Từ năm 1885 (giặc Bắc-kỳ), về sau đảng Xã-hội cấp-tiến sản-xuất nhiều tay rành về việc thực-dân, cai-trị thuộc-địa như Maurice Long, Albert Sarraut, Steeg. Chính nhờ đảng Xã-hội cấp-tiến, nên Pháp mới chiếm Soudan được. Từ ấy đến nay những lý-thuyết về thực-dân của họ càng ngày càng ngày càng rõ-ràng thêm. Ông Albert Sarraut trong quyển « Servitudes et grandeurs coloniales » đem đủ lời lẽ ra binh-vực cho những lý-thuyết ấy. Ta có thể rút cut quyển « Servitudes et grandeurs coloniales » lại, dồn vào câu này: « Sự đi chiếm thuộc-địa không có trái chi với nhân-đạo cả. Trái lại, vì nhân-đạo, nên các nước mạnh mẽ văn-minh mới đi tìm các xứ xa, yếu-đuối dã-man mà cai-trị »

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Vân-Trình (*Sài-thành*)

(1) Jammy-Schmidt (Les grandes thèses radicales) Editions des Portiques.

THỜI ĐÀM

Những ngày . . . . của Annam mình

Dân Annam mình ngủ gà ngủ vịt hoài, lúc bị ngọn đuốc văn-minh chiếu ánh sáng trói-lọi vào mắt mới bừng mắt choàng giậy, trông thấy người ta như tiên, người mình như khỉ, bèn in sâu ngay vào óc cái quan-niệm mình đều là khỉ mà người đều là tiên. (Cái khỉ của mình, không phải là không có đâu, nhưng cũng có cái khỉ, cũng có cái tiên, chứ lẽ nào lại khỉ cả?) . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Không biết ai nghe câu này cảm-tưởng thế nào, chứ hiền-lành như tôi, trước đây ít lâu, tôi nghe thấy ai nói câu này tôi cũng muốn tặng cho dăm bảy cái t... Trước đây ít lâu thì thế, nhưng bây giờ thì không thế nữa: bây giờ tôi tin hẳn là phải.

Xin ví dụ một việc gần như cái tết mồng ba tháng ba và tết mồng năm tháng năm mới đây, Annam ta ai cũng đều biết là ngày kỷ-niệm ông Giới-tử-Thôi và ông Khuất-Nguyên bên Tàu, mà ai nấy cũng vẫn ăn, vẫn nhớ kỷ-niệm, lại mời cả tiền-nhân về dự cuộc lễ kỷ-niệm ấy nữa, nào có ai nghĩ rằng làm thế là nhắc lại cái thời-kỳ nội-thuộc Tàu, cái thời-kỳ phải săn voi mò trai cống Tàu, là một sự đau lòng, là một điều sỉ-nhục ở đâu!

. . . . . .

. . . . . .

sao không kỷ-niệm các bậc anh-hùng cứu-quốc nước nhà. . . .

. . . . . .

Vậy thiết-tưởng ai là dân Annam mà không biết ghi nhớ những ngày này:

— Mồng 5 tháng giêng: Giỗ trận Đồng-Quang.

— Mồng 6 tháng hai: Hội hai Bà (hai bà mất).

— Mồng 10 tháng ba: Hội Hùng-vương; vua Đinh-Tiên-hoàng lên ngôi.

— Rằm tháng tư: Vua Lê-thái-tổ lên ngôi.

— Mồng 4 tháng năm: Trần-Hưng-Đạo đánh quân Nguyên ở Van-kiếp (1)

Các ngày trên này tôi coi là ngày to nhất trong lịch-sử, rất nên kỷ-niệm, còn ngoài ra, tết nguyên-đán không kể, ai có muốn giữ tết tháng 8 cho trẻ con và tết 23 tháng chạp cho ông Táo thì tưởng cũng chẳng hề chi . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Đ. H. H.

(1) Hội Van-kiếp mở vào ngày 20 tháng 8, nhưng ngày ấy lại là ngày đức Hưng-đạo mất, tưởng chẳng nên mừng.

Bỏ công đèn sách dùi mài...

Năm nay, anh em học-sinh ai được phần thưởng to lấy làm khoái lắm, khoái nhất là được một cuốn «Niên lịch thông-thư».

Phải, trong mùa viêm-nhiệt này, một sự tắm-gội thiệt quả đã thành một vấn-đề quan-trọng, nếu không tra «Niên lịch thông-thư», không tron lấy ngày lấy giờ mà tắm gội, cứ ngày nào cũng rội hi-hụp, hay là mới cách dăm ba hôm đã tắm một lần rồi, thì có khi phạm ngũ-hành mà chết không kịp ngáp chớ không chơi.

TIN VẮN

Nước nhà.— Nghệ-an, 2 Juin, chiếc xe hơi chở hai tội-nhân mắt bịt kín từ nhà-pha Thanh-chương ra nơi hành-hình. Hai người ấy là: *Đặng-Yêm* và *Trần-văn-Nhân* can tội đã giết chết hai viên bang-tá nguyễn-Hy và Trần-Cự.

Pháp.— Nội-các Herriot tuyên-bố tại Nghị-viện rằng: Mặt nội-trị chính-phủ sẽ theo đuổi chính-sách chấn-chỉnh nền tài-chính một cách mau-tróng, mở việc công-tác lớn để cứu nạn thất-nghiệp, tổ-chức lại việc vận-tải, đem các phương-pháp bảo-hộ kinh-tế dung-hợp với các chính-thể rộng rãi về mặt hối-đoái và hiệp-ước quốc-tế. *Chính-phủ sẽ theo cái chính sách rất nhiệt-thành về việc khuếch-trương kinh-tế và xã-hội ở các thuộc-địa*, sẽ lo chấn-chỉnh việc bảo-hiểm xã-hội và mở rộng việc cứu-giúp người thất-nghiệp. *Sau cùng, Chính-phủ sẽ giữ cho ngạch trung-học được không mất tiền và thực-hành bản dự-án về việc đại-xá tù chính-trị.*

Mặt đối-ngoại, Nội-các cốt mưu cuộc hòa-bình cho Âu-châu và Hoàn-cầu vậy nhờ các bạn đồng-minh cũ. Nội-các lại rất chú ý đến vấn-đề nợ bồi-thường.

LÒNG SƠN

(sổ quyên giúp đồng-bào bị nạn)

Bản-chí mới nhận được của:

cụ Ký-Dương, Hàng Gai . . . 5$00

và bà Ngô-thúc-Đích,

Hàng Khoai. . . . 50 00

Cộng. 55,00

Xin có lời chân-trọng-cảm tạ cụ Ký và bà cử Ngô.

A. N. T. C.

Bỏ phiếu tín-nhiệm, Nội-các được 300 phiếu hoan-nghênh và 152 phiếu phản-đối.

— Đảng-viên Công-Hòa tả-đảng chẳng đồng-ý nhau, 26 ông bỏ phiếu tín-nhiệm Chính-phủ, 35 ông không bỏ phiếu. Ông Tardieu bất-bình lập ra một chính-đảng khác, đặt tên là Trung-Ương Công-hòa (Centre Républicain), hiện đã có hơn 30 đảng-viên, chương-trình đại-khái là mưu hòa-bình, giữ trật-tự, trọng điều-ước, bênh-vực công-quỹ canh-nông, kỹ-nghệ và thương-mại.

— Hôm 13 Juin, Thủ-Tướng Herriot đã cùng ông Mac Donald, Thủ-tướng Anh và hai ông Sir John, Paul Boncour từ-dã Paris đi Genève, họp Hội-nghị Tài-binh.

Trung-Hoa.— Mã-chiếm-Sơn đã rời Cáp-nhĩ-tân rút về giữ vững đông-bắc tỉnh Hắc long-giang. Quân Nhật có phần thắng thế hơn.

Nhật.— Doãn-phùng-Cát, người Cao-ly ném bom ở Hồng-Khẩu, đã bị giải về Nhật và tra-khảo rất tàn-nhẫn. Song Doãn nhất-định không cung khai các đồng-chí, chỉ xin được mau chịu tử-hình.

Ấn-độ — Tính ra đã có đến 200 người chết, 2000 người bị thương mà tình-hình Ấn-độ vẫn chưa yên. Trong nhà pha, Ông Gandhi đương kiên-tâm thí-nghiệm một cái may dệt mới đạp bằng chân, hình như Ông không nghĩ gì đến sự tha ra nữa.

— An-Nam tạp-chí thỉnh-thoảng lại phải một kỳ ra chậm, chỉ vì một cớ riêng, xin các độc-giả lượng-xét.

— Từ nay, các quý-độc-giả thay đổi chỗ ở xin cứ viết thư về cho biết, không cần phải trả 0$20 tem.

VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Cùng ông Bùi-xuân-Diệm bài thơ « Vịnh bà Triệu »

(Coi lại số 44, Phụ-trương)

Bức thư của ông *Bùi-xuân-Diệm* viết cho tôi, ngày 2 Juin, đã đăng ngay ở kỳ 44 trước đây; nay xin đáp lại ông về phần tôi có những ý-kiến.

Đối với sự giảng giải bài thơ « vịnh bà Triệu » đăng ở hai kỳ 42 và 43, đại-ý trong thơ ông Diệm có hai điều :

1. — « *Toàn bài nên bỏ cả, mà cũng không cần giảng-tập làm gì.* »

2. — Về câu thứ ba, ông muốn theo như ý ông Nghị mà cho là « *nó không có ý nghĩa gì cả* ; » cho nên ông không biểu đồng-tình cùng tôi khen câu ấy là hay.

Nay xin thưa ông Diệm biết rằng:

Cứ như nguyên-văn bài thơ ấy, nếu là của một người nào gửi lại giảng-tập, có lẽ tôi cũng không đăng lên Thi-đàn mà làm việc giảng-giải vậy. Song như, thơ là thơ của ông cử Dương-bá-Trạc ; lời giảng-giải thời là lời của ông Phạm-văn-Nghị, mà khen là *bài thơ rất hay*. Nếu trong Văn-đàn lấy tự ý bỏ đi, sợ rằng ông Nghị cùng một đôi người khác hoặc sẽ cho tôi là có lòng đố-kỵ mà trầm bỏ cái hay của xã-hội. Bởi một lẽ tỵ-hiềm ấy, cho nên đăng bài giảng-tập của ông Nghị ở số 42, thực là có chỗ bất-đắc-dĩ. Đăng bài giảng-tập ấy mà nếu không có sự giảng-giải tiếp theo ở kỳ sau, thời tức như trong văn-đàn cũng biểu đồng-ý với ông Nghị mà nhận bài thơ đó là rất hay, cho nên bài giảng-tập ở số 43, cũng lại là bất đắc-dĩ vậy. — Đã có bài giảng-tập tiếp theo, mà trong tám câu thơ lại đã hủy-hoại đi đến sáu ; còn hai câu nữa, nếu không có sự phê-bình hơi rộng bút, e rằng nghiêm-khắc có quá mà không còn trung-hậu chút chi. Cho nên như hai câu *tam, tứ*, tôi khen là *rất hay*, nghĩ cũng hơi là quá đáng vậy. — Nay xin truyền luận về hai câu tam tứ ấy.

Cứ theo cách quá-khắc mà bình luận, thời không những câu *tam* chưa hẳn đã là hay ; mà câu *tứ* cũng còn có chữ đáng trỉ-trích. Như một chữ « *đạn* » trong câu ấy, không hẳn rằng đời ấy đã có như thế chưa ? mà dù đời ấy đã có, cũng không hẳn là quân Ngô đánh nhau với bà Triệu đã có dùng đến như thế chưa ? — Tóm lại, ông Diệm đã nghĩ biết « *nghề thơ rất khó* », thời như thi-giới lúc này, hai câu thơ đó, cũng nên rộng kể là hay vậy. Nay xin truyền-luận về một câu thứ *ba*.

Cứ như câu thơ *thứ ba* trong bài ấy, theo lối thơ Tây mà giảng-giải thời tôi chưa dám biết như sao ; theo lối thơ Tầu thời câu ấy nên nhận nghĩa rằng : « *Vùng-vẫy non sông, cái người ba thước vủ* ». Tức là : (*cái người ba thước vủ ấy vùng-vẫy non song*) vậy.

— Xem như câu :

玉 兎 不 緣 歸 月 角

Ngọc-tỷ bất duyên qui nhật-giác.

錦 帆 應 是 到 江 涯

Cẩm-phàm ưng thị đáo thiên-nha.

Hai chữ « *角 nhật giác* », nghĩa là: cái xương ở chỗ trán, lồi cao lên, trông lộ ra như hình mặt giời. Ở Trung-quốc đời xưa cho như thế là cái tướng Thiên-tử. Hai câu thơ này đại-ý chỉ là nói: « *Nếu thiên-hạ không về vua nhà Đường, thời ông vua Rạng-đế nhà Tùy còn đi chơi chưa biết đến đâu* ». — Cứ các chữ trong câu thơ, thời phải nhận nghĩa rằng : « *cái ấn bằng ngọc, nếu không về tay cái người trán lộ mặt giời ; thời cái buồm-gấm kia có khi còn đi đến tận chân giời vậy.* » — Hai chữ « *cẩm phàm* » là « *buồm gấm* », trỏ sự đi thuyền chơi Giang-đô của Tùy Rạng-đế. — Ấy theo lối thơ tàu có thể đặt như thế, mà sự nhận nghĩa nên như thế. Hai chữ « *nhật-giác* », tức là nói : *cái người có cái tướng trán lộ mặt giời* vậy. — Nay như câu thơ ấy mà nếu cứ nhận thẳng nghĩa rằng : — *Cái ấn bằng ngọc, nếu không về cái trán lộ mặt giời* — Như thế thời thật thấy « *đói nghĩa* », mà người không quen nghe, tất nhiên nghe không ra làm sao. — Ông Diệm biểu đồng-tình cùng ông Nghị, cho câu thơ ấy của ông cử Dương là *không có ý nghĩa gì*. Hoặc là truẩn lối thơ tây mà nhận nghĩa thơ tầu vậy. Cho nên tôi xin vì câu thơ ấy biểu bạch rõ nghĩa. « *ba thước vủ* » tức là nói « *cái người ba thước vủ* ».

Nay muốn đặt ba chữ ấy trong câu thơ cho được rõ nghĩa hơn nữa, tôi xin lại sửa cả *bốn câu dữa*, xếp lại bài như sau. Mong được Chư-vị tường xét.

Giấc mộng con thứ hai
đã có bán . . . 0$25

Đài gương Kinh
đương in . . . .

Vịnh bà Triệu

Mi-linh khuất bóng, gái còn ai?
Bà Triệu nhà ta cũng tướng-tài.
Chiến đồ quấn ngang ba thước vú;
Rừng xanh nhô dọc một đầu voi.
Trăm năm chăn gối quăng lòng tục;
Nửa bức non sông gánh nợ đời.
Thua được cũng cho Ngô biết mặt.
Lam-san còn có kẻ tài trai.

Tản-Đà

THƠ

Vịnh bức vẽ người gánh ở sau bìa An-nam tạp-chí (H. Lọng)

Kia ai mải gánh quãng đường xa.
Gồng gánh chi mà nặng thế a?
Ấy món kinh-luân cùng vũ-trụ!
Hay phương bổ-cứu lấy san-hà!
Lưng eo vai chĩu, đường xa thẳm:
Đất rộng giời cao, bóng sẽ tà.
Mới biết có thân nên có gánh,
Ai về nhắn-nhủ chị em ta.

Đào-tuấn-Ích
Lục-sự Thạch-an
(Cao-Bằng)

Thanh-giạ cảm tác

Mây bay nước chảy bóng trăng tà.
Đối cảnh mong người lại nghĩ ta.
Báo-đáp ngậm-ngùi lòng tấc cỏ,
Tao-phùng vắng-vẻ mặt tài hoa.
Sách đèn vẫn nhớ đàn con trẻ,
Dao bút chưa quen xáo lại già.
Trăm tuổi hãy còn hơn bảy chục,
Tang bồng nặng gánh bước đường xa.

Nguyễn-tiến-Bảng
(Thái-bình)

CA RỪNG

(Mấy câu ca rao của người Thổ châu Văn-chấn (Yênbay).

Ngày tết, con giai hát ghẹo một ngươi con gái mới đi lấy chồng

Chiêng thoong kinh poóc phung phoống xuân,
Poóc quý thống sam lôn ni ti noộng pít.
chụ tiều nhi mưa phua, nam ha chỗ lay
ló khôn khổ, hở pò piếng mẻ ép liêng
ép mẻ náng sao, sên mứa mẻ khôm khổ
hở po piếng me khai khá hầu dươn câu
cai sơ thang pit cáy đêm phứa thêm đêm
may páu thâng, đêm lo thêm đêm dia áu
thiếu, mủ nang cai yên nêu pên náng.

Bài dịch ra tiếng an-nam

Tháng riêng, hai, mùa xuân hoa nở,
Bông hoa kia hớn hở tùy nơi.
Mẹ cha ép gả cho người.
Chứa-chan giọt lệ, nghẹn lời nói ra.
Nay phải đi chung nhà kẻ khác,
Bỏ nhân-nghĩa ngơ-ngác khổ chưa?
Trước kia còn tưởng nói đùa,
Nay thành ra thật, cay-chua đủ điều.
Vạt áo đang thẳng-thiu sinh gọn,
Làm cánh gà ấp bọn thơ-nhi (1)
Củi mục nào có thiếu chi (2)
Nhưng mà gỗ tốt biết hi tìm đâu?
Giống nứa chang phải cầu cũng chán,
Duyên không may t-thán nỗi gì!
Chúc cho đôi chữ vu-quy.
Sao cho xứng-đáng nữ-nhi con nhà.

Người con giai nghèo đi rừng tự than

Khôm lai thân xấu, lẹ lục rướn giấu— Thân ban lé lục rướn khổ,— Kin khẩu giá, co bẩu đẩy dú đai — Kin ngái bẩu đẩy dú páu đơ — Mự mư phắc pa khẩu đông lâu pau quang Mự mư phắc pa khẩu đông ngoang pau nạn tơ đó.

Bài dịch ra tiếng an-nam

Người ta cũng một kiếp người,
Giầu sang nhân-hạ, sao tôi thế này?
Nghèo nàn cơ-cực lắm thay!
Ăn rồi vác củi cả ngày trên vai.
Bạn sơn-dương, bạn hươu-nai,
Hễ rời dao búa, chẳng ai đỡ-đần.

Câu hát đi làm ruộng

Săm nấu đé pản la, – né xấu lẹ pên mầu – Thân pi nhẳng pên tỏ nộc pản là mướng— ná xấu lẹ pan hang — thân pi nhẳng pên tỏ nộc khoa là bẩn — Bươn xíp xấu tan khâu- thân pi ước rử đẩy quyết pau day nang — Bươn cầu xấu tan ná — Thân pi ước rủ đẩng tan khẩu và lận bép.

Bài dịch ra tiếng annam

Ruộng người lúa đã chín rồi,
Anh như chim gáy dong chơi khắp làng.
Ruộng người lúa đã chín vàng.
Gà lôi anh hỡi! lang quàng phí công.
Tháng mười đã gặt lúa đông,
Anh còn thơ-thẩn ngoài đồng trông sao.
Tháng chín gặt lúa ruộng cao,
Anh còn thơ-thẩn ra vào đợi em.

(còn nữa)

Nguyễn-tiế -Lãng (Yên-bái) sao lục

(1) Nói diễu người con gái đang son-sẻ lấy chồng, có con thành ra mẹ gầu.

(2) Ví người chồng tầm-thường như củ mục, như nứa, tìm đâu mà chẳng có.

VĂN DỊCH

Le lac

Ainsi, toujours poussés vers de nouveaux rivages,
Dans la nuit éternelle emportés sans retour,
Ne pourrions-nous jamais sur l'océan des âges
Jeter l'ancre un seul jour?

O lac! l'année à peine a fini sa carrière,
Et près des flots chéris qu'elle devait revoir,
Regarde! je viens seul m'asseoir sur cette pierre
Où tu la vis s'asseoir!

Tu mugissais ainsi sous ces roches profondes;
Ainsi tu te brisais sur leurs flancs déchirés;
Ainsi le vent jetait l'écume de tes ondes
Sur ses pieds adorés.

Cái hồ

Con thuyền thế-hải lênh-đênh,
Giữa đêm vô-hạn đưa mình đến đâu?
Thuyền chôi ha trở lại nào,
Một ngày muốn chậm cắm sào được ru?

Hồ ơi! đã thấm chưa hồ,
Năm tàn đã cướp mất Hoa đi rồi!
Năm xưa hồ ngắm Hoa cười,
Bây giờ mặt sóng ngậm-ngùi một ta.

Năm xưa cũng giống bây giờ,
Sóng còn kêu thấm bên bờ thạch-tân.
Gió đưa làn bọt trắng ngần,
Yêu Hoa, đào-đạt qua chân ngọc-ngà.

Hồ

...Ừ rồi cứ chôi đi mãi mãi,
Quãng đêm trường quay lại được đâu!
Bể trần sóng vỗ bao đầu,
Rừng chèo một phút cùng nhau được nào!

Này hồ hỡi, năm nào đã hết.
Mà, than ơi! nàng biết hồ rồi!
Đoái nhìn phiến đá nàng ngồi,
Lẻ-loi én lạc, ngậm-ngùi mình ta.

Dưới chân núi hồ la hồ vỗ,
Quanh sườn non sóng dỗ tử-tung.
Thủy-chiều theo ngọn thu-phong,
Dạt-dào thấm rớt chân hồng người yêu.

Un soir, t'en souvient-il? nous voguions en silence;
On n'entendait, sur l'onde et sous les cieux
Que le bruit des rameurs qui frappaient en cadence
Tes flots harmonieux.
Tout-à-coup des accents inconnus à la terre
Du rivage chargé frappèrent les échos;
Le flot fut attentif, et la voix qui m'est chère
Laissa tomber ces mots:
« O temps, suspends ton vol, et vous, heures propices,
« Suspendez votre cours!
« Laissez-nous savourer les rapides délices
« Des plus beaux de nos jours!
« Assez de malheureux ici-bas vous implorent
« Coulez, coulez pour eux;
« Prenez avec leurs jours les soins qui les dévorent,
« Oubliez les heureux.
« Mais je demande en vain quelques moments encore,
« Le temps m'échappe et fuit;
« Je dis à cette nuit « Sois plus lente »; et l'aurore
« Va dissiper la nuit.
« Aimons donc, aimons donc! de l'heure fugitive,
« Hâtons-nous, jouissons!
« L'homme n'a point de port, le temps n'a point de rive,
« Il coule et nous passons!
Temps jaloux, se peut-il que ces moments d'ivresse,
Où l'amour à longs flots nous verse le bonheur,
S'envolent loin de nous de la même vitesse
Que les jours de malheur?
Hé quoi! n'en pourrons-nous fixer? au moins la trace
« Quoi? passés pour jamais? Quoi? tout entier perdus!
Ce temps qui les donna, ce temps qui les efface,
Ne nous les rendra plus.
Éternité, néant, passé, sombres abîmes,
Que faites-vous des jours que vous engloutissez?
Parlez: nous rendrez-vous ces extases sublimes
Que vous nous ravissez?
O lac! rochers muets! grottes! forêt obscure!
Vous que le temps épargne ou qu'il peut rajeunir,
Gardez de cette nuit, gardez, belle nature,
Au moins le souvenir!
Qu'il soit dans ton repos, qu'il soit dans tes orages,
Beau lac, et dans l'aspect de tes riants coteaux
Et dans ces noirs sapins, et dans ces rocs sauvages
Qui pendent sur tes eaux!
Qu'il soit dans le zéphir qui frémit et qui passe,
Dans le bruit de tes bords par tes bords répétés!
Dans l'astre au front d'argent qui blanchit ta surface
De ses molles clartés!
Que le vent qui gémit, le roseau qui soupire,
Que les parfums légers de ton air embaumé,
Que tout ce qu'on entend, l'on voit ou l'on respire,
Tout dise: « Ils ont aimés! »

A. de Lamartine

Hồ ơi! còn nhớ bao giờ!
Chiều giời bảng-lảng mặt hồ mông mênh.
Cùng Hoa một lá lênh-đênh,
Sóng ngân họa dịp, chèo tinh lỏng tay,

Bỗng như tiếng hạc trên mây,
Nghe thanh-thảnh động cỏ cây bên bờ.
Nghiêng tai sóng cũng thẫn-thờ,
Dọng Hoa sang-sảng, tiếng Hoa não-nùng:

« Thì giờ hãy khép cánh hồng!
« Ngày vui xin hãy ngắt dòng chảy xuôi!
« Cho ta nếm thú trên đời,
« Thú này há có đợ người này đâu?

« Bao người ốm thảm đau sầu,
« Kiếp phong-trần những kêu cầu chảy xuôi.

« Thì giờ xin hãy nể nhời,
« Mang người khổ-não, quên người xướng-vui

« Nằn-nì một khắc khôn nài,
« Thì-giờ thôi đã bỏ người trốn đi.
« Vừa than: « Đêm vội làm gì? »
« Vầng đông đã mọc, đêm đi xa rồi.

« Yêu nhau, yêu lấy kẻo hoài,
« Tháng ngày nào có chờ ai bao giờ!
« Đời không bến, tuổi không bờ,
« Đời người nước chảy, thì-giờ bóng chôi!»

Ngày vui sao chẳng thấy dài?
Ngày buồn đằng-đẵng gấp hai thu chầy!
Cái « thì-giờ » khéo chua cay,
Gian người âu-yếm cướp ngày thú-vui!

Ngày vui đi mất, mất rồi,
Nào nào thấy vết, thôi thôi nhọc lòng.
Cái ngày hôm ấy vui chung,
Cái ngày nào nữa tương-phùng với nhau?

Hư-vô, dĩ-vãng: vực sâu!
Biết bao hạnh-phúc, dìm đâu mất rồi?
Nỡ nào cướp cả ngày vui?
Bao giờ lại được nối lời thề xưa?

Này rừng, này động, này hồ,
Nghìn năm còn mãi trơ-trơ với đời.
Đêm xưa ghi hộ cho người,
Chuyện xưa chép lại lấy nhời đôi ta.

Khi gió lặng, khi sóng va,
Trên đồi hoa nở, bên bờ thông reo,
Cành lan bên đá treo-leo,
Xin cho phảng-phất bóng chiều hôm xưa.

Ầm-ầm khi sóng vỗ bờ,
Hiu-hiu khi gió thổi qua ngang giời.
Trong vầng thổ bạc chơi-vơi,
Xin cho phảng-phất cảnh người đêm xưa,

Xin rằng: gió thán, lan ca,
Hoa bay man-mát, hương đưa ngạt-ngào.
Trên đất thảm, dưới giời cao,
Còn ghi câu chuyện: « Cùng nhau chung-tình ».

Lý-Nguyên-Bách
Đ. H. H. sao lục

Nhớ chăng hỡi, buổi chiều hôm đó,
Ta cùng nàng thả lá thuyền lan.
Trên mặt nước, dưới mây ngàn,
Chỉ nghe chèo quế, đập làn sóng thu.
Bỗng sang sảng tiếng đâu nghe lạ,
Ngân dài ra, vang cả bên bờ.
Người ngao-ngán, sóng ngẩn-ngơ,
Não-nùng mấy tiếng trên hồ thở-than.
« Thời-gian hỡi, hãy khoan-khoan đã,
« Đi đâu mà tất-tả tơi-bời!
Kiếp trần được mấy ngày vui,
« Để ta tận-hưởng lộc trời đã nao.
« Khách đoạn-trường biết bao người gọi,
« Chỉ mong sao bắt tủi là vui.
« Cuốn đi cho họ hết đời,
« Mà xin dừng bước cho người đương vui.
« Ta những muốn dôi hồi thong-thả,
« Nhẹ tên bay giờ đã đi rồi;
« Đêm vui, vui được mấy hồi;
« Vừng đông sắp rạng, mặt trời sắp lên;
« Cuộc tình-ai êm-đềm được mấy?
« Mau chân lên hương lay tuổi-xanh.
« Bể-trần man-mác mông-mênh,
« Kiếp người không ben, phận mình phù-du ».

Thì-giờ hỡi! oan-thù chi hẳn?
Chén quỳnh-tương chưa cạn cùng ai,
Tình say chưa hết trận cười,
Ngày vui, ngày thảm vắn dài như nhau.
Ngày vui-thú nào đâu thấy nữa?
Chút vết thừa cũng khó tìm ra.
Cho rồi, lại cướp lấy ta?
Ngày vui chẳng trả lại ta chốc mòng
Hơi qua-khứ! hư-không! bặt-tuyệt!
Bao ngày vui cướp hết làm gì?
Trả nhau không? nó mau đi!
Biết bao ân-ái cướp về nơi nao?
Hỡi hồ rộng, hang sâu, rừng tối!
Ngươi trường-sinh cùng với thời-gian.
Xin ghi lấy chút hương-tàn,
Cái đêm ân-ái chan-chan độ nào.
Dù yên lặng, hay rào-rạt sóng,
Hay hương còn trong rặng đồi-xanh.
Hay cành thông rủ tơ mành,
Đá rà trên mặt nước xanh, hỡi hồ?
Hay trong trận gió đưa hiu-hắt,
Tiếng hồ reo réo-rắt quanh bờ.
Hay trên mặt nước hỡi hồ!
Lô-sô sóng bạc, lờ-mờ trăng soi,
Gió tham-dạm đưa hơi thơm nức,
Khóm vi-lô than-khóc sụt-sùi.
Thôi thì muôn vật trên đời,
Đồng-thanh cùng bảo: « Hai người yêu nhau. »

X. X.

(Trong bản-thảo không thấy có tên ký, xin dịch-giả rộng lòng cho biết — Cảm tạ).

Y-HỌC

BINH-LANG

槟榔 Hạt-cau — Areca Cateclue
(*về loài palmier*)

Tên. - Bên Tàu còn có tên gọi là Nam-Tiêm 南 天 và Tây-Tiêm 西 天. Ta thường gọi là hạt-cau già, hạt cau rừng.

Thổ-sản. — Binh-Lang bên Tàu thường có ở tỉnh Quảng-Đông, tỉnh Hải-nam; bên Ấn-Độ và các đảo Nam-dương cũng có.

Nước ta có hai thứ: một thứ dùng để ăn trầu, một thứ để làm thuốc. Binh-Lang làm thuốc vừa nhiều vừa tốt thì chỉ ở Nghệ-An và Hà-Tĩnh. Hoặc có nhiều nơi còn có nhưng vì ít dùng ít biết, nên ít thấy chăng.

Hình-sắc. — Thứ bên Tàu chở sang bán cho ta thì tròn, to bằng ngón chân cái, hai đẹt, một đầu bạnh, một đầu thon, trong thường có bộng lỗ, vân gấm to.

Thứ Binh-Lang ở Nghệ-an dùng là thứ hạt cau rừng (Pinanga) nó chỉ nhỏ bằng ngón tay út, hình tròn bầu, một đầu thon nhọn, dài độ hơn 2c/m, bề kính độ hơn 1c/m, cắt đôi bề ngang, thì thấy ruột đặc, cứng, chắc, tia khứa trắng nâu như vân gấm đồ dồn vào giữa, ở ngoài thường có vỏ, lúc tươi chín sắc vàng đỏ, khi phơi khô, còn có sơ lại thì sắc trắng vàng, bóc đi dễ lắm.

Khí-vị. — Binh-Lang tánh ôn, chất không độc, vị cay, ngọt, chát, vì tánh-chất ấy cho nên vào được vị kinh và đại-trường.

Chủ-trị. Vị này sát được các thứ trùng phá được các chứng tích, tiêu được thực, trừ được đờm, tiết được khí ở trên cao; giáng được các thứ thước xướng thấp, lại khai được kiết, trừ được phong, tỉnh được say rượu, chữa được lỵ và thông lợi được đại tiểu tiện... Ở bên Anh-cát-lợi (Angleterre) cũng dùng làm thuốc sán.

Cấm dùng — Vị này nó hay tán hay phá cho nên dễ hại đến nguyên-khí và phạt đến chân-âm, phàm những người gầy yếu, có bệnh tích chướng và người khí hư hạ hãm đi đại-tiện, như chứng lỵ thì không nên dùng.

Phân lượng. — Ông Bocquillon Limousin nói rằng: ông Egasse khuyên chỉ nên dùng đến 8 grammes là nhiều, nếu quá độ ấy sẽ có nguy-hiểm. Tám grammes lấy vào độ hơn 2 đồng-cân ta.

Tốt, xấu. Hạt nào chắc, rắn, cứng, già thì tốt, sắc hung-hung đỏ đốm trắng là tốt. Thứ nào để ủi đen, mọt là xấu. Ông Docteur Sallet cũng công-nhận rằng thứ cau rừng dùng làm thuốc ở Nghệ-an tốt hơn thứ Binh-Lang của Tàu mang sang. Thứ bên Tàu sang to, ốp-ít chất chát. Từ Thanh-hóa ra khắp đất Bắc-kỳ thì toàn dùng Binh-Lang Tàu. Từ Nghệ-an vào Quảng-nam thì toàn dùng Binh-Lang Nghệ-an.

Tôi hỏi ý kiến các thầy Lang thì các thầy cũng công-nhận Binh-Lang Nghệ-an dùng có công-hiệu hơn

Tôi lại nhớ khi năm xưa mới mở hiệu ở Vinh, không biết đây có Binh-lang, đem Binh-lang Tàu vào bán, đem cân cho khách hàng, ai cũng chê, không ai lấy cả, sau lại phải đem ra Bắc, mà phải mua Binh-lang ở đây bán mới được.

Mấy bài kinh-nghiệm. — 1. — Thuốc chữa sán:

(Vinh) *5 đồng rễ Lựu trắng*
3 đồng Binh-lang
1 đồng đại-hoàng.

Ba thứ giã nhỏ, bỏ vào siêu sắc, cho hai bát nước, sắc can còn nửa thì được. Trước khi uống thuốc này phải nhịn đói.

2.— Chữa chứng dun-sán trẻ con rất hay:

5 đồng Binh lang
5 đồng Sử-quân-nhục.
2 đồng Xuyên-luyện-căn.

Ba vị đều tán như bột, cho mật ong vào làm thành viên như hạt đậu xanh, mỗi lần cho ăn mười viên, hễ đều thắng cho ăn thì dun-sán ra hết.

***

Ước gì từ Thanh-hóa ra Bắc-kỳ các thầy lang các nhà bán thuốc bắc lưu ý đến thứ Binh-lang Nghệ-an mà dùng mà bán, để đồng tiền đừng lậu ra ngoài nhiều quá, mà của trong nước thành vô-giá đi.

Ước mong các ngài ở các nơi, ai biết có cây thuốc gì, vị thuốc gì ở đâu có nhiều nhười dùng được ích lợi lam sao. Xin làm ơn mách giúp cho, hoặc công bố lên báo-chương, khuyến-khích người dùng, để mong ngay thuốc Nam có hiệu quả tốt-tươi. Mong lắm thay!

Phó-đức-Thành — *Vinh*

HÀI VĂN

Lo thời-khí.

Bệnh thời-khí năm nay, không biết ở các nơi đã thấy có gì chưa? mà ở Hà-thành sao như phát sớm quá? Cứ vản-quán phóng-viên cho đi phỏng cấn tiêu-tức quanh thành-phố, báo náo rằng: các bạn Đồng-nghiệp đã thấy phát sinh ra bệnh cúm rất nhiều, thức dầu, sốt rét, rồi co cúm cả chân tay, tình-hình rất đáng kinh-khủng.

Bản-chí tuy hiện nay khỏe mạnh như thường, song thấy vậy mà sợ; Vả phòng bệnh là một sự rất cần. vậy dám mong các bạn Độc-giả và các bạn Đại-lý, Ngài nào còn đọng tiền của Bản-chí, xin kíp gửi về cho, để Bản-chi lấy tiền uống thuốc, cho được khoẻ mạnh qua mùa hè, lấy làm cám ơn các Ngài lắm lắm.

Nhân có bài thơ, thay lời kính đạt, mong chư Tôn xét cho.

Thơ rằng:

Dịch-khí năm nay đã đến rồi,
Láng giềng nghe đã một đôi nơi.
Có tiền sớm liệu mà sơi thuốc,
Vô phúc sau này khỏi quét vôi.
Kinh-tế khó-khăn xoay hết đất;
Van-chương rẻ ế bán xa giời.
Tri-âm ai có mau hồ giấy,
Kẻo đến dư-đồ lại tả-tơi?

Tản-Đà

KINH-TẾ

MẤY CÁI NGUYÊN-NHÂN VỀ SỰ KINH-TẾ TRỤY-LẠC NƯỚC MỸ

Những phương-pháp sinh-sản ; những chế-độ tài-chính, công-nghệ và thương-mại do người Mỹ sáng-tạo ra, rồi muốn dần dần đem ra làm khuôn-mẫu cho cả nền kinh-tế của thế-giới, kể ra rất là phức-tạp, song tóm lại, có hai cái nguyên-nhân quan trọng thứ nhất, đã giúp cho người Mỹ nắm trong tay cái quyền bá chủ trên trường kinh-tế, tức là sự *chế-tạo vô hạn* (production par série) và sự *tranh-cạnh tự-do*. (libre concurrence).

Khoa-học phát-minh, các máy móc ngày một tinh-sảo. Bất cứ một đồ dùng gì, đều có thể dùng máy chế riêng ra từng bộ-phận một. Kết cục, chỉ cần đem lắp các bộ-phận ấy lại, tức là có sẵn-sàng một thứ hóa-vật có thể đem bán ở thị-trường rồi. Nhờ có cách chế-tạo vừa ít phí, vừa đỡ công như thế, cho nên các công-xưởng có thể chỉ chuyên-môn chế ra một thứ, mà chế ra thật nhiều, để bán cho thật rẻ. Cách sản-xuất ra từng mớ như thế, tức là một cái đặc-sắc thứ nhất của hầu hết các xưởng công-nghệ bên nước Mỹ.

Nước Mỹ là một nước sẵn tiền. Sự chiêu-tập cổ-phần để lập ra các công-hội thương-hội đã có phần dễ-dàng hơn là ở các nơi khác. Người Mỹ lại là một dân-tộc tôn-quý tự-do, cho nên pháp-luật cũng công-nhận cho nhân-dân cái quyền tự-do doanh-nghiệp. Tư-bản đã sẵn-sàng, sự doanh-nghiệp lại không bị nhiều nỗi hạn-chế, thì chỗ nào có lợi, tất-nhiên là có sự ganh-đua. Ấy chính vì sự tranh-cạnh tự-do ấy, mà trong nền kinh-tế nước Mỹ, trước đây đâu đâu cũng thấy hiện ra vẻ hưng-vượng phát-đạt.

Song cái bong-bóng Hoa-Kỳ, vì đâu đã phồng lên một cách phi-thường, có lẽ ngày nay cũng lại vì đấy mà bẹp dí đi, chưa chắc bao giờ đã lại ngóc đầu lên được.

Thật thế, cứ theo con mắt tầm-thường, thì tất phải đợi trông thấy cuộc khủng-hoảng ghê-gớm của nước Mỹ ngày nay, mới biết khám-phá ra rằng những phương-pháp, những chế-độ kinh-tế mà người Mỹ vẫn thực-hành từ trước đến giờ, thực không có thể nào trường-cửu được. Nhưng thật ra, cái cuộc khủng-hoảng của nước Mỹ bây giờ, đáng lẽ đã xảy ra từ trước năm 1914; và nếu không có cuộc Âu-Châu đại-chiến, cũng là những ảnh-hưởng của sự chiến-tranh để lại, thì cái cục-diện kinh-tế của nước Mỹ đã đổ sụp từ lâu rồi.

Mở lại quyển kinh-tế sử của nước Mỹ, ta không khỏi không lấy làm ngạc-nhiên rằng nội trong các công cuộc kinh-tế ở đấy, ít có một công-việc nào đứng vững được quá 25 năm. Qua cái thời-gian ấy, những công-cuộc nào không bị vỡ bị tan, tất phải dung-hợp với nhau, hoặc thay hình đổi dạng, chứ không bao giờ cứ sống mà vẫn giữ nguyên được cái hình-thể lúc ban đầu.

Dù trông về phương-diện nào, dù đứng vào trường-sở nào, ta cũng nhìn thấy những cảnh-tượng kỳ-dị ấy. Nói ngay về các đường thiết-lộ. Hiện nay tình-thế các công-ty thiết-lộ thật khó-khăn đến cực-điểm. Song, trước đây, biết bao lần, cái cảnh-tượng khó-khăn ấy đã phát-hiện ra rồi. Lịch-sử thiết-lộ nước Mỹ, chỉ là một bản thống-kê những việc thất-bại, và những cuộc thảm-kịch về tài-chính. Mà thật ra cái tình-tế ấy muốn cho hưng-vượng sao được, vì, chỉ trừ một vài nơi đặc-biệt, không bao giờ, không thể nào có đủ hành-khách giao-thông, đủ hàng hóa vận-tải để nuôi sống biết bao là đường-sắt thường đặt ngang nhau và tranh-cạnh lẫn nhau. Đường hỏa-xa đặt ngang dọc trong xứ như khung cửi, nhưng xét ra, trong sự sếp-đặt ấy, không có một phương-pháp duy-nhất, một chương trình nhất-định nào cả. Có khi bốn năm đường cùng chạy một lối; có khi một con đường đi hàng ngày không có đường ngánh, và cũng không có chỗ tiêu-thụ. Ví dụ, như từ Chicago đến New-York, mà có đến 5 con đường-sắt chạy đua nhau. Nói tóm lại, trong công-việc quản-trị cai công-ty thiết-lộ ấy, thật không có một chút chi là kỷ-luật, là trịnh-trọng cả : Quỹ trừ-bị thường ít-ỏi, chương-trình khuếch-trương thì lại rộng-rãi quá, mà khi nào có lôi-tức thì cứ thẳng tay phát vung ra. Từ năm 1923 đến năm 1930, tất cả các công-ty hỏa-xa phải vay đến một số tiền to lát quá là 5.930 triệu mỹ-kim, mà cũng trong khoảng mấy năm ấy, họ lại còn phát cho các cổ-phần số tiền lãi năm là 4.716 triệu, vì thế các trái-khoản càng ngày càng nặng. Đến bây giờ, phần nhiều công-ty không thể hàn gắn được nữa, nên phải cáo-cùng, phải phá-sản, cai đó tưởng cũng chẳng lạ gì.

Về việc tổ-chức và quản-trị cái chế-độ ngân hàng ở nước Mỹ, so với việc tổ-chức và quản-trị các đường thiết-lộ, xem ra cũng chẳng hơn mấy. Nhà ngân-hàng lập ra thật nhiều, nhưng họ không chịu cùng nhau điều-đình, để chia nhau mỗi nhà chuyên nhận một thứ công việc nhất-định. Vì thế, cũng như ở bên nước Đức, các công việc giao-dịch thì ít mà các nhà ngân hàng thì nhiều, cho nên, ngay ở vào những thời-kỳ bình-thường, cái số các nhà ngân-hàng phá-sản hay cáo-cùng, tính chung-bình ra, không một ngày nào là không có. Người ta tính ra trong năm 1921, có 502 nhà ngân-hàng cáo cùng, năm 1922, có 354 nhà, năm 1923 có 650 nhà, năm 1924 có 777 nhà, 1925 có 612 nhà và năm 1926 có 956 nhà, đến mấy năm gần đây, cái số ấy lại còn một ngày một cao nữa.

Ngay sau hồi Âu-chiến, các nhà

ngân-hàng Mỹ muốn đổ sô nhau sang hành-động ở Âu-châu, song đi đến đâu họ cũng bị thất-bại. Nhờ ở sự kinh-nghiệm ấy, họ mới biết rằng các mánh-khóe của họ còn thua-kém, nhữ'ng ý-định của họ còn sai-lạc, và sự nhu-dụng về tiền-tệ, cần phải đi theo sự nhu-dụng về các công-việc sản-xuất, chứ không phải có thể tự-nhiên bầy đặt ra được. Vậy mà, ở trong nước Mỹ thì từ xưa đến nay, cái công-việc quan-yếu nhất ở trong phạm-vi hành-động của các nhà ngân-hàng, rút lại chỉ ở sự kiếm cách bày đặt ra sự nhu-dụng ấy thôi. Xem ngay, từ năm 1918 đến năm 1928, tổng-số các công-cuộc lập ra để cho vay tiền ở nước Mỹ đã tăng lên đến 60 phần trăm, mà tổng-số các công-việc giao-dịch thực-sự thì chỉ tăng lên có đến 24,25 phần trăm thôi. Như vậy, thì mục-đích cái chế-độ ngân-hàng bên Mỹ, chẳng qua chỉ để kiếm vốn cho nhữ'ng kẻ đầu-cơ, dù sự đầu-cơ ấy là thuộc về động-sản, bất động-sản, công-nghệ hay thương-mại cũng vậy.

Cuộc Âu-chiến đã làm cho nước Mỹ thành-ra một nước trái-chủ, một tay xuất-phát hầu hết các tiền-tệ mà các nước trong hoàn-cầu phải cần-dùng đến. Đem thi-hành ra ngoài cái chính-sách phóng trái của họ, người Mỹ bấy giờ mới vung tiền ra, rồi khuyên người ta, rồi mời người ta, rồi cũng có khi bắt-ép người ta phải vay của mình nhữ'ng món trái-khoản thật to, lại bắt phải chịu tiền lãi thật nặng. Thành ra, vì không có thể dùng nhữ'ng tiền của họ vào các công-việc sinh-sản hữ'u-ích, mà họ đem nhữ'ng tiền ấy ra gây cho người khác nhữ'ng sự nhu-dụng mới, không thiết-thực. Bây giờ, các nước có nợ không sao trả được lãi nữ'a. Nhữ'ng món trái-khoản của nước Mỹ cho các nước Âu-châu vay mới bị giảm giá xuống, các trái-phiếu ấy hiện nay chỉ còn đáng giá có 50 phần trăm thôi. Đến như các trái-khoản của nước Mỹ cho các nước ở miền Nam Mỹ vay, thì lại bị sụt giá một cách quá-tệ nữ'a. Một cái trái-phiếu 100 Mỹ-Kim, hiện nay chỉ còn bán được có 25 Mỹ-Kim mà thôi. Mà sự giảm-giá ấy là nhất-định, là vĩnh-viễn, chứ không phải có tính-cách tạm-thời như sự tăng giảm thất thường của các thị-giá khác. Xem vậy, cái lỗi của người Mỹ, là họ đã sản-xuất ra các tư-bản một cách quá-độ, cũng như họ đã sản-xuất ra nhiều quá các xe hơi, giầy, than và biết bao các thứ hóa-vật khác vậy.

Nhân thế, kỳ sau đây, tôi sẽ cùng các độc-giả từ chính-sách tài-chính và ngân-hàng nói song đến chính-sách công-nghệ và thương-mại của người Mỹ.

Ngô-thúc-Địch

PHÁP-LUẬT DẪN GIẢI

III. — Phân biệt về mục-đích và phạm-vi của Hộ-luật và Hình-luật

Hộ-luật là gì ? là hết thảy các điều-luật do quốc-gia ban-bố ra để qui-định các công-việc, và các khoán ước có can-hệ đến thân-phận và tài-sản của dân-chúng.

Một người ở trong xã-hội, tất phải có một cái thân-phận minh-bạch, mới có thể giữ-gìn hoặc hưởng thụ được những quyền-lợi đi theo với thân-phận của mình. Người con muốn hưởng-thụ quyền-lợi của người con, tất phải nhờ ở sổ khai-sinh, để chứng rõ cái giây liên-lạc của mình với các người bố mẹ đẻ ra ; Người vợ muốn giữ-gìn quyền lợi của người vợ, tất phải nhờ ở sự khai giá thú để làm chứng cho cái địa-vị của mình đối với người chồng. Mục-đích thứ nhất của hộ-luật, tức là chỉ-định các cách-thức người dân phải tuân-theo trong các việc có can-hệ đến thân phận mình, như các sự sinh, tử, giá thú, vân-vân.

Trong cái việc giao tế chú trọng về tài-sản, những nghĩa-vụ và quyền-lợi của đôi bên thường có nhiều nỗi phiền-tạp khúc-triết. Vẫn biết các người sở-quan vẫn có quyền tự lập ra khế-ước để chỉ định rõ ràng nghĩa-vụ và quyền-lợi của mình, song, trong trường giao-tế, có người ngay cũng có kẻ gian, nếu không có thể-lệ minh-bạch làm khuôn-mẫu cho các khoan-ước, thì tránh sao khỏi bên nào cũng muốn giữ lấy lợi, co lấy lý, mà các mối tranh tụng khó lòng bằng vào đâu mà giải-quyết được. Bởi thế, cái mục-đích thứ hai của hộ-luật là quy-định sẵn-sàng những điều-khoản quan-yếu cần thiết của phần nhiều những sự giao-ước thông thường, để cho nhân-dân có chỗ để làm bằng cứ trong những khi lâm sự. Cái điều tiện-lợi nhất, là trong các khế-ước những người sở-quan chỉ cần chỉ định những khoản cốt-yếu mà thôi, còn những khoản phụ-thuộc, có thể bỏ đi không nói đến, mà cũng được coi như là đã đồng-tình ưng-thuận những điều đã định của pháp-luật.

Vả pháp-luật không khi nào muốn bắt buộc nhân-dân phải cứ theo đúng như những điều-lệ đã quy-định sẵn. Những người đương sự vẫn có quyền tự-do giao-ước theo ý nguyện riêng của đôi bên, miễn là những điều giao-ước ấy không có gì phản-đối với trật-tự chung và phong-tục thì thôi. Xem vậy mục-đích của hộ-luật là cốt để mách bảo cho nhân-dân các cách-thức để giữ gìn và bênh-vực quyền-lợi của mình. Bởi nhẽ ấy, hộ-luật, muốn cho được thích-hợp, tất phải căn-cứ ở phong-tục và trình-độ tiến-hoá của nhân-dân trong một xứ. Không những thế, nhiều khi vì pháp-luật còn có chỗ khuyết-điểm, các nhà tự-pháp, phải mượn phong-tục để thế vào.

Còn Hình-luật là gì - là hết thảy các điều-luật ban-bố ra để ấn-định rõ ràng và chừng-phạt đích-đáng những việc hành-vi của một cá nhân có can-ngại đến vận-mạnh và trật-tự của quốc-gia hoặc làm thiệt thòi đến thân-mạnh và tài-sản của một cá-nhân khác.

Như vậy, Hộ-luật chú-trọng về quyền-lợi của cá-nhân, mà Hình-luật chú-trọng về trật-tự của xã-hội. Đứng trước toà án hộ, ông quan

Ông . . . . . nghĩ đến bước tiền-đồ — của H. H.

Toà chỉ là một **người đứng giữa,** *đem thi-hành các điều chỉ-bảo của luật-lệ, để giải-quyết mối tranh-tụng của hai bên nguyên Bị còn trước mặt toà án hiẽh, ông quan Toà, tức là người đại-biểu cho một bên lưỡng-tạo. là xã-hội, dùng hình-phạt để trừng-trị những việc làm có can-ngại đến trật-tự chung. Bởi thế. trong các việc hộ, cái chủ-quyền về việc kiện-tụng ở trong tay đôi bên ; bao giờ tòa-án chưa nhất-định xử-quyết thì các người sở-quan vẫn có quyền tự minh hòa-giải giàn-xếp lấy. Vả dù khi đã có án rồi, cái quyền xin thi-hành bản án cũng toàn bằng ở người được kiện. Quan tòa không có phép được tự quyền can-thiệp đến. Còn về các việc hình, cái chủ-quyền về việc kháng-cáo là thuộc về xã-hội, bởi vì, dù trong các tội-án có can-hệ đến tính-mạnh và tài-sản của cá nhân chăng nữa, pháp-luật cũng chỉ chú-trọng về cái phận thiệt-thòi có thể xẩy ra cho cả đoàn-thể mà thôi. Bởi thế, mỗi khi có một tội-án gì phát-sinh ra, không chỉ riêng gì những người đã bị chịu thiệt-thòi vì tội-án ấy, mới có quyền tố-cáo ; phàm ai là phần-tử của xã-hội, đều có cái nghĩa-vụ phải lôi kẻ tội-nhân ra trước pháp-luật. Mà khi nào tội-án ấy đã lọt vào vòng thụ-lý của tòa-án, thì cái quyền truy-tố thành ra có tính-cách công-cộng, chỉ riêng quan Tư-Pháp mới có quyền theo luật-lệ mà quyết-định về sự nên thẩm-cứu hay nên miễn-nghị. các người nguyên-cáo không có thể viện lẽ gì để xin rút đơn ra, hoặc ngăn-trở sự thẩm-cứu và kết ng'ĩ kẻ tội-nhân.*

Cũng vì cái mục-đích vị công vị tư của Hình luật và Bộ luật khác nhau như thế, cho nên các phương-pháp dùng để cưỡng-bách mọi người phải tuân-theo các điều phán-định của hai bộ luật cũng mỗi đằng một khác. Về các việc hộ, tòa-án chỉ có quyền bắt buộc các kẻ khuất-lý phải phục-tùng luật-pháp hay thực-hành những khoản-ước tự hai bên đã thuận-tình kết lập ra. Nếu một bên nào nhất-định cố ý không chịu thừa-hành, thì tòa-án cũng chỉ có thể thi-hành cái phương-pháp cưỡng bách độc-nhất. là đem phát mại những tài-sản của kẻ thua để đền-bồi cho người được. Ngoài ra, không còn có thể thi-hành một thứ hình-phạt gì nữa. Về các việc hình thì không thế. Trong những cái kết-quả của một tội-ác, có chỗ có thể bồi-thường, cũng có chỗ không có thể bồi-thường được. Vả một kẻ tội-nhân là một kẻ thù của xã-hội, cho nên xã-hội cần phải dùng đến các phương-pháp cương-quyết. vừa để làm cho nó biết sợ mà tự xửa-đổi, vừa để ngăn-cấm cho nó không có thể tự-do mà làm sằng. Vì thế, trong các hình-phạt về luật-hình, ngoại sự tịch-biên tài-sản. còn có các phương-pháp khác có ảnh-hưởng đến quyền tự-do và thân-thể của kẻ có tội. Hình luật có tính-cách nghiêm-khắc khác hẳn với hộ luật như thế. cho nên nhà lập-pháp phải đem lòng thận-trọng, bắt buộc các quan-tòa án hình không được vượt ra ngoài câu cách-ngôn : « luật ngoài vô tội» (nulle peine sans loi), nghĩa là chỉ khi nào luật-pháp có chỉ-định tội-danh rõ-ràng. quan tòa mới được phép kết tội ; còn các quan tòa-án hộ, thì trong những khi nào luật-pháp không nói rõ. đều được có quyền rựa vào phong-tục, mà xử-đoán, hoặc đứng ra ngoài vòng luật-lệ, mà giải quyết theo lẽ phải và sự công-bằng.

Đó mấy điều phân biệt quan-trọng về Hộ-luật và Hình-luật. Từ kỳ sau tôi sẽ bắt-bầu nói đến nội-dung bộ Dân-luật hiện đương thi-hành ở Bắc-Kỳ.

Ngô-Thúc-Địch

Bác-sĩ **Ng.-văn-Luyện** *nói :*

«... Thật vậy, không phải chỉ những người ham-mê hoa-nguyệt mới mắc phải những bệnh ấy, còn nhiều người có bệnh mà không hiểu tại đâu, căn-do có khi từ mấy đời về trước truyền đến cũng nên. Người mắc bệnh mà không biết, hoặc vô-tâm lại có thể reo hoạ cho gia-đình mình nữa, biết bao nhiêu người thiếu-phụ bị lây bởi người chồng, tuổi xanh phải đau-đớn và thiệt-thòi về đường sinh-dục.

« Đáng thương nhất là những đứa trẻ thơ, mới ra đời đã mắc bệnh của cha mẹ truyền cho, rồi sau nó lại truyền đi đời đời làm suy-yếu cả nòi giống.

« Xem thế đủ biết rằng bệnh gọi là « Phong-tình » không phải là bệnh xấu mà chính là một cái nguy to cho xã-hội.

«Muốn bài trừ cái bệnh gớm-ghê ấy, tưởng trước hết cần phải dãi-bầy căn nguyên và trạng-thái của nó để ai nấy rõ cách điều-trị và đề-phòng. đấy là mục-đích của quyển sách này.. »

Quyển sách này là quyển gì?

Đó là quyển :

«Phong-tình y-ấn»

Mới ra đời, nối gót quyển «*Sản-dục chỉ-nam*».

Bản-chí rất vui lòng giới-thiệu cùng các quý-độc-giả quyển sách cần-thiết này, và còn mong đợi ở *bác-sĩ Luyện* nhiều quyển sách có giá-trị nữa.

Ai muốn hỏi về pháp-luật xin viết thơ hỏi :

Ông Trần-đình-Trúc

Luật-khoa cử-nhân

ở 16 Ngõ Trạm cũ (Ruelle Hàtrung) Hanoi

XÃ-HỘI BA-ĐÀO KÝ

XIN CHỮ CỤ NGHÈ

Gần chỗ tôi ở, có một cụ Nghè, đỗ khoa nào tôi không rõ. Cụ Nghè nổi tiếng là hay chữ. Những thơ phú, câu đối cụ làm ra toàn là chữ nho cả, tôi nghe không hiểu, ù cạc như vịt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều văn-chương cụ và ai cũng đều phục là hay lắm.

Làng cụ ở cách nhà tôi độ ba cây số, những ngày rỗi việc, tôi thường đi lại để được hầu truyện cụ, vì tính cụ vui-vẻ, dễ-dãi, nhất là tiếp đãi tôi thì bao giờ cũng một cách đặc-biệt. Thường cụ vẫn bảo tôi rằng nếu có cần việc gì về chữ nho thì cụ sẵn lòng giúp.

Tôi vâng dạ, nhưng chửa có dịp nào được phiền đến cụ, vì chửa có dịp nào phải cần giao-thiệp bằng chữ nho. Nhiều người cứ sui tôi xin cụ đôi câu đối, nhưng tôi không muốn, vì vẫn biết cụ sẵn lòng tử-tế, nhưng chính mắt tôi thường trông thấy phàm ai muốn nhờ vả cụ về chữ nghĩa đều phải có đem hoặc cành cau, hoặc gói chè, hoặc có khi cả đồng bạc nữa, để biếu cụ, chứ không ai chơi cái lối « nước dãi » bao giờ! Như thế thực là phải, cho nên chẳng nhẽ bây giờ mình nhờ cụ, mà cũng xử như người ta, đem gì đến thì sợ cụ cười rằng trẻ-con không biết gì, nhưng nếu ngộ không tạ cụ bằng thức gì, thì cụ lại chẳng bằng lòng vì cách « tây » quá ấy chăng. Bất nhược chẳng phiền cụ cho xong quách.

Một hôm, nhân được giấy cáo-phó của một người bạn thân báo tin ông cụ thân-sinh mới tạ thế, chúng tôi cùng vài người anh em định rủ nhau sửa đồ phúng chung.

Ngày thường chúng tôi vẫn nghe lỏm nhiều người nói chuyện rằng phúng đám ma các cụ già người ta hay dùng bốn chữ : *Hạc giá tiên du*. Chúng tôi định thửa ở hiệu bốn chữ ấy, nhưng mặt chữ không thuộc, nên không biết viết thế nào, mà đã đành phận chữ *chi* là có cũng không biết thì thà chịu dốt còn hơn, vả lại bốn chữ sẵn này tuy hợp nghĩa, nhưng thường thấy nó cũ rích lại chẳng hay-ho gì, không đủ tỏ được cái tình thân-mật của chúng tôi đối với hiếu-chủ. Chúng tôi bèn quyết không dùng mấy chữ sáo « *Hạc giá tiên du* » ấy nữa, nhân có được biết cụ ở gần, thì lại xin ngay chữ cụ tất được hay lắm.

Chúng tôi biết tính cụ Nghè thích đánh chén, mà xưa nay chúng tôi lại chưa được dịp nào hầu rượu cụ, nên nhân việc này, chúng tôi mời cụ đến sơi cơm, rồi nói chuyện xin chữ cho tiện.

Dặn-dò ở nhà làm cơm và mua rượu, chúng tôi cùng thân-hành đến nhà cụ Nghè để đón cụ. Hôm ấy được ngày cụ thong-thả vả mát giời nên cụ đi ngay.

Cơm xong, tôi nói :

— Thưa cụ, tiện đây, chúng con có một việc muốn phiền cụ.

— Hừ! các ông lại muốn nhờ làm câu-đối chứ gì ?

— Dạ.

— Thế thì việc quái gì phải bầy vẽ ra như thế này cho thêm tốn ?

— Bẩm có gì là bầy vẽ, chúng con chủ ý mời cụ quá bộ đến sơi cơm để chúng con được hân-hạnh hầu rượu cụ mà thôi.

— Câu đối gì ?

— Bẩm câu đối phúng.

— Phúng ai ?

— Bẩm phúng ông thân-sinh ra một người bạn thân.

— Được! Đem giấy, bút, mực ra đây.

Chúng tôi đưa lọ mực tây và bút sắt. Cụ không nghe, cười rằng :

— Tôi có quen dùng những thứ này đâu ?

Chúng tôi bèn chia nhau đi mượn cho đủ đồ. Khi mang về, cụ bảo :

— Mài mực đi. Ông đổ ít nước lã vào đây, rồi mài thoi mực này mươi vòng vào chỗ này, khi nào đen thì thôi.

Chúng tôi vâng lời cụ. Khi mực mài xong, cụ để các đồ dùng trước mặt lên ngọn kính rồi hỏi :

— Viếng ông thân-sinh ra bạn thân phải không ?

— Dạ.

— Ông ấy bao nhiêu tuổi ?

— Bẩm ngót bảy mươi.

— À thọ nhỉ! Con cháu khá cả đấy chứ ?

— Bẩm vâng.

— Ông cụ ấy còn cha mẹ già không ?

— Không ạ.

— Bà cụ còn chứ ?

— Dạ.

— Được. Ấy, phải biết đủ như thế, mới có thể dãi tỏ hết cả tấm lòng mình được.

Cụ nằm phục vị trước tờ giấy, chống tay vào cằm, nghiêm nét mặt lại, rồi rung đùi, cơ chừng để nghĩ. Chúng tôi ngồi chắp tay, yên-tĩnh cả, để khỏi làm rối mất mối văn-chương của cụ Nghè.

Một lúc, cụ ngồi nhổm giậy, nói :

— Mà cần gì phải câu đối ? Bây giờ những đám ma văn-minh, người ta có hay dùng câu-đối nữa đâu ? Để tôi nghĩ cho bốn chữ rõ hay, các ông có bằng lòng không ?

— Dạ!

— Được.

Cụ lại phục vị, cầm bút chấm vào nghiên, soe ngòi cho tròn rồi viết. Chúng tôi chầu đầu cả vào để nhìn theo tay cụ.

Đầu tiên, cụ nắn-nót, viết một dòng chữ về mé tay phải ở tờ giấy, chỗ để niên-hiệu rằng :

Bảo-Đại nhâm-thân niên trọng hạ nhật.

Rồi cụ đưa phắt tay sang mé trái tờ giấy, viết luôn một dòng chữ nữa để lạc-khoản :

Tử chấp : Trần văn X, Trịnh-Hữu Y, Nguyễn-Mạnh Z, đồng trang văn.

Cụ hỏi :

— Có phải tên các ông thế không ? Dòng bên kia là để ngày, tháng, năm, đấy.

— Dạ.

— Tử-chấp nghĩa là hàng con, các ông cũng vào hàng con cụ ấy.

— Dạ.

Chỗ giữa vẫn còn để chống. Cụ lại hỏi :

— Ông cụ có phải không nhỉ ?

— Dạ.

Lúc ấy cụ lại ra dáng nghĩ-ngợi hơn, gục hẳn mặt vào bàn tay và rung đùi mạnh hơn trước, rồi ngẩng giây, đặt bút chấm vào mực, lăn mãi ngòi vào nghiên. Chúng tôi lại phải im phăng-phắc, không dám thở mạnh để cụ loạn trí mất chữ hay, chăm-chăm con mắt nhìn theo tay cụ.

Độ năm phút sau, cụ đặt bút xuống chiếu, gãi chân rồi kêu nực. Chúng tôi phải quạt hầu. Cụ cầm bút, rồi rung đùi. Một chốc, cụ lại xoay bút, không rung đùi nữa, đặt hẳn ngòi trên mặt tờ giấy, đưa đi đưa lại cái quản, ngoáy-ngoáy trên không để lấy gân, rồi đi hẳn xuống, nắn-nót, viết bốn chữ nét giậm gì to tướng. Viết xong, cụ nhổm phắt giậy, chỏ vào từng chữ mà giảng cho chúng tôi được hiểu thấu cái hay. Cụ Nghè giảng rằng :

— *Hạc* là con hạc ; *giá* là xe, *tiên* là cõi tiên ; *du* là chơi, các ông hiểu chưa ?

Hiểu rồi, chúng tôi lườm nhau, chỉ sợ có anh nào cười thì chết !...

Nguyễn-Công-Hoan

Một nghề « tự-nhiên »

Ở Va-lăng (Valence) bên Y-pha-nho, có một anh chàng làm trò rất lạ, được công chúng hoan-nghênh lắm.

Anh ta sinh ở Que-ba (Cuéba) năm 1916 nam nay vừa 21 tuổi. Từ tấm bé đã phải lìa bỏ quê-hương đến ở Ác-di-la, tới khi dân-quốc thành-lập mới lần mò về làng; Về làng, bụng đói cật rét, anh ta ngày đêm ủ-rũ lo-sau. Một buổi chiều kia, ăn cơm xong, anh ta ngồi thừ ra ngắm đĩa bát mà vơ-vẩn, anh lo, lo vì bữa nay đủ rồi còn bữa mai tính sao ? Lo nẫu cả ruột gan đến nỗi vô-tình anh ta bỏ cái cốc thủy-tinh vào mồm nhai và nuốt đi lúc nào không biết, ngờ đâu « giời sinh voi bao giờ cũng sinh cỏ » thật, anh ta chẳng thấy đau-đớn gì. Thử vài cái nữa xem vẫn không sao, thôi thế là từ nay trở đi, anh ta đã có nghề, cái nghề thật tự-nhiên, nào ai học được ? Anh không còn phải lo đói rét nữa.

Về sau, vì muốn cho nghề mình phấn-phát, anh ta đến các nhà bác-sĩ dơ trò « nuốt thủy-tinh » ra xin giấy chứng-chỉ, đi đến đâu ai cũng tưởng là thần.

Rồi anh ta đến Va-lang vào làm trò cho rạp to nhất ở đấy, tiếng tăm lừng-lẫy khắp vùng.

Thật là : Số giầu đem đến dưng-dưng,
Lọ là con mắt cháo-chưng mới giầu.

Ở Hanoi, độ trước có thấy đồn có người Annam làm trò nhai thông-phong, ôi tiếc không được mục-kích.

PHONG-RAO, TỤC-NGỮ

Thường hằng ngày ta nghe thấy những câu phong-rao, tục-ngữ nhiều câu thực là khó hiểu. Lẽ khó hiểu ấy có lắm cớ, nhưng phần nhiều :

Một là xưa ta không có chữ để ghi chép mà truyền khẩu người này sang người khác, nơi nọ sang nơi kia, rồi hoặc nói ngọng, nói sai, thành ra không có nghĩa nữa, như câu : *Vênh-váo như bố vợ phải đấm.* Vậy ông bố vợ đã phải đấm, thì còn vênh-váo cái gì ? Mà sao cứ ông bố vợ phải đấm mới vênh-váo ? Có người bảo câu ấy chính là *Vênh-váo như khố rợ phải lấm.*

Hai là trong nước ta, tiếng nói mỗi chỗ một khác ; cái *thang* để chèo, thì ở *Phú-thọ* nhiều nơi gọi là cái *đừng* ; hạt *vừng* thì ở *Nam-kỳ* gọi là *mè* ; *lễ* hay *lậy* thì ở hạt *Kinh-môn* (Hải-dương) gọi là *cúng*: *cúng bốn cúng* ; con *châu-chấu*, đầu vuông, nhẩy xa, thì nhiều vùng về *Nam-định, Thái-bình, Ninh-bình* gọi là con *cào-cào ;* con *cào-cào*, đầu nhọn, nhẩy yếu, trong có cánh đỏ, lại gọi là con *châu-chấu* :

Châu-chấu giã gạo bà xem,
Bà may áo đỏ áo đen cho mày.

Đến như câu : *Kề-lề con cà con kê*, ý nói lôi-thôi, thì con cà là gì ? con kê là gì ? Tiếng nói ở đâu ? Sao lại lôi-thôi ?

Ba là nhiều câu đặt ra có ngụ ý một nghĩa riêng về cá-nhân, về phong-tục, về công-nghệ, về lịch-sử, về địa-dư, v.v. cho nên truyền tụng đi nơi khác hoặc đời sau, tam sao thất bản thì cũng thành ra không rõ cội-rễ và nghĩa-lý nữa như câu:

Ai về Đồng-Tỉnh, Huê-Cầu,
Đồng-Tỉnh bán thuốc, Huê-cầu ruộm thâm.

Làng *Xuân-cầu*, thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, xưa gọi là làng *Huê-cầu* ; mà làng Xuân-Cầu nay cũng không có nghề ruộm thâm nữa ; còn như câu :

Chèo lên trái núi Ba-vì,
Lấy tư hòn đá về kê chân giường.
Kẻo chân giường lệch,
Kẻo chệch thang giường,
Kẻo còn đi nhớ về thương...

Có người bảo câu này có từ đời nhà Trần, vì thấy nhà vua họ hàng lấy lẫn nhau, nên than thế. *Giường* đây là *mối giường, tam cương.* Vậy sao cho đủ nghĩa tam cương (vua tôi, cha con, vợ chồng). Sao phải chèo lên núi Ba-vì ? Sao kẻo còn đi nhớ về thương ?

Vả lại còn nhiều câu không biết rằng đúng hay là sai, mà xét đến nghĩa đen, không đoạn nào liên-can với đoạn nào cả, như câu :

Bố vợ là vớ cọc chèo, mẹ vợ là bèo chôi sông, chàng rể là ông ba Đời. (hoặc ông Ba-vì).

Câu này có lẽ ý nói chàng rể coi cha mẹ vợ hờ-hững, cho nên ngày trước có một thầy Khóa, người ta nhờ viết thư báo tin mẹ vợ chết đuối, nhắn con rể phải về ngay, thày luống-cuống không biết chữ nho gì là con rể ? gì là mẹ vợ, liền thảo ngay mấy chữ sau này :

Bình-bồng mặt nước chôi sông, thỉnh tam-đại hồi gia cấp-cấp !

Người con rể không hiểu, sau mượn một người tàn theo nghĩa câu trên kia, mới biết, *Bình-bồng* là bèo *tam-đại* là ba đời: *Bèo* chết đuối, mời *ông ba đời* về ngay lập-tức !

Vậy An-nam tạp-chí mở ra mục này để hoan-nghênh các bạn xa gần, ngài nào có ngộ câu nào, xin cứ viết về để ai rõ nghĩa rõ câu, dần-dần cùng nhau cải-chính và giải-đáp, thời cái kho Văn-chương nước ta ngày xưa còn lại, mới mong có ích lớn về Văn-học, Khoa-học về sau vậy.

Nay xin hỏi những câu sau đây có đúng không, và nghĩa thế nào :

1. — Vênh-vào như bố vợ phải đấm.
2. — Bố vợ là vớ cọc chèo, mẹ vợ là bèo chôi sông, chàng rể là ông ba đời (hoặc ông Ba-Vì).
3. — Kề-lề con cà con kê.
4. — Chèo lên trái núi Ba-Vì,
Lấy tư hòn đá về kê chân giường,
Kẻo chân giường lệch,
Kẻo chệch thang giường,
Kẻo còn đi nhớ về thương.

A. N. T. C.

Mỗi khi dùng thức ăn ngon, vận mảnh áo đẹp, nghĩ đến đồng-bào cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, anh em chị em những ai ai đó há tại không thấy cảm-động tới cõi lòng hay sao ?

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

20

Trà-sơn
dịch

Giữa lúc ấy, ông già Ô-lê-dòng đã ở trên xuống bước xuống, thẳng bước đi vào, trong người đương bị cơn sốt rét, nên ông ta vừa đi vừa siêu-vẹo muốn ngã, mình mẩy thì run lẩy-bẩy, hình như không thể mang nổi được khẩu súng nữa. Mặt mũi trông sám ngắt như mặt người chết, hai hàm răng đập vào nhau cầm-cập; tuy dưới bóng nắng giữa trưa, mà cả người ông vẫn rét run như cầy sấy. Rồi ông lập-bập nói:

— Tôi... tôi đến... đến để cứu ông! Thà cho... cho quỷ-sứ nó bắt quách tôi đi cho... cho xong! Hễ khi... khi nào người... người ta cần đến... đến tôi là... là cái cơn sốt-rét nó... nó ở... ở đâu lại... lại kéo đến.

Chàng Xen-đôn bấy giờ mới đốc-xuất lũ người nhà và cai-phu nhặt-nhạnh hết các khí-giới rải-rắc ở trên mặt đất và chất thành một đống ở dưới mái hiên. Những súng nào tốt, chàng để riêng ra một bên, còn những súng cũ, thì cho bẻ vụn vứt đi. Rồi chàng trỏ vào đống dáo, mác, thiết-lĩnh và cu-liêm mà mỉm cười bảo cô Gian-nê rằng:

— Đấy thật là một thứ quý-vật có một, để sau này xung vào viện tàng-cổ của cô-nương... Đó thật là những vật kỷ-niệm nhặt được ở trên bãi chiến-trường!

Ngoài bãi bể, chàng cho chất đống hết thảy đồ vật tìm thấy ở trong các thuyền của tụi mọi, rồi cho châm lửa đốt sạch; nhờ đấy, những tên mọi đen ở Bế-rang-đệ, thôi thì tha-hồ mà phá-phách, mà lượm-lặt. Cả đến những chiếc thuyền độc-mộc, cũng bị đập nát ra, bỏ đầy những cát, đá và vỏ dừa vào, rồi đánh chìm xuống tận đáy bể.

Xong rồi, cuộc khiêu-vũ của phường quỷ-sứ lại bắt đầu cử-hành ở chung quanh các cây dừa. Chửi rủa chan-chê, tụi mọi đen ở Bế-rang-đệ mới dùng gỗ, gạch, sỏi, để hành-tội lũ cừu-nhân thất thế. Tụi này, tuy bị gạch đá ném vào như mưa mà vẫn cứ điềm nhiên cố bíu ở trên cây, không hề nhúc-nhích, mồm càu-nhàu nói hứa rồi sao cũng có dịp báo thù.

Ngảnh lại chỗ mọi người đứng chàng Xen-đôn nói:

— Vì việc này, rồi đây, trong bốn năm mươi năm, sẽ còn thường thường xảy ra cái việc chiến-tranh giết-gióc ở hòn đảo Mã-lai-tạ. Tuy vậy trong trí tôi chắc rằng sau này, dù tên mọi già Tê-bá-xê có muốn đến chụp tôi đi nữa, chắc cũng phải chờ đợi ít lâu.

Rồi chàng nhìn xuống lão đầu-mục già đương hậm-hực nuốt giận ngồi ở dưới mái hiên mà bảo rằng:

— Bây giờ, tao đánh vào đầu mi. Lạc-lan cô-nương, nhờ cô-nương giúp cho việc ấy. Cô-nương chỉ cần đánh một cái thôi, thế cũng đủ làm cho nó nhục rồi.

Cô Gian-nê trả lời:

— Gớm! nó bẩn-thỉu lắm. Tôi lại muốn tắm cho nó còn hơn. Này, A-đa-mu, mày chịu khó tắm gội cho con quỷ này nhé! Mày đem cái thùng này cho nước cho đầy vào... Còn mày, Ô-phi-ri, chạy đi lấy sà-phòng và cái bàn-trải to lại đây.

Những tên người nhà Ta-hải-ty vừa đi đánh cá về, cũng đều nhúng tay vào giúp việc.

Lũ mọi ăn thịt người leo ở trên cây, trông thấy người đầu-mục chúng bị khiêng vào trong thùng nước, rồi bao nhiêu lượt mỡ nhoáng bao bọc ngoài da, bị trải cọ đi sạch cả, thì đều lấy làm kinh-ngạc vì sự đại-bất-kính ấy mà đồng thanh la to lên rằng:

— *Tam bô! Tam bô!*

Cô Gian-nê liền ném cho những tên người nhà một mảnh vải cát-bá vừa lấy ở trong nhà ra để chùm cho tên Tê-bá-xê. Tên này bây giờ mới nhô người ra, trông có vẻ sáng sủa sạch-sẽ, nhưng mồm vẫn còn khạc-nhổ, vì tên Nô-át đã muốn đánh cả cổ-họng cho nó, nên trong miệng nó vẫn còn đầy những bọt sà-phòng.

Công việc xong đâu đấy, những phu đồn-điền được thưởng một nửa ngày nghỉ, còn tụi côn-đồ ở A-đam cũng được phép ở trên các cây dừa bò xuống. Suốt buổi chiều hôm ấy, cô Gian-nê và chàng Xen-đôn, nằm thảnh thơi nghỉ mát ở dưới mái-hiên, đưa mắt nhìn chúng lần lượt thi nhau lặn xuống đáy bể, để cố mò những chiếc thuyền đầy những cát đá, và dìu lên mặt-nước, mà không khỏi tức cười.

Mãi đến lúc giời đã xâm-xẩm tối, chúng mới làm xong công-việc, và cả tụi mới nhặt-nhạnh được những chiếc mái chèo gẫy nát, kéo nhau lên thuyền ra bể.

Dưới trận gió bấc nhẹ-nhàng mát-mẻ, tầu Phi-lý-be cũng đương buồm quay mũi, có mang theo ở dưới khoang những tên phu khởi loạn ở Sang Xích-tô-ba.

CHƯƠNG THỨ XII

Hôm sau, lúc chàng Xen-đôn đang bận việc ở trong đồn-điền, bỗng có một chiếc tầu lạ, tên là Mã-la-cự-la đến bỏ neo ngoài bến.

Lấy con mắt tay thủy-thủ, cô Gian-nê đứng xem tầu cuốn buồm và thả xuống. Rồi nàng thân ra đón hai người ở trên xuống bước xuống.

Một mặt cho một thằng ở chạy đi tìm chàng Xen-đôn, một mặt nàng sai người rót nước giải-khát mời hai vị khách uống, rồi nàng ngồi gần họ để tiếp chuyện.

Hai vị khách đối với nàng hình như có ý ngượng, và nàng thỉnh-thoảng lại bắt gặp con mắt họ nhìn nàng một cách tò mò muốn giấu mà không giấu được. Nàng tự biết là họ có ý hỏi nhau xem nàng là người thế nào; lần này là lần đầu nàng

mới thấy rõ cái tình-cảnh bất-thường của mình.

Về phần hai vị khách, thái-độ của họ cũng không phải là không làm cho nàng phải phân-vân. Họ không có gì là cái cách-cục thông-thường của những thương-nhân hải-khách. Tuy trong cái cử-chỉ của họ, chẳng có điều gì bất-nhã, vả trên trường xã-giao, họ cũng giữ được một nước sơn lễ-độ, mà xem ra họ ăn-nói, khác hẳn với lối ăn-nói của người tao-nhã. Vì vậy, nàng đoán rằng bọn này chắc hẳn là những tay doanh-nghiệp. Nhưng họ định kinh-doanh cái gì ở quần-đảo Sa-lô-mông này? Vả, cái mối lợi gì nó đã đưa họ đến Bế-rang-đệ?

Người nhiều tuổi nhất trong bọn tự giới-thiệu là Mộc-can, người trông to lớn nước da ngăm ngăm, mép lún phún râu, tiếng nói khàn-khàn ở trong cổ họng. Trái lại, người thứ hai tên là Rã-phỉ, người trông mảnh-khảnh như đàn bà, bàn tay óng-á cặp mắt chong xanh. Trông toàn thể cách cử-chỉ của họ rõ là một bọn trọc-phú, mà cứ con mắt nàng trông ra thì có lẽ xưa nay họ chưa từng biết sự vì-nể, hối-hận là cái gì.

Khi chàng Xen-đôn bước vào, cô Gian-nê liền để ý xem xét thì hiểu ngay rằng chàng không có ý gì hoan-nghênh mấy vị khách này cho lắm, nhưng chỉ vì một sự bắt-buộc mà chàng phải miễn-cưỡng làm ra mặt vui-vẻ tươi cười.

Sau khi trò chuyện một lát, tuy giời nóng như thiêu, mà cả ba người đều kéo nhau vào hầm ở trong buồng giấy. Một giờ sau, ba người mới lại đi ra.

Cô Gian-nê về nhà riêng, đến quá trưa về chiều nàng mới hỏi tên La-bế-ru xem nó có biết cái cách chàng Xen-đôn đối đãi với khách ra sao không.

Tên mọi đáp:

— Ông dắt họ đi chơi khắp mọi chỗ. *Tôi nói vậy*. Họ có ngó xem những cây dừa, khu đất trồng dừa, kho chứa cùi dừa, sông, đồng cỏ gần sông, cùng là chiếc xuồng nữa. Họ xem ráo. *Tôi nói vậy*.

— Mi có biết họ là ai không?

— Tôi chắc là hai vị đại chủ-nhân người bạch-chủng.

Ngoài ra tên La-bế-ru không còn biết gì hơn nữa.

Đến giờ ăn tối, chàng Xen-đôn cùng hai người khách: Mộc-can và Rã-phỉ, mới trở về nhà. Trong khi ăn cơm cô Gian-nê để ý nghe, nhưng không thấy họ nói một tiếng nào đả-động đến tung-tích hai người khách và mục-đích cuộc tiếp-kiến của họ. Họ nói lan man hết chuyện này sang chuyện khác. Cô Gian-nê để ý coi thì thỉnh-thoảng lại thấy trên cặp mắt chàng Xen-đôn lộ ra vẻ lo buồn.

Uống cà-phê xong, ba người cùng ra ngồi ở một chỗ khuất nẻo ngoài vườn.

Đứng ở dưới mái hiên cô Gian-nê thấy họ nói chuyện rì-rầm; trong đêm tối, nàng chỉ thấy đầu những điếu thuốc lá của họ cháy đỏ ối.

Sáng hôm sau, nàng dậy từ sớm, mà đã thấy chàng Xen-đôn và hai người kia lại đi thăm đồn-điền rồi.

Mãi lúc giờ ăn cơm sáng, ba người mới về. Cơm nước xong, ba người lại dắt nhau ra bờ biển nói chuyện không cho cô Gian-nê dự nghe.

Chàng Xen-đôn hình-như muốn biện-bạch về một câu chuyện gì đó, hai người kia thì cứ muốn nói gạt đi. Xem ra thì không ai chịu nhường ai trong khi biện-luận.

Lúc hai người kia ra tầu rồi, cô Gian-nê mới hỏi chàng Xen-đôn cho biết họ là ai và mấy người cãi lẽ nhau về việc gì. Nàng nói:

— Tôi coi bộ họ lắm nhời quá. Chiều hôm qua lúc mặt giời lặn họ còn nói; sáng hôm nay, mặt giời vừa mọc họ đã lại nói rồi. Họ nói gì mà nói lắm vậy?

Chàng Xen-đôn gượng cười và đáp:

— Đó là ông Mộc-can và ông Rã-phỉ, hai nhà doanh-nghiệp có danh tiếng. Họ có lập thương-điếm ở Tuy-la-gi và giao-dịch với các nhà thực-dân ở quần-đảo Sa-lô-mông. Hễ ai túng nhỡ tạm-thời thì họ đến cứu giúp. Sự cứu giúp ấy cố-nhiên chẳng phải là họ giúp không gì.

— Thôi đích rồi! Tôi hiểu rồi! chính tôn-ông cũng nhờ vả họ chứ gì!

— Cô-nương nói trúng đó, nhưng chàng Huy-ghi mới chính là người phải nhờ vả họ. Nguyên xưa chàng giữ việc trị-sự, từ ngày chàng mất, tôi xem sổ ra, còn có nhiều món chàng trang xếp chưa xong.

— Tóm lại thì sao?

— Tóm lại thì chàng Huy-ghi trước kia có làm với hai người kia nhiều giấy khất. Những giấy khất ấy hôm nay đến hẹn, mà trong kết tôi thì không có trả. Cứ kể công việc trong đồn điền xem ra thì có cơ phát-đạt, nhưng tiền phí-tổn còn ngoạm mất một phần tiền thu vào.

— Tôn-ông nợ họ bao nhiêu?

— Số tiền cũng không mấy. Cả gốc lãi cơ-hồ chỉ độ ba nghìn đô-la thôi. Hiện nay tôi không có số tiền đó mà... mà họ thì cố ý không cho khất nữa.

— Quân ăn cướp!

— Không phải thế, không phải thế... họ cũng là những tay doanh nghiệp đó thôi. Đấy câu chuyện chỉ có thế.

— Thế rồi sao?

— Thế rồi họ muốn tôi phải thế-chấp đồn-điền Bế-rang-đệ này cho họ. Cái chỗ rắc-rối là ở đó! Nghề đời lạ gì, hễ họ được đằng chân thì họ lân... Nếu tôi ưng bán đồn-điền này, chắc họ sẵn lòng mua ngay, nhưng tất-nhiên là họ mua rẻ. Trời ơi! thế là công mình khó nhọc trồng cây, rồi đây họ chỉ có việc ngồi sẵn mà ăn quả.

— Thế tôn-ông đã định ra sao chưa?

— Hiện nay tôi chưa định thế nào cả. Cố-nhiên là không khi nào tôi chịu mắc vào chòng của họ, song, ngặt một nỗi, họ có ra cho tôi một hẹn 8 hôm để lo trả. Lọ 3 nghìn đô-la, mà hiện nay tôi chưa có số tiền ấy.

— Rồi tôn ông sẽ có. Tôi sẵn lòng đem đến nộp tôn-ông... Nhân thế tôi sẽ là người chung phần với tôn-ông.

Chàng Xen-đôn vừa tỏ ý bất-thuận thì cô Gian-nê điềm-nhiên nói tiếp :

— Chúng mình có thể lập ngay một tờ hợp-đồng. Tôn-ông đã biết cái kế-hoạch đầu tiên của tôi là qua đảo Ba-ri Suy-lai khai-khẩn ruộng đất. Thì nay tôi chung phần ngay với tôn-ông, thế chả tiện hơn và lợi hơn cho tôi ru? Còn về phần tôn-ông, tôn-ông không thể nào từ chối được nữa. Tôn-ông bị mắc vào bẫy rồi!

Chàng Xen-đôn lầm-bầm nói :

— Hê! Hê! Lại vẫn câu chuyện cô là đàn-bà mà tôi là đàn-ông. Ta cần phải giữ lệ-tục chứ.

— Lại vẫn cứ câu chuyện gàn ấy mãi ư?

— Trời ơi, vâng!

Cô Gian-nê đứng phắt dậy dẫm chân xuống sàn mà la lên rằng :

— Tôn-ông có biết tôi muốn nói câu gì không?

— Điều đó tôi cũng không chắc lắm... Có lẽ cô-nương muốn nói rằng : «vứt mẹ cái váy đi» chứ gì!

— Than ôi, tôn-ông nói đúng lắm... thế bây giờ là ta thỏa thuận rồi chứ?

Chàng Xen-đôn im lặng một lát rồi rụt rè nói :

— Bởi vì...

— Bởi vì sao bây giờ?

— Bởi vì còn phải đề-cấp cả đến cái việc tầu Dịch-sĩ bị đắm kia nữa. Chiếc tầu này trước kia do chàng Huy-ghi chỉ-huy. Nó là vật rất cần-thiết cho chúng tôi để dùng đi mộ nhân-công. Nếu không có nó tất phải cậy người đứng trung-gian mộ giúp; như vậy lại tốn thêm mất một lần tiền nữa. Vả, tầu Dịch-sĩ trước vẫn dùng để trở thuê đối với đồn-điền này, cái đó cũng là một nguồn lợi khá lớn.

«Mua một chiếc tầu khác là việc rất cần. Nếu tôi hỏi vay bọn Mộc-can và Rã-phỉ để lấy tiền mua thì tất tôi lại phải thế-chấp đồn-điền Bế-rang-đệ một lần thứ hai nữa.»

— Thôi được, tôi sẽ bỏ ra chừng 5, 6, nghìn đô-la, rồi tôi sẽ nhậu một phần lớn trong công-ty cũng được. Thật quả như thế là trong túi có bao nhiêu tiền tôi xin giốc ra ráo cả đó. Song, ở đời nếu không chịu mạo-hiểm thì chẳng ăn cóc gì, tôn-ông giúp tôi, tôi lại giúp trả tôn-ông, thế là tôi với tôn-ông, chẳng ai phiền lụy gì ai. Thế đã hết lẽ chưa?

Chàng Xen-đôn còn ra ý ngần-ngại và đáp :

— Hê! Hê! chiếc tầu đó phải có người chỉ-huy mà chàng Huy-ghi hiện nay không còn đó nữa; về phần tôi, cứ xoay quanh với tụi mọi đen cũng đủ nhược rồi, vả cái việc đi biển không phải là việc của tôi xưa nay.

Cô Gian-nê quắc đôi con mắt nói lớn lên rằng :

— Tôi đây sẽ làm quan ba tầu ấy chứ ai? Hiện tôi đã từng thí-nghiệm nhiều lần.

— Rồi cô-nương qua Mã-lai-tạ để mộ phu phái không?

— Chính vậy.

— Thôi thế là chúng mình lại quay về những chuyện quái ác ấy!

Cô Gian-nê nói phắt ngay rằng :

— Thôi, thế ta hay để câu chuyện ấy đấy. Tôi rộng cho tôn-ông từ nay đến sáng mai để mà nghĩ-ngợi cho kỹ. Nếu cứ nói chuyện như thế này, thì đến đêm cũng chả có kết-quả gì. Tôi mong rằng ông Thần Đêm sẽ là ông thầy dạy khôn của tôn-ông. Thật tình ra tôn-ông hèn-nhát lắm. Tôn-ông chỉ sợ cái lỗ miệng của thiên-hạ.

«Vậy nhất định như thế nhé? Tôn-ông cứ nghĩ cho kỹ, sáng mai tôn-ông sẽ trả lời cho rứt-khoát mà phải là một câu trả lời khôn-khéo, hợp lý, chứ không phải câu trả lời của một anh đồ».

Năm phút đồng-hồ sau, chàng Xen-đôn vẫn còn đang phân-vân nghĩ-ngợi, thì chợt nghe có tiếng cười ròn như pháo làm cho những điều tư-lự của chàng tiêu-tán đi đâu cả.

Chàng đi ra chỗ bao-lơn ngoài hiên, thấy cô Gian-nê ở căn nhà lá đi ra ngoài bãi bể. Hai tên người Ta-hải-ty là Ba-bế-hạ và Mã-hạ-mê, mình cuốn vuông vải tây đỏ chạy theo sau. Ngang lưng họ mỗi người có đeo một con dao găm trần sáng quắc.

Chàng Xen-đôn thở dài. Việc này nữa, cũng lại là một điều bướng-bỉnh khôn lay-chuyển được của người thiếu-nữ. Biết bao nhiêu lần chàng đã ngăn-cấm, đã van-vỉ nằn-nì, mà nàng cũng vẫn cứ thích tập lội, cứ thích liều thân với loài cá mập.

Chàng thấy nàng đứng trên một cái mỏm đá nhẩy tòm xuống biển, rồi bạo-dạn lặn, chìm-nghỉm bẫn người đi, chẳng khác gì một chàng thiếu-niên vậy.

Nàng cố trở tay bơi. Hai bên tả hữu cách xa chỗ nàng chừng 12 sải chân, hai tên người nha bơi theo hầu.

Chàng thiết nghĩ, đến khi gặp nạn, hai đứa nọ tuy can-đảm, nhưng vị-tất đã có đủ sức chống nổi với con quỷ ăn thịt người kia. Song, chàng lại tin rằng nếu vạn-nhất có sự gì xảy ra, thì tất chúng dám liều thân để cứu chủ.

Cô Gian-nê và hai đứa người Ta-hải-ty bơi thẳng ra khơi. Đầu ba người càng trông càng bé. Chợt có một làn gió nhẹ-nhàng thổi lên, làm ran-reo cả mặt biển. Luồng gió thổi mỗi phút mỗi mạnh; rồi tức thì ba cái đầu cứ luồn luồn nhô lên ngụp xuống ở trong những cồn sóng nhấp-nhô, (*Còn nữa*)

Mục-lục

— Một phiến cảm-hoài cùng việc dưỡng-sinh ở Nghệ-an.
— Mỹ-thuật và đồ cổ của Tàu.
— Giây Hạnh-phúc.
— Thư cho bạn về Văn pháp Việt-Nam.
— Thế nào là Nữ-quyền?
— Vấn-đề thuộc-địa trong con mắt của đảng Xã-hội cấp-tiến.
— Cấp-tiến và Xã-hội cấp-tiến.
— Thời-đàm: Nhân ngày kỷ-niệm của An-nam mình.
— Thi-đàn giảng-tập : cùng ông Bùi xuân Diệm.
— Văn-đàn : có ca-dao người Mường.
— Y-học : Binh-lang.
— Mấy cái nguyên-nhân về sự kinh-tế truy-lạc của Mỹ.
— Phân-biệt về mục-đích và phạm-vi của Hình-luật và Hộ-luật.
— Xin chữ cụ Nghè.
— Phong-rao, tục-ngữ.
— Đâu có lạ-lùng-20.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kèn (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lão, hôi nách, chúng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時

THỜI-HIỀN THI-TẬP

It hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tân-dà Thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh, biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ly)

HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy qui ông qui bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

傘沱書局叢書

TẢN ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (loại Tiểu-thuyết). — . . . 0,20
3. — **Khối-tình con thứ ba** (Thơ ca). — . . . 0,25
4. — **Giấc mộng con thứ hai** . . . . — . . . 0,25

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Đã đương in : **Đài gương kinh**

Từ 1er Juin này trở đi; các Ngài mua buôn và mua lẻ các sách của Bản-cục in ra trong năm 1932, từ *Thanh-hóa* trở vô tới *Nam-kỳ*, và *Ai-lao*, *Cao-mên*, xin viết thư về hỏi tại :

M. Vương-đình-Châu

Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam. — Vinh.

kính-cáo.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Enseignement primaire, primaire supérieur, secondaire

LYCÉE LIBRE HONG-BANG

A HANOI

70, Rue Jules Ferry, 70

là trường lớn to nhất (ở Đông-Pháp chỉ có trường này được phép mở đến ban tú-tài) có đủ các lớp : lớp dạy riêng về khoa triết-học, lớp dạy theo lối gửi thơ. Nhận cả lưu học-sinh, tiền học không tính đắt. Giáo-sư Tây, Nam rất có danh tiếng. Quản-đốc : ông LEURET, cử-nhân khoa Văn-chương triết-học, chánh sở xã-hội cứu-tế tại phủ Toàn-quyền, đã ra công đào-luyện cho bọn thiếu-niên bên Pháp trong khoảng 30 năm giời, diễn-thuyết hơn 100 lần và đã lập được nhiều hội Cứu-tế khắp trong Nam ngoài Bắc.

Lớp nghỉ-hè đến 27 Juin khai giảng tạm ở trường Chấn-nam số 2 phố Nguyễn-Trãi (Hanoi) cho đến khi chữa sửa xong nhà trường mới. Ai hỏi thể-lệ nhớ đính tem giả lời.

L'Administrateur Gérant : Ngô-Thúc-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí

ANNAM
TẠP-CHÍ
Báo quán: 72, Phố hàng Khoai, Hanoi

Ngày 25 Juin 1932

PHỤ TRƯƠNG

Ở XỨ TA ĐÃ THẬT CÓ CÁI NẠN TRÍ-THỨC THẤT-NGHIỆP CHƯA ?

Nạn thất-nghiệp là một cái bệnh-chứng nguy-hiểm nhất cho nền kinh-tế của thế-giới ngày nay. Mỗi một thứ máy móc phát-minh ra, tức là có hàng mấy ngàn mấy vạn thợ-thuyền bị ném ra ngoài đường phố. Bên này chân tay có mà công việc làm không, cho nên bên kia, hàng-hóa cứ chế ra mà người tiêu-thụ hiếm. Rồi các xưởng công-nghệ, nối gót nhau nào phá-sản, nào cáo-cùng, thế là trong toán quân thất-nghiệp, lại mộ thêm được ít nhiều số lính mới. Mà trong số ấy, không riêng gì những thợ thuyền, nhiều khi, than ôi, lại có cả những ông chủ-nhiệm, ông quản-lý, tức là những tay hôm qua đây còn vận-dụng, chỉ-huy hàng muôn, hàng mớ tờ bạc giấy, mà bây giờ đã một chữ cũng không. Cái số người thất-nghiệp hiện nay không phải thổ-sản riêng của một xứ, một nước nào; nhưng kể ra, thì có nước Mỹ và nước Đức là đứng vào bực nhất. Đó là nói về cái nạn thất-nghiệp của những người lao-động bằng chân-tay. Cái nạn đó nguồn gốc ở sự cơ-khí phát-đạt, cho nên càng ở các nước cơ-khí thịnh-hành, thì cái số người thất-nghiệp cũng càng nhiều.

Nạn thất-nghiệp của các người trí-thức lại phát-sinh vì một nguyên-nhân khác. Trái lại với tiếng lao-công, cái danh-hiệu trí-thức gồm cả những người có theo-đuổi ít nhiều về đường học-thức, đã kiếm được một lá bằng-cấp gì chứng-nhận rằng mình đã có nền học-vấn tương-đương, và chỉ bằng ở cái học-vấn ấy, cái bằng-cấp ấy, để tìm đường sinh-kế. Trước đây ở các nước bên Thái-tây, nền giáo dục chưa được mở-mang, các người đi học,

bước lên được đến bực trung-học và cao-đẳng còn là số ít. Các công-việc xã-hội lại đương lúc mở-mang, cho nên các công-sở cũng phải cần đến nhiều người. Vì thế, các người học giả, ở các trường trung-học, đại-học, tốt-nghiệp ra, cũng dễ kiếm được chỗ tiêu-thụ. Những người không vác mảnh bằng đến gõ cửa các công-sở, như các ông kỹ-sư, ông y-sĩ, ông luật-sĩ, còn có thể tự mở ra các phòng thí-nghiệm, phòng luật-sư, phòng khám bệnh, để làm kế sinh nhai. Lúc đó tức là cái thời-kỳ hưng-vượng của các người trí-thức. Nhưng ở đời có cái gì trường cửu mãi được. Thấy đường trí-thức kiếm ăn, có bề nhẹ-nhàng thanh-thả, các con nhà nông-thương, công-cổ, mới thi nhau vứt bỏ nghề cũ mà sò vào con đường học-vấn. Giáo-dục lại ngày một khuếch trương, trường học mở ra ngày một nhiều, thì các học sinh tốt-nghiệp ở các trường ra cũng tất ngày một lắm. Số chỗ làm việc ở các sở chỉ có hạn, mà số người tìm việc thì vô hạn, cho nên cái cảnh chen-chúc nhau ở trước các công sở ngày càng thấy hiện ra vẻ khắt-khe. Người nào tốt số hay tốt thế, được có chỗ dung thân, còn những kẻ không may, đành cuộn bằng bỏ túi, để ngồi chờ cơ-hội khác. Học-vấn lại thường chuyên về một môn, cho nên dẫu có muốn xoay sang nghề khác cũng khó; còn các công việc lao-động, thì lại bị cái danh-diện ở xã-hội nó cấm-đoán không cho dúng tay vào. Đó là một phương-diện của cái nạn trí-thức thất nghiệp. Còn về mặt các công-việc tư, cũng lại vì nỗi cạnh-tranh mà cái tình-cảnh chẳng khá hơn gì mấy. Trong một thành phố nhỏ, có đến mấy chục ông y-sĩ, trước một tòa án, có đến hàng trăm ông luật-sư, thì bạn hàng bởi ở đâu ra? Mới đây, một nhà viết báo bên Pháp, bàn đến cái nạn trí-thức thất-nghiệp, có nói một câu nói rõn rằng :

« *Rồi đây, có lẽ các ông Bác-vật chỉ nghiên-cứu tìm cái cách thế nào để làm bánh không cần phải bột mì ; các ông y-khoa Bác-sĩ sẽ khám-nghiệm xem cái ảnh-hưởng của sự nhịn-đói đối với các cơ thể ra thế nào và các ông Luật-sư sẽ cố biện-luận xem những thằng lội-nhân phạm tội trong khi rỗng bụng có nên cho lượng giảm không !* » Câu nói tuy bông-lơn mà chua-chát biết chừng nào!

Gần đây đã thấy có người muốn đem nhập-cảng cái chữ trí-thức thất-nghiệp mà lo xa ràng cái nạn ấy, đã sáp bắt đầu xuất-hiện ra xứ ta. Nhưng cứ ý tôi, thiết-tưởng mới có cái nạn *vô-nghệ-nghiệp*, chứ cái nạn trí-thức thất-nghiệp thì thực chưa có. Muốn cho có cái nạn thất-nghiệp, tất phải là cái nghề-nghiệp của mình đang làm mà bị cướp mất đi, hoặc là cái nghề-nghiệp của mình đáng được làm mà bị người tranh mất. Nay xét đến hiện-tình xứ ta, thì những người có thể cho là trí-thức là hạng người nào ? Để sự may rủi và thực-tài riêng của từng người ra một bên, tất ta phải mượn cái mảnh bằng để làm bằng-chứng cho cái phẩm-lượng trí-thức của người đi học, mà trên thang học-vấn, tất ta phải kể từ bực thành-chung trở lên. Nội trong các người trí-thức có bằng-cấp từ bực ấy trở lên, dù là những người chỉ có trơ-trọi một cái bằng thành-chung, hay là những người du-học có bằng Kỹ-sư, Cử-nhân, Bác-sĩ ở Pháp về chăng nữa, cũng đều có thể kiếm một chỗ, làm một nghề để làm kế sinh-nhai cả. Vậy hẳn trong các người trí-thức ấy, chẳng có ai là người thất-nghiệp. Còn những người ở dưới bực ấy, nếu vì không được vào học trường trung-học hoặc vì hỏng thi Cao-đẳng tiểu-học mà thành ra vô-nghệ, thiết-tưởng không thể coi là hàng trí-thức thất-nghiệp, bởi vì họ không đủ tư-cách và tài-lực để làm nổi cái nghề-nghiệp mà họ muốn làm.

Vả giời đất sinh ra biết bao nhiêu là nghề, làm ruộng làm nương, làm thày, làm thợ, làm thuê, làm mướn, làm báo hay làm anh bán báo chăng nữa, nghề biết khối ra đấy, sao không xoay ra mà chọn lấy. Hay các ông bảo những nghề này không đáng làm hay không thể làm được, thì các ông chỉ nên tự trách, là mình vô-nghệ-nghiệp, chứ đừng nên tự phàn-nàn là mình thất-nghiệp mà nhầm.

Ngô-thúc-Địch

CHUYỆN ĐƯỜNG RỪNG

Người Mèo.—Khảo cứu người Mèo. một cuốn sách tây có câu : « *Người Mèo là dòng dõi một con chó* ». Câu nói như cười, tôi cho là hài-hước. Nhân tôi lại được nghe câu chuyện sau đây, xin hiến các độc giả, ai là người không tin câu sách kia như tôi, một vài lời giải-thích.

Người ta kể rằng : đã lâu lắm, về đời nhà Tùy ở Trung-quốc, một nước chư-hầu đem cống nhà vua con chó đực rất khôn ngoan. Vua yêu quý lắm, nuôi nấng chăm nom con vật ngày thêm đẹp đẽ.

Trong nước lúc ấy bỗng có một thân-vương đem lòng bạn nghịch, muốn cướp ngai vàng, tướng mạnh quân hùng làm cho nhà vua tưởng đến mà lo, đêm ngày áy-náy ngồi đứng không yên, đến nỗi con chó khôn-ngoan kia ở gần cũng hiểu.

Buồn lại thêm buồn, trong cung điện nhà vua lại xảy ra truyện mất chó ! Tiếc giống vật khôn, nhà vua cho tìm khắp cả, nhưng nào có thấy tăm hơi. Vậy con chó ấy đi đâu ? — Nó đến theo ông Thân-vương phản nghịch.

. . .

Ông Thân-vương vẫn nghe vua Tùy có con chó quý, nay tự-nhiên nó đến với mình, lòng mừng khấp-khởi — cái mừng ấy, nếu tôi đoán chẳng lầm, thì hẳn chẳng giống như cái mừng của nhiều người nhà quê ta, năm mới thấy chó hàng xóm chạy vào nhà mình, tin rằng năm ấy phát-tài, cái mừng của Thân-vương đây là cái mừng sắp được Thiên-hạ vậy. Gần một tháng trời, con chó quỷ-quyệt đó theo Thân-vương từng bước, quấn-quýt hộ-vệ Thân-vương, nên Thân-vương tin yêu ve-vuốt chăm-nom lúc sai bảo làm gì lại đều được như ý.

Ngờ đâu một đêm kia, khi Thân-vương giấc điệp đang nồng, con chó nọ cắn đứt cổ Thân-vương, rồi đem đầu trốn đi mất.

Trên điện vua Tùy, bữa chiều buổi sớm, nhà vua và quần thần còn đang bối-rối nghị bàn về việc trị-an, thì con chó trung-thành tự nhiên xuất-hiện Mặt, mình dây máu, dưới chân lại có vật gì, nhìn kỹ mới hay : đó là đầu lâu của Thân-vương phản-bội. Triều đình vui-vẻ, trên dưới hoan-hô những lời tán-dương xin độc-giả tự tưởng-tượng. Thế còn con chó ?

Chẳng biết ban thưởng cho nó cái gì, vả chăng nó lại chẳng kêu-ca, vua Tùy chỉ nuôi-nấng chăm-nom như lúc nó chưa lập được kỳ-công vậy.

Lại nói vua Tùy có người công-chúa vua rất yêu đương, thời thường trên điện, công-chúa vẫn theo hầu, vì thế con vật tinh-khôn kia có lúc cũng theo công-chúa. Thâm cung nghiêm-mật, lui tới vắng người, trừ ra lũ thị-tỳ cung-nữ, lỏn quanh chỉ thêm con vật quý của vua cha, công-chúa đâu ngờ bỗng không sinh chuyện.

Hoàn cảnh tạo tư nhân, con vật có công kia hẳn cũng vì hoàn-cảnh sinh tình, vả cái tình kín-đáo đêhèn ai mà biết được, huống chi công-chúa nào được từng trải như ai.

Ngày tháng thoi đưa, sự lỡ-làng vỡ-lở, vua cha biết chuyện nổi trận lôi-đình, nhưng sự đã rồi, còn biết làm sao được.

Phụ tử tình thâm, lòng vua nào nỡ gia hình công-chúa, nhưng quốc-pháp vô thân, lỡ ra ở chốn cung vi mai sau sinh nở ra một con vật, thì chả là một điềm quái-gở sao. Đắn-đo nghĩ-ngợi, sau nhà vua đành đem đầy công-chúa ở trên núi Cối-Kê (thuộc Giang Nam), còn con vật tinh-đời kia cũng trốn mà tìm đi theo công-chúa. Thương con lòng nặng. Hoàng-hậu khôn đành, nhưng ngoài sự cung-cấp, cùng gián-tiếp thăm nom, thì cũng không còn cách nào có thể gần công-chúa nữa.

Đến như công-chúa, sơ ý biết gì, cũng đành phận rủi, còn hay tội lỗi ở đâu ra. Bốn mùa thay đổi qua năm, lặng-lẽ ngày xanh lần lữa, rồi mà nhà-vua được tin công-chúa có tất cả năm, sáu con giai, con gái. Con gái thì theo y phục mẹ, xiêm áo dịu-dàng, con giai thì ăn vận theo lối thổ dân đều gọn-ghẽ cả. Vua cho theo sáu họ : Đặng, Triệu, Chu, Dương, Hầu, Mã mà đặt tên thêm cho sáu người con, rồi cử khai khẩn miền núi cao sinh nhai nẩy nở thành một giống người Mèo.

Người hóa hổ — Giống người Mèo thọ lắm, lại ở trong cái hoàn cảnh nguy-hiểm, thú dữ quanh mình, cho nên tính chất có điều hung-bạo. Tính hung-bạo ấy lâu thành thói quen, nếu sống nhiều năm thì dần-dần không chịu nổi những sự cư-xử êm-ái của loài người, mà có phen hóa ra cọp nữa. Riêng về chi họ Mã, cứ cách vài đời, lại có người già hóa cọp. Người ấy sống hơn trăm tuổi, thì mình mẩy mọc lông dài, tính thích ăn thịt sống, thường vồ bắt gà, lợn xé thịt mà ăn, ít nói mà hay hầm-hè, người nhà biết không thể giữ được nữa, phải giết lợn, gà, lấy thịt sống cho ăn, rồi tiễn chân vào nơi rừng rậm thì từ đấy trở đi không về nữa.

Mấy phen phấn - đấu. — Ở đỉnh núi cao, người Mèo làm-lụng cũng chăm-chỉ lắm, nhưng đá nhiều đất ít, may mới đủ ăn, lại còn y-phục, thuế sưu, cho nên những dụng-cụ sơ-sài là lẽ cố - nhiên như thế. Vả lại núi này mầu hết, gai, bắp khó trồng, thì lại dọn nhà sang núi khác, kéo nhau cả họ cùng đi, nhà nào ở lại thì không nhận họ-hàng với nữa, muốn xuống gần chân núi một ít, thì bị ngăn cản bởi người Mán, người Nùng muốn xuống hẳn thung-lũng tiện chỗ nước nôi, thì không sao hớt nổi chân người Nùng, người Thổ. Vì thế đã nhiều phen người Mèo bạo-động đem nhau xuống núi giết tràn, có phen đã làm bận cả binh-gia Chính-phủ, mà chủ ý của họ chỉ là muốn xuống nơi thung-lũng vì dễ sinh kế mà thôi.

Tuy vậy, cũng có nhiều nơi, người Mèo đông-đúc, thịnh-vượng lạ-lùng, (Mèo-vạc, Lùng - phìn, Sà-phìn) đó tức là những núi phù-dung sản-xuất ra giống cơm-đen cho các quan-viên làng bẹp ta vậy, Nhân tiện xin giới thiệu cùng độc-giả cây phù-dung của người Mèo reo cấy ở vùng này. Y như cây rau riếp, lá xù-xì nhưng rộng, dài hơn. Lúc còn non cũng có thể nấu canh ăn được. Không khác trồng ngô, cũng

phải cày bừa vun xới, phân bón bẩn hoi. Cây lớn lên rồi nẩy ra một cái cuống thật giống cuống hoa sen, cao từ tám chín tấc đến thước rưỡi ta, tùy cây xấu, tốt. Trên đầu cuống có cái bầu tròn trên có cánh hoa giống như hoa ổi, nhưng tràng hoa lại hệt hoa hồng, mà mỗi hoa có một màu riêng : đỏ, vàng, tím, trắng, đi qua một đồi trồng thuốc phiện, trông đẹp vô cùng. Hoa tàn quả lớn, không cây nào có hoa đực để phải nhổ đi. Hình thù cái quả giống hẳn quả găng, ở trong có màng dọc ngăn hạt y như quả vừng, mà hạt thì tròn nhỏ hơn hạt cải, rang ăn bùi như vừng.

Lấy thuốc phiện thì đã có thứ dao riêng họ tự làm lấy, hoặc bằng sắt tây uốn tròn lại, hoặc bằng sắt họ đánh, rồi mỗi quả họ rạch một nhát rồi khía ra nhiều nơi theo dọc quả để cách đêm cho nhựa chảy ra, sáng hôm sau đem bát đi gạt lấy nhựa tức là thuốc phiện, nhưng còn phải nấu lọc mới tiêm hút được. Cứ về tháng ba tháng tư là mùa lấy nhựa, lỡ ra nhà nào chiều đi rạch quả, mà đêm có trận mưa to, thì thuốc trôi đi hết, tức là mất mùa riêng vậy. Thuốc ấy một phần nộp cho Bang Mèo để bán với nhà Đoan, còn thì giấu đi, để bán cho những bọn ta, Tàu làm nghề buôn lậu. Khắp nơi họ ở, mỗi ngày phiên chợ, họ đem thuốc phiện bày bán như dưới chợ nhà quê ta bán bánh đúc bánh đa, mỗi lạng giá có bốn năm hào lúc đắt, mà lúc rẻ chỉ có hào tám hai hào. Mười lạng thuốc nhựa thì gọi là nén, một trăm lạng lại gọi là một cân, thế thì một cân tức là mười nén. Họ bán thuốc được rất lắm tiền, mà nghề buôn lậu cũng rất lợi. Những nơi có mỏ, bọn thợ nghiện nhiều (trước hết thì hút để chống nước độc ! sau quen không bỏ nổi), nên bọn khách-thương dựng thành công-ty buôn lậu, họ có đủ cả khí giới, mỗi chuyến đi hàng mấy chục người, lúc gặp cướp, nhiều phen sẩy ra những trận lưu-huyết, mà lỡ có bị bắt, họ cũng thừa tiền nộp phạt chuộc tù. Đến như người Bang Mèo ở những nơi sản ra thuốc ấy thì sung-sướng lạ lùng : cửa nhà chẳng kém gì cung-điện, đồ bày biện cũng đủ ngọc, vàng, phục-sức lại cực sang, tây, tầu mọi kiểu, mấy thứ tiếng, cả chữ tây, nho đều hiểu, là vì môn-khách sẵn trong nhà ; vợ nàng hầu cũng xuyến, nhẫn, hột, hoa, sau tiền bạc thì còn gì thiếu . . . Trong nhà mỗi người chia nhau trông coi mỗi việc, thật có quy-củ văn-minh, đủ biết giống người Mèo cũng tiến bộ lắm.

(*con nữa*)

Y-HỌC

MỘT VỊ THUỐC HAY GIẢN TIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT ĐẾN

Chanh quả (citron)

Ta thường bảo chanh quả độc. Trái lại, chanh quả không những không độc lại còn có ích lợi cho người dùng nó. Hôm nay ký-giả vui lòng hiến các bạn độc-giả một vị thuốc thần hiệu và giản tiện mong các bạn dùng thử và kinh nghiệm.

***

Nước chanh quả (acide citrique) có tính chất làm loãng và đánh tan được nước « acide urique » và chất « Urotes » chứa trong nước tiểu lưu hành khắp trong thân thể người ta. Nước chanh quả làm cho thứ ăn dễ tiêu hóa, thân thể được nhẹ nhàng và mát mẻ.

. . .

Dùng chanh quả để chữa bệnh cốt khí (goutte) và bệnh thấp (rhumatisme)

Cách chữa :

Lấy hạng chanh to, vỏ mỏng, để cả quả không bóc vỏ, rửa sạch, bỏ vào bàn ép bằng thủy tinh, ép lấy nước uống. Sợ nước chanh làm hư răng thì dùng 1 cái ống nhỏ bằng thủy tinh hay rơm mà hút uống luôn trong 18 hôm, vào lúc sáng sớm chưa ăn uống gì. Muốn cho chóng khỏi thì nên theo cái bảng kê dưới này mà uống. Nếu bệnh-nhân ăn được chua hay không ăn được chua, thì tùy sức gia giảm, nhưng cốt phải theo thứ-tự từng ngày mà ăn, mới chóng hiệu-nghiệm.

Ngày thứ nhất. . . 1 quả	Ngày thứ 10. . . 25 quả
Ngày thứ hai. . . . 2 —	Ngày thứ 11. . . 20 —
Ngày thứ ba. . . . 4 —	Ngày thứ 12. . . 15 —
Ngày thứ tư. . . . 6 —	Ngày thứ 13. . . 10 —
Ngày thứ năm. . . 8 —	Ngày thứ 14. . . 8 —
Ngày thứ sáu. . . . 11 —	Ngày thứ 15. . . 6 —
Ngày thứ bảy . . . 15 —	Ngày thứ 16. . . 4 —
Ngày thứ tám. . . . 20 —	Ngày thứ 17. . . 2 —
Ngày thứ chín. . . 25 —	Ngày thứ 18. . . 1 —

Theo cách trên này, không những chữa khỏi bệnh cốt-khí và thấp mà thôi ; mà lại còn trừ được mầm nọc các bệnh ngoài da, như : *hắc lào, đinh mụn, dôm, lang ben*, v.v...

Dùng chanh quả để chữa bệnh sổ mũi (coryza) và đau hầu (maux de gorge)

Cách chữa :

Lấy chanh quả ép như trên đã nói, lấy nước chanh quả đổ vào lòng bàn tay, để vào mũi, hít mạnh lên mươi lượt, trong khoảng hai giờ đồng hồ thì khỏi.

Đau hầu thì lấy nước chanh ngậm vào mồm như ngậm nước súc miệng, vài lần thì khỏi.

Phương thuốc bằng chanh quả này, bên Âu-châu đã hiệu-nghiệm, nhiều người đã dùng và rất công hiệu. Không cứ người ốm mới dùng chanh quả, người khỏe cũng nên ăn, nhất là chỉ ép lấy nước uống thì tốt lắm. Trong nước chanh có chất mát, về mùa hạ nên dùng và bữa ăn thường nên lấy nó thay dấm thì hơn.

Nhời dặn : nước chanh quả không nên đựng vào thứ dùng bằng *kim-khí*. Vì nước chanh ăn vào sắt, đồng, kẽm, thiếc vân... vân... sẽ thành ra chất độc, có thể chết người được. Nên dùng *cốc thủy-tinh* đựng nước chanh, không có thì *vỏ chai, vỏ sò* thì hơn.

Trẻ con mới đẻ độ vài ba ngày, cũng nên giỏ vào mắt chúng nó mấy giọt nước chanh quả để phòng bệnh đau mắt sau này.

Nguyễn-ngọc-Lâm

VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Moncay le 10 Juin 1932

Monsieur Tản-đà

Ba bài thơ «*ngày xuân tương-tư*» của ngài đăng ở số báo *30* và *37*, trước tôi có họa theo vần xuôi, vần ngược 2 bài, và lạm bình qua những ý tưởng sai lạc trong ba bài ấy. Cứ những nhời tôi lạm bình trước, tưởng cũng đủ rồi; nhưng ngài đã không nề hạ-vấn, mà muốn giảng-giải cho minh bạch, vậy xin theo ý ngài, kết-cấu một phen bút-chiến nữa sau này; có điều gì bất-hủy, xin ngài lượng cho, vì đó là văn-hành công khí.

Những nhời đàm phán:

1 — Bài nguyên-vận. — Câu 1, 2 «*Trách cái tằm xuân nhả mối tơ, làm cho bối-rối mối tương-tư.*» Câu trên được; câu dưới 2 chữ «*làm cho*» tiếp với 5 chữ «*bối-rối mối tương-tư*», nghe còn tối nghĩa; vả lại một câu có 7 chữ, mà dùng 3 chữ «*bối rối mối*» liền nhau một tiếng, tuy không hại gì, nhưng nghe hơi rối, tưởng nên đổi là: «*để mình vương-vít mối tương-tư*», có nhẽ rõ nghĩa và dễ nghe hơn.

Câu 3, 4, «*Sương mù mặt đất người theo mộng, nhạn lẳng chân giời kẻ đợi thư*». Câu ấy mới thoạt nghe thì hay lắm, đài-các, trác luyện, hùng-kính, tao-nhã đủ vẻ; nhưng nghĩ cho kỹ, thì lậu mất chữ «*xuân*» ở đầu đề, mà chữ «*sương*» lại là cảnh thu, chứ không phải cảnh xuân. Giá chữa lại cho hợp cảnh thì phải, nhưng một câu thơ hay như thế, ít khi nghĩ được, chữa đi thì hoài; xin để dành về mùa thu, hoặc Tác-giả còn có tương-tư nữa chăng.

Nói cho đúng, bài nguyên-tác này, có nhẽ Tác-giả ngẫu-nhiên được câu thứ 3 và 4, lại nhân ngày xuân, đặt ra đầu đề mà làm cho đủ luật.

2 — Bài họa theo vần xuôi. — Câu 1, 2. «*Trách quần con tằm với sợi tơ; nhớ ai? mà lắm nỗi sầu tư!*» Ý tưởng cũng hệt như 2 câu đầu bài nguyên-tác, không cần diễn giải thêm nữa.

Câu 3, 4, «*Muốn đi tửu-quán chừng không bạn; ngó lại văn-đàn cóc có thơ*». Câu trên, chữ «*chừng*» không được, vì cái người mà mình đã phải tương-tư, thì có ở đâu bên mình nữa, thế là không có hẳn, chứ còn phải ức-đạc gì, mà dùng chữ *chừng*? Tưởng nên đổi làm chữ «*hiềm*». Còn câu dưới, chữ «*cóc*» càng không được lắm, vừa không nhã, vừa có ý gắt, so với câu vịnh Tiên-trà của cụ Yên-Đỗ: «*Cóc thấy mùi hương một chút khà*», khác nhau xa lắm. Vẫn biết tác-giả khổ tâm về chữ ấy thực, nhưng nhà làm thơ quốc-văn, nên kiêng những chữ nôm quá; những tiếng nói sã như thế, dùng vào bài đáng nói sã thì được, chứ dùng vào bài này thì không thể được, tưởng nên đổi làm chữ «*chả*» *thấy thơ*, còn dễ nghe hơn.

Câu 5, 6, «*Tóc bạc đã nên ông Cụ thế; đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa*» Hai câu này đối với hai câu 5, 6 ở bài nguyên-vận, không khác gì mấy; mà chữ «*đầu xanh*» thì chưa sướng, xin đổi làm chữ «*mắt xanh*». Còn chữ «*thế*» ở câu trên, không biết Tác-giả nói ai? Nói mình chăng? Không phải thế. Nói người mà mình nhớ chăng? Không cần câu dưới. Chắc là dùng ép.

Câu 7, 8, «*Thuyền nan sông cái con tàu bể; bờ bến nào đâu, đã đến chưa?* Đương nói tương-tư, mà sao đột-nhiên quay ra cái tư-tưởng ấy? Hỏi mình chăng? Không phải chỗ hỏi. Hỏi người mình nhớ chăng? Huếnh lắm, không hồi-cố đến đầu bài; giá dùng vào bài tự-thuật nào mới phải.

3. — Bài họa theo vần ngược. Câu 1, 2, «*Hỡi giống đa tình đã biết chưa? tơ tằm vương mãi tự ngày xưa*». Chữ «*tằm*» này vô tình lắm không mật-thiết, giá dùng chữ «*lòng*» thì phải; nhưng có nhẽ Tác-giả để dành chữ *lòng* xuống câu thứ 5, «*lòng son*».

Câu 3, 4 «*Gió mưa bốn bể hồn theo bạn, vàng ngọc trăm năm tái nặng thơ*». Câu trên hay, câu dưới tự-phụ không phải thế.

Câu 5, 6, «*Lửa đốt lòng son câu thế-sự; gương soi tóc trắng nỗi sầu-tư*». Câu trên hay, có vẻ bi-tráng, câu dưới kể cũng không tội gì, nhưng hai chữ «*sầu-tư*» I non một chút, không được thông thường dễ hiểu như chữ «*thế-sự*».

Câu 7, 8 «*Thuyền nan sóng đánh, tầu than hết*», *đương cột giây buồm một sợi tơ*». Câu ấy tự-nhậm càng không phải thế, không ăn thua gì với đầu bài; đã hay rằng sĩ-phu ở đời, ai cũng phải có bão phụ, nhà làm báo là nhà thanh-nghị, muốn duy-trì phong-giáo một thì, phải có chí cao-thượng như *Nghiêm-tử Lăng*, mới có thể *một tơ phù chín đỉnh* được; nhưng riêng về câu này, để cho người đuyệt báo kỳ-vọng thì hơn, chứ tự mình nói ra miệng, lại nói ngay

vào chỗ không đáng nói, sợ không đắc thể, ngộ nói mà không làm được, thì đối với mình cũng không thỏa, huống chi đối với xã-hội, với quốc-dân.

Nói tóm lại, 3 bài thơ này, vừa lậu dẫn đề, vừa sai lạc, vừa trùng phức, cảnh ngày xuân mà toàn bài không nói đến xuân, sự tương-tư mà bắt vần làm sự tư-tưởng, bài diễn làm 3, ý thì có một, tức như:

Bài nguyên-tác nói: *Trách cái tằm xuân nhả mối tơ;*

Bài thứ hai lại nói: *Trách quần con tằm với sợi tơ;*

Bài nguyên-tác nói: *Trăm năm còn nhớ truyện ngày xưa;*

Bài thứ hai lại nói: *Đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa;*

Bài thứ hai nói: *Tóc bạc đã nên ông cụ thế;*

Bài thứ ba lại nói: *Gương soi tóc trắng nỗi sầu-tư;*

Bài thứ hai nói: *Thuyền nan sống cái, con tầu bể;*

Bài thứ ba lại nói: *Thuyền nan sống đánh, tầu than hết;*

Đọc lên thì những 3 bài, mà nghe ra lủng-củng như có một. Tục-ngữ có câu « *ông Nỉnh, ông Nỉnh, ông ra đầu đình lại gặp ông Lang: ông Lảng ông Lang, ông ra đầu làng, lại gặp ông Nỉnh* », đáng nên lấy làm định-bình vậy. Tưởng cả ba bài này, góp lại làm một bài; có nhẽ gọn hơn. NAM-ĐÁN

Lời đáp lại ông Nam-Đán đây như sao, xin sẽ coi ở kỳ tới.

Tản-Đà

THƠ

Đất khách

(Họa vần của một người bạn)

Tỉnh giấc hương quan luống thẩn thơ,
Lạ tình lạ cảnh những bơ-ngơ.
Nước non quanh-quất tình e-lệ.
Hoa cỏ lưa-thưa dạ sững-sờ.
Cất bút đã buồn thơ nhẩm-nhí,
Hở môi thêm ngán truyện tầm-phơ.
Chân trời xa ngắm ngàn mây trắng,
Bối-rối lòng ai chín khúc tơ.

Đề bức tranh sơn thủy

Mặt nước sóng ngâm câu cầm tứ;
Đầu non trăng họa nét đan thanh.

Kiên-phong

CÂU ĐỐI

Cụ Phan viếng Thủ-tướng Nhật Khuyển-dưỡng

Cụ Phan-sào-Nam ta 20 năm trước vốn là bạn tri thân với Nhật-tướng Khuyển-dưỡng-Nghị. Ngày nay Khuyển-dưỡng tiên-sinh chẳng may bị hại, cụ Phan có câu đối rằng:

七旬治政治生涯，無限雄心，
方將於東亞西歐間，一聲叱咤；
萬里外浮遊羈客，有誰知己，
乃了料宮山檔海際，四面蒼茫；

«*Thất tuần dư chính-trị sinh-nhai, vô-hạn hùng-tâm, phương tương ư Đông-Á Tây-Âu gian, nhất thanh sất-sá;*

«*Vạn-lý ngoại bô đào kỵ khách, hữu thùy tri-kỷ, nãi bất liệu Phủ-sơn, Hoành-hải tế, tứ cố thương mang.*

«Đời chính-trị trên bảy mươi năm, một khối hùng-tâm, Đông-Á Tây-Âu lừng-lẫy sấm;

«Thân bô-bá ngoài muôn vạn dặm, mấy ai tri-kỷ, biển Hoành non Phú mịt-mù tăm.

Cuộc chợ phiên

Nên tán-thành cuộc Chợ-phiên tại hội Khai-Trí Tiến-Đức ngày mồng 3 tháng bẩy tây này, để lấy tiền giúp dân bị bão ở phía nam Trung-kỳ.

Nghe mấy tỉnh anh em bị bão,
Lệ hai hàng áo-não tâm thay!
Trời xanh độc địa chua cay,
Mưa sa đổ nước, gió bay tung trời.
Nhà ã mất, thuyền trôi, người chết,
Kẻ nào còn, tiền hết gạo không.
Bơ-vơ trên bãi cánh đồng,
Tiếng kêu tiếng khóc cầm lòng sao đang.
Tinh thảm ấy đã vang các tỉnh,
Hội Ái-quyên chấn chỉnh mọi nơi.
Hà-thành Nam-Việt ta ơi!
Mau mau cứu giúp lấy người đồng-bang.
Nào những kẻ hoang mang chơi phiếm,
Nào những người tửu-điếm ca-trường,
Nào là các giới công-thương,
Các nhà từ-thiện vẫn thương giống nòi?
Nên hợp-nghĩa cùng soi gương sáng,
Cuộc chợ-phiên sang tháng gần đây,
Nữ-công hóa-vật sẵn bầy,
Trò vui cảnh lạ những tay biệt tài.
Cuộc hội-họp mở nơi Khai-Trí,
Dùng tiền quyên bác-thí nạn dân,
Gọi là như rết nhiều chân,
Cứu-mang lúc đói đỡ-đần lúc nguy.
Nhời trần-cáo lâm-ly thống-thiết,
Giòng giống ta thương tiếc nhau cùng.
Ai ơi! nghĩ đến việc chung!

Nguyễn Phá-Thành

Bài ca « Thành Diễn-châu »

Thành Diễn-châu (1) xây ven bờ bể,
Mười mẫu vuông địa-thế bao la.
Năm Minh-Mạng thứ mười ba,
Đào hào đắp lũy lập ra thành nầy.
Đá sò (2) trắng vuông xây bốn mặt,
Tám thước cao trong đất ngoài thành
Đất sâu hao rộng bao quanh,
Long-lanh khuất-khúc như in (1) mot mà
Nam, Đông, Tây rộng cao ba cửa,
Có ba cầu uốn giữa vòng ra.
Xa trông một dám nguy nga,
Hướng nam cửa trước có nhà lầu canh
Trong thành nội thự-dinh dài các,
Có phủ-nha, có Pháp-Việt trường,
Nhà hộ-sản với nhà thương,
Nuôi tằm có sở, nữ-trương có nơi.
Có đường lối trong ngoài qua lại,
Có cỏ cây từ dãy non xanh.
Lấp-lò ngọn lá đầu cành,
Mái nhà đỏ ngói, bức thành trắng vôi
Lúc đăng thành vui chơi ngắm cảnh,
Trắng phao phao một cảnh long đôi. 3)
Nhuộm màu cây cỏ xanh tươi,
Sông Bùng (4) khuất-khúc trong sọi gương giời
Phóng tầm mắt qua nơi Đông-hải,
Tít xa xa một giải mênh-mông.
Xa trông mấy lớp trập trùng,
Lấp-lò mấy lá buồm dong giữa vời.
Sực tai nghe tiếng còi inh-ỏi,
Liếc mắt lên nhà ngói một tòa,
La-ga (5) chính sở hỏa-xa,
Tầu đi về lối, khách qua lại đường.
Trước cửa thành-phố phường buôn bán
Giữa dòng sông (6) bè bản ngược xuôi.
Xung-quanh một nước một giời.
Thảnh-thơi trăng gió thú vui hàng ngày.
Khen trẻ tạo vẽ bày lắm cảnh,
Cảnh này xinh càng chạnh lòng người.
Phong-quang cảnh vẫn cảnh giời.
Cỏ hoa sắc vẫn tươi chời như xưa.

. . . . . .

Lê-văn-Bích

(*Vũ-đình-Hình cung lục*)

(1) Tước là thành Phủ Diễn-châu, thuộc tỉnh Nghệ-an, xứ Trung-kỳ. (2) Ở Phủ diễn có thứ đá gọi là « *đá sò* ». Gọi như thế là vì những vỏ sò, hến đông lại mà thành. Còn có tên gọi là « *đá Phủ-diễn* » dùng xây nhà tốt lắm. (3) Thuộc Phủ-diễn có giải đất dài chạy thẳng từ chân núi Mộ-dạ (đền thờ vua An-dương-Vương) đến Phủ-lỵ, dài 8 cây số. Giải đất ấy chỉ rặt những vỏ sò, gọi là (*đất sò*). Người ta đào lấy *đá sò* ở đấy. Giải đất ấy gọi là *Bạch-long* đôi (*Dragon blanc*). (4) Tục danh sông Bằng-giang chảy ở Phủ-diễn (5) Tức là nhà gare « Phủ-diễn » trên con đường xe lửa Hanoi — Vinh. (6) tức là sông Bùng (Bằng-giang.)

THỜI ĐÀM

Chín cái hi-vọng của thầy Lê-Tấn-Tiếp và một cái hi-vọng của làng báo.

Thầy Lê-Tấn-Tiếp người trong Nam theo gánh hát Phước-Cương ra Bắc. Mới đây thầy Tiếp tự-tử, nhưng may có người biết cứu được, thầy chưa chết. Nhân việc này, một tờ báo đăng bức thư tuyệt-mệnh của thầy, rồi một báo khác thấy thế cũng lồng lộn lên đến phỏng-vấn thầy trong nhà thương. Có ngài lại quá yêu cố hỏi dò cho được ngày sinh, tháng đẻ của thầy Tiếp, phương-hướng mồ mả của nhà thầy, để giở Niên-lịch thông-thư xem ngày sinh tháng đẻ của thầy có « tốt », xem mồ mả nhà thầy có được « hướng » không?

Bức thư tuyệt-mệnh của thầy Tiếp có nói rõ sao thầy tự-tử: thầy có chín cái hi-vọng: du-học ngoại-quốc, kiếm người tri-kỷ, làm giàu phương xa, đi tu... vân vân..., thì chín điều hi-vọng của thầy đều theo hoàn-cảnh mà ra tro cả. Thầy Tiếp thất-vọng.

Song thầy Tiếp không biết ngày nay còn bao nhiêu người khác cũng thất-vọng như thầy. Ông chủ thiếu tiền công cho thợ, đến tháng hậm-hực đi tự-tử. Anh học-trò hỏng thi muốn nhảy quách xuống hồ. Thầy ký thất-nghiệp cũng dấm thanh thuốc phiện. Còn khủng-hoảng, còn nhiều anh muốn tự-tử.

Rồi thì trong làng báo cũng còn lắm ông thất-vọng. Báo ra hàng ngày, lương chủ-bút được ba mươi « của », mà tháng có tháng lại không. Ông nhà in đưa giấy đòi tiền, khất lần chẳng được. Còn một cái hi-vọng bán văn thì văn vẫn bán được mà tiền vẫn chẳng được.

Thầy Tiếp có chín cái hi-vọng mà hành ra có chín sự thất-vọng. Thầy Tiếp tự-tử.

Làng báo có một điều hi-vọng: trông mong vào các bạn độc-giả. Các bạn độc-giả lại chẳng nuôi « *nó* », giúp « *nó* ». Làng báo thất-vọng.

Thầy Tiếp thất-vọng thì thầy Tiếp muốn chết. Làng báo thất-vọng thì làng báo tự-nhiên cũng phải chết. Thầy Tiếp chết có người biết mà cứu, làng báo chết nào biết ai cứu cho *nó*? Thầy Tiếp hãy còn sung-sướng chán.

Lý Đình-Dũ

TIN VẮN

NƯỚC-NHÀ

— Có tin quan chánh-án Collet sẽ làm cố-vấn tư-pháp cho đức-Bảo-Đại . . . . . .

— Đức Bảo-Đại hồi-loan sẽ ngự tại điện Kiến-trung.

— Ông Nguyễn-phan-Long và ông Bùi quang-Chiêu không đi dự Thượng-hội-nghị thuộc-địa bên Pháp. Theo lời ông Long thì ông Dương-văn-Giáo sẽ đi dự.

— Ông bà Nguyễn-đức-Nhuận (Phụ-nữ tân-văn) phải bồi-thường 1000 đồng bạc thiệt-hại cho ông y-sĩ Ngô-văn-Hiếu.

— Hội trạng-sư Bắc-kỳ kiện một quan Thanh-tra thuộc-địa tại Pháp, đòi 300.000 quan bồi-thường.

— Đào-tiến-Tuồng, phải kết án 5 năm về vụ bội kín (5 Août 1930), đã tạ-thế tại nhà thương Phủ-Doãn Hanoi.

— M. Arnoux, chánh-mật-thám, vừa ngã ô-tô gẫy tay ở Huế.

— Sứ Ai-lao vừa được quan Tổng-trưởng thuộc-địa chánh-thức truy-nhận quyền bảo-hộ lại sứ đó.

. . . . . .

PHÁP

— Ông Ghurbrandt tuyên bố: muốn cứu-vãn cái tình-hình kinh-tế ở thuộc-địa hiện-thời thì nên mở rộng cái quyền mua bán của nông-dân. Phòng Thương-mại thuộc-địa và ngoại-quốc lại thỉnh-cầu: nên đặt một cái chương-trình tiết-kiệm để còn mòng khuếch-trương việc xuất-cảng.

— Dị-hài ông Briand sẽ đem tàng tại Cocherel ngày 3 Juillet.

— Hung-thủ Gorguloff xin chống án vì vợ hắn mới có mang 5 tháng. Có lẽ đến tháng Août hay octobre, cái án Gorguloff mới đem ra trước tòa án Đại-hình.

— Ông Poincaré tuyên-bố ông không hề xin từ chức Nguyên-lão nghị-viên.

— Vào vòng thứ nhì giải quán-quân Wimbledon, Cochet bị Collins (Anh) hại trong bốn sets 6/2, 8/6, 0/6, 6/3.

ĐỨC

— Hitler tuyên-bố: việc cần-thiết nhất là việc « lắc cái cầu nối đảng xã-hội vào đảng quốc-gia xã-hội ». Hitler lại định họp các đảng phái do dân quê và thợ-thuyền họp nên để lập thành một đảng lớn.

— Tình-hình tài-chánh làm náo lòng dân-chúng. Họ cực-lực phản-đối cái chánh-sách tiết-kiệm của Hindenburg.

— Hitler sửa sang lại quân-đội, đặt thêm một đạo quân. Strasser sẽ coi hết binh-quyền và nội-tình của đảng quốc-gia xã-hội.

TRUNG-HOA

— Tại Mãn-châu, Nhật muốn đặt một chức Tổng-đốc để việc hành-chính được thống-nhất. Chính-sách cai-trị tại đất Mãn sẽ hoàn-toàn giống như cái chính-sách . . . . Triều-tiên. Phổ-nghi rồi đây được đóng vai ông vua « bù-nhìn » cũng như nữ-vương Cao-ly.

— Uông-tinh-Vệ cực-lực phản-đối công-việc Nhật tại Mãn-châu. Chính-phủ Nam-kinh cho rằng: Nhật đã trái khoản-định của hội Vạn-quốc.

— Hội Vạn-quốc tại Genève sẽ họp để bàn có nên để thêm hạn (sáu tháng) cho ủy-ban điều-tra được tự-tiện tiến-hành công-sự tại Mãn-châu.

— Nhật thực-lực phản-kháng việc Cố-duy-Quân theo ban điều-tra lên Mãn-châu, và nhất-định không cho phép Cố theo ủy-ban hội Quốc-liên sang Đông-kinh.

XÃ-HỘI BA-ĐÀO KÝ

ĐỜI VĂN-SĨ

... Nhà Văn-sĩ ngồi cái lom khom ở trước cái bàn gỗ mộc, mà từ trên mặt bàn xuống đến chân mọt gặm be bét; trước mặt một ngọn đèn dầu ánh sáng hung-đỏ; góc bàn đống sách nát quyển nào cũng sộc sệch và đã mất bìa. Văn-sĩ ngồi im lặng không động đậy, một tay bóp chán một tay cầm cái quản bút đặt trên tập giấy trắng; con mắt là đà dấp-dím, nhìn vào ngọn đèn khi mờ khi tỏ...

Đương lúc ấy, bên ngoài có tiếng người gọi:

— Mở cửa!...

Văn-sĩ rời quản bút xuống bàn, đứng dậy khẽ nâng cái then mục, rồi đẩy cánh cửa ra ngoài.

Một bà lão già, vẻ mặt đanh ác, hai tay bưng ấm nước sứt vòi đi vào đặt xuống bàn, rồi nói buông thõng:

— Hết chè tươi rồi, đây chỉ còn nước vối nguội thôi. Tất cả trước sau là ba hào tám nửa xu.

Văn-sĩ soa tay, đáp lại một cách ôn hòa:

— Vâng ạ, cám ơn cụ, bao nhiêu cũng được. Cụ cứ nhớ cho con.

Bà cụ cau hẳn nét mặt lại:

— Thế nào ?... cậu lại...

Văn-sĩ toát mồ hôi:

— Vâng, mai con xin giả cụ thật...

Bà cụ bĩu môi, hai tay chắp vào hông:

— Lại mai, sao mà lắm mai thế!!...

Sau cái nguýt khinh bỉ, bà cụ ngoắt đi ra, hất mạnh cánh cửa vào đánh sầm một tiếng...

Cùng lúc ấy, trong căn phòng thấp bé của nhà văn-sĩ vẫn yên lặng như không; ngoài tiếng ngòi bút gãi trên tập giấy, chỉ có những giọt mưa tóc-tách ngoài hiên, làm mất cả cái vẻ êm đềm tiện-mích. Rồi... tiếng gió lọt qua chỗ vách thủng, những mảnh giấy nhật trình cũ giấy cồm-cộp mà văn-sĩ đã quét hồ bồi-dán để che chỗ chói nắng lúc ban ngày và tránh những giọt mưa hắt vào chỗ giường ngủ, thì lúc ấy cũng bị thủng rách bay lả tả.

Ngọn đèn yếu ớt, bị gió thổi tắt mấy lần, văn-sĩ vội vàng kéo cái chăn khố-tải phủ lên trên trồng sách cho khỏi ướt. Mái nhà cũng rột tứ tung, đứng chỗ nào cũng thấy nước mưa rớt vào mình.

Nhà văn-sĩ thu hình, ngồi củ dủ ở góc giường như con ma đói; bấy giờ mới chính là lúc cảm hứng ngâm nga, những bài thơ rất não nùng ai oán...

Nửa giờ sau, gió mưa đã ngớt, văn-sĩ đẩy cánh cửa sổ nhìn ra đường đã thấy người đi kẻ lại. Cái nhà hai tầng sế cửa, bốn cánh mở toang, ánh đèn sáng rực; chung quanh bờ tường cũng một mầu xanh phơn phớt; lại thêm bóng quạt trần quay tít, trông rõ hai cánh đuổi nhau. Rồi đã thấy tiếng kèn máy hát, những bài tây, bài tầu, những bài «Cải-lương» Sai-gon thánh thót du dương...

. . . . . .

Nhà văn-sĩ quay vào lau bàn ghế cho khô, xếp lại đống sách nát đâu đấy rồi mặc quần áo ra đi.

* * *

— Thưa ngài đấy là cuốn chuyện «Tàng-hình», tôi đã viết xong ba hôm nay rồi, tôi định đưa đến cho ngài từ hôm qua, nhưng vì có chút việc bận nên hôm nay mới lại được, ngài tha lỗi cho. Và nhân tiện thưa cùng ngài giúp cho ít nhiều để chi dụng...

— Vâng, tôi bao giờ cũng rất vui lòng cấp đỡ ngài, tôi lại còn mến phục cái tài viết văn của ngài lắm! Từ ngày cuốn sách «Sống về tinh-thần» và quyển «Chết vì vật-chất» của ngài ra đời thì xem ra quốc dân hoan nghênh lắm! Có lẽ từ nay giở đi người ta mới biết đến ngài, người ta mới để ý đến cái tên của ngài. Nếu mà sách xuất bản chạy, bản quán chúng tôi đây có lời, thì chắc chả khi nào dám để ngài thiệt...

— Cám ơn ngài quá yêu mà tặng cho những nhời khen quá đáng, miễn là ngài cưu đỡ cho trong lúc thiếu thốn là vạn hạnh rồi; còn đối với lòng vàng ngọc của ngài, tôi rất vui vẻ trước sau không có ân hận gì cả.

Nhà văn-sĩ mỉm cười hớn hở, hai tay xoay cái mũ quay mấy mươi vòng, hình như cõi lòng của chàng đã được người đời xét thấu và tự lấy làm hả hê cho số-phận mình lắm!

Ông chủ nhà in ngồi bệ vệ trong bàn giấy, ông nói cười vui vẻ và tỏ ra ý mến phục nhà văn sĩ vô cùng; cái « bót » kệu gật gù trên cặp môi, thỉnh thoảng ông lại vuốt bộ râu mép, hoặc bấm chuông gọi người planton để pha nước uống và làm ra kiểu ta đây bận rộn suốt ngày.

* * *

Chín giờ tối, nhà văn-sĩ mới lang thang về đến nhà; cái mũ giạ sám nặng chình chịch vì đã đựng những giọt mưa bay từ lúc ra đi; áo quần cũng bị ướt-át hết cả. Nhà văn-sĩ vào bàn ngồi, vặn ngọn đèn cho sáng thêm lên ít nữa, rồi móc túi lấy cái phong bì để hở mà ông chủ nhà in đã tặng lúc ra về.

— Năm đồng...

Nhà văn-sĩ lẩm bẩm, mười đầu ngón tay run rẩy như có ý mừng...

Văn-chương bạc-bẽo thực, nhưng cái số năm đồng một tuần lễ, cũng đủ chi dụng, chả đến nỗi thiếu thốn; ấy là cái công của người đời bù giả cho mình.

Khi canh vắng ngọn đèn tàn, ngòi bút đã thu hết cả tâm trí tài năng, nát gan choáng óc đổi cho người, để cầu lấy sự sống ở tinh thần; sống một cách êm đềm thanh nhã thì dù sự sinh-hoạt có khó khăn chật hẹp chăng nữa, cũng vui lòng với số phận, không có ăn năn hay hối hận gì...

Mười phút sau, bà chủ nhà đã lần đến, bà nhớ lắm, nhớ như in vào óc món tiền cơm bà đã thổi chịu cho văn-sĩ ăn hàng ngày.

— Thế nào cậu ??

Bà chủ đứng dựa cây thịt vào cánh cửa như có ý đợi câu giả lời.

Nhà văn-sĩ hôm nay không có cái vẻ mặt tái nhợt, bẽn lẽn như hôm trước nữa, chàng tủm tỉm cười đứng vội ngay dậy; tay đếm tiền, ra cách ung dung điềm đạm:

— Dạ, thưa cụ con đương định sáng sớm mai gửi cụ, may cụ lại đến bây giờ.

Bà chủ hàng nhách mép cười, chạy vội ngay lại, mắt thao láo nhìn vào cái phong bì đựng bạc của văn-sĩ cầm:

— Gớm!.. hôm nay cậu giầu nhỉ, cho lão mượn vài đồng làm vốn nào? Tôi chắc hôm nay cậu lĩnh tiền nên tôi mới lại đấy chứ, nếu không thì tôi đã đi ngủ rồi.

Bà cụ nói đến đó thì gãi đầu gãi tai, tỏ ra ý mình đây quý trọng nhà văn-sĩ lắm; đoạn bà ta lại nói tiếp:

— Tất cả trước sau lặt vặt là ba hào tám nửa xu. Còn như tiền cơm tính cả đến bữa nay nữa là hai đồng bốn hào hai. Thế, « ông » cứ xem là bao nhiêu đấy thì « ông » cho tôi.

Văn-sĩ chẳng phải để ý nghĩ về việc nhỏ nhặt từng xu, chàng bớt lại hai đồng cất vào phong bì, còn lấy ba đồng đưa giả bà cụ nhà hàng:

— Đây, thôi con cứ xin, giả cụ tất cả là ba đồng, thừa thiếu thế nào cho cháu (cháu bà chủ nhà hàng) để cháu ăn quà.

Bà cụ dương đôi mắt đen nháy nhìn văn-sĩ không chớp; trong trí bà ta hình như cũng không ngờ nhà văn-sĩ lại có bụng tốt đến thế. Bà ta lại toét-miệng cười:

— Ồ! có hai đồng mấy tất cả mà cậu lại cho « cháu » nhiều thế này...

Rồi bà cụ cầm từng tờ giơ lên đèn chiếu xem, hễ thấy nét nào mờ mờ thì vội vàng nói với nhà văn-sĩ:

— Cậu... cậu đổi cho tôi đồng này, không có đi chợ họ không lấy.

Đoạn bà ta lần rùi-tượng cất tiền vào; cái rùi-tượng to kếch sù và vá chằng chịt năm bẩy thứ vải giầy cồm cộp và phùng cả một bên hông lên. Rồi bà ta kiếm vài câu chuyện đãi bôi:

— Tội trông giạo này cậu xanh lắm! có lẽ vì cậu thức đêm nhiều quá đấy mà. Cậu phải uống thuốc bổ đi... À, cậu có uống nước không? nước chè ngon đáo để.

Nhà văn-sĩ mỉm cười:

— Thôi ạ, cám ơn cụ, đêm khuya rồi, đun nấu cách rách bất tiện lắm!

— Không... việc gì mà cách rách; tôi đun đến xoẹt một cái là được ngay, lâu la gì. Nhân tiện có chè ngon tôi mới mua được buổi trưa, chỉ định để « dành » cho cậu thôi chứ con bé cháu nhà tôi — tôi cũng không cho nó uống...

*
* *

Đêm khuya canh tàn, nhà văn sĩ mỗi đêm được phép nghỉ cây thịt độ năm sáu tiếng đồng hồ là cùng hạng; chính lúc ấy cái linh hồn của nhà văn-sĩ mới được yên lặng, mới được khoan khoái một hai phần. . . .

Cách sinh hoạt của nhà văn-sĩ thật đáng ái ngại, cái đời của nhà văn-sĩ đáng thương mà cũng đáng quý trọng. Mấy mươi năm trời trong túp lều tranh vách đất, nhà văn sĩ sống ở trong cái cảnh ngộ bần cùng chật hẹp; nhà văn sĩ có cái ý cương-quyết mà trọng ở con đường tinh thần hơn là người đời có cái quan-niệm quá thiên về vật chất! Thật vậy, nên chi cảnh đời chàng, trong mấy mươi năm trời lặn lội; mùi đời cay chua đã chải, con mắt chàng đã nhìn thấy nhiều lần, những cái vực thẳm hang sâu..

Ôi! cái thời kỳ quá khứ chỉ là một giấc mộng, ngày nay nhớ lại trong trí tưởng, những vật vô hình vô ảnh đã làm cho nhà văn-sĩ phải một phen lao đao khốn khổ. Đến bây giờ mưa tạnh gió quang, nhà văn sĩ vẫn còn mang nặng những vết thương, nhưng vết thương chỉ có thể thở than thổ lộ với người đời, bằng một thứ giọng văn thảm sầu, khô-héo hay mạnh bạo hùng-hồn. . .

Nhà văn sĩ đã deo cái mầm sầu thảm cho những người quá cảm; những giọt nước mắt ở cõi lòng kéo ra như suối chảy. Văn-chương là người, khóc văn sầu là thương người khổ; thế là nhà văn sĩ đã có cái tài, giục khiến được người đời thương mình, người đời đã chịu mang giúp mình những giọt nước mắt tình-cờ, những mối tơ lòng vương vít bấy lâu.

Văn-chương có cái ảnh hưởng sâu xa, dễ khiến cho người ta bị cảm hóa, bị chết mê chết mệt như một người tình nhân, như một người bạn quý. Vậy thì kẻ đọc văn mà khóc, là vì quá cảm chỗ đoạn văn ấy, nó hợp với cảnh ngộ và tính tình mình; khác nào mối khổ tâm của mình có người hiểu thấu, có người an ủi san chia. . .

Nhà văn sĩ cũng vậy, chắc là chàng cũng một ý tưởng như tôi, chàng cố moi gan nặn óc để viết lên những bài thơ tuyệt sắc, những tập văn cảm động não nùng; mà biết đâu rằng trong những tập văn ấy, nhà văn sĩ đã hòa biết bao ròng lệ huyết, vào những giọng than đời trách đời, ai oán thiết tha.

Ấy đấy, đêm nào cũng thế, chăn chọc thâu canh, nhà văn-sĩ nghĩ vơ nghĩ vẩn, cho cái đời mình đáng thương mà cũng đáng giận, nhớ lại mà muốn quên đi. . .

Ngọn đèn mập mờ, tiếng mõ cầm canh rời rã, tiếng muỗi vo ve qua lại, trong túp lều lặng lẽ như không; nhà văn-sĩ thở dài, kéo cái mầu chăn khổ-tải chùm lên mặt

. . . . . .

Một bữa kia, nhà văn-sĩ vừa ở đằng ông chủ nhà in về, thì thấy đứa cháu bà chủ chạy vào đưa cho chàng một cái danh thiếp có đề mấy chữ:

Phương-Thái-Lang

Tonkin *Haiphong*

— Phương-Thái-Lang là ai nhỉ?

Nhà văn-sĩ ngồi ngẫm nghĩ mãi mà chẳng biết người đó sao lại quen biết mình, mà chính ra cái tên Phương-Thái-Lang, chàng mới được nghe thấy lần này là đầu; như thế thì không khỏi hồ nghi sao được. Đằng sau cái danh thiếp lại có mấy dòng chữ nhỏ viết bằng bút chì:

Thưa Ngài,

« Tôi đến để tiếp kiến ngài, và có một câu chuyện rất có ích lợi cho ngài và tôi lắm! Nhưng ngài đi vắng. Vậy đến hai giờ chiều, tôi sẽ đến thăm ngài và bầy tỏ ý kiến »

Phương-Thái-Lang

(còn nữa)

Trần-văn-Năng

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

21

Chàng Xen-đôn cố mở mắt thật to ra để nhìn theo. Đến sau chàng phải chạy đi lấy thiên-lý-kính.

Một luồng gió lốc đương dự-bị từ phía Phố-lô-ri-đa thổi lại. Mặt bể bọt nổi trắng xóa. Thế mà cô Gian-nê cùng hai người Ta-hải-ty vẫn đùa dỡn với những ông lão bạc đầu.

Chàng tuy rất phục cái tài bơi của thiếu-nữ, song chàng lại nghĩ cá mập bao giờ vẫn là cá mập, biết bao kẻ bạo lội, cũng bị những luồng nước hiểm-độc nó cuốn đi mà bỏ mình nơi đáy bể.

Trên trời, giữa chỗ trên đầu ba người, mây kéo đen ngòm. Rồi một vòi nước trút xuống, thôi thì giời, bể, người bỗng biến mất cả...

Sau đó, mây lại tan, mặt giời lại ló, giữa lúc ấy, trên mặt biển lóng lánh, ở trước đảo Bê-rang-đệ, cô gái tài bơi và hai tên người nhà giỏi lội đã thấy nhô đầu lên.

Chàng Xen-đôn vội vác thiên-lý kính lên mắt. Đứng trong nhà trông ra, chàng thấy thiếu-nữ mình ướt như chuột lột, vừa vũ tóc vừa chạy lên cái ngõ vào vườn, để đến tắm ở chỗ thùng nước ngọt.

Suốt tối hôm ấy, hai người không có bàn đến việc gì khác nữa.

Sáng hôm sau, vừa mở mắt dậy, cô Gian-nê đã đến tìm chàng Xen-đôn để xem chàng quyết-định ra sao.

Đã không trả-lời một cách trực-tiếp, chàng lại còn khéo đem lời bàn tán đến chuyện mời một người bảo-mẫu đến Bê-rang-đệ để bảo-hộ cô Gian-nê và giữ-gìn thể-diện với thiên-hạ.

Chàng lại nói thêm rằng: người đó sẽ rất là được việc. Người ta sẽ giọn giẹp cửa nhà, coi nom đứa ở, và giúp cho chàng và cô Gian-nê nhiều việc có-ích.

Cô Gian-nê hỏi:

— Vậy thì cái cách của tôi xếp đặt công việc trong nhà từ khi đến đây không vừa ý tôn-ông sao? Tôi thấy tôn-ông khi ấy sinh-hoạt y như một người đường rừng; ăn thì chỉ toàn có một món thịt ướp với lại bánh bích-qui, thứ bánh bích-qui ấy, giá-dầy con lạc-đà ăn mãi cũng không chịu nổi. Đến nay, dù thế nào tôn-ông chắc cũng không bao giờ chết về cái bịnh ăn không tiêu nữa!

Chàng Xen-đôn vừa toan cãi lại thì cô Gian-nê gạt ngay đi mà nói rằng:

— Cái ý-kiến của tôn-ông về việc tìm một người bảo-mẫu nó dở lắm... Nó dở lắm! Nếu như thế, thì chỉ có hai đường: một là trong tám hôm sau, tôi sẽ sóa tờ hợp-đồng của tôi ký công-ty với tôn-ông đi rồi để mặc kệ tôn-ông đi kiếm một người bảo-mẫu nữa để cho mẹ ấy bảo hộ cái người bảo-mẫu của tôn-ông; hai là tôi sẽ đem cái người bảo-mẫu của tôn-ông lên cái xuồng của tôi ra bể mà dìm chết quá đi. Xin tôn-ông chớ tưởng rằng tôi đem thân đến cái nơi sơn cùng thủy tận này, cốt để đặt mình dưới mệnh-lệnh một người bảo-mẫu.

Chàng Xen-đôn lại nói:

— Một người bảo-mẫu là một cái vạ, tôi biết, song nó là một cái vạ cần phải có.

— Cần phải có cho ai? chứ tôi đây tự trước đến giờ, tuyệt-nhiên không cần đến. Thử hỏi ở trên tầu Mi-ê-lê ngày trước, tôi có ai là người bảo-mẫu đâu? Mà thật sự ra, lúc đó ở trên tầu, chỉ có một mình tôi là đàn-bà. Ở hạ-giới này, tôi chỉ sợ có ba thứ. Ông mặt quỷ là một. Sốt rét phát ban lên là hai. Các bảo-mẫu là ba.

« Rõ thật chán! không còn cái gì tởm bằng những hạng làm nghề dạy khôn ấy. Cái óc của họ xấu lắm cho nên nhất thiết cái gì họ cũng cho là dở, một việc làm rất tự-nhiên chẳng có phương-hại gì đến ai, họ cũng cho là có tội. Vì cái trí tưởng-tượng tàng-tật ấy đã xui cho người ta nẩy ra nhiều những tư-tưởng bậy bạ, thành ra nhiều khi chính họ là nguyên-nhân những cái tội-ác xấu-xa, mà họ có biết đâu.

Chàng Xen-đôn vừa cười vừa la lên rằng:

— Cô-nương có tài hùng-biện thật! cô-nương có tự biết không? Nếu cô-nương mà lên diễn-đàn thì chắc được người ta hoan-nghênh lắm...

Cô gian-nê lại nói tiếp:

— Thật quả không bao giờ tôi tưởng bị bắt-buộc phải nói lắm nhời như thế ở cái đất mọi ăn thịt người này! Tôn-ông nên biết rằng nếu tôi là người lương-thiện là vì tôi tự-ý thích làm một người lương-thiện, chứ chẳng phải vì có một mụ già nào, quẩm-quặm đôi mắt vọ để dòm-nom coi-sóc tôi đâu!

— Đáng lẽ cô-nương phải sống vào khoảng mấy nghìn năm về trước... hoặc là vào khoảng một nghìn năm về sau này mới phải. Cô nương vừa là người thái-cổ vừa là người tối-tân. Cái thế-kỷ thứ hai mươi này đối với cô-nương còn là chậm-trễ.

— Thôi nói thế là đủ. Tôn-ông có bằng lòng nhận cho tôi chung phần mà không cần có người bảo-mẫu không? Nhận hay không, còn tùy ở tôn-ông đó.

— Nếu hai chúng ta mà góp vốn chung phần với nhau, thì cô-nương không được chỉ-huy chiếc tầu kia nhé. Chúng ta sẽ mướn một người quan ba tầu.

(Còn nữa)

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi chuyên-môn chữa mắt và bán thuốc đau mắt Từ-ngọc-Liên rất hay giá 0$10 và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng **Diplôme d'honneur**

Một điều đáng chú Ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時

THỜI-HIỀN THI-TẬP

Ít hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tản-đà thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY !

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ty)

HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy qui ông qui bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

Khán-cáo

Bản-chí từ kỳ này đi, cứ dán-tiếp xuất-bản một kỳ chính một kỳ phụ, song lại ra đúng ngày thứ bảy như cũ, cho được tiện ngày độc-giả nhớ ngày mua.

Đối với các bạn độc-giả mua dài hạn, đến ngày 16 Juillet đã hết hạn nửa năm. Vậy ngài nào chưa giả tiền, xin kíp gửi về cho, và nếu các ngài có sẵn lòng mua thêm, cũng xin cho biết để Bản-chí tiện sự gửi tiếp.

☆☆☆

Về phần các Đại-lý, hầu hết các ngài đã gửi tiền, Bản-chí xin nhân đây tỏ lời cảm-tạ. Duy còn một vài ngài như :

Ông PAUL-BẢU ở Pnom-Pênh,

Ông THÀNH-ĐỨC ở Thanh-Hóa.

đến nay vẫn chưa có hồi-âm.

Vậy xin nhắc lại để các ngài lưu-ý cho.

AN-NAM TẠP-CHÍ

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt noc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm, nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc nầy thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất la nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt, tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa-di) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

L'Administrateur Gerant : NGÔ-THÉC-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí

Ảnh Phóng đại Mỹ

Từ nay các ngài không cần phải gửi đi xa mà cũng được ảnh rất đẹp vì đã có người mình chuyên môn làm rất khéo, giá lại rẻ tiện cho các ngài không phải chờ đợi lâu. Dù ảnh đã cũ mờ hoặc sứt lở cũng có thể làm lại được như mới. Các ngài còn có thể thay đổi Fond : như trắng đen, salon, paysage v. v. hoặc thêm bớt người như : (2 người ở hai ảnh làm chung vào một, nửa người cả người mà không thể ai ngờ được.

Giá một bức ảnh phóng-đại 30×40 cả khung kính 5$00.

Khổ ảnh	Khuôn khung	Có khung	
24×30	2$00	3$50	Làm couleur tính thêm 30% postal 50%
30×40	3, 00	5, 00	
40×50	4, 50	6, 50	
50 60	5, 00	7, 00	Những ảnh đã mờ hoặc sứt lở tính thêm 1$00.
60 1m	8, 00	12, 00	

Khung ảnh làm bằng gỗ lát — teck đánh vernis tampour theo kiểu mới, có rất nhiều kiểu để, để treo ảnh sous verre từ 24×30 trở xuống. Các ngài muốn dùng theo kiểu catalogue xin dính thêm cả timbre 5 cents.

Ở xa các ngài gửi kính ảnh hoặc muốn thương lượng điều gì xin đề về :

PHOTO PIERRE NINH

175, Avenue Paul Doumer — HAIPHONG

Téléphone 426

Mới có làm nhà chụp kiểu mới, lấy được nhiều ánh-sáng rất đẹp.

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa. Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm, nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại **NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG**

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh căn mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt. tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tinh chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên - chụy (sa dì) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

ANH EM! CHỊ EM!

Cứu-giúp đồng-bào trong cơn khốn-quẫn, chỉ là một việc bổn-phận.

Cứu-giúp đồng-bào khốn-quẫn trong khi mình cũng đương bị khốn-quẫn, mới là một việc nghĩa-cử.

Hàng mấy mươi vạn đồng-bào bị nạn ở miền Nam Trung-kỳ đương trông-cạy ở tấm lòng hiếu-nghĩa của chư quý Độc-giả của An-nam Tạp-chí Vậy trông đến hai chữ *An-nam*, chắc các ngài chẳng còn ngần-ngại gì mà không vui lòng hy-sinh chút đỉnh, để tỏ cho người ngoài biết rằng ta còn biết thương nhau.

SO-SÁNH TIẾNG ANNAM VỚI TIẾNG PHÁP

Vấn-đề vay chữ là một cái cấp-vụ (急務) hiện-thời cho dân-tộc ta. Vậy ta nên vay chữ của dân-tộc nào? — Tất ai cũng trả lời rằng: Ta nên vay chữ của người Tàu và của người Pháp vì chữ Tàu và chữ Pháp ảnh-hưởng đến chữ An-nam ta, là một nhẽ hiển-nhiên. Vậy chữ Tàu, chúng tôi không cần bàn nữa, vì ta học chữ Tàu mà đọc theo tiếng ta, nên bao nhiêu chữ Tàu đều viết ra chữ ta được cả. Nhưng vay chữ Tàu cũng không đủ, vì nước Tàu là một nước văn-minh cũ, bao nhiêu danh-từ về triết-học, nhất là về khoa-học, về kỹ-nghệ, về cơ-khí, tuy người Nhật đã phiên-dịch ra rất nhiều, nhưng thiết-tưởng cũng không được sung-túc cho lắm. Vả lại, ta đã đi vay, thì vay một cách trực-tiếp tội gì mà vay bằng cách gián-tiếp để không phải thác-tạp phân-vân?

Hiện thời ta lại giao-thông với người Pháp, về phương-diện chánh-trị, về phương-diện kinh-tế, về phương-diện tinh-thần . . . . . Chữ Pháp thực là phong-thiệm đích-xác, rõ-ràng, ai cũng công nhận như vậy. Vì bao nhiêu lẽ đó ta nên mượn chữ Pháp để làm cho chữ ta thêm giầu, thêm đích-xác, thêm rõ-ràng.

Nhưng, trước khi bản phải vay những thứ chữ nào, phải vay cách nào, đứng về phương-diện nào mà vay, ta nên so-sánh tiếng Ta với tiếng Pháp cho biết hiện-trạng tiếng ta hơn tiếng Pháp về phương-diện nào, kém tiếng Pháp về phương-diện nào, cái gì ta thiếu nên bắt trước của người Pháp mà bổ-khuyết, cái gì ta khuyết-điểm, ta nên mô-phỏng theo tiếng Pháp mà cải bỏ đính-chính, kỳ cho được hoàn-bị, phân-minh.

Vậy trước hết ta phải biết tiếng một dân-tộc là cái gì? Theo thiển ý chúng tôi thì tiếng một dân-tộc nào là tất cả tiếng mà dân-tộc ấy dùng để giao-thông với nhau (trong đơn-tự (單字) hay trong phức-tự (複字) của họ)

Ví dụ (tiếng Annam): Non sông nào phải buổi bình-thời. Những tiếng: *non, sông, nào, phải, buổi* là những tiếng dùng trong đơn-tự của Annam; còn những tiếng: bình-thời thì dùng trong phức-tự.

(Tiếng Pháp) La-va-lơ nát-tăng-poăng lơ nông-bờ-rờ đề dan-nê (La valeur n'attend point le nombre des années.)

Những tiếng: la, poăng, lơ, đề thì dùng về đơn-tự còn những tiếng: va, lơ, nát, tăng, nông,

bờ, rờ, dan, nê thì dùng về phức-tự.

Vậy ta hãy so các tiếng mà người An-nam dùng với các tiếng mà người Pháp dùng.

I — Tiếng và giọng

A) Tiếng. — Khi ta xét một tiếng nào, tiếng « non » hay là tiếng « la » thì ta phải xét hai mặt, mặt âm và mặt thanh. Xét mặt âm là xét giống (nature) của tiếng, nghĩa là tìm cho biết cái tiếng đó phát-xuất từ cơ-quan nào trong bộ máy thanh-âm của người (appareil vocal). Xét mặt thanh là xét cái độ của tiếng nghĩa là tìm cho biết tiếng đó nặng, nhẹ, dài, vắn thế nào. Hãy so âm-thanh tiếng Annam cùng âm-thanh tiếng Pháp.

Thanh → / Âm ↓ Hầu	Trường bình	Đoản bình	長 上 (~) Trường thượng	短 上 (?) Đoản thượng	(´) Trường khứ	(•) Đoản khứ	Trường nhập	Đoảm nhập
	a ga ha qua gia nga	à gà hà quà già ngà	ã gã hã quã giã ngã	ả gả hả giả ngả	á gá há quá gía ngá	ạ gạ hạ quạ giạ ngạ	ét ghét hét quét giét	ẹt ghẹt hẹt quẹt giẹt
	ga, ya, lla, a						cat, ex	
Thiệt thượng	tra na							
	na							
Thiệt đầu	tha ra							
	ra							
Chính xỉ	xa cha							
	sa							
Bán xỉ	la nha							
	gna la							
Xỉ đầu	ta da đa sa							
	ta za da (ja) cha							
Nha	Ca kha							
	ka							
Khinh thần	Pha va							
	Fa, va, wa							
Trọng thần	Ba ma							
	(Pa), Ba, Ma							

(Bức đồ nầy, đã theo lời chỉ-giáo của Tản-đà Tiên-sinh mà kiểu-chính lại)

Xét trong cái đồ thanh-âm nầy, tiếng An-nam ở trên điểm-tuyến (pointillée), tiếng Pháp ở dưới điểm-tuyến, thì ta không có những âm « ja » và « pa », (tiếng « za » của Pháp cũng na-ná như tiếng « da » của ta) còn tiếng Pháp chỉ có thanh trường-bình và trường-nhập, còn bao nhiêu thanh khác: đoản-bình, trường-khứ, đoản-khứ, trường-thượng, đoản-thượng, đoản-nhập thì tiếng Pháp không có. Về phương-diện âm, ta chỉ thua Pháp những âm: « ja » và «pa» mà lại hơn Pháp những âm: nga, tra, tha, kha. Về phương-diện thanh thì tiếng ta hơn tiếng Pháp đến sáu thanh. Có số tiếng mà người An-nam ta dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự của ta độ chừng trên dưới một vạn năm ngàn tiếng, còn số tiếng của người Pháp dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự của họ, chỉ có trên dưới hai ngàn tiếng mà thôi. Thế là tiếng An-nam phỏng chừng tám lần nhiều hơn tiếng Pháp (ta có thể chiếu theo « xi-láp » mà biết số tiếng của ta hay là của người một cách đích-xác, nhưng chuyện đó là chuyện giải-trí, chưa cần-thiết cho cái vấn-đề nầy bao nhiêu).

B) Giọng — Giọng là cái kết-quả của sự biến-hóa của tiếng. Một tiếng có thể biến-hóa ra nhiều giọng. Chúng tôi không phải là một nhà âm-nhạc-

học nên không biết số giọng của một tiếng là hữu-hạn hay là vô-cùng. Chúng tôi chỉ biết một tiếng có thể biến-hóa ra được nhiều giọng mà thôi.

Hiện-thời tiếng An-nam ta có những giọng sau này :

1o giọng ca : ca nam-bình, ca nam-ai, ca kim-tiền, ca tứ-đại, vân. vân. . .
2o — hát : hát ru con, hát giã gạo, hát chèo đò, hát bơi, hát sẩm, v. v . . .
3o — thảy : thảy bát-dật.
4o — lý : lý hoa-tình, lý nam-xang, v. v...
5o — bình : bình văn, bình sách, v. v...
6o — ngâm: ngâm Kiều, ngâm sa-mạc, ngâm cải-lương, v.v. . .
7o — đọc chúc : đọc văn-tế, đọc văn-ai,v.v...
8o — xướng : xướng cát-sự, xướng hung-sự v. v. . .
9o — bạch
10o — tán.
11o — tụng.
12o — nghinh-linh.
13o — diễn-thuyết.
14o — đọc-kinh v. v . . .

Tiếng Pháp có những giọng:

1o — hát.
2o — diễn-thuyết.
3o — đọc kinh, sám-hối, v. v...

Chúng tôi không biết được nhiều giọng tiếng Pháp. Nhưng, tiếng Annam nhiều hơn tiếng Pháp, chúng tôi có thể chắc rằng giọng tiếng Annam cũng nhiều hơn giọng tiếng Pháp vì tiếng biến-hóa ra thành giọng như đã nói trên kia. Tiếng Annam phong-phú hơn, giọng Annam lại cũng phong-phú hơn, nên thơ-ca Annam có nhiều phần đặc-sắc hơn thơ-ca Pháp. Người ta dùng một « xi-láp » để hình dung một tiếng. Người Pháp hình-dung tiếng họ, có khi họ dùng một « lết » âm hay là nhiều « lết » âm. Ví dụ e, ai; khi thì họ dùng một « lết » câm, ví dụ : France (« lết » e hình-dung tiếng « phờ » cũng như là một « xi-láp »); khi thì họ dùng một « lết » âm với một « lết » câm hoặc với nhiều « lết » câm, ví dụ : ad, art; khi thì họ dùng một « lết » câm với một « lết » âm hay nhiều « lết » âm, ví dụ : ta, toi, v. v . . .

Người Annam ta hình-dung tiếng ta thì dùng « lết » âm, « lết » câm và năm dấu tiếng. Vậy Annam ta không khi nào dùng một « lết » câm làm một « xi-láp » mà trong tiếng Pháp thì mấy dấu tiếng không thấy dùng khi nào.

Người Annam cũng như người Pháp đều dùng tiêu-điểm (ponctuation) để hình-dung các giọng. Chấm hỏi (?) dùng để hình dung giọng nói; chấm phát tình (!) dùng để hình dung giọng kinh-ngạc, giọng kỳ-dị; giọng đắc-ý, v. v., hai ngoặc dùng để đổi giọng; chấm qua hàng dùng để phân-triệt; chấm cuối cùng (.) dùng để rứt nhời. Vì giọng quá nhiều, nên người ta không có thể hình-dung hết được.

II — Chữ và sự thay đổi của chữ

A — Chữ. — Tiếng và chữ khác nhau, có tiếng không thành chữ, như là : huyên, lươu, v. v. . .

Có khi một tiếng thành một chữ như là :

a) đầu, cổ, bụng, ngực, (chữ Annam).

b) cou, nez, œil, dent, main, (chữ Pháp).

Có khi hai tiếng thành một chữ :

c) lạt-lẽo, lặng-lẽ, êm-đềm, thong-thả, thàn-lằn, bó-cạp, (chữ' Annam).

d) marcher, pied, cheval, bateau, content, (chữ' Pháp).

Có khi ba tiếng thành một chữ' :

đ) Tửng-từng-tưng, tảnh-tảnh-tanh, sạch-sành-sanh, bất-đắc-dĩ, vỏ-dư-lương (vị thuốc) chữ Annam).

e) pharmacie, pantalon, mangoustan, vêtement, manguier, (chữ' Pháp)

g) lắc-la-lắc-lẻo, ngắc-nga-ngắc-nghẽo, vương-bất-lưu-hành (chữ' Annam)

h) Monovalent, habillement, rapidement, (chữ' Pháp).

(Còn nữa)

Nguyễn-Hà-Nhân

CHUYỆN ĐƯỜNG RỪNG

(Tiếp theo)

Phong-tục người Mèo. — Ngoài những nơi giồng thuốc, thì dân Mèo trồng bắp mà ăn, trồng cây gai làm vải. Suốt đời họ toàn ăn bắp, trừ ra những ngày phiên chợ, thì vợ chồng con cái, dủ nhau đi chén một bữa thịt rượu mà thôi. Họ ít dùng bát đũa, khi ăn cháo bắp thì mỗi người một cái môi bằng gỗ để múc bắp ở trong một cái chậu gỗ to, rau cỏ loàng-soàng mà thường thiếu muối. Chiếu, giường, cũng hiếm, sập đất, chiếu rơm. Một bó rơm họ vơ ở thung-lũng đem lên, mỗi lần nằm dậy, lại bó lại gác lên, lúc ngủ lại rải ra làm chiếu. Núi cao hiếm nước, họ phải đi địu ở tận dưới lên, trong lúc đi địu (cõng ở sau lưng, có giây quàng qua hai vai) nước, là lúc họ se sợi gai để giệt vải. Vừa se, vừa cuộn, vừa đi, đi bước một, chỗ lấy nước càng xa, se càng nhiều sợi, thứ vải họ làm bền lắm, dùng được rất lâu, phần thì nhuộm chàm xanh làm áo mặc, phần thì để trắng may xiêm. Y-phục của họ, trừ ra cái ô mua ở các hiệu buôn, còn toàn một thứ bằng gai của họ làm ra cả. Những khi ma-chay, xin cưới cũng mặc một thứ ấy như thường.

Thổi kèn ăn cắp vợ

Khi trai gái đến tuổi lấy vợ lấy chồng thì họ không cưới hỏi như các dân khác. Người con giai muốn lấy người con gái nào, thì sửa một cái kèn loa (thông dụng của người Mán theo gọi tên chữ nho là «hồ già» 胡笳) ghép bằng tre, trên loa có ống dài dùi lỗ như ống quyển, ngày ngày đem đến gần nhà người con gái mà thổi, người con gái trước nghe tiếng kèn, sau nghe trộm mà nhìn mặt, nếu nghe kèn đã không hay, nhìn mặt lại đáng ghét, thì cứ ở lỳ trong nhà, anh thợ kèn thổi chán thì đi, và đủ biết đám ấy chim không đặng; nếu trái lai, êm tai, vừa mắt, thì ít lâu có thể ra chào hỏi, chuyện trò, rồi dần dần thăm hỏi đến gia-thế, anh em, dò xét tính-tình, đều cùng vừa ý, thì giao kết với nhau, rồi hẹn ngày cho người con giai đến đón trộm đi mà cùng về ăn ở với nhau. Viết đến đây, tôi không khỏi cảm-động về sự hòa-hợp rất quý-hóa đáng thèm ở trong gia-đình của các dân: Mèo, Nùng, Mán, Thổ. Không kể cha con, anh em, chồng vợ không hề cãi-cọ, điều-tiếng với nhau, mà cả đến mẹ-chồng con-dâu đều làm ăn êm-đềm vui-vẻ, suốt đời không sẩy ra xô-xát bao-giờ. Vì sao có cái hòa-khí đó?

Hai người ăn ở với nhau cũng như đôi vợ chồng đã cưới, nhưng người con gái không dám trở về thăm cha mẹ đẻ nữa, mà cha mẹ người con gái cũng không tìm hỏi han gì. Trừ ra khi nào người con gái ấy đã có con, lúc ấy mới ẵm con về nhà cha mẹ đẻ. Nhà người con giai lúc này mới phải lo liệu các phẩm-vật để cưới xin, mới rước dâu minh bạch, đãi-đọa họ hàng.

Bón cho người chết

Tục người Mèo lúc trong nhà có một người chết, thì họ đem xác buộc vào một cây gỗ rồi dựng ở một xó nhà. Cùng lúc ấy, họ cho người đi báo cho tất cả anh-em thân-thích xa gần đều biết, rồi họ nấu cháo bắt xới vào một cái bát để ở trên bên cái xác đứng chênh-chênh ấy, mỗi người anh em thân-thích đến thăm, lại lấy môi gỗ xúc cháo ngô bón vào miệng cái xác chết ấy, tay bón miệng mời như mời người đang ốm nặng, mời chán lại dỗ dành, dỗ chán cũng không thấy ăn, lúc ấy họ mới buông môi vào bát mà bắt đầu khóc lóc. Họ chờ được hết anh em xa gần về đủ, có khi đến mấy ngày, lần-lượt bón, mời, dỗ khóc rồi mới làm ma. Họ lấy cây gỗ to khoét giữa ra như cái thuyền độc-mộc, rồi bỏ xác vào đậy nắp mà đem chôn. Cả đám cưới lẫn đám ma, người mèo đều dùng kèn, trống, đàn cùng một lối cả. Họ lại có lòng giúp đỡ nhau rất là sốt-sắng, khi có một đám cưới hoặc một đám ma, thì cả họ-hàng cho chí bè bạn và người quen biết đều đem đủ cả lợn, gà, gạo rượu mà giúp cho nhau, nghĩa hợp quần của họ cũng đáng để ta lưu-ý.

Duy-Bảo *thuật*

Coi chừng! cái ông văn-sĩ Kipling phương Tây: phương Đông tôi còn có ông Hoàng Tích-Chu!

Cái ông văn-sỹ Kipling thực đã to gan! Chẳng chịu ngó qua tới đàn ngôn-luận thế-giới, ông cứ nhắm mắt nói liều nói lĩnh ở só trời Tây! Đến nay mà trong sách ông còn dám để câu:

« *Đông là Đông, Tây là Tây, không bao giờ Đông với Tây gặp nhau được!* »

Đông với Tây có thể gặp nhau không? Nếu nhà văn-sỹ Ăng-Lê có coi báo Việt-Nam, nếu ông có nhìn thấy tờ báo của bạn đồng-nghiệp họ H. (chứ không phải họ Hoàng nữa!) tất ông bị mắc cở vì sự ông đã nói quấy!

Phúc bẩy mươi đời nhà ông Kipling, nếu ông lại sang nước Việt Nam, mà chạm chán bạn Hoàng-Tích-Chu, thì quyết ông bị một phen can, xin, van, chờ, cuống quít!

— Nó bậy lắm, cái câu nói của ông! bạn Hoàng-Tích-Chu như nói thế. Chẳng xem báo tôi, ông, mà sự chạy cả cụ Táo cũng biết tâu lên Thượng-Đế.

« Thì đã biết mà!

« Sợ quốc dân quên công, tôi phải luôn luôn nhắc-nhỏm trên cột báo. Phương-diện xã-hội? Chương chình mười bẩy: đồ! Độc-quyền Phông-Ten: lộn tùng phèo! Nhà máy điện: cụt sự bắt-nạt!

« Phương-diện văn-chương? Cưa bớt chân câu văn cho đỡ dài: *lối van Hoàng-Tích-Chu,* tôi đặt tên cho nó thế.

« Lối văn Hoàng-Tích-Chu ?

« Cộc !

« Phương-diện chữ viết ? Dũa ngắn đi : ông, tôi viết Ô.; bà, tôi viết B.; cô, tôi viết C.; cậu, tôi viết C. !

« Thì vẫn biết cách ấy tiện sao bằng chữ M của tây : Mr : me sừ ; MM : mê-sừ ; Mme : ma-đam ; Melle : ma-đờ-moa-den ; Me : mét-tờ-rờ ; Mon : me-dông, vân vân, nhưng, theo tôi, chữ ông, bỏ được *ng* ; chữ bà, bỏ được *à* ; chữ cô, bỏ được *ô* ; đỡ tốn thì-giờ biết mấy ! Ngay họ Hoàng tôi bây giờ, đấy ông trông xem, tôi cũng hi-sinh cả cái đuôi mà chỉ viết có mỗi chữ H. !

« Công tôi chẳng nên riêng gì ở nước Việt-Nam, nó phải lan cả ra ngoài thế-giới, tôi định thế.

« Đông là Đông, Tây là Tây, không bao giờ gặp nhau, ông nói, nhưng, thưa ông, Đông và Tây có bao giờ gặp nhau không ? Ông thử coi lại cái chữ Co-đỏ ở lá nhãn tờ báo tám đồng rưỡi mốt năm của tôi thì rõ :

đôngtây !

« Nối Đông vào với Tây, làm cho Đông, Tây gặp nhau, công tôi tự hai ba năm về trước, nó vẫn có kết quả. Thì chẳng nhắc, ông chẳng biết ; nhắc, ông cho là kể công ! Nó đáng giận lắm, cái đời này !

« Vậy, xin lỗi ông, câu nói không đúng sự thực ấy, xin ông sóa toẹt đi ! : tôi can ! tôi xin ! tôi van ! tôi chờ ! »

Bạn Hoàng-Tích-Chu, chẳng nói ngoa, có công nối Đông với Tây làm một : Thôi, vĩ-nhân đến nơi rồi !

Nhưng còn một điều, bạn quên, tôi mách :

Tên của bạn, nên viết quách là :

H. Tichu ở báo *đôngtây*

cho nó khỏi lêthê, lôithôi, giải-giằnggiặcgiắcgiối ! !

N.

THƯ GỬI CHO BẠN VỀ

VĂN-PHÁP VIỆT-NAM

V

Trương qui-huynh,

Đệ đã nói : về *số ít*, quán-tự của ta đối « chăm chắm » với quán-tự trong văn Pháp, nghĩa là các chữ *le* và *la* có thể dịch ngay là *người, con, cái* hay *sự*(tùy danh-tự), và hai chữ *un, une* có thể dịch ngay là *một người, một con, một cái, một sự*, hay *một* không thôi, nếu gặp danh-tự có cái tính-cách nói trong *lệ thứ nhất* trong bức thư của đệ mới rồi.

Nhưng về *số nhiều*, thì quán-tự ta với quán-tự Pháp không giống nhau hẳn.

Les không phải chỗ nào cũng dịch là *các* được. Có khi phải dịch là *những*. Chỉ có chữ *des* chỗ nào cũng dịch được là *những* mà thôi, nhưng có khi lại không dịch là gì hết.

Tại làm sao thế ?

Tại cái quan-niệm của dân ta đối với nghĩa « định » và « bất-định », không hẳn giống cái quan-niệm của người Pháp. Của người Pháp giản-dị sáng sủa hơn, nhưng của ta tinh-tế hơn. Ta nên đem phát-huy và bảo-tồn lấy, tưởng đó cũng là một cái tinh-thần riêng của văn-chương nước mình vậy.

Hãy lấy vài thí-dụ :

Câu kiệt-tác của cụ Nguyễn-Du ;

« Trải qua một cuộc bể dâu,
« *Những* điều trông thấy mà đau đớn lòng. »

Nếu đem dịch ra văn Pháp, tất chữ *những* phải dịch ra chữ *les* là định-quán-tự số nhiều, (article défini, pluriel). Vì theo cái quan-niệm của người Pháp đã nói trên, « *những* điều trông thấy » đây là *hết thảy* các điều tác-giả đã trông thấy trong một thời-kỳ dâu hóa ra bể, tức là 60 năm, là tuổi của tác-giả lúc làm quyển Kim-Vân-Kiều. Như vậy, đối với cái óc Lăng-sa, « những điều » như thế là « nhất định » lắm rồi, không còn trệch đi đâu được nữa, không sao mà nhầm với những điều trông thấy ngoài cái kỳ dâu-bể ấy, hay những điều nào nào khác nữa.

Óc Việt-Nam thì không thế. Nếu chỉ có *một* điều, mà điều đó ai cũng biết, thì đã đành dùng được định-quán-tự số ít : « *Cái* điều trông thấy mà đau đớn lòng. ». Nhưng lại là *nhiều* điều, thì *khi chưa kể những điều đó cho hết, cho rành từng cái một*, chưa có thể bảo « những điều » đó là « định » được, hãy phải dùng bất-định quán-tự đã.

Câu : « Các điều trông thấy mà đau đớn lòng » không phải là không lọn nghĩa, xuôi tai, tôi muốn nói ra chữ tây là *correcte*, nhưng ví đem đọc nó cho một người Việt-Nam chưa biết truyện Kiều, tất họ phải tự hỏi : « Đâu ? *các* điều ấy đâu ? *Những* gì ? Tác giả kể ở chỗ nào ?... » Rồi nếu họ ghé vào quyển truyện và chỉ, mới thấy có mấy câu khai-mào, tất phải cho cụ Nguyễn-Du là dùng sai chữ. Tôi thí-dụ như thế, chứ một người Việt-Nam đã không biết đến truyện Kiều là gì, thì còn hiểu làm sao được tinh thần Nam-Việt, còn hiểu làm sao cái « mầu » (nuance) tương-dị của hai chữ *các* và *những* dùng trong một câu này nữa !

Nay ta thử thí-dụ ngược lại.

Lấy một câu trong một tập văn dịch-quyển Sử-ký thanh-hoa chẳng hạn :

« Tous *les* auditeurs prenaient un grand plaisir à l'entendre.... (page 74), ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch ra là : « *Những* người đứng nghe, ai nấy thích chí... »

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh là một nhà danh-sĩ bây giờ, văn ông rất giản-dị dễ hiểu, nên truyền bá được rất rộng. Vậy chữ *những* ông dùng để dịch chữ *les* đây, không thể gọi là nhầm với chữ *các* được. Thử mở hú-hoạ mà lấy vài thí-dụ nữa :

« Je ne possède plus que tous *les* plaisirs dont j'ai pu contenter mon envie.... (page 94) », ông dịch là :

« Nay duy còn có *những* sự vui thú thỏa thuê mà trẫm đã được hưởng » (Lời vua Sardanapale).

« Tous *les* ennemis du tyran, tous *ceux* qui éveillaient ses soupçons, *les* citoyens les plus considérables d'Agrigente connurent tour à tour cet affreux supplice (page 204), dịch là :

« *Những* kẻ vô phúc đã khiến nên cơn giận cửu-trùng, hoặc để mắt thiên-nhan ngờ vực, toàn là *những* người danh-giá trong đất Agrigente lần lượt phải chui vào cái máy nghiệt án đó, v. v. »

Quí-huynh lại bảo « Chắc đâu! chắc đâu khi ông Nguyễn-văn-Vĩnh viết những chữ đó, mà lại cân nhắc như ta đang cân nhắc chúng đây!?»

Ấy, quí-huynh ạ, càng vô-tình, cũng buột tay ra mà viết, những chữ đó mới lại càng nên xem xét. Vì cứ theo cái hồn văn Nam-Việt mà viết ra một cách *tự-nhiên*; thế mới thực là đúng văn Nam-Việt! Nếu cứ nghĩ đến chữ *les* của Pháp-văn rồi viết *các*, chữ *des* rồi viết *những*, lời văn tất không khỏi câu-nệ, cứng quèo! Tinh-thần Nam-việt rồi cứ phải đuổi theo tinh-thần Lăng-Sa mãi, mà muốn viết văn quốc-ngữ sau này, tất cứ phải học qua Pháp-văn.

Thế thì tìm mẹo-luật tiếng Việt-Nam, sao lại còn phải so-sánh với mẹo-luật tiếng Pháp? Nếu quí-huynh hỏi thế, tôi lại lấy cái câu của ông Kế-Khoa hôm trước ra mà trả lời : Tôi theo cách « lấy tinh thần Khoa học mà bồi bổ các chế-độ của ta», (vivifier nos institutions par l'esprit de la science), hay nói cho rõ là lấy mẹo-luật tiếng Pháp làm phương-châm để tìm lấy ít nhiều mẹo-luật tiếng ta, chứ không phải dịch mẹo-luật tiếng Pháp vậy.

Trên mới là mấy cái thí-dụ để chỉ rằng ta với người Pháp có cái quan-niệm khác nhau vì tính-cách « định » hay «bất-định» của sự-vật.

Nhưng mấy cái thí-dụ đó chưa đủ. Phải phân biệt từng « ca » như sau này mới rõ được hết cái tương-dị của hai chữ « những » và « các » và của hai chữ « des » và « les ».

1°) Nhân, vật, sự có nghĩa tuyệt-đối. — Không kể những chữ *chỉ dùng về số ít*: Giời, đất, Chúa-Trời. v v... Các chữ này thì đến chữ « cái » cũng không đứng được ở trên, vì không ai nói : Cái giời, cái đất, cái Chúa-Trời v. v... Nhưng nếu danh-tự dùng được *về số nhiều*, thì ta phải đặt chữ *các* lên trên :

Các sinh-vật, *các* thiên-thần, *các* loài người, *các* danh-gia... Nghĩa là hết thảy *các* sinh-vật, thiên-thần, loài-người, danh-gia... ở trong vũ-trụ, hết thảy các cái gì xứng-đáng các danh-tự đó. Tức là các danh-tự đó dùng vào nghĩa *tuyệt-đối* vậy.

Các danh-tự có cái tính cách như thế, ta chưa hề thấy một danh-sĩ nào lại đặt chữ *những* lên trên.

Xem mấy cái thí-dụ:

1 — Tất cả *các* nước mạnh đều có đủ phi cơ để đánh nhau trên không. (P. V. T. C.)

2 — Vua Denys l'Ancien cũng muốn thu phục *các* bậc hiền-tài, nhưng lại phải một nết khinh đãi *các* nhà tư-tưởng (Denys l'Ancien s'efforçait d'attirer à sa cour *les* poètes et *les* philosophes. Mais il ne témoignait que peu d'égards *aux* hommes de pensée .— Les Parfums de l'Humanité — Nguyễn-văn-Vĩnh dịch).

Vậy, khi danh-tự dùng vào nghĩa tuyệt-đối và số nhiều, ta phải đặt định-quán-tự số nhiều lên trên, định-quán-tự đó hoặc *đơn* (các) hoặc *kép* (các người, các con, con cái, các sự), tùy theo danh-tự đó.

2°) Nhân, vật, sự thuộc vào một hạng khác mà ta biết nhất định.— Trong ca này, phai dùng chữ *các*.

Ví dụ :

Các nhà của người em tôi.

Các sông núi ở Bắc-kỳ,

Các văn tài ở chốn nghìn năm văn vật.

Các đồng-bào ở Trung, Nam kỳ.

Phần nhiều *các* bậc thức-giả trong thành Corinthe cho việc mưu sát ông Timophane là việc nghĩa (*Les* principaux citoyens de Corinthe approuvaient le meurtre de Timophane — Les Parfums de l'Humanité — Nguyễn-văn-Vĩnh dịch).

Tìm *các* tiếng đồng-âm với *báo*, v. v. . .

Nhưng không cứ phải có những chữ đệm : *của, ở, trong, với*... viết ra như thế mới được.

Ví dụ :

«*Các* tướng tá cảm phục đều hô vạn tuế» (Frappés d'admiration, les cavaliers se mirent à l'acclamer — Les Parfums de l'Humanité — Ng. v. Vĩnh dịch) — Phải hiểu ngầm : *các* tướng tá *của vua Alexandre*.

«Một khi nhân ông cãi giúp cho một đứa bất nhân kia bị cáo, trong *các* thân-hữu, có ông chê là quá đáng...» (Un jour, *ses* amis lui reprochaient de parler ainsi en faveur d'un méchant homme...) Sử-ký thanh hoa — Ng. v. Vĩnh dịch) — Phải hiểu ngầm : *các* thân hữu *của ông*.

3°) Nhân, vật, sự đang nghe ta nói. — Ta muốn nói với một hạng nhân, vật, sự nào, tất phải coi hạng đó như ở trước mắt ta, ta biết rõ từng thứ thì lời ta nói mới có lý. Vậy danh-tự của hạng đó phải theo sau chữ *các*.

Nên nhắc lại cái thí-dụ của ông Phan-Khôi : «Thưa *các* ngài» không khi nào nói là «Thưa *những* ngài».

Gọi một cách khác cũng thế :

«*Các* anh em ơi!

«Bớ *các* trâu dê lừa ngựa kia!

«Hỡi *các* tâm sự của ta ơi! v. v....

Đã có một câu gọi như thế, thì trong hết thảy các lời nói mà ta muốn họ nghe, ta phải dùng chữ *các* trên danh-tự của họ:

«*Các* anh em ôi! Họ buông được lời tục tằn ra trên mặt báo, cũng là tại Xã-hội dong-túng! Thôi, *các* anh em tha thứ cho họ. *Các* anh em phải nghĩ rằng... v. v...»

4°) Nhắc lại nhân, vật, sự vừa kể trên từng thứ một, mà đã kể hết. — Ca này cũng phải dùng chữ *các*.

Ví dụ :

a) «Những ông sau này được trúng cử :

Ông A, ông B, ông C, v. v. (Phải kể cho hết).

Các ông đó đã vào yết kiến quan Tổng-trưởng».

b) «Tôi có một cái nhà ở phố Gia-Long, một cái phố Đồng-khánh, hai cái phố hàng Ngang, ba cái ở phố hàng Nón. *Các* nhà đó tôi đã bán một giá rất dẻ.»

Đó là bốn cái ca, mà *tất nhiên* phải dùng chữ *các* trên danh-tự. Trong bốn ca ấy, nếu nói sang tiếng Pháp đều phải dùng chữ *les* : article défini, pluriel.

(Còn nữa)

Nguyễn-cát-Ngạc

MƯỜI BÀI HỌC CỦA KẺ CHỈ BIẾT QUỐC-VĂN

Lời nói đầu

Sách hay không cần phải tựa, nhưng đây là một cái tiếng mới ở Đông-pháp nên cũng cần ít lời nói đầu. — Một người bạn tôi đã viết một bài trường-thuật ở báo nầy số 43 thì quý độc-giả cũng thừa rõ sự ích-lợi của T.G.N. — Ngôn-ngữ bất đồng, nhân-loại bất hiệp. — Cái thuyết « Tứ hải chi nội giai huynh đệ giả » mà không có đồng ngôn ngữ tưởng e cũng còn ở trong vòng mộng-ảo thôi ! —

Đồng-bào ta nên bỏ chút thì-giờ mà học nửa tháng *Một trang* nầy, trong ngót *nam tháng* thì đã viết được, xem được, nói được, hiểu được thứ tiếng ích-lợi nầy. Tri-thức nhờ học rộng xem nhiều mà mở-mang mà liên-hiệp với cả nhân-loại, thì sự tấn-hóa kết-quả càng mỹ-mãn, khỏi nỗi u-ám vì bả cặn văn-minh.

Ông Tolstoï nói : « Công học T.G.N. thậm ít mà kết-quả rất nhiều khiến người vô-tình cũng phải vui lòng học-tập. »

Riêng cho những kẻ học-sinh thì học T.G.N. lại dễ học tiếng Pháp.—

Ông Corcos (Ligue des droits de l'homme) nói :

« Nghĩ đến thì-giờ bỏ phí để học Ăng-le, I-pha-nho, Ý-đại-lợi, La-tinh v v... thì tôi căm-tức vô-cùng, tôi chỉ bỏ một ít thì-giờ mà học Esperanto thì ra Thế-giới mở toang cửa rộng trước con người tôi vậy. »

Viết các ý-kiến thì không bao giờ cho hết. Có thơ vịnh T.G.N. sau nầy :

Thế-Giới-Ngữ rất là dễ học,
Có chi chăm vài tháng đã tinh !
Vần A B nhứt tự nhứt thanh,
Điệu làm văn mỗi câu mỗi luật.
Hợp nhân-loại ác tâm trừ khuất,
Bình ngữ ngôn liên-hiệp xuất dương.
Dân chăm học, nước tức hương,
Người chăm học ắt thương giống nòi.
Ai ơi ! học lấy kẻo hoài ! ! !

N.B. Vần A B, mỗi chữ đọc một cách nhất định và điệu làm văn có 16 câu nhất định không thêm giảm.— *Sách này dạy đã nhiều người kết-quả rất mỹ-mãn. — Vậy xin kính hiến đồng-bào.*

Ai muốn hỏi gì xin đính tem để giả lời.

H. B. Dưỡng
Hanoi

Bài đầu

Vần A B (chữ cái) có 2 thứ chữ. *cách đọc nhất-định, khi nào cũng phải đọc cả* (không có câm điếc như Pháp, Ăng-lê v v...)

1) Một thứ đọc như Quốc-văn : A. B. G. H. I. L. M. N. R. T. U. V.

2) Một thứ đọc khác Quốc-văn (nên học kỹ, ví-dụ thì nhớ, không cần học chữ. —)

C đọc tx ví dụ Cimo, tờ-xi-mô : con rệp (1)
D — đ v. d. Du, đu : Hai
E — ê — velo, vê-lô : cái buồm ghe
F — ph — fali, pha-li : ngã, bỗ
K — C — koko, cô-cô : con gà trống
O — Ô — lito, li-tô : cái giường nằm
P — b (nặng giọng) — pano, pa-nô : bánh tây (mì)
S — X — salo, xa-lô : muối
Z — dz — Zinko, dzincô : kẽm

(Những chữ sau này có giấu mũ ^ trên đầu song vì nhà in ta không có nên tạm dùng giấu ' Học xin chữa lại cho rõ-ràng. Từ rày về sau vẫn dùng thế)

C' đọc ts. vd. c'aro, tờ-sa-rô : xe bò (1)
G' — dj (j tây như r không rung lưỡi) v. d. nag'i, na-đờ-ji : lội bơi (1)
J' — j — j'eti, jê-ti : quăn, vất.
S' đọc s, v d. s'afo, sa-phô : con cừu,
H' — h (nặng giọng) h'emio, hhê-mi-ô : hóa-học,

Chữ h' này ít có lắm và có lẽ rồi bỏ, k thế vào. — (1) Những tiếng tờ, đờ đọc nhẹ nhẹ, thoảng qua thôi. —

Vần xuôi :

Hễ ghép a, i, u, e, o thì đọc được như quốc-văn vậy. Nếu hai chữ phụ-âm gặp nhau chữ trước đọc như có « ờ » mà nhẹ thoảng qua thôi ví dụ libro đọc li-bờ (nhẹ nhẹ) rô (sách học)

Vần trắc :

Aj đọc ay v.d. kaj, cay : với, mấy
Ej — ây — ejo, ây-ô : chỗ, nơi
Oj — ôi — fojno, fôi-nô : rạ, rơm
Uj — ui — tuj, tui ngay, liền
Ja — i-gia — jam, i-giaim : rồi đã
Je — i-giê — jesi, i-giê-xi : nói vâng
Jo — i-giô — jonko, i-gion-cô : ghe
Ju — i-giu — juna, i-giu-na : trẻ

Au' eu' (trên chữ u có giấu á (˘) đọc au, êu v d. nau' nau : 9 ; — eu'-ropo, êu-rô-po : Âu-châu.

Ngoài mười vần trắc nầy thì không có vần nào nữa nếu gặp ao, oa, ai, oe, ii, ui v v... thì mỗi chữ riêng nhau, v d : boao, bô-a-ô (con trăn).

Cách đọc tiếng một : Chữ nào cũng phải đọc, gộp cả mấy chữ là 1 tiếng. Vậy 1 tiếng có 1, 2, 3 v. v. âm

Âm trước âm chót phải đọc to hơn cả v. d : eu'ropo, *rô* phải to hơn êu và pô. —

14 ngày mới xong một bài như thế nầy tưởng cũng quá « ăn chơi », vậy xin học thêm một ít tiếng một để mà dùng — Những tiếng sau nầy do Hàn-lâm-viện T.G.N. và hội-đồng kỹ-sư đã duyệt y khuyên học. — Tiếng đóng lại là tiếng Pháp. —

Abelo (abeille) con ong

Abio (sapin) cây tùng
Aboni (s'abonner) mua báo có hạn
ac'eti (acheter) mua
adiau' (adieu) xin vĩnh biệt
admiri (admirer) ngắm mà say
adepto (adepte) đạt nhơn
adori (adorer) thờ phụng
advokato (avocat) trạng-sư
aero (air) không-khí
Balai (balayer) quét nhà
balbuti (bégayer) nói lặp-cặp
baleno (baleine) cá voi
baloti (voter) bầu cử
bambuo (bambou) tre
banko (banque) ngân hàng
barbo (barbe) râu cằm
beko (bec) mỏ chim
bela (beau) đẹp
benko (banc) ghế -dài
cedi (ceder) nhường
centimetro (cm) phân tây
centro (centre) trung tâm
cenzuri (censurer) kiểm duyệt
cervo (cerf) con nai
cifero (chiffre) chữ số
cigaro (cigare) điếu thuốc xì-gà
cigaredo (cigarette) — — nhỏ
C'agreni (chagriner) phiền não
c'ambro (chambre) phòng, buồng
c'apelo (chapeau) mũ đội
c'arniro (charnière) bản lề (khóa)
c'asi (chasser) đi săn bắn
c'asta (chaste) tinh-khiết
c'emizo (chemise) áo lót mình
C'eno (chaîne) giây chuyền xúc xích
C'erko (cercueil) cái hòm, quan tài
C'erpi (puiser) múc nước giếng
C'esi (cesser) thôi
C'evalo (cheval) con ngựa. —

Lời dặn. — Mỗi ngày, chép ra một quyển sổ tay nhỏ 5 tiếng, học cho thật thuộc 8 ngày là hết (40) Học thì phải đọc to cho quen. nhất là người có tuổi, chớ sợ ai dài lưỡi.

Chí đã quyết, ta nên chăm học,
Mặc người ngu trêu giọc ghẹo ngang !
Học xem ai đất. ai vàng !

* * *

Vì lắm kẻ học với tôi đã giỏi rồi than phiền không có sách đọc, tôi xin nhắc lại rằng : Nhà sách Librairie centrale Esperantiste 11 Rue de Sèvre Paris có đủ cả. Từ rày về sau sẽ đăng mỗi kỳ vài bài bằng T. G. N. để quý-bạn đồng lầm, kẻ chưa thạo sau này cũng cần đến. —

La verda stelo (Ngôi sao lục, bảo hiệu của người dùng T. G. N. đeo ở khuy áo).

La bela verda stelo
Kviete brilas jen
G'i estas alta celo
Allogas nin . . . . . kien ?

* * *

Steleto, kara mia,
Kion do volas vi ?
La brila lumo via,
Kion alportas g'i ?

* * *

La stelo, bela, klara
Mallau'te diris g'i :
Mi petas, mia kara,
La fratojn amu vie. —
Marie Hankel (Heroldo)

Đại-ý : Ngôi sao lục là một vật trước mắt nó xui dục ta thương nhau « tứ hải chi nội đai huynh đệ giã. »

Parizo, thành Pha-lê

Memoru mia koro, memoru pri Parizo,
Pri pasigitaj tagoj en tiu paradizo,
Pri Seino verda brila en sunsubira lumo,
Pri kanto de l'Urbego, pri tiu milda zumo.
Pri milda, ol la kanto de l'birdoj kaj l'maro.
Vespere tiu voc'o murmuras en domaro,
Rulig'as en aero vibranta de homspiroj,
G'i estas de la kisoj, deziroj, kaj sopiroj,
Ardanta kunfluado, loganta sinfonio,
Melankolia bruo, kaptanta harmonio.

J. Richepin — Carlo Bourlet
dịch (Movado)

Đại-ý : nên vọng - tưởng thành Phale, nơi thắng cảnh dộn nhịp. — (Bài này nguyên văn tiếng pháp).

Infaneto, por vi, vi laboras !

(Cậu bé ơi, cậu học cho cậu !)

Infaneto, mia kara, vi aliras lernejon por klerig'i. por ke, estontatempe, vi estu felic'a. Por vi do, vi laboras, Laborante por vi, vi kontentigas ne nur viajn gepatrojn, kaj vian parencaron sed ankorau' vian tutan sampatrujanaron ! Vi provas do ke vi dankemas viajn gepatrojn, vian parencaron, kaj vian patrujon !

Ông Cự-phú có khi phải đi vay

Nhà triệu-phú Rockefeller ốm nặng, lúc khỏi có tiếp khách tại biệt-thự của cô con gái. Trong tám qui-khách, có một ông phóng-viên nhà báo. Nhà báo liền phỏng-vấn :

— Thưa ngài, ngài đã mạnh?

Nhà triệu-phú trả lời :

— Dạ, chưa lấy gì làm mạnh cho lắm... cũng như tình-hình kinh-tế hiện-thời.

— Ngài hẳn lấy làm rầu lòng... vì..?

— Dạ, cũng không lấy gì làm rầu lòng, vì tôi có ốm, tôi mới biết hưởng cái hạnh-phúc những khi còn khỏe-mạnh. Thưa ngài, «những khi ta xung-xướng mà ta nghĩ lại lúc khốn-khổ vừa qua thì ta lại càng xung-xướng lắm». Ngài nên biết câu vừa rồi tôi... mượn của Lamartine (1).

Nhà báo phì cười :

— Bây giờ tôi mới thấy một ông triệu-phú đi vay... vay Lamartine là một.

(1) Câu này của Musset chứ không phải của Lamartine.

Laborante ankorau' por vi, c'iam por vi, vi ne estos malutila por la Homaro, male vi povos g'in servi, vi provas do vian dankemon al g'i.

Unuvorte, laborante por vi, vi plenumas viajn tri devojn : devo de bona filo, de bona s'tatano. de bona Homo. —

Laboru do, infaneto, mia kara amiko.

Thiên-Hương

Đại ý : Học để được thông thái sung sướng (ích cho mình) cha mẹ, bà con đồng bào được vui lòng, ấy là tỏ hiếu, thảo, trung. Học đã ích cho mình, làm mình khỏi là sâu mọt xã-hội, làm mình ích cho xã hội, ấy là trả nợ cho xã hội. Học ích cho mình mà trọn hiếu-thảo trung nghĩa. Gắng học đi cậu bé bạn tôi ơi !

H. B. Dưỡng

PHỤ-NỮ

PHỤ-NỮ NHẬT VỚI VẤN-ĐỀ MÃI-DÂM

Sự mãi-dâm đã nêu trong dư-luận thế-giới một vấn-đề rất quan-trọng. Nước ta tuy các sự phong-lưu phù-phiếm không được như các nước người, song ít lâu nay các nhà ngôn-luận, mà nhất là trong phái phụ-nữ có đôi chút học-thức, đã thấy hao giấy tốn mực về vấn-đề mãi-dâm. Thậm-chí đã có người phải lớn tiếng kêu cái tỉnh Hà-nội là *Hànoi—Sodome*, vì cái kinh-thành đỏ xứ Bắc như một nơi dong dài đàng-điếm (1). Tôi tuy ưa lạc-quan, song đem đến như tình-thế sự mãi-dâm ngày nay, cũng phải cho câu Hanoi—Sodome là không quá-đáng. Nếu không tin, các ngài hãy ra chơi phố, chơi dong phố một đêm thôi, các ngài sẽ thấy cái phong-vị của thành Sodome xứ Bắc. Đây là một « cái phòng cho thuê », các ngài chỉ ra hiệu là tụi bồi « săm » răm rắp đi gọi « mèo » cho ngài. Bước vào rạp hát, đi qua các phố « hàng lơ » (2), ... mà nếu các ngài có chịu khó qua cái chốn « Bạch-Kiều » (3), các ngài sẽ thấy hàng nghìn con người mà tụi phu xe hay công-tử-bột thường gọi là « cảnh sộp ».

* * *

Cái « phong-vị » cay đắng đó, ta lại tìm thấy nó ở nước Nhật, mà nhất là ở trong thành Đông Kinh. Thế-giới đã có ba cái « khoái » : ăn cơm Tàu, ngủ giường Tây, lấy vợ Nhật. Người đàn-bà Nhật mềm mỏng dịu dàng như bông hoa hồng trong vườn Đông-Kinh bách-thảo, người đàn-bà Nhật kín đáo nhẹ nhàng như cái áo Kimono quấn ép cái thân con cháu Thiên-hoàng, nói tóm lại người đàn-bà Nhật là biểu-hiệu tất cả các vẻ đẹp của một người con gái Đông-phương mới tỉnh giấc.

Cái đẹp của nước Nhật, cái mới của nước Nhật, cái « sướng » ở nước Nhật, cái « hay » ở nước Nhật... từng ấy cái « khoái » đã xô-đẩy có đến mấy vạn người ngoại-quốc hàng năm tới đất Nhật. Mà chỉ có hạng nhiều xu mới sống nổi ở đất Nhật, nên cuộc « phong-lưu-trận » ở Nhật-Bản đã thành một câu tục-ngữ.

Tối đến, khách chơi phố thường thấy dưới cột đèn, cạnh nhà hát, hay ở trước các ca-lâu tửu-điếm, lũ lượt từng «com-ba-nhi» «cảnh sộp». Ngài có đứng dừng lại nhìn cái chương-trình rạp hát hay rạp chớp bóng dán ở đầu đường thì tụi lâu-la đó đã lại kéo áo ngài, ghé tai ngài, nói nhỏ với ngài một câu dáo hoảnh : « *Thôi chúng ta ... đi chứ !* ». Nếu ngài có cái tính tò mò mà «đi » , thì bọn họ sẽ kéo ngài « lên giời » nghĩa là bọn họ đưa ngài tới rạp « The passinger », tới các ngõ cụt (impasses) mà bọn phong-lưu công-tử ngoại-quốc vẫn gọi là « *cõi Nát-Bàn của tụi đi nhặt mẩu si-gà* » (le nirvâna des mégotiers) (4). Ngài là triệu-phú, mời ngài vào các phòng tắm do hạng người nửa làm bồi (5) nửa chơi điếm hầu-hạ các ngài : nếu ngài tắm « suông » thì ngài trả từ mười đến trăm nhật-kim (tùy từng hạng sang, hèn), nếu ngài « tò mò » thì xin ngài giốc cả túi tiền, dầu ngài có sẵn hàng nghìn trong « bót-tầm-phơ » . Cái lối « *Thôi chúng ta đi chứ* » thì Thượng-Hải, Hàng-Châu, Nữu-Ước... đâu cũng có, còn cái lối « phòng tắm » thì chỉ riêng có nước Nhật là khoản-ứng được các ngài... khoản-ứng các ngài một cách thật « quí-phái ».

Tuy ở Nhật không có cái thú đi ngắm các bộ chân nõn nà như ở rạp Folies Bergères hay ở các rạp Music-hall, nhưng nếu, cạnh bàn ăn trong các tửu-điếm, một cô gái điếm người Nhật vén cái tay áo thùng thình lên mà để cho khách ngồi đó « nuốt » cánh tay ngà ngọc của cô, thì tôi thiết tưởng cái giá chỗ ngồi trong Folies-Bergères cũng không đắt bằng cái giá tiền ngài phải quẳng ra lúc bấy giờ. « Vạch cánh tay áo » cũng là một nghề rất mới mà chỉ riêng nước Nhật có.

Ở Pháp có Bois-de-Boulogne, ở Nhật có đến hàng trăm Bois-de-Boulogne. Nước Nhật vốn nổi tiếng về nghề trồng cây, trồng hoa, nên có nhiều rừng nhỏ đẹp bằng trăm cái rừng Boulogne của nước Pháp. Chiều đến, nam-thanh nữ-tú kéo nhau vào trong các khu rừng đó để « hi-sinh » với thần Vệ-nữ.

Cuộc phong-lưu-trận đó kể ra thì còn nhiều thứ lạ, song từng ấy cũng đủ tả cái phong-trào mãi-dâm ở nước Nhật ra sao rồi. Bây giờ tôi mới nói đến cái hại.

Trước hết ta hãy xem cái « lợi » nó ra sao đã. Năm 1928, nước Nhật thu được 589.000 Nhật-kim. Năm 1930, số thuế đó tăng lên gấp bốn : 2.675.089 Nhật-kim ! Rồi mấy năm khủng-hoảng, cái số làm điếm có thuế tăng vọt lên, số tiền không biết thu vào đến bao nhiêu ! Làm đĩ mà cho chính-phủ từng ấy tiền đó.

Còn cái hại, bất-tất phải nói, thì chắc các ngài cũng đoán được cái

---

(1) *Hanoi-Sodome* : câu này của một bạn đã từng viết trong Phổ-Thông vào khoảng năm 1930.

(2) *Phố hàng lơ* : tiếng riêng của bọn chơi điếm dùng để gọi các phố có thanh-lâu.

(3) *Bạch-kiều* : tức là Cống trắng ở dưới khâm-thiên. Nhân-tiện tôi xin kể một cái khóe của mấy ông « lên giời » mà lại hay trốn vợ : nếu các ông có nợ chầu hát nào ở xóm dưới, các ông gửi tiền bạn xuống trả hộ, các ông ngâm mấy câu thơ sau này :

Có ai qua lối Bạch-kiều,
Xin nhờ gửi nhắn ít nhiều bi-ai.

Nguyên văn câu thơ đó là của Cao-bá-Nhạ.

Có ai qua lối Hoạn-kiều,
Xin nhờ gửi nhắn ít nhiều bi-ai,
Tình Kiều-tử hôm mai đàng đẵng...

(4) Tiếng *mégotiers* không những là chỉ riêng những người đi nhặt mẩu thuốc lá đã vứt đi, tiếng đó còn dùng để gọi các tay dãng-tử mà ít xu.

(5) Đáng nhẽ là tiếng geurl, song ta quen gọi bồi (boy), nên phải dùng chữ « bồi » cho quen tai (tôi vẫn sợ cái thuyết đính-chánh).

hại đó to-tát thế nào rồi. Tôi chỉ hiến các ngài một con số, các ngài đủ hiểu chỗ quan-trọng của cái hại đó.

Năm 1930, nước Nhật tiêu-thụ mất: 729. 560 nhật-kim về các thuốc bài-trừ « bệnh tình »

Một người đàn-bà Nhật viết trong một tờ tạp-chí. nhân bình-phẩm về cuốn « *L'égoïsme, seule base de la société* » của ông Félix le Danre, có nói rằng: « Bất tất phải nói tới cái giá-trị của cuốn triết-học đó. Ta xem ngay như nước ta (nước Nhật) thì đủ rõ cái tính vị-kỷ của người đời là thế nào rồi: thứ nhất là cái tính ích-kỷ của mấy người cầm vận-mệnh nước nhà trong tay;... họ để vào « két » hơn bẩy triệu nhật-kim về tiền thuế của bọn chơi điếm, họ thí cho hơn sáu vạn người khốn-nạn chưa đầy một triệu để phòng bệnh hoa-liễu ...» Bà ta kết bài đó bằng một câu đau-đớn rằng: «Tôi cũng biết mà: *Họ là đàn-ông!*»

... Có một ông người Nhật, bình-phẩm bài của bà đó, viết:

« Bà này chỉ biết nói tới cái đầu-đề của cuốn sách đó (L'égoïsme, seule base de la société) thôi »

Xem đó thì biết người đàn-ông ích-kỷ đến thế nào.

∴

Phụ-nữ Nhật cũng đã rõ tình-thế đã lâu rồi. Song vì họ không có thế-lực gì nên trong mấy năm đành ngồi bó gối thở dài. Một năm, tôi không nhớ là năm nào, đàn-bà Nhật quyết xin ra ứng-cử và bầu phiếu nghị-viên. Họ thả những quả bóng bơm bằng hơi nhẹ cho bay khắp thành Đông-kinh có đến hàng vạn quả, quả nào cũng có đề mấy câu: *cho chúng tôi đầu phiếu, cho chúng tôi ứng-cử*. Nhân đó, một phóng-viên có đến phỏng-vấn một bà hăng-hái nhất trong bọn đó, và hỏi bà lúc bà ra nghị-viện thì bà thỉnh-cầu điều gì. Bà đáp:

« Tôi xin bỏ sự mãi-dâm ».

*
* *

Về sau, xem phụ-nữ không có thế-lực gì trong trường chính-trị, mấy bà có tâm-huyết quyết xin phép mở *Phụ-nữ toàn-quốc hội-nghị* (Etats généraux des femmes). Hội nghị nhóm lần đầu, nên cái vấn-đề mãi-dâm lên trước tiên, rồi sau mới bàn tới vấn-đề khác.

Kết-quả: các bà bàn nên lập một hội gọi là Phụ-nữ quốc-phòng, mục-đích là trừ tiệt hay làm bớt sự mãi-dâm trong nước.

∴

Hội *Phụ-nữ quốc-phòng* (natahi-karaijhi) cũng như các hội khác, có chia ra một ban trị-sự và một tiểu-ban. Tiểu-ban làm như một đội quân nữ-tử, chia làm hai phần-bộ:

1° Ban cổ-động, và

2° Ban cảnh-sát.

Ban cổ-động toàn là nữ-sinh-viên các trường cao-đẳng và các bà có tai mắt trong nước, công-việc là đi khắp tửu-điếm, ca-lâu diễn-thuyết về vấn-đề mãi-dâm, khuyên-bảo các gái giang-hồ cải-tà qui-chánh.

Còn ban cảnh-sát, phần nhiều là hạng người đã trải qua cái vòng hoa-nguyệt, nói tóm lại là hạng người bất-đắc-chí, chuyên sục-sạo các nơi ngõ liễu tường hoa, ngăn-cản các con nhà tử-tế sắp bước vào đường tình-dục.

Đội quân cảm-tử đó càng ngày càng đông, lấy chủ-nghĩa *quốc-phòng* làm mục-đích. Cái hại của sự mãi-dâm là cái hại to có ảnh hưởng tới vận-mệnh toàn-quốc, nên hội mới lấy cái danh-từ *quốc-phòng* mà đặt tên cho đội quân cảm-tử đó.

Trong một năm 1931, hội đã làm nhiều việc đáng ghi. Tuy từng ấy hòn đá của bà Nữ-Oa không vá được cái bầu giời ảm-đạm, song tưởng cũng là một giọt nước trong bãi sa-mạc, một sự-nghiệp đáng gọi là vĩ-đại.

*
* *

Còn cái tỉnh Hanoi—Sodome của ta thì sao? Đội quân quốc-phòng của ta đâu?

Theo cái ý mọn của tôi thì cái hội *Phụ-nữ quốc-phòng* cũng đáng cho phụ-nữ nước nhà để ý tới.

Thu-Tùng

TIN VẮN

NƯỚC NHÀ

— Hơn 240 dân-phu (có báo đăng : 1200) người Bắc làm tại Phú-Quốc, phải đi bộ lần về quê-hương vì không có việc làm. Tình-cảnh bơ-vơ! Các ngài, thương lấy kẻ đồng-hương.

— Nguyễn-trí-Phác can về vụ ám-sá Khuyến ở Đáp-cầu phải tòa Nam-án Bắc Ninh kết án tử-hình.

Phạm-Hữu-Hoán, đồng-phạm, khổ sai chung-thân.

Một người 20 năm khổ-sai, một người 15 năm, một người 10 năm. Còn tội đồ 5 người, trắng-án 13 người. Án tuyên xong, cô ả Nguyễn-thị-Nền đệ đơn xin thưởng vì đã kêu cho tuần-phiên biết mà bắt hung-thủ

XIÊM

— Vua Xiêm công-nhận mọi điều-kiện của Chính-phủ tạm-thời, chính-thể nước Xiêm sẽ hoàn-toàn là một chính-thể quân-chủ lập-hiến.

PHÁP

— Ông Paul Reynaud, nguyên tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, được cử làm Nguyên-lão nghị-viên thay ông Maurice Sarraut (quận Aude)

ĐỨC

— Đến kỳ bầu-cử nghị-viên này, đảng Xã-hội và Cộng sản sẽ cho cả vào một sổ chung, hai đảng đó sẽ hoàn-toàn hợp-nhất

NƯỚC NHÀ

Nguyễn-ái-Quốc, mới đây tạ-thế trong bệnh-viện một nhà ngục của Anh tại Hong-kong. Ái-quốc mất vì bịnh lao.

— 2, 3 Juillet. Bà con nên nhớ đến dự cuộc chợ-phiên ở Khai-trí Tiến-đức, vừa mua vui, vừa giúp bát cơm cho anh em nạn dân Trung-kỳ.

TIN BUỒN

Bản-chí vừa được tin buồn rằng:

Cụ Vũ Huy-Kỳ

thân sinh ra các ông Vũ-Cầu, chủ hiệu Cự-Xuân, Vũ-Tấn, thư-ký sở Kho-bạc, vừa tạ-thế tại số nhà 100, phố Bắc-ninh, Hanoi. Tang-lễ đã cử hành sáng hôm nay về quý-quán ở làng Cự-đà (Hà-đông),

Bản-chí xin có lời trân-trọng chia buồn cùng ông Cầu và ông Tấn.

MỸ-THUẬT VÀ ĐỒ CỔ CỦA TÀU

(Tiếp theo)

Ngọc Thạch

Người Tầu cho ngọc là một vật quí nhất trong các bảo thạch, vừa rắn, vừa trong, vừa bóng, vừa đẹp, có đủ các sắc, khác gì tinh tủy của tạo-hóa. Tục truyền rằng thần phong-vũ lấy ở cầu vồng trên trời mà gieo xuống đất để làm của châu báu cho loài người. Ngọc lại là một món thực-phẩm của môn-đồ đạo Lão, có chất thiêng liêng trị được nhiều bệnh.

Trong sách cổ của Tầu có nói ngọc trị được những bệnh: hiếm-hoi không sinh đẻ, đau dạ dầy, đau phổi, đau tim, đau ruột và các chứng bệnh của đàn-bà. Ngọc lại có chất làm cho khỏe gân cốt, an thần, sinh cơ nhục, thông huyết mạch.

Ngọc có những sắc này : đẹn nhờ nhờ, đen nhánh, trắng như mỡ, trắng như sữa, trắng như ngà, lục non, lục thẫm, lục thiên thanh, lục cát châu, lục chàm, vàng nhạt, vàng thẫm, vàng như nghệ, vàng điểm hồng, vàng da cam, đỏ mào gà, đỏ như son, đỏ như gấc, xanh tươi, xanh pha đen, xanh nguyệt bạch, tía điểm lục, sám mùi do, nâu già, nâu non.

Các sắc ngọc, người Tầu quí nhất là những sắc này : trắng như tuyết, xanh như cánh trả, vàng như sáp ong, đỏ thẫm và đen như mực ; vài thứ ngọc hiếm nữa là ngọc sắc mỡ cừu điểm đỏ và xanh tươi điểm vàng ; hai hạng ngọc ấy đắt tiền lắm.

Từ thượng-cổ các vua chúa bên Tàu dùng nhiều ngọc lắm ; các chư-hầu đem cống tiến cũng nhiều.

Ngọc vì rắn lắm cho nên người thợ làm phải dụng công, phải chịu khó mài dũa cho trơn bóng, nhiều khi chạm một cái đồ bằng ngọc phải mất năm, sáu trăm công.

Người thợ trước khi mài dũa phải lựa hình thể miếng ngọc theo ráng tự-nhiên mà làm thành một vật quí.

Các đồ dùng để mài, dũa, khoan, đều có mũi bằng kim-cương mới làm được ; khi đã phác thành hình một cái đồ rồi, phải sửa-sang mãi và đánh cho thật bóng.

Người Tàu cho ngọc là một vật có tinh-thần, có cảm-giác, cho nên đời cổ làm nhiều đồ thờ bằng ngọc.

Theo như tư-tưởng người Tàu, ngọc lại có chất mầu-nhiệm, thâm-thúy. Ông Tử-Cống có hỏi đức Khổng-Tử rằng : « Tại làm sao người hiền-nhân quân-tử lại thích ngọc mà không ưa đá hoa ; vì ngọc hiếm mà đá hoa nhiều hay sao ? — Đức Khổng-Tử dạy rằng : Không phải là đá hoa nhiều mà không có giá, không phải là ngọc ít mà quí hơn ; là vì từ đời xưa những bực hiền-nhân vẫn ví cái nết hay như ngọc. Sự bóng-bẩy của ngọc khác gì tinh-thần của người ta ; sự bền rắn của ngọc khác gì sự thông-minh vững-vàng của loài người ; những cạnh miếng ngọc trông sắc như dao mà không nỡ cắt ai ; ấy chỉ sự công-bằng ; những hạt ngọc đính trên mũ hay đeo ở thắt lưng ấy chỉ sự lễ-nghi ; cái tiếng kêu thanh thanh của ngọc, ấy là âm nhạc đấy ; cái sắc long-lanh của ngọc, ấy là sự rực-rỡ của trời, mà ngọc lấy ở trên núi, đáy sông, ấy là sự sinh-hoạt của đất. Bởi những lẽ ấy mà người hiền-nhân chuộng ngọc.

Những đồ thờ và đồ trang Pháp làm bằng ngọc thường chia ra làm hai hạng : một hạng dùng về việc lễ-nghi ; một hạng dùng về triều phục để phân chức tước.

Những đồ thờ có bát ngọc, bình ngọc và đồ âm nhạc : Mỗi bộ có mười sáu miếng đeo bằng giây lụa buộc vào khung gỗ, khi đánh thì lấy cái dùi bằng gỗ mun gõ vào thành điệu chầm cầm.

Những đồ ngọc về triều-phục thì phân-ra từng kiểu, từng hạng để phân biệt quyền chức cao thấp. Hồi sáu trăm năm trước Gia-Tô, vua Tàu có đội cái mũ đính mười hai miếng ngọc, ngang lưng đeo một cái đai đính toàn bằng ngọc trắng. Lại tùy những lúc hoặc vua ra ngự hay vua tế lễ đeo mỗi thứ ngọc khác nhau.

Khi tế thiên-địa và tứ-phương vua Tàu dùng những đồ thờ bằng ngọc theo từng sắc từng kiểu riêng : Như tế thiên, thì dùng ngọc thiên thanh hình tròn ; tế địa ngọc vàng hình bát giác, tế phương đông, dùng ngọc xanh hình dài đầu nhọn, phương nam, ngọc đỏ hình cũng thế mà bé hơn, phương tây, ngọc trắng hình con hổ ; phương bắc, ngọc đen hình bán nguyệt.

Khi vua tế về vị nào thì đeo ngọc theo sắc ngọc thờ vị ấy, và đồ tơ lụa phủ các tế-vật cũng phải sắc ấy.

Đời nhà Chu đã có một ông quan coi riêng về kho ngọc nhà vua. Các quan khi mặc triều-phục có đeo đai lụa hoặc đai gia có những miếng ngọc đính vào. Ở giây lưng và giải áo cũng có những miếng ngọc đính lẫn với những miếng chạm bằng vàng bạc đeo lõng-thõng gần đến gót chân. Những lúc cử động vàng, bạc, ngọc, đụng chạm lẫn nhau thành tiếng kêu lảng-sảng như âm-nhạc. Trong sách có dặn các quan nên tập đi cho những miếng ngọc ấy kêu lên mới là long-trọng. Trong những khi vua hay các quan tế lễ có cầm hốt ngọc để định tâm thần. Hốt của vua thì hai đầu đều vuông chỉ nghĩa thăng bằng chính-trực trong khi trị vì thiên-hạ ; hốt các quan thì đầu trên hoặc tròn hoặc nhọn để chỉ sự phục-tòng nhà vua.

Các hoàng-hậu, công-chúa cùng cung-phi có cái trâm ngọc trên đầu, khuy ngọc ở áo để phân thứ tự ; hình dáng và lối chạm khác nhau.

Ấy ngọc đời xưa quý giá lạ thế, lại vì một sự hào-hoa phong-phú trong đời cổ giả mà làm cho ngọc lại có nhiều vẻ nên thơ nên hoạ.

Vào quãng thế-kỷ thứ sáu sau Gia-Tô, nước Tàu bấy giờ như hình đã chán-nản cuộc đời vì hơn một nghìn năm về trước bao phen chìm nổi, thịnh thịnh suy suy, tinh-thần đã mỏi mệt, lòng người không ham mê gì đến quyền cao chức trọng cho lắm nữa, coi đời như giấc chiêm-bao, chóng qua chóng nát, chẳng bao lâu hoá ra gió bụi. Âu là, chơi cho phỉ chí tang bồng, non xanh nước biếc bạn cùng trăng hoa.

Bực thượng-lưu bấy giờ nghĩ mình cũng chả có ích gì cho xã-hội, mà cũng chẳng hy-vọng gì nữa, nên ngày đêm chỉ miệt-mài trong cuộc truy-hoan, lấy cấu thơ chén rượu để tiêu sầu khiển muộn.

Cho nên đời nhà Đường, ông Lý-Thái-Bạch cũng nhân những cái cảnh ấy mà làm ra những thơ tuyệt riệu.

Trong lầu cao gác tía kia, trang-hoàng những đồ châu báu, nào người thi-sĩ nào kẻ tài hoa cùng nhau họp mặt vui vầy tay cầm chén rượu, miệng đọc câu thơ, cùng nhau nhả ngọc phun châu, đua tài đấu trí. Khi ấy chưa có đồ sứ, đều dùng chén ngọc, bình ngọc mà thi lễ. Nào rượu sen, nào rượu cúc, nào hương trầm bay ngào-ngạt. Cho nên có câu thơ :

Mùi hoa thấm đến ngọc này,
Làm cho thu tửu, uống say nồng-nàn.

Những ống bút, nghiên mực, lư nương, con dấu, bình hoa cùng các đồ bầy chơi đều bằng ngọc cả. Sự bóng-bẩy, sự khéo, sự đẹp của ngọc đã đành, lại tay cầm đến thấy mát-mẻ làm cho có một cái thích riêng không tả cho hết được.

Đời nhà Đường là thế-kỷ thứ bẩy sau Gia-Tô, cái cách chơi-bời thành-tao phong-nhã ấy càng ngày càng thịnh làm cho các đồ xảo nghệ khác cũng được tấn-tới thêm lên.

Ngọc quí giá như thế, vừa vui mắt, vui tinh-thần, những thợ khéo chế ra nhiều kiểu lạ, chạm kỹ, nào đồ nữ-trang, đồ để làm kỷ-niệm trao lẫn cho nhau. *(Còn nữa)*

Trần-văn-Kỷ
Kỹ-sư

KHOA-HỌC

Mặt-trăng và bể Đại-tây

Theo như định-ý của Laplace thì các vì sao thất-chính (planètes) như trái đất, mặt trăng... là các khối lửa ở các tinh-tú (astres) như mặt-trời bắn ra : cái vòng lửa xoay chung quanh mặt-trời dần dần nguội đi làm thành một khối-chất to ; khối-chất đó cứ lần theo vết vòng lửa cũ mà chạy quanh mặt-trời, cũng như trái đất chạy quanh mặt-trời vậy. Thổ-tinh (Saturne) ngày nay cũng như mặt-trời ngày xưa, vì Thổ-tinh là một khối lửa tròn chung quanh có cái vòng lửa bao bọc ; lâu ngày cái vòng lửa của Thổ-tinh sẽ biến thành sao thất-chính chạy quanh khối lửa tròn. Các ngôi sao thất-chính chạy quanh đó ta gọi là sá-tinh (do chữ tầu dịnh ở chữ satellite).

Tuy-nhiên cuộc biến-thiên thứ nhất đó còn có một cuộc biến-thiên thứ hai nữa : sau khi ngôi sao thất-chính đã thành-hợp thì đầu tiên chung quanh ngôi sao đó cũng có một cái vòng lửa ; cái vòng lửa đó dần dần hợp thành một ngôi sáo thất-chính thứ hai nữa, tức như mặt trăng do ở trái-đất mà ra ; mặt trăng là một ngôi sao thất-chính đối với trái-đất, cũng như trái-đất là một ngôi sao thất-chính của mặt-trời vậy.

Đến ngày nay, người ta cũng chưa biết đích nguyên-do phát-sinh của mặt trăng ở đâu mà ra ; người ta còn ngờ cái định-ý của Laplace lắm, cho nên có lắm nhà thiên-văn như các ông R. Staub và L. Kober còn cho cái vòng lửa chạy quanh trái đất thủa trước là không có, là hão-huyền. Ông Staub và ông Kober định-nghĩa là mặ -trăng do ở khối lửa bắn ra chứ không phải ở vòng lửa, vì các ông đó tin rằng bể Đại-tây-dương, ngày nay là một khối-chất ngày trước khối-chất đó bắn ra họp thành mặt trăng. Dần dần nước mưa, nước tuyết lấp đầy cái chỗ chũng đó mà làm thành biển, tức là biển Đại-tây-dương vậy. Song cái định-thuyết đó chưa có ai tin.

Xong xét ra thì có lẽ định-thuyết của Laplace đúng hơn định-thuyết của Staub và Kober. Nói rằng mặt-trăng là mảng đất do biển Đại-tây bắn ra, bây giờ ta thử đo khối-tích (volume) của biển Đại-tây mà so với khối-tích của mặt-trăng xem sao đã.

Vừa đây ông Eruvin Kossina chủ tính đi do khối-tích các đại-dương, ông Eruvin tìm thấy bể sâu trung-bình của Đại-tây-dương là 4117 thước và khối-tích của Đại-tây-dương là 708.000.000 kilomètres cubes. Nguyên như chu - vi mặt-trăng đã đo được 3.480 km, còn như khối-tích của chị Nguyệt có hơn 22.000.000.000 kilomètres cubes. Đem so-sánh hai con số, 708.000.000 và 22.000.000.000, ta đã thấy khát nhau xa thì đủ biết việc đem so-sánh mặt-trăng với biển Đại-tây là đáng ngờ lắm.

Hai ông Staub và Kober còn cố cãi : nhưng, trước đây, khối-tích Đại-tây-dương to hơn nhiều. Vậy thì ta đo lại theo phép địa-chất-học và vật-lý-học (principes géophysiques) : ông Bouvie, theo phương-pháp đó, cho bể sâu bể Đại-tây là 30 hay 40 anh-lý, nhưng lúc tính-thành khối-tích thì cũng chỉ tìm được có 18.000.000.000 kilomètres cubes, tức là khối-tích của biển Đại-tây trước ngày lập-địa (époque éologique) ; 18.000.000.000 còn kém 22.000.000.000, ta không thể nào tin được cái thuyết của Staub và Kober.

Laplace cho mặt-trăng do ở vòng lửa chạy quanh trái-đất mà họp-thành, vì Laplace lấy sự mặt-trăng chạy quanh trái-đất là do sự mặt-trăng theo vết vòng lửa cũ mà di-dịch. Còn Kober và Staub cho mặt-trăng do ở chính khối lửa mà ra, thì tôi chưa hiểu mặt trăng của Staub Kober theo lối nào mà chạy ?

Tuy nhiên, ta chưa phải hẳn là thiên văn gia, thì việc thiên-văn ta còn nhờ các bậc đàn-anh dàn xếp. Staub và Kober đúng lý, hay Laplace đúng lý ta chưa biết rõ được.

Vũ-Lang

VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG TẬP

Cùng ông Nam-Đán thơ « ngày xuân tương-tư »

Nay tôi xin đáp lại « *những lời đàm phán* » của ông Nam-Đán về ba bài thơ *ngày xuân tương tư* đăng ở kỳ trước đây, số *46*.

1. **Bài nguyên-vận.**— Bài thơ này nguyên chỉ là một bài thơ chơi, thực cũng không là truyên nhớ ai, mà sự nhớ thực lại man-mác không xiết là những ai. Trong văn-đàn cần phải có thơ để mua vui cùng các bạn Độc-giả, mà thực cũng không biết làm ra bài thơ gì. Nhân một sự nhớ man-mác đó, cho nên lấy hai chữ « *tương-tư* » làm đầu đề ; lại hiềm vì vắn vủn quá, cho nên nhân đương ngày xuân mà thêm hai chữ « *ngày xuân* » lên trên, cho được khỏi vắn vủn và thêm có mầu-nhiệm. Ấy bài thơ nguyên-vận của tôi, bốn chữ đầu đề, do như thế mà lập nên ; thực không phải vì hai câu *tam tứ* đã có trước mà rồi mới mạnh đề vậy.

Cứ nguyên-ý mạnh đề như thế, cho nên đầu đề tuy bốn chữ mà thực chỉ trọng ở hai chữ «*tương tư*»; còn như hai chữ « *ngày xuân* » chỉ như vuông nhiễu phủ ở giá gương vậy. Cho nên trong bài làm, như một câu phá, « *trách cái tầm xuân nhả mối tơ* », đã có điểm ra chữ «*xuân* », như thế là đủ. Theo ý ông Nam-Đán cho là «lậu mất chữ xuân », là ông nói về lối thơ cử-nghiệp ; song như bài đó, là lối thơ tình.

Câu thứ hai, hai chữ « *bối-rối* » mà tiếp xuống chữ «*mối*», ý riêng tôi lấy làm rất hay ; đọc lên, chính càng thêm thấy bối-rối vậy. Hai chữ «*làm cho*», thừa câu trên tiếp xuống, êm mà xuôi, không cần phải nói mình mà tự là không có ai. Nếu như ông Nam-Đán muốn đổi làm chữ « *để mình* », thời lời thơ như thế quê thực qua, không có vẻ éo-léo, sao cho là thơ tình ? lại mot chữ « *để* » là tiếng trắc, rất kỵ đặt ở đầu câu niêm bằng ; huống chi lại là câu thứ hai, câu thơ vần !

Hai câu *tam tứ* là địa-vị câu thích thực, tuy lấy chữ « *tương-tư* » làm trọng, mà thực cũng không lậu chữ *xuân*. Câu trên, chữ « *sương* », không cần phải cứ ở đâu khác, ngay như trong truyên Kiều : « *giọt sương gieo nặng cành xuân la-đà* », xem đó cũng đủ thấy. Câu dưới, chữ « *nhạn* », tuy là về cảnh thu đất hơn, song mà xuân cũng không phải là không có nhạn *Nhạn thu lai xuân khứ* 鴈秋來春去. Vậy thời «*nhạn lẳng chân giời* ».. Chẳng cũng là hợp nghĩa, chớ sao ?

Câu thứ năm, ba chữ « *tình lúc ấy* », ông Nam-Đán cho là *không nhã*, ông muốn đổi là « *tình bạn cũ* », vậy thời ông tự thấy ra nghĩa hẹp, mà ông lại làm ra hẹp nghĩa, mất hay.— Nguyên cứ ý tôi thời như ba chữ ấy, tôi tự cho là hay nhất trong bài thơ.

Nguyên vì trong thân-thế của tôi, chịu cảm-tình của các người trong xã-hội thực lắm. Xin hãy kể qua như những *lúc* : cùng ông Diệp-văn-Kỳ trên cái ghế vườn hoa ở *Saïgon*, câu chuyện không đầy tiếng đồng-hồ, mà ông nhận giúp cho một nghìn bạc ; cùng ông Đỗ-đình-Đạt trong trái nhà lá ở ấp *Đồng-sành*, cùng đứng nói truyện trong phút-chốc, mà ông nhận bao-dung cả một gia-quyến kể có vừa nửa năm ; An-nam tạp-chí ở Hàng-Lọng đương nguy, mà *Mũi-ngọc* có người gửi cho bốn chục bạc ; Tản-đà thư-điếm ở Hàng-Gai mới mở mà *Phủ-lý* có người cho rau sắng chùa Hương ; *trên tầu thủy* ở Saïgon về Hải-phòng, muốn ăn dứa có người gọt cho ăn, muốn uống nước có người đun cho uống ; *trên xe hỏa* ở Hải-phòng về Hà-nội, trong khi cảm mệt, có người nhường nệm cho ngồi

Bắc nam đâu tá ? hỡi người !
Nước mây man-mác, ngậm-ngùi lòng ai.

Nay hồi-tưởng lại bao khi xưa, mà lấy ba chữ « *tình lúc ấy* » gửi đi, như đánh điện vô tuyến, phàm là người từng có chút cảm-tình trong phút-chốc, từ một miếng giầu mời ăn một cái chắp tay cùng vái, đều có thể là người nhận thơ.— Nếu theo ý ông Nam-Đán lấy hai chữ « *bạn cũ* » để thay, thời mười phần hẹp lại còn mấy !

Nay xin hãy trả lời ông Nam-đán về một bài nguyên-vận ; còn hai bài họa, xin đợi kỳ tới đây.

Nhân tiện xin đăng hai bài họa của ông, trong kỳ đây, và kỳ khác lại sẽ có làm ra giảng-tập.

Nguyễn-khắc-Hiếu

* * *

Thơ họa «Ngày xuân tương tư»

1. — Họa theo vần xuôi

Vì đâu khúc ruột chín vò tơ ;
Ghép chữ "tương" vào với chữ "tư."
Giời đất đời Hoàng, *chim ấm tổ ;*
Nước mây lòng khach, nhạn ngong thơ.
Hồng chen tía đượm ; ai người cũ ?
Đá tạc vàng ghi trạnh ước xưa.
Ngao-ngán đầu xanh mơ nhướm bạc.
Hỡi người trong nhớ biết cho chưa ?

2. — Họa theo vần ngược

Hỡi người trong nhớ biết cho chưa?
Non nước còn y, cảnh khác xưa.
Não khách đài gương xa tựa bóng;
Cùng ai chén rượu góp bàn thơ?
Cuộc đời ngán nỗi "vô-thường-định;"
Truyện cũ ôn bài "hữu-sở-tư".
Nhắn nhủ Đông-hoàng soi xét thấu,
Ruột tằm sau trước vẫn vương tơ.

Nam-Đán

DỊCH THƠ PHÁP

L'isolement

Souvent sur la montagne, à l'ombre d'un vieux chêne,
Au coucher du soleil, tristement je m'assieds;
Je promène au hasard mes regards sur la plaine
Dont le tableau changeant se déroule à mes pieds.

Ici gronde la fleuve aux vagues écumantes;
Il serpente et s'enfonce en un lointain obscur;
Là le lac immobile étend ses eaux dormantes,
Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.

Au sommet de ces monts couronnés de bois sombres,
Le crépuscule encor jette un dernier rayon;
Et le char vaporeux de la reine des ombres
Monte et blanchit déjà les bords de l'horizon.

Cependant, s'élançant de la flèche gothique,
Un son religieux se répand dans les airs:
Le voyageur s'arrête, et la cloche rustique
Aux derniers bruits du jour, mêle de saints concerts.

Mais à ces doux tableaux mon âme indifférente
N'éprouve devant eux ni charme ni transports;
Je contemple la terre ainsi qu'une ombre errante:
Le soleil des vivants n'échauffe plus les morts.

De colline en colline en vain portant ma vue,
Du sud à l'aquilon, de l'aurore au couchant,
Je parcours tous les points de l'immense étendue,
Et je dis: « Nulle part le bonheur ne m'attend. »

Que me font ces vallons, ces palais, ces chaumières,
Vains objets dont pour moi le charme est envolé?
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé.

Que le tour du soleil ou commence ou s'achève,
D'un œil indifférent, je le suis dans son cours;
En un ciel sombre ou pur, qu'il se couche ou se lève,
Qu'importe le soleil? je n'attends rien des jours.

Quand je pourrais le suivre en sa vaste carrière,
Mes yeux verraient partout le vide et les déserts:
Je ne désire rien de tout ce qu'il éclaire,
Je ne demande rien à l'immense univers.

Mais peut-être au delà des bornes de sa sphère,
Lieux où le vrai soleil éclaire d'autres cieux,
Si je pouvais laisser ma dépouille à la terre,
Ce que j'ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux.

Là, je m'en irrerais à la source où j'aspire;
Là, je retrouverais et l'espoir et l'amour;
Et ce bien idéal que toute âme désire,
Et qui n'a pa de nom au terrestre séjour.

Que ne puis-je, porté sur le char de l'aurore,
Vague objet de mes voeux, m'élancer jusqu'à toi!
Sur la terre d'exil pourquoi resté-je encore?
Il n'est rien de commun entre la terre et moi.

Quand la feuille des bois tombe dans la prairie,
Le vent du soir s'élève et l'arrache aux vallons;
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie
Emportez moi comme elle, orageux aquillons!

Lamartine

Tịch-mịch

Đòi phen trên núi dưới trời,
Mặt trời đã xế mình ngồi thần-thơ;
Vô tình con mắt xa đưa,
Đồng bằng mọi vẻ nhấp-nhô chân đồi.

Sông còn bọt sóng chơi-vơi:
Quanh-co, chảy mãi vào nơi xa mù;
Nước im phăng-phắc mặt hồ!
Sao hôm soi nước thập-thò trên xanh.

Chỏm đồi rừng tối vấy quanh,
Bóng tà-dương rọi đầu cành một tia.
«Xe mây bà chúa đêm khuya»
Đã reo ngấn trắng vào ria chân trời.

Tháp cao, von-vót một tròi,
Chuông kinh tan-tác một hồi trên không:
Khách du, đương bước cũng dừng,
Điệu từ-bi, tiếng hồn-hoàng pha nhau.

Bức tranh êm mắt mặc dầu!
Mà hồn lạnh ngắt còn đâu cảm-tình.
Mặt trời của bọn phù-sinh.
Còn soi đâu đến vong-linh vật-vờ.

Hết đồi gần, đến đồi xa,
Nam rồi tới bắc, đông đà sang tây.
Mênh-mông nhìn khắp đó đây,
« Than rằng: « Hạnh-phúc chờ ai đâu nào? »

Còn chi là thú thanh-tao,
Hỡi thung-lũng, hỡi nhà lầu, nhà tranh?
Sông còn, đá mốc, rừng xanh,
Một ai đã vắng, vắng tanh khắp vùng.

Thái-dương khi giáng khi thăng,
Theo đường không, mắt ta hằng thờ-ơ.
Mọc lên hay lặn bao giờ?
Da trời xấu tốt? Ta chờ được chi!

Đường thênh-thang vì theo đi,
Mắt ta chỉ thấy bốn bề không không.
Của trời, ta chẳng hề mong,
Cầu chi vũ-trụ mênh-mông mà cầu.

Họa chăng ngoài cõi thiên-cầu,
Có vừng Ác thật, soi bầu trời riêng.
Thân này để lại đất đen,
Bấy giờ họa thấy nhỡn tiền ngày xưa.

Bấy giờ, suối mộng say-sưa,
Tha hồ mà ước, mà mơ, mà tình;
Mà ta mê-mẩn với mình,
Với mình chẳng có tính-danh dưới phàm.

Nào đâu là cái ước thầm,
Cười hào-quang, muốn chạy sầm tìm ngươi.
Đoạ thân chi mãi dưới đời,
Thân ta đành với cõi người vô-duyên.

Lá rừng khi rụng cỏ tren,
Gió chiều cũng thổi bay lên lưng trời.
Thân ta nào khác lá rơi.
Đưa ta đi với, hỡi ơi gió cuồng!

Nguyễn-cát-Ngạc *dịch*

CA RỪNG

Mấy câu ca-rao của người Thổ châu Văn-chấn Yên-bay.
(Tiếp theo số 45)

Câu hát làm nương

Phát hày phải phát liệp đon,
Phát hày mó ı phát liệp nam,
Món pên phác dải phải pên co phác tuổi đé liên khăn.

Mứ năng phác chất khăn,
Vắn nưng phác chất tuổi,
Phác tuổi phác bươn nhì si sải.
Mư nâng phác khăn đái chất tứa,
Đềm phải cò dẩy duốc.
Ơn thân nọng ả lả sổ lai,
Chẳng dẩy đềm khăn luộc pay tang.
Đềm phải co dẩy sao,
Ơn thân nọng hả lai chẳng dẩy dèm khăn dao là bản.

Bài dịch ra tiếng Annam

Nương bông phải phát gần rừng;
Nương dâu gần nước, xem chừng dễ chăm.
Trồng dâu lấy lá nuôi tằm,
Bông làm vải sợi . . . . . .
Giệt khăn may túi chùng-chùng,
Xuân sang ta sẽ gửi cùng cho nhau.
Nhuộm khăn sam-sám là mầu,
Sợi bông coi tựa sợi tầu chuối non.
Ơn em ghi tấm lòng son,
Cho khăn ta đội hãy còn mầu đen.
Sợi vải chẳng khác sợi len,
Khăn tuy không đẹp chẳng hèn trong dân.

(Còn nữa)

Câu hát kéo gỗ

May luông tặng đông luông dú ngáy,
Thong lá chẳng véc khoan đay lống hẩm.
Liến hẩm di liếu đẹo hửa ngay,
Chẳng pây âu po vái day má lạc.
Lạc may lạc táng cốc pay ngay,
Lạc má thưng lươn đay lá vay.

Bài dịch ra tiếng Annam

Cây to đứng thẳng trong rừng,
Vác rìu lên đẵn đã từng ai hay.
Đẵn xong ta đẽo cho ngay,
Kéo về phải dụng trâu cầy mới nên.
Kéo gỗ gốc đi đầu tiên,
Đem về đục đẽo làm nên cột kèo.

Ca giao của người Mán Sừng
châu Văn-chấn, Yên-bái

Câu hát ghẹo của người con gái

Lêu phàm cà nghìn sảy mặn kiêm,
Nam kiêm sêng phản giầu. giầu khiều hải chiêu,
Mân kiêm chuần púa phíu miền tồng lạo puôi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Cô con gái đẹp sao đẹp thế !
Cầm cái ô đi rẽ châu nào ?
Nói cho tôi biết với nao,
Biết cô đi rẽ đường nào tôi theo.

Con gái hát đáp lại

Phải tan màu ố, sêng phải giầu giầu,
Xuề mạnh puôi.
Phải tan sảy muộn, họ vần mài ố,
Puồi phỉu chuộng chuần chiu.

Bài dịch ra tiếng Annam

Ở đây không có cửa nhà,
Theo đường cái chửa định là vào đâu.
Gặp chàng em hỏi một câu,
Nhà chàng đâu đấy cho nhau đi cùng.

Câu hát làm nương

Gia pua than chứa sất mần, lều tịu hoàng.
Lêu phàm sêu vần púa phin,
Giời giời xẩu phỉu xuân,
Hải kiếm mai ên phỉu xuân tồng lao puôi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Ở nhà cơm sớm đi nương,
Nỗi buồn ai biết đoạn-trường cho chăng.
Ước gì được khách tri âm,
Cùng nhau ta sẽ ra tâm vun giồng.

Ca giao của người Mán Sơn-tang
châu Văn-chấn, Yên-bái

Câu hát gặt lúa

Xuân thầu xẩu va goàng rồi xẩu,
Quần hậy khai phim họp dân hùi.
Nhật om dân hùi chả pú muội,
Sít dún tòng lầu vàng tòng hùi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Này ! mùa lúa đã chín rồi,
Cùng nhau đi gặt đông người cho vui !
Bây giờ giời đã tối rồi,
Hỡi cô thiếu-nữ cùng tôi ra về.

Câu hát làm nương

Xuân thầu giếng chuần goẩn hày cù,
Chày điều goàn rồi mình chầy chuần.
Chày chuần ấy mùng và bóng rộng,
Thìn nìn màn sủi dậm giầu sầu.

Bài dịch ra tiếng Annam

Tiết đầu xuân làm nương vui vẻ,
Cơm sớm rồi, ta sẽ cùng đi.
Mong cho lúa tốt xanh rì,
Nghìn năm muôn tuổi ta thì khỏi lo.

Câu hát khi gặt xong đem lúa về nhà

Vù cóc vùi thoảng tím goẩn hạy goàng rồi,
Nhắm tíu sàng goẩn sàng,
Ấy mùng goàng rồi sàng thủng tò',
Hoác rồi gín giàng màn nìn on.

Bài dịch ra tiếng Annam

Mừng nay thóc lúa đầy nhà,
Cùng nhau uống rượu xướng ca vui cười.
Mong cho giai gái đủ đôi,
Lấy nhau cho được trọn đời cùng nhau.

Bài hát mừng nhà mới

Cha xong chày sòng tú ón châu,
Màn nìn ón vấn Phải tím xong.
Ấy mùng bình án màn nìn châu,
Vu cóc màn thoong vượng cá tài.

Bài dịch ra tiếng Annam

Nay mừng nhà mới đã thành,
Cùng nhau ta ở yên lành muôn năm.
Con con cháu cháu đầy sân,
Thóc nhiều của lắm ngày tăng càng ngày.

Câu hát đám cưới

Gín giang họp đùn sàng sủng tôi,
Màn nìn sip tối giặm trang pỉu,
Pú tấy pắt vì chắm phềng định,
Vìn thi phềng lại đồng chầm mìn.

Bài dịch ra tiếng Annam

Phu thê là nghĩa tương-phùng,
Trăm năm tạc một chữ đồng từ đây.
Duyên giời đã định những ngày,
Nên nay ta được vui-vầy cùng nhau.

Câu hát phúng đám ma

Nầy nằng xấy sin pỉu tìu phíu.
Sau sím sai phù om mòng mòng.
Này hùi giấm páu màn nìn khù,
Làu số thái giàng màn nìn ón.

Bài dịch ra tiếng Annam

Bác nỡ vội đi đâu ?
Để tôi phải buồn rầu !
Suối vàng yên dấc điệp,
Phù-hộ làng sống lâu.

Câu hát mừng cha mẹ tuổi già

Ấy mùng gín giáng màn nìn lỗ,
Só cản pấy nhình màn súi on.
Thùy tặng vành xương ùi mình giế,
Xong bán vàng sầu vì my nhi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Mừng cha mẹ tuổi già,
Làm gốc con cháu nhà.
Gả chồng dựng vợ cả,
Thờ nuôi được mới là.

Câu hát tết

Ấy mùng gín giang sắn nìn thẻ,
Bấy nằng thìn nìn Bành sử công.
Thìn sủi màn nìn mầu hộ giầy,
Cái dai màn mặt xắn lài giều.

Bài dịch ra tiếng Anuam

Chúc cha mẹ trường thọ,
Sống như ông Bành-tổ.
Con cháu nối đời đời,
Xuân lai của vô số.

***

Ca rao của người Mán Nga - hoàng

Câu hát con giai ghẹo con gái

Pu muộn muội,
Muộn muội giầu giầu sẩu hải châu,
Muộn muội giầu giầu sẩu hải vuyện ?
Hải châu, hải vuyện tẳng puồng liu.

Bài dịch ra tiếng Annam

Cô oi, cô đi châu nào ?
Hay là đi đến huyện nào hỡi cô ?
Huyện châu xin hãy bảo cho,
Bảo cho tôi biết tôi cô đi cùng.

Con gái đáp lại

Giặm sài muộn,
Triệu phỉu sào nghìn chuần pủa phíin.
Chậu choi muông than mầu nhược chỉu,
Sỉa chúa phới tài cho phỉu phin.

Bài dịch ra tiếng Annam

Thiếp xin thưa thực cùng chàng,
Những người biết hát trong làng ít thay (1).
Gặp chàng là sự duyên may,
Mời chàng ở lại thiếp đây tự-tình.

Nguyễn-tiến-Lãng (Yên-Bái) *sao lục*

---

1. — Tục ở dân Thổ Mán, con giai con gái gặp nhau thường hát vui. Câu này ý người con gái mừng xưa nay quanh mình chưa gặp người đủ tài cùng xướng họa, mà nay giữa đường đã nghe nhường có tri-âm. (N. T. L. chú-thích)

CÂU ĐỐI

Khóc người bạn trẻ

Trăm năm thân-thể, một gánh tang-bồng, anh Quynh ơi! đầu đường cuốn đám mây hư-ảo;

— Chút nợ giang-hồ, bao duyên ngày tháng, ông Tạo nhẽ, giọt lệ hòa mô đất cổ kim

Khóc một ông già

Giời ư? đất ư? ai thù ông mà cướp sống quẫng ngày xanh? người đến thế! bệnh đến thế!

Gái ấy! giai ấy! kẻ đứt ruột còn ghi chết dòng chữ đỏ! cảnh như kia, tình như kia!

Đinh Huy-Hạo

HÀI VĂN

Ớt Hà-đông

Trong Báo-quán có tiếp bốn lọ ớt của hiệu **Quảng-Phát** ở **Hà-đông** gửi tặng, mỗi lọ giá bán 0$10, trong đơn có nói cách chế theo Khoa-học, có những chất: **ớt, dấm, cà cuống**, vân vân. Vậy tôi có mấy câu lục-bát sau đây, gọi là giúp mấy lời cổ-động cho hiệu ấy, tưởng cũng là sự-thể hợp nghi của người trong làng Báo đối với nhà làm nội-hoá vậy.

Ớt nào là ớt chẳng cay?
Đến anh Quảng-phát ớt này mới ngon!
Hà-đông đã nổi tiếng đồn,
Xem với sư-tử lại còn phần hơn.
Cô nào có tính hay ghen,
Mua lấy lọ ớt mà khuyên lấy chồng.
Bảo rằng: đây ớt Hà-đông!

Tản-Đà

Bản chí mới nhận được

« *Phong-Hóa tuần báo* » xuất-bản ngày thứ năm, giá bán 0$10.

Sách thuốc « *Thày nhà lá vườn* » của Hồi-Xuân Phạm-dụng-Hanh giá 0p20.

« *Y-thoại tùng-biên* » cuốn nhì biên-tập chủ-sự Vũ-thượng-Chi (Gia-định) không thấy đề giá bán.

Bản-chí vui lòng xin giới-thiệu cùng bạn độc-giả mấy cuốn sách có ích và tờ Phong-Hóa, ông bạn đồng-nghiệp « mới ».

A.N.T.C.

CHUYỆN THẾ-GIỚI

Nhịn đói 45 ngày lấy 200 đồng cứu bệnh cho mẹ

Người hiếu-tử ấy là một cô con gái ở tỉnh Lệ-sĩ-tây (Leicester) nước Anh. Mẹ ốm, nhà nghèo thuốc-thang không có, Cô bèn liều mình xin nhịn đói 45 ngày để cho một nhà y-sĩ khảo-cứu, cốt lấy giải thưởng 200 đồng cho mẹ thuốc thang. Ông y-sĩ đem để cô ở trong một cái phòng chung quanh bịt kín kín mít, mỗi khi cô đói thì chỉ cho uống chút « limonade » thôi. Bấm gan nhịn suốt 45 ngày, cô con gái hiếu kia phờ-phạc bước ra khỏi phòng thí-nghiệm đem món tiền 200 đồng về nuôi mẹ.

Thật là hạng gái phi-thường.

Xin tát hồ Genève

Ai đã học qua chút địa-dư nước Pháp hẳn biết cái hồ Dơ-ne (Genève), nhất là ai đã đọc bài thơ « cái Hồ » của thi-sĩ Lamartine rồi thì quyết không bao giờ quên được.

Hồ Genève ở thượng-lưu con sông Rôn (Rhône), thuộc đất Thụy-sĩ, rộng chừng bằng vịnh Hạ-Long ở xứ Bắc-Kỳ ta.

Vậy mà có một cô con gái muốn tát cạn hồ ấy để mò cái lược thì chẳng là điên rồ lắm ru!

Chẳng cần vội nói, chắc nhiều người đã đoán trúng cô con gái kỳ-dị ấy người nước Hoa-Kỳ. Cô, mỹ-danh là Duy-Liên, Jullène), có lẽ là một tay chung-tình bực nhứt. Một hôm bơi thuyền trên mặt sóng cô ngả-nghiêng để rơi cái lược xuống nước, chìm-lỉm, cái lược ấy đau-đớn thay! — Nó là cái « sú-vơ-nia » của người yêu. Lập tức, cô bỏ ra ngàn đồng tiền vàng thuê người lặn xuống đáy hồ mò, nhưng mà vô-hiệu.

Nỗi « *đoạn-trường* » ấy chịu sao cho được, cô liền đến trình ông xã-trưởng thành-phố, xin phép ông cho tát cái hồ ấy để tìm cái lược của tình-nhân. Ông xã cho là cô điên, cung-kính xin mời cô về Mỹ.

Kể ra, thật cũng lại là một hạng gái phi-hường.

Sắc khuynh thành

Các bà, các cô ai lại dở người mà chẳng muốn có cái sắc nghiêng thành nghiêng nước nhỉ? Nhưng dầy-dà quá! Muốn đẹp thì phải có tiền, mà dùng nhiều tiền quá cũng sót! Vậy ai muốn người đẹp mà không cần đến kem, đến phấn xin mách giùm một cách sau này:

Các bà, các cô thử ngảnh lại cái đời xửa, đời xưa, bắt chước chị em nước Hi-lạp và nước cổ La-mã, cứ sớm chiều bôi hành và dầu « ô-liu » vào mặt, ít lâu sẽ thấy da dẻ vừa mịn, vừa trắng, hai má hồng hồng y như trứng gà bóc vậy.

CHƯƠNG-TRÌNH CỦA ĐẢNG CẤP-TIẾN

Ở tạp-chí số 45, tôi có hứa kỳ này sẽ nói đến chương-trình của đảng Cấp-tiến và chính-sách của đảng đối với Thuộc-địa. Song thiết nghĩ câu hỏi trên cũng không cần-thiết, mà câu hỏi dưới thì . . . .

. . . . . .

chỉ xin nói qua về chương-trình của đảng Cấp-tiến ra sao, ...

. . . . . .

Hiện nay, chương-trình đảng cấp-tiến có thể tóm-tắt đại-khái:

1°) Xin thay đổi hiến-pháp, cốt yêu-cầu cho Hạ-nghị-viện có rộng quyền hơn và sự bầu cử Nguyên-lão Nghị-viên có tính cách dân-chủ hơn trước (nghĩa là gần như cách phổ-thông đầu-phiếu).

2°) Xin cho rộng quyền tự-do của các xã; giữ cho các công việc lớn của nhà-nước khỏi lọt vào vòng tư-lợi, hợp-tác với nhà sản-xuất để mưu sự sinh-lợi chung.

3°) Bảo-hộ quyền tự-do của cá-nhân, ngăn giữ kẻ lạm quyền bắt bớ, phản-kháng cách giam-hậu.

4°) Bênh-vực cho các chiến-binh và lính tàng-tật.

5°) Bác bỏ Gia-giáo ra ngoài chính-giới và học-giới.

6°) Cải-cách các thứ thuế, cốt lập ra một thứ thuế lợi-tức.

7°) Giữ luật làm việc 8 giờ; che chở cho các nghiệp-đoàn và thợ thuyền.

8°) Không chịu để vấn-đề nợ bồi-thường châm-chước theo tình-hình kinh-tế Âu-châu; tin ở hội Quốc-liên để mưu cuộc hòa-bình vĩnh-viễn.

Đinh Huy-Hạo

MẤY CÁI NGUYÊN-NHÂN VỀ SỰ KINH-TẾ TRỤY-LẠC Ở NƯỚC MỸ

II

Cái tật dự-định các công việc kiến-thiết vượt quá ra ngoài vòng nhu-dụng, ta đã nhìn thấy ở nguồn-gốc cái chính-sách thiết-lộ và ngân-hàng ở nước Mỹ, thì nay ta lại thấy hiển-hiện ra một cách rõ-rệt hơn ở sự tổ-chức các công cuộc công-nghệ và thương-mại ở phía bên kia bể Đại-tây dương.

Nếu ta xét kỹ các chương-trình sáng lập và hành-động của những công-cuộc to tát như nhà Ford, nhà Filène, thì ta phải nhận ngay ra rằng các chương-trình ấy không có nương-tựa vào một cái cơ-sở nào chắc-chắn, trường-cửu cả. Vì cái số hóa-vật ít nhất sản-xuất ra đã dự-định sẵn, mà cái số ấy chỉ có thể ngày một tăng, chứ không có thể ngày một giảm, cho nên các công-xưởng bị bắt-buộc phải cứ thay-đổi các khí-cụ luôn, dù cái tư bản bỏ ra để mua các khí cụ ấy chưa thu-hồi lại được cũng mặc. Như vậy mà nếu cái số lợi thực-sự thu vào chưa lên bằng cái số lợi-tức dự-toán, thì những tiêu-khoản ấylấy vào đâu ? Tất-nhiên là phải gọi thêm vốn hoặc nhờ đến tá-khoản của các ngân-hàng. Cái cách xoay-sở như thế, thiết tưởng không tài nào trường-cửu được. Mà thật thế, muốn cho các guồng máy cứ có thể chạy nhanh tít và sản-xuất ra hóa-vật luôn luôn, tất phải làm sao cho các người mua cũng có thể tiêu-thụ nhanh như thế và mua đổi các đồ-dùng luôn luôn mới được. Muốn thế, chỉ có một cách, là tăng lương các thợ-thuyền lên cho thật cao, mà muốn trả lương cao, tất lại phải sao cho công-việc có được nhiều lãi. Cũng vì muốn có được cái hiệu-quả ấy, nên các nhà công-nghệ bên Mỹ mới tăng mãi lương bổng của các thợ thuyền lên. Hiện nay, số lương của một người thợ Mỹ, thật đã lên đến một bực cao nhất ở thế-giới. Nhưng về phần lợi-tức, thì nào có được thế. Vì có sự cạnh-tranh dữ-dội, vì không có gì làm giới-hạn cho sự sản-xuất, mà cái « dịa » lợi-tức của phần nhiều các công-việc cứ thu hẹp dần dần lại mãi, cho đến khi không còn một tý nào nữa.

Vì thế, cái cảnh-tượng hưng-vượng phát-đạt của phần nhiều các nhà công thượng nước Mỹ, chỉ là một cái cảnh-tượng tạm thời, rồi rút cục, cùng nhau bước vào cái thời-kỳ mà họ gọi là thời kỳ hưng-vượng hữu danh vô-thực (période de prospérité fictive). Cái thời-kỳ ấy đã xuất hiện ra trước năm 1914, mới đây lại tái sinh ra trong khoảng năm 1926 - 1927.

Vả chăng, công-lương thợ thuyền tuy có nâng lên thật cao chăng nữa, cũng không tài nào khôi-phục lại cái mực thăng-bằng của hai bên sản-xuất và tiêu-thụ. Xem như, ở năm 1913, số lương trung-bình hàng năm của một người thợ Mỹ là 594 đô-la, mà đến năm 1929, số ấy tăng lên đến 1.205 đô-la, thế là công-lương đã tăng lên đến 103 phần trăm, nhưng cái mực trung-bình của số hàng-hóa sản-xuất ra, thì lại còn tăng lên gấp mấy cái tỷ-lệ ấy. Như vậy, thì bên tiêu-thụ làm sao theo cho kịp bên sản-xuất được !

Hiện nay các xưởng giầy mỗi năm chế ra 900 triệu đôi giầy, mà số giầy tiêu-thụ hàng năm chỉ lên đến 300 triệu. Sức sinh-sản của các công-xưởng chế xe ô-tô, một năm có thể chế ra 8 triệu cái xe, những số xe thông dụng ở cả hoàn-cầu chỉ có 6 triệu. Các mỏ than trong nước Mỹ dự-định chế ra 750 triệu tấn than, nhưng xuốt cả thị-trường nước Mỹ chỉ có thể « hút » được 500 triệu tấn. Cả trong địa-hạt nước Mỹ, nhân-dân chỉ tiêu-thụ có 4 triệu thùng dầu-hỏa, mà các mỏ dầu sản ra đến 6 triệu, chỉ cần dùng có 40 triệu tấn thép mà các nhà máy chế ra 66 triệu. Cho đến các nhà máy diệt len, diệt bông, làm giấy, thứ gì cũng là thừa quá cả. Vì thế trong sự sản-xuất, bao giờ cũng vẫn có một phần thừa ra vô-ích, mà cái chỗ thừa ấy không những là vô-ích, lại còn có hại, bởi vì có nó, mà cái chân-giá của cái phần thiết-dụng cũng bị giảm bớt đi.

Ta xem thế đủ biết cái lâu-đài tuy lông-lẫy nhưng dựng lên ở trên một cái nền cát kia, chắc không tài gì đứng vững lâu dài được.

Cuộc vỡ-lở đáng lẽ đã xảy ra từ năm 1914, chỉ nhờ có cuộc Âu-chiến, mà cái lâu-đài đã lung-lay ấy, lại còn chống-chế lại được ít lâu. Đến ngày nay, thì tình thế ngày càng nguy-ngập, khôn bề hàn gắn lại được. Huống chi, bất cứ ở nước nào, cái cơ thịnh vượng của nền công-nghệ cũng phải nhờ-cậy một phần lớn ở nông dân, mà nước Mỹ, thì hình như, từ trước đến nay, vẫn hy-sinh nông nghiệp vì công-nghiệp. Vào hồi giữa thế-kỷ trước, số nông dân còn chiếm 87 phần trăm dân số nước Mỹ, mà đến ngày nay, cái số ấy đã sụt một cách ghê-gớm xuống đến 30 thấy phần trăm. Về mặt lợi-tức của các nông-dân năm 1910, số nông lợi với số lợi-tức chung mà sự sản-xuất nước Mỹ, còn đứng vào quãng 16 phần trăm, đến năm 1928, chỉ còn đáng có 2 phần trăm thôi. Trách gì cái sức mua của những người tiêu-thụ không một ngày một kém.

Nói tóm lại, những trường-hợp đặc-biệt, những quán-kiện bất-thường và việc sản-xuất, giao-dịch và tiêu-

XÃ-HỘI BA-ĐÀO KÝ

ĐỜI VĂN-SĨ

(Tiếp theo)

Nhà văn-sĩ vẫn chưa hiểu ra sao cả, chàng quay hỏi đứa cháu bà chủ nhà, thì thấy nó nói rằng:

— Lúc ông ở nhà ra đi được độ một chốc thì có một người ăn vận quần áo tây, người to béo phương phi, đi xe nhà đến đỗ ở cửa này; ông ta trông thấy tôi thì hỏi rằng:

— Có phải nhà ông Bảo-Đài đây không?

Tôi bảo phải, nhưng mà ông đi vắng nên ông ta dút ví lấy cái giấy này viết đưa cho tôi và dặn hễ ông về thì đưa cho ông, đến chiều ông ta sẽ lại.

Dù sao chăng nữa, người ta chẳng quen biết mình—mình chẳng nhớ họ là ai — thì dẫu họ muốn thăm hỏi mình điều gì cũng chẳng ngại; tuy vậy mà nhà văn-sĩ không tài nào quên bẵng được sự chờ đợi, nó làm cho nóng lòng sốt ruột.

Một giờ trưa, nhà văn-sĩ đương ngả lưng, nằm chéo kheo trên cái phản gỗ, mơ màng nghĩ ngợi vẩn vơ...

Bỗng có người đập cửa gọi, nhà văn-sĩ đoán chắc rằng cái người đã hẹn đến thăm mình chăng? Chàng vội vàng chạy ra mở cửa thì thấy một người vận âu phục, hình dáng to béo, mặt mũi phương phi; khi người đó vừa trông thấy nhà văn-sĩ thì nâng mũ chào một cách rất lễ-phép, rồi mỉm cười:

— Thưa ngài tha lỗi cho, ngài là nhà văn-sĩ Bảo-Đài?

— Thưa vâng ạ, rước ngài vào chơi.

Nhà văn-sĩ ân cần đón khách, nhưng trong gia chàng vẫn nặng mối hoài-nghi, không hiểu khách đến hỏi mình việc gì.

Khi vào trong nhà, khách chủ ngồi đối diện nhau, cả hai người không ai nói gì, mãi đến hơn mười phút đồng hồ, Phương Thái-Lang mới mỉm cười nhìn văn-sĩ nói:

— Thưa ngài, có lẽ tôi được tiếp kiến ngài lần này là lần đầu; tôi hâm-mộ cái tài viết văn của ngài lắm! Tuy rằng học lực tôi kém cỏi; nhưng cũng biết được chút ít. Tôi đã được đọc quyển «Lời thề» và tập «Trường thiên hận» của ngài viết mùa thu năm ngoái. Tôi rất hâm mộ văn-chương ngài, nhưng phải cái thời giờ eo hẹp quá, không mấy lúc được nhàn rỗi mà khảo sát, bình phẩm như hồi tôi còn nhỏ.

Câu chuyện dẳng-dai về văn-chương thơ phú, mất hơn một tiếng đồng hồ; ông khách ăn nói hoạt-bát và tỏ ra cho nhà văn-sĩ biết rằng mình đây cũng là một hạng người có giá-trị và từng chải nhiều.

Đoạn ông ta mới kéo ghế lại gần nhà văn-sĩ và cất cái giọng nho nhỏ bí-mật:

— Thưa ngài, tôi chẳng nói giấu gì ngài cả. Hôm nay sở-dĩ tôi đến đây là có một câu chuyện ích-lợi muốn ngỏ cùng ngài, và mong ngài đừng từ chối thì hân hạnh cho tôi lắm lắm!

— Vâng ạ, ngài đã có lòng yêu mà đến bảo ban cho những nhời vàng ngọc, vậy có việc gì xin ngài cứ dạy cho, tôi xin vui lòng giúp đỡ ngài.

Phan Thái-Lang ngần ngừ dụt dè, sau mới dám mạnh bạo nói:

— Tôi chẳng dám giấu diếm gì ngài, tôi là «chủ» cái sòng bạc ở phố Đầu cầu đất, ngay gần chỗ dẫy nhà mới, ở dưới tôi cũng có giọn hàng thêu; ban ngày thì tôi đi làm vắng, chỉ có về đêm mới họp đánh cùng nhau.

Những con bạc ở nhà tôi đều là các bà Thông, Phán và các me tây, thím khách chứ không có người nào hạ-lưu bày bạ cả. Như mấy tháng trước đây thì nhờ giời cũng ăn thua, nhưng sang cái năm nay, «lâm» đến kinh-tế khủng-hoảng, buôn bán không được «phát-đạt», các con bạc nghe chừng cũng thưa lắm! Như thế tôi đã thiệt hại nhiều rồi, mà lại còn khổ một nỗi vài anh «nhặt chuyện», nó xoay tiền tôi chẳng được; nay nó đe «cho vài cột báo», mai nó đe «sẽ ngồi nhà pha». Những hạng đầu trâu mặt ngựa ấy, tôi đã biết rõ chúng rồi. Thật mỗi khi làm đến bước ấy, thì tôi cũng bố-thí cho chúng ít nhiều, để cho chúng đạt được cái lòng đào khoét, nhưng nay nghĩ ức quá, chúng quen mui bén mùi, lại càng muốn «cắn» đẫy. Tôi sợ rồi cũng có một ngày hắn lôi tên tôi mà bêu-dếu trên tờ báo, thì lại càng khó-khăn thêm cho sự sinh-hoạt hàng ngày của tôi. Vì thế, nên muốn cho người ta khỏi nghi ngờ và để che mắt các nhà chức-trách, tôi biếu ngài cái gác đó, tôi xin cung-phụng ngài không thiếu một thứ gì; và mỗi tháng tôi lại xin đưa trước cho ngài một món tiền là hai chục. Vì ngài là một nhà văn-sĩ hiền lành, ai cũng biết tiếng, ai cũng mến phục; ngài mà đến ở chỗ gác đó thì tôi chắc chẳng còn ai nghi-ngờ nữa; như vậy thì dễ cho chúng tới hội họp, không những là ngài cũng

---

thụ đã giúp cho nền kinh-tế nước Mỹ đứng vững được từ trước đến giờ, hiện nay đã biến đi mất cả rồi, mà biến đi một cách vĩnh-viễn, chứ không phải chỉ ở trong cái thời kỳ khủng-hoảng này mà thôi. Rồi đây, nước Mỹ không thể nào ôm mãi cái chỗ thừa, cái chỗ vô-dụng ở trong cái công-cuộc công-nghệ và thương-mại, cũng như họ không thể nào giữ mãi được cái cung-cách sinh-hoạt quá-đáng của họ. Cái chỗ thừa ấy, tất-nhiên họ phải phá-hủy đi, cũng như bây giờ họ đang phá-hủy hàng mấy nghìn triệu tư-bản mà không nhìn đến sự nhu-dụng tự-ý họ bầy đặt ra. Vậy ngay từ bây giờ, ta có thể coi cái thời-kỳ bá-chủ về phương-diện kinh-tế và tài-chính của nước Mỹ như đã đến ngày cuối cùng vậy.

Ngô-thúc-Địch

đỡ phải chật-vật mà chúng tôi cũng đỡ được một cái lợi to.

Phan Thái-Lang nghĩ một lát, rồi lại nói:

— Cái gác ấy tha hồ mát mẻ rộng rãi, thôi thì bàn ghế, tủ-gương, giường tây đệm sắt; tôi lại vừa cho làm quạt-trần, đèn điện ba bốn ngọn, tôi xin để một thằng nhỏ rất tinh khôn để hầu hạ ngài, không dám để thiếu thốn một tý gì, miễn là để ngài che chở cho, và đối-phó với những thằng đầu «trâu» mặt «ngựa» nó đương định công-kích tôi trên mặt báo. Ấy đấy chúng tôi chỉ hiền ngài có một việc như vậy, mong rằng ngài sẽ vì lòng thành thực của chúng tôi, đừng chối từ thì hạnh phúc cho tôi lắm!

Nhà văn-sĩ nghe hết câu chuyện, không biết giả lời ra sao; chắc chàng cũng biết rằng người ta muốn dùng cái chính-sách «hơi đồng» để lợi-dụng chàng; họ muốn đem cái linh-hồn chong sạch của chàng để giam vào một chỗ tối tăm ô-uế; họ muốn mua chuộc cái thanh-danh chàng để che lấp một đống bùn lầy.

Cái đời «tù-lỏng», cái thân bó buộc, dưới quyền kẻ khác trông coi, thì còn khổ-nhục gì bằng. Rồi ra, kiếp mình chẳng khác chi con phượng-hoàng trong lồng son cóng sứ, con cá vàng trong chậu thủy tinh. Ôi! ta sẽ bị mất hết quyền tự-do . . . . . .mất hẳn cái tính cách độc-lập như bây giờ; một manh chiếu rách, ngụm nước vối suông, sinh-hoạt tháng ngày trong nóc nhà ranh vách đất; ta tự lấy làm sung-sướng thung dung, tự thấy có nhiều cái khoái-lạc sâu xa dễ chịu.

Nếu nhà văn-sĩ đã không có cái bộ óc kim-tiền, nếu chàng đã đổi bằng con mắt đạt-quan, thì ô-tô xe ngựa, nhà rộng cửa cao, những cảnh phù-hoa về vật-chất ấy, không thể nào làm mờ-ám được con mắt kẻ thanh-cao, không thể nào làm thay đổi được lòng người sắt đá.

Vì vậy, dẫu Phan Thái-Lang có dùng những nhời nói xảo-quyệt mấy đi chăng nữa, cũng đành ôm mối thất vọng ra về. Trước khi ông ta bước ra ngoài bực cửa, chắc ông ta còn nhớ những nhời của văn-sĩ đáp lại:

— Cảm ơn ngài, có bụng yêu mà giúp đỡ cho, nhưng trong đời tôi, có lẽ không thể nào rời bỏ túp lều tranh này mà đi chỗ khác được. Vả lại, tôi ở đây đã quen rồi, kể ra một mình cũng đủ chi dụng, không đến nỗi thiếu thốn, trong lòng tôi lúc nào cũng được khoan khoái, vui vẻ vô cùng.

«Ngài quá yêu mà cấp đỡ cho như vậy thực là hạnh phúc cho tôi lắm; nhưng tôi tiếc rằng không thể theo được như ý-định, và trước sau tôi đã thưa với ngài rằng tôi không cần dùng chi đến tiền cả. Nhưng, ngài đã sẵn lòng từ-tâm như vậy, tôi xin mạn phép khuyên ngài hãy đem món tiền hàng tháng đó mà cúng vào Viện nuôi những người mù lòa của các bà Sờ, lập ra để cứu giúp kẻ khốn cùng, tại con đường Lạch-Tray huyện Rào. Còn tôi, tôi xin giúp ngài một tay, tôi sẽ viết nhiều bài cổ động lên báo, cho các nhà tư bản để ý đến; kẻ ít người nhiều, thì kẻ già nua tàng tật có chỗ mà gửi linh hồn sác thịt, có chỗ mà nương thân đến khi chết!».

Nhà văn-sĩ cứ tưởng rằng ở đời này, ai cũng đồng ý với chàng, mà những nhời đạo đức ấy chàng cho là có ảnh-hưởng cho đời lắm! chứ nào có biết đâu đem luân lý, triết học mà giảng cho hạng người vai u thịt bắp, đem đàn Tỳ-bà gẩy trước tai trâu, thì chỉ là dúm muối bỏ bể, nước đổ lá khoai, vô-vị, khó-nhọc mà chẳng công-hiệu gì.

Ngày giờ theo thời-gian tiêu tán, nhà văn-sĩ công nhận cái luật của thiên-công tiến hóa, sống để làm việc như trăm nghìn người khác; nhà văn-sĩ vẫn viết... vẫn thường xuất bản những cuốn sách dầy ba bốn trăm trang, những bài văn gọt đẽo rất tinh thần.

Trót nặng nợ với văn-chương, nhà văn-sĩ lấy đó làm nghề-nghiệp, lấy đó để mưu cuộc sinh tồn. Chàng sưu-tập từ giọt nước dưới dòng khe róc rách, tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, nào núi non cây cỏ, phong cảnh lâu-đài; tất cả muôn vật của càn-khôn vũ-trụ, đều là những vật-liệu của nhà văn-sĩ dùng, để tô điểm cho văn-chương thêm nhiều vẻ đẹp.

Vậy thì văn-chương cũng là một vị thuốc bổ nuôi sống được tinh tình, có khi lại là cái mầm họa hay một thứ thuốc độc có hại đến sinh mệnh người ta.

Như thế thì đời văn-sĩ có công mà cũng có tội, cái kết quả tốt đẹp nhiều khi chỉ được trông thấy lúc qua đời, còn như cái tội của nhà văn-sĩ thì trông thấy ngay lúc cầm bút viết...

Nhà văn-sĩ ao-ước sống ở trong cõi êm đềm lặng lẽ. Lúc nào cũng muốn giam mình vào trong bốn bức tường đất; nghĩa là nhà văn-sĩ muốn ẩn-dật, muốn tránh đám bụi trần hắc-ám. Nhưng đứng thiên-công kia chả khi nào để cho ta được thỏa lòng sở vọng, còn muốn nổi lên trận phong ba bão tát, những ngọn sóng trào ghê gớm mà cuốn tung các vật đen sì kia tan tác khắp nơi.

* * *

Mấy tháng sau, một hôm vào giữa khoảng mùa hè, khí giời nóng nực, trên con đường Haiphong—Đồ-sơn, không mấy lúc là ngớt tiếng ô-tô qua lại; người ta ra Đồ-sơn tắm, nghỉ mát và xem phong cảnh.

Trên bãi bể phẳng lỳ như tấm thảm, nếu chẳng có những mỏm đá lô-mô thiên tạo những làn sóng tung bọt rì-rào thì ta đã tưởng tượng ngay là bãi sa-mạc ở châu Phi rồi

Năm giờ chiều, mặt giời đã khuất bóng, để lại cái nốt châu vàng nhạt chốn phương tây, chộn lẫn với quầng mây xanh thẫm mà giọi xuống mặt nước phẳng-phiu lóng lánh... giời bể lúc bấy giờ trông khác nào như vàng thêu gấm dệt; rồi nước thủy-triều ở đâu kéo lại, mới trong giây phút mà bốn bề đã bát ngát mênh mông.

Ánh sáng từ từ đổi dạng, một màu đen thẫm che phủ cả non nước cỏ cây.

Lúc bấy giờ, mắt chỉ thấy muôn chùng trắng sóa, những ngọn sóng cuồn cuộn rít kêu, tai chỉ nghe thấy tiếng gió vù vù, tiếng cành thông vo-vo kẽo kẹt...

...Nhà văn-sĩ đương đi bước một trên bờ bể, tâm-chí vẩn-vơ, nghĩ những chuyện trên giời dưới nước!

— Ông Bảo-Đài ơi!

Nhà văn-sĩ nghe thấy tiếng người gọi sau lưng, rật mình quay lại, thấy một người to béo ăn vận âu phục, và một thiếu phụ mặc chiếc áo mùi hoa cà, đương cùng nhau bước dảo lại.

Nhà văn-sĩ lấy làm lạ, nhìn kỹ xem ai, đến khi hai người kia đi gần tới thì nhà văn-sĩ nhận được người vận âu phục to béo là Phan-thái-Lang, còn người thiếu phụ kia thì văn-sĩ đoán phỏng là vợ của anh chàng đó.

Phan Thái-Lang vừa trông thấy văn sĩ thì chào mừng vui vẻ và nói cùng người thiếu-phu rằng:

— Tôi xin giới-thiệu với bà, đây là nhà văn-sĩ Bảo-Đài.

Đoan anh chàng lại quay lại nói với nhà văn-sĩ:

— Tôi cũng xin giới-thiệu để ngài biết đây là bà Vân-Đình, bạn thân của tôi.

Văn-sĩ tỏ lời cảm ơn; ba người đều quay gót giở lại. Khi đi đường Phan Thái-Lang tỏ ý cho nhà Văn-sĩ biết rằng bà Vân-Đình rất mến phục danh hiệu nhà văn-sĩ; đương khao khát có dịp nào để tiếp kiến, thì may sao chiều hôm nay ra bể hóng mát, lại ngẫu nhiên gặp gỡ; cả hai người đều tỏ ý muốn mời nhà văn-sĩ nghỉ lại Đồ-sơn đêm đó để trò chuyện. Nhưng vì văn-sĩ có nhiều việc bận, tiếp chuyện qua loa rồi từ giã ra về.

Mấy hôm sau, lúc đó vừa nhá-nhem tối, nhà văn-sĩ đương định sắp sửa đem mấy cuốn sách lại nhà in, bỗng thấy một đứa con gái trạc độ mười lăm mười sáu, tay cầm cái danh-hiếp, đi vào, nhí nhoẻn cười.

— Thưa ông, ông Lang ngồi đợi ông ở nhà bà con; bảo con đưa giấy lai, mời ông lại chơi ngay.

Nhà văn-sĩ cầm lấy danh thiếp xem thấy:

« Xin mời tiên-sinh rời gót ngọc quá bộ « đến chơi ngay cho chúng tôi được hầu chuyện. »

Madame Vân-Đình

Nhà văn-sĩ lưỡng lự, chẳng biết có nên lại hay không; vì chàng đối với Phan Thái-Lang chẳng phải thân mật gì; nhưng người ta có lòng tốt mời mình mà mình từ chối thì họ lại cho là mình khinh họ. Vì lẽ ấy mà lương tâm bó buộc, nhà văn-sĩ phải theo đứa bé lại chơi.

Khi đến nơi, bà Vân-Đình đã đứng đón ngay ở cửa, và mời nhà văn-sĩ lên chơi trên gác trong, trông xuống cái vườn hoa ở bên cạnh cái hồ chạy dài xuống đến cuối phố.

Nhà văn-sĩ đưa mắt nhìn, thấy trong phòng trang hoàng theo lối mới và trông lịch-sự lắm!

Nhà văn-sĩ không thấy ông Phan Thái-Lang đâu thì trong bụng đã hơi nghi hoặc, chàng vừa định hỏi thì bà Vân-Đình đã rót chén rượu rôm (Rhum) mời chàng và cất tiếng nói nhẹ nhàng:

— Thưa ngài, ông Lang tôi đợi ngài ở đây mãi, vừa mới chạy xuống cửa, có lẽ cũng lộn lại ngay bây giờ.

Bà Vân-Đình năm nay mới độ hăm bảy hăm tám tuổi, trông người óng-ả tầm thước, da mặt đã trắng còn điểm phấn tô son, thêm nhiều vẻ yêu kiều mềm mại.

Bà ta ăn mặc rất trai-lơ, cái bộ áo mùi hoa-cà mỏng sát vào thịt, cái quần cẩm châu trắng muốt. Dưới ánh sáng đèn, cái đường ngôi lệch phân hẳn ra đôi mái tóc mượt-đen và nức mùi nước hoa nhài.

Bà Vân-Đình nhìn văn-sĩ cười, rồi cầm đống sách ở đầu giường lại bàn và nói:

— Mấy cuốn sách này cũng của ông viết?

Nhà văn-sĩ tiếp lấy nhìn thấy quyển: « Tiếng Cuốc đêm hè », và hai quyển « Tình-Mộng » với « Đời Bích-Vân » bèn đáp:

— Thưa bà vâng, bà cũng để ý đến những sách tôi viết ư?

— Vâng... tôi thì đàn bà đần độn, học thức kém cỏi; nhưng cũng biết được dăm ba chữ. Tôi mê đọc tiểu-thuyết lắm! cho nên nhà tôi thỉnh-thoảng lại gửi ở Saigon về mấy quyển. Mấy cuốn sách này là nhà tôi cũng mua ở Saigon gửi về đầu tháng trước. Trong ba cuốn sách này, tôi hâm mộ nhất quyển « Đời Bích-Vân »; chẳng biết ngài viết những trang lệ-sử của « đời Bích-Vân » thì ngài có cảm-động không, chứ như tôi thì lắm chỗ đọc phải phát khóc lên được.

Nhất là đoạn «Bích-Vân» bị oan-uổng, rằng đã đem cái thanh-danh của cha mẹ mà dấn xuống bùn lầy. Nàng bị gia-đình hất hủi, mà nỗi oan-tình vẫn không bộc bạch được cùng ai; duy chỉ có một người biết được nỗi oan-khổ của nàng, thì lại chẳng dám tỏ nỗi chân tình cho ai biết! Như vậy thì kẻ ngâm sầu ôm nặng mối oan-ly, người mặt nước thương ai trong cảnh-ngộ.

Thật là vì « Bích-Vân » quá thương người để lụy vào thân, nàng phải mang cái tiếng xấu mà không hề oán hận...

— Nhưng về sau, cái chỗ mà nàng về quê ở, giồng giọt kiếm ăn, cha mẹ nàng lúc ấy mới biết lòng con chong sạch, những thương trộm nhớ thầm đứa con vô-tội, mà bị bao năm đầy đọa, ngày nay hối hận vô cùng...

— Cái kết quả của đời « Bích-Vân » tới đó, những người đọc chuyện cũng được hả hê đôi chút. Nhưng thưa ông còn con người « bí-mật » đã liều thân bầy dãi đầu đuôi câu chuyện ấy ra thì sau này ra sao?

Nhà văn-sĩ mỉm cười đáp:

— Thưa bà, câu chuyện thực ra đầu đuôi chỉ có thế thôi, còn nếu sau này Bích-Vân nghĩ lại... cha mẹ nàng chắc chẳng đến nỗi vô-tình với kẻ chân mây...

Bà Vân-Đình nhìn văn-sĩ cười, cái cười nồng nàn, kính mến con người khéo tả giọng văn mềm-mại sâu-xa..

— Thưa ông, tôi thấy ông Phan Thái-Lang nói chuyện với tôi rằng ông ở chỗ đó chật hẹp tối tăm lắm giá ông đừng nề hà mà coi chúng tôi như bè bạn, đến ở chỗ gác đó có phải hân hạnh cho chúng tôi được gần gũi trò truyện không.

— Cám ơn bà có lòng mến yêu... dạy bảo cho, nhưng vì tính tôi ở đó đã quen, nay đi chỗ khác thì buồn bã lắm!

— Thưa ông, lấy lòng thành-thực của tôi, lần đầu được hầu chuyện ông thế này tôi lấy làm hân-hạnh lắm.

Tôi thấy ông là người có tài, chẳng may cái cảnh-ngộ bần bách không đủ chi dụng, nên tôi rất đem lòng mến tiếc. Không những là chỉ ông Phan Thái-Lang đã nói chuyện với tôi mà chính cả ông Trần-Thiếu chủ nhà in cũng có ngỏ ý cho tôi biết ông. Tôi đương ước ao có dịp nào được hạnh ngộ ông thì may sao, chiều hôm nọ được gặp ông ngoài bãi bể.

Bà Vân-Đình nói đến đó ngồi im một lát rồi lại nói tiếp :

— Thưa ông, ông Trần-Thiếu cũng là bạn của nhà tôi đấy ạ. Ông Trần-Thiếu đối với tôi cũng như người nhà vậy. Thưa ông, nếu ông vui lòng cho tôi giúp đỡ ông một vài phần, cũng như ông Trần-Thiếu chủ nhà in giúp đỡ ông thì tôi lấy làm vui vẻ quá !

— Thưa bà, tôi chẳng biết lấy chi đáp lại tấm lòng hào hiệp của bà ; nhưng cái nghề của tôi tuy rằng thanh-bạch bần hàn mà kể ra cũng đủ chi-dụng, không đến nỗi thiếu thốn. Bà có lòng quảng-đại cấp đỡ, ơn ấy không bao giờ tôi quên. Nhưng thực ra hiện bây giờ tôi không cần dùng chi đến tiền cả.

Chín giờ tối, chuông đồng hồ đập rõ từng tiếng một, nhà văn-sĩ cáo từ ra về ; bà Vân-Đình tỏ lòng lưu-luyến và cảm phục con người thanh-nhã đáng thương...

Bà Vân-Đình là vợ một ông Tham, nhưng ông vừa có giấy đổi đi Saigon được mấy tháng nay. Bà ở nhà buồn bã, đâm ra cờ bạc; lại chết về một nỗi mấy người bạn gái của bà đều là hạng lăn lóc trong cuộc đỏ đen. Nào là bà Thông bà Phán bà Ký, các bà ấy không biết thương chồng thương con, chỉ phá-hại và làm mất cả danh-giá nữa.

Bà Vân-Đình cũng vậy, bà chẳng biết cái địa-vị mình là vợ một ông Tham, phải vì cái danh-giá đó mà giữ lấy tư-cách mình, phải coi sóc cửa nhà, dạy bảo con cái. Bổn phận người đàn bà là phải tề-gia nội-trợ, chứ chẳng nên đem cái thì giờ xa phí vào con bài lá bạc.

Tôi còn nhớ, cách đây chẳng bao lâu, vợ ông Cử theo một người thợ may. Mà đầu đuôi trước sau chỉ vì cờ bạc, vì cờ bạc mà gia-đình tan nát, vì cờ bạc, mà vợ chồng chia rẽ, mẫu tử xa nhau. Nói rút lại cờ bạc chỉ là con đường đưa ta vào nơi địa-ngục. Tôi đã được mục-kích một đám bạc trong đó có đủ các hạng mặt của xã-hội : Nào ông Ký, bồi bếp, bà Tham bắc-tê (porteur) bà Phán, Cu-ly... Ấy là đám bạc... tôi chắc những đám bạc khác cũng tương tự như thế cả.

Bà Vân-Đình cũng vậy, bà bị người ta cám giỗ mà đâm ra cờ bạc; có khi suốt ngày không ai thấy mặt bà ở nhà, thâu-đêm bồi bếp đợi trông chẳng thấy bà về. Cái tình-cảnh ấy, ông Tham nào có biết, ông tin ở bà ; mỗi một tuần lễ ông gửi về một bức thơ, mỗi một tháng ông gửi về một cái măng-đa.

Một ngày hơn 8 tiếng đồng hồ trong buồng giấy, còng lưng khó nhọc, những để cho ai hưởng cái thú phong-lưu cả tinh thần lẫn vật chất ! thế mà bà Tham vẫn chưa hối-hận, vẫn dong chơi đêm hết lại ngày...

Ôi ! những hạng « vợ » như trên này chỉ là cái « nợ » cho bọn làm « chồng », phải đeo « dơ » đeo « duốc » ; chính những bà vợ ấy đã bêu dếu, và làm mất cả phẩm giá của chồng con rồi.

Bà Vân-Đình cũng vậy, bà bị Phan-thái-Lang cám giỗ chẳng bao lâu mà thành con bạc thực-thụ ; nhất là hôm nào không đánh trác gì phải ở nhà thì bà lấy làm khó chịu lắm, khó chịu hơn cái thân tù giam ở ngục-thất !

Trước đây, tối nào bà cũng đánh ở sòng Phan Thái-Lang, nhưng từ ngày có công-kích trên mặt báo thì cũng không dám thì-thọt lại luôn.

Còn Phan Thái-Lang, muốn bịt miệng người đời, định lợi-dụng nhà văn-sĩ, nhưng chàng bị thất-bại, bèn dùng « kế-mỹ-nhân ». chàng khôn-khéo lắm, tưởng rằng kéo bà Tham vào, lấy « tình » và « tiền » để đảo áp anh chàng văn-sĩ kiết, ai ngờ cái chính-sách sau này cũng lại vô-hiệu. Sòng bạc có lẽ phải tan, bà Tham hẳn từ nay phải tỉnh-ngộ...

* *

Quên !

Ông Jindrich ở thành Prague là một nhà trạng-sư có tiếng... có tiếng về cái tính đãng-trí của ông.

Một hôm, ông phải đến Presbourg để cãi cho một thân-chủ, nhưng đến nơi thì ngài quên đứt đi mất cái tên của bạn hàng ngài. Thế mới chết, ông vội đánh giây thép về nhà, hỏi :

«Quên mất tên thân-chủ. Nhờ nhắc tôi bằng giây thép».

Rồi thì cái giây thép đó, ngài cũng chẳng ký tên của ngài vào. Ông «cờ léc» chính (principal clerc) tự biết ông chủ của mình đãng-trí đến bực nào rồi, liền đánh giấy trả lời :

«Tên thân-chủ : Lemberg tên của ông : Indrich »

* *

«Ông Painlevé, một buổi chiều phải đi ra khỏi nhà có tí việc. Người nhà thì đi vắng cả, ông sợ có ai hỏi ông, nên ông mới viết ở ngoài cổng mấy chữ sau này :

«Ông Painlevé mãi khuya mới về»

Hồi đó ông còn làm chức giáo-sư tại một học-đường. Chiều về, ông chèo lên gác, hì hà hì hục mới bước tới niễng cửa thì chợt trông thấy tấm biển ông viết sáng ngày. Thấy thế ngài liền so vai, không bằng lòng, vứt cặp xuống đất, rồi ngồi trên bực thang, lầm bầm :

«Thôi được, ta ngồi chờ vậy»

T. T.

Mười giờ đêm.

Nhà văn sĩ thơ thẩn, mãi lúc đó mới về tới nhà ; chàng cầm bút vừa viết được cái đầu chuyện :

« Đời-văn-sĩ »

Thì.... bà chủ hàng ở ngoài đi vào, tay lại sách cái âm sứt vòi đặt vào cai danh ở trên ban :

— Thế này là năm-xu rưỡi.....

Trần-văn-Năng

(Ninh-Bình le 8 Mai 1932)

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG !

Jack London
soạn

22

Trà-sơn
dịch

— Đó là một món tiêu vô-ích. Dù thế nào mặc lòng, nếu mướn người thì mười phần chắc chín là chúng mình sẽ vớ phải một anh chàng nghiện rượu. Cái việc đó cứ để tôi làm còn bằng nghìn người làm công. Người làm công, bao giờ họ săn-sóc đến quyền-lợi của mình bằng chính tay mình làm lấy được. Vả, về việc hàng-hải, tôi chắc họ không thạo bằng tôi.

« Phi một anh chàng già ốm bất-mãn thì một chú lính thủy chết dẫm tự-nhận là cập-tên, đó, đại khái những nhân-vật chúng mình có thể mướn được ở sau này. »

— Người nào làm cũng được ! Nhưng, một người đàn bà mà ngày mai đây sẽ là người chung phần với ôi tất được người ta kính trọng...

— Đa tạ tôn-ông !

— Mà nếu cô-nương cứ ngày đêm lênh-đênh ở một chiếc xuồng trên mặt biển thì người ta còn có thể kính trọng cô-nương sao được.

— Tôn-ông thật là một nhân-vật đáng buồn cười !

Nàng nhún vai rồi đi ra. Song, trước khi trời tối, nàng cũng phải chịu theo ý chàng Xen-đôn. Hai người định ngay ngày hôm sau, khi ký giấy hợp đồng rồi, nàng sẽ đáp tầu đi Xích-nê để mua lấy một chiếc tầu và mướn một viên quan ba nhân thể.

Nàng vật-nài mãi mới được chàng Xen-đôn hứa sẽ cho phép thỉnh-thoảng vặn tầu đi chơi lanh-quanh trong vùng quần-đảo. Còn việc đi mộ phu ở Mã-lai-tạ thì cái ý định của chàng không tại nào lay-chuyển được.

Rồi dựa theo ý muốn của cô Gian-nê hai người cùng thảo ra một bản hợp-đồng rõ-ràng giản-dị, rồi cùng ký tên vào. Ký xong, chàng Xen-đôn đi đi lại lại đến một tiếng đồng hồ, để định lại thần-trí và ngẫm nghĩ đến cái cách khuôn xếp vô-tình mà chàng đã phải nhờ đến, để bước ra khỏi cái cảnh ngộ khó khăn

Chàng lại tưởng mình có khi phải bắt buộc thừa-nhận một cái cảnh ngộ trướng ngược như thế với một người đàn bà thật quả đứt giây trên giời rơi xuống.

Vả, chàng lại nghĩ ở trong đời thật có nhiều cái việc trí tưởng-tượng không bao giờ nghĩ tới được, dù cai trí tưởng-tượng ấy phong-phú đến bậc nào cũng mặc.

Một cái cảnh-ngộ vô-lý mà có thật ; đó là cái cảnh-ngộ của chàng.

Chàng vừa cắn râu vừa đi vừa hút thuốc lá, hút hết điếu này sang điếu khác, bỗng con Sa-tăng đi chơi ở ngoài vườn về, đến dụi cái mõm âm-ẩm và man-mát vào tay, làm cho chàng rật mình rời cõi mơ-màng quay về đằng thực-cảnh.

Chàng vuốt ve hai tai con chó rồi quăng mình nằm ườn trên chiếc ghế xích-đu mà cười khanh khách. Chàng tự hỏi : chả biết đối với việc này viên Giám-sát trong quần-đảo nghĩ sao, và ở nhà chàng nếu được tin này thì người nhà bàn soạn ra thế nào ?

Trong bụng chàng lúc bấy giờ rất là phân-vân. Một đằng mừng vì nhờ có tờ hợp đồng vừa ký-kết xong mà chàng được bước ra ngoài cái cảnh ngộ bối rối. Một đằng lại bực tức vì đã phải thúc-thủ chịu kém vế trước mặt cô gái Lạc-lan. Như thế chẳng thà nàng đừng có bước chân đến quần đảo Sa-lô-mông này cho xong !

Rồi chàng đi vào trong phòng cầm cái gương ra tự soi một hồi lâu. Mình lại hỏi mình : chả biết cái mặt mũi ngày nay có phải vẫn là cái mặt mũi mình ngày trước không.

CHƯƠNG THỨ XIII

Ba ngày hôm sau, khi cơm sáng xong, chàng Xen-đôn và cô Gian-nê đang mải đánh bi-da, bỗng tên Việt-bửu-ri đến báo rằng :

— Có một chiếc tầu lớn đến gần bến.

Ngay lúc ấy, người ta nghe thấy tiếng giây neo kêu soang-soảng chui qua cái lỗ ở đằng mũi tầu. Cô Gian-nê và chàng Xen-đôn đứng ở mái hiên trông ra thì quả nhiên thấy một chiếc tầu lớn sơn đen đang đỗ ở ngoài bến.

Cô Gian-nê la lên rằng :

— Đó là một chiếc tầu Mỹ ! Tôn-ông nhìn coi, cái đằng đầu nó thì mảnh và dài, cái đằng đuôi nó thì vẹt.

Thấy lá cờ lấm-tấm những ngôi sao kéo lên trên cột buồm, nàng bèn vỗ vai chàng mà bảo rằng :

— Xen-đôn tiên-sinh ôi ! tiên-sinh thử coi, tôi nói thật quả không sai mà !

Về phần chàng Xen-đôn, chàng cũng sai tên Nô-át kéo lá cờ Anh lên trên chiếc cột cờ báo hiệu ở ngoài vườn.

Cô Gian-nê hỏi :

— Chiếc tầu này muốn cái gì ? Tuy không phải là một chiếc tầu dùng để đi chơi, nhưng tôi chắc nó chạy cũng không đến nỗi chậm. Tôn-ông có thấy rõ tên nó là gì không ?

Chàng Xen-đôn vác ống nhòm ra chiếu và đọc :

— *Mạc-ta, Sang Phan-xích-cô.* Tầu Mỹ xưa nay ít qua các đảo... Kìa chiếc xuồng của chiếc tầu đang bơi vào bờ. Trời ơi ! Cô-nương thử nhìn các người bơi xuồng coi ! Họ toàn là người da trắng ! Tôi cũng bắt chước cô-nương mà tự-hỏi : chiếc tầu này đến đây làm cái gì ?

— Rõ thật toàn là những viên thủy-thủ tầm thường... Tôi thấy một bọn

mọi đen bơi dở nhường kia, trong bụng tôi rất lấy làm xấu hổ.

Đằng sau xuồng có hai người ngồi, chắc là hai tay chủ tầu.

Cô Gian-nê nói;

– Coi bộ họ không phải là tay đi bể thạo. Tôn-ông nhìn coi cái chàng béo-phị kia... Tôi thiết tưởng giá chàng kiếm một con ngựa cái mà cỡi thì may ra còn có vẻ ung-dung hơn là chàng bơi xuồng.

Khi xuồng đến bờ, hai người ở trên bước xuống, có một bọn phu theo sau, coi bộ họ có tính tò mò lắm.

Mấy người kia mở cửa vườn đi lên cái ngõ vào nhà. Một người trong bọn hai người kia thì to lớn lanh lợi, mình bận một bộ quần áo vải trắng, trông như một người nhà binh vậy.

Còn người nữa thì ăn mặc lố-lăng, đi đứng ra vẻ người vừa ở trên bộ vừa quen đi biển, trong mình có ý nóng bức lắm. Chàng đi uể-oải nặng-nề. Chàng kéo lê cặp giò y như là một con khỉ lớn, đứng không vững. Ngoài cái sự lê cặp giò y như một con khỉ lớn, mặt chàng lại có bộ râu đỏ quạch rễ che và cặp mắt nhỏ tý, trông cau cẩu mà hay lụng liệng nhìn.

Chàng Xen-đôn ở trên mái hiên xuống thềm đón. Hai người kia tự giới-thiệu. Chàng Xen-đôn cùng hai người đi lên, rồi giới-thiệu họ cho cô Gian-nê.

Chàng râu rễ tre, trông dáng đi như người miền E-côt (nước Anh), thì tên là Vương-bích nói tiếng Anh đặc giọng ngoại quốc.

Còn người bận đồ trắng kia tên là Tư-đồ họ Dương, ăn nói như một người Mỹ có học thức, song tiếng nói hơi có giọng một người Đức.

Tuy cái giọng nói có giống người Đức, song chàng lại có bộ râu mép lún phún, để lộ cặp môi dầy đỏ choét mà cong cong trông không có vẻ thô-xuất chút nào.

Chàng Vương-bích trông bề ngoài có vẻ tiều-tụy, thô-lỗ. Trái lại, chàng Tư-đồ thì nói-năng cử-chỉ dịu dàng. Khi chàng nói chuyện thì cặp mắt trông lại lanh-lợi và long lanh sáng quắc. Cứ xem cái nét mặt của chàng biến đổi luôn, đủ thấy những cuộc vận-động sốt sắng ở trong trí-não và tư-tưởng của chàng.

Chàng Vương-bích bèn nói rõ cho chàng Xen-đôn nghe cái nguyên-nhân cuộc diện-kiến của mình cùng là cái mục-đích của mình đang noi theo.

Hiện họ đang mưu một cuộc thám-hiểm. Cái đối-tượng cuộc thám-hiểm đó, là ở sự đi tìm vàng. Chàng Vương-bích là trưởng-đoàn còn chàng Tư-đồ tức là phó trưởng-đoàn thám-hiểm vậy.

Trong đoàn thám-hiểm còn có 28 người nữa, toàn là những người có ít nhiều cổ-phần trong việc đi kiếm vàng. Nhiều người trong bọn này, vốn chuyên nghề làm tầu biển; còn phần đông là thợ làm ở các mỏ xứ Mếch-xích và xứ Á-la-sĩ-ka.

Câu chuyện lặn lội đi tìm vàng, xưa nay ta vẫn thường nghe thấy. Những người này sở-dĩ kéo nhau đến quần đảo Sa-lô-mông chẳng qua cũng chỉ vì cái mục-đích ấy.

Đoàn thám-hiểm này chia làm hai bọn. Một bọn do chàng Tư-đồ dẫn-đạo, thì phải đi ngược sông Bá-lê-suy-mã, rồi nhân đường ấy mà đi tuốt vào miền núi đảo Ga-da-na-ca. Một bọn thì theo chàng Vương-bích lại xuống tầu Mạc-ta khởi-hành qua Mã-lai-tạ, để kiếm vàng.

Chàng Vương-bích kết luận rằng:

— Chúng tôi cần mọi đen để đi với ông Tư-đồ, ngài có thể giúp cho chúng tôi được không?

Chàng Tư-đồ nói:

– Nếu ngài giúp cho thì cố-nhiên chúng tôi phải trả tiền họ. Có thể nào xin ngài cho biết giá. Tôi nghe nói mỗi năm công mỗi đứa 6 đồng bạc Anh.

Chàng Xen-đôn đáp:

— Không thể được đâu! Bản-cục hiện cũng đang cần dùng đến. Vả lại, bản-cục dẫu có cũng không được là bao.

Chàng Tư-đồ liền hỏi:

— Ngài nói «bản-cục», vậy chỗ ngài đây cũng là một thương-cục? Sao ở Gu-vu-tu, họ lại nói với chúng tôi rằng độ trước một người cùng chung vốn với ngài mất, nay ngài ở có một mình đây?

Chàng Xen-đôn quay đầu về phía cô Gian-nê, rồi nàng thấy chàng luống cuống hất hàm hỏi:

– Tự ngày đó cô Lạc-lan đây, đã bỏ vốn ra làm đồn-điền với chúng tôi... Nhưng, thiết-tưởng ta nên nói nốt câu chuyện đang nói dở dang. Hiện nay chúng tôi cũng đang cần đến bọn mọi đen của chúng tôi. Vả, bọn họ cũng chẳng có ích gì cho các ngài cả.

«Mà họ chẳng chịu đi theo các ngài xa nào. Rồi đến Bi-nu, tầu đi được độ một ngày, tất họ sẽ bỏ đỗi các ngài. Họ đây toàn là những người Mã-lai-tạ. Họ chỉ sợ những người đường rừng ở Ga-da-ca-na ăn thịt.

«Có lẽ đến Bi-nu các ngài cũng có thể mượn phu khác thay vào thì cũng tạm được, song, đi chừng một hôm, khi đến những chỗ núi non hiểm trở, thì bọn phu ấy tất cũng lại bỏ các ngài đấy mà quay đầu

Khéo nhất!

Sạch sẽ nhất!

Vào một hiệu thợ cạo nhem-nhuốc, dù ai cẩu-thả cũng thấy ghê người; Húi cái đầu mà soi gương coi lem-nhem, dù nhà đạo-đức cũng thấy khó chịu.

Ở Hà-thành, tôi xin giới các ông một hiệu thợ cạo vừa khéo, vừa sạch sẽ lạ, đó là hiệu.

MỸ-LONG

106, Đường Huế, 106

Ai đến đó một lần sẽ thấy rằng không phải tôi giới thiệu càn, và sẽ muốn đến đấy cắt tóc ở đấy mãi.

LE GALANT

về. Họ cũng không muốn để cho những người rừng ăn thịt.

Chàng Vương-bích hỏi:

— Thật ư?

— Điều đó các ngài không cần phải nghi ngờ gì nữa. Ở trung-bộ đảo Ga-đa-ca-na chưa có người nào lần đến thám-hiểm. Những tên người rừng ở đó toàn là bọn tối-giã-man. Ngày nay, suốt trên mặt trái đất, không đâu còn những người giã-man như chúng.

« Riêng tôi, mắt tôi chưa từng thấy một tên nào trong bọn chúng, mà tôi cũng chưa từng nghe ai nói là đã được trông thấy chúng. Không bao giờ chúng lần mò ra bờ biển. Họa hoằn mới có một vài đứa trong bọn chúng mò về đồng bằng, bắt người nào đi bơ vơ một mình mà ăn thịt.

«Người ta chỉ biết lờ mờ về chúng. Chúng không biết hút thuốc lá. Trước đây vài năm đã có một phái-bộ khoa-học người nước Áo đến thám-hiểm đảo này. Khi phái-bộ vừa đi quá vào bên trong, liền bị băm ra từng mảnh. Một người trong bọn sống sót về có thuật lại cái nạn xảy ra. Sau đó, người ta có lập một cái đài kỷ-niệm ở ngay bờ biển, cách đây chừng hai hải-lý.

« Tất cả câu chuyện tôi biết đích, hoặc nghe người ta nói về trung-bộ đảo Ga-đa-ca-na là thế. ».

Chàng Tư-đồ rầu rầu nét mặt nói :

— Xin đa-tạ ngài. Nhưng còn vàng thì sao? Ngài có biết đôi chút về việc đó không?

Chàng Xen-đôn mỉm cười. Hai người khách lặng yên. Chàng nói :

— Khi nào các ngài đi ngược sông Bá-lê-suy-mã được chừng 2 hải lý, các ngài sẽ thấy một thú cát. Đãi cái cát ấy cũng được ít vàng, tôi vẫn thường làm thế luôn. Đi vào tít tận miền núi, tôi chắc thế nào cũng còn có vàng nữa.

Chàng Tư-đồ và chàng Vương-bích, hai người đưa mắt nhìn nhau ra vẻ đắc-ý. Bỗng chàng Tư-đồ la lên rằng :

— Thì ra cái lão Việt-sắc nói đúng thật. Nếu ở Mã-lai-tạ mà các việc đều ổn như thế này thì...

Cô Gian-nê liền hỏi :

— Việt-sắc là ai?

— Là một tên hải-tặc mà tình cờ một hôm chúng tôi đã được gặp. Vả, chính ông Vương-bích đã khám-phá được cái điều bí-mật của hắn...

Xen-đôn tiên-sinh ơi! tiên-sinh chớ nên nghi ngờ gì nữa, trước khi phái-bộ khoa-học người nước Áo, mà ngài nói đó, qua đảo Ga-đa-ca-na, thì đã thấy có vết tích người da trắng rồi :

Chang Xen-đôn nhún vai mà đáp :

— Việc đó thật quả tôi không rõ. Còn mọi đen thì tôi có thể cho các ngài mượn đến Bi-nu. Các ngài muốn mượn mấy đứa tùy ý các ngài. Nhưng, tôi xin nhắc lại để các ngài biết rằng chúng không chịu đi xa quá chỗ đó đâu.

« Tất cả các ngài có bao nhiêu người dự cuộc thám-hiểm và hôm nào các ngài định cử-hành? »

Chàng Tư-đồ nói :

— Tất cả chúng tôi sẽ có chừng 10 người, tôi và chín người nữa.

Chàng Vương-bích nói :

— Vả, ngày kia ngài có thể cử-hành cũng được. Chiều nay thì tầu đến, các đồ hành-lý thì ngày mai ta có thể vừa cho bốc lên, vừa cho sửa soạn sẵn. Còn tầu Mạc-ta thì khi nào mặt giời lặn sẽ cùng tôi khởi-hành.

Hai người khách ra xuống, chàng Xen-đôn bèn nói dỗn với cô Gian-nê rằng :

— Câu chuyện này đáng biên thành một thiên tiểu-thuyết. Chắc cô-nương lấy làm ưng ý lắm. Như thế mới thật viển vông, cái câu chuyện kiếm vàng ở xứ mọi ăn thịt người!...

— Thật là một cái nhan-đề rất xinh xắn của một cuốn sách. Nếu cái nhan-đề ấy mà để như thế này : « *Các nhà đi kiếm vàng ở xứ mọi ăn thịt người* », thì tôi chắc sách bán chạy lắm.

Chàng Xen-đôn lại nói chêu cô Gian-nê rằng :

— Tôi chắc cô-nương nghĩ lại tiếc cái tiền bỏ ra làm đồn-điền chung. Giá cái tiền ấy cứ để bây giờ mà bỏ ra chung vào việc đi kiếm vàng thì hóa hay hơn.

— Nếu tôi mà có cái ý muốn ấy thì tôi chắc chàng Vương-bích vui lòng để tôi qua Mã-lai-tạ, chứ không làm nhiều trò nhơ tôn-ông. Trái lại, tôi dám chắc rằng chàng sẽ vồ ngay lấy cái dịp ấy nữa... Thôi, xin gác những chuyện bông phèng đi. Tôn-ông thử nghĩ xem tư-cách mấy người này ra sao?

— Lão Vương-bích thì chắc chắn ma vui tính. Với hắn, tôi chắc, nếu cần thì có thể tin cạy được. Còn cái anh chàng Tư-đồ thì nhẹ giạ mà chẻo lẻo bề ngoài. Nếu một ngày kia chẳng may tôi có bị đắm tầu lên được một hòn đảo quạnh-hiu mà gặp hai người đó, thì tôi sẽ ở với chang Vương-bích chứ không khi nào tôi chịu ở với chàng Tư-đồ.

— Cô-nương đã từng đọc cuốn sách tên là : « *Truyện vị Nữ-quận-công* », của Bửu-ninh tiên-sinh chưa?

Nàng ra hiệu nhận là có đọc.

— Vậy nếu gác cái vấn-đề giống đực giống cái ra, tôi thấy chàng Tư-đồ tôi lại tưởng đến vị Nữ quận-công đó.

— Đó là một vị nữ-lưu rất trang nhã.

— Cái đó đã hẳn. Một người đàn bà thì được phép trang nhã. Nhưng, một người đàn ông thì không thể thế được. Làm một người đàn ông thì phải biết tự kiềm-soát lấy mình, phải biết suy nghĩ hơn một người đàn bà, mà tính tình không được nóng nẩy như họ. Cái nghĩa-vụ thứ nhất của một người đàn ông là phải cho vững-vàng không cứ về phương-diện thể-nhục hay là về phương-diện tinh-thần. Chứ một nhân-vật như chàng Tư-đồ, thì tôi lấy làm khó chịu lắm.

Ý kiến cô Gian-nê xem ra thì lại khác hẳn ý chàng Xen-đôn. Bẩm-sinh là đàn ông, chàng cũng đã thấy thế, nên chàng hơi có vẻ bối-rối. Chàng sực nghĩ đến cái lúc cô Gian-nê long lanh cặp mắt, chuyện-trò cùng vị khách ở phương xa đến, rồi chàng bụng bảo giạ:

— Quái! quái! Mình đâm ghen rồi chắc? Vì cớ gì cặp mắt của nàng lại không có quyền long lanh? Dù có thế đi chăng nữa, thì việc gì đến mình? *(Còn nữa)*

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình.

Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時

THỜI-HIỀN THI-TẬP

It hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tản-đà thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY !

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thi-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ly)

HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy qui ông qui bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

傘沱書局叢書

TẢN ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (loại Tiểu-thuyết). — . . . 0,20
3. — **Khối-tình con thứ ba** (Thơ ca). — . . . 0,25
4. — **Giấc mộng con thứ hai** . . . . . — . . . 0,25

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Đã đương in : **Đài gương kinh**

Từ 1er Juin này trở đi; các Ngài mua buôn và mua lẻ các sách của Bản-cục in ra trong năm 1932, từ *Thanh-hóa* trở vô tới *Nam-kỳ*, và *Ai-lao, Cao-mên*, xin viết thư về hỏi tại :

M. Vương-đình-Châu

Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam. — Vinh.

kính-cáo.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Enseignement primaire, primaire supérieur, secondaire

LYCÉE LIBRE HONG-BANG

A HANOI

70, Rue Jules Ferry, 70

là trường lớn to nhất (ở Đông-Pháp chỉ có trường này được phép mở đến ban tú-tài) có đủ các lớp; lớp dạy riêng về khoa triết-học, lớp dạy theo lối gửi thơ. Nhận cả lưu học-sinh, tiền học không tính đắt. Giáo-sư Tây, Nam rất có danh tiếng. Quản-đốc : ông LEURET, cử-nhân khoa Văn-chương triết-học, chính sở xã-hội cứu-tế tại phủ Toàn-quyền, đã ra công đào-luyện cho bọn thiếu-niên bên Pháp trong khoảng 30 năm giời, diễn-thuyết hơn 100 lần và đã lập được nhiều hội Cứu-tế khắp trong Nam ngoài Bắc.

Lớp nghỉ-hè đến 27 Juin khai giảng tạm ở trường Chấn-nam số 2 phố Nguyễn-Trãi (Hanoi) cho đến khi chữa sửa xong nhà trường mới. Ai hỏi thể-lệ nhớ đính tem giả lời.

L'Administrateur Gérant : Ngô-Tuức-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí

AN NAM

TẠP-CHÍ

Báo quán : 72, Phố hàng Khoai, Hanoi

Số 48 Giá 0 $ 05 Ngày 9 Juillet 1932

PHỤ TRƯƠNG

An-Nam tạp-chí quảng-cáo

Nguyên vì tôi còn thiếu tiền in Tạp-chí từ khi xưa, số tiền hơn sáu trăm đồng bạc; đến nay do món nợ ấy, thành đến Báo-quán bị biên-tịch.

Nhân sự xảy ra ấy, trong Báo-quán cần phải thu-xếp lại công-việc, lại vì ông NGÔ-THÚC-ĐỊCH, mới bị mệt nặng, cần phải tĩnh-dưỡng, vậy Bản-chí phải tạm nghỉ ít kỳ, khi nào công-việc chỉnh-đốn xong sẽ lại ra tiếp.

Ít lời vắn tắt, mong các quý-độc-giả cùng biết mà lượng thứ cho.

Le Directeur : **NGUYỄN-KHẮC-HIẾU**

SO-SÁNH TIẾNG ANNAM VỚI TIẾNG PHÁP

II

Có khi bốn tiếng thành một chữ :

Chữ Annam không có chữ nào đến 5 tiếng, nhưng chữ Pháp có khi đến 11 tiếng như là : anticonstitutionnellement.

Chữ Pháp thì chữ phức-vận nhiều mà chữ đơn vận ít, còn chữ Annam thì chữ đơn-vận nhiều mà chữ phức-vận ít, có lẽ vì tiếng Pháp ít nên một chữ phải nhiều tiếng để chữ này phân-biệt với chữ kia; nhưng nói rằng tiếng Annam là một tiếng đơn-vận (langue monosyllabique) chúng tôi xin quyết rằng nói sai.

B — Sự thay đổi của chữ. — Chữ Pháp có những thứ chữ hay thay hình đổi dạng, như những chữ danh-từ, quán-tự, chỉ-minh, thế-đại, động-từ.

Chữ Annam thì không có thứ chữ nào thay đổi cả, lại có khi một chữ mà khi thì là danh-từ, khi thì quán-tự, khi thì chỉ-minh, khi thì

thế-đại, khi thì động-từ, khi thì tăng-phụ, khi thì thân-từ, ví-dụ :

Những người làm việc thiện là *thầy* của chúng ta (thầy : danh-từ).

Thầy Tăng-Tử mỗi ngày xét lỗi mình ba lần (thầy : quán-tự).

Học-trò nên siêng-học để đẹp lòng *thầy* (thầy : chỉ-minh).

Thầy ở lại đây, mấy trò không hiểu điều gì, cần phải hỏi thầy (thầy : thế-đại).

Tấm lòng có nhân-nghĩa, nói-phô cho hỏa-nhã, ăn-ở cho thủy-chung, mới có thể *thầy* bọn thiếu-niên anh-tuấn được (thầy : động-từ).

Anh Ba là người tự-mãn, nói phô, đi đứng, *thầy* luôn, (thầy : tăng-phụ).

Thầy ! thầy hôm nay ở nhà, thầy đâu có đến (thầy : thân-từ.)

Còn chữ Pháp thì danh-từ cứ danh-từ, chỉ-minh cứ chỉ-minh, thế-đại cứ thế-đại, động-từ cứ động-từ, v. v. Những chữ Pháp lại hay thay đổi theo giống đực giống cái, số ít số nhiều, ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì, ngôi thứ ba, v. v. Chữ Annam ta thì không thay đổi như vậy nhưng ta có thể thêm những chữ chỉ-minh hoặc những chữ tặng-phụ thời ý-nghĩa cũng tự-nhiên rõ-ràng, vậy « không đổi như thế » cũng không phải là một điều bất-lợi. Những chữ động-từ khác lại thay đổi theo thời-gian, ví-dụ : Je vais, j'allais... thiết-tưởng sự đó cũng là một sự phiền, như chữ An-nam ta muốn nhất-định về phương-diện thời-gian, cứ thêm một vài chữ vào thời ý-nghĩa về thời-gian cũng đoán-định được. Vả lại thời-gian là vô-cùng vô-tận chỉ có tám thì (8 temps) cũng đã đủ được đâu ($\frac{0}{8} = \frac{8}{8}$).

Vậy tiếng Annam ta không chia « véc-bơ » lại cũng không phải là một sự bất-lợi.

Trong động-từ Pháp lại có trực-trần-trọng (mode indicatif), nhĩ-nghị-trạng (mode conditionnel); có ngôi thứ nhứt, ngôi thứ nhì ; ngôi thứ ba. Chữ An-nam ta tuy không theo trạng theo ngôi, nhưng biết dùng chữ mà đặt rõ-ràng thì cũng có thể chỉ trạng, chỉ ngôi một cách phân-minh, đích-xác được. Nói tóm lại sự đổi theo giống đực giống cái, số ít số nhiều, trạng, thời-gian, ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì, v. v., tưởng chữ An-nam không cần gì mô-phỏng hệt như chữ Pháp.

Tự-thể (morphologie) chữ An-nam thì thác-tạp rất nhiều. Như trên đã nói, chữ An-nam không phải là một thứ chữ đơn-vận, vì có chữ hai tiếng, chữ ba tiếng, chữ bốn tiếng, nên câu sau này ta có thể viết như vầy cũng có ý-nghĩa : « Một ngày kia, cô Côngtônnữ'thịhoa, bảo người bạn rằng : « Ngủ dậy ngắcngangắc-nghéo, ăn rồi cứ tửngtừngtưng ; nghĩ hiệnthời đàn bà Annam ta phần nhiều, thật là vôdụng». Nhưng có khi bất-tiện ! Khi nào « lết » cuối chữ trước và « lết » đầu chữ sau đều là những « lết » âm thì ta có thể đọc lộn chữ này qua chữ kia, ví-dụ hai chữ « thụ » « ân », mà viết lại một chữ tất phải đọc « thuận » thế cho nên ta không thể bắt chước chữ Pháp mà viết như cách câu trên đây được. Tuy vậy mà ta có thể dùng cái dấu nối (trait d'union) để làm cho tự-thể chữ ta được phân-minh xác-thiệt hơn. Vậy cái dấu nối là một cái dấu rất quan-hệ trong sự viết quốc-văn ta. (Nhân dịp tôi cũng nên tỏ rằng báo Tiếng-Dân, tạp-chí Kim-Lai, tạp-chí Văn-Học hay sợ-hốt cái dấu nối nhứt ! Xin các ông chủ-bút chú-ý cho).

Chữ ta vẫn nhiều chữ « ô-mô-nim » vì phần nhiều chữ ta từ chữ Hán mà ra, ví-dụ : thi : thi-ca (詩) : thi đua (試) ; thi : thi-thể 尸 ; thi : thi-hành (施); thi : cổ-thi vân vân... Bao nhiêu chữ Hán đọc in nhau mà tự-thể khác nhau. Còn chữ ta đọc in nhau mà tự-thể cũng in nhau. Nhiều « ô-mô-nim » như vậy cũng là sự bất-tiện, nên có người bảo rằng những chữ « ô-mô-nim » trong quốc-văn ta cần phải sửa tự-thể lại để chữ này phân-biệt với chữ kia, thiết-tưởng sự sửa-đổi như vậy là sự phiền-phức vô-cùng, khó-khăn vô-cùng ! Một cái tập-quán gần ba trăm năm, ảnh-hưởng đến gần 20 triệu người, không có thể sửa-sang, canh-cải dễ-dàng như nhời nói được ! Vả chăng, có bất-tiện cho người ngoại-quốc, chớ người An-nam ta, học tiếng mẹ đẻ, sự nhiều « ô-mô-nim » cũng không bất-tiện bao nhiêu. Chúng tôi xin nhắc lại một lần thứ hai, ta không khi nào sợ hốt cái dấu nối là được.

(Còn nữa)

Nguyễn-Hà-Nhân

MỘT Ý-KIẾN VỀ CÁI QUỸ HỘI DỤC-ANH TỈNH NGHỆ

Đọc phiến cảm-hoài của ông Nguyễn-khắc-Hiếu về việc dưỡng-sinh tỉnh Nghệ ở A.N.T.C số 45 ngày 18 Juin 1932, tôi rất có lòng cảm-phục ông Tản-Đà ; một là ông đã khéo phô-diễn mối cảm-tình riêng của ông để giới-thiệu cùng kẻ Bắc, người Nam hội Dục-Anh tỉnh Nghệ-an - ông chủ ý gây thêm giây liên-lạc người trong ba kỳ như ý ông sở-nguyện là làm nặng thêm hai chữ Đồng-bào ra vậy ; hai là : một nhà văn nghèo như ông mà có một tấm lòng làm phúc đích-đáng. Trong các sách của ông xuất-bản, đem bán được, ông sẽ xin trích ra mỗi quyển một xu cúng vào quỹ hội Dục-Anh. Về việc này, những nhà hâm-mộ văn Tản-Đà, mua sách ở Tản-Đà thư-cục, thật cũng được hai điều lợi : trước là mua được văn hay mà ngâm-nga những lúc thư-nhàn, sau cũng là một cách mất đồng tiền đích-đáng là đồng tiền của mình cũng được góp phần giúp ông Tản-Đà làm việc nghĩa.

Nhân tấm gương sáng của ông Hiếu, tôi có ước-ao rằng : giá những nhà làm sách, in sách ở nước ta cũng được giầu lòng nghĩa-hiệp như ông mà làm việc như dứa, thì đết lắm chân ; việc phúc gom-góp mỗi ông một tý lo gì việc lớn chẳng thành.

Vì ông Tản-Đà nay thấy hội Dục-Anh tỉnh Nghệ mới mở cửa, trông có vẻ mỹ-quan, ông rất đỗi mừng. Mừng rồi ông lại lo, lo xa làm sao phải tính cho có một cái tài-nguyên về lâu dài cho hội. Cái mừng của ông rất phải lẽ mà cách lo xa của ông rất đích-đáng.

Phải, ở đời phàm làm việc gì dù lớn nhỏ cần phải biết lo xa, người có biết lo xa mới là người hay làm được việc.

Như công-việc hội Dục-Anh ở Nghệ cũng như các hội Dục-Anh khác, vì cái mục-đích to-tát của nó là việc làm phúc, làm phúc tất phải tốn tiền, vì tiền có tốn nhiều mới mong làm tròn được việc phúc. Ở các hội tập phúc phần chi thì man-mác mà phần thu chỉ mong ở tấm lòng từ-thiện của mấy nhà hảo tâm, hoặc ở Nhà-nước chu-cấp chút đỉnh thì lấy đâu mà cung ứng vào những sự tiêu kia cho đủ mà mong cho hội sống lâu được. Vậy việc chính của hội, bây giờ, sau này, là phải có nhiều tiền để làm việc ; tất ai cũng hiểu thế ! Muốn làm phúc phải làm giầu, tự việc một người đến việc một hội cũng vậy. Nếu chỉ nói không mà cũng xong việc, thì ai cũng là người có phúc đức to tầy đình cả. Khốn nỗi chỉ nói không mà không tiền thì việc gì cũng không thành. Đến khi việc đã thành rồi mà ít tiền thì việc cũng hỏng.

Như ý-kiến của ông Nguyễn-khắc-Hiếu đã hiến hội Dục-Anh cái kế « làm tiền » giúp quỹ cho hội. Nay hội có dư mấy ngàn bạc, ông bàn lập cách đi buôn... buôn kiếm lời để mong cho hội được thịnh mỹ về lâu dài. Tôi đây không dám phản-đối, song tôi thiết nghĩ rằng : Hội mà xin được phép quan trên mở lối buôn bán như ý định của ông Hiếu là... là một việc khó ; lại trong hội mong có những hội-viên nhiệt-thành với hội mà ra tay kinh-doanh giúp cho quỹ hội, mong một ngày một nở-nang, công-việc hội ngày một thịnh-đạt là việc khó hơn nữa, là vì : đương buổi kinh-tế này việc buôn bán rất đỗi khó-khăn ; như thế thì việc buôn dù cố công mà lập thành chăng nữa, cũng không có cơ tiến-phát được là một lẽ. Còn một lẽ quan-trọng hơn nữa là người Annam mình hay có tính a-dua lại thêm cái óc hư-danh. Này hội làm phúc—thấy anh em dủ, ta nể, ta vào hội, mục-đích hội lờ-mờ có cần chi phải biết rõ, làm việc phúc có danh-giá to, có ông quan này, có bà lớn kia lên tiếng, ta cúng dăm ba đồng, được tiếng, ta cúng đi. Thế là ngoài bề mặt phúc đức đã mấy người có cái chân tâm xu-hướng về việc phúc. Còn ở trong hội, một chỗ kém là ta thường trông thấy ít vị hội-viên tận tâm với việc hội, đã trót vào hội rồi, vì anh em ép mãi, nể phải nhận một chân trị-sự, vì nể cho nên công-việc mới thấy bừa-bãi ra hoặc có khi giao-phó cho ông khác cũng nể mà làm giúp thôi, khuấy-khóa qua-loa được việc—làm hộ ấy mà : « Rỗ cơm nhà, việc người » tôi thường thấy nhiều ông, tan buổi hội-đồng về, vẫn phàn-nàn như thế. Vì thế cho nên tính sang đến việc buôn cho hội mấy gặp nhiều chỗ khó khăn thêm mãi ra.

May ra mà gặp được những vị hội-viên sốt-sắng với việc hộ phúc mà ra buôn giúp hội giúp thì tất ta trông thấy ngay rằng : một người làm chẳng nên việc, ắt phải nhiều người góp sức lại. Trong số đông này ông có chân tâm làm việc thì ít, mà ông vị hư tâm, vụ tự lợi thì nhiều. Ta hãy dùng tay vào việc mà coi, lúc chưa có lợi thì đã có tiền hội chi-tiêu ; nào tầu hạng nhì, cao-lâu hạng nhất, ô-tô hòm đi trông kẻo lỡ việc, lúc bàn tính thấy công-việc chạy rầm-rầm. Ông này, tôi làm việc cho hội ; ông kia tôi chỉ thích làm phúc. Rồi ra công-việc thất-bại.—Ấy là vận của hội ! Chắc các ông nói thế. May ra mà phát tài. Thì, ôi thôi ! đâu con vật tham-lam trong mình các ông đã thoan-thoát tỉnh giậy, sui các ông : việc hội, có nhiều tiền đấy. Xoáy đi ! Thế là hỏng. Trước sau vẫn hỏng.

Xem ngay những hội buôn bằng cách hùn vốn để lấy lời cho mấy ông có cổ-phần còn bị cảnh-huống này mà tiêu tán, huống chi lại là hội làm phúc thì lo gì các ông chẳng cho là của «Tam-bảo». Ấy đấy trong những sự đó có biết bao sự khó-khăn.

Tôi giám nói thế không phải là tôi nông-nổi đem lời ước-đoán mà giám phụ các ông có lòng hào-hiệp sắp-xửa sau đây ghé vai ra gánh các việc

buôn giúp hội. Chẳng qua là tôi viện lẽ rằng: mắt tôi đã được trông thấy nhiều hội buôn của người mình, lúc mới thì sốt-sắng om-sòm rồi về sau dần-dần tệ ngắt; kết-cục cũng phải tiêu tan, nên chi tôi chẳng ngại «Nói thật mất lòng» mà bạo dạn giãi bầy mấy lời thô-thiển như trên.

Đến đây tôi cũng không giám quên rằng hội Dục-anh chủ-trương đã có quan Bác-sỹ Lemoine, quan Cai-trị Lagrèze, quan Tổng-đốc Nguyễn-khoa-Kỳ. Thế-lực có, tiền-tài có. Nhưng người mình cũng chẳng nên có tính ỷ-lại quá và phải biết xét ra rằng: các Ngài đối với hội, về công-việc, nhiệm-vụ tất có giới-hạn, mà về tiền-tài, tự hảo tâm thi-thố tất cũng không được quá sức.

Vả tôi xét hội-viên ở Dục-anh phần đông là người An-nam, làm một việc phúc cho bọn cô-nhi Nam-Việt; vì tôi biết thế nên tôi chỉ chú-trọng đến phần người mình hơn cả.

Vậy cứ như lời vừa mới nói trên đây, tôi xin nhắc lại rằng: việc đem số tiền sắm ngân bạc của hội Dục-anh ra buôn bán mong lấy lợi tức mà giúp hội là việc rất khó.

Theo thiển-kiến tôi, tôi xin hiến hội những cách như sau đây, tưởng có phần dễ dàng hơn nhiều lắm:

1°.— Theo công-việc các hội Chí-trí, mở ra các lớp học cho người ngoài vào học lấy tiền. Cũng là một công ông thầy dạy, những cô-nhi tự 8 đến 12 tuổi của hội được cùng trẻ-con ngoài học tập. Như thế là lấy tiền của con nhà giầu giúp con nhà nghèo mà lại dạy cho chúng có cái tình đoàn thể-gây tự lúc măng xữa, lo gì sau này khôn lớn lên ra ngoài xã-hội với nhau, chúng lại không biết thương-yêu nhau ư. Nghĩa chữ đồng-bào tỏ rõ mãi ra, sự phân-biệt giai-cấp chắc có thể chánh khỏi không xảy ra ở xã-hội tương-lai của chúng nữa.

2°.— Hội lập ra những cuộc diễn-thuyết lấy tiền. Hàng tuần hoặc hàng tháng hội mời những quý quan Pháp, Nam, những hội-viên những thân-hào hàng tỉnh, các nơi đến hội-quán diễn-thuyết, hoặc tổ-chức những cuộc diễn-thuyết ở các tỉnh. Diễn-thuyết để lấy tiền giúp hội lại là một cách khuyến-khích người mình chóng biết nói truyện ở chỗ chủ nhân quảng tọa. Tưởng cũng thêm được một điều hay vậy.

3°. – Hàng năm hội xin phép chính-phủ tổ-chức ra những cuộc chợ phiên nho nhỏ, hoặc mở số độc-đắc lấy đồ đạc.

4°. — Lập ra trong thành-phố, hoặc rộng ra nữa ở các tỉnh lân cận những «hộp tiền dục-anh». Hội sẽ xin phép chính-phủ đặt ở các cửa hàng buôn, các ca-lâu, tửu-quán, mỗi nơi một cái hộp gọi là «Hộp tiền Dục-anh» cũng theo lối «hộp tiền giải lao» ở các cửa hàng bên Pháp. Những người mua bán xong xuôi, còn thừa tiền lại, tùy lòng nhiều ít, quyên cho chút đỉnh vào hộp. Cứ một năm hay một tháng ông Thủ-quỹ hội đi mở hộp một lần. Như thế ít góp lại ắt được nhiều. Thành ra ai ai cũng có thể làm phúc được mà bằng một cách rất dễ dàng.

5°.— Lập ở trong Hội một ban đồng-tử-quân. Rồi khi hội cho đi thao diễn ở nơi công-chúng lấy tiền. Vừa được thêm tiền quỹ cho hội lại vừa giậy cho lũ trẻ kia có tính bạo-dạn. Một phần còn con những linh hùng tráng của dân nước sau này cũng có phần hy-vọng vào bọn đồng-tử-quân ấy nữa.

Ấy đại lược các công việc nên làm áng là như thế, còn về phần sếp đặt cho tường-tế và công việc có nên chăng, xin đợi ở các vị hội-viên trong Dục-anh.

Các ông cố lên! Trong Nam, ngoài Bắc nào những ai là người giầu của lại giầu lòng làm phúc?

Phạm-Chương

Các bạn trẻ từ nay đã có chỗ trú chân

Ông **Bùi-cẩm-Chương**, chủ-nhân Trí-đức học-xá (Hanoï) và tờ **Ami de la jeunesse studieuse**, mới mở một chỗ cho lưu-trú học-sinh các tỉnh đến học, trú-sở ở **12, Avenue Beauchamp Hanoï.** Giấy má xin gửi về M. Bùi-quế-Lan.

Con «ngựa người» của Tam-Lang

Mới đây, Tam-Lang bàn nên thay thứ xe «người đạp» vào thứ xe «người kéo». Các ông ấy bàn bỏ lối «đi đôi», Tam-Lang mạnh bạo hơn «lấy» hẳn con «ngựa người», yêu-cầu thay xe đạp vào. «*Ba chiếc bánh cao-su lắp vào một cái dóng bằng sắt, hai bánh để trước, một bánh để sau. Giữa hai bánh trước đặt một cái rổ mây vào. Sau lưng rổ dựng một cái cần cao để làm cọc chống đỡ lấy cái mui, vành sau rổ lắp một cái tay xe cho người ngồi đạp đằng sau cầm lái*». Đấy, cái thứ xe «người đạp» Tam-Lang muốn đem cống-hiến các ngài.

Theo như lời Tam-Lang, thứ xe đó đã được chạy khắp châu-thành Thượng-hải. Riêng ý tôi nghĩ, thì ở Thượng-hải tất có nhiều nạn xe cộ, vì dùng thứ xe đó có phần nguy-hiểm cho người kéo và người ngồi xe. Các ngài thử tính, một cái xe đạp người đạp lại ngồi đằng sau, cái mui đằng trước che kín hẳn người ngồi đạp thì tất-nhiên lúc lái hay lúc tránh, cái bác «thợ đạp» đó chắc chẳng trông thấy xe cộ đi đằng trước mà lái, mà tránh, sự nguy-hiểm không sao tránh được. Xe «đạp người» tất-nhiên không giống như thứ xe đạp để chở hàng, vì người ta ngoài cái ngọc-thể khoảng ngoài bốn chục ki-lô ra, lại còn có cái tầm-thước cao gần 2 thước. Chả nhẽ đập bẹp thân-thể con người ta ra mà cho vào chỗ ngồi cho gọn, như thế nó chẳng có cái lý-thú gì, vì các ngài có cố uốn bộ chân cho khít vào đôi giầy hay «nện» chặt đầu trong cái mũ dạ chật, các ngài còn làm được chứ đem ngọc-thể đập bẹp ra thì các ngài chẳng cho phép nào. Đấy tôi nghĩ lẩn-thẩn thế thôi, ông Tam-Lang bàn xem cách nào tiện, ta bàn chung.

Lý-đình-Dù

Y-HỌC

THUỐC BỔ

Có người nói: « Không thể bỏ được thuốc Bắc (Tàu) vì thuốc Tàu có nhiều vị bổ như Sâm-quy, Thục-thược v. v. Thuốc Nam không có lấy gì thế vào được, mà bảo rằng bỏ thuốc Tàu chẳng nông nổi lắm sao! » Chúng tôi vẫn biết thế, nhưng nào chúng tôi có hô hào bỏ hẳn thuốc Tàu đâu; chúng tôi chỉ hô-hào chấn-hưng thuốc Nam một là phải tìm kiếm các vị thuốc của mình có thể thay được thuốc Tàu, bớt được tý nào hay tý ấy, hay là biệt-lập lấy một phương thuốc Nam để giúp dân quê nghèo, khi cấp-cứu.

Vẫn biết thuốc Nam hiện bây giờ ít có vị bổ như thuốc Tàu, nhưng biết đâu sau này có công tìm kiếm chẳng có hay sao. Tôi chắc cũng có. Nếu các ngài không ra công kê-cứu thời của trước mắt các ngài cũng chẳng thấy.

Vả các ngài lo không có thuốc bổ là lo ngọn mà không lo gốc. Gốc là lo phải có thuốc chữa bệnh cho thần-hiệu bách phát bách trúng. Vậy thuốc chữa bệnh thuốc Nam tưởng cũng có lắm phương linh-hiệu lắm, ta không thể nhắm mắt bỏ qua được.

Người ta ai cũng ở theo phép vệ-sinh thì được khỏe-mạnh luôn ít khi ốm đau mà có mắc bệnh, cũng qua-loa rồi khỏi, có khi không cần phải thuốc chi hết. Đến lúc đau ốm, được thuốc chữa bệnh hiệu-nghiệm thì khỏi ngay: Đau khỏi ngay thì lục phủ ngũ tạng không hư, khí huyết không kém, ăn uống lại như thường, thời sức khỏe vẫn như cũ. Thân thể khỏe mạnh ăn được ngủ được thì ai còn cần đến thuốc bổ làm gì cho cay, cho đắng, cho tốn tiền.

Thân ta nhỏ dạ dầy ta bé, mỗi ngày ăn ba bữa: sớm cháo sôi, trưa chiều cơm thịt rau đậu. Ăn như thế tưởng cũng đã bổ chán rồi còn cần gì bổ nữa. Xem như giống bò thân to bụng lớn, khỏe mạnh bằng mấy ta, có lẽ nó phải ăn bằng mấy ta mới được thế. Nhưng nào nó có ăn gì, sớm tối chỉ có đồng cỏ, mà cỏ có ra hồn cỏ, có được tốt tươi như đồng cỏ chăn nuôi bên Âu-Tây đâu. Bò đã khỏe mà sữa lại tốt, sáng sáng ta còn vắt tranh sữa của con nó mà uống. So-sánh như thế, thì ta hiểu nghĩ ra sao!

Thường ngày ta ăn đồ bổ tốt như thế, ví với bò tưởng đã quá nhiều lắm rồi, còn cần gì phải tranh với bò con, uống sữa của nó, còn can gì tìm những cao lương mỹ vị, những sâm nhung làm chi nữa; hay muốn tẩm bổ cho to bằng bò sức lực như bò. Những người không hay làm chỉ hay tẩm bổ, vẫn phát phì, cái bụng to tướng nhưng có khỏe đâu, mệt nhọc lắm, cả ngày ành-ạch, bước đi không nổi, nhất là về mùa nóng-nực này, ngồi đàn thở đó. Như thế thì tẩm bổ làm gì cho mệt tội! Có khi bổ lắm lại sinh bệnh, bệnh tích trệ, bệnh đờm.

Trị những bệnh ấy chỉ vài liều thuốc tiêu, để tống những cái dư bổ tích chứa trong ruột, nạo bớt mỡ bớt đờm đi, thì lại khỏe nhẹ ngay. Thuốc tiêu lại chỉ thuốc Nam mới công hiệu.

Thuốc bổ cũng cần, cần cho người không biết quý-trọng tấm thân vàng ngọc, chơi liều chơi lĩnh, để hao tổn suy-nhược, cần cho người vốn sinh đã yếu hèn, chứ không thật cần thiết cho dân quê nghèo cực tám phần dân quê nghèo cực chỉ cần thuốc chữa bệnh dản-dị, ít đồng tiền, nhiều công-hiệu, chóng khỏi để chóng đi làm ăn.

Vậy xin các ngài nên nghĩ đến tính-mạnh 8 phần dân nghèo mà ra công kê-cứu siêu-tập các cây thuốc Nam, các bài gia-truyền mong cho thuốc Nam chóng được chấn hưng, chóng có kết-quả tốt tươi thì may biết chừng nào! Hữu ích biết bao!

Còn thuốc bổ có càng hay, không có cũng không sao. Nhưng lẽ nào lại tịnh không, cái gì cần trước phải lo trước mới là người chi-cơ thức-thời mong chọn-vẹn đôi đường ngay một lúc. Thật khó lắm thay!

Phó-đức-Thành

Cộc!

Giải thi xe đạp đường-trường 600 kilomètres (Paris — Bordeaux) mới đây về tay một người nước Bỉ là Romain Gijssels.

Mới đầu ra đời, anh thi ở Flandre lấy tên là Ghyssels — tức là tên anh ta thêm một chữ **h** và bỏ một chữ **i** đi vậy.

Đến khi anh ta thành một nhà quán-quân, anh ta lại bỏ nốt chữ **h** mà đặt tên quách ra là Gyssels. Mới đây, anh ta lại thêm một tên nữa: Gijssel. Dần dần anh ta nghĩ thế nào không biết, lại bỏ nốt chữ **j** mà đặt tên anh ta là Gissel, hay là Gisel (bỏ hẳn một chữ **s**).

Thế-giới văn-minh, cái tên con người ta cũng văn-minh nốt. Ngay như nước Nam nhà mình, « thả » ra cũng được một vài « *tên* » văn-minh. Một cái thí-dụ:

Hoàng-tích-Chu

H.tich-Chu

Trong tờ tạp-chí này kỳ trước, lại có ông bàn « nên hi-sinh nốt hai chữ *ch* », ma viết:

H. tichu

Riêng ý tôi, một chữ *h* cũng đủ, ta « hi-sinh » nốt chữ *h* kia:

H.ticu

« Xin ông sớm thôi đi!: tôi can! tôi xin! tôi van! tôi chờ: »

. . . . . .

Bạn nhỉ!

Nó đáng giận lắm, cái đời này!

Lỳnh-Dù

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Cùng ông Nam-Đán

Thơ « ngày xuân tương-tư »

(*Tiếp theo số 46*)

Hai bài thơ họa của tôi, cứ như lời đàm-phán của ông Nam-Đán, vậy thời là ông nhận sai nghĩa của đầu bài, vì ông nhận rằng ba bài đó chỉ là của một người làm ra, cho nên ông thấy trùng-phức mà như lủng-củng không ra làm sao vậy. Nay muốn nói để ông Nam-Đán thật rõ nghĩa, trước xin đặt một câu ví dụ nhỏ-nhen rằng:

Ví như có người ngồi buồn mà chia bài đánh tổ-tôm một mình, tự mình lên phần bài trước nhất, đánh một quân, rồi xếp lại đấy; lại lên phần thứ hai, ăn quân đánh của phần trước mà lại đánh ra quân khác, rồi lại xếp để đấy; lại lên phần thứ nhất, phỗng quân bài của phần kia đánh ra . . . Như vậy xem ra, thời người đánh bài tuy có một, mà phải nhận là hai chân bài, không thể bảo quân đánh quân ăn, vẫn là chỉ ở một tay vậy. — Ông Nam-Đán nhận sai nghĩa đầu bài, cho người xướng với người họa tức là một, cho nên lời đàm-phán của ông về hai bài thơ họa ấy, toàn-nhiên sai lầm. Nay xin làm một sự giảng-giải rất minh-bạch; lời hoặc phiền nhũng, mong Độc-giả lượng cho.

1. — Bài họa thứ nhất, đề rằng:

« *Tự họa bài ra số 30* »

(Theo xuôi vần)

Trọng bài làm, toàn-nhiên là trách mắng bài trước.

Hai câu *nhất, nhị*:

Trách quần con tằm với sợi tơ!
Nhớ ai? mà lắm nỗi sầu-tư!

Tức là đối với hai câu *nhất nhị* của bài nguyên-vận mà trách-mắng rằng: Việc gì ma trách quần đến con tằm với sợi tơ! Nhớ ai mà tương-tư buồn-bã lắm như thế!

Hai câu *tam, tứ*:

Muốn đi tửu-quán chừng không bạn!
Ngó lại văn-đàn cóc có thơ!

Là ý chế-rưỡu rằng: chừng vì hai cớ buồn đó, cho nên sinh ra sầu-tư.

Hai câu *ngũ, lục*:

Tóc bạc đã nên ông cụ thế!
Đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa!

Là ý trách-mắng rằng: người đã già rồi, mà còn vẫn nhớ gái!

Hai câu *thất, bát*:

Thuyền nan sông cái, con tầu bể,
Bờ bến nào đâu đã đến chưa?

Là ý trách-vấn rằng: chỉ ngồi tương-tư hão, không nghĩ đến bổn-phận! như công-việc An-nam tạp-chí, mấy phen chìm nổi, đã làm đạt mục-đích hay chưa?

Ấy tám câu ý nghĩa là thế. Cho nên chữ ký tên tuy cũng là « **Tản-Đà** » mà thực là đứng cái địa-vị người thứ hai, lấy khách-quan mà nói lại với bài trước, tỏ lời trách mắng; lại cũng thấy như người bạn chí-thân, cho nên lời tuy trách-mắng mà ngẫm ra có vẻ đùa vui vậy. — Nếu vì chữ tên ký, mà nhận bài họa ấy với bài nguyên-vận, cùng là ý thơ của một người, vậy thời là lầm.

2. — Bài họa thứ hai, đề rằng:

« *Họa bài họa trên đây* »

(Theo ngược vần)

Tức là lại đứng cái địa-vị người làm nguyên-vận, đối với bài họa trước kia, cãi lại các lời-lẽ.

Hai câu *nhất, nhị*:

Hỡi giống đa tình đã biết chưa?
Tơ tằm vương mãi tự ngày xưa.

Tức là đối với câu thứ nhất ở bài trước mà giảng cho người họa kia biết rằng: không phải là sự *trách quần*, nguyên con tằm, sợi tơ, đối với thân-thế của Tác-giả thực có ran-ríu từ trước. Chữ « *tằm* » đó là lấy ở những câu thơ đã in ra từ những năm 1916, 1918, như « *ruột tằm rút mãi chưa thành kén,— tơ tằm nhử tớ mối văn-chương.* » Tiếc rằng ông Nam-Đán không đọc qua đó mà thôi.

Câu thứ ba:

Gió mưa bốn bể hồn theo bạn.

Ấy là đối với chữ « *chừng không bạn* » ở câu *ba* trong bài họa trước và câu *năm* trong bài ấy trách là sự nhớ gái, mà nói tỏ ra rằng: không những là không có bạn, mà rất là nhiều bạn, bạn ở cả bốn bể, cho nên tưởng nhớ mà hồn theo. Những người bạn nhớ đó, cùng nhớ nhau trong cuộc gió mưa, thời sự nhớ không phải nhớ gái vậy.

Câu thứ bốn:

Vàng ngọc trăm năm túi nặng thơ.

Chính là đối với chữ « *cóc có thơ* » mà đáp lại. Vì lời họa kia bảo là *cóc có thơ*, cho nên đáp lại rằng: không những là có rất nhiều thơ, mà thơ lại rất hay. Ấy chỉ là đối với chữ « *cóc có thơ* » mà cũng nói khích lại, tỏ ra lời người bạn thân cùng đùa nhau mà không phải là nghĩa *tự-phụ* vậy.

Câu thứ *sáu*, hai chữ « *sầu-tư* », biết rằng chưa thoát ra tiếng ta, cho nên ở trên có chữ « *nỗi* ».

Hai câu *thất, bát:*

Thuyền nan sóng đánh, tầu than hết;
Dương cột giây buồm một sợi tơ.

Tức cũng vì đối với hai câu *thất, bát* ở bài họa kia mà đáp lại, vì lời họa kia trách-vấn về việc Tạp-chí, cho nên đây giả lời lại rằng: Thuyền nan thì sóng đánh, mà tầu thì than hết, cho nên bờ bến chưa đến được, hiện còn đương phải buộc giây buồm bằng một sợi tơ.— Chữ « tơ » dùng trong câu đây, một là vì sự bắt-buộc phải họa vần; hai là hình-dung cái tình-trạng ưu nguy của Tạp-chí; ba là nhân thấy bên nhà ông Ngô-thúc-Địch đương cân tơ. — Nguyên báo-quán An-nam ở phố Hàng-Khoai, cùng với nhà ông cử Ngô-thúc-Địch đối cửa nhau, mà tiền giả nhà in về việc Tạp-chí thực có trông ở sự cân tơ bên nhà ông Cử. Cho nên tức cảnh mà hạ vần, lời tuy như khôi-hài mà nghĩa thời rất thiết-thực vậy. Chớ như ông Nam-Đàn nhận về nghĩa *Nghiêm-tử-Lăng*, sợi tơ giúp vạc nhà Hán; tôi dẫu không được hẳn là thi-nhân, đâu có viển-vông và hủ-bại đến thế?

Ấy ba bài thơ cùng xướng họa nhau, *nghi* ý nghĩa của các bài như thế. Nếu ông Nam-Đàn lại có lời đàm-phán, sẽ xin lại có lời thưa sau.

Tản-Đà

Kỳ tới sẽ có bài giảng-tập của ông giáo Phạm-văn-Nghị về bài thơ « Vịnh bà Triệu ».

Văn-Đàn

THƠ

Họa lại bài «Gửi cho cô con gái ế chồng» trên A. N. T. C. số 41 của Hải-Vân

Đây chẳng lo chi sự ế chồng.
Nào ai trách quấn bởi Thiên-công.
Muộn mà đẹp phận còn hơn sớm...
Có phải hờn duyên lại quá không.
Được kẻ tài cao lòng giả dối,
Mà ai học rộng tính chơi ngông.
Phòng thu quyết đợi người tri-kỷ,
Dẫu hết trăm năm chẳng hận lòng.

Trường-Xuân
Vientiane

Vịnh bàn thăng-quan mặt trái vẽ bàn cờ

Ai chung tài trí cả vào đây,
Quan *mặt bên kia,* **tướng** *mặt này.*
Pháo mã còn đương tung thế trận,
Cân đai rồi cũng nhẹ đường mây.
Sơn-hà khi đã gồm văn-vũ,
Khanh-bá xem cho nở mặt-mày.
Đã sẵn quân-quyền cùng tước-lộc,
Khi nên cũng dễ rở bàn tay.

Đinh Huy-Bạo

Họa thơ vịnh bức tượng con gái bằng đá trắng trong nhà bác-cổ.

Nỡ hỏi chi nhau giả nấy đồng?
Vì dù đây bán dám mua không?
Đá vàng tạc gửi người kim cổ,
Xin nguyện nằm chờ với núi sông.

Vịnh nàng My-Ê

Một mảnh xiêm nghê, một tấm lòng,
Một giời, một nước, một dòng sông.
Nghìn năm chìm nổi cương-thường lệ,
Đắm thiếp, chàng ơi! có thấu không?

Lý-nguyên-Bách
Đ.H.H. sao lục

LỤC BÁT

Thất tình

Cái cò *mừng* nước đục lầm;
Con đom-đóm *giận* đêm rằm có giăng:
Cá ngòi *muốn* đớp sao băng;
Sông Ngân Chức-nữ, Ngưu-lang *buồn* tình;
Vui lòng chú vạc ăn mình;
Ghét đàn chim cú trên cành kêu thương.
Lắng tai nghe xuốt canh trường,
Yêu con tiếng hát buồn vàng nỉ-non.

Ngọc-tỉnh-liên

Trả lời Thơ gởi cho bạn

Yêu nhau chẳng đặng gần nhau,
Để thương để nhớ để sầu cho ai.
Thương ta, ta lại thương người,
Ta thương người lại gấp mười thương ta.
Nhớ người, người cũng nhớ ta,
Nhớ ta, ta nhớ bằng ba bảy người.
Sầu tây khôn tả nên lời,
Lòng ta người biết, dạ người ta hay.
Cùng nhau tình nặng nghĩa dày,
Xa nhau âu cũng có ngày gần nhau.

Q. Tấn
Dalat

PHONG-THI

Anh em một khúc ruột liền,
Anh ơi, sao nỡ tham tiền hại tôi?
Rồi đây cát lở sóng bồi,
Tôi ngồi tôi khóc, anh ngồi anh ăn!

* * *

Nhờ em anh cũng muốn lên.
Cái áo thì rách, đồng tiền thì không.
Chồng em ông ký, ông thông,
Nhà em gác tía lầu hồng nguy-nga.
Ước gì anh có áo hoa,
Có tiền mua cháu đồng quà lên chơi.

Ngọc-tỉnh-liên

DỊCH PHÁP VĂN

La chaumière frappée par la foudre

Lorsque le laboureur, regagnant sa chaumière,
Trouve le soir son champ rasé par le tonnerre.
Il croit d'abord qu'un rêve a fascine ses yeux.
Et, doutant de lui-même, interroge les cieux.
Partout la nuit est sombre, et la terre enflammee.
Il cherche autour de lui la place accoutumée
Où sa femme l'attend sur le seuil entr'ouvert;
Il voit un peu de cendre au milieu d'un desert.
Ses enfants demi-nus sortent de la bruyère,
Et viennent lui conter comment leur pauvre mère
Est morte sous le chaume avec des cris affreux;
Mais maintenant au loin tout est silen cieux.
Le misérable écoute et comprend sa ruine,
Il serre, désolé, ses fils sur sa poitrine;
Il ne lui reste plus, s'il ne tend pas la main,
Que la faim pour ce soir et la mort pour demain.
Pas un sanglot ne sort de sa gorge oppressee;
Muet et chancelant, sans force et sans pensée,
Il s'assoit à l'écart, les yeux sur l'horigon.
Et, regardant s'enfuir sa maison consumée,
Dans les noirs tourbillons de l'epaisse fumée,
L'ivresse du malheur emporte sa raison.

Alfred de Musset

Sét đánh nhà gianh

Chàng thợ cày chiều về nhà lá,
Thấy ruộng, nhà, sét phá sạch không,
Trước còn ngỡ giấc mơ-mòng,
Ngẩn-ngơ quáng mắt nhìn xong kêu giời.
Khắp bốn phía bầu giời đen tối,
Chàng tìm quanh những lối ngày xưa.
Dưới hiên vợ hé cửa chờ:
Bây giờ lặng-lẽ còn trơ tro tàn.
Lũ con dại vội-vàng sốc-xếch,
Trong bụi cây ra mách cùng cha:
Tử-thương đòi-đoạn mẹ ta,
Lúc này quạnh-quẽ xa xa thấy gì!
Chàng khốn-nạn vận suy thảm-thiết,
Ẵm lấy con ôm ghịt vào lòng.
Một còn hành-khất cho xong,
Đói chiều chết sớm, còn hòng kêu ai?
Cổ họng nghẹn khôn bài nấc-nở,
Trí phân-vân hơi thở rã-rời.
Ngồi thừ nhìn mặt trông trời.
Trông trời, mây khói xa khơi mấy làn.
Mấy làn khói; đống than nhà nát,
Lửa lòng còn thiêu đốt tâm can.
Nghĩ ra luống những bàng-hoàng,
Một cơn thảm-họa, tram đường ngẩn-ngơ.

Ruy-Bảo

TIN VẮN

NƯỚC NHÀ

— Gần 2000 dân-phu thất-nghiệp người Bắc vừa ở Phú-quốc ra tới Saigon, thì lại một toán khác ở Bình-thuận kéo vào Saigon. Toán sau hơn 300 người, toàn là anh em bị trận thiên-tai bão, lụt vừa rồi.

— Làng Phai-môn (phố Kỳ-lừa, vùng Lạng-sơn) có người đàn-bà Thổ sinh-hạ ba con giai, sổ ra hai lần trong hai ngày; bốn mẹ con đều khỏe mạnh cả. Người này sinh đẻ lần này là lần thứ mười một. (tin riêng — của ông Nguyễn-đình-Minh).

— Phóng-viên báo Echo de Paris, M. Robalde Lapomarède, đến Huế có phỏng-vấn cụ Phan-bội-Châu về tình-hình trong xứ.

— Vì nhà lao chật, nhân lúc yên-tĩnh, trong Nghệ-an có 8 người được ân-xá. 8 người này mỗi người trước bị kết án 3 năm khổ sai về vụ hội-kín.

— Cô Trần-thị Tuyết-Vân bị cáo là có chân trong hội-kín, mới đây phải bắt ở Hà-tĩnh. Cô đã thú-nhận. Hiện nay cô Tuyết-Vân phải giải ra Huế.

— Sở bưu-điện Saigon mới bắt được mấy người tòng-sự bóc trộm tem thư gửi sang Pháp, còn thư hủy đi. Rõ quân khốn-nạn !

XIÊM

Xiêm-hoàng đã cho giải-tán Nội-các cũ, trong có 5 ông Hoàng. Xiêm-hoàng lại đem điện Parus kawars tặng Nguyên-lão nghị-viện để làm nơi hội họp, và tặng cả vườn Saramomaya và nhiều đài tạ khác cho đảng Dân-chúng.

TRUNG-HOA

— Học-sinh Trung-Hoa tại Nam-kinh biểu-tình bách viên chủ-tịch Trung-ương đại-học-đường và quan Học-bộ tổng-trưởng phải từ-chức.

— Hàng-không bộ-trưởng Hoàng-Bỉnh-Hành định mua 500 máy bay đánh trận và 200 máy bay luyện-tập, lập thêm một xưởng chế-tạo máy bay.

— Về việc cách chức M. Fakumoto, giám-đốc sở quan-thuế tại Đại-liên, chính-phủ Nhật có gửi công-điệp kháng-nghị chính-phủ Nam-kinh về việc đó.

— Mã-chiến-Sơn lấy lại được thành Thông-Bắc. 6 vạn quân nghĩa-dũng chia đường tiến đánh Thẩm-dương. Bản-trang lo giữ Thẩm-dương đánh điện về Đông-kinh xin thêm viện-binh.

PHÁP

— Quan tổng-trưởng bộ thuộc-địa A. Sarraut được Hàn-Lâm-Viện ban 10.000f, giải thưởng cuốn sách « Servitude et grandeur coloniales » của ngài.

— Gorguloff đến hôm 25 Juillet sẽ phải ra trước toà Đại-Hình.

ĐỨC

— Hai tờ báo Vorwaerts và Koelnische Volkszeitung, vì bài-bác kịch-liệt chính-sách tài-chánh của nội-các và thái-độ ông Von Papen tại Hội-nghị Bồi-thường, nên đã bị đình-bản 5 ngày.

— Nhân dịp đám ma một viên cộng-sản bị đảng Xã-Hội giết chết, dân-chúng biểu-tình, cảnh-sát can-thiệp, 3 người chết, 7 người bị thương.

— Mấy hôm nay, Đảng-viên đảng Hitler quấy rối lung-tung, cướp phá hội-quán các liên-đoàn, xung đột với cảnh-sát, đánh nhau với đảng Cộng-sản. Có nhiều người chết và bị thương.

Bà con Hưng-Yên !
Anh em Phủ-Khoái !

Làng Lạc-Thủy phút chốc hoá thành đám tro tàn, bao nhiêu gia-đình già trẻ gái giai không cơm không áo ! Đáng khen tấm lòng vàng của ông Cai-Tích đã bỏ ra bao nhiêu nửa lá thóc gạo trần-cấp cho người làng — tuy ông cũng bị thiệt mất 20 gian nhà lá, — song sự trần-cấp ấy chỉ là giọt nước trong đám lửa hồng thôi.

Thì buổi này, đồng tiền lạc quyên rất hiếm, mà trước mắt người giàu lòng từ-thiện, việc cứu-cấp đồng-bào Trung-kỳ như có cần-kíp hơn.

Vậy thì nạn-dân Lạc-Thuỷ còn trông vào ai, nếu chẳng trông vào anh em hàng phủ, hàng tỉnh ? Hôm trước, anh em trí-thức phủ Khoái đã dục-dịch tổ-chức diễn kịch, cớ sao lại thôi ? Một việc lương-tâm bảo không nên bỏ ! Một việc bổn-phận bắt phải làm !

Một tiếng gọi, « máu chảy ruột mềm » bà con tỉnh Hưng ta ?

Đ. H. H.

Gà sống nuôi con

Cái câu nói ấy ai ngờ mà có thực. Ở Phủ Khoái (Hưng-Yên), nhà ông Chiêu mua được đàn gà con mất mẹ, đem nhốt chung một bu với con gà sống thiến ở nhà. Nào ngờ con gà sống ấy thương lũ gà con, săn-sóc đến lũ vật mồ-côi như con mình vậy. Nó cũng kiếm mồi nuôi đàn gà con như gà mái, cũng gọi, cũng ấp-ủ như thế, mà khi một con chó đi qua, nó cũng sù lông ra mổ chó để che-chở cho đàn gà con.

Một cái lạ chưa từng thấy.

Triệu-quang-Phục

« Ông Triệu-quang-Phục, tức Triệu-Việt-Vương, là một người trước đây mấy nghìn năm, — khi nước ta còn nội-thuộc Tàu, — đã từng khởi-nghĩa ở quận Chu-duyên, đánh đuổi được tướng tham-tàn nhà Lương là Tiêu-Tư, khôi-phục được giang-sơn tổ-quốc, vẻ-vang cho lịch-sử nước nhà. . . »

Đấy là mấy lời nói đầu trong cuốn « *Triệu-quang Phục* » (Việt-Nam danh-nhân liệt-truyện) do hai ông *Dương-tự-Giáp* và *Đặng-đức-Tô* biên-thuật, *Nhữ-Hùng ấn-thư-cục* xuất-bản.

Bất-tất phải nói tới giá-trị của quyển truyện đó các bạn độc-giả của A.N.T.C., khi đọc xong « mấy lời nói đầu » trên kia, hẳn cũng không bỏ qua một cuốn sách có ích về sử nước nhà.

« *Triệu-quang-Phục* » giá có 0$40 thôi.

NGUYỆT-HỒ

Mấy trang nhật-ký
của TÔ-QUÂN

11 Août 1925

Đêm thất-tịch, Ngưu-lang sùi-sụt,
Ngọn kim-phong thổi lọt bức chăn cù.
Buồn vì thu . . . . .

Thật tôi chưa biết cái buồn nào bằng cái buồn đêm thất-tịch mà một mình nằm ôm gối nhìn hạt mưa rơi ngoài cửa sổ. Đêm đã lạnh, cơn gió thốc ngoài hiên còn lạnh-lùng hơn . . . giọt lệ vợ chồng Ngâu vẫn thi nhau thánh-thót.

Hôm nay ráp mặt Nguyệt-Hồ, dung-nhan cũng không khác gì dung-nhan bốn năm về trước, duy vóc liễu không được đầy-đặn như năm xưa. Còn gì là hình-hài nữa, ngày đêm chỉ quanh-quẩn bên giường người chồng ốm, đá sắt cũng phải chảy mồ-hôi, huống chi là nàng thân bồ vóc liễu. . . Anh Thu-Khanh ốm nặng thật. Lúc tôi vào thăm anh, người anh trông kém sút quá, duy còn đôi mắt vẫn giữ cái tình yêu nồng-nàn đối với tôi, tôi, người bạn cũ của anh.

Thu-Khanh ốm, ốm nặng, song tôi có lẽ còn ốm hơn anh; vì anh ốm về phần sác, còn tôi, tôi ốm về phần hồn. Phần hồn tôi ốm, ốm nặng, đã trong bốn năm nay, trong bốn năm Nguyệt-Hồ kết bạn với Thu-Khanh.

Nguyệt-Hồ đối với tôi không phải là người tình xưa thì ngày nay, tôi đối với Nguyệt-Hồ cũng chỉ là người bạn cũ. . .

Đứa con anh Thu-Khanh, Thu-Nhi, năm nay đã lên ba, trông ngoan quá, cả ngày nó chỉ quấn-quít với tôi. Mà nó còn theo ai được nữa, cậu nó ốm, mợ nó thì bận-bịu cả ngày, quanh-quẩn trong nhà chỉ còn tôi với nó.

Trong nhà có người ốm đã buồn, mà ngoài đường vẫn mưa tầm mưa tã . . . giọt lệ vợ chồng Ngâu vẫn thì nhau thánh-thót, đêm đã lạnh, cơn gió thốc ngoài hiên lại lạnh-lùng hơn. . .

. . . thổi lọt bức chăn cù,
Buồn vì thu, tê-tái cũng vì thu,
Trách ai, ai rắc (hat) xương mù...
. . .xương mù chiều hôm.

12 Septembre 1925

Hơn một tháng ở Hưng-yên rồi.

Hôm nay, tôi xin phép vợ chồng Thu-Khanh để trở vào Huế. Thu-Khanh giữ lại, Thu-Khanh còn có câu truyện riêng muốn nói với tôi, tôi lại đành ở lại.

Nhưng ở lại mà một người bạn ốm, ở lại mà còn trông thấy Nguyệt-Hồ thì tôi cũng không muốn ở lại một hôm nào cả. Chả nhẽ, Thu-Khanh giữ tôi ở lại mà tôi lại đành rứt áo ra đi . . . nhưng than ôi! bệnh-tình Thu-Khanh tuy đã đôi phần thuyên-giảm mà sao «bệnh tình» của tôi ngày ngày cứ bồng-bột mãi lên.

17 Septembre 1925

Hồ ơi, có nhớ ta chăng?
Ta về ta nhớ bóng trăng dưới hồ.
Mặt hồ. . . . . .

Đêm nay trăng tròn. Trông thấy lũ trẻ cầm đèn chơi tết Trung-thu, tôi lại nhớ lại hồi tôi còn lên năm lên ba, hồi đó tôi xung-xướng, xung-xướng như anh Mộng-Hà trong cuốn Tuyết-Hồng lệ-sử.

«Mộng-Hà! Mộng-Hà!
« Nhớ còn khi lên năm lên ba,
« Kẻ yêu người quí như ngọc như ngà,
« . . . Mà nay lưu-lạc phong-trần mãi thế này a!

Xưa nay tôi vẫn ghét cái tình của anh Mộng-Hà, tôi vẫn cho cái tình của anh Mộng-Hà là một cái tình để « du hồn » những người yêu mộng, mà không hiểu sao ngày nay tôi lại thương cái cảnh của Mộng-Hà.

Mộng-Hà nhỉ!
Ta với ngươi cùng hội,
Ngươi với ta cùng vương-vấu mối tình-thương.
Cùng đoạn-trường
Ngươi với ta cùng mối đoạn-trường.
Cùng nhau vướng cái tình-trường
ngươi với ta
Ta với Mộng-Hà!

Nghĩ cũng lạ. Đành rằng cuộc đời là một khúc huyền-ca, bi-thương có, khoái-lạc có, song thương vì ai? khóc vì ai? luân-lạc vì ai? mà vương-vấu quanh mình ai những ai ai? Đành rằng cõi đời không phải cõi mộng, song xưa kia, cái mối tình-đoản của tôi có phải là giấc mộng đối với ngày nay? Mà cái trường-hợp của tôi ngày nay có phải là một giấc mộng đối với xưa kia? Một quãng thời-gian, bốn năm chia đôi, nửa trên cũng là mộng, nửa dưới cũng là mộng, mà biết đâu rằng bốn năm tôi đang ôm mối tình ngắc-ngoải bên núi Ngự sông Hương cũng là một giấc mộng?

. . . . Đêm nay trăng tròn. Tôi trông thấy con thuyền xa xa bập-bềnh trên ngọn sóng, tôi chợt nhớ tới con thuyền xa xa năm nào. Con thuyền hôm nay đang vùng-vẫy trên làn nước bạc, mà con thuyền năm xưa đã khuất vào bóng tối của thời-gian. Con thuyền năm xưa trong bóng tối, con thuyền năm xưa trong bóng trăng....

. . . . bóng trăng dưới hồ.
Mặt hồ sóng gợn lô-nhô.
Sóng ơi! có nhớ chuyến đò năm xưa?

2 Novembre 1925

Hôm nay, tôi lại ráp mặt Nguyệt-Hồ. Nàng hốt-hoảng chạy lại nhà tôi nói rằng bệnh-tình Thu-Khanh nguy-kịch lắm, và mời tôi lại ngay. Tôi vội-vã khoác cái áo vào mình rồi chạy tới nhà Thu-Khanh.

Thu-Khanh vừa mới tỉnh lại, thấy tôi ra hiệu cho tôi ngồi bên cạnh anh. Người anh mệt quá, hồi lâu anh mới nói được vài câu, nói người nhà lui cả ra ngoài buồng, anh muốn nói truyện với tôi. Lúc người nhà ra khỏi, mắt anh nhắm lịm lại, anh thở rốc ra một hồi rồi mới mở mắt ra nhìn tôi. Anh nắm lấy tay tôi, ứa nước mắt khóc. Tôi cố nén, cầm khăn chùi mặt cho anh, vội kiếm lời an-ủi:

— Anh cứ yên-tâm, việc gì mà khóc. một vài tuần rồi anh khỏi, việc gì mà khóc.

Thu-Khanh cố hết sức ngồi giậy, song sức kiệt lại đành vật mình xuống giường, ra hiệu không cho tôi nói nữa. Hồi lâu, dần dần lại sức, Thu-Khanh nắm chặt lấy tay tôi, nhoẻn miệng cười rồi nói :

— Tôi sắp chết. Anh đừng ngắt lời tôi, anh cho tôi nói hết lời đã. Vâng, tôi sắp chết, nhưng chết đi, tôi cũng được an lòng... vì tôi sắp trả lại cái hạnh-phúc cho hai người mà tôi yêu quí nhất trong đời tôi. Anh đừng ngắt lời tôi, để tôi nói, tôi nói mấy anh lần cuối cùng.... Anh Tô, tôi người bạn yêu của anh, tôi, cái tôi sắp chết đây, tôi đã là một thằng ích-kỷ, một kẻ có tội. Anh hãy nghe lời tôi.

Hôm đó tôi đi làm về. Tôi vẫn nhớ tới ngày hôm đó, ngày 25 Février vừa qua. Tôi đi làm về. sớm hơn mọi hôm. Nhà vắng cả, tôi lên gác định thay quần áo. chợt thấy cửa tủ của Nguyệt-Hồ bỏ ngỏ, tôi định đóng thì một tập giấy không biết vì sao ở trong đó rơi ra. Tôi còn giữ đây, tôi để tập giấy đó dưới gối tôi nằm đây. Đây tôi trả anh, tôi trả anh vì đây là mấy bức thư anh viết cho Nguyệt-Hồ bốn năm về trước.

Anh đừng khóc, anh khóc làm gì? Anh không phải là người có tội. Chỉ tôi, tôi đây mới là người có tội, có tội đối với hai người tôi yêu quí nhất trong đời tôi, anh và Nguyệt-Hồ... Tôi yêu Nguyệt-Hồ, tôi không biết Nguyệt-Hồ có yêu tôi không, tôi lấy Nguyệt-Hồ. Trời ôi!... Tôi làm hại một đời Nguyệt-Hồ! Tôi đã làm hại một đời Nguyệt-Hồ. Không, không, tôi không biết, nếu tôi biết...

Trời ôi, nếu tôi biết thì cái hạnh-phúc của anh và Nguyệt-Hồ, tôi không nỡ cướp không cái hạnh-phúc đó giữ riêng về phần tôi. Anh ôi, ngày nay tôi chết đi, thật là đáng lắm...

Cha mẹ tôi mất sớm, cha mẹ Nguyệt-Hồ cũng không còn. Tôi chết đi, Nguyệt-Hồ bơ-vơ thân gái góa, thân gái góa với đứa con thơ... Than ôi! Nguyệt-Hồ! Nguyệt-Hồ rồi đây ra sao?

Anh đừng khóc, anh xem tôi tôi có khóc đâu, tôi, tôi, một thằng sắp chết. Anh đừng khóc...

Thu-Nhi năm nay mới lên ba, Thu-Nhi mới lên ba mà đã thành một đứa trẻ không cha. Nếu tôi có khóc, tôi khóc vì tôi thương Thu-Nhi... Thu-Nhi, con tôi.

Tô-quân, anh ơi! Ngày trước, lúc đôi ta còn học với nhau tại trường Bảo-Hộ, tôi có hứa nếu tôi có con, tôi sẽ cho con tôi làm dâu, làm rể nhà anh. Ngày nay, tôi chết đi, Thu-Nhi còn đó, anh nuôi Thu-Nhi hộ tôi, anh coi nó như một đứa con đẻ của anh Anh thương lấy nó, anh yêu lấy nó, nếu anh còn thương, anh còn yêu người bạn của anh, cha nó. Anh anh nhận lời tôi rồi à, anh nhận lời nuôi nó rồi à, anh... anh nhận lời. Trời ôi! Tôi xung-xướng quá, anh nhận nuôi nó rồi. Thu-Nhi, con tôi, con tôi đã có anh nuôi nó rồi. Tôi yên-tâm nhắm mắt rồi... rồi, rồi dưới chín suối tôi phù-hộ cho anh.

Tôi xung-xướng quá, con tôi đã có bố, tôi lại sắp trả... trả Nguyệt-Hồ cho Tô-quân. Kia, anh, anh từ chối; không, không.... anh yêu Nguyệt-Hồ, Nguyệt-Hồ yêu anh, tôi muốn lúc tôi nhắm mắt tôi trả lại hạnh-phúc cho anh và Nguyệt-Hồ.

Anh, anh, anh hãy nghe lời tôi. Nguyệt-Hồ còn trẻ, Nguyệt-Hồ yêu anh... anh yêu lấy Nguyệt-Hồ, anh yêu lấy Nguyệt-Hồ...

12 Décembre 1925

Ai gây nên khúc Bạch-Đầu,
Nghìn năm.....

Tôi trở vào Huế với Thu-Nhi. Gió lạnh quá, tôi phải đóng cánh cửa kính trên xe hỏa lại, rồi lấy thêm chăn đắp cho Thu-Nhi. Trận mưa vẫn không rứt hạt, ngoài cánh cửa kính hạt mưa bay như kéo thêm cái lạnh vào quãng đêm tối âm-thầm...

Đã tám hôm rồi. Thu-Khanh mất đã tám hôm rồi. Hạt mưa bay ngày hôm nay có lẽ thấm qua mảnh ván gỗ mà tưới ướt người thiên-cổ. Khốn-nan, Thu-Nhi vẫn chưa biết gì, nó vẫn tưởng cậu nó đi chơi xa vắng. Thu-Nhi vẫn đinh-ninh cậu nó đi chơi rồi về mua cái «xe đạp nhỏ tí» cho nó. Thỉnh-thoảng, Thu-Nhi vẫn nhắc: Cậu em về, cậu em mua cái xe đạp cho em cơ! — Thu-Nhi còn bé quá.

Thu-nhi còn bé quá, mà biết bao nhiêu nông nỗi đắng cay muốn như chực ôm chầm vồ sé lấy mảnh tim non của nó. Bố Thu-Khanh chết đi mới được ba hôm, thì Nguyệt-Hồ cũng bỏ nó ra đi, đi đâu?

Thu-Nhi vẫn nhỏ nhẻ nói với tôi: «Mợ em đi vắng, mợ em yêu em lắm, mợ em ôm vào lòng rồi mợ em nói em rằng mợ em đi tìm cậu em mua cái xe-đạp nhỏ tí cho em cơ».

Than ôi! Thu-Nhi biết đâu ngày nay Thu-Khanh đã là người thiên-cổ, mà Nguyệt-Hồ đã thi-phát nơi cửa thuyền...

«Trời ôi! Nguyệt-Hồ không muốn sống trong cõi trần-tục, Nguyệt-Hồ muốn sống trong cảnh thần-tiên. Nguyệt-Hồ ra đi đây, anh ạ. Anh yêu lấy Thu-Nhi, anh nuôi Thu-Nhi cho khôn nhớn, đấy là tình của anh đối với Nguyệt-Hồ».

Trước khi nàng ra đi, nàng còn viết cho tôi như thế, mà sao ngày nay, nàng không cho tôi một lời nào nữa. Nàng đi đâu?

Quanh mình tôi, Thu-Khanh mất đi, Nguyệt-Hồ đi mất, thế-giới đối với tôi có cũng như không. Tôi tưởng tượng như bao nhiêu thây ma đều đứng cả giậy, đứng cả dậy để quay... quay cái trái đất tôi đang sống đây, quay... quay trái đất vào một bãi tha-ma tăm-tối.

Tôi vẫn biết, biết mà. Nguyệt Hồ không sao lấy tôi được nữa. Thân gái góa đành ôm khối mộng-tình chôn cái ngày xanh vào khúc Bạch-Đầu réo rắt.

... khúc Bạch-Đầu?
Nghìn năm để não để sầu...
... để sầu cho ai?

Vũ-Lang

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hang Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

CÒI CHỪNG
ĐỒ GIẢ MẠO

Chúng tôi chỉ có thể cam đoan được với các ngài rằng thứ kem ớt nào có hiệu "**ngôi sao**" mới chính là chúng tôi làm ra.

Tổng cục tại Hưng-Yên
Thư từ và mandat xin đề
Chấn-Thành Hưng-Yên
NGUYỄN-CẢNH-LÂM & Cie
Phát-minh ra kem ớt trước nhất đã được nhiều người khen ngợi.

HỒNG-KHÊ
DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế Hanoi
Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時
THỜI-HIỀN THI-TẬP

It hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là «*Thời-Hiền Thi-tập*». Vậy có lời xin phép các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tân-đà thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :
VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điểm.
PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điểm.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ty)
HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy quí ông quí bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

Khéo nhất !

Sạch sẽ nhất !

Vào một hiệu thợ cạo nhem-nhuốc, dù ai cẩu-thả cũng thấy ghê người ; Húi cái đầu mà soi gương coi lem-nhem, dù nhà đạo-đức cũng thấy khó chịu. Ở Hà-thành, tôi xin giới-thiệu các ông một hiệu thợ cạo vừa khéo, vừa sạch sẽ lạ, đó là hiệu

MỸ-LONG

106, Đường Huế

Ai đến đó một lần sẽ thấy rằng không phải tôi giới-thiệu càn, và sẽ muốn đến đấy cắt tóc ở đấy mãi.

LE GALANT

Ảnh Phóng đại Mỹ

Từ nay các ngài không cần phải gửi đi xa mà cũng được ảnh rất đẹp vì đã có người mình chuyên môn làm rất khéo, giá lại rẻ tiện cho các ngài không phải chờ đợi lâu. Dù ảnh đã cũ mờ hoặc sứt lỡ cũng có thể làm lại được như mới. Các ngài còn có thể thay đổi Fond : như trắng đen, salon, paysage v. v, hoặc thêm bớt người như : 2 người ở hai ảnh làm chung vào một, nửa người cả người mà không thể ai ngờ được.

Giá một bức ảnh phóng-đại 30×40 cả khung kính 5$00.

Khổ ảnh	Không khung	Có khung	
24×30	2$00	3$50	Làm couleur tính thêm 30% postal 50%
3 ×40	3, 00	5, 00	
40×50	4, 50	6, 50	
50 60	5, 00	7. 00	Những ảnh đã mờ hoặc sứt lỡ tính thêm 1$00.
60 1m	8, 00	12, 00	

Khung ảnh làm bằng gỗ lát — teck đánh vernis tampour theo kiểu mới, có rất nhiều kiểu để, để treo ảnh sous verre từ 24×30 trở xuống. Các ngài muốn dùng theo kiểu catalogue xin đính thêm cả timbre 5 cents.

Ở xa các ngài gửi kinh ảnh hoặc muốn thương lượng điều gì xin đề về :

PHOTO PIERRE NINH

175, Avenue Paul Doumer — HAIPHÔNG

Téléphone 426

Mới có làm nhà chụp kiểu mới, lấy được nhiều ánh-sáng rất đẹp.

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm, nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG

114 Hàng-Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh-thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt. tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lan nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa-dì) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

L'Administrateur Gérant : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

Imp. TRỊNH-VĂN-BÍCH — HANO